

*Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!*

**V.I.LÊ-NIN**

TOÀN TẬP

27

# V.I.LÊ-NIN

TOÀN TẬP

27

*Tháng Tám 1915 - tháng Sáu 1916*

Những tác phẩm của V.I.Lê-nin trong tập này in  
theo bản dịch của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HÀ NỘI - 2005

© Nhà xuất bản Tiến bộ, 1980

10102-204

л ————— 474-81      0101020000

016(01)-80

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Khẳng định chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động là vấn đề có tính nguyên tắc đối với cách mạng Việt Nam; là bước phát triển về nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta trong công cuộc đổi mới, quyết tâm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu mọi mặt do công cuộc đổi mới đất nước mang lại trong những năm qua thật đáng trân trọng và khích lệ, đồng thời đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Với tinh thần đó, việc tìm hiểu, nghiên cứu có hệ thống và vận dụng sáng tạo những tư tưởng, những tinh hoa của chủ nghĩa Mác – Lênin là vô cùng quan trọng và cấp thiết đối với chúng ta hiện nay.

Đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu lý luận của đông đảo bạn đọc, đặc biệt là của các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên các trường đại học, nhân kỷ niệm 135 năm ngày sinh của Vladimira Ilích Lênin (22 - 4 - 1870 – 22 - 4 - 2005), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản Bộ sách quý *V.I. Lênin – Toàn tập* gồm 55 tập và 2 tập Tra cứu.

Bộ sách *V.I. Lênin – Toàn tập* ra mắt bạn đọc lần này được xuất bản theo đúng nguyên bản của Bộ *V.I. Lênin – Toàn tập*, tiếng Việt, do Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội hợp tác với Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcova, xuất bản vào những năm 70 – 80 thế kỷ XX.

\*

\* \*

Tập 27 này bao gồm những tác phẩm của Lênin viết từ

tháng Tám 1915 đến tháng Sáu 1916, phản ánh tình trạng gay gắt, quyết liệt mâu thuẫn giai cấp thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản. Chỉ ra tính chất ăn bám, thối nát bởi sự ra đời các tổ chức độc quyền, sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, Người khẳng định: Chủ nghĩa đế quốc là đềm trước của cách mạng vô sản và khả năng tất yếu cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở một nước tư bản chủ nghĩa. Lênin cương quyết chống lại chủ nghĩa cải lương, xét lại chủ nghĩa Mác của các tư tưởng gia tư sản, tiểu tư sản; đồng thời chuẩn bị lý luận cho cách mạng xã hội chủ nghĩa sắp nổ ra.

Các tác phẩm trong tập này, Lênin tập trung nghiên cứu về chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh đế quốc, đưa ra nhiệm vụ phải đoàn kết lại các lực lượng cách mạng trong Đảng Dân chủ - xã hội trên lập trường cách mạng của quốc tế vô sản, chống chủ nghĩa xã hội - sôvanh và phản bội chủ nghĩa Mác, tăng cường hoà bình dân chủ, mở rộng các hành động cách mạng của quần chúng, coi vấn đề dân tộc thuộc địa, liên minh công nông là bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nội dung những tác phẩm chính trong tập này được phân tích khá toàn diện trong phần *Lời tựa* in ở đầu sách, do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin (Liên Xô) viết cho lần xuất bản bằng tiếng Việt.

Phần Phụ lục và các Bản chỉ dẫn (với những số trang tương ứng của phần nội dung trong tập) ở cuối sách được trình bày hết sức khoa học và chuẩn xác; đây là phần tra cứu rất bổ ích, góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề trong nội dung tác phẩm, giúp bạn đọc hiểu sâu sắc hơn tư tưởng của V.I. Lênin.

Chú thích cuối trang bằng dấu (\*) là của V.I. Lênin; chú thích bằng chữ số Ả-rập <sup>(1)</sup> là của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (trước đây).

Hy vọng Bộ sách sẽ là tài liệu nghiên cứu và tham khảo bổ ích cho bạn đọc.

Tháng 8 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

## LỜI TỰA

Tập hai mươi bảy trong V.I.Lê-nin Toàn tập gồm các tác phẩm viết từ tháng Tám 1915 đến tháng Sáu 1916, thời kỳ quyết liệt nhất của cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa 1914 - 1918.

Cuộc chiến tranh này là sự tiếp tục của chính trị của các nước đế quốc chủ nghĩa bằng thủ đoạn khác, thủ đoạn bạo lực; chủ nghĩa đế quốc đã sản sinh ra cuộc chiến tranh này, và ngược lại, cuộc chiến tranh này lại làm cho tất cả những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc tăng lên và trở nên cực kỳ gay gắt. Lợi ích của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân đòi hỏi phải phân tích bản chất kinh tế và chính trị của chủ nghĩa đế quốc; nếu không thì không thể lãnh đạo đúng đắn phong trào cách mạng, không thể đấu tranh có kết quả chống lại hệ tư tưởng của thế lực phản động đế quốc chủ nghĩa và chống lại chính sách thoả hiệp của phái cải lương.

Việc nghiên cứu chủ nghĩa đế quốc là trọng tâm công tác lý luận của Lê-nin trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất. Từ lâu trước khi chiến tranh nổ ra, trong các tác phẩm của mình Lê-nin đã nêu lên những hiện tượng mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Trong các tác phẩm viết vào những năm 1915 - 1916, đã được đăng trong báo "Người dân chủ - xã hội", Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, trong tạp chí "Người cộng

sản" và trong tạp chí "Vorbote" ("Người tiên khu"), cơ quan ngôn luận của phái tả Xim-méc-van, và có in trong tập này, Lê-nin nêu lên nhận định về những hiện tượng riêng của chủ nghĩa đế quốc, làm sáng tỏ cuộc đấu tranh giành thị trường, chính sách thuộc địa, sự áp bức các dân tộc trên thế giới của một dúm cường quốc đế quốc chủ nghĩa, tình trạng các mâu thuẫn giai cấp trở nên ngày càng gay gắt, và Người chứng minh rằng những điều kiện để quá độ bằng cách mạng lên chủ nghĩa xã hội đã chín muồi.

Lê-nin đã nghiên cứu một cách toàn diện chủ nghĩa đế quốc trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", một tác phẩm có tính chất kinh điển của Người, tác phẩm này là kết quả của một sự nỗ lực lớn lao và căng thẳng. Lê-nin đã nghiên cứu và khái quát một khối lượng lớn tài liệu về những vấn đề kinh tế và chính trị hết sức khác nhau của chủ nghĩa đế quốc, phân tích một cách có phê phán những tài liệu lấy từ hàng trăm cuốn sách, bài báo, cuốn sách nhỏ, những tập thống kê xuất bản bằng nhiều thứ tiếng thuộc nhiều nước khác nhau. Những tài liệu chuẩn bị dùng để viết cuốn "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" gồm khoảng 50 tờ in và sẽ được in trong tập kế tiếp, tập 28.

Tác phẩm của Lê-nin "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" chiếm vị trí trung tâm trong tập này. Trong tác phẩm này, Lê-nin tổng kết sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thế giới trong nửa thế kỷ kể từ khi bộ "Tư bản" của Mác ra đời. Dựa vào những quy luật phát sinh, phát triển và suy tàn của chủ nghĩa tư bản do Mác và Ăng-ghen tìm ra, Lê-nin lần đầu tiên phân tích một cách khoa học và sâu sắc bản chất kinh tế và chính trị của chủ nghĩa đế quốc. Tác phẩm của Lê-nin là sự tiếp tục phát triển hơn nữa lý luận của chủ nghĩa Mác về chủ nghĩa tư bản, làm phong phú lý luận đó bằng học thuyết về giai đoạn tột cùng và là giai đoạn chót của chủ nghĩa tư bản: chủ nghĩa đế quốc.

Khái quát những hiện tượng mới trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới, Lê-nin chứng minh rằng trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc, tất cả mọi mâu thuẫn vốn có của xã hội tư bản chủ nghĩa đều tất yếu phải trở nên ngày càng gay gắt. Người nhận định chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám, thối nát, rầy chết và vạch rõ những điều kiện dẫn tới sự diệt vong của nó, tính tất yếu và sự cần thiết phải thay thế chủ nghĩa tư bản bằng một chế độ xã hội mới, tiến bộ — chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc mà bản chất kinh tế là sự thống trị của các tổ chức độc quyền và của tư bản tài chính, mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa, tức là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của nền sản xuất và hình thức chiếm hữu tư nhân, trở nên cực kỳ gay gắt.

Sự đối kháng giữa lao động và tư bản ngày càng gay gắt thêm. Sự thống trị của các tổ chức độc quyền, của bọn đầu sỏ tài chính càng làm bộc lộ rõ rệt hơn tính chất phản nhân dân, tính chất ăn bám của chủ nghĩa tư bản, càng tăng cường ách áp bức của tư bản và đồng thời cũng làm tăng thêm lòng căm phẫn của giai cấp công nhân, của các dân tộc bị áp bức đối với chủ nghĩa tư bản. Lê-nin nhận định chủ nghĩa đế quốc là hệ thống áp bức thuộc địa khắp thế giới và là hệ thống bóp nghẹt bằng tài chính của một dúm các nước đế quốc chủ nghĩa đối với đại đa số dân cư trên trái đất. Việc lật đổ chủ nghĩa tư bản, việc quá độ bằng cách mạng lên chủ nghĩa xã hội đang trở thành một tất yếu bức thiết. Trên cơ sở phân tích một cách khoa học các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn tột cùng của nó, Lê-nin đã đi tới kết luận rằng *chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa*. "Điều này, — Lê-nin viết trong lời tựa cho những lần xuất bản cuốn sách của mình bằng tiếng Pháp và tiếng Đức vào năm 1920, — đã được xác nhận từ năm 1917, trên quy mô toàn thế giới" (tập này, tr. 394).

Tác phẩm của Lê-nin "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" đã luận chứng về mặt kinh tế cho học thuyết về cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong khi phát triển và lập luận cho những nguyên lý thiên tài lần đầu tiên được trình bày vào tháng Tám 1915 trong bài "Bàn về khẩu hiệu Liên bang châu Âu", (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 443 - 448), Lê-nin chứng minh rằng sự phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc sẽ dẫn đến chỗ làm cho cách mạng ở các nước khác nhau không xảy ra cùng một lúc. Người đã đề ra học thuyết về khả năng chủ nghĩa xã hội thoát tiên có thể thắng lợi ở trong một nước tư bản chủ nghĩa. Sức mạnh và sức sống vĩ đại của học thuyết của Lê-nin về cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được kinh nghiệm của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác chứng minh.

Trong cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên-xô đã được Đại hội XXII của đảng thông qua, có nhấn mạnh rằng sự phân tích và những kết luận của Lê-nin về những quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn tột cùng của nó đang được tình hình thực tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại chứng thực. Những hiện tượng mới trong sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc là: những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa đế quốc ngày càng trở nên sâu sắc hơn, những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa đế quốc mà Lê-nin đã chỉ ra vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển. Đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền hiện đại là: sản xuất và lưu thông ngày càng tập trung vào tay bọn đầu sỏ tài chính; các tổ chức độc quyền lớn nhất tập trung tuyệt đại bộ phận sản xuất xã hội; một nhóm nhỏ những tên trùm tư bản sử dụng — toàn quyền sử dụng, không ai kiểm soát — toàn bộ của cải của thế giới tư bản chủ nghĩa do lao động của nhân dân tạo ra. Sự phản động về chính trị trên tất cả mọi mặt, điều mà Lê-nin coi là đặc trưng quan trọng nhất của chủ nghĩa đế quốc,

đang tăng lên; tư bản độc quyền đã xác lập được nền chuyên chính của mình đối với xã hội. Tính chất ăn bám và sự thối nát của chủ nghĩa tư bản đang tăng thêm, điều này bộc lộ đặc biệt rõ rệt trong việc quân sự hoá nền kinh tế, trong việc kìm hãm sự phát triển của các lực lượng sản xuất. Nét đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc hiện đại là: tình trạng phát triển không đều và có tính chất nhảy vọt ở các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng tăng lên, cuộc đấu tranh để giành giật thị trường tiêu thụ, phạm vi đầu tư tư bản, nguồn nguyên liệu và để phân chia lại thế giới vẫn tiếp tục ngày càng gay gắt thêm.

Cuộc sống thực tế đã hoàn toàn chứng thực ý kiến của Lê-nin nhận định chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản. Những mâu thuẫn sâu sắc và gay gắt hiện đang xói mòn và huỷ hoại nền tảng của chủ nghĩa đế quốc, tất yếu sẽ dẫn chủ nghĩa đế quốc tới chỗ suy yếu và diệt vong. Sau khi chủ nghĩa tư bản bị lật đổ ở Nga và một loạt nước khác ở châu Âu và châu Á, sau khi hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa tư bản bắt đầu sụp đổ thì chủ nghĩa đế quốc bước vào thời kỳ suy tàn, nó đã mất hẳn quyền lực đối với phần đông nhân loại. Hiện nay hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là yếu tố quyết định hướng phát triển chủ yếu của lịch sử nhân loại, nó đang ngày càng giành thêm được những thắng lợi mới trong cuộc thi đua với chủ nghĩa tư bản.

Tác phẩm của Lê-nin "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", một tác phẩm được viết ra nhằm chống lại các nhà tư tưởng tư sản và tiểu tư sản, những kẻ theo chủ nghĩa cải lương và những kẻ theo chủ nghĩa xét lại, là vũ khí chiến đấu trong cuộc đấu tranh chống lại các "thuyết" hiện đại của những kẻ bênh vực chủ nghĩa đế quốc. Việc Lê-nin phê phán những kẻ biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc đã góp phần vào việc vạch trần và đập tan hệ tư tưởng của những kẻ hiện nay đang bênh vực tư bản, những kẻ miêu tả chủ nghĩa đế quốc như là "chủ nghĩa tư bản nhân

dân" cách tân, như là một xã hội không có giai cấp, trong đó các nhà tư bản dường như đã trở thành những người lao động, còn công nhân thì đã trở thành những người sở hữu (cùng chiếm hữu) các xí nghiệp và được các nhà tư bản chia lợi nhuận. Tình hình thực tế đã hoàn toàn chứng thực sự phê phán của Lê-nin đối với cái thuyết của bọn biện hộ "sự dân chủ hoá" tư bản bằng cách phát hành những cổ phiếu nhỏ. Lê-nin đã chứng minh một cách hùng hồn rằng việc một số người lao động mua được những cổ phiếu nhỏ không hề làm suy yếu, mà trái lại còn tăng cường sự thống trị của tư bản lớn; món lợi do việc phát hành những cổ phiếu nhỏ đem lại chui vào túi của bọn đầu sỏ các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa, và "sự dân chủ hoá" việc chiếm hữu những cổ phiếu mà bọn theo chủ nghĩa cải lương ca tụng "thật ra chỉ là một trong những phương pháp tăng thêm uy lực cho bọn đầu sỏ tài chính" (tập này, tr. 439).

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại chứng minh tính chất đúng đắn kết luận của Lê-nin nói rằng chủ nghĩa đế quốc tuyệt nhiên không loại trừ được tình trạng vô chính phủ trong sản xuất và những cuộc khủng hoảng. Khi bác bỏ những lý luận cải lương - tư sản về việc chủ nghĩa đế quốc chuyển hoá thành chủ nghĩa tư bản "có tổ chức" và "có kế hoạch", Lê-nin viết: "Nói rằng các các-ten thủ tiêu được những cuộc khủng hoảng, đó là câu chuyện hoang đường của những nhà kinh tế học tư sản vẫn cố hết sức tô điểm cho chủ nghĩa tư bản. Trái lại, tổ chức độc quyền được thành lập trong *một vài* ngành công nghiệp, lại làm cho tình trạng hỗn loạn, vốn có trong *toàn bộ* nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, tăng lên và trầm trọng thêm" (tr. 413). Điều này đã được cuộc sống thực tế hoàn toàn xác nhận.

Nhận định của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước có một ý nghĩa quan trọng đối với cuộc đấu tranh chống lại những kẻ hiện nay đang bảo vệ chủ nghĩa đế quốc. Những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản, những kẻ theo chủ nghĩa

cải lương và những kẻ theo chủ nghĩa xét lại miêu tả chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước hiện đang phát triển rộng rãi trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc tựa hồ như là chủ nghĩa xã hội. Trong thực tế, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước không làm thay đổi bản chất của chủ nghĩa đế quốc; nó càng làm cho những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản thêm trầm trọng, càng khiến cho sự ngăn cách giữa lao động và tư bản, giữa nhân dân và các tổ chức độc quyền thêm sâu sắc.

Quá trình xã hội hoá sản xuất dưới hình thức chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước tự nó không tạo ra được chế độ xã hội chủ nghĩa. Lê-nin đã chỉ rõ rằng chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước chỉ có nghĩa là sự chuẩn bị những điều kiện vật chất để quá độ bằng cách mạng lên chủ nghĩa xã hội, là sự xây dựng bộ máy quản lý kinh tế có tính chất xã hội, kiểm kê và kiểm soát công việc sản xuất và phân phối sản phẩm, một bộ máy mà giai cấp vô sản có thể sử dụng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi. Chủ nghĩa xã hội, Lê-nin viết, là bước tiến sắp tới từ chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; đối với chủ nghĩa Mác cách mạng thì đó là lý lẽ chứng minh cho điều này: cách mạng xã hội chủ nghĩa sắp nổ ra, cách mạng xã hội chủ nghĩa là điều bức thiết và là điều có thể thực hiện được.

Nhiều tác phẩm in trong tập này được viết ra để phân tích cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, vạch trần tính chất đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến tranh đó. Lê-nin lập luận và tuyên truyền những khẩu hiệu bôn-sê-vích về việc làm cho chính phủ đế quốc chủ nghĩa nước mình thất bại trong cuộc chiến tranh, về việc biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến nhằm thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Những tai họa mà cuộc chiến tranh trút lên vai những người lao động, đã làm cho tinh thần cách mạng của quần chúng phát triển mạnh thêm. Ở tất cả các nước tham chiến đều diễn ra sự tập hợp lực lượng của giai cấp công nhân,

lòng phẫn nộ của họ tăng lên. Sự sục sôi cách mạng trong quần chúng tăng lên, những hành động phản đối chiến tranh, việc binh lính bắt tay thân thiện trong các chiến hào, những cuộc đình công và biểu tình của công nhân, — tất cả những cái đó nói lên rằng hoạt động đấu tranh cách mạng của quần chúng đã bắt đầu. Việc quần chúng nghiêng về phía tả là cơ sở để diễn ra những hoạt động đấu tranh ngày càng nhiều hơn và ngày càng mạnh hơn của phái đối lập cánh tả trong các đảng xã hội chủ nghĩa chống lại ban lãnh đạo chính thức theo chủ nghĩa xã hội-sô-vanh và theo phái giữa. Sự phân hoá trong nội bộ các đảng xã hội chủ nghĩa thành cánh hữu xã hội - xô-vanh và cánh tả theo chủ nghĩa quốc tế cách mạng đã trở nên mãnh liệt hơn và rõ rệt hơn. "Trên toàn thế giới, — Lê-nin viết trong bài "Phân liệt hay thối nát?", — thực tế hiện đang có hai đảng. Hiện nay, thực ra đã có hai quốc tế" (tr. 378).

Những văn kiện của đảng bôn-sê-vích do Lê-nin soạn thảo vào thời kỳ đầu cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm đánh giá theo quan điểm mác-xít cuộc chiến tranh này và luận chứng cho sách lược của các đảng dân chủ - xã hội cách mạng, có một tác dụng to lớn trong việc đoàn kết về mặt tư tưởng những phần tử theo chủ nghĩa quốc tế trong phong trào công nhân quốc tế. Những tác phẩm in trong tập hai mươi bảy của bộ Toàn tập phản ánh hoạt động rộng lớn không mệt mỏi của Lê-nin nhằm đoàn kết những phần tử cách mạng trong các đảng xã hội chủ nghĩa, phản ánh cuộc đấu tranh của Người vì chủ nghĩa quốc tế vô sản, nhằm thành lập Quốc tế III, Quốc tế cộng sản, phản ánh sự tuyên truyền trong phong trào công nhân quốc tế những nguyên tắc mác-xít cách mạng, lý luận và sách lược cách mạng của đảng vô sản.

Các tác phẩm in trong tập này như thư "Gửi Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế (I.S.K.)", những bài "Bước đầu", "Những người mác-xít cách mạng tại Hội nghị xã hội chủ

nghĩa quốc tế họp ngày 5 - 8 tháng Chín 1915" đã đánh giá cuộc Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất họp tại Xim-méc-van và tổng kết hội nghị. Lê-nin nhận định Hội nghị Xim-méc-van là một bước đầu trong sự phát triển của phong trào quốc tế chống chiến tranh.

Việc đoàn kết những người quốc tế chủ nghĩa phái tả trên những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác cách mạng có những khó khăn lớn. Phái tả Xim-méc-van do Lê-nin tổ chức ra tại hội nghị là một phái không thuần nhất; trong phái tả Xim-méc-van chỉ có những người bôn-sê-vích do Lê-nin đứng đầu mới giữ lập trường cách mạng triệt để. Tại hội nghị, nhóm đại biểu cánh tả tập hợp chung quanh Lê-nin đã hành động nhất trí về tất cả mọi vấn đề; xung quanh nhóm này bắt đầu hình thành phong trào của những người quốc tế chủ nghĩa ở tất cả các nước.

Những tài liệu in trong tập này cho ta hình dung được khối lượng công tác lớn lao của Lê-nin nhằm đoàn kết phái tả trên cơ sở lập trường cách mạng trong thời kỳ giữa Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất họp ở Xim-méc-van và Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai họp ở Ki-en-tan và chính ngay tại hai cuộc hội nghị đó. Do kết quả công tác mà Lê-nin và những người bôn-sê-vích tiến hành trong thời gian giữa hai cuộc hội nghị, cũng như tại Hội nghị của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng tiến hành vào những ngày 5 - 9 tháng Hai 1916, cánh tả tại Hội nghị Ki-en-tan đã tỏ ra mạnh hơn so với hồi ở Hội nghị Xim-méc-van, đã hành động đoàn kết nhất trí hơn. Mặc dù Hội nghị Ki-en-tan không chấp nhận những luận điểm cơ bản của phái bôn-sê-vích về các vấn đề chiến tranh, hoà bình và sách lược của giai cấp vô sản, nhưng nó cũng đã góp phần thúc đẩy những phần tử theo chủ nghĩa quốc tế tiếp tục tách ra và đoàn kết lại; về sau những đảng cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa đã nảy sinh ra chính là từ những phần tử đó.

Trong các tác phẩm in trong tập này, trước tiên là trong bài "Chủ nghĩa cơ hội và sự phá sản của Quốc tế II", Lê-nin vạch rõ bản chất của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh là chủ nghĩa cơ hội hoàn chỉnh, chỉ cho thấy rằng chủ nghĩa xã hội - sô-vanh là "sự liên minh" công khai và thô bạo "với giai cấp tư sản và với bộ tổng tham mưu" và vạch trần nội dung chính trị của nó là ở chỗ truyền bá tư tưởng hợp tác giai cấp, từ bỏ cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản. Đồng thời, Lê-nin phê phán không thương tiếc chủ nghĩa phái giữa đã thừa nhận và biện hộ cho sự phản bội của bọn xã hội - sô-vanh đối với chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội - sô-vanh của bọn phái giữa chỉ khác với chủ nghĩa cơ hội của bọn xã hội - sô-vanh ra mặt ở những sắc thái trong biện pháp đạt tới một mục đích chung. Lê-nin chỉ ra rằng, so với chủ nghĩa cơ hội ra mặt thì chính sách của phái Cau-xky, một thứ chính sách phái giữa, được che đậy, còn có hại và nguy hại cho giai cấp công nhân nhiều hơn gấp trăm lần.

Trong thời kỳ chủ nghĩa xã hội - sô-vanh hoành hành và các đảng theo chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế II phản bội chủ nghĩa Mác, Lê-nin tiến hành cuộc đấu tranh không khoan nhượng để bảo vệ lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác, chống lại việc tầm thường hoá và xuyên tạc chủ nghĩa Mác. "Nếu không có lý luận cách mạng, thì không thể có phong trào giải phóng vĩ đại nhất trên thế giới của giai cấp bị áp bức, — Lê-nin viết trong bài "Tiếng nói chân thật của một người xã hội chủ nghĩa Pháp", — của giai cấp cách mạng nhất trong lịch sử. Không thể bịa ra lý luận ấy được, nó *nảy sinh ra* từ sự tổng hợp kinh nghiệm cách mạng và tư tưởng cách mạng của tất cả các nước trên thế giới. Thật vậy, lý luận đó *đã ra đời* từ nửa cuối thế kỷ XIX. Lý luận đó là chủ nghĩa Mác. Nếu không đem hết sức mình ra tham gia việc nghiên cứu và vận dụng lý luận đó, và ngày nay, nếu không tham gia một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống



những sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác mà Plê-kha-nốp, Cau-xky và đồng bọn đang tiến hành, thì không thể là một người xã hội chủ nghĩa, không thể là một người dân chủ - xã hội cách mạng được" (tr. 12-13).

Lê-nin coi việc thoát ra khỏi cuộc chiến tranh bằng cách mạng là một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất. Về câu hỏi là đảng của giai cấp vô sản sẽ làm gì nếu cách mạng đưa đảng lên nắm chính quyền trong cuộc chiến tranh hiện tại, Lê-nin trả lời: "chúng ta sẽ đề nghị hoà bình với *tất cả* các nước tham chiến, với điều kiện là các thuộc địa và *tất cả* các dân tộc phụ thuộc, bị áp bức và không có đầy đủ quyền, đều phải được giải phóng" (tr. 64).

Trong "Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai" và trong bài "Về cương lĩnh hoà bình", Lê-nin đã trình bày nhiệm vụ cơ bản và chủ yếu trong cuộc đấu tranh cho một nền hoà bình dân chủ và bền vững là ở chỗ giải thích cho quần chúng thấy rõ sự cần thiết phải tiến hành đấu tranh cách mạng, là ở chỗ mở rộng các hành động cách mạng của quần chúng. Nền hoà bình dân chủ không thể do giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa đem lại, cần phải tìm kiếm và giành lấy nền hoà bình đó trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản.

Những ý kiến của Lê-nin chỉ thị rằng giai cấp vô sản cần phải tiến hành đấu tranh quyết liệt để thực hiện những yêu sách dân chủ rộng rãi, đồng thời phải đoàn kết quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh này, có một ý nghĩa lớn lao. Lê-nin coi cuộc đấu tranh cho dân chủ là một bộ phận hợp thành của cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội. Có người cho rằng đấu tranh để thực hiện những cải cách dân chủ có thể sẽ làm cho giai cấp vô sản xao nhãng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; Lê-nin coi đó là một quan niệm sai lầm về căn bản. Giai cấp vô sản, Lê-nin dạy, không thể chuẩn bị để chiến thắng giai cấp tư sản, nếu không tiến hành cuộc

đấu tranh toàn diện, triệt để và cách mạng để giành lấy dân chủ. Nhưng cần phải đề xướng và thực hiện những đòi hỏi dân chủ bằng con đường cách mạng chứ không phải theo lối cải lương; không được giới hạn ở những hoạt động trong nghị viện, ở những sự phản kháng bằng lời nói, mà phải lôi cuốn quần chúng vào hành động tích cực, phải mở rộng cuộc đấu tranh nhằm thực hiện những yêu cầu dân chủ cho đến việc giai cấp vô sản tấn công trực tiếp vào giai cấp tư sản, nghĩa là cho đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin đã chứng minh những luận điểm này trong các tác phẩm của Người viết về vấn đề dân tộc, một vấn đề đặc biệt căng thẳng vào thời kỳ đó. Trong những năm 1915 - 1916 trong phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế nổ ra cuộc tranh luận về quyền dân tộc tự quyết. Trong đề cương "Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết" đã được Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tán thành và đã gửi đến các chi bộ bên-sê-vích ở ngoài nước và những người xã hội chủ nghĩa cánh tả thuộc các nước phương Tây để thảo luận, Lê-nin vạch ra cương lĩnh của những người bên-sê-vích về vấn đề dân tộc - thuộc địa trong thời đại chủ nghĩa đế quốc và lập luận một cách sâu sắc cho lý luận và sách lược của đảng cộng sản trong vấn đề dân tộc. Vấn đề dân tộc - thuộc địa được Lê-nin coi là bộ phận cấu thành của vấn đề cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề những lực lượng hậu bị và những đồng minh của cuộc cách mạng đó trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Khi cụ thể hoá những nhiệm vụ của giai cấp vô sản và của các đảng mác-xít của nó ở các nước, Lê-nin phân chia ra ba loại nước chủ yếu xét về thái độ đối với quyền dân tộc tự quyết trong thời đại chủ nghĩa đế quốc. Nhóm thứ nhất gồm những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao ở Tây Âu và nước Mỹ, trong đó mỗi nước đều đi áp bức

những dân tộc khác ở các thuộc địa và ngay trong nước. Nhiệm vụ của giai cấp vô sản ở những nước này là bảo vệ quyền tự do phân lập cho các thuộc địa cũng như cho các dân tộc bị áp bức ở trong nước, là đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh nước lớn của dân tộc mình. Nhóm thứ hai gồm các nước thuộc miền Đông châu Âu, nước Áo, các nước vùng Ban-căng và nước Nga; tại những nước này vào thế kỷ XX các phong trào dân tộc đặc biệt phát triển và cuộc đấu tranh dân tộc trở nên gay gắt. "Ở các nước ấy, nhiệm vụ của giai cấp vô sản, trong việc hoàn thành cuộc cải cách dân chủ tư sản cũng như trong việc giúp đỡ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước khác, không thể hoàn thành được, nếu không bênh vực quyền dân tộc tự quyết" (tr. 334). Nhóm thứ ba gồm những nước nửa thuộc địa (Trung-quốc, Ba-tư, Thổ-nhĩ-kỳ), tất cả các thuộc địa. Những người xã hội chủ nghĩa phải đòi giải phóng ngay tức khắc và vô điều kiện các thuộc địa và các nước phụ thuộc, ra sức ủng hộ những phong trào giải phóng dân tộc, giúp đỡ chiến tranh cách mạng của các dân tộc bị nô dịch chống lại những cường quốc đế quốc chủ nghĩa áp bức họ.

Những điều chỉ dẫn của Lê-nin có tính chất bức thiết và có ý nghĩa đặc biệt trong những điều kiện ngày nay, khi mà những cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đang quét sạch hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, và một trong những nhiệm vụ cơ bản là đấu tranh nhằm thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân dưới tất cả mọi hình thức và mọi biểu hiện của nó. Trong thời đại chúng ta đang vang lên hết sức mạnh mẽ những lời của Lê-nin báo trước cho những dân tộc thuộc các nước nhỏ yếu về nguy cơ mất độc lập trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc.

Trong đề cương "Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết", cũng như trong bài "Giai cấp vô sản cách mạng và quyền dân tộc tự quyết", Lê-nin chứng minh luận điểm quan trọng về sự cần thiết phải phân biệt những nhiệm

vụ cụ thể của những người xã hội chủ nghĩa cách mạng thuộc các dân tộc đi áp bức và các dân tộc bị áp bức. Những người xã hội chủ nghĩa thuộc các dân tộc đi áp bức phải đấu tranh triệt để cho quyền tự quyết của tất cả các dân tộc, phải đòi quyền tự do phân lập về chính trị cho tất cả các thuộc địa và các dân tộc và trước hết là cho các dân tộc bị áp bức ở nước mình. Mặt khác, những người xã hội chủ nghĩa thuộc các dân tộc bị áp bức phải bảo vệ và tiến hành sự thống nhất và hợp nhất công nhân thuộc dân tộc bị áp bức với công nhân thuộc dân tộc đi áp bức. Lê-nin đã nhìn thấy trước rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho các dân tộc xích lại gần nhau trên một nền tảng dân chủ thực sự, quốc tế chủ nghĩa thực sự, mới đưa đến sự liên minh và hữu nghị giữa các dân tộc tự do và bình đẳng. Khi xác định những nhiệm vụ của giai cấp vô sản Nga trong vấn đề dân tộc, Lê-nin chỉ ra rằng giai cấp công nhân có thể lãnh đạo nhân dân tiến vào cuộc cách mạng dân chủ toàn thắng, rồi sau đó tiến cả vào cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng phải đưa ra yêu cầu đòi cho tất cả các dân tộc bị áp bức ở nước Nga Nga hoàng được hưởng ngay lập tức, một cách đầy đủ và vô điều kiện, quyền tự do tự quyết của các dân tộc, quyền tự do phân lập và tồn tại độc lập về mặt nhà nước.

Trong một loạt bài in trong tập này Lê-nin đã nhận định về cuộc khủng hoảng cách mạng ở nước Nga, cuộc khủng hoảng này diễn ra trong hoàn cảnh quốc tế mới, khi mà cuộc chiến tranh thế giới đã lan ra khắp các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu. Hiện nay, Lê-nin viết, cách mạng dân chủ - tư sản ở nước Nga không còn chỉ là khúc dạo đầu nữa, nó đã trở thành một bộ phận khăng khít của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở phương Tây. Trong những điều kiện đó, việc đánh giá quan hệ so sánh lực lượng giai cấp ở trong nước, việc giải thích lập trường của những giai cấp khác nhau và của các đảng của những giai cấp đó, có một ý nghĩa quan

trọng. Đó là, Lê-nin nhấn mạnh, nhiệm vụ đầu tiên của người mác-xít trước cuộc cách mạng sắp nổ ra.

Khi xác định những nhiệm vụ cụ thể của giai cấp vô sản Nga và của chính đảng mác-xít của nó trong những điều kiện cách mạng đã chín muồi, Lê-nin chỉ ra rằng những khẩu hiệu của đảng cũng vẫn như trước đây là lật đổ chế độ quân chủ, thiết lập nền cộng hoà dân chủ, tịch thu ruộng đất của địa chủ, thực hiện chế độ ngày làm việc 8 giờ. Nội dung xã hội của cuộc cách mạng sắp đến ở nước Nga, Lê-nin viết trong bài "Vài luận cương", là chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân.

Thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản sẽ tạo ra được những điều kiện cho việc triển khai cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Lê-nin vạch trần sai lầm của thuyết cách mạng thường trực của To-rốt-xki, kẻ phủ nhận vai trò cách mạng của nông dân, phủ nhận sự cần thiết phải phát động nông dân làm cách mạng. "Giai cấp vô sản, — Lê-nin viết trong bài "Về hai đường lối cách mạng", — đang đấu tranh và sẽ đấu tranh quên mình để giành lấy chính quyền, để thiết lập nền cộng hoà, để tịch thu ruộng đất, *nghĩa là* để tranh thủ nông dân, để *tận dụng* các lực lượng cách mạng của họ, để "quân chúng nhân dân *phi* vô sản" tham gia giải phóng nước Nga *tư sản* thoát khỏi ách của "chủ nghĩa đế quốc" *phong kiến - quân phiệt* (= chế độ Nga hoàng). Và giai cấp vô sản sẽ lập tức lợi dụng việc giải phóng nước Nga tư sản thoát khỏi chế độ Nga hoàng, thoát khỏi ruộng đất và chính quyền của địa chủ, không phải là để giúp nông dân giàu đấu tranh chống công nhân nông nghiệp mà là để, liên minh với những người vô sản châu Âu, hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa" (tr.103).

Lê-nin rất chú ý đến việc mở rộng hoạt động của đảng ở nước Nga, ổn định những đường dây liên lạc đều đặn với các tổ chức của đảng, khôi phục hoạt động của Bộ phận Ban chấp hành trung ương ở trong nước. Sau khi nhận

được từ nước Nga những tờ truyền đơn của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga xuất bản trong thời gian chiến tranh, Lê-nin nghiên cứu cẩn thận các vấn đề được đặt ra trên những tờ truyền đơn. Trong bài "Vài luận cương" đăng trên báo "Người dân chủ - xã hội", Lê-nin đề ra những nhiệm vụ cơ bản của công tác đảng ở nước Nga. Bài báo đó có một tác dụng to lớn trong việc triển khai hoạt động thực tiễn của những người bôn-sê-vích ở nước Nga, trong việc chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cuộc cách mạng Nga lần thứ hai.

Trong tập này còn có tác phẩm của Lê-nin viết trong năm 1915 "Những tài liệu mới về những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tập I. Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp ở Hợp chúng quốc Mỹ". Lê-nin đã phê phán lý luận phản mác-xít về sự phát triển phi tư bản chủ nghĩa của nông nghiệp trong xã hội tư sản. Xuyên tạc thực tế, những nhà kinh tế học tư sản, những kẻ theo chủ nghĩa cải lương và những kẻ theo chủ nghĩa xét lại đã miêu tả nền kinh tế áp trại ở Mỹ như là mẫu mực của "sự phát triển phi tư bản chủ nghĩa" trong nông nghiệp, nơi mà "nền tiểu nông dựa vào lao động của bản thân" dường như loại trừ nền sản xuất lớn, đại bộ phận các áp trại là "những doanh nghiệp dựa vào lao động của bản thân" v. v..

Dựa vào những tài liệu của thống kê Mỹ, sau khi phân tích một khối lượng lớn tài liệu thực tế, Lê-nin đã chứng minh rằng sự bất chấp những sự khảng định của các nhà kinh tế học tư sản, của những kẻ theo chủ nghĩa cải lương, nền nông nghiệp Mỹ đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Bằng chứng nói rõ điều này là những tài liệu nói về việc khắp nơi đều có sử dụng lao động làm thuê, về tình trạng số lượng những người kinh doanh độc lập giảm xuống, tình trạng loại trại áp hạng vừa suy giảm dần và loại trại áp lớn, nhỏ trong tổng số lượng trại áp tăng mạnh lên,

sự phát triển của những doanh nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa và tình trạng các doanh nghiệp nhỏ bị loại trừ đi.

Trong cuốn sách của mình, Lê-nin đã chứng minh sự tăng cường tập trung sản xuất trong nông nghiệp, sự tước đoạt những người tiểu nông, tình cảnh khốn cùng của những phéc-mi-ê nhỏ và của những người lính canh. Một trong những chỉ số chứng tỏ sự phá sản của những phéc-mi-ê nhỏ ở Mỹ là số lượng những ấp trại bị cầm cố tăng lên, điều đó có nghĩa là quyền lực đối với ấp trại bị cầm cố thực tế đã chuyển vào tay tư bản tài chính. Phần đông những phéc-mi-ê khi đã rơi vào nanh vuốt của tư bản tài chính, lại càng phá sản nhiều hơn nữa. "Kể nào nắm các ngân hàng trong tay thì kẻ đó *trực tiếp* nắm một phần ba tất cả số ấp trại ở nước Mỹ, và gián tiếp thống trị toàn bộ số ấp trại đó" (tr. 287). Đặc biệt khốn cùng là tình cảnh của những người da đen, là những người bị áp bức thậm tệ. "Tình trạng biệt lập, tình trạng lạc hậu, thiếu không khí trong lành, một thứ nhà tù đối với những người da đen "đã được giải phóng": miền Nam nước Mỹ là như thế đấy" (tr. 185).

Hàng chục năm đã trôi qua kể từ khi Lê-nin phân tích nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa của Hợp chủng quốc Mỹ; trong suốt những năm đó ở nước Mỹ đã xảy ra những biến đổi đáng kể. Tuy nhiên sự phát triển của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa ở Hợp chủng quốc Mỹ và nhiều nước khác vẫn hoàn toàn xác nhận tính chất đúng đắn của sự phân tích của Lê-nin, vẫn chứng tỏ rằng những quy luật khách quan của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp là bất di bất dịch. Trong nông nghiệp tư bản chủ nghĩa cũng giống như trong công nghiệp tư bản chủ nghĩa, các tổ chức độc quyền chiếm địa vị thống trị; hàng triệu phéc-mi-ê và người tiểu nông đang bị phá sản và bị đuổi khỏi ruộng đất; nông dân rên xiết dưới gánh nặng của sưu thuế và nợ nần tăng lên.

Ngay cả hiện nay, sự phê phán của Lê-nin đối với những

quan điểm tư sản - cải lương và xét lại về vấn đề nông nghiệp vẫn còn có ý nghĩa nóng hổi: đó là một mẫu mực tuyệt vời về đấu tranh không khoan nhượng chống sự biện hộ của giai cấp tư sản, chống chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại. Học thuyết của Lê-nin về vấn đề nông nghiệp đang trang bị cho các đảng cộng sản và công nhân cách giải quyết đúng đắn vấn đề quan trọng bậc nhất về quan hệ của giai cấp công nhân đối với nông dân, người bạn đồng minh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa thực dân, giành dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Trong tập này có một văn kiện được công bố lần đầu tiên — "Dự thảo nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về việc đình bản tạp chí "Người cộng sản"".

Trong phần "Các tài liệu chuẩn bị" có 12 tài liệu. Trong số đó có: "Đề cương báo cáo tại Hội nghị những người dân chủ - xã hội cánh tả", dàn bài bài nói tại Hội nghị Xim-méc-van, những điểm bổ sung vào bản tuyên bố của nhóm tả Xim-méc-van. Những tài liệu này, cũng như "Những điểm sửa đổi và bổ sung vào lời kêu gọi "Gửi tất cả các đảng và các nhóm đồng tình" đã được Hội nghị của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng thông qua", là những tài liệu lần đầu tiên được đưa vào Toàn tập. Trong phần này có những tài liệu chuẩn bị cho bản thuyết trình "Chủ nghĩa đế quốc và quyền dân tộc tự quyết", đồng thời cũng có cả dàn bài bản thuyết trình "Hai Quốc tế" được công bố lần đầu tiên.

*Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin  
trực thuộc Ban chấp hành trung ương  
Đảng cộng sản Liên-xô*

## LỜI KÊU GỌI NHÂN CUỘC CHIẾN TRANH

Hỡi các đồng chí công nhân!

Cuộc chiến tranh châu Âu đã kéo dài hơn một năm nay rồi. Xét theo toàn bộ tình hình thì nó sẽ còn kéo dài rất lâu nữa, vì nếu Đức là nước đã được chuẩn bị đầy đủ hơn cả và hiện giờ là nước mạnh nhất, thì trái lại đồng minh tay tư (Nga, Anh, Pháp và Ý) lại có nhiều người và nhiều của hơn; ngoài ra, lại còn tự do nhận được vật tư chiến tranh của một nước giàu nhất thế giới là nước Mỹ.

Vậy vì mục đích gì mà người ta tiến hành cuộc chiến tranh đang đem lại cho loài người những tai họa và đau thương chưa từng thấy đó? Chính phủ và giai cấp tư sản mỗi nước tham chiến đều bỏ hàng triệu rúp vào sách báo, nhằm đổ lỗi cho kẻ thù, nhằm khêu gợi trong nhân dân lòng căm thù giặc dữ dội, đồng thời không từ một sự dối trá nào để tỏ ra mình là phe "tự vệ" đang phải chịu một cuộc tấn công không chính nghĩa. Sự thật, đây là một cuộc chiến tranh giữa hai nhóm đại cường quốc tham tàn để chia nhau thuộc địa, để nô dịch các dân tộc khác, để kiếm lợi và đặc quyền trên thị trường thế giới. Đó là một cuộc chiến tranh phản động nhất, là cuộc chiến tranh của bọn chủ nô hiện đại để duy trì và củng cố chế độ nô lệ tư bản chủ nghĩa. Anh và Pháp đã nói dối khi chúng quả quyết rằng chúng tiến hành chiến tranh là vì tự do của nước Bỉ. Kỳ thật, chúng đã chuẩn bị chiến tranh từ lâu, và chúng tiến hành cuộc chiến tranh đó

là để cướp bóc nước Đức và tước lấy các thuộc địa của Đức; chúng đã ký một hiệp định với Ý và Nga để cướp bóc và phân chia Thổ-nhĩ-kỳ và Áo. Chế độ quân chủ Nga hoàng ở nước Nga tiến hành một cuộc chiến tranh cướp bóc, nó muốn chiếm Ga-li-xi-a, lấy đất của Thổ-nhĩ-kỳ, nô dịch Ba-tư, Mông-cổ, v. v.. Nước Đức tiến hành chiến tranh để cướp bóc các thuộc địa của Anh, Bỉ, Pháp. Dù Đức thắng hay Nga thắng, hay "không phân thắng bại" thì cuộc chiến tranh cũng vẫn đem lại cho loài người một ách áp bức mới đối với hàng trăm, hàng trăm triệu người ở các thuộc địa, ở Ba-tư, Thổ-nhĩ-kỳ, Trung-quốc, một sự nô dịch mới đối với các dân tộc, những xiềng xích mới đối với giai cấp công nhân tất cả các nước.

Nhiệm vụ của giai cấp công nhân đối với cuộc chiến tranh này là gì? Câu hỏi này đã được giải đáp trong nghị quyết của Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế họp ở Ba-lơ năm 1912, mà những người xã hội chủ nghĩa toàn thế giới đã nhất trí thông qua. Nghị quyết đó đã được thông qua trong lúc người ta đã dự đoán được chính cái cuộc chiến tranh nổ ra năm 1914. Nghị quyết đó nói rằng chiến tranh là phản động, rằng nó đã được chuẩn bị vì "lợi nhuận của bọn tư bản", rằng công nhân coi "việc bắn lẫn nhau là một tội ác", rằng chiến tranh sẽ dẫn đến "cách mạng vô sản", rằng kiểu mẫu về sách lược của công nhân phải là Công xã Pa-ri năm 1871 và sự biến tháng Mười - tháng Chạp 1905 ở Nga, nghĩa là cách mạng.

Tất cả các công nhân giác ngộ ở Nga đều đứng về phía đảng đoàn công nhân dân chủ - xã hội Nga trong Đu-ma nhà nước (Pê-tơ-rốp-xki, Ba-đa-ép, Mu-ra-nốp, Xa-môi-lốp và Sa-gốp), những người này trong đảng đoàn đã bị chế độ Nga hoàng đày đi Xi-bi-ri vì đã tuyên truyền cách mạng chống chiến tranh và chống chính phủ<sup>1</sup>. Công tác tuyên truyền cách mạng đó và hoạt động cách mạng đó nhằm thúc đẩy quần chúng nổi dậy là biện pháp duy nhất để cứu loài

người khỏi những thảm họa của cuộc chiến tranh hiện nay và những cuộc chiến tranh sau này. Chỉ có làm cách mạng lật đổ các chính phủ tư sản và trước hết là chính phủ Nga hoàng, một chính phủ phản động nhất, hung ác nhất và dã man nhất, mới mở được con đường tiến tới chủ nghĩa xã hội và hoà bình giữa các dân tộc.

Và những kẻ làm tay sai có ý thức hay không có ý thức cho giai cấp tư sản mà muốn thuyết phục nhân dân rằng làm cách mạng lật đổ nền quân chủ Nga hoàng sẽ chỉ có thể làm cho nền quân chủ phản động Đức và giai cấp tư sản Đức thắng và mạnh thêm thôi, thì đều là những kẻ nói dối. Mặc dù những thủ lĩnh của những người xã hội chủ nghĩa Đức, cũng như một số lớn những người xã hội chủ nghĩa có tiếng tăm nhất ở Nga, đã chuyển sang phía giai cấp tư sản "nước họ" và đã góp phần vào việc lừa gạt nhân dân bằng những câu chuyện hoang đường về chiến tranh "tự vệ", nhưng trong quần chúng công nhân Đức, sự phản đối và sự phẫn nộ chống chính phủ nước họ vẫn ngày càng tăng lên và gay gắt hơn. Những người xã hội chủ nghĩa Đức nào không chuyển sang phía giai cấp tư sản, đều đã tuyên bố trên báo chí rằng họ coi sách lược của đảng đoàn công nhân dân chủ - xã hội Nga là "anh dũng". Những lời kêu gọi chống chiến tranh và chống chính phủ đã xuất hiện bí mật ở Đức. Hàng chục và hàng trăm người xã hội chủ nghĩa Đức ưu tú, trong đó có nữ đại biểu xuất sắc của phong trào nữ công nhân là Cla-ra Txét-kin, đã bị chính phủ Đức tống vào nhà lao vì đã tuyên truyền theo tinh thần cách mạng. Trong tất cả các nước tham chiến, không trừ một nước nào, sự phẫn nộ của quần chúng công nhân đang chín muồi, cho nên tấm gương hoạt động cách mạng của những người dân chủ - xã hội Nga, và nhất là mỗi thắng lợi của cuộc cách mạng ở Nga, tất nhiên sẽ thúc đẩy sự nghiệp vĩ đại của chủ nghĩa xã hội và thắng lợi của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản bóc lột và đẫm máu.

Chiến tranh làm đầy túi bọn tư bản, cái biển vàng quốc khố của các đại cường quốc chảy đôn vào túi chúng. Chiến tranh gây ra một sự căm thù mù quáng đối với kẻ địch, và giai cấp tư sản ra sức hướng sự bất bình của nhân dân về phía đó, làm cho nhân dân không chú ý đến kẻ thù *chính*: chính phủ và các giai cấp cầm quyền trong nước *minh*. Nhưng trong khi đem lại những tai họa và những điều khủng khiếp vô tận cho quần chúng cần lao, thì chiến tranh cũng giáo dục và tôi luyện những đại biểu ưu tú của giai cấp công nhân. Nếu cần phải chết, thì hãy chết trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp của chúng ta, vì sự nghiệp của công nhân, vì cách mạng xã hội chủ nghĩa, chứ không phải vì lợi ích của bọn tư bản, bọn địa chủ và bọn vua chúa: đó là điều mà mọi công nhân giác ngộ đều thấy và cảm thấy. Và dù hiện nay công tác dân chủ - xã hội cách mạng có khó khăn đến đâu đi nữa, nhưng công tác đó cũng vẫn có thể thực hiện được, nó đang tiến triển trên toàn thế giới, chỉ có nó mới là con đường cứu vãn thôi!

Đả đảo chế độ quân chủ Nga hoàng đã lôi cuốn nước Nga vào một cuộc chiến tranh đầy tội ác và đang áp bức các dân tộc! Tình đoàn kết anh em của công nhân toàn thế giới và cách mạng quốc tế của giai cấp vô sản muôn năm!

*Viết tháng Tám 1915  
Đã đăng lần đầu ngày 21  
tháng Giêng 1928 trên  
báo "Sự thật" số 18*

*Theo đúng bản thảo*

## TIẾNG NÓI CHÂN THẬT CỦA MỘT NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA PHÁP<sup>2</sup>

Trong khu vực nói tiếng Pháp ở Thụy-sĩ, nơi mà sự hoành hành của chủ nghĩa sô-vanh thân Pháp chỉ hơi kém hơn ở Pháp một chút, vừa có một người xã hội chủ nghĩa chân thật lên tiếng. Trong cái thời nhục nhã này, đó là một sự kiện lớn. Chúng ta càng cần phải chú ý lắng nghe tiếng nói ấy vì đây là tiếng nói của một người xã hội chủ nghĩa có một tính khí và tâm trạng Pháp điển hình, - hay nói cho đúng hơn: tính khí và tâm trạng của người la-tinh, vì những người Ý chẳng hạn, cũng giống như thế.

Đây là nói về một cuốn sách nhỏ của Pôn *Gô-lây*, chủ biên một tờ báo xã hội chủ nghĩa nhỏ ở Lô-da-nơ. Ngày 11 tháng Ba 1915, tác giả đã trình bày ở thành phố đó một bản thuyết trình về chủ đề "Chủ nghĩa xã hội đang hấp hối và chủ nghĩa xã hội tất phải ra đời"; bản thuyết trình này sau đó được tác giả xuất bản thành sách\*.

"Ngày một tháng Tám 1914, chiến tranh đã bùng nổ. Trong những tuần lễ trước và sau cái ngày mà từ nay ai ai cũng biết đó, hàng triệu người đã trông đợi". Tác giả mở đầu như thế. Hàng triệu người đã trông đợi xem những nghị

\* *Paul Golay*. "Le socialisme qui meurt et le socialisme qui doit renaître". Lausanne, 1915, 22 trang, giá 15 xăng-tim. En vente à l'Administration du "Grutlén", Maison du Peuple, Lausanne.

quyết và lời tuyên bố của các lãnh tụ của chủ nghĩa xã hội có biểu hiện ra thành "một cuộc khởi nghĩa mãnh liệt quét sạch, trong cơn bão táp của nó, các chính phủ đầy tội ác đi" không. Nhưng sự trông đợi của hàng triệu người đó đã bị thất vọng. *Gô-lây* nói: "đứng trên tinh thần đồng chí", chúng tôi đã cố gắng biện hộ cho những người xã hội chủ nghĩa bằng cách viện lý do là vì "chiến tranh đã bất thành linh nổ ra nhanh như chớp" và vì họ không am hiểu tình hình, nhưng những lời biện hộ đó không làm cho chúng tôi thoả mãn. "Chúng tôi cảm thấy bần khổ, tựa hồ như lương tâm chúng tôi bị chìm ngập trong vũng bùn lầy lờ và dối trá". Qua đó bạn đọc có thể thấy là *Gô-lây* thành thật. Ở thời đại chúng ta, đó là một đức tính hầu như khác thường.

*Gô-lây* gợi lại "truyền thống cách mạng" của giai cấp vô sản. Hoàn toàn nhận thức rõ ràng "đối với mỗi tình thế, cần phải có một hành động thích hợp", *Gô-lây* nhắc lại: "đối với những tình thế đặc biệt phải có những biện pháp đặc biệt. Bệnh quỷ phải có thuốc tiên". Ông nhắc lại "những nghị quyết của các đại hội" "đã trực tiếp nói với quần chúng và hô hào họ hành động cách mạng và khởi nghĩa". Rồi ông dẫn những đoạn thích hợp trong các nghị quyết ở Stút-ga và ở Ba-ơ<sup>3</sup>. Và tác giả nhấn mạnh rằng "các nghị quyết khác nhau ấy không có một chỗ nào bàn đến chiến tranh tự vệ và chiến tranh tấn công, và do đó, không đề ra một sách lược đặc biệt, dân tộc chủ nghĩa nào thay thế cho những nguyên tắc cơ bản đã được công nhận".

Đọc đến đây, bạn đọc tất đã thấy rằng *Gô-lây* không những là một người xã hội chủ nghĩa thành thật, mà còn là một người xã hội chủ nghĩa kiên định và chân thật. Đó là một đức tính thật hiếm có trong số những nhà hoạt động có tiếng tăm của Quốc tế II!

"... Giai cấp vô sản được bọn chỉ huy quân sự khen ngợi, còn báo chí tư sản thì nhiệt liệt tán tụng sự phục sinh của cái mà nó gọi là "linh

hôn dân tộc". Sự phục sinh đó đã làm cho chúng ta phải hy sinh mất ba triệu người.

Tuy nhiên, chưa bao giờ tổ chức công nhân lại đạt được một số hội viên đóng nguyệt phí đồng đến như thế, chưa bao giờ lại có nhiều nghị sĩ đến như thế, chưa bao giờ báo chí lại được tổ chức tuyệt diệu đến như thế. Nhưng cũng chưa bao giờ lại có một việc bỉ ổi như cái việc mà lẽ ra chúng ta cần phải đứng lên chống lại.

Trong những tình hình nguy kịch như thế, khi vấn đề là sự tồn tại của hàng triệu con người, thì tất cả mọi hành động cách mạng đều không những có thể dung nhận được, mà còn là chính đáng nữa. Những hành động ấy còn ở trên mức chính đáng; đây là những hành động thiêng liêng. Nghĩa vụ cấp thiết của giai cấp vô sản là phải cố gắng vượt bậc để cứu thế hệ của chúng ta thoát khỏi những biến cố đang làm cho châu Âu đầm máu.

Thế mà chẳng thấy có hành động cương quyết nào, chẳng thấy có những việc tỏ ý phẫn nộ, cũng chẳng thấy có những hành động nào dẫn đến khởi nghĩa cả...

...Bọn thù địch của chúng ta đang rêu rao về sự phá sản của chủ nghĩa xã hội. Chúng quá ư vội vã. Nhưng ai dám khẳng định rằng chúng hoàn toàn sai? Giờ đây, cái đang chết tuyệt nhiên không phải là chủ nghĩa xã hội nói chung, mà là một biến dạng của chủ nghĩa xã hội, một thứ chủ nghĩa xã hội dịu ngọt, không có lý tưởng và không có nhiệt tình, có dáng dấp của tên quan liêu và có cái bụng phệ của một người cha đạo mạo trong gia đình, một thứ chủ nghĩa xã hội không có tinh thần dũng cảm, không có hành động táo bạo, ham thích thống kê và chú ý mũi vào những hợp đồng thân thiện với chủ nghĩa tư bản, một thứ chủ nghĩa xã hội chỉ mải lo cải lương và đã bán rẻ cái quyền anh cả của mình để đổi lấy một bát cháo hoa, một thứ chủ nghĩa xã hội mà giai cấp tư sản coi là cái máy dùng để bóp nghẹt tinh thần không nhịn nhục của dân chúng, một thứ phản tự động để kim hãm những hành động dũng cảm của giai cấp vô sản.

Thứ chủ nghĩa xã hội đó, cái thứ chủ nghĩa xã hội đang đe dọa tiềm ẩn toàn bộ Quốc tế, phải chịu trách nhiệm tới một mức độ nhất định về sự bất lực mà hiện nay người ta đang chê trách chúng ta".

Ở những đoạn khác trong cuốn sách đó, Gô-lây nói trắng ra rằng "chủ nghĩa xã hội cải lương" và "chủ nghĩa cơ hội" là một sự xuyên tạc chủ nghĩa xã hội.

Khi nói về sự xuyên tạc đó, khi thừa nhận "trách nhiệm chung" của giai cấp vô sản trong *tất cả* các nước đang tham

chiến, khi nhấn mạnh rằng "trách nhiệm ấy rơi vào đầu các lãnh tụ, là những người mà quần chúng đã tin nhiệm và chờ đợi khẩu hiệu của họ đưa ra", Gô-lây đã hoàn toàn đúng khi đưa ra — để làm ví dụ — chính cái chủ nghĩa xã hội Đức, một thứ chủ nghĩa "có tổ chức hơn cả, có hình thái hoàn bị hơn cả, được nhồi nhét học thuyết nhiều hơn cả", và ông chỉ cho ta thấy rõ rằng "nó mạnh về số lượng, yếu về tính chất cách mạng".

"Được tinh thần cách mạng cổ vũ, lẽ ra Đảng dân chủ - xã hội Đức có thể kháng cự chống lại những biện pháp quân phiệt một cách khá dứt khoát, khá ngoan cường, đủ để lôi cuốn giai cấp vô sản các nước khác ở Trung Âu vào con đường thoát duy nhất đó.

...Chủ nghĩa xã hội Đức vốn có ảnh hưởng rất lớn trong Quốc tế. Nó có thể làm được nhiều hơn ai hết. Người ta chờ đợi ở nó một sự cố gắng nhiều nhất. Nhưng số lượng chẳng còn có tác dụng gì, nếu nghị lực cá nhân đã bị một kỷ luật quá hà khắc làm cho tê liệt, hay nếu "những người cầm đầu" lợi dụng ảnh hưởng của họ để ít phải tốn công sức nhất". (Phần thứ hai của câu này càng đúng chừng nào, thì phần đầu của nó càng sai chừng ấy: kỷ luật là một điều tốt đẹp và cần thiết, — chẳng hạn kỷ luật của đảng, nó khai trừ những phần tử cơ hội chủ nghĩa và những phần tử phản đối hành động cách mạng). "Do các lãnh tụ có trách nhiệm của họ, giai cấp vô sản Đức đã nghe theo bọn quân phiệt... các chi bộ khác trong Quốc tế đâm sợ và cũng hành động như thế; ở Pháp, có hai người xã hội chủ nghĩa cho rằng cần phải tham gia chính phủ tư sản! Và thế là mấy tháng sau khi đã trình trọng tuyên bố tại đại hội rằng những người xã hội chủ nghĩa coi việc bắn giết lẫn nhau là một tội ác, thì hàng triệu công nhân đã nhập ngũ và đã phạm tội ác đó một cách kiên trì và nhiệt tình khiến cho giai cấp tư sản tư bản chủ nghĩa và các chính phủ nhiều lần bày tỏ cho họ về lòng biết ơn của chúng".

Nhưng Gô-lây không phải chỉ trích một cách không thương xót "cái chủ nghĩa xã hội đang hấp hối". Không, ông tỏ ra hoàn toàn hiểu rõ nguyên nhân của sự hấp hối đó và thứ chủ nghĩa xã hội nào sẽ phải thay thế cho cái chủ nghĩa xã hội đang hấp hối. "Quần chúng công nhân mỗi nước đều



chịu phần nào ảnh hưởng của những tư tưởng phổ biến trong các giới tư sản". "Khi Béc-stanh đưa ra cái thứ chủ nghĩa cải lương dân chủ của y dưới cái tên là chủ nghĩa xét lại" thì y bị Cau-xky "đập toi bời bằng những chứng cứ đich đáng". "Nhưng khi thể diện đã được cứu vãn rồi, đảng lại vẫn tiếp tục cái "chính sách thực tế" của nó. Từ đó, Đảng dân chủ - xã hội đã trở thành một đảng như hiện nay. Một tổ chức tuyệt diệu. Một cơ thể rất mạnh khoẻ, nhưng không có linh hồn". Không phải chỉ có Đảng dân chủ - xã hội Đức, mà tất cả các chi bộ của Quốc tế đều bộc lộ những xu hướng đó. Tình trạng "số quan lại ngày càng nhiều" đã đưa đến những hậu quả nhất định; người ta chỉ hướng sự chú ý vào việc làm sao cho thu được nguyệt phí đều đặn; các cuộc bãi công được coi là "những cuộc thị uy nhằm mục đích đạt được những điều kiện tốt nhất trong việc thoả thuận" với bọn tư bản. Người ta quen gắn liền lợi ích của công nhân với lợi ích của bọn tư bản, "đặt số phận của công nhân lệ thuộc vào số phận của bản thân chủ nghĩa tư bản", "mong muốn nền công nghiệp của "dân tộc" "mình" phát triển mạnh trên lưng nền công nghiệp nước ngoài".

R. Smít (Schmiedt), nghị sĩ Quốc hội Đức, đã viết trong một bài báo rằng việc các công đoàn điều tiết những điều kiện lao động là có lợi cho cả các nhà tư bản, vì sự điều tiết "đem lại trật tự và sự ổn định trong đời sống kinh tế", "làm dễ dàng cho việc tính toán của các nhà tư bản và ngăn cản sự cạnh tranh không trung thực".

Khi dẫn những dòng này, Gô-lây than rằng: "Như vậy, phong trào công đoàn phải lấy làm vinh dự là đã làm cho lợi nhuận của bọn tư bản được ổn định hơn! Phải chăng mục đích của chủ nghĩa xã hội tất phải là ở chỗ, trong khuôn khổ của xã hội tư bản chủ nghĩa, đòi hỏi sao cho có thật nhiều lợi ích phù hợp với sự tồn tại của bản thân chế độ tư bản chủ nghĩa? Nếu quả như thế thì đấy là một sự từ bỏ mọi nguyên tắc. Mục đích mà giai cấp vô sản theo đuổi không phải là củng cố chế độ tư bản chủ nghĩa, không phải là giành những điều kiện

tối thiểu cho người làm thuê, mà là tiêu diệt chế độ tư hữu và xoá bỏ chế độ làm thuê.

... Các uỷ viên thư ký của các tổ chức lớn trở thành những nhân vật trọng yếu. Và trong cuộc vận động chính trị, các nghị sĩ, nhà văn, học giả, luật sư, tất cả những người có học vấn mà lại có tính hiếu danh cá nhân nào đó, đều có một ảnh hưởng đôi khi thật là nguy hiểm.

Do chỗ các công đoàn có một tổ chức lớn mạnh và có quỹ tiền vững vàng, nên đã khiến cho các đoàn viên nảy ra đầu óc phưởng hội. Một trong những mặt tiêu cực của phong trào công đoàn, — một phong trào mà xét về thực chất là có tính chất cải lương chủ nghĩa, — là ở chỗ nó cải thiện tình cảnh của các tầng lớp công nhân làm thuê bằng cách đặt tầng lớp này cao hơn tầng lớp kia. Điều đó phá vỡ sự thống nhất cơ bản và làm cho những người được đãi ngộ hơn cả đâm ra nhút nhát, khiến cho họ đôi khi sợ "phong trào" vì địa vị của họ, kết bạc của họ và tài sản của họ có thể do đó mà bị tổn hại. Vì vậy, đã hình thành lên một thứ chia rẽ giữa các tầng lớp trong giai cấp vô sản, những tầng lớp được tạo ra một cách nhân tạo bởi chính bản thân phong trào công đoàn".

Đương nhiên đó không phải là lý do để mà không tán thành các tổ chức lớn mạnh, — tác giả nói như vậy, có lẽ ông dự đoán rằng có thể có những "nhà phê bình" thuộc một loại nào đó sẽ soi mói bắt bẻ lại mình. Nói thế chỉ là để chứng minh rằng các tổ chức cần phải có "linh hồn" và "nhiệt tình".

"Chủ nghĩa xã hội sau này cần phải có những đặc điểm cơ bản gì? Nó sẽ có tính chất quốc tế, không điều hoà và khởi nghĩa".

Gô-lây nói có lý rằng: "Tính không điều hoà là một sức mạnh"; ông đề nghị độc giả hãy nhìn qua "lịch sử các học thuyết". — "Vậy khi nào các học thuyết đó có ảnh hưởng? Có phải là khi các học thuyết đó bị các chính phủ thuần phục được, hay khi chúng là những học thuyết không điều hoà? Đạo Cơ-đốc mất phẩm giá từ bao giờ vậy? Có phải là từ ngày Côn-xtan-tin hứa cho nó các khoản thu nhập, và ban cho nó phẩm phục của bọn bảy tội triều đình, chứ không bức hại nó và trừng trị nó?..."

Một nhà triết học Pháp đã từng nói: những tư tưởng chết là những tư tưởng khoác một bộ áo sang trọng, không có góc có cạnh và không mạnh dạn. Chết là vì chúng được lưu hành rộng khắp và là một phần trong cái vốn kiến thức tầm thường của đạo quân lớn những phần tử phi-li-xtanh. Những tư tưởng mạnh là những tư tưởng thúc đẩy và gây ra chuyện om xòm, kích động lòng phẫn nộ, giận dữ, hằn học ở một số người này và nhiệt tình ở một số người khác". Tác giả thấy cần phải nhắc lại chân lý đó với những người xã hội chủ nghĩa ngày nay, vì trong số những người đó rất thường hay có tình trạng mất hết "niềm tin nồng nhiệt: họ không còn tin vào cái gì nữa, không còn tin vào cuộc cải cách mãi chưa được thi hành, cũng không còn tin vào cuộc cách mạng mãi vẫn chưa thấy đến".

Tính không điều hoà và tinh thần sẵn sàng khởi nghĩa "tuyệt nhiên không dẫn đến chỗ mơ mộng, mà ngược lại, sẽ dẫn đến hành động. Người xã hội chủ nghĩa không coi nhẹ một hình thức hoạt động nào. Họ sẽ tìm ra được những hình thức hoạt động mới, thích hợp với yêu cầu và điều kiện lúc đó... Họ đòi hỏi có những cải cách ngay lập tức, họ phấn đấu để giành lấy những cải cách đó không phải bằng cách tranh luận dây dưa với bọn thù địch, họ sẽ giành được những cải cách đó như một sự nhượng bộ của giai cấp tư sản khiếp sợ trước tấm lòng đầy nhiệt tình và dũng cảm của quần chúng".

Sau khi Plê-kha-nốp, Cau-xky và đồng bọn tầm thường hoá một cách hết sức vô liêm sỉ chủ nghĩa Mác và bôi nhọ chủ nghĩa xã hội, thì đọc cuốn sách của Gô-lây, chúng ta quả thấy tâm hồn đỡ căng thẳng. Ở ông Gô-lây chỉ cần nêu ra hai khuyết điểm sau đây thôi.

Một là, cũng giống như phần nhiều những người xã hội chủ nghĩa thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh, kể cả phái Ghe-đơ hiện nay, Gô-lây tỏ ra có phần nào coi nhẹ "học thuyết", nghĩa là coi nhẹ *lý luận* chủ nghĩa xã hội. Đối với chủ nghĩa Mác,

ông ta tỏ ra có một định kiến nào đó; ta có thể hiểu được rằng sở dĩ ông có định kiến đó là do hiện nay Cau-xky, tờ "Neue Zeit"<sup>4</sup> và nói chung là người Đức đang chế giễu chủ nghĩa Mác một cách độc ác nhất, nhưng ta không thể vin vào lý do đó mà cho rằng định kiến như vậy là đúng. Người nào, như Gô-lây, đã thấy rõ tính tất yếu của *cái chết* của chủ nghĩa xã hội cải lương và của sự *phục hưng* của chủ nghĩa xã hội cách mạng "có tính chất khởi nghĩa", nghĩa là hiểu rõ tính tất yếu của khởi nghĩa, tuyên truyền cho khởi nghĩa, có khả năng thật sự chuẩn bị để khởi nghĩa và chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, — thì người đó *thực ra* còn nghìn lần gần với chủ nghĩa Mác hơn mấy cái ông thuộc lòng "sách vở" và hiện đang ra sức (trong tờ "Neue Zeit" chẳng hạn) biện hộ cho chủ nghĩa xã hội - số-vanh, chẳng kể là dưới hình thức nào, cho đến cả cái hình thức chủ trương rằng bây giờ cần phải "điều hoà" với Ban chấp hành trung ương số-vanh ("Phoóc-stan-đơ"<sup>1)</sup>) và không nên "nhắc lại chuyện quá khứ".

Mặc dầu việc Gô-lây coi thường chủ nghĩa Mác, xét "về phương diện con người", là có thể hiểu được, mặc dầu ở đây người ta giảm bớt trách nhiệm cho ông ta bao nhiêu đi nữa và đổ trách nhiệm ấy lên đầu cái xu hướng đang ngắc ngoải và *đã chết* của những người mác-xít Pháp (phái Ghe-đơ), nhưng không vì thế mà Gô-lây không có sai lầm. Nếu không có lý luận cách mạng, thì không thể có phong trào giải phóng vĩ đại nhất trên thế giới của giai cấp bị áp bức, của giai cấp cách mạng nhất trong lịch sử. Không thể bịa ra lý luận ấy được, nó *nảy sinh ra* từ sự tổng hợp kinh nghiệm cách mạng và tư tưởng cách mạng của tất cả các nước trên thế giới. Thật vậy, lý luận đó *đã ra đời* từ nửa cuối thế kỷ XIX. Lý luận đó là chủ nghĩa Mác. Nếu không đem hết sức mình ra tham gia việc nghiên cứu và vận dụng lý luận đó, và ngày nay, nếu không tham gia một cuộc đấu

<sup>1)</sup> - "Ban lãnh đạo"

tranh không khoan nhượng chống những sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác mà Plê-kha-nốp, Cau-xky và đồng bọn đang tiến hành, thì không thể là một người xã hội chủ nghĩa, không thể là một người dân chủ - xã hội cách mạng được.

Do chỗ không quan tâm đến lý luận nên Gô-lây đã có nhiều câu đả kích không đúng hay thiếu suy nghĩ, chẳng hạn, đối với chế độ tập trung hay kỷ luật nói chung, đối với "chủ nghĩa duy vật lịch sử", cho rằng nó không được "lý tưởng" lắm, v. v.. Và cũng do đó, trong vấn đề khẩu hiệu, ông ta đã tỏ ra rất không triệt để. Thí dụ, sự đòi hỏi chủ nghĩa xã hội phải trở thành một chủ nghĩa "mang tính chất khởi nghĩa", sự đòi hỏi đó chứa đầy một nội dung hết sức sâu sắc và là một tư tưởng duy nhất đúng, ngoài tư tưởng đó ra thì tất cả những câu nói về chủ nghĩa quốc tế và tinh thần cách mạng, về chủ nghĩa Mác, đều là những câu hoàn toàn nhầm nhứ và thường lại còn giả dối nữa. Nhưng tư tưởng đó, cái tư tưởng nội chiến, lẽ ra phải phát triển nó lên, phải lấy nó làm điểm trung tâm của sách lược, vậy mà Gô-lây lại chỉ *nếu* nó lên thôi. "Trong thời buổi hiện nay" nêu lên như thế cũng là nhiều lắm rồi, nhưng xét theo những yêu cầu của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, thì như thế chưa đủ. Chẳng hạn, Gô-lây đặt ra một cách thiển cận vấn đề dùng cách mạng để "đáp lại" chiến tranh, nếu ta có thể nói như thế. Ông ta không tính đến việc là nếu người ta đã không biết dùng cách mạng để *đáp lại* chiến tranh, thì bản thân cuộc chiến tranh cũng đã bắt đầu dạy và đang dạy cho quần chúng làm cách mạng, khi nó tạo ra một tình thế cách mạng, làm cho tình thế đó trở thành sâu và rộng.

Khuyết điểm thứ hai của Gô-lây biểu hiện rõ hơn hết qua lập luận sau đây trong cuốn sách của ông ta:

"Chúng tôi không chỉ trích một ai. Muốn cho Quốc tế tái sinh thì cần phải làm sao cho tinh thần anh em cố vũ tất cả các chi bộ của nó; nhưng phải tuyên bố rằng, đứng trước nhiệm vụ to lớn mà giai cấp

tư sản tư bản chủ nghĩa đã đặt ra cho Quốc tế hồi tháng Bảy và tháng Tám 1914, thì chủ nghĩa xã hội cải lương có tính chất tập trung (?) và có tính chất đẳng cấp, đã phơi bày một cảnh tượng thảm hại".

"Chúng tôi không chỉ trích một ai"... Sai lầm của đồng chí là ở chỗ ấy đấy, đồng chí Gô-lây ạ! Chính đồng chí cũng đã thừa nhận rằng "cái chủ nghĩa xã hội đang hấp hối" là gắn liền với những tư tưởng tư sản (vậy là giai cấp tư sản nuôi dưỡng nó và nâng đỡ nó), với một trào lưu tư tưởng nhất định trong chủ nghĩa xã hội ("chủ nghĩa cải lương"), với lợi ích và địa vị đặc biệt của một số tầng lớp nhất định (nghị sĩ, quan lại, trí thức, một vài tầng lớp hay một vài nhóm nhỏ công nhân được đãi ngộ hậu nhất) v. v.. Điều đó *tất nhiên* phải đưa đến cái kết luận mà đồng chí đã không rút ra. Những con người bằng xương bằng thịt thì "chết" một cách gọi là tự nhiên, nhưng các trào lưu *chính trị và tư tưởng thì lại không thể chết như vậy được*. Giai cấp tư sản sẽ không chết, chừng nào nó chưa bị đánh đổ; cái phái mà giai cấp tư sản nuôi dưỡng và nâng đỡ, tức là cái phái biểu hiện những lợi ích của một nhóm nhỏ những phần tử trí thức và tầng lớp công nhân quý tộc đã liên minh với giai cấp tư sản, thì cũng như vậy, nó sẽ không chết nếu người ta không "giết" nó, nghĩa là nếu người ta không đánh đổ nó, không xoá bỏ *tất cả mọi* ảnh hưởng của nó đối với giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa. Sở dĩ phái ấy mạnh, chính là nhờ những mối liên hệ của nó với giai cấp tư sản; nhờ những điều kiện khách quan của thời kỳ "hoà bình" 1871 - 1914, nó đã trở thành một thứ *tầng lớp* chỉ huy ăn bám trong phong trào công nhân.

Ở đây, không những cần phải "chỉ trích", mà còn phải đánh chuông báo động, thẳng tay lật mặt nạ cái tầng lớp ăn bám ấy ra, đánh đổ nó, "cách chức" nó, phá vỡ sự "thống nhất" *của nó* với phong trào công nhân, vì trên thực tế, sự "thống nhất" đó có nghĩa là sự thống nhất của giai cấp vô sản với giai cấp tư sản dân tộc và là *sự chia rẽ* trong giai

cấp vô sản quốc tế, sự thống nhất giữa bọn tôi tớ và sự chia rẽ giữa những người cách mạng.

"Tính không điều hoà là một sức mạnh", Gô-lây nói rất đúng khi ông ta đòi hỏi "cái chủ nghĩa xã hội nhất định phải tái sinh" phải có tính không điều hoà. Nhưng phải chăng giai cấp tư sản cho rằng giai cấp vô sản điều hoà với nó *một cách trực tiếp* hay điều hoà với nó *một cách gián tiếp* qua sự trung gian của bọn ủng hộ nó, bọn bên vực nó, bọn tay sai của nó ở *trong nội bộ* phong trào công nhân, tức là bọn cơ hội chủ nghĩa, thì cũng thế cả? Cách điều hoà thứ hai thậm chí lại còn *có lợi hơn* cho giai cấp tư sản, vì cách này đảm bảo cho nó ảnh hưởng đến công nhân một cách lâu bền hơn!

Gô-lây đã nghìn lần có lý khi ông ta nói rằng có một thứ chủ nghĩa xã hội đang hấp hối và một thứ chủ nghĩa xã hội nhất định phải tái sinh, nhưng sự hấp hối đó và sự tái sinh đó chính là một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống lại trào lưu cơ hội chủ nghĩa, không phải chỉ là đấu tranh về tư tưởng, mà còn là cắt bỏ cho các đảng công nhân cái khối u gồm ghieếc kia, loại ra khỏi nội bộ của các tổ chức một số phần tử đại biểu cho cái sách lược xa lạ với giai cấp vô sản, hoàn toàn cắt đứt với bọn chúng. Bọn người ấy sẽ không chết cả về mặt thể xác lẫn về mặt chính trị, nhưng công nhân sẽ cắt đứt với chúng, quẳng chúng vào cái hố chung của bọn làm tôi tớ cho giai cấp tư sản, và sẽ dùng tấm gương về sự thối nát của chúng để giáo dục một thế hệ mới, hay nói cho đúng hơn, những đạo quân vô sản mới, có khả năng đứng lên khởi nghĩa.

*Tạp chí "Người cộng sản",  
số 1 - 2, 1915  
Ký tên: N. Lê-nin*

*Theo đúng bản in trên tạp  
chí "Người cộng sản"*

## CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở Ý

(BÌNH LUẬN NGẮN)

Muốn làm sáng tỏ những vấn đề mà cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa hiện nay đặt ra cho chủ nghĩa xã hội, thì nhìn qua tình hình các nước khác nhau ở châu Âu để học tập cách phân biệt được trong tình hình toàn bộ, một bên là những biến dạng dân tộc và các đặc điểm dân tộc, và một bên là các mặt cơ bản và chủ yếu, sẽ không phải là không bổ ích. Người ta thường nói: đứng ngoài thì thấy rõ hơn. Cho nên, giữa nước Ý và nước Nga càng có ít những điểm giống nhau, thì việc đem so sánh, về một số mặt nào đó, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội trong hai nước đó với nhau lại càng có nhiều ý nghĩa hơn.

Trong bài bình luận này, chúng tôi có ý định chỉ nêu ra những tài liệu có liên quan đến vấn đề đó, in trong những cuốn sách sau đây, xuất bản sau khi chiến tranh bùng nổ: "Chủ nghĩa đế quốc Ý" của giáo sư tư sản Rô-béc-tô Mi-sen, và "Chủ nghĩa quốc tế hay chủ nghĩa dân tộc có tính giai cấp? (Giai cấp vô sản Ý và cuộc chiến tranh châu Âu)" của nhà xã hội chủ nghĩa T. Bác-bô-ni\*. Trong tác phẩm này, con người ba hoa Mi-sen cũng vẫn nông cạn như trong

\* Roberto Michels. "L'imperialismo italiano", Milano, 1914. - T.Barboni "Internazionalismo o Nazionalismo di Classe? (il proletariato d'Italia e la guerra europea)". Editore dall'autore a Campione d'Intelvi (provincia di Como) 1915.

các tác phẩm khác của ông ta, ông ta mới chỉ nói lướt qua mặt kinh tế của chủ nghĩa đế quốc thôi, nhưng ông ta đã sưu tập được trong cuốn sách của ông một số tài liệu quý báu về nguồn gốc chủ nghĩa đế quốc Ý và về cái bước chuyển đã thành bản chất của thời đại hiện nay, cái bước chuyển mà ở Ý người ta thấy biểu hiện ra một cách đặc biệt rõ rệt, cụ thể là bước chuyển từ thời đại chiến tranh giải phóng dân tộc sang thời đại chiến tranh đế quốc chủ nghĩa cướp bóc và phản động. Nước Ý cách mạng - dân chủ, tức là cách mạng tư sản, trước đây đã từng đánh đổ ách áp bức của Áo, nước Ý của thời đại Ga-ri-ban-đi, bây giờ đã biến hẳn dưới mắt chúng ta thành một nước Ý đi áp bức các dân tộc khác, cướp bóc nước Thổ-nhĩ-kỳ và nước Áo, thành một nước Ý mà giai cấp tư sản thì trở nên tàn bạo, phản động một cách xấu xa và đê tiện và chỉ mới được mời tham gia việc chia nhau những của đã cướp bóc được, là đã rõ dãi ra rồi. Cũng như bất cứ một giáo sư đứng đắn nào, dĩ nhiên Mi-sen coi thái độ quy lụy của mình trước giai cấp tư sản là "chủ nghĩa khách quan khoa học" và gọi cái việc chia nhau của đã cướp bóc được kia là "việc phân chia bộ phận thế giới vẫn còn ở trong tay những dân tộc nhỏ yếu" (tr. 179). Vứt bỏ một cách khinh bỉ quan điểm của những người xã hội chủ nghĩa phản đối mọi chính sách thực dân, và coi đó là một quan điểm "không tưởng", Mi-sen lặp lại những luận điệu của những kẻ cho rằng nước Ý "phải là một cường quốc thực dân thứ hai", chỉ thua có nước Anh về mật độ dân cư và về sức mạnh của phong trào di dân thôi. Còn về tình trạng 40% dân cư ở Ý còn chưa biết đọc biết viết, và cho đến nay ở Ý vẫn còn xảy ra những cuộc nổi loạn khi có nạn dịch tả, v. v., v. v., thì ông ta lại viện gương nước Anh ra để chống chế lại: nửa đầu thế kỷ XIX, nước Anh há chẳng phải là một nước mà quân chúng công nhân bị cướp bóc cùng cực, bị khinh miệt, bị nạn đói làm chết chóc nhiều, là một nước mắc nạn rượu chè và có cảnh cùng khổ

và dơ dáy khủng khiếp trong các khu phố nghèo nàn của các thành phố, trong khi giai cấp tư sản Anh vẫn đặt được một cách rất thắng lợi những cơ sở cho thế lực thực dân hiện nay của nó, đó sao?

Phải nói rằng đứng trên quan điểm tư sản thì lập luận như vậy là không thể chê vào đâu được. Chính sách thực dân và chủ nghĩa đế quốc tuyệt nhiên không phải là những thiên hướng bệnh hoạn có thể chữa khỏi được của chủ nghĩa tư bản (như bọn phi-li-xtanh, trong đó gồm cả Cau-xky, vãn tưởng), mà đó là kết quả tất nhiên do chính ngay những cơ sở của chủ nghĩa tư bản dẫn đến: sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp chỉ đề ra một vấn đề là: hoặc bị phá sản, hoặc làm người khác phá sản; sự cạnh tranh giữa các nước chỉ đề ra một vấn đề là: hoặc bị rút lại xuống hàng thứ chín và vĩnh viễn có cơ phải chịu số phận như nước Bỉ, hoặc làm phá sản và nô dịch các nước khác, len vào hàng các cường quốc "lớn".

Người ta đã gọi chủ nghĩa đế quốc Ý là "chủ nghĩa đế quốc của bọn người nghèo khổ" (*l'imperialismo della povera gente*), có ý nói đến tình trạng nghèo khổ của nước Ý và cảnh cùng khổ tuyệt vọng của rất nhiều người Ý di dân. Ác-tu-rơ La-bri-ô-la, một người Ý sô-vanh, chỉ khác kẻ địch thủ xưa kia của ông ta là G. Plê-kha-nốp ở chỗ ông ta đã bội lợ chủ nghĩa xã hội - sô-vanh của ông ta hơi sớm hơn một chút, và ông ta đã đi đến thứ chủ nghĩa xã hội - sô-vanh đó thông qua chủ nghĩa nửa vô chính phủ tiểu tư sản chứ không phải thông qua chủ nghĩa cơ hội tiểu tư sản, — cái ông Ác-tu-rơ La-bri-ô-la đó đã viết trong cuốn sách của ông ta về cuộc chiến tranh Tơ-ri-pô-li (năm 1912) như sau:

"... Rõ ràng là chúng ta đấu tranh không những chống người Thổ-nhĩ-kỳ,... mà còn chống cả những âm mưu, những sự đe dọa, tiền tài và quân đội của châu Âu dưới sự thống trị của bọn tài phiệt, cái châu Âu không dung thứ cho những dân tộc nhỏ dám có dù chỉ một hành vi hay một lời nói nào

có thể làm tổn hại đến cái bá quyền sắt của nó" (tr. 92). Còn lãnh tụ của những người dân tộc chủ nghĩa Ý là Cò-ra-đi-ni thì tuyên bố: "Chủ nghĩa xã hội là phương pháp để giải phóng giai cấp vô sản khỏi ách của giai cấp tư sản, thì đối với người Ý chúng ta, chủ nghĩa dân tộc cũng vậy, nó sẽ là phương pháp để giải phóng chúng ta khỏi ách những người Pháp, Đức, Anh, Bắc Mỹ và Nam Mỹ, họ là giai cấp tư sản đối với chúng ta".

Bất cứ một nước nào có nhiều thuộc địa, nhiều tư bản và quân đội hơn "nước ta" cũng đều đoạt mất của "chúng ta" một số đặc quyền nào đó, một món lợi nhuận hay siêu lợi nhuận nào đó. Nếu trong số các nhà tư bản, kẻ nào có những máy móc tốt hơn mức trung bình, hay được hưởng một độc quyền nào đó, thì kẻ đó sẽ thu được siêu lợi nhuận; trong các nước cũng vậy, nước nào có địa vị thuận lợi hơn trong lĩnh vực kinh tế thì nước đó sẽ thu được siêu lợi nhuận. Công việc của giai cấp tư sản là đấu tranh giành những đặc quyền và ưu thế cho tư bản dân tộc nước họ, và (với sự giúp sức của La-bri-ô-la và Plê-kha-nốp) lừa bịp nhân dân hay những người dân thường bằng cách trình bày cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa để đoạt lấy "quyền" đi cướp bóc kẻ khác, thành một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Trước cuộc chiến tranh Tơ-ri-pô-li, nước Ý không cướp bóc các dân tộc khác, ít ra cũng là không cướp bóc trên những quy mô lớn. Phải chăng như vậy là một sự xúc phạm không thể tha thứ được đến lòng tự hào dân tộc? Người Ý là những người bị áp bức và là những người thấp hèn so với các dân tộc khác. Trong những năm 70 của thế kỷ trước, số người Ý di cư ra nước ngoài mỗi năm vào khoảng 100 000 người; nhưng hiện nay, số người di cư mỗi năm đã lên tới từ 500 000 đến 1 triệu người; họ đều là những người cùng khổ, bị nạn đói — theo đúng nghĩa của từ đó — trực tiếp đuổi bật ra khỏi nước, họ đều đem bán sức lao động của mình cho những ngành công nghiệp mà tiền công thấp nhất;

tất cả cái đám người đông đảo đó đều sống ở những khu phố chật chội nhất, nghèo khổ nhất và bẩn thỉu nhất của các thành phố châu Âu và châu Mỹ. Số người Ý sống ở nước ngoài đã từ 1 triệu người hồi năm 1881 tăng lên đến 5 triệu rưỡi hồi năm 1910, và phần nhiều họ sống ở những nước giàu và "lớn", ở đó, người Ý là một đám quần chúng công nhân hết sức thô kệch, "dân đen", cùng khổ và không có quyền lợi. Những nước chủ yếu sử dụng nhân công người Ý với tiền công hạ là: Pháp — 400 nghìn người Ý hồi năm 1910 (240 nghìn người hồi năm 1881); Thụy-sĩ — 135 nghìn (41) — (trong dấu ngoặc là chỉ số nghìn hồi năm 1881); Áo — 80 nghìn (40); Đức — 180 nghìn (7); Mỹ — 1 779 nghìn (170); Bra-din — 1 500 nghìn (82); Ác-hen-ti-na — 1 000 (254). Nước Pháp "hoa lệ", một nước mà 125 năm trước đây đã từng đấu tranh cho tự do và vì lẽ đó nó gọi là chiến tranh "giải phóng", cuộc chiến tranh hiện nó đang tiến hành cho cái quyền chiếm hữu nô lệ của nó và của nước Anh, tức là "quyền đi chiếm thuộc địa", nước Pháp đó đang thật sự nhét hàng mấy trăm nghìn công nhân Ý vào những khu đặc biệt; bọn đế tiện tiểu tư sản của cái dân tộc "lớn" đó ra sức làm thế nào để có thể tách khỏi những công nhân ấy càng nhiều càng tốt, chúng tìm đủ mọi cách để làm nhục họ và khinh miệt họ. Người ta gọi người Ý bằng cái tên khinh miệt là "mì ống", (bạn đọc Đại Nga hãy nhớ lại biết bao nhiêu cái tên khinh miệt mà ở nước ta người ta đặt cho những người "dị tộc" là những người không có cái hạnh phúc vừa sinh ra đã có quyền được hưởng những đặc quyền cao quý của một nước lớn, những đặc quyền mà bọn Pu-ri-skê-vích dùng làm công cụ để áp bức cả những người Đại Nga *lẫn* tất cả các dân tộc khác ở nước Nga). Năm 1896, nước Pháp vĩ đại đã ký với nước Ý một hiệp định mà trong đó nước Ý cam kết sẽ không tăng thêm số trường học Ý ở Tuy-ni-di! Mà từ ấy đến nay thì số dân cư người Ý ở Tuy-ni-di đã tăng gấp sáu lần. Ở Tuy-ni-di có 105 000 người Ý

bên cạnh 35 000 người Pháp, nhưng trong số người Ý chỉ có 1 167 người có ruộng đất, cộng tất cả được 83 000 héc-ta, trong khi đó 2 395 địa chủ người Pháp lại chiếm đoạt ở thuộc địa "của chúng" 700 000 héc-ta ruộng đất. Như thế thì làm thế nào mà lại không tán thành ý kiến của La-bri-ô-la và của những người Ý khác "theo phái Plê-kha-nốp", cho rằng nước Ý có "quyền" chiếm Tơ-ri-pô-li làm thuộc địa của họ, có quyền áp bức những người Xla-vơ ở Đan-ma-txi-a, có quyền phân chia vùng Tiểu Á, v. v. !\*

Giống như Plê-kha-nốp ủng hộ cuộc chiến tranh "giải phóng" của nước Nga chống những mưu đồ của nước Đức muốn biến nước Nga thành thuộc địa của nó, thủ lĩnh của đảng cải lương là Lê-ô-nít Bít-xô-la-ti đang hò hét phản đối "việc tư bản nước ngoài xâm nhập nước Ý" (tr. 97): tư bản Đức xâm nhập Lô-m-bác-đi-a, tư bản Anh xâm nhập Xi-xi-li-a, tư bản Pháp xâm nhập Pi-a-sen-ti-nô, tư bản Bỉ xâm nhập các công ty xe điện, v.v., v.v., không sao kể xiết được.

Vấn đề đã được đặt ra một cách dứt khoát, và người ta bắt buộc phải thừa nhận rằng cuộc chiến tranh châu Âu đã mang lại cho loài người một cái lợi hết sức lớn là đề ra vấn đề một cách thực sự dứt khoát cho hàng mấy trăm triệu người thuộc các dân tộc khác nhau, như sau: *hoặc là* bảo vệ

\* Vạch ra mối liên hệ giữa việc nước Ý chuyển sang chủ nghĩa đế quốc và việc chính phủ tán thành cải cách bầu cử, là một điều rất bổ ích. Cuộc cải cách đó đã tăng số cử tri từ 3 219 000 người lên 8 562 000 người, nói một cách khác, nó "hầu như" đã thực hiện chế độ đầu phiếu phổ thông. Trước chiến tranh Tơ-ri-pô-li, chính Giô-lít-ti, người thi hành cuộc cải cách hiện nay, lại là người kiên quyết phản đối cuộc cải cách đó. Mi-sen viết: Về thực chất thì "những lý do khiến cho chính phủ" và các đảng ôn hoà đã "thay đổi đường lối của họ", là lý do yêu nước. "Mặc dầu, về mặt lý luận, trước kia các công nhân công nghiệp và đặc biệt là những người thợ không chuyên nghiệp rất ghét chính sách thực dân, nhưng giờ đây, khi đánh nhau với người Thổ-nhĩ-kỳ, họ lại tỏ ra rất có kỷ luật và dễ bảo, trái hẳn với tất cả những lời tiên đoán. Việc phục tùng một cách nô lệ chính sách của chính phủ như

bằng súng hay bằng ngòi bút, một cách trực tiếp hay gián tiếp, dưới bất cứ hình thức nào, những đặc quyền hay những ưu thế, hay những tham vọng của giai cấp tư sản "nước mình", — những đặc quyền, ưu thế hay tham vọng của một nước lớn và nói chung là của một dân tộc, — nghĩa là trở thành người ủng hộ hay làm tôi tớ cho giai cấp đó; *hoặc là* lợi dụng mọi cuộc đấu tranh, nhất là cuộc đấu tranh vũ trang vì những đặc quyền của nước lớn, để lật mặt nạ và đánh đổ tất cả các chính phủ, và trước hết là chính phủ *nước mình*, bằng những hành động cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế đoàn kết nhất trí. Không có con đường trung dung nào cả, hay nói một cách khác; tìm cách đứng trên một lập trường trung dung có nghĩa là, trên thực tế, chuyển dần một cách giấu giếm sang phía giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa.

Toàn bộ cuốn sách nhỏ của Bác-bô-ni thực ra chỉ dùng để che đậy sự chuyển biến đó. Bác-bô-ni cũng khoác cái áo quốc tế chủ nghĩa y hệt như ông Pô-tơ-rê-xốp ở nước ta, khi ông ta nói rằng cần phải định rõ xem, đứng về phương diện quốc tế, nước nào thắng thì sẽ có lợi cho giai cấp vô sản hơn cả, hay sẽ ít tổn hại cho giai cấp vô sản hơn, và dĩ nhiên là ông ta giải quyết vấn đề này có hại cho... Áo và

thế thật đáng được khen thưởng để khích lệ giai cấp vô sản cứ tiếp tục đi theo mãi con đường mới đó. Trong nghị viện, chủ tịch Hội đồng bộ trưởng đã tuyên bố rằng: bằng hành động yêu nước của họ ở ngoài mặt trận Li-bi, giai cấp công nhân Ý đã tỏ ra trước tổ quốc là hiện nay họ đã trưởng thành về chính trị tới một trình độ hết sức cao. Những người đã có khả năng hy sinh tính mệnh của họ vì một mục đích cao cả thì cũng có khả năng bảo vệ những lợi ích của tổ quốc với tư cách là cử tri, và vì vậy họ có quyền được nhà nước coi là xứng đáng được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi chính trị" (tr. 177). Các bộ trưởng Ý nói hay thật! Nhưng bọn dân chủ - xã hội "cấp tiến" Đức lại còn cừ hơn, chúng hiện đang lấp lại cái lập luận sau đây của bọn tôi đòi: "chúng tôi" đã làm nghĩa vụ của chúng tôi, chúng tôi đã giúp "các ông" đi cướp phá các nước khác, ấy thế mà "các ông" lại từ chối không cho "chúng tôi" quyền đầu phiếu phổ thông ở Phổ...

Đức. Hoàn toàn theo tinh thần của Cau-xky, Bác-bô-ni đề nghị với Đảng xã hội chủ nghĩa Ý<sup>5</sup> hãy trình trọng tuyên bố cần có sự đoàn kết giữa công nhân tất cả các nước, — đương nhiên trước hết là giữa công nhân những nước tham chiến, — tuyên bố những tín nhiệm quốc tế chủ nghĩa của mình và đưa ra một cương lĩnh hoà bình dựa trên cơ sở giải trừ quân bị và độc lập dân tộc của tất cả các dân tộc, đồng thời thành lập một "liên minh tất cả các dân tộc nhằm đảm bảo lẫn cho nhau quyền bất khả xâm phạm và nền độc lập" (tr. 126). Và chính là vì những nguyên tắc đó mà Bác-bô-ni tuyên bố rằng chủ nghĩa quân phiệt là một hiện tượng "ký sinh" của chủ nghĩa tư bản, chứ "hoàn toàn không phải là một hiện tượng tất nhiên"; — rằng chính Đức và Áo là những nước bị nhiễm đầy một đầu óc "chủ nghĩa đế quốc quân phiệt", rằng chính sách xâm lược của họ đã "luôn luôn đe dọa nền hoà bình ở châu Âu", rằng nước Đức "đã luôn luôn bác bỏ những đề nghị hạn chế quân bị mà nước Nga (sic!!<sup>1)</sup>) và nước Anh đã đưa ra", v. v., v. v., — rằng do đó Đảng xã hội chủ nghĩa Ý phải tán thành việc nước Ý, khi thời cơ thích hợp, sẽ đứng về khối Đồng minh tay ba<sup>6</sup>!

Còn một điều chưa rõ là do những nguyên tắc nào mà người ta lại có thể không thích chủ nghĩa đế quốc tư sản Đức là nước, vào thế kỷ XX, đã phát triển về mặt kinh tế nhanh hơn các nước khác ở châu Âu và đã bị đặc biệt "thiệt thòi" trong việc phân chia thuộc địa, — bằng chủ nghĩa đế quốc tư sản Anh là nước phát triển chậm hơn nhiều, nước đã do cướp bóc mà chiếm được nhiều thuộc địa và đã luôn luôn thi hành ở đó (ở xa châu Âu) những thủ đoạn đàn áp cũng tàn ác không kém gì những thủ đoạn mà người Đức đã dùng, nước đã bỏ ra hàng tỷ bạc để tuyển mộ hàng triệu quân lính ở các nước lục địa nhằm cướp bóc Áo, Thổ-nhĩ-kỳ v. v.. Cũng như chủ nghĩa quốc tế của Cau-xky, chủ

<sup>1)</sup> - như thế đấy!!

nghĩa quốc tế của Bác-bô-ni, về thực chất, chỉ là ở chỗ bảo vệ ngoài miệng những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, nhưng thực ra thì lại nấp sau sự giả nhân giả nghĩa đó để bảo vệ giai cấp tư sản của nước mình, tức là giai cấp tư sản Ý. Cũng không thể không vạch ra rằng Bác-bô-ni, người đã cho xuất bản cuốn sách của mình ở Thụy-sĩ tự do (kiểm duyệt ở nước này đã chỉ bỏ có một nửa dòng, ở trang 75, có lẽ là một đoạn chỉ trích nước Áo), suốt trong 143 trang tác phẩm của ông ta đã không muốn trích dẫn những luận điểm cơ bản của bản Tuyên ngôn Ba-lơ và đã không muốn thực lòng phân tích những luận điểm đó. Nhưng trong khi đó, ông ta đã trích dẫn, với một thái độ hết sức đồng tình, hai người trước kia là nhà cách mạng Nga, mà hiện nay tất cả phái tư sản thân Pháp đang hết sức tán dương, đó là Crô-pốt-kin, một người tiểu tư sản vô chính phủ chủ nghĩa và Plê-kha-nốp, một người phi-li-xtanh dân chủ-xã hội (tr. 103). Như thế cũng là lẽ đương nhiên thôi! Những lời ngụy biện của Plê-kha-nốp, về thực chất, không khác gì những lời ngụy biện của Bác-bô-ni. Chỉ có điều là sự tự do chính trị hiện nay ở Ý dễ dàng lật tẩy những lời ngụy biện đó, càng làm lộ rõ hơn nữa lập trường thật của Bác-bô-ni là kẻ làm tay sai cho giai cấp tư sản ở trong phe công nhân.

Bác-bô-ni than phiền (y hệt như Plê-kha-nốp) rằng Đảng dân chủ - xã hội Đức "thiếu một tinh thần cách mạng chân chính và thật sự"; ông ta nhiệt liệt hoan nghênh Các-lơ Liép-nếch (chẳng khác gì những người xã hội - sô-vanh *Pháp* không thấy sai lầm của mình, cũng đã nhiệt liệt hoan nghênh Các-lơ Liép-nếch); nhưng ông ta tuyên bố quả quyết rằng "không thể có vấn đề Quốc tế phá sản được" (tr. 92), rằng những người Đức "không phản bội tinh thần của Quốc tế" (tr. 111), vì họ đã hành động với niềm tin "thành thật" là họ bảo vệ tổ quốc họ. Thế rồi với cái giọng lưỡi uyển chuyển giống hệt Cau-xky, nhưng lại thêm cái tài lém lếp kiểu rô-man, Bác-bô-ni tuyên bố rằng Quốc tế sẵn sàng (một khi đã đánh



bại nước Đức...) "tha thứ cho những người Đức đã có một lúc nào đó thiếu tin tưởng, cũng như chúa Cơ-đốc đã tha thứ cho thánh Pi-ốt; sẵn sàng quên hết những vết thương nặng nề mà chủ nghĩa đế quốc quân phiệt đã gây ra, và sẵn sàng ký kết một hoà ước thích đáng và hữu hảo" (tr. 113).

Thật là một cảnh tượng cảm động: Bác-bô-ni và Cau-xky — chắc là không phải không có sự tham gia của các ông Cô-xốp-xki và Ác-xen-rốt ở nước ta — cùng tha thứ lẫn cho nhau!!

Bác-bô-ni rất hài lòng về Cau-xky và Ghe-đơ, về Plê-kha-nốp và Crô-pốt-kin, nhưng lại lấy làm không hài lòng về cái đảng xã hội chủ nghĩa công nhân ở nước Ý của mình. Trong đảng đó, một đảng từng có cái may mắn là đã trực xuất được ra khỏi đảng, ngay từ hồi trước chiến tranh, bọn cải lương chủ nghĩa là Bít-xô-la-ti và đồng bọn, thì bây giờ đây, các bạn thấy không, lại có "một bầu không khí khó thở" (tr. 7) cho những người (như Bác-bô-ni) không tán thành khẩu hiệu "trung lập tuyệt đối" (nghĩa là không tán thành đấu tranh kiên quyết chống việc tán thành cho nước Ý tham gia chiến tranh). Con người đáng thương Bác-bô-ni phàn nàn chua chát rằng những người như loại ông ta lại bị Đảng xã hội chủ nghĩa công nhân Ý gọi là "những phần tử trí thức", "những người không còn có liên hệ gì với quần chúng nữa, những người xuất thân từ giai cấp tư sản", "những người đã xa rời con đường ngay thẳng là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa quốc tế" (tr. 7). Bác-bô-ni bực mình nói: đảng ta làm cho quần chúng "cuồng tín hơn là giáo dục họ" (tr. 4).

Cái luận điệu ấy cũ lắm rồi! Đó là một biến dạng kiểu Ý của cái điệu hát quen thuộc của bọn thủ tiêu và bọn cơ hội chủ nghĩa Nga phản đối "lời mị dân" của những người bôn-sê-vích độc ác đã "xúi giục" quần chúng chống lại những nhà xã hội chủ nghĩa ưu tú thuộc nhóm "Bình minh của chúng ta"<sup>7</sup>, thuộc Ban tổ chức<sup>8</sup> và đảng đoàn Tso-khê-ít-đê<sup>9</sup>! Nhưng cái ông xã hội - sô-vanh Ý này đã thốt ra một

lời thú nhận quý báu biết chừng nào, khi ông ta thừa nhận rằng ở cái nước duy nhất mà người ta đã có thể tự do thảo luận trong suốt mấy tháng ròng về các cương lĩnh của những người xã hội - sô-vanh và những người quốc tế chủ nghĩa cách mạng, thì chính *quần chúng công nhân*, chính *giai cấp vô sản giác ngộ* đã đứng về phía những người quốc tế chủ nghĩa cách mạng, còn những phần tử trí thức tiểu tư sản và bọn cơ hội chủ nghĩa thì lại tập hợp xung quanh bọn xã hội - sô-vanh.

Bác-bô-ni lập luận hoàn toàn theo tinh thần của Plê-kha-nốp và Ác-xen-rốt: sự trung lập biểu hiện một đầu óc ích kỷ hẹp hòi, một sự không hiểu biết gì về tình hình quốc tế, đó là một thái độ bỉ ổi đối với vấn đề nước Bỉ, một sự "vắng mặt", — mà "những người vắng mặt thì bao giờ cũng sai". Nhưng vì ở Ý có hai đảng công khai, đảng cải lương chủ nghĩa và đảng công nhân dân chủ - xã hội, và vì ở nước này không thể lừa gạt được công chúng, khi muốn che đậy cái bộ mặt thật của các ông Pô-tơ-rê-xốp, Tsê-rê-va-nin, Lê-vi-txơ-ki và đồng bọn bằng cái lá nho là đảng đoàn Tso-khê-ít-đê hay Ban tổ chức, cho nên Bác-bô-ni đã thành thật thú nhận như sau:

"Theo quan điểm đó, tôi lại càng thấy trong những hành động của những người xã hội chủ nghĩa cải lương, — là những người đã hiểu được rất mau ý nghĩa to lớn của sự đổi mới đó của tình hình chính trị" (do việc chiến thắng chủ nghĩa quân phiệt Đức mà có) "đối với cuộc đấu tranh sau này chống chủ nghĩa tư bản, và đã triệt để đứng về phía khối Đồng minh tay ba, — có nhiều tính chất cách mạng hơn là trong sách lược của bọn xã hội chủ nghĩa cách mạng chính thức, là bọn cũng bắt chước y như con rùa, đã ẩn vào trong cái mai là thái độ trung lập tuyệt đối" (tr. 81).

Về lời thú nhận quý báu đó, chúng ta chỉ còn biết mong sao có một đồng chí nào am hiểu phong trào nước Ý sẽ thu thập và chỉnh lý một cách có hệ thống số tài liệu rất lớn và rất có ý nghĩa mà *hai đảng* ở Ý đã cung cấp cho chúng

ta, để xác định xem những tầng lớp xã hội nào, những phần tử nào đã bênh vực — với sự giúp đỡ của ai, và bằng những lý lẽ gì — một bên là chính sách cách mạng của giai cấp vô sản Ý và một bên nữa là sự khúm núm trước giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa Ý. Những tài liệu như thế ở các nước khác nhau mà thu thập được càng nhiều, thì cái *sự thật* về những nguyên nhân và ý nghĩa của sự phá sản của Quốc tế II sẽ càng biểu hiện ra rõ ràng hơn trước mắt những công nhân giác ngộ.

Để kết thúc, cần vạch ra rằng Bác-bô-ni, vì đứng trước một đảng công nhân, nên đã ra công nghị biện mạo nhận là mình có bản năng *cách mạng* của công nhân. Ông ta miêu tả những người xã hội chủ nghĩa - quốc tế chủ nghĩa ở Ý — vốn phản đối một cuộc chiến tranh tiến hành *thực ra* là để đem lại lợi ích đế quốc chủ nghĩa cho giai cấp tư sản Ý — như những kẻ tự kiểm chế một cách hèn nhát, có lòng ích kỷ, muốn thoát khỏi những cảnh khủng khiếp của chiến tranh. "Một dân tộc bị người ta nhồi cho cái tinh thần sợ những cảnh khủng khiếp của chiến tranh, thì chắc là cũng sẽ sợ những cảnh khủng khiếp của cách mạng" (tr. 83). Và bên cạnh cái mưu toan hèn hạ muốn giả dạng là những nhà cách mạng như vậy, ông ta còn viện dẫn một cách thô thiển và có dụng ý những lời nói "minh bạch" của bộ trưởng Xa-lan-đra "trật tự nhất thiết phải giữ cho bằng được" — một mưu toan định tổng bãi công để phản đối việc động viên sẽ chỉ dẫn đến một "cuộc tàn sát vô ích" thôi; "trước kia chúng ta đã không thể ngăn chặn được cuộc chiến tranh Li-bi (Tơ-ri-pô-li), thì giờ đây chúng ta lại càng ít có khả năng ngăn chặn được cuộc chiến tranh chống nước Áo" (tr. 82).

Cũng giống như Cau-xky, Cu-nốp và tất cả những tên cơ hội chủ nghĩa khác, Bác-bô-ni đã gán cho những người cách mạng — ông đã dụng tâm gán như vậy, nhằm mục đích xấu xa nhất là lừa bịp số người nào đó trong quần chúng — là đã đưa ra một kế hoạch ngu xuẩn nhằm "lập tức" "phá hoại

chiến tranh" và để cho mình bị bắn chết khi giai cấp tư sản có thời cơ thuận lợi nhất. Ông ta mong lẩn tránh cái nhiệm vụ đã được vạch rõ ở Stút-ga và ở Ba-lơ: lợi dụng cuộc khủng hoảng cách mạng để tuyên truyền cách mạng một cách có hệ thống và để chuẩn bị những hành động cách mạng của quần chúng. Còn cái tình hình là châu Âu đang trải qua một thời kỳ cách mạng, thì Bác-bô-ni thấy hoàn toàn rõ ràng:

"... Có một điểm mà tôi thấy cần phải nhấn mạnh, mặc dù làm như thế có thể khiến bạn đọc chán ngấy, vì không thể nhận định tình hình chính trị hiện nay một cách đúng đắn được, nếu không làm cho sáng tỏ điểm này ra: thời kỳ chúng ta đang sống hiện nay là một thời kỳ đầy tai họa, một thời kỳ hành động, trong đó vấn đề không phải là làm sáng tỏ các tư tưởng, không phải là thảo ra các cương lĩnh, không phải là xác định một đường lối chính trị cho tương lai, mà là phát động cái lực lượng sinh động và tích cực để đạt được kết quả trong vòng một vài tháng, thậm chí có thể là trong một vài tuần. Trong những điều kiện như thế, vấn đề không phải là triết lý về tương lai của phong trào vô sản, mà là củng cố quan điểm của giai cấp vô sản trước thời cuộc" (tr. 87 - 88).

Lại thêm một lời nghị biện giả danh cách mạng nữa! Thì ra 44 năm sau Công xã, sau khi đã hoạt động trong gần một nửa thế kỷ để tập hợp và chuẩn bị lực lượng của quần chúng, giai cấp cách mạng châu Âu — vào giữa một thời kỳ đầy *tai họa* — phải nghĩ đến cách làm sao để mau chóng trở thành tên đầy tớ của giai cấp tư sản nước mình, để giúp cho nó đi cướp bóc, ức hiếp, tàn phá và chinh phục nhân dân các nước khác, chứ không phải là nghĩ đến cách làm sao để tiến hành, trên một quy mô rộng lớn, công tác tuyên truyền cách mạng trực tiếp và chuẩn bị những hành động cách mạng.

*Tạp chí "Người cộng sản",  
số 1 - 2, 1915  
Ký tên: N. Lê-nin*

*Theo đúng bản in trên tạp  
chí "Người cộng sản"*

## CẢM ƠN VỀ SỰ THẮNG THẮN

"... Cái ý kiến rộng tuếch cho rằng cần phải thành lập một Quốc tế gồm "những người dân chủ - xã hội quốc tế chủ nghĩa"... (gồm) "những phần tử đối lập nhất nhặn trong tất cả các đảng xã hội chủ nghĩa... Quốc tế chỉ có thể khôi phục lại với cùng những phần tử vẫn tham gia Quốc tế từ trước tới nay... Cái Quốc tế được khôi phục lại đó sẽ không phải là cái "thứ ba" mà chỉ có một nhúm những kẻ có đầu óc phe phái và chuyên môn chia rẽ mới thấy cần, nó sẽ vẫn là cái Quốc tế thứ hai không phải là đã chết mà chỉ tạm thời bị cái tai họa thế giới làm tê liệt đi thôi..."

Ông VI. Cô-xốp-xki đã phát biểu như vậy trong "Bản tin", số 8 của phái Bun<sup>10</sup>. Chúng tôi thật tâm cảm ơn sự thắng thắn của người thuộc phái Bun này, một người không phải vào loại thông minh nhất. Đây không phải là lần đầu tiên ông ta bênh vực chủ nghĩa cơ hội một cách thẳng thừng khiến cho những nhà ngoại giao thuộc phái Bun lấy làm khó chịu. Cả hiện nay nữa, ông ta lại cũng sẽ giúp cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội bằng cách làm cho công nhân thấy rõ rằng phái Bun đã xa rời chủ nghĩa xã hội vô sản một cách không thể cứu chữa được đến mức nào. Ông VI. Cô-xốp-xki không thấy mối liên hệ giữa chủ nghĩa cơ hội với chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Muốn thấy rõ mối liên hệ đó, phải biết suy nghĩ xem những tư tưởng căn bản của mỗi xu hướng đó là gì? chủ nghĩa cơ hội ở châu Âu đã phát triển như thế nào qua mấy chục năm gần đây? thái độ của cánh cơ hội chủ nghĩa và của cánh cách mạng trong nhiều nước

Âu châu, chẳng hạn như ở Nga, Đức, Bỉ, Pháp, Anh, Ý, Thụy-điển, Thụy-sĩ, Hà-lan, Bun-ga-ri, đối với chủ nghĩa xã hội - sô-vanh như thế nào?

Không biết ông VI. Cô-xốp-xki có nghĩ đến tất cả những điều đó không? Nếu ông ta đã thử trả lời, dù chỉ là câu hỏi thứ nhất, ông ta cũng sẽ nhanh chóng thấy rõ sai lầm của ông ta.

Nhân tiện, xin nói thêm rằng trong "Bản tin", số 7, ông VI. Cô-xốp-xki đã bộc lộ đầu óc chủ nghĩa sô-vanh thân Đức, vì trong khi lên án những người dân chủ - xã hội Pháp, ông ta đã bênh vực việc những người dân chủ - xã hội Đức bỏ phiếu tán thành ngân sách. Một ông W. nào đó (số 8, tr. 11 - 12), trong khi bênh vực cho ông VI. Cô-xốp-xki về việc ông bị "buộc tội" là theo chủ nghĩa sô-vanh, đã viết rằng không thể có chủ nghĩa sô-vanh thân Đức trong một tổ chức hoạt động ở Nga. Ông VI. Cô-xốp-xki có sẽ giải thích cho ông W. rõ tại sao một anh tư sản người U-cra-i-na hay người Ba-lan ở Nga, một anh tư sản người Đan-mạch hay người An-da-xơ ở Pháp, một anh tư sản người Ai-rơ-len ở Anh, lại thường hay tỏ ra là theo thứ chủ nghĩa sô-vanh đối địch với những dân tộc áp bức họ, không?

*Viết mùa hè 1915*

*In lần đầu năm 1931 trong*

*Văn tập Lê-nin, t. XVII*

*Theo đúng bản thảo*

## THẤT BẠI CỦA NƯỚC NGA VÀ CUỘC KHỦNG HOẢNG CÁCH MẠNG

Việc "giải tán" Đu-ma IV<sup>11</sup>, — để đối phó với sự hình thành một khối đối lập gồm phái tự do, phái thán Mườì và phái dân tộc chủ nghĩa trong Đu-ma đó, — là một trong những biểu hiện rõ ràng nhất của cuộc khủng hoảng cách mạng ở Nga. Quân đội của chính thể quân chủ Nga hoàng thất bại, phong trào bãi công và cách mạng của giai cấp vô sản phát triển, đồng đảo quần chúng bất bình, phái tự do và phái thán Mườì liên kết với nhau để thoả hiệp với Nga hoàng về một cương lĩnh cải lương và động viên công nghiệp nhằm chiến thắng nước Đức, — đó là sự nối tiếp và mối liên hệ giữa các sự biến xảy ra vào cuối năm đầu của chiến tranh.

Ngày nay, ai nấy đều thấy rằng cuộc khủng hoảng cách mạng ở Nga là một sự thật, nhưng không phải tất cả đều hiểu được đúng đắn ý nghĩa của nó và những nhiệm vụ do nó đề ra cho giai cấp vô sản.

Lịch sử hình như lại diễn lại: cũng như năm 1905, bây giờ lại nổ ra chiến tranh, hơn nữa đó là một cuộc chiến tranh mà chế độ Nga hoàng đã kéo đất nước vào vì những mục đích nhất định và rõ ràng là xâm lược, cướp bóc và phản động. Lại một sự thất bại trong chiến tranh và lại một cuộc khủng hoảng cách mạng do sự thất bại đó thúc đẩy. Giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa — lần này thậm chí còn liên

minh với những tầng lớp rộng rãi nhất thuộc giai cấp tư sản bảo thủ và bọn địa chủ, — lại đưa ra một cương lĩnh cải lương và thoả hiệp với Nga hoàng. Bây giờ tình hình cũng gần giống như hồi mùa hạ năm 1905, trước ngày có Đu-ma Bu-lư-ghin, hoặc như mùa hạ năm 1906, sau ngày giải tán Đu-ma I.

Nhưng thực ra thì có một sự khác nhau rất lớn: hiện nay chiến tranh đã bao trùm khắp châu Âu, bao trùm khắp các nước tiên tiến có phong trào xã hội chủ nghĩa quần chúng mạnh mẽ. Chiến tranh đế quốc chủ nghĩa đã *gắn chặt* cuộc khủng hoảng cách mạng ở Nga, một cuộc khủng hoảng nổ ra trên cơ sở cuộc cách mạng dân chủ - tư sản, với cuộc khủng hoảng cách mạng vô sản, xã hội chủ nghĩa đang ngày càng lớn lên ở phương Tây. Mối liên hệ đó mật thiết đến nỗi không một nhiệm vụ cách mạng nào có thể giải quyết được một cách riêng lẻ ở một nước này hay một nước khác: giờ đây cách mạng dân chủ - tư sản ở Nga không còn chỉ là màn đầu, mà cũng là một bộ phận cấu thành khăng khít của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở phương Tây nữa.

Tiến hành triệt để cuộc cách mạng tư sản ở Nga để nhóm ngọn lửa cách mạng vô sản ở phương Tây, đó là nhiệm vụ của giai cấp vô sản hồi 1905. Năm 1915, cái nửa thứ hai của nhiệm vụ đó đã trở thành bức thiết đến nỗi nó được đề ra trước mắt cùng một lúc với nửa thứ nhất. Một sự phân chia mới về chính trị đã xuất hiện ở Nga trên cơ sở những mối quan hệ quốc tế mới, cao hơn, phát triển hơn, chằng chịt với nhau hơn. Đó là sự phân chia mới giữa những người cách mạng sô-vanh muốn tiến hành cách mạng để chiến thắng nước Đức, và những người cách mạng quốc tế chủ nghĩa vô sản muốn tiến hành cuộc cách mạng ở Nga để làm nổ ra cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây và muốn cuộc cách mạng ở Nga được tiến hành cùng một lúc với cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây. Sự phân chia ranh giới mới

đó, về thực chất là sự phân chia ranh giới giữa giai cấp tiểu tư sản thành thị và nông thôn Nga với giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa. Cần thấy rõ sự phân chia mới đó, vì nhiệm vụ đầu tiên của một người mác-xít, nghĩa là của bất kỳ một người xã hội chủ nghĩa giác ngộ nào, trước một cuộc cách mạng sắp nổ ra, là phải hiểu rõ lập trường của *các giai cấp khác nhau*, là quy những sự bất đồng về sách lược và về nguyên tắc nói chung thành những sự khác nhau về lập trường giữa các giai cấp khác nhau.

Không có gì tầm thường hơn, không có gì đáng khinh bỉ hơn và có hại hơn cái tư tưởng thông thường này của bọn người phi-li-xtanh cách mạng: "hãy quên" những sự bất đồng ý kiến "khi đứng trước" cái nhiệm vụ chung trước mắt trong cuộc cách mạng sắp tới. Qua kinh nghiệm của mười năm từ 1905 đến 1914, người nào vẫn còn chưa tin rằng đó là một tư tưởng ngu xuẩn thì, về mặt cách mạng, người đó quả là một người không còn có thuốc gì cứu chữa được. Ngày nay người nào chỉ thốt ra những lời lẽ cách mạng mà không chịu phân tích xem những giai cấp nào đã *chứn g t ở* rằng mình có thể theo và đang theo một cương lĩnh cách mạng nhất định nào đó, thì thật ra người đó cũng chỉ là cùng một giuộc với bọn "cách mạng" Khru-xta-lép, A-la-đin, A-lếch-xin-xki mà thôi.

Trước mắt chúng ta, lập trường của phái bảo hoàng và của bọn địa chủ - chủ nô thật rõ ràng: "không trao" nước Nga cho giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa; thà điều đình với chính thể quân chủ Đức. Lập trường của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa cũng rất rõ ràng: lợi dụng việc thua trận và lợi dụng cuộc cách mạng đang lớn mạnh để bắt chính thể quân chủ đang hoảng sợ phải nhượng bộ và phải chia quyền với giai cấp tư sản. Và lập trường của giai cấp vô sản cách mạng cũng rất rõ ràng, họ muốn triệt để tiến hành cách mạng bằng cách lợi dụng những sự dao động và những khó khăn của chính phủ và của giai cấp tư sản. Còn giai cấp tiểu tư sản,

tức là quảng đại quần chúng dân cư ở nước Nga vừa mới thức tỉnh thì lại mò mẫm, "quờ quạng", đi theo đuôi giai cấp tư sản, bị ràng buộc bởi những thiên kiến dân tộc chủ nghĩa; một mặt, họ được những sự khủng khiếp và những thảm họa phi thường chưa từng thấy của chiến tranh, của đời sống đất đỏ, của cảnh tàn phá, của sự cùng khổ và của nạn đói đẩy họ đi tới cách mạng; mặt khác, cứ mỗi bước đi họ lại ngoảnh cổ *trở lại* hướng về cái tư tưởng bảo vệ tổ quốc, hoặc là cái tư tưởng giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ của nước Nga, hoặc là cái tư tưởng cho rằng sự phồn vinh của tiểu nông là nhờ vào việc chiến thắng chế độ Nga hoàng và chiến thắng nước Đức mà không cần phải chiến thắng chủ nghĩa tư bản.

Những sự dao động đó của người tiểu tư sản, của người tiểu nông, không phải là ngẫu nhiên, mà là kết quả tất nhiên của địa vị kinh tế của họ. Không muốn nhìn thấy sự thật "chua chát" nhưng sâu sắc ấy là không thông minh chút nào; cần phải hiểu rõ và theo dõi nó qua *các nhóm phái và các trào lưu chính trị* hiện có, để không tự lừa dối mình và không lừa dối nhân dân, để không làm suy yếu, không làm bạc nhược đảng cách mạng của giai cấp vô sản dân chủ - xã hội. Giai cấp vô sản sẽ tự làm suy yếu mình nếu nó cho phép đảng của nó dao động như giai cấp tiểu tư sản. Giai cấp vô sản chỉ làm tròn được sứ mệnh của nó, nếu nó biết tiến bước không dao động tới mục tiêu vĩ đại của nó, đồng thời thúc đẩy giai cấp tiểu tư sản tiến lên, giúp đỡ họ tự rèn luyện bằng những sai lầm của bản thân họ khi họ nghiêng về bên hữu và đồng thời sử dụng tất cả các lực lượng của họ vào cuộc tấn công khi cuộc sống buộc họ phải đi về phía tả.

Phái lao động, phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng<sup>12</sup>, bọn thủ tiêu thuộc phái "Ban tổ chức", — đó là những *trào lưu* chính trị ở Nga đã lộ rõ mặt trong mười năm qua, đã chứng minh sự liên hệ của họ với các nhóm, các phần tử và các

tầng lớp trong giai cấp tiểu tư sản, đã tỏ ra dao động từ chủ nghĩa cách mạng cực đoan ngoài miệng đến chỗ thực tế liên minh với bọn xã hội chủ nghĩa nhân dân<sup>13</sup> sô-vanh hay với nhóm "Bình minh của chúng ta". Thí dụ, ngày 3 tháng Chín 1915, năm uỷ viên thư ký ở nước ngoài của Ban tổ chức đã ra một bản kêu gọi nói về những nhiệm vụ của giai cấp vô sản, trong đó không nói qua một lời nào đến chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xã hội - sô-vanh, nhưng lại nói đến "khởi nghĩa" ở hậu phương quân đội Đức (và nói như thế sau một năm trời đấu tranh chống khẩu hiệu nội chiến!) và nêu lên cái khẩu hiệu mà hồi năm 1905 bọn dân chủ - lập hiến<sup>14</sup> đã từng tán tụng mãi, tức là khẩu hiệu "triệu tập một quốc hội lập hiến để thanh toán cuộc chiến tranh và chế độ chuyên chế (chế độ ngày 3 tháng Sáu)!!! Người nào không hiểu rằng đảng của giai cấp vô sản, vì thắng lợi của cách mạng, cần phải hoàn toàn cắt đứt với các trào lưu tiểu tư sản ấy, thì người đó thật đã uổng công mang cái danh hiệu là người dân chủ - xã hội.

Không, trước cuộc khủng hoảng cách mạng ở nước Nga mà chính sự thất bại đã thúc đẩy cho nhanh chóng hơn — đó là điều mà những người thù địch thuộc đủ mọi màu sắc với "chủ nghĩa thất bại" sợ không dám thú nhận, — thì nhiệm vụ của giai cấp vô sản sẽ vẫn như trước kia là phải đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa sô-vanh, nếu không, sự giác ngộ cách mạng của quần chúng sẽ không thể nào phát triển lên được, và phải giúp đỡ phong trào của quần chúng bằng những khẩu hiệu cách mạng rành mạch. Không phải là thành lập quốc hội lập hiến, mà là đánh đổ chế độ quân chủ, thành lập nền cộng hoà, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ, thực hiện chế độ ngày làm việc 8 giờ, — cũng như trước kia, đó sẽ là những khẩu hiệu của giai cấp vô sản dân chủ - xã hội, những khẩu hiệu của đảng ta. Và do đó, trong toàn bộ công tác tuyên truyền và cổ động của mình, trong tất cả những hoạt động của giai cấp công

nhân, để thật sự tách rời và đối lập những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội với những mục tiêu của chủ nghĩa sô-vanh tư sản (kể cả chủ nghĩa sô-vanh Plê-kha-nốp, và chủ nghĩa sô-vanh Cau-xky), đảng ta sẽ tiếp tục như trước kia, đưa ra khẩu hiệu biến cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến, nghĩa là khẩu hiệu cách mạng xã hội chủ nghĩa ở phương Tây.

Những bài học của chiến tranh buộc ngay cả những kẻ thù của chúng ta cũng phải thực tế thừa nhận lập trường của "chủ nghĩa thất bại", cũng như thừa nhận là cần thiết phải tung ra — lúc đầu bằng lời lẽ nẩy lửa trong một bản hiệu triệu, nhưng sau đó thì nghiêm túc hơn, chín chắn hơn — khẩu hiệu "khởi nghĩa ở hậu phương" của bọn quân phiệt Đức, nghĩa là khẩu hiệu nội chiến. Thế là những bài học của chiến tranh đã khắc sâu vào đầu óc của mọi người chính cái điều mà chúng ta đã chủ trương ngay từ lúc chiến tranh mới bắt đầu. Sự thất bại của nước Nga *tỏ ra* chỉ là một cái hại hết sức nhỏ vì nó đã đẩy cuộc khủng hoảng cách mạng lên trên quy mô hết sức to lớn, đã lay động hàng triệu, hàng chục và hàng trăm triệu người. Song, trong điều kiện chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, cuộc khủng hoảng cách mạng ở Nga không thể không làm cho người ta nghĩ đến con đường cứu vãn duy nhất đối với các dân tộc, con đường "khởi nghĩa ở hậu phương" quân đội Đức, nghĩa là nghĩ đến nội chiến trong *tất cả* các nước đang tham chiến.

Cuộc sống thực tế là thầy dạy chúng ta. Cuộc sống *tiến lên*, qua sự thất bại của nước Nga, tới cách mạng ở nước Nga, rồi qua cuộc cách mạng đó và do cuộc cách mạng đó mà tới nội chiến ở châu Âu. Cuộc sống đã bước vào con đường đó. Và đảng của giai cấp vô sản cách mạng ở Nga, nhờ những bài học của cuộc sống thực tế ấy — những bài học đã chứng minh thái độ của đảng đó là đúng — mà có

được một sức mạnh mới, sẽ càng cương quyết đi theo con đường mà nó đã vạch ra.

*Viết tháng Chín, sau  
ngày 5 (18), 1915  
Đăng lần đầu ngày 7 tháng  
Mười một 1928 trên báo  
"Sự thật", số 260*

*Theo đúng bản thảo*

## GỬI ỦY BAN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ (I. S. K.)<sup>15</sup>

Thưa các đồng chí!

Nhận được thư đề ngày 25 tháng Chín của các đồng chí, chúng tôi hoàn toàn tán thành kế hoạch thành lập một "ủy ban" thường vụ quốc tế "mở rộng" (erweiterte Kommission) ở Béc-nơ. Tin tưởng rằng các tổ chức khác tham gia I. S. K. cũng sẽ tán thành kế hoạch đó, chúng tôi cử đồng chí *Di-nô-vi-ép* thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tham gia ủy ban mở rộng đó, và cử (1) nữ đồng chí *Pê-rô-va* và (2) đồng chí *Lê-nin* làm phó, dự khuyết (suppléant, Stellvertreter). Địa chỉ liên lạc: Herrn Radomislky (bei Fr. Aschwanden). Hertenstein (Ks. Luzern). Schweiz.

Tiếp nữa. Về các vấn đề khác nêu trong thư ngày 25 tháng Chín của các đồng chí, thì về phần mình, chúng tôi có ý kiến như sau:

1. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với các đồng chí rằng "những quan điểm chung" ("allgemeine Gesichtspunkte"), được xác lập bởi cuộc hội nghị họp ngày 5 - 8 tháng Chín<sup>16</sup>, là "không đầy đủ" ("nicht genügend"). Cần phải khẩn thiết tiếp tục phát triển hơn nữa những nguyên tắc đó, phát triển một cách tỉ mỉ và chi tiết hơn rất nhiều. Làm như vậy là cần thiết cả trên quan điểm nguyên tắc lẫn trên quan điểm thực tiễn thuần túy, vì muốn thực hiện *sự thống nhất hành*

*động* trên phạm vi quốc tế, thì những tư tưởng căn bản cần phải sáng tỏ và các biện pháp hành động thực tiễn này hay các biện pháp hành động thực tiễn khác cũng phải được quy định chính xác. Không nghi ngờ gì cả, cuộc khủng hoảng to lớn mà châu Âu nói chung và phong trào công nhân châu Âu nói riêng đang trải qua, chỉ có thể dần dần mới làm cho quần chúng thấy rõ được hai mặt đó của vấn đề, nhưng nhiệm vụ của I. S. K. cũng như của các đảng tham gia uỷ ban này lại chính là phải giúp quần chúng thấy rõ hai mặt đó. Không chờ đợi một điều không thể có được là tất cả mọi người sẽ mau chóng thống nhất với nhau trên những quan điểm đã được nhất trí và đã được xác định rõ ràng, - chúng ta phải hết sức tìm cách làm cho mọi người thấy được thật *chính xác các xu hướng và các trào lưu chủ yếu* của chủ nghĩa xã hội quốc tế chủ nghĩa hiện giờ, rồi phải làm sao cho quần chúng công nhân hiểu được các xu hướng ấy, thảo luận tất cả mọi mặt của các xu hướng ấy, lấy kinh nghiệm của phong trào thực tiễn của mình để kiểm tra các xu hướng ấy. Theo ý kiến chúng tôi, nhiệm vụ này phải được I. S. K. coi là nhiệm vụ chính của mình.

2. Bức thư ngày 25 tháng Chín đã xác định nhiệm vụ của giai cấp vô sản là: hoặc đấu tranh cho hoà bình (trong trường hợp chiến tranh vẫn cứ tiếp diễn), hoặc "nêu ra cụ thể và chi tiết quan điểm quốc tế của giai cấp vô sản đối với các cương lĩnh và kiến nghị hoà bình" ("den internationalen Standpunkt des Proletariats zu den verschiedenen Friedensvorschlägen und Programmen konkret und ins einzelne gehend zu umschreiben"). Về mặt này, điều được đặc biệt nhấn mạnh là vấn đề dân tộc (An-da-xơ - Lo-ren, Ba-lan, Ác-mê-ni-a, v. v.).

Chúng tôi nhận định rằng trong cả hai văn kiện mà cuộc hội nghị họp trong những ngày 5 - 8 tháng Chín đã nhất trí thông qua, cụ thể là cả trong bản tuyên ngôn lẫn trong bản "nghị quyết đồng tình" ("Sympathieerklärung"), đều biểu

hiện tư tưởng cho rằng cuộc đấu tranh cho hoà bình là *gắn liền* với cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội (bản tuyên ngôn nói: "cuộc đấu tranh cho hoà bình... là cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội" — "dieser Kampf ist der Kampf... für den Sozialismus"), với "cuộc đấu tranh giai cấp không điều hoà của giai cấp vô sản" ("unversöhnlicher proletarischer Klassenkampf" — nguyên văn trong nghị quyết do hội nghị thông qua nói đến một cuộc đấu tranh giai cấp "cách mạng" chứ không phải là "không điều hoà", và nếu vì lý do phát biểu công khai mà đã có sự thay đổi đó, thì cũng không được vì thế mà hiểu khác nghĩa đi). Bản nghị quyết bày tỏ sự đồng tình đã công khai nêu rõ rằng hội nghị cần phải và "trịnh trọng hứa", "thức tỉnh tinh thần cách mạng trong quần chúng vô sản quốc tế".

Tách rời cuộc đấu tranh giai cấp cách mạng của giai cấp vô sản, thì cuộc đấu tranh cho hoà bình chỉ là một câu nói hoà bình chủ nghĩa của bọn tư sản tình cảm hay của bọn tư sản lừa gạt nhân dân mà thôi.

Chúng ta không thể và cũng không được bắt chước cung cách của bọn "chính khách", không thể và cũng không được thảo ra những bản cương lĩnh "cụ thể" về hoà bình. Trái lại, chúng ta phải giải thích cho quần chúng rõ rằng hy vọng sẽ có được một nền hoà bình dân chủ (không có thôn tính, không có bạo lực, không có cướp bóc) mà *không cần phải* phát triển cuộc đấu tranh giai cấp cách mạng, là hy vọng hão huyền. Ngay trong phần đầu bản tuyên ngôn, chúng ta đã nói kiên quyết, rõ ràng và rành mạch với quần chúng rằng nguyên nhân của chiến tranh là chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa đế quốc là việc một nhóm các "cường quốc lớn" "nô dịch" các dân tộc, tất cả các dân tộc trên thế giới. Vậy chúng ta phải giúp quần chúng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, nếu không thì không thể có được một nền hoà bình không có thôn tính. Dĩ nhiên, cuộc đấu tranh để đánh đổ chủ nghĩa đế quốc là khó khăn, nhưng quần chúng phải biết



rõ sự thật về cuộc đấu tranh khó khăn nhưng cần thiết đó. Quần chúng không được để bị ru ngủ bằng cái hy vọng là có thể có được một nền hoà bình mà không phải đánh đổ chủ nghĩa đế quốc.

3. Xuất phát từ những nhận định đó, chúng tôi đề nghị:

ghi vào chương trình nghị sự của những phiên họp sắp tới của uỷ ban mở rộng (nhằm thảo ra hay thu thập và công bố những đề cương hoặc những dự thảo nghị quyết) và sau đó của cuộc hội nghị quốc tế sắp tới (để thông qua dứt khoát một nghị quyết), những vấn đề sau đây:

a) mối liên hệ giữa các cuộc đấu tranh cho hoà bình với những hành động cách mạng có tính chất quần chúng hay cuộc đấu tranh giai cấp cách mạng của giai cấp vô sản;

b) quyền tự quyết của các dân tộc;

c) mối liên hệ giữa chủ nghĩa xã hội - ái quốc với chủ nghĩa cơ hội.

Chúng tôi nhấn mạnh rằng, trong bản tuyên ngôn do hội nghị thông qua, *tất cả* những vấn đề đó đều đã được đề cập đến một cách hết sức rõ ràng, rằng ý nghĩa của những vấn đề đó về mặt nguyên tắc và về mặt thực tiễn là hết sức trọng yếu, rằng *không thể có một* bước tiến thực tế nào của cuộc đấu tranh vô sản mà lại *không làm* cho những người xã hội chủ nghĩa và những người công đoàn chủ nghĩa không nghĩ đến những vấn đề ấy.

Sở dĩ cần phải xét đến những vấn đề đó, chính là nhằm xúc tiến cuộc đấu tranh quần chúng vì hoà bình, quyền tự quyết của các dân tộc và chủ nghĩa xã hội, và để đả phá "lời dối trá của bọn tư bản" (lời của bản tuyên ngôn) về việc "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh hiện nay.

Nếu cái lỗi hay điều không may của Quốc tế II, — như bức thư ngày 25 tháng Chín đã vạch ra một cách có lý, — là ở chỗ đã không xác định rõ cũng như đã không phân

tích những vấn đề trọng yếu đó, thì nhiệm vụ của chúng ta lại chính là ở chỗ giúp đỡ quần chúng đặt những vấn đề đó ra một cách rõ ràng hơn và giải quyết những vấn đề đó một cách đúng đắn hơn.

4. Về việc xuất bản một bản tin bằng ba thứ tiếng, thì theo ý chúng tôi, kinh nghiệm đã cho ta thấy rằng kế hoạch đó là không thích hợp. Nếu ra mỗi tháng một kỳ thì như vậy sẽ tốn từ 2 đến 3 nghìn phrăng mỗi năm, mà một số tiền như thế thì không phải là dễ kiếm. Và lại hai tờ báo ở Thụy-sĩ, tờ "Berne Tagwacht"<sup>17</sup> và tờ "La Sentinelle"<sup>18</sup>, đã đăng gần như tất cả những văn kiện của bản tin đó rồi. Chúng tôi đề nghị với I. S. K.:

Cố điều đình với ban biên tập hai tờ báo nói trên và với một tờ báo Mỹ để đăng bản tin đó cùng với tất cả các bản thông báo và văn kiện của I. S. K. trên các tờ báo đó (hoặc ngay trên báo của họ, với danh nghĩa I. S. K., hoặc trên các phụ trương riêng).

Như thế không những đỡ tốn kém hơn, mà còn giúp cho ta thông báo một cách vô cùng tốt hơn, đầy đủ hơn và thường xuyên hơn, cho giai cấp công nhân biết về sự hoạt động của I. S. K. Điều chúng ta quan tâm là làm sao có thật hết sức nhiều công nhân đọc các bản thông báo của I. S. K. và tất cả các dự thảo nghị quyết đều được in ra để cho công nhân biết và để giúp đỡ họ xác định thái độ của họ đối với chiến tranh.

Chúng tôi mong rằng sẽ không có ai phản đối sự cần thiết phải đăng cả bản dự thảo nghị quyết (12 đại biểu — so với 19 đại biểu không tán thành, — tức là gần 40% tổng số đại biểu đã tán thành lấy dự thảo nghị quyết đó làm cơ sở) lẫn bức thư của nhà xã hội chủ nghĩa xuất sắc người Đức<sup>19</sup> (không nêu tên và không nêu tất cả những gì *không* thuộc về sách lược).

Chúng tôi mong rằng I. S. K. sẽ thường xuyên nhận được tin tức ở các nước về các vụ truy nã và bắt bớ vì đấu

tranh chống chiến tranh, về tình hình diễn biến của cuộc đấu tranh giai cấp chống chiến tranh, về sự bắt tay thân thiện giữa binh sĩ trong các chiến hào, và việc đóng cửa các báo, về việc cấm đăng những lời kêu gọi đấu tranh cho hoà bình, v. v., và mong rằng tất cả những tin tức đó sẽ có thể được đăng — với danh nghĩa của I. S. K. — đều đặn trong các báo nói trên.

Việc điều đình với một tờ nhật báo hay một tờ tuần báo Mỹ có lẽ có thể do nữ đồng chí Côn-lôn-tai tiến hành; đồng chí này là cộng tác viên của tờ "Lời nói của chúng ta"<sup>20</sup> và nhiều tờ báo dân chủ - xã hội khác, và hiện nay vừa đi sang Mỹ để thuyết trình ở các nơi. Chúng tôi có thể liên lạc với Côn-lôn-tai hay cho địa chỉ của đồng chí ấy.

5. Về vấn đề cách thức đại biểu của *các bộ phận* thuộc các đảng (đặc biệt là đối với nước Đức, nước Pháp, và có lẽ cũng đối với cả nước Anh nữa), chúng tôi đề nghị:

I. S. K. hãy đề nghị với các đồng chí các đảng đó thảo luận xem có nên thành lập các nhóm mang những tên khác nhau, và những lời các nhóm này kêu gọi quần chúng (dưới hình thức truyền đơn, nghị quyết, v. v.) sẽ do I. S. K. đăng lên báo có chỉ rõ đó là của nhóm nào, hay không.

Bằng cách đó, một là, quần chúng sẽ luôn luôn được biết rõ sách lược và quan điểm của những người quốc tế chủ nghĩa, mặc dù có những sự cấm đoán của cơ quan kiểm duyệt quân sự; hai là, với việc các cuộc họp của công nhân, các tổ chức của họ, v.v. thông qua những nghị quyết đồng tình với quan điểm của nhóm này nhóm nọ, ta sẽ có thể thấy rõ được sự phát triển và sự thành công của công tác tuyên truyền các quan điểm quốc tế chủ nghĩa; ba là, như thế sẽ có khả năng phản ánh được những sắc thái khác nhau của các quan điểm (thí dụ, ở Anh, B. S. P.<sup>21</sup>, *phe thiếu số* của nó và I. L. P.<sup>22</sup>; ở Pháp, những người xã hội chủ nghĩa như Bourderon và những người khác, phái

công đoàn chủ nghĩa, như Merrheim và những người khác; ở Đức, như hội nghị đã vạch ra, *trong nội bộ* của phe đối lập cũng có nhiều sắc thái khác nhau).

Cố nhiên là các nhóm ấy, như bức thư ngày 25 tháng Chín đã chỉ rõ, sẽ không lập thành những tổ chức riêng biệt, mà vẫn ở trong các tổ chức cũ, như thế *chỉ là* để liên hệ với I. S. K. và để tuyên truyền cho cuộc đấu tranh giành hoà bình.

"Ủy ban mở rộng" và các cuộc hội nghị, sẽ do đại biểu của các nhóm đó họp thành.

6. Về số uỷ viên của "ủy ban mở rộng" và vấn đề bỏ phiếu chúng tôi đề nghị như sau:

Không hạn định số uỷ viên với mức maximum là 3 người, mà đối với các nhóm nhỏ, nên áp dụng chế độ *quyền biểu quyết bộ phận* (1/2, 1/3, v. v.).

Như thế tiện hơn, vì thật sự không thể tước quyền đại biểu của những nhóm có sắc thái riêng của họ được, và như vậy sẽ có hại cho sự phát triển và sự tuyên truyền trong quần chúng những nguyên tắc do bản tuyên ngôn xác định.

7. Về việc có người lo ngại rằng ủy ban mở rộng có thể sẽ mang "tính chất Nga- Ba-lan", chúng tôi nghĩ rằng các đồng chí ta lo ngại như vậy là *chính đáng* (mặc dù lo như thế có làm phật lòng những người Nga) vì có thể là có những nhóm lưu vong không có liên hệ thật sự với nước Nga, cũng có đại biểu của họ. Theo ý chúng tôi, chỉ có những tổ chức hay những đoàn thể đã chứng minh, *ít ra là qua ba năm công tác*, rằng mình có đủ tư cách đại biểu cho phong trào ở ngay trong nước Nga, thì mới có quyền có đại biểu. Chúng tôi đề nghị I. S. K. nghiên cứu và quy định nguyên tắc đó, và hãy đòi hỏi tất cả các nhóm đưa ra những tài liệu và chứng cứ về sự hoạt động của họ ở Nga.

8. Sau hết, nhân dịp này, chúng tôi xin nêu ra một điểm không chính xác trong tập "Bản tin"<sup>23</sup>, số 1 và đề nghị

cải chính điểm đó trong số 2 (hay trong tờ "Bernner Tagwacht" và tờ "La Sentinelle"). Chính trong tập "Bản tin", số I, tr. 7, cột I, ở đoạn đầu, có nói rằng dự thảo nghị quyết đã được Ban chấp hành trung ương, những người dân chủ - xã hội Ban-lan (Landesvorstand<sup>1)</sup>), những người Lát-vi-a, Thụy-điển và Na-uy, ký tên. Trong số kể ra đó còn sót:

Một đại biểu người Đức (không công bố tên, vì những lý do dễ hiểu) và một đại biểu Thụy-sĩ là Plát-ten.

*Viết tháng Chín, sau ngày  
12 (25), 1915*

*In lần đầu ngày 6 tháng  
Chín 1925 trên báo "Sự thật",  
số 203*

*Theo đúng bản thảo*

<sup>1)</sup> - Ban lãnh đạo trung ương.

## BƯỚC ĐẦU

Trong thời kỳ khủng hoảng cực kỳ nghiêm trọng do chiến tranh gây ra này, phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế phát triển một cách chậm chạp. Tuy nhiên, nó vẫn phát triển và phát triển theo cái hướng là cắt đứt với chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Cuộc Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-méc-van (Thụy-sĩ), họp ngày 5 - 8 tháng Chín 1915, đã cho ta thấy rõ điều đó.

Suốt trong một năm, những người xã hội chủ nghĩa ở các nước tham chiến và các nước trung lập đã tỏ ra dao động và chờ đợi: họ không dám tự mình thừa nhận tất cả sự sâu sắc của cuộc khủng hoảng, họ không muốn nhìn thẳng vào hiện thực; họ tìm muôn nghìn cách để trì hoãn việc cắt đứt không thể tránh khỏi với bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn theo Cau-xky là những kẻ đang khống chế các đảng chính thức ở Tây Âu.

Nhưng sự nhận định về các sự biến mà chúng ta đã nêu ra một năm trước đây trong bản tuyên ngôn của Ban chấp hành trung ương (báo "Người dân chủ - xã hội"<sup>24</sup>, số 33)<sup>1)</sup>, đã tỏ ra là đúng; những sự biến đã chứng minh rằng nhận định đó là đúng đắn; những sự biến đã *diễn ra* cụ thể là như thế này: tại cuộc Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế

<sup>1)</sup> Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr.15 - 26.

lần thứ nhất, đã có những đại biểu là những phần tử đối lập thuộc phe thiểu số (ở Đức, Pháp, Thụy-điển và Na-uy); họ hoạt động *trái* với những nghị quyết của các đảng chính thức, nghĩa là trên thực tiễn, họ đã hoạt động chia rẽ.

Kết quả công tác của hội nghị này là một bản tuyên ngôn và một bản nghị quyết đồng tình với các đồng chí bị tù và bị truy nã. Hai văn kiện đó đều được in trên báo "Người dân chủ - xã hội", số này. Với 19 phiếu tán thành và 12 phiếu chống, hội nghị đã bác bỏ không giao cho tiểu ban nghiên cứu bản dự thảo nghị quyết mà chúng ta và những người mác-xít cách mạng khác đã đưa ra, còn bản dự thảo tuyên ngôn của chúng ta thì được chuyển cho tiểu ban cùng với hai bản dự thảo khác, để đúc thành một bản tuyên ngôn chung. Độc giả có thể tìm đọc ở một chỗ khác trong số báo này hai bản dự thảo của chúng tôi; so sánh hai bản dự thảo đó với bản tuyên ngôn đã được thông qua thì sẽ thấy rõ rằng nhiều tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác cách mạng đã được đưa vào.

Bản tuyên ngôn được thông qua đã thực sự đánh dấu một bước tiến tới chỗ cắt đứt về tư tưởng và về thực tiễn với chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Nhưng đồng thời, như sự phân tích bản tuyên ngôn đó sẽ cho ta thấy rõ, bản tuyên ngôn đó là không triệt để và thiếu kiên quyết.

Bản tuyên ngôn tuyên bố rằng cuộc chiến tranh này là cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, và nó vạch ra hai đặc trưng của khái niệm đó: xu hướng của bọn tư bản của *mỗi* dân tộc muốn thực hiện lợi nhuận và tăng cường bóc lột, và xu hướng của các cường quốc lớn muốn chia nhau thế giới và "nô dịch" các dân tộc yếu. Điều quan trọng nhất trong những điều cần phải nói về tính chất đế quốc chủ nghĩa của chiến tranh, và đã được nêu ra trong nghị quyết của chúng ta, thì đã được nhắc lại ở đây. Trong phần này, bản tuyên ngôn chỉ làm cái việc *phổ cập hoá* nghị quyết của

chúng ta. Việc phổ cập hoá đương nhiên là một điều có ích. Nhưng nếu ta muốn cho giai cấp công nhân có những tư tưởng rõ ràng, nếu chúng ta chú trọng đến công tác tuyên truyền có hệ thống và bền bỉ, thì cần phải vạch ra một cách chính xác và đầy đủ những nguyên tắc cần phải phổ cập. Nếu không, chúng ta sẽ lại mắc đúng ngay cái sai lầm, đúng ngay cái tội lỗi của Quốc tế II đã khiến Quốc tế II bị phá sản, tức là: chúng ta tạo điều kiện cho những sự mập mờ và những sự xuyên tạc. Chẳng hạn, liệu có thể không thừa nhận cái ý kiến được thể hiện trong nghị quyết cho rằng các tiền đề khách quan của chủ nghĩa xã hội đã chín muồi, là một ý kiến có một ý nghĩa trọng yếu không? Trong bản trình bày "phổ cập" về bản tuyên ngôn, ý kiến ấy đã bị loại bỏ; mưu toan muốn đem bản nghị quyết rõ ràng, chính xác, có tính nguyên tắc và lời kêu gọi hợp lại thành một, đã không thành công.

"Bọn tư bản tất cả các nước... đều quả quyết rằng chiến tranh là để bảo vệ tổ quốc... Chúng đã nói dối...", — bản tuyên ngôn nói tiếp như vậy. Cả ở đây nữa, việc tuyên bố thẳng thừng rằng tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa cơ hội trong cuộc chiến tranh hiện nay - tư tưởng "bảo vệ tổ quốc" - là một "sự lừa dối", việc tuyên bố đó chính là lặp lại cái ý kiến chủ yếu nhất trong nghị quyết của những người mác-xít cách mạng. Nhưng ở đây, rất đáng tiếc là ta cũng lại thấy lộ ra một tinh thần không kiên quyết, một sự nhu nhược, sợ không dám nói hết sự thật. Sau một năm chiến tranh, hiện nay ai mà không biết rằng điều không may thật sự cho chủ nghĩa xã hội là *sự lừa dối* của bọn tư bản, không những được báo chí tư bản chủ nghĩa (báo chí này là báo chí tư bản chủ nghĩa, chính là vì nó dùng để lặp lại những lời lừa dối của bọn tư bản), mà còn được đại bộ phận báo chí xã hội chủ nghĩa *lặp lại và ủng hộ* nữa? Ai mà không biết rằng không phải sự "lừa dối của bọn tư bản" đã gây ra một cuộc khủng hoảng lớn nhất của chủ nghĩa xã hội

châu Âu; mà gây ra cuộc khủng hoảng đó, chính là *sự lừa dối* của Ghe-đơ, Hen-đman, Van-đéc-ven-đơ, Plê-kha-nốp, *Cau-xky*? Ai mà không biết rằng chính *sự lừa dối* của những lãnh tụ này là cái đã đột nhiên bộc lộ cho người ta thấy rõ tất cả sức mạnh của chủ nghĩa cơ hội; cái chủ nghĩa mà trong những giờ phút quyết định, những lãnh tụ này đã rơi vào?

Ta hãy xem tình hình đó đưa đến kết quả gì. Muốn cho phổ cập, người ta nói với quần đại quần chúng rằng cái tư tưởng bảo vệ tổ quốc trong cuộc chiến tranh này là một sự lừa dối của bọn tư bản. Nhưng quần chúng châu Âu không phải là những người mù chữ, và hầu hết tất cả những người đọc bản tuyên ngôn đều đã và đang được nghe hàng trăm tờ báo, tạp chí và sách xã hội chủ nghĩa đang phụ họa với Plê-kha-nốp, Hen-đman, Cau-xky và đồng bọn đưa ra *cùng lời lừa dối đó*. Độc giả của bản tuyên ngôn đó sẽ nghĩ như thế nào? Trước cái bằng chứng rõ ràng về sự nhu nhược đó của các tác giả bản tuyên ngôn, độc giả sẽ nghĩ thế nào? Bản tuyên ngôn đó dạy công nhân rằng: các anh đừng có nghe lời lừa dối của *bọn tư bản* về việc bảo vệ tổ quốc. Được lắm. Hầu hết tất cả đều sẽ trả lời hay sẽ nghĩ trong thâm tâm rằng: đã từ lâu rồi, sự lừa dối của *bọn tư bản* không thể làm cho chúng tôi dao động được, nhưng còn có sự lừa dối của Cau-xky và đồng bọn...

Sau đó, bản tuyên ngôn còn lặp lại một tư tưởng trọng yếu khác trong bản nghị quyết của chúng ta khi tuyên bố rằng các đảng xã hội chủ nghĩa và các tổ chức công nhân các nước đã *"vi phạm* những nghĩa vụ được quy định trong các nghị quyết của các đại hội ở Stút-ga, Cô-pen-ha-gơ<sup>25</sup> và Ba-lô", rằng cả Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa<sup>26</sup> nữa cũng *đã không làm tròn nghĩa vụ của mình*, điều đó đã biểu lộ rõ trong việc bỏ phiếu tán thành ngân sách, trong việc tham gia nội các, trong việc thừa nhận chủ trương "hoà bình trong

nước" (bản tuyên ngôn gọi sự phục tùng chủ trương hoà bình trong nước là *một hành vi nô lệ*, nghĩa là nó trách Ghe-đơ, Plê-kha-nốp, Cau-xky và đồng bọn không tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội mà tuyên truyền cho những tư tưởng *nô lệ*).

Trong một bản tuyên ngôn có tính chất "phổ cập" mà chỉ nói rằng một số đảng đã không làm tròn nghĩa vụ của mình - mọi người ai cũng biết đó là nói những đảng và tổ chức công nhân mạnh nhất của tất cả những nước tiên tiến nhất: Anh, Pháp, Đức - chứ không giải thích cái sự thật lạ lùng, chưa từng nghe và chưa từng thấy đó, thì thử hỏi như vậy có triết để không? Phần lớn các đảng xã hội chủ nghĩa và chính bản thân Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã không làm tròn nghĩa vụ của mình! Thế nghĩa là gì? Phải chăng đó là sự ngẫu nhiên và là sự phá sản của một số người? Hay đó là một bước ngoặt trong cả một thời kỳ? Nếu giả thiết thứ nhất là đúng, nếu *chúng ta* để cho một tư tưởng như vậy thâm nhập vào quần chúng, thì như vậy là *chúng ta* từ bỏ những nguyên lý cơ bản của học thuyết xã hội chủ nghĩa. Nếu giả thiết thứ hai là đúng, thì làm sao người ta lại không nói thẳng điều đó ra? Đây là một sự kiện có một ý nghĩa lịch sử toàn thế giới, là sự phá sản của toàn bộ Quốc tế, là một bước ngoặt trong cả một thời kỳ, thế mà chúng ta lại *sợ không dám* nói với quần chúng rằng cần phải tìm ra và phát hiện ra toàn bộ sự thật, rằng cần phải suy nghĩ đến nơi đến chốn, rằng thật là vô lý và lối bịch nếu giả định là Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa và nhiều đảng đã phá sản, mà hiện tượng đó lại *không* gắn liền với lịch sử lâu dài phát sinh, phát triển, chín muồi và *thối nát* của trào lưu cơ hội chủ nghĩa toàn Âu châu, - trào lưu này có những gốc rễ kinh tế sâu xa, sâu xa không phải hiểu theo nghĩa là nó gắn liền mật thiết với quần chúng, mà hiểu theo nghĩa là nó gắn liền với một tầng lớp nhất định trong xã hội.

Chuyển sang nói về "cuộc đấu tranh cho hoà bình", bản tuyên ngôn tuyên bố: "cuộc đấu tranh đó là một cuộc đấu tranh cho tự do, cho tình hữu nghị giữa các dân tộc, cho chủ nghĩa xã hội", và sau đó người ta giải thích rằng trong chiến tranh, công nhân hy sinh "để phục vụ các giai cấp thống trị", trong khi cần phải biết hy sinh "cho chính sự nghiệp của mình" (trong bản tuyên ngôn gạch dưới hai lần), "cho những mục đích thiêng liêng của chủ nghĩa xã hội", thế mà trong nghị quyết bày tỏ sự đồng tình với các chiến sĩ bị tù và bị truy nã, thì lại nói rằng "Hội nghị trình trọng cam kết noi gương các chiến sĩ đang sống hay đã hy sinh đó để tỏ lòng tôn kính họ" và tự để cho mình nhiệm vụ là "thức tỉnh tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế".

Tất cả các ý kiến đó đều là sự lặp lại cái ý kiến cơ bản trong nghị quyết của chúng ta nói rằng đấu tranh cho hoà bình mà không tiến hành đấu tranh cách mạng thì chỉ là một lời nói rỗng tuếch và lừa bịp, và con đường duy nhất để thoát khỏi những cảnh khủng khiếp của chiến tranh là cuộc đấu tranh cách mạng cho chủ nghĩa xã hội. Và cả ở đây nữa, ta cũng lại thấy biểu lộ vẫn tính không kiên quyết, không triệt để, và nhu nhược như thế: người ta kêu gọi quần chúng noi gương các chiến sĩ cách mạng, người ta tuyên bố rằng năm người trong đảng đoàn Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bị đày sang Xi-bi-ri, đã noi theo "truyền thống cách mạng vinh quang của nước Nga", người ta tuyên bố là cần phải "thức tỉnh tinh thần cách mạng" nhưng lại... không nói thẳng, công khai và rõ ràng những biện pháp đấu tranh cách mạng.

Ban chấp hành trung ương của ta có nên ký vào bản tuyên ngôn không triệt để và nhu nhược đó không? Chúng tôi nghĩ rằng nên. Những ý kiến bất đồng của chúng ta - tôi không những chỉ nói đến ý kiến bất đồng của Ban chấp hành trung ương mà cả của toàn bộ phái tả, quốc tế, mác-xít - cách

mạng của hội nghị - đã được công khai ghi trong một nghị quyết đặc biệt, trong một bản dự thảo đặc biệt của bản tuyên ngôn, trong một bản tuyên bố đặc biệt về vấn đề biểu quyết bản tuyên ngôn có tính chất thoả hiệp<sup>27</sup>. Chúng ta không hề giấu giếm một chút gì những ý kiến, các khẩu hiệu và sách lược của chúng ta. Cuốn sách mỏng "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh"<sup>1)</sup> xuất bản bằng tiếng Đức đã được phân phát trong hội nghị. Chúng ta đã truyền bá, đang truyền bá và sẽ tiếp tục truyền bá những tư tưởng của chúng ta một cách rộng rãi không kém bản tuyên ngôn sẽ được truyền bá. Sự thật thì bản tuyên ngôn đó là một bước tiến tới cuộc đấu tranh thật sự chống chủ nghĩa cơ hội, tới chỗ cắt đứt và ly khai với chủ nghĩa đó. Khi chúng ta vẫn giữ được toàn quyền tự do và đầy đủ khả năng để phê phán tính không triệt để và để tìm cách đạt được nhiều hơn nữa, mà lại từ chối không thực hiện bước tiến đó cùng với phái thiểu số người Đức, Pháp, Thụy-điển, Na-uy và Thụy-sĩ, thì như thế sẽ là đầu óc bè phái\*. Nếu từ chối không chịu đi cùng với phong trào phản đối chủ nghĩa xã hội - sô-vanh, một phong trào quốc tế đang lớn mạnh, viện cớ là phong trào này quá chậm chạp, nó mới tiến được "độc"

\* Dù "Ban tổ chức" và những người xã hội - cách mạng đã vì ngoại giao mà ký bản tuyên ngôn, nhưng vẫn giữ nguyên tất cả những cái gì gắn bó họ - và ràng buộc họ - với nhóm "Bình minh của chúng ta", với Ru-ba-nô-vích và với Hội nghị tháng Bảy (năm 1915) của những người xã hội chủ nghĩa nhân dân và những người xã hội - cách mạng ở Nga<sup>28</sup>, - thì điều đó cũng không làm cho chúng ta nao núng. Chúng ta có đầy đủ khả năng để đấu tranh chống cái mảnh khỏe vô liêm sỉ và vạch mặt nó ra. Càng ngày nó càng tự lột mặt nạ của nó ra. Nhóm "Bình minh của chúng ta" và đảng đoàn Tsơ-khê-ít-dê giúp chúng ta lột mặt nạ của Ác-xen-rốt và đồng bọn.

<sup>1)</sup> Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 385 - 442.

có một bước thối, nó đã sẵn sàng và muốn ngày mai lùi lại một bước, hoà hảo với Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cũ, - thì đó sẽ là một chiến thuật tồi. Hiện giờ, việc họ sẵn sàng hoà giải với bọn cơ hội chủ nghĩa, mới chỉ là một nguyện vọng, và chỉ thế thôi. Liệu bọn cơ hội chủ nghĩa có đồng ý hoà giải không? *Khách quan mà nói, giữa các phái, phái xã hội - sô-vanh, phái Cau-xky và phái mác-xít quốc tế chủ nghĩa cách mạng, là những phái ngày càng có những ý kiến bất đồng, liệu có thể có sự hoà hảo với nhau được không? Chúng ta nghĩ rằng không, và, chúng ta sẽ tiếp tục theo đường lối của chúng ta, vì chúng ta được thắng lợi của đường lối đó trong cuộc hội nghị ngày 5 - 8 tháng Chín, cổ vũ.*

Vì thắng lợi của đường lối của chúng ta là điều không thể chối cãi được. Hãy so sánh các sự kiện. Tháng Chín 1914, bản tuyên ngôn của Ban chấp hành trung ương chúng ta hình như bị cô lập. Tháng Ba 1915, Hội nghị phụ nữ quốc tế<sup>29</sup> họp, và thông qua một nghị quyết hoà bình chủ nghĩa với nội dung nghèo nàn, mà Ban tổ chức đã tán thành một cách mù quáng. Tháng Chín 1915, chúng ta tập hợp lại thành cả một nhóm cánh tả quốc tế, chúng ta đề ra sách lược của chúng ta, chúng ta làm cho nhiều tư tưởng cơ bản của chúng ta được chấp nhận trong một bản tuyên ngôn chung, chúng ta tham gia thành lập Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế, trên thực tế đó là một Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa mới, bất chấp ý muốn của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cũ, và trên cơ sở một bản tuyên ngôn công khai lên án sách lược của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cũ.

Bây giờ, nhờ kinh nghiệm của phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế, công nhân Nga, mà tuyệt đại đa số đã theo đảng ta và Ban chấp hành trung ương của đảng từ những năm 1912 - 1914, sẽ thấy rằng sách lược của chúng ta ngày càng được xác nhận trên một phạm vi rộng lớn hơn, và những tư tưởng cơ bản của chúng ta hiện nay đang được

một bộ phận ngày càng lớn và ưu tú nhất trong Quốc tế vô sản, tán thành.

*"Người dân chủ-xã hội",  
số 45 - 46 ngày 11 tháng  
Mười 1915*

*Theo đúng bản in trên báo  
"Người dân chủ-xã hội"*

**NHỮNG NGƯỜI MÁC-XÍT CÁCH MẠNG  
TẠI HỘI NGHỊ XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ  
HỌP NGÀY 5 - 8 THÁNG CHÍN 1915**

Trong hội nghị này đã xảy ra một cuộc đấu tranh tư tưởng giữa một nhóm cố kết gồm những người quốc tế chủ nghĩa và những người mác-xít cách mạng, với những phần tử hợp thành cánh hữu của hội nghị gồm bọn ngả nghiêng gần như là theo chủ nghĩa Cau-xky. Sự cố kết của nhóm trên là một trong những sự kiện quan trọng nhất và là một trong những thành công to lớn nhất của hội nghị. Sau suốt cả một năm chiến tranh, trong Quốc tế, chỉ có trào lưu do đảng ta đại diện là trào lưu *duy nhất* đề xuất được một nghị quyết hoàn toàn chính xác, - đồng thời cũng đã vạch ra được một bản dự thảo tuyên ngôn dựa trên cơ sở nghị quyết đó, - và đã liên hợp được những người mác-xít triệt để ở Nga, Ba-lan, xứ Lát-vi-a, Đức, Thụy-điển, Na-uy, Thụy-sĩ và Hà-lan.

Bọn ngả nghiêng đã đưa ra những lý lẽ gì để chống lại chúng ta? Người Đức thừa nhận rằng chúng ta đang đi thẳng tới những trận chiến đấu cách mạng, nhưng họ lại bảo là không nên tuyên bố ra trước thế giới những việc như: bắt tay thân thiện trong các chiến hào, bãi công chính trị, tuần hành thị uy trên đường phố và nội chiến. Những việc đó, ta cứ làm, nhưng đừng nên nói ra. Còn một số người khác lại nói thêm rằng: đó là trò trẻ con, là những lời khoác lác.

Bọn nửa Cau-xky chủ nghĩa ở Đức đã tự trừng phạt mình vì những luận điệu mâu thuẫn và mập mờ đến mức trở thành buồn cười và thiếu lịch sự ấy, khi họ thông qua một bản bày tỏ sự đồng tình đối với các thành viên trong đảng đoàn Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và thông qua một bản tuyên bố là cần phải "noi gương" những người ấy, tức là những người đã phân phát chính tờ "Người dân chủ-xã hội", Cơ quan ngôn luận trung ương của chúng ta, một tờ báo "đã công bố ra trước toàn thế giới" về cuộc nội chiến.

Chúng ta đã trả lời những người Đức rằng: các bạn đang noi theo gương xấu của Cau-xky, vì trên lời nói, các bạn thừa nhận là cách mạng sắp nổ ra, nhưng trong thực tế, các bạn lại từ chối không chịu công khai nói rõ với quần chúng về cuộc cách mạng đó, không chịu kêu gọi họ tham gia cách mạng, không chịu vạch ra những phương pháp đấu tranh cụ thể nhất mà quần chúng sẽ đem ra kiểm nghiệm và xây dựng thành quy tắc trong quá trình cách mạng. Năm 1847, lúc Mác và Ăng-ghe-n *đang còn ở nước ngoài*, - bọn phi-li-xtanh Đức đã hết sức kinh ngạc khi thấy rằng trong lúc đang ở nước ngoài mà người ta lại dám bàn đến những phương pháp đấu tranh cách mạng! - trong tác phẩm nổi tiếng "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", Mác và Ăng-ghe-n đã kêu gọi làm cách mạng, đã thẳng thắn và công khai nói đến việc dùng bạo lực, đã tuyên bố rằng che giấu mục đích cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và phương pháp đấu tranh cách mạng của mình là một hành vi "đáng khinh bỉ". Cuộc cách mạng 1848 đã chứng minh rằng *chỉ có* Mác và Ăng-ghe-n là đã đề ra một sách lược đúng đắn trước những sự biến. Ở Nga, vài năm trước khi nổ ra cuộc cách mạng 1905, trên tờ "Tia lửa" cũ năm 1901<sup>30</sup>, Plê-kha-nốp, lúc bấy giờ còn là một người mác-xít, đã cho in một bài báo không ký tên nói lên quan điểm của toàn thể ban biên tập, bài báo này nói đến cuộc khởi nghĩa sắp nổ ra và những phương pháp chuẩn bị khởi nghĩa như tuần hành thị uy trên đường



phố, và thậm chí bàn cả đến những biện pháp kỹ thuật như dùng dây thép để chống kỵ binh. Cuộc cách mạng Nga đã chứng minh rằng chỉ có những người theo phái "Tia lửa" cũ là đã đề ra một sách lược đúng đắn trước những sự biến. Và hiện giờ thì phải chọn lấy một trong hai đường. Hoặc là chúng ta thực sự và kiên quyết tin chắc rằng chiến tranh đã tạo ra ở châu Âu một tình thế cách mạng, rằng toàn bộ tình hình kinh tế, chính trị và xã hội của thời kỳ đế quốc chủ nghĩa sẽ đưa đến một cuộc cách mạng vô sản. Lúc đó thì chúng ta có nhiệm vụ tuyệt đối là giải thích cho quần chúng hiểu tính tất yếu của cách mạng, kêu gọi họ làm cách mạng, xây dựng những tổ chức đáp ứng những mục đích đó, mạnh dạn bàn một cách cụ thể nhất đến những phương pháp khác nhau của cuộc đấu tranh bằng bạo lực và "kỹ thuật" đấu tranh bằng bạo lực. Vô luận cách mạng có khả năng hay không, vô luận nó nổ ra nhân có cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa lần thứ nhất hay lần thứ hai, v. v., đó vẫn là nhiệm vụ tuyệt đối của chúng ta. Hoặc là chúng ta không tin rằng đã có tình thế cách mạng, và như thế thì cần gì phải dùng đến những tiếng chiến tranh chống chiến tranh. Lúc đó thì trên thực tế chúng ta là những nhà chính trị công nhân dân tộc - tự do chủ nghĩa mang màu sắc Duy-đơ-cum - Plê-kha-nốp hoặc Cau-xky.

Cả những đại biểu Pháp cũng tuyên bố là họ tin chắc rằng tình hình hiện tại ở châu Âu sẽ dẫn đến cách mạng. Nhưng, họ nói, trước hết, chúng tôi đến đây không phải là để "đưa ra cái công thức Quốc tế III"; sau nữa, công nhân Pháp "không tin một ai cả và không tin cái gì cả"; công nhân Pháp đã bị hủ hoá bởi những lời nói suông vô chính phủ và Éc-vê chủ nghĩa mà người ta đã nhồi nhét đầy đầu óc họ. Lý lẽ thứ nhất không có căn cứ, vì dù sao đi nữa trong bản tuyên ngôn chung có tính chất thoả hiệp cũng "đã đề ra công thức" Quốc tế III, tuy đó là một công thức chưa triệt để, chưa kiên quyết và chưa được suy nghĩ chín chắn.

Lý lẽ thứ hai rất quan trọng, đó là một lý lẽ thực tiễn có ý nghĩa to lớn, nó nhận định tình hình đặc biệt của nước Pháp không phải về mặt bảo vệ tổ quốc và về mặt xâm lược của kẻ thù, mà là về mặt những "nhược điểm" của phong trào công nhân Pháp. Nhưng từ nhận định đó người ta sẽ chỉ rút ra kết luận rằng những người xã hội chủ nghĩa Pháp có lẽ sẽ tham gia *chậm hơn* vào những hành động cách mạng của giai cấp vô sản toàn châu Âu, chứ hoàn toàn không rút ra kết luận rằng những hành động đó là không cần thiết. Vấn đề xét xem giai cấp vô sản ở các nước khác nhau có thể chuyển sang những hành động cách mạng với *tốc độ* nào, theo con đường nào và dưới những hình thức đặc biệt nào, vấn đề đó hoàn toàn không được đặt ra tại hội nghị, và lại cũng không thể nào đặt vấn đề đó ra được. Hiện nay chưa có tài liệu cho vấn đề đó. Công việc của chúng ta trong lúc này là phải cùng nhau *cố gắng* cho một sách lược đúng; sau này những sự biến sẽ chỉ cho chúng ta thấy *tốc độ* của phong trào và những sự sửa đổi (có tính chất dân tộc, địa phương, nghề nghiệp) trong đường lối chung. Nếu giai cấp vô sản Pháp bị hủ hoá bởi những lời nói suông vô chính phủ, thì nó cũng còn bị hủ hoá bởi chủ nghĩa Min-lơ-răng nữa; và công việc của chúng ta không phải là *làm tăng thêm* sự hủ hoá đó bằng *những lời nói nửa chừng* trong bản tuyên ngôn.

Không phải ai khác, mà chính Méc-hem đã buột miệng thốt ra cái câu nói tiêu biểu và vô cùng chính xác sau đây: "đảng (xã hội chủ nghĩa), Giu-ô (thư ký của Tổng liên đoàn lao động<sup>31</sup>) và chính phủ, đó chẳng qua chỉ là ba cái đầu cùng đội chung một chiếc mũ". Đúng như vậy. Đó là một sự thật đã được chứng minh qua kinh nghiệm một năm đấu tranh của những người quốc tế chủ nghĩa Pháp chống lại đảng và các ngài Giu-ô. Nhưng từ đó chỉ có thể rút ra một kết luận: nếu không đấu tranh chống các đảng phái của bọn cơ hội chủ nghĩa và chống đám thủ lĩnh của phái vô

chính phủ - công đoàn chủ nghĩa, thì không thể nào đấu tranh chống chính phủ được. Còn những nhiệm vụ của cuộc đấu tranh đó thì bản tuyên ngôn chung, khác với bản nghị quyết của chúng ta, chỉ nêu qua thôi chứ không bàn đến nơi đến chốn.

Khi phản đối sách lược của chúng ta, một người Ý đã nói: "sách lược của các ông được đề ra hoặc là quá muộn (vì chiến tranh đã bắt đầu rồi) hoặc là quá sớm" (vì chiến tranh vẫn chưa tạo ra những điều kiện của cách mạng); hơn nữa, các ông còn đề nghị "thay đổi cương lĩnh" của Quốc tế, vì toàn bộ công tác tuyên truyền của chúng ta luôn luôn được tiến hành "chống lại bạo lực". Chúng ta cũng dễ trả lời lại câu đó - bằng cách trích dẫn một câu nói trong cuốn "En garde!" ("Hãy cảnh giác!") của Giuy-lơ Ghe-đơ - rằng chưa hề có một lãnh tụ danh tiếng nào của Quốc tế II đã bác bỏ, nói chung, việc dùng bạo lực cũng như việc dùng những phương pháp đấu tranh trực tiếp cách mạng. Tất cả đều luôn luôn nói rằng cuộc đấu tranh hợp pháp, chế độ nghị viện và khởi nghĩa là có liên hệ với nhau và *nhất định phải* chuyển hoá lẫn nhau, tùy theo sự thay đổi của những điều kiện của phong trào. Nhân tiện, xin nói thêm rằng cũng trong cuốn "En garde!" chúng ta đã trích ra một đoạn của bài diễn văn mà Ghe-đơ đọc hồi năm 1899, trong đó, ông nói là có khả năng xảy ra một cuộc chiến tranh để giành thị trường, giành thuộc địa v.v., và ông tự hỏi không biết "tình đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản sẽ ra sao?", nếu trong một cuộc chiến tranh như thế, chúng ta thấy xuất hiện những Min-lơ-răng Pháp, Đức và Anh. Với bài diễn văn đó, Ghe-đơ đã tự lên án mình trước rồi. Còn như bảo rằng tuyên truyền cho cách mạng là "không hợp thời", thì đó là một ý kiến phản đối phát sinh từ sự mơ hồ về khái niệm, thường thấy ở những người xã hội chủ nghĩa thuộc các nước la-tinh: họ nhầm lẫn giữa bước đầu của cách mạng với việc tuyên truyền công khai và trực tiếp cho cách mạng. Ở Nga,

không hề có người nào cho rằng cuộc cách mạng 1905 bắt đầu trước ngày 9 tháng Giêng 1905; nhưng công tác tuyên truyền cách mạng, hiểu theo nghĩa hẹp nhất của danh từ ấy, tức là tuyên truyền và chuẩn bị cho những phong trào quần chúng, cho những cuộc tuần hành thị uy, cho bãi công, cho những cuộc chiến đấu trên lý chương ngại, đã được tiến hành *từ nhiều năm* trước đó rồi. Chẳng hạn, tờ "Tia lửa" cũ đã tiến hành công tác tuyên truyền đó từ cuối năm 1900, và Mác cũng đã làm như thế từ năm 1847, là lúc mà người ta chưa thể nói đến ngay cả *bước đầu của cách mạng ở châu Âu*.

Khi cách mạng đã nổ ra rồi, thì phải tự do và những kẻ thù khác của cách mạng mới "thừa nhận" nó, và thừa nhận như thế thường là để lừa dối và phản bội cách mạng. Còn những người cách mạng thì, *trước khi* cách mạng nổ ra, họ đã thấy trước là cách mạng sẽ nổ ra, đã nhận thức được tính tất yếu của cách mạng, đã giáo dục cho quần chúng hiểu tính tất yếu của cách mạng và đã giải thích cho quần chúng thấy rõ đường lối và những phương pháp tiến hành cách mạng.

Lịch sử trớ trêu, đã khiến cho chính Cau-xky và bạn bè của ông ta - những người đã công nhiên mưu toan giành của Grim cái quyền triệu tập hội nghị, đã công nhiên mưu toan phá hoại hội nghị của phái tả (trong hội nghị, Grim vạch trần ra rằng có nhiều bạn bè thân cận của Cau-xky thậm chí đã *chạy đi khắp nơi* để thực hiện mục đích đó), - chính *bọn họ* đã đẩy hội nghị về *phía tả*. Phái cơ hội chủ nghĩa và phái Cau-xky, với cách xử sự của *chúng*, đã chứng minh cho người ta thấy rằng lập trường của đảng ta là đúng.

"Người dân chủ - xã hội",  
số 45 - 46, ngày 11 tháng  
Mười 1915

Theo đúng bản in trên báo  
"Người dân chủ - xã hội".

## VÀI LUẬN CƯƠNG CỦA BAN BIÊN TẬP

Những tài liệu đăng trong số báo này chứng tỏ rằng Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua của đảng ta<sup>32</sup> đã làm một công tác cực kỳ to lớn. Đối với nước Nga và đối với toàn thể Quốc tế, đó quả thật là một mẫu mực về công việc mà những người dân chủ - xã hội đã làm được trong thời kỳ chiến tranh phản động, trong những điều kiện khó khăn nhất. Công nhân Pê-téc-bua và công nhân Nga sẽ hết sức ủng hộ công tác đó và sẽ tiếp tục tiến hành công tác ấy một cách kiên quyết hơn, mạnh mẽ hơn, rộng rãi hơn, theo cùng một phương hướng đó.

Căn cứ vào những điều chỉ dẫn của các đồng chí ở Nga, chúng tôi xin trình bày vài luận cương về những vấn đề bức thiết trong công tác của Đảng dân chủ - xã hội: 1) Khẩu hiệu: "Quốc hội lập hiến" - với tính cách là một khẩu hiệu độc lập, — là một khẩu hiệu không chính xác, vì *hiện giờ* toàn bộ vấn đề là phải xét xem ai đứng ra triệu tập quốc hội đó. Phái tự do đã áp dụng khẩu hiệu này hồi năm 1905, vì lúc bấy giờ người ta *có thể* giải thích khẩu hiệu đó theo nghĩa là một quốc hội do Nga hoàng triệu tập và sẽ ăn cánh với Nga hoàng. Những khẩu hiệu đúng đắn nhất là những khẩu hiệu về "ba điểm chốt" (thành lập nước cộng hòa dân chủ, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ, chế độ ngày làm 8 giờ), đồng thời có thêm vào đây (xem số 9)<sup>33</sup> lời kêu gọi tinh thần đoàn kết quốc tế của công nhân trong cuộc đấu

tranh giành chủ nghĩa xã hội, lật đổ các chính phủ tham chiến bằng phương pháp cách mạng và chống chiến tranh. — 2) Chúng ta phản đối việc tham gia các uỷ ban công nghiệp chiến tranh<sup>34</sup> là những uỷ ban đã giúp đỡ việc tiến hành cuộc chiến tranh để quốc chủ nghĩa phản động. Chúng ta tán thành lợi dụng cuộc vận động bầu cử, chẳng hạn tán thành tham gia vào giai đoạn thứ nhất của các cuộc bầu cử, nhằm mục đích *duy nhất* là cổ động và tổ chức. - Không thể nói đến vấn đề tẩy chay Đu-ma nhà nước được. *Tuyệt đối cần phải* tham gia bầu cử. Chừng nào đảng ta chưa có đại biểu trong Đu-ma nhà nước, thì chừng đó chúng ta còn phải xuất phát từ quan điểm của đảng dân chủ - xã hội cách mạng mà lợi dụng tất cả những gì xảy ra ở Đu-ma. — 3) Chúng ta cho rằng nhiệm vụ cấp bách nhất và bức thiết nhất là phải tăng cường và mở rộng công tác của đảng dân chủ - xã hội trong giai cấp vô sản, và sau đó phải phổ biến nhiệm vụ ấy vào giai cấp vô sản nông thôn, vào nông dân nghèo và vào quân đội. - Nhiệm vụ quan trọng nhất của đảng dân chủ - xã hội cách mạng là phát triển phong trào bãi công đã bắt đầu, và tiến hành phong trào đó theo khẩu hiệu "ba điểm chốt". Yêu cầu đòi chấm dứt chiến tranh ngay lập tức phải có vị trí thích đáng trong công tác cổ động. Trong số các yêu sách khác của mình, công nhân không nên quên yêu sách đòi phải lập tức thả các đại biểu công nhân thành viên của đảng đoàn Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. — 4) Các Xô-viết đại biểu công nhân và các cơ quan khác tương tự phải được xem là những cơ quan khởi nghĩa, những cơ quan của chính quyền cách mạng. Chỉ có gắn liền với sự phát triển của bãi công chính trị có tính chất quần chúng và có gắn liền với cuộc khởi nghĩa, và chỉ khi nào cuộc khởi nghĩa này được chuẩn bị, được phát triển và thu được thắng lợi, thì các cơ quan nói trên mới có thể thực sự là có ích. — 5) Nội dung xã hội của cuộc cách mạng sắp nổ ra ở nước Nga chỉ có thể là chuyên chính dân chủ - cách

mạng của giai cấp vô sản và của nông dân. Cách mạng không thể thắng lợi ở nước Nga, nếu không lật đổ chế độ quân chủ và bọn địa chủ - nông nô. Song, giai cấp vô sản không thể lật đổ chúng nếu không được nông dân giúp đỡ. Tình trạng ngày càng có nhiều nông dân bị phân hoá thành "chủ trại - địa chủ" và vô sản nông thôn không xoá bỏ được ách áp bức của bọn Mác-cốp và đồng bọn đối với nông thôn. Trước kia cũng như hiện nay, trong bất cứ trường hợp nào, chúng tôi cũng đều tuyệt đối tán thành là cần phải có một tổ chức *riêng biệt của những người vô sản* nông thôn. — 6) Giai cấp vô sản Nga có nhiệm vụ tiến hành triệt để cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ở Nga để chấm ngòi lửa cách mạng xã hội chủ nghĩa ở châu Âu. Ngày nay, nhiệm vụ thứ hai này đã hết sức gắn với nhiệm vụ thứ nhất, nhưng nó vẫn là nhiệm vụ riêng biệt và thứ hai, vì đây là vấn đề *những giai cấp khác nhau* cộng tác với giai cấp vô sản Nga; trong nhiệm vụ thứ nhất thì có sự cộng tác của giai cấp nông dân tiểu tư sản Nga; trong nhiệm vụ thứ hai thì có sự cộng tác của giai cấp vô sản các nước khác. — 7) Cũng như trước đây, bây giờ chúng ta vẫn cho rằng việc những người dân chủ - xã hội tham gia Chính phủ cách mạng lâm thời cùng với giai cấp tiểu tư sản dân chủ, *chứ không phải* cùng với bọn cách mạng - sô-vanh, là có thể chấp nhận được. — 8) Chúng ta cho rằng những người nào muốn đánh bại chế độ Nga hoàng để đánh bại nước Đức, — để cướp bóc các nước khác, — để củng cố ách thống trị của những người Đại Nga đối với các dân tộc khác ở nước Nga, v. v., thì đó là những người cách mạng - sô-vanh. Nền tảng của chủ nghĩa sô-vanh cách mạng là ở địa vị giai cấp của giai cấp tiểu tư sản. Giai cấp này luôn luôn nghiêng ngả giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Hiện nay nó lại nghiêng ngả giữa chủ nghĩa sô-vanh (chủ nghĩa này cản trở không cho nó trở thành giai cấp cách mạng triệt để, ngay cả xét theo nghĩa là cách mạng dân chủ) và

chủ nghĩa quốc tế vô sản. Hiện nay, những đại biểu chính trị của giai cấp tiểu tư sản này ở Nga là những người thuộc phái lao động, những người xã hội - cách mạng, từ "Bình minh của chúng ta", đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê, Ban tổ chức, ông Plê-kha-nốp vãn vãn. — 9) Nếu những người cách mạng - sô-vanh thắng ở Nga, thì trong cuộc chiến tranh này, chúng ta sẽ chống lại việc bảo vệ "tổ quốc" của họ. Khẩu hiệu của chúng ta là phản đối bọn sô-vanh, dù họ là những người cách mạng và là những người cộng hoà, *phản đối họ và ủng hộ* sự liên minh của giai cấp vô sản quốc tế nhằm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. — 10) Giai cấp vô sản có thể giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc cách mạng tư sản Nga hay không, - về vấn đề này chúng ta trả lời: có, có thể, *nếu* trong giờ phút quyết định, giai cấp tiểu tư sản nghiêng về phía tả; giai cấp này mà ngả về phía tả thì không phải chỉ do công tác tuyên truyền của chúng ta, mà còn do cả những nhân tố khách quan về mặt kinh tế, tài chính (những gánh nặng về chiến tranh), quân sự, chính trị, v. v.. — 11) Đảng của giai cấp vô sản sẽ làm gì, nếu trong cuộc chiến tranh hiện tại, cách mạng đưa đảng lên nắm chính quyền, - về vấn đề này chúng ta trả lời rằng: chúng ta sẽ đề nghị hoà bình với *tất cả* các nước tham chiến, với điều kiện là các thuộc địa và *tất cả* các dân tộc phụ thuộc, bị áp bức và không có đầy đủ quyền, đều phải được giải phóng. Nhưng nước Đức, nước Anh và nước Pháp, với những chính phủ hiện nay của các nước ấy, đều sẽ không chấp nhận điều kiện ấy. Do đó, chúng ta sẽ bắt buộc phải chuẩn bị và tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng, nghĩa là không những chúng ta sẽ dùng những biện pháp kiên quyết nhất để thực hiện một cách đầy đủ toàn bộ cương lĩnh tối thiểu của chúng ta, mà còn sẽ thường xuyên phát động tất cả các dân tộc hiện đang bị người Đại Nga áp bức, tất cả các thuộc địa và tất cả các nước phụ thuộc ở châu Á (Ấn-độ, Trung-quốc, Ba-tư, v. v.) tiến hành khởi nghĩa; đồng thời và trước hết, chúng ta

cũng sẽ phát động giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa châu Âu khởi nghĩa chống lại chính phủ của họ, bất chấp bọn xã hội - sô-vanh trong nước họ. Không còn nghi ngờ gì nữa, thắng lợi của giai cấp vô sản ở Nga sẽ tạo ra những điều kiện vô cùng thuận lợi cho sự phát triển của cách mạng ở châu Á và châu Âu. Ngay cả tình hình năm 1905 cũng đã chứng minh điều đó. Và bất chấp cái bọt bần cơ hội chủ nghĩa và xã hội - sô-vanh, sự đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản cách mạng vẫn là một *sự thật*. — Chúng tôi cho đăng những luận cương này cốt để trao đổi ý kiến với các đồng chí, những quan điểm của chúng tôi sẽ được phát triển trong các số báo sau này của Cơ quan ngôn luận trung ương.

*Viết khoảng từ ngày 23 đến  
26 tháng Chín (từ 6 đến 9  
tháng Mười) 1915*

*Đăng ngày 13 tháng Mười 1915 trên  
báo "Người dân chủ -  
xã hội", số 47*

*Theo đúng bản in trên báo*

## NHỮNG NGƯỜI QUỐC TẾ CHỦ NGHĨA CHÍNH CỐNG: CAU-XKY, ÁC-XEN-RỐT, MÁC-TỐP

Trước cuộc Hội nghị Xim-méc-van không bao lâu, người ta đã xuất bản ở Xuy-rích một tập sách nhỏ của P.Ác-xen-rốt, bằng tiếng Đức, nhan đề là: "Cuộc khủng hoảng và nhiệm vụ của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế". Sau đó, tờ "Dân quyền"<sup>35</sup> ở Xuy-rích đã đăng hai bài báo do L.Mác-tốp viết để tán dương tập sách ấy. Chúng tôi không biết rõ sau này hai tác giả ấy có cho in những tác phẩm của mình bằng tiếng Nga hay không. Hiện nay không thể tìm ra được một sự minh họa nào rõ ràng hơn thế về những lý lẽ mà các lãnh tụ của Ban tổ chức đã viện ra để bênh vực cho chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xã hội - sô-vanh.

Sợ chỉ đổ xuyên suốt toàn bộ tập sách đó là đấu tranh chống "những nguy cơ đang đe dọa sự thống nhất của đảng". "Chia rẽ và hỗn loạn, - đó là điều mà Ác-xen-rốt lo sợ, đó là điều mà ông ta cứ nói đi nói lại mãi khiến cho người ta đâm ra khó chịu. Xin đừng tưởng rằng ông ta cho tình hình hiện tại trong Đảng dân chủ - xã hội, sự liên minh của các lãnh tụ đảng ấy với giai cấp tư sản dân tộc nước này hay nước khác là sự chia rẽ và hỗn loạn. Không phải thế đâu! Cái mà Ác-xen-rốt gọi là tình trạng hỗn loạn, chính là sự phân rẽ ranh giới và sự đoạn tuyệt hẳn với bọn xã hội - sô-vanh. Ông ta xếp Cau-xky vào trong số những đồng chí mà "ý thức và tinh thần quốc tế chủ nghĩa không có chút gì là đáng nghi ngờ cả". Đồng thời trong suốt 46 trang sách

của mình, tác giả không hề có một ý định nào muốn tổng kết những quan điểm của Cau-xky, dẫn chứng những quan điểm đó một cách chính xác, xét xem chủ nghĩa xô-vanh có phải là ở chỗ thừa nhận tư tưởng bảo vệ tổ quốc trong cuộc chiến tranh hiện tại, hay không. Không có một lời nào bàn về thực chất của vấn đề cả. Không có một chữ nào nói đến lý lẽ của chúng ta cả. Ngược lại, tác giả đã "tố giác với cấp trên": các bạn thấy đấy, trong một cuộc hội nghị ở Xuy-rích, Lê-nin đã gọi Cau-xky là một phần tử xô-vanh, phi-li-xtanh, phản bội (tr. 21)... Mác-tốp và Ác-xen-rốt thân mến, đó không phải là văn chương nữa, mà là một thứ "văn" của cảnh sát!

"Ở phương Tây... không có cái loại người siêu phàm ấy, loại người đã lợi dụng mọi cuộc khủng hoảng trong đảng, mọi hoàn cảnh khó khăn để đóng vai trò những vị cứu tinh duy nhất cứu đảng thoát khỏi sự diệt vong và để sẵn sàng thi hành một chính sách gây hỗn loạn và phá hoại tổ chức trong nội bộ đảng"(22).

Cái gì thế? văn chương chẳng?

Nhưng nếu "ở phương Tây" không có những con quái vật siêu phàm đó, những con quái vật đã coi "bản thân" Cau-xky và Ác-xen-rốt là những phần tử xô-vanh và cơ hội chủ nghĩa, những con quái vật mà chỉ cần nhắc đến là khiến cho ông Ác-xen-rốt thân mến ấy điên tiết lên và tuôn ra hàng tràng những lời lẽ... "trữ tình" tao nhã và dịu dàng đến thế, - thì làm sao trước đó hai trang, ông ta lại có thể viết:

"Nếu người ta chú ý đến sự bất bình ngày càng tăng đang làm cho trong nội bộ đảng, nhất là ở Đức và Pháp, ngày càng có nhiều nhóm chống lại chính sách "giữ vững đến cùng" mà các cơ quan có trách nhiệm của đảng ta đang thi hành, thì nhất định là những khuynh hướng thực tế của công tác tuyên truyền lê-nin-nít có khả năng thâm nhập, bằng những con đường khác nhau, vào đến tận trong hàng ngũ Đảng dân chủ - xã hội phương Tây".

Như vậy, vấn đề không phải là ở những con quái vật siêu phàm thực sự Nga, những con quái vật đã làm cho

Ác-xen-rốt rất thân mến phải bực mình! Như vậy, chủ nghĩa xô-vanh *quốc tế* của các đảng chính thức - cả ở Đức lẫn ở Pháp, như bản thân Ác-xen-rốt đã thừa nhận, xin chú ý kỹ điều đó! - đã làm cho những người dân chủ - xã hội cách mạng *quốc tế* tức giận và phản ứng lại. Bởi thế, chúng ta đang đứng trước *hai trào lưu*. Cả hai đều có tính chất quốc tế cả. Ác-xen-rốt nổi giận và tuôn ra những lời nguyên rủa vì ông ta không hiểu rằng hai trào lưu ấy tất nhiên phải tồn tại và phải đấu tranh kiên quyết với nhau, và cũng là vì ông ta cảm thấy bứt rứt khó chịu, lúng túng và bất lợi, nếu phải công khai thừa nhận lập trường của mình là: cố *làm ra* về một người quốc tế chủ nghĩa, nhưng *kỳ thực lại là* một phần tử xô-vanh.

"Vấn đề quốc tế hoá phong trào công nhân không đồng nhất với vấn đề cách mạng hoá các hình thức và phương pháp đấu tranh của chúng ta"... các bạn thấy không, đó là một sự "giải thích về mặt tư tưởng", nó quy tất cả vào chủ nghĩa cơ hội và không biết đến "sức mạnh vô cùng to lớn" của những "tư tưởng yêu nước" "vốn là sản phẩm của một quá trình lịch sử hàng nghìn năm"... "cần phải cố gắng tạo ra trong khuôn khổ của xã hội tư sản này một *hiện thực* (do Ác-xen-rốt viết ngả) cụ thể, những điều kiện sinh hoạt khách quan, ít nhất là cho quần chúng công nhân đang đấu tranh, tức là những điều kiện có thể làm giảm bớt tình trạng lệ thuộc ấy", nghĩa là: "tình trạng quần chúng bị lệ thuộc vào các kết cấu xã hội, dân tộc và lãnh thổ đã hình thành về mặt lịch sử". "Chẳng hạn, - Ác-xen-rốt bổ sung để làm sáng rõ cái tư tưởng thâm thúy của mình - các đạo luật về bảo hộ lao động và bảo hiểm, cũng như những yêu sách chính trị quan trọng khác và cuối cùng, những nhu cầu và nguyện vọng của công nhân về văn hoá và giáo dục, phải trở thành mục tiêu của những hành động và tổ chức *quốc tế*" (do Ác-xen-rốt viết ngả) của những người vô sản ở các nước riêng biệt. Tất cả vấn đề là ở chỗ "quốc tế hoá

chính cuộc đấu tranh "hàng ngày" đòi thực hiện những yêu sách trước mắt..."

Thật là tuyệt! Thế mà lại nói rằng một số quái vật siêu phàm nào đó đã bịa đặt ra cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội! Chủ nghĩa quốc tế chân chính - viết ngả - và "chủ nghĩa Mác" chân chính không phải chỉ giải thích "về mặt tư tưởng" mà còn chăm lo đến việc quốc tế hoá các đạo luật bảo hiểm nữa!! Tư tưởng thiên tài biết bao... nếu không có những "cuộc đấu tranh, cũng như những sự chia rẽ, hỗn loạn", thì tất cả những phân tử cơ hội chủ nghĩa quốc tế, tất cả bọn người tự do chủ nghĩa quốc tế, từ Lô-ít Gioóc-giơ đến Phr. Nau-man và từ Lơ-roa - Bô-li-ơ đến Mi-li-u-cốp, Xtơ-ru-vê và Gu-tơ-cốp, đều sẽ giữ cả hai tay tán thành thứ "chủ nghĩa quốc tế" khoa học, sâu sắc và khách quan ấy của Ác-xen-rốt, Mác-tốp và Cau-xky.

Sau đây là mấy lời châu ngọc của "chủ nghĩa quốc tế". Cau-xky nói: nếu tôi bảo vệ tổ quốc tôi trong một cuộc chiến tranh để quốc chủ nghĩa, tức là trong một cuộc chiến tranh nhằm mục đích cướp bóc và nô dịch các nước khác, và nếu tôi thừa nhận cho công nhân các nước tham chiến khác đều có quyền bảo vệ tổ quốc của họ, thì đó chính là chủ nghĩa quốc tế chân chính. Ác-xen-rốt nói: không nên để cho mình bị lôi cuốn bởi những lời công kích "về mặt tư tưởng" đối với chủ nghĩa cơ hội, mà phải thực tế đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc đã có từ hàng nghìn năm nay, bằng việc quốc tế hoá (cũng đã có hàng nghìn năm nay) công tác hàng ngày trong lĩnh vực các đạo luật bảo hiểm. Mác-tốp cũng đồng ý với Ác-xen-rốt như thế!

Những câu nói suông của Ác-xen-rốt về những nguồn gốc đã có từ hàng nghìn năm nay của chủ nghĩa dân tộc v. v., đều có một ý nghĩa chính trị giống hệt như những lời lẽ của bọn chủ nông nô ở nước Nga, trước năm 1861, về những nguồn gốc đã có từ hàng nghìn năm nay của chế độ nông nô. Những câu nói đó nói giáo cho bọn phản động

và cho giai cấp tư sản, vì Ác-xen-rốt đã không nói đến - nhũn nhặn không nói đến - cái sự thật là: hàng mấy mươi năm phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhất là sau năm 1871, đã tạo ra giữa vô sản tất cả các nước, chính là những mối liên hệ quốc tế *khách quan* mà bây giờ đây, ngay trong lúc này, người ta cần phải biến thành những hành động cách mạng - quốc tế. Ác-xen-rốt chống lại những hành động như thế. Ông ta tán thành nhắc lại những nguồn gốc đã có từ hàng nghìn năm nay của chế độ roi vọt, nhưng lại phản đối những hành động nhằm tiêu diệt chế độ roi vọt đó !

Còn đối với cách mạng vô sản thì thế nào? Bản Tuyên ngôn Ba-lơ năm 1912 đã có nói đến cuộc cách mạng đó nhân bàn về cuộc chiến tranh sắp sửa nổ ra, - và đã nổ ra hai năm sau đó. Chắc hẳn Ác-xen-rốt cho rằng bản tuyên ngôn đó là một "hệ tư tưởng" khinh suất, - một lối nói rất đúng với tinh thần của "chủ nghĩa Mác" à la Xtơ-ru-vê và Cu-nốp ! nhưng tịnh không nói *một lời nào* về bản tuyên ngôn đó cả. Còn về cuộc cách mạng thì ông ta nói quanh co như sau:

"Khuyh hướng coi những hành động cách mạng sôi nổi của quần chúng hoặc các cuộc khởi nghĩa là biện pháp độc nhất và duy nhất để khắc phục chủ nghĩa dân tộc, có thể là một khuyh hướng đúng đến mức độ nào đó, nếu chúng ta trực tiếp ở vào đêm trước của một cuộc cách mạng xã hội, chẳng hạn như ở Nga, sau những cuộc tuần hành thị uy năm 1901 của sinh viên, những cuộc tuần hành báo hiệu trước là sắp nổ ra những trận đánh có tính chất quyết định, chống chế độ chuyên chế. Nhưng ngay cả những đồng chí hết sức hy vọng rằng không bao lâu nữa sẽ có một thời kỳ cách mạng sôi nổi, cũng không dám khẳng định chắc chắn là sắp nổ ra cuộc xung đột có tính chất quyết định giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Ngược lại, các đồng chí ấy cũng dự tính một thời kỳ kéo dài hàng mấy chục năm" (tr. 41).

Tiếp theo đó, dĩ nhiên là những đòn sấm sét đánh vào sự "không tưởng" và đánh vào những người thuộc "phái Ba-cu-nin" trong số kiều dân Nga.

Nhưng ví dụ mà Ác-xen-rốt nêu lên lại vạch mặt một cách thần tình anh chàng cơ hội chủ nghĩa của chúng ta.

Nếu không diên thì liệu có người nào mà hồi năm 1901 lại dám "khẳng định chắc chắn" rằng cuộc đấu tranh kiên quyết chống chế độ chuyên chế ở Nga "sắp nổ ra"? Không ai có thể khẳng định như thế, chưa hề có người nào khẳng định như thế cả. Lúc bấy giờ, không ai có thể biết được rằng *bốn năm sau* sẽ nổ ra *một* trong những trận đánh quyết định (vào tháng Chạp 1905), rằng trận đánh "quyết định" tiếp theo đó, để chống lại chế độ chuyên chế, có lẽ "sẽ nổ ra" vào khoảng những năm 1915 - 1916 hoặc có lẽ chậm hơn.

Nếu như hồi năm 1901, chẳng những chưa hề có ai khẳng định chắc chắn, mà nói chung cũng chưa hề có ai khẳng định là "sắp nổ ra" trận đánh quyết định, nếu lúc bấy giờ chúng ta đã khẳng định rằng những tiếng la ó "cuồng loạn" của Cri-tsep-xki, Mác-tư-nốp và đồng bọn về một trận đánh "sắp nổ ra" là những tiếng la ó không được nghiêm chỉnh, thì như vậy chúng ta, những người dân chủ - xã hội cách mạng, lúc bấy giờ chúng ta đã khẳng định *chắc chắn* một điều khác: lúc bấy giờ chúng ta khẳng định rằng chỉ có những người cơ hội chủ nghĩa hết phương cứu chữa thì hồi năm 1901 mới có thể không hiểu nhiệm vụ phải *trực tiếp ủng hộ* các cuộc tuần hành thị uy năm 1901, khuyến khích, phát triển các cuộc tuần hành thị uy đó, tuyên truyền những khẩu hiệu cách mạng kiên quyết nhất cho các cuộc tuần hành thị uy đó. Và lịch sử đã chứng thực rằng chúng ta, và chỉ riêng chúng ta là nói đúng, đồng thời đã lên án bọn cơ hội chủ nghĩa và gạt chúng ra khỏi phong trào công nhân trong một thời gian dài, dù rằng một trận đánh quyết định *chưa phải* là "sắp nổ ra", dù rằng *chỉ* mãi bốn năm sau trận đánh quyết định đầu tiên mới nổ ra và tỏ ra không phải là trận đánh cuối cùng, do đó, không phải là trận đánh quyết định.

Hiện giờ ở châu Âu, tình hình cũng hoàn toàn giống như thế, đúng hệt như thế. Hoàn toàn không thể nghi ngờ gì cả, ở châu Âu năm 1915 cũng đã có một tình thế cách mạng

như ở Nga, năm 1901. Trận đánh "quyết định" đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản sẽ nổ ra hay không trong bốn năm, trong hai năm, hoặc trong mười năm hay lâu hơn nữa, và một trận đánh "quyết định" "thứ hai" sẽ nổ ra hay không trong mười năm nữa, - điều đó chúng ta không thể biết được. Nhưng chúng ta biết đích xác và khẳng định "chắc chắn" rằng, hiện giờ, nhiệm vụ bức thiết và trực tiếp của chúng ta là phải ủng hộ sự sôi sục đang nảy nở và các cuộc tuần hành thị uy *đã* bắt đầu nổ ra *rồi*. Ở Đức, quần chúng đã phản đối Sai-đê-man; trong nhiều nước, quần chúng đã tuần hành thị uy để phản đối tình trạng đời sống đắt đỏ. Ác-xen-rốt trốn tránh nghĩa vụ bức thiết và tuyệt đối ấy của phong trào dân chủ - xã hội, đồng thời tìm cách làm cho công nhân xa rời nhiệm vụ ấy. Nếu xét ý nghĩa và kết quả chính trị của lập luận của Ác-xen-rốt thì người ta chỉ có thể rút ra một kết luận là: Ác-xen-rốt đã *cùng với* bọn lãnh tụ của phái xã hội - ái quốc và của phái xã hội - sô-vanh *chống lại* công tác tuyên truyền và công tác chuẩn bị ngay lập tức những hành động cách mạng. Đó là thực chất của vấn đề. Ngoài ra, đều là nói suông cả thôi.

*Không còn nghi ngờ gì nữa*, chúng ta đang ở vào đêm trước của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cả những nhà lý luận "rất mực thận trọng" như Cau-xky ("Con đường giành chính quyền") cũng đã thừa nhận điều đó ngay từ năm 1909; bản Tuyên ngôn Ba-lơ, được nhất trí thông qua hồi năm 1912, cũng đã thừa nhận điều đó. Nếu hồi năm 1901, chúng ta đã không biết được rằng bốn năm nữa mới đến "đêm trước" của cuộc cách mạng đầu tiên ở nước Nga, thì bây giờ, chúng ta cũng không biết gì hơn. Cách mạng có thể là, và chắc hẳn sẽ là những cuộc đấu tranh diễn ra trong nhiều năm dài và bao gồm nhiều thời kỳ tấn công bị ngắt quãng bởi những cơn giã giữa phản cách mạng của chế độ tư sản. Trong tình hình chính trị hiện nay, toàn bộ thực chất của vấn đề là ở chỗ phải xét xem có nên lợi dụng tình



thế cách mạng hiện đã có để ủng hộ và phát triển các phong trào *cách mạng* không. Nên hay không nên. Chính về vấn đề này mà bây giờ đây, về mặt chính trị, phái xã hội - sô-vanh và những người quốc tế chủ nghĩa cách mạng đang có sự bất đồng ý kiến với nhau. Và về vấn đề đó, Cau-xky, Ác-xen-rốt và Mác-tốp đã đứng về phía bọn xã hội - sô-vanh, mặc dầu tất cả bọn họ, cũng như năm uỷ viên thư ký ở nước ngoài của Ban tổ chức, đều tuôn ra những câu nói cách mạng suông.

Ác-xen-rốt đã dùng không biết bao nhiêu là câu nói suông để che giấu việc ông ta bênh vực chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Tập sách nhỏ của ông ta có thể dùng làm một ví dụ để minh họa rõ cách ông ta che giấu quan điểm của mình *như thế nào*, cách ông ta dùng ngôn ngữ và lời văn để nguy trang tư tưởng của mình *như thế nào*. Ác-xen-rốt đã lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần danh từ chủ nghĩa quốc tế, ông ta chỉ trích bọn xã hội - ái quốc và bè bạn của chúng là không muốn hướng sang tả; ông ta muốn tỏ cho người ta thấy rằng ông ta "tả hơn" Cau-xky; ông ta cũng nói đến sự cần thiết phải thành lập Quốc tế III, một Quốc tế thật khá mạnh để có thể đối phó - "không phải bằng những sự đe dọa, mà là bằng cách phát động một cuộc xung kích cách mạng" (14), - với những mưu toan của giai cấp tư sản định nhen lên ngọn lửa của một cuộc chiến tranh thế giới, vân vân và vân vân. Trên đầu lưỡi, Ác-xen-rốt sẵn sàng thừa nhận điều gì cũng được, thừa nhận cho đến cả xung kích cách mạng nữa, nhưng trên thực tế, ông ta lại muốn thống nhất với Cau-xky và do đó, với Sai-đê-man ở Đức, với tờ "Sự nghiệp của chúng ta"<sup>36</sup>, một tờ báo sô-vanh và phản cách mạng, và với đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê ở Nga; trên thực tế, ông ta *phản đối* việc *hiện giờ* ủng hộ và phát triển *phong trào cách mạng đang bắt đầu*. Trên lời nói thì cái gì cũng có, nhưng trên thực tế thì chẳng có cái gì cả. Người ta thề sống thề chết rằng

người ta là một người "quốc tế chủ nghĩa" và cách mạng, nhưng trên thực tế, người ta lại ủng hộ bọn xã hội - sô-vanh và bọn cơ hội chủ nghĩa trên toàn thế giới trong cuộc đấu tranh của chúng chống lại những người quốc tế chủ nghĩa cách mạng.

*Viết sớm nhất là ngày 28*

*tháng Chín (11 tháng Mười) 1915*

*Đăng lần đầu năm 1924,*

*trên tạp chí "Cách mạng vô sản",*

*số 3*

*Theo đúng bản thảo*

1626 Das revolutionäre Proletariat und  
 24 das Selbstbestimmungsrecht der Nationen.

Das Zinneverwalter Manifest, sowie auch die  
 Mehrheit des Programms von der letzten Resolution  
 der sozdem. Parteien, proklamieren das Selbstbestim-  
 mungsrecht der Nationen. (s. Parallelen) in d. d. d.  
 252-3 des "Berliner Tagwacht" erklärt für ~~illustriert~~  
 den Kampf um das nicht existierende Selbstbestimmungs-  
 recht <sup>für Illustriert</sup> ~~den~~ und stellt denselben dem "revolutionären" all-  
 ertagskampf des Proletariats gegen den Kapitalismus" entgegen,  
 indem er verneint, daß "wir gegen die Anexionen" seien  
 (diese Verneinung ist fünf Mal im Artikel des Gen. P.  
 wiederholt worden) sowie auch gegen alle "nationalen Ge-  
 walttaten".

~~in Illustriert~~  
 Die Motivierung des Hauptpunktes des Gen. P. read.

Trang đầu bản thảo của V.I. Lê-nin

"Giai cấp vô sản cách mạng và  
 quyền dân tộc tự quyết", - 1915

Ảnh thu nhỏ

## GIAI CẤP VÔ SẢN CÁCH MẠNG VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT<sup>37</sup>

Giống như phần lớn những cương lĩnh và những nghị quyết về sách lược của các đảng dân chủ - xã hội, bản Tuyên ngôn Xim-méc-van cũng tuyên bố "quyền dân tộc tự quyết". Trong các số 252 - 253 của tờ "Berner Tagwacht", Pa-ra-ben-lum tuyên bố "cuộc đấu tranh đòi thứ quyền tự quyết hiện không tồn tại" là "ảo tưởng" và đem "cuộc đấu tranh cách mạng có tính chất quần chúng của giai cấp vô sản chống chủ nghĩa tư bản" để *đối lập* với cuộc đấu tranh nói trên, đồng thời *quả quyết* rằng "chúng tôi phản đối những cuộc thôn tính" (lời quả quyết này được lặp lại *năm* lần trong bài báo của Pa-ra-ben-lum) và phản đối mọi hành động bạo lực đối với các dân tộc.

Những lý lẽ mà Pa-ra-ben-lum viện ra để biện hộ cho lập trường của mình, chung quy lại là: ngày nay, tất cả các vấn đề dân tộc như vấn đề An-da-xơ - Lo-ren, vấn đề Ác-mê-ni-a, v. v., đều là những vấn đề của chủ nghĩa đế quốc; tư bản đã vượt ra khỏi phạm vi những quốc gia dân tộc; người ta không thể "kéo lùi bánh xe lịch sử" về phía cái lý tưởng lỗi thời về những quốc gia dân tộc được nữa v. v..

Ta hãy xem những lập luận của Pa-ra-ben-lum có đúng hay không.

Trước hết, chính Pa-ra-ben-lum nhìn lại đằng sau, chứ không phải nhìn tới phía trước, khi phản đối việc

giai cấp công nhân tán thành "cái lý tưởng về quốc gia dân tộc", ông ta chú ý đến nước Anh, nước Pháp, nước Ý, nước Đức, nghĩa là đến những nước mà phong trào giải phóng - dân tộc đã thuộc về quá khứ, chứ không chú ý đến phương Đông, đến châu Á, châu Phi, đến các nước thuộc địa, những nơi mà phong trào đó đang thuộc về hiện tại và tương lai. Chỉ cần kể ra các nước Ấn-độ, Trung-quốc, Ba-tư, Ai-cập là đủ rõ.

Chúng ta hãy bàn tiếp. Chủ nghĩa đế quốc có nghĩa là tư bản đã vượt ra khỏi phạm vi các quốc gia dân tộc, là sự áp bức dân tộc đang lan rộng và ngày càng trở thành nặng nề trên một cơ sở lịch sử mới. Từ đó, bất chấp Pa-ra-ben-lum muốn nghĩ về vấn đề đó thế nào thì nghĩ, chúng ta có thể rút ra kết luận là phải đem cuộc đấu tranh cách mạng vì chủ nghĩa xã hội mà *gắn liền* với một cương lĩnh cách mạng về vấn đề dân tộc.

Thì ra Pa-ra-ben-lum vì cách mạng xã hội chủ nghĩa mà bác bỏ một cách khinh miệt mọi cương lĩnh cách mạng triệt để về phương diện dân chủ. Như thế là sai. Giai cấp vô sản không thể giành được thắng lợi bằng cách nào khác hơn là thông qua chế độ dân chủ, nghĩa là bằng cách thực hiện chế độ dân chủ triệt để và đem những yêu sách dân chủ được đề ra một cách kiên quyết nhất mà gắn liền với từng giai đoạn đấu tranh của họ. Đem cách mạng xã hội chủ nghĩa và cuộc đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa tư bản mà *đối lập* với *một* trong những vấn đề dân chủ, cụ thể là với vấn đề dân tộc, thì thật là phi lý. Chúng ta phải đem cuộc đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa tư bản mà *kết hợp* với một cương lĩnh cách mạng và một sách lược cách mạng về *toàn bộ* những yêu sách dân chủ: thành lập chế độ cộng hoà, tổ chức dân cảnh, thực hiện chế độ nhân dân bầu cử quan chức, nam nữ bình đẳng, quyền dân tộc tự quyết, v. v.. Chừng nào còn chủ nghĩa tư bản, thì tất cả những yêu sách đó chỉ có thể thực hiện được trong

trường hợp ngoại lệ, và cũng chỉ thực hiện được dưới một hình thức không toàn vẹn và bị xuyên tạc đi. Dựa vào chế độ dân chủ đã được thực hiện, đồng thời bóc trần tính chất không triệt để của cái chế độ dân chủ đó dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chúng ta đòi phải lật đổ chủ nghĩa tư bản, tức đoạt giai cấp tư sản, coi đó là cơ sở cần thiết để xoá bỏ tình trạng bản cùng của quần chúng cũng như để thực hiện *một cách đầy đủ và toàn diện tất cả* mọi cải cách dân chủ. Một số những cải cách này sẽ được bắt đầu thực hiện trước khi giai cấp tư sản bị lật đổ, một số cải cách khác sẽ được thực hiện *trong quá trình* giai cấp ấy bị lật đổ, một số khác nữa sẽ được thực hiện sau khi giai cấp ấy bị lật đổ. Cuộc cách mạng xã hội không phải chỉ là một trận giao chiến duy nhất mà thôi, nó là một thời kỳ bao gồm cả hàng loạt những trận giao chiến để thực hiện những cải cách kinh tế và dân chủ trong tất cả các lĩnh vực, những trận giao chiến đó chỉ có thể chấm dứt bằng việc tước đoạt giai cấp tư sản thôi. Chính vì mục đích cuối cùng đó mà chúng ta phải trình bày *từng* yêu sách dân chủ của chúng ta bằng những lời lẽ triệt để cách mạng. Rất có thể có trường hợp công nhân của một nước nhất định nào đó sẽ lật đổ được giai cấp tư sản *trước khi* thực hiện được triệt để dù chỉ một cải cách dân chủ cơ bản nào đó. Nhưng hoàn toàn không thể tưởng tượng được rằng giai cấp vô sản, với tư cách là một giai cấp lịch sử, có thể chiến thắng được giai cấp tư sản, mà lại chưa được giáo dục theo tinh thần dân chủ triệt để nhất và kiên quyết cách mạng nhất, để làm việc đó.

Chủ nghĩa đế quốc là sự áp bức ngày càng tăng của một dóm cường quốc lớn đối với các dân tộc trên thế giới, là thời đại những cuộc chiến tranh giữa các cường quốc lớn ấy để mở rộng và củng cố ách áp bức đó đối với các dân tộc, là thời đại mà quần chúng nhân dân bị lừa phỉnh bởi bọn xã hội - ái quốc giả nhân giả nghĩa, tức là những kẻ

*vào* "quyền tự do dân tộc", vào "quyền dân tộc tự quyết" và vào chủ trương "bảo vệ tổ quốc" để biện hộ và bênh vực cho việc những cường quốc lớn đi nô dịch đa số các dân tộc trên thế giới.

Vì thế nên trọng tâm của cương lĩnh dân chủ - xã hội phải là vấn đề phân chia các dân tộc thành những dân tộc đi áp bức và những dân tộc bị áp bức, sự phân chia này là *thực chất* của chủ nghĩa đế quốc và đã bị bọn xã hội - sô-vanh và Cau-xky lẫn tránh *một cách xảo trá*. Theo quan điểm của chủ nghĩa hoà bình tư sản hoặc của chủ nghĩa không tưởng tiểu thị dân về sự cạnh tranh hoà bình giữa các dân tộc độc lập dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, thì sự phân chia đó không có gì là quan trọng; nhưng đứng trên quan điểm đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc mà nói, thì sự phân chia đó rất là quan trọng. Và từ sự phân chia đó, phải rút ra định nghĩa *của chúng ta* về "quyền dân tộc tự quyết", một định nghĩa dân chủ triệt để, cách mạng và *phù hợp* với nhiệm vụ chung của cuộc đấu tranh trước mắt vì chủ nghĩa xã hội. Vì quyền tự quyết nói trên, khi đòi thừa nhận quyền ấy một cách thực sự, những người dân chủ - xã hội của những dân tộc đi áp bức phải đòi cho những dân tộc bị áp bức có quyền tự do phân lập, bằng không thì sự công nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc và sự đoàn kết quốc tế của công nhân, trên thực tế, sẽ chỉ là một lời nói trống rỗng và một hành vi giả nhân giả nghĩa mà thôi. Còn những người dân chủ - xã hội của những dân tộc bị áp bức, thì trước tiên họ phải bảo vệ sự thống nhất và đoàn kết của công nhân những dân tộc bị áp bức với công nhân những dân tộc đi áp bức, nếu không thì những người dân chủ - xã hội ấy vô tình sẽ trở thành những kẻ đồng minh của một *giai cấp tư sản* dân tộc nào đó, là giai cấp *luôn luôn* phản bội lợi ích của nhân dân và của nền dân chủ, và đến lượt mình, nó cũng lại *luôn luôn* sẵn sàng thôn tính và áp bức các dân tộc khác.

Cách đặt vấn đề dân tộc hồi cuối những năm 60 của thế kỷ vừa qua có thể là một thí dụ bổ ích. Những người dân chủ tiểu tư sản hồi bấy giờ hễ còn xa lạ với tất cả mọi tư tưởng về đấu tranh giai cấp và về cách mạng xã hội chủ nghĩa, họ đã tưởng tượng ra một bức tranh không tưởng về sự cạnh tranh hoà bình giữa những dân tộc tự do và bình đẳng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Những người theo chủ nghĩa Pru-đông, đứng trên quan điểm những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng xã hội, đã hoàn toàn "phủ nhận" vấn đề dân tộc và quyền dân tộc tự quyết. Mác đã chế giễu chủ nghĩa Pru-đông Pháp và đã chỉ rõ rằng chủ nghĩa đó là bà con thân thuộc với chủ nghĩa sô-vanh Pháp ("toàn thể châu Âu có thể và phải lặng lẽ và bình tĩnh ngồi im một chỗ, chờ cho những ngài ở Pháp xoá bỏ bản cùng"... "hình như họ hiểu một cách không tự giác rằng phủ nhận các dân tộc có nghĩa là dân tộc kiểu mẫu, tức là dân tộc Pháp, thôn tính các dân tộc khác"). Mác đã đòi cho *Ai-rơ-len tách ra* khỏi nước Anh, - "dù rằng, sau khi tách ra rồi, lại phải đi đến chỗ thành lập liên bang" - và khi đòi như thế, thì không phải Mác đứng trên quan điểm không tưởng tiểu tư sản của chủ nghĩa tư bản hoà bình, cũng không phải xuất phát từ "sự công bằng đối với Ai-rơ-len"<sup>38</sup>, mà là đứng trên quan điểm lợi ích của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản của *dân tộc đi áp bức, nghĩa là của nước Anh*, chống chủ nghĩa tư bản. Quyền tự do của dân tộc *này* đã bị hạn chế và bị tổn hại vì dân tộc ấy đã đi áp bức một dân tộc khác. Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp vô sản *Anh* sẽ là một lời nói giả dối, nếu nó không đòi cho Ai-rơ-len được quyền phân lập. Không hề tán thành chủ trương thành lập những nước nhỏ, hoặc chia nhỏ các quốc gia nói chung, cũng không hề tán thành nguyên tắc liên bang, Mác đã coi sự phân lập của dân tộc bị áp bức là một bước tiến tới liên bang và, do đó, không phải tiến tới tình trạng chia nhỏ mà tiến tới tập trung cả về mặt chính trị lẫn về mặt

kinh tế, nhưng là sự tập trung trên một cơ sở dân chủ. Theo quan điểm của Pa-ra-ben-lum thì rất có thể là Mác đã tiến hành một "cuộc đấu tranh hão huyền" khi đòi cho Ai-rơ-len được quyền phân lập. Nhưng, thực ra, chỉ có yêu sách đó mới là một cương lĩnh triệt để cách mạng, *chỉ* có nó mới đáp ứng được những yêu cầu của chủ nghĩa quốc tế, chỉ có nó mới bảo vệ được một sự tập trung *không phải theo kiểu* đế quốc chủ nghĩa.

Chủ nghĩa đế quốc trong thời đại chúng ta đã dẫn tới chỗ là tình trạng các cường quốc lớn đi áp bức các dân tộc trở thành một hiện tượng phổ biến. Chính cái quan điểm đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội - sô-vanh của các cường quốc lớn hiện đang tiến hành một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa nhằm củng cố ách áp bức các dân tộc khác và hiện đang áp bức phần lớn các dân tộc trên thế giới và đại bộ phận dân cư trên trái đất, - chính quan điểm đó phải là quan điểm có tính chất quyết định, chủ yếu, cơ bản, trong cương lĩnh dân tộc của Đảng dân chủ - xã hội.

Các đồng chí hãy xét xem trong lúc này, những trào lưu tư tưởng dân chủ - xã hội về vấn đề nói trên là những trào lưu nào. Những người không tưởng tiểu tư sản mơ ước bình đẳng và hoà bình giữa các dân tộc dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đều đã nhường chỗ cho bọn đế quốc - xã hội rồi. Đấu tranh chống những người không tưởng tiểu tư sản, như thế là Pa-ra-ben-lum đã đánh nhau với một cối xay gió và vô tình làm lợi cho bọn đế quốc - xã hội. Cương lĩnh của những người xã hội - sô-vanh về vấn đề dân tộc là như thế nào?

Hoặc giả họ hoàn toàn phủ nhận quyền dân tộc tự quyết, bằng cách viện ra những lý lẽ cùng một loại với những lý lẽ của Pa-ra-ben-lum (Cu-nốp, Pác-vu-xơ, bọn cơ hội chủ nghĩa Nga: Xem-cốp-xki, Líp-man, v. v.). Hoặc giả họ thừa nhận quyền đó một cách rõ ràng là giả dối, nghĩa là họ không áp dụng quyền đó cho chính những dân tộc phải chịu

ách áp bức của dân tộc trong chính nước họ hay của một đồng minh quân sự của dân tộc đó (Plê-kha-nốp, Hen-đman, tất cả những phần tử yêu nước thân Pháp, rồi tiếp đến là Sai-đê-man, v. v., v. v.). Những luận điệu đối trá xã hội - sô-vanh mà Cau-xky đưa ra hết sức có vẻ có lý, do đó nó hết sức nguy hiểm cho giai cấp vô sản. Trên lời nói, y *tán thành* quyền dân tộc tự quyết; trên lời nói, y tán thành rằng Đảng dân chủ - xã hội phải "die Selbständigkeit der Nationen allseitig (!) und rückhaltlos (??) achtet und fordert"<sup>1)</sup> ("Neue Zeit", 33, II, S. 241; 21. V. 1915). Nhưng *trên thực tế*, y lại làm cho cương lĩnh dân tộc thích ứng với chủ nghĩa xã hội - sô-vanh đang thống trị, y xuyên tạc và cắt xén cương lĩnh ấy, không quy định chính xác nghĩa vụ của những người xã hội chủ nghĩa của các dân tộc đi áp bức và thậm chí còn đi đến chỗ công nhiên xuyên tạc nguyên tắc dân chủ, nói rằng nếu đòi "độc lập quốc gia" (staatliche Selbständigkeit) cho từng dân tộc, thì sẽ là yêu sách "quá đáng" ("zu viel", "Neue Zeit", 33, II, 77; 16. IV. 1915). Thôi đi, xin đủ lắm rồi, cái yêu sách "tự trị dân tộc"!! Chính cái vấn đề chủ chốt, mà giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa không cho phép đề cập đến, tức là vấn đề *biên giới của các quốc gia* xây dựng trên sự áp bức dân tộc, thì Cau-xky làm thỉnh không nói đến, đồng thời vứt bỏ điều quan trọng nhất của cương lĩnh đi, để làm vừa lòng giai cấp tư sản ấy.

Giai cấp tư sản sẵn sàng hứa hẹn mọi "quyền bình đẳng dân tộc" và mọi "quyền tự trị dân tộc", miễn là giai cấp vô sản nằm trong khuôn khổ chế độ hợp pháp và phục tùng giai cấp tư sản "một cách ngoan ngoãn" trong vấn đề *biên giới* quốc gia! Cau-xky đã trình bày cương lĩnh dân tộc của Đảng dân chủ - xã hội, theo lối cải lương chủ nghĩa, chứ không phải theo một tinh thần cách mạng.

<sup>1)</sup> - "tôn trọng và bảo vệ một cách toàn diện (!) và không điều kiện (??) nền độc lập của các dân tộc"

Parteivorstand<sup>1)</sup>, Cau-xky Plê-kha-nốp và đồng bọn sở dĩ giơ cả hai tay tán thành cương lĩnh dân tộc của Pa-ra-ben-lum, hay nói cho đúng hơn là tán thành *lời quả quyết* của ông ấy: "chúng tôi phản đối những cuộc thôn tính", chính là vì cương lĩnh ấy không vạch mặt những phần tử xã hội - ái quốc đang chiếm địa vị thống trị. Bọn tư sản hoà bình chủ nghĩa cũng sẽ tán thành cương lĩnh đó. Còn cái cương lĩnh *chung* tuyệt đẹp của Pa-ra-ben-lum ("đấu tranh cách mạng có tính chất quần chúng chống chủ nghĩa tư bản"), thì ông ta dùng nó, - hết như những người theo chủ nghĩa Pru-đông đã dùng trong những năm 60, - không phải để dựa vào nó và căn cứ theo tinh thần của nó mà xây dựng một cương lĩnh không khoan nhượng và cũng có tính chất cách mạng, về vấn đề dân tộc, mà là để dọn đường cho những phần tử xã hội - ái quốc. Ở thời đại đế quốc chủ nghĩa chúng ta đang sống, phần lớn những người xã hội chủ nghĩa trên thế giới đều thuộc những dân tộc đi áp bức dân tộc khác và ra sức mở rộng sự áp bức đó. Vì thế nên "cuộc đấu tranh" của chúng ta "chống những cuộc thôn tính" sẽ không có nội dung và sẽ không làm cho những người xã hội - ái quốc khiếp sợ chút nào, nếu chúng ta không tuyên bố điều này: người xã hội chủ nghĩa nào thuộc một dân tộc đi áp bức mà trong thời bình cũng như trong thời chiến, không tuyên truyền cho quyền tự do phân lập của các dân tộc bị áp bức, thì người đó không phải là một người xã hội chủ nghĩa, cũng không phải là một người quốc tế chủ nghĩa, mà là một tên sô-vanh chủ nghĩa! Người xã hội chủ nghĩa nào thuộc một dân tộc đi áp bức mà không tuyên truyền cho quyền đó bất chấp sự cấm đoán của chính phủ, nghĩa là không tuyên truyền cho quyền đó trên báo chí tự do, tức là trên báo chí bí mật, thì người ấy chỉ là một người tán thành quyền bình đẳng giữa các dân tộc một cách giả dối mà thôi!

<sup>1)</sup> - Ban lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Đức

Về nước Nga, một nước chưa làm xong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản của mình, Pa-ra-ben-lum chỉ nói có một câu duy nhất như sau:

"Selbst das wirtschaftlich sehr zurückgebliebene Rußland hat in der Haltung der Polnischen, Lettischen, Armenischen Bourgeoisie gezeigt, daß nicht nur die militärische Bewachung es ist, die die Völker in diesem "Zuchthaus der Völker" zusammenhält, sondern Bedürfnisse der kapitalistischen Ex-pansion, für die das ungeheure Territorium ein glänzender Boden der Entwicklung ist"<sup>1)</sup>.

Đấy không phải là "quan điểm dân chủ - xã hội", mà là quan điểm tư sản - tự do chủ nghĩa, không phải là quan điểm quốc tế chủ nghĩa mà là quan điểm sô-vanh - Đại Nga. Pa-ra-ben-lum đấu tranh một cách rất đáng khâm phục chống những người xã hội - ái quốc ở Đức, nhưng rõ ràng là rất ít hiểu biết về chủ nghĩa sô-vanh - Đại Nga. Muốn làm cho câu nói này của Pa-ra-ben-lum trở thành một nguyên lý dân chủ - xã hội và những kết luận dân chủ - xã hội, thì phải sửa đổi và bổ sung câu nói đó như sau:

Nước Nga là một nhà tù của các dân tộc, đó không phải chỉ là do tính chất quân phiệt và phong kiến của chế độ Nga hoàng, không phải chỉ là do giai cấp tư sản Đại Nga ủng hộ chế độ Nga hoàng, mà cũng là do giai cấp tư sản Ba-lan, v. v., đã vì lợi ích của sự bành trướng tư bản chủ nghĩa mà hy sinh quyền tự do của các dân tộc và chế độ dân chủ nói chung. Giai cấp vô sản Nga sẽ không thể

<sup>1)</sup> - "Cứ xem thái độ của giai cấp tư sản Ba-lan, Lát-vi-a và Ác-mê-ni-a, thì ngay cả nước Nga nữa, một nước rất lạc hậu về mặt kinh tế, cũng đã chứng tỏ rằng không phải chỉ có bộ máy quân sự mới giam giữ các dân tộc trong cái "nhà tù các dân tộc" ấy, mà cả những nhu cầu của sự bành trướng tư bản chủ nghĩa cũng làm như thế, vì đối với sự bành trướng đó thì lãnh thổ mệnh mông bát ngát là cơ sở hết sức tốt để nó phát triển".

lãnh đạo nhân dân tiến tới cuộc cách mạng dân chủ thắng lợi được (đó là nhiệm vụ trước mắt của giai cấp vô sản Nga), cũng không thể sát cánh với những người vô sản anh em của mình ở châu Âu mà đấu tranh cho cách mạng xã hội chủ nghĩa được, nếu ngay từ bây giờ, họ không đòi cho tất cả các dân tộc bị chế độ Nga hoàng áp bức được tự do toàn vẹn và "rückhaltlos"<sup>1)</sup>, trong việc tách ra khỏi nước Nga. Chúng tôi đề ra yêu sách đó, không phải là tách rời khỏi cuộc đấu tranh cách mạng của chúng ta cho chủ nghĩa xã hội, mà là vì cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội đó sẽ chỉ là một lời nói suông, nếu người ta không gắn chặt nó với cách đặt vấn đề theo quan điểm cách mạng, trong tất cả các vấn đề dân chủ, kể cả vấn đề dân tộc. Chúng tôi đòi quyền tự do tự quyết, *nghĩa là* đòi quyền độc lập, *nghĩa là* đòi quyền tự do phân lập cho những dân tộc bị áp bức, như thế không phải là vì chúng tôi mơ tưởng xé nhỏ ra về phương diện kinh tế hay mơ tưởng thành lập những nước nhỏ bé, mà ngược lại, vì chúng tôi muốn có những nước lớn, chúng tôi muốn cho các dân tộc gần lại với nhau và thậm chí hợp nhất với nhau nhưng trên một cơ sở thực sự dân chủ, thực sự quốc tế chủ nghĩa, cơ sở này *không thể có được* nếu không có quyền tự do phân lập. Cũng như hồi năm 1869, Mác đã đòi cho Ai-rơ-len có quyền được phân lập, không phải nhằm mục đích muốn xé bỏ ra mà là để sau đó có thể thiết lập được một sự liên minh tự do giữa Ai-rơ-len với nước Anh, không phải vì muốn cho "công bằng đối với Ai-rơ-len", mà là vì lợi ích của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản Anh, thì hiện nay cũng thế, chúng tôi cho rằng những người xã hội chủ nghĩa Nga nào từ chối không chịu đòi cho các dân tộc có quyền tự do tự quyết theo nghĩa mà chúng tôi vừa

<sup>1)</sup> - "không điều kiện"

vạch ra trên đây, thì như thế là trực tiếp phản bội chế độ dân chủ, phản bội chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa xã hội.

*Viết bằng tiếng Đức,  
sớm nhất là ngày 16 (29)  
tháng Mười 1915  
Ký tên: N. Lenin  
In lần đầu năm 1927 trong  
Văn tập Lê-nin, t. VI*

*Theo đúng bản dịch từ tiếng  
Đức, do N. C. Crúp-xcai-a  
dịch và đã được V. I. Lê-  
nin chữa lại.*

## GỬI ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ "LIÊN MINH TUYÊN TRUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA" <sup>39</sup>

Các đồng chí thân mến!

Chúng tôi rất vui mừng nhận được tờ truyền đơn của các đồng chí. Lời kêu gọi của các đồng chí gửi các đảng viên của đảng xã hội chủ nghĩa yêu cầu họ đấu tranh cho một Quốc tế mới, cho chủ nghĩa xã hội cách mạng chân chính mà Mác và Ăng-ghen đã dạy chúng ta, và chống lại chủ nghĩa cơ hội, đặc biệt là chống lại những kẻ tán thành việc giai cấp công nhân tham gia một cuộc chiến tranh tự vệ, lời kêu gọi đó hoàn toàn phù hợp với lập trường mà đảng chúng tôi (Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, *Ban chấp hành trung ương*) đã theo ngay từ khi bắt đầu có cuộc chiến tranh này, và đã luôn luôn giữ vững từ hơn 10 năm nay.

Chúng tôi gửi đến các đồng chí lời chào chân thành nhất và lời chúc mừng tốt đẹp nhất, chúc các đồng chí giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh của chúng ta vì chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Trên báo chí của chúng tôi và trong công tác tuyên truyền của chúng tôi, chúng tôi chưa nhất trí với cương lĩnh của các đồng chí trên nhiều điểm. Chúng tôi cho rằng điều hoàn toàn cần thiết là phải trình bày vấn đề cùng các đồng chí những chỗ bất đồng ý kiến đó, để áp dụng ngay lập tức những biện pháp có hiệu quả nhằm làm cho trong tất cả các nước, có sự phối hợp đấu tranh quốc tế



To the Secretary of the "Socialist League of  
 the U. S. A., 20 Essex St., New York,  
 Mass.

Dear comrades!

We are extremely glad to get your leaflet. Your  
 appeal to the members of the Socialist Party to  
 struggle for ~~the~~ a new International, for clear-  
 cut revolutionary methods as forcefully  
 shown in England, and against the opportunists,  
 especially against those who are in fan-  
 vor of restricting class participation in  
 a war of defense, corresponds fully  
 with the position our party (Social Demo-  
 cratic Labor Party of Russia, Central Com-  
 mittee) has taken from the beginning of  
 this war & has always taken during  
 more than ten years.

We send you our sincerest greetings

Trang đầu bức thư của V.I.Lê-nin  
 "Gửi đồng chí bí thư "Liên minh tuyên truyền  
 xã hội chủ nghĩa". - Tháng Mười một 1915

Ảnh thu nhỏ

của những người xã hội chủ nghĩa cách mạng - nhất là của những người mác-xít - là những người không chịu thỏa hiệp.

Chúng tôi hết sức nghiêm khắc phê phán Quốc tế cũ, Quốc tế II (1889 - 1914), chúng tôi tuyên bố rằng Quốc tế đó đã chết rồi, nó không xứng đáng được khôi phục lại trên cơ sở cũ. Nhưng chúng tôi không bao giờ nói trong báo chí của chúng tôi rằng từ trước đến nay người ta đã chú ý quá nhiều đến cái gọi là "những yêu sách trước mắt", và rằng điều đó có thể đưa đến chỗ làm cho chủ nghĩa xã hội bị mất hết nội dung sinh động. Chúng tôi khẳng định và chứng minh rằng tất cả các đảng tư sản, tất cả các đảng, - trừ đảng cách mạng của giai cấp công nhân, - đều lừa gạt và giả dối khi họ nói về những cải cách. Chúng tôi cố gắng giúp cho giai cấp công nhân giành được một sự cải thiện cụ thể, dù là hết sức nhỏ bé, đối với hoàn cảnh (kinh tế và chính trị) của họ, và chúng tôi luôn luôn nói rõ thêm rằng *không một* cuộc cải cách *nào* có thể được thực hiện một cách bền vững, thực sự và nghiêm chỉnh, nếu không được ủng hộ bằng những phương pháp đấu tranh cách mạng của quần chúng. Chúng tôi luôn luôn giải thích rằng một đảng xã hội chủ nghĩa nào mà không kết hợp cuộc đấu tranh ấy, - cuộc đấu tranh nhằm thực hiện những cải cách, - với những phương pháp cách mạng của phong trào công nhân, thì đảng đó không khéo sẽ trở thành một biệt phái, sẽ thoát ly quần chúng, và đấy là mối nguy hại nghiêm trọng nhất đối với thắng lợi của chủ nghĩa xã hội chân chính cách mạng.

Trên báo chí của chúng tôi, chúng tôi luôn luôn bảo vệ dân chủ trong nội bộ đảng. Nhưng chúng tôi không bao giờ phản đối chế độ tập trung của đảng. Chúng tôi chủ trương chế độ tập trung dân chủ. Chúng tôi cho rằng sự tập trung của phong trào công nhân Đức không phải là nhược điểm, mà là mặt tốt và tích cực của nó. Khuyết điểm của Đảng dân chủ - xã hội Đức hiện thời không phải là ở chế độ tập trung, mà là ở tình trạng bọn cơ hội chủ nghĩa

chiếm ưu thế, bọn này cần phải bị khai trừ ra khỏi đảng, nhất là hiện nay, sau khi chúng đã có những hành động phản bội trong thời kỳ chiến tranh. Nếu, trong mỗi cuộc khủng hoảng, một nhóm nhỏ (ví dụ, Ban chấp hành trung ương của chúng tôi cũng là một nhóm nhỏ) mà có thể hướng được đồng đảo quần chúng *đi theo cách mạng*, thì đó là một điều rất tốt. Trong *tất cả* các cuộc khủng hoảng, quần chúng đều không thể hành động trực tiếp được, họ cần sự giúp đỡ của những nhóm nhỏ của các cơ quan trung ương của đảng. Ngay từ khi cuộc chiến tranh này bắt đầu nổ ra, nghĩa là từ tháng Chín 1914, Ban chấp hành trung ương của chúng tôi đã kêu gọi quần chúng không nên tin vào những luận điệu dối trá về "chiến tranh tự vệ" và cần phải đoạn tuyệt với bọn cơ hội chủ nghĩa và với những kẻ mà người ta gọi là "những người xã hội chủ nghĩa - gin - gô" (chúng tôi dùng cái tên ấy để gọi "những người xã hội chủ nghĩa" nào mà *hiện giờ* đang chủ trương chiến tranh tự vệ). Chúng tôi cho rằng những biện pháp tập trung đó của Ban chấp hành trung ương của chúng tôi là những biện pháp có ích và cần thiết.

Chúng tôi đồng ý với các đồng chí là chúng ta cần phải chống lại những công đoàn có tính chất phường hội và tán thành những công đoàn công nghiệp, nghĩa là những công đoàn lớn, có tính chất tập trung, và phải tán thành sự tham gia tích cực nhất của *toàn thể* đảng viên của đảng vào cuộc đấu tranh kinh tế và vào *tất cả* các tổ chức công đoàn và hợp tác xã của giai cấp công nhân. Nhưng những kẻ như ông Lê-ghin ở Đức hay ông Gôm-póc-xơ ở Mỹ, thì chúng tôi xem họ như những người tư sản, và chúng tôi cho rằng chính sách của họ không phải là chính sách xã hội chủ nghĩa, mà là chính sách tư sản dân tộc chủ nghĩa. Các ông Lê-ghin, Gôm-póc-xơ và đồng bọn không phải là những đại biểu của giai cấp công nhân: họ chỉ đại diện cho tầng lớp quý tộc và quan liêu trong giai cấp công nhân thôi.

Khi nói đến hoạt động chính trị, các đồng chí yêu cầu công nhân phải tiến hành "hoạt động có tính chất quần chúng", điều đó chúng tôi hoàn toàn đồng ý với các đồng chí. Những người xã hội chủ nghĩa - quốc tế chủ nghĩa cách mạng Đức cũng yêu cầu như thế. Trong báo chí của chúng tôi, chúng tôi cố gắng xác định một cách chi tiết hơn là phải hiểu những hoạt động chính trị có tính chất quần chúng, - chẳng hạn như những cuộc bãi công chính trị (rất thường xảy ra ở Nga), những cuộc tuần hành thị uy trên đường phố và cuộc nội chiến mà hiện nay cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa giữa các dân tộc đang chuẩn bị gây ra - chính ra là cái gì.

Chúng tôi không tuyên truyền cho sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ những đảng xã hội chủ nghĩa *hiện nay* (là những đảng đang chiếm ưu thế trong Quốc tế II). Trái lại, chúng tôi kiên quyết chủ trương cần phải *đoạn tuyệt* với bọn cơ hội chủ nghĩa. Chiến tranh là một bài học thực tế tốt nhất. Trong *tất cả* các nước, bọn cơ hội chủ nghĩa, đám lãnh tụ của họ, những báo chí có ảnh hưởng nhất của họ, đều *ủng hộ* chiến tranh; nói một cách khác, họ đã thực sự *đoàn kết* với giai cấp tư sản dân tộc "nước họ" (tức giai cấp trung gian, bọn tư bản), để chống lại quần chúng vô sản. Các đồng chí nói rằng ở Mỹ cũng có những người xã hội chủ nghĩa tán thành chiến tranh tự vệ. Chúng tôi tin chắc rằng liên minh với những kẻ ấy là một tội ác. Liên minh *như thế* là liên minh với giai cấp trung gian của dân tộc mình và bọn tư bản, và là *đoạn tuyệt* với giai cấp công nhân cách mạng quốc tế. Về phần chúng tôi, chúng tôi chủ trương phải *đoạn tuyệt* với bọn cơ hội dân tộc chủ nghĩa và tán thành liên minh với những người mác-xít cách mạng và các chính đảng của giai cấp công nhân trong *tất cả* các nước.

Trên báo chí của chúng tôi, chúng tôi không bao giờ phản đối việc hợp nhất Đảng xã hội chủ nghĩa với Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa (S.P. and S. L. P.) ở Mỹ<sup>40</sup>. Chúng

tôi luôn luôn dẫn chứng những bức thư của Mác và Ăng-ghe-n (nhất là những bức thư gửi cho Doóc-ghê, một thành viên tích cực của phong trào xã hội chủ nghĩa ở Mỹ), trong đó cả hai ông đều lên án tính chất biệt phái của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa (S. L. P.)<sup>41</sup>.

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với lời các đồng chí phê bình Quốc tế cũ. Chúng tôi đã tham gia Hội nghị Xim-méc-van (ở Thụy-sĩ, từ ngày 5 đến 8. IX. 1915). Ở đây, chúng tôi đã tổ chức thành *phái tả*, và đã đưa ra *ngợi quyết của chúng tôi* cùng với một bản dự thảo tuyên ngôn. Chúng tôi vừa mới công bố bằng tiếng Đức những văn kiện đó và tôi xin gửi những văn kiện đó đến các đồng chí (cùng với bản dịch ra tiếng Đức của tập sách nhỏ của chúng tôi nhan đề là "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh"), hy vọng rằng trong Liên minh của các đồng chí có người biết tiếng Đức. Nếu các đồng chí có thể giúp chúng tôi xuất bản những văn kiện đó bằng tiếng Anh (điều đó chỉ có thể làm được ở Mỹ thôi, sau đó chúng tôi sẽ gửi những văn kiện đó sang nước Anh), chúng tôi sẽ sẵn lòng nhận sự giúp đỡ của các đồng chí.

Trong cuộc đấu tranh của chúng tôi vì chủ nghĩa quốc tế chân chính và chống "chủ nghĩa xã hội - gin-gô", chúng tôi luôn luôn nêu rõ trên báo chí của chúng tôi những lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa của Đảng xã hội chủ nghĩa (S. P.) ở Mỹ, là bọn tán thành chủ trương hạn chế sự nhập cư của công nhân Trung-quốc và Nhật-bản (nhất là từ sau Đại hội Stút-ga năm 1907, và *trái với* nghị quyết của đại hội). Chúng tôi nghĩ rằng không thể là người quốc tế chủ nghĩa mà đồng thời lại tán thành những sự hạn chế như thế. Chúng tôi khẳng định rằng, nếu những người xã hội chủ nghĩa Mỹ, và nhất là những người xã hội chủ nghĩa Anh, - đều thuộc những dân tộc đi thống trị và *áp bức*, - không phản đối bất cứ một sự hạn chế nhập cư nào và bất cứ một sự chiếm hữu thuộc địa nào (quần đảo Ha-oai), nếu họ không ủng hộ nền độc lập hoàn toàn của các thuộc địa, thì thực ra, những

người xã hội chủ nghĩa như thế chỉ là những người "gin-gô" mà thôi.

Cuối cùng, một lần nữa, tôi xin gửi đến Liên minh các đồng chí lời chào và những lời chúc mừng tốt đẹp nhất của chúng tôi. Chúng tôi sẽ rất lấy làm sung sướng nếu tiếp tục nhận được tin tức của các đồng chí và *kết hợp* được cuộc chiến đấu của chúng ta chống chủ nghĩa cơ hội và vì chủ nghĩa quốc tế chân chính.

*N. Lê-nin* của các đồng chí

NB: ở nước Nga có *hai* đảng dân chủ-xã hội. Đảng của chúng tôi ("Ban chấp hành *trung ương*") chống chủ nghĩa cơ hội. Đảng thứ hai ("Ban *tổ chức*") là đảng cơ hội chủ nghĩa. Chúng tôi *phản đối* việc liên minh với đảng ấy.

Các đồng chí có thể viết thư theo địa chỉ chính thức của chúng tôi (Thư viện Nga. Gửi Ban chấp hành trung ương, nhà số 7, phố Huy-gô đơ Xăng-gie, *Giơ-ne-vơ*, Thụy-sĩ). Nhưng tốt hơn hết là gửi thư theo địa chỉ riêng của tôi: *VI. U-li-a-nốp*. Xai-đen-ve-gơ, 4-a, III. *Béc-nơ*, Thụy-sĩ.

*Viết bằng tiếng Anh, khoảng từ  
ngày 31 tháng Mười đến 9 tháng  
Mười một (từ 13 đến 22 tháng  
Mười một) 1915*

*In lần đầu năm 1924 trong  
Văn tập Lênin, t.II*

*Theo đúng bản thảo  
Dịch từ tiếng Anh*

Thụy-sĩ, "kéo *Lênin*

## VỀ HAI ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG

Trong tờ "Lời kêu gọi"<sup>42</sup>, số 3, ông Plê-kha-nốp tìm cách đặt ra vấn đề lý luận cơ bản về cuộc cách mạng sắp xảy ra ở Nga. Ông dẫn chúng một đoạn của Mác nói rằng ở Pháp, cuộc cách mạng năm 1789 phát triển theo đường lối đi lên, còn cuộc cách mạng năm 1848 thì phát triển theo đường lối đi xuống. Trong trường hợp thứ nhất, chính quyền chuyển dần từ tay một đảng ôn hoà hơn sang tay một đảng tả hơn: phái lập hiến - phái Gi-rông-đanh - phái Gia-cô-banh. Trong trường hợp thứ hai thì ngược lại (giai cấp vô sản - phái dân chủ tiểu tư sản - phái cộng hoà tư sản - Na-pô-lê-ông III). Tác giả của chúng ta suy luận: "Nên hướng cuộc cách mạng Nga theo đường lối đi lên", nghĩa là chính quyền phải chuyển trước hết vào tay phái dân chủ - lập hiến và phái tháng Mười<sup>43</sup>, rồi vào tay phái lao động và sau đó vào tay những người xã hội chủ nghĩa. Dĩ nhiên là những ý kiến lập luận đó sẽ đưa đến kết luận là phái tả ở Nga mà không ủng hộ những người dân chủ - lập hiến và làm mất uy tín của những người đó quá sớm, là không sáng suốt.

Những ý kiến lập luận có tính chất "lý luận" ấy của ông Plê-kha-nốp chẳng qua chỉ là một điển hình nữa về việc thay thế chủ nghĩa Mác bằng chủ nghĩa tự do. Đối với ông Plê-kha-nốp thì vấn đề rút lại chỉ là xét xem những "khái niệm chiến lược" của những phần tử tiên tiến là

"đúng" hay sai? Mác đã lập luận một cách khác hẳn. Người nêu lên một sự thật là: cuộc cách mạng, trong hai trường hợp nói trên, đã diễn ra một cách khác nhau; nhưng Mác *không* lấy những "khái niệm chiến lược" để *giải thích* sự khác nhau đó. Đứng trên quan điểm chủ nghĩa Mác mà xét, thì thật là lố bịch nếu muốn giải thích sự khác nhau đó bằng các khái niệm. Phải giải thích bằng sự khác nhau trong *những mối quan hệ giữa các giai cấp*. Chính Mác cũng đã viết rằng năm 1789, giai cấp tư sản Pháp đã liên minh với nông dân và năm 1848, phái dân chủ tiểu tư sản đã phản bội giai cấp vô sản<sup>44</sup>. Ông Plê-kha-nốp có biết ý kiến ấy của Mác, nhưng đã lờ đi để xuyên tạc Mác thành một người "kiểu Xơ-ru-vê". Hồi 1789, ở Pháp, vấn đề là phải lật đổ chế độ chuyên chế và bọn quý tộc. Do trình độ phát triển về kinh tế và chính trị hồi đó, giai cấp tư sản tin vào sự hoà hợp về quyền lợi, không lo ngại là nền thống trị của nó không vững chắc và đã liên minh với nông dân. Liên minh ấy đã đảm bảo cho cách mạng hoàn toàn thắng lợi. Năm 1848, vấn đề là giai cấp vô sản phải đánh đổ giai cấp tư sản. Nhưng giai cấp vô sản đã không tranh thủ được giai cấp tiểu tư sản về phía mình; sự phản bội của giai cấp này làm cho cách mạng bị thất bại. Đường lối đi lên năm 1789 là một hình thái cách mạng mà trong đó quần chúng nhân dân đã đánh bại chế độ chuyên chế. Đường lối đi xuống năm 1848 là một hình thái cách mạng mà trong đó việc quần chúng tiểu tư sản phản bội giai cấp vô sản đã làm cho cách mạng thất bại.

Ông Plê-kha-nốp đã thay thế chủ nghĩa Mác bằng một chủ nghĩa duy tâm tầm thường khi đem quy vấn đề vào những "khái niệm chiến lược", chứ không phải vào những mối quan hệ giữa các giai cấp.

Kinh nghiệm của cuộc cách mạng Nga năm 1905 và của thời kỳ phản cách mạng diễn ra sau đó, cho chúng ta thấy rằng ở nước ta có *hai* đường lối cách mạng, theo ý nghĩa là

có cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp, giai cấp vô sản và giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, để giành lấy ảnh hưởng lãnh đạo đối với quần chúng. Giai cấp vô sản đã hành động một cách cách mạng và đã lôi cuốn tầng lớp nông dân dân chủ theo mình để đánh đổ chế độ quân chủ và bọn địa chủ. Bằng chứng về việc nông dân tỏ ra có những xu hướng cách mạng - theo ý nghĩa dân chủ, - đã thể hiện trên quy mô *rộng lớn* trong *tất cả* những biến cố chính trị quan trọng như: những cuộc khởi nghĩa của nông dân năm 1905 - 1906, những cuộc binh biến xảy ra cũng trong những năm ấy, "Hội liên hiệp nông dân" năm 1905 và hai Đu-ma đầu tiên, trong đó *những nông dân* thuộc phái lao động đã tỏ ra không những "tả hơn phái dân chủ - lập hiến", mà còn *cách mạng hơn* những người trí thức - *xã hội - cách mạng* và phái lao động nữa. Tiếc thay, người ta thường hay quên điều đó, nhưng đó lại là sự thật. Ở Đu-ma III và Đu-ma IV, *những nông dân* thuộc phái lao động, mặc dầu yếu ớt nhưng cũng đã chứng tỏ rằng quần chúng nông thôn có tâm trạng *chống lại* bọn địa chủ.

Đường lối thứ nhất của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản Nga, xuất phát từ những sự thật chứ không phải từ những lời ba hoa về "chiến lược", là: giai cấp vô sản đã kiên quyết chiến đấu, còn nông dân thì đi theo giai cấp vô sản một cách do dự. Cả hai giai cấp ấy đều chống lại chế độ quân chủ và bọn địa chủ. Vì không đủ lực lượng và thiếu quyết tâm nên cả hai giai cấp đó đều thất bại (mặc dù đã chọc được một đọt phá khẩu nào đó vào chế độ chuyên chế).

Đường lối thứ hai là thái độ của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa. Những người bôn-sê-vích chúng ta luôn luôn nói, nhất là từ mùa xuân năm 1906, rằng đại biểu cho đường lối này là phái dân chủ - lập hiến và phái tháng Mười là những phái được coi là một lực lượng *thống nhất*. Thời gian mười năm 1905 - 1915 đã chứng thực quan điểm của chúng ta. Trong những giờ phút quyết định của cuộc đấu

tranh, phái dân chủ - lập hiến và phái thán Mườì đã phản bội lại phái dân chủ và đã "chạy đi" giúp Nga hoàng và bọn địa chủ. Đường lối "của phái tự do" trong cuộc cách mạng Nga là "xoa dịu" và phân tán cuộc đấu tranh của quần chúng để điều hoà giai cấp tư sản với chế độ quân chủ. Tình hình quốc tế của cuộc cách mạng Nga và lực lượng của giai cấp vô sản Nga khiến cho thái độ của phái tự do tất nhiên phải như thế.

Những người bên-sê-vích đã tự giác giúp giai cấp vô sản đi theo đường lối thứ nhất, chiến đấu dũng cảm phi thường và lôi cuốn nông dân theo mình. Còn bọn men-sê-vích thì luôn luôn trượt dài theo đường lối thứ hai, chúng đã hủ hoá giai cấp vô sản, bằng cách làm cho phong trào vô sản thích ứng với phái tự do, từ việc chúng kêu gọi giai cấp vô sản tham gia Đu-ma Bu-lư-ghin (tháng Tám 1905) cho đến nội các của phái dân chủ - lập hiến năm 1906 và đến việc liên minh với phái dân chủ - lập hiến để *chống lại* phái dân chủ vào năm 1907. (Chúng ta nhận xét thêm rằng, theo quan điểm của ông Plê-kha-nốp, thì lúc đó, "những khái niệm chiến lược chính xác" của bọn dân chủ - lập hiến và của bọn men-sê-vích đã bị thất bại. Tại sao thế? Tại sao quần chúng lại không nghe theo nhà hiền triết Plê-kha-nốp và những lời khuyên nhủ của bọn dân chủ - lập hiến, những lời khuyên nhủ đã được phổ biến rộng rãi gấp trăm lần những lời khuyên nhủ của những người bên-sê-vích?)

Chỉ có hai trào lưu ấy, bên-sê-vích và men-sê-vích, là đã biểu hiện trong hoạt động chính trị của *quần chúng* trong những năm 1904 - 1908, cũng như về sau này trong những năm 1908 - 1914. Tại sao vậy? Vì chỉ có hai trào lưu đó là có những gốc rễ giai cấp vững chắc; gốc rễ giai cấp của trào lưu bên-sê-vích là giai cấp vô sản, gốc rễ giai cấp của trào lưu men-sê-vích là giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa.

Ngày nay, chúng ta lại đang tiến tới cách mạng. Điều đó ai cũng nhận thấy. *Chính bản thân Khvô-xtốp* cũng nói

rằng tâm trạng của nông dân gợi lại những năm 1905 - 1906. Chúng ta lại đứng trước *cũng* hai đường lối cách mạng ấy, *cũng* mối quan hệ giai cấp ấy, mối quan hệ này thay đổi chỉ là do tình hình quốc tế đã khác trước. Hồi 1905, toàn bộ giai cấp tư sản châu Âu đã đứng về phía chế độ Nga hoàng và đã ủng hộ chế độ đó, người thì bỏ ra hàng tỷ bạc (người Pháp), kẻ thì chuẩn bị một đạo quân phản cách mạng (người Đức). Hồi năm 1914, cuộc chiến tranh châu Âu bùng nổ; khắp mọi nơi, giai cấp tư sản đã tạm thời chiến thắng giai cấp vô sản, làm cho giai cấp vô sản bị chìm ngập trong dòng nước đục chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa sô-vanh. Ở Nga, quần chúng nhân dân tiểu tư sản, chủ yếu là nông dân, vẫn chiếm đa số trong dân cư như trước đây. Những quần chúng đó trước hết là bị bọn địa chủ áp bức. Về mặt chính trị, một bộ phận trong số quần chúng đó đang còn ngủ mê, còn một bộ phận thì ngả nghiêng giữa chủ nghĩa sô-vanh ("chiến thắng nước Đức", "bảo vệ tổ quốc") và tinh thần cách mạng. Những đại biểu chính trị của quần chúng ấy - và cũng là những người biểu hiện những sự ngả nghiêng của quần chúng ấy - một mặt gồm có bọn dân tụy (phái lao động và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng), một mặt nữa thì gồm những người dân chủ - xã hội cơ hội chủ nghĩa ("Sự nghiệp của chúng ta", Plê-kha-nốp, đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê, Ban tổ chức), những người cơ hội chủ nghĩa này, từ năm 1910, đã dứt khoát đi vào con đường của chính sách công nhân kiểu phái tự do để rồi đến năm 1915 thì rơi vào chủ nghĩa xã hội - sô-vanh của các ngài Pô-tơ-rê-xốp, Tsê-rê-va-nin, Lê-vi-txơ-ki, Ma-xlốp, hoặc đi đến chỗ yêu cầu "thống nhất" với các ngài đó.

Tình hình thực tế ấy đề ra một cách hết sức rõ ràng nhiệm vụ của giai cấp vô sản. Tiến hành một cuộc đấu tranh cách mạng dũng cảm quên mình chống chế độ quân chủ (những khẩu hiệu của Hội nghị tháng Giêng 1912<sup>45</sup>, khẩu hiệu "ba điểm chốt"), cuộc đấu tranh đó sẽ lôi cuốn tất cả

quần chúng dân chủ, tức là chủ yếu lôi cuốn nông dân. Nhưng đồng thời còn phải thắng tay đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh, còn phải liên minh với giai cấp vô sản *châu Âu* đấu tranh cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở châu Âu. Những sự do dự của giai cấp tiểu tư sản không phải ngẫu nhiên, mà là tất nhiên và nảy sinh từ địa vị giai cấp của giai cấp đó. Cuộc khủng hoảng do chiến tranh gây ra, đã *tăng cường* những nhân tố kinh tế và chính trị đang đẩy giai cấp tiểu tư sản - kể cả nông dân - về phía tả. Đó là cơ sở khách quan khiến cho cách mạng dân chủ ở Nga hoàn toàn có thể giành được thắng lợi. Chúng ta không cần phải chứng minh ở đây rằng những điều kiện khách quan của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Tây Âu đã hoàn toàn chín muồi; trước chiến tranh, những người xã hội chủ nghĩa có uy tín trong tất cả các nước tiên tiến đều đã thừa nhận điều đó rồi.

Làm sáng rõ mối quan hệ giai cấp trong cuộc cách mạng sắp tới, đó là nhiệm vụ chủ yếu của một chính đảng cách mạng. Song Ban tổ chức đã lẩn tránh nhiệm vụ đó; ở Nga thì ban này là bạn đồng minh trung thành của tờ "Sự nghiệp của chúng ta", còn ở ngoài nước thì nó đưa ra những câu "tả" hoàn toàn vô nghĩa. Trong tờ "Lời nói của chúng ta" Tơ-rốt-xki đã giải quyết nhiệm vụ đó một cách không đúng, y đã lặp lại cái lý luận "độc đáo" của mình hồi năm 1905 và không chịu suy nghĩ xem vì những nguyên nhân gì mà suốt trong mười năm ròng, cuộc sống đã không đem xia đến cái lý luận tuyệt vời đó.

Lý luận độc đáo của Tơ-rốt-xki mượn của những người bên-sê-vích lời kêu gọi giai cấp vô sản kiên quyết đấu tranh cách mạng và giành chính quyền, và mượn của những người men-sê-vích cái tư tưởng "phủ nhận" vai trò của nông dân. Theo ông ta thì nông dân đã bị phân hoá; vai trò cách mạng mà họ có thể có, ngày càng giảm đi; không thể nào thực hiện được ở nước Nga một cuộc cách mạng "dân tộc"

vì: "chúng ta đang sống trong thời đại của chủ nghĩa đế quốc", mà "chủ nghĩa đế quốc thì đem đối lập giai cấp vô sản với dân tộc tư sản, chứ không đem đối lập một dân tộc tư sản với chế độ cũ".

Thật là một thí dụ đáng buồn cười về lối "chơi chữ": chủ nghĩa đế quốc ! Nếu ở *nước Nga*, giai cấp vô sản đã đối lập với "dân tộc tư sản" thì như vậy tức là nước Nga đang ở đúng ngay vào đêm trước của cuộc cách mạng *xã hội chủ nghĩa* rồi!!; nếu như vậy thì, khẩu hiệu "tịch thu ruộng đất của địa chủ" (mà Tơ-rốt-xki đã lặp lại vào năm 1915 sau cuộc Hội nghị tháng Giêng 1912) và sai, và người ta phải nói đến, một chính phủ "công nhân *xã hội chủ nghĩa*" chứ không phải là một Chính phủ "công nhân cách mạng"!! Tơ-rốt-xki nói rằng giai cấp vô sản, do tinh thần kiên quyết của mình, cũng sẽ lôi cuốn được "quần chúng nhân dân *phi vô sản*!" (số 217), - qua câu nói đó người ta có thể thấy rõ Tơ-rốt-xki đã mơ hồ lẫn lộn đến mức nào!! Tơ-rốt-xki đã không nghĩ ra rằng nếu giai cấp vô sản lôi cuốn được quần chúng phi vô sản ở nông thôn vào việc tịch thu ruộng đất của địa chủ và nếu giai cấp đó lật đổ được chế độ quân chủ, thì đó chính là hoàn thành cuộc "cách mạng tư sản dân tộc" ở Nga, và đó cũng là chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân!

Mười năm qua, mười năm vĩ đại từ năm 1905 đến năm 1915, đã chứng minh rằng trong cuộc cách mạng Nga có hai đường lối giai cấp và chỉ có hai đường lối ấy mà thôi. Sự phân hoá trong nông dân đã làm tăng thêm cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ nông dân, đã thức tỉnh rất nhiều phần tử ngủ mê về mặt chính trị và đã làm cho giai cấp vô sản nông thôn (đối với giai cấp này thì từ năm 1906, những người bên-sê-vích đã kiên trì chủ trương nên có tổ chức riêng và đã ghi yêu sách ấy vào nghị quyết của Đại hội Xtóc-khôn<sup>46</sup>, một đại hội men-sê-vích) xích gần lại với giai cấp vô sản thành thị. Nhưng mâu thuẫn đối kháng giữa "nông

dân" và bọn Mác-cốp - Rô-ma-nốp - Khvô-xtốp ngày càng tăng, càng phát triển và gay gắt thêm. Sự thật đó quá rõ đến nỗi *ngay cả* hàng nghìn câu trong hàng chục bài báo mà Tô-rốt-xki viết ở Pa-ri cũng không thể nào "bác" lại được. Trên thực tế, Tô-rốt-xki đã giúp đỡ những nhà chính trị công nhân thuộc phái tự do ở Nga là những người đã "phủ nhận" vai trò của nông dân, vì họ *không muốn* thúc đẩy nông dân làm cách mạng!

Nhưng hiện nay, đó là mấu chốt của vấn đề. Giai cấp vô sản đang đấu tranh và sẽ đấu tranh quên mình để giành lấy chính quyền, để thiết lập nền cộng hoà, để tịch thu ruộng đất, *nghĩa là* để tranh thủ nông dân, để *tận dụng* các lực lượng cách mạng của họ, để "quân chúng nhân dân *phi* vô sản" tham gia giải phóng nước Nga *tư sản* thoát khỏi ách của "chủ nghĩa đế quốc" *phong kiến - quân phiệt* (= chế độ Nga hoàng). Và giai cấp vô sản sẽ lập tức lợi dụng việc giải phóng nước Nga tư sản thoát khỏi chế độ Nga hoàng, thoát khỏi ruộng đất và chính quyền của địa chủ, không phải là để giúp nông dân giàu đấu tranh chống công nhân nông nghiệp mà là để, liên minh với những người vô sản châu Âu, hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

"Người dân chủ - xã hội",  
số 48, ngày 20 tháng  
Mười một 1915

Theo đúng bản in trên báo  
"Người dân chủ - xã hội"

## ĐẾN TỆT ĐIỂM

Một số người dân chủ - xã hội cấp tiến và mác-xít cách mạng biến thành những người xã hội - sô-vanh, đó là một hiện tượng phổ biến trong tất cả các nước tham chiến. Trào lưu sô-vanh rầm rộ, sôi nổi và mạnh mẽ đến nỗi bất kỳ ở đâu nó cũng cuốn hút được những người dân chủ - xã hội cánh tả đã mất hết khí tiết hoặc đã hết thời. Pác-vu-xơ, người mà ngay trong thời kỳ cách mạng Nga đã tỏ ra là một kẻ phiêu lưu, thì bây giờ đây, trên tờ tạp chí nhỏ của y tên là "Die Glocke" ("Cái chuông")<sup>47</sup>, đã sa đọa đến... tệ điểm. Y bênh vực bọn cơ hội chủ nghĩa Đức một cách hết sức trâng tráo và hết sức tự mãn. Y thiêu huỷ tất cả những cái mà y đã sùng bái; y đã "quên" cuộc đấu tranh giữa trào lưu cách mạng và trào lưu cơ hội chủ nghĩa và quên lịch sử của hai trào lưu đó trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế. Với thái độ suông sã của một tay viết tiểu phẩm chắc chắn thế nào cũng được giai cấp tư sản tán thưởng, y võ vai Mác và "chữa lại" học thuyết Mác, mà không hề có một sự phê phán thiện ý và nghiêm chỉnh nào cả. Còn đối với một Ăng-ghen nào đó, thì y coi khinh ra mặt. Y bênh vực những người hoà bình chủ nghĩa và những người quốc tế chủ nghĩa ở Anh, bọn dân tộc chủ nghĩa và bọn ái quốc đầu lười ở Đức. Y mắng nhiếc những người xã hội - ái quốc ở Anh là sô-vanh, là đầy tớ của giai cấp tư sản, đồng thời tôn bọn xã hội - ái quốc ở Đức lên là những



người dân chủ - xã hội cách mạng và hôn hít bọn Len-sơ, Hê-ni-sơ và Grun-van. Y liếm gót Hin-đen-buốc, quả quyết với bạn đọc rằng "bộ tổng tham mưu Đức đã ủng hộ cuộc cách mạng Nga", và cho đăng những bài ca rất bỉ ổi để tán dương cái "hiện thân đó của linh hồn nhân dân Đức", cái "tình cảm cách mạng mãnh liệt" của bộ tổng tham mưu đó. Y hứa hẹn với nước Đức bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội một cách không đau đớn, thông qua sự liên minh giữa phái bảo thủ và một bộ phận của phái xã hội chủ nghĩa, và thông qua những chiếc "phiếu mua bánh mì". Chẳng khác gì một kẻ hèn nhát đê tiện, y tỏ thái độ khoan dung, nửa ủng hộ nửa không ủng hộ Hội nghị Xim-méc-van, và giả vờ như không thấy trong bản tuyên ngôn của hội nghị ấy những đoạn lên án tất cả mọi sắc thái của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh, từ Pác-vu-xơ và Plê-kha-nốp đến Côn-bơ và Cau-xky.

Trong sáu số tạp chí nhỏ của y không hề có lấy một tư tưởng nào là trung thực, một lý lẽ nào là nghiêm chỉnh, một bài báo nào là chân thành cả. Đó hoàn toàn chỉ là cái hố rác chủ nghĩa sô-vanh Đức, nguy trang bằng một cái chiêu bài được tô điểm một cách thô thiển: vì những cái gọi là lợi ích của cuộc cách mạng Nga! Hoàn toàn tự nhiên là cái hố rác đó được bọn cơ hội chủ nghĩa: Côn-bơ và tờ báo "Tiếng nói của nhân dân"<sup>48</sup> của Hem-ni-txơ khen ngợi.

Ngài Pác-vu-xơ quá đần độn đến nỗi đã công khai tuyên bố rằng ông ta có "sứ mệnh" "làm một khâu liên hệ về mặt tư tưởng giữa giai cấp vô sản Đức đã được vũ trang và giai cấp vô sản cách mạng Nga". Câu nói khôi hài đó cũng đủ làm trò chơi cho công nhân Nga. Nếu tờ "Lời kêu gọi" của các ngài Plê-kha-nốp, Bu-na-cốp và đồng bọn hoàn toàn đáng được sự tán thành của bọn sô-vanh và của Khvô-xtốp ở Nga, thì như vậy tờ "Cái chuông" của ngài Pác-vu-xơ là cơ quan ngôn luận của bọn phản bội và bọn đầy tớ ti tiện ở Đức.

Về vấn đề này, không thể không nêu thêm một mặt có ích khác của cuộc chiến tranh hiện tại. Cuộc chiến tranh này không phải chỉ dùng "đại bác bắn nhanh" để tiêu diệt chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa vô chính phủ, mà nó còn vạch mặt một cách thân tình bọn phiêu lưu và bọn người hay xoay chiều đổi hướng trong phong trào xã hội chủ nghĩa. Lịch sử đã bắt đầu sơ bộ tẩy uế phong trào vô sản như vậy, ngay trong đêm trước của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, chứ không phải trong quá trình diễn biến của cuộc cách mạng ấy, đó là một điều vô cùng có lợi cho giai cấp vô sản.

*"Người dân chủ - xã hội",  
số 48, ngày 20 tháng Mười  
một 1915*

*Theo đúng bản in trên báo  
"Người dân chủ - xã hội"*

## CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - SÔ-VANH CHE ĐẠY BẰNG NHỮNG CÂU QUỐC TẾ CHỦ NGHĨA

Có mối quan hệ gì giữa những sự việc chính trị và sách báo chính trị? giữa những sự biến chính trị và những khẩu hiệu chính trị? giữa hiện thực chính trị và tư tưởng chính trị? Hiện giờ vấn đề đó có một ý nghĩa hết sức cơ bản đối với việc tìm hiểu toàn bộ cuộc khủng hoảng trong Quốc tế, vì mọi cuộc khủng hoảng, và thậm chí mỗi bước ngoặt trong sự phát triển, đều nhất định dẫn đến tình trạng không phù hợp giữa hình thức cũ và nội dung mới. Chúng tôi không nói đến việc xã hội tư sản thường xuyên nuôi dưỡng những nhà chính trị thích tự xưng là mình đứng ngoài giai cấp và những phân tử cơ hội chủ nghĩa thích tự xưng là người xã hội chủ nghĩa, tất cả bọn người đó đều cố ý và nhất quán dùng những câu nói kêu nhất, "tả" nhất để lừa dối quần chúng. Nhưng trong thời kỳ khủng hoảng thì ngay cả ở những người thành tâm tham gia vào đây, người ta cũng thường thấy có hiện tượng là lời nói không đi đôi với việc làm. Ý nghĩa tiến bộ to lớn của tất cả các cuộc khủng hoảng, ngay đến những cuộc khủng hoảng nặng nề, khó khăn và đau đớn nhất cũng vậy, chính là ở chỗ chúng bóc trần và bác bỏ một cách cực kỳ nhanh chóng, cực kỳ mạnh mẽ và hết sức hiển nhiên, những lời nói hủ bại - dù cho đó là những lời nói chân thành đi nữa, và những tổ chức thối nát - dù cho đó là những tổ chức được xây dựng trên những dụng ý tốt đẹp nhất.

Trong sinh hoạt của Đảng dân chủ - xã hội Nga, sự kiện quan trọng nhất hiện giờ là cuộc bầu cử những người công nhân Pê-tơ-rô-grát vào Ủy ban công nghiệp chiến tranh. Từ lúc chiến tranh nổ ra cho đến nay, đây là lần đầu tiên, và chỉ có vào dịp bầu cử này, *quần chúng* vô sản mới thực sự được thu hút vào việc thảo luận và giải quyết các vấn đề chính trị chủ yếu hiện nay; cuộc bầu cử ấy đã cho ta thấy một bức tranh chân thực về *những việc đang xảy ra* trong Đảng dân chủ - xã hội, một đảng có tính chất quần chúng. Chúng ta thấy rằng ở đây có hai phái, chỉ có hai phái thôi, một là phái quốc tế chủ nghĩa cách mạng, thật sự vô sản, do đảng ta tổ chức phái đó *chống lại chủ trương bảo vệ Tổ quốc*. Phái kia, phái "bảo vệ tổ quốc" hoặc phái xã hội - sô-vanh, là khối liên minh của nhóm theo báo "Sự nghiệp của chúng ta" (tức là hạt nhân chủ yếu của phái thủ tiêu), nhóm Plê-kha-nốp, phái dân túy và những người không đảng phái; thêm vào đó, tất cả các khối liên minh đó đã được toàn bộ báo chí tư sản và toàn thể bọn Trăm đen ở Nga ủng hộ, điều đó chứng tỏ rằng chính sách của khối liên minh đó là chính sách tư sản chứ không phải là chính sách vô sản.

Sự thật là như thế. Hiện thực là như thế. Nhưng còn những khẩu hiệu và tư tưởng thì như thế nào? Tờ "Buổi sáng công nhân"<sup>49</sup> ở Pê-tơ-rô-grát, số 2, (22. X), văn tập của phái "Ban tổ chức" ("Quốc tế và chiến tranh", số I, 30, XI. 1915) và những số gần đây của tờ "Lời nói của chúng ta" là một lời giải đáp mà những người nào quan tâm đến chính trị, không phải theo kiểu như anh chàng Pê-tơ-ru-sca của Gô-gôn quan tâm đến việc đọc sách, đều phải suy nghĩ kỹ càng.

Hãy xem xét nội dung và ý nghĩa của tư tưởng đó.

Bằng chứng quan trọng nhất là tờ "Buổi sáng công nhân" ở Pê-tơ-rô-grát. Chính tờ báo này là trụ sở của những kẻ cầm đầu phái thủ tiêu và phái xã hội - sô-vanh, cùng với

kẻ chuyên môn đi tố giác là ngài Gvô-dơ-đép. Bọn người ấy đã hiểu tường tận tất cả những hoàn cảnh trước cuộc bầu cử 27. IX và biết rõ tất cả những việc xảy ra ngay trong quá trình cuộc bầu cử đó. Bọn người đó có thể che giấu cái khối liên minh mà chúng đã lập ra với phái Plê-kha-nốp, với phái dân tuý và với những người không đảng, và chúng đã che giấu, chúng không hề nói một lời nào về ý nghĩa của khối liên minh đó, cũng như về *tương quan số lượng* giữa các thành phần khác nhau của khối đó. Che giấu cái "chi tiết vụn vặt" ấy (chắc là ngài Gvô-dơ-đép và bạn bè của ông ta trong nhóm báo "Buổi sáng công nhân" đã có những tài liệu về điểm này) là có lợi cho chúng, và chúng đã che giấu nó. Còn bịa ra một nhóm *thứ ba*, ngoài nhóm 90 người và nhóm 81 người, thì chúng không thể làm được; ngay tại chỗ, nghĩa là ngay tại Pê-tơ-rô-grát, chúng không thể nói dối được công nhân bằng cách tưởng tượng ra cái nhóm "thứ ba" đó, - về nhóm này, một "kẻ nặc danh ở Cô-pen-ha-gơ"<sup>50</sup> đã bịa ra những chuyện nhằm nhí trên báo chí Đức và trên tờ "Lời nói của chúng ta" - chúng không thể nói dối được, vì những người nào chưa mất trí thì không bao giờ lại đi nói dối khi họ biết rằng nói dối sẽ không tránh khỏi bị lật tẩy ngay lập tức. Và chính vì thế nên tờ "Buổi sáng công nhân" mới đăng một bài của C. Ô-ran-xki (một người quen biết cũ!), nhan đề là: "Hai lập trường", bài này phân tích một cách hết sức tỉ mỉ lập trường của nhóm 90 người và lập trường của nhóm 81 người, mà không hề có một lời nào đả động đến lập trường thứ ba. Nhân tiện, xin nói qua rằng sở kiểm duyệt đã cắt xén có thể nói là hầu hết cả số 2 của tờ "Buổi sáng công nhân"; trong số báo này, những chỗ bỏ trống hầu như nhiều hơn những chỗ có chữ; nhưng sở kiểm duyệt đã để lại đúng là hai bài, và chỉ có hai bài - bài "Hai lập trường" và một bài bình luận ngắn xuyên tạc lịch sử năm 1905 theo quan điểm phái tự do, - trong đó người ta xỉ vả những người bôn-sê-vích, buộc tội

họ là "vô chính phủ", là chủ trương "tẩy chay". Những điều như thế mà lại được viết và in ra thì thật là *có lợi* cho chính phủ Nga hoàng. Không phải ngẫu nhiên mà bất cứ ở đâu, từ nước Nga chuyên chế đến nước Pháp cộng hoà, những lời nói như thế đều được hưởng độc quyền in trên sách báo hợp pháp!

Tờ "Buổi sáng công nhân" đã dùng những lý lẽ nào để bênh vực lập trường "vệ quốc" hoặc "xã hội - số-vanh" của nó? Nó chỉ dùng toàn những lời nói quanh co, toàn những câu nói quốc tế chủ nghĩa mà thôi!! Các ngài ấy nói: lập trường của chúng tôi hoàn toàn không phải là lập trường "dân tộc", hoàn toàn không phải là lập trường "vệ quốc"; chúng tôi chỉ nói lên "cái điều mà những người đứng trên lập trường thứ nhất" (tức lập trường của nhóm 90 người) "tuyệt nhiên không hề nói lên", là: "thái độ quan tâm" "đến tình hình của đất nước", đến việc "cứu" đất nước "khỏi nguy cơ bị đánh bại và bị diệt vong". Lập trường của chúng tôi - các ngài ấy nói như vậy - là lập trường "thật sự quốc tế"; nó chỉ ra đường lối và biện pháp "giải phóng" đất nước; chúng tôi "cũng nhận định như thế (!! như những người đứng trên lập trường thứ nhất) về nguồn gốc của chiến tranh, về bản chất xã hội và chính trị của chiến tranh"; chúng tôi "cũng nêu lên như thế (!! như những người đứng trên lập trường thứ nhất) vấn đề chung về tổ chức quốc tế và về hoạt động quốc tế của giai cấp vô sản" (không bõn đâu!), "và về phái dân chủ trong thời gian chiến tranh, ở tất cả các thời kỳ phát triển, không trừ thời kỳ nào, của sự xung đột thế giới". Trong bản chỉ thị của chúng tôi, - các ngài ấy nói như vậy, - chúng tôi đã tuyên bố rằng "trong tình hình xã hội và chính trị hiện thời, giai cấp công nhân không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào về việc bảo vệ đất nước cả"; chúng tôi "kiên quyết tán thành trước hết là những nhiệm vụ quốc tế của phái dân chủ"; chúng tôi "đã góp sức vào trào lưu sinh động của các nguyện vọng, gồm hai giai

đoạn là Cô-pen-ha-gơ và Xim-méc-van" (à ra chúng tôi là như thế!). Chúng tôi tán thành khẩu hiệu "hoà bình *không có thôn tính*" (do tờ "Buổi sáng công nhân" viết ngả). Chúng tôi đã "đem tính hiện thực và tính quốc tế chủ nghĩa của lập trường và của sách lược của chúng tôi để đối lập lại tính trừu tượng và chủ nghĩa vô chính phủ thế giới của phái thứ nhất".

Thật toàn là những lời châu ngọc! Thế nhưng ở những lời châu ngọc đó, ngoài một sự dốt đặc và những lời đối trá theo kiểu Rê-pê-ti-lốp<sup>51</sup> ra, ta còn thấy có cả một ngón ngoại giao hoàn toàn tỉnh táo và *rất đúng*, nếu xét theo quan điểm tư sản. Muốn gây ảnh hưởng đối với công nhân, bọn tư sản cần phải ngụy trang thành những người xã hội chủ nghĩa, những người dân chủ - xã hội, những người quốc tế chủ nghĩa, v.v., bằng không chúng sẽ không thể gây được ảnh hưởng gì đối với công nhân cả. Thế là tờ "Buổi sáng công nhân" liền hoá trang, tô son điểm phấn, làm đóm đáng, liếc mắt đưa tình, không từ bất cứ thủ đoạn gì! Chúng tôi xin sẵn sàng ký tên cả trăm lần vào bản Tuyên ngôn Xim-méc-van (đó là một cái tát đích đáng vào mặt những người nào thuộc phái Xim-méc-van đã ký tên vào bản tuyên ngôn ấy mà không đấu tranh chống tính rụt rè của nó và không giải thích thêm!) và vào bất kỳ một nghị quyết nào nói về thực chất đế quốc chủ nghĩa của chiến tranh, và chúng tôi sẽ thề bất cứ lời thề nào để chứng minh rằng chúng tôi theo "chủ nghĩa quốc tế" và có "tinh thần cách mạng" ("giải phóng đất nước" trên báo chí bị kiểm duyệt = cách mạng trên báo chí bất hợp pháp), miễn là... miễn là người ta không ngăn cản chúng tôi kêu gọi công nhân tham gia các uỷ ban công nghiệp chiến tranh, nghĩa là tham gia *thực sự* vào cuộc chiến tranh cướp bóc, phản động ("vệ quốc").

Chỉ có đó mới là hành động, còn ngoài ra đều là những lời nói suông cả. Chỉ có đó mới là thực chất của vấn đề, còn ngoài ra đều là những lời nói ba hoa cả. Cảnh sát, chế

độ quân chủ của Nga hoàng, Khvô-xtốp và giai cấp tư sản *chủ cần có thể thời*. Bọn tư sản khôn ngoan ở những nước khôn ngoan hơn cho phép nói những câu nói suông có tính chất quốc tế chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, miễn là người ta tham gia bảo vệ tổ quốc: hãy nhớ lại những lời bình luận của các tờ báo phản động Pháp về cuộc Hội nghị Luân-đôn của những người xã hội chủ nghĩa các nước thuộc phe "Đồng minh tay ba"<sup>52</sup>. Một trong những tờ báo ấy đã viết: các bạn biết đấy, các ngài xã hội chủ nghĩa có "cái tật", một thứ bệnh thần kinh bắt buộc các ngài ấy vô tình phải lặp đi lặp lại một cử chỉ nào đó, một cử động nào đó của bắp thịt, một lời nói nào đó. Chính vì thế mà những người xã hội chủ nghĩa của "chúng ta" không thể nói được một điều gì mà không lặp lại mấy tiếng: chúng tôi là những người quốc tế chủ nghĩa, chúng tôi chủ trương làm cách mạng xã hội. Không có gì là nguy hiểm cả! Đó chỉ là "một cái tật" mà thôi; đối với "chúng ta", điều quan trọng là ở chỗ họ *tán thành chủ trương bảo vệ tổ quốc*.

Bọn tư sản khôn ngoan ở Pháp và Anh đã lập luận như thế này: nếu người ta dùng những câu nói suông về dân chủ, về chủ nghĩa xã hội, v.v., để biện hộ cho việc tham gia cuộc chiến tranh ăn cướp, thì như thế thật ra chẳng phải là có lợi cho các chính phủ tham tàn, cho giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa hay sao? Chẳng phải là có lợi cho tên chúa phong kiến, nếu hắn có một tên đầy tớ đi thề sống thề chết với nhân dân rằng chủ hắn đã suốt đời chăm sóc nhân dân, thương yêu nhân dân, hay sao?

Tờ "Buổi sáng công nhân" cứ giơ Hội nghị Xim-méc-van ra mà thề thốt và, *trên lời nói*, nó đã vạch rõ ranh giới giữa nó với phái Plê-kha-nốp, khi tuyên bố (số 2) rằng "trên nhiều điểm, nó không nhất trí" với phái đó; nhưng *trên thực tế*, nó lại nhất trí *về căn bản* với phái đó; trên thực tế, nó cùng với phái đó và giai cấp tư sản Nga *tham gia* các cơ quan "vệ quốc" của giai cấp tư sản sô-vanh.

Ban tổ chức không phải chỉ gờ Hội nghị Xim-méc-van ra mà thể thốt thối đâu, nó còn "ký tên" vào bản tuyên ngôn và xác nhận bản tuyên ngôn theo đúng mọi thể thức; không những nó vạch rõ ranh giới giữa nó với phái Plê-kha-nốp, mà lại còn đi đến chỗ đưa ra một tác giả A.M. giấu tên nào đó, anh chàng này nấp dưới cái tên nặc danh của mình như nấp sau cánh cổng mà viết: "chúng tôi là những thành viên" (? có lẽ A. M. là những hai "thành viên" chẳng?) "của khối tháng Tám, chúng tôi thấy cần phải tuyên bố rằng tổ chức của báo "Lời kêu gọi" đã đi quá xa những ranh giới mà, theo sự hiểu biết của chúng tôi, đảng ta có thể chấp nhận được, và do đó những thành viên của các nhóm trợ giúp cho tờ "Lời kêu gọi" không được ở lại trong hàng ngũ các tổ chức của khối tháng Tám nữa". Các "thành viên" A.M. ấy, họ dững cảm biết bao; sự thật thế nào họ nói toạc ra thế ấy!

Trong số năm uỷ viên thư ký trong "Ban thư ký ở nước ngoài" của Ban tổ chức đã cho xuất bản văn tập nói trên, không có ai muốn tuyên bố ra cái điều dững cảm như thế cả! Kết quả là năm uỷ viên thư ký ấy phản đối chủ trương đoạn tuyệt với Plê-kha-nốp (cách đó không bao lâu, P. Ác-xen-rôt đã tuyên bố rằng mình cảm thấy gần với người men-sê-vích Plê-kha-nốp hơn là gần với những người bôn-sê-vích quốc tế chủ nghĩa); nhưng vì sợ công nhân và vì không muốn tổn hại đến "thanh danh" của mình, nên năm uỷ viên thư ký ấy thấy tốt hơn hết là nên lờ vẩn đề đó đi, nhưng đồng thời đưa ra một hoặc hai thành viên nặc danh để họ phê trương một thứ chủ nghĩa quốc tế rẻ tiền và vô hại...

Một mặt, một số uỷ viên thư ký như A. Mác-tư-nốp, L.Mác-tốp, A-xtơ-rốp thì bút chiến với tờ "Sự nghiệp của chúng ta", còn Mác-tốp thì thậm chí đã nhân danh cá nhân mình mà phản đối việc tham gia các uỷ ban công nghiệp chiến tranh. Mặt khác, I-ô-nốp, thuộc phái Bun, — một người đã

tự cho mình là "tả" hơn Cô-xốp-xki, ông này đại biểu cho chính sách thực tế của phái Bun và vì vậy được phái Bun sẵn lòng đưa ra để che giấu chủ nghĩa dân tộc của phái ấy, — tuyên truyền là "nên phát huy hơn nữa sách lược cũ" (của Quốc tế II, sách lược đã đưa Quốc tế ấy đến chỗ phá sản) "chứ quyết không nên thủ tiêu nó". Về bài báo của I-ô-nốp, ban biên tập có đưa ra mấy điều rào đón đầy tính chất lập lờ, đầy mảnh khoé ngoại giao và quanh co chẳng nói lên cái gì cả, nhưng lại không phản đối *thực chất* của bài báo đó, không phản đối việc bênh vực những cái thối nát và cơ hội chủ nghĩa trong "sách lược cũ". Các vị nặc danh A.M., các "thành viên" của khối tháng Tám<sup>53</sup>, công nhiên *bênh vực* tờ "Bình minh của chúng ta": họ nói, tuy tờ báo này đã "xa rời" lập trường quốc tế chủ nghĩa, nhưng nó vẫn "bác bỏ (?) chính sách Burgfrieden ở Nga, nó vẫn thừa nhận rằng cần phải khôi phục lại ngay tức khắc những mối liên hệ quốc tế, và theo như chúng tôi được biết" (chúng tôi, ở đây là những "thành viên" nặc danh A. M.), "thì nó vẫn tán thành việc khai trừ Man-cốp ra khỏi đảng đoàn ở Đu-ma". Thật là một lời biện hộ tài tình! Cả những người dân tuý tiểu tư sản cũng tán thành khôi phục lại những mối liên hệ, cả Kê-ren-xki cũng phản đối Man-cốp; song nếu cho rằng những kẻ đã tuyên bố tán thành chủ trương "không phản đối chiến tranh" đều là những người bác bỏ chính sách hoà bình trong nước (Burgfrieden), thì như vậy tức là dùng những lời nói suông để lừa bịp công nhân.

Ban biên tập văn tập của Ban tổ chức đã lấy danh nghĩa toàn ban mà viết một bài nhan đề là: "Những xu hướng nguy hiểm". Đó là một điển hình về mảnh khoé quanh co về chính trị! Một mặt, người ta dùng những câu nói rất tả, rất kêu để phản đối những người thảo ra những lời kêu gọi vệ quốc (phản đối bọn xã hội - sô-vanh ở Mát-xcơ-va và Pê-tơ-rô-grát). Mặt khác, người ta lại bảo "*khó mà xét đoán được rằng hai bản tuyên ngôn đó là do những giới*

nào trong đảng đưa ra"!! Thực ra, không còn nghi ngờ gì nữa, những bản tuyên ngôn đó là do các "giới" thuộc báo "Sự nghiệp của chúng ta" đưa ra, mặc dầu các cộng tác viên của tờ tạp chí hợp pháp ấy hiển nhiên là không có tội lỗi gì trong việc thảo ra một bản tuyên ngôn bất hợp pháp cả... Những người theo Ban tổ chức đã đem một vấn đề phi lý, có tính chất bối lõng tìm vết và ngoài bộn cảnh sát ra thì hoàn toàn không có lợi cho ai cả, tức là vấn đề cần phải xét xem thành viên nào của *tiểu tổ* nào đã thảo ra bản tuyên ngôn nào, mà thay thế cho vấn đề nguồn gốc tư tưởng của những bản tuyên ngôn nói trên và thay thế cho vấn đề: những nguồn gốc đó hoàn toàn đồng nhất với *phái* thủ tiêu, *phái* xã hội - sô-vanh, *phái* "Sự nghiệp của chúng ta". Một mặt ban biên tập nổi cơn lôi đình lên và dọa dẫm: hỡi những người quốc tế chủ nghĩa trong khối tháng Tám, chúng ta hãy siết chặt hàng ngũ để "chống lại một cách kiên quyết nhất các xu hướng vệ quốc" (129); để tiến hành một cuộc "đấu tranh không điều hoà" (126); nhưng mặt khác, ngay bên cạnh đấy, có một câu nói bịp bợm sau đây: "Đường lối của đảng đoàn Du-ma, một đảng đoàn đã được Ban tổ chức ủng hộ, chưa hề gặp" (cho đến nay) "một sự chống đối công khai nào" (129)!!

Nhưng, đường lối đó, như chính các tác giả của bài viết nói trên đều biết rất rõ, là ở chỗ không có đường lối gì cả, là ở chỗ bênh vực một cách giấu giếm cho tờ "Sự nghiệp của chúng ta" và tờ "Buổi sáng công nhân"...

Chúng ta hãy xét bài "tả" nhất và "có tính nguyên tắc" nhất trong văn tập, bài của L. Mác-tốp. Chỉ cần trích dẫn một câu của tác giả thôi, một câu nói lên tư tưởng chủ yếu của tác giả, cũng đủ để thấy rõ tính nguyên tắc của ông là như thế nào. "Dĩ nhiên là, nếu tình trạng khủng hoảng hiện tại đưa đến thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ, đưa tới chế độ cộng hoà dân chủ, thì tính chất của chiến tranh sẽ thay đổi về căn bản" (116). Nói như thế là hoàn

toàn và trắng trợn phản lại chân lý. Mác-tốp không thể không biết rằng cuộc cách mạng dân chủ và chế độ cộng hoà dân chủ là một cuộc cách mạng dân chủ - tư sản và một chế độ cộng hoà dân chủ - tư sản. Tính chất của cuộc chiến tranh giữa các cường quốc lớn tư sản và *đế quốc chủ nghĩa* sẽ không hề thay đổi *một tí nào*, nếu như chủ nghĩa đế quốc quân phiệt - chuyên chế - phong kiến ở một trong những đại cường quốc đó bị quét sạch nhanh chóng bởi lẽ chủ nghĩa đế quốc thuần túy tư sản sẽ không vì thế mà bị tiêu diệt, ngược lại, chỉ càng được *củng cố* hơn nữa mà thôi. Bởi vậy tờ báo của chúng ta, trong số 47, luận điểm 9<sup>1)</sup>), đã tuyên bố rằng trong cuộc chiến tranh hiện tại, đảng của giai cấp vô sản Nga sẽ không đứng ra bảo vệ ngay cả cái tổ quốc của *phái* cộng hoà và *phái* cách mạng, chừng nào họ vẫn còn là những phần tử sô-vanh, như Plê-kha-nốp, *phái* dân túy, Cau-xky, nhóm "Sự nghiệp của chúng ta", Tơ-khê-ít-dê, Ban tổ chức, v. v..

Và cả cái câu nói lập lờ trong phần chú thích ở trang 118 cũng không cứu vãn được gì cho Mác-tốp cả, trong câu đó ông ta (ngược lại với điều mà ông ta vừa mới nói ở trang 116) "tỏ ý nghi ngờ" liệu *phái* dân chủ tư sản có thể tiến hành nổi cuộc đấu tranh "chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế" được không (dĩ nhiên là *phái* ấy không thể nào làm được) và "tỏ ý hoài nghi" liệu giai cấp tư sản có làm cho chế độ cộng hoà năm 1793 chuyển thành chế độ cộng hoà của Gam-bét-ta và của Clê-măng-xô không. Ở đây sai lầm cơ bản về mặt lý luận vẫn tồn tại: năm 1793, giai cấp tiên tiến của cuộc cách mạng *tư sản* ở Pháp đã tiến hành chiến tranh với các nước quân chủ *trước cách mạng* ở châu Âu. Còn nước Nga năm 1915 lại không tiến hành chiến tranh với các nước chậm tiến hơn mình, mà với các nước tiên tiến hơn, những nước đang ở vào đêm trước của cuộc cách mạng *xã hội*

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 64.

*chủ nghĩa*. Như thế có nghĩa là trong cuộc chiến tranh vào những năm 1914 - 1915, chỉ có giai cấp vô sản đang thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi mới có thể đóng được vai trò của phái Gia-cô-banh hồi năm 1793. Như thế có nghĩa là trong cuộc chiến tranh hiện tại, chỉ trong trường hợp *nếu như* cách mạng đưa chính ngay đảng của giai cấp vô sản lên nắm chính quyền và giúp cho chính ngay đảng ấy hướng toàn bộ sức mạnh của cao trào cách mạng và của bộ máy nhà nước vào việc thực hiện ngay lập tức và trực tiếp một khối liên minh với giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa ở Đức và ở châu Âu (báo "Người dân chủ - xã hội", số 47, luận điểm II)<sup>1)</sup> thì giai cấp vô sản Nga mới có thể "bảo vệ Tổ quốc" được, mới có thể cho "ràng tính chất của chiến tranh đã căn bản thay đổi".

Mác-tốp kết thúc bài viết của mình, cái bài viết trong đó ông ta khôn khéo dùng những lời lẽ rất kêu, bằng một lời kêu gọi kích động nhân tâm yêu cầu "Đảng dân chủ - xã hội Nga" "nên có một lập trường quốc tế chủ nghĩa cách mạng rõ rệt, ngay từ buổi đầu của cuộc khủng hoảng chính trị". Nếu bạn đọc nào muốn kiểm tra xem liệu dưới cái nhãn hiệu đầy sức hấp dẫn kia có che giấu một cái gì thối nát không, thì bạn đọc đó hãy nên đặt ra câu hỏi sau đây: nói chung, có một lập trường về chính trị có nghĩa là thế nào? Có nghĩa là (1) nhân danh tổ chức (dù chỉ là nhân danh "cái bộ năm" uỷ viên thư ký cũng được) mà nêu lên một nhận định hẳn hoi về tình hình hiện thời và về sách lược, đưa ra một loạt nghị quyết; (2) đưa ra một khẩu hiệu chiến đấu cho tình hình hiện nay; (3) đem hai điểm nói trên gắn với *hành động* của *quần chúng* vô sản và của đội tiên phong giác ngộ của họ. Mác-tốp và Ác-xen-rốt, những lãnh tụ tư tưởng của "cái bộ năm", chẳng những không đề ra cả điểm thứ nhất lẫn điểm thứ hai và điểm thứ ba, mà trong thực tế lại còn

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 64.

*ủng hộ bọn xã hội - số-vanh* trên tất cả ba phương diện đó và bao che cho chúng nữa! Trong 16 tháng chiến tranh, cả năm uỷ viên thư ký ở nước ngoài chưa hề có một lập trường nào "rõ rệt", nói chung cũng không hề có một lập trường nào về cương lĩnh và sách lược cả. Mác-tốp ngả nghiêng khi về tả, khi về hữu; còn Ác-xen-rốt thì chỉ nghiêng về hữu thôi (đặc biệt xem tập sách nhỏ viết bằng tiếng Đức của ông ta). Không có gì là rõ ràng, khẳng định cả, là có tổ chức cả, không có lập trường gì cả! "Khẩu hiệu chiến đấu trung tâm hiện nay của giai cấp vô sản Nga - Mác-tốp đã nhân danh cá nhân mình mà viết như thế - phải là: thành lập một quốc hội lập hiến toàn dân nhằm thủ tiêu cả chế độ Nga hoàng lẫn chiến tranh". Đó là một khẩu hiệu hoàn toàn không thích hợp, không phải là khẩu hiệu trung tâm, cũng không phải là khẩu hiệu chiến đấu, vì khẩu hiệu đó thiếu hẳn nội dung cơ bản, nội dung xã hội - giai cấp, và xác định rõ rệt về phương diện chính trị của cái khái niệm "thủ tiêu" cả chế độ Nga hoàng lẫn chiến tranh. Đó là một câu nói tầm thường của một người dân chủ - tư sản, chứ không phải là một khẩu hiệu trung tâm, chiến đấu, vô sản.

Cuối cùng, trong vấn đề chủ yếu, tức vấn đề liên hệ với *quần chúng* ở Nga, Mác-tốp và đồng bọn đã đạt được không phải chỉ là một con số không, mà còn là một con số âm nữa. Vì không có ai đi theo họ cả. Cuộc bầu cử đã chứng minh rằng chỉ có cái khối gồm giai cấp tư sản và nhóm "Buổi sáng công nhân" mới có quần chúng, còn việc viện dẫn đến Ban tổ chức và phe nhóm Tơ-khê-ít-dê thì chỉ là che lên cái khối tư sản đó một tấm màn dối trá mà thôi.

"Người dân chủ - xã hội",  
số 49, ngày 21 tháng  
Chạp 1915

Theo đúng bản in trên báo  
"Người dân chủ - xã hội"

## LỜI TỰA VIẾT CHO CUỐN SÁCH CỦA N.BU-KHA-RIN "NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC"

Không cần phải đặc biệt giải thích tính trọng yếu và tính bức thiết của vấn đề làm đề tài cho cuốn sách của N.I. Bu-kha-rin. Vấn đề chủ nghĩa đế quốc không phải chỉ là một trong những vấn đề chủ yếu nhất, mà có thể nói đó là một vấn đề chủ yếu nhất trong lĩnh vực khoa học kinh tế nghiên cứu sự biến đổi những hình thức của chủ nghĩa tư bản trong thời đại hiện nay. Bất cứ ai quan tâm không những đến kinh tế mà đến cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội hiện nay, thì tuyệt đối cần thiết phải tìm hiểu những sự kiện liên quan đến vấn đề đó, những sự kiện mà tác giả đã sưu tập được khá phong phú trên cơ sở những tài liệu mới nhất. Dĩ nhiên, không thể nào nói đến việc đánh giá một cách cụ thể, trên phương diện lịch sử, cuộc chiến tranh hiện nay, nếu không lấy việc làm sáng tỏ hoàn toàn thực chất của chủ nghĩa đế quốc, cả về phương diện kinh tế lẫn phương diện chính trị, để làm cơ sở cho việc đánh giá đó. Nếu không, thì không tài nào hiểu được lịch sử kinh tế và lịch sử ngoại giao trong thời gian mấy chục năm gần đây; đã không hiểu được như thế, mà lại nói đến việc vạch ra một quan điểm đúng đắn về chiến tranh thì thật là lố bịch. Xét theo quan điểm chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa thể hiện một cách đặc biệt nổi bật những yêu cầu của khoa học hiện đại nói chung trong vấn đề này, thì giá trị "khoa học" của những phương pháp như đem rút bừa trong các

"văn kiện" ngoại giao, trong các sự kiện chính trị đương thời v. v., lấy ra những sự việc nhỏ cá biệt làm vừa ý hoặc hợp với các giai cấp thống trị của một nước, coi đó là sự đánh giá chiến tranh một cách cụ thể về phương diện lịch sử - giá trị "khoa học" của những phương pháp như thế chỉ làm cho người ta bật cười mà thôi. Như ông Plê-kha-nốp chẳng hạn, đã phải hoàn toàn rời bỏ chủ nghĩa Mác, để đi đến chỗ lấy việc tìm kiếm một vài sự việc nhỏ nhặt, làm vừa ý bọn Pu-ri-skê-vích cùng với tên Mi-li-u-cốp, để thay thế cho sự phân tích những thuộc tính và những xu hướng cơ bản của chủ nghĩa đế quốc, tức là hệ thống những quan hệ kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại đã phát triển cao, đã chín muồi và thậm chí đã quá chín muồi rồi. Làm như thế, khái niệm khoa học về chủ nghĩa đế quốc bị hạ xuống thành một từ ngữ dùng để thoá mạ những người cạnh tranh, những đối thủ và địch thủ trực tiếp của hai tên đế quốc vừa nói trên, tức là của hai kẻ đang đứng trên một cơ sở giai cấp hoàn toàn giống như cơ sở giai cấp của những người đối thủ và địch thủ của chúng! Ở vào thời đại chúng ta, thời đại mà những lời nói bị bỏ quên, những nguyên tắc bị mất đi, những thế giới quan bị đảo lộn, những nghị quyết và những lời hứa hẹn long trọng bị bỏ xó, thì như thế chẳng có gì là lạ cả.

Ý nghĩa khoa học của tác phẩm N. I. Bu-kha-rin đặc biệt là ở chỗ ông xem xét những sự kiện chủ yếu của nền kinh tế thế giới, có liên quan đến chủ nghĩa đế quốc, với tư cách là một chỉnh thể, là một giai đoạn phát triển nhất định của chủ nghĩa tư bản phát triển cao nhất. Chủ nghĩa tư bản đã trải qua một thời kỳ tương đối "hoà bình", khi nó đã hoàn toàn chiến thắng chế độ phong kiến trong những nước tiên tiến ở châu Âu và đã có thể phát triển một cách - *tương đối* - ổn định nhất và trôi chảy nhất bằng cách lan rộng "một cách hoà bình" đến những vùng đất đai còn rộng lớn chưa ai chiếm và đến những nước hầy còn chưa hoàn



toàn bị lôi cuốn vào trong cơn lốc tư bản chủ nghĩa. Đương nhiên, ngay cả trong thời kỳ đó - khoảng từ năm 1871 đến 1914 - chủ nghĩa tư bản "hoà bình" đã tạo ra những điều kiện sinh hoạt còn vô cùng xa mới đạt đến một nền "hoà bình" thật sự, xét theo cả ý nghĩa quân sự, lẫn ý nghĩa giai cấp nói chung. Đối với 9/10 dân cư ở các nước tiên tiến, đối với hàng trăm triệu dân cư ở các nước thuộc địa và ở các nước lạc hậu, thời kỳ đó không phải là "hoà bình", mà là áp bức, là đau khổ, là sự khủng khiếp, sự khủng khiếp này có lẽ càng kinh khủng hơn vì nó tỏ ra là một "sự khủng khiếp không bao giờ chấm dứt". Thời kỳ đó đã qua rồi không bao giờ trở lại nữa; nó đã được thay thế bằng một thời kỳ tương đối kịch liệt hơn, có những bước nhảy vọt, những tai hoạ, những sự xung đột, một thời kỳ trong đó cái trở nên điển hình đối với quần chúng nhân dân không phải là sự "khủng khiếp không bao giờ chấm dứt" mà là "sự chấm dứt đầy khủng khiếp".

Đồng thời, điều cực kỳ trọng yếu là không được quên rằng sở dĩ có sự thay thế đó, thì không phải là do cái gì khác mà chỉ là do sự phát triển, sự mở rộng, sự tiếp tục trực tiếp của những xu thế sâu sắc nhất, căn bản nhất của chủ nghĩa tư bản và của nền sản xuất hàng hoá nói chung. Trao đổi phát triển, đại sản xuất phát triển: đó là những xu thế căn bản mà trong nhiều thế kỷ, người ta hoàn toàn nhận thấy được trên toàn thế giới. Và khi trao đổi phát triển đến một mức độ nào đó, khi đại sản xuất phát triển đến một mức độ nào đó, cụ thể là đến cái mức đã đạt được trong thời kỳ vào khoảng cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, thì sự trao đổi đã tạo ra quá trình quốc tế hoá những quan hệ kinh tế và quốc tế hoá tư bản, nền đại sản xuất đã đạt đến một quy mô to lớn làm cho sự độc quyền bắt đầu thay thế sự cạnh tranh tự do. Từ nay hiện tượng điển hình không phải là những xí nghiệp "tự do" cạnh tranh với nhau - ở trong một nước và *trong quan hệ giữa các*

*nước* - nữa, mà là những liên minh độc quyền của bọn chủ xí nghiệp, tức là các tư-rót. Từ nay, "người chủ" điển hình của thế giới, là tư bản tài chính, tư bản này, thì đặc biệt lưu động và linh hoạt, đặc biệt quyện vào nhau ở trong một nước và trên thế giới, đặc biệt không có bản sắc riêng biệt và thoát ly sản xuất trực tiếp, đặc biệt dễ tập trung và đã tập trung tới một trình độ rất phát triển rồi; thành thử thật sự chỉ có vài trăm tên triệu phú và tỷ phú nắm vận mệnh của toàn thế giới trong tay.

Nếu lập luận *trừu tượng* trên phương diện lý luận, thì người ta có thể đi đến cái kết luận - mà Cau-xky, kẻ đã rời bỏ chủ nghĩa Mác, đã đạt tới bằng con đường khác, - cho rằng chẳng còn bao lâu nữa thì bọn trùm tư bản đó sẽ liên hợp, trên phạm vi toàn thế giới, thành một tư-rót duy nhất toàn thế giới, tư-rót này sẽ thay thế sự cạnh tranh và cuộc đấu tranh của những tư bản tài chính tách biệt nhau về mặt quốc gia, bằng một tư bản tài chính thống nhất trên phạm vi quốc tế. Nhưng kết luận ấy cũng hoàn toàn trừu tượng, giản lược, và không chính xác như kết luận tương tự của "phái Xtơ-ru-vê" và "phái kinh tế" ở nước ta trong những năm 90 của thế kỷ trước, khi mà họ, căn cứ vào tính chất tiến bộ của chủ nghĩa tư bản, vào tính tất yếu và sự thắng lợi cuối cùng của nó ở nước Nga, mà rút ra những kết luận lúc thì có tính chất ca tụng (sùng bái chủ nghĩa tư bản, thoả hiệp với chủ nghĩa đó, tôn thờ chứ không đấu tranh), lúc thì có tính chất phi chính trị (nghĩa là phủ nhận chính trị hoặc phủ nhận tầm quan trọng của chính trị, phủ nhận khả năng có những cuộc đảo lộn chính trị to lớn, v.v.; sai lầm chỉ riêng của "phái kinh tế"), lúc thì thậm chí có tính chất trực tiếp "bãi công chủ nghĩa" (chủ trương "tổng bãi công", như việc sùng bái phong trào bãi công đến mức quên mất hoặc coi nhẹ những hình thức khác của phong trào, và "nhảy" thẳng từ chủ nghĩa tư bản đến chỗ chiến thắng chủ nghĩa tư bản thuần tuý bằng bãi công và chỉ bằng

bãi công mà thôi). Có những dấu hiệu cho thấy rằng cả ngày nay nữa, sự thật hiển nhiên là chủ nghĩa đế quốc có tiến bộ hơn so với cội "thiên đường" nửa tiểu thị dân của cạnh tranh tự do, chủ nghĩa đế quốc nhất định phát sinh và nhất định sẽ chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản "hoà bình" ở các nước tiên tiến, - cái sự thật hiển nhiên đó có thể dẫn người ta đến vô số và đủ thứ sai lầm và những sự bất hạnh về chính trị và phi chính trị.

Riêng đối với Cau-xky thì việc ông ta hiển nhiên đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác đã không mang hình thái một sự phủ nhận chính trị hoặc một sự lãng quên chính trị; không mang hình thái một "bước nhảy" vượt qua các sự xung đột, các cuộc đảo lộn và các cuộc cải tạo chính trị đặc biệt nhiều và có đủ mọi hình thức trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, không mang hình thái một sự biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc, mà lại mang hình thái một *ảo tưởng về chủ nghĩa tư bản "hoà bình"*. Chủ nghĩa tư bản "hoà bình" đã được thay thế bằng chủ nghĩa đế quốc không hoà bình, hiếu chiến và gây tai hoạ; điều đó, Cau-xky bắt buộc phải thừa nhận, vì năm 1909 ông ta đã thừa nhận như thế trong một cuốn sách riêng biệt<sup>54</sup>, trong đó lần cuối cùng, với tư cách một người mác-xít, ông ta đã trình bày những kết luận hoàn chỉnh. Nhưng nếu người ta không thể mơ màng một cách tự nhiên, không úp mở gì và thô kệch đến việc quay từ chủ nghĩa đế quốc trở về chủ nghĩa tư bản "hoà bình", thì há chẳng không có thể gán cho những ước mơ về thực chất là tiểu tư sản ấy, cái hình thức những suy tưởng ngây thơ về "chủ nghĩa siêu đế quốc" "*hoà bình*", hay sao? Nếu người ta gọi là chủ nghĩa siêu đế quốc, một sự liên hợp quốc tế của những chủ nghĩa đế quốc dân tộc (nói cho đúng hơn, của những chủ nghĩa đế quốc riêng biệt về mặt quốc gia), sự liên hợp "có lẽ có khả năng" loại trừ những sự xung đột, đặc biệt khó chịu, đầy hãi hùng và lo âu đối với người tiểu tư sản như các cuộc chiến tranh, các cuộc đảo lộn chính trị, v.v., thì sao

lại không thể quay lưng lại cái thời đại hiện nay của chủ nghĩa đế quốc là thời đại đã đến rồi, đang đứng sờ sờ ra đó, đầy những sự xung đột và tai hoạ, bằng những mơ tưởng ngây thơ về một "chủ nghĩa siêu đế quốc" tương đối hoà bình, tương đối không có xung đột, tương đối không có tai hoạ kia chứ? Há lại không có thể lẩn tránh những nhiệm vụ "gay gắt" mà thời đại chủ nghĩa đế quốc - thời đại này đã đến với châu Âu - đang đặt ra và đã đặt ra, bằng cách ước mơ rằng có lẽ thời đại ấy sẽ nhanh chóng qua đi, rằng sau thời đại ấy có lẽ sẽ còn có thể có một thời đại tương đối "hoà bình", không đòi hỏi phải có sách lược "gay gắt", nghĩa là thời đại "chủ nghĩa siêu đế quốc", hay sao? Đó chính là điều mà Cau-xky đã nói: "một giai đoạn mới như thế (giai đoạn siêu đế quốc chủ nghĩa) của chủ nghĩa tư bản thì dù sao cũng có thể quan niệm được", nhưng "giai đoạn ấy có thể thực hiện được hay không, thì hiện nay chưa có đầy đủ tiền đề để giải đáp vấn đề ấy" ("*Neue Zeit*", 30. IV. 1915, tr. 144).

Chẳng có một tí chủ nghĩa Mác nào trong cái khát vọng quay lưng lại với chủ nghĩa đế quốc đã xuất hiện và ước mơ đi vào cái "chủ nghĩa siêu đế quốc" mà người ta không biết có thể thực hiện được hay không. Quan niệm như thế tức là thừa nhận rằng chủ nghĩa Mác là thích dụng cho "giai đoạn mới của chủ nghĩa tư bản", giai đoạn mà chính bản thân người phát minh ra nó đã không đoán chắc là *có thể thực hiện được*, còn đối với giai đoạn hiện tại, giai đoạn đã xuất hiện, người ta lại đem thay thế chủ nghĩa Mác bằng cái khát vọng tiểu tư sản và cực kỳ phản động muốn xoa dịu các mâu thuẫn. Cau-xky *đã hứa* sẽ là một người mác-xít vào thời đại sắp đến, một thời đại gay gắt và có nhiều tai hoạ, một thời đại mà ông ta bắt buộc phải dự kiến đến và phải thừa nhận một cách hoàn toàn rõ ràng, khi viết quyển sách của ông ta vào năm 1909 về cái thời đại sắp đến ấy. Ngày nay, khi tuyệt đối không còn nghi ngờ gì nữa

là thời đại ấy đã đến rồi, thì Cau-xky lại chỉ *hứa* sẽ là một người mác-xít vào thời đại sắp đến, thời đại chủ nghĩa siêu đế quốc, thời đại mà người ta không biết có thể thực hiện được hay không! Tóm lại, hứa sẽ là người mác-xít vào một thời đại *khác*, không phải ngay lúc này, không phải trong những điều kiện hiện tại, không phải vào thời đại hiện tại, thì hứa hẹn bao nhiêu mà chẳng được! Đó là một thứ chủ nghĩa Mác nợ chịu, một thứ chủ nghĩa Mác hứa hẹn, một thứ chủ nghĩa Mác cho ngày mai, là một thứ lý luận — *và không chỉ là một lý luận* — có tính chất tiểu tư sản và cơ hội chủ nghĩa nhằm làm dịu những mâu thuẫn hiện tại. Đó là một cái gì giống như thứ chủ nghĩa quốc tế để xuất khẩu, một thứ chủ nghĩa rất thịnh hành "trong thời buổi hiện nay", khi những người quốc tế chủ nghĩa và những người mác-xít hăng hái - ôi! hăng hái biết bao! — tỏ đồng tình với mọi biểu hiện của chủ nghĩa quốc tế... ở phía địch, ở tất cả mọi nơi chứ không phải ở nhà họ, ở phía đồng minh của họ; họ tỏ đồng tình với nền dân chủ... chừng nào mà nền dân chủ ấy chỉ là lời hứa hẹn của "bọn đồng minh"; họ đồng tình với "quyền tự quyết của các dân tộc", nhưng *không phải* của những dân tộc phụ thuộc vào dân tộc được vinh dự có kẻ đồng tình ấy trong dân số của mình... Tóm lại, đó là một trong 1001 thứ giả dối.

Tuy nhiên, liệu có thể cho rằng không có thể "quan niệm" một cách trừu tượng được một giai đoạn mới của chủ nghĩa tư bản *sau* chủ nghĩa đế quốc, tức là chủ nghĩa đế quốc cực đoan, được không? Không. Có thể quan niệm được một cách trừu tượng một giai đoạn như thế. Nhưng trên thực tế, như thế có nghĩa là trở thành một kẻ cơ hội chủ nghĩa, kẻ đã vì những ước mơ về những nhiệm vụ tương lai không gay go, mà phủ nhận những nhiệm vụ gay go hiện tại. Trên lý luận, như thế có nghĩa là không dựa vào sự phát triển đang diễn ra trong hiện thực, mà có nghĩa là vì những ước mơ đó mà tùy tiện *thoát ly* sự phát triển ấy.

Không còn nghi ngờ gì nữa, sự phát triển đang diễn ra theo *chiều hướng* đi tới một tư-rút độc nhất duy nhất có tính chất toàn thế giới bao gồm hết thảy mọi xí nghiệp, hết thảy mọi quốc gia. Nhưng sự phát triển ấy đang tiến triển đến đó trong những điều kiện, theo một tốc độ, với những mâu thuẫn, những sự xung đột và những cuộc đảo lộn — hoàn toàn không phải chỉ có tính chất kinh tế mà thôi, mà còn có cả tính chất chính trị, dân tộc, v.v., v.v. nữa — khiến cho chắc chắn là, trước khi người ta đi đến một tư-rút độc nhất có tính chất toàn thế giới, đến một liên minh toàn thế giới "đế quốc chủ nghĩa cực đoan" của các tư bản tài chính ở các nước, thì chủ nghĩa đế quốc tất nhiên đã phải sụp đổ, chủ nghĩa tư bản sẽ biến thành cái đối lập với bản thân nó.

XII. 1915.

V. I-lin

*Đăng lần đầu trên báo  
"Sự thật", số 17, ngày  
21 tháng Giêng 1927*

*Theo đúng bản thảo*

## CHỦ NGHĨA CƠ HỘI VÀ SỰ PHÁ SẢN CỦA QUỐC TẾ II <sup>55</sup>

Thật là bổ ích khi chúng ta đem so sánh thái độ của các giai cấp khác nhau và các chính đảng khác nhau đối với sự phá sản của Quốc tế, sự phá sản mà cuộc chiến tranh 1914 - 1915 đã vạch trần ra. Một mặt, giai cấp tư sản hết sức tán dương và đề cao những người xã hội chủ nghĩa nào chủ trương "bảo vệ tổ quốc", nghĩa là chủ trương chiến tranh và chủ trương giúp đỡ giai cấp tư sản. Mặt khác, những đại biểu thành thực hơn hay ít mảnh khỏe ngoại giao hơn của giai cấp tư sản thì hí hửng trước sự phá sản của Quốc tế, sự phá sản của những "ảo tưởng" xã hội chủ nghĩa. Trong số những người xã hội chủ nghĩa chủ trương "bảo vệ tổ quốc", cũng có hai sắc thái như thế: phái "cực đoan", như những người Đức V. Côn-bơ và V. Hai-nơ, họ công nhận sự phá sản của Quốc tế, đổ cho những "ảo tưởng cách mạng" đã gây ra sự phá sản đó, và mong muốn lập lại một Quốc tế *còn cơ* hội chủ nghĩa *hơn nữa*. Nhưng trong thực tế, họ lại ngả theo những người xã hội chủ nghĩa "bảo vệ tổ quốc" "ôn hoà" và thận trọng, kiểu Cau-xky, Rơ-nô-đen, Van-đéc-ven-đơ, là những người cứ khăng khăng phủ nhận sự phá sản của Quốc tế, cho rằng Quốc tế chỉ tạm thời ngừng hoạt động, và bệnh vực cho sức sống và quyền tồn tại của chính Quốc tế II. Những người dân chủ - xã hội cách mạng của các nước đều công nhận là Quốc tế II đã phá sản và cần phải thành lập một Quốc tế thứ ba.

Muốn xem ai nói đúng, chúng ta hãy lấy một văn kiện lịch sử nói về chính cuộc chiến tranh hiện tại và đã được *tất cả* các đảng xã hội chủ nghĩa trên thế giới nhất trí ký tên, mà hơn nữa còn chính thức ký tên. Văn kiện đó là bản Tuyên ngôn Ba-lơ năm 1912. Điều đáng chú ý là về phương diện lý luận, không có một người xã hội chủ nghĩa nào lại dám phủ nhận sự cần thiết phải có một sự đánh giá lịch sử cụ thể, về từng cuộc chiến tranh riêng biệt. Nhưng ngày nay, trừ một số không đồng lắm gồm những người dân chủ - xã hội "phái tả", thì không ai dám phủ nhận bản Tuyên ngôn Ba-lơ một cách thẳng thừng, công khai và dứt khoát, không ai dám tuyên bố rằng bản tuyên ngôn đó là sai, cũng không ai dám phân tích nó một cách thành thực, bằng cách đối chiếu những luận điểm của nó với hành vi của những người xã hội chủ nghĩa từ sau chiến tranh đến nay.

Tại sao thế? Vì bản Tuyên ngôn Ba-lơ đã thẳng tay bóc trần toàn bộ tính giả dối trong những lập luận và hành vi của đa số những người xã hội chủ nghĩa chính thức. Bản tuyên ngôn đó không nói *một lời nào* đến việc "bảo vệ tổ quốc", cũng như đến sự phân biệt giữa chiến tranh tấn công và chiến tranh tự vệ!! *Không có một lời nào* nói đến cái vấn đề mà các lãnh tụ chính thức của các đảng dân chủ - xã hội cả ở Đức lẫn ở các nước trong khối đồng minh tay tư đang nói đến, đang la ó và gào thét nhiều hơn cả. Bản Tuyên ngôn Ba-lơ đánh giá một cách hoàn toàn chính xác, sáng sủa và rõ ràng chính ngay những sự xung đột cụ thể về lợi ích đã đưa đến cuộc chiến tranh năm 1912, và đã làm cho chiến tranh nổ ra năm 1914. Bản tuyên ngôn tuyên bố rằng đây là những cuộc xung đột do "chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa" sản sinh ra, đây là những cuộc xung đột giữa nước Áo và nước Nga để "giành ưu thế ở vùng Ban-căng"; giữa nước Anh, nước Pháp và nước Đức vì "chính sách xâm lược" của các nước đó (của *tất cả* các nước đó!) "ở Tiệp

Á"; giữa nước Áo và nước Ý để "lôi kéo nước An-ba-ni vào phạm vi ảnh hưởng của mình", để "thống trị" nước đó; giữa nước Anh và nước Đức vì giữa hai nước này có sự "đối kháng" với nhau, sau nữa là một cuộc xung đột xảy ra vì "chế độ Nga hoàng có mưu đồ chiếm Ác-mê-ni-a, Côn-xtan-ti-nô-pôn, v.v.". Ai cũng thấy rằng đó hoàn toàn là nói về cuộc chiến tranh hiện nay. Bản tuyên ngôn đã thừa nhận một cách hết sức rõ ràng tính chất thuần túy xâm lược, đế quốc chủ nghĩa, phản động, nô dịch của cuộc chiến tranh đó, cũng đã rút ra một kết luận tất yếu là: không thể vin vào một "cái cớ nhỏ nào về lợi ích nào đó của nhân dân" mà "biện bạch" cho cuộc chiến tranh này được; cuộc chiến tranh đã được chuẩn bị "vì lợi nhuận của bọn tư bản và vì lòng hám danh vọng của triều vua"; đứng về phía những người công nhân mà xét thì "việc bắn lẫn nhau là một tội ác".

Những luận điểm đó bao hàm tất cả những điều chủ yếu cần thiết để hiểu rõ sự khác nhau căn bản giữa hai thời kỳ lịch sử lớn. Một là thời kỳ 1789 - 1871, trong đó phần lớn những cuộc chiến tranh ở châu Âu đều chắc chắn là gắn liền với một "lợi ích của nhân dân" *hết sức trọng đại*, cụ thể là: gắn liền với các phong trào giải phóng - dân tộc hùng hậu, có tính chất tiến bộ - tư sản, một phong trào đùng chạm đến hàng triệu người, gắn liền với việc xoá bỏ chế độ phong kiến, chế độ chuyên chế, ách áp bức của nước ngoài. Chính trên cơ sở đó và chỉ có trên cơ sở đó mới phát sinh ra khái niệm "bảo vệ tổ quốc", bảo vệ dân tộc tư sản đang được giải phóng chống lại chế độ trung cổ. Trước kia những người xã hội chủ nghĩa chỉ thừa nhận chủ trương "bảo vệ tổ quốc" theo ý nghĩa đó mà thôi. Và ngay cả đến ngày nay, người ta cũng không thể không thừa nhận việc bảo vệ tổ quốc *theo ý nghĩa đó*, khi nói đến, chẳng hạn, việc bảo vệ Ba-tư hay bảo vệ Trung-quốc chống lại Nga hay Anh, việc bảo vệ Thổ-nhĩ-kỳ chống lại Đức hay Nga, việc bảo vệ An-ba-ni chống lại Áo hay Ý, v.v..

Nhưng, như đã nói rõ trong bản Tuyên ngôn Ba-lơ, cuộc chiến tranh 1914 - 1915 là thuộc về một thời kỳ lịch sử hoàn toàn khác hẳn, nó mang một tính chất hoàn toàn khác hẳn. Đó là một cuộc chiến tranh giữa những bọn tham tàn để phân chia của cướp được, để nô dịch những nước khác. Thắng lợi của Nga, của Anh, của Pháp sẽ bóp chết Ác-mê-ni-a, Tiểu Á, v.v., - bản Tuyên ngôn Ba-lơ *đã nói* như vậy. Thắng lợi của Đức có nghĩa là miền Tiểu Á, Xéc-bi-a, An-ba-ni, v.v., sẽ bị bóp chết. Điều đó cũng đã được *nói đến* trong bản tuyên ngôn, và đã được tất cả mọi người xã hội chủ nghĩa thừa nhận! Tất cả những lời hoa mỹ về cuộc chiến tranh tự vệ hay về việc bảo vệ tổ quốc của các đại cường quốc (xin hãy đọc là: của những nước đại tham tàn) đang đánh nhau để giành quyền thống trị thế giới, để giành thị trường và các "khu vực ảnh hưởng", để nô dịch các dân tộc, đều chỉ là những lời dối trá, vô nghĩa và giả nhân giả nghĩa mà thôi! Không có gì lạ là "những người xã hội chủ nghĩa" nào thừa nhận chủ trương bảo vệ tổ quốc, đều *sợ* không dám nhắc đến và trích dẫn một cách chính xác bản Tuyên ngôn Ba-lơ, vì bản tuyên ngôn đó *bóc trần* thái độ giả dối của họ. Bản Tuyên ngôn Ba-lơ *chứng minh* rằng những người xã hội chủ nghĩa nào có thể thừa nhận chủ trương "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh 1914-1915, đều chỉ là những người xã hội chủ nghĩa trên đầu lưỡi, còn trên thực tế họ lại là những người theo chủ nghĩa sô-vanh. Đó là những người xã hội - sô-vanh.

Khi thừa nhận rằng một cuộc chiến tranh nào đó là gắn liền với lợi ích của công cuộc giải phóng dân tộc, thì từ đó phải đề ra một sách lược nhất định cho những người xã hội chủ nghĩa. Khi thừa nhận một cuộc chiến tranh nào đó là có tính chất đế quốc chủ nghĩa, là có tính chất xâm lược, có tính chất cướp bóc, thì từ đó phải đề ra một sách lược khác. Và bản Tuyên ngôn Ba-lơ đã vạch ra rạch ròi cái sách lược khác ấy. Bản Tuyên ngôn đó nói rằng chiến tranh

sẽ gây nên "một cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị". Phải "lợi dụng" cuộc khủng hoảng đó để "đẩy nhanh sự sụp đổ của nền thống trị của tư bản". Khi nói như thế, người ta *thừa nhận* rằng cách mạng xã hội đã *chín muồi*, rằng đã *có khả năng* tiến hành cuộc cách mạng đó, rằng do chiến tranh mà cuộc cách mạng đó *sẽ nổ ra nay mai*. Các "giai cấp thống trị" đều sợ "cách mạng vô sản", bản tuyên ngôn đã tuyên bố như thế, khi trực tiếp dẫn ra ví dụ về Công xã và về năm 1905, nghĩa là những ví dụ về các cuộc cách mạng, các cuộc bãi công và nội chiến. Những kẻ nào cho rằng những người xã hội chủ nghĩa "không thảo luận", "không giải quyết" vấn đề thái độ đối với chiến tranh, là những kẻ nói dối. Bản Tuyên ngôn Ba-lơ đã *quyết định* sách lược đó: sách lược những hành động cách mạng của giai cấp vô sản và nội chiến.

Nếu cho rằng bản Tuyên ngôn Ba-lơ là một lời tuyên bố rõ ràng tuếch, một lời hoa mỹ quan phương, một lời hăm dọa không đáng bận tâm, thì như thế là sai. Chính những kẻ bị bản tuyên ngôn vạch mặt mới sẵn sàng tuyên bố như thế! Nhưng như thế là phản lại sự thật! Bản Tuyên ngôn Ba-lơ là sự tổng hợp một khối lượng tài liệu vô cùng to lớn về công tác tuyên truyền và cổ động trong suốt cả thời kỳ Quốc tế II, từ 1889 đến 1914. Không nói quá đáng, bản tuyên ngôn đó *tóm tắt hàng triệu và hàng triệu*<sup>1)</sup> lời tuyên bố, bài báo, sách, diễn văn của những người xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước. Nói rằng bản tuyên ngôn đó là sai lầm thì chẳng khác gì nói rằng toàn thể Quốc tế II, hàng chục và hàng chục năm hoạt động của các đảng dân chủ - xã hội đều sai lầm cả. Gạt bỏ bản Tuyên ngôn Ba-lơ tức là gạt bỏ toàn bộ lịch sử của phong trào xã hội chủ

<sup>1)</sup> Những chữ: "không nói quá đáng, hàng triệu và hàng triệu" được Lênin viết bằng bút chì lên trên những chữ "*tóm tắt hàng chục triệu*", những chữ này chưa được xoá đi.

nghĩa. Bản Tuyên ngôn Ba-lơ không nói điều gì *đặc biệt*, không nói điều gì *khác thường cả*. Nó chỉ nói những người xã hội chủ nghĩa *đã lời cuốn quân chúng bằng cái gì* thôi, chứ không có gì khác cả: thừa nhận rằng công tác "hoà bình" là *chuẩn bị* cho cách mạng vô sản. Bản Tuyên ngôn Ba-lơ lặp lại điều mà Ghe-đơ đã nói tại đại hội năm 1899, khi Ghe-đơ chế giễu chủ trương của những người xã hội chủ nghĩa, chủ trương tham gia nội các *trong trường hợp* xảy ra cuộc chiến tranh giành thị trường, những cuộc "briganda-ges capitalistes" ("En garde!", p. 175-176)<sup>1)</sup>, hoặc lặp lại điều mà Cau-xky đã nói năm 1909 trong cuốn "Con đường giành chính quyền", khi y chỉ ra rằng "thời kỳ hoà bình" đang kết thúc, thời kỳ các cuộc chiến tranh và cách mạng, thời kỳ đấu tranh của giai cấp vô sản để giành chính quyền sắp đến.

Bản Tuyên ngôn Ba-lơ chứng minh một cách không thể nào bác bỏ được rằng những người xã hội chủ nghĩa nào đã bỏ phiếu tán thành ngân sách quân sự, đã tham gia nội các và đã thừa nhận chủ trương bảo vệ tổ quốc hồi những năm 1914 - 1915, đều đã hoàn toàn *phản bội* chủ nghĩa xã hội. Sự phản bội đó là một sự thật không thể nào chối cãi được. Chỉ có những kẻ giả dối mới có thể phủ nhận điều đó. Vấn đề chỉ là xem nên *giải thích* sự phản bội ấy như thế nào đây.

Thật là vô lý, phản khoa học và lối bịch nếu đem quy vấn đề ấy lại chỉ còn là vấn đề *những cá nhân*, nếu viện dẫn trường hợp Cau-xky, Ghe-đơ, Plê-kha-nốp ("thậm chí" những người như thế!). Như thế chỉ là một thủ đoạn lẩn tránh thâm hại mà thôi. Muốn giải thích một cách nghiêm túc thì phải nghiên cứu ý nghĩa *kinh tế* của một chính sách nhất định, rồi sau đó phải phân tích *những tư tưởng cơ*

<sup>1)</sup> - "những cuộc cướp bóc tư bản chủ nghĩa" ("Hãy đề phòng!", tr. 175-176).

bản của chính sách ấy, và cuối cùng, phải nghiên cứu lịch sử *các phái* trong phong trào xã hội chủ nghĩa.

Thực chất *kinh tế* của chính sách "bảo vệ Tổ quốc" trong cuộc chiến tranh năm 1914-1915 là gì? Điều đó bản Tuyên ngôn Ba-ơ đã giải đáp rồi. Cuộc chiến tranh này do *tất cả* các đại cường quốc tiến hành nhằm cướp bóc, phân chia thế giới, giành thị trường, nô dịch các dân tộc. Việc đó làm tăng lợi nhuận cho giai cấp tư sản. Nó hứa hẹn đem lại *những mẩu thừa* của những lợi nhuận đó cho tầng lớp rất nhỏ bé bọn công nhân liêu và công nhân quý tộc, sau đó là cho giai cấp tiểu tư sản (những phần tử trí thức, v.v.) đã "đi theo" phong trào công nhân. "Chủ nghĩa xã hội - xô-vanh" (danh từ này chính xác hơn danh từ "chủ nghĩa xã hội - ái quốc" là danh từ tô hồng cái xấu), và chủ nghĩa cơ hội có cùng một cơ sở kinh tế như nhau: liên minh giữa tầng lớp rất nhỏ bé những phần tử "lớp trên" của phong trào công nhân với giai cấp tư sản dân tộc "nước mình" nhằm *chống lại* quần chúng vô sản. Liên minh giữa *bọn tôi tớ* của giai cấp tư sản với giai cấp tư sản nhằm chống lại *giai cấp* bị giai cấp tư sản bóc lột. Chủ nghĩa xã hội - xô-vanh là chủ nghĩa cơ hội hoàn chỉnh.

Chủ nghĩa xã hội - xô-vanh và chủ nghĩa cơ hội cũng có một nội dung chính trị như nhau: hợp tác giai cấp, phủ nhận chuyên chính vô sản, từ bỏ những hành động cách mạng, quy lụy trước sự hợp pháp tư sản, không tin tưởng vào giai cấp vô sản, tin tưởng vào giai cấp tư sản. Những tư tưởng chính trị của hai chủ nghĩa đó đều như nhau. Nội dung chính trị của sách lược của hai chủ nghĩa đó đều như nhau. Chủ nghĩa xã hội - xô-vanh là sự kế tục trực tiếp và là sự hoàn thành của chủ nghĩa Mìn-lơ-răng, của chủ nghĩa Béc-stanh, của chính sách công nhân kiểu phái tự do ở Anh, là sự tổng hợp, tổng kết, là kết quả của những chủ nghĩa ấy.

Trong suốt thời kỳ 1889 - 1914, chúng ta thấy có hai phái lớn trong phong trào xã hội chủ nghĩa: phái cơ hội

chủ nghĩa và phái cách mạng. Và hiện nay cũng có hai phái như thế trong thái độ đối với chủ nghĩa xã hội. Hãy vứt bỏ cái kiểu cách mà bọn đối trá tư sản và cơ hội chủ nghĩa vẫn làm khi chúng viển dẫn đến *những cá nhân*; hãy xét *các phái* trong cả một loạt nước. Hãy lấy ví dụ 10 nước ở châu Âu: Đức, Anh, Nga, Ý, Hà-lan, Thụy-điển, Bun-ga-ri, Thụy-sĩ, Bỉ, Pháp. Trong 8 nước đầu, sự phân chia thành *phái* cơ hội chủ nghĩa và cách mạng phù hợp với sự phân chia thành phái xã hội - xô-vanh và phái quốc tế chủ nghĩa cách mạng. Những *hạt nhân* cơ bản của chủ nghĩa xã hội - xô-vanh - về mặt xã hội, chính trị - là nhóm "Sozialistische Monatshefte"<sup>56</sup> và đồng bọn ở Đức, là phái Pha-biêng<sup>57</sup> và Công đảng ở Anh<sup>58</sup> (Đảng công nhân độc lập đã *liên minh* với chúng, và ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội - xô-vanh trong khối *liên minh* này thì mạnh hơn trong Đảng xã hội chủ nghĩa Anh là đảng có chừng 3/7 đảng viên là người quốc tế chủ nghĩa: 66 và 84), là tạp chí "Bình minh của chúng ta" và Ban tổ chức (và tạp chí "Sự nghiệp của chúng ta") ở Nga, đảng của Bít-xô-la-ti ở Ý, của Tơ-run-xơ-ra ở Hà-lan, của Bran-tinh và đồng bọn ở Thụy-điển, là phái "rộng" ở Bun-ga-ri<sup>59</sup>, là Grây-lích và những người<sup>1)</sup> "của ông ta" ở Thụy-sĩ. Tại *tất cả* các nước đó, chính những người dân chủ - xã hội cách mạng đã lên tiếng phản đối chủ nghĩa xã hội - xô-vanh một cách khá kịch liệt. Trong 10 nước ấy, chỉ có 2 nước nằm trong trường hợp ngoại lệ, nhưng tại hai nước này những người quốc tế chủ nghĩa còn *yếu* chứ không phải là không có; chúng ta ít biết được những sự kiện xảy ra ở các nước ấy (Va-li-ăng đã công nhận là có nhận được thư từ của những người quốc tế chủ nghĩa, nhưng ông không công bố những bức thư ấy) hơn là không có sự kiện gì xảy ra.

<sup>1)</sup> Trong bản thảo, phía trên chữ "những người" Lê-nin viết chữ "cách".

Chủ nghĩa xã hội - sô-vanh là chủ nghĩa cơ hội hoàn chỉnh. Đó là điều không thể nào chối cãi được. Trước đây sự liên minh với giai cấp tư sản là thuộc phạm vi tư tưởng, là bí mật. Ngày nay, nó trở thành công khai, quá lộ liễu. Chính sự liên minh với giai cấp tư sản và với các bộ tổng tham mưu, đã đem lại sức mạnh cho chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Những kẻ nào (trong đó có Kautsky) nói rằng "quần chúng" vô sản đã ngã theo chủ nghĩa sô-vanh, đều là nói dối cả: *chưa* có chỗ nào quần chúng *được* hỏi ý kiến cả (có lẽ chỉ trừ nước Ý ra thôi — 9 tháng tranh luận rồi mới tuyên chiến! — song, ở Ý thì quần chúng lại *phản đối* đảng của Bít-xô-la-ti). Quần chúng đã bị hoàn cảnh chiến tranh làm choáng váng tinh thần, làm cho khiếp nhược, bị chia rẽ, bị đè nén. *Chỉ* có những lãnh tụ là được bỏ phiếu tự do - và họ đã bỏ phiếu *ủng hộ* giai cấp tư sản, chống lại giai cấp vô sản! Nếu cho rằng chủ nghĩa cơ hội là một hiện tượng *nội bộ* của đảng thì thật là lối bịch và kỳ dị! Tất cả mọi người mác-xít, cả ở Đức cũng như ở Pháp v.v., đều đã luôn luôn nói và chứng minh rằng chủ nghĩa cơ hội là một biểu hiện ảnh hưởng của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản, là một thứ chính sách công nhân tư sản, là sự liên minh giữa một nhóm những phần tử gần giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Và chủ nghĩa cơ hội, lớn lên qua hàng chục năm trong những điều kiện của chủ nghĩa tư bản "hoà bình", đã chín muồi vào khoảng 1914-1915, đến mức nó trở thành kẻ đồng minh công khai với giai cấp tư sản. Sự thống nhất với chủ nghĩa cơ hội, tức là sự thống nhất giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản dân tộc nước mình, tức là sự lệ thuộc vào giai cấp tư sản đó và là sự chia rẽ của giai cấp công nhân cách mạng quốc tế. Như thế không có nghĩa là trong tất cả các nước đều cần phải hay thậm chí có khả năng đoạn tuyệt ngay lập tức với những người cơ hội chủ nghĩa: điều đó có nghĩa là sự đoạn tuyệt đó đã chín muồi về phương diện lịch sử, nó

đã trở thành một việc tất yếu và tiến bộ, nó cần cho cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, và có nghĩa là sau khi chuyển từ chủ nghĩa tư bản "hoà bình" sang chủ nghĩa đế quốc, lịch sử đã chuyển sang sự đoạn tuyệt như thế. Volentem ducunt fata, nolentem trahunt<sup>1)</sup>.

Ngay từ ngày đầu chiến tranh, giai cấp tư sản tất cả các nước, và trước hết là giai cấp tư sản những nước tham chiến, đều đã hoàn toàn đồng ý với nhau là tán tụng không tiếc lời những người xã hội chủ nghĩa nào thừa nhận chủ trương "bảo vệ tổ quốc", nghĩa là bảo vệ quyền lợi cướp bóc của giai cấp tư sản trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa *chống giai cấp vô sản*. Chúng ta hãy xem lợi ích cơ bản và quan trọng nhất của giai cấp tư sản quốc tế đã len lỏi như thế nào vào *trong nội bộ* các đảng xã hội chủ nghĩa, *trong nội bộ* phong trào công nhân và đã biểu hiện ra ở trong đó như thế nào. Về vấn đề này, nước Đức là một ví dụ đặc biệt bổ ích, vì ở nước này, thời đại Quốc tế II đã sản sinh ra một đảng mạnh nhất, nhưng trong các nước khác, chúng ta cũng thấy một tình hình hoàn toàn *giống* như ở Đức, có khác nhau chăng thì cũng chỉ có một đôi chỗ không đáng kể về hình thức, trên bộ mặt, về bề ngoài thôi.

Tháng Tư 1915, tờ tạp chí bảo thủ Đức "PreuBische Jahrbücher"<sup>60</sup> có đăng một bài của một *người dân chủ - xã hội*, đảng viên của Đảng dân chủ - xã hội, núp dưới bút danh *Monitor*. Và anh chàng cơ hội chủ nghĩa này đã để lộ sự thật, đã công khai nói rõ *thực chất* của chính sách của *toàn thể* giai cấp tư sản thế giới đối với phong trào công nhân trong thế kỷ XX. Không thể gạt bỏ phong trào đó, cũng không thể đè bẹp nó bằng sức mạnh thô bạo. Phải hủ hoá nó từ bên trong, *bằng cách mua chuộc* tầng lớp trên của nó. Giai cấp tư sản Anh - Pháp đã hành động như vậy

<sup>1)</sup> - Ai tự nguyện thì số mệnh dẫn đi, ai không tự nguyện thì số mệnh cưỡng phải đi.



hàng chục năm, chúng mua chuộc những lãnh tụ của các hội công liên, tức là những Min-lơ-răng, những Bri-ăng và đồng bọn. Hiện nay, giai cấp tư sản Đức cũng làm theo đúng như thế. Monitor nói thẳng ra với giai cấp tư sản (nhưng thực ra, ông ta là *đại biểu* cho giai cấp tư sản), rằng trong thời kỳ chiến tranh, Đảng dân chủ - xã hội đã hành động một cách "không thể nào chê trách được" (nghĩa là đã *phục vụ* giai cấp tư sản một cách không thể nào chê trách được để chống lại giai cấp vô sản). "Quá trình biến đổi" của Đảng dân chủ - xã hội thành Đảng công nhân dân tộc - tự do chủ nghĩa đã tiến triển một cách rất tốt. Nhưng thật là *nguy hiểm* cho giai cấp tư sản, nếu đảng đó *ngiên về phía hữu*: "Nó phải giữ tính chất của một đảng công nhân có những lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì ngày nào mà nó không còn như thế nữa, thì một đảng mới sẽ xuất hiện, đảng này sẽ áp dụng trở lại cái cương lĩnh mà đảng cũ trước đây đã từ bỏ, và sẽ đem lại cho cương lĩnh ấy một cách diễn đạt còn cấp tiến hơn nữa" ("Pr. J.", 1915, № 4, 50-51).

Những dòng chữ này công khai nói lên những việc mà giai cấp tư sản đã lén lút làm thường xuyên và ở khắp mọi nơi. Quần chúng *cần đến những lời nói* "cấp tiến" để tin theo. Bọn cơ hội chủ nghĩa sẵn sàng lặp lại những lời nói ấy một cách đạo đức giả. Các đảng *tương tự* như những đảng dân chủ - xã hội của Quốc tế II đều là cần thiết, có ích cho bọn chúng, vì những đảng ấy đã khiến những người xã hội chủ nghĩa *bảo vệ* giai cấp tư sản trong cuộc khủng hoảng những năm 1914 - 1915! Phái Pha-biêng và những lãnh tụ tự do chủ nghĩa của các công liên ở Anh<sup>61</sup>, bọn cơ hội chủ nghĩa và phái Giô-re-xơ<sup>62</sup> ở Pháp cũng đều thi hành một chính sách giống y như chính sách của anh chàng người Đức tên là Monitor. Monitor là một người cơ hội chủ nghĩa lộ liễu hoặc vô liêm sỉ. Ta hãy xét một sắc thái khác, loại người cơ hội chủ nghĩa nguy trang hay "thành

thực". (Có lần Ăng-ghe-n đã nói rất đúng rằng những người cơ hội chủ nghĩa "thành thực" là những người nguy hiểm nhất cho phong trào công nhân<sup>63</sup>). Cau-xky là một điển hình của loại người như thế.

Trong tờ "N. Z.", số 9, ngày 26. XI. 1915, Cau-xky viết rằng đa số trong đảng chính thức đã vi phạm cương lĩnh của đảng (bản thân Cau-xky, sau khi chiến tranh vừa nổ ra, cũng đã bênh vực suốt một năm trời cái chính sách của đa số đó, và đã biện bạch cho sự đối trá về "bảo vệ, tổ quốc!"). "Sự phản đối phái đa số ngày càng tăng thêm" (272). ("Die Opposition gegen die Mehrheit im Wachsen ist"). Quần chúng "đang phản đối" ("oppositionell"). "Nach dem Kriege"... (nur *nach* dem Kriege?)... "werden die Klassengegensätze sich so veurchärfen, daß der Radikalismus in den Massen die Oberhand gewinnt" (272)... Es "droht uns nach dem Kriege" (nur *nach* dem Kriege?) "die Flucht der radikalen Elemente aus der Partei u. ihr Zustrom zu einer Richtung antiparlamentarischer" (?? soll heißen: außerparlamentarischer) "Massenaktionen"... "So zerfällt unsere Partei in zwei Extreme, die nichts Gemeinsames haben..."<sup>64</sup>.

Cau-xky muốn đại biểu cho phái "trung dung", ông ta muốn điều hoà "hai phái cực đoan" ấy, là hai phái "*hoàn toàn không có chút gì giống nhau cả*" !! Bây giờ (16 tháng sau khi chiến tranh đã nổ ra) ông ta công nhận rằng quần chúng có tinh thần cách mạng. Và ngay lúc đó, khi

<sup>61</sup> - "Sau chiến tranh"... (chỉ sau chiến tranh thôi ư?)... "các mâu thuẫn giai cấp sẽ trở nên vô cùng gay gắt khiến chủ nghĩa cấp tiến sẽ thắng thế trong quần chúng" (272)... "Sau chiến tranh" (chỉ sau chiến tranh thôi ư?) "không khéo chúng ta sẽ có nguy cơ là những phần tử cấp tiến rời bỏ đảng và chạy theo những người tán thành các hoạt động có tính chất quần chúng chống quốc hội" (?? đáng lý phải nói: bên ngoài quốc hội)... "Như thế đảng ta sẽ phân chia ra làm hai phe đối lập cực đoan, hoàn toàn không có chút gì giống nhau cả..."

Cau-xky lên án những hành động cách mạng, gọi hành động cách mạng là "Abenteuer" "in den Straßen" (S. 272)<sup>1)</sup>, thì y lại muốn "điều hoà" quần chúng cách mạng với các thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa "là những kẻ hoàn toàn không có chút gì giống với quần chúng đó cả", - và điều hoà những người ấy *bằng cách gì?* Bằng những lời nói! Bằng những lời nói "tả" của cái thiếu số "tả" trong quốc hội!! Cứ để cho thiếu số đó lên án, như Cau-xky, những *hành động* cách mạng, cho đó là những hành động *phiêu lưu*, nhưng lại tuôn ra cho quần chúng những *lời nói* tả, và như thế là trong đảng sẽ có được sự thống nhất và hoà bình... với bọn Duy-đơ-cum, bọn Lê-ghin, bọn Đa-vít và bọn Monitor!!

Nhưng đó chính là cái cương lĩnh giống hệt như cương lĩnh của Monitor, cương lĩnh của giai cấp tư sản, chỉ có điều là nó được trình bày "bằng một giọng dịu dàng", "bằng những lời lẽ ngọt ngào"!! Và đó cũng chính là cương lĩnh mà Wurm đã áp dụng, khi tại một cuộc họp của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong quốc hội, ngày 18. III. 1915, er "warnte die Fraktion den Bogen zu überspannen; in den Arbeitermassen wachse die Opposition gegen die Fraktions-taktik; es gelte, beim marxistischen Zentrum zu verharren". (S. 67 "Klassenkampf gegen den Krieg! Material zum "Fall Liebknecht". Als Manuskript gedruckt.)<sup>2)</sup>.

Nên chú ý rằng, ở đây người ta đã đại biểu cho toàn thể "phái giữa mác-xít" (trong đó có cả Cau-xky) mà thừa nhận rằng quần chúng có tinh thần cách mạng! Và thừa

<sup>1)</sup> - "những hành vi phiêu lưu trên đường phố" (tr. 272).

<sup>2)</sup> - ông ta "báo trước cho đảng đoàn biết là không nên làm cho tình hình căng thẳng quá; trong quần chúng công nhân, tinh thần phản đối sách lược của đảng đoàn đang lan rộng; cần phải giữ vững lập trường của phái giữa mác-xít". (Tr. 67 "Cuộc đấu tranh giai cấp chống chiến tranh! Tài liệu về "Vụ Liép-nếch". Bản thảo).

nhận như vậy vào ngày 18. III. 1915!!! 8 1/2 tháng sau, ngày 26. XI. 1915, Cau-xky lại một lần nữa đề nghị nên trấn an quần chúng cách mạng bằng những lời lẽ tả!!

Chủ nghĩa cơ hội của Cau-xky và chủ nghĩa cơ hội của Monitor chỉ khác nhau về chữ dùng, về sắc thái, về những phương pháp nhằm đạt đến *cùng một* mục tiêu là: *duy trì* ảnh hưởng của bọn cơ hội chủ nghĩa (nghĩa là của giai cấp tư sản) đối với quần chúng, duy trì tình trạng giai cấp vô sản *bị lệ thuộc* vào bọn cơ hội chủ nghĩa (nghĩa là vào giai cấp tư sản)! ! Pan-nê-cúc và Goóc-tơ đã gọi lập trường của Cau-xky một cách rất đúng là "chủ nghĩa cấp tiến tiêu cực" (verbiage<sup>1)</sup>), người Pháp thường nói như thế, họ là những người qua những kiểu mẫu "dân tộc của mình" mà hiểu rất rõ cái loại tính chất cách mạng *ấy!* Nhưng theo tôi thì nên đặt cho nó cái tên là chủ nghĩa cơ hội ngụy trang, dè dặt, giả nhân giả nghĩa, đường mật.

Thực ra thì, hiện nay, sự khác nhau giữa hai xu hướng đang tồn tại trong nội bộ Đảng dân chủ - xã hội hoàn toàn không phải là ở những chữ và những câu nói. Về phương diện kết hợp chủ trương "bảo vệ tổ quốc" (nghĩa là bảo vệ những hành động cướp bóc của giai cấp tư sản) với những lời nói hoa mỹ về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa quốc tế, về quyền tự do của các dân tộc, v.v., thì Van-đéc-ven-đơ, Rơ-nô-đen, Xam-ba, Hen-đman, Hen-đéc-xơn, Lô-ít Gioóc-giơ chẳng kém gì Lê-ghin, Duy-đơ-cum, và Cau-xky cùng với Ha-đơ! Sự khác nhau thật sự bắt đầu xuất hiện chính là khi người ta bác bỏ hoàn toàn chủ trương bảo vệ tổ quốc trong cuộc chiến tranh này, khi người ta thừa nhận những hành động cách mạng có liên quan đến cuộc chiến tranh ấy, *trong quá trình* chiến tranh và *sau* chiến tranh. Và về vấn đề này, vấn đề duy nhất quan trọng, vấn đề duy nhất thực tiễn,

<sup>1)</sup> - ba hoa.

thì Cau-xky, Côn-bơ và Hai-nơ hoàn toàn nhất trí với nhau.

Hãy so sánh phái Pha-biêng ở Anh và phái Cau-xky ở Đức. Phái Pha-biêng hầu như là phái tự do, họ không bao giờ thừa nhận chủ nghĩa Mác. Ngày 18 tháng Giêng 1893, Ăng-ghe-n đã viết về phái Pha-biêng như sau: "... một bọn mưu cầu danh vọng, họ có đủ trí suy xét để hiểu được rằng cách mạng xã hội là điều không thể tránh được, nhưng bất luận như thế nào, họ cũng không muốn giao phó công việc vĩ đại này cho riêng một mình giai cấp vô sản, là giai cấp còn chưa trưởng thành hẳn... Nguyên tắc cơ bản của họ là sợ cách mạng..."<sup>64</sup>. Và ngày 11 tháng Mười một 1893, ông lại viết: "những tên tư sản kiêu căng hợm hĩnh muốn rủ lòng nhân từ hạ cố đến giai cấp vô sản để giải phóng họ từ trên xuống miễn là giai cấp đó muốn hiểu được rằng cái đám quần chúng ngu muội, kém văn hoá như thế thì không thể nào tự giải phóng được, không thể nào làm nên trò trống gì cả, nếu không có cái hạo tâm của các vị trạng sư thông minh ấy, các tác gia ấy và các con mụ đa sầu đa cảm ấy..."<sup>65</sup>. Về phương diện "lý luận", phái Cau-xky quả đã khác xa phái Pha-biêng! Nhưng trên thực tiễn, trong thái độ đối với chiến tranh, thì hai phái ấy đều *hoàn toàn nhất trí với nhau* ! Đó là bằng chứng hiển nhiên nói lên rằng ở phái Cau-xky, chủ nghĩa Mác đã hoàn toàn tiêu tan, đã trở thành những lời nói suông, những lời hoa mỹ giả dối mà thôi.

Những ví dụ sau đây cho ta thấy rõ phái Cau-xky đã dùng những lối ngụy biện trắng trợn như thế nào sau khi chiến tranh đã nổ ra, để bác bỏ sách lược hành động cách mạng của giai cấp vô sản, sách lược mà những người xã hội chủ nghĩa đã nhất trí thông qua ở Ba-lơ. Cau-xky đã đưa ra lý luận về "chủ nghĩa siêu đế quốc". Với lý luận đó, ông ta muốn nói rằng "cuộc đấu tranh giữa bọn tư bản tài chính dân tộc" đã được thay thế "bằng hiện tượng tư bản tài chính — đã liên hiệp lại trên phạm vi quốc tế — cùng nhau bóc lột

thế giới" ("N. Z." No 5, 30. IV. 1915, S. 144). Đồng thời chính Cau-xky lại nói thêm rằng: "Giai đoạn mới này của chủ nghĩa tư bản liệu có thể thực hiện được không, hiện chưa có đủ tiền đề để giải quyết vấn đề đó!!! Căn cứ vào điểm "có thể có" một giai đoạn mới (mà bản thân người phát minh ra nó thậm chí cũng không dám tuyên bố là "có thể thực hiện được", người ta đã phủ nhận nhiệm vụ cách mạng của giai cấp vô sản trong giờ phút hiện thời, trong lúc mà rõ ràng là *giai đoạn* khủng hoảng và chiến tranh đã tới! Và cái con người phủ nhận những hành động cách mạng lại cũng chính là người có uy tín của Quốc tế II, người mà năm 1909 đã viết cả một cuốn sách nhan đề là "Con đường giành chính quyền", cuốn sách đã được dịch ra hầu hết các thứ tiếng chủ yếu ở Châu Âu, cuốn sách chứng minh rằng có *mối liên hệ* giữa cuộc chiến tranh sắp nổ ra với cách mạng, và rằng "cách mạng *không thể nào* nổ ra quá sớm được"!!!

Năm 1909, Cau-xky chứng minh rằng thời đại chủ nghĩa tư bản "hoà bình" đã qua rồi, thời đại chiến tranh và cách mạng sắp đến. Năm 1912, bản Tuyên ngôn Ba-lơ đã lấy chính cái quan điểm này làm cơ sở cho toàn bộ sách lược của các đảng xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Đến năm 1914, nổ ra cuộc chiến tranh, nổ ra cuộc "khủng hoảng kinh tế và chính trị" mà Đại hội Stút-ga và Đại hội Ba-lơ đã dự đoán. Ấy thế mà Cau-xky lại đưa ra những "lời thoái thác" có tính chất lý luận *chống lại* sách lược cách mạng!

P. B. Ăc-xen-rốt cũng trình bày những tư tưởng đó với lời văn bóng bẩy hơi "tả" hơn đôi chút: ông ta viết tại nước Thụy-sĩ tự do và muốn gây ảnh hưởng đối với công nhân cách mạng Nga ("Die Krise und die Aufgaben der internationalen Sozialdemokratie". Zürich, 1915<sup>1)</sup>). Trong tác phẩm

<sup>1)</sup> - "Cuộc khủng hoảng và nhiệm vụ của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế". Xuy-ri-ích, 1915.

này, chúng ta thấy có một sự phát hiện làm hài lòng bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn tư sản toàn thế giới: "das Internationalisierungsproblem der Arbeiterbewegung ist mit der Frage der Revolutionisierung unserer Kampfesformen und Methoden nicht identisch" (37) và "Der Schwerpunkt des Internationalisierungsproblems der proletarischen Befreiungsbewegung liegt in der weiteren Entwicklung u. Internationalisierung eben jener Alltagspraxis" (40)... "*beispielsweise* müssen die Arbeiterschutz - u. Versicherungsgesetzgebung... zum Objekt ihrer (der Arbeiter) *internationalen* Aktionen u. Organisationen werden" (39)<sup>1)</sup>.

Dĩ nhiên là không phải chỉ có những Duy-đơ-cum, những Lê-ghin và những Hen-đman cùng với những Van-đéc-ven-đơ mới hoàn toàn tán thành một thứ "chủ nghĩa quốc tế" như thế, mà còn có cả những Lô-ít Gioóc-giơ, những Nau-man và những Bri-ăng nữa! Ác-xen-rốt bên vực "chủ nghĩa quốc tế" của Cau-xky mà không hề dẫn ra, cũng không hề phân tích một lý lẽ nào của Cau-xky đưa ra để bên vực chủ trương bảo vệ tổ quốc. Cũng giống như những người xã hội -sô-vanh thân Pháp, Ác-xen-rốt sợ ngay cả đến việc nhớ lại chính những điều mà bản Tuyên ngôn Ba-lơ đã nói về sách lược cách mạng. Đối với một tương lai, — một tương lai không rõ ràng, chưa biết rõ, — Ác-xen-rốt sẵn sàng tuôn ra những lời lẽ tả nhất, rất chi là cách mạng, nói về cách hành động của Quốc tế tương lai — entgegengetreten wird (den Regierungen im Falle der Kriegsgefahr) "mit der Entfaltung eines revolutionären Sturmes"... "Einleitung der sozia-

<sup>1)</sup> – "vấn đề quốc tế hoá phong trào công nhân không đồng nhất với vấn đề cách mạng hoá các hình thức và các phương pháp đấu tranh của chúng ta" (37) và "trọng tâm của vấn đề quốc tế hoá phong trào giải phóng giai cấp vô sản là việc phát triển hơn nữa và việc quốc tế hoá chính cái công tác thực tế hàng ngày đó" (40)... "*chẳng hạn* luật bảo hộ lao động và luật bảo hiểm... phải trở thành đối tượng của những hoạt động và của những tổ chức *quốc tế* của họ (của công nhân)" (39).

listischen Revolution" (14) <sup>1)</sup>. Không bốn đâu!! Nhưng khi nói đến việc áp dụng sách lược cách mạng ngay từ bây giờ, trong thời buổi khủng hoảng hiện nay, thì Ác-xen-rốt lại trả lời ganz à la Kautsky: "revolutionäre Massenaktionen"... cái sách lược đó... "hätte noch eine gewisse Berechtigung, wenn wir unmittelbar am Vorabend der sozialen Revolution ständen, ähnlich wie es etwa in Rußland seit den Studentendemonstrationen des J. 1901 der Fall war, die das Herannahen entscheidender Kämpfe gegen den Absolutismus ankündigten"<sup>2)</sup>... (40-41) và, sau đó, ông ta công kích kịch liệt những "Utopien"<sup>3)</sup> "Bakunismus"<sup>4)</sup>, công kích một cách hoàn toàn theo tinh thần của Côn-bơ, Hai-nơ, Duy-đơ-cum và Lê-ghin!! Nhưng cái tấm gương của nước Nga đã vạch mặt Ác-xen-rốt một cách đặc biệt rõ. Từ năm 1901 đến năm 1905 tính ra là 4 năm, và năm 1901, không ai có thể cam đoan rằng cách mạng ở nước Nga (cuộc cách mạng đầu tiên chống chế độ chuyên chế) sẽ nổ ra 4 năm sau. Tình hình của châu Âu ở vào đêm trước của cuộc cách mạng xã hội thì cũng giống hệt như thế. Không ai có thể cam đoan rằng liệu 4 năm sau cuộc cách mạng đầu tiên thuộc loại đó sẽ xảy ra hay không. Nhưng tình thế cách mạng thì *đang tồn tại*, đó là một sự thật đã được tiên đoán từ năm 1912 và đã xảy ra năm 1914. Những cuộc tuần hành thị uy của công nhân và nhân dân thành thị bị đối ở Nga và ở Đức năm 1914 hiển

<sup>1)</sup> – sẽ hành động (chống các chính phủ trong trường hợp có nguy cơ chiến tranh) "và sẽ gây nên một cơn bão táp cách mạng"... "Giai đoạn mở đầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa" (14).

<sup>2)</sup> – hoàn toàn theo lối Cau-xky: cái sách lược "những hành động cách mạng có tính chất quần chúng"... cái sách lược đó... "có thể có chút ít căn cứ, nếu chúng ta đã ở vào ngay đêm trước của cuộc cách mạng xã hội, như trong trường hợp ở nước Nga chẳng hạn, nơi mà những cuộc biểu tình của sinh viên năm 1901 đã báo trước là những trận chiến đấu quyết định chống chế độ chuyên chế sắp nổ ra".

<sup>3)</sup> – "những sự không tưởng"

<sup>4)</sup> – "chủ nghĩa Ba-cu-nin"

nhiên cũng "ankündigen das Herannahen entscheidender Kämpfe" <sup>1)</sup>. Những người xã hội chủ nghĩa có nghĩa vụ trực tiếp và tuyệt đối là phải ủng hộ và phát triển những cuộc tuần hành thị uy *đó* và những "hành động cách mạng có tính chất quần chúng" thuộc tất cả các loại (bãi công kinh tế và chính trị, cuộc vận động trong binh sĩ cho đến cả khởi nghĩa và nội chiến), phải đề ra cho những cuộc biểu tình và những hành động cách mạng *đó* những khẩu hiệu rõ ràng, phải lập nên một tổ chức bí mật và xuất bản báo chí bí mật, nếu không thì *không thể nào* kêu gọi quần chúng làm cách mạng được, *không thể nào* giúp quần chúng giác ngộ cách mạng và *không thể nào* giúp quần chúng tự tổ chức lại để làm cách mạng. Những người dân chủ - xã hội ở nước Nga đã hành động như vậy hồi năm 1901, vào "Am Vorabend"<sup>2)</sup> của cuộc cách mạng tư sản (cuộc cách mạng bắt đầu năm 1905, nhưng đến năm 1915 cũng chưa kết thúc). Những người dân chủ - xã hội ở châu Âu cũng phải hành động như vậy trong những năm 1914 - 1915, vào "am Vorabend" der sozialistischen Revolution<sup>3)</sup>. Các cuộc cách mạng không bao giờ nảy sinh ra là đã sẵn sàng rồi, không phải là từ trong đầu Giu-pi-te mà ra, không phải là nổ ra ngay một lúc. Trước cách mạng, bao giờ cũng có cả một quá trình sôi sục, có những cuộc khủng hoảng, những phong trào, những cuộc nổi dậy, có bước *mở đầu* của cách mạng, thêm nữa cái bước mở đầu *đó không phải bao giờ* cũng phát triển đến nơi đến chốn (chẳng hạn như trong trường hợp giai cấp cách mạng còn yếu). Ác-xen-rốt nặn ra những có thoái thác để làm cho những người dân chủ - xã hội xa rời *nhệm vụ* của họ là phải góp phần vào việc thúc đẩy thêm những phong trào cách mạng đã bắt đầu trên cơ sở tình

1) – "báo trước là những trận chiến đấu quyết định sắp nổ ra"

2) – "đêm trước"

3) – "đêm trước" của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa

thế cách mạng đã tồn tại. Ác-xen-rốt bênh vực sách lược của Đa-vít và của phái Pha-biêng, chẳng qua chỉ là để che giấu chủ nghĩa cơ hội của mình bằng những lời lẽ tả mà thôi.

"Den Weltkrieg in einen Bürgerkrieg umwandeln zu wollen wäre Wahnsinn gewesen"<sup>1)</sup> — E. Đa-vít, lãnh tụ của những người cơ hội chủ nghĩa, đã viết như thế ("Die Sozial-demokratie im Weltkrieg", Brl., 1915, S. 172 <sup>2)</sup>, khi ông ta phản đối bản tuyên ngôn công bố ngày I. XI. 1914 của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga của chúng tôi, bản tuyên ngôn này đã đưa ra khẩu hiệu ấy và có nói thêm rằng: "Wie groß die Schwierigkeiten dieser Umwandlung zur gegebenen Zeit auch sein mögen, — die Sozialisten werden niemals ablehnen, die Vorarbeiten in der bezeichneten Richtung *systematisch, unbeugsam* und energisch auszuführen, falls der Krieg zur Tatsache geworden ist" (zitiert bei David. S. 171<sup>3)</sup>). Cần chú ý rằng một tháng trước khi cuốn sách của Đa-vít được phát hành (I. V. 1915), đảng của chúng tôi đã công bố (báo "Người dân chủ - xã hội", số 40, ngày 29. III) những nghị quyết về chiến tranh; trong đó có quy định những "bước đi" có hệ thống "trên con đường biến cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến" như sau: 1) Không biểu quyết tén dụng chiến tranh etc.; 2) đả phá "Burgfrieden"<sup>4)</sup>; 3) lập một tổ chức bí mật; 4) ủng hộ việc bắt tay thân thiện của binh lính trong chiến

1) – "Muốn biến chiến tranh thế giới thành nội chiến thì thật là điên rồ".

2) – "Phong trào dân chủ - xã hội trong chiến tranh thế giới", Béc-lanh, 1915, tr. 172.

3) – "Trong một lúc nào đó, dù việc đó có gặp khó khăn lớn đến đâu chẳng nữa, nhưng khi chiến tranh đã thực sự xảy ra rồi, thì không bao giờ những người xã hội chủ nghĩa lại từ chối không chuẩn bị một cách có phương pháp, kiên trì và liên tục để làm việc đó" (Đa-vít trích dẫn, tr. 171).

4) – "hoà bình trong nước"

hào; 5) ủng hộ mọi hành động cách mạng có tính chất quần chúng của giai cấp vô sản nói chung.

Ôi, ông Đa-vít dũng cảm! Năm 1912, ông ta cho rằng đưa Công xã Pa-ri làm ví dụ, không phải là một việc làm "điên rồ". Năm 1914, ông phụ họa với giai cấp tư sản mà nói: "điên rồ!!"

Nhận xét của Plê-kha-nốp, đại biểu điển hình của bọn xã hội chủ nghĩa - sô-vanh trong "đồng minh tay tư", đối với sách lược cách mạng, là hoàn toàn nhất trí với nhận xét của Đa-vít. Ông ta gọi cái tư tưởng về...<sup>1)</sup> ... chính là "Vorabend"<sup>2)</sup> của cách mạng xã hội, từ đêm trước đó cho đến những "entscheidende Kämpfe"<sup>3)</sup> có thể là 4 năm hay hơn thế. Đấy đúng là những mầm non, tuy vẫn còn yếu, nhưng đầu sao cũng là những mầm non của cuộc "cách mạng vô sản" mà Tuyên ngôn Ba-lơ đã nói đến và cuộc cách mạng đó sẽ *không bao giờ* trở thành hùng mạnh trong ngay một lúc được, mà nhất thiết sẽ phải trải qua những giai đoạn còn là những mầm non tương đối *yếu*.

Ủng hộ, phát triển, mở rộng, tăng cường những hành động cách mạng có tính chất quần chúng và phong trào cách mạng. Xây dựng một tổ chức bí mật để tiến hành công tác tuyên truyền và cổ động theo hướng ấy, để giúp quần chúng nhận thức được phong trào và các nhiệm vụ của phong trào, các phương tiện và mục tiêu của phong trào. Trong thời kỳ chiến tranh hiện nay, bất kỳ cương lĩnh hoạt động thực tiễn nào của Đảng dân chủ - xã hội đều nhất thiết phải quy vào hai điểm ấy. Ngoài ra, đều chỉ là những luận điệu cơ hội chủ nghĩa, phản cách mạng, dù cho người ta có tô điểm cho những luận điệu đó bằng những cách nói uốn éo tả khuynh, mác-xít giả hiệu, hoà bình chủ nghĩa nào đi nữa cũng vậy.

<sup>1)</sup> – Bản thảo ngừng lại ở đây. Phần tiếp theo đây là in theo trang còn giữ lại được không đầy đủ (thiếu phần đầu).

<sup>2)</sup> – "đêm trước"

<sup>3)</sup> – "những cuộc chiến đấu quyết định"

Và nếu người ta phản đối chúng tôi, như những kẻ cố chấp trong Quốc tế II vẫn thường phản đối rằng: ô, đó là những biện pháp "của Nga" mà!! ("Die russische Taktik" — Kap. VIII bei David<sup>1)</sup>), - thì chúng tôi chỉ sẽ dẫn chứng ra những sự thật để trả lời. Ngày 30. X. 1915, ở Béc-land vài trăm (einige Hundert) phụ nữ đã tuần hành thị uy trước Parteivorstand và qua đoàn đại biểu của mình, đã tuyên bố với Ban lãnh đạo ấy rằng "Die Verbreitung von *unzensierten Flugblättern und Druckschriften* und die Abhaltung *nicht genehmigter Versammlungen* wäre bei dem großen Organisationsapparat heute leichter möglich als zur Zeit des Sozialistengesetzes. Es fehlt nicht an Mitteln und Wegen, sondern offensichtlich an dem Willen"<sup>2)</sup> (do tôi viết ngả) ("Berliner Tagwacht", số 271).

Chắc hẳn những người nữ lao động Béc-land này đã bị mê muội đi về bản tuyên ngôn "Ba-cu-nin chủ nghĩa" và "phiêu lưu mạo hiểm", "bè phái" (siehe Kolb & K<sup>o 3)</sup>) và "điên rồ", mà Ban chấp hành trung ương của Đảng nước Nga đã đưa ra ngày I. XI.

*Viết vào cuối năm 1915*

*Đăng lần đầu năm 1924 trên  
tạp chí "Cách mạng vô sản",  
số 5*

*Theo đúng bản thảo*

<sup>1)</sup> – ("Sách lược Nga" – chương VIII, trong cuốn sách của Đa-vít).

<sup>2)</sup> – "Bây giờ đây, khi đã có một bộ máy tổ chức to lớn, thì dễ phả biể truyền đơn và sách báo bí mật và dễ tổ chức *những cuộc hội nghị không được phép* hơn là trong thời kỳ có đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa. Không thiếu tiền bạc, cũng không thiếu phương tiện, nhưng rõ ràng là không có đầy đủ ý chí".

<sup>3)</sup> – Xem Côn-bơ và đồng bọn.

## CHỦ NGHĨA CƠ HỘI VÀ SỰ PHÁ SẢN CỦA QUỐC TẾ II <sup>66</sup>

### I

Có thật là Quốc tế II không còn tồn tại nữa không? Những đại biểu có uy tín nhất của nó, như Cau-xky và Van-đéc-ven-đơ, vẫn khẳng khái phủ nhận điều đó. Nào có xảy ra chuyện gì đâu ngoài việc những quan hệ bị cắt đứt; mọi việc đều êm đẹp cả; đó là quan điểm của họ.

Để làm rõ chân lý, chúng ta hãy xem *Tuyên ngôn của Đại hội Ba-lơ* năm 1912, tuyên ngôn đó chính là nói về cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới hiện nay, và đã được toàn thể các đảng xã hội chủ nghĩa trên thế giới thông qua. Nên chú ý là, không một người xã hội chủ nghĩa nào, về phương diện lý luận, lại dám phủ nhận sự cần thiết phải đánh giá cụ thể, về mặt lịch sử, mỗi một cuộc chiến tranh.

Hiện nay chiến tranh đã bùng nổ, thì cả phái cơ hội chủ nghĩa ra mặt, lẫn phái Cau-xky, cũng đều không dám phủ nhận bản Tuyên ngôn Ba-lơ, cũng không dám đem hành vi của các đảng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ chiến tranh ra đối chiếu với những đòi hỏi của tuyên ngôn đó. Tại sao? Chính vì bản tuyên ngôn ấy hoàn toàn lật mặt nạ cả hai phái đó.

Bản tuyên ngôn ấy không hề nói một lời nào đến việc bảo vệ tổ quốc, cũng không nói đến chỗ khác nhau giữa một cuộc chiến tranh tấn công và một cuộc chiến tranh tự vệ; không hề nói một lời nào đến tất cả những cái mà hiện nay

bọn cơ hội chủ nghĩa và phái Cau-xky\* ở Đức và ở trong khối đồng minh tay tư, đang lặp lại ở khắp mọi nơi. Và lại, bản tuyên ngôn không thể nói tới những điều đó được, vì chính những điều mà nó nói ra đều tuyệt đối không thể dùng được những khái niệm đó. Nó vạch ra một cách hoàn toàn cụ thể một loạt những cuộc xung đột kinh tế và chính trị đã chuẩn bị cuộc chiến tranh ấy trong hàng chục năm, đã hoàn toàn bộc lộ ra hồi năm 1912 và đã gây nên cuộc chiến tranh 1914. Bản tuyên ngôn nhắc tới cuộc xung đột Nga - Áo để giành "quyền bá chủ vùng Ban-căng"; cuộc xung đột giữa Anh, Pháp và Đức (giữa *tất cả* các nước ấy!) do "chính sách xâm lược của họ ở vùng Tiểu Á" gây ra; cuộc xung đột Áo - Ý do "tham vọng thống trị" An-ba-ni, v.v.. Bản tuyên ngôn xác định một cách ngắn gọn rằng tất cả những cuộc xung đột đó đều là do "chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa" gây ra cả. Như vậy là bản tuyên ngôn thừa nhận một cách hoàn toàn rõ rệt tính chất xâm lược, đế quốc chủ nghĩa, phản động, nô dịch của cuộc chiến tranh ấy, nghĩa là cái tính chất khiến cho việc thừa nhận chủ trương bảo vệ tổ quốc trở thành một điều vô nghĩa về mặt lý luận và một điều ngu xuẩn về mặt thực tiễn. Những con cá mập lớn đang đấu tranh với nhau để nuốt những "tổ quốc" của người khác. Bản tuyên ngôn căn cứ vào những sự kiện lịch sử không thể chối cãi được đó mà rút ra kết luận tất yếu: "không thể vin vào một cái cớ nhỏ chút xíu nào về bất kỳ lợi ích nào của nhân dân" mà biện hộ cho cuộc chiến tranh ấy được; cuộc chiến tranh đó đã được chuẩn bị "vì lợi nhuận của bọn tư bản, vì lòng ham danh vọng của các triều vua".

\* Ở đây không phải là nói về cá nhân những đồ đệ của Cau-xky ở Đức, mà là nói cái điển hình quốc tế những người giả danh mác-xít đang ngả nghiêng giữa chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa cấp tiến, và trên thực tế chẳng qua chỉ là cái lá nho dùng để che đậy cho chủ nghĩa cơ hội mà thôi.

Nếu công nhân "bắn lẫn nhau", thì đó là "một tội ác". Bản tuyên ngôn nói như thế.

Thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa là thời đại mà chủ nghĩa tư bản đã tới độ chín muồi, đã chín muồi quá mức và đang đứng trước sự sụp đổ; nó đã chín muồi đến mức phải nhường chỗ cho chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ 1789 - 1871 là thời kỳ chủ nghĩa tư bản tiến bộ, thời kỳ mà việc đánh đổ chế độ phong kiến và chế độ chuyên chế, mà việc giải phóng khỏi ách nô dịch của nước ngoài đã trở thành vấn đề cấp thiết của lịch sử. Chính trên cơ sở ấy, và *chỉ* trên cơ sở ấy, mới có thể thừa nhận "việc bảo vệ tổ quốc" được, nghĩa là thừa nhận việc bảo vệ chống lại sự áp bức. Ngày nay nữa, người ta cũng vẫn còn có thể ứng dụng khái niệm ấy vào cuộc chiến tranh *chống* các cường quốc đế quốc chủ nghĩa lớn, nhưng thật là phi lý nếu đem ứng dụng khái niệm ấy vào một cuộc chiến tranh *giữa* những cường quốc đế quốc chủ nghĩa lớn, vào một cuộc chiến tranh mà trong đó vấn đề đặt ra là ai sẽ có thể cướp bóc các nước vùng Ban-căng, miền Tiểu Á, v.v., được nhiều hơn. Cho nên, không lấy gì làm lạ rằng "những người xã hội chủ nghĩa" thừa nhận việc "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh hiện nay, thường hay tránh không nói đến Tuyên ngôn Ba-lơ, giống như tên ăn cắp tránh nơi hắt đã đánh cắp vậy. Ấy là vì bản tuyên ngôn đã chứng minh rằng họ đều là bọn xã hội - sô-vanh, tức là những người xã hội chủ nghĩa trên lời nói, mà lại sô-vanh trong việc làm, những người đang giúp giai cấp tư sản "nước họ" đi cướp bóc nước ngoài, đi nô dịch các dân tộc khác. Điều chủ yếu trong khái niệm "chủ nghĩa sô-vanh" chính là bảo vệ tổ quốc "của mình", ngay cả khi tổ quốc mình có những hành động nhằm nô dịch những tổ quốc của người khác.

Coi một cuộc chiến tranh nào đó là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thì dẫn đến một sách lược này; mà coi nó là một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, thì lại dẫn

đến một sách lược khác. Bản tuyên ngôn đã chỉ rõ cái sách lược khác ấy. Chiến tranh "sẽ gây ra một cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị" mà người ta phải "lợi dụng", không phải là để làm dịu bớt cuộc khủng hoảng, không phải là để bảo vệ tổ quốc, mà trái lại là để "*thúc đẩy*" quần chúng, để "đẩy nhanh sự sụp đổ của nền thống trị của tư bản". Người ta không thể đẩy nhanh được cái mà những điều kiện lịch sử chưa chín muồi để làm. Bản tuyên ngôn đã thừa nhận rằng cuộc cách mạng xã hội là *có thể thực hiện được*, rằng những tiền đề của nó *đã chín muồi*, rằng cuộc cách mạng đó sẽ *do* chính chiến tranh mà nổ ra: "các giai cấp thống trị" đều sợ "cách mạng vô sản", bản tuyên ngôn đã tuyên bố như vậy khi nêu cái ví dụ *Công xã Pa-ri và cách mạng 1905 ở Nga*, nghĩa là nêu những ví dụ về những cuộc bãi công quần chúng và về nội chiến. Nói quả quyết như Cau-xky rằng: thái độ của chủ nghĩa xã hội đối với cuộc chiến tranh *này* chưa được định rõ, nói như vậy là đối trá. Vấn đề đó không những đã được thảo luận, mà lại đã được giải quyết ở Đại hội Ba-lơ, là đại hội đã thông qua sách lược của cuộc đấu tranh cách mạng vô sản có tính chất quần chúng.

Tránh không nói đến toàn bộ bản Tuyên ngôn Ba-lơ hoặc những phần căn bản nhất của nó, mà thay vào đó lại trích dẫn những lời nói của các thủ lĩnh hay những nghị quyết của một số đảng nào đó, thì thật là một thái độ giả dối đáng ghét vì, một là, những lời nói và nghị quyết ấy đã từng có *trước* Đại hội Ba-lơ; hai là, đấy không phải là những quyết định của các đảng trên toàn thế giới; ba là, những lời nói và nghị quyết ấy đều nói về các thứ chiến tranh *có thể có*, chứ không nói về cuộc chiến tranh hiện tại. Thực chất của vấn đề là ở chỗ thời đại những cuộc chiến tranh dân tộc giữa các cường quốc lớn ở châu Âu đã nhường chỗ cho thời đại những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa giữa các cường quốc ấy, và ở chỗ, lần đầu tiên,



bản Tuyên ngôn Ba-lơ đã phải chính thức thừa nhận sự thật đó.

Sẽ là sai lầm nếu nghĩ rằng Tuyên ngôn Ba-lơ là một tuyên bố huyền hoang rỗng tuếch, một lời hoa mỹ quan phương, một lời đe dọa không đáng bận tâm. Chính những kẻ đã bị bản tuyên ngôn đó vạch mặt mới muốn đặt vấn đề như thế. Nhưng như thế là không đúng. Bản tuyên ngôn chỉ là kết quả của công tác tuyên truyền rộng lớn trong suốt cả thời kỳ Quốc tế II, chỉ là một bản tổng hợp tất cả những điều mà những người xã hội chủ nghĩa đã tung vào quần chúng trong hàng trăm nghìn bài diễn văn, bài báo và lời kêu gọi bằng đủ mọi thứ tiếng. Bản tuyên ngôn chỉ nói lại điều mà chẳng hạn như *Giuy-lơ Ghe-đơ* đã viết năm 1899, khi ông công kích thậm tệ chủ trương tham gia nội các của những người xã hội chủ nghĩa trong trường hợp có chiến tranh: lúc đó ông nói tới cuộc chiến tranh do "bọn tư bản ăn cướp" gây ra ("*En garde!*", tr.175); hoặc chỉ nói lại điều mà *Cau-xky* đã viết hồi năm 1909 trong cuốn "Con đường giành chính quyền", trong đó, ông đã thừa nhận rằng thời đại "hoà bình" đã kết thúc và thời đại các cuộc chiến tranh và cách mạng đã bắt đầu. Coi Tuyên ngôn Ba-lơ là một lời trống rỗng hoặc một sai lầm, thì có khác chi coi toàn bộ hoạt động của những người xã hội chủ nghĩa trong 25 năm gần đây cũng là trống rỗng hoặc sai lầm cả. Mâu thuẫn giữa bản tuyên ngôn với việc không thực hành tuyên ngôn ấy sở dĩ làm cho bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn *Cau-xky* không chịu đựng nổi, chính là vì mâu thuẫn đó đã bóc trần mâu thuẫn vô cùng sâu sắc trong hoạt động của Quốc tế II. Tính chất tương đối "hoà bình" của thời kỳ 1871-1914 đã nuôi dưỡng chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa này lúc đầu còn là một *tâm trạng*, sau là một *xu hướng* và cuối cùng là một *tập đoàn hay tầng lớp* gồm bọn công nhân quan liêu và những người bạn đường tiểu tư sản. Những phần tử ấy chỉ có thể thao túng được phong trào công nhân bằng

cách thừa nhận trên lời nói những mục tiêu cách mạng và sách lược cách mạng. Họ chỉ có thể gây được tín nhiệm với quần chúng bằng cách thể thốt rằng toàn bộ công tác "hoà bình" chẳng qua chỉ là một *sự chuẩn bị* cho cuộc cách mạng vô sản mà thôi. Mâu thuẫn ấy là một cái ung nhọt mà một ngày nào đó phải vỡ ra, và nó đã vỡ ra rồi. Toàn bộ vấn đề là xem có nên làm như *Cau-xky* và đồng bọn, là thử đùn chất mù đó trở vào cơ thể dưới danh nghĩa "thống nhất" (với chất mù); hay là để giúp cho cơ thể của phong trào công nhân được hoàn toàn bình phục, thì phải tẩy rửa chất mù ấy đi càng nhanh và càng kỹ chừng nào càng tốt chừng nấy, dù cho việc mổ xẻ ấy có làm cho ta phải tạm thời chịu đau đớn kịch liệt đi nữa.

Rõ ràng những ai đã biểu quyết ngân sách chiến tranh, đã tham gia nội các và đã bênh vực tư tưởng bảo vệ tổ quốc hồi những năm 1914-1915, là đã phản bội chủ nghĩa xã hội. Chỉ có những kẻ giả dối mới có thể phủ nhận sự thật ấy. Chúng ta cần phải giải thích điều đó.

## II

Nếu coi toàn bộ vấn đề ấy chỉ là một vấn đề về những cá nhân thôi, thì thật là vô lý. Nếu những nhân vật như *Plê-kha-nốp* và *Ghe-đơ*, v.v. thì như thế có liên quan gì đến chủ nghĩa cơ hội? — đó là câu hỏi của *Cau-xky* ("*Neue Zeit*", ngày 28 tháng Năm 1915). Nếu *Cau-xky*, v. v., thì điều đó có liên quan gì với chủ nghĩa cơ hội? — đó là lời đáp lại của *Ác-xen-rôt* thay mặt cho bọn cơ hội chủ nghĩa trong khối đồng minh tay tư ("*Die Krise der Sozialdemokratie*"<sup>1)</sup>, Xuy-rích, 1915, tr.21). Tất cả những cái đó chỉ là một tấn hài kịch mà thôi. *Muốn giải thích sự khủng hoảng*

<sup>1)</sup> - "Cuộc khủng hoảng của phong trào dân chủ - xã hội".

*của toàn bộ phong trào thì phải phân tích, trước hết, ý nghĩa kinh tế của chính sách lúc đó, hai là, những tư tưởng dùng làm cơ sở của chính sách ấy, và ba là, sự liên hệ của chính sách đó với lịch sử các phái trong phong trào xã hội chủ nghĩa.*

Bản chất kinh tế của chủ trương bảo vệ tổ quốc trong cuộc chiến tranh 1914 - 1915 là gì? Giai cấp tư sản của *tất cả* các cường quốc lớn tiến hành chiến tranh là để phân chia và bóc lột thế giới, để áp bức các dân tộc. Trong những món lợi nhuận kèch sù do bọn tư sản kiếm được, có một vài mẩu nhỏ có thể rơi vào tay một thiểu số người: bọn công nhân quan liêu, công nhân quý tộc, và những người bạn đường tiểu tư sản. Nguồn gốc giai cấp của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và của chủ nghĩa cơ hội chỉ là một: đó là sự liên minh giữa một tầng lớp nhỏ bé gồm những công nhân được hưởng đặc quyền đặc lợi, với giai cấp tư sản dân tộc "nước mình", *chống lại* quần chúng giai cấp công nhân; là sự liên minh giữa bọn tôi tớ của giai cấp tư sản với giai cấp ấy, *chống lại* giai cấp bị giai cấp ấy bóc lột.

*Nội dung chính trị của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xã hội - sô-vanh chỉ là một:* hợp tác giai cấp, từ bỏ chuyên chính vô sản, từ bỏ những hành động cách mạng, thừa nhận vô điều kiện chế độ hợp pháp tư sản, thiếu tin tưởng vào giai cấp vô sản, tin tưởng vào giai cấp tư sản. *Chủ nghĩa xã hội - sô-vanh là sự kế tục trực tiếp và sự hoàn chỉnh chính sách công nhân của phái tự do Anh, là sự kế tục trực tiếp và sự hoàn chỉnh chủ nghĩa Min-lơ-răng và chủ nghĩa Béc-stanh.*

Cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng chủ yếu trong phong trào công nhân, tức là giữa chủ nghĩa xã hội cách mạng và chủ nghĩa xã hội cơ hội chủ nghĩa, diễn ra trong suốt cả thời kỳ từ năm 1889 đến năm 1914. Và ngày nay, trong tất cả các nước, cũng còn tồn tại hai trào lưu chính xung quanh vấn đề thái độ đối với chiến tranh. Ta hãy gác lại chưa nói đến cái cách mà giai cấp tư sản và bọn cơ hội chủ nghĩa

đã dùng là viện đến nhân vật cá biệt. Mà hãy nói đến những *xu hướng* trong nhiều nước đã. Ta hãy lấy mười nước châu Âu: Đức, Anh, Nga, Ý, Hà - lan, Thụy-điển, Bun-ga-ri, Thụy-sĩ, Bỉ, Pháp. Trong tám nước đầu, sự phân chia thành phái cơ hội chủ nghĩa và phái cách mạng phù hợp với sự phân chia thành phái xã hội - sô-vanh và phái quốc tế chủ nghĩa. Ở Đức, chỗ dựa của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh là nhóm "Sozialistische Monatshefte" và Lê-ghin cùng đồng bọn; ở Anh, là phái Pha-biêng và Công đảng (I.L.P luôn luôn liên minh với bọn trên, đã ủng hộ tờ báo của chúng và trong khối liên minh đó thì luôn luôn yếu hơn bọn xã hội - sô-vanh, trong lúc đó những người quốc tế chủ nghĩa lại chiếm ba phần bảy trong B.S.P.); ở Nga, đại biểu cho trào lưu ấy là tờ "Bình minh của chúng ta" (hiện nay là tờ "Sự nghiệp của chúng ta"), là Ban tổ chức, là đảng đoàn dưới sự lãnh đạo của Tso-khê-ít-dê trong Đu-ma; ở Ý là bọn cải lương chủ nghĩa đứng đầu là Bít-xô-la-ti; ở Hà-lan, là đảng của Tơ-run-xtơ-ra; ở Thụy-điển, là đa số của đảng do Bran-tinh lãnh đạo; ở Bun-ga-ri, là đảng những người phái "rộng"; ở Thụy-sĩ, là Grây-lích và đồng bọn. Chính trong hàng ngũ những người dân chủ - xã hội cách mạng ở *tất cả* các nước ấy, chúng ta đã thấy nổi lên những lời phản đối ít nhiều kịch liệt chống lại chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Chỉ trừ có hai nước: Pháp và Bỉ, ở đó tuy cũng có chủ nghĩa quốc tế, nhưng rất yếu.

Chủ nghĩa xã hội - sô-vanh là chủ nghĩa cơ hội hoàn bị. Nó đã già giặn, để đi tới liên minh công khai - thường là liên minh lộ liễu - với giai cấp tư sản và các bộ tổng tham mưu. Và chính sự liên minh ấy đem lại cho nó một lực lượng to lớn, và sự độc quyền báo chí hợp pháp và độc quyền lừa bịp quần chúng. *Đến bây giờ mà vẫn coi chủ nghĩa cơ hội là một hiện tượng nội bộ của Đảng thì thật vô lý.* Nghĩ tới việc cùng với bọn Đa-vít, Lê-ghin, Hen-đman, Plê-kha-nốp, Ve-bơ, áp dụng nghị quyết Ba-lơ, thì

thật vô lý. Thống nhất với bọn xã hội - số-vanh là thống nhất với giai cấp tư sản dân tộc "ở chính nước mình", giai cấp đang bóc lột các dân tộc khác; như thế là chia rẽ giai cấp vô sản quốc tế. Nói thế không có nghĩa là ở chỗ nào cũng đều có thể đoạn tuyệt ngay lập tức với bọn cơ hội chủ nghĩa được; nói thế chỉ có nghĩa rằng về mặt lịch sử, sự đoạn tuyệt đã chín muồi rồi, rằng đoạn tuyệt là tất yếu và không thể tránh được đối với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, rằng lịch sử đã chuẩn bị sự đoạn tuyệt ấy bằng bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản "hoà bình" đến chủ nghĩa tư bản đế quốc. *Volentem ducunt fata, nolentem trahunt*<sup>1)</sup>.

### III

Các đại biểu tinh khôn của giai cấp tư sản đã hoàn toàn hiểu rõ điều đó. Vì thế họ mới tán dương các đảng xã hội chủ nghĩa hiện tại đến như thế, các đảng xã hội chủ nghĩa mà đúng đầu là "bọn bảo vệ tổ quốc" tức là bọn bảo vệ chính sách cướp bóc của bọn đế quốc. Vì thế, chính phủ các nước mới trả công cho bọn thủ lĩnh xã hội - số-vanh hoặc bằng những chức vụ bộ trưởng (như ở Pháp và Anh), hoặc bằng sự độc quyền tồn tại hợp pháp mà không bị cản trở gì (như ở Đức và Nga). Vì thế nên ở Đức, nơi mà Đảng dân chủ - xã hội là đảng mạnh nhất và đã biến một cách rõ rệt nhất thành một đảng công nhân dân tộc - tự do chủ nghĩa *phản cách mạng*, thì tình hình đã đi đến mức là viện công tố coi cuộc đấu tranh giữa "thiếu số" và "đa số" là "một sự kích động hằn thù giai cấp"! Vì thế nên bọn cơ hội chủ nghĩa tinh khôn đều lo lắng trước hết đến việc bảo vệ sự "thống nhất" trước kia của các đảng cũ, những đảng đã có công lớn phục vụ giai cấp tư sản hồi 1914 - 1915. Tháng

<sup>1)</sup> - Ai tự nguyện thì số mệnh dẫn đi, ai không tự nguyện thì số mệnh cưỡng phải đi.

Tư 1915, một đảng viên của Đảng dân chủ - xã hội Đức, dưới bút danh "Mô-ni-to" đã đăng trên tạp chí phản động "*PreuBische Jahrbücher*" một bài báo trong đó hấn biểu hiện, một cách thành thật đáng khen, quan điểm của bọn cơ hội chủ nghĩa đó của tất cả các nước trên thế giới. Mô-ni-to cho rằng nếu Đảng dân chủ - xã hội còn ngả về phía hữu hơn nữa thì điều đó sẽ rất nguy hiểm cho giai cấp tư sản: "Nó phải giữ tính chất của một đảng công nhân có những lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì ngày nào mà nó không còn như thế nữa, thì một đảng mới sẽ xuất hiện, đảng này sẽ áp dụng trở lại cái cương lĩnh mà đảng cũ trước đây đã từ bỏ, và sẽ đem lại cho cương lĩnh ấy một cách diễn đạt còn cấp tiến hơn nữa" ("*PreuBische Jahrbücher*", 1915, No 4, tr. 50-51).

Mô-ni-to quả đã nói đúng. Đó cũng chính là điều mà phái tự do Anh và phái cấp tiến Pháp luôn luôn mong ước: những câu trống rỗng nghe có vẻ cách mạng để lừa bịp quần chúng, nhằm làm cho quần chúng tin tưởng vào bọn Lô-ít Gioóc-giơ, bọn Xam-ba, bọn Rơ-nô-đen, bọn Lê-ghin và bọn Cau-xky, vào những con người có khả năng cổ vũ "việc bảo vệ tổ quốc" trong một cuộc chiến tranh ăn cướp.

Nhưng Mô-ni-to chẳng qua chỉ đại biểu cho một thứ chủ nghĩa cơ hội, thứ chủ nghĩa cơ hội trắng trợn, thô lỗ, vô liêm sỉ mà thôi. Còn các loại khác thì hành động một cách giấu giếm, khôn khéo, "thành thực". Ăng-ghe-nê đã có lần nói: đối với giai cấp công nhân, bọn cơ hội chủ nghĩa "thành thực" là những kẻ nguy hiểm nhất...<sup>67</sup> Đây là một ví dụ:

Trên tờ "*Neue Zeit*" (ngày 26 tháng Mười một 1915) *Cau-xky* viết: "Sự phản đối phái đa số ngày càng tăng thêm; quần chúng có tâm trạng phản đối". "Sau chiến tranh (chỉ *sau* chiến tranh thôi ư? *N. L.*) các mâu thuẫn giai cấp sẽ trở nên vô cùng gay gắt khiến chủ nghĩa cấp tiến sẽ thắng thế trong quần chúng". "Sau chiến tranh (chỉ *sau* chiến tranh thôi ư? *N.L.*) không khéo chúng ta sẽ có nguy cơ là những

phần tử cấp tiến rời bỏ đảng và chạy theo những người tán thành các hoạt động có tính chất quần chúng chống quốc hội" (?? đáng lý phải nói: bên ngoài quốc hội). "Như thế đảng ta sẽ phân chia ra làm hai phe đối lập cực đoan, hoàn toàn không có chút gì giống nhau cả". Để cứu vãn sự thống nhất, Cau-xky cố sức thuyết phục đa số trong Quốc hội Đức cho phép thiếu số được đọc vài bài diễn văn cấp tiến ở quốc hội. Như vậy có nghĩa là Cau-xky muốn dùng một số bài diễn văn cấp tiến ở quốc hội để điều hoà quần chúng cách mạng với bọn cơ hội chủ nghĩa là những kẻ "không có chút gì giống" với cách mạng, là những kẻ, từ lâu, vốn lãnh đạo các công đoàn và ngày nay, nhờ dựa vào sự liên minh chặt chẽ với giai cấp tư sản và chính phủ, cũng đã chiếm lấy quyền lãnh đạo đảng. Kỳ thật thì điều đó có gì khác với "cương lĩnh" của Mô-ni-to chẳng? Chẳng có gì khác cả, ngoài những lời đường mật làm như nhước chủ nghĩa Mác.

Ngày 18 tháng Ba 1915, trong một phiên họp của đảng đoàn ở quốc hội, *Vuốc-mơ* một phần tử thuộc phái Cau-xky "cảnh cáo" đảng đoàn là "đừng có làm cho tình hình căng quá; trong quần chúng công nhân, sự phản đối phái đa số của đảng đoàn đang tăng lên; cho nên phải giữ lập trường của phái giữa mác-xít" (!? chắc là in nhầm chẳng; phải đọc là: "phái giữa Mô-ni-to") ("Klassenkampf gegen den Krieg! Material zum "Fall Liebkecht". Als Manuskript gedruckt <sup>1)</sup>. Tr. 67). Thế là chúng ta đã thấy là *ngay từ tháng Ba 1915*, người ta đã nhân danh *tất cả* phái Cau-xky (được gọi là "phái giữa") mà thừa nhận *cái sự thật là quần chúng* có tinh thần cách mạng!! Nhưng 8 1/2 tháng sau, Cau-xky lại đưa ra đề nghị "điều hoà" quần chúng - những người tỏ ý muốn đấu tranh, — với cái đảng cơ hội chủ nghĩa, phản

<sup>1)</sup> - "Cuộc đấu tranh giai cấp chống chiến tranh! Tài liệu về "Vụ Liép-néch". Bản thảo.

cách mạng, và hơn nữa "điều hoà" bằng vài câu văn hoa nghe có vẻ cách mạng!!

Chiến tranh thường cũng có cái lợi là nó làm lộ ra cái thói nát và trừ bỏ được những gì có tính chất tục lệ.

Chúng ta hãy so sánh phái Pha-biêng ở Anh với phái Cau-xky ở Đức. Ngày 18 tháng Giêng 1893 Phri-đrich Ăng-ghe-n, một nhà mác-xít *chân chính*, đã có nói về phái thứ nhất như sau: "... một bọn mưu cầu danh vọng, họ có đủ trí suy xét để hiểu được rằng cách mạng xã hội là điều không thể tránh được, nhưng bất luận như thế nào, họ cũng không muốn giao phó công việc vĩ đại này cho riêng một mình giai cấp vô sản, là giai cấp còn chưa trưởng thành hẳn... Nguyên tắc cơ bản của họ là sợ cách mạng..." (Tập thư từ trao đổi với Doóc-ghê, tr. 390) <sup>68</sup>.

Và ngày 11 tháng Mười một 1893, Ăng-ghe-n viết: "Những tên tư sản kiêu căng hợm hĩnh muốn rũ lòng nhân từ hạ cố đến giai cấp vô sản để giải phóng họ từ trên xuống miễn là giai cấp đó muốn hiểu được rằng cái đám quần chúng ngu muội, kém văn hoá như thế thì không thể nào tự giải phóng được, không thể nào làm nên trò trống gì cả, nếu không có cái hảo tâm của các vị trạng sư thông minh ấy, các tác gia ấy và các con mụ đa sầu đa cảm ấy..." (như trên, tr. 401) <sup>69</sup>.

Trên lý luận, thì Cau-xky nhìn phái Pha-biêng với một thái độ khinh bỉ cũng như một nhà giả danh quân tử nhìn đứa lý tài khôn kiếp vậy. Bởi vì hẳn động một chút là đưa "chủ nghĩa Mác" ra để mà thể thốt. Nhưng trên thực tiễn, thì bọn họ khác nhau như thế nào? Cả hai bọn cũng đều ký vào bản Tuyên ngôn Ba-lơ và cả hai cũng đã đối xử với bản tuyên ngôn đó như Vin-hem II đã đối xử với nền trung lập của nước Bỉ. Còn Mác thì suốt đời công kích những kẻ cố sức dập tắt tinh thần cách mạng của công nhân.

Cau-xky đã đem cái lý luận mới về "chủ nghĩa siêu đế quốc" ra đối lập với những người mác-xít cách mạng. Theo quan niệm của hắn, lý luận đó có nghĩa là "cuộc đấu tranh

giữa bọn tư bản tài chính dân tộc" đã bị át đi và đã được thay thế "bằng hiện tượng tư bản tài chính, - đã liên hiệp lại trên phạm vi quốc tế - cùng nhau bóc lột thế giới" ("N.Z.", ngày 30 tháng Tư 1915). Nhưng hẳn lại nói thêm rằng: "chúng ta vẫn chưa có đủ những tiền đề để quyết định xem giai đoạn mới này của chủ nghĩa tư bản liệu có thể thực hiện được không". Như vậy là chỉ dựa vào những giả định đơn thuần về một "giai đoạn mới", đồng thời không dám tuyên bố rõ ràng giai đoạn mới đó "có thể thực hiện được", mà nhà phát minh ra cái "giai đoạn mới" ấy, phủ nhận những lời tuyên bố cách mạng của chính mình, bỏ nhiệm vụ cách mạng và sách lược cách mạng của giai cấp vô sản *trong lúc này*, trong "giai đoạn" cuộc khủng hoảng *đã bắt đầu*, giai đoạn chiến tranh, giai đoạn các mâu thuẫn giai cấp đã trở nên gay gắt chưa từng thấy! Đó chẳng phải là chủ nghĩa Pha-biêng bỉ ổi nhất hay sao?

Ác-xen-rốt, lãnh tụ của phái Cau-xky ở Nga, coi "trọng tâm của vấn đề quốc tế hoá phong trào giải phóng của giai cấp vô sản là việc quốc tế hoá công tác thực tế hàng ngày": chẳng hạn như "luật bảo hộ lao động và luật bảo hiểm phải trở thành đối tượng của những hoạt động quốc tế, và tổ chức quốc tế của công nhân" (Ác-xen-rốt. "Cuộc khủng hoảng của phong trào dân chủ - xã hội", Xuy-rích, 1915, tr. 39-40). Hoàn toàn rõ ràng là chẳng những Lê-ghin, Đa-vít, bọn Ve-bơ, mà chính cả Lô-ít Gioóc-giơ, Nau-man, Bri-ăng và Mi-li-u-cốp, tất cả đều hoàn toàn tán thành "chủ nghĩa quốc tế" đó. Cũng như năm 1912, vì một tương lai xa lắc xa lơ, Ác-xen-rốt sẵn sàng thốt ra những lời cách mạng nhất, nếu cái Quốc tế tương lai đó "hành động (chống lại các chính phủ trong trường hợp nổ ra chiến tranh) và gây nên một cơn bão táp cách mạng". Các bạn hãy xem xem, chúng tôi là những người dửng cảm biết mấy! Nhưng khi vấn đề đặt ra là *hiện nay* phải giúp đỡ và phát triển tinh thần sôi sục cách mạng đang bắt đầu biểu hiện trong quần chúng,

thì Ác-xen-rốt đáp lại rằng sách lược hành động cách mạng quần chúng đó "có thể có chút ít căn cứ nếu chúng ta đã ở ngay vào đêm trước của cuộc cách mạng xã hội, như trong trường hợp ở nước Nga chẳng hạn, nơi mà những cuộc biểu tình của sinh viên năm 1901 đã báo trước là những trận chiến đấu quyết định chống chế độ chuyên chế sắp nổ ra". Nhưng hiện giờ, thì tất cả điều đó chỉ là "không tưởng", chỉ là "chủ nghĩa Ba-cu-nin", v.v. , hoàn toàn theo tinh thần Côn-bơ, Đa-vít, Duy-đơ-cum và Lê-ghin mà thôi.

Ác-xen-rốt, con người đáng yêu ấy chỉ quên một điểm rằng năm 1901, ở nước Nga, không có ai biết và cũng không thể biết được là "trận chiến đấu quyết định" đầu tiên sẽ nổ ra vào bốn năm sau, - xin chớ quên: *bốn* năm sau - và sẽ còn "chưa" được giải quyết xong xuôi". Tuy nhiên hồi đó, chỉ có những người mác-xít cách mạng chúng ta là đúng mà thôi: chúng ta đã chế nhạo bọn Cri-tsep-xki và bọn Mác-tư-nốp là những người đã kêu gọi phải xung phong ngay lập tức. Chúng ta chỉ khuyên công nhân là ở nơi nào cũng đều nên đuổi cổ bọn cơ hội chủ nghĩa ra và hết sức ủng hộ, tăng cường và mở rộng các cuộc biểu tình và những hoạt động cách mạng quần chúng khác. Tình hình hiện nay ở châu Âu cũng hoàn toàn giống như thế: kêu gọi xung phong ngay "lập tức" là vô nghĩa lý. Nhưng đối với những ai tự xưng là người dân chủ - xã hội mà lại không khuyên công nhân cắt đứt với bọn cơ hội chủ nghĩa và đem hết sức lực làm cho phong trào và những cuộc biểu tình cách mạng vừa chớm nổ được củng cố, ăn sâu, lan rộng và mạnh lên, thì thật là nhục nhã. Cách mạng chẳng bao giờ lại hoàn toàn có sẵn từ trên trời rơi xuống được, và trong thời kỳ đầu cách mạng mới sôi sục thì chẳng bao giờ có ai biết rằng liệu sự sôi sục đó có thể sẽ dẫn tới và lúc nào nó sẽ dẫn tới một cuộc cách mạng "thật sự", một cuộc cách mạng "chính cống" được. Cau-xky và Ác-xen-rốt đã đưa ra cho công nhân những lời khuyên cũ rích, đã quá nhàm

tai, phản cách mạng. Sở dĩ Cau-xky và Ác-xen-rốt nuôi cho quần chúng có hy vọng rằng Quốc tế *tương lai* chắc chắn sẽ là Quốc tế cách mạng, chính là nhằm mục đích duy nhất là *hiện nay* phải bảo hộ, che chở và tô điểm cho sự thống trị của những phần tử phản cách mạng: bọn Lê-ghin, bọn Đa-vít, bọn Van-đéc-ven-đơ, bọn Hen-đman. Việc "thống nhất" với Lê-ghin và đồng bọn là biện pháp tốt nhất để chuẩn bị Quốc tế cách mạng "tương lai", điều đó há chẳng rõ ràng ư?

"Tìm cách biến chiến tranh thế giới thành nội chiến là một sự điên rồ", đó là lời tuyên bố của Đa-vít, thủ lĩnh của bọn cơ hội chủ nghĩa Đức ("Die Sozialdemokratie und der Weltkrieg" - "Đảng dân chủ - xã hội và cuộc chiến tranh thế giới", 1915, tr. 172), để đáp lại tuyên ngôn ngày 1 tháng Mười một 1914 của Ban chấp hành trung ương đảng ta. Trong bản tuyên ngôn đó có đoạn nói:

"Trong một lúc nào đó, dù việc đó có gặp khó khăn lớn đến đâu chăng nữa, nhưng khi chiến tranh đã thực sự xảy ra rồi, thì không bao giờ những người xã hội chủ nghĩa lại từ chối không chuẩn bị một cách có phương pháp, kiên trì và liên tục để làm việc đó"<sup>1)</sup>.

(Đa-vít cũng dẫn câu đó, tr. 171). Một tháng trước khi cuốn sách của Đa-vít được phát hành, đảng ta đã công bố những nghị quyết trong đó giải thích "công tác chuẩn bị có hệ thống" như sau: 1. Không biểu quyết ngân sách. 2. Đả phá hoà bình trong nước. 3. Lập các tổ chức bí mật. 4. Ủng hộ các biểu hiện tỏ tình thân thiện trong các chiến hào. 5. Ủng hộ mọi hành động cách mạng có tính chất quần chúng<sup>2)</sup>.

<sup>1)</sup> Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.26, tr. 26.

<sup>2)</sup> Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.26, tr. 200-201.

Đa-vít cũng dửng dưng cảm gần được như Ác-xen-rốt: năm 1912, hẳn không coi việc viện dẫn đến Công xã Pa-ri, trong trường hợp nổ ra chiến tranh, là "một sự điên rồ".

Plê-kha-nốp, đại biểu điển hình của bọn xã hội - sô-vanh trong các nước khối Đồng minh, cũng lập luận về sách lược cách mạng giống hệt như Đa-vít vậy. Ông ta gọi sách lược đó là một "mộng tưởng ngu xuẩn". Nhưng chúng ta hãy nghe *Côn-bơ*, một người cơ hội chủ nghĩa lộ liễu, y viết: "Sách lược của những người xung quanh Liép-nếch sẽ đi đến kết quả là đưa cuộc đấu tranh trong nội bộ dân tộc Đức lên đến mức sôi sục" (Die Sozialdemokratie am Scheide-wege" - "Đảng dân chủ - xã hội ở ngã ba đường", tr. 50).

Nhưng cái cuộc đấu tranh đã được đưa lên đến mức sôi sục là cái gì, nếu không phải là nội chiến?

Nếu sách lược của Ban chấp hành trung ương của chúng ta, sách lược có những nét căn bản giống với sách lược của phái tả Xim-méc-van, là một "sự điên rồ", một "mộng tưởng", một "sự mạo hiểm", là "chủ nghĩa Ba-cu-nin", như Đa-vít, Plê-kha-nốp, Ác-xen-rốt, Cau-xky, và những người khác đã khẳng định — thì nó sẽ không bao giờ có thể dẫn tới "sự đấu tranh trong nội bộ dân tộc", chứ đừng nói là một cuộc đấu tranh đã lên đến mức sôi sục nữa. Không hề có nơi nào trên thế giới mà những lời nói suông vô chính phủ chủ nghĩa lại dẫn tới cuộc đấu tranh trong nội bộ dân tộc cả. Trái lại, sự thật nói lên rằng, chính vào năm 1915, vì cuộc khủng hoảng do chiến tranh gây ra, mà tinh thần sôi sục cách mạng trong quần chúng tăng lên, các cuộc bãi công và các cuộc biểu tình chính trị ở Nga đều tăng thêm, các cuộc bãi công ở Ý và ở Anh, những cuộc tuần hành của những người tưng đỏi và những cuộc biểu tình chính trị ở Đức đều tăng lên. Chẳng lẽ đó không phải là bước đầu của những hoạt động cách mạng có tính chất quần chúng hay sao?

*Ủng hộ, phát triển, mở rộng, tăng cường các hoạt động cách mạng có tính chất quần chúng, thành lập những tổ*

*chức bí mật*, không có những tổ chức bí mật đó, thì ngay cả ở những nước "tự do", cũng không thể nói cho quần chúng nhân dân biết được sự thật: *đó là toàn bộ cương lĩnh thực tế của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc chiến tranh này*. Ngoài ra, đều là dối trá hoặc nói suông mà thôi, dù cho có tô điểm bằng những lý luận cơ hội chủ nghĩa hay hoà bình chủ nghĩa nào đi nữa\*.

Khi người ta nói với chúng ta rằng "sách lược Nga" đó (cách nói của Đa-vít) không thích hợp với châu Âu, thì chúng ta thường đưa những sự thực ra để đáp lại. Ngày 30 tháng Mười, một đoàn đại biểu những đồng chí phụ nữ Béc-ling đã đến Đoàn chủ tịch đảng ở Béc-ling và đã tuyên bố rằng "giờ đây, chúng ta đã có một bộ máy tổ chức rộng lớn, nên việc truyền bá sách và truyền đơn bí mật và việc tiến hành những "cuộc họp hành không phải xin phép" so với thời kỳ có đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa, được dễ dàng hơn nhiều lắm". "Biện pháp và đường lối thì không thiếu, nhưng rõ ràng là thiếu nhiệt tâm". ("Ber-ner Tagwacht", 1915, Ng 271).

Phải chăng những đồng chí không tốt đó bị những "phần tử biệt phái" Nga, v.v., làm cho đi chệch con đường đúng? Chẳng lẽ đại biểu cho *quần chúng* chân chính không phải là các đồng chí đó, mà lại là Lê-ghin và Cau-xky ư? Là tên Lê-ghin kia, mà trong báo cáo ngày 27 tháng Giêng 1915,

---

\* Trong Đại hội phụ nữ quốc tế, họp ở Béc-ling tháng Ba 1915, nữ đại biểu của Ban chấp hành trung ương đảng ta đã nêu rõ rằng lập ra các tổ chức bí mật là một việc tuyệt đối cần thiết. Đề nghị đó bị bác bỏ. Các nữ đại biểu Anh đã chế giễu đề nghị đó và họ đã ca tụng những thứ "tự do" của Anh. Nhưng vài tháng sau, chúng tôi nhận được những tờ báo Anh như tờ "Labour Leader" 70 chẵn hạn, trong đó thấy có những chỗ để trống; rồi sau đó là tin tức về những vụ lục soát của cảnh sát, về việc sách bị tịch thu, những vụ bắt bớ, xử án hà khắc đối với những đồng chí ở Anh, vì đã nói đến hoà bình và chỉ vì nói đến hoà bình thôi!

đã lớn tiếng phản đối chủ trương "vô chính phủ" muốn lập ra những tổ chức bí mật; là Cau-xky kia, con người đã trở thành một phần tử phản cách mạng đến mức là ngày 26 tháng Mười một, tức là bốn ngày trước khi xảy ra cuộc biểu tình đông tới một vạn người ở Béc-ling, đã gọi các cuộc biểu tình trên đường phố là "mạo hiểm"!!

Những lời nói suông, cái thứ "chủ nghĩa mác-xít" bị biến chất à la Cau-xky, nghe chán tai lắm rồi! Sau 25 năm tồn tại của Quốc tế II, sau bản Tuyên ngôn Ba-ling, công nhân không còn tin vào những lời nói suông nữa. Chủ nghĩa cơ hội đã chín rữa rồi, nó đã chạy hẳn sang phe giai cấp tư sản, sau khi nó đã biến thành chủ nghĩa xã hội - xô-vanh: về tinh thần và về chính trị, nó đã đoạn tuyệt với Đảng dân chủ - xã hội rồi. Nó cũng sẽ đoạn tuyệt với đảng về mặt tổ chức. Bây giờ công nhân đòi hỏi một báo chí "không phải kiểm duyệt", những cuộc họp hành "không phải xin phép", nghĩa là đòi hỏi những tổ chức bí mật, nhằm giúp đỡ phong trào cách mạng của quần chúng. Chỉ có "lấy chiến tranh chống chiến tranh" như thế mới là công việc của Đảng dân chủ - xã hội, chứ không phải là ngòi nói suông. Và bất chấp mọi khó khăn, thất bại tạm thời, sai lầm, lệch lạc, gián đoạn, sự nghiệp đó vẫn sẽ đưa loài người đi đến cách mạng vô sản thắng lợi.

*Đảng tháng Giêng 1916,  
trên tạp chí "Vorbote", số I*

*Ký tên: N. Lenin*

*In lần đầu bằng tiếng Nga vào  
năm 1920, trong V. I. Lê-nin  
Toàn tập, xuất bản lần thứ 2  
và thứ 3, t. XIX.*

*Theo đúng bản in trên  
tạp chí  
Dịch từ tiếng Đức*

---

---

NHỮNG TÀI LIỆU MỚI  
VỀ NHỮNG QUY LUẬT PHÁT TRIỂN  
CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN  
TRONG NÔNG NGHIỆP

TẬP I

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN VÀ NÔNG NGHIỆP Ở HỢP CHỨNG  
QUỐC MỸ<sup>71</sup>

*Viết năm 1915*

*Nhà xuất bản "Đời sống và tri thức"  
in lần đầu thành sách  
riêng năm 1917 ở Pê-tơ-rô-grát*

*Theo đúng bản thảo*



Книгоиздательство „ЖИЗНЬ и ЗНАНИЕ“.  
Петроградъ, Поварской пер., д. 2, кв. 9 и 10. Телефонъ 227-42.

Библиотека Обществольднія. Кн. 42-ая.

В. ИЛЬИНЪ (Н. Ленинъ).

**НОВЫЯ ДАННЫЯ**  
**О ЗАКОНАХЪ РАЗВИТІЯ КАПИТАЛИЗМА**  
**ВЪ ЗЕМЛЕДѢЛІИ.**

—  
ВЫПУСКЪ I.

Капитализмъ и земледѣліе въ Соед. Штатахъ Америки.



ПЕТРОГРАДЪ.  
1917.

Bìa ngoài cuốn sách của V. I. Lê-nin "Những tài liệu mới về những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tập I. Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp ở Hợp chúng quốc Mỹ". - 1917

*Ảnh thu nhỏ*

Đối với việc nghiên cứu chế độ kinh tế - xã hội của nền nông nghiệp ngày nay và sự phát triển của chế độ kinh tế - xã hội đó thì nước tiên tiến của chủ nghĩa tư bản hiện đại có một tầm quan trọng đặc biệt. Hợp chủng quốc Mỹ là một nước mà không có nước nào sánh kịp được cả về tốc độ phát triển của chủ nghĩa tư bản vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, cả về mức độ phát triển hết sức cao mà nước đó đã đạt được, cả về mặt diện tích rộng lớn của đất đai trên đó người ta đã áp dụng một kỹ thuật được trang bị theo những thành tựu mới nhất của khoa học và có tính đến sự đa dạng hiếm có của những điều kiện tự nhiên - lịch sử, cả về mặt quyền tự do chính trị và trình độ văn hoá của quần chúng nhân dân. Về nhiều mặt, nước Mỹ là mẫu mực và là lý tưởng của nền văn minh tư sản của chúng ta.

Việc nghiên cứu những hình thái phát triển và những quy luật phát triển của nền nông nghiệp ở Hợp chủng quốc Mỹ lại càng thuận lợi, vì trong nước đó, cứ mười năm, người ta lại điều tra dân số một lần ("điều tra tình hình trong nước"), có kết hợp với việc kê khai hết sức tỉ mỉ tất cả những doanh nghiệp công nghiệp và nông nghiệp. Do đó, người ta có được một tài liệu chính xác và phong phú chưa từng thấy trong bất cứ một nước nào khác trên

thế giới và tài liệu đó cho phép chúng ta kiểm tra lại tất cả một loạt những lời khẳng định thường lưu hành, những lời khẳng định mà phần lớn được người ta nêu ra một cách cầu thả về mặt lý luận, được nhắc đi nhắc lại một cách không có phê phán và thường là gieo rắc những quan điểm và thiên kiến tư sản.

Trong tạp chí "Lời giáo huấn"<sup>72</sup>, số ra tháng Sáu 1913, ông Ghim-me đã dẫn một vài tài liệu của cuộc điều tra gần đây nhất, cuộc điều tra lần thứ mười ba, tiến hành vào năm 1910, và ông đã căn cứ vào những tài liệu đó để lập lại một lần nữa điều khẳng định lưu hành hết sức rộng và có tính chất tư sản sâu sắc, cả về mặt cơ sở lý luận lẫn về mặt ý nghĩa chính trị, điều khẳng định đó là: "ở Hợp chủng quốc Mỹ, đại đa số các ấp trại đều là những doanh nghiệp dựa trên lao động bản thân", "trong những vùng phát triển hơn, thì chủ nghĩa tư bản nông nghiệp đang tan rã"; trong "tuyệt đại đa số các địa phương trong nước" "nền tiểu nông dựa trên lao động bản thân đang mở rộng phạm vi thống trị của nó"; chính "trong những vùng có nền văn hoá lâu đời hơn và có nền kinh tế phát triển cao hơn" "thì nông nghiệp tư bản chủ nghĩa lại đang tan rã, sản xuất đang trở thành manh mún và phân tán"; "không có một vùng nào mà quá trình khẩn thực không còn diễn ra nữa, còn nền nông nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa lại không đang tan rã và không bị nền nông nghiệp dựa trên lao động bản thân lấn át" v. v., v. v..

Tất cả những lời khẳng định đó đều cực kỳ sai lầm. Những lời khẳng định đó hoàn toàn trái với sự thật. Những lời khẳng định đó hoàn toàn chỉ là chế diễu sự thật mà thôi. Và ta lại càng phải giải thích kỹ lưỡng tính chất sai lầm của những lời khẳng định đó, vì ông Ghim-me không phải là một người ngẫu nhiên nào đó, không phải là tác giả ngẫu nhiên của một bài báo được ngẫu nhiên đăng trên một tạp chí nào đó, mà là một trong những nhà kinh tế học nổi

tiếng nhất, đại diện cho phái *tư sản* dân chủ nhất, tả nhất trong nền tư tưởng xã hội ở Nga và ở châu Âu. Chính vì thế mà những quan điểm của ông Ghim-me có khả năng lan ra đặc biệt rộng và có một ảnh hưởng đặc biệt lớn, và trên thực tế đã lan ra và có ảnh hưởng một phần trong những tầng lớp nhân dân không phải vô sản. Vì đó không phải là những quan điểm cá nhân của ông, những sai lầm cá nhân của ông, mà đó là sự biểu hiện — có một sắc thái rất là dân chủ và được hết sức tô điểm bằng những lời lẽ có vẻ như xã hội chủ nghĩa — của những quan điểm *chung* của giai cấp tư sản, những quan điểm mà trong hoàn cảnh xã hội tư bản chủ nghĩa, thì dễ được cả những giáo sư thủ cựu chỉ biết đi theo những con đường đã vạch sẵn, lẫn những người tiểu nông giác ngộ hơn hàng triệu người tiểu nông khác một chút, tán thành hơn cả.

Cái lý luận cho rằng nông nghiệp trong xã hội tư bản chủ nghĩa không phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, lý luận mà ông Ghim-me bảo vệ, thực ra là lý luận của tuyệt đại đa số những giáo sư tư sản, những người dân chủ tư sản và những kẻ cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân toàn thế giới, tức là của cũng cái bọn người dân chủ tư sản nói trên thuộc loại tối tân. Nói rằng lý luận đó là một ảo tưởng, một giấc mơ, là sự tự lừa dối mình của toàn bộ cái xã hội tư sản, thì cũng không phải là quá đáng. Khi dành phần trình bày tiếp theo đây để bác bỏ lý luận đó, tôi sẽ cố gắng miêu tả tình hình của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp Mỹ nói chung, vì một trong những sai lầm chủ yếu của những nhà kinh tế học tư sản là tách rời những sự thật và những số liệu lớn nhỏ ra khỏi sự liên hệ chung giữ những quan hệ chính trị - kinh tế. Tất cả những tài liệu, tôi đều lấy trong những tập thống kê chính thức của Hợp chúng quốc Bắc Mỹ, trước hết là lấy ở những tập số *năm* của cuộc điều tra lần thứ 12 vào năm 1900 và của cuộc điều tra lần thứ 13

vào năm 1910\*, rồi lấy trong Tập thống kê (Statistical Abstract of the United States) năm 1911. Do đã nêu những nguồn tài liệu đó ra rồi, nên đối với từng số liệu riêng biệt, tôi sẽ không ghi là lấy ở biểu số mấy và thuộc trang nào: ghi như vậy, chỉ tỏ làm cho đọc giả mệt mỏi và sẽ làm cho bài viết của tôi thêm dài dòng vô ích, vì ai quan tâm đến vấn đề này cũng sẽ có thể tìm thấy một cách dễ dàng những số liệu tương ứng căn cứ vào mục lục những tài liệu đã nói trên đây.

### I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA BA MIỀN CHỦ YẾU. MIỀN TÂY ĐANG ĐƯỢC KHẨN THỰC VÀ NHỮNG HÒM-XTÉT

Do Hợp chúng quốc Mỹ có một diện tích rất rộng lớn, xấp xỉ bằng diện tích toàn châu Âu, và do những điều kiện kinh tế khác nhau rất nhiều trong các khu vực khác nhau ở trong nước, nên tuyệt đối cần thiết phải nghiên cứu riêng từng miền chủ yếu một, những miền này khác nhau nhiều về mặt tình hình kinh tế. Năm 1900, những nhà thống kê ở Mỹ chia nước Mỹ thành năm khu, năm 1910, lại chia thành chín khu:; 1) Khu An-gli-a mới, tức là sáu bang ở Đông - Bắc, trên bờ biển Đại-tây-dương (Me-nơ, Niu Ham-sia, Véc-mông, Ma-xa-su-xét, Rốt Ai-len và Cô-néc-ti-cốt). 2) Khu Trung Đại-tây-dương (Niu-oóc, Niu - Giéc-xi và

\*Census Reports. Twelfth Census 1900. Vol. Agriculture. Wash., 1902. - Thirteenth Census of the United States, taken in the year 1910. Vol. V. Agriculture. Wash., 1913<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Báo cáo về các cuộc điều tra. Cuộc điều tra lần thứ mười hai năm 1900. T. V. Nông nghiệp. Oa-sinh-ton. 1902. — Cuộc điều tra lần thứ mười ba ở nước Hợp chúng quốc Mỹ, tiến hành năm 1910. T. V. Nông nghiệp, Oa-sinh-ton, 1913.

Pen-xin-va-ni-a) năm 1900 thì hai khu này gộp chung lại thành vùng "Bắc Đại-tây-dương". 3) Khu Trung Đông-Bắc (Ô-hai-ô, In-đi-a-na, I-li-noa, Mi-si-gân và Uy-xcôn-xin). 4) Khu Trung Tây - Bắc (Min-nê-xô-ta, Ai-ô-va, Mít-xu-ri, Bắc Đa-cô-ta và Nam Đa-cô-ta, Nê-bra-xca và Can-da-xơ); năm 1900, hai khu này hợp thành vùng "Trung - Bắc". 5) Khu Nam Đại-tây-dương (Đơ-la-va-rơ, Me-ri-lên, quận Cô-lum-bi-a, Viéc-gi-ni-a và Tây Viéc-ni-gi-a. Bắc Ca-rô-lin và Nam Ca-lô-lin, Gioóc-gi-a và Phlô-ri-đa); năm 1900, cũng vẫn được coi là một khu. 6) Khu Trung đông - Nam (Ken-túc-ki, Tê-nét-xi, A-la-ba-ma và Mít-xi-xi-pi). 7) Khu Trung Tây - Nam (Ác-can-xát, Ô-cla-hô-ma, Lu-i-di-a-na và Téch-dát); năm 1900, hai khu này gộp chung lại thành khu "Trung - Nam". 8) Khu sơn cước (Môn-ta-na, Ai-đa-hô, Vai-ô-minh, Cô-lô-ra-đô, Niu - Mê-hi-cô, Ai-ri-do-na, U-tát và Nê-va-đa) và 9) Khu Thái-bình-dương (Oa-sinh-ton, Ô-rê-gôn và Ca-li-phoóc-ni-a); năm 1900, hai khu này gộp chung lại thành khu "Tây".

Sự phân chia quá ư phức tạp đó đã thúc đẩy các nhà thống kê Mỹ, năm 1910, dồn các khu ấy lại thành ba miền lớn: miền Bắc (1 - 4), miền Nam (5 - 7) và miền Tây (8 - 9). Sau đây, chúng ta sẽ thấy rằng cách phân chia thành ba miền chủ yếu như thế là cách phân chia thực sự quan trọng nhất và cực kỳ cần thiết, tuy rằng trong vấn đề phân chia này cũng như trong mọi vấn đề, dĩ nhiên là vẫn có những hình thức quá độ, vì thế trên một số vấn đề cơ bản, chúng ta sẽ cần phải xét riêng khu An-gli-a mới và khu Trung Đại-tây-dương.

Để xác định được cái khác nhau căn bản nhất trong những sự khác nhau giữa ba miền chủ yếu, chúng ta có thể gọi ba miền đó là: miền Bắc *công nghiệp*, miền Nam *trước kia là của chủ nô* và miền Tây *đang được khẩn thực*.

Dưới đây là những số liệu về diện tích, tỷ lệ phần trăm ruộng đất đã trồng trọt và dân số:

Các miền	Toàn bộ diện tích tính theo triệu a-cơ-rơ	Trong đó, ruộng đất đã trồng trọt: %	Dân số (1910), triệu người
Bắc .....	588	49%	56
Nam.....	562	27%	29
Tây.....	753	5%	7
Toàn bộ Hợp chúng quốc Mỹ 1 903		25%	92

Diện tích miền Bắc và miền Nam thì xấp xỉ bằng nhau; còn miền Tây thì rộng gần gấp rưỡi từng miền kia. Nhưng dân số miền Bắc thì lại đông gấp 8 lần dân số miền Tây. Miền Tây, thì có thể nói là hầu như không có người ở. Dân cư miền này đã tăng lên với một tốc độ nhanh như thế nào, ta hãy xem tình hình sau đây thì rõ: trong 10 năm, từ năm 1900 đến năm 1910, dân số miền Bắc đã tăng 18%, dân số miền Nam tăng 20%, còn dân số miền Tây thì tăng 67%! Ở miền Bắc, số lượng ấp trại hầu như không tăng thêm bao nhiêu: năm 1900 có 2 874 000 ấp trại và năm 1910 có 2 891 000 cái (+0,6%); ở miền Nam, số ấp trại tăng 18%, từ 2 triệu 60 vạn cái tăng lên thành 3 triệu 10 vạn; ở miền Tây, số ấp trại tăng 54%, nghĩa là tăng quá gấp rưỡi, từ 243 nghìn tăng lên thành 373 nghìn.

Muốn biết hình thức chiếm hữu ruộng đất ở miền Tây ra sao, thì xem những số liệu về những *hôm-xtét* — tức là những phần đất, phần nhiều mỗi cơ ngơi rộng 160 a-cơ-rơ, tức là chừng 65 đê-xi-a-ti-na, được chính phủ cấp không lấy tiền, hay chỉ phải trả trên danh nghĩa. Trong 10 năm, từ 1901 đến 1910. Ở miền Bắc, diện tích những hôm-xtét được kinh doanh đã là 55 triệu 30 vạn a-cơ-rơ (trong số này, chỉ tính riêng một khu Trung Tây - Bắc thôi cũng đã chiếm 54 triệu 30 vạn a-cơ-rơ, tức là trên 98%); ở miền Nam, diện tích các hôm-xtét đó là 20 triệu a-cơ-rơ (trong số đó, riêng khu Trung Tây - Nam đã chiếm 17 triệu 30 vạn a-cơ-rơ), và ở miền Tây, diện tích các hôm-xtét đó là

55 triệu 30 vạn a-cơ-rơ, tính chung cả hai khu của miền Tây. Như thế có nghĩa là miền Tây hoàn toàn là một miền hòm-xtét, tức là một miền trong đó người ta phân phối không lấy tiền những đất đai chưa có chủ; tình trạng đó gần giống như quyền sử dụng ruộng đất chiếm được tại những vùng biên khu xa xôi của nước Nga, chỉ có điều là quyền đó không phải do một nhà nước phong kiến quy định mà là được quy định một cách dân chủ (suýt nữa thì tôi nói: theo kiểu dân tuý chủ nghĩa; nước cộng hoà Mỹ đã đem thực hành, theo kiểu tư bản chủ nghĩa, cái tư tưởng "dân tuý chủ nghĩa" là phân phối những đất chưa có chủ cho những ai muốn được chia). Còn ở miền Bắc và miền Nam, thì mỗi miền đó *chỉ có độc một* khu hòm-xtét thôi, khu này tựa như một hình thức quá độ giữa miền Tây không có dân cư với miền Bắc và miền Nam có dân cư. Nhân tiện xin nói rằng chỉ ở hai khu thuộc miền Bắc, là trong mười năm vừa qua người ta hoàn toàn không cấp một hòm-xtét nào cả, đó là: khu An-gli-a mới và khu Trung Đại-tây-dương. Sau này, chúng ta sẽ nói đến hai khu đó, hai khu có nhiều công nghiệp nhất, ở đó quá trình khẩn thực đã hoàn toàn không còn diễn ra nữa.

Những số liệu mà chúng tôi đã dẫn ra về những hòm-xtét đã có chủ, là những số liệu căn cứ vào số đơn lần đầu tiên xin đất, chứ không phải vào số những phần đất đã có chủ hẳn hoi rồi; chúng tôi không có số liệu về những phần đất này tính theo từng miền một. Tuy nhiên nếu về mặt giá trị tuyệt đối, dù những số liệu mà chúng tôi dẫn ra là những số liệu đã bị khuếch đại lên, thì những số liệu đó, vô luận thế nào, cũng vẫn phản ánh đúng tỷ lệ so sánh giữa các miền với nhau. Ở miền Bắc, năm 1910, diện tích các ấp trại là 414 triệu a-cơ-rơ, thành thử những hòm-xtét cấp phát trong mười năm vừa qua chiếm vào khoảng  $\frac{1}{8}$  ở miền Nam thì vào khoảng  $\frac{1}{17}$  (20 so với 354), ở miền Tây là *một nửa* (55 so với 111) ! Rõ ràng là nhập cục những tài liệu

về những vùng mà ở đó thực tế hầu như không có chế độ tư hữu ruộng đất, và về những vùng mà ở đó toàn bộ ruộng đất đều có chủ cả rồi, thì như thế chỉ là chế giễu những phương pháp nghiên cứu khoa học thôi.

Nước Mỹ đã chứng thực một cách đặc biệt rõ ràng cái chân lý mà Mác đã nhấn mạnh trong bộ "Tư bản", quyển III tức là: chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp không phụ thuộc vào *hình thức* chiếm hữu ruộng đất hay sử dụng ruộng đất. Khi chủ nghĩa tư bản ra đời thì chế độ chiếm hữu ruộng đất thời trung cổ và gia trưởng đã mang những hình thức rất khác nhau: chế độ chiếm hữu phong kiến, "chế độ đất chia cho nông dân" (tức là đất của nông dân phụ thuộc), chế độ chiếm hữu thị tộc, chế độ chiếm hữu công xã, chế độ chiếm hữu nhà nước, v. v.. Tất cả các hình thức chiếm hữu ruộng đất đó đều phải chịu cái ách của tư bản, nhưng chịu dưới một hình thức khác nhau và theo những cách thức khác nhau<sup>73</sup>. Thống kê nông nghiệp, nếu được tiến hành một cách có suy tính kỹ và hợp lý, thì phải thay đổi phương pháp nghiên cứu, phương pháp phân loại, v.v., cho phù hợp với những *hình thức* xâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào nông nghiệp, chẳng hạn như phải xếp những hòm-xtét ra thành một loại riêng và phải theo dõi vận mệnh kinh tế của những hòm-xtét đó. Khốn nỗi, tính thủ cựu, việc lặp đi lặp lại một cách phi lý, rập khuôn những phương pháp đơn điệu lại rất thịnh hành trong công tác thống kê.

Ta có thể thấy rõ nông nghiệp ở miền Tây quảng canh đến mức nào so với các miền khác qua những số liệu về số tiền chi để mua phân hoá học. Năm 1909, cứ mỗi một a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt, thì ở miền Bắc, số chi đó là 13 xu (0,13 đô-la); ở miền Nam, là 50 xu và ở miền Tây chỉ có 6 xu thôi. Sở dĩ ở miền Nam, chi phí cao, chính là vì ở đó, việc trồng bông cần nhiều phân và việc trồng loại cây này chiếm vị trí nổi bật nhất ở miền Nam: ở đó,

bông và thuốc lá chiếm 46,8% tổng giá trị toàn bộ các nông sản; ngũ cốc chỉ chiếm có 29,3% thôi; cỏ khô và cỏ tươi cho gia súc chiếm 5,1%. Trái lại, ở miền Bắc thì ngũ cốc đứng hàng đầu: 62,6%, rồi mới đến cỏ khô và cỏ tươi cho gia súc: 18,8%, trong đó phần lớn là cỏ trồng. Ở miền Tây, ngũ cốc chiếm 33,1% giá trị toàn bộ các nông sản; cỏ khô và cỏ tươi: 31,7%, trong đó cỏ trồng nhường vị trí số một cho cỏ mọc tự nhiên. Trái cây chiếm 15,5% giá trị, đó là một ngành đặc biệt trong nông nghiệp có tính chất thương nghiệp, ngành này đang phát triển nhanh ở ven Thái-bình-dương.

## 2. MIỀN BẮC CÔNG NGHIỆP

Ở miền Bắc, năm 1910, tỷ lệ dân số thành thị lên đến 58,6%, so với ở miền Nam là 22,5% và miền Tây là 48,8%. Vai trò của công nghiệp thể hiện rõ qua những con số sau đây:

Giá trị các sản phẩm (tỷ đô-la)

	của nông nghiệp	của chăn nuôi	tổng cộng	của công nghiệp sau khi đã trừ đi giá trị nguyên liệu	Số lượng công nhân công nghiệp (triệu người)
Miền Bắc.....	3,1	2,1	5,2	6,9	5,2
Miền Nam.....	1,9	0,7	2,6	1,1	1,1
Miền Tây.....	0,5	0,3	0,8	0,5	0,3
Toàn bộ Hợp chủng quốc Mỹ	5,5	3,1	8,6	8,5	6,6

Tổng giá trị nông sản ở đây đã bị khuếch đại lên, vì một phần sản phẩm nông nghiệp lại được tính một lần nữa trong giá trị sản phẩm chăn nuôi, chẳng hạn như thức ăn dùng nuôi gia súc. Nhưng dù sao, chúng ta cũng đi đến kết luận không còn nghi ngờ gì nữa là khoảng  $\frac{5}{6}$  nền công

nghiệp Mỹ được tập trung vào miền Bắc và trong miền này, công nghiệp chiếm ưu thế so với nông nghiệp. Trái lại, miền Nam và miền Tây lại chủ yếu là mang tính chất là những vùng nông nghiệp.

Như những số liệu dẫn ra trên kia cho thấy rõ, miền Bắc khác miền Nam và miền Tây ở chỗ là công nghiệp phát triển hơn rất nhiều và sự phát triển hơn đó của công nghiệp đang tạo ra một thị trường cho nông nghiệp và quyết định sự thâm canh hoá nông nghiệp. Nhưng miền Bắc "công nghiệp" — theo cái nghĩa như đã nói trên — tuy thế vẫn là một miền sản xuất chủ yếu ra những nông sản. Trên một nửa tổng sản lượng nông nghiệp, tức là khoảng ba phần năm, tập trung ở miền Bắc. Qua những con số sau đây về giá trị của toàn bộ tài sản nông nghiệp — ruộng đất, nhà cửa, công cụ và máy móc, gia súc, — tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất, chúng ta có thể thấy là ở miền Bắc, nông nghiệp được thâm canh hoá hơn đến mức nào so với các miền khác: năm 1910, ở miền Bắc, giá trị đó lên đến 66 đô-la, so với ở miền Nam là 25 và ở miền Tây là 41. Tính riêng giá trị công cụ và máy móc trên mỗi a-cơ-rơ ruộng đất thì ở miền Bắc giá trị đó là 2,07 đô-la, ở miền Nam là 0,83 và ở miền Tây là 1,04.

Về mặt này, phải để riêng hai khu An-gli-a mới và Trung Đại-tây-dương ra. Như chúng tôi đã chỉ rõ, ở đây không có quá trình khẩn thực. Từ năm 1900 đến năm 1910, con số áp trại ở đó giảm đi về số lượng tuyệt đối; cả diện tích trồng trọt và tổng số diện tích các áp trại cũng giảm đi. Căn cứ theo thống kê những người có nghề nghiệp, thì ở đây chỉ có 10% dân số làm việc trong nông nghiệp, mà tính trung bình thì số người làm việc trong nông nghiệp trong toàn nước Mỹ là 33%, còn trong các khu khác ở miền Bắc là 25 - 41% và ở miền Nam là 51 - 63%. Trong hai khu đó, diện tích ngũ cốc chỉ chiếm 6 - 25%, diện tích ruộng đất trồng trọt (tính trung bình toàn nước Mỹ

là 40%; miền Bắc là 46%); đất để lấy cỏ (phần lớn là cỏ trồng) chiếm 52 - 29% (trung bình toàn nước Mỹ là 15%, miền Bắc là 18%); diện tích để trồng rau là 4,6 - 3,8% (tính trung bình toàn nước Mỹ là 1,5% và miền Bắc là 1,5%). Đó là khu mà nông nghiệp được thâm canh nhiều hơn cả. Cứ mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt, thì số chi phí trung bình bỏ ra để mua phân, năm 1909 là 1,30 và 0,62 đô-la, con số thứ nhất là mức chi phí cao nhất, con số thứ hai thì chỉ thua có một khu ở miền Nam mà thôi. Tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt, thì giá trị trung bình những công cụ và máy móc là 2,58 và 3,88 đô-la, những con số này là số cao nhất ở nước Mỹ. Trong phần trình bày sau này, chúng ta sẽ thấy rằng những khu có nhiều công nghiệp hơn cả đó của miền Bắc công nghiệp - những khu có đặc điểm là có nền nông nghiệp thâm canh nhất, lại cũng có một đặc điểm nổi bật là nền nông nghiệp có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa hơn cả.

### 3. MIỀN NAM TRƯỚC KIA LÀ CỦA CHỦ NÔ

Ông Ghim-me viết rằng nước Mỹ là "một nước chưa hề biết chế độ phong kiến là cái gì cả, và hoàn toàn không có những tàn dư kinh tế của chế độ đó" (tr. 41 của bài đã nói trên kia). Đó là một lời khẳng định hoàn toàn trái với sự thật, vì những tàn dư kinh tế của *chế độ nô lệ* thì dứt khoát chẳng khác gì những tàn dư kinh tế của chế độ phong kiến, và *cho đến ngày nay*, những tàn dư đó vẫn còn *rất mạnh* trong miền Nam trước kia là của chủ nô, ở Hợp chủng quốc Mỹ. Nếu chúng ta có thể coi sai lầm đó của ông Ghim-me chỉ là một sai lầm trong một bài báo viết vội vàng, thì chẳng đáng bàn đến làm gì. Nhưng toàn bộ sách báo có khuynh hướng tự do chủ nghĩa và sách báo dân túy chủ nghĩa ở Nga chứng tỏ rằng, về chế độ *lao dịch* ở Nga — tàn dư của chế độ phong kiến ở nước ta — thì người ta

cũng mắc phải, một cách có hệ thống và dai dẳng phi thường, một "sai lầm" hoàn toàn giống như vậy.

Khi cuộc nội chiến 1861 - 1865 chưa quét sạch chế độ nô lệ, thì miền Nam Hợp chủng quốc Mỹ vẫn là một miền của chế độ nô lệ. Hiện nay, con số người da đen ở miền Bắc và miền Tây chiếm không quá từ 0,7 đến 2,2% dân số hai miền đó, thì ở miền Nam lại chiếm từ 22,6 đến 33,7% toàn bộ dân số ở đó. Trung bình trong toàn Hợp chủng quốc Mỹ, số người da đen chiếm 10,7% toàn bộ dân số. Không phải nói về tình trạng cực nhục của những người da đen: về mặt này, giai cấp tư sản Mỹ cũng chẳng tốt gì hơn giai cấp tư sản các nước khác. Sau khi đã "giải phóng" dân da đen, giai cấp tư sản Mỹ đã cố gắng dựa trên cơ sở chủ nghĩa tư bản "tự do" và cộng hoà dân chủ, mà khôi phục lại tất cả những cái gì có thể khôi phục được, tìm trăm phương nghìn kế để áp bức dân da đen một cách vô liêm sỉ nhất và bỉ ổi nhất. Muốn nói lên trình độ văn hoá của những người da đen, chúng ta chỉ cần đưa ra một tài liệu thống kê nhỏ thôi cũng đủ. Trong khi tỷ lệ người mù chữ trong dân da trắng ở Hợp chủng quốc Mỹ năm 1900 là 6,2% dân số (tính dân số từ 10 tuổi trở lên), thì trong người da đen, tỷ lệ phần trăm người mù chữ là 44,5%!! Gấp bảy lần nhiều hơn!! Ở miền Bắc và miền Tây, có 4 - 6% người mù chữ (năm 1900); ở miền Nam, 22,9 - 23,9%!! Chẳng khó khăn gì mà không hình dung ra được toàn bộ những sự kiện trong lĩnh vực pháp luật và đời sống hàng ngày, tương xứng với cái sự kiện rất ô nhục đó trong lĩnh vực giáo dục quốc dân.

Cái "kiến trúc thượng tầng" đáng yêu đó đã lớn lên và dựa trên cơ sở kinh tế nào?

Dựa trên cơ sở một *chế độ lao dịch* điển hình là của Nga, "Nga chính cống" cụ thể là: *chế độ làm rẽ*.

Năm 1910, con số áp trại của những người da đen là 920 883, tức là 14,5% tổng số áp trại. Trong tổng số những

phéc-mi-ê, thì 37,0% là những người lĩnh canh và 62,1% là người sở hữu; số 0,9% còn lại là những áp trại do quản lý trông coi. Nhưng trong dân da trắng, tỷ lệ phần trăm những người lĩnh canh là 39,2%, còn trong dân da đen thì tỷ lệ đó lên đến 75,3%! Ở nước Mỹ, người phéc-mi-ê điển hình trong dân da trắng là người sở hữu ruộng đất, còn người phéc-mi-ê điển hình trong dân da đen lại là người lĩnh canh ruộng đất. Tại miền Tây, tỷ lệ phần trăm những người lĩnh canh chỉ là 14,0%: đó là một miền đang được khẩn thực, miền đất mới, chưa có chủ, đó là thiên đường (một thiên đường tạm thời và mong manh) của người tiểu "nông dân độc lập". Ở miền Bắc, tỷ lệ phần trăm những người lĩnh canh là 26,5%; còn ở miền Nam là 49,6%! Nửa số phéc-mi-ê ở miền Nam là những người lĩnh canh.

Nhưng không phải chỉ có thế. Đấy hoàn toàn không phải là những người lĩnh canh, hiểu theo nghĩa người Âu châu vẫn hiểu, theo nghĩa văn minh, theo nghĩa tư bản chủ nghĩa hiện đại. Đấy chủ yếu là những người làm rẽ nửa phong kiến, hoặc - đúng về mặt kinh tế mà nói thì cũng thế - những *người làm rẽ* nửa nô lệ. Ở miền Tây "tự do", thì trong số những người lĩnh canh, chỉ có một số ít là người làm rẽ thôi (25 000 trong số 53 000). Tại miền Bắc cổ xưa, từ lâu đã có đông dân cư, thì trong số 766 000 người lĩnh canh, có 483 000 người làm rẽ, tức là 63%. Tại miền Nam, trong số 1 537 000 người lĩnh canh, có 1 021 000 người làm rẽ, tức là 66%.

Trong cái nước Mỹ tự do, cái nước Mỹ cộng hoà dân chủ, năm 1910, có một triệu rưỡi người lĩnh canh - làm rẽ, trong số đó thì *trên một triệu là người da đen*. Và so với tổng số phéc-mi-ê, con số những người làm rẽ đã không giảm đi, mà còn không ngừng tăng lên và tăng lên khá nhanh. Năm 1880, tỷ lệ phần trăm những người làm rẽ so với tổng số phéc-mi-ê ở Hợp chúng quốc Mỹ là 17,5%, năm 1890 là 18,4%, năm 1900 là 22,2% và năm 1910 là 24,0%.

Trong những kết luận của các nhà thống kê Mỹ về cuộc điều tra năm 1910 chúng ta đọc thấy: "Ở miền Nam, có những điều kiện bao giờ cũng hơi khác với những điều kiện của miền Bắc, và nhiều áp trại của những người lĩnh canh là một phần của những đồn điền có quy mô rất lớn và được lập ra trong thời kỳ trước cuộc nội chiến". Ở miền Nam, "chế độ kinh doanh dựa vào những người lĩnh canh, chủ yếu là người da đen, đã thay thế chế độ kinh doanh dựa vào lao động của nô lệ". "Sự phát triển của chế độ lĩnh canh đặc biệt thể hiện rõ hơn cả ở miền Nam, là nơi mà những đồn điền lớn, trước kia do nô lệ canh tác, trong nhiều trường hợp được chia thành những phần đất nhỏ (mảnh ruộng) để phát canh.... Trong nhiều trường hợp, những đồn điền đó cho đến nay thực ra vẫn được canh tác như là những đơn vị kinh doanh nông nghiệp vậy, vì trong một mức độ nào đó, người ta vẫn giám thị những người lĩnh canh gần như giám thị những công nhân làm thuê trong các áp trại ở miền Bắc" (sách đã dẫn, V, 102, 104).

Để nói lên đặc điểm của miền Nam, còn cần phải nói thêm rằng dân cư đã rời miền ấy để đến những vùng tư bản chủ nghĩa khác và đến các thành phố, chẳng khác gì ở Nga nông dân rời bỏ các tỉnh nông nghiệp ở miền trung, là những miền lạc hậu nhất và còn duy trì nhiều tàn dư của chế độ nông nô nhất để chạy thoát khỏi cái quyền lực của bọn Va-li-ai - Mác-cốp, để đến những vùng có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa hơn ở Nga, là những thủ đô, những tỉnh công nghiệp và miền Nam (xem cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga")<sup>1)</sup>. Ở nước Mỹ cũng như ở Nga, vùng có chế độ làm rẽ là vùng trì trệ nhất, là vùng mà quần chúng lao động bị sỉ nhục nhiều nhất và bị áp bức nhiều nhất. Những người di cư đến nước Mỹ, là những người có một vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế và trong toàn bộ đời sống xã hội của nước Mỹ, đều tránh không đến miền Nam. Năm 1910, tỷ lệ phần trăm dân số của nước Mỹ, mà sinh quán không phải là ở Mỹ, là 14,5%. Nhưng ở miền

<sup>1)</sup> Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 739 -746.



Nam thì tùy từng khu mà tỷ lệ phần trăm ấy chỉ là từ 1,0 đến 4,0% thôi, còn trong các khu khác trong nước Mỹ thì tỷ lệ đó lại không dưới 13,9%, và đến 27,7% (như khu An-gli-a mới). Tình trạng biệt lập, tình trạng lạc hậu, thiếu không khí trong lành, một thứ nhà tù với những người da đen "đã được giải phóng": miền Nam nước Mỹ là như thế đấy. Dân cư có tính định cư nhất, "thiết tha với ruộng đất" nhất: không kể cái khu của miền Nam đang ở vào quá trình khẩn thực lớn (khu Trung Tây - Nam) còn thì trong hai khu khác của miền Nam, 91 - 92% dân cư đã ra đời ở ngay khu mà họ sinh sống, trong khi đó thì tính chung toàn nước Mỹ, tỷ lệ phần trăm đó là 72,6%, nghĩa là dân cư di chuyển chỗ ở nhiều hơn. Ở miền Tây, một miền hoàn toàn đang được khẩn thực, chỉ có từ 35 đến 41% dân cư là ra đời ngay trong khu mà họ đang sinh sống.

Người da đen rời bỏ hai khu không có quá trình khẩn thực ở miền Nam: suốt trong 10 năm, giữa hai cuộc điều tra gần đây nhất, hai khu đó đã cung cấp cho các khu vực khác ở nước Mỹ gần 600 000 người "da đen". Người da đen chủ yếu là chạy ra các thành thị: ở miền Nam, từ 77 đến 80% dân da đen sống ở nông thôn; ở các miền khác, chỉ có từ 8 đến 32% thôi. Hoàn cảnh kinh tế của những người da đen ở Mỹ thật giống đến kỳ lạ với hoàn cảnh kinh tế của những nông dân "trước kia thuộc địa chủ" tại trung tâm nước Nga nông nghiệp.

#### 4. QUY MÔ TRUNG BÌNH CỦA CÁC ẤP TRẠI SỰ "TAN RÃ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN" Ở MIỀN NAM

Sau khi đã xem xét những đặc điểm cơ bản của ba miền chủ yếu ở Hợp chủng quốc Mỹ và tính chất chung của những điều kiện kinh tế, chúng ta có thể chuyển sang phân tích những tài liệu mà người ta thường hay sử dụng. Trước

hết, đó là những tài liệu về quy mô trung bình của các ấp trại. Căn cứ vào những tài liệu đó rất nhiều nhà kinh tế, kể cả ông Ghim-me, đã rút ra những kết luận vũ đoán nhất.

N ă m	Quy mô trung bình của các ấp trại ở nước Mỹ:	
	Tổng diện tích	Diện tích trồng trọt
	(tính bằng a-cơ-rơ)	
1850.....	202,6	78,0
1860.....	199,2	79,8
1870.....	153,3	71,0
1880.....	133,7	71,0
1890.....	136,5	78,3
1900.....	146,2	72,2
1910.....	138,1	75,2

Nói chung, thoát mới nhìn, ta đã thấy ngay rằng tổng diện tích bình quân giảm dần đi, và diện tích trồng trọt bình quân thì biến động không chừng, khi thì giảm xuống khi thì tăng lên. Nhưng thời kỳ 1860 - 1870 là một giới hạn rõ rệt; bởi vậy chúng tôi đã đánh dấu thời kỳ đó bằng một gạch ngang. Chính trong thời kỳ đó, người ta thấy tổng diện tích bình quân *giảm xuống* rất nhiều — giảm đi 46 a-cơ-rơ (199,2 - 153,3) và diện tích trồng trọt bình quân cũng thay đổi rất nhiều (79,8 - 71,0) theo hướng giảm xuống.

Nguyên nhân vì sao? Rõ ràng là vì có cuộc nội chiến 1861 - 1865 và việc xoá bỏ chế độ nô lệ. Những đồn điền lớn của chủ nô đã bị giáng một đòn quyết định. Sau đây, chúng ta sẽ thấy là tình hình đó nhiều lần được chứng minh, tuy vậy tình hình này được nhiều người biết đến nỗi người ta lấy làm lạ khi phải chứng thực tình hình đó. Chúng ta hãy phân biệt riêng những số liệu về miền Nam và miền Bắc.

N ă m	Quy mô trung bình của các ấp trại tính bằng a-cơ-rơ			
	miền Nam		miền Bắc	
	tổng diện tích trung bình	diện tích trồng trọt trung bình	tổng diện tích trung bình	diện tích trồng trọt trung bình
1850.....	332,1	101,1	127,1	65,4
1860.....	335,4	101,3	126,4	68,3
1870.....	214,2	69,2	117,0	69,2
1880.....	153,4	56,2	114,9	76,6
1890.....	139,7	58,8	123,7	87,8
1900.....	138,2	48,1	132,2	90,9
1910.....	114,4	48,6	143,0	100,3

Chúng ta thấy rằng diện tích đất trồng trọt trung bình của một ấp trại, ở miền Nam, trong thời kỳ 1860 - 1870 đã *giảm xuống* rất nhiều (101,3 - 69,2), và ở miền Bắc thì diện tích đó lại *tăng lên* đôi chút (68,3 - 69,2). Nguyên nhân gây ra tình hình đó chính là những điều kiện phát triển của miền Nam. Ngay cả sau khi chế độ nô lệ bị xoá bỏ rồi, chúng ta cũng còn thấy rằng ở miền đó, quy mô trung bình của các ấp trại vẫn giảm xuống tuy rằng giảm một cách chậm chậm và không liên tục.

"Nền nông nghiệp nhỏ dựa trên lao động bản thân ở đây đang mở rộng phạm vi chi phối của nó, - ông Ghim-me kết luận, - và tư bản rời bỏ nông nghiệp để đi vào các lĩnh vực đầu tư khác". "... Chủ nghĩa tư bản nông nghiệp trong những bang ở khu Nam Đại-tây-duơng tan rã cực kỳ nhanh chóng..."

Đó thật là một điều kỳ quái mà có lẽ người ta chỉ có thể tìm được cái sánh ngang với nó trong lập luận của phái dân tụy ở nước ta về "sự tan rã của chủ nghĩa tư bản" ở Nga sau năm 1861, vì bọn địa chủ đã chuyển từ chế độ điều dịch sang chế độ lao dịch (nghĩa là bằng chế độ nửa điều dịch!). Tình trạng những điền trang của chủ nô bị chia

nhỏ ra thì được người ta gọi là "sự tan rã của chủ nghĩa tư bản". Việc biến ruộng đất không trồng trọt của chủ nô trước kia thành những ấp trại nhỏ của những người da đen - mà một nửa là những người làm rẽ - (chúng ta nhớ rằng từ cuộc điều tra này đến cuộc điều tra kia, tỷ lệ phần trăm những người làm rẽ đều *tăng lên* không ngừng!) thì được người ta gọi là "sự tan rã của chủ nghĩa tư bản". Xuyên tạc những khái niệm cơ bản của khoa học kinh tế đến thế là cùng!

Trong chương 12 của bản giải thích cuộc điều tra nhân khẩu năm 1910, các nhà thống kê Mỹ đã đưa ra số liệu về những "đồn điền" điển hình ở miền Nam, trong thời đại ngày nay, chứ không phải thời kỳ chế độ nô lệ. Trong số 39 073 đồn điền, có 39 073 "ấp trại của lãnh chúa" (landlord farms) và 398 905 ấp trại của những người lính canh. Vậy là tính trung bình, cứ 10 người lính canh có một "ông chủ", "địa chủ" hay "lên-đlo". Quy mô trung bình của mỗi đồn điền là 724 a-cơ-rơ. Trong số này, chỉ có 405 a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt thối: mỗi đồn điền có trên 300 a-cơ-rơ đất bỏ hoang. Đó là khoản dự trữ không đến nỗi tồi của các ngài chủ nô ngày hôm qua dành cho những kế hoạch bóc lột sau này...

Tình hình phân phối đất đai của mỗi đồn điền hạng trung là như sau: "ấp trại của lãnh chúa" rộng 331 a-cơ-rơ, trong số đó chỉ trồng trọt có 87 a-cơ-rơ thối. Những ấp trại của những "người lính canh", nghĩa là ruộng đất phân cho những người da đen làm rẽ phải làm việc như trước kia cho "lãnh chúa" và dưới sự giám thị của "lãnh chúa", thì trung bình mỗi ấp trại rộng 38 a-cơ-rơ, trong số này có 31 a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt.

Khi dân số và nhu cầu về bông ngày càng tăng lên thì những người hôm qua còn là chủ nô ở miền Nam có những điền trang rất rộng lớn mà hơn  $\frac{9}{10}$  diện tích hiện nay vẫn chưa được trồng trọt gì cả, cũng bắt đầu bán dần dần những

đất hoang ấy cho những người da đen, hoặc cũng rất hay chia cho những người da đen những mảnh nhỏ để lấy rẽ một nửa thu hoạch. (Từ năm 1900 đến 1910, ở miền Nam, số lượng những người phéc-mi-ê hoàn toàn sở hữu toàn bộ ruộng đất của mình, đã từ 1 237 nghìn người tăng lên đến 1 329 nghìn, tức là tăng 7,5% trong khi đó thì số lượng những người phéc-mi-ê làm rẽ đã từ 772 nghìn người tăng lên đến 1 021 nghìn, tức là tăng 32,2%). Ấy thế mà lại có một nhà kinh tế học gọi hiện tượng đó là "sự tan rã của chủ nghĩa tư bản" đấy...

Chúng tôi xếp những ấp trại rộng từ 1000 a-cơ-rơ trở lên vào hạng điền trang. Năm 1910, ở Hợp chủng quốc Mỹ, loại ấp trại này chỉ chiếm 0,8% (50 135 ấp trại), và chiếm tất cả 167 triệu 10 vạn a-cơ-rơ, tức là 19,0% tổng diện tích. Như thế là tính trung bình, mỗi điền trang rộng 3 332 a-cơ-rơ. Tỷ lệ phần trăm diện tích trồng trọt trong các điền trang chỉ là 18,7%, trong khi đó thì tính chung cho toàn bộ các ấp trại, tỷ lệ đó là 54,4%. Trong lúc đó tại miền Bắc tư bản chủ nghĩa lại có ít điền trang hơn cả: 0,5% của tổng số các ấp trại, với 6,9% của tổng diện tích đất đai, tỷ lệ diện tích trồng trọt trong các điền trang là 41,1%. Miền Tây có nhiều điền trang hơn cả: 3,9% của tổng số các ấp trại, chiếm 48,3% tổng diện tích đất đai; tỷ lệ ruộng đất trồng trọt trong các điền trang là 32,3%. Tỷ lệ phần trăm *cao nhất* về đất đai không trồng trọt là thuộc những điền trang lớn ở miền Nam trước kia thuộc chủ nô, số điền trang này chiếm 0,7% các ấp trại và chiếm 23,9% diện tích; trong những điền trang đó, diện tích trồng trọt *chỉ là 8,5% ruộng đất thôi*!! Nhân tiện cũng nói qua rằng những tài liệu chi tiết đó chỉ ra rất rõ rằng xếp những điền trang vào loại doanh nghiệp *tư bản chủ nghĩa* như người ta vẫn rất thường làm mà không phân tích riêng những tài liệu cụ thể về từng nước và từng vùng, thì thật là không có căn cứ biết bao.

Trong 10 năm, từ năm 1900 đến 1910, chính trong những điền trang, và chỉ có trong những điền trang, thì tổng diện tích ruộng đất mới *giảm đi*. Và đã giảm đi rất nhiều: từ 197 triệu 80 vạn a-cơ-rơ giảm xuống còn 167 triệu 10 vạn a-cơ-rơ, tức là giảm đi 30 triệu 70 vạn a-cơ-rơ. Ở miền Nam, diện tích đó giảm đi 31 triệu 80 vạn a-cơ-rơ (ở miền Bắc, diện tích đó tăng 2 triệu 30 vạn a-cơ-rơ, và ở miền Tây, diện tích đó giảm đi 1 triệu 20 vạn a-cơ-rơ). Bởi vậy, chính miền Nam và chỉ có miền Nam của chủ nô mới là miền có cái đặc điểm là có quá trình phân tán trên quy mô lớn của các điền trang trong khi tỷ lệ ruộng đất trồng trọt trong các điền trang này là không đáng kể (8,5%).

Từ tất cả những điều nói trên, tất nhiên phải kết luận rằng định nghĩa duy nhất đúng về quá trình kinh tế đang diễn ra, là như sau: bước chuyển từ những điền trang của chủ nô, bỏ hoang đến 9/10 diện tích, sang nền tiểu nông *có tính chất thương mại*. Không phải là bước chuyển sang nền nông nghiệp "dựa vào lao động bản thân", như ông Ghim-me và phái dân túy cùng với tất cả những nhà kinh tế học tư sản là những người thích ca tụng suông "lao động" hay thích nói, mà là bước chuyển sang nền nông nghiệp có tính chất thương mại. Từ ngữ "dựa vào lao động bản thân" không có chút ý nghĩa kinh tế - chính trị nào cả, và gián tiếp làm cho người ta lầm lẫn. Từ ngữ đó tuyệt nhiên không có ý nghĩa gì cả, vì trong bất cứ chế độ kinh tế nào của xã hội, người tiểu nông cũng đều "lao động" cả: dù dưới chế độ nô lệ, dưới chế độ nông nô hay dưới chế độ tư bản chủ nghĩa cũng vậy. Từ ngữ "dựa vào lao động bản thân" là một lời rỗng tuếch, là một lời hoa mỹ không có nội dung, nó che đậy sự *lấn lộn* những chế độ kinh tế rất khác nhau của xã hội, một sự *lấn lộn* chỉ có lợi cho giai cấp tư sản thôi. Từ ngữ "dựa vào lao động bản thân" làm cho người ta lầm lẫn, đánh lừa người ta, vì nó có ý ám chỉ là không có lao động *làm thuê*.

Chẳng khác gì tất cả những nhà kinh tế học tư sản, ông Ghim-me bỏ qua không nói đến chính là những tài liệu về lao động làm thuê, mặc dù đó là những tài liệu hết sức quan trọng về vấn đề chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, và mặc dù những tài liệu đó chẳng những do cuộc điều tra năm 1900 cung cấp, mà còn có cả trong tờ "công báo" về cuộc điều tra năm 1910 (Abstract - Farm crops, by states<sup>1)</sup>), mà ông Ghim-me đã dẫn ra (tr. 49 trong bài báo của ông, chú thích).

Sự phát triển của nền tiểu nông ở miền Nam chính là sự phát triển của nền nông nghiệp có tính chất thương mại; đó là điều mà tính chất của nông sản chủ yếu của miền Nam cho ta thấy rõ. Nông sản đó là bông. Toàn bộ ngũ cốc có thể dùng làm bánh mì được chiếm 29,3% giá trị tổng thu hoạch ngũ cốc ở miền Nam, cỏ khô và cỏ tươi cho gia súc chiếm 5,1%, còn bông chiếm 42,7%. Từ năm 1870 đến 1910, sản lượng len ở nước Mỹ đã từ 162 triệu phun-tơ tăng lên đến 321 triệu, tức là tăng gấp đôi; lúa mì từ 236 triệu bu-sen tăng lên đến 635 triệu, tức là tăng xấp xỉ gấp ba; ngô từ 1 094 triệu bu-sen tăng lên đến 2 886 triệu, như thế cũng là tăng xấp xỉ gấp ba; sản lượng bông đã từ 4 triệu kiện (500 phun-tơ mỗi kiện) tăng lên đến 12 triệu, nghĩa là tăng gấp ba lần. Mức tăng những nông sản có tính chất hàng hoá là chủ yếu đã vượt mức tăng những nông sản khác ít có tính chất hàng hoá hơn. Ngoài ra, trong khu chủ yếu ở miền Nam, tức là khu "Nam Đại-tây-dương" thì những thứ mà sản xuất phát triển khá mạnh là: thuốc lá (12,1% giá trị thu hoạch của bang Viéc-gi-ni-a), rau (20,1% giá trị tổng thu hoạch của bang Đơ-la-va-rơ, 23,2% giá trị thu hoạch của bang Phlô-ri-đa), trái cây (21,3% giá trị tổng thu hoạch của bang Phlô-ri-đa) v. v.. Tất cả những thứ đó đều là

<sup>1)</sup> – Tài liệu trích yếu về thu hoạch mùa màng của các ấp trại trong từng bang.

những cây trồng thuộc loại thể hiện sự thâm canh hoá nông nghiệp, việc mở rộng quy mô của doanh nghiệp trong khi vẫn giảm bớt diện tích trồng trọt và tăng cường dùng lao động làm thuê.

Bây giờ chúng ta chuyển sang nghiên cứu tỉ mỉ những tài liệu về lao động làm thuê; chúng tôi chỉ xin nêu rõ rằng về mặt đó tuy miền Nam không theo kịp những miền khác - ở miền này, lao động làm thuê được sử dụng ít hơn vì chế độ làm rẽ có tính chất nửa nô lệ *phát triển hơn* - nhưng ngay cả ở miền Nam việc sử dụng lao động làm thuê cũng đang tăng lên.

## 5. TÍNH CHẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA CỦA NÔNG NGHIỆP

Thường thường, người ta dựa vào những số liệu về quy mô các ấp trại, hay về số lượng và ý nghĩa của các ấp trại lớn - lớn về mặt diện tích đất đai - mà xét đoán về chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Chúng ta đã nghiên cứu một phần tài liệu thuộc loại đó rồi, chúng ta cũng sẽ còn nghiên cứu một phần tài liệu như thế nữa, nhưng chúng ta phải chú ý rằng những tài liệu đó đều là những tài liệu gián tiếp, vì quy mô diện tích hoàn toàn không phải bao giờ cũng cho ta thấy và hoàn toàn không trực tiếp cho ta thấy được quy mô lớn thực sự của *doanh nghiệp* và tính chất tư bản chủ nghĩa của nó.

Về mặt này, những số liệu về lao động làm thuê vô cùng hùng hồn hơn và tiêu biểu hơn. Những cuộc điều tra nông nghiệp trong những năm gần đây, chẳng hạn như cuộc điều tra ở nước Áo năm 1902 và cuộc điều tra ở nước Đức năm 1907, mà chúng tôi sẽ phân tích ở một chỗ khác, đã chứng tỏ rằng việc sử dụng lao động làm thuê trong nông nghiệp hiện đại - và đặc biệt trong các doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ - có một quy mô lớn hơn rất nhiều so với quy mô mà

người ta thường vẫn tưởng. Không gì có thể bác bỏ một cách dứt khoát và rõ ràng cái luận điệu tiểu tư sản về nền tiểu nông "dựa trên lao động bản thân", hơn là những tài liệu đó.

Về vấn đề này, thống kê của nước Mỹ đã thu lượm được rất nhiều tài liệu, vì trong mỗi phiếu điều tra về từng phéc-mi-ê đều có ghi là anh ta có chi một số tiền nào để thuê công nhân không, và nếu có thì số tiền đó chính xác là bao nhiêu. Khác với thống kê ở châu Âu, chẳng hạn thống kê ở hai nước vừa kể trên, thống kê Mỹ không ghi số công nhân làm thuê của từng người chủ một trong thời gian đó, tuy rằng điều đó là một điều hết sức dễ làm và ý nghĩa khoa học của những tài liệu đó, — bổ sung cho những tài liệu về tổng số chi cho lao động làm thuê — sẽ rất lớn. Nhưng điều dở hơn cả là việc sắp xếp một cách hết sức tồi những tài liệu đó trong cuộc điều tra năm 1910, là cuộc điều tra, nói chung, được khai thác tồi hơn nhiều so với cuộc điều tra năm 1900. Cuộc điều tra năm 1910 căn cứ vào diện tích ruộng đất để sắp xếp các ấp trại thành từng loại một (cũng như cuộc điều tra năm 1900), nhưng khác với cuộc điều tra năm 1900, nó không ghi số liệu về việc sử dụng lao động làm thuê theo từng loại đó. Vậy là về mặt sử dụng lao động làm thuê, chúng ta không có thể đem so sánh những doanh nghiệp nhỏ với những doanh nghiệp lớn — lớn, nhỏ là căn cứ vào diện tích — được. Chúng ta chỉ có những con số trung bình tính cho từng bang và từng miền thôi, nghĩa là những số liệu tính gộp lẫn lộn cả những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lẫn những doanh nghiệp không phải tư bản chủ nghĩa.

Sau đây, chúng ta sẽ nghiên cứu riêng những tài liệu về năm 1900, là những tài liệu sắp xếp tốt hơn, nhưng bây giờ chúng ta hãy nêu ra những số liệu về năm 1910. Nói cho đúng ra, những số liệu này thuộc về những năm 1899 và 1909.

Các miền:	Tỷ lệ phần trăm những ấp trại có thuê mướn công nhân (1909)	Mức tăng chi phí để trả cho lao động làm thuê từ năm 1899 đến năm 1909, tính theo%	Chi phí để trả cho lao động làm thuê tính trên mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt (đô-la)	
			1909	1899
Miền Bắc	55,1	+70,8	1,26	0,82
Miền Nam	36,6	+87,1	1,07	0,69
Miền Tây	52,5	+119,0	3,25	2,07
<hr/>				
Toàn bộ Hợp chúng quốc Mỹ	45,9	+82,3	1,36	0,86

Từ những số liệu đó trước hết rõ ràng phải rút ra kết luận là ở miền Bắc nông nghiệp có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa hơn cả (55,1% các ấp trại có sử dụng lao động làm thuê), rồi đến miền Tây (52,5%) và có ít tính chất tư bản chủ nghĩa hơn cả là ở miền Nam (36,6%). Mà như vậy là tất nhiên khi so sánh giữa một miền đông dân cư và có nhiều công nghiệp, với một miền đang được khẩn thực và một miền có chế độ làm rē. Cố nhiên là những số liệu về tỷ lệ phần trăm các ấp trại có sử dụng lao động làm thuê khiến cho chúng ta dễ so sánh một cách chính xác giữa các miền với nhau, hơn là những số liệu về mức chi phí thuê nhân công làm thuê tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt. Muốn có thể so sánh những số liệu thuộc loại sau này với nhau, thì mức tiền công trả trong các vùng khác nhau phải bằng nhau. Chúng ta không có những số liệu về tiền công trong nông nghiệp ở nước Mỹ, song không chắc gì là tiền công trong các vùng lại bằng nhau, khi giữa các miền với nhau có những sự khác nhau căn bản như ta đã biết.

Như vậy ở miền Bắc và miền Tây là hai miền bao gồm  $\frac{2}{3}$  toàn bộ ruộng đất trồng trọt và  $\frac{2}{3}$  toàn bộ đàn gia súc, thì trên một nửa số phéc-mi-ê không thể không sử dụng lao

động làm thuê. Ở miền Nam, số dī tỷ lệ đó nhỏ hơn, chỉ là vì ở miền này, sự bóc lột có tính chất nửa phong kiến (và cũng còn có tính chất nửa nô lệ nữa) dưới hình thức cho làm rē hāy còn mạnh. Không còn nghi ngờ gì nữa, ở nước Mỹ cũng như ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa khác trên thế giới, một bộ phận những phéc-mi-ê ở vào cảnh tối tệ nhất bắt buộc phải bán sức lao động của mình. Đáng tiếc là thống kê Mỹ tuyệt nhiên không cung cấp một số liệu nào về mặt này cả, thật là khác, chẳng hạn, với thống kê Đức năm 1907 là thống kê đã thu thập và sắp xếp một cách rất tỉ mỉ những số liệu như vậy. Theo những số liệu của Đức thì trong số 5 736 082 chủ các cơ sở kinh doanh nông nghiệp (đây là tổng số gồm cả những "ông chủ" nhỏ nhất) có 1 940 867 người, tức là trên 30%, xét theo công việc *chính* của họ là những công nhân làm thuê. Cố nhiên là đại bộ phận những công nhân nông nghiệp đó và những người làm công nhật có một mảnh đất cón con đó là nhóm người làm nghề nông thuộc lớp dưới.

Chúng ta cứ cho rằng, ở Hợp chủng quốc Mỹ - là nước mà ở đó những ấp trại nhỏ nhất (từ 3 a-cơ-rơ trở xuống) đều nói chung là hoàn toàn không được đăng ký, - chỉ có 10% tổng số phéc-mi-ê là phải bán sức lao động của mình thôi. Ngay cả như vậy nữa, thì kết quả cũng vẫn là có *trên một phần ba* tổng số phéc-mi-ê (24,0% những người làm rē, tức là những người bị bọn trước kia là chủ nô bóc lột theo phương thức phong kiến hoặc nửa phong kiến, và 10% bị những nhà tư bản bóc lột, tổng cộng là 34%) bị những địa chủ và những nhà tư bản bóc lột *một cách trực tiếp*. Vậy là trong tổng số những phéc-mi-ê, chỉ có một số ít, chưa đầy *một phần năm hay một phần tư* là không thuê mướn công nhân và không đi làm thuê, hoặc không bị nô dịch.

Đó là tình hình thực tế trong cái nước của chủ nghĩa tư bản "kiểu mẫu và tiên tiến", trong cái nước mà ở đó hàng

triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất được phân phối không lấy tiền. Chính cả ở đó nữa cũng vậy, cái gọi là nền tiểu nông nghiệp không có tính chất tư bản chủ nghĩa, "dựa trên lao động bản thân" nổi tiếng cũng chỉ là một câu chuyện hoang đường thôi.

Con số những công nhân làm thuê trong nông nghiệp ở Mỹ là bao nhiêu? So với con số những phéc-mi-ê và so với tổng số nhân khẩu nông nghiệp thì con số công nhân làm thuê trong nông nghiệp tăng lên hay giảm đi?

Tiếc rằng thống kê Mỹ không trả lời trực tiếp những câu hỏi rất quan trọng đó. Vậy chúng ta hãy tìm lấy một câu trả lời gần đúng thôi.

Trước hết, những con số thống kê về nghề nghiệp (tập IV của bộ sách về cuộc điều tra) có thể cho chúng ta câu trả lời gần đúng. Thống kê này "không đạt" đối với người Mỹ. Thống kê được sắp xếp theo lối quan phương, một cách thủ cựu và phi lý đến mức không có số liệu nào về tình cảnh của người ta về mặt nghề nghiệp, nghĩa là không có tài liệu phân biệt người kinh doanh, công nhân gia đình và công nhân làm thuê. Thay cho việc phân định chính xác về mặt kinh tế, người ta chỉ thoả mãn với một từ ngữ "thường dùng", "quen dùng" nên đã đem gộp lại một cách vô lý những người trong gia đình người phéc-mi-ê và những công nhân làm thuê vào mục "công nhân nông nghiệp". Như mọi người đều biết, *không phải* chỉ có thống kê Mỹ mới có tình trạng hoàn toàn lộn xộn như vậy trong vấn đề đó.

Cuộc điều tra năm 1910 trừ tính sửa chữa lại cho đỡ lộn xộn đôi chút, sửa bớt những sai lầm rõ rệt, và ít ra là phân biệt được một bộ phận những công nhân làm thuê (working out) với công nhân gia đình (working on the home farm). Sau một loạt tính toán, các nhà thống kê sửa chữa lại tổng số những người làm việc trong nông nghiệp, giảm con số đó đi 468 100 người (tập IV, tr.27). Sau đó, số lượng những *phụ nữ* là công nhân làm thuê từ năm 1900, được xác định là 220 048, và năm 1910 được xác định là 337 522

người (nghĩa là tăng 53%). Số lượng đàn ông là công nhân làm thuê, năm 1910, là 2 299 444 người. Nếu cho rằng năm 1900, tỷ lệ phần trăm công nhân nông nghiệp làm thuê so với tổng số lao động nông nghiệp cũng bằng tỷ lệ năm 1910, thì năm 1900, số lượng đàn ông làm thuê trong nông nghiệp được xác định là 1 798 165 người. Vậy là ta có tình hình như sau:

	1900	1910	Mức tăng tính theo %
Tổng số người làm trong nông nghiệp.....	10 381 765	12 099 825	+ 16%
Số phéc-mi-ê.....	5 674 875	5 981 522	+ 5%
Số công nhân làm thuê.....	2 018 213	2 566 966	+ 27%

Như thế là tỷ lệ tăng số công nhân làm thuê thì lớn hơn năm lần so với tỷ lệ tăng số lượng phéc-mi-ê (27% so với 5%). Tỷ số những phéc-mi-ê trong nhân khẩu nông nghiệp đã giảm đi, tỷ số những công nhân làm thuê đã tăng lên. Số lượng những người kinh doanh độc lập, so với tổng số nhân khẩu nông nghiệp, đã giảm đi; số lượng những người bị phụ thuộc, những người bị bóc lột, đã tăng lên.

Năm 1907, ở nước Đức, có 4 triệu rưỡi công nhân làm thuê trong nông nghiệp so với một tổng số là 15 triệu công nhân gia đình và công nhân làm thuê. Vậy tức là công nhân làm thuê chiếm 30%. Ở nước Mỹ, theo con số ước tính trên đây, thì số công nhân làm thuê trong nông nghiệp là 2 triệu rưỡi trong tổng số là 12 triệu công nhân gia đình và công nhân làm thuê, tức là 21%. Có thể là còn có những đất chưa có chủ được phân phát không lấy tiền, và số phéc-mi-ê làm rẽ chiếm một tỷ lệ lớn, nên làm cho tỷ lệ phần trăm những công nhân làm thuê ở Mỹ đã giảm đi.

Thứ hai, số liệu về tiền chi phí thuê công nhân làm thuê năm 1899 và 1909 có thể cho chúng ta câu trả lời gần đúng.

Cũng trong thời kỳ đó, con số những công nhân làm thuê trong công nghiệp đã tăng từ 4 triệu 70 vạn lên thành 6 triệu 60 vạn nghĩa là tăng 40% và tiền công của họ đã tăng từ 2 008 triệu đô-la lên đến 3 427 triệu, nghĩa là tăng 70%. (Không nên quên rằng do giá thức ăn và các vật phẩm khác tăng lên nên đã làm cho số tiền công tuy có tăng về danh nghĩa nhưng cũng như không.)

Căn cứ vào những tài liệu đó, ta có thể giả định rằng chi phí về tiền công trả cho công nhân làm thuê trong nông nghiệp mà tăng lên 82% thì tương ứng với con số công nhân làm thuê tăng lên chừng 48%. Nếu chúng ta cũng giả định như vậy đối với ba miền chủ yếu, chúng ta sẽ có bức tranh sau đây:

C á c m i ền:	Mức tăng, từ năm 1900 đến năm 1910 tính theo %		
	Của tổng số nhân khẩu nông nghiệp	Của số áp trại	Của số công nhân làm thuê
Miền Bắc.....	+ 3,9%	+ 0,6%	+ 40%
Miền Nam.....	+14,8%	+ 18,2%	+ 50%
Miền Tây.....	+ 49,7%	+ 53,7%	+ 66%
Toàn bộ Hợp chủng quốc Mỹ	+11,2%	+ 10,9%	+ 48%

Cũng những số tài liệu đó cho chúng ta thấy rằng nhìn chung trong cả nước thì số lượng những người kinh doanh nông nghiệp tăng chậm hơn so với mức tăng nhân khẩu nông nghiệp, còn số lượng công nhân làm thuê thì lại tăng nhanh hơn so với mức tăng số lượng nhân khẩu nông nghiệp. Nói khác là: tỷ lệ những người kinh doanh độc lập giảm đi, còn tỷ lệ những người phụ thuộc lại tăng lên.

Chúng ta hãy chú ý rằng sự chênh lệch rất lớn giữa mức tăng số công nhân làm thuê theo cách tính thứ nhất

(+27%) với mức tăng đó theo cách tính thứ hai (+48%) là sự chênh lệch hoàn toàn có thể có, vì theo cách tính thứ nhất, người ta chỉ tính có công nhân *chuyên nghề* làm thuê thôi, còn theo cách tính thứ hai, người ta đã tính gộp *tất cả mọi trường hợp* dùng công nhân làm thuê. Trong nông nghiệp, việc dùng nhân công làm thuê theo mùa, có một ý nghĩa rất lớn, bởi vậy chúng ta phải luôn luôn coi đây là một nguyên tắc: không được thoả mãn với việc xác định số lượng những công nhân làm thuê thường xuyên và công nhân làm thuê theo mùa, mà ngoài ra còn phải tìm đủ mọi cách để xác định tổng số chi phí để trả cho lao động làm thuê nữa.

Dù sao, hai cách tính đó cũng cho chúng ta thấy rõ một cách không thể nghi ngờ gì nữa *sự phát triển* của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp Hợp chủng quốc Mỹ, *sự phát triển* của việc sử dụng lao động làm thuê, mà sự phát triển này thì vượt sự phát triển của nhân khẩu nông nghiệp và của số lượng những phéc-mi-ê.

## 6. NHỮNG KHU CÓ NỀN NÔNG NGHIỆP THÂM CANH NHẤT

Sau khi nghiên cứu những tài liệu tổng quát về lao động làm thuê, là chỉ tiêu rõ ràng nhất về chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, chúng ta có thể chuyển sang phân tích một cách tỉ mỉ hơn *những hình thức* biểu hiện riêng biệt của chủ nghĩa tư bản trong cái ngành kinh tế quốc dân ấy.

Chúng ta đã tìm hiểu một miền mà quy mô trung bình của các ấp trại giảm đi, đó là miền Nam, nơi mà quá trình đó có nghĩa là người ta đang chuyển từ những điền trang của chủ nô sang nền tiểu nông có tính chất thương mại. Còn có một miền nữa mà quy mô trung bình của các ấp trại cũng giảm đi, đó là một phần của miền Bắc: khu An-gli-a

mới và các bang của vùng Trung Đại-tây-dương. Đây là những số liệu về các vùng đó:

	Quy mô trung bình của mỗi ấp trại (ruộng đất trồng trọt), tính thành a-cơ-rơ	
	An-gli-a mới	Các bang ở vùng Trung Đại-tây-dương
1850.....	66,5	70,8
1860.....	66,4	70,3
1870.....	66,4	69,2
1880.....	63,4	68,0
1890.....	56,5	67,4
1900.....	42,4	63,4
1910.....	38,4	62,6

Trong khu An-gli-a mới, quy mô trung bình của một ấp trại thì nhỏ nhất so với tất cả các khu khác ở Hợp chủng quốc Mỹ. Trong hai khu tại miền Nam, quy mô đó là 42 - 43 a-cơ-rơ, còn trong khu thứ ba, tức là khu Trung Tây - Nam, khu còn đang được khẩn thực, quy mô đó là 61,8 a-cơ-rơ, nghĩa là gần bằng ở những bang vùng Trung Đại-tây-dương. Do thấy quy mô trung bình của những ấp trại trong khu An-gli-a mới và ở các bang vùng Trung Đại-tây-dương, - tức là "ở những khu có nền văn hoá lâu đời và có nền kinh tế phát triển nhất" (tr. 60 trong tác phẩm của ông Ghim-me), những khu không có quá trình khẩn thực - đã giảm đi, nên tác giả của chúng ta, cũng như một số lớn những nhà kinh tế học tư sản khác, đi đến chỗ kết luận rằng "nông nghiệp tư bản chủ nghĩa đang tan rã", rằng "nền sản xuất trở nên phân tán và manh mún", rằng "không có một vùng nào mà quá trình khẩn thực không còn diễn ra nữa, mà nền nông nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa lại không đang tan rã, và không bị nền nông nghiệp dựa trên lao động bản thân loại trừ".

Sở dĩ ông Ghim-me đã đi đến những kết luận đó, những



kết luận trái ngược hẳn với sự thật, vì ông ta đã quên mất... một "chi tiết": quá trình thâm canh trong nông nghiệp! Đó là điều khó có thể tin được, nhưng đó là một sự thật. Và vì cả một loạt những nhà kinh tế học tư sản, hầu như là tất cả bọn họ, đều tìm cách quên "chi tiết" ấy, khi nói về nền tiểu sản xuất nông nghiệp và nền đại sản xuất nông nghiệp, tuy rằng "về mặt lý luận", tất cả bọn họ "đều biết" rất rõ và đều thừa nhận quá trình thâm canh trong nông nghiệp, nên ta cần phải bàn về vấn đề đó thật kỹ. Vì đó chính là một trong những nguồn gốc chủ yếu sinh ra tất cả những sai lầm của kinh tế học tư sản (kể cả kinh tế học dân túy chủ nghĩa và cơ hội chủ nghĩa) trong vấn đề nền tiểu nông "dựa trên lao động bản thân". Người ta quên mất cái "chi tiết" là: do những đặc điểm kỹ thuật của nông nghiệp, nên quá trình thâm canh nông nghiệp rất thường hay làm cho quy mô *đơn vị kinh doanh* tăng lên, *sản xuất và chủ nghĩa tư bản* phát triển lên trong khi diện tích trung bình của ruộng đất trồng trọt trong đơn vị kinh doanh *giảm đi*.

Trước hết, chúng ta hãy xem giữa một bên là khu An-gli-a mới và những bang vùng Trung Đại-tây-dương và bên khác là phần còn lại của miền Bắc và tất cả các khu khác ở nước Mỹ, có những sự khác nhau căn bản trong kỹ thuật nông nghiệp, trong tính chất chung của nền nông nghiệp và trong trình độ thâm canh của nông nghiệp không.

Những số liệu sau đây nói lên những sự khác nhau trong ngành trồng trọt:

Các khu	Tỷ lệ phần trăm trong tổng giá trị thu hoạch (1910), —		
	ngũ cốc	cỏ khô và cỏ tươi	rau, trái cây v. v. và các thứ cây đặc sản
An-gli-a mới.....	7,6	41,9	33,5
Trung Đại-tây-dương.....	29,6	31,4	31,8
Trung Đông - Bắc.....	65,4	16,5	11,0
Trung Tây - Bắc.....	75,4	14,6	5,9

Sự khác nhau về những điều kiện của ngành trồng trọt là sự khác nhau có tính chất căn bản. Trong hai khu thứ nhất, chúng ta thấy có một nền nông nghiệp thâm canh cao độ; trong hai khu kia, có một nền nông nghiệp quảng canh. Trong hai khu dưới, ngũ cốc chiếm đại bộ phận trong tổng giá trị thu hoạch; trong hai khu trên, ngũ cốc chiếm không những phần nhỏ nhất, mà đôi khi còn là phần hoàn toàn không đáng kể (7,6%), trong khi đó những cây đặc sản "có tính chất thương mại" (rau, trái cây, v. v.) chiếm phần *lớn hơn* trong giá trị thu hoạch, so với ngũ cốc. Nông nghiệp quảng canh nhường chỗ cho nền nông nghiệp thâm canh. Việc trồng cỏ nuôi súc vật được tiến hành rộng rãi. Trong khu An-gli-a mới, trong số 3,8 triệu a-cơ-rơ đất cung cấp cỏ khô và cỏ tươi cho súc vật, thì diện tích *cỏ gieo trồng* chiếm tới 3,3 triệu a-cơ-rơ. Trong những bang ở vùng Trung Đại-tây-dương, thì những con số tương ứng là: 8,5 và 7,9 triệu a-cơ-rơ. Trái lại, trong những bang ở Trung Tây - Bắc (khu đang khẩn thực và có nền nông nghiệp quảng canh), thì trong số 27,4 triệu a-cơ-rơ cung cấp cỏ khô và cỏ tươi cho súc vật, có 14,5 triệu a-cơ-rơ, tức là trên một nửa, là những đồng cỏ "hoang", v.v..

Trong những bang "thâm canh", thu hoạch cao hơn rõ rệt:

C ác k h u:	Thu hoạch trên mỗi a-cơ-rơ, tính bằng bu-sen			
	ngô		lúa mì	
	1909	1899	1909	1899
An-gli-a mới.....	45,2	39,4	23,5	18,0
Trung Đại-tây-dương.....	32,2	34,0	18,6	14,9
Trung Đông - Bắc.....	38,6	38,3	17,2	12,9
Trung Tây - Bắc.....	27,7	31,4	14,8	12,2

Đối với nghề chăn nuôi có tính chất thương mại và ngành kinh doanh sữa, là những ngành đặc biệt phát triển trong những khu đó, thì ta cũng thấy có tình hình như vậy:

Các khu:	Số lượng trung bình bò sữa trong mỗi ấp trại (1900)	Sản lượng trung bình về sữa của mỗi con bò (tính bằng ga-lông) 1909	1899
An-gli-a mới.....	5,8	476	548
Trung Đại-tây-dương.....	6,1	490	514
Trung Đông - Bắc.....	4,0	410	487
Trung Tây - Bắc.....	4,9	325	371
Miền Nam (3 khu).....	1,9 - 3,1	232 - 288	290 - 395
Miền Tây (2 khu) .....	4,7 - 5,1	339 - 475	334 - 470
Tính trung bình cho cả Hợp chủng quốc Mỹ .....	3,8	362	424

Từ đó, ta thấy rằng, trong những bang "thâm canh", ngành kinh doanh sữa là ngành có quy mô *lớn* hơn rất nhiều so với tất cả những bang khác. Những khu có nhiều ấp trại *bé* nhất - bé về diện tích ruộng đất trồng trọt - lại là những khu có ngành kinh doanh sữa *lớn* nhất. Sự kiện đó có một ý nghĩa lớn, vì như mọi người đều biết, kinh doanh sữa là một ngành phát triển nhanh nhất tại các vùng quanh thành thị và trong những xứ (hay khu) có nền công nghiệp đặc biệt phát triển. Những thống kê của Đan-mạch, Đức và Thụy-sĩ, mà ở chỗ khác chúng tôi sẽ bàn đến<sup>1)</sup>, cũng cho chúng ta thấy rằng sữa vật vắt sữa *ngày càng tập trung*.

Trong những bang "thâm canh", như chúng ta đã thấy, so với ngũ cốc, cỏ khô và cỏ tươi cho gia súc chiếm một phần lớn hơn rất nhiều trong tổng giá trị thu hoạch. Và ở đó, sự phát triển chăn nuôi, phần lớn, là nhờ vào *thức ăn cho gia súc mua ở nơi khác*. Về vấn đề ấy, đây là những số liệu năm 1909:

<sup>1)</sup> Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 250 - 330.

C á c k h u:	Tổng số (triệu đô-la)		
	thu nhập do bán thức ăn cho gia súc	chi để mua thức ăn cho gia súc	Thu vượt quá chi (+) hoặc ngược lại (—)
An-gli-a mới	+ 4,3	- 34,6	- 30,3
Trung Đại-tây-dương	+ 21,6	- 54,7	- 33,1
Trung Đông - Bắc	+ 195,6	- 40,6	+ 155,0
Trung Tây - Bắc	+ 174,4	- 76,2	+ 98,2

Những bang quảng canh ở miền Bắc bán thức ăn cho gia súc. Những bang thâm canh mua thức ăn cho gia súc. Dĩ nhiên là nếu mua thức ăn cho gia súc, thì người ta có thể tiến hành kinh doanh trên quy mô *lớn* và có tính chất tư bản chủ nghĩa cao, trên một diện tích *hẹp*.

Chúng ta hãy so sánh hai khu thâm canh ở miền Bắc, tức là khu An-gli-a mới và khu Trung Đại-tây-dương, với khu quảng canh nhất ở miền Bắc, tức là khu Trung Tây - Bắc:

C á c k h u:	Số a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt (triệu)	Giá trị toàn bộ vật (triệu đô-la)	Thu nhập do bán thức ăn cho gia súc (triệu đô-la)	Tiền chi để mua thức ăn cho gia súc (triệu đô-la)
An-gli-a mới + các bang ở Trung Đại-tây-dương.....	36,5	447	26	89
Các bang ở Trung Tây - Bắc.....	164,3	1 552	174	76

Chúng ta thấy rằng, trong những bang thâm canh, tính trên mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt, thì có nhiều gia súc hơn (447: 36 = 12 đô-la cho 1 a-cơ-rơ) so với những bang quảng canh (1 552: 164 = 9 đô-la). Tính trên mỗi đơn vị

diện tích đất đai, số tư bản dưới hình thức gia súc được đầu tư nhiều hơn. Trong những bang thâm canh, tính trên mỗi đơn vị diện tích thì tổng doanh số buôn bán thức ăn cho gia súc (mua + bán) cao hơn (26 + 89 = 115 triệu đô-la cho 36 triệu a-cơ-rơ) hết sức nhiều so với những bang quảng canh (174 + 76 = 250 triệu đô-la cho 164 triệu a-cơ-rơ). Rõ ràng là so với những bang quảng canh thì trong những bang thâm canh, nền nông nghiệp có nhiều *tính chất thương mại* hơn.

Những số liệu về chi phí cho phân bón và về giá trị của những nông cụ và máy móc là biểu hiện bằng thống kê chính xác nhất nói lên mức độ thâm canh của nông nghiệp. Đây là những số liệu đó:

		C á c k h u:				
		Tỷ lệ phân trăm những áp trại mua phân bón	Chi phí trung bình của mỗi áp trại (đô-la)	Chi phí trung bình cho mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt (đô-la)	Số trung bình về ruộng đất trồng trọt của mỗi áp trại (a-cơ-rơ)	(1909)
Miền Bắc	An-gli-a mới.....	60,9	82	1,30	0,53	38,4
	Trung Đại-tây-dương.....	57,1	68	0,62	0,37	62,6
	Trung Đông - Bắc.....	19,6	37	0,09	0,07	79,2
	Trung Tây - Bắc.....	2,1	41	0,01	0,01	148,0
Miền Nam	Nam Đại-tây-dương.....	69,2	77	1,23	0,49	43,6
	Trung Đông - Nam.....	33,8	37	0,29	0,13	42,2
	Trung Tây - Nam.....	6,4	53	0,06	0,03	61,8
Miền Tây	Sơn cước.....	1,3	67	0,01	0,01	,8
	Thái-bình-dương.....	6,4	189	0,10	0,05	116,1
Toàn bộ Hợp chúng quốc Mỹ.....		28,7	63	0,24	0,13	75,2

Ở đây, chúng ta thấy rất rõ sự khác nhau giữa một bên là những khu quảng canh ở miền Bắc, nơi mà con số những áp trại mua phân về dùng, chiếm một tỷ lệ phần trăm rất nhỏ (2 - 19%) và tiền chi phí mua phân tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt là hết sức nhỏ (0,01 - 0,09 đô-la) và một bên là những bang thâm canh, nơi mà *đa số* áp trại (57 - 60%) đều mua phân về dùng và tiền chi phí mua phân là những món tiền lớn. Chẳng hạn ở khu An-gli-a mới, tính theo mỗi a-cơ-rơ, thì tiền chi phí mua phân lên đến 1,30 đô-la, đây là con số *cao nhất* trong tất cả các khu (lại một lần nữa, quy mô áp trại bé nhất tính theo diện tích đất đai và chi phí mua phân cao nhất!) và còn cao hơn con số ở một khu thuộc miền Nam (những bang Nam Đại-tây-dương). Cần chú ý rằng ở miền Nam là nơi mà chúng ta đều biết là lao động của người da đen làm rẽ được sử dụng nhiều hơn nơi nào hết, việc trồng bông đòi hỏi phải dùng rất nhiều phân bón nhân tạo.

Trong những bang của khu Thái-bình-dương, chúng ta thấy rằng những áp trại dùng phân chiếm một tỷ lệ phần trăm hết sức thấp (6,4%) và chi phí về phân, tính trung bình mỗi áp trại, lại lên đến mức cao nhất (189 đô-la), dĩ nhiên là chỉ tính những áp trại có dùng phân. Ở đây chúng ta lại thấy một điển hình khác: nền nông nghiệp *lớn* và tư bản chủ nghĩa phát triển trong khi diện tích đất dùng vào việc kinh doanh *giảm đi*. Trong số ba bang của khu Thái-bình-dương, thì hai bang, tức là bang Oa-sinh-tơn và bang Ô-rê-gôn, nói chung dùng rất ít phân, không đáng kể: mỗi a-cơ-rơ chỉ dùng mất có 0,01 đô-la tiền phân. Chỉ trong bang thứ ba, tức bang Ca-li-phoóc-ni-a, số chi phí về phân mới tương đối cao: năm 1899 là 0,08 đô-la và năm 1909 là 0,19 đô-la. Trong bang đó, việc sản xuất trái cây chiếm một vai trò đặc biệt, và tăng lên một cách hết sức nhanh chóng dưới một hình thức thuần túy tư bản chủ nghĩa, và năm 1909, sản xuất trái cây ở bang này đem lại 33,1%

tổng giá trị thu hoạch, còn ngũ cốc đem lại 18,3%, cỏ khô và cỏ tươi cho gia súc đem lại 27,6%. Trong ngành sản xuất trái cây, doanh nghiệp điển hình là những ấp trại có một diện tích *thấp hơn mức trung bình*, nhưng số phân bón được dùng và số công nhân làm thuê ở đó lại *cao hơn nhiều* so với mức trung bình. Chúng ta sẽ còn có dịp bàn đến loại quan hệ đó, đó là những quan hệ điển hình của những nước tư bản chủ nghĩa có nền nông nghiệp thâm canh, những quan hệ mà các nhà thống kê và kinh tế học ít biết đến nhất.

Nhưng chúng ta hãy trở lại những bang "thâm canh" ở miền Bắc. Tại khu An-gli-a mới, không những mức sử dụng phân bón đã cao hơn hết, 1,30 đô-la một a-cơ-rơ, trong khi quy mô trung bình của mỗi ấp trại ở đó là nhỏ nhất (38,4 a-cơ-rơ), mà số chi phí về phân bón ở đó lại tăng lên một cách đặc biệt nhanh chóng. Trong 10 năm, từ năm 1899 đến năm 1909, chi phí về phân bón ở đó đã tăng từ 0,53 đô-la lên đến 1,30 đô-la mỗi a-cơ-rơ, nghĩa là tăng lên gấp hai lần rưỡi. Vậy là sự thâm canh trong nông nghiệp, tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp, việc cải tiến cách trồng trọt tiến triển ở đây hết sức nhanh chóng. Để thấy cụ thể hơn ý nghĩa của hiện tượng đó, chúng ta hãy so sánh khu thâm canh nhất của miền Bắc, tức là khu An-gli-a mới, với khu quảng canh nhất của miền đó là khu Trung Tây - Bắc. Khu Trung Tây - Bắc này hầu như không dùng đến phân nhân tạo (2,1% ấp trại dùng phân nhân tạo và mỗi a-cơ-rơ chi phí mất 0,01 đô-la tiền phân); quy mô các ấp trại khu này thì rộng nhất trong toàn nước Mỹ (148,0 a-cơ-rơ) và quy mô các ấp trại tăng lên nhanh chóng nhất. Thường thường, người ta lấy chính khu đó làm kiểu mẫu của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp ở nước Mỹ, đó là điều mà ông Ghim-me cũng đã làm. Quan điểm quen thuộc đó là sai lầm, dưới đây, chúng ta sẽ nói tỉ mỉ tại sao lại sai lầm. Quan điểm sai lầm đó, được xây dựng trên sự lẫn lộn hình thức thô sơ nhất, nguyên thủy nhất của nền nông nghiệp quảng canh

với nền nông nghiệp thâm canh và tiến bộ về mặt kỹ thuật. Trong khu Trung Tây - Bắc, quy mô của ấp trại lớn gần gấp bốn lần quy mô của ấp trại trong khu An-gli-a mới (148,0 a-cơ-rơ so với 38,4 a-cơ-rơ), nhưng ở đó, mức chi phí về phân bón của mỗi ấp trại có dùng phân bón, tính trung bình, lại thấp hơn hai lần: 41 đô-la so với 82 đô-la.

Do đó, trong hiện thực sinh động, người ta thấy có những trường hợp mà diện tích ruộng đất của mỗi ấp trại *giảm xuống* rất nhiều lại gắn liền với tình trạng chi phí về phân nhân tạo *tăng lên* rất nhiều, thành thử nền sản xuất "nhỏ" — nếu người ta cứ theo nếp cũ mà coi nó là nhỏ vì chỉ xét diện tích đất đai — lại hoá ra "lớn" về mặt số lượng tư bản đầu tư vào ruộng đất. Đó không phải là những trường hợp cá biệt, mà là những trường hợp điển hình cho tất cả những nước nào mà ở đó nền nông nghiệp thâm canh đang thay thế nền nông nghiệp quảng canh. Và đó là trường hợp của *tất cả* những nước tư bản chủ nghĩa; và việc coi thường đặc điểm điển hình chủ yếu, căn bản ấy của nông nghiệp làm nảy sinh những sai lầm thường thấy ở những kẻ sùng bái nền tiểu nông, là những kẻ chỉ lấy diện tích ruộng đất làm tiêu chuẩn để nhận xét.

## 7. MÁY MÓC VÀ LAO ĐỘNG LÀM THUÊ TRONG NÔNG NGHIỆP

Chúng ta hãy xét một hình thức khác của việc đầu tư vào ruộng đất, khác với hình thức đầu tư nói trên về mặt kỹ thuật, cụ thể là việc sử dụng các công cụ và máy móc. Tất cả những thống kê nông nghiệp ở châu Âu đều chứng tỏ một cách không thể chối cãi được rằng diện tích của doanh nghiệp càng rộng, thì tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp dùng đủ các loại máy móc càng lớn, và số máy móc được dùng cũng càng nhiều. Về phương diện hết sức quan trọng đó, tính ưu việt của những doanh nghiệp lớn là điều

hoàn toàn và tuyệt đối rõ ràng. Về điểm này, thống kê của nước Mỹ có đôi chút độc đáo: người ta không ghi tách bạch những công cụ và máy móc nông nghiệp ra, mà người ta chỉ xác định tổng giá trị của những thứ đó thôi. Cố nhiên, có thể là đối với từng trường hợp riêng biệt, những số liệu loại như vậy thì ít chính xác hơn: nhưng trái lại, nói chung, những tài liệu đó lại cho phép ta tiến hành những sự so sánh nào đó giữa các khu và các nhóm doanh nghiệp, việc so sánh này không thể nào thực hiện được bằng những tài liệu thuộc loại khác thế.

Sau đây là những số liệu về công cụ và máy móc nông nghiệp, theo từng khu:

C á c k h u:	Giá trị công cụ và máy móc (1909), tính thành đô-la		
	tính trung bình cho mỗi ấp trại	tính trung bình cho mỗi a-cơ-rơ của toàn bộ ruộng đất của các ấp trại	
Miền Bắc	An-gli-a mới.....	269	2,58
	Trung Đại-tây-dương.....	358	3,88
	Trung Đông - Bắc.....	239	2,28
	Trung Tây - Bắc.....	332	1,59
	Miền Nam (ba khu).....	72 - 88 - 127	0,71 - 0,92 - 0,95
	Miền Tây (hai khu).....	269 - 350	0,83 - 1,29
Toàn bộ Hợp chủng quốc Mỹ.....	199	1,44	

Vậy là về mặt sử dụng máy móc, thì miền Nam trước kia là của chủ nô là miền có chế độ làm rẽ, đứng vào hàng cuối cùng. Tính mỗi a-cơ-rơ ruộng đất, thì ở đó, giá trị công cụ và máy móc, tùy theo từng khu, thấp hơn những bang thâm canh ở miền Bắc từ ba, bốn đến năm lần. Những bang thâm canh này đứng hàng đầu trong tất cả các bang khác và đặc biệt là vượt xa miền nông nghiệp chủ yếu của nước Mỹ, vựa thóc của Mỹ: các bang thuộc khu Trung

Tây - Bắc, những bang mà các nhà quan sát hời hợt vẫn thường coi là khu điển hình về việc sử dụng máy móc và về chủ nghĩa tư bản.

Chúng ta nên chú ý rằng phương pháp mà những nhà thống kê Mỹ vẫn dùng là tính giá trị của máy móc, cũng như giá trị của ruộng đất, gia súc, nhà cửa, v.v. theo mỗi a-cơ-rơ của *toàn bộ* diện tích các ấp trại, chứ không phải chỉ tính theo diện tích trồng trọt, phương pháp này đã làm giảm bớt tính ưu việt của những bang "thâm canh" ở miền Bắc, và hoàn toàn không thể coi là một phương pháp đúng đắn được. Về mặt tỷ số phần trăm ruộng đất trồng trọt, thì các miền rất là khác nhau: ở miền Tây, đối với những bang thuộc khu sơn cước, tỷ số đó xuống đến 26,7%; ở miền Bắc, đối với những bang thuộc khu Trung Đông - Bắc, tỷ số đó lên đến 75,4%. Đối với thống kê kinh tế, không nghi ngờ gì nữa, cái quan trọng hơn lại là diện tích trồng trọt, chứ không phải toàn bộ diện tích. Trong khu An-gli-a mới, số lượng ruộng đất trồng trọt trong các ấp trại và tỷ số phần trăm ruộng đất đó cứ giảm đi rất nhiều, đặc biệt là từ năm 1880, chắc chắn là do ảnh hưởng của sự cạnh tranh của những đất đai tự do ở miền Tây (tự do ở đây có nghĩa là không phải đóng địa tô hay cống vật cho địa chủ). Tuy nhiên, chính trong vùng đó, việc sử dụng máy móc lại phát triển nhất, giá trị máy móc tính theo mỗi a-cơ-rơ *ruộng đất trồng trọt*, lại cao nhất. Năm 1910, tính theo mỗi a-cơ-rơ, ở khu này giá trị đó là 7 đô-la, trong những bang thuộc khu Trung Đại-tây-dương, giá trị đó là vào khoảng 5 1/2 đô-la, và trong các khu khác, không quá 2 - 3 đô-la mỗi a-cơ-rơ.

Thế là chúng ta lại thấy một lần nữa rằng khu những ấp trại *nhỏ* nhất về mặt diện tích là khu mà số tư bản bỏ vào ruộng đất, dưới hình thức máy móc, lại *lớn* hơn cả.

Nếu chúng ta lấy một khu "thâm canh" của miền Bắc, khu Trung Đại-tây-dương, để so sánh với một khu "quảng canh" nhất của miền đó, tức là khu Trung Tây - Bắc, chúng ta sẽ thấy rằng đúng về mặt số lượng ruộng đất trồng trọt

của mỗi một ấp trại mà nói, thì đặc điểm của khu Trung Đại-tây-dương là sản xuất "nhỏ" hơn trên hai lần: - 62,6 a-cơ-rơ so với 148,0 a-cơ-rơ - nhưng về giá trị máy móc được sử dụng, thì khu ấy lại vượt khu Trung Tây - Bắc: 358 đô-la so với 332 đô-la mỗi một ấp trại. Xét về mức độ sử dụng máy móc thì những ấp trại nhỏ lại sử dụng nhiều máy móc hơn.

Chúng ta còn phải đối chiếu những số liệu về tính chất thâm canh của nông nghiệp với những số liệu về việc sử dụng lao động làm thuê. Trên kia, ở § 5 chúng ta đã dẫn ra một cách sơ lược những số liệu về việc sử dụng lao động làm thuê. Bây giờ chúng ta cần xem xét tỉ mỉ những tài liệu đó, theo từng khu một:

Các khu:	Tỷ lệ phần trăm những ấp trại đã thuê công nhân, năm 1909	Chi phí trung bình về nhân công làm thuê, tính mỗi ấp trại (đã thuê công nhân) (tính bằng đô-la)	Chi phí về lao động làm thuê, tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt		Mức tăng của chi phí đó trong khoảng từ 1899 đến 1909, tính theo tỷ lệ phần trăm	
			1909	1899		
Miền Bắc	An-gli-a mới.....	66,0	277	4,76	2,55	+86%
	Trung Đại-tây-dương.....	65,8	253	2,66	1,64	+62%
Miền Nam	Trung Đông - Bắc.....	52,7	199	1,33	0,78	+71%
	Trung Tây - Bắc.....	51,0	240	0,83	0,56	+48%
	Nam Đại-tây-dương.....	42,0	142	1,37	0,80	+71%
	Trung Đông - Nam.....	31,6	107	0,80	0,49	+63%
Miền Tây	Trung Tây - Nam.....	35,6	178	1,03	0,75	+37%
	Sơn cước.....	46,8	547	2,95	2,42	+22%
	Thái-bình-dương.....	58,0	694	3,47	1,92	+80%
Toàn bộ Hợp chủng quốc Mỹ.....		45,9	223	1,36	0,86	+58%

Do đó, chúng ta thấy rằng: một là những bang thâm canh ở miền Bắc khác hẳn và khác về mọi mặt, với những bang quảng canh, ở chỗ chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp phát triển hơn nhiều; hai là trong những khu thâm canh đó, chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh hơn ở những khu quảng canh; ba là khu có những ấp trại nhỏ nhất tức khu An-gli-a mới, thì hơn các khu khác trong nước cả về trình độ phát triển cao của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, cả về tốc độ rất lớn của sự phát triển đó nữa. Trong khu đó, chi phí về lao động làm thuê, tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt, tăng 86%, và về mặt này thì những bang trong khu Thái-bình-dương đứng hàng thứ hai. Trong số những bang thuộc khu Thái-bình-dương thì bang nổi bật về mặt này là bang Ca-li-phoóc-ni-a, ở đây, như chúng ta đã nói trên kia, nền canh tác "nhỏ" tư bản chủ nghĩa về trồng cây ăn quả phát triển nhanh.

Thông thường người ta cho rằng khu tư bản chủ nghĩa "kiểu mẫu" của nông nghiệp Mỹ là những bang Trung Tây - Bắc, ở đây quy mô các ấp trại là rộng nhất (chỉ tính riêng diện tích trồng trọt, thì năm 1910, mỗi ấp trại có trung bình là 148,0 a-cơ-rơ) và quy mô đó tăng lên nhanh chóng nhất và liên tục nhất sau năm 1850. Bây giờ, chúng ta đã thấy ý kiến đó là hết sức sai lầm. Dĩ nhiên là mức độ sử dụng lao động làm thuê là chỉ tiêu rõ rệt nhất và trực tiếp nhất nói lên sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Chính chỉ tiêu đó lại cho chúng ta thấy rằng cái "vựa lúa" của nước Mỹ, cái khu có những "nhà máy sản xuất lúa mì" lừng danh, và dễ thấy, lại ít tính chất tư bản chủ nghĩa hơn khu công nghiệp và nông nghiệp thâm canh, là khu mà sự tiến bộ của nông nghiệp không biểu hiện ra ở chỗ diện tích trồng trọt tăng lên, mà lại biểu hiện ra ở chỗ những khoản đầu tư vào ruộng đất *tăng lên* trong khi diện tích trồng trọt *giảm đi*.

Hoàn toàn có thể hình dung được rằng việc khai khẩn những "vùng đất đen" hay đất hoang nói chung, có thể mở

rộng ra rất nhanh nếu dùng máy móc, dù lao động làm thuê chỉ tăng lên ít thôi. Trong những bang thuộc khu Trung Tây - Bắc, tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt thì chi phí về lao động làm thuê năm 1899 là 0,56 đô-la, và năm 1909 là 0,83 đô-la. Như thế là chỉ tăng có 48%. Trong khu An-gli-a mới, là khu mà số lượng ruộng đất trồng trọt giảm đi chứ không tăng lên và quy mô trung bình của các ấp trại cũng giảm đi chứ không tăng lên, thì chi phí về lao động làm thuê năm 1899 (2,55 đô-la một a-cơ-rơ) và năm 1909 (4,76 đô-la) không những cao hơn nhiều, mà suốt trong thời kỳ đó, chi phí ấy lại tăng nhanh hơn rất nhiều ( $\pm 86\%$ ).

Trong khu An-gli-a mới, mỗi ấp trại loại trung bình so với trong những bang thuộc khu Trung Tây - Bắc, thì *nhỏ hơn bốn lần* (38,4 a-cơ-rơ so với 148,0 a-cơ-rơ), nhưng chi phí trung bình về lao động làm thuê ở khu đó lại *cao hơn* khu kia: 277 đô-la so với 240 đô-la. Do đó, trong các trường hợp tương tự như vậy, diện tích các ấp trại giảm đi, có nghĩa là số tư bản đầu tư vào nông nghiệp tăng lên, tính chất tư bản chủ nghĩa của nông nghiệp tăng thêm, chủ nghĩa tư bản và sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển.

Nếu nói những bang thuộc khu Trung Tây - Bắc, - chiếm 34,3% toàn bộ diện tích trồng trọt của Hợp chủng quốc Mỹ, - là những bang đặc biệt tiêu biểu về mặt là khu điển hình về nông nghiệp tư bản chủ nghĩa "quảng canh", thì những bang thuộc khu *sơn cước*, trong điều kiện khẩn thực nhanh nhất, cũng cho ta thấy một điển hình về quảng canh tương tự. So với khu Trung Tây - Bắc, thì về mặt tỷ lệ phần trăm những ấp trại thuê lao động làm thuê khu sơn cước ít sử dụng lao động làm thuê hơn; nhưng về mặt chi phí trung bình về nhân công thì lại lớn hơn nhiều. Nhưng ở đây, lao động làm thuê tăng chậm (chỉ có +22% thôi) hơn tất cả các khu khác ở nước Mỹ. Hình thức phát triển

đó chắc chắn là do những hoàn cảnh sau đây mà có. Trong khu đó, việc khẩn thực và việc cấp các hòm-xtét được tiến hành hết sức mạnh. Trong khu này, số lượng ruộng đất trồng trọt tăng lên nhanh hơn bất cứ khu nào khác: từ năm 1900 đến năm 1910, tăng 89%. Những người khẩn thực, những người chủ các hòm-xtét dĩ nhiên là ít dùng đến lao động làm thuê, ít ra là lúc mới bắt đầu kinh doanh. Mặt khác, chắc chắn là lao động làm thuê được sử dụng rất rộng rãi, thứ nhất là trong một số những điền trang; trong khu này cũng như trong toàn bộ miền Tây nói chung, đặc biệt có nhiều điền trang; hai là trong những trang trại trồng những loại cây chuyên canh và có tính chất tư bản chủ nghĩa đến cao độ. Chẳng hạn như trong một số bang của miền đó, thì chiếm một tỷ lệ phần trăm rất cao trong tổng giá trị thu hoạch là trái cây (6% ở bang A-ri-dô-na, 10% ở bang Cô-lô-ra-đô), là rau (11,9% ở bang Cô-lô-ra-đô, 11,2% ở bang Nê-va-đa), v. v..

Tóm lại, đối với lời ông Ghim-me khẳng định rằng "không có một vùng nào mà quá trình khẩn thực không còn diễn ra nữa, còn nền nông nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa lại không đang tan rã và không bị nền nông nghiệp dựa trên lao động bản thân lấn át", chúng ta phải nói đó là chế giễu sự thật và hoàn toàn trái ngược với tình hình thực tế. Khu An-gli-a mới, khu mà ở đó không có quá trình khẩn thực và ấp trại nhỏ bé nhất và ở đó có nền nông nghiệp thâm canh hơn tất cả mọi chỗ khác, lại là khu mà chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp đạt đến trình độ cao nhất và chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh nhất. Kết luận này có một ý nghĩa cơ bản và chủ yếu nhất giúp chúng ta hiểu được quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp nói chung, vì hiện tượng thâm canh hoá nông nghiệp và hiện tượng diện tích ruộng đất trung bình của mỗi ấp trại giảm đi gắn liền với sự thâm canh không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, có tính chất địa phương, tạm thời, mà là một hiện tượng *phổ biến* trong

tất cả các nước văn minh. Sở dĩ tất cả các nhà kinh tế học tư sản, không trừ một ai, đều phạm vô số sai lầm về những tài liệu về sự phát triển của nông nghiệp, chẳng hạn ở Anh, ở Đan-mạch, hay ở Đức, là do chưa hiểu, chưa thấu triệt, chưa nắm vững, chưa suy nghĩ đầy đủ về hiện tượng phổ biến đó.

### 8. NHỮNG TRANG TRẠI LỚN LOẠI TRỪ NHỮNG TRANG TRẠI NHỎ. SỐ LƯỢNG RUỘNG ĐẤT TRỒNG TRỌT

Chúng ta đã xem xét những hình thức chủ yếu của quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, và chúng ta đã có thể tin chắc rằng những hình thức đó có muôn hình muôn vẻ. Những điền trang của chủ nô ở miền Nam bị tan rã, quy mô của những trang trại lớn quảng canh ngày càng tăng ở những khu quảng canh trên miền Bắc, chủ nghĩa tư bản phát triển hết sức nhanh ở những khu thâm canh ở miền Bắc là nơi mà, tính diện tích trung bình, có những ấp trại nhỏ nhất - đây là những hình thức chủ yếu nhất trong các hình thức đó. Những sự thật chứng minh một cách không chối cãi được rằng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản khi thì biểu hiện ra ở chỗ quy mô các ấp trại tăng lên, khi thì biểu hiện ra ở chỗ số lượng các ấp trại tăng lên. Do có tình hình như vậy nên những số liệu chung cho cả nước về quy mô trung bình của các ấp trại không nói lên được điều gì cả.

Vậy tổng kết chung các đặc điểm địa phương và đặc điểm nông nghiệp là như thế nào? Những số liệu về lao động làm thuê đã cho chúng ta tổng kết chung ấy rồi. Việc sử dụng ngày càng nhiều lao động làm thuê là một quá trình chung xuyên qua *tất cả* các đặc điểm đó. Nhưng, trong tuyệt đại đa số các nước văn minh, những thống kê nông nghiệp, do cố ý hay không cố ý, đều theo những quan điểm và thiên

kiến tư sản đang thống trị, nên hoàn toàn không cho chúng ta được một tài liệu nào có hệ thống về lao động làm thuê, hoặc chỉ mãi gần đây (điều tra nông nghiệp ở Đức năm 1907) mới cung cấp cho chúng ta những tài liệu như vậy, thành thử việc so sánh với quá khứ không thể nào làm được. Trong thống kê của Mỹ, vào khoảng từ năm 1900 đến 1910, đã có tình trạng tụt lùi ghê gớm trong việc thu thập và xử lý những tài liệu về lao động làm thuê; tình trạng này, chúng tôi sẽ chỉ ra một cách tỉ mỉ vào đúng chỗ và đúng lúc cần thiết.

Ở Mỹ và ở phần lớn các nước khác, phương pháp thông thường, hay dùng nhất, để làm những bản tổng kết, vẫn là so sánh diện tích đất đai của các trang trại nhỏ và lớn với nhau. Bây giờ chúng ta hãy xem những tài liệu đó.

Khi chia các ấp trại thành loại theo số lượng đất đai, thống kê Mỹ tính toàn bộ diện tích ruộng đất chứ không chỉ tính diện tích ruộng đất trồng trọt là phương pháp dĩ nhiên đúng hơn mà thống kê Đức đã theo. Khi phân tích những tài liệu của cuộc điều tra năm 1910, thì ở Hợp chúng quốc Mỹ, người ta sắp xếp thành *bảy* loại (loại dưới 20 a-cơ-rơ, loại từ 20 đến 49 a-cơ-rơ, từ 50 đến 99, từ 100 đến 174, từ 175 đến 499, từ 500 đến 999 và từ 1000 a-cơ-rơ trở lên), nhưng người ta không nêu rõ cái cơ sở hợp lý của sự phân chia đó. Có lẽ ở đây, thái độ thủ cựu trong thống kê có một tác dụng rất lớn. Chúng ta sẽ gọi những loại ấp trại rộng từ 100 đến 174 a-cơ-rơ là loại ấp trại trung bình, vì thuộc loại này phần lớn là những hòm-xtét (tiêu chuẩn nhà nước quy định là 160 a-cơ-rơ), và vì trong phần lớn các trường hợp, thì chính những quy mô sở hữu ruộng đất loại đó bảo đảm cho người làm ruộng được "độc lập" nhiều nhất về mặt sử dụng nhân công làm thuê với mức độ ít nhất. Những loại có diện tích rộng hơn, chúng ta gọi là loại ấp trại lớn, hay loại ấp trại tư bản chủ nghĩa, vì thông thường, ở đây người ta không thể không sử dụng



lao động làm thuê. Chúng ta xếp những ấp trại rộng từ 1000 a-cơ-rơ trở lên - miền Bắc thì  $\frac{3}{5}$  trong số đó không được trồng trọt, ở miền Nam là  $\frac{9}{10}$  và ở miền Tây là  $\frac{2}{3}$  - vào loại các điền trang. Và những ấp trại rộng dưới 100 a-cơ-rơ, chúng ta gọi là loại ấp trại nhỏ; trong ba loại ấp trại nhỏ, tỷ lệ phần trăm những ấp trại không có ngựa, tính từ loại nhỏ nhất trở lên, là 51 - 43 - 23%, tình hình đó cho phép chúng ta đánh giá được chừng nào đó mức độ độc lập về kinh tế của chúng. Cố nhiên không nên coi cách sắp xếp đó là tuyệt đối và đem áp dụng vào từng khu hay từng vùng riêng biệt có những điều kiện riêng mà không có một sự phân tích đặc biệt nào cả.

Ở đây, chúng tôi không có thể đưa ra những số liệu về tất cả bảy loại đó trong tất cả những khu chủ yếu ở Hợp chủng quốc Mỹ, vì làm như thế thì sự trình bày của chúng tôi sẽ bị một số lượng số liệu to lớn làm cho phình ra quá nhiều. Bởi vậy, chúng tôi chỉ hạn chế trong việc nêu ra một cách ngắn gọn những sự khác nhau chủ yếu giữa miền Bắc, miền Nam và miền Tây, và sẽ chỉ nêu ra những số liệu đầy đủ về toàn Hợp chủng quốc Mỹ thôi. Chúng tôi xin nhắc lại rằng  $\frac{3}{5}$  tổng số ruộng đất trồng trọt (60,6%) là nằm ở miền Bắc, chưa đầy một phần ba (31,5%) ở miền Nam, còn thì không đầy  $\frac{1}{12}$  (7,9%) ở miền Tây.

Sự khác nhau rõ rệt nhất giữa ba miền chủ yếu đó là ở chỗ trong miền Bắc tư bản chủ nghĩa thì có ít điền trang hơn; nhưng số lượng những điền trang đó đang tăng lên, cũng như tổng diện tích ruộng đất của chúng và cả diện tích ruộng đất trồng trọt của chúng cũng đang tăng lên. Năm 1910, ở miền Bắc, có 0,5% điền trang rộng từ 1000 a-cơ-rơ trở lên, những điền trang đó chiếm 6,9% toàn bộ ruộng đất và 4,1% là diện tích ruộng đất trồng trọt. Ở miền Nam, tỷ lệ phần trăm những điền trang đó là 0,7%; những điền trang này chiếm 23,9% toàn bộ ruộng đất và 4,8% diện tích ruộng đất trồng trọt. Ở miền Tây, tỷ lệ phần trăm

những điền trang đó là 3,9%; những điền trang này chiếm 48,3% toàn bộ diện tích ruộng đất và 32,3% diện tích ruộng đất trồng trọt. Đó là tình hình chúng ta đã được biết: những điền trang của chủ nô ở miền Nam và những điền trang còn rộng lớn hơn nữa ở miền Tây, một phần là cơ sở để tiến hành chăn nuôi với quy mô hết sức lớn, và một phần là những vùng của những "kẻ đi khẩn thực", đó là những vùng đất dự trữ rộng lớn được đem bán lại hoặc (trường hợp này họa hoằn lắm mới xảy ra) được đem cho những người thật sự làm nghề nông thuê - những người này đang khai khẩn miền "Viễn Tây".

Cái gương nước Mỹ cho chúng ta thấy rõ ràng rằng lẫn lộn những điền trang với đại nông nghiệp tư bản chủ nghĩa là hết sức không thận trọng, rằng thường thường những điền trang là tàn dư của những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa: quan hệ nô lệ, phong kiến hay gia trưởng. Ở miền Nam, cũng như ở miền Tây, đang có tình trạng là những điền trang lớn bị chia nhỏ, bị phân tán ra. Ở miền Bắc, toàn bộ diện tích ruộng đất của các ấp trại đã tăng lên 30,7 triệu a-cơ-rơ, trong số đó thì chỉ có 2,3 triệu là thuộc những điền trang, còn 32,2 triệu là thuộc những ấp trại lớn, tư bản chủ nghĩa (rộng từ 175 đến 999 a-cơ-rơ). Ở miền Nam, toàn bộ diện tích ruộng đất các ấp trại đã giảm đi 7,5 triệu a-cơ-rơ. Diện tích những điền trang, giảm đi 31,8 triệu a-cơ-rơ. Diện tích những ấp trại nhỏ, tăng thêm 13 triệu; diện tích những ấp trại trung bình tăng thêm 5 triệu. Ở miền Tây, là miền mà toàn bộ diện tích ruộng đất các ấp trại ở đó đã tăng 17 triệu a-cơ-rơ; diện tích ruộng đất những điền trang lớn giảm đi 1,2 triệu a-cơ-rơ; diện tích ruộng đất những ấp trại nhỏ tăng thêm 2 triệu; diện tích ruộng đất những ấp trại trung bình tăng thêm 5 triệu; diện tích ruộng đất những ấp trại lớn tăng thêm 11 triệu a-cơ-rơ.

Số lượng ruộng đất *trồng trọt* trong những điền trang đều tăng trong cả ba miền: tăng rất nhiều ở miền Bắc

(+ 3,7 triệu a-cơ-rơ = + 47,0%); rất ít ở miền Nam (+ 0,3 triệu = +5,5%); khá khá một chút ở miền Tây (+ 2,8 triệu = + 29,6%). Nhưng ở miền Bắc, ruộng đất trồng trọt tăng lên nhiều nhất là trong những ấp trại *lớn* (rộng từ 175 đến 999 a-cơ-rơ); ở miền Nam, là trong những ấp trại *nhỏ* và *trung bình*; ở miền Tây, là trong những ấp trại *lớn* và *trung bình*. Kết quả là ở miền Bắc thì *tỷ lệ* đất trồng trọt tăng lên trong những ấp trại lớn; còn ở miền Nam và miền Tây là trong những ấp trại nhỏ và một phần trong những ấp trại trung bình. Tình hình đó phù hợp hoàn toàn với những điều kiện khác nhau vốn có, mà chúng ta đã biết, giữa ba miền đó. Ở miền Nam, nền tiểu nông nghiệp có tính chất thương nghiệp phát triển dựa vào những điền trang của chủ nô đang tan rã; ở miền Tây, thì cũng có quá trình giống như vậy, nhưng với một sự tan rã chậm hơn của những điền trang rộng hơn và *không* phải của chủ nô, mà là những điền trang chăn nuôi đại quy mô và có tính chất "chiếm cứ". Ngoài ra, các nhà thống kê Mỹ còn nhận xét về những bang ở khu Thái-bình-dương thuộc miền Tây như sau:

"Sự phát triển mạnh mẽ của những ấp trại nhỏ trồng cây ăn quả hay những loại cây khác, trên bờ Thái-bình-dương, là kết quả, hay ít ra cũng một phần là kết quả của những công trình thủy lợi đã được xây dựng mấy năm gần đây. Điều đó đã làm tăng số lượng những ấp trại nhỏ rộng dưới 50 a-cơ-rơ trong những bang ở khu Thái-bình-dương" (tr. 264, t. V).

Ở miền Bắc, không có những điền trang của chủ nô, cũng không có những điền trang "có tính chất nguyên thủy", thì không có sự tan rã của những điền trang này và không có tình trạng những ấp trại nhỏ phát triển trên lưng những ấp trại lớn.

Nhìn chung, trong toàn Hợp chủng quốc Mỹ quá trình đó diễn ra như sau:

Các loại ấp trại:	Số ấp trại (nghìn cái)		Số ấp trại (%)		Tăng hay giảm
	1900	1910	1900	1910	
Dưới 20 a-cơ-rơ.....	674	839	11,7	13,2	+ 1,5
Từ 20 đến 49 a-cơ-rơ	1 258	1 415	21,9	22,2	+ 0,3
" 50 " 99 "	1 366	1 438	23,8	22,6	- 1,2
" 100 " 174 "	1 422	1 516	24,8	23,8	- 1,0
" 175 " 499 "	868	978	15,1	15,4	+ 0,3
" 500 " 999 "	103	125	1,8	2,0	+ 0,2
" 1000 a-cơ-rơ trở lên	47	50	0,8	0,8	-
Tổng cộng.....	5738	6361	100,0	100,0	-

Như vậy là so với tổng số ấp trại, số điền trang không thay đổi. Còn đối với các loại ấp trại khác, thì đặc điểm của sự thay đổi về quan hệ tỷ lệ của các loại đó là ở chỗ *những loại trung bình thì giảm đi*, và những loại ở hai cực thì lớn lên. Loại trung bình (rộng từ 100 đến 174 a-cơ-rơ) và loại bé hơn sát ngay dưới loại đó, đều thụt lùi cả. Loại bé và bé nhất thì tăng nhiều hơn cả rồi mới đến những loại lớn có tính chất tư bản chủ nghĩa (từ 175 đến 999 a-cơ-rơ).

Chúng ta hãy xét về toàn bộ diện tích.

Các loại ấp trại:	Tổng diện tích các ấp trại (nghìn a-cơ-rơ)		Tổng diện tích các ấp trại (tính theo %)		Tăng hay giảm
	1900	1910	1900	1910	
Dưới 20 a-cơ-rơ.....	7 181	8 794	0,9	1,0	+ 0,1
Từ 20 đến 49 a-cơ-rơ	41 536	45 378	5,0	5,2	+ 0,2
" 50 " 99 "	98 592	103 121	11,8	11,7	- 0,1
" 100 " 174 "	192 680	205 481	23,0	23,4	+ 0,4
" 175 " 499 "	232 955	265 289	27,8	30,2	+ 2,4
" 500 " 999 "	67 864	83 653	8,1	9,5	+ 1,4
" 1000 a-cơ-rơ trở lên	197 784	167 082	23,6	19,0	- 4,6
Tổng cộng.....	838 592	878 798	100,0	100,0	-

Ở đây, trước hết, chúng ta thấy phần ruộng đất thuộc các điền trang giảm đi nhiều. Chúng ta nhắc lại rằng chỉ có ở miền Nam và miền Tây là những nơi mà tỷ lệ phần trăm ruộng đất *không* trồng trọt trong những điền trang trong năm 1910 là 91,5% và 77,1% thì mới có sự giảm sút tuyệt đối. Sau đó, chúng ta thấy rằng tỷ lệ tổng diện tích giảm đi không đáng kể trong loại ấp trại nhỏ thuộc hạng trên cùng (-0,1% trong loại ấp trại rộng từ 50 đến 99 a-cơ-rơ). Mức tăng cao nhất thuộc về những loại ấp trại lớn có tính chất tư bản chủ nghĩa, rộng từ 175 đến 499 và từ 500 đến 999 a-cơ-rơ. Trong những loại ấp trại nhỏ nhất, tỷ lệ tổng diện tích ruộng đất tăng tương đối ít. Trong loại ấp trại trung bình (rộng từ 100 đến 174 a-cơ-rơ) thì hầu như vẫn thế (+ 0,4%).

Bây giờ chúng ta chuyển sang những số liệu về diện tích ruộng đất trồng trọt.

Các loại ấp trại:	Số lượng ruộng đất trồng trọt trong các ấp trại (nghìn a-cơ-rơ)		Số lượng ruộng đất trồng trọt trong các ấp trại (tính theo %)		Tăng hay giảm
	1900	1910	1900	1910	
Dưới 20 a-cơ-rơ.....	6 440	7 992	1,6	1,7	+ 0,1
Từ 20 đến 49 a-cơ-rơ	33 001	36 596	8,0	7,6	- 0,4
" 50 " 99 "	67 345	71 155	16,2	14,9	- 1,3
" 100 " 174 "	118 391	128 854	28,6	26,9	- 1,7
" 175 " 499 "	135 530	161 775	32,7	33,8	+ 1,1
" 500 " 999 "	29 474	40 817	7,1	8,5	+ 1,4
" 1000 a-cơ-rơ trở lên	24 317	31 263	5,9	6,5	+ 0,6
Tổng cộng.....	414 498	478 452	100,0	100,0	-

Chỉ có số lượng ruộng đất trồng trọt - chứ không phải toàn bộ diện tích - mới nói lên quy mô *kinh tế* của ấp trại, với một mức độ đại khái, và có tính đến những trường hợp đặc biệt mà chúng ta đã nói đến và sẽ còn nói đến nữa.

Ở đây nữa, chúng ta cũng thấy rằng phần của những điền trang tuy so với tổng diện tích thì có giảm đi nhiều nhưng so với diện tích ruộng đất trồng trọt thì lại *tăng lên*. Tất cả những loại ấp trại có tính chất tư bản chủ nghĩa nói chung đều tăng lên, trong số đó loại có diện tích từ 500 đến 999 a-cơ-rơ là tăng nhiều hơn cả. Loại giữa là loại đã sút xuống nhiều nhất (-1,7%) rồi đến tất cả những loại nhỏ hơn, trừ loại nhỏ nhất có diện tích dưới mức 20 a-cơ-rơ, loại này có tăng lên không đáng kể (+0,1%).

Chúng ta cũng chú ý trước rằng loại những ấp trại rất nhỏ (từ 20 a-cơ-rơ trở xuống) cũng bao gồm cả những ấp trại rộng dưới mức 3 a-cơ-rơ; những thống kê Mỹ không ghi tất cả những ấp trại loại này, mà chỉ ghi những ấp trại nào mà giá trị sản lượng hàng năm ít ra cũng bằng 250 đô-la thôi. Bởi vậy mà những ấp trại rất nhỏ ấy (dưới 3 a-cơ-rơ) nổi bật lên do mức sản xuất cao hơn và do tính chất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh hơn loại sát ngay đó, là loại có diện tích ruộng đất lớn hơn. Để minh họa điều đó, đây là những số liệu về năm 1900 - tiếc rằng, những số liệu tương ứng về năm 1910 lại không có:

Các loại ấp trại (1900):	Tính trung bình mỗi ấp trại:				
	đất trồng trọt (tính bằng a-cơ-rơ)	giá trị tất cả các sản phẩm (tính bằng đô-la)	chi phí về lao động làm thuê (tính bằng đô-la)	giá trị các nông cụ và máy móc (tính bằng đô-la)	giá trị toàn bộ gia súc (tính bằng đô-la)
Dưới 3 a-cơ-rơ.....	1,7	592	77	53	867
Từ 3 đến 10 a-cơ-rơ	5,6	202	18	42	101
" 10 " 20 "	12,6	236	16	41	116
" 20 " 50 "	26,2	324	18	54	172

Không nói đến những ấp trại diện tích rộng từ 3 a-cơ-rơ trở xuống, về một số mặt nào đó, ngay cả những ấp trại thuộc loại diện tích rộng từ 3 đến 10 a-cơ-rơ, cũng tỏ ra "lớn" hơn (chi phí thuê nhân công, giá trị nông cụ và máy móc) những ấp trại thuộc loại rộng từ 10 đến 20 a-cơ-rơ \*. Chính vì vậy mà chúng ta hoàn toàn có căn cứ để cho rằng phần ruộng đất trồng trọt tăng lên trong tổng diện tích đất trồng trọt của các ấp trại rộng từ 20 a-cơ-rơ trở xuống là thuộc về những ấp trại rất nhỏ (về mặt diện tích) có doanh nghiệp có tính chất tư bản chủ nghĩa cao độ. - - -

Nói chung, cứ xem những số liệu năm 1900 và 1910 của toàn Hợp chủng quốc Mỹ về sự phân phối diện tích trồng trọt giữa những ấp trại lớn và nhỏ, chúng ta có thể đi đến kết luận rất rõ ràng và không ai bác bỏ được là: *những ấp trại lớn thì mạnh lên, còn những ấp trại bậc trung và nhỏ thì yếu đi*. Bởi vậy, trong *chừng mực* chúng ta có thể căn cứ vào những số liệu về những ấp trại được xếp loại theo diện tích mà nhận xét tính chất tư bản chủ nghĩa hay không phải tư bản chủ nghĩa của nông nghiệp, thì trong mười năm vừa qua, tình hình chung ở nước Mỹ là: những

\* Về năm 1900, chúng ta có những số liệu về số lượng những ấp trại có thu nhập cao, nghĩa là những ấp trại có giá trị tổng sản lượng trên 2500 đô-la, trong số các loại ấp trại khác nhau xếp theo diện tích. Đây là những số liệu đó: trong số những ấp trại rộng từ 3 a-cơ-rơ trở xuống, thì tỷ lệ những ấp trại có thu nhập cao là 5,2%; trong số những ấp trại rộng từ 3 đến 10 a-cơ-rơ, là 0,6%; trong số những ấp trại rộng từ 10 đến 20 a-cơ-rơ, là 0,4%; trong số những ấp trại rộng từ 20 đến 50 a-cơ-rơ, là 0,3%, trong loại rộng từ 50 đến 100 a-cơ-rơ, là 0,6%; trong loại rộng từ 100 đến 175 a-cơ-rơ, là 1,4%; trong loại rộng từ 175 đến 260 a-cơ-rơ, là 5,2%; trong loại rộng từ 260 đến 500 a-cơ-rơ, là 12,7%; trong loại rộng từ 500 đến 1000 a-cơ-rơ, là 24,3%; trong loại rộng trên 1000 a-cơ-rơ trở lên là 39,5%. Chúng ta thấy rằng so với loại rộng từ 20 đến 50 a-cơ-rơ, thì tất cả các loại rộng từ 20 a-cơ-rơ trở xuống đều có một tỷ lệ *cao hơn* về những ấp trại có thu nhập cao.

ấp trại lớn tư bản chủ nghĩa tăng lên, còn những ấp trại nhỏ thì bị loại bớt.

Những số liệu về tỷ lệ tăng của số lượng ấp trại và của diện tích ruộng đất trồng trọt trong mỗi loại ấp trại làm cho kết luận ấy trở nên càng rõ ràng hơn:

Các loại ấp trại:	Tỷ lệ tăng trong khoảng từ năm 1900 đến 1910	
	về số lượng ấp trại	về diện tích ruộng đất trồng trọt
Dưới 20 a-cơ-rơ.....	+24,5%	+24,1%
Từ 20 đến 49 a-cơ-rơ	+12,5%	+10,9%
" 50 " 99 "	+5,3%	+5,7%
" 100 " 174 "	+6,6%	+8,8%
" 175 " 499 "	12,7%	19,4%
" 500 " 999 "	22,2%	38,5%
" 1000 a-cơ-rơ trở lên	+6,3%	+28,6%
<i>Tổng cộng.....</i>	<i>+10,9%</i>	<i>+15,4%</i>

Có tỷ lệ tăng cao nhất về đất trồng trọt là hai loại cuối cùng trong số những loại cao nhất. Loại giữa và loại nhỏ sát với loại giữa (từ 50 đến 99 a-cơ-rơ) có tỷ lệ tăng ít nhất. Trong hai loại nhỏ nhất thì tỷ lệ tăng về diện tích ruộng đất trồng trọt lại nhỏ hơn tỷ lệ tăng về số lượng ấp trại.

## 9. TIẾP THEO. TÀI LIỆU VỀ GIÁ TRỊ CÁC ẤP TRẠI

Khác với thống kê của châu Âu, thống kê của nước Mỹ tính giá trị của từng yếu tố của ấp trại: ruộng đất, nhà cửa, nông cụ, gia súc và giá trị của toàn bộ ấp trại, là tính theo từng ấp trại và từng loại ấp trại một. Chắc chắn là những tài liệu đó không được chính xác bằng những tài liệu về

diện tích ruộng đất, nhưng nhìn chung thì những tài liệu đó cũng không phải không đáng tin, ngoài ra (trong một chừng mực nào đó) những số liệu đó còn tính đến tình hình tư bản chủ nghĩa nói chung trong nông nghiệp nữa.

Để bổ sung những điều đã trình bày trước đó, chúng ta sẽ nêu ra những số liệu về tổng giá trị các ấp trại với toàn bộ tài sản nông nghiệp, cũng như nêu ra những số liệu về giá trị các nông cụ và máy móc. Sở dĩ trong số các yếu tố của ấp trại, chúng ta chọn nông cụ và máy móc, chính là vì những thứ này trực tiếp chỉ ra cho ta thấy nông nghiệp được thâm canh, và nó được thâm canh như thế nào, ít hay nhiều, và ở đây kỹ thuật tiên tiến được áp dụng nhiều hay ít. Đây là những số liệu cho toàn nước Mỹ:

Các loại ấp trại:	Tình hình phân bố tính theo tỷ lệ phần trăm về giá trị					
	của toàn bộ tài sản của ấp trại		tăng hay giảm	của nông cụ và máy móc		tăng hay giảm
	1900	1910	1900	1910		
Dưới 20 a-cơ-rơ.....	3,8	3,7	- 0,1	3,8	3,7	- 0,1
Từ 20 đến 49 a-cơ-rơ	7,9	7,3	- 0,6	9,1	8,5	- 0,6
" 50 " 99 "	16,7	14,6	- 2,1	19,3	17,7	- 1,6
" 100 " 174 "	28,0	27,1	- 0,9	29,3	28,9	- 0,4
" 175 " 499 "	30,5	33,3	+ 2,8	27,1	30,2	+ 3,1
" 500 " 999 "	5,9	7,1	+ 1,2	5,1	6,3	+ 1,2
" 1 000 a-cơ-rơ trở lên	7,3	6,9	- 0,4	6,2	4,7	- 1,5
<i>Tổng cộng</i> .....	100,0	100,0	-	100,0	100,0	-

Những con số tuyệt đối cho chúng ta thấy rằng từ năm 1900 đến 1910, tổng giá trị của toàn bộ tài sản của các ấp trại đã tăng lên quá gấp đôi, cụ thể là từ 20 440 triệu đô-la tăng lên đến 40 991 triệu, tức là tăng 100,5%. Giá nông sản cao vọt lên và địa tô tăng lên làm cho hàng triệu và hàng tỷ đô-la của giai cấp công nhân rơi vào túi tất cả bọn chiếm hữu ruộng đất. Những ấp trại nhỏ và những ấp trại lớn có

lợi nhiều hay ít đến đâu trong việc đó? Những con số trên đây đã cho câu trả lời. Những con số đó cho ta thấy rằng những điền trang thì suy đồi (xin nhắc lại rằng toàn bộ diện tích những điền trang này đã từ 23,6% sụt xuống 19,0%, tức là giảm 4,6%), và *những ấp trại lớn* tức là những ấp trại tư bản chủ nghĩa (từ 175 đến 999 a-cơ-rơ) *đã loại trừ những ấp trại nhỏ và loại trung*. Nếu chúng ta gộp tất cả những ấp trại loại nhỏ và loại trung vào với nhau, chúng ta sẽ thấy rằng tỷ trọng của chúng trong toàn bộ tài sản đã *giảm đi* từ 56,4% xuống còn 52,7%. Gộp tất cả những ấp trại lớn với những điền trang vào với nhau, chúng ta sẽ thấy tỷ trọng của chúng đã *tăng lên*, từ 43,7% tăng lên đến 47,3%. Về mặt phân phối tổng giá trị nông cụ và máy móc, thì những sự thay đổi trong quan hệ giữa những ấp trại lớn và nhỏ cũng hoàn toàn giống như thế.

Về những điền trang trên cơ sở những số liệu đó chúng ta cũng thấy có hiện tượng mà chúng ta đã vạch ra trên đây. Sự suy sụp của các điền trang chỉ diễn ra trong hai miền: miền Nam và miền Tây. Một mặt, đó là sự suy sụp của những điền trang của bọn chủ nô, mặt khác, đó là sự suy sụp của những điền trang của kẻ đến chiếm trước tiên, và được canh tác theo lối quảng canh thô sơ. Tại miền Bắc đông dân cư và có công nghiệp phát triển, thì những điền trang đều *phát triển*: về cả số lượng những ấp trại thuộc loại đó lẫn về toàn bộ diện tích của chúng, về diện tích ruộng đất trồng trọt, về tỷ trọng của chúng trong tổng giá trị toàn bộ tài sản (năm 1900 là 2,5%; năm 1910 là 2,8%) và về tỷ trọng của chúng trong tổng giá trị nông cụ và máy móc.

Đồng thời người ta cũng nhận thấy rằng vai trò của những điền trang không phải chỉ tăng lên trong miền Bắc nói chung, mà nói riêng, cả trong *hai* khu thâm canh của miền Bắc hoàn toàn không có quá trình khản thực tức là: khu An-gli-a mới và những bang thuộc khu Trung Đại-tây-dương. Chúng ta phải bàn tỉ mỉ hơn về những khu đó,

vì một mặt, những khu đó đã làm cho ông Ghim-me và nhiều tác giả khác mắc sai lầm khi thấy quy mô trung bình những ấp trại ở đó đặc biệt là nhỏ và ngày càng nhỏ mãi đi, và mặt khác, chính là vì những khu thâm canh nhất ấy lại là những khu điển hình nhất đối với những nước lâu đời ở *châu Âu*, là những nước từ lâu có đông dân và văn minh.

Trong hai khu nói trên, vào khoảng từ 1900 đến 1910, cả số lượng ấp trại lẫn toàn bộ diện tích và diện tích ruộng đất trồng trọt của các ấp trại đều giảm xuống. Trong khu An-gli-a mới, chỉ có số lượng các ấp trại *nhỏ nhất* rộng từ 20 a-cơ-rơ trở xuống là tăng 22,4% (diện tích ruộng đất trồng trọt của loại ấp trại này tăng 15,5%) và số lượng các điền trang cũng tăng 16,3% (diện tích trồng trọt của các điền trang này tăng 26,8%). Trong những bang thuộc khu Trung Đại-tây-dương, số lượng các ấp trại loại *nhỏ nhất* đã tăng lên (số ấp trại tăng +7,7%, diện tích ruộng đất trồng trọt của loại này +2,5%), rồi đến số lượng các ấp trại rộng từ 175 đến 499 a-cơ-rơ (+1,0%), và diện tích ruộng đất trồng trọt của những ấp trại loại rộng từ 500 đến 999 a-cơ-rơ (+3,8%). Trong tổng giá trị toàn bộ tài sản của các ấp trại cũng như trong tổng giá trị nông cụ và máy móc, thì tỷ trọng của các ấp trại loại nhỏ nhất và của các điền trang ở hai khu đều *tăng lên*. Sau đây là những số liệu có sức thuyết phục hơn và đầy đủ hơn về hai khu nói trên: (xem bảng tr. 228 BT):

Xem đó, chúng ta thấy *chính những điền trang* ở hai khu đó là loại mạnh lên nhiều nhất, có lợi nhiều nhất về mặt kinh tế và tiến nhiều nhất về mặt kỹ thuật. Ở đây, những ấp trại tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã *loại trừ* những ấp trại khác, nhỏ hơn. Chỉ có trong loại trung bình hoặc loại nhỏ chứ không phải trong loại nhỏ nhất, chúng ta mới thấy có hiện tượng tổng giá trị tài sản cũng như tổng giá trị các nông cụ và máy móc tăng lên ít nhất. Vậy là những

Các loại ấp trại :	Tỷ lệ tăng tính theo phần trăm, từ năm 1900 đến 1910			
	trong khu An-gli-a mới	trong các bang thuộc khu Trung Đại-tây-dương		
	của giá trị toàn bộ tài sản của các ấp trại	của giá trị các nông cụ và máy móc	của giá trị toàn bộ tài sản của các ấp trại	của giá trị các nông cụ và máy móc
Dưới 20 a-cơ-rơ.....	60,9	48,9	45,8	42,9
Từ 20 đến 49 a-cơ-rơ	31,4	30,3	28,3	37,0
" 50 " 99 "	27,5	31,2	23,8	39,9
" 100 " 174 "	30,3	38,5	24,9	43,8
" 175 " 499 "	33,0	44,6	29,4	54,7
" 500 " 999 "	53,7	53,7	31,5	50,8
" 1000 a-cơ-rơ trở lên	102,7	60,5	74,4	65,2
<i>Tổng cộng</i> .....	<i>35,6</i>	<i>39,0</i>	<i>28,1</i>	<i>44,1</i>

ấp trại loại trung và loại nhỏ là những ấp trại tiến chậm hơn các loại khác.

Còn các ấp trại loại nhỏ nhất (rộng từ 20 a-cơ-rơ trở xuống) trong hai khu đó, thì tăng *vượt mức trung bình*, và chỉ thua những điền trang lớn thôi. Chúng ta đã biết nguyên nhân của hiện tượng đó: trong hai khu thâm canh ấy, từ 31 đến 33% giá trị của thu hoạch là do các loại cây trồng có tính chất tư bản chủ nghĩa cao độ (rau, rồi đến trái cây, hoa, v.v.) là những loại cây trồng trên một diện tích hết sức nhỏ mà tổng sản lượng lại rất cao. Trong các khu đó, giá trị ngũ cốc chỉ chiếm có từ 8 đến 30% giá trị của thu hoạch, còn cỏ khô và cỏ tươi cho gia súc chiếm từ 31 đến 42%: ở hai khu đó, nghề sản xuất sữa đang phát triển, đặc điểm của nghề này cũng là ở chỗ quy mô các ấp trại thì

*thấp hơn* mức trung bình, nhưng giá trị các sản phẩm và số tư bản chi ra để thuê nhân công lại *cao hơn* mức trung bình.

Trong những khu thâm canh nhất, số dĩ số lượng trung bình về diện tích trồng trọt trong các ấp trại giảm đi, vì người ta tính ra con số trung bình bằng cách gộp chung cả những điền trang và những ấp trại nhỏ nhất với nhau, mà những ấp trại loại nhỏ lại tăng nhanh hơn các ấp trại loại trung về mặt số lượng. Về mặt số lượng, những ấp trại loại nhỏ nhất, cũng tăng nhanh hơn các điền trang lớn. Nhưng chủ nghĩa tư bản phát triển theo hai hình thức: vừa tăng quy mô doanh nghiệp trên cơ sở kỹ thuật cũ, vừa lập ra những ấp trại mới, diện tích nhỏ và rất nhỏ, sản xuất những nông sản chuyên canh có tính chất thương nghiệp, mà đặc điểm là ở chỗ diện tích trồng trọt thì rất nhỏ, nhưng mức sản xuất thì phát triển rất cao và cần dùng rất nhiều lao động làm thuê.

Do đó mà những điền trang và những ấp trại rất lớn thì mạnh lên tới mức tối đa, những ấp trại loại trung và loại nhỏ thì bị loại trừ, những ấp trại rất nhỏ có tính chất tư bản chủ nghĩa cao thì phát triển.

Bây giờ chúng ta hãy xem ta có thể dùng thống kê để tổng kết chung như thế nào những biểu hiện quá ư mâu thuẫn - mâu thuẫn về bề ngoài thôi - của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp.

## 10. NHỮNG THIẾU SÓT CỦA NHỮNG PHƯƠNG PHÁP THƯỜNG DÙNG ĐỂ NGHIÊN CỨU KINH TẾ. MÁC NÓI VỀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA NÔNG NGHIỆP

Thống kê của Mỹ năm 1910 và tuyệt đại đa số những nước ở châu Âu đều chỉ dùng một cách sắp xếp duy nhất là: sắp xếp những ấp trại nông nghiệp theo toàn bộ diện

tích hay theo diện tích trồng trọt của chúng. Nói chung thì không thể chối cãi được rằng, ngoài những lý do về mặt thuế khoá và về mặt quan phương - hành chính, thì còn có những lý do khoa học nhất định cho rằng cần phải sắp xếp như vậy, và sắp xếp như vậy là đúng. Nhưng sắp xếp như vậy rõ ràng là chưa được hoàn hảo, vì như thế là hoàn toàn không đếm xỉa gì đến quá trình tiến hành thâm canh trong nông nghiệp, đến sự tăng lên của những chi phí về tư bản bỏ vào mỗi đơn vị diện tích dưới hình thức gia súc, máy móc, hạt giống chọn lọc, phương pháp canh tác cải tiến, v.v.. Thế mà, trừ một số rất ít miền và nước có một nền nông nghiệp thô sơ và thuần túy quảng canh, thì chính quá trình đó, bất cứ ở đâu, cũng chính là một quá trình đặc trưng nhất đối với những nước tư bản chủ nghĩa. Bởi vậy, trong tuyệt đại đa số trường hợp, việc sắp xếp những ấp trại theo diện tích đưa lại một khái niệm rất sơ lược và thô thiển về sự phát triển của nông nghiệp nói chung, và về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp nói riêng.

Khi chúng ta đọc thấy trong những tác phẩm của những nhà kinh tế học và của những nhà thống kê có thể hiện những quan điểm tư sản thường lưu hành nhất, những lập luận dài dòng về tính không thuần nhất của những điều kiện trong nông nghiệp và trong công nghiệp, về tính đặc thù của nông nghiệp v. v., v.v., chúng ta luôn luôn muốn lưu ý họ rằng: thưa các ngài! chính các ngài là những người có lỗi nhiều hơn ai hết trong việc duy trì và phổ biến những quan điểm sơ lược và thô thiển về sự phát triển của nông nghiệp đấy! Các ngài hãy nhớ lại bộ "Tư bản" của Mác. Các ngài sẽ thấy tác phẩm đó nói là khi tư bản xuất hiện trên vũ đài lịch sử thì nó đã thấy có rất nhiều hình thức sở hữu ruộng đất: của phong kiến, thị tộc, công xã (chúng tôi thêm: hình thức của kẻ đến chiếm trước tiên), của nhà nước, v. v.. Tư bản chi phối tất cả các loại sở hữu ruộng

đất đó và cải tạo tất cả những loại sở hữu đó theo cách của nó; nhưng muốn hiểu, muốn đánh giá và biểu hiện được quá trình ấy bằng thống kê, thì phải biết thay đổi cách đặt vấn đề và phương pháp nghiên cứu, tùy theo *những hình thức* khác nhau của quá trình đó<sup>74</sup>. Chủ nghĩa tư bản chi phối cả sở hữu ruộng đất công xã quân cấp ở Nga, lẫn sở hữu ruộng đất của kẻ đến chiếm trước tiên, hoặc sở hữu có được do sự phân phối tự do và không phải trả tiền theo qui định của một nhà nước dân chủ hay của một nhà nước phong kiến của miền Xi-bi-ri hay "miền Viễn Tây" của Mỹ, lẫn sở hữu ruộng đất của chủ nô ở miền Nam nước Mỹ, và sở hữu ruộng đất nửa phong kiến của những tỉnh "thực sự Nga". Trong tất cả mọi trường hợp ấy, quá trình phát triển và thắng lợi của chủ nghĩa tư bản là như nhau, nhưng lại không giống nhau về hình thức. Muốn hiểu được và nghiên cứu được quá trình đó một cách chính xác, không thể chỉ cứ dùng những lời lẽ tiểu tư sản rập khuôn về vấn đề nông nghiệp "dựa trên lao động bản thân" cũng không thể dùng những phương pháp cũ kỹ là chỉ so sánh riêng có diện tích đất thôi.

Sau đó, các ngài sẽ còn tìm thấy trong tác phẩm đó của Mác sự phân tích nguồn gốc của địa tô kiểu tư bản chủ nghĩa và những quan hệ của loại địa tô đó với những hình thức địa tô đã tồn tại trong quá trình lịch sử trước kia, như địa tô hiện vật, địa tô lao dịch (diêu dịch và những tàn tích của diêu dịch), địa tô tiền (đảm phụ v.v.). Nhưng thử hỏi có nhà kinh tế học hoặc nhà thống kê học tư sản, tiểu tư sản hay dân túy nào đã ít nhiều chín chắn nghĩ đến việc dùng những lời chỉ dẫn có tính chất lý luận đó của Mác để nghiên cứu quá trình phát sinh ra chủ nghĩa tư bản *từ* nền kinh tế chủ nô ở miền Nam nước Mỹ, hoặc *từ* nền kinh tế dựa trên chế độ diêu dịch ở miền Trung nước Nga chưa?

Cuối cùng các ngài sẽ tìm thấy ở Mác những chỉ dẫn có hệ thống được nêu ra qua suốt quá trình phân tích địa tô,

những chỉ dẫn về tính nhiều vẻ của những điều kiện của nông nghiệp, tính nhiều vẻ này phát sinh ra không những từ những sự khác nhau về chất lượng và vị trí của ruộng đất mà còn từ những sự khác nhau về *quy mô đầu tư bản vào ruộng đất*. Vậy, việc đầu tư tư bản vào ruộng đất có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là những thay đổi về kỹ thuật trong nông nghiệp, là tiến hành thâm canh trong nông nghiệp, là chuyển sang những chế độ canh tác cao hơn, là tăng cường dùng nhiều phân bón nhân tạo, là cải tiến nông cụ và máy móc, là sự mở rộng việc sử dụng nông cụ và máy móc, là ngày càng dùng thêm nhiều lao động làm thuê, v.v.. Chỉ căn cứ vào diện tích không thôi, chúng ta không thể biểu hiện được tất cả những quá trình phức tạp và đa dạng đó, trong khi mà chính tất cả những quá trình đó hợp lại thành quá trình phát triển chung của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp.

Những nhà thống kê Nga của các hội đồng địa phương, đặc biệt là những nhà thống kê vào cái thời "tốt đẹp xưa kia", trước cách mạng, đã được người ta kính trọng, vì họ đã không xem xét đối tượng nghiên cứu của họ một cách thủ cựu, nghĩa là chỉ xem xét về mặt thuế khoá hay quan phương - hành chính, mà với một sự say sưa tính khoa học nhất định. Có lẽ so với những nhà thống kê khác, họ là những người đầu tiên đã nhận định rằng chỉ sắp xếp những ấp trại theo diện tích là không hoàn hảo, và đã đưa ra những cách sắp xếp khác: theo diện tích trồng trọt, theo số lượng súc vật cày kéo, theo sự sử dụng nhân công làm thuê, v.v.. Tiếc thay, những thống kê của những hội đồng địa phương của chúng ta, do chỗ chúng bị tàn nát và có tính chất không nhất quán - có thể nói là những thống kê đó thường là một ốc đảo trong cái sa mạc mệnh mông là tình trạng tối tăm thời phong kiến, là tính thủ cựu quan liêu và những sự vô lý về thủ tục giấy tờ - đã khiến cho người ta không sao đạt được những thành quả chắc chắn



cho khoa học kinh tế Nga, cũng như cho khoa học kinh tế Âu châu.

Chúng ta cũng phải lưu ý rằng vấn đề sắp xếp những tài liệu thu thập được trong những kỳ điều tra nông nghiệp hiện nay hoàn toàn không phải là vấn đề có tính chất kỹ thuật hẹp và tính chất chuyên môn hẹp như chúng ta tưởng khi mới thoạt nhìn. Những tài liệu đó có nét nổi bật là vô cùng phong phú, đầy đủ tư liệu về mỗi một ấp trại. Nhưng do sự tập hợp và sắp xếp không khéo léo, không có suy nghĩ chín chắn, thủ cựu, nên những tài liệu rất phong phú đó hoàn toàn bị thất lạc, mất mát, mai một đi và thường là trở nên vô dụng khi muốn nghiên cứu những quy luật phát triển của nông nghiệp. Trên cơ sở những tài liệu thu thập được ta có thể nói đúng về từng trại ấp một rằng ấp trại đó có tính chất tư bản chủ nghĩa không, có tính chất tư bản chủ nghĩa đến mức nào, có được thâm canh không, và được thâm canh đến mức nào, v.v., nhưng khi số liệu về hàng triệu ấp trại được tổng hợp lại thì không còn đâu nữa những sự khác biệt, những đặc điểm, những dấu hiệu căn bản nhất mà chúng ta cần phải *biết làm cho nổi bật lên* hơn hết cả, phải xác định và phải tính đến, và thế là nhà kinh tế học chỉ còn có trong tay những cột con số đã được sắp xếp một cách thủ cựu, không có ý nghĩa gì cả, một "trò chơi bằng con số" của thống kê, chứ không phải là những tài liệu được xử lý có ý thức bằng thống kê.

Cuộc điều tra ở Mỹ năm 1910, mà hiện nay chúng ta đang bàn đến, là một ví dụ nổi bật nhất nói lên rằng những tài liệu đặc biệt phong phú và đầy đủ đã bị tính thủ cựu và tình trạng kém khoa học của những kẻ xử lý những tài liệu đó làm cho mất giá trị, làm hư hỏng đi như thế nào. So với cuộc điều tra năm 1900, thì việc xử lý những tài liệu lần này dở hơn nhiều, và ngay cả cách sắp xếp cổ truyền là xếp những ấp trại theo diện tích cũng làm không được đầy đủ, thành thử chúng ta không thể so sánh các ấp

trại thuộc các loại khác nhau với nhau được, chẳng hạn so sánh về mặt sử dụng lao động làm thuê, về mặt khác giữa các chế độ canh tác, về mặt sử dụng phân bón, v.v..

Chúng ta bắt buộc phải căn cứ vào cuộc điều tra năm 1900. Theo chỗ chúng tôi biết thì cuộc điều tra này là điển hình duy nhất trên thế giới về việc đã dùng đến, không phải một, mà *ba* cách sắp xếp hay "phân loại" (như người Mỹ thường nói) khác nhau đối với một tài liệu hết sức phong phú thu thập được trong một nước, vào một thời kỳ nhất định, theo một chương trình thống nhất và bao gồm trên năm triệu rưỡi ấp trại.

Thật ra cả ở đây nữa, cũng không có cách sắp xếp nào nói lên được đầy đủ tất cả những đặc trưng chủ yếu về loại hình và về quy mô của ấp trại. Nhưng tuy thế ta cũng có được một bức tranh về nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa và về sự phát triển tư bản chủ nghĩa của nông nghiệp - như chúng tôi hy vọng nêu lên được - một bức tranh vô cùng đầy đủ hơn, phản ánh được hiện thực một cách vô cùng trung thành hơn cái cách sắp xếp độc nhất thường dùng là, cách sắp xếp phiến diện và không đầy đủ. Những sai lầm và thiên kiến sâu sắc nhất của kinh tế chính trị học tư sản, tiểu tư sản và dân túy sẽ bộc lộ và bị phơi trần khi điều kiện cho phép nghiên cứu được một cách đầy đủ hơn nữa những sự kiện và xu hướng mà người ta hoàn toàn có thể coi là những sự kiện và xu hướng chung cho tất cả các nước tư bản chủ nghĩa trên thế giới.

Vì những tài liệu mà ta đang nói đến có một ý nghĩa trọng yếu, nên chúng ta phải nghiên cứu một cách đặc biệt tỉ mỉ và thường phải dùng nhiều biểu đồ hơn trước. Chúng tôi hiểu rõ rằng những biểu đồ làm cho bài viết thêm nặng nề và khó đọc, nên trong phần trình bày trước, chúng tôi đã cố gắng giảm số những biểu đồ đó xuống mức tối thiểu cần thiết. Chúng tôi mong rằng nếu chúng tôi có phải dùng quá cái mức tối thiểu đó, thì bạn đọc cũng tha thứ cho,

vì do phân tích những vấn đề nghiên cứu ở đây mà chúng ta rút ra được không những kết luận chung về vấn đề chủ yếu — vấn đề xu hướng, vấn đề loại hình, vấn đề tính chất, vấn đề quy luật phát triển của nông nghiệp hiện đại — mà còn đánh giá được tất cả những tài liệu nói chung của thống kê nông nghiệp hiện đại là những tài liệu rất thường được dẫn và thường hay bị bóp méo đi.

Cách sắp xếp thứ nhất — "theo diện tích ruộng đất" — cung cấp cho ta tình hình của nông nghiệp ở nước Mỹ, năm 1900, như sau:

Các loại ấp trại:	Số ấp trại tính theo phần trăm so với tổng số	Tổng số ruộng đất (cũng tính phần trăm so với toàn bộ)	Diện tích trồng trọt (tính bằng a-cơ-rơ)	Tính trung bình mỗi ấp trại:		
				Chi phí về nhân công làm thuê (tính bằng đô-la)	Giá trị sản phẩm *(tính bằng đô-la)	Giá trị công cụ và máy móc (tính bằng đô-la)
Dưới 3 a-cơ-rơ.....	0,7	- *	1,7	77	592	53
Từ 3 đến 10 a-cơ-rơ	4,0	0,2	5,6	18	203	42
" 10 " 20 "	7,1	0,7	12,6	16	236	41
" 20 " 50 "	21,9	4,9	26,2	18	324	54
" 50 " 100 "	23,8	11,7	49,3	33	503	106
" 100 " 175 "	24,8	22,9	83,2	60	721	155
" 175 " 260 "	8,5	12,3	129,0	109	1 054	211
" 260 " 500 "	6,6	15,4	191,4	166	1 354	263
" 500 " 1000 "	1,8	8,1	287,5	312	1 913	377
" 1000 a-cơ-rơ trở lên	0,8	23,8	520,0	1 059	5 334	1 222
<i>Tổng cộng.....</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>72,3</i>	<i>-</i>	<i>656</i>	<i>133</i>

Có thể cả quyết rằng thống kê của bất cứ nước tư bản chủ nghĩa nào cũng cung cấp một tình hình hoàn toàn giống

\* Dưới  $\frac{1}{10}\%$ .

\*\* Giá trị sản phẩm không gồm những sản phẩm dùng để nuôi gia súc.

như thế. Có khác nhau chẳng nữa, thì chỉ khác về những chi tiết không quan trọng. Những cuộc điều tra mới đây ở Đức, Áo, Hung, Thụy-sĩ và Đan-mạch đều xác nhận điều nói trên. Từ loại ấp trại này đến loại ấp trại kia, tổng diện tích ruộng đất của các ấp trại tăng lên thì diện tích trung bình của đất trồng trọt, giá trị trung bình của sản phẩm, giá trị của công cụ và máy móc, giá trị gia súc (chúng tôi không ghi những loại số liệu này) và chi phí về nhân công làm thuê cũng đều tăng lên. (Trên kia chúng ta đã nói về ý nghĩa của cái ngoại lệ nhỏ là những ấp trại rộng từ 3 a-cơ-rơ trở xuống và một phần là những ấp trại rộng từ 3 đến 10 a-cơ-rơ).

Hình như không thể nào khác thế được. Việc tăng chi phí về lao động làm thuê hình như khẳng định một cách không thể chối cãi được rằng việc chia những ấp trại thành loại lớn và loại nhỏ tùy theo diện tích là hoàn toàn phù hợp với việc chia các ấp trại thành những ấp trại không phải tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Chín phần mười những lập luận thường thấy về nền "tiểu" nông là dựa trên quan điểm về sự phù hợp nói trên và trên các tài liệu đó.

Bây giờ chúng ta hãy xét những con số trung bình, không tính theo mỗi ấp trại, mà tính theo mỗi a-cơ-rơ (của tổng diện tích) ruộng đất (xem bảng tr. 237. BT):

Trừ một vài ngoại lệ không đáng kể, thì kể từ những loại thấp nhất đến loại cao nhất, chúng ta thấy những dấu hiệu chứng tỏ trình độ thâm canh của các ấp trại giảm đi một cách đều đặn.

Hình như ta có một kết luận hoàn toàn không thể chối cãi được rằng nền "tiểu" sản xuất trong nông nghiệp thì thâm canh hơn nền đại sản xuất trong nông nghiệp, rằng "quy mô" sản xuất mà giảm đi thì trình độ thâm canh và năng suất của nông nghiệp lại tăng lên, rằng "do đó", sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp chỉ dựa vào tính chất kinh doanh theo lối quảng canh, thô sơ mới có thể đứng vững được, v.v. và v.v..

Các loại ấp trại:	Tính theo mỗi a-cơ-rơ của tổng diện tích và tính bằng đô-la			
	Chi phí về lao động làm thuê	Chi phí về phân bón	Giá trị toàn bộ gia súc	Giá trị công cụ và máy móc
Dưới 3 a-cơ-rơ.....	40,30	2,36	456,76	27,57
Từ 3 đến 10 a-cơ-rơ	2,95	0,60	16,32	6,71
" 10 " 20 "	1,12	0,33	8,30	2,95
" 20 " 50 "	0,55	0,20	5,21	1,65
" 50 " 100 "	0,46	0,12	4,51	1,47
" 100 " 175 "	0,45	0,07	4,09	1,14
" 175 " 260 "	0,52	0,07	3,96	1,00
" 260 " 500 "	0,48	0,04	3,61	0,77
" 500 " 1000 "	0,47	0,03	3,16	0,57
" 1000 a-cơ-rơ trở lên	0,25	0,02	2,15	0,29

Do chỗ bất cứ nước tư bản chủ nghĩa nào, nếu người ta sắp xếp những ấp trại căn cứ theo diện tích (đây không phải chỉ là cách sắp xếp thường dùng mà là cách sắp xếp độc nhất được dùng đến) cũng đều có thể cho ta thấy một tình hình hoàn toàn giống như trên và cũng có tình trạng là những dấu hiệu về trình độ thâm canh của nông nghiệp cũng giảm đi như vậy, kể từ những loại ấp trại nhỏ đến loại lớn, cho nên chính những kết luận như thế là những kết luận mà bất cứ ở đâu cũng đều luôn luôn được đưa ra trong tất cả sách báo tư sản và tiểu tư sản (cơ hội chủ nghĩa - "mác-xít" và dân túy chủ nghĩa). Chúng ta hãy nhớ lại, chẳng hạn cái tác phẩm lừng danh của ông Ê-đua Đa-vít nổi tiếng, cái tập sưu tầm những thiên kiến tư sản và những lời lừa bịp kiểu tư sản được che giấu dưới những danh từ "giả danh xã hội chủ nghĩa": "Chủ nghĩa xã hội và nông nghiệp". Trong đó, chính là người ta đã dựa vào những

tài liệu như vậy mà chứng minh nền "tiểu" sản xuất là "ưu việt", là "đầy sức sống", v.v..

Có một tình hình rất dễ làm cho người ta suy luận như vậy, đó là: thông thường, về số lượng gia súc, thì có những số liệu tương tự như những số liệu vừa nêu, nhưng về lao động làm thuê — đặc biệt là dưới hình thức khái quát như tổng số chi phí về nhân công làm thuê — thì hầu như không ở đâu thu thập được số liệu như thế. Nhưng chính những số liệu về lao động làm thuê lại cho ta thấy rằng những suy luận đó là sai. Thực vậy, nếu chẳng hạn giá trị gia súc, tính theo đơn vị diện tích, tăng lên (hoặc tổng số gia súc tăng lên thì cũng thế), trong khi diện tích của ấp trại giảm xuống, chứng minh "tính ưu việt" của nền "tiểu" nông, thì "tính ưu việt" đó hình như là *gắn liền* với tình trạng chi phí về nhân công làm thuê *tăng lên* trong khi diện tích của ấp trại giảm xuống!! Nhưng tình trạng chi phí về nhân công làm thuê tăng lên như vậy — xin chú ý rằng đây vẫn nói đến những lượng được tính cho một đơn vị diện tích, 1 a-cơ-rơ, 1 héc-ta, 1 đê-xi-a-ti-na — chứng tỏ rằng tính chất *tư bản chủ nghĩa* của ấp trại đã tăng lên! Mà tính chất tư bản chủ nghĩa của ấp trại lại mâu thuẫn với cái khái niệm thường dùng, phổ biến nhất, là khái niệm nền "tiểu" sản xuất, vì ta phải hiểu nền tiểu sản xuất là một nền sản xuất *không* dựa trên lao động làm thuê.

Hình như chúng ta đứng trước một mớ nhiều mâu thuẫn. Những số liệu chung về những ấp trại xếp loại theo diện tích, chứng tỏ rằng những ấp trại "nhỏ" thì không có tính chất tư bản chủ nghĩa, còn những ấp trại lớn là những ấp trại tư bản chủ nghĩa. Ấy thế nhưng cũng vẫn những tài liệu đó lại chứng tỏ rằng ấp trại mà càng "nhỏ" thì không những trình độ thâm canh của nó, mà cả số chi phí về nhân công làm thuê tính theo đơn vị diện tích, lại càng cao!

Để làm sáng tỏ vấn đề, chúng ta hãy xét một cách xếp loại khác.

## 11. MỘT SỰ SO SÁNH CHÍNH XÁC HƠN GIỮA NHỮNG ẤP TRẠI NHỎ VỚI NHỮNG ẤP TRẠI LỚN

Như chúng tôi đã nói rõ, trong trường hợp này, thống kê Mỹ xét tổng giá trị những sản phẩm của ấp trại, trừ giá trị những sản phẩm dùng để nuôi gia súc. Tách riêng ra mà xét, thì những số liệu loại đó, những số liệu có lẽ chỉ có trong thống kê Mỹ thôi, dĩ nhiên là không được chính xác bằng những số liệu về diện tích ruộng đất hay về số lượng gia súc, v.v.. Nhưng, xét chung tất cả những số liệu đó về hàng triệu ấp trại, và đem những số liệu đó áp dụng riêng vào việc xác định những *mối quan hệ qua lại* giữa các loại ấp trại khác nhau trên quy mô toàn quốc, thì chắc chắn không thể coi những số liệu đó là không có ích bằng những số liệu khác. Dù sao với tất cả những số liệu khác, những số liệu đó cũng cho ta thấy rõ một cách trực tiếp hơn nhiều về quy mô *sản xuất*, nhất là sản xuất có tính chất thương mại, nghĩa là về tổng số sản phẩm để đem bán. Mà hệ bàn về sự phát triển của nông nghiệp và những quy luật phát triển của nông nghiệp thì điều phải nói đến, chính là nền *sản xuất* nhỏ và nền *sản xuất* lớn.

Thế cũng chưa đủ. Trong những trường hợp như thế, thì luôn luôn phải nói đến sự phát triển của nông nghiệp dưới chế độ tư bản chủ nghĩa hoặc có liên hệ với chủ nghĩa tư bản, chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản, v.v.. Muốn thấy được mức độ của ảnh hưởng này, thì trước hết và trên hết phải cố gắng tách cho được nền kinh tế tự nhiên trong nông nghiệp ra khỏi nền kinh tế thương mại. Ai cũng đều biết rằng nền kinh tế tự nhiên, — nghĩa là sản xuất không phải cho thị trường mà sản xuất để tự cung cấp cho nhu cầu của gia đình người kinh doanh, — có một vai trò tương đối rất trọng yếu trong nông nghiệp, và nó chỉ nhường chỗ một cách hết sức từ từ cho nông nghiệp có tính chất thương mại thôi. Và nếu không vận dụng một cách cứng đờ, máy

móc, mà vận dụng một cách thông minh những nguyên lý lý luận đã được xác định rõ ràng của kinh tế chính trị học thì như vậy, quy luật sản xuất lớn loại trừ sản xuất nhỏ, chẳng hạn, *chỉ* có thể đem áp dụng cho nền nông nghiệp có tính chất thương mại thôi. Về mặt lý luận, chắc chắn chẳng có ai lại không thừa nhận nguyên lý nói trên cả. Thế nhưng hoạ hoàn lắm mới có những nhà kinh tế học và nhà thống kê quan tâm một cách có ý thức tới việc tách riêng ra, theo dõi và hết sức chú ý đến ngay chính những dấu hiệu chứng tỏ rằng nông nghiệp tự nhiên đang chuyển thành nông nghiệp có tính chất thương mại. Việc xếp loại những ấp trại căn cứ theo lượng giá trị tính bằng tiền của những sản phẩm không dùng để nuôi gia súc, là một bước tiến lớn đi tới đáp ứng yêu cầu lý luận hết sức quan trọng đó.

Chúng ta nhận thấy rằng khi người ta nói đến tình trạng không ai chối cãi được là trong công nghiệp, nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ, thì người ta luôn luôn xếp loại những xí nghiệp công nghiệp theo tổng sản phẩm, hoặc theo số công nhân làm thuê. Trong công nghiệp, do những đặc điểm kỹ thuật của nó, nên vấn đề đơn giản hơn nhiều. Trong nông nghiệp, do tính chất vô cùng phức tạp của nó và do nó có những quan hệ chằng chịt nên người ta gặp nhiều khó khăn hơn trong việc xác định quy mô sản xuất và giá trị bằng tiền của các sản phẩm, cũng như trong việc xác định mức sử dụng lao động làm thuê. Muốn xác định mức sử dụng lao động làm thuê, cần lấy tổng số lao động làm thuê tính cả năm, chứ không nên lấy con số công nhân hiện có trong ngày điều tra, vì sản xuất nông nghiệp có một tính chất đặc biệt là "theo thời vụ"; sau nữa là cần tính đến không những số công nhân làm thường xuyên, mà cả số công nhân công nhật là số công nhân đóng một vai trò hết sức quan trọng trong nông nghiệp. Nhưng khó làm không có nghĩa là không thể làm được. Việc áp dụng những phương pháp nghiên cứu hợp lý, phù hợp với những đặc điểm kỹ

thuật của nông nghiệp, kể cả việc áp dụng cách xếp loại theo khối lượng sản xuất, theo giá trị bằng tiền của các sản phẩm, theo nhịp điệu và mức sử dụng lao động làm thuê, cần phải được tăng cường để mở đường xuyên qua cái mạng lưới dày đặc những thiên kiến tư sản và tiểu tư sản, những xu hướng muốn tô hồng cho cái thực tế tư sản. Và có thể mạnh dạn quả quyết rằng mỗi một bước tiến trong việc sử dụng những phương pháp nghiên cứu hợp lý là một bước tiến trong việc xác nhận cái sự thật là trong xã hội tư bản chủ nghĩa, thì không chỉ trong công nghiệp mà cả trong nông nghiệp, nền sản xuất nhỏ đều bị nền sản xuất lớn loại trừ.

Sau đây là những số liệu về các loại ấp trại xếp theo giá trị sản phẩm, trong nước Mỹ, năm 1900:

Các loại ấp trại xếp theo giá trị sản phẩm (tính bằng đô-la)	Số ấp trại (tính % so với tổng số)	Tổng diện tích	Tính trung bình mỗi ấp trại			
			Diện tích trồng trọt (tính bằng a-cơ-rơ)	Chi phí về lao động làm thuê (tính bằng đô-la)	Giá trị công cụ và máy móc	
0	0,9	1,8	33,4	24	54	
1 - 50 đô-la	2,9	1,2	18,2	4	24	
50 - 100 "	5,3	2,1	20,0	4	28	
100 - 250 "	21,8	10,1	29,2	7	42	
250 - 500 "	27,9	18,1	48,2	18	78	
500 - 1000 "	24,0	23,6	84,0	52	154	
1 000 - 2 500 "	14,5	23,2	150,5	158	283	
2 500 đô-la trở lên	2,7	19,9	322,3	786	781	
<i>Tổng cộng .....</i>	100,0	100,0	72,3	-	133	

Thuộc loại ấp trại không mang lại thu nhập, nghĩa là loại ấp trại mà sản xuất được coi là bằng 0 (số không), thì có lẽ, trước hết có những hòm-xtét vừa mới được cấp,

ở đó chủ đất chưa có thì giờ xây dựng nhà cửa, nuôi gia súc, gieo hạt, gặt hái. Trong một nước có sự khai khẩn với quy mô lớn như ở nước Mỹ, thì vấn đề xét xem một chủ đất bắt đầu nắm quyền sở hữu ấp trại của mình từ bao giờ là một vấn đề đặc biệt quan trọng.

Nếu chúng ta gạt ra một bên không kể đến những ấp trại không mang lại thu nhập, chúng ta sẽ có một bức tranh giống như bức tranh có được do sắp xếp - như đã chỉ ra trên kia - cũng những số liệu đó theo tổng diện tích các ấp trại. Giá trị sản phẩm của ấp trại tăng lên thì diện tích trồng trọt trung bình trong các ấp trại, chi phí trung bình về thuê lao động và giá trị trung bình các công cụ và máy móc cũng đều tăng lên. Nói chung, những ấp trại mang lại nhiều thu nhập nhất - đây muốn nói đến tổng thu nhập, nghĩa là giá trị toàn bộ sản phẩm - cũng là những ấp trại có diện tích rộng nhất. Có lẽ cách xếp loại mới hoàn toàn không mang lại gì mới cả.

Nhưng bây giờ chúng ta hãy xem những con số trung bình (về giá trị gia súc và các công cụ, về chi phí thuê nhân công và chi phí mua phân bón) không tính theo mỗi ấp trại nữa, mà tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất:

Các loại ấp trại xếp theo giá trị sản phẩm	Tính bằng đô-la, thì trung bình đối với mỗi a-cơ-rơ trong tổng diện tích:			
	Chi phí về lao động làm thuê	Chi phí mua phân bón	Giá trị toàn bộ gia súc	Giá trị công cụ và máy móc
0	0,08	0,01	2,97	0,19
1 - 50 đô-la	0,06	0,01	1,78	0,38
50 - 100 "	0,08	0,03	2,01	0,48
100 - 250 "	0,11	0,05	2,46	0,62
250 - 500 "	0,19	0,07	3,00	0,82
500 - 1000 "	0,36	0,07	3,75	1,07
1000 - 2500 "	0,67	0,08	4,63	1,21
2500 đô-la trở lên	0,72	0,06	3,98	0,72

Về một số mặt nào đó, những ấp trại không có thu nhập, - những ấp trại này nói chung có một địa vị hoàn toàn đặc biệt - và những ấp trại có thu nhập cao nhất - là những ấp trại mà căn cứ vào ba tiêu chuẩn trong số bốn tiêu chuẩn mà chúng ta đã chọn thì không được tiến hành thâm canh bằng loại ấp trại sát đó, - cả hai loại ấp trại đó đều là ngoại lệ. Nói chung, ta thấy giá trị sản phẩm của ấp trại mà *tăng lên* thì trình độ thâm canh của nông nghiệp cũng *tăng lên* đều đặn.

Tình hình này ngược lại hẳn với tình hình mà ta thấy khi sắp xếp những ấp trại theo diện tích.

Cũng những tài liệu như nhau mà cách sắp xếp khác nhau, lại đưa đến những kết luận trái ngược hẳn với nhau.

Quy mô ấp trại càng lớn, thì trình độ thâm canh lại càng *thấp*, nếu chúng ta xét quy mô ấp trại theo diện tích; nhưng nếu chúng ta xét quy mô ấp trại theo giá trị sản phẩm của ấp trại thì trình độ thâm canh lại càng *cao*.

Trong hai kết luận đó, - kết luận nào đúng?

Rõ ràng là diện tích *không* đem lại cho chúng ta *một* khái niệm *nào* về quy mô của ấp trại, nếu ruộng đất ở đây không được cày cấy (chúng ta không nên quên rằng ở Mỹ, người ta xếp loại không phải chỉ căn cứ theo nguyên diện tích trồng trọt, mà căn cứ theo toàn bộ diện tích, và tỷ lệ phần trăm về diện tích trồng trọt ở Mỹ xê dịch từ 19 đến 91% tùy theo từng loại ấp trại và là từ 27 đến 75% tùy theo từng khu); và *không* cho chúng ta một khái niệm *chính xác nào cả* nếu như trong một số lớn trường hợp giữa các ấp trại khác nhau cũng có những sự khác nhau căn bản về những phương pháp canh tác, về trình độ thâm canh của nông nghiệp, về chế độ canh tác, về mức dùng phân bón, về việc sử dụng máy móc, về tính chất chăn nuôi, v.v..

Đó rõ ràng là tình hình diễn ra trong *tất cả* các nước tư bản chủ nghĩa, và cả trong tất cả những nước mà chủ nghĩa tư bản đã xâm nhập vào nông nghiệp.

Thế là bây giờ chúng ta thấy rõ một trong những nguyên nhân sâu xa nhất và chung nhất khiến cho những quan điểm sai lầm cho rằng nền tiểu nông là "ưu việt", cứ tồn tại dai dẳng mãi, khiến những thiên kiến tư sản và tiểu tư sản thuộc loại đó cứ dễ dàng tiếp tục tồn tại mãi mặc dù trong mấy chục năm gần đây, ngành thống kê xã hội, và nhất là thống kê nông nghiệp đã tiến được những bước lớn. Tất nhiên là những sai lầm đó và những thiên kiến đó sở dĩ tồn tại vững chắc còn là nhờ chúng được duy trì bởi những *lợi ích* của giai cấp tư sản, giai cấp này cố gắng làm lu mờ sự sâu sắc của những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội tư sản hiện đại; nhưng khi vấn đề đụng đến những lợi ích thì như mọi người đều biết, cả những chân lý không sao chối cãi được cũng bắt đầu bị bác bỏ.

Nhưng ở đây, chúng ta chỉ giới hạn ở chỗ phân tích những nguồn gốc lý luận của cái quan điểm sai lầm cho rằng nền tiểu nông là "ưu việt". Và không còn nghi ngờ gì nữa, trong số những nguồn gốc đó, thì có một nguồn gốc rõ rệt hơn cả là thái độ không phê phán, thái độ thủ cựu, đối với những phương pháp cũ kỹ là so sánh những ấp trại chỉ căn cứ theo toàn bộ diện tích hoặc theo diện tích ruộng đất trồng trọt thôi.

Nước Mỹ là một trường hợp ngoại lệ trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, về phương diện là ở đó còn có nhiều ruộng đất chưa có chủ, chưa cày cấy, được cấp không. Ở đó, nông nghiệp còn có thể phát triển được nữa, và thực tế đã phát triển, do chỗ có người nhận ruộng đất vô chủ, và do chỗ cày cấy những ruộng đất mới chưa bao giờ được cày cấy: nông nghiệp ở đây phát triển dưới hình thức canh tác và chăn nuôi nguyên thủy nhất và quảng canh nhất. Trong những nước văn minh lâu đời ở châu Âu tư bản chủ nghĩa, không có trường hợp nào giống như thế cả. Ở các nước này, nền nông nghiệp phát triển *chủ yếu* bằng cách thâm canh, không phải bằng cách tăng *diện tích* ruộng đất

cày cấy, mà bằng cách nâng cao *chất lượng* của công việc đồng áng, bằng cách tăng mức tư bản đầu tư vào diện tích đất đã có trước đó. Chính những kẻ chỉ biết so sánh các ấp trại theo diện tích, là những kẻ đã không thấy con đường phát triển chủ yếu đó của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, đối với nước Mỹ con đường đó cũng đang dần dần trở thành con đường chủ yếu.

Con đường phát triển chủ yếu của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa chính là ở chỗ ấp trại *nhỏ, tuy vẫn là nhỏ* nếu tính theo diện tích, nhưng *lại hoá thành ấp trại lớn* nếu xét theo quy mô sản xuất, xét theo sự phát triển của chăn nuôi, xét theo mức dùng phân bón, xét theo sự phát triển của việc sử dụng máy móc, v.v..

Bởi vậy cái kết luận rút ra được khi so sánh những ấp trại khác nhau xếp loại theo diện tích nói rằng quy mô của ấp trại được mở rộng ra thì trình độ thâm canh trong nông nghiệp giảm đi, cái kết luận đó là hoàn toàn sai. Trái lại, kết luận duy nhất đúng là kết luận rút ra được khi so sánh các ấp trại căn cứ vào giá trị sản phẩm của chúng, kết luận này cho rằng quy mô của ấp trại được mở rộng ra thì trình độ thâm canh trong nông nghiệp tăng lên.

Vì diện tích ruộng đất chỉ là cái bằng chứng gián tiếp nói lên quy mô của ấp trại, và việc thâm canh hoá nông nghiệp được tiến hành càng rộng rãi và nhanh bao nhiêu, thì cái "bằng chứng" đó càng kém xác thực bấy nhiêu. Còn giá trị sản phẩm của ấp trại lại là bằng chứng nói lên quy mô của ấp trại một cách trực tiếp chứ không phải gián tiếp, và hơn nữa đều nói lên như vậy trong tất cả mọi trường hợp. Khi người ta nói đến nền tiểu nông, thường thường người ta có ý nói đến một nền nông nghiệp *không* dựa trên lao động làm thuê. Nhưng việc chuyển sang sử dụng công nhân làm thuê không phải chỉ là do diện tích ấp trại được mở rộng, trong khi cơ sở kỹ thuật cũ vẫn không thay đổi - tình trạng này chỉ xảy ra trong một nền kinh tế quảng canh,

thô sơ, - mà còn do việc cải tiến kỹ thuật hiện có, do việc hiện đại hoá kỹ thuật, do phải bỏ vào vẫn một diện tích như cũ, một tư bản phụ thêm, dưới hình thức máy móc mới hay phân nhân tạo chẳng hạn, hoặc phải tăng thêm và cải tạo đàn gia súc, v.v..

Việc xếp loại các ấp trại theo giá trị sản phẩm khiến cho tập hợp được với nhau những ấp trại thật sự có *cùng một khối lượng sản phẩm như nhau*, không kể là diện tích của chúng như thế nào. Như vậy, một ấp trại có trình độ thâm canh cao, trên một diện tích nhỏ, sẽ được xếp cùng loại với một ấp trại tương đối quảng canh mà có diện tích lớn; và hai ấp trại đó, trên thực tế, đều là những ấp trại lớn cả về khối lượng sản phẩm cũng như về mức độ sử dụng lao động làm thuê.

Trái lại, việc xếp loại những ấp trại theo diện tích là đem xếp những doanh nghiệp lớn và những doanh nghiệp nhỏ với nhau, một khi chúng giống nhau về quy mô canh tác; việc xếp loại như thế là đem xếp những ấp trại có quy mô sản xuất khác nhau vào với nhau, những ấp trại chủ yếu kinh doanh bằng lao động gia đình, vào cùng một loại với những ấp trại chủ yếu kinh doanh bằng lao động làm thuê. Do đó, chúng ta có một tình hình căn bản sai, hoàn toàn xuyên tạc thực tế, nhưng rất được giai cấp tư sản ưa thích, một tình hình *làm lu mờ những mâu thuẫn giai cấp* trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Làm như vậy là *tô hồng tình cảnh của những người tiểu nông*, - tô hồng như vậy thì vừa sai lầm lại vừa làm cho giai cấp tư sản thích thú, - và là biện hộ cho chủ nghĩa tư bản.

Thực vậy. Trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp, xu hướng cơ bản và chủ yếu của chủ nghĩa tư bản là ở chỗ nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ. Nhưng không nên *chỉ* hiểu loại trừ với ý nghĩa là tước đoạt ngay tức khắc. Việc loại trừ cũng bao gồm cả sự phá sản của những người tiểu nông - sự phá sản này có thể kéo dài

hàng mấy năm và hàng chục năm và tình trạng những điều kiện kinh doanh của những người tiểu nông sút kém đi. Sự suy sụp này biểu hiện ra cả ở chỗ người tiểu nông phải làm việc quá sức hoặc mức ăn uống của họ đã thấp hơn, cả ở chỗ gánh nặng nợ nần của họ càng tăng lên, cả ở chỗ, gia súc của họ chăn nuôi không được đầy đủ như trước hay nói chung không được chăm nom đầy đủ như trước nữa, cả ở chỗ ruộng đất không được chăm bón kỹ, cày cấy kỹ như trước nữa, v.v., và cả ở chỗ trình độ kỹ thuật giẫm chân tại chỗ v. v.. Nhiệm vụ của người nghiên cứu khoa học, nếu người đó không muốn để cho người ta có thể buộc tội mình là làm vui lòng - cố ý hay không cố ý - giai cấp tư sản bằng cách tô hồng tình cảnh của những người tiểu nông bị phá sản và bị chèn ép, là ở chỗ trước hết và trên hết phải xác định chính xác những dấu hiệu của sự phá sản hoàn toàn không đơn giản và không giống nhau; rồi sau đó phải phát hiện những dấu hiệu đó ra, theo dõi và cố gắng chú ý đến mức độ lan rộng và thay đổi của những dấu hiệu đó trong thời gian. Nhưng những nhà kinh tế học và những nhà thống kê hiện đại lại rất ít chú ý đến cái mặt đặc biệt quan trọng đó của vấn đề.

Các bạn hãy thử hình dung là nhà thống kê đã đem gộp luôn 90 người tiểu nông không có vốn để cải thiện kinh doanh, không theo kịp thời đại và phá sản dần, vào cùng một loại so với 10 nhà kinh doanh có đầy đủ vốn liếng và cũng trên những mảnh đất nhỏ như vậy, mà đã tổ chức được một nền sản xuất lớn về quy mô và một doanh nghiệp dựa trên lao động làm thuê. Như thế là san đi bù lại, tình cảnh của toàn thể một trăm người tiểu nông đó đã được tô hồng lên.

Cuộc điều tra năm 1910 ở Mỹ đã cung cấp cho chúng ta chính cái tình hình đã được tô hồng như thế — và tô hồng như vậy thì về mặt khách quan là có lợi cho giai cấp tư sản — vì trước hết, cuộc điều tra này không theo cách so sánh đã được tiến hành năm 1900, tức là so sánh cách

xếp loại theo diện tích với cách xếp loại theo giá trị sản phẩm. Chẳng hạn chúng ta chỉ biết rằng tiền chi phí về phân bón đã tăng lên rất nhiều, nói cho chính xác là tăng lên 115%, nghĩa là tăng lên quá gấp đôi, trong khi đó thì chi phí về nhân công làm thuê chỉ tăng có 82% và tổng giá trị sản lượng chỉ tăng có 83%. Mức tiến thật rất lớn. Đó là một bước tiến của nông nghiệp quốc dân. Và rất có thể thế nào chăng sẽ có một nhà kinh tế học nào đó kết luận - nếu trước đây anh ta chưa kết luận - rằng đó là một bước tiến của nền tiểu nông "dựa trên lao động bản thân", vì nói chung, những tài liệu về những áp trại xếp loại theo diện tích cho ta thấy rằng về mặt tiền chi phí mua phân bón tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất thì rõ ràng là nền "tiểu" nông đứng hàng đầu.

Nhưng bây giờ, chúng ta đã thấy rằng kết luận như vậy là sai, vì cách xếp loại theo diện tích chính là đã xếp những người tiểu nông đang bị phá sản hay ít ra thì cũng đang bị khổ sở vì thiếu thốn, không có khả năng mua phân bón, vào cùng loại với *những nhà tư bản*, tuy nhỏ thật đấy, nhưng vẫn là nhà tư bản, đang tiến hành, trên những mảnh đất nhỏ, những kinh doanh cải tiến, thâm canh, có một quy mô kinh tế lớn, và dùng công nhân làm thuê.

Nếu nền tiểu nông nói chung bị nền đại nông loại trừ, như những tài liệu năm 1900 và 1910 về tổng giá trị những tài sản của các áp trại đã chứng tỏ; nếu những ngành trồng trọt có tính chất tư bản chủ nghĩa cao độ đã phát triển một cách đặc biệt nhanh chóng trong thời kỳ này trên những ruộng đất diện tích hẹp — như chúng ta sẽ thấy ngay bây giờ; nếu những số liệu chung về những áp trại đã xếp thành loại lớn và loại nhỏ căn cứ theo giá trị sản lượng đã cho ta thấy rằng quy mô của áp trại càng lớn thì tiền chi phí mua phân bón cũng càng tăng lên, — thì từ đó nhất định chúng ta phải kết luận rằng "sự tiến bộ" trong việc dùng phân bón, từ năm 1900 đến năm 1910, lại càng làm tăng thêm ưu



thế của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa đối với nền tiểu nông, khiến nền tiểu nông càng bị nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa đẩy lùi và đè bẹp nhiều hơn nữa.

## 12. CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP TRONG NÔNG NGHIỆP

Những điều chúng ta vừa nói trên đây về những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa, quy mô lớn, thâm canh trên những diện tích ruộng đất quy mô nhỏ gợi ra vấn đề sau đây: liệu có cơ sở cho rằng việc thâm canh hoá nông nghiệp nhất định phải gây ra tình trạng diện tích của doanh nghiệp giảm đi hay không? Nói một cách khác, phải chăng có những điều kiện, có liên quan ngay đến kỹ thuật nông nghiệp hiện đại, đòi hỏi là diện tích ruộng đất của doanh nghiệp phải giảm đi thì nông nghiệp mới trở thành thâm canh hơn được?

Không có lý do lý luận chung nào, không có ví dụ nào có thể giải đáp được vấn đề đó cả. Đó là vấn đề trình độ cụ thể của kỹ thuật trong những điều kiện nhất định của nông nghiệp, và giá trị cụ thể của tư bản cần cho một chế độ kinh doanh nhất định. Về mặt lý luận, người ta có thể quan niệm được bất cứ việc đầu tư tư bản nào, dù là lớn nhỏ bao nhiêu, vào bất cứ bao nhiêu ruộng đất, nhưng cố nhiên "điều đó là tùy thuộc" vào những điều kiện kinh tế, kỹ thuật, văn hoá, v. v. hiện có, và toàn bộ vấn đề chính là ở chỗ tìm hiểu xem những điều kiện hiện có trong một thời gian nhất định ở một nước nhất định là những điều kiện nào. Không thể dùng ví dụ được, vì trong một lĩnh vực có nhiều xu hướng phức tạp, khác nhau, xen kẽ chằng chịt và trái ngược nhau như kinh tế của nông nghiệp hiện đại, thì người ta luôn luôn có thể tìm ra những ví dụ để chứng minh cho những quan điểm đối lập nhau. Ở đây, trước hết và hơn bất cứ ở đâu hết, phải hình dung *toàn bộ* quá trình, phải tính đến tất cả những xu hướng, và xác

định hợp lực của chúng hay tổng số của chúng, và kết quả của chúng.

Cách sắp xếp thứ ba do các nhà thống kê Mỹ dùng năm 1900, giúp ta giải đáp vấn đề đặt ra trên kia. Đó là cách sắp xếp *theo nguồn thu nhập chính*. Theo tiêu chuẩn đó người ta đã sắp xếp tất cả những áp trại thành những loại như sau: 1) cỏ khô và ngũ cốc, coi là nguồn thu nhập chính; 2) nhiều loại sản phẩm hỗn hợp; 3) chăn nuôi; 4) bông; 5) rau; 6) trái cây; 7) sản phẩm sữa; 8) thuốc lá; 9) lúa; 10) đường; 11) hoa; 12) sản phẩm nhà kính ấm; 13) cây khoai nước<sup>75</sup>; 14) cà phê. Bảy loại kể sau cùng (8 - 14), cộng chung lại, chỉ chiếm 2,2% tổng số áp trại, nghĩa là chỉ là một bộ phận rất nhỏ nên chúng tôi không nói riêng về những loại đó. Xét theo tính chất tầm quan trọng về kinh tế của chúng, những loại đó (8 - 14) là hoàn toàn giống với ba loại ở ngay trên các loại đó (5 - 7) và cũng chỉ là cùng một loại với ba loại này.

Đây là những số liệu nói lên đặc điểm của các áp trại thuộc loại khác nhau:

Các loại áp trại xếp theo nguồn thu nhập chủ yếu:	Tỷ lệ phần trăm so với tổng số áp trại	Diện tích trung bình của mỗi áp trại		Tinh bằng đô-la, thì trung bình đối với mỗi a-co-rơ trong toàn bộ diện tích			
		<i>toàn bộ</i>	<i>diện tích trồng trọt</i>	Chi phí về lao động làm thuê	Chi phí về phân bón	Giá trị công cụ và máy móc	Giá trị toàn bộ gia súc
Cỏ khô và ngũ cốc..	23,0	159,3	111,1	0,47	0,04	1,04	3,17
Các sản phẩm hỗn hợp	18,5	106,8	46,5	0,35	0,08	0,94	2,73
Chăn nuôi.....	27,3	226,9	86,1	0,29	0,02	0,66	4,45
Trồng bông.....	18,7	83,6	42,5	0,30	0,14	0,53	2,11
Rau.....	2,7	65,1	33,8	1,62	0,59	2,12	3,74
Trái cây.....	1,4	74,8	41,6	2,46	0,30	2,34	3,35
Sản phẩm sữa.....	6,2	121,9	63,2	0,86	0,09	1,66	5,58
Toàn bộ các áp trại nói chung.....	100,0	146,6	72,3	0,43	0,07	0,90	3,66

Chúng ta nhận thấy rằng hai loại trên cùng (cỏ khô và ngũ cốc; các sản phẩm hỗn hợp) có thể được coi là những áp trại loại trung, xét cả về mặt trình độ phát triển của tính chất tư bản chủ nghĩa của áp trại (tiền chi phí về nhân công làm thuê thì sát với mức trung bình hơn: 0,35 - 0,47, trong khi đó thì tính toàn Hợp chủng quốc Mỹ, mức trung bình là 0,43) lẫn về mặt trình độ thâm canh của nông nghiệp. Tất cả những dấu hiệu về trình độ thâm canh của áp trại - chi phí về phân bón, giá trị máy móc và gia súc tính theo mỗi a-cơ-rơ cũng sát với mức trung bình chung trong toàn Hợp chủng quốc Mỹ nhất.

Không còn nghi ngờ gì nữa, hai loại đó là những loại đặc biệt điển hình đối với phần lớn những doanh nghiệp nông nghiệp nói chung. Cỏ khô và ngũ cốc, rồi đến hợp chất những sản phẩm nông nghiệp khác nhau (những nguồn thu nhập do "các sản phẩm hỗn hợp" mang lại), đó là những áp trại nông nghiệp chủ yếu trong tất cả các nước. Nếu có được những tài liệu chi tiết hơn về những loại ấy, chẳng hạn chia nhỏ những loại đó thành loại ít có tính chất thương nghiệp và loại có nhiều tính chất thương nghiệp hơn, v. v., thì hết sức bổ ích. Tuy nhiên, như chúng ta đều thấy, thống kê Mỹ sau khi tiến một bước theo hướng đó, thì không tiến nữa mà lại thụt lùi.

Hai loại sau, chăn nuôi và trồng bông, là một điển hình về những loại áp trại có ít tính chất tư bản chủ nghĩa nhất (chi phí về lao động làm thuê: 0,29 - 0,30 so với mức trung bình là 0,43) và nền canh tác ở đó có ít tính chất thâm canh nhất. Tổng giá trị công cụ và máy móc của những loại đó thì thấp nhất và thấp hơn mức trung bình rất nhiều (0,66 và 0,53 so với 0,90). Cố nhiên, những áp trại mà phần chủ yếu của thu nhập là do chăn nuôi mang lại, thì số lượng trung bình về gia súc tính trên mỗi a-cơ-rơ, cao hơn mức trung bình tính toàn nước Mỹ (4,45 so với 3,66), nhưng đây rõ ràng là nền chăn nuôi tiến hành theo chiều rộng:

chi phí về phân bón ở vào mức thấp nhất, diện tích trung bình của các áp trại lại lớn nhất (226,9 a-cơ-rơ), tỷ lệ ruộng đất trồng trọt lại thấp nhất (86,1 a-cơ-rơ trong số 226,9 a-cơ-rơ). Trong những áp trại trồng bông, mức dùng phân bón cao hơn mức trung bình, nhưng những dấu hiệu khác nói lên trình độ thâm canh của nông nghiệp (giá trị gia súc và giá trị máy móc tính theo mỗi a-cơ-rơ ruộng đất) ở đó lại thấp nhất.

Cuối cùng, trong ba loại sau cùng - rau, trái cây, sản phẩm sữa - thì một là, các áp trại đều nhỏ nhất (33 - 63 a-cơ-rơ ruộng đất trồng trọt so với 42 - 86, 46 - 111 a-cơ-rơ trong các loại khác); hai là, các áp trại đó là những áp trại có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa nhất: chi phí về nhân công làm thuê ở đó cao nhất, nhiều gấp từ 2 đến 6 lần mức trung bình; ba là, các áp trại đó là những áp trại thâm canh nhất. Ở đây, hầu hết những dấu hiệu nói lên trình độ thâm canh trong nông nghiệp đều cao hơn mức trung bình: cả về chi phí về phân bón, cả về giá trị máy móc, cả về giá trị gia súc (chỉ trừ có những áp trại trồng cây ăn quả là những áp trại mà về mặt này, lại thấp hơn mức trung bình, nhưng vẫn còn cao hơn những áp trại mà nguồn thu nhập chủ yếu là do cỏ khô và ngũ cốc mang lại).

Bây giờ chúng ta sẽ chuyển sang vấn đề xét xem những áp trại có tính chất tư bản chủ nghĩa cao độ đó chiếm một tỷ lệ như thế nào trong toàn bộ nền kinh tế của cả nước. Nhưng trước hết chúng ta cần phải đề cập tỉ mỉ hơn một chút về tính chất thâm canh hơn của chúng.

Chúng ta hãy lấy những áp trại mà nguồn thu nhập chủ yếu là do việc trồng rau mang lại. Chúng ta đều biết rằng trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, sự phát triển của các thành phố, các công xưởng, các thị trấn công nghiệp, các ga xe lửa, các bến cảng, v. v., khiến cho yêu cầu về những sản phẩm đó tăng lên ngày càng nhiều, làm cho giá cả của loại sản phẩm đó tăng lên, làm cho số lượng những

cơ sở kinh doanh nông nghiệp trồng rau để bán, tăng thêm. Xét về mặt diện tích ruộng đất trồng trọt thì một áp trại "trồng rau" hạng trung bình, *nhỏ hơn ba lần* so với một áp trại "thông thường" mà nguồn thu nhập chủ yếu là do cỏ khô và ngũ cốc mang lại: diện tích ruộng đất trồng trọt của loại trên là 33,8 a-cơ-rơ, của loại thứ hai là 111,1 a-cơ-rơ. Như vậy, với một kỹ thuật nhất định, với một mức tích lũy vốn nhất định trong nông nghiệp, thì áp trại "trồng rau" cần một diện tích nhỏ hơn; nói cách khác là muốn bỏ vốn vào nông nghiệp và thu được một tiền lời không thấp hơn mức trung bình, thì với tình hình kỹ thuật hiện nay, người ta chỉ cần tổ chức kinh doanh trồng rau *trên một diện tích nhỏ hơn* là trong trường hợp sản xuất cỏ khô và ngũ cốc.

Hơn thế nữa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp trước tiên là ở chỗ chuyển từ nông nghiệp tự nhiên sang nông nghiệp có tính chất thương mại. Người ta luôn luôn quên điều đó, nên chúng ta phải luôn luôn nhắc đi nhắc lại. Còn sự phát triển của nông nghiệp có tính chất thương mại thì không hề diễn ra theo cái con đường "đơn giản" mà các nhà kinh tế học tư sản vẫn tưởng tượng và giả định, tức là con đường tăng sản xuất *cũng vẫn* những sản phẩm đã sản xuất *trước đây*. Không phải vậy. Thường thường, sự phát triển của nền nông nghiệp có tính chất thương mại là ở chỗ chuyển từ chỗ sản xuất sản phẩm này sang chỗ sản xuất sản phẩm khác. Trong số những bước chuyển thường hay gặp đó, thì chính là có bước chuyển từ sản xuất cỏ khô và ngũ cốc sang sản xuất rau. Nhưng đối với vấn đề chúng ta đang chú ý, đối với vấn đề diện tích của áp trại và vấn đề sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, thì một bước chuyển như trên có ý nghĩa gì?

Bước chuyển đó có nghĩa là *phân tán* một áp trại "lớn" rộng, 111,1 a-cơ-rơ thành hơn ba áp trại "nhỏ", mỗi cái rộng

33,8 a-cơ-rơ. Sản lượng của áp trại cũ là 760 đô-la: đó là giá trị trung bình của sản lượng - trừ số dùng để nuôi gia súc - của một áp trại mà nguồn thu nhập chủ yếu là do cỏ khô và ngũ cốc mang lại. Sản lượng của mỗi áp trại mới là 665 đô-la. Tính tổng cộng lại là  $665 \times 3 = 1995$  đô-la, tức là quá trước gấp đôi.

Nên sản xuất nhỏ bị nền sản xuất lớn loại trừ trong khi đó diện tích của áp trại *giảm đi*.

Trước đây, trong áp trại cũ, chi phí trung bình để thuê nhân công là 76 đô-la, bây giờ tăng lên thành 106 đô-la trong áp trại mới, tức là gần gấp rưỡi, trong khi đó diện tích lại giảm đi trên ba lần và hơn nữa. Những chi phí về phân bón cho mỗi a-cơ-rơ thì từ 0,04 đô-la tăng lên thành 0,59 đô-la, tức là tăng lên gần 15 lần; giá trị công cụ và máy móc tăng lên gấp đôi, từ 1,04 tăng lên thành 2,12 đô-la v. v..

Người ta bắt bẻ - thường thường người ta vẫn bắt bẻ như vậy — chúng ta rằng: con số những áp trại tư bản chủ nghĩa cao như vậy, những áp trại trồng những loại cây chuyên canh "có tính chất hàng hoá", thì không đáng là bao so với tổng số các áp trại. Nhưng chúng ta sẽ trả lời rằng: một là số lượng cũng như *tác dụng* của những áp trại ấy, tác dụng kinh tế của chúng, thì hết sức lớn, chứ không phải như người ta vẫn tưởng; hai là - và đây là điều chủ yếu — trong các nước tư bản chủ nghĩa, *chính những loại cây ấy* là những loại được phát triển *nhANH HƠN* các loại khác. Chính vì thế mà tình trạng diện tích của áp trại giảm đi đồng thời với quá trình tiến hành thâm canh trong nông nghiệp thì thường thường có nghĩa là quy mô kinh tế của sản xuất tăng lên chứ không phải giảm đi, và việc bóc lột lao động làm thuê cũng tăng lên, chứ không giảm xuống.

Về vấn đề đó, thống kê Mỹ đã cung cấp những tài liệu chính xác về toàn Hợp chúng quốc Mỹ như sau. Chúng ta hãy xem *tất cả* những sản phẩm chuyên canh hay "có tính

chất thương mại" mà thống kê đó đã ghi ở trên trong những mục từ 5 đến 14 : rau, trái cây, sản phẩm sữa, thuốc lá, gạo, đường, hoa, sản phẩm nhà kính ấm, cây khoai nước và cà phê. Năm 1900, ở Hợp chủng quốc Mỹ, số những ấp trại mà nguồn thu nhập *chủ yếu* là do những sản phẩm đó mang lại, chiếm 12,5% tổng số ấp trại. Như thế là chiếm số ít, nghĩa là chiếm một phần tám. Tổng diện tích của tất cả những ấp trại đó là 8,6% so với toàn bộ diện tích các ấp trại, tức chỉ là  $\frac{1}{12}$ . Nhưng chúng ta hãy bàn tiếp. Chúng ta hãy lấy tổng giá trị sản lượng của toàn bộ nền nông nghiệp Mỹ, trừ giá trị của những sản phẩm dùng để chăn nuôi gia súc. Trong tổng giá trị đó, phần của những ấp trại loại nói trên đã lên tới 16,0%, tức là một tỷ lệ gần gấp đôi tỷ lệ của ruộng đất.

Như thế có nghĩa là, trong những ấp trại loại đó, năng suất lao động và năng suất ruộng đất cao hơn gần gấp đôi so với mức trung bình.

Chúng ta hãy lấy tổng số chi phí về nhân công làm thuê trong nông nghiệp Mỹ. Phần của những ấp trại loại nói trên chiếm 26,6%, tức là trên một phần tư; tỷ lệ này cao hơn ba lần so với tỷ lệ ruộng đất, và cao hơn tỷ lệ trung bình trên ba lần. Như vậy có nghĩa là tính chất tư bản chủ nghĩa của những ấp trại đó nhiều hơn mức trung bình một cách rất rõ rệt.

Trong tổng giá trị nông cụ và máy móc, phần của những ấp trại đó là 20,1%, và trong tổng số chi phí về phân bón, phần của chúng là 31,7%, tức là gần *một phần ba* tổng số, và lớn hơn mức trung bình gần *bốn lần*.

Do đó, tóm lại, chúng ta thấy có một sự thật không chối cãi nổi và đã được xác định đối với cả nước là: đặc điểm của những ấp trại đặc biệt thâm canh là diện tích thì đặc biệt hẹp, mức sử dụng lao động làm thuê thì đặc biệt cao, năng suất lao động đặc biệt cao; tác dụng kinh tế của những ấp trại đó đối với toàn bộ nông nghiệp nước Mỹ vượt gấp

hai đến ba lần và hơn nữa tỷ lệ của chúng so với tổng số ấp trại, đây là chưa nói đến so với toàn bộ diện tích ruộng đất.

So với những cây trồng khác và những ấp trại khác trong nông nghiệp thì tác dụng của các loại cây trồng và của những ấp trại có tính tư bản chủ nghĩa cao độ và thâm canh hoá cao độ ấy dần dần giảm xuống hay tăng lên?

Dem so sánh số liệu của hai cuộc điều tra gần đây nhất, chúng ta có thể trả lời khẳng định là tác dụng đó *tăng lên*. Chúng ta hãy xem diện tích trồng các loại cây khác nhau. Từ năm 1900 đến 1910, ở Mỹ, diện tích trồng ngũ cốc đủ các loại chỉ tăng có 3,5%; diện tích trồng các loại đậu tăng 26,6%; trồng cỏ và các loại cây dùng để nuôi gia súc tăng 17,2%; trồng bông tăng 32,0%; trồng rau tăng 25,5%; trồng củ cải đường, mía, v. v. tăng 62,6%.

Bây giờ chúng ta lại lấy những số liệu về sản xuất sản phẩm nông sản. Từ năm 1900 đến 1910, tổng thu hoạch ngũ cốc chỉ tăng có 1,7%; tổng thu hoạch các loại đậu tăng 122,2%; tổng thu hoạch cỏ khô và các loại cây dùng để nuôi gia súc tăng 23,0%; tổng thu hoạch củ cải đường tăng 395,7%; tổng thu hoạch mía tăng 48,5%; tổng thu hoạch về khoai tây tăng 42,4%; về nho tăng 97,6%; thu hoạch về các loại trái cây, về táo, v. v., năm 1910 bị mất mùa, nhưng thu hoạch về cam và chanh lại tăng gấp ba lần, v. v..

Như vậy là về toàn bộ nền nông nghiệp Mỹ, chúng ta đã chứng minh được cái hiện tượng bề ngoài có vẻ ngược đời nhưng cũng vẫn không ai chối cãi được là: nói chung, không những có tình trạng nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ, nhưng việc loại trừ đó cũng còn được tiến hành dưới hình thức sau đây:

Hiện tượng nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ là hiện tượng những ấp trại "lớn" hơn về diện tích, nhưng lại có năng suất kém hơn, có mức độ thâm canh thấp hơn và có ít tính chất tư bản chủ nghĩa hơn, bị loại trừ bởi

những áp trại "nhỏ" hơn về diện tích, nhưng có năng suất cao hơn, có trình độ thâm canh cao hơn và có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa hơn.

### 13. NGƯỜI TA ĐÃ HẠ THẤP ĐI NHƯ THẾ NÀO HIỆN TƯỢNG NỀN SẢN XUẤT LỚN LOẠI TRỪ NỀN SẢN XUẤT NHỎ TRONG NÔNG NGHIỆP

Người ta cũng có thể bắt bẻ chúng ta: nếu việc loại trừ nền *sản xuất* nhỏ "cũng còn" được tiến hành dưới hình thức thâm canh hoá (và "tư bản hoá") nền kinh tế của *những áp trại* bé hơn, thì nói chung liệu có thể coi việc xếp loại theo diện tích là có thể dùng được vào việc gì đó không? như thế phải chăng là có hai xu hướng đối lập với nhau và phải chăng là không thể nào rút ra được bất cứ kết luận chung nào cả?

Muốn đáp lại lời bắt bẻ đó, thì cần phải trình bày *đầy đủ* toàn bộ bức tranh về nền nông nghiệp Mỹ và sự phát triển của nó. Muốn thế, cần phải thử so sánh và đối chiếu cả ba cách xếp loại với nhau, có thể nói con số ba đó là con số tối đa mà thống kê xã hội trong lĩnh vực nông nghiệp, đã cung cấp được trong mấy năm gần đây.

Chúng ta có thể so sánh và đối chiếu như vậy được. Chỉ cần lập được một biểu đồ; biểu đồ này mới thoạt nhìn qua thì hình như quá trừu tượng và phức tạp và do đó có thể làm cho độc giả "ngại đọc". Nhưng chỉ cần cố gắng chút ít, là chúng ta sẽ không gặp khó khăn gì trong việc "đọc", hiểu và phân tích biểu đồ ấy.

Muốn so sánh ba cách sắp xếp khác nhau đó với nhau, chúng ta chỉ cần lấy độc có những *tỷ lệ phần trăm* của các loại áp trại khác nhau thôi. Những con số về những tỷ lệ đó đều được cuộc điều tra ở Mỹ năm 1900 cung cấp. Trong mỗi cách xếp loại chúng ta quy ra thành *ba* loại áp trại chủ yếu. Về mặt xếp loại theo diện tích, chúng ta lấy: 1) những

áp trại nhỏ (từ 100 a-cơ-rơ trở xuống); 2) những áp trại hạng trung (từ 100 đến 175 a-cơ-rơ) và 3) những áp trại lớn (từ 175 a-cơ-rơ trở lên). Về mặt giá trị sản lượng, chúng ta lấy: 1) những áp trại không phải tư bản chủ nghĩa (từ 500 đô-la trở xuống); 2) những áp trại hạng trung (từ 500 đến 1 000 đô-la) và 3) những áp trại tư bản chủ nghĩa (từ 1 000 đô-la trở lên). Về mặt nguồn thu nhập chính, chúng ta lấy: 1) những áp trại có ít tính chất tư bản chủ nghĩa (chăn nuôi; trồng bông); 2) những áp trại hạng trung (sản xuất cỏ khô và ngũ cốc; trồng nhiều loại cây hỗn hợp) và 3) những áp trại có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa (những loại cây chuyên canh "có tính chất thương mại", mà chúng ta đã kể ra trên đây ở tiết 12, trong những mục từ 5 đến 14).

Trong mỗi một loại, trước hết chúng ta lấy tỷ lệ phần trăm của các áp trại, nghĩa là tỷ lệ của tổng số áp trại trong loại đó so với tổng số áp trại toàn Hợp chủng quốc Mỹ nói chung. Rồi đến tỷ lệ phần trăm tổng diện tích, nghĩa là tỷ lệ của tổng diện tích các áp trại cùng loại so với tổng diện tích các áp trại trong toàn Hợp chủng quốc Mỹ. Diện tích đất đai có thể là dấu hiệu chứng tỏ quy mô quảng canh của áp trại (nhưng tiếc thay, chúng ta chỉ có những số liệu về *tổng* diện tích thôi, chứ không có số liệu riêng về diện tích trồng trọt, nếu có thì sẽ được chính xác hơn). Nếu tỷ lệ phần trăm của tổng diện tích *cao hơn* tỷ lệ phần trăm của con số áp trại, - chẳng hạn, nếu số áp trại là 17,2% mà lại chiếm 43,1% ruộng đất, - thì như thế có nghĩa là chúng ta đang đứng trước những áp trại lớn, lớn hơn mức trung bình, và trong trường hợp như vậy thì lớn hơn trên gấp đôi mức trung bình. Nếu tỷ lệ phần trăm của ruộng đất lại *thấp hơn* tỷ lệ phần trăm của con số áp trại, thì như thế là chúng ta có một kết luận ngược với kết luận trên.

Sau đó, chúng ta lấy những chỉ tiêu về *trình độ thâm canh* của áp trại, tức là giá trị công cụ và máy móc và số

chi phí về phân bón. Ở đây cũng vậy, chúng ta lấy tỷ lệ phần trăm của giá trị công cụ và máy móc và của số chi phí về phân bón của mỗi loại ấp trại, so với tổng số giá trị công cụ và máy móc và tổng số chi phí về phân bón trong toàn quốc. Ở đây cũng vậy, nếu tỷ lệ phần trăm đó *cao hơn* tỷ lệ phần trăm *ruộng đất*, chúng ta có thể kết luận rằng trình độ thâm canh là *cao hơn* trình độ trung bình, v. v..

Cuối cùng, để xác định được một cách chính xác tính chất tư bản chủ nghĩa của doanh nghiệp, chúng ta cũng áp dụng cũng phương pháp trên đối với tổng số chi phí về tiền công phải trả cho công nhân làm thuê; và để xác định quy mô sản xuất, chúng ta cũng áp dụng như vậy đối với tổng giá trị các sản phẩm nông nghiệp trong toàn quốc.

Làm như vậy, chúng ta lập được biểu đồ sau đây, biểu đồ mà bây giờ chúng ta sẽ giải thích và phân tích.

Chúng ta hãy xem cách sắp xếp thứ nhất: sắp xếp theo nguồn thu nhập chủ yếu. Trong cách sắp xếp này, những ấp trại được sắp xếp, có thể nói là sắp xếp theo tính chất chuyên môn của nông nghiệp, đến một mức độ nào đó gần giống như những xí nghiệp công nghiệp được sắp xếp theo các ngành công nghiệp. Nhưng trong nông nghiệp thì việc sắp xếp đó vô cùng phức tạp hơn.

Cột thứ nhất cho chúng ta thấy một loại ấp trại có ít tính chất tư bản chủ nghĩa. Loại ấp trại này bao trùm gần nửa tổng số ấp trại: 46,0%. Đất đai thuộc loại ấp trại này bao gồm 52,9%, nghĩa là đây là những ấp trại lớn hơn mức trung bình (loại này bao gồm những ấp trại chăn nuôi đặc biệt lớn, quảng canh và những ấp trại trồng bông nhưng diện tích thấp hơn mức trung bình). Những tỷ lệ về giá trị máy móc (37,2%) và tỷ lệ về chi phí mua phân bón (36,5%) đều thấp hơn tỷ lệ về diện tích ruộng đất: như vậy là trình độ thâm canh thấp hơn mức trung bình. Xét về

mặt tính chất tư bản chủ nghĩa của ấp trại (35,2%) và về giá trị sản lượng (45,0%) thì cũng vậy. Năng suất lao động thấp hơn mức trung bình.

Cột thứ hai là cột những ấp trại hạng trung. Chính là vì trong *tất cả* ba cách xếp loại, những ấp trại "trung bình" về *tất cả* các mặt, đều được xếp vào loại ấp trại hạng trung, nên ta thấy ở đây *tất cả* các tỷ lệ phần trăm đều sát soát nhau nhất. Sự chênh lệch không đáng là bao.

So sánh ba cách  
(những số liệu sau đây là tỷ lệ phần trăm)

	theo nguồn thu nhập chủ yếu của ấp trại			
	ấp trại có ít tính chất tư bản chủ nghĩa	ấp trại hạng trung	ấp trại có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa	
Số ấp trại.....	46,0	41,5	12,5	
Toàn bộ diện tích của các loại ấp trại (tính bằng a-cơ-rơ).....	52,9	38,5	8,6	
Tư bản bất biến:	{ Giá trị những nông cụ và máy móc..... Chi phí về phân bón.....	37,2	42,7	20,1
		36,5	31,8	31,7
Tư bản khả biến:	Chi phí thuê công nhân.....	35,2	38,2	26,6
Quy mô sản xuất:	Giá trị sản lượng.....	45,0	39,0	16,0

Cột thứ ba là cột những ấp trại có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa. Ở trên, chúng ta đã phân tích tỉ mỉ ý nghĩa của những con số trong cột này rồi. Bây giờ ta cần chú ý rằng chính *chỉ số* về những ấp trại loại này, chúng ta mới có - cả cho năm 1900 lẫn cho năm 1910 - những số liệu chính xác và có thể so sánh với nhau được, những số liệu đó chứng tỏ rằng những loại cây trồng có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa ấy phát triển nhanh hơn mức trung bình.

*xếp loại:*

số với tổng số; tổng số ba ô ngang là 100)

theo diện tích của ấp trại			theo giá trị sản lượng của ấp trại			
ấp trại nhỏ	ấp trại hạng trung	ấp trại lớn	ấp trại không phải tư bản chủ nghĩa	ấp trại hạng trung	ấp trại tư bản chủ nghĩa	
57,5	24,8	17,7	58,8	24,0	17,2	Chỉ số về quy mô quảng canh của ấp trại
17,5	22,9	59,6	33,3	23,6	43,1	
31,7	28,9	39,4	25,3	28,0	46,7	Chỉ số về trình độ thâm canh của ấp trại
41,9	25,7	32,4	29,1	26,1	44,8	
22,3	23,5	54,2	11,3	19,6	69,1	Chỉ số về tính chất tư bản chủ nghĩa của ấp trại
33,5	27,3	39,2	22,1	25,6	52,3	

Sự phát triển nhanh chóng hơn đó đã phản ánh như thế nào vào cách sắp xếp thường dùng trong phân lớn các nước? Cột tiếp sau đó, tức cột những ấp trại nhỏ xếp loại theo diện tích, sẽ chỉ rõ cho chúng ta biết.

Xét về mặt số lượng ấp trại (57,5% của tổng số) thì loại này là loại rất lớn. Nhưng loại đó lại chỉ chiếm có 17,5% toàn bộ diện tích, nghĩa là thấp hơn mức trung bình đến trên ba lần. Do đó, loại ấy là loại "có ít ruộng đất" nhất, loại "nghèo" nhất. Nhưng sau đây, chúng ta sẽ thấy rằng trong loại đó, trình độ thâm canh của nông nghiệp (giá trị các máy móc và chi phí về phân bón), tính chất tư bản chủ nghĩa của ấp trại (chi phí thuê công nhân) và năng suất lao động (giá trị sản lượng) đều *cao hơn* mức trung bình: 22,3 - 41,9% trong khi chỉ có 17,5% ruộng đất.

Như vậy là thế nào? Rất rõ ràng: các loại đó tuy "nhỏ" về mặt diện tích, nhưng lại bao gồm một số đặc biệt nhiều những ấp trại có *nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa* - xem cột dọc, bên trên. Trong loại này, bên cạnh một đa số gồm những người thật sự là người kinh doanh nhỏ, có ít ruộng đất và có ít vốn, thì có một *thiểu số* gồm những điền chủ giàu, có nhiều vốn, và đã tổ chức trên những mảnh đất nhỏ của họ một nền kinh doanh lớn, - xét theo quy mô sản xuất, - và tư bản chủ nghĩa, xét về mặt tính chất. Trong toàn nước Mỹ, những điền chủ này chỉ chiếm 12,5% (= đây là tỷ lệ phần trăm về những ấp trại có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa); như vậy là nếu như thậm chí tất cả số điền chủ đó đều chỉ thuộc loại có những ấp trại được coi là nhỏ, - nhỏ về diện tích, - thì trong loại này, sẽ còn lại (57,5 - 12,5 =) 45% là những chủ đất không có đủ ruộng đất, cũng như không có đủ vốn. Trên thực tế, cố nhiên là còn có một số - tuy là nhỏ - những ấp trại có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa thuộc vào hạng những ấp trại có diện tích trung bình và lớn, thành thử con số 45% còn *thấp hơn* con số thật sự những chủ ấp trại thiếu vốn và có ít ruộng đất.

Cũng chẳng khó khăn gì mà không thấy được rằng khi người ta xếp 12 hay 10, v. v. phần trăm những chủ ấp có vốn, nông cụ, máy móc, tiền để mua phân bón, thuê nhân công, v. v., cao hơn mức trung bình, vào cùng một loại với những chủ ấp thiếu ruộng đất nhất và thiếu vốn nhất, thì như thế là người ta đã *tô hồng* rất nhiều cho hoàn cảnh của cái bốn mươi lăm phần trăm - minimum là 45% - những chủ ấp thiếu ruộng đất và thiếu tư bản đó.

Chúng ta sẽ không bàn riêng về những ấp trại hạng trung và hạng lớn được xếp loại theo cách này. Vì nếu bàn đến, thì chúng ta lại cũng chỉ nhắc lại gần y nguyên những điều chúng ta đã nói về những ấp trại nhỏ. Ví dụ: nếu những số liệu về những ấp trại nhỏ xét theo diện tích, tô hồng cho cái tình cảnh bị chèn ép của nền *sản xuất* nhỏ, thì những số liệu về ấp trại mà người ta coi là lớn - lớn theo diện tích - rõ ràng là *hạ thấp sự tập trung* thực tế của nền đại sản xuất trong nông nghiệp. Qua sự biểu hiện chính xác của thống kê, chúng ta có thể thấy rõ điều đó.

Chúng ta đi đến nguyên lý chung sau đây, nguyên lý này có thể nêu thành một quy luật áp dụng cho cách xếp loại ấp trại theo diện tích được tiến hành trong bất cứ nước tư bản chủ nghĩa nào:

nông nghiệp được thâm canh càng rộng rãi và càng nhanh bao nhiêu, thì cách xếp loại theo diện tích càng *tô hồng* bấy nhiêu cho cái tình cảnh bị chèn ép của nền sản xuất tiểu nông tức của người chủ ấp nhỏ *thiếu cả* ruộng đất *lẫn* vốn; cách xếp loại đó càng *làm giảm đi* mức độ gay gắt thực tế của mâu thuẫn giai cấp giữa nền sản xuất lớn đang phát đạt với nền sản xuất nhỏ đang suy tàn; cách xếp loại đó càng *làm lu mờ* hiện tượng tập trung tư bản vào tay nền sản xuất lớn, và việc nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ.

Cách xếp loại thứ ba và là cách xếp loại cuối cùng - theo giá trị sản lượng - đã chứng minh cho nguyên lý đó

một cách rõ rệt. Tỷ lệ phần trăm những ấp trại không phải tư bản chủ nghĩa (hoặc mang lại ít thu nhập, nếu xét theo tổng thu nhập) là 58,8%, nghĩa là cao hơn một chút ngay cả so với tỷ lệ phần trăm những ấp trại "nhỏ" (57,5%). Những ấp trại không phải tư bản chủ nghĩa đó có *nhiều* ruộng đất *hơn*: 33,3% (so với 17,5% của nhóm những chủ trại "nhỏ"). Nhưng trong tổng giá trị sản lượng, thì phần của loại ấp trại đó lại *một lần rưỡi nhỏ hơn*: 22,1% so với 33,5%!

Tại sao vậy? Tại vì người ta đã không tính gộp vào trong loại đó những ấp trại tư bản chủ nghĩa cao độ chiếm diện tích nhỏ, là những ấp trại đã làm tăng, *một cách giả tạo và sai lạc*, cái phần *tư bản* thuộc những tiểu nông, thể hiện dưới hình thức máy móc, phân bón, v. v..

Như vậy là sự nghèo khổ và tình trạng bị chèn ép - và do đó sự phá sản - của nền *sản xuất* nhỏ trong nông nghiệp lộ ra *rõ rệt hơn nhiều* so với tình cảnh mà người ta có thể thấy được qua những tài liệu về *những ấp trại* nhỏ.

Những số liệu về những ấp trại nhỏ và lớn xếp theo diện tích không hề chú ý đến *tác dụng của tư bản*; và cũng dễ hiểu là khi bỏ qua "chi tiết" đó của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, người ta đã làm sai lệch tình cảnh của nền sản xuất nhỏ, người ta đã *tô hồng* sai tình cảnh đó, vì tình cảnh đó "có thể" trở nên dễ chịu, "nếu" tư bản không tồn tại, nghĩa là không có quyền lực của đồng tiền và không có những quan hệ giữa người làm thuê với nhà tư bản, giữa chủ trại với thương nhân và với người cho vay nợ, v. v.!

Vậy là sự tập trung của nông nghiệp do những ấp trại lớn thì thấp hơn nhiều so với sự tập trung của nông nghiệp do nền sản xuất lớn, *nghĩa là* nền sản xuất tư bản chủ nghĩa: các ấp trại "lớn" chiếm 17,7% và tập trung 39,2% tổng giá trị sản lượng (quá gấp đôi mức trung bình một chút). Trong khi đó số ấp trại *tư bản chủ nghĩa* chiếm 17,2% lại tập trung 52,3% tổng giá trị sản lượng, nghĩa là trên *ba lần* mức trung bình.



Ở một nước, trong đó người ta cấp không rất nhiều ruộng đất chưa có chủ, một nước mà bọn Ma-ni-lốp gọi là nước của những ấp trại "dựa trên cơ sở lao động bản thân", thì *trên một nửa* tổng sản lượng nông nghiệp lại tập trung vào trong chừng độ  $\frac{1}{6}$  ấp trại là những ấp trại *tư bản chủ nghĩa*, những ấp trại này chi tiêu vào việc thuê công nhân gấp bốn lần mức trung bình của mỗi ấp trại loại trung bình (69,1% so với 17,2% của các ấp trại) và quá gấp rưỡi mức trung bình tính theo mỗi a-cơ-rơ trong toàn bộ diện tích (69,1% chi phí về nhân công làm thuê, so với 43,1% của toàn bộ diện tích).

Ở cực bên kia, trên một nửa, gần  $\frac{3}{5}$  tổng số các ấp trại (58,8%) là những ấp trại không phải tư bản chủ nghĩa. Những ấp trại này chiếm một phần ba toàn bộ diện tích (33,3%), nhưng số máy móc dùng cho số ruộng đất ấy lại không đạt mức trung bình (25,3% của giá trị các máy móc) và ruộng đất cũng không được bón nhiều phân bằng mức trung bình (29,1% tiền chi phí về phân), thành thử năng suất của ruộng đất đó *thấp hơn mức trung bình* đến một lần rưỡi. Tuy chiếm một phần ba toàn bộ diện tích, nhưng cái đám to lớn những ấp trại bị đè nén nhất dưới ách tư bản ấy, chỉ cung cấp dưới một phần tư (22,1%) tổng sản lượng, dưới một phần tư tổng giá trị sản lượng thối. — — —

Như vậy, về vấn đề ý nghĩa của cách xếp loại theo diện tích, chúng ta đi đến kết luận chung là không thể coi cách xếp loại này là hoàn toàn vô dụng. Chỉ có điều là không bao giờ được quên rằng cách sắp xếp loại đó làm lu mờ tình trạng nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ, và việc thâm canh trong nông nghiệp phát triển càng rộng hơn và nhanh hơn, sự khác nhau giữa các ấp trại, về mặt số tư bản bỏ vào cùng một diện tích ruộng đất, càng chênh lệch nhau nhiều hơn thì cách xếp loại đó càng làm lu mờ tình trạng nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ. Với những phương pháp nghiên cứu hiện đại, là những phương pháp

cung cấp một khối những tài liệu rất có giá trị và rất phong phú về mỗi một ấp trại thì chỉ cần, chẳng hạn kết hợp hai cách xếp loại với nhau, chẳng hạn chia mỗi một trong năm loại xếp theo tổng diện tích, thành hai hay ba loại nhỏ theo mức sử dụng lao động làm thuê là được. Sở dĩ người ta không làm như vậy, thì phần nhiều chính là vì người ta sợ đưa ra một hình ảnh quá sống sượng về thực tế, một tình hình quá rõ ràng về tình trạng khốn cùng, nghèo khổ, phá sản, bị tước đoạt của cái đám đông những người tiểu nông, mà tình cảnh của họ đã được tô hồng một cách rất "tiện lợi" và "kín đáo" bởi những ấp trại tư bản chủ nghĩa "kiểu mẫu", cũng "nhỏ" về mặt diện tích và chiếm số ít trong cái đám đông những ấp trại nghèo. Đứng về mặt khoa học, không có ai dám cả gan phủ nhận rằng không những ruộng đất, mà cả tư bản nữa cũng có một tác dụng trong nông nghiệp hiện đại. Đứng về mặt kỹ thuật thống kê hoặc số lượng công việc thống kê mà nói, thì cái tổng số từ 10 đến 15 loại tuyệt nhiên không phải là quá lớn, nếu ta đem tổng số đó mà so sánh chẳng hạn với con số 18 + 7 loại xếp theo diện tích, như trong thống kê của Đức năm 1907. Thống kê này - tập hợp một số tài liệu rất phong phú về 5 736 082 ấp trại sắp xếp theo diện tích thành bấy nhiêu loại - là một kiểu mẫu về tính thủ cựu của đám quan chức về cái mớ hổ lốn khoa học, về cái trò chơi con số một cách vô lý, vì trong thống kê đó, không có *một chút* cơ sở hợp lẽ, hợp lý nào, được khoa học và cuộc sống xác nhận, để thừa nhận cái số lượng bấy nhiêu loại là điển hình.

#### 14. SỰ TƯỚC ĐOẠT NHỮNG NGƯỜI TIỂU NÔNG

Vấn đề tước đoạt người tiểu nông là một vấn đề có ý nghĩa rất lớn đối với việc tìm hiểu và đánh giá chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp nói chung. Và điều hết sức tiêu biểu của kinh tế chính trị học và của ngành thống kê

hiện đại bị tiêm nhiễm đầy những quan niệm và thiên kiến tư bản, là ở chỗ vấn đề đó hầu như không được bàn đến, hay chỉ được phân tích một cách hoàn toàn hời hợt thôi.

Trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, những số liệu chung nêu rõ cho ta thấy cái quá trình dân số thành thị tăng lên do thu hút dân số nông thôn, một quá trình dân cư nông thôn lũ lượt kéo nhau đi. Ở nước Mỹ, quá trình đó tiến triển một cách liên tục. Tỷ số phần trăm của dân cư thành thị đã từ 29,5% năm 1880 lên đến 36,1% năm 1890, 40,5% năm 1900 và 46,3% năm 1910. Trong tất cả mọi miền trong nước, dân số thành thị tăng nhanh hơn dân số nông thôn: từ năm 1900 đến 1910, trong miền Bắc công nghiệp, dân số nông thôn đã tăng 3,9%, dân số thành thị tăng 29,8%; trong miền Nam trước kia thuộc chủ nô, dân số nông thôn tăng 14,8% và dân số thành thị tăng 41,4%; trong miền Tây đang được khẩn thực, là 49,7% và 89,6%.

Lẽ ra thì một quá trình phổ biến đến như vậy cũng nhất thiết phải được nghiên cứu trong các cuộc điều tra nông nghiệp. Hoàn toàn tự nhiên là một vấn đề rất quan trọng về mặt khoa học được đặt ra: những người rời bỏ nông thôn là thuộc loại người nào, tầng lớp nào, nhóm người nào và họ rời bỏ nông thôn trong những điều kiện nào. Khi mà cứ mười năm một lần, người ta lại lấy số liệu hết sức tỉ mỉ về từng ấp trại, về từng loại gia súc của ấp trại, thì không khó khăn gì trong việc đặt ra vấn đề xem bao nhiêu ấp trại thuộc loại nào đã được người ta đem bán hay cho thuê đi để ra tỉnh sống; bao nhiêu người trong gia đình, trong điều kiện nào đã không làm nghề nông trong một thời gian hay vĩnh viễn. Nhưng những vấn đề như vậy không được đặt ra, việc điều tra không đi quá cái con số có tính chất rập khuôn - quan phương sau đây: "từ năm 1900 đến năm 1910, dân số nông thôn đã từ 59,5% giảm xuống còn 53,7%". Những người tiến hành điều tra hình như thậm chí cũng không tỏ ý nghi ngờ một chút nào rằng đằng sau những con

số rập khuôn đó là một tình trạng cùng khổ, áp bức, phá sản đến như thế nào. Và thường thường là những nhà kinh tế học tư sản và tiểu tư sản thậm chí không muốn nhận thấy mối liên hệ rõ rệt giữa hiện tượng dân cư lũ lượt kéo nhau rời nông thôn ra đi, với sự phá sản của những người sản xuất nhỏ.

Bây giờ chúng ta chỉ còn có cách là thử tập hợp thành một chỉnh thể, những số liệu hết sức sơ lược và được sắp xếp rất tồi của cuộc điều tra 1910, về sự tước đoạt những người tiểu nông.

Chúng ta có những số liệu về những hình thức sở hữu các ấp trại: về con số những người sở hữu, được phân chia thành các loại: những người thực sự sở hữu *toàn bộ* ấp trại của mình, và những người chỉ sở hữu có *một phần* ấp trại của mình; sau đó là về con số những người thuê ruộng đất bằng cách nộp một phần thu hoạch và con số những người thuê ruộng đất bằng cách trả một số tiền. Những số liệu đó được sắp xếp theo miền, chứ không phải theo loại ấp trại.

Chúng ta hãy lấy những kết quả chung về năm 1900 và 1910, như vậy thì trước hết chúng ta có biểu sau đây:

Toàn bộ dân số nông thôn tăng .....	11,2%
Tổng số ấp trại tăng .....	10,9%
Tổng số người sở hữu tăng .....	8,1%
Tổng số người sở hữu <i>toàn bộ</i> ấp trại của họ tăng...	4,8%

Rõ ràng là biểu trên đây cho ta thấy nền tiểu nông ngày càng bị tước đoạt. Dân số nông thôn tăng lên chậm hơn dân số thành thị. Con số chủ ấp trại tăng lên chậm hơn dân số nông thôn; con số những người sở hữu tăng lên chậm hơn con số chủ ấp trại; con số những người sở hữu *toàn bộ* ấp trại của họ tăng lên chậm hơn con số những người sở hữu nói chung.

Đã từ hàng chục năm nay, tỷ số phần trăm những người sở hữu so với tổng số những chủ ấp trại cứ không ngừng giảm xuống. Tỷ số đó là:

năm 1880 - 74,4%  
 " 1890 - 71,6%  
 " 1900 - 64,7%  
 " 1910 - 63,0%

Tỷ số phần trăm những người thuê ruộng tăng lên tương ứng, thêm nữa con số những người làm rẽ tăng lên nhanh hơn con số những người thuê ruộng bằng tiền mặt. Năm 1880, tỷ số phần trăm những người làm rẽ là 17,5%, sau đó là 18,4%, rồi 22,2,% và năm 1910 đã lên đến 24,0%.

Những số liệu sau đây cho ta thấy rõ rằng nói chung tình trạng tỷ số những người sở hữu giảm đi, và tỷ số những người thuê ruộng tăng lên chứng tỏ là những người tiểu nông bị loại trừ và phá sản.

Các loại áp trại:	Tỷ số phần trăm những áp trại					
	có gia súc			có ngựa		
	1900	1910	±	1900	1910	±
Áp trại của người sở hữu...	96,7	96,1	-0,6	85,0	81,5	-3,5
Áp trại thuê.....	94,2	92,9	-1,3	67,9	60,7	-7,2

Xét theo tất cả những số liệu về hai năm, chúng ta thấy những người sở hữu có được một tình hình kinh tế cao hơn. Tình hình của những người thuê ruộng đất sa sút đi *nặng nề hơn* là tình hình của những người sở hữu.

Chúng ta hãy xét những số liệu về các miền khác nhau.

Như chúng ta đã nói trên kia, đại đa số những người thuê ruộng đất là ở miền Nam, và chính đây là nơi mà con số những người đó tăng lên nhanh nhất, từ 47,0% năm 1900 tăng lên thành 49,6% năm 1910. Cách đây một nửa thế kỷ, tư bản đã phá huỷ chế độ nô lệ, để bây giờ *lại khôi phục* chế độ đó dưới một hình thức đổi mới, cụ thể là hình thức cho làm rẽ.

Ở miền Bắc, con số những người thuê ruộng đất rõ ràng là ít hơn, và cũng tăng lên chậm hơn, chỉ tăng từ 26,2%

năm 1900 lên 26,5% năm 1910. Chính ở miền Tây, con số những người đó là ít hơn cả, và chính *chỉ* trong miền đó, con số đó mới không tăng lên, mà lại giảm đi, giảm từ 16,6% năm 1900 xuống còn 14,0% năm 1910. Trong bản tổng kết của cuộc điều tra năm 1910, chúng ta đọc thấy: "Chúng ta nhận thấy rằng trong khu sơn cước và khu Thái-bình-dương" (hai khu này hợp lại gọi là "miền Tây") "tỷ số phần trăm những áp trại thuê là hết sức nhỏ"; "dĩ nhiên điều đó chủ yếu là do chỗ mãi gần đây mới có dân cư đến ở hai khu đó, và ở hai khu đó, số đông những chủ áp trại là những người sở hữu những hòm-xét" (nghĩa là được cấp những ruộng đất bỏ không, chưa có chủ, không phải trả tiền hay chỉ trả một số tiền rất nhỏ), "được chính phủ cấp ruộng đất cho" (t. V, tr. 104).

Ở đây, chúng ta thấy rất rõ cái đặc điểm của nước Mỹ, mà chúng ta đã nhiều lần vạch ra là ở chỗ có những ruộng đất chưa có chủ, chưa có ai khai phá. Một mặt, đặc điểm đó giải thích sự phát triển hết sức rộng và nhanh của chủ nghĩa tư bản ở Mỹ. Việc không có chế độ tư hữu ruộng đất trong một số vùng nhất định của một nước rộng lớn, không những không loại trừ chủ nghĩa tư bản, - các nhà dân túy ở nước ta hãy nhớ điểm này! - trái lại, tạo ra cho chủ nghĩa tư bản một cơ sở rộng lớn và đẩy nhanh sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Mặt khác, ở nước Mỹ, đặc điểm đó - cái đặc điểm hoàn toàn không có ở những nước tư bản chủ nghĩa lâu đời của châu Âu, và từ lâu đã có dân cư - lại *che giấu* quá trình tước đoạt người tiểu nông, tức là quá trình diễn ra trong những vùng đã có dân cư và có nền công nghiệp phát triển nhất trong nước.

Chúng ta hãy xét miền Bắc. Ở đây chúng ta có được tình hình sau đây (xem bảng tr. 271, BT):

Chúng ta nhận thấy rằng ở đây không những số người sở hữu giảm đi về mặt tương đối, không những con số đó thụt đi so với tổng số chủ áp trại, v. v. và những số người

	1900	1910	Tăng hay giảm
Toàn bộ dân số nông thôn (triệu người).....	22,2	23,1	+ 3,9%
Tổng số ấp trại (nghìn cái)...	2 874	2 891	+ 0,6%
Tổng số người sở hữu (nghìn người).....	2 088	2 091	+ 0,1%
Số người sở hữu toàn bộ ấp trại của mình (nghìn người).....	1 794	1 749	- 2,5%

sở hữu còn *giảm đi về mặt tuyệt đối* trong lúc sản xuất tăng lên trong miền chủ yếu của Hợp chủng quốc Mỹ là miền tập trung 60% toàn bộ ruộng đất trồng trọt trong cả nước!

Và ngoài ra, không nên quên rằng tại *một* trong bốn khu lập thành miền "Bắc", tức là khu Trung Tây-Bắc, *cho đến bây giờ người ta vẫn còn cấp hôm-xtét*, và trong 10 năm, kể từ năm 1901 đến 1910, người ta đã cấp tất cả là 54 triệu a-cơ-rơ ruộng đất.

Khuynh hướng tước đoạt nền tiểu nông - một khuynh hướng của chủ nghĩa tư bản - đã tác động một cách mạnh mẽ đến nổi trong miền "Bắc" nước Mỹ, chúng ta thấy con số những người sở hữu ruộng đất *giảm đi về mặt tuyệt đối*, mặc dù người ta đã cấp hàng chục triệu a-cơ-rơ đất chưa cày cấy, đất chưa có chủ.

Chỉ có hai tình trạng sau đây còn kìm hãm khuynh hướng đó ở Mỹ: 1) ở miền Nam có những đồn điền của chủ nô chưa bị phân tán trong đó dân cư da đen bị áp bức và bị vùi dập, và 2) dân cư ở miền Tây thì thưa thớt. Nhưng rõ ràng là cả hai tình trạng này đều góp phần vào việc mở rộng cái cơ sở tương lai của chủ nghĩa tư bản và vào việc chuẩn bị cho chủ nghĩa tư bản có những điều kiện để phát triển nhanh hơn nữa và rộng hơn nữa. Tình trạng những mâu thuẫn trầm trọng thêm và tình trạng nền sản xuất nhỏ bị loại trừ thì không hề mất đi, mà lại còn lan tràn ra phạm vi rộng lớn hơn nhiều. Đám cháy tư bản chủ nghĩa hình như "dị đi" nhưng với cái giá là người ta phải chuẩn bị

cho nó một số lượng rất lớn chất mới còn để bén lửa hơn nữa.

Chúng ta bàn tiếp. Về vấn đề tước đoạt nền tiểu nông, chúng ta có được những số liệu về con số những ấp trại có gia súc. Đây là những con số tổng kết chung cho toàn bộ nước Mỹ:

	Tỷ lệ phần trăm		Tăng hay giảm
	1900	1910	
những ấp trại có gia súc nói chung.....	95,8	94,9	- 0,9
bò sữa.....	78,7	80,8	+2,1
ngựa.....	79,0	73,8	- 5,2

Nói chung, những số liệu đó cho ta thấy rõ rằng con số những người sở hữu giảm đi so với tổng số phéc-mi-ê. Tỷ lệ phần trăm những chủ ấp trại có bò sữa tăng lên, nhưng tỷ lệ tăng này lại thấp hơn tỷ lệ giảm của những ấp trại có ngựa.

Chúng ta hãy nghiên cứu những tài liệu về các loại ấp trại và theo hai loại gia súc chủ yếu:

Các loại ấp trại	Tỷ lệ phần trăm		Tăng hay giảm
	những ấp trại có bò sữa		
	1900	1910	
Dưới 20 a-cơ-rơ...	49,5	52,9	+ 3,4
Từ 20 đến 49 a-cơ-rơ	65,9	71,2	+ 5,3
" 50 " 99 "	84,1	87,1	+ 3,0
" 100 " 174 "	88,9	89,8	+ 0,9
" 175 " 499 "	92,6	93,5	+ 0,9
" 500 " 999 "	90,3	89,6	- 0,7
" 1000 a-cơ-rơ trở lên	82,9	86,0	+ 3,1
<hr/>			
Toàn Hợp chủng quốc Mỹ	78,7	80,8	+2,1

Chúng ta thấy rằng loại ấp trại mà số lượng tăng lên nhiều hơn cả là loại ấp trại *nhỏ* nuôi bò sữa, rồi đến những

điền trang và sau nữa là những ấp trại loại trung. Tỷ lệ phần trăm những ấp trại có bò sữa thuộc những chủ ấp trại lớn có từ 500 đến 999 a-cơ-rơ đã giảm đi.

Nhìn chung lại, thì hình như là nền tiểu nông chiếm ưu thế. Nhưng chúng ta cần nhớ lại rằng việc có gia súc lấy sữa có ý nghĩa hai mặt trong nông nghiệp: một mặt có nghĩa là mức sống được nâng cao một cách phổ biến và tình hình ăn uống được cải thiện. Mặt khác, có nghĩa là - và đây là trường hợp thường thấy nhất - một trong những ngành của nông nghiệp có tính chất thương mại và của nghề chăn nuôi có tính chất thương mại đã phát triển: sản xuất sữa để bán cho các thành thị và các trung tâm công nghiệp. Trên kia chúng ta đã thấy rằng những ấp trại thuộc loại đó, tức là ấp trại "sản xuất sữa" đã được các nhà thống kê Mỹ xếp riêng thành một loại, theo nguồn thu nhập chủ yếu. Đặc điểm của loại này là ở chỗ: diện tích ruộng đất trồng trọt, cũng như tổng diện tích ruộng đất đều *thấp hơn* mức trung bình, trong khi đó tổng sản lượng lại *cao hơn* mức trung bình và mức sử dụng lao động làm thuê tính theo mỗi a-cơ-rơ lại *cao hơn* mức trung bình *hai lần*. Vai trò của những ấp trại nhỏ trong việc sản xuất sữa tăng lên, điều đó rất có thể có nghĩa là - và chắc chắn có nghĩa là - những ấp trại *tư bản chủ nghĩa* sản xuất sữa thuộc loại đã miêu tả, nằm trên những mảnh đất nhỏ, đã phát triển. Để so sánh, đây là những số liệu về *sự tập trung* của gia súc lấy sữa ở Mỹ:

Các miền:	Con số trung bình về bò sữa tính theo mỗi ấp trại		Tăng
	1900	1910	
Miền Bắc.....	4,8	5,3	+ 0,5
Miền Nam.....	2,3	2,4	+ 0,1
Miền Tây.....	5,0	5,2	+ 0,2
<i>Tổng cộng.....</i>	3,8	4,0	+ 0,2

Chúng ta thấy rằng miền Bắc, miền có nhiều gia súc lấy sữa hơn cả, là miền mà của cải đã tăng lên nhiều nhất. Sau đây là tình hình phân bố mức tăng đó giữa các loại ấp trại:

Miền Bắc	Tỷ lệ phần trăm tăng hay giảm về số bò sữa	Tỷ lệ phần trăm tăng hay giảm về số bò sữa
Các loại ấp trại:		trong khoảng từ năm 1900 đến 1910
Dưới 20 a-cơ-rơ.....	- 4%	(số lượng ấp trại tăng + 10,0%)
Từ 20 đến 49 a-cơ-rơ	- 3%	( " " " - 12,6%)
" 50 " 99 "	+ 9%	( " " " - 7,3%)
" 100 " 174 "	+ 14%	( " " " + 2,2%)
" 175 " 499 "	+ 18%	( " " " + 12,7%)
" 500 " 999 "	+ 29%	( " " " + 40,4%)
" 1000 a-cơ-rơ trở lên	+ 18%	( " " " + 16,4%)
<i>Tổng cộng.....</i>	+ 14%	(số lượng ấp trại tăng + 0,6%)

Tuy *con số* những ấp trại nhỏ có bò sữa, tăng lên nhanh hơn, nhưng không vì thế mà số bò sữa lại không *tập trung* nhanh hơn trong các ấp trại lớn.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét những số liệu về số lượng những ấp trại có ngựa. Đây là những số liệu về súc vật cày kéo, những số liệu này chỉ cho chúng ta thấy rõ cơ cấu chung của nền kinh tế chứ không phải một ngành riêng biệt nào của nền nông nghiệp có tính chất thương mại.

Các loại ấp trại:	Tỷ lệ phần trăm những ấp trại có ngựa		Giảm
	1900	1910	
Dưới 20 a-cơ-rơ...	52,4	48,9	- 3,5
Từ 20 đến 49 a-cơ-rơ	66,3	57,4	- 8,9
" 50 " 99 "	82,2	77,6	- 4,6
" 100 " 174 "	88,6	86,5	- 2,1
" 175 " 499 "	92,0	91,0	- 1,0
" 500 " 999 "	93,7	93,2	- 0,5
Từ 1000 a-cơ-rơ trở lên	94,2	94,1	- 0,1
Toàn hợp chủng quốc Mỹ	79,0	73,8	- 5,2

Xem đó, chúng ta thấy rằng ấp trại càng nhỏ thì lại càng thiếu ngựa. Trừ những ấp trại thuộc loại rất nhỏ (từ 20 a-cơ-rơ trở xuống) là loại mà chúng ta đều biết là tương đối có nhiều ấp trại tư bản chủ nghĩa hơn những loại sát cạnh, chúng ta thấy tình trạng thiếu ngựa giảm đi rất nhanh, và số ấp trại không có ngựa tăng lên chậm hơn nhiều. Có thể là, trong những ấp trại giàu có, việc sử dụng những máy cày chạy bằng hơi nước và các máy khác có động cơ đã bù lại một phần nào sự giảm sút số lượng súc vật cày kéo, nhưng không thể giả định như vậy đối với cái khối những ấp trại nghèo nhất được.

Cuối cùng, ta cũng có thể thấy rõ được sự phát triển của tình trạng bị tước đoạt, qua những số liệu về con số những ấp trại bị cầm cố:

C á c m i ền:	Tỷ lệ phần trăm những ấp trại bị cầm cố		
	1890	1900	1910
Miền Bắc.....	40,3	40,9	41,9
Miền Nam .....	5,7	17,2	23,5
Miền Tây .....	23,1	21,7	28,6
Toàn nước Mỹ.....	28,2	31,0	33,6

Tỷ lệ phần trăm những ấp trại bị cầm cố tăng lên không ngừng trong tất cả những miền trong nước, mà hơn nữa trong miền đông dân cư nhất, tức là miền Bắc công nghiệp và tư bản chủ nghĩa thì tỷ lệ đó lại là cao hơn cả. Các nhà thống kê Mỹ vạch rõ (tr. 159, t. V) rằng, ở miền Nam, số dĩ con số những ấp trại bị cầm cố tăng lên thì chắc chắn là do chỗ những đồn điền "bị phân tán nhỏ" ra thành từng mảnh đem bán cho những người da đen và những phéc-mi-ê người da trắng, mà họ chỉ trả có một phần giá mua, còn phần kia được biến thành nợ cầm cố. Như vậy là, ở miền Nam mang tính chất thời chế độ nô lệ có *tình trạng chuộc*

*lại* độc đáo. Chúng ta cần chú ý rằng năm 1910, những người da đen ở nước Mỹ chỉ có cả thảy là 920 883 ấp trại, tức là 14,5% tổng số, trong khi từ năm 1900 đến năm 1910, con số ấp trại của những người da trắng đã tăng 9,5%, còn số ấp trại của những người da đen thì tăng nhanh gấp đôi: tăng 19,6%. Khát vọng của người da đen muốn thoát khỏi tay "những chủ đồn điền" vẫn biểu hiện một cách đặc biệt mạnh mẽ, một nửa thế kỷ sau khi đã "thắng" bọn chủ nô.

Cũng trong quyển sách đó, những nhà thống kê Mỹ đã viết rằng nói chung đem cầm cố ấp trại không phải bao giờ cũng có nghĩa là nghèo túng mà đôi khi có nghĩa là để có vốn dùng vào những công trình cải tạo đất đai v. v.. Đó là điều không thể chối cãi được. Nhưng lời nhận xét không thể chối cãi được đó, không được làm lu mờ — như những nhà kinh tế học tư sản rất thường hay làm — cái sự thật là chỉ có một thiểu số gồm những người giàu có mới có khả năng làm như vậy để có tư bản dùng vào các công trình cải tạo đất đai v.v. và có khả năng dùng tư bản đó vào sản xuất; còn đa số thì lại càng ngày càng phá sản, rơi vào tay tư bản tài chính dưới hình thức cầm cố.

Các nhà nghiên cứu đáng lẽ có thể — và phải — chú ý nhiều hơn rất nhiều đến tình trạng phụ thuộc của các phéc-mi-ê vào tư bản tài chính. Nhưng cái mặt đó của vấn đề, mặc dù có một ý nghĩa quan trọng, vô cùng to lớn, vẫn không được nghiên cứu đến.

Nhưng dù sao đi nữa, tình trạng số ấp trại bị cầm cố tăng lên, có nghĩa là quyền kiểm soát thực tế những ấp trại đó rơi vào tay của tư bản. Cố nhiên là ngoài số ấp trại bị cầm cố chính thức và có đăng ký vào sổ trước bạ, thì còn có rất nhiều ấp trại bị rơi vào cả một mạng lưới những món nợ tư không được đăng ký một cách nghiêm chỉnh, hoặc cũng không được tính đến trong lúc điều tra.

## 15. TÌNH HÌNH SO SÁNH GIỮA SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NÔNG NGHIỆP

Mặc dù tất cả những khuyết điểm của chúng, những tài liệu của thống kê Mỹ vẫn hay hơn những tài liệu thống kê của các nước khác, ở chỗ nó đầy đủ và được sưu tập theo những phương pháp nhất quán. Do đó, chúng ta có thể so sánh được những tài liệu về công nghiệp và về nông nghiệp trong những năm 1900 và 1910, và đối chiếu tình hình chung của cơ cấu kinh tế trong hai bộ phận đó của nền kinh tế quốc dân, cũng như đối chiếu tình hình chung của sự phát triển của cơ cấu đó. Tư tưởng thường lưu hành nhất của các nhà kinh tế học tư sản - và nhân tiện cũng nói luôn rằng đó cũng là tư tưởng mà ông Ghim-me hay nhắc đi nhắc lại - là cho rằng có một *sự đối lập* giữa công nghiệp và nông nghiệp. Chúng ta hãy căn cứ vào những tài liệu chính xác và có rất nhiều để xem sự đối lập đó là có thực đến mức nào.

Chúng ta hãy bắt đầu từ số lượng cơ sở kinh doanh trong công nghiệp và trong nông nghiệp.

	Số lượng cơ sở kinh doanh tính bằng nghìn cái		Mức tăng tính theo %	Mức tăng của dân số (thành thị và nông thôn) tính theo %
	1900	1910		
Công nghiệp.....	207,5	268,5	+29,4%	+34,8%
Nông nghiệp.....	5 737	6361	+10,9%	+11,2%

Trong nông nghiệp, các cơ sở kinh doanh thì đông và nhỏ hơn nhiều. Điều đó biểu hiện tình trạng lạc hậu, phân tán, manh mún của nông nghiệp.

So với công nghiệp, thì trong nông nghiệp, tổng số cơ sở kinh doanh tăng lên chậm hơn nhiều. Ở Hợp chủng quốc Mỹ, có hai tình trạng - mà các nước tiên tiến khác

không có - khiến cho số lượng các cơ sở kinh doanh trong nông nghiệp tăng lên rất mạnh và rất nhanh. Thứ nhất, là những điền trang của chủ nô ở miền Nam cho đến nay vẫn đang còn được chia nhỏ ra, đồng thời những người da đen, và những phéc-mi-ê người da trắng "chուộc lại" những mảnh ruộng đất nhỏ của những "chủ đồn điền"; hai là ở đó có một số lượng rất lớn những ruộng đất bỏ không, chưa có chủ, mà chính phủ chia cho bất cứ ai muốn xin. Tuy nhiên, so với công nghiệp, thì trong nông nghiệp số lượng cơ sở kinh doanh tăng lên chậm hơn nhiều.

Có hai nguyên nhân làm nảy sinh ra tình hình đó. Một mặt, nông nghiệp, trong một mức độ khá mạnh, vẫn còn duy trì tính chất tự nhiên, và có nhiều công việc trước kia vẫn là do gia đình nông dân tiến hành, như chế tạo và sửa chữa các loại công cụ, đồ dùng v. v. thì nay vẫn tiếp tục tách khỏi nông nghiệp để trở thành những ngành công nghiệp riêng biệt. Mặt khác, có một sự độc quyền mà riêng nông nghiệp mới có, chứ công nghiệp không có, một thứ độc quyền không gì trừ bỏ nổi trong chế độ tư bản chủ nghĩa; đó là độc quyền ruộng đất. Dù cho không có quyền tư hữu ruộng đất đi nữa - trong thực tế, cho đến nay không có quyền tư hữu đó trong những miền hết sức rộng lớn của nước Mỹ - thì việc sở hữu ruộng đất, việc những tư nhân, những cá nhân khai thác ruộng đất, cũng tạo ra một độc quyền. Trong những miền chủ yếu của nước Mỹ, toàn bộ ruộng đất đều đã có người chiếm hữu rồi, và chỉ có chia nhỏ những cơ sở kinh doanh nông nghiệp đã có sẵn, thì con số cơ sở kinh doanh nông nghiệp mới có thể tăng lên được, nên không thể tự do thành lập những cơ sở kinh doanh mới bên cạnh những cơ sở kinh doanh cũ được. Độc quyền ruộng đất tạo ra sự kìm hãm đối với sự phát triển của nông nghiệp, và khác với tình hình xảy ra trong công nghiệp, sự kìm hãm này ngăn trở sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp.

Chúng ta không có thể so sánh một cách chính xác khối lượng tư bản đầu tư vào những xí nghiệp công nghiệp với khối lượng tư bản đầu tư vào những cơ sở kinh doanh nông nghiệp được, vì giá trị ruộng đất bao gồm cả địa tô nữa. Chỉ có cách là đem so sánh số tư bản đầu tư vào công nghiệp và giá các sản phẩm công nghiệp, với tổng giá trị các tài sản của các ấp trại và giá của nông sản chủ yếu. Ở đây chỉ có những tỷ lệ phần trăm chỉ mức tăng tổng giá trị của cả hai ngành đó là hoàn toàn có thể đem so sánh với nhau được.

		Triệu đô-la		Mức tăng tính theo %	
		1900	1910		
Công nghiệp	{	Tư bản của tất cả các xí nghiệp	8975	18428	+ 105,3%
		Giá các sản phẩm của chúng	11406	20671	+ 81,2%
Nông nghiệp	{	Giá của toàn bộ tài sản của các ấp trại	20 440	40991	+ 100,5%
		Giá tổng thu hoạch ngũ cốc	1483	2665	+ 79,8%
		Thu hoạch tính bằng triệu bu-sen	4 439	4513	+ 1,7%

Chúng ta thấy rằng trong 10 năm, từ năm 1900 đến 1910, giá trị tư bản đầu tư vào công nghiệp và giá trị của toàn bộ tài sản của các ấp trại đều tăng lên *gấp đôi*. Sự khác nhau lớn và cơ bản là ở chỗ, trong nông nghiệp, ngành sản xuất sản phẩm chủ yếu, tức ngũ cốc, đã tăng lên theo một tỷ lệ không đáng kể là 1,7%, trong khi đó thì toàn bộ dân cư tăng 21,0%.

Nông nghiệp phát triển chậm hơn công nghiệp - đó là một hiện tượng cố hữu của *tất cả* các nước tư bản chủ nghĩa, hiện tượng này là một trong những nguyên nhân sâu xa nhất khiến cho quan hệ tỷ lệ giữa các ngành kinh tế quốc dân khác nhau bị phá vỡ, gây ra khủng hoảng và làm cho đời sống đất đổ lên.

Tư bản đã giải phóng nông nghiệp khỏi chế độ phong kiến; nó đưa nông nghiệp vào vòng chu chuyển thương mại,

và cùng với việc đó, nó đưa nông nghiệp vào sự phát triển của nền kinh tế thế giới; nó đã giải phóng nông nghiệp khỏi sự trì trệ và tính thủ cựu của thời trung cổ và của chế độ gia trưởng. Nhưng nó không những không xoá bỏ sự áp bức, bóc lột, tình trạng khốn cùng của quần chúng, mà trái lại nó lại tạo ra những tai hoạ đơ dưới một hình thức mới, và khôi phục lại những hình thức cũ của những tai hoạ đơ trên một cơ sở "hiện đại". Chủ nghĩa tư bản không những không xoá bỏ mâu thuẫn giữa công nghiệp và nông nghiệp, mà trái lại, lại làm cho mâu thuẫn đó ngày càng phát triển rộng và gay gắt thêm. Cái ách tư bản - cái ách này chủ yếu là được hình thành trong lĩnh vực thương nghiệp và công nghiệp - ngày càng đè nặng lên nông nghiệp.

Số lượng nông sản tăng lên không bao nhiêu (+1,7%) và giá cả của nông sản lại tăng lên rất nhiều (+79,8%), điều đó cho ta thấy rõ một mặt, vai trò của địa tô, tức là cái cống vật mà xã hội phải nộp cho chủ đất. Tình trạng lạc hậu của nông nghiệp - nông nghiệp không theo kịp sự phát triển của công nghiệp - đã được những địa chủ lợi dụng để bỏ túi hàng triệu và hàng nghìn triệu đồng, nhờ vào địa vị độc quyền của chúng. Trong mười năm, toàn bộ tài sản của các ấp trại đã tăng lên  $20\frac{1}{2}$  tỷ đô-la. Trong số tiền đó, phần tăng của giá cả các công trình kiến trúc, các gia súc và nông cụ, máy móc, chỉ chiếm có 5 tỷ thôi. Vậy là trong 10 năm, giá ruộng đất, tức là địa tô tư bản hoá, đã tăng lên 15 tỷ (+118,1%).

Mặt khác, trong nông nghiệp, chúng ta thấy biểu lộ ra một cách đặc biệt rõ rệt sự khác nhau về địa vị *giai cấp* giữa những người tiểu nông và những công nhân làm thuê. Cố nhiên là cả tiểu nông lẫn công nhân làm thuê đều "lao động", cố nhiên là cả hai đều bị tư bản bóc lột, tuy những hình thức bóc lột đó hoàn toàn khác hẳn nhau. Nhưng chỉ có những người dân chủ tư sản tầm thường mới có thể căn cứ vào đó, mà xếp những giai cấp khác nhau đó vào



cùng một loại, và nói đến một nền tiểu nông "dựa trên lao động bản thân". Như thế thì chính là đã che giấu và làm lu mờ cơ cấu xã hội của nền kinh tế, cơ cấu tư sản của nền kinh tế, bằng cách đưa lên hàng đầu, một dấu hiệu cố hữu của tất cả những cơ cấu trước đây: tính tất yếu của lao động, của lao động bản thân, của lao động chân tay, đối với sự sống còn của người tiểu nông.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, người tiểu nông dù muốn hay không muốn, dù có tính đến hay không tính đến, vẫn cứ trở thành một người sản xuất hàng hoá. Và toàn bộ thực chất của vấn đề là ở trong sự thay đổi đó. Ngay cả khi người tiểu nông chưa bóc lột công nhân làm thuê đi nữa, thì chỉ riêng sự thay đổi đó cũng đủ làm cho người tiểu nông trở thành kẻ đối kháng với giai cấp vô sản, thành một anh tư sản nhỏ. Anh ta bán sản phẩm của anh ta, còn người vô sản bán sức lao động của mình. Những người tiểu nông, với tư cách là một giai cấp, không thể không mong muốn giá cả nông sản tăng lên, và như thế chẳng khác gì họ cùng với những chủ đất lớn tham gia vào việc chia nhau địa tô; chẳng khác gì họ đoàn kết với địa chủ chống lại những tầng lớp khác trong xã hội. Sản xuất hàng hoá càng phát triển lên, thì người tiểu nông do địa vị *giai cấp* của mình nhất định cũng trở thành một *địa chủ nhỏ*.

Trong số những công nhân làm thuê, cũng có trường hợp là một bộ phận rất nhỏ trong số họ, liên kết với chủ họ chống lại toàn bộ giai cấp công nhân làm thuê. Nhưng đó chính là sự liên kết của một *bộ phận rất nhỏ* của giai cấp với kẻ thù của nó, chống lại *toàn bộ* giai cấp. Tình cảnh của công nhân làm thuê, với tư cách là một giai cấp, không thể nào được cải thiện, nếu phúc lợi của quần chúng không được nâng cao, và nếu đối kháng giữa quần chúng với tư bản đang ngự trị trong xã hội hiện đại, với toàn bộ giai cấp những nhà tư bản, không trầm trọng thêm. Trái lại, người ta hoàn toàn có thể quan niệm được một hiện tượng

như vậy - và đây thậm chí là một hiện tượng điển hình của chủ nghĩa tư bản - khi mà sự cải thiện hoàn cảnh của những người tiểu nông, với tư cách là một giai cấp, là kết quả của việc họ liên kết với bọn địa chủ, của việc họ cùng bọn này thu của toàn bộ xã hội một địa tô ngày càng cao, của sự đối kháng của họ với quần chúng vô sản và nửa vô sản là những người hoàn toàn hay chủ yếu phụ thuộc vào việc bán sức lao động của mình.

Sau đây là sự so sánh những tài liệu của thống kê Mỹ về tình hình - và số lượng - của những công nhân làm thuê với những người tiểu nông:

		1900	1910	Mức tăng tính theo %
Công nghiệp	Số lượng công nhân làm thuê (tính nghìn người).....	4 713	6 615	+40,4%
	Tiền công của họ (tính triệu đô-la).....	2 008	3 427	+70,6%
Nông nghiệp	Số lượng công nhân làm thuê	?	?	khoảng +47,1%
	Tiền công của họ (tính triệu đô la).....	357	652	+82,3%
	Số lượng phéc-mi-ê (tính nghìn người).....	5 737	6 361	+10,9%
	Giá cả sản phẩm chủ yếu của họ, là ngũ cốc (tính triệu đô-la).....	1 483	2 665	+79,8%

Công nhân công nghiệp đã *bị thiệt*, vì tiền công của họ tăng lên chỉ có 70,6% ("chỉ", như vậy thôi là bởi vì cũng một số lượng ngũ cốc gần như trước - 101,7% của số lượng trước đây - bây giờ lại có giá trị bằng 179,8% giá trước kia!), trong khi đó thì số lượng công nhân lại tăng lên vừa chẵn 40%.

Tiểu nông, với tư cách là chủ đất nhỏ, đã *được lợi* nhờ làm thiệt đến giai cấp vô sản. Số lượng những người tiểu

nông chỉ tăng có 10,9% (dù tách riêng ra chỉ những phéc-mi-ê nhỏ thôi, thì mức tăng cũng chỉ là 11,9%); số lượng nông sản của họ hầu như không tăng (+1,7%), nhưng giá cả những nông sản đó lại tăng 79,8%.

Cố nhiên là tư bản thương nghiệp và tư bản tài chính đã chiếm phần lớn nhất trong địa tô ấy; tuy nhiên địa vị giai cấp của người tiểu nông đem so với địa vị giai cấp của công nhân làm thuê thì cũng hoàn toàn giống như địa vị giai cấp của người tư sản nhỏ so với địa vị giai cấp của người vô sản.

Con số công nhân làm thuê *tăng nhanh hơn* mức tăng dân số (+40% so với +21%). Người tiểu sản xuất và người tiểu nông bị tước đoạt ngày càng nhiều hơn. Dân cư bị vô sản hoá ngày càng nhiều\*.

Số phéc-mi-ê - và hơn thế nữa, như chúng ta đều biết, số chủ sở hữu trong số phéc-mi-ê - tăng *chậm* hơn mức tăng dân số (10,9% so với 21%). Những người tiểu nông ngày càng trở thành kẻ độc quyền, địa chủ nhỏ.

Bây giờ chúng ta xét đến những quan hệ giữa nền sản xuất nhỏ với nền sản xuất lớn trong công nghiệp và trong nông nghiệp. Về công nghiệp, những số liệu dẫn ra ở đây không phải là những số liệu về năm 1900 và 1910, mà về năm 1904 và 1910.

Chúng ta sẽ chia những xí nghiệp công nghiệp thành ba loại chủ yếu theo quy mô sản xuất của chúng, bằng cách xếp những xí nghiệp có giá trị sản lượng từ 20 000 đô-la trở xuống vào loại nhỏ, những xí nghiệp có giá trị sản lượng từ 20 000 đến 100 000 đô-la, vào loại trung, và những xí nghiệp có giá trị sản lượng từ 100 000 đô-la trở lên, vào loại lớn. Còn về những cơ sở kinh doanh nông nghiệp, chúng

\* Số công nhân làm thuê trong nông nghiệp, hay nói đúng hơn, mức tăng của số công nhân đó là do tỷ lệ thức sau đây quy định:  $82,3: 70,6 = x; 40,4$ , do đó  $x = 47,1$ .

ta không có cách nào khác hơn là xếp theo diện tích. Chúng ta sẽ xếp những ấp trại rộng từ 100 a-cơ-rơ trở xuống vào loại nhỏ, những ấp trại rộng từ 100 đến 175 a-cơ-rơ vào loại trung, và những ấp trại rộng từ 175 a-cơ-rơ trở lên vào loại lớn.

	Các loại cơ sở kinh doanh:	Số lượng cơ sở kinh doanh tính theo nghìn cái				Mức tăng tính theo %
		1900	%	1910	%	
Công nghiệp	Loại nhỏ .....	144	66,6	180	67,2	+ 25,0%
	Loại trung .....	48	22,2	57	21,3	+ 18,7%
	Loại lớn.....	24	11,2	31	11,5	+ 29,1%
	<i>Tổng cộng</i> .....	216	100,0	268	100,0	+ 24,2%
Nông nghiệp	Loại nhỏ.....	3 297	57,5	3 691	58,0	+ 11,9%
	Loại trung.....	1 422	24,8	1 516	23,8	+ 6,6%
	Loại lớn.....	1 018	17,7	1 154	18,2	+ 13,3%
	<i>Tổng cộng</i> .....	5 737	100,0	6 361	100,0	10,9%

Xem đó, ta thấy một tình hình phát triển đặc biệt giống nhau.

Trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp, tỷ lệ phần trăm của chính những cơ sở kinh doanh loại trung giảm đi, số lượng những cơ sở kinh doanh đó tăng lên chậm hơn số lượng những cơ sở kinh doanh loại nhỏ và loại lớn.

Trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp, số lượng những cơ sở kinh doanh loại nhỏ tăng chậm hơn số lượng những cơ sở kinh doanh loại lớn.

Lực lượng kinh tế hay vai trò kinh tế của các loại cơ sở kinh doanh thay đổi ra sao? Về những thay đổi trong công nghiệp, chúng ta có những số liệu về giá cả sản phẩm; về nông nghiệp; chúng ta có những số liệu về giá cả toàn bộ tài sản của các ấp trại:

	Các loại cơ sở kinh doanh:	Triệu đô-la		Mức tăng tính theo %		
		1900	%	1910	%	
Công nghiệp	Loại nhỏ .....	927	6,3	1 127	5,5	+21,5%
	Loại trung .....	2 129	14,4	2 544	12,3	+19,5%
	Loại lớn.....	11 737	79,3	17 000	82,2	+44,8%
	<i>Tổng cộng.....</i>	14 739	100,0	20 671	100,0	+39,7%
Nông nghiệp	Loại nhỏ.....	5 790	28,4	10 499	25,6	+81,3%
	Loại trung.....	5 721	28,0	11 089	27,1	+93,8%
	Loại lớn.....	8 929	43,6	19 403	47,3	+117,3%
	<i>Tổng cộng.....</i>	20 440	100,0	40 991	100,0	+100,5%

Cả ở đây nữa, cũng có một tình hình phát triển đặc biệt giống nhau.

Trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp, phần của những cơ sở kinh doanh loại nhỏ và loại trung giảm đi, chỉ có phần của những cơ sở kinh doanh loại lớn là tăng lên.

Nói một cách khác, trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp đều diễn ra cái quá trình nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ.

Trong trường hợp này, sự khác nhau giữa công nghiệp và nông nghiệp là ở chỗ trong công nghiệp, phần của những xí nghiệp nhỏ đã tăng lên hơn phần của những xí nghiệp loại trung một chút (+21,5% so với +19,5%), còn trong nông nghiệp thì lại ngược lại. Dĩ nhiên sự khác nhau đó không là bao, và từ đó không thể rút ra được kết luận có tính chất khái quát nào cả. Nhưng sự thật sau đây vẫn là sự thật: trong cái nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến nhất trên thế giới này, nền sản xuất nhỏ trong công nghiệp, trong mười năm vừa qua tăng lên mạnh hơn nền sản xuất loại trung, còn trong nông nghiệp thì tình hình trái ngược hẳn. Sự thật đó chứng tỏ rằng những lời khẳng định thường lưu hành trong các nhà kinh tế học tư sản cho rằng công nghiệp tuyệt đối và hoàn toàn xác nhận cái quy luật

nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ, còn nông nghiệp thì bác bỏ quy luật đó, - là những lời khẳng định không nghiêm túc biết chừng nào.

Trong nền nông nghiệp của Hợp chúng quốc Mỹ không những có tình trạng nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ, mà quá trình loại trừ đó lại diễn ra theo một quy luật hay quy tắc chặt chẽ hơn nhiều so với trong công nghiệp.

Đồng thời chúng ta cũng không nên quên cái điều chúng ta đã chứng minh trên kia là cách xếp loại các ấp trại theo diện tích *làm lu mờ* quá trình nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ.

Còn về *trình độ* tập trung đã đạt được, thì về phương diện này nông nghiệp ở vào tình trạng lạc hậu rất nhiều. Trong công nghiệp, các xí nghiệp lớn chiếm 11% tổng số xí nghiệp nhưng chiếm đến hơn tám phần mười tổng sản lượng. Vai trò của các xí nghiệp nhỏ là không đáng kể: chiếm  $\frac{2}{3}$  tổng số xí nghiệp nhưng chỉ chiếm có 5,5% tổng sản lượng! So với tình hình đó thì trong nông nghiệp tình trạng manh mún còn đang ngự trị: những cơ sở kinh doanh loại nhỏ chiếm 58% tổng số cơ sở kinh doanh, nhưng chỉ chiếm có một phần tư tổng giá trị các tài sản của các ấp trại; còn những cơ sở kinh doanh lớn chiếm 18% tổng số cơ sở kinh doanh, nhưng lại chiếm đến gần một nửa tổng giá trị các tài sản của các ấp trại (47%). Tổng số cơ sở kinh doanh trong nông nghiệp nhiều hơn đến trên 20 lần so với số xí nghiệp công nghiệp.

Tình hình đó xác nhận kết luận đã được rút ra từ lâu cho rằng, nếu chúng ta so sánh sự phát triển của nông nghiệp với sự phát triển của công nghiệp, thì chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp đang ở vào một giai đoạn gần với giai đoạn công trường thủ công hơn là giai đoạn đại công nghiệp cơ khí. Lao động thủ công vẫn còn chiếm ưu thế trong nông nghiệp, và việc sử dụng máy móc ở đó hãy còn tương đối rất yếu. Nhưng những tài liệu nêu trên đây

tuyệt nhiên không chứng minh rằng không thể xã hội hoá sản xuất nông nghiệp được, kể cả ở giai đoạn phát triển hiện nay của nó. Kể nào nắm các ngân hàng trong tay, thì kẻ đó *trực tiếp* nắm một phần ba tất cả số ấp trại ở nước Mỹ, và gián tiếp thống trị toàn bộ số ấp trại đó. Trong tình hình phát triển hiện nay của các loại liên minh và của kỹ thuật liên lạc và vận tải thì việc tổ chức sản xuất theo một kế hoạch chung thống nhất trong một triệu cơ sở kinh doanh cung cấp trên một nửa tổng sản lượng, là điều hoàn toàn có thể thực hiện được.

## 16. TỔNG KẾT VÀ KẾT LUẬN

Những cuộc điều tra nông nghiệp tiến hành ở nước Mỹ năm 1900 và 1910 là thành tựu mới nhất của ngành thống kê xã hội trong lĩnh vực đó của nền kinh tế quốc dân. Đó là tài liệu tốt nhất trong số những tài liệu hiện có của các nước tiên tiến, nó bao quát được hàng triệu ấp trại và cho phép chúng ta rút ra những kết luận thực tế chính xác và những đúc kết về sự phát triển của nông nghiệp dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Có thể dựa vào những tài liệu đó để nghiên cứu những quy luật của sự phát triển đó, nhất là vì Hợp chúng quốc Mỹ là nước mà nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa chiếm những diện tích rộng nhất và có rất nhiều mối quan hệ đa dạng hơn cả, có rất nhiều màu sắc và hình thái.

Ở Mỹ, một mặt chúng ta thấy bước chuyển từ cơ cấu có tính chất nô lệ — hoặc trong trường hợp này, từ cơ cấu có tính chất phong kiến thì cũng thế — của nông nghiệp sang cơ cấu thương nghiệp và tư bản chủ nghĩa; mặt khác chúng ta thấy một sự phát triển đặc biệt rộng rãi và nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản trong một nước tư sản tự do nhất và tiên tiến nhất. Đồng thời bên cạnh cái đó chúng ta cũng thấy một quá trình khẩn thực rất đại quy mô, đã được đặt lên trên những đường ray dân chủ tư bản chủ nghĩa.

Ở nước Mỹ, chúng ta cũng thấy có những khu từ lâu đã có dân cư, công nghiệp hoá cao độ, thâm canh cao độ, giống như nhiều vùng ở Tây Âu văn minh, nơi mà chủ nghĩa tư bản đã hình thành từ lâu; và thấy có những khu nông nghiệp và chăn nuôi có tính chất nguyên thuỷ và quảng canh, giống như một số vùng biên cương của nước Nga, hoặc như một số vùng ở Xi-bi-ri. Chúng ta thấy có những ấp trại lớn và nhỏ, đủ các loại: điền trang, đồn điền ở miền Nam trước kia của chủ nô, và ở miền Tây là miền đang được khẩn thực cũng như ở miền bờ biển phía Bắc Đại-tây-dương có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa; ấp trại nhỏ của những người da đen làm rẽ, và những ấp trại nhỏ tư bản chủ nghĩa, chuyên sản xuất sữa hay rau cho thị trường, tại miền Bắc công nghiệp hoá, hay sản xuất trái cây, trên bờ biển Thái-bình-dương; những "nhà máy sản xuất ra lúa mì" dùng công nhân làm thuê, và những *hôm-xtét* của những người tiểu nông "độc lập" mà đầu óc còn đầy đầy những ảo tưởng ngây thơ cho rằng có khả năng sống bằng "lao động của bàn tay mình".

Các quan hệ thật là muôn hình muôn vẻ, nó bao hàm cả quá khứ lẫn tương lai, bao hàm cả châu Âu lẫn nước Nga. Dem so sánh với nước Nga sẽ đặc biệt bổ ích, nhất là so sánh về mặt những hậu quả của cái khả năng chuyển tất cả ruộng đất vào tay nông dân mà không trả tiền chuộc, việc chuyển này có tính chất tiến bộ, nhưng rõ ràng là có tính chất tư bản chủ nghĩa.

Nước Mỹ là một điển hình thuận tiện hơn hết cho việc nghiên cứu những quy luật phát triển chung của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, và nghiên cứu những hình thức biểu hiện muôn hình muôn vẻ của những quy luật đó. Việc nghiên cứu này dẫn đến những kết luận mà chúng ta có thể tóm tắt trong những nguyên lý ngắn gọn sau đây.

So với trong công nghiệp thì trong nông nghiệp, lao động chân tay chiếm địa vị trội hơn rất nhiều so với máy móc.

Nhưng máy móc vẫn không ngừng tiến lên, đồng thời nâng cao kỹ thuật của áp trại, làm cho áp trại trở nên có quy mô lớn hơn, có tính chất tư bản chủ nghĩa hơn. Máy móc đang được dùng theo lối tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp hiện đại.

Dấu hiệu và chỉ tiêu chủ yếu của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp là lao động làm thuê. Chúng ta nhận thấy rằng lao động làm thuê phát triển cũng như việc dùng máy móc tăng thêm trong *tất cả* các miền ở nước Mỹ và trong tất cả các ngành của nông nghiệp. Mức tăng của số công nhân làm thuê vượt mức tăng của dân số nông thôn và của dân số toàn quốc. Mức tăng của số phéc-mi-ê thấp hơn mức tăng của dân số nông thôn. Mâu thuẫn giai cấp tăng thêm và trở nên gay gắt.

Tình trạng nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ đang tiến triển trong nông nghiệp. Việc so sánh những tài liệu của cuộc điều tra năm 1900 với tài liệu của cuộc điều tra năm 1910, về toàn bộ tài sản của các áp trại hoàn toàn chứng minh điều đó.

Nhưng người ta đã giảm nhẹ tình trạng loại trừ đó và tô hồng địa vị của những người tiểu nông, vì năm 1910, những người làm công tác điều tra ở Mỹ - cũng như ở hầu hết các nước ở châu Âu - chỉ giới hạn lại ở việc xếp loại các áp trại theo diện tích thoi. Nông nghiệp càng được thâm canh rộng rãi và nhanh chóng thì tình trạng làm giảm nhẹ và tô hồng như đã nói trên càng nhiều.

Chủ nghĩa tư bản phát triển lên không phải chỉ bằng cách đẩy mạnh việc phát triển những áp trại rộng lớn về diện tích trong những miền quảng canh, mà còn bằng cách xây dựng những áp trại lớn hơn về quy mô sản xuất, có nhiều tính chất tư bản chủ nghĩa hơn, trên những diện tích nhỏ hơn, trong những miền thâm canh.

Nói tóm lại, trên thực tế, tình trạng tập trung sản xuất trong những áp trại lớn thì mạnh hơn, trên thực tế tình

trạng loại trừ nền sản xuất nhỏ thì sâu sắc và gay gắt hơn, chứ không giống như tình trạng mà những tài liệu thường thấy về những áp trại có quy mô khác nhau xếp loại theo diện tích, đã đưa ra. Những tài liệu của cuộc điều tra năm 1900, được tiến hành một cách cẩn kẽ hơn, tỉ mỉ hơn, khoa học hơn, khiến ta không còn nghi ngờ một chút nào về vấn đề đó cả.

Việc tước đoạt nền tiểu nông đang tiến triển. Trong suốt mấy chục năm gần đây, chúng ta thấy tỷ lệ phần trăm những người sở hữu trong tổng số các phéc-mi-ê, không ngừng giảm đi, còn số phéc-mi-ê này thì tăng chậm hơn mức tăng của dân số. Trong miền chủ yếu nhất tức là miền Bắc, miền cung cấp đại bộ phận nông sản và không có vết tích của chế độ nô lệ, cũng như không có sự khẩn thực đại quy mô, thì số người sở hữu toàn bộ áp trại của mình giảm đi một cách tuyệt đối. Trong mười năm gần đây, tỷ số phần trăm những phéc-mi-ê có gia súc nói chung đã giảm xuống; tỷ số phần trăm những chủ áp trại có gia súc lấy sữa tăng lên, trong khi đó tỷ số phần trăm những phéc-mi-ê không có ngựa, nhất là trong những phéc-mi-ê nhỏ, cũng tăng lên và tăng lên mạnh hơn nhiều.

Nói chung, đem đối chiếu những tài liệu có cùng tính chất, và thuộc cùng một thời gian, về công nghiệp và về nông nghiệp, chúng ta thấy rằng mặc dù nông nghiệp vô cùng lạc hậu hơn song cả hai đều có những quy luật phát triển đặc biệt giống nhau, đều có tình trạng nền sản xuất nhỏ bị loại trừ.

## DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC TRIỆU TẬP HỘI NGHỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LẦN THỨ HAI <sup>76</sup>

Ban thường vụ (I. S.K.), sau khi đã thảo luận với nhiều đại biểu của một số nước, quyết định:

Triệu tập *Hội nghị* lần thứ hai những người xã hội chủ nghĩa tán thành những quyết định của Hội nghị Xim-méc-van.

Chương trình nghị sự:

- 1) đấu tranh chống chiến tranh;
- 2) thành lập liên minh quốc tế của những người xã hội chủ nghĩa phản đối chiến tranh và chủ nghĩa dân tộc;
- 3) đề ra những biện pháp thực tế về tổ chức, tuyên truyền và đấu tranh chống các chính phủ;
- 4) phát triển những quyết định của Hội nghị Xim-méc-van.

Ấn định thời hạn triệu tập hội nghị vào ngày 15 tháng Tư 1916.

Công bố bản quyết định này (đổi ngày công bố thành ngày 15 tháng Ba).

Kêu gọi tất cả các tổ chức của những người xã hội chủ nghĩa tán thành những quyết định của Hội nghị Xim-méc-van, nghiên cứu (thảo luận) mọi vấn đề ghi trong chương trình

nghị sự và các dự thảo nghị quyết <sup>77</sup>. Những dự thảo nghị quyết này (có 2 hoặc 3 đại biểu ký) sẽ được công bố trên báo "Berne Tagwacht".

*Viết khoảng từ ngày 23 đến  
27 tháng Giêng (5 - 9 tháng  
Hai) 1916*

*In lần đầu vào năm 1948,  
trong V. I. Lê-nin, Toàn tập,  
xuất bản lần thứ 4, t. 22*

*Theo đúng bản thảo*

**GỬI HỘI NGHỊ  
NGÀY 24 THÁNG TƯ 1916  
ĐỀ ÁN CỦA ĐOÀN ĐẠI BIỂU<sup>78</sup>**

1. Chỉ có những đại biểu các tổ chức chính trị hay công đoàn hoặc các cá nhân tán thành những quyết định của Hội nghị Xim-méc-van mới được tham gia hội nghị.

2. Đối với các nước mà những đảng chính thức hoặc những công đoàn chính thức, đã gia nhập I. S. K. rồi, thì chỉ có những đại biểu do các tổ chức đó chỉ định mới được tham gia hội nghị.

3. Đối với các nước mà những đảng chính thức hoặc những công đoàn chính thức, chưa gia nhập I. S. K. thì chỉ có những đại biểu các tổ chức và đoàn thể như sau mới được tham gia hội nghị:

- a) trong nước mình, đã phát ngôn và viết bài theo tinh thần những quyết định của Hội nghị Xim-méc-van;
- b) ủng hộ I. S. K. bằng hành động của mình.

4. Việc cho phép đại biểu tham gia hội nghị với tư cách cá nhân chỉ là một ngoại lệ và người đó không có quyền biểu quyết.

5. Một uỷ ban gồm 9 uỷ viên, trong đó có 4 uỷ viên của I. S. K., do hội nghị bầu ra, sẽ quyết định cuối cùng đối với các cuộc tranh luận về tư cách đại biểu sau khi nghe trình bày các lý do và tính đến các tình huống.

6. Thể thức đầu phiếu sẽ do hội nghị quyết định.

[[Điểm bổ sung không công bố, - ghi vào biên bản của hội nghị:

Các đồng chí trước đã tham gia Hội nghị Xim-méc-van đều có *quyền* ("le droit" - tiếng Pháp trong văn bản) tham gia Hội nghị lần thứ hai với tư cách đại biểu không có quyền biểu quyết]].

*Viết khoảng từ ngày 23 đến  
27 tháng Giêng (5 - 9 tháng Hai)  
1916, bằng tiếng Đức*

*In ngày 29 tháng Hai 1916 trong  
"Bulletin. Internationale Sozia-  
listische Kommission zu Bern",  
số 3*

*Theo đúng bản thảo Dịch  
từ tiếng Đức*

*In lần đầu bằng tiếng Nga năm  
1948, trong V. I. Lê-nin,  
Toàn tập, xuất bản lần thứ 4,  
t. 22.*

**DIỄN VĂN ĐỌC TẠI CUỘC MÍT-TINH  
QUỐC TẾ Ở BÉC-NƠ  
NGÀY 8 THÁNG HAI 1916 <sup>79</sup>**

Các đồng chí! Thế là cuộc chiến tranh Âu châu đã hoành hành hơn một năm rưỡi rồi. Và cuộc chiến tranh đó kéo dài thêm một tháng nào, thêm một ngày nào, thì quần chúng công nhân càng thấy rõ thêm rằng bản Tuyên ngôn Xim-méc-van đã nói lên sự thật khi bản đó nói rằng những lời nói trống rỗng về "bảo vệ tổ quốc" vân vân, chẳng qua chỉ là một sự lừa bịp của bọn tư bản mà thôi. Càng ngày người ta càng thấy rõ thêm rằng đó là một *cuộc chiến tranh của bọn tư bản, của bọn ăn cướp cõ bự*, chúng đang tranh nhau xem đứa nào trong bọn chúng sẽ vợ vét được nhiều chiến lợi phẩm nhất, cướp bóc được nhiều nước nhất, giày xéo và nô dịch được nhiều dân tộc nhất.

Đặc biệt đối với các đồng chí Thụy-sĩ, thì điều cơ hồ như không thể tin được, - tuy nhiên lại xác thực - là cả ở *nước Nga* chúng tôi cũng thế, chẳng những chế độ Nga hoàng khát máu, chẳng những bọn tư bản, mà cả đến một bộ phận những người gọi là những người xã hội chủ nghĩa hoặc nguyên là xã hội chủ nghĩa đều nói rằng nước Nga đang tiến hành một "cuộc chiến tranh tự vệ", rằng nước Nga chỉ chiến đấu chống lại sự xâm lược của nước Đức mà thôi. Tuy nhiên, thực ra toàn thế giới đều biết rõ rằng đã hàng chục năm nay, chế độ Nga hoàng áp bức hơn một trăm triệu dân thuộc các dân tộc khác ở Nga, rằng đã hàng

chục năm nay, nước Nga thi hành một chính sách ăn cướp chống lại Trung-quốc, Ba-tư, Ác-mê-ni-a, Ga-li-xi-a. *Cả nước Nga, lẫn nước Đức, và bất cứ một đại cường quốc nào khác đều không có quyền nói đến "chiến tranh tự vệ"*: tất cả các đại cường quốc đều tiến hành một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa, một cuộc chiến tranh ăn cướp, một cuộc chiến tranh nhằm áp bức những dân tộc nhỏ yếu khác, một cuộc chiến tranh vì lợi nhuận của bọn tư bản là bọn đang bòn rút từ những đau khổ khủng khiếp của quần chúng, từ máu của giai cấp vô sản mà thu được hàng tỷ tiền thu nhập bằng vàng ròng.

Cách đây bốn năm, vào tháng Mười một 1912, khi đã rõ ràng là chiến tranh sắp nổ ra, các đại biểu của những người xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới đã họp Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Ba-lơ. Ngay từ thời kỳ ấy, người ta đã thấy rõ ràng rằng cuộc chiến tranh sắp tới sẽ là một cuộc chiến tranh giữa các đại cường quốc, giữa bọn đại ác bá, rằng các chính phủ và giai cấp tư bản ở *tất cả* các đại cường quốc phải chịu trách nhiệm về chiến tranh. Và bản Tuyên ngôn Ba-lơ, được các đảng xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới *nhất trí* thông qua, đã công khai nói lên sự thực đó. *Bản Tuyên ngôn Ba-lơ không hề nói một lời nào đến "chiến tranh tự vệ" đến "việc bảo vệ tổ quốc"*. Bản đó công kích kịch liệt các chính phủ và giai cấp tư sản ở *tất cả* các đại cường quốc không trừ một cường quốc nào. Bản đó công khai nói rằng chiến tranh sẽ là một tội ác lớn nhất, rằng những người công nhân coi việc công nhân bắn lẫn nhau là một tội ác, rằng các cảnh khủng khiếp của chiến tranh và lòng phẫn nộ của công nhân đối với các cảnh khủng khiếp đó nhất định phải dẫn đến *cuộc cách mạng vô sản*.

Khi chiến tranh đã thực sự nổ ra, thì lúc đó mọi người đều thấy rằng bản Tuyên ngôn Ba-lơ đã xác định đúng tính



chất của chiến tranh ấy. Nhưng các tổ chức xã hội chủ nghĩa và các tổ chức công nhân đã không nhất trí tuân theo những nghị quyết ở Ba-ơ và đã phân liệt. Và ngày nay chúng ta thấy rằng trong tất cả các nước trên thế giới, các tổ chức xã hội chủ nghĩa và các tổ chức công nhân đã chia thành hai phe lớn. Một số nhỏ, cụ thể là các lãnh tụ, những người có chức vụ và bọn quan liêu, đã phản bội chủ nghĩa xã hội và đứng về phía các chính phủ. Còn bộ phận kia, bao gồm quần chúng công nhân giác ngộ, thì tiếp tục tập hợp lực lượng của mình và đấu tranh chống chiến tranh, thực hiện cuộc cách mạng vô sản.

Những quan điểm của bộ phận thứ hai đó đã được phản ánh trong bản Tuyên ngôn Xim-méc-van.

Ở nước Nga chúng tôi, ngay từ lúc chiến tranh mới bắt đầu, các *đại biểu công nhân* ở Đu-ma đã tiến hành một cuộc đấu tranh cách mạng kiên quyết chống chiến tranh và chế độ quân chủ Nga hoàng. Năm đại biểu công nhân: Pê-tơ-rốp-xki, Ba-đa-ép, Mu-ra-nốp, Sa-gốp và Xa-môi-lốp đã phổ biến những bản hiệu triệu cách mạng chống chiến tranh và đã cương quyết tiến hành công tác cổ động cách mạng. Chính phủ Nga hoàng đã ra lệnh bắt giam 5 đại biểu đó, đã đưa họ ra toà và đã kết án họ phải bị đày chung thân ở Xi-bi-ri. Thế là đã bao tháng nay, các lãnh tụ của giai cấp công nhân Nga bị đày đọa ở Xi-bi-ri, nhưng sự nghiệp của họ không bị phá huỷ, và công tác của họ vẫn được những người công nhân giác ngộ toàn nước Nga tiếp tục tiến hành theo cùng một phương hướng.

Các đồng chí! Tại đây, các đồng chí đã được nghe nhiều đại biểu của các nước nói với các đồng chí về cuộc đấu tranh cách mạng của công nhân chống chiến tranh. Tôi chỉ muốn kể thêm với các đồng chí cái thí dụ một nước rất lớn và rất giàu, tức là Hợp chủng quốc Mỹ. Hiện nay bọn tư bản ở nước ấy đang vơ vét được những món lợi nhuận khá lớn do có cuộc chiến tranh châu Âu. Và chúng cũng

đang cố động cho chiến tranh. Chúng nói rằng nước Mỹ cũng phải sẵn sàng tham gia chiến tranh, rằng phải rút của nhân dân hàng trăm triệu đô-la để tiến hành trang bị thêm, trang bị thêm mãi. Và ở nước Mỹ, một bộ phận những người xã hội chủ nghĩa đã chạy theo cái khẩu hiệu đối trá, và đây tội ác ấy. Nhưng tôi sẽ đọc để các đồng chí nghe xem đồng chí *Ép-ghe-ni Dép-xơ*, một lãnh tụ rất nổi tiếng của những người xã hội chủ nghĩa Mỹ, ứng cử viên thuộc Đảng xã hội chủ nghĩa Mỹ ra tranh cử chức tổng thống nước cộng hoà, đã viết những gì.

Trong tờ báo Mỹ "Appeal to Reason" ("Kêu gọi theo lẽ phải")<sup>80</sup> ra ngày 11 tháng Chín 1915, đồng chí ấy viết: "*Tôi không phải là một người lính của chủ nghĩa tư bản, tôi là một người cách mạng vô sản; tôi không thuộc đội quân chính quy của giới tài phiệt, mà thuộc đội quân không chính quy của nhân dân. Tôi khước từ đánh nhau vì lợi ích của giai cấp tư bản. Tôi phản đối mọi cuộc chiến tranh, chỉ trừ có một cuộc chiến tranh mà tôi hết lòng hết sức ủng hộ: đó là cuộc chiến tranh thế giới vì cuộc cách mạng xã hội. Cuộc chiến tranh đó, tôi sẵn sàng tham gia, nếu các giai cấp thống trị làm cho chiến tranh trở thành cần thiết nói chung*".

Đồng chí *Ép-ghe-ni Dép-xơ*, lãnh tụ kính mến của công nhân Mỹ, Bê-ben của nước Mỹ, đã viết cho họ như vậy.

Thưa các đồng chí, điều đó một lần nữa lại chỉ ra cho chúng ta thấy rằng *sự tập hợp các lực lượng của giai cấp công nhân đang thực sự được chuẩn bị tại tất cả các nước trên thế giới*. Những nỗi cơ cực và đau khổ của nhân dân trong chiến tranh thật là hết chỗ nói, nhưng chúng ta không nên và chúng ta chẳng có lý do nào để nhìn về tương lai với nỗi thất vọng cả.

Hàng triệu nạn nhân đã ngã xuống trong chiến tranh

hoặc vì chiến tranh, nhưng họ không chết một cách vô ích. Hàng triệu người đang bị đói, hàng triệu người đang hy sinh tính mệnh trong các chiến hào, không phải họ chỉ chịu đau khổ, mà họ cũng đang tập hợp lực lượng của họ lại, họ suy nghĩ về những nguyên nhân thực sự của chiến tranh, họ tôi luyện ý chí của họ và đi tới một nhận thức ngày càng rõ rệt hơn về cách mạng. Lòng bất mãn ngày càng tăng của quần chúng, tinh thần sôi sục ngày càng lớn, các cuộc bãi công, các cuộc biểu tình thị uy, các kháng nghị phản đối chiến tranh - tất cả những điều đó đang diễn ra ở *khắp mọi* nước trên thế giới. *Và điều đó là điều đảm bảo cho chúng ta rằng sau cuộc chiến tranh ở châu Âu, sẽ là cuộc cách mạng vô sản chống chủ nghĩa tư bản.*

"*Berner Tagwacht*", số 33,  
ngày 9 tháng Hai 1916

In lần đầu bằng tiếng Nga,  
năm 1929, trong V. I. Lê-nin,  
Toàn tập, xuất bản lần thứ 2  
và thứ 3, t. XIX

Theo đúng bản in trên báo  
"Berner Tagwacht" Dịch từ  
tiếng Đức.

## VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA PHÁI ĐỐI LẬP Ở PHÁP

(THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ XA-PHA-RỐP)

10/II. 1916.

Đồng chí thân mến! Việc đồng chí bị trục xuất khỏi nước Pháp — việc đó thậm chí đã được tờ báo số-vanh, "*La Bataille*"<sup>81</sup> nêu lên và có kèm theo lời kháng nghị, tuy rằng tờ báo này, cũng không muốn nói lên sự thật là đồng chí bị trục xuất vì đồng chí đã đồng tình với phái đối lập — việc trục xuất đó đã làm cho tôi lại nghĩ đến cái vấn đề nan giải là vấn đề tình hình và nhiệm vụ của phái đối lập ở Pháp.

Tôi đã gặp Buốc-đơ-rông và Méc-hem ở Hội nghị Xim-méc-van. Tôi đã nghe báo cáo của họ và tôi đã đọc những điều mà các báo nói về hoạt động của họ. Đối với tôi, thì không thể có một chút nghi ngờ nào về lòng ngay thật của họ và lòng trung thành của họ đối với sự nghiệp của giai cấp vô sản. Nhưng dù sao cũng rõ ràng là sách lược của họ là sai lầm. Điều mà cả hai người đó đều sợ hơn hết, là sự phân liệt. Không được có một cử chỉ nào, một lời nói nào có thể gây ra một sự phân liệt trong đảng xã hội chủ nghĩa hay trong các công đoàn công nhân ở Pháp, hoặc có thể gây ra một sự phân liệt trong Quốc tế II, gây ra việc thành lập một Quốc tế III, đó là khẩu hiệu của cả Buốc-đơ-rông lẫn của Méc-hem.

Tuy nhiên, sự phân liệt trong phong trào công nhân và trong phong trào xã hội chủ nghĩa trở thành một sự thật

trên toàn thế giới. Hiện đã có hai sách lược và hai chính sách của giai cấp công nhân không thể điều hoà được với nhau đối với chiến tranh. Nhắm mắt trước điều ấy, là lối bịch. Cố gắng điều hoà cái không thể điều hoà được, là đẩy toàn bộ công tác của mình tới chỗ bất lực. Ở Đức, ngay cả đến nghị sĩ Otto Rühle, bạn chiến đấu của Liép-néch, cũng đã công khai thừa nhận sự phân liệt không sao tránh khỏi của đảng, vì phe đa số hiện tại và các "giới lãnh đạo" chính thức trong đảng Đức đã đứng sang phía giai cấp tư sản rồi. Những lời phản đối do Cau-xky và báo "Vorwärts"<sup>82</sup>, tức là những kẻ mà người ta gọi là đại biểu của "phái giữa" hoặc của "phái đầm lầy" (le marais) đưa ra chống lại Ruy-lê và chống lại sự phân liệt chẳng qua chỉ là những lời dối trá và giả nhân giả nghĩa, dù điều giả nhân giả nghĩa ấy có tỏ ra "đây thiện ý" đến đâu cũng vậy. Cau-xky và báo "Vorwärts" không thể nào phủ nhận - và thậm chí họ cũng không định phủ nhận - được sự thật là phe đa số trong đảng Đức thực ra đang thi hành chính sách của *giai cấp tư sản*. Thống nhất với một phe đa số như thế là có hại cho giai cấp công nhân. Thống nhất như vậy có nghĩa là làm cho giai cấp công nhân phục tùng giai cấp tư sản ở trong nước "mình", có nghĩa là chia rẽ giai cấp công nhân quốc tế. Thực ra Ruy-lê đã có lý khi nói rằng ở Đức có *hai đảng*. Đảng thứ nhất, đảng chính thức, thì thi hành chính sách của giai cấp tư sản. Đảng thứ hai, tức là phái thiểu số, đang in những truyền đơn bất hợp pháp và tổ chức những cuộc biểu tình, v. v.. Trên toàn thế giới, tình hình cũng đều như vậy, và những nhà ngoại giao bất lực hay những người của "phái đầm lầy" chẳng hạn như Cau-xky ở Đức, Lông-ghe ở Pháp, Mác-tốp và Tơ-rốt-xki ở Nga, đã gây tai hại cực lớn cho phong trào công nhân, khi họ bảo vệ cho một sự thống nhất *hư ảo*, và do đó, *cản trở* sự đoàn kết cần thiết và đã chín muồi của *phái đối lập* ở tất cả mọi nước, cản trở việc thành lập Quốc tế III. Ở

Anh, ngay cả một tờ báo ôn hoà như tờ "Labour Leader", cũng đã đăng những bức thư của Russel Williams nói về sự cần thiết phải *phân liệt* với những "lãnh tụ" của các công đoàn công nhân và với "Công đảng" (Labour Party), là đảng đã "phản bội" lợi ích của giai cấp công nhân. Và một số đảng viên của "Đảng công nhân độc lập" (Independent Labour Party) đã tuyên bố trên báo chí về thái độ của mình đồng tình với Russel Williams. Ở Nga, ngay cả đến "anh chàng hoà giải" Tơ-rốt-xki hiện nay cũng buộc phải thừa nhận là cần thiết phải phân liệt với những "người ái quốc chủ nghĩa", — nghĩa là với đảng của "Ban tổ chức", với Ban tổ chức, — là những kẻ biện hộ cho việc công nhân tham gia những uỷ ban công nghiệp chiến tranh. Và chính chỉ vì muốn giữ cái thể diện hào mà Tơ-rốt-xki tiếp tục bênh vực cho "sự thống nhất" với đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê trong Đu-ma, cái đảng đoàn được coi là người bạn trung thành, một người ủng hộ và che chở cho những "người ái quốc chủ nghĩa" và "Ban tổ chức".

Ngay cả ở nước Mỹ nữa, thì trên thực tế cũng đã có một sự phân liệt hoàn toàn. Vì ở đây, một số những người xã hội chủ nghĩa tán thành quân đội, tán thành việc "chuẩn bị" ("preparedness"), tán thành chiến tranh. Còn các người khác, - trong đó có Ép-ghê-ni Đép-xơ (Debs), một lãnh tụ công nhân rất có uy tín, ứng cử viên của đảng xã hội chủ nghĩa đưa ra tranh cử chức tổng thống nước cộng hoà, - đều tuyên truyền tiến hành nội chiến chống lại chiến tranh giữa các dân tộc!

Bây giờ các bạn hãy xét những *việc làm* của bản thân Buốc-đơ-rông và Méc-hem! Trên lời nói, họ chống lại sự phân liệt. Nhưng các bạn hãy đọc bản nghị quyết mà Buốc-đơ-rông đã trình bày tại Đại hội của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp<sup>83</sup>. Bản nghị quyết đó đòi những người xã hội chủ nghĩa rút ra khỏi nội các!! Bản đó công nhiên "désappro-uve" cả C. A. P. lẫn G. P. (C. A.P. = Comité Administra-

tif Permanent, G. P. = Groupe Parlementaire)<sup>1)</sup> !!! Thật rõ như ban ngày rằng việc thông qua nghị quyết đó có nghĩa là sự phân liệt của *cả* đảng xã hội chủ nghĩa lẫn của *cả* các công đoàn, vì các ông Rơ-nô-đen, Xam-ba, Jouhaux et C<sup>o</sup> sẽ không bao giờ chấp nhận việc làm đó.

Bourderon và Merrheim cũng phạm sai lầm, cũng nhu nhược, cũng nhút nhát như *phe đa số* ở Hội nghị Xim-méc-van. Một mặt, trong bản tuyên ngôn của mình, phe đa số đó *gián tiếp* kêu gọi đấu tranh *cách mạng*, nhưng lại sợ không dám nói thẳng điều đó ra. Một mặt phe đó viết: bọn tư bản ở *tất cả* các nước đều *nói dối* khi chúng nói đến "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh này. Mặt khác phe đa số sợ không dám nói thêm cái sự thật hiển nhiên này - cái sự thật mà, bất cứ người công nhân biết suy nghĩ nào cũng tự mình nói thêm - tức là: không những chỉ có bọn tư bản mà cả Rơ-nô-đen, Xam-ba, Lông-ghe, Hyndmann, Kautsky, Plechanoff ec C<sup>o</sup> cũng đều *nói dối* tất!! Phe đa số ở Hội nghị Xim-méc-van *muốn* lại hoà giải với Van-đéc-ven-đơ, Huy-xman, Rơ-nô-đen và đồng bọn. Đó là một điều *có hại* cho giai cấp công nhân, và "phái tả Xim-méc-van" đã hành động đúng khi *công khai* nói cho công nhân biết sự thật.

Bạn hãy xem les socialistes-chauvins<sup>2)</sup> đã giả nhân giả nghĩa như thế nào: ở Pháp, họ ca tụng phe "minorité"<sup>3)</sup> Đức, và ở Đức thì họ lại ca tụng phe "minorité" Pháp!!.

Nếu phái đối lập ở Pháp tuyên bố một cách thẳng thừng, mạnh dạn và công khai, trước toàn thế giới rằng: chúng tôi *chỉ* đoàn kết với phái đối lập ở Đức, **chỉ với Ruy-lê** và các bạn cùng chí hướng của ông ấy thì lời tuyên bố đó của phái

<sup>1)</sup> - "không chấp thuận" cả Ban thường vụ hành chính lẫn Đảng đoàn nghị viện

<sup>2)</sup> - bọn xã hội - sô-vanh

<sup>3)</sup> - "phe thiểu số"

đối lập Pháp sẽ có ý nghĩa to lớn đến chừng nào!! Chỉ đoàn kết với những người đã mạnh dạn đoạn tuyệt với chủ nghĩa xã hội sô-vanh, socialisme chauvin công khai hay trá hình, nghĩa là với tất cả những người chủ trương "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh hiện tại!! Về phần chúng tôi, chúng tôi *không sợ* đoạn tuyệt với những "người ái quốc chủ nghĩa" Pháp, là những người gọi "bảo vệ tổ quốc" là bảo vệ các thuộc địa, và chúng tôi kêu gọi những người xã hội chủ nghĩa và các đoàn viên công đoàn ở tất cả các nước *cũng đoạn tuyệt như vậy*!! Chúng tôi bắt tay với Otto Rühle và Liép-nêch, với họ và *chỉ* với những người cùng chí hướng với họ, chúng tôi lên án phái "majorité" và phái "le marais"<sup>1)</sup> ở Pháp cũng như ở Đức. Chúng tôi tuyên bố khối liên minh quốc tế vĩ đại của những người xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới là những người, trong cuộc chiến tranh hiện tại, đã đoạn tuyệt với những lời nói dối trá "bảo vệ tổ quốc" và đang ra sức tuyên truyền và chuẩn bị cuộc cách mạng vô sản toàn thế giới!

Một lời hiệu triệu như thế sẽ có một ý nghĩa vô cùng to lớn. Nó sẽ xua tan bọn giả nhân giả nghĩa, nó vạch trần và tố cáo lời dối trá có tính chất quốc tế, nó thúc đẩy mạnh mẽ cho những công nhân nào trên toàn thế giới *thực sự* vẫn trung thành với chủ nghĩa quốc tế, xích lại gần nhau.

Ở Pháp, luận điệu vô chính phủ chủ nghĩa luôn luôn gây nhiều tác hại. Nhưng ngày nay, những người vô chính phủ - ái quốc chủ nghĩa, những người vô chính phủ - chauvins, chẳng hạn như Crô-pốt-kin, Grave, Cornelissen và các hiệp sĩ khác de la "Bataille Chauviniste"<sup>2)</sup> sẽ giúp cho một số rất lớn công nhân không còn mắc phải những luận điệu vô chính phủ chủ nghĩa nữa. Đả đảo bọn xã hội - ái quốc chủ nghĩa và bọn xã hội chủ nghĩa - chauvins và cũng "đả đảo

<sup>1)</sup> - "đa số" và "đầm lầy"

<sup>2)</sup> - của tờ "Đấu tranh sô-vanh chủ nghĩa"

bọn vô chính phủ - ái quốc chủ nghĩa" và bọn vô chính phủ - chauvins! — tiếng hô đó sẽ vang vào trong lòng công nhân Pháp. Không cần những luận điệu vô chính phủ về cách mạng, mà phải công tác lâu dài, nghiêm túc, bền bỉ, kiên quyết, có hệ thống, để thành lập, ở *khắp mọi nơi*, những tổ chức bí mật trong *công nhân*, để truyền bá sách báo *tự do*, nghĩa là sách báo bất hợp pháp, để chuẩn bị một phong trào của *quần chúng* chống lại chính phủ nước họ. Đó là điều cần thiết cho giai cấp công nhân ở tất cả các nước!

Nghĩ rằng "người Pháp không có khả năng" tiến hành một công tác bí mật thường xuyên thì như thế là sai. Không đúng! Người Pháp đã nhanh chóng học được cách ẩn mình trong các chiến hào. Họ sẽ thích nghi rất nhanh với những điều kiện *mới* của công tác bí mật, với việc chuẩn bị liên tục cho một phong trào *cách mạng của quần chúng*. Tôi tin tưởng vào giai cấp vô sản cách mạng Pháp. Giai cấp đó cũng sẽ thúc đẩy được phái đối lập tiến lên.

Chúc đồng chí mọi điều tốt lành.

*Lê-nin* của đồng chí

P. S. Đề nghị các đồng chí Pháp xuất bản *thành truyền đơn riêng* bản dịch ((toàn văn)) bức thư này của tôi <sup>84</sup>.

*In bằng tiếng Pháp thành  
truyền đơn riêng năm 1916  
tại Giơ-ne-vơ*

*In lần đầu bằng tiếng Nga,  
năm 1924, trong tạp chí  
"Cách mạng vô sản", số 4*

*Theo đúng bản thảo*

## BAN TỔ CHỨC VÀ ĐẢNG ĐOÀN TƠ-KHÊ-ÍT-ĐÊ CÓ ĐƯỜNG LỐI CỦA MÌNH KHÔNG ?

Trong văn tập của mình<sup>85</sup> và, còn rõ hơn nữa, trong báo cáo gửi Ủy ban quốc tế xã hội chủ nghĩa (Bản tin, số 2, tiếng Đức, ra ngày 27. XI. 1915), những người thuộc phái Ban tổ chức cố làm cho công chúng tin rằng đảng đoàn Tơ-khê-ít-đê và Ban tổ chức có một đường lối riêng của mình, một đường lối hoàn toàn có tính chất quốc tế chủ nghĩa và không nhất trí với đường lối của tạp chí "Sự nghiệp của chúng ta". Những lời quả quyết như vậy là sai sự thật hết sức không thể tha thứ được. Một là, từ ngày thành lập Ban tổ chức (tháng Tám 1912) tới nay, chúng tôi nhận thấy rằng *trong suốt nhiều năm* rông, đảng đoàn Tơ-khê-ít-đê và Ban tổ chức đứng về mặt chính trị mà nói, đều hoàn toàn nhất trí trên mọi vấn đề chủ yếu với nhóm "Bình minh của chúng ta" và đều hợp tác rất mật thiết với nhóm đó; chúng tôi xin nói thêm rằng *chỉ* có nhóm đó mới tiến hành một công tác có hệ thống (các báo hàng ngày của phái thủ tiêu) trong quần chúng thời. Cần phải chứng minh một sự không nhất trí dù lớn hay nhỏ, giữa những "người bạn" thân mật như thế, bằng những sự thật nghiêm chỉnh, chứ không phải bằng những lời nói suông. Thế mà *không có một sự thật nào thuộc loại như thế cả*. Hai là, trong *nhiều năm*, từ năm 1912 đến 1914, đảng đoàn Tơ-khê-ít-đê và Ban tổ chức đều chỉ là những con bài của tạp chí "Bình

minh của chúng ta" và đều biện hộ một cách có hệ thống cho chính sách của tạp chí đó, điều đó thì công nhân ở Pê-téc-bua và ở các nơi khác đều hoàn toàn biết rõ cả; thêm nữa là *không có một lần nào* họ gây ảnh hưởng nhằm thay đường lối chính trị của tờ "Bình minh của chúng ta", của tờ "Tia sáng"<sup>86</sup>, v.v., cả.

Trong chính sách có quan hệ đến *quần chúng*, chẳng hạn trong cuộc đấu tranh chống lại "lòng cuồng nhiệt bãi công", trong việc bầu những người lãnh đạo các công đoàn lớn nhất (công nhân kim khí, v. v.) và các cơ quan bảo hiểm chủ yếu (Hội đồng bảo hiểm toàn Nga<sup>87</sup>) - thì nhóm "Bình minh của chúng ta", và một mình nhóm đó, đã hành động hoàn toàn độc lập, còn Ban tổ chức và đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê chỉ giúp đỡ nhóm đó, chỉ nhiệt tâm và trung thành phục vụ nhóm đó thôi. Ba là, trong suốt một năm rưỡi chiến tranh, chẳng có *một sự việc nào* có thể chứng minh rằng đã có sự thay đổi trong những mối quan hệ đã được thiết lập từ nhiều năm nay giữa một bên là đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê và Ban tổ chức, và một bên là tạp chí "Bình minh của chúng ta" cả. Trái lại, ngay như trong số những sự việc có thể nói công khai ra được (phần nhiều những sự kiện loại ấy không thể đưa ra công khai được) cũng đã có những sự kiện chứng tỏ điều ngược lại. Sự thật là ở Nga cả Ban tổ chức lẫn đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê *chẳng một lần nào* phát biểu chống lại đường lối chính trị của tạp chí "Sự nghiệp của chúng ta" cả, thế mà muốn thực sự làm thay đổi đường lối chính trị đó thì không phải chỉ cần tỏ bày ý kiến, mà cần phải tiến hành một cuộc đấu tranh lâu dài và thắng lợi, vì tạp chí "Sự nghiệp của chúng ta" là một tổ chức có tầm cỡ lớn về mặt chính trị được nuôi dưỡng bởi mối liên hệ của nó với phái tự do, còn Ban tổ chức và đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê chỉ là những vật trang trí về mặt chính trị mà thôi. Sự việc là các tờ "Buổi sáng" và "Buổi sáng công nhân", tức là những tờ báo

chấp hành hoàn toàn và vô điều kiện đường lối chính trị của tạp chí "Sự nghiệp của chúng ta", đều nhấn mạnh thậm chí còn công khai phê trương việc họ gần gũi về mặt chính trị với đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê, và đều phát biểu thay mặt cho toàn thể khối tháng Tám. Sự việc là đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê quyền tiên giúp tờ "Buổi sáng công nhân". Sự việc là toàn thể đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê đã cộng tác với tờ báo xã hội - sô-vanh ở Xa-ma-ra, tờ "Tiếng nói của chúng ta"<sup>88</sup> (xem số 17). Sự việc là chính tên Tơ-khê-kê-li, một nhân vật rất nổi tiếng của đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê đã đăng trên báo chí, trên tạp chí "Thế giới ngày nay"<sup>89</sup>, tạp chí của "bọn vệ quốc chủ nghĩa", hoặc cũng là của bọn xã hội - sô-vanh, trên tạp chí của các ông Plê-kha-nốp và A-lêch-xin-xki, - lời tuyên bố, có tính chất nguyên tắc, hoàn toàn theo giọng lưỡi của Plê-kha-nốp, của tờ "Sự nghiệp của chúng ta", của Cau-xky và của Ác-xen-rốt. Chúng tôi đã dẫn ra lời tuyên bố ấy của Tơ-khê-kê-li từ lâu rồi, thế mà cả những người theo phái Ban tổ chức trong văn tập của mình, lẫn Tơ-rốt-xki trong tờ "Lời nói của chúng ta" của hắn, đều không dám bênh vực cho lời tuyên bố đó, mặc dù họ đang bênh vực cho đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê và quảng cáo cho đảng đoàn đó. Bốn là, những lời phát biểu chính trị trực tiếp nhân danh toàn thể đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê và toàn thể Ban tổ chức, đều chứng minh cho những nhận định của chúng tôi. Chúng ta hãy lấy những lời phát biểu quan trọng nhất đã được đăng lại trong văn tập của Ban tổ chức: đó là bản tuyên ngôn của Tơ-khê-ít-dê và đồng bọn, cùng tờ truyền đơn của Ban tổ chức. Quan điểm trình bày trong hai văn kiện đó *đều giống hệt như nhau*; hai văn kiện ấy đều biểu thị một lập trường như nhau. Vì Ban tổ chức là cơ quan lãnh đạo tối cao của "khối tháng Tám", là khối chống lại đảng ta, và vì Ban tổ chức đã phát hành tờ truyền đơn bí mật của mình, nghĩa là ban đó có thể phát biểu tự do hơn và thẳng thắn hơn

Tso-khê-ít-dê tại Đu-ma — nên chúng ta sẽ phân tích chính tờ truyền đơn đó.

Điều đáng chú ý ở đây là xung quanh tờ truyền đơn ấy đã có sự tranh luận trên báo chí dân chủ - xã hội Đức, trong một tờ báo dân chủ - xã hội ở Béc-nơ. Một biên tập viên của tờ báo này đã nói rằng tờ truyền đơn ấy là một tờ truyền đơn "ái quốc chủ nghĩa". Ban thư ký ở nước ngoài của Ban tổ chức đã nổi xung lên và đã công bố một bài trả lời, nói rằng: cả "chúng tôi, Ban thư ký ở nước ngoài, chúng tôi cũng phạm tội ái quốc chủ nghĩa như thế"; có thể coi là nó đã nhờ ban biên tập tờ báo đó đứng làm trọng tài khi nó gửi cho ban biên tập đó bản dịch ra tiếng Đức toàn văn tờ truyền đơn. Về phần chúng tôi, chúng tôi nêu lên rằng đó là một ban biên tập rõ ràng là có thái độ thiên vị đối với Ban tổ chức, và quảng cáo cho Ban tổ chức. Vậy cái ban biên tập có thái độ thiên vị đối với Ban tổ chức ấy đã nói gì?

Ban biên tập đó tuyên bố (số 250): "Chúng tôi đã đọc tờ truyền đơn của Ban tổ chức và chúng tôi phải thú thật rằng văn bản tờ truyền đơn ấy chắc chắn có thể làm cho người ta hiểu lầm và có thể làm cho toàn bộ văn bản bao hàm một ý nghĩa có lẽ xa lạ với các tác giả bản truyền đơn".

Tại sao các người thuộc phái Ban tổ chức lại không đăng lại trong văn tập của họ lời nhận xét ấy của một ban biên tập mà chính bản thân họ đã đề nghị đứng ra làm trọng tài? Vì đó chính là lời nhận xét của những người bạn của Ban tổ chức, những người bạn đã công khai từ chối không bào chữa cho Ban tổ chức đó! Lời nhận xét đó đã được viết với một giọng lịch sự xã giao thanh nhã, cái giọng đặc biệt làm nổi bật lên rằng ban biên tập muốn nói với Ác-xen-rốt và Mác-tốp "điều dễ nghe". Và hoá ra là cái "điều dễ nghe" lớn nhất là như sau: "có lẽ (*chỉ* "có lẽ" thôi!) Ban tổ chức đã nói điều mà nó không định nói;

nhưng cái điều đã nói thì "chắc chắn có thể làm cho người ta hiểu lầm"!!!

Chúng tôi tha thiết đề nghị các độc giả hãy tìm đọc tờ truyền đơn của Ban tổ chức, tờ truyền đơn này cũng đã được đăng lại trong Báo khổ nhỏ của phái Bun (số 9). Ai đã chú ý đọc tờ truyền đơn đó, sẽ nhận ra được ở đây những sự thật rất đơn giản và rất rõ ràng: (1) nó không có lấy một chữ nào gọi là bác bỏ, về nguyên tắc, mọi tư tưởng bảo vệ tổ quốc trong cuộc chiến tranh hiện tại; (2) trong tờ truyền đơn ấy, tuyệt nhiên không thấy có một điều gì mà "bọn vệ quốc" hoặc "bọn xã hội - sô-vanh" không thể chấp nhận được về nguyên tắc; (3) trong tờ truyền đơn ấy có cả một loạt những câu hoàn toàn giống luận điệu "chủ nghĩa vệ quốc": "giai cấp vô sản không thể nào thờ ơ được đối với cảnh tàn phá sắp sửa tới" (hầu như đó là nguyên văn đăng trong tờ "Buổi sáng công nhân", số 2: "không thể thờ ơ" đối với "việc cứu nước nhà khỏi cảnh bị tàn phá"); "lợi ích thiết thân của giai cấp vô sản là tự bảo toàn đất nước"; "cuộc cách mạng toàn dân" phải cứu nước nhà khỏi "cảnh tàn phá từ bên ngoài" đến, v. v.. Người nào thực sự thù địch với chủ nghĩa xã hội - sô-vanh thì *không* tuyên bố như vậy, mà phải tuyên bố như sau: bọn địa chủ, Nga hoàng và giai cấp tư sản đều nói dối, khi chúng gọi việc duy trì ách thống trị của người Đại Nga đối với Ba-lan, việc kiểm chế Ba-lan bằng bạo lực là việc tự bảo toàn đất nước; chúng nói dối, khi dùng những lời hoa mỹ về cứu "đất nước" khỏi cảnh tàn phá để che đậy mưu toan "cứu" những đặc quyền nước lớn của chúng, và làm cho giai cấp vô sản xa rời nhiệm vụ đấu tranh chống giai cấp tư sản *quốc tế*. Thừa nhận tình đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản ở các nước giao chiến trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa ăn cướp, mà đồng thời lại tung ra những lời nói về sự cần thiết phải "cứu" *một* trong những nước đó khỏi "cảnh tàn phá", thì như vậy là giả

nhân giả nghĩa, là biến tất cả những lời tuyên bố của mình thành những lời trống rỗng và dối trá. Vì như thế tức là đặt sách lược của giai cấp vô sản phụ thuộc vào tình hình quân sự của một nước nhất định trong một thời điểm nhất định, mà nếu quả như vậy thì những người xã hội - sô-vanh ở Pháp mà giúp Áo và Thổ-nhĩ-kỳ "thoát khỏi cảnh tàn phá", là đúng.

Ban thư ký ở nước ngoài của Ban tổ chức đã đưa ra trên báo chí xã hội - dân chủ Đức (trong tờ báo ở Béc-nơ) một lời ngụy biện khác, vô liêm sỉ, vụng về, "gian trá" (để lừa bịp chỉ riêng người Đức thôi), đến nỗi những người thuộc phái Ban tổ chức đã khôn ngoan không nhắc lại lời ngụy biện ấy trước công chúng Nga.

Với một giọng bực tức cao thượng trước mặt người Đức, họ viết như sau: "Nếu đó là thứ chủ nghĩa ái quốc vạch ra cho giai cấp vô sản biết rằng cách mạng là thủ đoạn duy nhất để cứu nước nhà khỏi tình trạng diệt vong" thì, cả chúng tôi nữa, chúng tôi cũng là những người ái quốc chủ nghĩa như thế, "chúng tôi mong muốn Quốc tế có được một số lượng nhiều hơn những "người ái quốc chủ nghĩa" như thế trong mỗi đảng xã hội chủ nghĩa; chúng tôi tin chắc rằng Liép-nếch, Rô-da Lú-xăm-bua, Méc-hem sẽ rất lấy làm sung sướng thấy chung quanh mình có một số lượng nhiều hơn "những người ái quốc chủ nghĩa" như thế, những người sẽ đưa ra cho công nhân Đức và Pháp những tờ truyền đơn như thế".

Thủ đoạn gian lận đã rõ ràng rành: năm viên thư ký biết rất rõ rằng ở Pháp và ở Đức - những nước đang đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa - không hề có một chút tinh thần cách mạng *tư sản* nào cả, không hề có bóng dáng nào của một phong trào xã hội *tư sản* nhằm tiến hành cách mạng để *chiến thắng kẻ địch*. Nhưng ở Nga, rõ ràng là có một phong trào *như thế*, chính là vì nước ấy đang đi tới cách mạng dân chủ - *tư sản*. Năm viên thư ký lừa bịp người Đức bằng thứ ngụy biện đáng buồn cười này: ở Nga, Ban tổ chức và Tso-khê-ít-dê cùng đồng bọn, không

thể là những người *cách mạng - sô-vanh* được, vì ở châu Âu, sự kết hợp giữa tinh thần cách mạng và chủ nghĩa sô-vanh là một điều phi lý!

Thực vậy, ở châu Âu đó là một điều phi lý. Nhưng ở Nga thì đó lại là một sự thật. Các bạn có thể trách cứ những người theo báo "Lời kêu gọi" là những người cách mạng tư sản hạng tồi, nhưng họ đã theo lối của họ mà kết hợp chủ nghĩa sô-vanh với tinh thần cách mạng, điều đó thì các bạn không thể phủ nhận được. Về mặt đó, thì Hội nghị tháng Bảy của phái dân túy Nga, tạp chí "Sự nghiệp của chúng ta" và tờ "Buổi sáng công nhân" đều hoàn toàn đứng trên lập trường của những người theo báo "Lời kêu gọi", họ cũng đã kết hợp chủ nghĩa - sô-vanh với tinh thần cách mạng.

Trong bản tuyên ngôn của mình (tr. 141 - 143 trong văn tập của Ban tổ chức), đảng đoàn Tso-khê-ít-dê cũng đứng trên lập trường *như thế*. Tso-khê-ít-dê cũng thốt ra những câu nói có tính chất sô-vanh chủ nghĩa giống như thế về "mối nguy cơ cảnh tàn phá", và nếu hẳn thừa nhận tính chất đế quốc chủ nghĩa của chiến tranh, tán thành một "nền hoà bình không có thôn tính", "những nhiệm vụ chung của toàn thể giai cấp vô sản quốc tế", cuộc "đấu tranh cho hoà bình", v. v., v. v., thì tờ "Buổi sáng công nhân", và cả những người dân túy Nga nữa, tức là những người tiểu tư sản, cũng đều tán thành như thế cả. Trong những văn tập ấy của Ban tổ chức, người ta có thể đọc được ở tr. 146, một đoạn nói rằng bọn dân túy tiểu tư sản cũng thừa nhận tính chất đế quốc chủ nghĩa của chiến tranh, cũng thừa nhận "nền hoà bình không có thôn tính", và cho rằng điều cần thiết đối với những người xã hội chủ nghĩa (vì bọn dân túy, cũng như nhóm "Buổi sáng công nhân", đều muốn mệnh danh là những người xã hội chủ nghĩa) "là phải cố gắng khôi phục hết sức nhanh chóng tinh thần đoàn kết quốc tế của tổ chức xã hội chủ nghĩa để chấm dứt chiến tranh",



v. v.. Ở bọn dân tuý là những người tiểu tư sản thì tất cả những lời trống rỗng đó là cốt để che giấu cái khẩu hiệu "tự vệ dân tộc" mà chúng đã từng trực tiếp đưa ra, còn ở Tso-khê-ít-dê và Ban tổ chức, cũng như nhóm "Buổi sáng công nhân", thì cũng cái khẩu hiệu đó lại được gọi là "cứu đất nước khỏi cảnh bị tàn phá"!!

Rút cục lại, thì cả Tso-khê-ít-dê lẫn Ban tổ chức đều đã đưa ra những câu cách mạng rỗng tuếch không ràng buộc chúng một chút nào cả, không làm trở ngại chút nào cho chính sách thực tế của phái "Lời kêu gọi" và phái "Sự nghiệp của chúng ta", còn về cái chính sách ấy thì họ chẳng hé miệng nói ra một lời nào cả. Bằng cách này hay cách khác, chúng đều ủng hộ việc công nhân tham gia các uỷ ban công nghiệp chiến tranh.

Hãy bớt những lời nói văn hoa rỗng tuếch về cách mạng đi, thưa các ngài, còn đối với chính sách thực tế ngày nay, thì hãy nên rõ ràng hơn chút nữa, thẳng thắn hơn chút nữa, trung thực hơn chút nữa. Các ngài *hứa* là những người cách mạng, nhưng lúc này các ngài lại giúp đỡ bọn sô-vanh, giai cấp tư sản, chính phủ Nga hoàng, hoặc bằng cách trực tiếp bênh vực việc công nhân tham gia các uỷ ban công nghiệp chiến tranh, hoặc bằng cách giữ thái độ lơ đãng và không đấu tranh chống lại những công nhân đang tham gia các uỷ ban đó nhằm bao che cho họ.

Mác-tốp có thể tha hồ giở đủ trò xảo quyệt. Tơ-rốt-xki có thể lớn tiếng chống tinh thần bè phái của chúng ta, trong khi hấn dùng tất cả những tiếng kêu đó (cái kiểu cũ rích của ... nhân vật của Tuốc-ghê-nép!<sup>90</sup>), để che đậy những "mong muốn" đương nhiên là không bè phái của hấn: một kẻ nào đó trong đảng đoàn Tso-khê-ít-dê "đồng ý" với hấn và thế là trung thành với phái tả, là theo chủ nghĩa quốc tế, v.v.. Sự thật vẫn là sự thật. Về mặt chính trị, *chẳng* có một sự khác nhau to lớn nào không những giữa Ban tổ chức với đảng đoàn Tso-khê-ít-dê, mà cả giữa

hai cơ quan đó với báo "Buổi sáng công nhân" hoặc báo "Lời kêu gọi" nữa.

Vì thế cho nên, *trên thực tế*, tất cả bọn chúng đều câu kết với nhau, và cùng với những công nhân không đảng phái và bọn dân tuý, chúng chống lại đảng ta và *ủng hộ* chính sách tư sản về việc công nhân tham gia các uỷ ban công nghiệp chiến tranh. Còn những lời thanh minh trên đầu lưỡi và những lời thề thốt của những viên "thư ký ở nước ngoài" nói là họ "không đồng ý", thì đó chỉ là những lời nói trống rỗng không có dính dáng gì với chính sách thực tế của quần chúng cả, chẳng khác chi những lời thề thốt của Duy-đơ-cum, của Lê-ghin, của Đa-vít về việc họ "tán thành hoà bình" và "chống lại chiến tranh", cũng không gột sạch được cho họ chủ nghĩa sô-vanh.

"Người dân chủ - xã hội",  
số 50, ngày 18 tháng Hai  
1916

Theo đúng bản in trên báo  
"Người dân chủ - xã hội"

## KHẨU HIỆU NGÀY NAY Ở NGA: HOÀ BÌNH KHÔNG CÓ THÔN TÍNH VÀ NỀN ĐỘC LẬP CỦA BA-LAN

"Một trong những hình thức mê hoặc giai cấp công nhân là chủ nghĩa hoà bình và việc tuyên truyền hoà bình một cách trừu tượng... Hiện giờ, tuyên truyền cho hoà bình mà không kèm theo lời kêu gọi quần chúng đứng lên hành động cách mạng thì chỉ gieo rắc ảo tưởng, chỉ làm trụy lạc giai cấp vô sản bằng cách nhồi nhét cho giai cấp đó niềm tin tưởng vào lòng nhân đạo của giai cấp tư sản, và biến giai cấp đó thành một đồ chơi trong tay giới ngoại giao bí mật của những nước giao chiến". Nghị quyết mà đảng ta đã thông qua ở Béc-nơ đã nói như vậy (xem báo "Người dân chủ - xã hội", số 40 và bài "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh")<sup>1)</sup>.

Những kẻ chống lại cách chúng ta đặt vấn đề hoà bình - những kẻ này thì có nhiều trong kiều dân Nga chứ không phải trong công nhân Nga - không hề bao giờ chịu mất công phân tích những luận điểm đó. Vốn là những luận điểm đã không thể bác bỏ được về phương diện lý luận, ngày nay do có sự đảo lộn trong tình hình ở nước ta những luận điểm đó lại được chứng thực một cách đặc biệt rõ ràng về mặt thực tiễn nữa.

Tờ "Buổi sáng công nhân", tờ báo của phái thủ tiêu - hợp pháp ở Pê-tơ-rô-grát, tờ báo mà Ban tổ chức đang ủng

<sup>1)</sup> Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 202 - 203 và 412 - 413.

hộ về mặt tư tưởng, thì như mọi người đều biết ngay từ số đầu tiên đã đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh "vệ quốc chủ nghĩa". Nó đã đăng những bản tuyên ngôn "vệ quốc chủ nghĩa" của bọn xã hội - sô-vanh ở Pê-tơ-rô-grát và Mát-xcơ-va. Nhân tiện cũng nói thêm rằng cả hai bản tuyên ngôn đó đều biểu hiện tư tưởng "hoà bình không có thôn tính", và tờ "Buổi sáng công nhân", số 2, nhằm nêu bật khẩu hiệu đó một cách đặc biệt, đã in khẩu hiệu đó bằng chữ ngả và gọi khẩu hiệu đó là "một đường lối đảm bảo cho nước nhà thoát khỏi tình trạng bế tắc". Chúng tôi mà là những người sô-vanh chủ nghĩa à! Thật là vu oan giá hoạ! Chúng tôi hoàn toàn thừa nhận khẩu hiệu "hoà bình không có thôn tính", một khẩu hiệu hết sức "dân chủ" - và thậm chí còn "thực sự xã hội chủ nghĩa" nữa!

Chẳng còn nghi ngờ gì nữa rằng hiện nay đối với tên Ni-cô-lai Khát máu, thì điều rất có lợi là thấy những thần dân trung thành của y nêu lên một khẩu hiệu như thế. Dựa vào bọn địa chủ và giai cấp tư sản, chính phủ Nga hoàng đã đưa quân đội đi cướp phá và nô dịch Ga-li-xi-a (ấy là chưa nói đến hiệp ước về việc phân chia nước Thổ-nhĩ-kỳ v. v.). Quân đội của bọn đế quốc chủ nghĩa Đức, là bọn cũng chẳng kém tham tàn, đã đẩy lùi bọn ăn cướp Nga và đã tống cổ chúng chẳng những ra khỏi Ga-li-xi-a, mà còn ra khỏi cả "Ba-lan thuộc Nga" nữa. (Và trên bãi chiến trường, hàng chục vạn công nhân và nông dân Nga, Đức đã ngã xuống vì lợi ích của hai tập đoàn đó). Như thế là khẩu hiệu "hoà bình không có thôn tính" tỏ ra là một thứ "đồ chơi" kỳ diệu "trong tay giới ngoại giao bí mật" của chính phủ Nga hoàng: đẩy các bạn xem - người ta nói như vậy - chúng ta là những người bị xúc phạm, người ta đã cướp bóc chúng ta, người ta đã chiếm Ba-lan của chúng ta, chúng ta phản đối những việc thôn tính!

Bọn xã hội - sô-vanh trong nhóm theo báo "Buổi sáng công nhân" đã tận tâm đóng cái vai trò tôi tớ cho chính

phủ Nga hoàng đến mức độ nào, ta có thể thấy đặc biệt rõ trong bài báo đăng trên tờ số 1, nhan đề là: "Kiêu dân Ba-lan". Bài báo đó viết: "Những tháng chiến tranh vừa qua đã làm nảy sinh ra trong ý thức của các tầng lớp rộng rãi trong nhân dân Ba-lan nguyện vọng sâu sắc muốn được độc lập". Trước chiến tranh, chắc hẳn là họ chưa có nguyện vọng đó!! "Trong ý thức xã hội của các tầng lớp rộng rãi trong phái dân chủ - Ba-lan, thì quần chúng" (rõ ràng là in sai; phải đọc là: chủ trương, tư tưởng, v.v.) "về nền độc lập dân tộc của Ba-lan đã thắng"... "Vấn đề Ba-lan được đặt ra một cách hết sức bức thiết và toàn diện đối với phái dân chủ Nga"... "Phái tự do Nga" cự tuyệt không trả lời rõ ràng về cái vấn đề đáng nguyên rủa: "nền độc lập của Ba-lan"...

Đương nhiên rồi! Ni-cô-lai Khát máu, Khvô-xtốp, Tsen-nô-cốp, Mi-li-u-cốp và đồng bọn đều hoàn toàn tán thành nền độc lập của Ba-lan, đều hết lòng tán thành nền độc lập ấy *trong lúc này* khi mà *trên thực tế*, khẩu hiệu đó là khẩu hiệu *đánh bại* nước Đức, là nước đã cướp mất Ba-lan của nước Nga. Các bạn hãy chú ý là: *trước chiến tranh*, bọn sáng lập ra "đảng công nhân của Xtô-lư-pin"<sup>91</sup> đã hoàn toàn và chỉ độc phản đối khẩu hiệu quyền dân tộc tự quyết, phản đối quyền tự do phân lập của Ba-lan, và, để theo đuổi mục đích cao quý là bào chữa cho ách áp bức của chế độ Nga hoàng đối với Ba-lan, chúng đã thả lỏng cho tên cơ hội chủ nghĩa Xem-cốp-xki tha hồ hoạt động. Ngày nay, khi mà nước Nga đã mất Ba-lan rồi, thì chúng lại *tán thành* "nền độc lập" của Ba-lan (đối với nước Đức, điều đó, chúng lại nhũn nhặn lờ đi...).

Nhưng, thưa các ngài xã hội - sô-vanh, các ngài không thể nào đánh lừa nổi những người công nhân giác ngộ ở Nga đâu! Thực ra thì cái khẩu hiệu "có tính chất Đảng tháng Mười"<sup>92</sup> của các ngài năm 1915 về nền độc lập của Ba-lan và về hoà bình không có thôn tính, chỉ là sự

làm nô lệ cho chính phủ Nga hoàng, là cái chính phủ, mà chính hiện nay, ngay trong tháng Hai 1916, đúng là cản che đậy cuộc chiến tranh *của nó* bằng những luận điệu hào hiệp về "hoà bình không có thôn tính" (đuổi Hin-đen-buốc ra khỏi Ba-lan) và về nền độc lập của Ba-lan (đối với Vin-hem, nhưng lại là sự lệ thuộc vào Ni-cô-lai II).

Người dân chủ - xã hội Nga nào chưa quên cương lĩnh của mình, lại lập luận khác. Người đó sẽ tuyên bố rằng phái dân chủ Nga - nghĩa là trước tiên và chủ yếu là phái dân chủ Đại Nga, vì chỉ có phái này mới được hưởng quyền tự do sử dụng ngôn ngữ của mình ở Nga thôi - chắc chắn là *có lợi ở chỗ ngày nay* nước Nga không áp bức Ba-lan nữa và không dùng bạo lực để giữ lấy Ba-lan nữa. Giai cấp vô sản Nga chắc chắn là có lợi ở chỗ nó không áp bức một dân tộc trong những dân tộc khác mà trước kia nó đã giúp người ta áp bức. Phái dân chủ Đức chắc chắn là ở vào địa vị bất lợi: chừng nào mà giai cấp vô sản Đức dung thứ cho nước Đức áp bức Ba-lan, thì chừng nấy nó còn ở vào một địa vị tệ hơn là địa vị của kẻ nô lệ, vào địa vị của một kẻ hung bạo đi giúp đỡ người ta nô dịch người khác. Chỉ có bọn gioong-ke và bọn tư sản Đức là chắc chắn có lợi mà thôi.

Do đó có thể kết luận như sau: những người dân chủ-xã hội Nga phải vạch trần việc chính phủ Nga hoàng *lừa dối* nhân dân khi mà *ngày nay* người ta đang tung ra ở Nga những khẩu hiệu "hoà bình không có thôn tính" và "nền độc lập của Ba-lan", vì trong tình thế hiện nay, cả hai khẩu hiệu ấy có nghĩa là mong muốn tiếp tục chiến tranh, và là sự biện hộ cho điều mong muốn đó. Chúng ta cần phải nói: không được tiến hành cuộc chiến tranh nào để chiếm Ba-lan cả! Nhân dân Nga không còn muốn là kẻ áp bức nước đó nữa!

Nhưng làm thế nào để giúp Ba-lan tự giải thoát khỏi xiềng xích của Đức? Phải chăng chúng ta không nên giúp

đỡ Ba-lan trong việc ấy ư? Đương nhiên là chúng ta phải giúp đỡ, nhưng không phải bằng cách ủng hộ cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa của nước Nga Nga hoàng, hoặc ngay cả của nước Nga tư sản, hoặc ngay cả của nước Nga cộng hoà tư sản, mà là *bằng cách ủng hộ* giai cấp vô sản cách mạng Đức, ủng hộ những đảng viên Đảng dân chủ - xã hội Đức đang đấu tranh chống đảng công nhân *phản cách mạng* của bọn Duy-đơ-cum, Cau-xky và đồng bọn. Vừa mới đây Cau-xky đã tự bộc lộ một cách đặc biệt rõ ràng tính chất phản cách mạng của y: ngày 26 tháng Mười một 1915, hắn đã gọi những cuộc biểu tình thị uy ngoài đường phố là những hành động "*mạo hiểm*" (chẳng khác gì Xtơ-ru-vê đã nói trước ngày 9 tháng Giêng 1905 rằng ở Nga không có nhân dân cách mạng). Thế mà, ngày 30 tháng Mười một 1915, ở Béc-lanh đã có 10 000 nữ công nhân biểu tình!

Tất cả những người nào muốn công nhận *một cách chân thành*, chứ không phải công nhận theo kiểu Duy-đơ-cum, theo kiểu Plê-kha-nốp, theo kiểu Cau-xky, quyền tự do của các dân tộc, quyền dân tộc tự quyết đều phải *phản đối* cuộc chiến tranh nhằm áp bức Ba-lan, và *tán thành* quyền các dân tộc U-cra-i-na, Phần-lan, v. v. là các dân tộc *hiện đang* bị nước Nga áp bức, được tự do tách khỏi nước Nga. Tất cả những ai *trên thực tế* không muốn là những người xã hội - sô-vanh đều phải ủng hộ chỉ riêng những phần tử trong các đảng xã hội chủ nghĩa ở mọi nước, đang hoạt động một cách công khai, trực tiếp, ngay lập tức nhằm thực hiện cách mạng vô sản ở ngay trong nước họ.

Không phải "hoà bình không có thôn tính" mà là hoà bình cho các túp nhà tranh và chiến tranh chống các lâu đài, hoà bình cho giai cấp vô sản và những người lao động và chiến tranh chống giai cấp tư sản!

"Người dân chủ - xã hội",  
số 51, ngày 29 tháng Hai  
1916

Theo đúng bản in trên báo  
"Người dân chủ - xã hội"

## VIN-HEM CÔN-BƠ VÀ GIÊ-OÓC-GI PLÊ-KHA-NỐP

Cuốn "Đảng dân chủ - xã hội ở ngã ba đường" (Các-xru-e, 1915) của Vin-hem Côn-bơ, một tên cơ hội chủ nghĩa công khai người Đức, vừa được xuất bản rất đúng lúc, ngay sau văn tập "Chiến tranh" của Plê-kha-nốp. Trong tờ "Neue Zeit" Ru-đôn-phơ Hin-phéc-đinh, một tên thuộc phái Cau-xky, đã trả lời Côn-bơ một cách rất yếu ớt, hắn đã lặng thinh không nói đến vấn đề chủ yếu mà lại đi than phiền về lời tuyên bố đúng đắn của Côn-bơ cho rằng sự thống nhất giữa những người dân chủ - xã hội Đức vẫn chỉ là sự thống nhất "thuần tuý hình thức" mà thôi.

Đối với người nào muốn suy nghĩ nghiêm túc về ý nghĩa của sự phá sản của Quốc tế II, thì người ta có thể khuyên họ hãy so sánh những lập trường *tư tưởng* của Côn-bơ và của Plê-kha-nốp. Cả hai (cũng như Cau-xky) đều nhất trí trên *vấn đề cơ bản*: họ đều phủ nhận và chế giễu tư tưởng về những hành động cách mạng cần phải tiến hành trong cuộc chiến tranh hiện tại; cả hai đều lên án những người dân chủ - xã hội cách mạng là theo "chủ nghĩa thất bại", một danh từ ưa thích của các phần tử theo Plê-kha-nốp. Plê-kha-nốp, người cho rằng tư tưởng về một cuộc cách mạng trong cuộc chiến tranh hiện tại là một "mộng tưởng ngu xuẩn", đang đả kích dữ dội "những câu nói cách mạng rỗng tuếch". Được dịp, Côn-bơ liền nguyên rủa "lời nói cách mạng suông", "ảo tưởng cách mạng", bọn "tiểu tốt loạn

thần kinh trong phái cấp tiến (Radikalinski)", "chủ nghĩa biệt phái", v. v.. Côn-bơ và Plê-kha-nốp đều nhất trí trên vấn đề chủ yếu, cả hai đều chống lại cách mạng. Còn về việc Côn-bơ hoàn toàn phản đối cách mạng trong khi đó, Plê-kha-nốp và Cau-xky thì "nói chung tán thành" cách mạng, thì đó chỉ là sự khác nhau về sắc thái, về lời lẽ mà thôi: trên thực tế, Plê-kha-nốp và Cau-xky đều là tôi tớ của Côn-bơ cả.

Côn-bơ chân thật hơn – chân thật về mặt chính trị, chứ không phải về mặt con người – nghĩa là lập trường của ông ta triệt để nên ông ta không giả nhân giả nghĩa gì hết. Do đó, ông ta không sợ thừa nhận sự thực này là, theo ông ta, thì toàn thể Quốc tế đã mắc khuyết điểm là có "ảo tưởng cách mạng" và đã đưa ra những "lời đe dọa" (đe dọa làm cách mạng, các ngài Plê-kha-nốp và Côn-bơ!) về vấn đề chiến tranh. Côn-bơ nói đúng khi cho rằng thật là phi lý nếu "phủ nhận, trên nguyên tắc", xã hội tư bản chủ nghĩa, sau khi các đảng dân chủ - xã hội ở châu Âu đều đứng lên bảo vệ xã hội đó vào lúc mà nhà nước tư bản chủ nghĩa đã nứt rạn khắp mọi chỗ, vào lúc mà "sự tồn tại của nhà nước đó đã thành vấn đề". Thừa nhận tình hình cách mạng khách quan như vậy là chân thật.

Côn-bơ viết: "Hậu quả (của sách lược của những người ủng hộ Liếp-nếch) có thể sẽ là một cuộc đấu tranh *nội bộ* được đưa lên tới độ sôi sục trong dân tộc Đức và do đó sẽ là tình trạng suy yếu về mặt quân sự và chính trị của dân tộc Đức"... làm cho "chủ nghĩa đế quốc của phe Đồng minh tay ba" *được lợi* và đưa chủ nghĩa đế quốc đó *đến thắng lợi*!! Đó là điều mấu chốt khiến cho bọn cơ hội chủ nghĩa nổi trận lôi đình đả kích "chủ nghĩa thất bại"!!  
Zeit",

Mấu chốt của toàn bộ vấn đề thực ra là ở đó. "Cuộc đấu tranh nội bộ được đưa lên tới độ sôi sục", đó là nội chiến. Côn-bơ có lý khi nói rằng sách lược của phái tả *dẫn đến* tình trạng đó; ông ta có lý khi nói rằng sách lược đó là

"sự làm cho" nước Đức "suy yếu về mặt quân sự", nói một cách khác, sách lược đó mong muốn nước Đức thất bại, góp phần làm cho nước Đức thất bại, sách lược đó là chủ nghĩa thất bại. Côn-bơ chỉ – chỉ! – sai ở chỗ là ông ta không muốn thấy tính chất quốc tế trong sách lược đó của phái tả. Trong tất cả các nước tham chiến, thì *có thể*" đưa cuộc đấu tranh nội bộ lên đến tột độ sôi sục", "làm suy yếu sức mạnh quân sự" của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa và (do đó, nhân đó, nhờ đó) mà biến cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến. Chính đó là mấu chốt của vấn đề. Chúng ta hãy cảm ơn Côn-bơ về những nguyện vọng, những lời thú nhận và những lời thuyết minh có ích của ông ta: khi tất cả cái đó là do một kẻ địch triệt để nhất, thực thà nhất và thẳng thắn nhất trong các kẻ thù địch của cách mạng cung cấp cho chúng ta, thì điều đó đặc biệt có ích cho việc tố cáo trước công nhân sự giả dối bỉ ổi và tính nhu nhược xấu xa của bọn Plê-kha-nốp và bọn Cau-xky.

"Người dân chủ - xã hội",  
số 51, ngày 29 tháng Hai  
1916

Theo đúng bản in trên báo  
"Người dân chủ - xã hội"

## CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT

(ĐỀ CƯƠNG)

### 1. CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC, CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ VIỆC GIẢI PHÓNG CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC

Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn phát triển tốt cùng của chủ nghĩa tư bản. Trong những nước tiên tiến, tư bản đã vượt ra ngoài phạm vi các quốc gia dân tộc và đã đem độc quyền thay thế cho cạnh tranh, đồng thời, đã tạo ra tất cả những tiền đề khách quan cho việc thực hiện chủ nghĩa xã hội. Vì thế nên, ở Tây Âu và ở nước Mỹ, cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản để đánh đổ các chính phủ tư bản chủ nghĩa, để tước đoạt giai cấp tư sản, trở thành một vấn đề cấp thiết. Chủ nghĩa đế quốc đẩy quần chúng vào cuộc đấu tranh đó, khi làm cho những mâu thuẫn giai cấp trở nên gay gắt thêm trên những quy mô rộng lớn, làm cho tình cảnh của quần chúng trở nên trầm trọng cả về mặt kinh tế – các tư-rót, đời sống đắt đỏ – lẫn về mặt chính trị: chủ nghĩa quân phiệt phát triển, các cuộc chiến tranh xảy ra thường xuyên hơn, thế lực phản động mạnh lên, ách áp bức dân tộc và sự cướp bóc thuộc địa mạnh thêm và mở rộng thêm. Chủ nghĩa xã hội thắng lợi nhất thiết phải thực hiện chế độ dân chủ hoàn toàn và, do đó, không những làm cho các dân tộc hoàn toàn bình quyền với nhau, mà còn thực hành quyền tự quyết của các dân tộc bị áp bức, tức là quyền tự do phân lập về mặt chính trị. Cả hiện nay lẫn trong thời kỳ cách mạng, và sau khi cách mạng thắng lợi, các đảng xã hội chủ nghĩa nào mà không chứng minh bằng toàn bộ hoạt động của mình rằng

họ sẽ giải phóng các dân tộc bị nô dịch và sẽ xây dựng những quan hệ của mình với các dân tộc đó trên cơ sở một liên minh tự do - và liên minh tự do sẽ là một lời dối trá nếu nó không bao hàm quyền tự do phân lập - thì các đảng đó sẽ phản bội chủ nghĩa xã hội.

Đương nhiên, chế độ dân chủ cũng là một hình thức nhà nước và sẽ phải mất đi khi nhà nước tiêu vong, nhưng điều đó chỉ xảy ra khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn và được củng cố, quá độ lên chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn.

### 2. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CUỘC ĐẤU TRANH VÌ DÂN CHỦ

Cách mạng xã hội chủ nghĩa không phải là một hành động, một cuộc chiến đấu duy nhất trên một mặt trận, mà là cả một thời kỳ xung đột giai cấp kịch liệt, một chuỗi dài những trận chiến đấu trên tất cả mọi mặt trận, nghĩa là trên hết thắng các vấn đề kinh tế và chính trị, những trận chiến đấu này chỉ có thể kết thúc bằng việc tước đoạt giai cấp tư sản. Nếu tưởng rằng cuộc đấu tranh vì dân chủ có thể làm cho giai cấp vô sản xa rời cách mạng xã hội chủ nghĩa hoặc có thể che lấp, làm lu mờ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, v. v., thì sẽ mắc một sai lầm căn bản. Trái lại, cũng giống như không thể có một chủ nghĩa xã hội thắng lợi mà lại không thực hiện dân chủ hoàn toàn, giai cấp vô sản cũng không thể nào chuẩn bị để chiến thắng giai cấp tư sản được nếu nó không tiến hành một cuộc đấu tranh toàn diện, triệt để và cách mạng để giành dân chủ.

Nếu loại bỏ một trong những điều mục của cương lĩnh dân chủ, như điều nói về quyền dân tộc tự quyết chẳng hạn, lấy cớ rằng quyền đó sẽ "không thể thực hiện được" hoặc "có tính chất ảo tưởng" trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, như vậy cũng sẽ mắc một sai lầm không kém phần nghiêm trọng. Khẳng định rằng quyền dân tộc tự quyết không thể

thực hiện được trong phạm vi chủ nghĩa tư bản, điều khẳng định đó ta có thể hiểu hoặc một cách tuyệt đối, về mặt kinh tế, hoặc một cách tương đối, về mặt chính trị.

Trong trường hợp thứ nhất, lời khẳng định đó là hoàn toàn sai lầm về phương diện lý luận. Một là, theo ý nghĩa đó, thì trong chế độ tư bản chủ nghĩa chẳng hạn tiền lao động hoặc việc thủ tiêu các cuộc khủng hoảng, v. v. là không thể thực hiện được. Nhưng nếu cho rằng quyền dân tộc tự quyết *cũng* không thể thực hiện được, thì như vậy hoàn toàn sai. Hai là, chỉ riêng thí dụ về việc Na-uy tách ra khỏi Thụy-điển hồi 1905, cũng đủ để bác bỏ "tính chất không thể thực hiện được" hiểu theo ý nghĩa đó rồi. Ba là, sẽ thật là lố bịch nếu phủ nhận rằng khi có sự biến đổi nhỏ trong các quan hệ về chính trị và chiến lược, chẳng hạn giữa Đức và Anh, thì sự hình thành các quốc gia mới: Ba-lan, Ấn-độ v. v. là hoàn toàn "có thể thực hiện được" nay mai. Bốn là, tư bản tài chính, trong khi cố sức bành trướng ra, sẽ "tự do" mua chuộc và hối lộ chính phủ dân chủ và cộng hoà tự do nhất và bọn viên chức được bầu ra của bất kỳ một nước nào, dù là nước "độc lập" đi nữa. Sự thống trị của tư bản tài chính, cũng như sự thống trị của tư bản nói chung, sẽ không thể thủ tiêu đi được bằng *bất kỳ* cuộc cải cách *nào* trong lĩnh vực dân chủ chính trị; thế mà quyền tự quyết lại hoàn toàn và chỉ thuộc về lĩnh vực đó. Nhưng sự thống trị đó của tư bản tài chính tuyệt nhiên không xoá bỏ ý nghĩa của dân chủ chính trị với tính cách là *hình thức* tự do hơn, rộng rãi hơn và rõ ràng hơn của ách áp bức giai cấp và của đấu tranh giai cấp. Cho nên, sở dĩ có tất cả những lập luận cho rằng, về mặt kinh tế, "không thể thực hiện được" một trong những yêu sách về dân chủ chính trị trong chế độ tư bản chủ nghĩa, là do chỗ về mặt lý luận, người ta đã định nghĩa một cách sai lầm những quan hệ chung và cơ bản của chủ nghĩa tư bản và của chế độ dân chủ chính trị nói chung.

Trong trường hợp thứ hai, lời khẳng định đó không đầy đủ và không chính xác. Vì không phải chỉ riêng quyền dân tộc tự quyết mà *tất cả* những yêu sách cơ bản về dân chủ chính trị, trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, cũng đều chỉ "có thể thực hiện được" một cách không đầy đủ, một cách không trọn vẹn và dưới hình thức một ngoại lệ hiếm có (như việc Na-uy tách ra khỏi Thụy-điển hồi 1905 chẳng hạn). Chính yêu sách đòi giải phóng ngay tức khắc các thuộc địa mà *tất cả* những người dân chủ - xã hội cách mạng đã đề ra, cũng "không thể thực hiện được" trong chế độ tư bản chủ nghĩa, nếu không tiến hành cả một loạt cuộc cách mạng. Tuy vậy, Đảng dân chủ - xã hội, cũng không hề vì thế mà không đấu tranh tức khắc và kiên quyết nhất để thực hiện *tất cả* các yêu sách đó - vì không đấu tranh như vậy sẽ chỉ làm lợi cho giai cấp tư sản và thế lực phản động thôi - trái hẳn lại, chính vì thế mà cần phải đề ra *tất cả* những yêu sách ấy và thực hiện những yêu sách ấy bằng lối cách mạng chứ không phải bằng lối cải lương chủ nghĩa; bằng cách đập tan khuôn khổ pháp luật tư sản chứ không phải ở trong khuôn khổ pháp luật đó; bằng cách lôi cuốn quần chúng vào hành động tích cực, mở rộng và thổi bùng cuộc đấu tranh để thực hiện mọi yêu sách dân chủ và cơ bản, kỳ cho tới mức trở thành cuộc tấn công trực tiếp của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, nghĩa là, cho tới mức thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa để tước đoạt giai cấp tư sản, chứ không phải thoả mãn với những bài phát biểu trong nghị viện, hay phản đối bằng lời nói thôi. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra không những từ một cuộc bãi công lớn hoặc một cuộc biểu tình trên đường phố, hoặc một cuộc bạo động của dân bị đói, hoặc một cuộc nổi dậy của quân đội, hoặc một cuộc khởi nghĩa ở thuộc địa, mà cũng có thể nổ ra từ bất cứ một cuộc khủng hoảng chính trị nào đại loại như vụ án Drây-phyút<sup>93</sup> hoặc như vụ rối ren ở Xa-béc-nơ<sup>94</sup>, hoặc nhân

một cuộc trưng cầu ý dân về vấn đề phân lập của một dân tộc bị áp bức, v. v..

Trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, việc tăng cường áp bức dân tộc không làm cho Đảng dân chủ – xã hội từ bỏ cuộc đấu tranh "không tưởng", - như giai cấp tư sản vẫn nói, – để giành quyền các dân tộc được tự do phân lập, mà trái lại, còn khiến cho nó tăng cường lợi dụng những cuộc xung đột xảy ra *cả* trên lĩnh vực này, để nhân đó mà tạo ra một hành động có tính chất quần chúng và những cuộc biểu tình cách mạng chống giai cấp tư sản.

### 3. Ý NGHĨA CỦA QUYỀN TỰ QUYẾT VÀ QUAN HỆ CỦA NÓ VỚI CHẾ ĐỘ LIÊN BANG

Quyền dân tộc tự quyết hoàn toàn chỉ có nghĩa là các dân tộc có quyền độc lập chính trị, có quyền tự do phân lập, về mặt chính trị, khỏi dân tộc áp bức họ. Nói một cách cụ thể, yêu sách đòi dân chủ chính trị đó có nghĩa là hoàn toàn tự do tuyên truyền cho việc phân lập và có nghĩa là giải quyết vấn đề phân lập bằng con đường trưng cầu ý dân trong dân tộc muốn phân lập. Như vậy là yêu sách đó hoàn toàn không đồng nghĩa với yêu sách đòi phân lập, phân tán, thành lập những quốc gia nhỏ. Nó chỉ là biểu hiện triệt để của cuộc đấu tranh chống mọi áp bức dân tộc. Chế độ dân chủ của một nước mà càng gần với quyền hoàn toàn tự do phân lập, thì trên thực tế, những xu hướng muốn phân lập sẽ càng hiếm và càng yếu, vì, đúng về mặt tiến bộ kinh tế cũng như về mặt lợi ích của quần chúng mà nói, những ưu thế của những nước lớn là không thể nghi ngờ được, hơn thế nữa, những ưu thế đó không ngừng tăng lên cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Thừa nhận quyền tự quyết không có nghĩa là thừa nhận nguyên tắc chế độ liên bang. Người ta có thể kiên quyết phản đối nguyên tắc đó, và ủng hộ chế độ tập trung dân chủ, nhưng lại thích

chế độ liên bang hơn bất bình đẳng dân tộc, coi đó là con đường duy nhất dẫn tới chế độ tập trung dân chủ hoàn toàn. Chính xuất phát từ quan điểm đó mà Mác, người vẫn chủ trương tập trung, thậm chí muốn Ai-rơ-len và Anh lập thành liên bang với nhau, còn hơn là Ai-rơ-len bị người Anh bắt phải phục tùng bằng bạo lực<sup>95</sup>.

Chủ nghĩa xã hội có mục đích không những xoá bỏ tình trạng nhân loại bị chia thành những quốc gia nhỏ và xoá bỏ mọi trạng thái biệt lập giữa các dân tộc, không những làm cho các dân tộc gần gũi nhau, mà cũng còn nhằm thực hiện việc hợp nhất các dân tộc lại. Và chính để đạt mục đích đó mà chúng ta, một mặt, phải giải thích cho quần chúng hiểu rõ tính chất phản động trong quan niệm của Ren-nơ và Ô. Bau-ơ về cái mà họ gọi là "quyền tự trị dân tộc về văn hoá"<sup>96</sup>, và, mặt khác, phải đòi giải phóng các dân tộc bị áp bức, không phải bằng cách tuôn ra một tràng những câu nói mơ hồ và chung chung, những lời kêu rống vô nghĩa, không phải bằng cách "gác" vấn đề lại cho tới thời kỳ chủ nghĩa xã hội mới giải quyết, mà bằng cách đề ra một cương lĩnh chính trị được trình bày rõ ràng, chính xác, và đặc biệt có tính đến thái độ giả dối và hèn nhát của những người xã hội chủ nghĩa ở các dân tộc đi áp bức. Nhân loại chỉ có trải qua thời kỳ quá độ của chuyên chính của giai cấp bị áp bức, mới có thể xoá bỏ được các giai cấp, cũng giống như vậy, nhân loại chỉ có trải qua thời kỳ quá độ hoàn toàn giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức, nghĩa là thời kỳ các dân tộc được tự do phân lập, thì mới có thể đạt tới sự hợp nhất tất nhiên giữa các dân tộc.

### 4. GIAI CẤP VÔ SẢN CÁCH MẠNG PHẢI ĐẶT VẤN ĐỀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT NHƯ THẾ NÀO

Không phải chỉ có yêu sách đòi quyền dân tộc tự quyết mà *tất cả* những điểm trong cương lĩnh dân chủ tối thiểu



của chúng ta, đều đã được giai cấp tiểu tư sản nêu ra *trước kia*, ngay từ thế kỷ XVII và XVIII rồi. Và giai cấp tiểu tư sản hiện nay vẫn còn nêu ra *tất cả* những điểm đó một cách không tưởng, vì họ không thấy cuộc đấu tranh giai cấp và tính chất ngày càng quyết liệt của cuộc đấu tranh giai cấp dưới chế độ dân chủ, và vì họ tin vào chủ nghĩa tư bản "hoà bình". Đó chính là cái không tưởng về một liên minh hoà bình giữa các dân tộc bình quyền với nhau trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, cái không tưởng lừa bịp nhân dân và được phái Cau-xky bênh vực. Trái hẳn với cái không tưởng tiểu tư sản và cơ hội chủ nghĩa ấy, cương lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội phải nêu ra vấn đề: phân chia các dân tộc thành những dân tộc đi áp bức và những dân tộc bị áp bức, coi đó là điều cơ bản, chủ yếu nhất và không thể tránh khỏi trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Giai cấp vô sản thuộc các dân tộc đi áp bức không thể tự giới hạn ở những câu nói chung chung, rập khuôn và nhai đi nhai lại của bất cứ bọn tư sản hoà bình chủ nghĩa nào, phản đối thôn tính và tán thành quyền bình đẳng giữa các dân tộc nói chung. Giai cấp vô sản không thể bỏ qua vấn đề *biên giới* của cái quốc gia thành lập trên cơ sở áp bức dân tộc, một vấn đề đặc biệt "khó chịu" đối với giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa. Nó không thể không đấu tranh chống lại việc dùng vũ lực để hãm các dân tộc bị áp bức phải ở trong biên giới của cái quốc gia ấy; mà điều đó cũng có nghĩa là đấu tranh cho quyền tự quyết. Nó phải đòi quyền tự do phân lập về mặt chính trị cho các thuộc địa và các dân tộc bị dân tộc "mình" áp bức. Bằng không, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp vô sản sẽ là rỗng tuếch và nói suông thôi; công nhân thuộc dân tộc bị áp bức và công nhân thuộc dân tộc đi áp bức vẫn không thể tin nhiệm nhau, đoàn kết giai cấp với nhau được; và thái độ giả dối của những phần tử

cải lương chủ nghĩa và thuộc phái Cau-xky bênh vực quyền tự quyết, tức là bọn không đếm xỉa gì đến những dân tộc bị dân tộc "của chính họ" áp bức và dùng vũ lực giữ ở trong nội bộ quốc gia "của chính họ", vẫn không bị lột trần.

Mặt khác, những người xã hội chủ nghĩa thuộc các dân tộc bị áp bức đặc biệt phải bảo vệ và thực hiện sự thống nhất hoàn toàn và tuyệt đối, kể cả về mặt tổ chức, của công nhân thuộc dân tộc bị áp bức với công nhân thuộc dân tộc đi áp bức. Không thể, thì không thể bảo vệ được một chính sách độc lập của giai cấp vô sản và sự đoàn kết giai cấp của nó với giai cấp vô sản các nước khác, trước mọi thứ mưu kế, trước những sự phản bội và những trò lừa bịp của giai cấp tư sản. Vì giai cấp tư sản thuộc các dân tộc bị áp bức luôn luôn biến các khẩu hiệu giải phóng dân tộc thành một trò lừa bịp công nhân: về mặt chính sách đối nội, nó lợi dụng các khẩu hiệu đó để thực hành những sự thoả hiệp phản động với giai cấp tư sản thuộc các dân tộc thống trị (chẳng hạn như người Ba-lan ở Áo và ở Nga đã câu kết với thế lực phản động để áp bức người Do-thái và người U-cra-i-na); về mặt chính sách đối ngoại, nó tìm cách câu kết với một trong các cường quốc đế quốc chủ nghĩa cạnh tranh để thực hiện những mục đích cướp bóc của nó (chính sách của các nước nhỏ ở vùng Ban-căng, v. v.).

Cuộc đấu tranh chống lại một cường quốc đế quốc chủ nghĩa để giành quyền tự do dân tộc, trong những điều kiện nào đó, có thể bị một cường quốc "lớn" khác lợi dụng để đạt những mục đích cũng có tính chất đế quốc như vậy – tình trạng đó cũng rất ít có thể buộc Đảng dân chủ - xã hội cự tuyệt không thừa nhận quyền dân tộc tự quyết, giống như nhiều trường hợp mà giai cấp tư sản đã lợi dụng những khẩu hiệu cộng hoà để lừa bịp về mặt chính trị và cướp bóc về mặt tài chính, chẳng hạn ở các nước

la-tinh, không thể buộc những người dân chủ - xã hội từ bỏ chủ nghĩa cộng hoà của họ được\*.

## 5. CHỦ NGHĨA MÁC VÀ CHỦ NGHĨA PRU-ĐÔNG TRONG VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Trái với những người dân chủ tiểu tư sản, Mác đã coi tất cả những yêu sách dân chủ, không trừ một yêu sách nào, không phải là một cái gì tuyệt đối, mà là biểu hiện lịch sử của cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân do giai cấp tư sản lãnh đạo, chống lại chế độ phong kiến. Trong các yêu sách đó, không có một yêu sách nào, trong những hoàn cảnh nhất định, lại không thể và đã không thể dùng làm công cụ cho giai cấp tư sản lừa bịp công nhân. Về mặt này, mà đem nêu bật lên một trong những yêu sách về dân chủ chính trị, cụ thể là quyền dân tộc tự quyết, và đem đối lập yêu sách đó với tất cả các yêu sách khác, thì thật hoàn toàn sai về mặt lý luận. Trên thực tế, giai cấp vô sản chỉ có thể giữ vững được tính độc lập của mình, khi nó làm cho cuộc đấu tranh của nó để giành tất cả những yêu sách dân chủ, kể cả yêu sách đòi thành lập nước cộng hoà, phục tùng

\* Bất tất phải nói rằng phủ nhận quyền tự quyết, vì lý do cho rằng quyền tự quyết có thể dẫn tới chỗ phải "bảo vệ tổ quốc" - là hoàn toàn lối bịch. Cũng với lý do đó - nghĩa là cũng không nghiêm chỉnh như vậy - những người xã hội - số-vanh, hồi 1914 - 1916, đã viện đến bất kỳ một yêu sách dân chủ nào (thí dụ, chủ nghĩa cộng hoà của chế độ dân chủ) và viện đến bất kỳ một công thức đấu tranh nào chống lại sự áp bức dân tộc, để biện hộ cho việc "bảo vệ tổ quốc". Khi chủ nghĩa Mác thừa nhận việc bảo vệ tổ quốc trong các cuộc chiến tranh, như cuộc Đại cách mạng Pháp hoặc các cuộc chiến tranh của Ga-ri-ban-đi, ở châu Âu, và không thừa nhận việc bảo vệ tổ quốc trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa trong những năm 1914 - 1916, thì đó là do chủ nghĩa Mác đã xuất phát từ chỗ phân tích những đặc điểm lịch sử cụ thể của từng cuộc chiến tranh một, chứ tuyệt nhiên không phải từ "nguyên tắc chung", cũng không phải từ một điều mục nào đó trong cương lĩnh.

cuộc đấu tranh cách mạng của nó nhằm đánh đổ giai cấp tư sản.

Mặt khác, trái với những kẻ theo chủ nghĩa Pru-đông, là những kẻ đã "vì cách mạng xã hội" mà "phủ nhận" vấn đề dân tộc, Mác tuy vẫn chú ý hơn hết đến lợi ích cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản trong các nước tiên tiến, nhưng đã đặt lên hàng đầu cái nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa xã hội: một dân tộc mà đi áp bức dân tộc khác thì không thể có tự do<sup>97</sup>. Chính xuất phát từ những lợi ích của phong trào cách mạng của công nhân Đức, mà năm 1848, Mác đã yêu cầu phái dân chủ thắng lợi ở Đức phải tuyên bố và thực hiện quyền tự do cho các dân tộc bị người Đức áp bức<sup>98</sup>. Chính xuất phát từ quan điểm đấu tranh cách mạng của công nhân Anh, mà năm 1869, Mác đã yêu cầu để Ai-rơ-len được tách ra khỏi nước Anh, và ông lại nói thêm: "dù cho sau khi đã tách ra, người ta lại phải đi đến thành lập liên bang"<sup>99</sup>. Chỉ có nêu lên yêu sách đó, Mác mới thật sự giáo dục được công nhân Anh theo tinh thần quốc tế chủ nghĩa. Chỉ có làm như thế, ông mới có thể đem một giải pháp cách mạng để giải quyết nhiệm vụ lịch sử đó mà chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa và phái cải lương tư sản, là phái mà cho đến nay, sau nửa thế kỷ rồi, vẫn chưa hề thực hiện việc "cải cách" xứ Ai-rơ-len. Chỉ có làm như vậy, thì Mác, - trái hẳn với những kẻ ca tụng tư bản, là những kẻ đã kêu gào rằng quyền tự do phân lập của những dân tộc nhỏ là không tưởng, là không thể thực hiện được, và kêu gào rằng sự tập trung không những về kinh tế mà còn cả về chính trị nữa, là có tính chất tiến bộ, - mới có thể bênh vực được tính chất tiến bộ của sự tập trung *không phải* theo lối đế quốc chủ nghĩa đó, và mới có thể bênh vực được sự gần gũi giữa các dân tộc với nhau, không phải dựa vào bạo lực, mà là dựa vào sự liên minh tự do của những người vô sản tất cả các nước. Chỉ có làm như vậy, Mác mới có thể đem hành động cách mạng của

quần chúng *cả* về phương diện giải quyết các vấn đề dân tộc, mà chống lại việc thừa nhận trên đầu lưỡi và thường là giả dối, quyền bình đẳng của các dân tộc và quyền dân tộc tự quyết. Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa trong những năm 1914 - 1916 và cái đồng chong chóng những sự đạo đức giả của bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn Cau-xky mà cuộc chiến tranh đó đã phơi bày ra, đều đã chứng thực một cách rõ ràng tính chính xác của chính sách đó của Mác, cái chính sách cần phải trở thành mẫu mực cho tất cả các nước tiên tiến, vì hiện nay mỗi nước tiên tiến đó đang áp bức các dân tộc khác.\*

## 6. THÁI ĐỘ CỦA BA LOẠI NƯỚC ĐỐI VỚI QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT

Về mặt này, cần phải phân biệt ba loại nước chủ yếu:

Một là, các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến ở Tây Âu và nước Mỹ. Ở đó, các phong trào dân tộc tiến bộ tư sản đã kết thúc từ lâu rồi. Mỗi dân tộc "lớn" đó đều áp bức các dân tộc khác ở các thuộc địa và ở trong nước họ. Ở các nước này, nhiệm vụ của giai cấp vô sản thuộc các dân tộc

\* Người ta thường hay viện dẫn ra - chẳng hạn như trong thời gian gần đây Lên-sơ, một kẻ sô-vanh Đức, trong báo "Die Glocke", số 8 và 9 - rằng thái độ phủ định của Mác đối với phong trào dân tộc của một số dân tộc, ví dụ người Tsec hồi 1848, đã đứng trên quan điểm chủ nghĩa Mác mà bác bỏ sự cần thiết phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết. Nhưng điều đó không đúng, vì năm 1848, đã có những căn cứ lịch sử và chính trị để phân biệt các dân tộc "phản động" và các dân tộc dân chủ cách mạng. Mác đã có lý khi lên án các dân tộc "phản động" và bênh vực các dân tộc dân chủ cách mạng<sup>100</sup>. Quyền tự quyết là một trong những yêu sách về dân chủ, quyền này dĩ nhiên phải phục tùng những lợi ích chung của dân chủ. Năm 1848 và trong những năm sau, những lợi ích chung đó, trước tiên, là ở chỗ đấu tranh chống chế độ Nga hoàng.

thống trị cũng giống như nhiệm vụ của giai cấp vô sản ở Anh, trong thế kỷ XIX, đối với Ai-rơ-len\*.

Hai là, Đông Âu: Áo, các nước vùng Ban-căng và nhất là nước Nga. Chính là thế kỷ XX đã đặc biệt làm phát triển các phong trào dân tộc dân chủ - tư sản ở các nước đó và làm gay gắt thêm cuộc đấu tranh dân tộc ở đây. Ở các nước ấy, nhiệm vụ của giai cấp vô sản, trong việc hoàn thành cuộc cải cách dân chủ - tư sản cũng như trong việc giúp đỡ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước khác, không thể hoàn thành được, nếu không bênh vực quyền dân tộc tự quyết. Ở các nước đó, nhiệm vụ hợp nhất cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân thuộc các dân tộc đi áp bức với cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân thuộc các dân tộc bị áp bức là một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn và đặc biệt quan trọng.

Ba là, các nước nửa thuộc địa như Trung-quốc, Ba-tư, Thổ-nhĩ-kỳ, và tất cả những nước thuộc địa, tổng cộng có vào khoảng 1 000 triệu người. Ở đây, các phong trào dân

\* Trong một số nước nhỏ không tham gia cuộc chiến tranh những năm 1914 - 1916, ví dụ như Hà-lan và Thụy-sĩ, giai cấp tư sản đã ra sức lợi dụng khẩu hiệu "dân tộc tự quyết" để biện hộ cho việc tham gia cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Đó là một trong những cái cớ thúc đẩy những người dân chủ - xã hội ở các nước ấy đi đến chỗ phủ nhận quyền tự quyết. Người ta dùng những lý do không đúng để bênh vực chính sách đúng đắn của giai cấp vô sản, như: phủ nhận việc "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh *đế quốc chủ nghĩa*. Kết quả về mặt lý luận là xuyên tạc chủ nghĩa Mác, và về mặt thực tiễn là một thái độ hẹp hòi của dân tộc nhỏ, tức là quên mất hàng trăm triệu người của những dân tộc bị các dân tộc "đại cường quốc" nô dịch. Đồng chí Goóc-tơ, trong cuốn sách xuất sắc của mình: "Chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh và đảng dân chủ - xã hội" đã phủ nhận một cách sai lầm nguyên tắc dân tộc tự quyết, nhưng lại *vận dụng* một cách đúng đắn nguyên tắc đó. Khi đồng chí ấy đòi phải *lập tức* thực hiện "độc lập chính trị và dân tộc" cho Nam-duong và vạch trần bọn cơ hội chủ nghĩa Hà-lan, là những kẻ đã thoái thác đề ra yêu sách đó và không đấu tranh cho yêu sách đó.

chủ - tư sản một phần thì vừa mới bắt đầu, một phần thì còn lâu mới kết thúc. Người xã hội chủ nghĩa cần phải chẳng những chỉ đòi cho các thuộc địa được giải phóng ngay tức khắc, không điều kiện và không phải chuộc lại (về mặt chính trị, yêu sách đó không phải là cái gì khác mà chỉ là thừa nhận quyền tự quyết thôi); người xã hội chủ nghĩa phải ủng hộ một cách kiên quyết nhất những phần tử cách mạng nhất trong các phong trào dân chủ - tư sản đòi giải phóng dân tộc ở các nước đó và phải giúp họ tiến hành khởi nghĩa (hoặc, nếu có dịp, thì phải giúp họ tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng) *chống lại* các cường quốc đế quốc chủ nghĩa đang áp bức họ.

## 7. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - SÔ-VANH VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT

Thời đại đế quốc chủ nghĩa và cuộc chiến tranh 1914 - 1916 đã đặc biệt đề ra nhiệm vụ phải đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa dân tộc ở các nước tiên tiến. Về vấn đề quyền dân tộc tự quyết, có hai sắc thái chính trong số những người xã hội - sô-vanh, đó là những người cơ hội chủ nghĩa và bọn Cau-xky, chúng tô son điểm phấn cho cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa phản động, bằng cách gán cho nó cái khái niệm "bảo vệ tổ quốc".

Một mặt, chúng ta thấy rõ những kẻ tô tở khá công khai của giai cấp tư sản, chúng mượn cớ rằng chủ nghĩa đế quốc và sự tập trung chính trị là có tính chất tiến bộ để bênh vực cho những cuộc thôn tính, và chúng phủ nhận quyền tự quyết, cho quyền đó là không tương, là ảo tưởng, là có tính chất tiểu tư sản, v. v.. Nhóm người đó gồm có: Cu-nốp, Pác-vu-xơ và bọn cơ hội chủ nghĩa cực đoan ở Đức, một bộ phận những phần tử Pha-biêng và bọn thủ lĩnh hội công liên ở Anh, bọn cơ hội chủ nghĩa ở Nga: Xem-cốp-xki, Líp-man, I-ua-kê-vích, v. v..

Mặt khác, chúng ta thấy có bọn Cau-xky, bọn này cũng bao gồm cả Van-đéc-ven-đơ, Rơ-nô-đen và nhiều phần tử hoà bình chủ nghĩa ở Anh và ở Pháp, v. v.. Bọn này chủ trương thống nhất với bọn trên và trong thực tế, chúng hoàn toàn phụ hoạ với bọn trên khi bênh vực quyền tự quyết một cách hoàn toàn trên lời nói và một cách giả dối: chúng cho việc đòi quyền tự do phân lập về chính trị và "quá đáng" ("zu viel verlangt": Kautsky trong báo "Neue Zeit", ngày 21 tháng Năm 1915); chúng không bênh vực sự cần thiết phải có một sách lược cách mạng của những người xã hội chủ nghĩa thuộc chính các dân tộc đi áp bức, mà trái lại, chúng xoá mờ những nhiệm vụ cách mạng của họ, biện hộ cho chủ nghĩa cơ hội của họ, làm cho họ dễ dàng lừa bịp nhân dân, lờ đi không nói đến vấn đề *biên giới* của các nước, đã dùng bạo lực để kìm giữ những dân tộc không được hưởng đầy đủ quyền lợi, phải ở trong phạm vi các nước đó, v. v..

Cả hai bọn đều là những phần tử cơ hội chủ nghĩa, đã làm ô danh chủ nghĩa Mác vì chúng đã mất hết mọi khả năng hiểu được ý nghĩa lý luận và tầm quan trọng sống còn về mặt thực tiễn của sách lược của Mác, sách lược đã được chính ngay Mác giải thích rõ qua ví dụ về vấn đề Ai-rơ-len.

Còn về vấn đề những cuộc thôn tính, thì do chiến tranh, vấn đề đó đã trở thành một vấn đề đặc biệt cấp thiết. Nhưng thế nào là một cuộc thôn tính? Người ta cũng dễ tin rằng sự phản đối các cuộc thôn tính thì hoặc là chung quy lại là thừa nhận quyền dân tộc tự quyết hoặc là dựa vào cái luận điệu hoà bình chủ nghĩa bênh vực status quo và thù địch với *bất cứ* bạo lực nào, thậm chí cả với bạo lực cách mạng nữa. Những lời hoa mỹ như vậy là hoàn toàn sai và không thể dung hợp được với chủ nghĩa Mác.

## 8. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN TRONG TƯƠNG LAI GẦN NHẤT

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể bắt đầu nổ ra trong một tương lai gần nhất. Lúc đó, giai cấp vô sản sẽ đứng trước những nhiệm vụ cấp bách là: giành lấy chính quyền, tước đoạt các ngân hàng và thực hiện những biện pháp chuyên chính khác. Giai cấp tư sản - và nhất là những người trí thức thuộc loại bọn Pha-biêng và bọn Cau-xky - lúc bấy giờ sẽ cố sức làm phân tán và kìm hãm cuộc cách mạng bằng cách áp đặt cho cuộc cách mạng những mục đích dân chủ, hạn chế. Trong điều kiện những người vô sản đã bắt đầu tấn công vào những cơ sở của chính quyền tư sản, nếu, theo một ý nghĩa nào đó, *hết thấy* những yêu sách thuần túy dân chủ có thể cản trở cuộc cách mạng, thì sự cần thiết phải tuyên bố và thực hiện quyền tự do của *tất cả* các dân tộc bị áp bức (nghĩa là quyền tự quyết của họ) sẽ là điều bức thiết trong cách mạng xã hội chủ nghĩa chẳng khác gì nó đã từng là điều bức thiết đối với thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản, ví dụ như ở Đức hồi 1848 hoặc ở Nga hồi 1905.

Tuy nhiên có thể còn phải 5, 10 năm, thậm chí hơn thế, thì cách mạng xã hội chủ nghĩa mới bắt đầu nổ ra. Lúc đó, vấn đề cấp thiết là phải tiến hành công tác giáo dục cách mạng cho quần chúng theo một tinh thần sao cho bọn xã hội chủ nghĩa sô-vanh và bọn cơ hội chủ nghĩa không tài nào gia nhập được đảng công nhân và làm cho chúng không thể lại thắng lợi được như hồi 1914 - 1916. Những người xã hội chủ nghĩa sẽ phải giải thích cho quần chúng hiểu rằng người xã hội chủ nghĩa Anh nào mà không đòi cho các nước thuộc địa và Ai-rơ-len được tự do phân lập, rằng người xã hội chủ nghĩa Đức nào mà không đòi cho các thuộc địa, cho người An-da-xơ, người Đan-mạch, người Ba-lan được tự do phân lập, mà không mở rộng công tác

tuyên truyền cách mạng trực tiếp và không mở rộng hoạt động cách mạng có tính chất quần chúng trên cả lĩnh vực đấu tranh chống ách áp bức dân tộc, mà không lợi dụng các sự kiện xảy ra, như vụ Xa-béc-nơ để phát triển rất rộng rãi công tác tuyên truyền bí mật trong giai cấp vô sản thuộc dân tộc đi áp bức, và để tổ chức những cuộc biểu tình trên đường phố và những hoạt động cách mạng có tính chất quần chúng, rằng người xã hội chủ nghĩa Nga nào mà không đòi cho Phần-lan, Ba-lan, U-cra-i-na, v. v., được tự do phân lập, thì những người xã hội chủ nghĩa như vậy đều hành động như bọn sô-vanh, như bọn đày tớ của phái bảo hoàng đế quốc chủ nghĩa và của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, là những kẻ đày máu và bùn trên người chúng.

## 9. THÁI ĐỘ CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA VÀ BA-LAN VÀ CỦA QUỐC TẾ II ĐỐI VỚI QUYỀN TỰ QUYẾT

Những sự khác nhau về quan điểm giữa những người dân chủ - xã hội cách mạng Nga với những người dân chủ - xã hội Ba-lan về vấn đề quyền tự quyết, đã biểu lộ ngay từ năm 1903 trong cuộc đại hội đã thông qua cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và, mặc dầu đoàn đại biểu những người dân chủ - xã hội Ba-lan có kháng nghị, vẫn đưa vào cương lĩnh của đảng §9, tức là điều thừa nhận quyền dân tộc tự quyết. Từ đó đến nay những người dân chủ - xã hội Ba-lan chưa bao giờ nhân danh đảng của họ mà nêu lại đề nghị của họ về việc huỷ bỏ §9 trong cương lĩnh của đảng ta hoặc đề nghị thay thế điều đó bằng một công thức nào khác.

Ở Nga, nơi mà hơn 100 triệu người, chiếm ít ra là 57% dân số, đều thuộc các dân tộc bị áp bức, - nơi mà các dân tộc ấy sinh sống chủ yếu tại các vùng biên giới, - nơi mà

một bộ phận trong số các dân tộc ấy lại có trình độ văn hoá cao hơn người Đại Nga, – nơi mà chế độ chính trị đặc biệt dã man và có tính chất trung cổ, – nơi mà cuộc cách mạng dân chủ - tư sản vẫn chưa hoàn thành, – ở Nga, điều tuyệt đối có tính chất bắt buộc đối với những người dân chủ - xã hội, vì những nhiệm vụ dân chủ và xã hội chủ nghĩa của họ, là phải thừa nhận cho các dân tộc bị chế độ Nga hoàng áp bức, được quyền tự do tách khỏi nước Nga. Đảng ta, được khôi phục lại hồi tháng Giêng 1912, đã thông qua hồi 1913 một nghị quyết xác nhận quyền tự quyết và đã giải thích quyền đó chính là theo ý nghĩa cụ thể đã nói ở trên<sup>101</sup>. Trong những năm 1914 - 1916, chủ nghĩa sô-vanh Đại Nga tự do hoành hành trong nội bộ giai cấp tư sản cũng như trong những người xã hội chủ nghĩa cơ hội (Ru-ba-nô-vích, Plê-kha-nốp, nhóm báo "Sự nghiệp của chúng ta" v. v. ), – tình hình này lại càng thôi thúc chúng ta kiên quyết đòi thực hiện yêu sách đó và coi những kẻ nào bác bỏ yêu sách đó là những kẻ trong thực tế đã ủng hộ chủ nghĩa sô-vanh Đại Nga và chế độ Nga hoàng. Đảng ta tuyên bố rằng đảng hết sức kiên quyết khước từ mọi trách nhiệm đối với cái hành vi chống lại quyền tự quyết như vậy.

Trong điều trình bày gần đây nhất về lập trường của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan về vấn đề dân tộc (tuyên bố của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan tại Hội nghị Xim-méc-van) bao hàm những tư tưởng như sau:

Lời tuyên bố đó kịch liệt lên án chính phủ nước Đức và các nước khác, tức là những chính phủ đã coi những "vùng Ba-lan" là cái bảo đảm trong cái trò đền bù sau này, "*bằng cách không cho dân tộc Ba-lan được có khả năng tự mình quyết định lấy vận mệnh của mình*". "Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan kiên quyết và trịnh trọng phản đối việc *chia cắt và phân nhỏ cả một nước*..." Nó đả kích những người xã hội chủ nghĩa nào giao phó "sự nghiệp *giải phóng các dân tộc*

*bị áp bức*"... vào tay bọn Hô-hen-txô-léc. Nó nói lên lòng tin tưởng vững chắc rằng chỉ có tham gia cuộc đấu tranh sắp tới của giai cấp vô sản cách mạng quốc tế, cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, mới "*đập tan được những xiềng xích áp bức dân tộc*, mới thủ tiêu được *tất cả mọi hình thức thống trị của nước ngoài*, và mới bảo đảm cho *dân tộc Ba-lan* có khả năng phát triển một cách tự do và toàn diện, với tư cách là thành viên *bình đẳng* trong liên minh các dân tộc". Lời tuyên bố nhận định rằng "*đối với người Ba-lan*", chiến tranh là "*cuộc huynh đệ tương tàn gấp bội*" (Bản tin của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế, số 2, ngày 27. IX. 1915, tr. 15; bản dịch ra tiếng Nga trong tập "Quốc tế và chiến tranh", tr. 97).

Những luận điểm đó, về thực chất, chẳng khác gì thừa nhận quyền dân tộc tự quyết, chỉ có điều là các công thức chính trị của những luận điểm đó còn thiếu chính xác và mơ hồ hơn so với phần nhiều cương lĩnh và nghị quyết của Quốc tế II. Mọi ý định muốn diễn đạt những tư tưởng đó thành những công thức chính trị rõ ràng, và muốn nói rõ những tư tưởng đó có thể thích dụng với chế độ tư bản chủ nghĩa, hoặc chỉ có thể thích dụng với chế độ xã hội chủ nghĩa thôi, - mọi ý định như vậy càng làm lộ rõ cái sai lầm mà những người dân chủ - xã hội Ba-lan đã phạm phải khi phủ nhận quyền dân tộc tự quyết.

Quyết định của Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Luân-đôn năm 1896 – tức là quyết định đã thừa nhận quyền dân tộc tự quyết – phải được bổ sung, trên cơ sở những luận điểm đã trình bày ở trên, bằng những điều vạch rõ 1) tính chất bức thiết đặc biệt của yêu sách đó trong thời đại đế quốc chủ nghĩa; 2) tính có điều kiện về chính trị và nội dung giai cấp của mọi yêu sách về dân chủ chính trị, kể cả yêu sách này; 3) Sự cần thiết phải phân biệt những nhiệm vụ cụ thể của những người dân chủ - xã hội thuộc các dân tộc đi áp bức với những nhiệm

vụ cụ thể của những người dân chủ - xã hội thuộc các dân tộc bị áp bức; 4) việc bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn Cau-xky thừa nhận một cách không triệt để, thuần túy trên lời nói và, cũng do đó mà, trên ý nghĩa chính trị thì thừa nhận một cách giả dối quyền tự quyết; 5) cái sự thật là trên thực tế, những người dân chủ - xã hội đặc biệt là những người dân chủ - xã hội thuộc các dân tộc nước lớn (Đại Nga, Anh - Mỹ, Đức, Pháp, Ý, Nhật, v. v.), - họ không bảo vệ quyền tự do phân lập cho các thuộc địa và các dân tộc bị dân tộc "họ" áp bức - là giống với bọn sô-vanh; 6) sự cần thiết phải làm cho cuộc đấu tranh để giành yêu sách đó, cũng như để giành hết thảy mọi yêu sách cơ bản về dân chủ chính trị, phục tùng cuộc đấu tranh cách mạng có tính chất quần chúng, trực tiếp nhằm lật đổ các chính phủ tư sản và thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Đem vào Quốc tế cái quan điểm của một số dân tộc nhỏ nào đó và nhất là của những người dân chủ - xã hội Ba-lan, những người đã bị cuộc đấu tranh của mình chống giai cấp tư sản Ba-lan, - kẻ dùng những khẩu hiệu dân tộc chủ nghĩa để lừa dối nhân dân - dẫn tới chỗ phủ nhận một cách sai lầm quyền tự quyết, - sẽ là một sai lầm về mặt lý luận, sẽ là đem chủ nghĩa Pru-đông thay thế chủ nghĩa Mác, và, trên thực tiễn, sẽ là ủng hộ một cách không tự giác chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa cơ hội tối nguy hiểm của các dân tộc nước lớn.

*Ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội",  
Cơ quan ngôn luận trung ương của  
Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga*

*Tái bút.* Trong báo "Neue Zeit", ngày 3 tháng Ba 1916, vừa mới xuất bản, Cau-xky đã công khai giơ bàn tay cơ đốc giáo hoà giải với Au-xtéc-lít, đại biểu cho chủ nghĩa sô-vanh Đức ti tiện nhất, mà từ chối không cho nước Áo của dòng vua Hap-xbuốc được quyền tự do phân lập của

các dân tộc bị áp bức, nhưng lại công nhận cho Ba-lan *thuộc Nga* có quyền tự do đó, để tỏ lòng khuyến mã với Hin-đen-buốc và Vin-hem II. Khó mà mong chủ nghĩa Cau-xky tự vạch trần mình ra một cách tốt hơn thế!

*Viết tháng Giêng -  
tháng Hai 1916*

*In tháng Tư 1916 trên  
tạp chí "Vorbote", số 2*

*In lần đầu bằng tiếng Nga vào  
tháng Mười 1916, trong "Văn tập  
"Người dân chủ - xã hội", số 1*

*Theo đúng bản in trong  
"Văn tập"*

## VỀ "CƯƠNG LĨNH HOÀ BÌNH"

Một trong những vấn đề quan trọng nhất được ghi trong chương trình nghị sự của Hội nghị quốc tế lần thứ hai của "phái Xim-méc-van"<sup>102</sup> là vấn đề "cương lĩnh hoà bình" của Đảng dân chủ - xã hội. Để bạn đọc nắm được ngay *tính chất* thực sự của vấn đề ấy, chúng tôi sẽ dẫn một lời tuyên bố có liên quan đến vấn đề ấy của Cau-xky, người đại biểu có uy quyền nhất của Quốc tế II và người bào chữa có uy quyền nhất cho những người xã hội - sô-vanh tất cả các nước.

"Quốc tế không phải là một công cụ thích dụng trong thời chiến; về thực chất, nó là một công cụ hoà bình... Cuộc đấu tranh cho hoà bình, cuộc đấu tranh giai cấp trong thời bình ("Neue Zeit", ngày 27. XI. 1914). "Tất cả những cương lĩnh hoà bình đã được vạch ra từ trước đến nay, trong phạm vi của Quốc tế, cương lĩnh Cô-pen-ha-gơ, Luân-đôn, Viên, đều đòi thừa nhận quyền độc lập của các dân tộc, và như thế là chính đáng. Yêu sách đó phải là kim chỉ nam cho chúng ta trong cuộc chiến tranh hiện tại" (như trên, ngày 21. V. 1915).

Những lời ngắn gọn đó đã biểu hiện một cách hùng hồn "cương lĩnh" về sự thống nhất quốc tế của những người xã hội - sô-vanh và về sự thoả hiệp của họ. Ai cũng biết rằng những người bạn và những người ủng hộ Duy-đơ-cum đã họp ở Viên, họ đã hành động đúng hệt theo tinh thần của Duy-đơ-cum và đã bảo vệ chủ nghĩa đế quốc Đức dưới chiêu bài "bảo vệ tổ quốc"<sup>103</sup>. Còn những phần tử Duy-đơ-cum ở Pháp, ở Anh, ở Nga thì đã họp ở Luân-đôn, bọn

này cũng vin vào cùng một lý do như vậy để bảo vệ chủ nghĩa đế quốc nước "họ". Chính sách thực sự của những vị anh hùng của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh ở Luân-đôn cũng như ở Viên đều là ở chỗ biện bạch cho sự tham gia chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, biện bạch cho việc công nhân Đức và công nhân Pháp tàn sát lẫn nhau, vì mục đích là xem giai cấp tư sản nước nào chiếm được phần hơn trong việc cướp bóc nước ngoài. Và để nguy trang cho chính sách thực sự đó, để đánh lừa công nhân, các vị anh hùng ở Luân-đôn và ở Viên dùng đến cái *câu* nói rằng họ "thừa nhận" "quyền độc lập của các dân tộc" hay, nói cách khác, thừa nhận quyền dân tộc tự quyết, phản đối những cuộc thôn tính, v. v., v. v.!

"Sự thừa nhận" đó là một sự lừa dối trắng trợn, một sự giả nhân giả nghĩa đê hèn nhất, điều đó rõ như ban ngày, vì "sự thừa nhận" đó là dùng để biện bạch cho việc tham gia một cuộc chiến tranh mà cả *đôi* bên đều cùng nhằm nô dịch các dân tộc chứ không phải nhằm đảm bảo nền độc lập của các dân tộc đó. Thế mà ông Cau-xky có uy tín lại *suy tôn* sự giả nhân giả nghĩa đó chứ không tố cáo nó, vạch mặt nó và lên án nó. Đối với Cau-xky thì cái ý muốn nhất trí của bọn sô-vanh phản bội chủ nghĩa xã hội lừa gạt công nhân, là một bằng chứng về "sự nhất trí" và sức sống của Quốc tế trong vấn đề hoà bình!!! Một sự giả nhân giả nghĩa có tính chất quốc gia, thô lỗ, hiển nhiên, ai cũng thấy được, rõ ràng đối với công nhân, lại được Cau-xky biến thành một sự giả nhân giả nghĩa có tính chất quốc tế, tinh vi, giấu giếm, mê hoặc công nhân. Chính sách của Cau-xky có hại và nguy hiểm cho phong trào công nhân gấp trăm lần chính sách của Duy-đơ-cum; sự giả nhân giả nghĩa của Cau-xky ghê tởm gấp trăm lần hơn.

Và không phải chỉ có Cau-xky là đã hành động như thế, vì kỳ thật thì Ác-xen-rốt, Mác-tốp và Tơ-khê-ít-dê ở Nga, Lông-ghe và Prét-xơ-man ở Pháp, Tơ-rê-ve-xơ ở Ý, v. v.,



cũng thi hành cùng một chính sách đó. Ý nghĩa khách quan của chính sách đó là ở chỗ nó được dùng làm chỗ dựa cho những lời dối trá mà giai cấp tư sản đang gieo rắc trong giai cấp công nhân; nó là con đường mà tư tưởng tư sản theo đó để xâm nhập vào giai cấp vô sản. Một bên là Duy-đơ-cum, một bên là Plê-kha-nốp chỉ biết lấp lại lời dối trá tư sản của những nhà tư bản của nước "họ", điều đó là hiển nhiên, nhưng việc Cau-xky suy tôn *cũng* sự nói láo đó và đưa nó lên thành "chân lý tối cao" của Quốc tế "nhất trí", thì lại không rõ ràng được như vậy. Song điều mà giai cấp tư sản cần, thì lại chính là họ muốn công nhân coi những kẻ như Duy-đơ-cum và Plê-kha-nốp là những người "xã hội chủ nghĩa" có uy quyền, nhất trí và chỉ chia rẽ nhau tạm thời thôi. Điều mà giai cấp tư sản cần, thì chính là họ muốn những câu văn giả nhân giả nghĩa về hoà bình, những câu văn rỗng tuếch và vô thưởng, vô phạt, làm cho công nhân xa rời cuộc đấu tranh cách mạng trong thời chiến, ru ngủ công nhân và an ủi họ bằng niềm hy vọng về một "nền hoà bình không có thôn tính", một nền hoà bình dân chủ, v.v. và v.v..

Huy-xman chỉ đại chúng hoá cương lĩnh hoà bình của Cau-xky bằng cách thêm vào đó những toà án trọng tài, sự dân chủ hoá chính sách đối ngoại, v. v.. Thế nhưng điểm đầu tiên và chủ yếu của một cương lĩnh xã hội chủ nghĩa về hoà bình lại phải là *vạch trần sự giả nhân giả nghĩa* cương lĩnh hoà bình của Cau-xky, một cương lĩnh nhằm *tăng cường* ảnh hưởng của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản.

Chúng ta hãy nhớ lại những khái niệm cơ bản của học thuyết xã hội chủ nghĩa, những khái niệm đã bị bọn Cau-xky xuyên tạc. Chiến tranh là sự kế tục bằng những thủ đoạn bạo lực, cái chính sách mà các giai cấp thống trị các cường quốc giao chiến thi hành từ lâu trước khi nổ ra chiến tranh. Hoà ước là sự kế tục của *cùng* một chính sách đó, có *ghi lại* những thay đổi trong quan hệ so sánh lực lượng đối

địch do những hành động quân sự gây ra. Chiến tranh tự nó không thay đổi phương hướng phát triển của chính sách trước khi chiến tranh bắt đầu; nó chỉ *đẩy nhanh* sự phát triển đó lên thôi.

Cuộc chiến tranh 1870 - 1871 là sự kế tục của chính sách tư sản tiến bộ (chính sách này kéo dài trong mấy chục năm) nhằm giải phóng và thống nhất nước Đức. Việc Na-pô-lê-ông III bị đánh bại và bị lật đổ đã đẩy nhanh công cuộc giải phóng đó. Cương lĩnh hoà bình của những người xã hội chủ nghĩa thời đó đã tính đến thành tựu tiến bộ đó của giai cấp tư sản và đã ủng hộ giai cấp tư sản dân chủ, cương lĩnh đó là: không cướp bóc nước Pháp, ký hoà ước về vang với nhà nước cộng hoà.

Các bạn hãy xem, trong tình hình cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa 1914 - 1916 mà còn có ý định "lập lại" một cách mù quáng ví dụ đó thì thật là một trò hề. Cuộc chiến tranh đó kế tục chính sách của một giai cấp tư sản đã quá chín muồi, của một giai cấp tư sản phản động cướp bóc thế giới, chiếm đoạt thuộc địa, v.v.. Trên cơ sở những quan hệ tư sản, cuộc chiến tranh đó *không thể* - do hoàn cảnh khách quan, nó không thể - đưa đến bất cứ một sự "tiến bộ" dân chủ nào, mà chỉ đưa đến củng cố và mở rộng mọi sự áp bức nói chung và sự áp bức dân tộc nói riêng, và dù chiến tranh kết thúc như thế nào, kết quả cũng vẫn là như thế.

Cuộc chiến tranh *kia* đã đẩy nhanh sự phát triển theo hướng dân chủ, tiến bộ tư sản: lật đổ Na-pô-lê-ông III, thống nhất nước Đức. Cuộc chiến tranh *này* chỉ đẩy nhanh sự phát triển hướng đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ở *thời kỳ đó*, cương lĩnh về hoà bình dân chủ (tư sản) có một cơ sở lịch sử *khách quan*. *Ngày nay*, *không có* cơ sở đó, và những lời hô hào về hoà bình dân chủ đều là những lời nói dối trá của giai cấp tư sản, mà ý nghĩa khách quan là ở chỗ làm cho công nhân lãng quên cuộc đấu tranh cách

mạng cho chủ nghĩa xã hội! Ở thời kỳ đó, với cương lĩnh hoà bình dân chủ của họ, những người xã hội chủ nghĩa ủng hộ một phong trào tư sản - dân chủ của quần chúng, một phong trào có thật, sâu sắc, đã biểu hiện trong hàng mấy chục năm (và nhằm lật đổ Na-pô-lê-ông III, thống nhất nước Đức). Ngày nay, với cương lĩnh hoà bình dân chủ của họ, trên cơ sở những quan hệ tư sản, những người xã hội chủ nghĩa giúp vào công cuộc *lừa dối* nhân dân của giai cấp tư sản là giai cấp muốn làm cho giai cấp vô sản xa rời cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cũng như những câu văn hoa về "bảo vệ tổ quốc" nhồi nhét một cách giả dối vào quần chúng cái tư tưởng chiến tranh giải phóng dân tộc, những câu văn hoa về hoà bình dân chủ cũng lên lút, bằng một con đường quanh co, đưa ra cũng lời dối trá đó của giai cấp tư sản!

"Như thế nghĩa là các anh không có một cương lĩnh hoà bình nào cả, là các anh chống lại những yêu sách dân chủ", phái Cau-xky trả lời lại như thế, họ lợi dụng cái sự thật là những người ít chú ý sẽ không nhận ra cái lối mà câu trả lời đó đem những mục tiêu dân chủ - tư sản không có thật thay cho những mục tiêu xã hội chủ nghĩa có thật.

Không đâu, thưa các ngài! Chúng ta trả lời phái Cau-xky như vậy. Chúng ta tán thành những yêu sách dân chủ, chúng ta là những người duy nhất chiến đấu cho những yêu sách đó một cách không giả dối, vì hoàn cảnh lịch sử khách quan không cho phép đặt những yêu cầu đó ra ngoài mối quan hệ với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để làm ví dụ, ta hãy xét cái "kim chỉ nam" mà Cau-xky và đồng bọn dùng để lừa gạt công nhân bằng một lời dối trá tư sản.

Duy-đơ-cum và Plê-kha-nốp đều "nhất trí" trong "cương lĩnh hoà bình" của họ: chống thôn tính! tán thành nền độc lập của các dân tộc! Và hãy chú ý rằng bọn Duy-đơ-cum đã có lý khi nói rằng thái độ của nước Nga đối với Ba-lan, Phần-lan, v.v. là một thái độ thôn tính. Plê-kha-nốp cũng

có lý khi nói rằng nước Đức cũng có một thái độ như vậy đối với An-da-xơ - Lo-ren, Xéc-bi-a, Bỉ, v.v.. Cả hai người đều có lý phải không? Còn Cau-xky thì "điều hoà" Duy-đơ-cum Đức với Duy-đơ-cum Nga !!!

Nhưng mỗi người công nhân hiểu biết sẽ thấy ngay rằng Cau-xky và cả hai Duy-đơ-cum đều là những kẻ giả nhân giả nghĩa. Điều đó thật rõ ràng. Muốn là người xã hội chủ nghĩa, thì không được phép chấp nhận chủ nghĩa dân chủ giả nhân giả nghĩa mà phải vạch trần nó ra. Làm thế nào để vạch trần nó ra? Điều đó thật đơn giản: việc "thừa nhận" độc lập dân tộc chỉ có thể coi là không phải giả nhân giả nghĩa, khi người đại biểu cho một dân tộc đi áp bức, trước chiến tranh cũng như trong chiến tranh, đòi "tổ quốc" của chính mình thực hiện quyền tự do phân lập cho những dân tộc bị áp bức.

Chỉ có sự đòi hỏi đó mới phù hợp với chủ nghĩa Mác. Mác đã xuất phát từ lợi ích của giai cấp vô sản Anh mà đề ra yêu cầu đó, khi Người đòi quyền tự do cho Ai-rơ-len, đồng thời cho rằng sau khi phân lập, có thể thiết lập một liên bang, nghĩa là khi Người đòi quyền tự do phân lập không phải để đi đến một sự chia cắt nhỏ ra và sự biệt lập, mà là để thiết lập một sự liên hệ chặt chẽ hơn và dân chủ hơn. Trong mọi trường hợp, khi có những dân tộc bị áp bức và những dân tộc đi áp bức, khi không có một tình huống đặc biệt nào để phân biệt những dân tộc dân chủ cách mạng với những dân tộc phản động (những tình huống đó đã có trong những năm 40 của thế kỷ XIX chẳng hạn), thì chính sách của Mác đối với Ai-rơ-len phải trở thành mẫu mực cho chính sách của giai cấp vô sản. Mà chủ nghĩa đế quốc lại chính là thời kỳ trong đó điều chủ yếu và điển hình là các dân tộc phân chia thành dân tộc đi áp bức và dân tộc bị áp bức, còn ở châu Âu thì hoàn toàn không thể phân biệt các dân tộc thành dân tộc phản động và dân tộc cách mạng được.

Ngay từ năm 1913, đảng ta đã ghi vào nghị quyết về vấn đề dân tộc, rằng những người dân chủ - xã hội nhất thiết phải áp dụng khái niệm tự quyết với ý nghĩa vừa nói ở trên. Và cuộc chiến tranh 1914-1916 đã hoàn toàn xác minh quan điểm của chúng ta.

Chúng ta hãy đọc bài báo mới đây của Cau-xky trên tờ "Neue Zeit" ra ngày 3. III. 1916. Y tuyên bố công khai là *đồng ý* với Au-xtéc-lít, một phần tử sô-vanh cực đoan và có tiếng tăm người Đức ở Áo, tổng biên tập của tờ "Báo công nhân"<sup>104</sup>, một tờ báo sô-vanh ở Viên, đồng ý là không nên "lấn lộn quyền độc lập của một dân tộc với chủ quyền của dân tộc đó". Nói một cách khác: những dân tộc bị áp bức có thể thoả mãn với một nền tự trị dân tộc trong nội bộ một "quốc gia nhiều dân tộc"; không bắt buộc phải đòi cho các dân tộc đó bình quyền về mặt độc lập chính trị. Và ngay sau đó, trong cùng bài báo đó, Cau-xky khẳng định rằng không thể chứng minh rằng "thuộc về nước Nga là một sự tất yếu đối với người Ba-lan" !!!

Như thế nghĩa là gì? Như thế nghĩa là, để làm vừa lòng Hin-den-buốc, Duy-đơ-cum, Au-xtéc-lít và đồng bọn, Cau-xky thừa nhận quyền của nước Ba-lan được *tự do phân lập* khỏi nước Nga, mặc dầu nước Nga là một "quốc gia nhiều dân tộc", nhưng hẳn lại không đả động gì đến quyền của người Ba-lan được tự do phân lập khỏi nước Đức!!! Trong cùng bài báo đó, Cau-xky buộc tội những người xã hội chủ nghĩa Pháp là đã từ bỏ chủ nghĩa quốc tế, viện lý do rằng họ muốn *dùng chiến tranh* để giành tự do cho An-da-xơ - Lo-ren. Còn việc Duy-đơ-cum và đồng bọn ở Đức từ bỏ chủ nghĩa quốc tế, khi chúng từ chối không đòi cho An-da-xơ - Lo-ren được tự do phân lập *khỏi nước Đức*, thì Cau-xky lại không hề đả động tới!

Cau-xky dùng từ ngữ "quốc gia nhiều dân tộc", - mà người ta có thể áp dụng cả cho nước Anh khi nói đến Ai-rơ-len, lẫn cho nước Đức khi nói đến Ba-lan, đến An-da-xơ,

v.v.!, - rõ ràng là nhằm bênh vực chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Cau-xky biến cuộc "đấu tranh chống những sự thôn tính", thành một "*cương lĩnh hoà bình*"... với bọn sô-vanh, thành một sự giả nhân giả nghĩa trắng trợn. Và, cũng trong cùng một bài báo đó, Cau-xky lấp lại những câu nói đường mật theo kiểu I-u-đa: "Mỗi khi có sự xê dịch biên giới của một nước, thì xưa nay, chưa bao giờ Quốc tế lại không yêu cầu phải có sự đồng ý của dân cư hữu quan". Duy-đơ-cum và đồng bọn đòi những người An-da-xơ và những người Bỉ phải "bằng lòng" sáp nhập vào nước Đức, còn Au-xtéc-lít và đồng bọn thì đòi những người Ba-lan và những người Xéc-bi-a phải "bằng lòng" sáp nhập với nước Áo, điều đó chưa phải rõ ràng sao?

Còn tên Cau-xky Nga là Mác-tốp thì sao? Hẳn đã chứng minh trên tờ báo của bọn Gvô-đơ-đép, tờ "Tiếng nói của chúng ta" (Xa-ma-ra), sự thật không thể chối cãi này: quyền tự quyết của các dân tộc chưa dẫn đến kết luận là phải bảo vệ tổ quốc trong chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Nhưng y không hề đả động gì đến điều này: một người dân chủ - xã hội Nga mà không đòi *quyền tự do phân lập* cho các dân tộc bị người Đại Nga áp bức, tức là phản bội nguyên tắc tự quyết, và như thế là Mác-tốp đã chia tay giảng hoà với bọn A-lếch-xin-xki, bọn Gvô-đơ-đép, bọn Pô-tơ-rê-xốp và bọn Plê-kha-nốp! Y cũng không hề đả động gì đến vấn đề đó trong báo chí bí mật! Y tranh luận với Goóc-tơ, người Hà-lan, mặc dầu ông này tuy bác bỏ một cách sai lầm nguyên tắc dân tộc tự quyết, nhưng lại *vận dụng* nguyên tắc đó một cách đúng đắn khi ông ta đòi quyền *độc lập chính trị* cho Nam-dương và vạch trần sự phản bội của bọn cơ hội chủ nghĩa Hà-lan đối với chủ nghĩa xã hội, bọn đã không tán thành quyền độc lập đó. Nhưng Mác-tốp lại không muốn tranh luận với Xem-cốp-xki cùng ở trong ban bí thư với hắn và là người *duy nhất*, trong thời gian từ năm 1912 đến 1915, đã đề cập đến điều đó trên báo chí của phái

thủ tiêu, *phủ nhận* quyền phân lập, phủ nhận quyền tự quyết, nói chung!

Chẳng phải rõ ràng là Mác-tốp cũng "bệnh vực" quyền tự quyết một cách giả nhân giả nghĩa như Cau-xky là gì? Cũng che giấu như Cau-xky ý định của hắn là *dân hoà* với bọn sô-vanh, là gì?

Còn Tơ-rốt-xki? Y ra sức *bệnh vực* quyền tự quyết, nhưng ở Tơ-rốt-xki cũng thế, đó chỉ là một câu nói suông, vì hắn không đòi quyền tự do phân lập cho những dân tộc bị "tổ quốc" của vị xã hội chủ nghĩa dân tộc *áp* áp bức, hắn *không hề đá động* gì đến sự giả nhân giả nghĩa của Cau-xky và phái Cau-xky!

Một cuộc "đấu tranh chống thôn tính" kiểu đó là một sự lừa bịp công nhân, chứ không phải là một *sự giải thích* cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội; đó là một *sự trả lời cho xong chuyện bằng lời nói*, chứ không phải là sự chỉ dẫn cụ thể về nghĩa vụ của những người quốc tế chủ nghĩa; đó là một sự nhượng bộ đối với những thiên kiến của chủ nghĩa dân tộc và những lợi ích ích kỷ của nó (tất cả "chúng tôi", cả những người tư sản lẫn những người xã hội - sô-vanh chúng tôi đều có "lợi" trong việc tổ quốc "chúng tôi" đi áp bức một dân tộc khác!) chứ không phải là một cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc.

"Cương lĩnh hoà bình" của Đảng dân chủ - xã hội trước hết phải vạch trần sự giả nhân giả nghĩa của những câu văn hoa mà bọn tư sản, bọn xã hội - sô-vanh và bọn Cau-xky nói về hoà bình. Đó là điểm trước tiên và cơ bản. Nếu không thì chúng ta đã vô tình hay hữu ý phụ hoạ với *sự lừa bịp* quần chúng. "Cương lĩnh hoà bình" của chúng ta đòi hỏi rằng điểm chủ yếu của phái dân chủ trong vấn đề đó - phản đối những sự thôn tính, - phải được áp dụng trong thực tế chứ không phải chỉ nói đầu miệng; đòi hỏi nó phải phục vụ cho sự tuyên truyền chủ nghĩa quốc tế chứ không phải cho sự giả nhân giả nghĩa của chủ nghĩa

dân tộc. Muốn thế, phải giải thích cho quần chúng hiểu rằng, chỉ khi nào người xã hội chủ nghĩa của *mỗi* dân tộc đòi thực hiện quyền tự do phân lập cho những dân tộc bị dân tộc mình áp bức thì mới là thật tâm bác bỏ những sự thôn tính, *nghĩa là* thừa nhận quyền tự quyết. Cần đưa ra khẩu hiệu: không trả nợ nhà nước vay, lấy đó làm khẩu hiệu tích cực để lôi cuốn quần chúng vào cuộc đấu tranh cách mạng và để giải thích sự cần thiết phải dùng những phương sách cách mạng nhằm thực hiện một nền hoà bình "dân chủ".

Cuối cùng, "cương lĩnh hoà bình" của chúng ta phải giải thích rõ ràng những cương quốc đế quốc chủ nghĩa và giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa *không thể* mang lại cho chúng ta một nền hoà bình dân chủ được. *Phải* tìm lấy và cố gắng giành lấy nền hoà bình đó, *không phải bằng cách nhìn lại phía sau*, phía cái không tưởng phản động về một chủ nghĩa tư bản *không phải* đế quốc chủ nghĩa hay về một khối liên minh các dân tộc bình quyền *dưới* chủ nghĩa tư bản, mà *bằng cách hướng về phía trước*, phía cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản. Không một yêu sách dân chủ cơ bản nào có thể thực hiện được một cách ít nhiều rộng rãi và chắc chắn trong các nước đế quốc chủ nghĩa tiên tiến, ngoài cách *thông qua* những cuộc chiến đấu cách mạng dưới ngọn cờ chủ nghĩa xã hội.

Và kẻ nào hứa hẹn với các dân tộc một nền hoà bình "dân chủ" mà đồng thời lại không tuyên truyền cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà lại từ chối không đấu tranh, một cuộc đấu tranh ngay trong thời gian chiến tranh để thực hiện cuộc cách mạng đó, thì kẻ đó lừa dối giai cấp vô sản.

*Viết khoảng từ ngày 19 tháng*

*Hai đến ngày 7 tháng Ba*

*(3-20 tháng Ba) năm 1916*

*In ngày 25 tháng Ba 1916 trên*

*báo "Người dân chủ - xã hội",*

*số 52*

*Theo đúng bản in trên báo*

**THƯ CỦA BAN CHẤP HÀNH  
CÁC TỔ CHỨC Ở NƯỚC NGOÀI<sup>105</sup>  
GỬI CÁC CHI BỘ ĐẢNG CÔNG NHÂN  
DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA**

Thưa đồng chí! "Báo công nhân"<sup>106</sup>, cơ quan ngôn luận của *phái đối lập* trong Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan, trong số 25 vừa mới xuất bản (đây là *số thứ hai* kể từ lúc chiến tranh bắt đầu), đã đăng những nghị quyết của hội nghị (hội nghị hội đồng biên tập), được thông qua ngay từ *tháng Sáu* 1915.

Những nghị quyết đó vạch rõ rằng: *với tư cách là một tổ chức* (chúng tôi không nói đến từng cá nhân các thành viên của tổ chức đó, trong số này, có một số người như Ra-đếch chẳng hạn, hiện đang làm một công tác cực kỳ hữu ích trong báo chí dân chủ - xã hội Đức), Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan *lại bắt đầu* dao động một cách *hoàn toàn* thiếu khí tiết.

Không có một lời nào phản đối *chủ nghĩa Cau-xky*, không có một lời nào về một cuộc đấu tranh dứt khoát và kiên quyết chống *chủ nghĩa cơ hội*, với tư cách là *nguồn gốc* và là *c h ỗ đ ợ* của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh!! Tất cả những cái đó chỉ có độc một nghĩa thực tế duy nhất là: một lần nữa, sẵn sàng (như ở Bruy-xen, ngày 3 (16). VII. 1914) "chơi" với phái Cau-xky<sup>107</sup>.

Chúng tôi xin trích dẫn toàn bộ nghị quyết chính (tiết IV). Nguyên văn như sau:

"Báo công nhân" của P.S.D. (phái đối lập), số 25 (tháng

Giêng 1916). "Các nghị quyết của hội nghị hội đồng biên tập, họp vào ngày 1-2 tháng Sáu 1915)".

...IV. *Thái độ của Đảng dân chủ-xã hội Ba-lan và Lit-va đối với Đảng công nhân dân chủ-xã hội Nga*<sup>108</sup>.

"Những người dân chủ - xã hội cách mạng Ba-lan cho rằng ở Nga, Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là một tập thể gồm những người cách mạng quốc tế chủ nghĩa kiên quyết nhất, và để cho tổ chức khu có quyền được sau này điều chỉnh lại những mối quan hệ về tổ chức với Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, thì về mặt chính trị, những người dân chủ - xã hội cách mạng Ba-lan sẽ ủng hộ Ban chấp hành đó và sẽ phối hợp hoạt động của họ với Ban chấp hành đó.

Việc những người dân chủ - xã hội Ba-lan và Ban chấp hành trung ương có cùng một lập trường cách mạng trên những điểm căn bản và chủ yếu (wytycznych [*dứt khoát* ?]) trong chính sách của họ, đặt cho Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và Lit-va một trách nhiệm, giống như trước kia, là phải giữ một thái độ phê phán đối với những sự thái quá không thể chối cãi được (wybujalosci [*sự phát triển "rất mạnh" của lúa mì, v.v.*]) trong sách lược của Ban chấp hành trung ương.

Do có ý muốn chính đáng muốn nhấn mạnh rằng giai cấp vô sản phải có thái độ tuyệt đối thù địch đối với chính sách **ăn cướp** của chế độ Nga hoàng. Ban chấp hành trung ương đã đề ra khẩu hiệu *làm cho nước Nga thất bại*, viện lý do là chế độ Nga hoàng, đóng vai trò đặc biệt phản động ở châu Âu và cuộc cách mạng Nga có ý nghĩa đặc biệt; **!!** song, như vậy là Ban chấp hành trung ương mâu thuẫn với phương pháp của chủ nghĩa quốc tế, là phương pháp không cho phép đem những hy vọng và nhiệm vụ của giai cấp vô sản gắn liền với một sự kết cục nào đó của chiến tranh,

!!|| và thậm chí Ban chấp hành trung ương còn cung cấp lý lẽ cho những người xã hội - ái quốc chủ nghĩa Đức nữa.

Ban chấp hành trung ương đã nhấn mạnh một cách đúng đắn là cần phải có một hành động cách mạng để xây dựng một Quốc tế mới, và phản đối một cách đúng đắn mọi mưu toan muốn **xoá mờ** sự xung đột, muốn hàn gắn lại cái Quốc tế cũ đã tan vỡ, nhưng Ban chấp hành trung ương lại đánh giá quá cao tác dụng của việc tự mình tách rời một cách máy móc tất cả những phần tử kém kiên quyết không tán thành a priori<sup>1)</sup> quan điểm của mình, và **quên (przeocza)** rằng nhiệm vụ của **phe (obozu)** cách mạng là không được xua đuổi các phần tử đó, mà phải lôi cuốn họ tham gia đấu tranh chống cái **thủ đoạn bịp bợm (lừa dối)** (szalbierstwem) của chủ nghĩa xã hội - ái quốc và góp phần thúc đẩy quá trình làm cho họ trở nên cấp tiến bằng cách phê phán kịch liệt tính không kiên định của họ về mặt tư tưởng.

Về Ban tổ chức (của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga), **thì hội nghị (narada) xác nhận** rằng **nhóm** chủ yếu của nó, hiện đang ở nước Nga, và **sách báo đại biểu** của nó (ekspozytura literacka), đều đứng trên quan điểm chủ nghĩa xã hội - ái quốc, rằng cánh quốc tế chủ nghĩa - cánh này yếu - của nó không có sức mạnh mà cũng không có can đảm đoạn tuyệt với những người xã hội - ái quốc chủ nghĩa và trung ương của Ban tổ chức có quan điểm hoà bình chủ nghĩa; **hội nghị** cho rằng thái độ của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và Lit-va đối với Ban tổ chức chỉ có thể là phê bình lập trường của ban này, chỉ có thể là góp phần làm cho tổ chức này mau tan rã (rozkladu) và tách khỏi Ban tổ chức đó, **những phần tử** quốc tế chủ nghĩa của nó tập hợp xung quanh tờ "Lời nói của chúng ta", một

<sup>1)</sup> - từ trước, ngay từ đầu

cơ quan ngôn luận đã làm việc rất nhiều để xây dựng (kết tinh) những quan điểm quốc tế chủ nghĩa cách mạng trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Đặc biệt về phái Bun, một thành viên của tổ chức đó (Ban tổ chức), một phái mà lập trường là một mớ còn hồ lớn hơn gồm những yếu tố xã hội - ái quốc chủ nghĩa và hoà bình chủ nghĩa, những yếu tố thân Nga và thân Đức, thì cũng thế.

Trong đoạn văn này, những người dân chủ - xã hội Ba-lan nói là họ muốn "phối hợp" hoạt động của họ với Ban chấp hành trung ương.

Chúng tôi cho rằng nhiệm vụ tuyệt đối của chúng tôi là phải nói với Ban chấp hành trung ương rằng: Ban chấp hành trung ương không nên và *không thể* "phối hợp" hoạt động của mình với Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan được.

Vì sao?

Vì Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan đã có tới một nghìn lẻ một lần tổ ra *dao động* đối với (hoặc nói là đùa với, thì về khách quan cũng vẫn thế thôi) một vấn đề *cơ bản* của đảng ta. Vì không còn nghi ngờ gì nữa, vấn đề cơ bản đối với phong trào dân chủ - xã hội ở Nga hiện nay là vấn đề *phân liệt*.

Chúng tôi quyết không thoả hiệp trong vấn đề này, vì *toàn bộ* kinh nghiệm của phong trào dân chủ - xã hội Nga, đặc biệt trong những năm 1903-1909, hơn nữa là trong những năm 1910 - 1914, và hơn hết là trong những năm 1915-1916, đã làm cho chúng tôi *tin chắc* rằng thống nhất với Ban tổ chức (hoặc, với đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê thì cũng thế) là *có hại* cho phong trào công nhân, thống nhất như thế *làm* cho phong trào công nhân phụ thuộc vào giai cấp tư sản.

Cuộc chiến tranh và "chủ nghĩa Gvô-dơ-đép"<sup>109</sup> đã chứng minh hoàn toàn điểm đó.

Và chính trên vấn đề chủ yếu, cơ bản, căn bản ấy, mà

những người dân chủ - xã hội Ba-lan vẫn luôn luôn *ngả nghiêng*.

Họ không phát biểu *một lờ i n à o* để nói rằng chiến tranh đã làm cho họ tin chắc vào tính tất yếu của sự phân liệt và *t í n h c h ấ t s a i l ầ m* của sách lược của họ ở Bruy-xen (ngày 3 (16). VII. 1914).

Trái lại, họ đã đưa vào bản nghị quyết một *câu* mà người ta có thể cho là đích xác được viết ra chỉ để biện hộ và để một lần nữa *ngả* sang phía Ban tổ chức hay Tơ-khê-ít-dê, một sự *ngả* sang "kiểu Bruy-xen". Câu đó như thế này:

"... Ban chấp hành trung ương đánh giá quá cao tác dụng của việc tách rời một cách máy móc..."

Đó là mấu chốt của vấn đề. Ngoài ra, thì chỉ là nói suông mà thôi. Nếu Ban chấp hành trung ương "đánh giá quá cao" tính tất yếu của sự phân liệt, thì rõ ràng là ngày mai hay ngày kia, Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan có quyền *lại* bỏ phiếu tán thành một nghị quyết mới, theo kiểu Bruy-xen - Cau-xky về "thống nhất".

Đây cũng là cái chủ nghĩa Tư-sca<sup>110</sup> cũ, cái trò cũ rích giữa Ban chấp hành trung ương và Ban tổ chức, cái cách sử dụng cũ theo lối chiết trung (đấy là nói nhẹ thôi) lập trường *ngả nghiêng*.

Nói chung, hay riêng trong nội bộ phái tả Xim-méc-van, chúng tôi đều không mấy may phản đối việc *cộng tác* với Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan; chúng tôi không bênh vực từng *chữ* một trong các nghị quyết của chúng tôi, nhưng trong hai vấn đề: (1) *sự phân liệt ở Nga* và (2) thái độ không điều hoà với chủ nghĩa Cau-xky ở châu Âu, thì *chúng tôi quyết không đi điều hò a*. Chúng tôi cho rằng bổn phận của chúng tôi là phải báo trước cho tất cả các đồng chí thấy rằng *không thể trông cậy* vào những người dân chủ - xã hội Ba-lan được, và phải yêu cầu Ban chấp hành trung ương đừng để cho mình bị lôi cuốn vào việc

lập lại những cuộc thí nghiệm "kiểu Bruy-xen" nữa, và chớ có tin tưởng vào những kẻ đã tiến hành và tham gia các cuộc thí nghiệm ấy.

Chào thân ái *Ban chấp hành các tổ chức ở nước ngoài*

Viết tháng Hai -

tháng Ba 1916

In lần đầu năm 1937 trong

Văn tập Lê-nin, t. XXX

Theo đúng bản thảo

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT  
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
ĐẢNG CÔNG NHÂN  
DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGÀ  
VỀ VIỆC ĐÌNH BẢN TẠP CHÍ  
"NGƯỜI CỘNG SẢN"**

*Không phải để đăng báo:*

Xét thấy rằng:

(1) tạp chí "Người cộng sản" do một ban biên tập báo gồm những thành phần có tính chất liên hiệp, lập ra một cách lâm thời và dưới hình thức thí điểm, khi chưa bộc lộ *một* sự bất đồng nào giữa ban biên tập của Cơ quan ngôn luận trung ương với bộ phận còn lại của ban biên tập, với tư cách là một chính thể, về bất cứ một vấn đề trọng yếu nào;

(2) sau khi ra được số 1 và số 2 của tạp chí "Người cộng sản" thì ba uỷ viên ban biên tập đã đưa ra những sự bất đồng như vậy trong các bản đề cương do họ ký tên, về vấn đề quyền tự quyết;

(3) việc trao đổi ý kiến về vấn đề này đã làm lộ rõ sự bất đồng sâu sắc trong việc đánh giá vai trò của những yêu sách dân chủ và cương lĩnh - tối thiểu nói chung; -

- Ban chấp hành trung ương quyết định: nhận định rằng không thể tiếp tục ra tạp chí "Người cộng sản" nữa và tuyên bố *đình bản tạp chí đó*. -

Thứ nữa. Để *mở rộng* việc tranh luận về những vấn đề tranh cãi và để làm sáng tỏ những vấn đề đó trước số đông hơn nữa các đồng chí lãnh đạo, Ban chấp hành trung ương quyết định:

yêu cầu ba đồng chí đã ký tên vào bản đề cương hãy *trình bày có nêu lý do* những sự bất đồng của họ với ban biên tập của Cơ quan ngôn luận trung ương.

Bản trình bày đó cùng với bản trả lời của ban biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương phải được thông báo rộng rãi hơn nữa tới các cán bộ lãnh đạo của đảng để quyết định *dứt khoát* vấn đề liệu có nên và liệu có cần thiết phải đưa vấn đề ra tranh luận công khai trên báo chí hay không<sup>11</sup>.

Rất tiếc rằng *các đồng chí* kéo dài mãi cái việc "đã quá ngấy" đó. *Tôi nhắc lại* - tôi cũng đã phát ngấy lên khi phải nhắc lại - là tôi *buộc lòng phải khước từ* việc tham gia tạp chí "Người cộng sản".

Kế hoạch của các đồng chí không có tính nguyên tắc và càng *làm cho* cái mớ bòng bong *rối lên* hơn nữa. *Nếu không có* những sự bất đồng sâu sắc về nguyên tắc thì việc đưa vấn đề ra Ban chấp hành trung ương là sự vụ cáo hay là một âm mưu, và bất cứ "một người Nga" nào cũng vạch mặt các đồng chí.

Nếu có, thì cần phải nói *đi ề u đ ó* ra vì rằng sau khi phát hành số 1 và số 2 người ta đã bắt đầu nói lung tung một cách tráo lăm rồi; *chúng tôi từ bỏ trách nhiệm*; chúng tôi cho rằng nhiệm vụ của mình *không* phải là khuyến khích, mà là vạch trần. *Như ư l à m ộ t s ự n h ư ợ n g b ộ*, chúng tôi đề nghị với họ (xem báo khổ nhỏ) tranh luận nữa trước một "nhóm mở rộng" (để khỏi làm cho họ mất mặt trên báo chí; *khỏi đánh gục* ngay họ bằng bút chiến).

{Chỉ với mục đích đó thôi.}

Ngoài một loạt bài của chúng tôi\*, tham gia "*Văn tập* "Người dân chủ - xã hội" của chúng tôi còn có Va-rin + A-lếch-xan-đơ + những bài của thông tin viên + bản cáo

\* "những người viết" cũng đủ sức làm hai văn tập!



trạng (tôi chưa nhận được) + Xa-pha-rốp + người Lát-vi-a + Côn-lôn-tai (có lẽ).

Người ta mời những người Nhật <sup>112</sup> chỉ cốt là để thoả mạ họ. Đối với Bu-kha-rin: chỉ *đặt viết bài* về vấn đề kinh tế.

Ra-đếch *k h ô n g* được mời (bài viết của *y c ó t í n h c h á t h ợ p p h á p* và hiện nay thì bài viết dưới dạng như thế *hoàn toàn không quan trọng gì*). Phải *đấu tranh chống* những luận điểm của y.

Đây là ý kiến của tôi. Tạp chí "Người cộng sản" là một cái *thây ma*, tôi không tham gia vào việc làm sống lại cái thây ma đó.

A-lếch-xan-đrơ (và những công nhân Nga trong Cục) phải đặt vấn đề ra *về mặt nguyên tắc*: chúng tôi *không lấy* vào ban biên tập những ai nói năng lung tung và không muốn học hỏi, thậm chí không muốn chịu khó trình bày ý kiến của mình. Họ muốn *kích* chúng ta *đấu tranh* với P.S.D., điều đó đã rõ ràng, còn họ thì lẩn tránh.

Tạp chí "Người cộng sản" đã đáp ứng nhiệm vụ thời ấy: đoàn kết tất cả mọi người để *chống lại* chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và chủ nghĩa Cau-xky.

Bây giờ thì nhiệm vụ đã **khác rồi**: trước mắt là *c u ộ c đ ấ u tranh* chống "*chủ nghĩa kinh tế*" để quốc chủ nghĩa".

*Salut Lenin*

P. S. Vì sao không *trả lời, đ ả c ử X u - k h a - n ó p đ i G i ơ - n e - v ơ c h ư a*? Tôi gửi tài liệu cho Grim.

Những bản dịch các đề cương **chưa đạt**.

*Viết chậm nhất là ngày 28 tháng Ba (10 tháng Tư) 1916*

*In lần đầu, theo đúng bản thảo*

## ĐỀ ÁN CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA TẠI HỘI NGHỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LẦN THỨ HAI <sup>113</sup>

(*Đề cương* về những điểm sau đây của chương trình nghị sự: 5, 6, 7a, 7b và 8, đấu tranh để chấm dứt chiến tranh, thái độ đối với các vấn đề hoà bình, đối với hoạt động nghị trường và đấu tranh quân chúng, đối với việc triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa).

(I. S. K., sau khi tuyên bố triệu tập Hội nghị đại biểu lần thứ hai, đã đề nghị các tổ chức thảo luận các vấn đề đó và gửi cho bản đề án của họ. Đề cương dưới đây là của đảng ta đáp lại lời đề nghị đó).

1. Cũng như mọi cuộc chiến tranh chỉ là sự kế tục bằng những thủ đoạn bạo lực cái chính sách mà các nước tham chiến và các giai cấp thống trị trong các nước đó đã theo đuổi từ nhiều năm, có khi hàng chục năm ròng, trước chiến tranh, nên hoà bình kết thúc mọi cuộc chiến tranh cũng vậy, cũng chỉ có thể là một sự kết toán và ghi lại những thay đổi thực tế về lực lượng đã đạt được trong quá trình diễn biến của cuộc chiến tranh đó và do kết quả của cuộc chiến tranh nói đó.

2. Chừng nào mà những nền móng của những quan hệ xã hội hiện tại, tức là quan hệ tư sản, vẫn còn y nguyên,

Phản ứng của Đảng Cộng Sản

↗

1. Các nước khác cũng bắt đầu chuyển sang xã hội chủ nghĩa, nhưng ở đây chúng ta phải chú ý đến những đặc điểm riêng của nước ta. (Đảng Cộng Sản Việt Nam đã nêu rõ những đặc điểm này trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên năm 1930).

2. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời phải vận dụng sáng tạo những nguyên tắc này vào thực tiễn của nước ta. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời phải vận dụng sáng tạo những nguyên tắc này vào thực tiễn của nước ta.

3. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời phải vận dụng sáng tạo những nguyên tắc này vào thực tiễn của nước ta. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời phải vận dụng sáng tạo những nguyên tắc này vào thực tiễn của nước ta.

4. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời phải vận dụng sáng tạo những nguyên tắc này vào thực tiễn của nước ta. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải nắm vững những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời phải vận dụng sáng tạo những nguyên tắc này vào thực tiễn của nước ta.

Trang đầu bản thảo của V.I.Lê-nin: "Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai". - Tháng Ba 1916.

Ảnh thu nhỏ

thì chiến tranh đế quốc chủ nghĩa chỉ có thể đưa đến một nền hoà bình kiểu đế quốc chủ nghĩa, nghĩa là chỉ có thể củng cố, mở rộng và tăng cường sự áp bức của tư bản tài chính - tư bản tài chính này đã lớn lên một cách đặc biệt nhanh chóng, không những trước cuộc chiến tranh đó mà cả trong cuộc chiến tranh đó nữa - đối với các dân tộc yếu và các nước yếu. Nội dung khách quan của chính sách mà giai cấp tư sản và chính phủ của *hai* tập đoàn cường quốc lớn đã theo đuổi trước và trong chiến tranh, dẫn đến sự tăng cường áp bức kinh tế, sự nô dịch dân tộc, sự phản động chính trị. Vì vậy, một khi chế độ xã hội tư sản vẫn tồn tại, thì nền hoà bình kết thúc cuộc chiến tranh đó, dù kết cuộc của chiến tranh ra sao, cũng chỉ làm cho địa vị kinh tế và chính trị của quần chúng ngày càng trầm trọng thêm mà thôi.

Cho rằng một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa có thể sản sinh ra được một nền hoà bình dân chủ thì, về mặt lý luận, như thế là không đúng về mặt lịch sử để nghiên cứu chính sách thi hành trước và trong cuộc chiến tranh đó, mà chỉ là đưa ra một câu tầm thường thôi; - về mặt thực tiễn, như thế là lừa dối quần chúng nhân dân bằng cách làm mờ ý thức chính trị của quần chúng, ngụy trang và tô hồng chính sách thực tế của các giai cấp thống trị, cái chính sách đang chuẩn bị cho nền hoà bình sắp tới bằng cách che giấu quần chúng, điều chủ yếu là: không thể có một nền hoà bình dân chủ, nếu không có một loạt cách mạng.

3. Những người xã hội chủ nghĩa không hề gạt bỏ cuộc đấu tranh giành những sự cải cách. Thí dụ, hiện nay trong các nghị viện họ cũng phải bỏ phiếu tán thành mọi sự cải thiện hoàn cảnh của quần chúng, dù chỉ là một sự cải thiện rất nhỏ; tán thành việc cứu tế cho dân cư những vùng bị tàn phá; tán thành giảm nhẹ ách áp bức dân tộc, v.v.. Nhưng tuyên truyền cho những sự cải cách, coi đó là cách

giải quyết những vấn đề mà lịch sử và hoàn cảnh chính trị thực tế đề ra một cách cách mạng, thì như thế hoàn toàn và đơn thuần chỉ là một sự lừa bịp của giai cấp tư sản. Thế mà, chính đó lại là những vấn đề mà cuộc chiến tranh hiện nay đặt ra trước mắt. Đó là những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa đế quốc, nghĩa là của bản thân sự tồn tại của xã hội tư bản chủ nghĩa, những vấn đề về tri hoãn sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản bằng cách chia lại thế giới theo so sánh lực lượng mới giữa các "đại" cường quốc là những cường quốc, trong mấy chục năm gần đây, đã phát triển không những với một tốc độ rất nhanh, mà còn - điều này đặc biệt quan trọng - phát triển một cách cực kỳ không đều. Ngày nay, một hoạt động chính trị có hiệu lực, làm thay đổi so sánh lực lượng trong xã hội chứ không dùng những lời nói suông để lừa dối quần chúng, chỉ có thể có được dưới một trong hai hình thức sau đây: hoặc là giúp giai cấp tư sản dân tộc "nước mình" cướp bóc các nước khác (và gọi sự giúp đỡ đó là "bảo vệ tổ quốc" hay "cứu quốc"), hoặc là giúp cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản, bằng cách ủng hộ và phát triển sự bất mãn đang bắt đầu biểu hiện trong quần chúng ở tất cả các nước tham chiến, bằng cách thúc đẩy các cuộc bãi công và các cuộc biểu tình, v.v., đang chớm nở, bằng cách phát triển và tăng cường những biểu hiện còn yếu ớt đó của cuộc đấu tranh cách mạng quần chúng, để biến những biểu hiện đó thành một cuộc tổng tấn công của giai cấp vô sản nhằm lật đổ giai cấp tư sản.

Cũng như tất cả những bọn xã hội - sô-vanh ngày nay đang lừa dối nhân dân bằng cách dùng những lời nói giả nhân giả nghĩa về cuộc tấn công "phi nghĩa" và sự phòng ngự "chính nghĩa" của tập đoàn tư bản ăn cướp này hay tập đoàn tư bản ăn cướp kia, để làm lu mờ vấn đề chính sách thực tế, tức là chính sách đế quốc chủ nghĩa mà bọn tư bản đang theo đuổi trong cuộc chiến tranh này,

những câu văn hoa về nền "hoà bình dân chủ" cũng vậy, cũng chỉ dùng để lừa dối nhân dân, làm như là cái nền hoà bình sắp tới mà ngay từ giờ, bọn tư bản và các nhà ngoại giao đang chuẩn bị, có thể xoá bỏ "một cách hết sức dễ dàng" cuộc tấn công "phi nghĩa" và lập lại những quan hệ "chính nghĩa", chứ không phải là tiếp tục, phát triển và củng cố cũng vẫn chính sách đế quốc chủ nghĩa, nghĩa là chính sách cướp bóc tài chính, cướp bóc thuộc địa, áp bức dân tộc, phản động chính trị, ra sức tăng cường ách bóc lột tư bản chủ nghĩa bằng đủ mọi cách. Bọn tư bản và các nhà ngoại giao của chúng chính là đang cần đến những tên đầy tớ "xã hội chủ nghĩa" như thế của giai cấp tư sản, để mê hoặc, làm ngu muội và ru ngủ nhân dân bằng những câu văn hoa về "hoà bình dân chủ", để che giấu dưới những câu văn đó cái chính sách thực tế của giai cấp tư sản, để làm cho quần chúng khó nhìn ra được thực chất của chính sách đó và để làm cho quần chúng lãng quên cuộc đấu tranh cách mạng.

4. Cái cương lĩnh hoà bình "dân chủ" mà những người đại diện xuất sắc nhất hiện nay của Quốc tế II đang thảo ra, chính là sự lừa bịp và sự giả nhân giả nghĩa đó của giai cấp tư sản. Thí dụ, Huy-xman ở Đại hội Arnhem<sup>114</sup> và Cau-xky trên báo "Neue Zeit" - tức là những đại biểu có uy tín nhất, chính thức nhất và "có lý luận" nhất của cái Quốc tế đó - đều trình bày cương lĩnh đó như sau: từ bỏ cuộc đấu tranh cách mạng cho đến khi các chính phủ đế quốc chủ nghĩa ký hoà ước và, trong khi chờ đợi, bác bỏ bằng lời nói những cuộc thôn tính và những đảm phụ chiến tranh, đòi quyền tự quyết cho các dân tộc, dân chủ hoá chính sách đối ngoại, mở những toà án trọng tài để xét những cuộc xung đột quốc tế giữa các nước, giải trừ quân bị, thành lập Liên bang châu Âu<sup>115</sup> v.v., v.v..

Cau-xky đã đề lộ ra một cách đặc biệt rõ ràng ý nghĩa

chính trị thật sự của "cương lĩnh hoà bình" đó, khi y nêu ra, để làm bằng chứng cho sự "nhất trí của Quốc tế" về vấn đề đó, rằng các cuộc Hội nghị ở Luân-đôn (II.1915) và ở Viên (IV. 1915) đã nhất trí thừa nhận điểm chủ yếu của cương lĩnh đó, cụ thể là: quyền "độc lập của các dân tộc". Làm như thế, Cau-xky đã công khai tán thành, trước toàn thế giới, sự lừa bịp nhân dân mà bọn xã hội - sô-vanh đang trắng trợn tiến hành, bọn này kết hợp việc thừa nhận bằng lời nói, giả nhân giả nghĩa, vô thưởng vô phạt và không mang lại kết quả gì, "quyền độc lập" của các dân tộc hay là quyền tự quyết của họ, với việc ủng hộ cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa của chính phủ "nước chúng", mặc dầu cuộc chiến tranh đó là do cả *hai* bên tiến hành *bằng cách* vi phạm một cách có hệ thống "quyền độc lập" của các dân tộc nhỏ yếu *nhằm* tăng cường và mở rộng ách áp bức đối với các dân tộc đó.

Ý nghĩa khách quan, của cái "cương lĩnh hoà bình" thịnh hành nhất đó là ở chỗ tăng cường sự phụ thuộc của giai cấp công nhân vào giai cấp tư sản, bằng cách "điều hoà" những người công nhân đang bắt đầu phát triển cuộc đấu tranh cách mạng, với bọn lãnh tụ sô-vanh của họ và bằng cách xoá mờ sự sâu sắc của cuộc khủng hoảng trong phong trào xã hội chủ nghĩa, nhằm quay trở lại tình trạng của những đảng xã hội chủ nghĩa trước chiến tranh, cái tình trạng đã để ra hiện tượng là phần đông những lãnh tụ chạy sang phía giai cấp tư sản. Đối với giai cấp vô sản thì mối nguy hiểm của cái chính sách "Cau-xky chủ nghĩa" đó càng lớn, vì chính sách đó nấp sau những câu văn bóng bẩy và vì không phải nó chỉ được tiến hành ở Đức mà còn được tiến hành ở tất cả các nước nữa. Chẳng hạn, ở Anh, nó được đa số những người lãnh đạo thi hành; ở Pháp, được Long-ghê, Prét-xơ-man, và những người khác thi hành; ở Nga, thì có Ác-xen-rốt, Mác-tốp, Tso-khê-ít-dê và những người khác; Tso-khê-ít-dê che giấu cái tư tưởng sô-vanh

"bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh hiện nay, dưới danh từ "cứu quốc", và một mặt thì tán thành trên đầu lưỡi Hội nghị Xim-méc-van, nhưng mặt khác, trong một bản tuyên bố chính thức của đảng đoàn, hẳn lại tán tưng bài diễn văn khét tiếng của Huy-xman ở Arnheim; trong thực tế, trên diễn đàn của Đu-ma cũng như trên báo chí, hẳn lại không phản đối việc công nhân tham gia các uỷ ban công nghiệp chiến tranh, và hẳn tiếp tục cộng tác với các tờ báo bên vực cho sự tham gia đó. Ở Ý, Tơ-rê-ve-xơ cũng thi hành chính sách như thế: hãy xem báo "*Avanti!*"<sup>116</sup>, Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa Ý; trong số ra ngày 5.III.1916, báo này doạ vạch mặt Tơ-rê-ve-xơ và những người "cải lương thuộc phái khả năng" khác, doạ vạch rõ "ai đã dùng mọi thủ đoạn để làm trở ngại hoạt động của ban lãnh đạo đảng và của Ô-đi-nô Moóc-ga-ri, một hoạt động nhằm đi tới sự Liên hiệp ở Xim-méc-van và đi tới việc thành lập một Quốc tế mới", v.v., v.v..

5. Hiện nay, vấn đề chủ yếu trong các "vấn đề hoà bình" là vấn đề thôn tính. Và chính trong vấn đề đó, người ta thấy rõ ràng hơn hết sự giả nhân giả nghĩa xã hội chủ nghĩa đang chiếm ưu thế hiện nay và những nhiệm vụ của công tác tuyên truyền và cổ động thật sự xã hội chủ nghĩa.

Cần phải giải thích thế nào là thôn tính, vì sao những người xã hội chủ nghĩa phải đấu tranh và đấu tranh như thế nào chống thôn tính. Không thể coi mọi sự sáp nhập lãnh thổ "nước ngoài" đều là thôn tính, vì những người xã hội chủ nghĩa, nói chung, đều tán thành việc xoá bỏ biên giới giữa các nước và việc thành lập những quốc gia lớn hơn; – cũng không thể coi bất cứ sự vi phạm status quo nào cũng đều là thôn tính, vì một thái độ như thế sẽ cực kỳ phản động và sẽ là nhạo báng những khái niệm cơ bản của khoa học lịch sử; – cũng không thể coi mọi sự sáp nhập bằng vũ

lực là thôn tính, vì những người xã hội chủ nghĩa không thể gạt bỏ bạo lực và những cuộc chiến tranh tiến hành vì lợi ích của đa số nhân dân. Chỉ nên coi sự sáp nhập một lãnh thổ *trái với ý muốn* của nhân dân nơi đó là thôn tính; nói một cách khác, khái niệm thôn tính gắn liền mật thiết với khái niệm quyền dân tộc tự quyết.

Nhưng trên cơ sở cuộc chiến tranh hiện nay, chính vì đó là cuộc chiến tranh để quốc chủ nghĩa đối với cả hai tập đoàn cường quốc tham chiến, nên phải xuất hiện và thực tế đã xuất hiện hiện tượng sau đây: giai cấp tư sản và bọn xã hội - sô-vanh "đấu tranh" một cách hăng hái chống những sự thôn tính, khi một nước thù địch đang tiến hành hoặc đã tiến hành những sự thôn tính. Rõ ràng là một cuộc "đấu tranh chống những sự thôn tính" như vậy và một sự "nhất trí" như vậy trong vấn đề những sự thôn tính đều chỉ là sự giả nhân giả nghĩa hoàn toàn. Rõ ràng là những người xã hội chủ nghĩa Pháp bên vực cuộc chiến tranh để giành An-da-xơ - Lo-ren, và những người xã hội chủ nghĩa Đức không đòi cho An-da-xơ - Lo-ren, cho Ba-lan thuộc Đức v.v. được tự do tách khỏi nước Đức, và những người xã hội chủ nghĩa Nga gọi một cuộc chiến tranh nhằm đặt Ba-lan trở lại dưới ách nô dịch của chế độ Nga hoàng, là "cứu quốc", đòi sáp nhập Ba-lan vào nước Nga vì một nền "hoà bình không có thôn tính", v.v., v.v., tất cả những người đó, *trên thực tế*, đều là *những người chủ trương thôn tính*.

Để cuộc đấu tranh chống thôn tính không phải là một sự giả nhân giả nghĩa hay là lời nói suông, để nó thật sự giáo dục tinh thần chủ nghĩa quốc tế cho quần chúng thì cần phải đặt vấn đề sao cho quần chúng hiểu được sự lừa bịp hiện đang thịnh hành trong vấn đề những sự thôn tính, chứ không được che giấu sự lừa bịp đó đi. Người xã hội chủ nghĩa mỗi nước chỉ thừa nhận trên đầu lưỡi sự bình

đăng giữa các dân tộc hay chỉ tuyên bố và thể sống thể chết là mình chống lại sự thôn tính, như thế vẫn chưa đủ. Người xã hội chủ nghĩa mỗi nước phải đòi ngay lập tức và vô điều kiện *quyền tự do phân lập* cho các thuộc địa và các dân tộc bị "tổ quốc" của chính họ áp bức.

Nếu thiếu điều kiện đó, ngay cả trong bản Tuyên ngôn Xim-méc-van, việc thừa nhận quyền tự quyết của các dân tộc và những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế, tốt lắm cũng vẫn chỉ là những hàng chữ chết mà thôi.

6. "Cương lĩnh hoà bình" của những người xã hội chủ nghĩa, cũng như cương lĩnh "đấu tranh để chấm dứt chiến tranh" của họ, phải xuất phát từ chỗ vạch trần sự dối trá về "hoà bình dân chủ", những ý định hoà bình của các nước tham chiến, v.v., sự dối trá mà bọn bộ trưởng mị dân, bọn tư sản hoà bình chủ nghĩa, bọn xã hội - sô-vanh và phái Cau-xky ở khắp các nước, ngày nay, đang truyền bá trong nhân dân. Mọi "cương lĩnh hoà bình" đều là lừa bịp nhân dân và giả nhân giả nghĩa, nếu cương lĩnh đó, trước hết, không dựa trên cơ sở giải thích cho quần chúng thấy tính tất yếu của cách mạng và không dựa trên cơ sở ủng hộ, giúp đỡ, phát triển cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng đang bắt đầu diễn ra khắp nơi (bất mãn, kháng nghị, việc bắt tay thân thiện trong chiến hào, bãi công, biểu tình, thư gửi từ tiền tuyến về cho bà con - như ở Pháp - để họ không mua công trái chiến tranh v.v., v.v.).

Ủng hộ, mở rộng và phát triển sâu mọi phong trào nhân dân đòi chấm dứt chiến tranh, đó là nghĩa vụ của những người xã hội chủ nghĩa. Nhưng, trong thực tế, làm tròn được nghĩa vụ đó, thì chỉ có những người xã hội chủ nghĩa nào, như Liép-nếch, đã từ trên diễn đàn nghị viện, kêu gọi binh lính bỏ súng, và tuyên truyền cho cách mạng, cho việc biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến giành chủ nghĩa xã hội.

Phải nêu ra khẩu hiệu không chịu trả nợ do nhà nước vay, lấy đó làm khẩu hiệu tích cực, lôi cuốn quần chúng vào cuộc đấu tranh cách mạng và giải thích sự cần thiết phải có những biện pháp cách mạng để có khả năng thực hiện một nền hoà bình "dân chủ".

Bản Tuyên ngôn Xim-méc-van chỉ ám chỉ đến cách mạng, khi nói rằng công nhân phải hy sinh cho sự nghiệp của chính mình chứ không phải cho sự nghiệp của người khác, như thế chưa đủ. Phải chỉ ra một cách rõ ràng và khúc chiết cho quần chúng thấy đường đi của họ. Phải làm cho quần chúng biết họ phải đi đến đâu và vì sao phải đi đến đó. Những hành động cách mạng có tính chất quần chúng, trong thời chiến, nếu phát triển thuận lợi, thì chỉ có thể đưa đến chỗ biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến để giành chủ nghĩa xã hội, điều đó thật rõ ràng, và giấu không cho quần chúng biết điều đó, như thế là có hại. Trái lại, phải chỉ rõ mục tiêu đó, dầu cho trong lúc này, lúc mà chúng ta mới bắt đầu đi theo con đường đó, việc đạt được mục tiêu đó có vẻ rất khó khăn. Chỉ nói, như trong Tuyên ngôn Xim-méc-van, rằng "bọn tư bản nói dối khi chúng nói đến bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh hiện nay, rằng trong đấu tranh cách mạng, công nhân không nên tính đến tình thế quân sự của nước họ, thì chưa đủ; phải nói rõ những điều tuyên ngôn đó ám chỉ, tức là: không những bọn tư bản, mà cả bọn xã hội - sô-vanh và phái Cau-xky cũng nói dối, khi chúng cho rằng có thể dùng khái niệm bảo vệ tổ quốc trong cuộc chiến tranh hiện nay, một cuộc chiến tranh có tính chất đế quốc chủ nghĩa; rằng những hành động cách mạng trong thời kỳ chiến tranh đều không thể tiến hành được nếu không làm cho chính phủ "nước mình" có nguy cơ thất bại, và mọi thất bại của chính phủ trong cuộc chiến tranh phản động đều tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng và chỉ có cách mạng mới có thể mang lại một nền hoà bình lâu dài và dân chủ. Cuối cùng,

phải nói với quần chúng rằng không thể mang lại một sự ủng hộ lớn cho cuộc đấu tranh cách mạng mới bắt đầu, cũng không thể phát triển cuộc đấu tranh đó, phê phán bước này hoặc bước khác của cuộc đấu tranh đó, sửa chữa những sai lầm của cuộc đấu tranh đó, phát triển và tăng cường cuộc đấu tranh đó một cách có hệ thống, nếu quần chúng không tự mình lập nên những tổ chức bí mật và một tờ báo không chịu sự kiểm duyệt quân sự, tức là một tờ báo bí mật.

7. Về vấn đề đấu tranh (Aktion) nghị trường của những người xã hội chủ nghĩa, cần nhớ rằng nghị quyết Xim-méc-van không những chỉ đồng tình với 5 đại biểu dân chủ - xã hội thuộc đảng ta trong Đu-ma nhà nước, - những đại biểu này đã bị kết án đầy đi Xi-bi-ri, - mà còn đồng tình với sách lược của họ nữa. Không thể vừa thừa nhận cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, lại vừa chấp nhận việc những người xã hội chủ nghĩa hoàn toàn chỉ hoạt động một cách hợp pháp trong các nghị viện được. Điều đó chỉ mang lại sự bất mãn chính đáng của công nhân, làm cho họ rời bỏ Đảng dân chủ - xã hội để đi theo chủ nghĩa vô chính phủ chống nghị viện hoặc theo chủ nghĩa công đoàn. Cần phải lớn tiếng tuyên bố một cách rõ ràng rằng những nghị sĩ dân chủ - xã hội phải lợi dụng cương vị của họ không những để phát biểu trong các nghị viện, mà còn để hỗ trợ về mọi mặt, ngoài nghị viện, cho tổ chức bí mật và cho cuộc đấu tranh cách mạng của công nhân; rằng quần chúng phải tự mình kiểm tra hoạt động đó của những lãnh tụ của mình, thông qua tổ chức bí mật của mình.

8. Vấn đề triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa là một vấn đề cơ bản và có tính chất nguyên tắc: các đảng cũ và Quốc tế II có thể thống nhất lại được không? Mỗi một bước tiến lên do phong trào công nhân quốc tế thực hiện được theo con đường vạch ra ở Xim-méc-van chỉ ra

một cách ngày càng rõ ràng hơn tính không triệt để của lập trường mà đa số ở Xim-méc-van đã thông qua: một mặt, chính sách của các đảng cũ và của Quốc tế II chẳng khác gì chính sách *tư sản* trong phong trào công nhân, một chính sách phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản chứ không phải lợi ích của giai cấp vô sản (điều sau đây có liên quan đến điểm đó: chẳng hạn như những điều trong Tuyên ngôn Xim-méc-van nói rằng "bọn tư bản" là bọn đã dối trá khi chúng nói về "bảo vệ tổ quốc" trong chiến tranh hiện nay, tiếp đó là cả một loạt những lời tuyên bố còn rõ hơn nữa trong thông tư của Internationale Sozialistische Kommission, ngày 10. II. 1916<sup>117</sup>); mặt khác, Internationale Sozialistische Kommission sợ sự phân liệt với Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa và chính thức hứa là sẽ tự giải tán nếu Cục này lại họp<sup>118</sup>.

Chúng tôi xác nhận rằng lời hứa đó chẳng những không được biểu quyết mà cũng không được thảo luận ở Xim-méc-van.

Nửa năm sau Hội nghị Xim-méc-van đã chứng minh rằng *trong thực tế*, thì trên toàn thế giới, công tác tiến hành theo tinh thần Hội nghị Xim-méc-van - chúng tôi không nói những lời nói suông mà chỉ nói công tác, - đã gắn liền với sự tăng cường và mở rộng sự phân liệt. Ở Đức, những bản tuyên ngôn phản chiến bí mật đã được phát hành, trái với quyết nghị của đảng, nghĩa là một cách phân liệt. Khi nghị sĩ Otto Rühle, người đồng chí thân cận nhất của C.Liép-nếch, công khai tuyên bố rằng trên thực tế đã có hai đảng, một đảng giúp giai cấp tư sản còn đảng kia đấu tranh chống giai cấp tư sản, thì Ruy-lê đã bị nhiều người, kể cả phái Cau-xky, sỉ mắng nhưng không có một ai cải chính điều đó cả. Ở Pháp, Bước-đơ-rông, đảng viên đảng xã hội chủ nghĩa, là một người kiên quyết chống lại sự phân liệt, nhưng đồng thời lại đề nghị với đảng của ông ta một nghị quyết không thừa nhận Ban chấp hành trung ương đảng và Đảng

đoàn nghị viện của đảng (désapprouver Comm. Adm. Perm. và Gr. Parl.), nghị quyết này, nếu được thông qua, chắc chắn sẽ gây ra ngay một sự phân liệt. Ở Anh, trên những trang báo của tờ "Labour Leader" là tờ báo ôn hoà, T. Rus-sel Williams, đảng viên I. L. P., công khai thừa nhận rằng sự phân liệt là không thể tránh khỏi, và đã được nhiều cán bộ địa phương biên thư ủng hộ. Tám gương nước Mỹ có lẽ còn bổ ích hơn, vì ngay ở bên ấy, trong một nước trung lập, hai khuynh hướng đối lập không thể điều hoà được cũng đã xuất hiện trong đảng xã hội chủ nghĩa: một bên là những kẻ ủng hộ cái gọi là "preparedness", nghĩa là ủng hộ chiến tranh, chủ nghĩa quân phiệt và hải quân, và một bên nữa là những người xã hội chủ nghĩa như Ép-ghê-ni Đép-xơ, người trước kia được đảng xã hội chủ nghĩa đưa ra ứng cử tổng thống, thì đã chính là gắn liền với cuộc chiến tranh sắp nổ ra mà công khai tuyên truyền cho nội chiến giành chủ nghĩa xã hội.

Trên thực tế hiện nay, trên toàn thế giới, đã có sự phân liệt rồi; người ta đã thấy có hai chính sách tuyệt đối không thể điều hoà được của giai cấp công nhân đối với chiến tranh. Không nên nhầm mắt trước sự thật đó; như thế sẽ chỉ đưa đến chỗ gieo rắc sự mơ hồ trong quần chúng công nhân, làm lu mờ ý thức của họ, làm khó khăn thêm cho cuộc đấu tranh cách mạng quần chúng mà tất cả những người thuộc phái Xim-méc-van đều chính thức đồng tình, và làm cho ảnh hưởng của những lãnh tụ - mà Internationale Sozialistische Kommission công khai buộc tội, trong bản thông tư ngày 10. II. 1916, là "dẫn" quần chúng "đến sai lầm" và chuẩn bị một "âm mưu" ("Pakt") *chống lại* chủ nghĩa xã hội, tăng thêm lên.

Bọn xã hội - sô-vanh và phái Cau-xky ở tất cả các nước sẽ khôi phục lại Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã bị phá sản. Nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa là giải thích cho quần chúng biết sự phân liệt không thể tránh được

với những kẻ thực hành chính sách của giai cấp tư sản dưới ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội.

*Viết cuối tháng Hai -  
tháng Ba 1916*

*In trên "Bulletin. Internati-onale  
Sozialistische Kommission zu Bern",  
số 4, ngày 22 tháng  
Tư 1916*

*In bằng tiếng Nga ngày 10  
tháng Sáu 1916 trên báo  
"Người dân chủ - xã hội",  
số 54 - 55*

*Theo đúng bản thảo*



## PHÂN LIỆT HAY THỐI NÁT ?

Ngay trong số 35<sup>1)</sup>, báo "Người dân chủ - xã hội" đã đặt vấn đề như vậy khi phát triển, áp dụng vào Đảng dân chủ - xã hội Đức, những tư tưởng cơ bản trong tuyên ngôn về chiến tranh, do Ban chấp hành trung ương Đảng ta công bố<sup>2)</sup>. Và các bạn hãy xem *sự thật* đã chứng minh kết luận đó như thế nào.

Đảng dân chủ - xã hội Đức rõ ràng là đang thối nát. Người đồng chí gần gũi nhất của C.Liếp-nếch là *Ôt-tô Ruy-lê* đã *công khai* ủng hộ sự phân liệt, đây là chưa nói đến nhóm "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức" (I. S. D.<sup>119</sup>) đang đấu tranh *triệt để* với phái Cau-xky giả dối. Báo "Vorwärts" cũng không thể đưa ra được một lý lẽ nghiêm túc và chân thực nào để trả lời đồng chí đó. Trong thực tế, ở Đức có *hai* đảng công nhân.

Ở Anh, T.Rốt-xen Uy-li-am đã phát biểu chủ trương của mình ngay cả trên các trang báo "Labour Leader" (cơ quan ngôn luận trung ương của "Đảng công nhân độc lập"), là tờ báo ôn hoà, hoà bình chủ nghĩa, và ông ta đã được nhiều cán bộ địa phương lên tiếng ủng hộ. Trên tờ "Lời nói của chúng ta", xuất bản tại Pa-ri, một tờ báo theo xu hướng điều hoà, đồng chí *Oóc-nát-xki*, người đã có công lớn khi làm công tác quốc tế ở Anh, đã chủ trương tiến hành việc phân

<sup>1)</sup> Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 117-126.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 15-26.

liệt ngay tức khắc ở nước đó. Bất tất phải nói là chúng ta đều hoàn toàn đồng ý với *Oóc-nát-xki* trong cuộc luận chiến giữa đồng chí ấy với *Ph. Rốt-stanh*, một cộng tác viên của tờ "Người cộng sản", một người đứng trên lập trường của phái Cau-xky.

Ở Pháp, Buốc-đơ-rông là người phản đối kịch liệt việc phân liệt, *nhưng...* lại đưa ra trước đại hội đảng mình một nghị quyết công nhiên không công nhận cả Ban chấp hành trung ương đảng lẫn đảng đoàn nghị viện! Nếu nghị quyết này được thông qua thì như vậy có nghĩa đảng phân liệt ngay tức khắc.

Ở Mỹ, sự thống nhất của "đảng xã hội chủ nghĩa" là sự thống nhất trên hình thức. Thực tế thì một số đảng viên của đảng đó, như Rát-xen, v.v., đều tuyên truyền cho việc "chuẩn bị", đều tán thành tiến hành chiến tranh, mở rộng lục quân và hải quân. Còn một số đảng viên khác, như Ép-ghê-ni Đép-xơ, người được đảng cử ra tranh ghế tổng thống, lại công khai tuyên truyền cho *nội chiến* "trong trường hợp" nổ ra chiến tranh đế quốc chủ nghĩa hoặc, nói cho đúng hơn là, nhân lúc nổ ra chiến tranh đế quốc chủ nghĩa.

Trên toàn thế giới, thực tế hiện đang có hai đảng. Hiện nay, thực ra đã có hai Quốc tế. Và nếu phái đa số ở Xim-méc-van không dám thừa nhận sự thật đó, nếu họ mơ ước có sự thống nhất với những người xã hội - sô-vanh, nếu họ tuyên bố sẵn sàng thực hiện sự thống nhất đó, thì những "ước nguyện tốt" đó, trên thực tế, vẫn chỉ là những ước nguyện suông mà thôi, và chẳng qua chỉ biểu hiện tư tưởng không triệt để và nhút nhát của họ thôi. Ý thức lạc hậu hơn tồn tại.

Viết tháng Hai -  
tháng Tư 1916

In lần đầu năm 1931 trong  
Văn tập Lê-nin, t. XVII

Theo đúng bản thảo

## BÀN VỀ CHỦ NGHĨA SÔ-VANH ĐỨC VÀ CHỦ NGHĨA SÔ-VANH KHÔNG PHẢI ĐỨC <sup>120</sup>

Mọi người đều biết rằng bọn sô-vanh Đức đang khống chế đại đa số những lãnh tụ và viên chức của đảng công nhân mang tên là dân chủ - xã hội, đảng này, trong thực tế, từ nay đã trở thành một đảng công nhân dân tộc - tự do chủ nghĩa. Dưới đây chúng ta sẽ thấy người ta có thể cũng nói như thế đến mức độ nào về những người sô-vanh không phải Đức, như loại các ngài Pô-tơ-rê-xốp, Lê-vi-txơ-ki và đồng bọn. Bây giờ, chúng ta buộc phải nói chính về bọn sô-vanh Đức đó, trong số này, muốn cho công bằng phải kể cả Cau-xky, mặc dầu P. B. Ác-xen-rốt chẳng hạn, bênh vực rất hăng nhưng rất sai cho Cau-xky trong cuốn sách in bằng tiếng Đức của hắn, và gọi Cau-xky là "người quốc tế chủ nghĩa".

Một trong những đặc điểm của chủ nghĩa sô-vanh Đức là ở chỗ "những người xã hội chủ nghĩa" (những người xã hội chủ nghĩa trong dấu ngoặc kép) nói đến quyền độc lập của các dân tộc khác, trừ những dân tộc bị chính dân tộc họ áp bức. Dù điều đó được nói ra một cách công khai hoặc là những kẻ nói ra điều đó được bênh vực, được biện bạch, được che giấu thì cũng chẳng có gì khác nhau lắm.

Bọn sô-vanh Đức, - trong đó có cả Pác-vu-xơ là kẻ đã xuất bản một tờ báo lấy tên là "Cái chuông" mà cộng tác viên là Lên-sơ, Hê-ni-sơ, Grun-van và tất cả đám tôi tớ "xã hội chủ nghĩa" của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa

Đức viết, - sẵn sàng bàn rất dài dòng, chẳng hạn, về vấn đề quyền độc lập của các dân tộc bị nước Anh áp bức. Bọn xã hội sô-vanh Đức, nghĩa là bọn người ngoài miệng là xã hội chủ nghĩa, nhưng thực tế lại là sô-vanh, và toàn bộ báo chí tư sản Đức hiện đang ra sức làm om sòm về cái thái độ vô sỉ, tàn bạo, phản động v.v. của nước Anh ở các nước thuộc địa của nó. Hiện giờ, báo chí Đức đang nói rất nhiều, với một niềm vui sướng thâm độc, nói một cách hăng say và khoái trí, về phong trào giải phóng của Ấn-độ.

Những nguyên nhân khiến giai cấp tư sản Đức vui mừng một cách độc địa như vậy không có gì là khó hiểu cả: nó hy vọng cải thiện được tình hình quân sự của nó bằng cách nhen lên ở Ấn-độ sự bất mãn và phong trào chống lại nước Anh. Đây rõ ràng là những hy vọng ngu ngốc, vì đứng ở bên ngoài, từ xa mà muốn tác động bằng một thứ tiếng khác, đến đời sống của một dân tộc đông hàng trăm triệu người và có một đặc điểm riêng, muốn tác động đến dân tộc đó, không phải một cách liên tục mà một cách ngẫu nhiên, chỉ trong thời gian có chiến tranh thôi, thì sự tác động như vậy chẳng lớn lao gì, thật sự chẳng lớn lao gì. Điều đó tỏ ra rằng giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa ở Đức muốn tự an ủi mình, muốn lừa dối nhân dân Đức, làm cho nhân dân Đức không chú ý đến tình hình trong nước mà chú ý đến tình hình ngoài nước, nhiều hơn là có ý định thật sự tác động đến Ấn-độ.

Nhưng rất tự nhiên là người ta đi tới chỗ đặt ra một vấn đề lý luận chung: tính chất lừa bịp của những nghị luận đó chính là ở chỗ nào? muốn vạch mặt sự giả nhân giả nghĩa của bọn đế quốc Đức thì có cách nào chắc chắn, không thể sai lầm không? Vì về mặt lý luận mà trả lời được đúng vấn đề xem tính chất lừa bịp là ở chỗ nào thì luôn luôn vạch mặt được bọn giả nhân giả nghĩa có xu hướng - vì những lý do quá dễ hiểu, - ngụy trang sự lừa bịp của chúng, che giấu sự lừa bịp đó, tô điểm cho sự lừa bịp đó bằng những câu văn bóng bẩy, bằng mọi thứ câu nói suông,

bất kể là những câu như thế nào, kể cả những câu về chủ nghĩa quốc tế. Ngoài miệng thì những bọn như Lên-sơ, Duy-đơ-cum và Sai-đê-man, tất cả những tên tay sai đó của giai cấp tư sản Đức, rủi thay, bọn này lại là đảng viên của cái đảng Đức gọi là "dân chủ - xã hội" - đều tự xưng là những người theo chủ nghĩa quốc tế. Cần phải xét người theo việc làm chứ không phải theo lời nói. Điều đó mọi người đều biết từ lâu. Ở Nga, ai là người xét những ông như Pô-tơ-rê-xốp, Lê-vi-txơ-ki, Bun-kin và đồng bọn, theo lời nói của họ? Rõ ràng là không có ai cả.

Nguồn gốc của sự lừa bịp của bọn sô-vanh Đức chính là ở chỗ trong khi chúng to tiếng tuyên bố đồng tình với quyền độc lập của các dân tộc bị áp bức bởi một nước là kẻ thù của chúng trong chiến tranh, tức là nước Anh, lại lờ đi một cách nhũn nhặn - và đôi khi thật là quá nhũn nhặn - không nói đến quyền độc lập của các dân tộc bị dân tộc *của chính chúng* áp bức.

Hãy xem, người Đan-mạch chẳng hạn. Khi sáp nhập vùng Slê-xvích, nước Phổ, cũng giống như tất cả những cường quốc "lớn", cũng đã chiếm một vùng có người Đan-mạch ở. Quyền lợi của dân cư đó bị vi phạm một cách rõ rệt đến nỗi khi nước Áo, căn cứ vào hoà ước Pra-ha ký ngày 23 - 30 tháng Tám 1866, nhường cho nước Phổ "quyền" của mình đối với vùng Slê-xvích thì trong hoà ước quy định rằng cần phải tổ chức một cuộc trưng cầu ý kiến tự do trong dân cư các quận phía Bắc vùng Slê-xvích, để biết ý muốn của họ về việc sáp nhập vào Đan-mạch và sự sáp nhập đó sẽ được thực hiện, nếu họ trả lời có. Nước Phổ đã không thi hành điều khoản đó và năm 1878, đã đạt được việc xoá bỏ cái điều kiện rất "khó chịu" đó đối với nó.

Ph. Ăng-ghen là người không phải không quan tâm đến chủ nghĩa sô-vanh của các dân tộc nước lớn, đã đặc biệt chỉ rõ việc nước Phổ vi phạm như vậy các quyền của một dân tộc nhỏ yếu<sup>121</sup>. Nhưng bọn xã hội - sô-vanh Đức ngày

nay, ngoài miệng thì thừa nhận quyền tự quyết của các dân tộc, cũng như Cau-xky ngoài miệng cũng thừa nhận quyền đó, nhưng, thực tế thì trước kia và ngày nay, chúng không bao giờ tiến hành một công tác tuyên truyền dân chủ triệt để và kiên quyết cho sự giải phóng một dân tộc bị áp bức, một khi ách áp bức đó là sự áp bức của dân tộc "của chính chúng". Đây là thực chất của vấn đề. Đây là mấu chốt của vấn đề chủ nghĩa sô-vanh và là điểm mấu chốt mà ta cần vạch mặt chủ nghĩa sô-vanh.

Ở nước ta, người ta nói châm biếm nhiều rằng tờ "Lá cờ Nga"<sup>122</sup> nhiều khi có thái độ hình như tên nó là "Lá cờ Phổ". Nhưng vấn đề không hạn chế ở tờ "Lá cờ Nga", vì các ngài Pô-tơ-rê-xốp, Lê-vi-txơ-ki và đồng bọn ở nước ta cũng lập luận về mặt nguyên tắc hết theo cùng một kiểu với Lên-sơ, Cau-xky và đồng bọn. Cứ nhìn qua tờ "Buổi sáng công nhân" của phái thủ tiêu chẳng hạn, các bạn sẽ hoàn toàn thấy trong đó cùng những luận cứ và cách lập luận "Phổ", hay nói cho đúng hơn là những luận cứ và cách lập luận sô-vanh chủ nghĩa - quốc tế. Chủ nghĩa sô-vanh vẫn là chủ nghĩa sô-vanh, dù cho nhãn hiệu dân tộc của nó là gì và dù cho nó được che giấu bằng những câu văn hoà bình chủ nghĩa như thế nào đi nữa.

"Vấn đề bảo hiểm xã hội",  
số 5 (54), ngày 31 tháng  
Năm 1916

Theo đúng bản thảo

---

---

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC,  
GIAI ĐOẠN TỆ CÙNG  
CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN<sup>123</sup>  
(KHÁI LUẬN PHỔ THÔNG)

*Viết tháng Giêng -  
tháng Sáu 1916*

*Nhà xuất bản "Cánh bướm" in  
lần đầu tiên thành sách riêng  
vào giữa năm 1917 ở Pê-tơ-rô-  
grát; lời tựa viết cho các lần  
xuất bản bằng tiếng Pháp và  
tiếng Đức, được in lần đầu năm  
1921 trên tạp chí "Quốc tế cộng  
sản", số 18*

*Theo đúng bản thảo, có đôi  
chiếu với bản in trong sách;  
lời tựa viết cho các lần  
xuất bản bằng tiếng Pháp  
và tiếng Đức - theo  
đúng bản in trên tạp chí*

## LỜI TỰA

Cuốn sách nhỏ mà tôi giới thiệu cùng độc giả đây, tôi đã viết vào mùa xuân 1916, ở Xuy-rích. Trong những điều kiện làm việc lúc bấy giờ ở đây, cố nhiên là tôi thiếu một số sách Pháp và Anh và rất nhiều sách Nga. Tuy vậy, tôi đã sử dụng một tác phẩm chủ yếu xuất bản ở Anh, bàn về chủ nghĩa đế quốc, tức là cuốn sách của Gi. A. Hốp-xơn, với tất cả sự chú ý mà tôi cho là cuốn sách đó xứng đáng.

Khi viết cuốn sách nhỏ này, tôi đã viết sao cho qua được con mắt kiểm duyệt của Nga hoàng. Vì vậy, tôi không những bị bắt buộc phải tự giới hạn hết sức chặt chẽ trong việc phân tích về mặt lý luận thuần túy - đặc biệt là về mặt kinh tế - mà còn chỉ nêu lên một cách hết sức thận trọng một số ít nhận xét cần thiết về mặt chính trị bằng cách nói bóng, theo cách nói của Ê-dốp - cách nói đáng ghét của Ê-dốp - mà chế độ Nga hoàng buộc tất cả các nhà cách mạng phải dùng đến mỗi khi họ cầm bút viết một tác phẩm "hợp pháp".

Hiện nay, trong những ngày tự do, tôi thấy khổ tâm khi đọc lại những đoạn đã bị bóp méo đi trong cuốn sách nhỏ này vì nghĩ đến chế độ kiểm duyệt Nga hoàng, những đoạn đã bị gò ép như bị kẹp trong hai gọng kìm thép. Để trình bày rằng chủ nghĩa đế quốc là đềm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa; rằng chủ nghĩa xã hội - xô-vanh (tức là chủ nghĩa

xã hội trên đầu lưỡi, còn trên việc làm lại là chủ nghĩa xô-vanh) là một sự phản bội hoàn toàn chủ nghĩa xã hội, là một sự chuyển hoàn toàn sang phía giai cấp tư sản; rằng sự phân liệt ấy trong phong trào công nhân gắn liền với những điều kiện khách quan của chủ nghĩa đế quốc, v.v. - tôi đã phải dùng lối nói của "người nô lệ", và giờ đây, đối với độc giả nào quan tâm đến vấn đề ấy, tôi buộc phải giới thiệu với họ tập in lại những bài báo tôi đã viết ở nước ngoài từ năm 1914 đến năm 1917, sẽ tái bản nay mai. Đặc biệt, cần phải nêu lên một đoạn của cuốn sách này, từ trang 119 đến 120<sup>1)</sup>; để giải thích, dưới một hình thức mà kiểm duyệt có thể cho phép, cho độc giả thấy được những lời đối trá vô liêm sỉ của bọn tư bản, cũng như của bọn xã hội - xô-vanh (mà Cau-xky đã đấu tranh chống lại một cách hết sức không triệt để) đã chạy sang phía bọn tư bản, về vấn đề những cuộc thôn tính, và chúng đã *che đậy* một cách vô liêm sỉ đến chừng nào những cuộc thôn tính của bọn tư bản *nước chúng*, - tôi đã buộc lòng phải lấy... Nhật-bản làm ví dụ! Độc giả nào chú ý, sẽ có thể dễ dàng lấy... Nga thay cho Nhật-bản, lấy Phần-lan, Ba-lan, Cuốc-li-an-đi-a, U-cra-i-na, Khi-va, Bu-kha-ra, E-xơ-li-an-đi-a và các miền khác mà dân cư ở đó không phải là người Đại Nga, để thay cho Triều-tiên.

Tôi hy vọng rằng cuốn sách nhỏ của tôi sẽ giúp vào sự hiểu biết một vấn đề kinh tế cơ bản mà nếu không nghiên cứu thì sẽ không hiểu được tí gì về sự đánh giá cuộc chiến tranh hiện nay và chính trị hiện nay, cụ thể là vấn đề thực chất kinh tế của chủ nghĩa đế quốc.

*Tác giả*

Pê-tơ-rô-grát. 26 tháng Tư 1917.

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 532-533.

## LỜI TỰA VIẾT CHO CÁC BẢN TIẾNG PHÁP VÀ TIẾNG ĐỨC <sup>124</sup>

### I

Như đã nói trong lời tựa cho bản tiếng Nga, cuốn sách này tôi viết vào năm 1916 và đã viết sao cho qua được con mắt kiểm duyệt của Nga hoàng. Hiện nay tôi không thể sửa lại cả cuốn sách này; hơn nữa, sửa lại có lẽ cũng không hợp lý, vì nhiệm vụ cơ bản của cuốn sách này trước sau vẫn là: dựa theo những tài liệu tổng hợp không thể tranh cãi được của thống kê tư sản và những lời thú nhận của các học giả tư sản ở tất cả các nước, nêu rõ *tình hình tổng quát* của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa toàn thế giới, trong những quan hệ quốc tế của nó, vào đầu thế kỷ XX, ngay trước khi xảy ra cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới lần thứ nhất.

Đối với nhiều người cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến, nếu lấy cuốn sách này, cuốn sách *hợp pháp xét theo quan điểm của chế độ kiểm duyệt của Nga hoàng*, làm ví dụ để nhận rõ khả năng - và sự cần thiết - lợi dụng ngay cả những điều kiện hợp pháp mỏng manh còn lại mà họ còn có thể có được, chẳng hạn, ở nước Mỹ hiện tại hoặc ở Pháp sau những vụ bắt bớ hầu hết những người cộng sản trong thời gian gần đây, để giải thích tất cả sự đối trá của những quan điểm hoà bình - xã hội và những hy vọng vào một nền "dân chủ thế giới", - thì như thế phần nào thậm chí cũng không phải là vô ích. Còn những điều bổ sung cần thiết nhất cho cuốn sách này, được viết dưới chế độ kiểm duyệt, thì tôi sẽ cố gắng nêu lên trong lời tựa này.

### II

Trong cuốn sách này, tôi đã chứng minh rằng cuộc chiến tranh 1914 - 1918, đối với cả hai phe, đều là một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa (nghĩa là một cuộc chiến tranh xâm lược, cướp bóc, ăn cướp), một cuộc chiến tranh để chia thế giới, để chia và chia lại các thuộc địa, các "khu vực ảnh hưởng" của tư bản tài chính, v.v..

Vì muốn chứng minh tính chất xã hội thật sự, hay nói cho đúng hơn, tính chất giai cấp thật sự của cuộc chiến tranh, thì cố nhiên là không thể căn cứ vào lịch sử ngoại giao của cuộc chiến tranh, mà phải căn cứ vào sự phân tích địa vị *khách quan* của *các giai cấp* cầm đầu trong *tất cả* các cường quốc tham chiến. Để vạch rõ địa vị khách quan ấy, không nên lấy những ví dụ hay những tài liệu lẻ tẻ (vì các hiện tượng trong đời sống xã hội cực kỳ phức tạp, nên bao giờ người ta cũng có thể tìm được, với một số lượng bao nhiêu cũng có, những ví dụ hoặc tài liệu lẻ tẻ để chứng minh cho bất cứ một luận điểm nào), mà nhất thiết phải lấy *toàn bộ* các tài liệu về những cơ sở của đời sống kinh tế của *tất cả* các cường quốc tham chiến và của *toàn* thế giới.

Chính những tài liệu tổng hợp không thể bác bỏ được ấy, tôi đã dẫn ra trong bảng tình hình *phân chia thế giới* năm 1876 và 1914 (§ 6) và bảng tình hình phân chia *các đường sắt* trên toàn thế giới năm 1890 và 1913 (§ 7). Đường sắt là kết quả của những ngành chủ yếu nhất của công nghiệp tư bản chủ nghĩa, của công nghiệp than đá và luyện thép; là kết quả và là những chỉ tiêu rõ rệt nhất về sự phát triển của thương nghiệp thế giới và nền văn minh dân chủ - tư sản. Đường sắt gắn liền như thế nào với sản xuất lớn, với các tổ chức độc quyền, với các xanh-đi-ca, các-ten, tơ-rót, ngân hàng, với bọn đầu sỏ tài chính, - điều đó đã được chỉ rõ trong các chương đầu của cuốn sách này. Sự

Н. ЛЕНИНЪ (ВЛ. ИЛЬИНЪ).

**ИМПЕРИАЛИЗМЪ,  
КАКЪ НОВѢЙШІЙ ЭТАПЪ  
КАПИТАЛИЗМА.**

(Популярный очеркъ).

---

СКЛАДЪ ИЗДАНИЯ:  
Книжный складъ и магазинъ „Жизнь и Знаніе“  
Петроградъ, Поварской пер., 2, кв. 9 и 10. Тел. 227—42.  
1917 г.

Bìa ngoài cuốn sách của V. I. Lê-nin  
”Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng  
của chủ nghĩa tư bản”. — 1917.

*Ảnh thu nhỏ*

phân phối và sự phân phối không đều mạng lưới đường sắt, sự phát triển không đều của mạng lưới ấy, đó là kết quả của chủ nghĩa tư bản hiện đại, chủ nghĩa tư bản độc quyền, trên phạm vi toàn thế giới. Và những kết quả ấy chứng tỏ rằng trên một cơ sở kinh tế *như thế*, những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa là điều tuyệt đối không thể tránh được, *chùng nào* mà chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất vẫn còn tồn tại.

Công trình xây dựng đường sắt tưởng chừng như là một doanh nghiệp bình thường, tự nhiên, dân chủ, có tính chất khai hoá; dưới con mắt của bọn giáo sư tư sản được trả tiền để tô son trát phấn cho chế độ nô lệ tư bản chủ nghĩa, cũng như dưới con mắt của bọn phi-li-xtanh tiểu tư sản, thì công trình ấy là như thế. Sự thật, những mối liên hệ tư bản chủ nghĩa ràng buộc những doanh nghiệp ấy, bằng muôn nghìn chiếc lưới, với chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất nói chung, đã biến công trình ấy thành một công cụ áp bức *một tỷ* người (ở thuộc địa và nửa thuộc địa), nghĩa là hơn một nửa dân số thế giới trong các nước phụ thuộc, và những người nô lệ làm thuê cho tư bản trong các nước "văn minh".

Chế độ tư hữu dựa trên lao động của người tiểu chủ, tự do cạnh tranh, chế độ dân chủ, - tất cả những khẩu hiệu đó mà bọn tư bản và báo chí của chúng dùng để lừa bịp công nhân và nông dân, đã lỗi thời từ lâu rồi. Chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành một hệ thống có tính chất toàn thế giới của một nhóm nhỏ các nước "tiên tiến" đi áp bức thuộc địa và dùng tài chính để bóp nghẹt đa số nhân dân thế giới. Và việc chia cái "của ăn cướp được" ấy đang diễn ra giữa 2 - 3 nước ăn cướp hùng cường nhất thế giới, được vũ trang từ đầu đến chân (Mỹ, Anh, Nhật), những nước này, vì để chia cái của mà *chúng* đã ăn cướp được ấy, đang lôi cuốn toàn trái đất vào cuộc chiến tranh *của chúng*.

### III

Hoà ước Brét - Li-tốp-xơ<sup>125</sup> do nước Đức quân chủ bắt ký, rồi đến hoà ước Véc-xây<sup>126</sup> tàn nhẫn và bỉ ổi hơn nhiều, do các nước cộng hoà "dân chủ" Mỹ và Pháp cùng với nước Anh "tự do" bắt ký, đã làm được một việc hết sức có ích cho loài người là đã vạch trần bọn bồi bút làm thuê của chủ nghĩa đế quốc và bọn tiểu thị dân phản động, bọn này, mặc dù tự xưng là những người hoà bình chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, đã ca tụng "chủ nghĩa Uyn-xơn"<sup>127</sup> và chứng minh rằng trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc, có khả năng đạt được hoà bình và có khả năng thực hiện những cuộc cải cách.

Hàng chục triệu người chết và tàn phế do chiến tranh để lại - một cuộc chiến tranh để quyết định xem trong những nhóm tài chính ăn cướp, nhóm nào, Anh hay Đức được hưởng phần chiến lợi phẩm lớn hơn, rồi tiếp đó là hai bản "hoà ước" nói trên, - tất cả những cái đó đang mở mắt, một cách nhanh chóng chưa từng thấy, cho hàng triệu và hàng chục triệu người bị giai cấp tư sản áp bức, chà đạp, lừa bịp và phỉnh phờ. Thế là trên miếng đất của tình trạng điều tàn trên toàn thế giới do chiến tranh gây nên, cuộc khủng hoảng cách mạng toàn thế giới đang phát triển, cuộc khủng hoảng này mặc dầu phải trải qua những biến cố kéo dài và gay go đến thế nào chẳng nữa, thì cũng chỉ có thể kết thúc bằng cuộc cách mạng vô sản và bằng sự thắng lợi của cách mạng vô sản mà thôi.

Bản Tuyên ngôn Ba-lơ của Quốc tế II, năm 1912, đã nhận định chính là về cuộc chiến tranh nổ ra năm 1914, chứ không phải nhận định về chiến tranh nói chung (chiến tranh có nhiều loại, cũng có cả những cuộc chiến tranh cách mạng nữa), bản tuyên ngôn đó vẫn còn là một tấm bia phôi trần tất cả sự phá sản nhục nhã và tất cả sự phản bội của các tay hảo hán trong Quốc tế II.



Vì vậy, tôi cho in lại bản tuyên ngôn ấy trong phần phụ lục của cuốn sách này và lại một lần nữa, tôi xin lưu ý các độc giả rằng bọn hảo hán của Quốc tế II hết sức tránh những đoạn nào, trong bản tuyên ngôn ấy, đã nói một cách chính xác, rõ ràng và trực tiếp đến mối liên hệ giữa chính cuộc chiến tranh sắp tới đó với cuộc cách mạng vô sản, - tránh một cách cẩn thận như một tên ăn trộm cố tránh nơi hắt đã lấy trộm.

#### IV

Trong cuốn sách nhỏ này, tôi đặc biệt chú ý phê phán "chủ nghĩa Cau-xky", một trào lưu tư tưởng quốc tế mà đại biểu của nó ở khắp các nước trên thế giới là những "nhà lý luận trừ danh nhất", những lãnh tụ của Quốc tế II (ở Áo, có Ốt-tô Bau-ơ và đồng bọn; ở Anh có Ram-xây Mác - Đô-nan và những kẻ khác nữa; ở Pháp có An-be Tô-ma, v.v. và v.v.), và rất nhiều những người xã hội chủ nghĩa, cải lương chủ nghĩa, hoà bình chủ nghĩa, dân chủ tư sản và linh mục.

Trào lưu tư tưởng ấy, một mặt là sản phẩm của sự tan rã và sự thối nát của Quốc tế II, và mặt khác là thành quả tất nhiên của hệ tư tưởng của bọn tiểu tư sản, bọn đã bị toàn bộ hoàn cảnh sinh hoạt cầm tù trong khuôn khổ những định kiến tư sản và dân chủ.

Những quan điểm đó của Cau-xky và của những kẻ tương tự là sự hoàn toàn rời bỏ chính những nguyên lý cách mạng của chủ nghĩa Mác, những nguyên lý mà Cau-xky đã bênh vực hàng chục năm, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào xã hội chủ nghĩa (chủ nghĩa cơ hội của Béc-stanh, Min-lơ-răng, Hen-đman, Gôm-póc-xơ, v.v.). Cho nên, không phải là ngẫu nhiên mà ngày nay trên khắp thế giới, "phái Cau-xky", trong lĩnh vực thực tiễn - chính trị, đã liên kết với bọn cơ

hội cực đoan (thông qua Quốc tế II hay Quốc tế vàng<sup>128</sup>) và với các Chính phủ tư sản (thông qua các Chính phủ liên hiệp tư sản trong đó có các đảng viên xã hội chủ nghĩa tham gia).

Phong trào cách mạng vô sản nói chung, và phong trào cộng sản nói riêng, đang lớn lên trên toàn thế giới, không thể bỏ qua không phân tích và vạch trần những sai lầm lý luận của "chủ nghĩa Cau-xky". Việc đó lại càng phải làm, vì chủ nghĩa hoà bình và "chủ nghĩa dân chủ" nói chung, - hai trào lưu ấy hoàn toàn không tự nhận mình là chủ nghĩa Mác, nhưng cũng giống hệt như Cau-xky và đồng bọn, hai trào lưu ấy đang làm lu mờ tính chất sâu sắc của những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc và tính tất yếu của cuộc khủng hoảng cách mạng do chủ nghĩa đế quốc gây ra, - những trào lưu ấy đang còn hết sức thịnh hành trên toàn thế giới. Đấu tranh chống các trào lưu ấy là điều bắt buộc đối với đảng của giai cấp vô sản, đảng phải giành lại từ tay giai cấp tư sản những người tiểu chủ bị giai cấp đó lừa bịp, cũng như phải giành lại hàng triệu người lao động hiện đang sống trong những điều kiện sinh hoạt ít nhiều mang tính chất tiểu tư sản.

#### V

Cần phải nói vài lời về chương VIII: "Tính ăn bám và sự thối nát của chủ nghĩa tư bản". Như đã nói trong nội dung quyển sách này, Hin-phéc-đinh - nguyên là một "người mác-xít", ngày nay là bạn chiến đấu của Cau-xky và là một trong những đại biểu chủ yếu của chính sách tư sản, cải lương chủ nghĩa trong "Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức"<sup>129</sup> - trong vấn đề này đã thụt lùi so với Hốp-xơn, một người Anh công khai theo chủ nghĩa hoà bình và chủ nghĩa cải lương. Ngày nay sự phân liệt có tính chất quốc tế trong toàn bộ phong trào công nhân đã hoàn toàn bộc lộ rõ rồi

(Quốc tế II và III). Cuộc đấu tranh vũ trang và cuộc nội chiến giữa hai trào lưu cũng đã trở thành sự thật: ở Nga, bọn men-sê-vích và bọn "xã hội chủ nghĩa - cách mạng" ủng hộ bọn Côn-tsắc và Đê-ni-kin chống lại những người bôn-sê-vích; ở Đức, những người theo phái Sai-đê-man, Nô-xkê và đồng bọn, đi với giai cấp tư sản chống phái Xpác-ta-cút<sup>130</sup>; ở Phần-lan, Ba-lan, Hung-ga-ri, v.v. , tình hình cũng thế. Vậy cơ sở kinh tế của hiện tượng lịch sử có tính chất toàn thế giới đó là ở chỗ nào?

Chính là ở tính ăn bám và sự thối nát của chủ nghĩa tư bản, những nét đặc trưng của giai đoạn lịch sử tột cùng của nó, tức là chủ nghĩa đế quốc. Như cuốn sách này đã chứng minh, ngày nay chủ nghĩa tư bản đã tách ra *một nhóm nhỏ* những quốc gia đặc biệt giàu và mạnh (gồm dưới một phần mười dân số thế giới, và nếu tính thật "rộng rãi" và tính quá tay đi nữa, thì cũng chỉ gồm dưới một phần năm), các quốc gia này cướp bóc toàn thế giới chỉ giản đơn bằng lối "cắt phiếu". Tính theo giá trước chiến tranh và theo thống kê tư sản trước chiến tranh, thì việc xuất khẩu tư bản đang đem lại một số thu nhập hàng năm từ 8 đến 10 tỷ phrăng. Ngày nay, cố nhiên còn nhiều hơn thế nữa.

Dĩ nhiên là với món *siêu lợi nhuận* khổng lồ ấy (vì số lợi nhuận này là kiếm được thêm ngoài số lợi nhuận mà bọn tư bản bòn rút được của công nhân nước "chúng"), người ta *có thể mua chuộc* những lãnh tụ công nhân và tầng lớp trên trong công nhân quý tộc. Và bọn tư bản các nước "tiên tiến" chính đang mua chuộc họ như vậy, mua chuộc bằng hàng nghìn thủ đoạn, trực tiếp hay gián tiếp, công khai hay che đậy.

Lớp công nhân tư sản hoá hay "công nhân quý tộc" đó, – hoàn toàn mang tính chất tiểu thị dân, xét về lối sống và mức tiền lương, xét về toàn bộ thế giới quan của họ, – là cột trụ chủ yếu của Quốc tế II, và ngày nay là

*chỗ dựa xã hội* (chứ không phải quân sự) chủ yếu của *giai cấp tư sản*. Vì họ là những tay sai thật sự của giai cấp tư sản trong phong trào *công nhân*, những công nhân tay chân của giai cấp tư bản (labor lieutenants of the capitalist class), những tay sai truyền bá chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa sô-vanh. Trong cuộc nội chiến giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, một số không ít trong bọn họ nhất định đứng vào hàng ngũ giai cấp tư sản, vào phía "phái Véc-xây"<sup>131</sup> chống lại "các chiến sĩ Công xã".

Không hiểu rõ gốc rễ kinh tế của hiện tượng ấy, không đánh giá được ý nghĩa chính trị và xã hội của nó, thì không thể nào tiến được một bước trong việc giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn của phong trào cộng sản và của cuộc cách mạng xã hội sắp đến.

Chủ nghĩa đế quốc là đềm trước của cuộc cách mạng xã hội của giai cấp vô sản. Điều này đã được xác nhận từ năm 1917, trên quy mô toàn thế giới.

Ngày 6 tháng Bảy 1920

N. Lê-nin

Империализм, как высшая  
стадия капитализма.  
(полуправда о нем).

За последние 15-20 лет, особенно после испано-американской (1898) и англо-бурской (1899-1902) войн, экономическая, а также политическая, температура старого и нового света все чаще и чаще оттаивается на понятие "империализм" для характеристики переживаемой нами эпохи. В 1902 году в Лондоне и Нью-Йорке вышло в свет сочинение английского экономиста Др. А. Гобсона: "Империализм". Автор, стоящий на почве зрелой буржуазного социаль-реформизма и пацифизма — однородной, в сущности, с теоретической позицией бывшего марксиста К. Каутского, — дает очень хорошее и обстоятельное описание основных экономических и политических особенностей империализма. В 1910 году в Веймаре вышло в свет сочинение австрийского марксиста Рудольфа Гильфердинга: "Финансовый капитализм" (рус.

Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin  
"Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng  
của chủ nghĩa tư bản". — 1916

Ảnh thu nhỏ

Trong 15-20 năm gần đây, nhất là từ sau các cuộc chiến tranh Tây-ban-nha - Mỹ (1898) và Anh - Bô-e (1899 - 1902), các sách báo kinh tế cũng như sách báo chính trị của thế giới cũ và mới ngày càng thường dùng đến khái niệm "chủ nghĩa đế quốc" để chỉ đặc tính của thời đại chúng ta đang sống. Năm 1902, một nhà kinh tế học Anh tên là Gi. A. Hốp-xơn đã cho xuất bản ở Luân-đôn và Niu-oóc một tác phẩm nhan đề là "Chủ nghĩa đế quốc". Tuy đứng trên quan điểm chủ nghĩa cải lương - xã hội tư sản và chủ nghĩa hoà bình - quan điểm này, về thực chất, giống hệt với lập trường hiện nay của C. Cau-xky, một người nguyên trước kia là mác-xít, - nhưng tác giả vẫn mô tả được rất hay và tường tận những đặc điểm kinh tế và chính trị chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc<sup>132</sup>. Năm 1910, ở Viên, có xuất bản cuốn sách của nhà mác-xít Áo Ru-đôn-phơ Hin-phéc-đinh: "Tư bản tài chính" (bản dịch tiếng Nga: Mát-xcơ-va, 1912). Mặc dầu tác giả có một sai lầm trong vấn đề lý luận về tiền tệ và có một khuynh hướng nào đó muốn điều hoà chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa cơ hội, nhưng cuốn sách đó vẫn là một bản phân tích lý luận hết sức quý báu về "giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", như phụ đề cuốn sách của Hin-phéc-đinh đã nói<sup>133</sup>. Thật ra, những điều mà người ta nói mấy năm gần đây về chủ nghĩa đế quốc - nhất là trong rất nhiều bài viết trên báo và trên tạp chí về đề tài này, cũng

như trong các nghị quyết, chẳng hạn, của các Đại hội Hem-ni-txơ<sup>134</sup> và Ba-lơ họp vào mùa thu 1912 - chưa chắc đã vượt khỏi phạm vi những tư tưởng mà hai tác giả nói trên đã trình bày, hay nói cho đúng hơn là đã tổng kết...

Sau đây, chúng tôi sẽ cố gắng trình bày vắn tắt, dưới hình thức hết sức phổ thông, mối liên hệ và quan hệ qua lại giữa các đặc điểm kinh tế *cơ bản* của chủ nghĩa đế quốc. Ngoài mặt kinh tế chúng tôi sẽ không bàn đến những mặt khác của vấn đề, tuy những mặt đó cũng đáng được bàn đến. Còn mục sách tham khảo và những chú thích khác có thể không được hết thảy các độc giả quan tâm đến, thì chúng tôi để ở cuối cuốn sách.

## I. SỰ TẬP TRUNG SẢN XUẤT VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐỘC QUYỀN

Sự phát triển rất lớn của công nghiệp và quá trình tập trung cực kỳ nhanh chóng của sản xuất vào trong các xí nghiệp ngày càng to lớn, là một trong những đặc điểm tiêu biểu nhất của chủ nghĩa tư bản. Các con số thống kê công nghiệp ngày nay cung cấp những tài liệu đầy đủ nhất và chính xác nhất về quá trình ấy.

Ở Đức, chẳng hạn, cứ một nghìn xí nghiệp công nghiệp thì năm 1882 có 3 xí nghiệp lớn, nghĩa là có trên 50 công nhân làm thuê; năm 1895 có 6 cái, và năm 1907 có 9 cái. Cứ một trăm công nhân thì có 22, 30 và 37 người làm trong các xí nghiệp ấy. Nhưng so với mức tập trung công nhân thì mức tập trung sản xuất còn mạnh hơn nhiều, vì lao động trong các xí nghiệp lớn có năng suất cao hơn nhiều. Những con số về máy chạy bằng hơi nước và về động cơ điện đều chứng tỏ điều đó. Nếu chúng ta xét cái mà ở Đức người ta gọi là công nghiệp theo nghĩa rộng của danh từ, nghĩa là gồm cả thương nghiệp và đường giao thông v. v., chúng ta sẽ thấy tình hình như sau. Trong tổng số 3 265 623 xí nghiệp,

thì số xí nghiệp lớn là 30 588, tức là chỉ có 0,9%. Các xí nghiệp này dùng 5,7 triệu công nhân trong tổng số 14,4 triệu công nhân, tức 39,4%; dùng 6,6 triệu mã lực hơi nước trong tổng số 8,8 triệu mã lực, tức 75,3%, và dùng 1,2 triệu ki-lô-oát điện trong tổng số 1,5 triệu ki-lô-oát, tức là 77,2%.

Không đây một phần trăm các xí nghiệp mà chiếm hơn 3/4 tổng số sức hơi nước và điện lực! 2,97 triệu xí nghiệp nhỏ (dùng từ 5 công nhân làm thuê trở xuống), tức 91% tổng số xí nghiệp, mà chỉ dùng có 7% sức hơi nước và điện lực! Hàng vạn xí nghiệp thật lớn là tất cả, còn hàng triệu xí nghiệp nhỏ chỉ là số không.

Năm 1907, ở Đức, số xí nghiệp dùng từ 1 000 công nhân trở lên là 586. Các xí nghiệp này dùng gần *một phần mười* (1,38 triệu) tổng số công nhân và *gần một phần ba* (32%) tổng số sức hơi nước và điện lực\*. Như chúng ta sẽ thấy, tư bản tiền tệ và các ngân hàng làm cho ưu thế đó của một nhóm những xí nghiệp rất lớn càng có tính chất áp đảo hơn nữa; đó là nói hoàn toàn đúng với nghĩa thật của danh từ, tức là có hàng triệu "chủ xí nghiệp" hạng nhỏ, hạng vừa và ngay cả một phần thuộc hạng lớn nữa, trên thực tế đều hoàn toàn bị vài trăm tên tư bản tài chính triệu phú nô dịch.

Trong một nước tiên tiến khác của chủ nghĩa tư bản hiện đại là nước Mỹ, sự tập trung sản xuất còn phát triển mạnh hơn nữa. Ở đây, thống kê chỉ xét riêng công nghiệp hiểu theo nghĩa hẹp của danh từ này, và xếp loại các xí nghiệp theo giá trị sản lượng hàng năm. Năm 1904, đã có 1 900 xí nghiệp lớn nhất (trong số 216 180 cái, tức là 0,9%), giá trị sản lượng của mỗi xí nghiệp này là 1 triệu đô-la và hơn nữa, các xí nghiệp này đã dùng 1,4 triệu công nhân (trong số 5,5 triệu, tức 25,6%); và giá trị sản lượng của

\* Theo Annalen des deutschen Reichs, 1911, Zahn<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Niên giám của Nhà nước Đức, 1911, Txan.

chúng là 5,6 tỷ (trong số 14,8 tỷ, tức là 38%). Qua 5 năm sau, vào năm 1909, thì số liệu tương ứng là: có 3 060 xí nghiệp lớn nhất (trong số 268 491 cái, tức là 1,1%), những xí nghiệp này dùng 2 triệu công nhân (trong số 6,6 triệu, tức là 30,5%), và giá trị sản lượng của chúng là 9 tỷ đô-la (trong số 20,7 tỷ, tức là 43,8%)\*.

Gần một nửa tổng sản lượng của tất cả các xí nghiệp trong nước nằm trong tay *một phần trăm* tổng số các xí nghiệp! Và ba nghìn xí nghiệp khổng lồ ấy bao gồm 258 ngành công nghiệp<sup>135</sup>. Do đấy, ta thấy rõ rằng khi phát triển đến mức độ nhất định, thì có thể nói, sự tập trung tự nó sẽ dẫn thẳng đến độc quyền. Vì vài chục xí nghiệp khổng lồ có thể dễ dàng thoả thuận với nhau; mặt khác chính quy mô to lớn của các xí nghiệp làm cho cạnh tranh ngày càng khó khăn và làm nảy sinh ra khuynh hướng đi đến độc quyền. Sự cạnh tranh biến thành độc quyền, đó là một trong những hiện tượng quan trọng nhất - nếu không phải là hiện tượng quan trọng nhất - trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại, cho nên chúng ta cần phải phân tích tỉ mỉ hiện tượng đó. Nhưng trước hết, chúng ta hãy thanh toán một sự hiểu lầm có thể xảy ra.

Thống kê của Mỹ cho biết: Có 3 000 xí nghiệp khổng lồ trong 250 ngành công nghiệp. Như thế dường như mỗi ngành chỉ có 12 xí nghiệp hết sức lớn.

Nhưng không phải thế. Không phải bất cứ ngành công nghiệp nào cũng có những xí nghiệp lớn; mặt khác, khi chủ nghĩa tư bản phát triển đến tột mức, thì có một đặc điểm cực kỳ trọng yếu mà người ta gọi là *chế độ liên hợp hoá*, nghĩa là sự tập hợp vào trong tay một xí nghiệp duy nhất nhiều ngành công nghiệp khác nhau, những ngành này hoặc

\* Statistical Abstract of the United States 1912, p. 202<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Tập thống kê của Mỹ năm 1912, tr.202.

thể hiện những giai đoạn kế tiếp nhau trong quá trình chế biến nguyên liệu (chẳng hạn, nấu quặng thành gang, biến gang thành thép và có thể là cả việc chế tạo những thành phẩm nào đó bằng thép nữa), hoặc có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau (chẳng hạn, chế biến những cặn bã hay những sản phẩm phụ; chế tạo những vật liệu dùng làm bao bì, v. v.).

"Chế độ liên hợp hoá – Hin-phéc-đinh viết – san bằng những sự lên xuống trên thị trường và, do đó, bảo đảm cho xí nghiệp liên hợp có một tỷ suất lợi nhuận ổn định hơn. Hai là, chế độ liên hợp hoá dẫn tới chỗ loại trừ được thương nghiệp. Ba là, nó cho phép thực hiện được những sự cải tiến kỹ thuật và, do đó, so với xí nghiệp "đơn thuần" (nghĩa là không liên hợp), nó cho phép kiếm thêm được lợi nhuận. Bốn là, so với xí nghiệp "đơn thuần", chế độ liên hợp hoá củng cố được địa vị của xí nghiệp liên hợp trong cuộc cạnh tranh lúc có tình trạng tiêu điều nặng (kinh doanh bị đình đốn, khủng hoảng), khi giá cả những chế phẩm sụt nhanh hơn giá nguyên liệu".\*

Hai-man, nhà kinh tế học tư sản Đức, đã dành riêng một tác phẩm để tả những xí nghiệp "hỗn hợp", nghĩa là liên hợp, trong công nghiệp luyện thép ở Đức; ông nói: "các xí nghiệp đơn thuần chết đi, vì bị chẹt bởi giá cả cao về vật liệu và giá cả thấp về thành phẩm". Kết quả là thế này:

"Còn lại, một bên là các công ty than đá lớn, sản xuất đến hàng mấy triệu tấn, được tổ chức vững chắc trong một xanh-đi-ca than đá của chúng; và sau nữa, kết hợp chặt chẽ với các công ty than đá nói trên, là các nhà máy luyện thép lớn cùng với xanh-đi-ca thép của các nhà máy đó. Những xí nghiệp khổng lồ này sản xuất hàng năm 400 000 tấn thép (một tấn = 60 pút) và những số lượng rất lớn quặng và than đá, chế tạo những thành phẩm bằng thép; những xí nghiệp đó dùng 10 000 công nhân ăn ở trong những

\* "Tư bản tài chính", bản dịch tiếng Nga, tr.286 - 287.

trại thuộc các khu của xưởng, và có khi còn có cả đường sắt và bến tàu riêng nữa. Những xí nghiệp khổng lồ này là những điển hình tiêu biểu cho công nghiệp luyện thép ở Đức. Và sự tập trung ngày càng tiến lên nữa. Một số xí nghiệp ngày càng trở nên lớn hơn; ngày càng có nhiều xí nghiệp thuộc cùng một ngành công nghiệp hoặc thuộc nhiều ngành công nghiệp khác nhau, tập hợp lại thành những xí nghiệp khổng lồ, mà chỗ tựa và đồng thời cũng là người chỉ đạo là nửa tá ngân hàng lớn ở Béc-lanh. Sự đúng đắn của học thuyết của Các Mác về sự tập trung đã được chứng minh chính xác đối với nền công nghiệp mỏ ở Đức; tuy nhiên, điều đó đúng đối với một nước mà công nghiệp đã được thuế quan và các thuế vận tải bảo hộ. Công nghiệp mỏ ở Đức đã chín muồi để cho người ta tước đoạt nó".\*

Đó là kết luận mà một nhà kinh tế học tư sản có lương tâm - trường hợp này là một ngoại lệ - đã phải đi tới. Nên chú ý rằng ông ta tựa hồ xem nước Đức là một trường hợp riêng biệt, vì công nghiệp Đức được thuế quan cao bảo hộ. Nhưng tình hình ấy chỉ có thể đẩy nhanh việc tập trung và làm cho các liên minh độc quyền của các nhà kinh doanh, các các-ten, các xanh-đi-ca, v. v., mau hình thành. Điều hết sức quan trọng là ở Anh, một nước có chế độ tự do mậu dịch, sự tập trung cũng đưa đến độc quyền, tuy chậm hơn một chút và có thể là dưới một hình thức khác. Giáo sư Héc-man Lê-vy, trong tác phẩm nghiên cứu đặc biệt của ông là "Các công ty độc quyền, các các-ten và tơ-rốt", đã căn cứ vào những tài liệu về sự phát triển kinh tế của nước Anh mà viết như sau:

\*Hans Gideon Heymann. "Die gemischten Werke im deutschen Grobeisengewerbe", Stuttgart, 1904 (SS. 256, 278-279) <sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Han-sơ Hi-đê-ôn Hai-man. "Những xí nghiệp hỗn hợp trong nền đại công nghiệp luyện thép ở Đức". Stút-ga, 1904 (tr. 256, 278 - 279).

"Ồ Anh, chính quy mô to lớn của các xí nghiệp và trình độ kỹ thuật cao của các xí nghiệp này đã mang trong mình nó cái xu hướng đi đến độc quyền. Một mặt, sự tập trung dẫn đến kết quả là cần phải đầu tư những số tư bản khổng lồ vào mỗi một xí nghiệp; vì vậy việc thiết lập các xí nghiệp mới vấp phải những yêu cầu ngày càng cao về quy mô của số tư bản cần thiết, và cái đó làm cho việc thiết lập những xí nghiệp này trở thành khó khăn hơn. Mặt khác (và chúng tôi cho rằng điều này là điểm quan trọng hơn) bất cứ xí nghiệp mới nào muốn đuổi kịp các xí nghiệp khổng lồ do sự tập trung tạo nên, đều phải sản xuất ra một số sản phẩm thừa rất lớn, đến nỗi chỉ khi nào lượng cầu tăng lên một cách phi thường thì mới có thể bán những sản phẩm ấy một cách có lãi, bằng không thì số sản phẩm thừa đó sẽ làm cho giá cả hạ xuống đến một mức không có lợi cho nhà máy mới, cũng như cho các liên minh độc quyền". Ở các nước khác thuế quan bảo hộ làm cho các các-ten thành lập được dễ dàng, còn ở Anh lại khác hẳn, các liên minh độc quyền của các nhà kinh doanh, các các-ten và tơ-rốt, thường thường chỉ xuất hiện khi nào con số các xí nghiệp chủ yếu đang cạnh tranh với nhau rút xuống chỉ còn "vài tá gì đấy". Ở đây, ảnh hưởng của sự tập trung đối với việc hình thành các tổ chức độc quyền trong đại công nghiệp, đã bộc lộ ra một cách rõ ràng trông thấy".\*

Trước đây nửa thế kỷ, khi Mác viết bộ "Tư bản", thì đối với đại đa số các nhà kinh tế học, tự do cạnh tranh là: "một quy luật của tự nhiên". Giới khoa học quan phương đã mưu toan bóp chết tác phẩm đó bằng cách không đá động

\* Hermann Levy. "Monopole, Kartelle und Trusts". Jena, 1909, SS. 286, 290, 298<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Héc-ma Lê-vy. "Các công ty độc quyền, các các-ten và tơ-rốt, I-ê-na, 1909, tr. 286, 290, 298.

gì đến tác phẩm của Mác, người đã chứng minh - thông qua sự phân tích chủ nghĩa tư bản về mặt lý luận và lịch sử - rằng tự do cạnh tranh để ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền. Giờ đây, độc quyền đã trở thành một sự thật. Các nhà kinh tế học viết hàng đống sách để mô tả những biểu hiện riêng lẻ của sự độc quyền ấy, trong khi đó thì họ vẫn tiếp tục đồng thanh tuyên bố rằng "chủ nghĩa Mác bị bác bỏ rồi". Nhưng, như câu phương ngôn Anh đã nói, sự thật là điều bướng bỉnh, và dù muốn hay không, người ta vẫn phải tính đến nó. Sự thật chứng minh rằng những sự khác nhau giữa một số nước tư bản chủ nghĩa, chẳng hạn về chế độ bảo hộ mậu dịch hoặc tự do buôn bán, chỉ quyết định những sự khác nhau không đáng kể về hình thức các tổ chức độc quyền, hoặc về thời gian chúng xuất hiện, còn việc tập trung sản xuất để ra các tổ chức độc quyền thì nói chung lại là một quy luật phổ biến và cơ bản trong giai đoạn phát triển hiện nay của chủ nghĩa tư bản.

Đối với châu Âu, ta có thể nhận định một cách khá chính xác thời kỳ chủ nghĩa tư bản mới thay thế *hẳn* chủ nghĩa tư bản cũ: đó chính là đầu thế kỷ XX. Ở một trong những tác phẩm tổng kết mới nhất nói về lịch sử "hình thành của các tổ chức độc quyền", người ta đọc thấy:

"Thời kỳ trước năm 1860 có thể cho ta vài thí dụ về các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa, trong đó người ta có thể tìm ra được những mầm mống của các hình thức hiện nay đã trở nên rất quen thuộc; nhưng tất cả những cái đó chắc chắn là thuộc về tiền sử của những các-ten. Thời kỳ bắt đầu thật sự của các tổ chức độc quyền hiện đại sớm nhất là vào khoảng những năm 1860. Thời kỳ quan trọng đầu tiên trong sự phát triển của các tổ chức đó bắt đầu cùng với thời kỳ tiêu điều của công nghiệp toàn thế giới vào những năm 1870 và kéo dài đến thời kỳ đầu những năm 1890". "Nếu người ta xem xét vấn đề trên quy mô châu Âu, thì sự

phát triển của tự do cạnh tranh đạt tới điểm cao nhất của nó vào những năm 60 và 70. Vào thời kỳ đó nước Anh đã xây dựng xong tổ chức tư bản chủ nghĩa kiểu cũ của nó. Ở Đức, tổ chức này đã bước vào cuộc đấu tranh có tính chất quyết định với thủ công nghiệp và công nghiệp gia đình, và bắt đầu tạo ra những hình thức tồn tại riêng của nó".

"Một cuộc chuyển biến lớn bắt đầu từ sự phá sản năm 1873, hay nói cho đúng hơn, từ thời kỳ tiêu điều tiếp sau sự phá sản đó, thời kỳ tiêu điều này đã kéo dài trong suốt 22 năm trong lịch sử kinh tế châu Âu, chỉ trừ một lần gián đoạn rất khó thấy, xảy ra ngay đầu những năm 80 và một lần phồn vinh hết sức mãnh liệt, nhưng ngắn ngủi, vào gần năm 1889". "Trong thời kỳ phồn vinh ngắn ngủi 1889 - 1890, người ta đã sử dụng mạnh mẽ các các-ten để lợi dụng tình hình thị trường. Một chính sách thiếu chín chắn đã làm cho giá cả tăng lên còn nhanh và mạnh hơn so với khi không có những các-ten, và hầu hết những các-ten đó đã tiêu vong một cách không vẻ vang "trong cái mô phá sản". Tiếp theo đó là năm năm làm ăn thua thiệt và giá cả hạ thấp, nhưng trong công nghiệp thì tâm trạng lại không như trước nữa. Thời kỳ tiêu điều không còn được xem như một sự kiện tất nhiên nữa, người ta chỉ coi đó là một thời kỳ tạm ngừng trước khi có một tình hình thuận lợi mới mà thôi.

Như vậy là phong trào các-ten đã bước vào giai đoạn thứ hai của nó. Từ chỗ là hiện tượng nhất thời những các-ten đã trở thành một trong những cơ sở của toàn bộ đời sống kinh tế. Những các-ten đó chiếm hết ngành công nghiệp này đến ngành công nghiệp khác, và trước hết là ngành chế biến nguyên liệu. Ngay từ đầu những năm 1890, khi tổ chức xanh-đi-ca than cốc, – mà sau này xanh-đi-ca than đá cũng được tổ chức rập theo, – những các-ten đó đã xây dựng được cho mình một kỹ thuật các-ten mà về thực chất phong trào lúc đó không vượt xa hơn được. Thời kỳ phồn vinh lớn vào cuối thế kỷ XIX và cuộc khủng hoảng 1900 - 1903 đều diễn

ra - ít nhất là trong công nghiệp mỏ và công nghiệp luyện thép - lần đầu tiên hoàn toàn dưới chế độ các-ten. Và nếu hiện tượng đó lúc bấy giờ còn có vẻ là một cái gì mới, thì ngày nay việc nhiều khu vực quan trọng của đời sống kinh tế, theo thông lệ, đều được rút ra khỏi vòng tự do cạnh tranh, - việc đó đã thành một chân lý hiển nhiên đối với ý thức xã hội rộng rãi" \*.

Như vậy, những kết quả chủ yếu trong lịch sử các tổ chức độc quyền là như sau: 1) Những năm 1860 và 1870: tự do cạnh tranh phát triển đến tột điểm. Các tổ chức độc quyền chỉ là những mầm mống chưa rõ rệt lắm. 2) Sau cuộc khủng hoảng năm 1873, là giai đoạn phát triển rộng rãi của những các-ten, nhưng những các-ten đó vẫn còn là ngoại lệ. Chúng vẫn còn chưa được vững chắc. Chúng vẫn còn là một hiện tượng nhất thời. 3) Thời kỳ phồn vinh cuối thế kỷ XIX và cuộc khủng hoảng của những năm 1900 - 1903: các-ten trở thành một trong những cơ sở của toàn bộ đời sống kinh tế. Chủ nghĩa tư bản đã biến thành chủ nghĩa đế quốc.

Những các-ten thoả thuận với nhau về các điều kiện bán hàng, về kỳ hạn trả tiền, v. v.. Chúng chia nhau các khu vực tiêu thụ. Chúng quyết định số lượng sản phẩm cần chế tạo. Chúng quy định giá cả. Chúng chia lãi cho các xí nghiệp v. v..

\* Th. Vogelstein. "Die finanzielle Organisation der kapitalistischen Industrie und die Monopolbildungen" trong "Grundriss der Sozialökonomik". VI Abt., Tüb., 1914<sup>1)</sup>. Xem của cùng tác giả: "Organisationsformen der Eisenindustrie und Textilindustrie in England und Amerika". Bd. I, Lpz., 1910<sup>2)</sup>.

<sup>1)</sup> T. Phô-ghen-stanh. "Tổ chức tài chính của nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa và việc thành lập các công ty độc quyền" trong "Những cơ sở của nền kinh tế xã hội". Phần VI, Ti-u-bin-ghen, 1914.

<sup>2)</sup> "Những hình thức tổ chức của công nghiệp luyện thép và công nghiệp dệt ở Anh và Mỹ". Tập I, Lai-pxích, 1910.



Số lượng các-ten ở Đức năm 1896 ước độ 250, năm 1905 là 385, với sự tham gia của gần 12 000 xí nghiệp\*. Nhưng mọi người đều thừa nhận là những con số đó bị thu nhỏ lại. Những tài liệu thống kê công nghiệp Đức năm 1907 kể trên chúng tỏ rằng ngay cả 12 000 xí nghiệp hết sức lớn đó chắc cũng đã tập trung được quá nửa tổng số sức hơi nước và điện lực. Ở nước Mỹ, số lượng tư-rót năm 1900 là 185, năm 1907 là 250. Thống kê ở Mỹ phân tất cả các xí nghiệp công nghiệp thành những xí nghiệp thuộc cá nhân, các hãng hay các công ty. Năm 1904, loại xí nghiệp thuộc các công ty chiếm 23,6%, đến năm 1909 thì chiếm 25,9%, tức là quá một phần tư tổng số xí nghiệp. Năm 1904, các xí nghiệp ấy dùng 70,6% tổng số công nhân, đến năm 1909 thì dùng 75,6%, tức là ba phần tư tổng số công nhân; giá trị sản lượng là 10,9 và 16,3 tỷ đô-la, tức là 73,7% và 79% tổng giá trị sản lượng.

Những các-ten và tư-rót thường thường nắm đến bảy hay tám phần mười tổng sản lượng của một ngành công nghiệp. Xanh-đi-ca than đá miền Ranh - Ve-xơ-pha-li, khi được thành lập năm 1893, đã nắm được 86,7% tổng số than đá sản xuất ở vùng này, và đến năm 1910, thì xanh-đi-ca ấy đã nắm được 95,4%\*\*. Sự độc quyền được tạo ra bằng cách đó bảo đảm

\* Dr. Riesser. "Die deutschen Grobbanken und ihre Konzentration im Zusammenhange mit der Entwicklung der Gesamtwirtschaft in Deutschland". Aufl, 1912, S. 149. - R. Liefmann. "Kartelle und Trusts und die Weiterbildung der volkswirtschaftlichen Organisation". 2. Aufl., 1910. S. 25<sup>1)</sup>.

\*\* Dr. Fritz Kestner. "Der Organisationszwang. Eine Untersuchung über die Kämpfe zwischen Kartellen und Aubenseitern". Brl., 1912, tr. 11<sup>2)</sup>.

<sup>1)</sup> Tiến sĩ Rít-xơ. "Các ngân hàng lớn ở Đức và sự tập trung các ngân đó do sự phát triển chung của nền kinh tế Đức". Xuất bản lần thứ 4, 1912, tr. 149. - R. Líp-man. "Các-ten và tư-rót và sự phát triển hơn nữa của các tổ chức kinh tế quốc dân". Xuất bản lần thứ 2, 1910, tr. 25.

<sup>2)</sup> Tiến sĩ Phri-tơ Kê-xơ-nơ. "Sự cưỡng bách vào tổ chức. Nghiên cứu về cuộc đấu tranh giữa các-ten với những kẻ đứng ở ngoài". Béc-lanh.

những khoản thu nhập khổng lồ và đưa đến việc hình thành những đơn vị kỹ thuật - sản xuất có một quy mô rộng lớn phi thường. Tư-rót dầu lửa nổi tiếng ở Mỹ (Standard Oil Company) đã được thành lập năm 1900. "Tư bản của tư-rót này lên đến 150 triệu đô-la. Người ta đã phát ra 100 triệu đô-la cổ phần thường và 106 triệu đô-la cổ phần ưu tiên. Những cổ phần ưu tiên này, từ năm 1900 đến 1907, mỗi năm thu được phần lời như sau: 48, 48, 45, 44, 36, 40, 40, 40%, tổng cộng là 367 triệu đô-la. Từ năm 1882 đến hết năm 1907, người ta thu được 889 triệu đô-la lợi nhuận ròng: trong số đó, 606 triệu được đem chia và số còn lại thì bỏ vào tư bản dự trữ"\*. "Năm 1907, tất cả những xí nghiệp thuộc tư-rót thép (United States Steel Corporation) thuê ít nhất là 210 180 công nhân và nhân viên. Xí nghiệp lớn nhất trong ngành công nghiệp mỏ ở Đức là Công ty mỏ Ghen-den-kiéc-sen (Gelsenkirchener Bergwerksgesellschaft), năm 1908, đã dùng 46 048 công nhân và nhân viên\*\*. Ngay năm 1902, tư-rót thép đã sản xuất 9 triệu tấn thép\*\*\*. Năm 1901, sản lượng thép của tư-rót đó là 66,3%, và năm 1908 là 56,1% tổng sản lượng thép ở Mỹ\*\*\*\*, cũng trong những năm đó, số quặng khai thác của tư-rót đó lên đến 43,9% và 46,3%.

Bản báo cáo của tiểu ban của chính phủ Mỹ về các tư-rót nói như sau: "Các tư-rót có ưu thế đối với những xí nghiệp

\* R. Liefmann. "Beteiligungs- und Finanzierungsgesellschaften. Eine Studie über den modernen Kapitalismus und das Effektenwesen". I. Aufl., Jena, 1909, tr.212<sup>1)</sup>.

\*\* Như trên, tr. 218.

\*\*\* Dr. S. Tschierschky. "Kartell und Trust". Gött., 1903, tr. 13<sup>2)</sup>.

\*\*\*\* Th. Vogelstein. "Organisationsformen", tr. 275.

<sup>1)</sup> R. Líp-man. "Các công ty tham dự và cung cấp tài chính. Nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện đại và về bản chất các chứng khoán". Xuất bản lần thứ nhất, I-ê-na.

<sup>2)</sup> Tiến sĩ D. Tsiéc-ski. "Các-ten và tư-rót". Gốt-tin-ghen.

cạnh tranh với mình, là nhờ những xí nghiệp của các tư-rót đó có quy mô to lớn và trang bị kỹ thuật rất tốt. Ngay từ khi mới thành lập, tư-rót thuốc lá đã cố gắng hết sức dùng máy móc để thay thế lao động chân tay ở khắp nơi trên những quy mô rộng lớn. Để đạt mục đích ấy, tư-rót này đã mua được hết thảy những bằng phát minh nào có ít nhiều quan hệ đến việc chế biến thuốc lá và đã chi tiêu vào đó những món tiền rất lớn. Nhiều bằng phát minh đó lúc đầu không dùng được, và các kỹ sư của tư-rót đã phải chĩnh lý lại. Cuối năm 1906, hai công ty chi nhánh được thành lập để chỉ chuyên mua những bằng phát minh. Cũng nhằm mục đích ấy, tư-rót đó đã cho xây dựng các lò đúc, xưởng chế tạo máy và các xưởng sửa chữa máy móc riêng của mình. Một trong những xưởng đó, xưởng ở Bru-clin, trung bình dùng 300 công nhân; ở đây, người ta thí nghiệm những phát minh về việc chế tạo thuốc lá điếu, xì gà nhỏ, thuốc hít, giấy thiếc làm bao, hộp đựng thuốc, v. v.; những phát minh cũng được cải tiến ở đây<sup>\*</sup>. "Các tư-rót khác cũng dùng những người mà người ta gọi là *developping engineers*" (kỹ sư chuyên về phát triển kỹ thuật) có nhiệm vụ phát minh những phương pháp sản xuất mới và đem thử những cải tiến kỹ thuật. Tư-rót thếp thưởng những món tiền lớn cho các kỹ sư và công nhân về những phát minh có thể nâng cao kỹ thuật hoặc giảm bớt các chi phí<sup>\*\*</sup>.

<sup>\*</sup>Report of the Commissioner of Corporations on the Tobacco Industry. Washington, 1909, tr. 266<sup>1)</sup> - dẫn theo cuốn "Dr. Paul Tafel. "Die nordamerikanischen Trusts und ihre Wirkungen auf den Fortschritt der Technik". Stuttgart, 1913, tr. 48<sup>2)</sup>.

<sup>\*\*</sup> Như trên, tr. 48-49.

<sup>1)</sup> Báo cáo của uỷ viên tiểu ban về các tư-rót trong công nghiệp thuốc lá, Oa-sinh-tơn.

<sup>2)</sup> Tiến sĩ Pôn Ta-phen. "Các tư-rót ở Bắc Mỹ và ảnh hưởng của chúng đối với sự phát triển kỹ thuật". Stút-ga.

Việc cải tiến kỹ thuật trong đại công nghiệp ở Đức cũng được tổ chức giống như thế, chẳng hạn như trong công nghiệp hoá chất, công nghiệp này suốt trong mấy chục năm gần đây đã có những bước phát triển khổng lồ. Ngay từ năm 1908, trong công nghiệp này, quá trình tập trung sản xuất cũng đã đẻ ra hai "nhóm" chủ yếu, hai nhóm này cũng đi tới tổ chức độc quyền bằng con đường riêng của mình. Thoạt đầu đó là những "liên minh tay đôi" của hai cặp nhà máy hết sức lớn, mỗi cặp có một số tư bản từ 20 đến 21 triệu Mác: một bên là xưởng May-xte cũ ở Hốt-xơ và xưởng Cát-xen-lê ở Phran-pho trên sông Manh; một bên nữa là xưởng làm a-ni-lin và xút ở Lút-vích-xa-phen và nhà máy Bay-e cũ ở En-béc-phen. Rồi năm 1905, nhóm này, và năm 1908, nhóm kia, mỗi nhóm lại ký một hợp đồng với một xưởng lớn khác. Do đó, thành ra có hai "liên minh tay ba", mỗi liên minh có một số tư bản từ 40 đến 50 triệu Mác, và những "liên minh" này đã bắt đầu "đi sát lại với nhau", "thỏa thuận với nhau" về giá cả, v. v. <sup>\*</sup>.

Cạnh tranh biến thành độc quyền. Kết quả là việc xã hội hoá sản xuất tiến một bước lớn. Trong đó cả quá trình phát minh và cải tiến kỹ thuật cũng được xã hội hoá.

Điều đó hoàn toàn không còn giống tình trạng tự do cạnh tranh cũ giữa những người chủ phân tán, không biết gì nhau và sản xuất để bán trên một thị trường mà họ chưa hề biết tới. Sự tập trung đã lên đến mức độ khiến có thể kiểm kê được gần đúng tất cả các nguồn nguyên vật liệu (như những nơi có mỏ sắt chẳng hạn) trong một nước, và thậm chí, như dưới đây chúng ta sẽ thấy, cả trong nhiều nước hay trên toàn thế giới nữa. Chẳng những người ta đã tiến hành việc kiểm kê đó, mà những nguồn đó còn bị những liên minh độc quyền lớn độc chiếm nữa. Người ta phỏng tính khả năng tiêu

<sup>\*</sup> Riesser, tác phẩm đã dẫn, tr. 547 và 548, xuất bản lần thứ 3. Các báo đăng tin (tháng Sáu 1916) về việc thành lập một tư-rót mới, một tư-rót khổng lồ nắm ngành công nghiệp hoá chất ở Đức.

thụ của thị trường mà những liên minh này "chia nhau" theo hợp đồng. Người ta độc quyền chiếm đoạt những lực lượng công nhân có chuyên môn và thuê các kỹ sư giỏi nhất; người ta nắm lấy những con đường và những phương tiện giao thông: đường sắt ở Mỹ, các công ty tàu thủy ở châu Âu và châu Mỹ. Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chủ nghĩa tư bản tiến sát tới chỗ xã hội hoá việc sản xuất một cách toàn diện nhất, có thể nói là chủ nghĩa tư bản, bất chấp ý chí và ý thức của bọn tư bản, đã đưa chúng vào một trật tự xã hội mới nào đó, trật tự này là bước quá độ từ chỗ hoàn toàn tự do cạnh tranh đến chỗ hoàn toàn xã hội hoá.

Sản xuất trở nên có tính chất xã hội, nhưng chiếm hữu vẫn mang tính chất tư nhân. Các tư liệu sản xuất xã hội vẫn là sở hữu tư nhân của một số ít người. Khuôn khổ chung của cạnh tranh tự do, mà về danh nghĩa còn được thừa nhận, thì vẫn tồn tại, và ách áp bức của một nhóm người độc quyền đối với số dân cư còn lại đã trở thành nặng nề, rõ rệt, không thể chịu nổi, hơn trước gấp trăm lần.

Nhà kinh tế học Đức Kê-xơ-nơ đã dành một tác phẩm riêng để nói về "cuộc đấu tranh giữa các-ten với những kẻ đứng ở ngoài", nghĩa là với những nhà kinh doanh không tham gia các-ten. Ông ta đặt tên tác phẩm đó là: "Sự cưỡng bách vào tổ chức", nhưng nếu không muốn tô điểm cho chủ nghĩa tư bản thì tất nhiên phải nói đến sự cưỡng bách phải phục tùng các liên minh của bọn độc quyền. Thật là bổ ích nếu ta nhìn qua một chút bản kê những thủ đoạn đấu tranh hiện đại, tối tân, văn minh, cho "tổ chức", những thủ đoạn mà các liên minh của bọn độc quyền đã dùng đến: 1) tước nguồn nguyên vật liệu ("... một trong những phương sách quan trọng nhất để bắt buộc gia nhập các-ten"); 2) tước nguồn công nhân bằng cách dùng những "liên minh" (tức là những hợp đồng giữa bọn tư bản với các công đoàn, quy định các công đoàn này chỉ nhận làm việc trong những xí nghiệp đã các-ten hoá); 3) tước các phương tiện vận chuyển; 4) tước nơi tiêu

thụ; 5) ký hợp đồng với người mua, quy định người mua chỉ giao dịch với những các-ten thôi; 6) đánh sứt giá một cách có hệ thống (để làm phá sản các xí nghiệp "ở ngoài", tức là các xí nghiệp không phục tùng bọn độc quyền; người ta tiêu phí hàng triệu để bán hạ hơn giá thành trong một thời gian nào đó: trong công nghiệp dầu xăng đã có những trường hợp hạ giá từ 40 xuống 22 mác, tức là giảm gần một nửa!); 7) tước nguồn tín dụng; 8) tuyên bố tẩy chay.

Trước mắt chúng ta, đó không còn là sự cạnh tranh giữa những xí nghiệp nhỏ và xí nghiệp lớn, giữa những xí nghiệp lạc hậu về kỹ thuật và những xí nghiệp tiên tiến về kỹ thuật nữa. Trước mắt chúng ta, đó là tình trạng bọn độc quyền bóp chết những người nào không chịu phục tùng độc quyền, ách thống trị và sự chuyên chế của chúng. Quá trình đó phản ánh trong ý thức của một nhà kinh tế học tư sản như sau:

"Ngay cả trong lĩnh vực hoạt động thuần túy kinh tế – Kê-xơ-nơ viết – cũng nảy sinh ra một sự chuyển biến nào đó từ hoạt động thương nghiệp, nói theo nghĩa cũ của danh từ đó, sang hoạt động đầu cơ - tổ chức. Kẻ được hưởng lợi lộc nhiều nhất không phải là nhà buôn nào biết dựa trên kinh nghiệm về kỹ thuật và về buôn bán của mình để xác định một cách chính xác nhất nhu cầu của khách hàng, để tìm ra, và có thể nói là "phát hiện" lượng cầu đang ở trong trạng thái tiềm tàng, - mà là thiên tài (!) đầu cơ, biết tính trước hay ít ra cũng biết đánh hơi trước được sự phát triển, về tổ chức và khả năng có những liên hệ nhất định giữa các xí nghiệp với các ngân hàng...".

Nói nôm na thì điều đó có nghĩa là: sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã đạt tới một trình độ mà sản xuất hàng hoá, mặc dù vẫn tiếp tục "thống trị" và được xem như là cơ sở của toàn bộ nền kinh tế như trước, nhưng thực tế thì đã bị lung lay, và những khoản lợi nhuận chủ yếu đều lọt vào tay bọn "thiên tài" về các thủ đoạn tài chính. Cơ

sở của những thủ đoạn và những sự lường gạt đó là sự xã hội hoá nền sản xuất; nhưng bước tiến lớn lao của loài người, đã vươn tới sự xã hội hoá đó, lại làm lợi... cho bọn đầu cơ. Trong đoạn sau, chúng ta sẽ thấy, "trên cơ sở đó", khi phê phán chủ nghĩa đế quốc tư bản, bọn phê bình tiểu thị dân - phản động đã mơ tưởng đến việc quay *trở lại* sự cạnh tranh "tự do", "hoà bình", "trung thực", như thế nào.

"Giá cả tiếp tục tăng lên trong một thời gian dài do việc thành lập các các-ten gây nên, hiện tượng đó – Kê-xơ-nơ nói – từ trước đến nay chỉ thấy xảy ra đối với những tư liệu sản xuất quan trọng nhất, nhất là than đá, sắt, bô tạt, và ngược lại chưa bao giờ thấy xảy ra đối với các thành phẩm. Vì vậy việc tăng tiền lãi do tình hình đó gây nên, cũng chỉ giới hạn trong ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất mà thôi. Phải nói thêm vào nhận xét đó rằng nhờ việc thành lập các các-ten, công nghiệp chế biến nguyên vật liệu (chứ không phải chế biến nửa thành phẩm) chẳng những đã thu được những món lời dưới hình thức lợi nhuận cao, làm tổn hại đến ngành công nghiệp tiếp tục chế biến những nửa thành phẩm, – mà đối với ngành công nghiệp này nó còn đạt một *quan hệ thống trị* nhất định, chưa hề có trong thời kỳ cạnh tranh tự do".\*

Những chữ chúng tôi viết ngả chỉ rõ thực chất của vấn đề mà những nhà kinh tế học tư sản rất ít khi thừa nhận và không sẵn lòng thừa nhận, và những kẻ hiện nay bênh vực chủ nghĩa cơ hội, đứng đầu là C. Cau-xky, đều tích cực tìm cách lẩn tránh và bỏ qua. Quan hệ thống trị và bạo lực do những quan hệ ấy sinh ra - đó là những hiện tượng tiêu biểu trong "giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", đó là kết quả tất yếu phải xảy ra, và đã xảy ra do sự hình thành những tổ chức kinh tế độc quyền vạm vỡ.

\*Kê-xơ-nơ, tác phẩm đã dẫn, tr. 254.

Ta hãy dẫn thêm một ví dụ về sự thống trị của những các-ten. Chỗ nào có thể chiếm được toàn bộ nguồn nguyên liệu hay những nguồn chủ yếu về nguyên liệu thì ở đó đặc biệt dễ xuất hiện những các-ten và hình thành các tổ chức độc quyền. Nhưng sẽ sai lầm nếu nghĩ rằng các tổ chức độc quyền không xuất hiện cả trong các ngành công nghiệp khác, mà ở đó người ta không thể nào chiếm đoạt được các nguồn nguyên liệu. Ở khắp mọi nơi đều tìm được nguyên vật liệu cho ngành công nghiệp xi-măng. Thế mà ở Đức, ngành công nghiệp này cũng được các-ten hoá một cách mạnh mẽ. Các nhà máy đều hợp thành những xanh-đi-ca khu vực: khu Nam Đức, khu Ranh – Ve-xơ-pha-li, v. v.. Giá cả là giá cả độc quyền: mỗi toa xi-măng trị giá từ 230 đến 280 mác trong khi giá thành chỉ có 180 mác! Các xí nghiệp, đem lại tiền lãi cổ phần từ 12 đến 16%; hơn nữa, ta không được quên rằng bọn "thiên tài" đầu cơ hiện đại, ngoài số được chia về tiền lãi cổ phần, còn biết cách bỏ túi thêm những món lợi nhuận to lớn nữa. Để thủ tiêu nạn cạnh tranh trong một ngành công nghiệp sinh lợi như thế, bọn độc quyền còn dùng cả đến mưu kế nữa: chúng tung ra những tin giả về tình hình xấu trong công nghiệp, chúng đăng ở trên báo những lời bố cáo nặc danh: "các nhà tư bản: chớ nên bỏ vốn vào ngành công nghiệp xi-măng"; cuối cùng, chúng mua lại những xí nghiệp "ở ngoài" (nghĩa là những xí nghiệp không tham gia xanh-đi-ca) và trả cho chủ các xí nghiệp này những khoản "bồi thường" từ 60, 80 hoặc 150 nghìn mác\*.

Tổ chức độc quyền mở đường cho mình ở khắp mọi nơi và bằng đủ mọi cách, từ việc trả tiền bồi thường "nhỏ nhỏ" đến việc theo lối Mỹ "dùng" thuốc nổ đối với kẻ cạnh tranh với mình.

\*"Zement" von L. Eschwege. "Die Bank"<sup>136</sup>, 1909, I, tr.115 và những trang sau <sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> "Xi-măng" của L. E-svê-gơ. Tạp chí "Ngân hàng".

Nói rằng các các-ten thủ tiêu được những cuộc khủng hoảng, đó là câu chuyện hoang đường của những nhà kinh tế học tư sản vẫn cố hết sức tô điểm cho chủ nghĩa tư bản. Trái lại, tổ chức độc quyền được thành lập trong *một vài* ngành công nghiệp, lại làm cho tình trạng hỗn loạn, vốn có trong *toàn bộ* nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, tăng lên và trầm trọng thêm. Tình trạng không cân đối giữa sự phát triển của nông nghiệp và sự phát triển của công nghiệp, – đặc điểm của chủ nghĩa tư bản nói chung, – lại càng tăng. Địa vị đặc quyền của ngành công nghiệp đã được các-ten hoá cao độ nhất, tức là ngành mà người ta gọi là công nghiệp *nặng*, nhất là công nghiệp than và sắt, làm cho các ngành công nghiệp khác lâm vào tình trạng "mất tính kế hoạch còn trầm trọng hơn nữa", như I-ây-đen-xơ, tác giả một trong những tác phẩm hay nhất nói về "quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở Đức với công nghiệp"\* , đã thừa nhận.

Líp-man, người một mực bênh vực chủ nghĩa tư bản, viết: "Nền kinh tế quốc dân mà càng phát triển thì nó càng hướng về những xí nghiệp có tính chất mạo hiểm hơn hoặc những xí nghiệp ở nước ngoài, những xí nghiệp cần có một thời kỳ lâu dài để phát triển, hoặc cuối cùng hướng về những xí nghiệp chỉ có ý nghĩa địa phương" \*\*. Tính mạo hiểm tăng lên, nói cho cùng, là do tư bản tăng lên rất nhiều, có thể nói là nó tràn ngập và chảy ra nước ngoài, v. v.. Đồng thời, sự tiến bộ rất nhanh chóng của kỹ thuật cũng lại làm cho những yếu tố không cân đối giữa các mặt khác nhau của nền kinh tế quốc dân, những yếu tố hỗn loạn

\*Jedels. "Das Verhältnis der deutschen Grobbanken zur Industrie mit besonderer Berücksichtigung der Eisenindustrie". Lpz., 1905, tr. 271<sup>1)</sup>.

\*\*Liefmann. "Beteiligungs - etc. Ges.", tr.434.

<sup>1)</sup> I-ây-đen-xơ. "Quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở Đức với công nghiệp, đặc biệt với công nghiệp luyện kim". Lai-pxích<sup>137</sup>.

và khủng hoảng, ngày càng tăng thêm. Chính Líp-man cũng buộc phải thừa nhận rằng: "Trong lĩnh vực kỹ thuật, chắc chắn là sẽ còn có nhiều cuộc biến đổi lớn đang chờ đợi loài người trong một tương lai gần đây; những cuộc biến đổi ấy sẽ tác động đến cả việc tổ chức nền kinh tế quốc dân"... điện khí, hàng không... "Thường thường và theo thông lệ, thì người ta thấy phát triển một tình trạng đầu cơ mạnh mẽ trong những thời kỳ biến đổi căn bản về kinh tế như thế..."\*.

Và những cuộc khủng hoảng – đủ mọi thứ khủng hoảng, thường xuyên nhất là những cuộc khủng hoảng kinh tế, nhưng không phải chỉ những cuộc khủng hoảng kinh tế mà thôi – lại làm cho xu hướng tập trung và độc quyền tăng lên với những quy mô rất lớn. Dưới đây là lời nhận xét hết sức có ý nghĩa của I-ây-đen-xơ về tầm quan trọng của cuộc khủng hoảng năm 1900, cuộc khủng hoảng đó, như ta thấy, đã đóng vai trò một bước ngoặt trong lịch sử những tổ chức độc quyền hiện đại:

"Khi cuộc khủng hoảng năm 1900 xảy ra thì bên cạnh những xí nghiệp khổng lồ thuộc các ngành công nghiệp chủ yếu, vẫn còn có nhiều xí nghiệp mà tổ chức, theo quan niệm hiện nay, thì đã lỗi thời rồi, đó là những xí nghiệp "đơn thuần" (tức là không liên hợp), "nổi lên trên đỉnh sóng của ngọn trào công nghiệp. Giá cả hạ xuống, lượng cầu tụt xuống đã đẩy các xí nghiệp "đơn thuần" ấy vào một tình trạng nguy khốn, tình trạng này hoặc giả hoàn toàn không làm tổn hại gì đến các xí nghiệp liên hợp khổng lồ, hoặc giả chỉ gây tổn hại cho những xí nghiệp khổng lồ đó trong một thời gian hết sức ngắn mà thôi. Vì thế, cuộc khủng hoảng năm 1900 đã dẫn đến một sự tập trung công nghiệp mạnh mẽ hơn rất nhiều so với cuộc khủng hoảng năm 1873 trước kia: cuộc khủng hoảng năm 1873 cũng đã làm việc chọn lọc ra những xí nghiệp khá nhất, nhưng với trình độ kỹ

\*Liefmann. "Beteiligungs - etc. Ges.", tr. 465-466.

thuật thời bấy giờ, sự chọn lọc đó đã không thể dẫn đến sự độc quyền của những xí nghiệp biết thoát khỏi khủng hoảng một cách thắng lợi. Những xí nghiệp khổng lồ thuộc các ngành công nghiệp luyện thép và điện khí hiện nay chính đang nắm được cái địa vị độc quyền lâu năm như thế, hơn nữa lại nắm được với một mức độ cao, nhờ có kỹ thuật rất phức tạp, có tổ chức hết sức chu đáo và có tư bản hùng hậu; tiếp đó, trên một mức độ thấp hơn, là các xí nghiệp thuộc ngành chế tạo máy móc, một số ngành công nghiệp luyện kim, giao thông v. v." \*.

Độc quyền, đó là đỉnh tột cùng của "giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản". Nhưng những quan niệm của chúng ta về sức mạnh thực tế và ý nghĩa của các tổ chức độc quyền hiện đại sẽ hết sức thiếu sót, hết sức không đầy đủ và không đúng mức, nếu chúng ta không tính đến vai trò của các ngân hàng.

## II. CÁC NGÂN HÀNG VÀ VAI TRÒ MỚI CỦA CHÚNG

Công việc cơ bản và thoát đầu của các ngân hàng là làm trung gian trong việc trả tiền. Nhờ thế, các ngân hàng biến tư bản tiền tệ không hoạt động thành tư bản hoạt động, nghĩa là tư bản đem lại lợi nhuận, và tập hợp mọi khoản thu nhập bằng tiền để giao cho giai cấp các nhà tư bản sử dụng.

Công việc kinh doanh ngân hàng càng phát triển và càng tập trung vào một số ít cơ quan, thì từ chỗ đóng vai trò khiêm tốn của những kẻ trung gian, các ngân hàng đã trở thành những tổ chức độc quyền vạm vỡ, sử dụng được hầu hết tổng số tư bản tiền tệ của toàn thể các nhà tư bản và tiểu chủ, cũng như phần lớn những tư liệu sản xuất và những

\* Jeidels, tr.108.

nguồn nguyên liệu của một nước nhất định hay của cả một loạt nước. Việc biến đông đảo những kẻ trung gian khiêm tốn thành một nhóm nhỏ những kẻ độc quyền là một trong những quá trình cơ bản của sự chuyển biến chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa đế quốc tư bản; vì vậy, chúng ta hãy bàn trước tiên đến sự tập trung của ngành ngân hàng.

Năm 1907 - 1908, trong tất cả các ngân hàng cổ phần ở Đức có một tư bản hơn 1 triệu mác, số tiền gửi đã lên đến 7 tỷ mác; năm 1912-1913 số tiền gửi đó lại lên đến 9,8 tỷ. Như vậy, trong năm năm, số tiền gửi đó đã tăng thêm 40%, hơn nữa, trong số 2,8 tỷ đó, 2,75 tỷ là thuộc về 57 ngân hàng, mỗi ngân hàng này có một số tư bản hơn 10 triệu mác. Việc phân phối số tiền gửi giữa các ngân hàng lớn và các ngân hàng nhỏ như sau\*:

Tỷ lệ phân trăm trong tổng số tiền gửi

	trong 9 ngân hàng lớn ở Béc-phanh	trong 48 ngân hàng khác có tư bản hơn 10 triệu mác	trong 115 ngân hàng có tư bản từ 1 đến 10 triệu	trong các ngân hàng nhỏ (có tư bản dưới 1 triệu)
1907 - 1908	47	32,5	16,5	4
1912 - 1913	49	36	12	3

Các ngân hàng nhỏ đều bị các ngân hàng lớn lấn át, chỉ riêng 9 ngân hàng lớn đã tập trung được gần nửa tổng số những khoản tiền gửi. Song ở đây, chưa tính đến rất nhiều yếu tố, chẳng hạn như việc cả một loạt ngân hàng nhỏ biến thành những chi nhánh thật sự của những ngân hàng lớn, v. v., điều đó sẽ được nói ở đoạn dưới đây.

\* Alfred Lansburgh. "Fünf Jahre d. Bankwesen", "Die Bank", 1913, số 8, tr.728<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> An-phrết Lan-xbuốc. "Năm năm hoạt động của các ngân hàng Đức", tạp chí "Ngân hàng".

Cuối năm 1913, Sun-txê – Ghê-véc-ni-txơ đã xác định số tiền gửi ở 9 ngân hàng lớn ở Béc-lanh là 5,1 tỷ trong tổng số gần 10 tỷ mác<sup>138</sup>. Không phải chỉ chú ý đến số tiền gửi mà còn chú ý đến toàn bộ tư bản ngân hàng, cũng tác giả ấy đã viết: "Cuối năm 1909, 9 ngân hàng lớn ở Béc-lanh, cùng với các ngân hàng phụ thuộc vào chúng, đã quản lý 11,3 tỷ mác, tức là vào khoảng 83% tổng số tư bản ngân hàng ở Đức. "Ngân hàng Đức" ("Deutsche Bank") cùng với các ngân hàng phụ thuộc vào nó, quản lý gần 3 tỷ mác, ngân hàng này, cũng như Cục quản lý đường sắt quốc gia ở Phổ, là một tổ chức tích tụ tư bản lớn nhất trong thế giới cũ và cũng là tổ chức có sự phân tán cao độ" \*.

Chúng tôi nhấn mạnh điểm nói về những ngân hàng "phụ thuộc", vì đó là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của sự tập trung tư bản chủ nghĩa hiện đại. Các xí nghiệp lớn, nhất là các ngân hàng, không những chỉ trực tiếp nuốt những xí nghiệp nhỏ, chúng còn làm cho những xí nghiệp nhỏ này "gắn liền" vào chúng, phục tùng chúng, sáp nhập vào tập đoàn "của chúng", nếu dùng thuật ngữ chuyên môn, thì tức là vào "công-xoóc-xi-om" của chúng, bằng cách "tham dự" vào tư bản của những ngân hàng nhỏ ấy, bằng lối mua hay trao đổi cổ phần, bằng hệ thống quan hệ vay mượn v. v. và v. v.. Giáo sư Líp-man đã dành riêng một "tác phẩm" lớn dày 500 trang để mô tả những "hội tham dự và cung cấp tài chính"<sup>\*\*</sup> hiện đại; nhưng tiếc thay ông này lại đưa

\*Schulze-Gaevernitz. "Die deutsche Kreditbank" trong "Grundriss der Sozialökonomik". Tüb., 1915, tr.12 và 137<sup>1)</sup>.

\*\* R. Liefmann. "Beteiligungs- und Finanzierungsgesellschaften. Eine Studie über den modernen Kapitalismus und das Effektenwesen". I. Aufl., Jena, 1909, tr.212.

<sup>1)</sup> Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ. "Ngân hàng tín dụng ở Đức" trong "Những cơ sở của nền kinh tế xã hội". Ti-u-bin-ghen.

thêm những suy luận "lý luận" kém cỏi vào số tài liệu mới lượm lặt, thường chưa được phân tích kỹ<sup>139</sup>. Chế độ "tham dự" này dẫn đến đâu, xét về phương diện tập trung, – điều đó được trình bày tốt hơn cả trong cuốn sách nói về các ngân hàng lớn ở Đức, của Rít-xơ, "một nhà hoạt động" ngân hàng<sup>140</sup>. Nhưng trước khi xem xét những tài liệu do ông ta dẫn ra, ta hãy kể một ví dụ cụ thể về chế độ "tham dự".

"Tập đoàn" "Ngân hàng Đức" là một trong những tập đoàn lớn nhất, nếu không phải là tập đoàn lớn hơn cả trong hết thảy các tập đoàn ngân hàng lớn. Để nhìn ra được những sợi dây liên hệ chủ yếu gắn liền tất cả các ngân hàng thuộc tập đoàn đó với nhau, cần phải phân biệt những "sự tham dự" bậc nhất, bậc nhì, bậc ba, hoặc nói một cách khác, phân biệt sự lệ thuộc (của các ngân hàng nhỏ hơn đối với "Ngân hàng Đức") bậc nhất, bậc nhì hay bậc ba. Ta thấy một tình hình như sau \* (xem bảng tr.419. BT):

Trong số 8 ngân hàng "lệ thuộc bậc nhất" "một đôi lúc" phụ thuộc vào "Ngân hàng Đức", có 3 ngân hàng nước ngoài: một ngân hàng Áo ("Bankverein" - "Liên minh ngân hàng" ở Viên) và hai ngân hàng Nga (Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri và Ngân hàng ngoại thương Nga). Tổng cộng, tham gia vào tập đoàn "Ngân hàng Đức", trực tiếp hay gián tiếp, toàn bộ hay từng phần, có 87 ngân hàng; và tổng số tư bản mà tập đoàn ấy chi phối - tư bản của nó và tư bản của người khác – là 2 - 3 tỷ mác.

Rõ ràng là, một ngân hàng đứng đầu một tập đoàn như thế và đã thoả thuận với nửa tá ngân hàng kém hơn nó đôi chút, về những hoạt động tài chính đặc biệt to lớn và có lợi, như công trái quốc gia chẳng hạn, thì nó đã vượt ra ngoài

\*Alfred Lansburgh. "Das Beteiligungssystem im deutschen Bankwesen", "Die Bank", 1910, I, tr.500<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> An-phrết Lan-xbuốc. "Chế độ tham dự trong ngành ngân hàng ở Đức", tạp chí "Ngân hàng".

	Lệ thuộc bậc nhất:	Lệ thuộc bậc nhì:	Lệ thuộc bậc ba:
"Ngân hàng Đức" tham dự:	thường xuyên vào....	trong số này, có 9 ngân hàng tham dự vào 34 ngân hàng khác	trong số này, có 4 ngân hàng tham dự vào 7 ngân hàng khác
	trong một thời gian không nhất định vào .....	—	—
	một đôi lúc vào .....	—	—
		trong số này, có 5 ngân hàng tham dự vào 14 ngân hàng khác	trong số này, có 2 ngân hàng tham dự vào 2 ngân hàng khác
Tổng cộng vào 30 ngân hàng;		trong số này, có 14 ngân hàng tham dự vào 48 ngân hàng khác	trong số này, có 6 ngân hàng tham dự vào 9 ngân hàng khác

vai trò một "kẻ trung gian" và trở thành một liên minh của một nhóm nhỏ bọn độc quyền.

Ở Đức, sự tập trung hoạt động ngân hàng được tiến hành nhanh chóng đến mức độ nào vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, điều đó sẽ được chỉ rõ qua những số liệu của Rít-xơ mà chúng tôi trích dẫn một cách vắn tắt sau đây:

Sáu ngân hàng lớn ở Béc-lanh đã có

N ă m	Chi nhánh ở Đức	Quy tiền gửi và phòng hối đoái	Tham dự thường xuyên vào các ngân hàng cổ phần ở Đức	Tổng số các cơ quan
1895.....	16	14	1	42
1900.....	21	40	8	80
1911.....	104	276	63	450

Do đó, ta thấy cái mạng lưới dày đặc những mạch máu ngân hàng lan rộng nhanh chóng như thế nào, nó bao phủ cả nước, tập trung hết thủy tư bản và các khoản thu nhập bằng tiền, biến hàng nghìn, hàng vạn doanh nghiệp tản mạn, thành một đơn vị kinh tế tư bản chủ nghĩa thống nhất toàn quốc, rồi sau đó thành một đơn vị kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới. Trên thực tế, sự "phân tán" mà Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ nhân danh khoa kinh tế chính trị tư sản hiện nay, đã nói đến trong đoạn kể trên, – là ở chỗ ngày càng có nhiều đơn vị kinh tế trước kia tương đối "độc lập" hay, nói cho đúng hơn, có tính chất đóng cửa cục bộ (trong một địa phương), thì nay phải lệ thuộc vào một trung tâm thống nhất. Thật ra, đó là *tập trung*, là tăng cường vai trò, ý nghĩa, uy lực của các công ty độc quyền khổng lồ.

Trong các nước tư bản chủ nghĩa lâu đời hơn, "mạng lưới ngân hàng" ấy lại còn dày đặc hơn nữa. Ở Anh và Ai-rơ-len năm 1910, tất cả các ngân hàng đã có 7 151 chi nhánh. Bốn ngân hàng lớn, mỗi cái có hơn 400 chi nhánh (từ 447 đến 689), 4 ngân hàng khác mỗi cái có hơn 200 chi nhánh, và 11 ngân hàng mỗi cái có hơn 100 chi nhánh.

Ở Pháp, ba ngân hàng lớn nhất là: "Crédit Lyonnais", "Comptoir National" và "Société Générale"<sup>1)</sup> đã phát triển

	Số chi nhánh và quỹ ở các tỉnh			Số tư bản của bản thân (triệu phrăng)	
	ở Pa-ri	tổng cộng	Số của người khác		
1870.....	47	17	64	200	427
1890.....	192	66	258	265	1 245
1909.....	1 033	196	1 229	887	4 363

<sup>1)</sup> "Ngân hàng tín dụng Ly-ông", "Cục chiết khấu toàn quốc" và "Tổng công ty".



các hoạt động và mạng lưới chi nhánh của mình như sau\*.

Để nêu rõ đặc tính những mối "liên hệ" của một ngân hàng lớn hiện đại, Rít-xơ đã đưa ra những số liệu về số lượng chứng thư đi và đến của "Công ty chiết khấu" ("Dis - conto - Gesellschaft"), một trong những ngân hàng lớn nhất ở Đức và trên toàn thế giới (năm 1914 tư bản của nó đã lên tới 300 triệu mác):

	Số chứng thư	
	đến	đi
1852 .....	6 135	6 292
1870.....	85 800	87 513
1900.....	533 102	626 043

Ở "Ngân hàng tín dụng Ly-ông", một ngân hàng lớn ở Pa-ri, số tài khoản năm 1875 là 28 535, đến năm 1912 thì tăng lên 633 539\*\*.

Những con số đơn giản này, so với những lời bàn luận dài dòng, có lẽ còn nói lên một cách rõ rệt hơn rằng cùng với sự tập trung tư bản và sự tăng thêm số chu chuyển của ngân hàng, ý nghĩa của chúng cũng thay đổi một cách căn bản. Từ những nhà tư bản riêng rẽ đã hình thành nên một nhà tư bản tập thể. Trong khi tính những tài khoản vãng lai của một số nhà tư bản, ngân hàng tựa hồ như tiến hành một hoạt động thuần túy kỹ thuật, hoàn toàn có tính chất phụ thêm mà thôi. Nhưng khi các hoạt động này bành trướng lên tới quy mô to lớn thì ta lại thấy là một nhóm nhỏ bọn độc quyền chi phối được các hoạt động công thương nghiệp của

\*Eugen Kaufmann. "Das französische Bankwesen". Tüb., 1911, tr.356 và 362<sup>1)</sup>.

\*\* Jean Lescure. "L'épargne en France". P., 1914. tr.52<sup>2)</sup>.

<sup>1)</sup> Ô-giê-ni Cau-phman. "Ngành ngân hàng ở Pháp". Ti-u-bin-ghen.

<sup>2)</sup> Giảng Lê-quya-rơ. "Tiền tiết kiệm ở Pháp". Pa-ri.

toàn xã hội tư bản chủ nghĩa; nhóm này, nhờ những mối liên hệ về ngân hàng, nhờ những tài khoản vãng lai và những hoạt động tài chính khác, mà trước hết có thể *biết được một cách chính xác* tình hình kinh doanh của từng nhà tư bản, rồi sau đó *kiểm soát* bọn này, ảnh hưởng đến chúng bằng cách mở rộng hoặc thu hẹp tín dụng, làm dễ dàng hoặc gây khó khăn cho việc tín dụng, rồi sau cùng *hoàn toàn quyết định* số phận của chúng, quyết định mức thu nhập của chúng, tước mất tư bản của chúng hoặc tạo khả năng cho chúng tăng nhanh chóng số tư bản của chúng lên đến những quy mô to lớn, v. v..

Chúng tôi vừa nói đến số tư bản 300 triệu mác của "Công ty chiết khấu" ở Béc-lanh. Việc tăng tư bản của "Công ty chiết khấu" này là một trong những giai đoạn của cuộc đấu tranh để giành quyền bá chủ giữa hai trong số những ngân hàng lớn nhất ở Béc-lanh: "Ngân hàng Đức" và "Công ty chiết khấu". Năm 1870, "Ngân hàng Đức" vừa mới thành lập và chỉ có một số tư bản vền vện là 15 triệu, trong khi đó số tư bản của "Công ty chiết khấu" là 30 triệu. Đến năm 1908, "Ngân hàng Đức" có một số tư bản là 200 triệu; "Công ty chiết khấu" có 170 triệu. Năm 1914, ngân hàng thứ nhất nâng số tư bản của mình lên 250 triệu; ngân hàng thứ hai, nhờ sáp nhập với một ngân hàng lớn bậc nhất khác là "Ngân hàng liên hợp Sáp-phơ-hau-den", nên đã nâng số tư bản của mình lên 300 triệu. Và đương nhiên là cuộc đấu tranh để giành quyền bá chủ này đi đôi với những sự "thỏa thuận" ngày càng nhiều và được củng cố giữa hai ngân hàng đó. Dưới đây là những kết luận mà quá trình phát triển đó đã gợi lên cho các chuyên gia về ngành ngân hàng, họ nhìn nhận những vấn đề kinh tế theo một quan điểm không bao giờ vượt ra ngoài tư tưởng cải lương tư sản ôn hoà nhất và thận trọng nhất:

Tạp chí "Ngân hàng" ở Đức bàn về việc nâng số tư bản của "Công ty chiết khấu" lên 300 triệu, đã viết: "Các ngân

hàng khác cũng sẽ đi theo con đường ấy và, với thời gian, số 300 người ngày nay đang thống trị nước Đức về mặt kinh tế, sẽ giảm xuống 50, 25 hoặc còn ít hơn nữa. Không nên cho rằng phong trào tập trung hiện đại chỉ giới hạn trong ngành ngân hàng thôi. Những mối liên hệ chặt chẽ giữa các ngân hàng tất nhiên cũng sẽ làm cho những xanh-đi-ca của các nhà công nghiệp do các ngân hàng đó nâng đỡ, xích lại gần nhau... Một ngày kia, khi chúng ta thức dậy, chúng ta sẽ lấy làm ngạc nhiên thấy chỉ có toàn những tư-rốt thôi; chúng ta sẽ đứng trước một sự tất yếu là phải đem những tổ chức độc quyền của nhà nước thay cho những tổ chức độc quyền của tư nhân. Thế nhưng thực ra chúng ta cũng không có gì đáng tự trách mình cả, có trách là trách đã để mặc cho sự vật phát triển tự do, sự phát triển đó lại được cổ phiếu thúc đẩy nhanh lên đôi chút\*.

Đó là một kiểu mẫu về sự bất lực của các nhà chính luận tư sản, và các nhà khoa học tư sản chỉ khác các nhà chính luận tư sản ở chỗ kém thành thật hơn và có khuynh hướng muốn che giấu thực chất của sự vật, muốn lấy cây che rừng. "Ngạc nhiên" trước những hậu quả của sự tập trung; "trách" chính phủ của nước Đức tư bản chủ nghĩa hay "xã hội" tư bản chủ nghĩa ("chúng ta"); sợ rằng việc sử dụng các cổ phiếu sẽ "thúc đẩy" sự tập trung, giống như Tsiéc-sky – chuyên gia Đức "về các-ten" – sợ các tư-rốt Mỹ và "thích" những các-ten Đức hơn, vì ông ta cho rằng những các-ten Đức có khả năng "thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật và tiến bộ kinh tế một cách không thái quá như các tư-rốt"\*\*\* – điều đó há không phải là sự bất lực hay sao?

\* A. Lansburgh. "Die Bank mit den 300 Millionen", "Die Bank", 1914, 1, tr. 426<sup>1)</sup>.

\*\* S. Tschierschky, tác phẩm đã dẫn, tr.128.

<sup>1)</sup> A. Lan-xbuốc. "Ngân hàng 300 triệu", tạp chí "Ngân hàng".

Nhưng sự thật vẫn là sự thật. Ở Đức không có tư-rốt, "chỉ" có những các-ten thôi; nhưng trong nước Đức, nhiều lắm cũng chỉ có 300 tên trùm tư bản *thống trị* là cùng. Và số đó lại giảm xuống không ngừng. Dù sao thì trong hết thảy các nước tư bản chủ nghĩa, mặc dù luật ngân hàng ở các nước đó có những biến thể như thế nào đi nữa, các ngân hàng vẫn tăng cường và đẩy nhanh gấp bội quá trình tập trung tư bản và quá trình hình thành những tổ chức độc quyền.

Cách đây nửa thế kỷ, Mác đã viết trong bộ "Tư bản" (bản tiếng Nga, t. III, ph. II, tr.144<sup>141)</sup>: "Ngân hàng tạo ra, trên quy mô toàn xã hội, một hình thức nhưng chính chỉ là hình thức thôi, kế toán chung và phân phối chung về tư liệu sản xuất". Những số liệu chúng tôi đã dẫn chứng về việc tư bản ngân hàng tăng, số chi điểm và chi nhánh của các ngân hàng lớn nhất tăng lên, về việc số tài khoản của các ngân hàng này tăng, v. v., đều chỉ ra cụ thể cho chúng ta thấy sự "kế toán chung" đó của *toàn bộ* giai cấp tư bản, và thậm chí không phải chỉ riêng của những nhà tư bản, vì các ngân hàng tập hợp, dù là tạm thời, đủ mọi khoản thu nhập bằng tiền của những người tiểu chủ, của những người công chức và của tầng lớp rất ít ỏi những công nhân lớp trên. Về mặt hình thức mà nói, thì sự "phân phối chung về tư liệu sản xuất" là kết quả của bước *phát triển* của các ngân hàng hiện đại, số ngân hàng đó (ở Pháp, số ngân hàng này chỉ có từ ba đến sáu, và ở Đức từ sáu đến tám) chi phối hàng tỷ. Nhưng về *nội dung*, thì sự phân phối về tư liệu sản xuất đó hoàn toàn không phải mang tính chất "chung", mà lại có tính chất riêng, nghĩa là phù hợp với quyền lợi của đại tư bản – và trước hết của tư bản lớn nhất, tư bản độc quyền – hoạt động trong hoàn cảnh quần chúng nhân dân bị ăn đói và toàn bộ sự phát triển của nông nghiệp thì lạc hậu một cách tuyệt vọng so với sự phát triển của công nghiệp, mà trong công nghiệp thì ngành "công nghiệp nặng" bắt tất cả mọi ngành công nghiệp khác phải nộp cống cho mình.

Trong việc xã hội hoá nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, các quỹ tiết kiệm và các cơ quan bưu chính bắt đầu cạnh tranh với các ngân hàng. Các quỹ tiết kiệm và các cơ quan bưu chính này là những cơ quan "phân tán" hơn, nghĩa là ảnh hưởng của những cơ quan đó lan rộng đến nhiều địa phương hơn, đến nhiều nơi hẻo lánh hơn, đến những giới dân cư đông đảo hơn. Một tiểu ban ở Mỹ đã tập hợp những số liệu so sánh sự phát triển của những số tiền gửi trong ngân hàng và trong các quỹ tiết kiệm như sau \*:

	Tiền gửi (tính theo tỷ mác)						
	Anh		Pháp		Đức		
	ở ngân hàng	ở quỹ tiết kiệm	ở ngân hàng	ở quỹ tiết kiệm	ở ngân hàng	ở hội tín dụng	ở quỹ tiết kiệm
1880	8,4	1,6	?	0,9	0,5	0,4	2,6
1888	12,4	2,0	1,5	2,1	1,1	0,4	4,5
1908	23,2	4,2	3,7	4,2	7,1	2,2	13,9

Vì phải trả cho những khoản tiền gửi một số lợi tức từ 4% đến 4<sup>1</sup>/<sub>4</sub>% nên các quỹ tiết kiệm buộc phải tìm kiếm nơi đầu tư tư bản của mình "cho có lợi", phải lao mình vào những hoạt động về hối phiếu, về cầm cố v. v.. Những ranh giới giữa ngân hàng và quỹ tiết kiệm "ngày càng mờ đi". Các phòng thương mại ở Bô-khum và ở Éc-phuya chẳng hạn, đòi phải "cấm" các quỹ tiết kiệm không được có những hoạt động có tính chất "thuần tuý" ngân hàng, như việc chiết khấu các hối phiếu, và đòi phải hạn chế hoạt động "có tính chất ngân hàng" của các cơ quan bưu chính \*\*. Những ông trùm ngân hàng hình như sợ rằng biết đâu tổ chức độc quyền của

\* Số liệu của National Monetary Commission của Mỹ, trong "Die Bank"<sup>1)</sup>, 1910, 2, tr.1.200.

\*\* Như trên, 1913, tr.811, 1022; 1914, tr.713.

<sup>1)</sup> Tiểu ban tiền tệ quốc gia, trong tạp chí "Ngân hàng".

nhà nước lại không lần mò đến họ từ phía không ngờ đến. Nhưng cố nhiên, mối lo ngại đó không vượt ra ngoài khuôn khổ của một sự cạnh tranh có thể nói là giữa hai người trưởng phòng cùng trong một sở. Bởi vì một mặt, chung quy *vấn là* những tên trùm tư bản ngân hàng thực tế chi phối số tư bản hàng tỷ gửi trong các quỹ tiết kiệm; mặt khác, tổ chức độc quyền của nhà nước trong xã hội tư bản chỉ là một thủ đoạn để nâng cao và bảo đảm những khoản thu nhập của bọn triệu phú gần phá sản trong ngành công nghiệp nào đó mà thôi.

Việc chủ nghĩa tư bản mới - trong đó chế độ độc quyền giữ địa vị thống trị - thay thế chủ nghĩa tư bản cũ, trong đó chế độ cạnh tranh tự do thống trị, còn được thể hiện ở chỗ tác dụng của sở giao dịch bị giảm bớt. Tạp chí "Ngân hàng" viết: "Đã từ lâu, sở giao dịch không còn là tổ chức trung gian cần thiết trong việc lưu thông, như trước kia, khi mà ngân hàng chưa có thể đem phần lớn những chứng khoán đã phát hành, để phân phối cho khách hàng của nó" \*.

"Mỗi ngân hàng là một sở giao dịch": ngân hàng càng lớn bao nhiêu và sự tập trung trong hoạt động ngân hàng càng có nhiều tiến bộ bao nhiêu, thì câu danh ngôn hiện đại đó càng đúng sự thật bấy nhiêu \*\*. "Nếu trước kia, trong những năm 70, sở giao dịch, với những điều thái quá trong buổi thiếu thời của nó" (ám chỉ một cách "tế nhị" sự phá sản của sở giao dịch vào năm 1873<sup>142</sup>, những vụ đầu cơ gruyn-đéc<sup>143</sup>, v. v.), "đã mở đầu thời đại công nghiệp hoá nước Đức, thì ngày nay, các ngân hàng và công nghiệp đều có thể "tự mình xoay sở lấy" được. Sự thống trị của các ngân hàng lớn ở nước ta đối với sở giao dịch... chỉ là biểu hiện của nhà nước

\* "Die Bank", 1914, I, tr.316.

\*\* Dr. Oscar Stillich. "Geld - und Bankwesen". Berlin, 1907, tr.169<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Bác sĩ Ô-xca Stin-lích. "Tiền tệ và hoạt động ngân hàng", Béc-lanh.

công nghiệp Đức được tổ chức đầy đủ. Nếu do đó mà có sự thu hẹp phạm vi tác động của các quy luật kinh tế tự động phát huy tác dụng, và có sự mở rộng hết sức phạm vi của việc điều tiết có ý thức thông qua các ngân hàng, thì điều đó cũng làm cho trách nhiệm, về mặt kinh tế quốc dân, của một số ít người lãnh đạo lại tăng lên rất nhiều". Giáo sư Đức Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ đã viết như vậy\*, ông này là nhà biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc Đức, là một nhân vật có uy tín đối với bọn đế quốc tất cả các nước và cố gắng che giấu một "chi tiết nhỏ", cụ thể là: việc "điều tiết có ý thức" thông qua các ngân hàng đó biểu hiện ở chỗ một nhóm bọn độc quyền, "được tổ chức đầy đủ", đã bóc lột công chúng. Nhiệm vụ của giáo sư tư sản đó không phải là lột trần tất cả các mảnh khoé và phơi bày hết thảy các ngón gian lận của bọn độc quyền ngân hàng, mà là tô điểm những cái đó.

Cả Rít-xơ, nhà kinh tế học và "nhà hoạt động" ngân hàng có uy tín hơn, cũng vậy, ông này dùng những câu trống rỗng như sau để lảng tránh những sự thật không thể nào chối cãi được: "Sở giao dịch càng ngày càng mất tính năng tuyệt đối cần thiết đối với toàn bộ nền kinh tế và đối với việc lưu thông các chứng khoán, tính năng đó là: sở giao dịch không những là một dụng cụ đo lường chính xác nhất, mà còn là một cái máy điều tiết, hầu như tự động điều tiết những sự vận động kinh tế quy tụ vào mình" \*\*.

Nói cách khác: chủ nghĩa tư bản cũ, chủ nghĩa tư bản với chế độ cạnh tranh tự do, cùng với cái máy điều tiết tuyệt đối cần thiết đối với nó là sở giao dịch, đã lùi vào quá khứ rồi. Chủ nghĩa tư bản mới thay nó, chủ nghĩa tư bản mới này mang những nét quá độ rõ rệt, một cái gì hỗn

\* Schulze-Gaevernitz. "Die deutsche Kreditbank" trong "Grundriss der Sozialökonomik". Tüb., 1915, tr.101.

\*\* Rít-xơ, tác phẩm đã dẫn, xuất bản lần thứ 4, tr.629.

hợp giữa cạnh tranh tự do và độc quyền. Tự nhiên là sẽ nảy ra câu hỏi: "sự quá độ" của chủ nghĩa tư bản mới nhất ấy sẽ dẫn đến đâu? Nhưng câu hỏi này, các học giả tư sản lại sợ không dám đặt ra.

"Cách đây ba mươi năm, những nhà kinh doanh tự do cạnh tranh với nhau, đã làm  $\frac{9}{10}$  cái công việc kinh tế không thuộc phạm vi lao động chân tay của "công nhân". Giờ đây, thì những người *viên chức* đang làm  $\frac{9}{10}$  công việc kinh tế có tính chất trí óc ấy. Hoạt động ngân hàng đứng đầu quá trình phát triển ấy"\*. Một lần nữa, lời thú nhận này của Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ vẫn lại đụng đến vấn đề là xem xét sự quá độ ấy, tức là chủ nghĩa tư bản mới nhất, chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa của nó, sẽ dẫn đến đâu. — — —

Một số ít ngân hàng, do quá trình tập trung mà đứng đầu toàn bộ nền kinh tế tư bản, tự nhiên ngày càng biểu lộ và ngày càng tăng cường khuynh hướng muốn đi đến sự thoả thuận độc quyền, đi đến thành lập *to-rốt các ngân hàng*. Ở Mỹ, không phải là chín mà là hai ngân hàng lớn nhất, của bọn tỷ phú Rốc-cơ-phen-lơ và Moóc-gan<sup>144</sup>, chi phối số tư bản 11 tỷ mác\*\*. Ở Đức, việc "Công ty chiết khấu" thu hút "Ngân hàng liên hợp Sáp-phơ-hau-den", mà chúng tôi đã nói ở trên, đã được tờ "Báo Phran-pho"<sup>145</sup>, cơ quan phục vụ quyền lợi của các sở giao dịch, nhận định như sau:

"Việc các ngân hàng ngày càng tập trung làm cho con số những cơ quan mà, nói chung, người ta có thể hỏi vay được, bị giảm đi, do đó ngành công nghiệp lớn ngày càng phụ thuộc vào một số nhỏ những tập đoàn ngân hàng. Mối liên hệ chặt chẽ giữa công nghiệp và giới tài chính đã thu hẹp sự tự do hoạt động của các công ty công nghiệp cần đến vốn của ngân hàng. Cho nên, ngành công nghiệp lớn nhìn với nhiều tình

\* Schulze - Gaevernitz. "Die deutsche Kreditbank" trong "Grundriss der Sozialökonomik". Tüb., 1915, tr.151.

\*\* "Die Bank", 1912, 1, tr.435.

cảm khác nhau quá trình tư-rút hoá (tập hợp thành hay biến thành các tư-rút) các ngân hàng ngày càng tăng; thật vậy, đã nhiều lần người ta thấy rằng đã có những mầm mống thoả thuận nào đó giữa những công-xoóc-xi-om nào đó của các ngân hàng lớn với nhau nhằm hạn chế cạnh tranh".\*

Lại một lần nữa người ta thấy rằng mức phát triển cao nhất của hoạt động ngân hàng là độc quyền.

Còn về sự liên hệ chặt chẽ giữa ngân hàng và công nghiệp, thì chính trong lĩnh vực này, vai trò mới của ngân hàng gần như được biểu hiện rõ rệt hơn cả. Nếu ngân hàng chiết khấu những hối phiếu của một nhà kinh doanh, mở cho người đó một tài khoản vãng lai, v. v. thì những hoạt động như thế, nếu kể riêng từng hoạt động, không mấy may làm giảm bớt sự độc lập của nhà kinh doanh đó, và ngân hàng vẫn không vượt quá vai trò khiêm tốn của kẻ trung gian. Nhưng nếu những hoạt động ấy cứ ngày càng nhiều và trở nên vững chắc, nếu ngân hàng "tập hợp" vào trong tay mình những số tư bản đồ sộ, nếu việc quản lý những tài khoản vãng lai của một xí nghiệp nào đó cho phép ngân hàng – và thường chính là như vậy – hiểu được tình hình kinh tế của khách hàng một cách ngày càng tỉ mỉ hơn, đầy đủ hơn, thì kết quả là nhà tư bản công nghiệp ngày càng phải hoàn toàn lệ thuộc vào ngân hàng.

Đồng thời, người ta thấy phát triển cái có thể gọi là sự liên hợp về người giữa các ngân hàng với những doanh nghiệp công thương nghiệp lớn nhất, sự hợp nhất giữa những ngân hàng này với những doanh nghiệp kia bằng cách mua cổ phần, bằng cách đưa các giám đốc ngân hàng vào trong các hội đồng giám sát (hay các ban quản trị) của các doanh nghiệp công thương nghiệp, và ngược lại. Nhà kinh tế học Đức I-ây-đen-xơ đã thu thập những số liệu hết sức tỉ mỉ về hình

\* Dẫn theo Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ trong "Grundriss der Sozialökonomik", tr.155.

thức đó của sự tập trung tư bản và doanh nghiệp. Sáu ngân hàng lớn nhất ở Béc-lanh đã có những viên giám đốc của mình làm đại diện trong 344 công ty công nghiệp, và có những uỷ viên ban quản trị của mình làm đại diện trong 407 công ty công nghiệp nữa, tức là tổng cộng trong 751 công ty. Trong 289 công ty, sáu ngân hàng nói trên đã có hai uỷ viên trong các hội đồng giám sát, hoặc nắm được chức chủ tịch trong các hội đồng giám sát. Trong số những công ty công thương nghiệp đó chúng ta thấy có những ngành công nghiệp hết sức khác nhau, có cả ngành bảo hiểm, có cả ngành giao thông, có cả tiệm ăn, có cả nhà hát, có cả công nghiệp mỹ nghệ, v. v.. Mặt khác, trong các hội đồng giám sát của cũng sáu ngân hàng này đã có (năm 1910) 51 nhà kinh doanh công nghiệp lớn nhất, trong số này có viên giám đốc của hãng Krúp, giám đốc của đại công ty tàu thuỷ "Hapag" (Ham-burg-Amerika), v. v., v. v.. Từ năm 1895 đến 1910, mỗi một ngân hàng trong số sáu ngân hàng ấy đều đã tham gia việc phát hành các cổ phiếu và các trái khoán cho hàng trăm công ty công nghiệp, cụ thể con số những công ty đó là từ 281 đến 419 công ty\*.

"Sự liên hợp về người" giữa ngân hàng với công nghiệp được bổ sung bằng "sự liên hợp về người" giữa những công ty ngân hàng và công nghiệp với chính phủ. "Những chức vụ trong các hội đồng giám sát – I-ây-đen-xơ viết – được người ta tự nguyện dành cho những nhân vật có danh tiếng, cũng như cho những cựu viên chức nhà nước, những người này có thể làm cho việc giao thiệp với các nhà đương cục được dễ dàng (!) rất nhiều"... "Trong hội đồng giám sát của một ngân hàng lớn, người ta thường thấy có nghị viên hoặc uỷ viên Hội đồng thị chính Béc-lanh".

Vậy là việc xây dựng và có thể nói việc phát triển các công ty độc quyền đại tư bản chủ nghĩa được tiến hành nhanh

\* I-ây-đen-xơ và Rít-xơ, các tác phẩm đã dẫn.

hết sức, bằng mọi thủ đoạn "tự nhiên" và "siêu tự nhiên". Ta thấy hình thành, một cách có hệ thống, sự phân công nhất định giữa vài trăm ông vua tài chính xã hội tư bản hiện đại:

"Song song với sự mở rộng phạm vi hoạt động của các nhà công nghiệp lớn riêng lẻ" (tham dự các ban quản trị của các ngân hàng, v. v.) "và song song với việc giao cho những giám đốc ngân hàng ở các tỉnh phụ trách chỉ một khu vực công nghiệp nhất định, thì việc chuyên môn hoá những người lãnh đạo các ngân hàng lớn cũng được phát triển trên một mức độ nhất định. Việc chuyên môn hoá như thế, nói chung, chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện toàn bộ doanh nghiệp ngân hàng có quy mô lớn và, nói riêng, trong điều kiện nếu doanh nghiệp ngân hàng này có liên hệ rộng rãi trong giới công nghiệp. Sự phân công ấy được tiến hành theo hai hướng: một mặt, việc liên hệ với công nghiệp được giao toàn bộ cho một giám đốc, coi đó là công việc chuyên môn của giám đốc đó; mặt khác, mỗi giám đốc đảm đương việc giám sát riêng từng xí nghiệp hoặc các tập đoàn xí nghiệp gần gũi nhau về ngành và về quyền lợi"... (Chủ nghĩa tư bản đã phát triển tới mức độ *giám sát* được một cách có tổ chức từng xí nghiệp)... "Giám đốc này thì chuyên về công nghiệp Đức, đôi khi thậm chí chỉ chuyên về công nghiệp Tây Đức thôi" (Tây Đức là bộ phận có nền công nghiệp phát triển nhất trong nước Đức); "các giám đốc khác thì chuyên liên hệ với các nước khác và với công nghiệp nước ngoài, tìm hiểu về cá nhân các nhà kinh doanh công nghiệp, v. v. , làm những công việc giao dịch, v. v.. Ngoài ra, một giám đốc của ngân hàng thường được giao cho quản lý riêng một khu vực hoặc một ngành công nghiệp riêng; người này chủ yếu làm việc trong các hội đồng giám sát của các công ty điện, người kia làm việc trong các nhà máy hoá chất, các nhà máy bia hoặc các nhà máy đường, người khác nữa lại làm việc trong một số ít xí nghiệp còn ở riêng lẻ và đồng

thời làm việc trong hội đồng giám sát của các công ty bảo hiểm... Tóm lại, không nghi ngờ gì nữa, trong các ngân hàng lớn, tuy theo quy mô hoạt động được mở rộng và tính chất nhiều vẻ trong sự hoạt động tăng lên, mà sự phân công giữa những người lãnh đạo các ngân hàng đó càng được rõ ràng hơn, nhằm mục đích (và đạt được kết quả) là nâng họ lên, có thể nói như vậy, cao hơn những hoạt động thuần túy ngân hàng một chút; làm cho họ có thêm khả năng xét đoán hơn, thông thạo hơn trong các vấn đề chung của công nghiệp và trong các vấn đề riêng của từng ngành công nghiệp khác nhau, chuẩn bị cho họ có khả năng hoạt động trong phạm vi ảnh hưởng của ngân hàng đối với công nghiệp. Ngoài phương pháp này ra, các ngân hàng còn có thêm một khuynh hướng muốn bầu vào hội đồng giám sát của ngân hàng những người hiểu biết nhiều về công nghiệp, những nhà kinh doanh, những cựu viên chức, nhất là những người đã từng làm việc trong các ngành đường sắt, hầm mỏ", v. v.\*.

Trong ngành ngân hàng Pháp, chúng ta thấy cũng có những cơ quan cùng loại như thế, nhưng chỉ hơi khác một chút về hình thức. Chẳng hạn "Ngân hàng tín dụng Ly-ông", một trong ba ngân hàng lớn nhất ở Pháp, đã tổ chức cơ quan đặc biệt là "phòng thu thập tin tức tài chính" (service des études financières). Cơ quan này thường xuyên dùng hơn 50 kỹ sư, nhà thống kê, nhà kinh tế học, nhà luật học, v. v. và chi phí hàng năm từ 6 đến 7 trăm nghìn phrăng. Cơ quan này lại chia thành 8 bộ phận, bộ phận thứ nhất phụ trách thu lượm tin tức chỉ riêng về các xí nghiệp công nghiệp, bộ phận thứ hai nghiên cứu thống kê chung, bộ phận thứ ba nghiên cứu các công ty đường sắt và công ty tàu thủy, bộ phận thứ tư nghiên cứu tiền vốn, bộ phận thứ năm nghiên cứu các báo cáo tài chính, v. v.\*\*.

\* I-ây-đen-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr.156-157.

\*\* Bài của Eug. Kaufmann nói về những ngân hàng Pháp, trong tạp chí "Die Bank", 1909, 2, tr.851 và những trang sau.

Kết quả, một mặt là có sự hợp nhất ngày càng chặt chẽ giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, hoặc như N. I. Bu-kharin đã nói một cách rất đạt, là có sự hoà vào nhau giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, và mặt khác là có sự phát triển của các ngân hàng thành những cơ quan thật sự có "tính chất vạn năng". Chúng tôi thấy cần dẫn ra những câu nói chính xác về vấn đề này của I-ây-đen-xơ, một tác giả đã nghiên cứu vấn đề này kỹ hơn ai hết:

"Việc nghiên cứu toàn bộ những mối liên hệ công nghiệp đưa đến kết quả là làm cho ta thấy *tính chất vạn năng* của các cơ quan tài chính hoạt động cho công nghiệp. Trái với những hình thức khác của ngân hàng, trái với những yêu cầu đôi khi đã được người ta nêu ra trên sách báo đòi ngân hàng phải chuyên môn hoá trong một lĩnh vực hoạt động hoặc trong một ngành công nghiệp nhất định để khỏi mất chỗ đứng, – các ngân hàng lớn đều cố gắng làm cho những mối liên hệ với các xí nghiệp công nghiệp trở nên hết sức nhiều về về phương diện nơi sản xuất và loại hàng sản xuất, cố gắng xoá bỏ những hiện tượng phân phối tư bản không đều nhau giữa các địa phương hoặc giữa các ngành công nghiệp khác nhau, những hiện tượng nảy sinh ra từ lịch sử phát triển của các xí nghiệp". "Một xu hướng muốn làm cho sự liên hệ với công nghiệp trở thành một hiện tượng chung, một xu hướng khác lại muốn làm cho sự liên hệ ấy được vững chắc và ngày càng được tăng cường; cả hai xu hướng này đều đã được thực hiện trong sáu ngân hàng lớn, tuy chưa đầy đủ nhưng với một quy mô đáng kể và với một mức độ ngang nhau".

Người ta vẫn thường nghe thấy các giới công thương nghiệp phàn nàn về "sự khủng bố" của ngân hàng. Không có gì đáng ngạc nhiên khi những lời phàn nàn ấy được thốt ra vào lúc các ngân hàng lớn "chỉ huy" theo cách mà một ví dụ dưới đây sẽ chỉ rõ. Ngày 19 tháng Mười một 1901, một trong những ngân hàng mà người ta gọi là ngân hàng *d* ở Béc-lanh (tức là bốn ngân hàng lớn nhất, tên gọi của các

ngân hàng này đều bắt đầu bằng chữ *d*) đã gửi cho ban quản trị của Xanh-đi-ca xi-măng miền Trung-Tây-Bắc nước Đức bức thư sau đây: "Theo thông báo mà các ngài đăng ngày 18 tháng này, trong một tờ báo nọ, thì thấy rõ rằng chúng tôi sẽ phải tính đến khả năng là kỳ hội nghị chung sắp tới của xanh-đi-ca các ngài, định họp vào ngày 30 này, sẽ có những quyết định có thể dẫn đến những thay đổi trong doanh nghiệp của các ngài, không thích hợp với chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi rất lấy làm tiếc rằng chúng tôi buộc lòng sẽ phải thôi không cấp cho các ngài khoản tín dụng mà trước kia vẫn cấp cho các ngài... Nhưng nếu hội nghị nói trên không thông qua những quyết định không thích hợp với chúng tôi và nếu trong tương lai chúng tôi có được những bảo đảm thích đáng về mặt này, thì chúng tôi tuyên bố sẵn sàng thương lượng với các ngài để mở một khoản tín dụng mới".

Thực chất, đó cũng lại là sự phàn nàn của tư bản nhỏ về sự áp bức của tư bản lớn, nhưng lần này thì cả một xanh-đi-ca bị rơi xuống hàng những "tư bản nhỏ"! Cuộc đấu tranh xưa kia giữa tư bản nhỏ và tư bản lớn lại tái diễn trên một mức độ phát triển mới, vô cùng cao hơn. Cố nhiên, do nắm trong tay hàng nghìn triệu, các ngân hàng lớn cũng có khả năng thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật bằng những thủ đoạn mà những phương tiện trước kia không thể bì nổi. Chẳng hạn, các ngân hàng lập ra những hội chuyên nghiên cứu kỹ thuật, mà kết quả của những công trình nghiên cứu kỹ thuật, thì cố nhiên chỉ có những xí nghiệp công nghiệp "bạn" mới được hưởng. Thuộc vào số những hội này có "Hội nghiên cứu vấn đề đường sắt chạy điện", "Cục trung ương nghiên cứu khoa học - kỹ thuật", v. v..

Bản thân những người lãnh đạo các ngân hàng lớn cũng không thể không thấy rằng trong nền kinh tế quốc dân hiện

\* Dr. Oscar Stillech. "Geld-und Bankwesen". Berlin, 1907, tr.147.

đang hình thành những điều kiện mới, nhưng họ bất lực trước những điều kiện đó:

"Trong những năm gần đây – I-ây-đen-xơ viết – ai mà quan sát sự thay đổi những người giữ chức giám đốc và những uỷ viên các hội đồng giám sát của các ngân hàng lớn, thì người đó không thể không thấy rằng quyền bính dần dần đã chuyển qua tay những người nào coi việc can thiệp tích cực vào sự phát triển chung của công nghiệp là một nhiệm vụ cần thiết và ngày càng khẩn cấp của các ngân hàng lớn, và đồng thời giữa những người này và các giám đốc cũ của các ngân hàng đã nảy ra những bất đồng trong quan hệ nghiệp vụ và thường cả trong quan hệ cá nhân nữa. Về thực chất thì vấn đề là ở chỗ phải xem các ngân hàng, với tư cách là những cơ quan tín dụng, có vì can thiệp như thế vào quá trình sản xuất công nghiệp mà bị tổn thất không; xem những ngân hàng đó có hy sinh hay không những nguyên tắc vững chắc và một khoản lời chắc chắn cho một hoạt động không dính dáng gì đến vai trò làm trung gian trong việc cấp tín dụng, và đưa ngân hàng đến một lĩnh vực trong đó nó phải chịu, nhiều hơn trước kia, sự chi phối mù quáng của tình hình công nghiệp. Nhiều người trong số các nhà lãnh đạo cũ của ngân hàng đều nói như thế, nhưng phần lớn các nhà lãnh đạo trẻ tuổi lại xem việc can thiệp tích cực vào những vấn đề của công nghiệp là một tất yếu cũng giống như sự tất yếu đã làm nảy sinh ra cả những ngân hàng lớn và doanh nghiệp ngân hàng công nghiệp mới nhất, song song với sự phát triển của công nghiệp lớn hiện đại. Cả hai bên đều chỉ đồng ý với nhau trên một điểm là: trong hoạt động mới của các ngân hàng lớn, không có những nguyên tắc vững chắc được, cũng như không có mục đích cụ thể được" \*.

Chủ nghĩa tư bản cũ đã lỗi thời rồi. Chủ nghĩa tư bản mới là một bước quá độ sang một cái gì đó. Tìm "những

\* I-ây-đen-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr.183-184.

nguyên tắc vững chắc và một mục đích cụ thể" để "điều hoà" độc quyền với cạnh tranh tự do, thì đó dĩ nhiên là một việc vô hy vọng. Những lời thú nhận của các nhà thực tiễn không giống một chút nào với những lời tán dương quan phương của bọn bên vực chủ nghĩa tư bản, như Sun-tê- Ghê-véc-ni-txơ, Líp-man và các "nhà lý luận" loại đó vẫn tán dương những điều tuyệt mỹ của chủ nghĩa tư bản "có tổ chức" <sup>146</sup>.

"Hoạt động mới" của các ngân hàng lớn được xác lập một cách dứt khoát chính vào thời kỳ nào? Về câu hỏi quan trọng này, ta thấy I-ây-đen-xơ trả lời khá chính xác:

"Với tính cách là hiện tượng tiêu biểu của nền kinh tế quốc dân, những mối liên hệ giữa các xí nghiệp công nghiệp, với nội dung mới, với hình thức mới, với những cơ quan mới của những mối liên hệ đó, tức là những ngân hàng lớn được tổ chức một cách vừa tập trung đồng thời vừa phân tán, - đã hình thành chưa chắc có phải trước những năm 1890; theo một ý nghĩa nào đó, người ta thậm chí có thể đặt khởi điểm ấy vào trước năm 1897 là năm có những sự "hợp nhất" lớn giữa các xí nghiệp, những sự hợp nhất này, vì những lý do thuộc về chính sách công nghiệp của các ngân hàng, mà lần đầu tiên đã áp dụng hình thức mới về tổ chức phân tán. Có lẽ có thể đặt khởi điểm đó vào một thời gian muộn hơn nữa, vì chỉ có cuộc khủng hoảng năm 1900 mới thúc đẩy hết sức nhanh chóng quá trình tập trung trong công nghiệp, cũng như trong ngành ngân hàng, mới củng cố vững chắc quá trình đó, và lần đầu tiên mới biến những mối quan hệ với công nghiệp thành sự độc quyền thật sự của các ngân hàng lớn, làm cho những quan hệ đó được chặt chẽ hơn và tăng cường hơn trước rất nhiều" \*.

Như vậy là thế kỷ XX đánh dấu một bước ngoặt từ chủ nghĩa tư bản cũ sang chủ nghĩa tư bản mới, từ sự thống trị của tư bản nói chung sang sự thống trị của tư bản tài chính.

\* I-ây-đen-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr.181.



### III. TƯ BẢN TÀI CHÍNH VÀ BỌN ĐẦU SỞ TÀI CHÍNH

Hin-phéc-đinh viết: "Một bộ phận ngày càng lớn của tư bản công nghiệp không thuộc về các nhà kinh doanh công nghiệp vẫn sử dụng nó. Những người này chỉ có thông qua ngân hàng mới sử dụng được tư bản, và đối với họ ngân hàng là những người sở hữu tư bản đó. Mặt khác, ngay ngân hàng cũng bắt buộc phải bỏ một bộ phận tư bản ngày càng lớn của nó vào công nghiệp. Nhờ đó ngân hàng, với mức độ luôn luôn tăng lên, trở thành nhà tư bản công nghiệp. Tư bản ngân hàng ấy - tức là tư bản dưới dạng tiền - qua đó trên thực tế đã biến thành tư bản công nghiệp, tôi gọi nó là tư bản tài chính". "Tư bản tài chính là tư bản do ngân hàng chi phối và do các nhà công nghiệp sử dụng"\*.

Định nghĩa này chưa đầy đủ, vì nó không chỉ rõ một trong những yếu tố quan trọng nhất, cụ thể là sự tập trung sản xuất và tư bản đã phát triển mạnh đến nỗi đang và đã dẫn đến độc quyền. Nhưng nói chung, toàn bộ sự trình bày của Hin-phéc-đinh và nói riêng hai chương trước, chương mà chúng tôi rút ra định nghĩa đó, đều nhấn mạnh vai trò của các *tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa*.

Sự tập trung sản xuất, các tổ chức độc quyền sinh ra từ sự tập trung đó; sự hợp nhất hay sự hoà vào nhau giữa ngân hàng và công nghiệp - đó là lịch sử phát sinh của tư bản tài chính và là nội dung của khái niệm tư bản tài chính.

Giờ đây, chúng ta cần chuyển qua việc mô tả để thấy rõ, trong hoàn cảnh chung của nền sản xuất hàng hoá và của chế độ tư hữu, sự "lộng hành" của các tổ chức độc quyền tư bản tất nhiên trở thành sự thống trị của một bọn đầu sở tài chính. Chúng tôi xin nêu rõ là những người đại biểu cho

\* R. Hin-phéc-đinh. "Tư bản tài chính". M., 1912, tr.338 - 339.

khoa học tư sản Đức - và không phải chỉ đại biểu cho khoa học Đức không thôi - như Rít-xơ, Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ, Líp-man, v. v., đều hoàn toàn là những kẻ bệnh vực chủ nghĩa đế quốc và tư bản tài chính. Họ không vạch trần "cách thức" hình thành ra bọn đầu sở tài chính ấy, các phương pháp của chúng, quy mô của những món thu nhập "lương thiện và không lương thiện" của chúng, những liên hệ của chúng với các nghị viện, v. v. và v. v. , mà lại che giấu và tô điểm cho những cái đó. Đối với những "vấn đề đáng nguyên rủa" thì họ lẩn tránh bằng những lời vừa ra vẻ quan trọng, vừa tối tăm, bằng những lời kêu gọi "tinh thần trách nhiệm" của các giám đốc ngân hàng, bằng lời ca tụng "tinh thần vì nghĩa vụ" của người viên chức Phổ, bằng cách phân tích nghiêm chỉnh những điều vụn vặt trong các dự luật hoàn toàn không nghiêm chỉnh về "sự giám sát" và "quy chế", bằng trò chơi những câu lý luận rỗng tuếch, chẳng hạn như câu định nghĩa có tính chất "khoa học" dưới đây mà giáo sư Líp-man đã viết ra: "... **thương mại là một hoạt động kinh doanh thu nhận những của cải, bảo quản và trao những của cải đó vào tay người sử dụng**"\* (chữ in đậm nét là ở trong tác phẩm của vị giáo sư đó)... Vậy là thương mại đã có từ hồi con người nguyên thủy chưa biết trao đổi, và thương mại sẽ tồn tại cả trong xã hội xã hội chủ nghĩa!

Nhưng những sự thật quái dị về sự thống trị quái dị của bọn đầu sở tài chính đã quá rõ ràng đến nỗi trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, ở Mỹ cũng như ở Pháp, ở Đức, đã xuất hiện những sách báo, tuy là đứng trên quan điểm *tư sản*, nhưng cũng vẽ lên được một bức tranh gần xác thực và cũng đã phê phán - cố nhiên là phê phán theo kiểu tiểu thị dân - bọn đầu sở tài chính.

"Chế độ tham dự" mà chúng tôi đã nói sơ qua ở trên, phải được coi là điều quan trọng nhất. Sau đây là sự mô tả

\* R. Liefmann, tác phẩm đã dẫn, tr.476.

về thực chất vấn đề đó của nhà kinh tế học Đức Hai-man, có lẽ là người đầu tiên đã chú ý đến vấn đề đó:

"Người lãnh đạo đứng ra kiểm soát công ty gốc (theo đúng chữ là "công ty mẹ"); công ty gốc lại chi phối các công ty phụ thuộc vào nó (các "công ty con"); các công ty con này lại chi phối các "công ty cháu", v. v.. Như vậy không cần có một số tư bản thật rất lớn mà người ta vẫn có thể chi phối được những lĩnh vực sản xuất rất lớn. Thật thế, nếu có 50% tổng số tư bản là luôn luôn đủ để kiểm soát một công ty cổ phần, thì người lãnh đạo chỉ cần có 1 triệu là có thể kiểm soát được tư bản 8 triệu trong các "công ty cháu". Và nếu lối "tổ chức móc xích" ấy cứ phát triển lên, thì với 1 triệu, người ta có thể kiểm soát được 16 triệu, 32 triệu, v. v."<sup>\*</sup>

Trên thực tế, kinh nghiệm chứng tỏ rằng chỉ cần có 40% số cổ phiếu cũng đủ để chi phối công việc của một công ty cổ phần<sup>\*\*</sup>, vì một số nào đó những cổ đông nhỏ ở rải rác, thực tế họ không có một khả năng nào để tham dự các hội nghị chung v. v.. Sự "dân chủ hoá" việc sở hữu cổ phiếu, mà bọn nguy biện tư sản và bọn cơ hội cũng tự xưng là "những người dân chủ - xã hội" đang hy vọng (hoặc đang quả quyết rằng chúng hy vọng) là sẽ dẫn đến chỗ "dân chủ hoá tư bản", tăng cường vai trò và ý nghĩa của sản xuất nhỏ, v. v., - thật ra chỉ là một trong những phương pháp tăng thêm uy lực cho bọn đầu sỏ tài chính<sup>147</sup>. Vì thế trong các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến hơn hay kỳ cựu và "có kinh nghiệm" hơn, thì pháp luật cho phép phát hành những cổ phiếu nhỏ. Ở Đức, theo luật pháp, giá một cổ phiếu không được dưới 1 000 mác, nên bọn trùm tài chính Đức nhìn nước Anh bằng con mắt ghen tị, vì ở đây luật pháp cho phép phát hành những cổ phiếu trị giá 1 li-vơ xtéc-linh

<sup>\*</sup>Hans Gideon Heymann. "Die gemischten Werke im deutschen Grobeisengewerbe". St. 1904, tr.268 - 269.

<sup>\*\*</sup> Liefmann, "Beteiligungsges. etc.", tr.258, xuất bản lần thứ nhất.

(= 20 mác, gần 10 rúp). Xi-men-xơ, một trong số những nhà công nghiệp lớn nhất và một trong "những ông vua tài chính" ở Đức, ngày 7 tháng Sáu 1900, đã tuyên bố trước Quốc hội Đức rằng "cổ phiếu trị giá 1 li-vơ xtéc-linh là cơ sở của chủ nghĩa đế quốc Anh"<sup>\*</sup>. Nhà buôn này quan niệm về chủ nghĩa đế quốc một cách rõ ràng sâu sắc hơn, "mác-xít" hơn là tác giả bất lịch sự nọ, một người được coi là người sáng lập ra chủ nghĩa Mác ở Nga<sup>148</sup>, mà lại cho rằng chủ nghĩa đế quốc là một đặc tính xấu của một dân tộc nào đó...

Nhưng "chế độ tham dự" không phải chỉ dùng để làm cho quyền lực của bọn độc quyền hết sức tăng lên mà thôi, ngoài ra nó còn cho phép làm những việc đen tối bản thủ đủ loại và cho phép vơ vét của công chúng mà không bị trừng phạt gì cả, bởi vì về phương diện chính thức, theo pháp luật, thì bọn lãnh đạo "công ty mẹ" không chịu trách nhiệm về "công ty con", vì "công ty con" được coi như "độc lập", và *thông qua* công ty con này, chúng có thể "làm" *bất cứ cái gì* cũng được. Dưới đây là một ví dụ mà chúng tôi rút trong tạp chí "Ngân hàng" ở Đức, số ra tháng Năm 1914:

"Công ty cổ phần sản xuất thép lò xo" ở Cát-xen, trước đây vài năm vẫn còn được coi là một trong những doanh nghiệp Đức có nhiều thu nhập hơn cả. Vì quản lý kém nên lợi tức cổ phần của nó từ 15% tụt xuống 0%. Sở dĩ như vậy là vì ban giám đốc, không cho các cổ đông biết, đã cho một trong những "công ty con" của nó, công ty "Hát-xi-a", mà số tư bản danh nghĩa chỉ có vài chục vạn mác thôi, vay *6 triệu mác*. Trong bảng cân đối của "công ty mẹ" không hề nói gì đến khoản cho vay đó, khoản cho vay này lớn gần gấp ba tư bản cổ phần của "công ty mẹ"; đứng về pháp lý mà nói, thì việc lờ đi như thế vẫn hoàn toàn hợp pháp, và có thể lờ đi như thế trong hai năm trường vì làm như vậy vẫn không phạm một điều nào của thương luật. Viên chủ

<sup>\*</sup> Schulze - Gaevernitz trong "Grdr. d. S. - Oek.", V, 2, tr.110.

tịch hội đồng giám sát, với tư cách là người có trách nhiệm, đã ký vào các bảng cân đối giá đó, trước đây và hiện nay viên đó vẫn làm chủ tịch phòng thương mại Cát-xen. Chỉ mãi rất lâu về sau, các cổ đông mới biết về việc cho công ty "Hát-xi-a" vay tiền đó khi mà việc này được xác nhận là sai lầm..." (đáng lẽ tác giả phải để danh từ này trong ngoặc kép mới phải)... "và khi các cổ phiếu của "công ty thép lò xo" đã bị hạ giá gần 100% vì bị những người đã rõ chuyện đem bán tống bán tháo đi...

*Ví dụ điển hình này về cái trò xiếc với các bảng cân đối, cái trò xiếc thông thường nhất* trong các công ty cổ phần, giải thích cho ta hiểu vì sao ban quản trị các công ty đó lại dám làm những việc mạo hiểm một cách dễ dãi hơn rất nhiều so với những nhà kinh doanh riêng. Kỹ thuật hiện đại về cách lập bảng cân đối chẳng những đã giúp cho các ban đó che mắt các cổ đông hạng trung không thấy được những việc mạo hiểm, mà còn cho phép những đương sự chính trốn tránh được trách nhiệm trong trường hợp cuộc thí nghiệm bị thất bại, bằng cách bán kịp thời các cổ phiếu của mình, còn nhà kinh doanh riêng thì bản thân phải chịu trách nhiệm về tất cả những việc mình làm...

Các bảng cân đối của nhiều công ty cổ phần giống những bản thoả tịch thời trung cổ, trong đó trước hết người ta phải cạo lớp chữ rõ đi đã, rồi mới có thể tìm thấy những chữ nói lên nội dung thật sự của tài liệu" (thoả tịch là bản giấy da trên đó người ta đã xoá lớp chữ gốc, để viết đè lên một lớp chữ mới).

"Phương pháp giản đơn nhất và, do đó, được dùng nhiều nhất để làm cho các bảng cân đối trở nên không thể hiểu được, là ở chỗ chia một doanh nghiệp thống nhất ra thành mấy bộ phận, bằng cách thành lập hay cho sáp nhập các "công ty con". Đứng trên giác độ những mục đích khác nhau - hợp pháp hay không hợp pháp - mà xét thì phương pháp đó đều có lợi rõ rệt đến nỗi ngày nay trường hợp những công

ty lớn không theo phương pháp đó chỉ là trường hợp thật sự ngoại lệ"\*.

Tác giả dẫn ra "Tổng công ty điện khí" nổi tiếng (A.E.G., mà sau này chúng tôi sẽ còn nói đến) làm ví dụ về một công ty loại lớn nhất và độc quyền, đã áp dụng hết sức rộng rãi phương pháp đó. Năm 1912, người ta tính rằng công ty đó đã tham dự vào 175-200 công ty khác, cố nhiên là nó thống trị các công ty đó, và tổng cộng nắm được một số tư bản khoản  $1\frac{1}{2}$  tỷ mác\*\*.

Tất cả những quy tắc về kiểm soát, về công bố các bảng cân đối, về việc lập một công thức rõ ràng cho những bảng cân đối đó, về việc thiết lập sự giám sát v.v., những cái mà các giáo sư và các quan chức có thiện ý - tức là thiện ý bảo vệ và tô điểm chủ nghĩa tư bản - đưa ra để lưu ý công chúng, - đều chẳng có ý nghĩa gì cả. Vì quyền tư hữu là quyền thiêng liêng, người ta không thể ngăn cấm một ai mua, bán, trao đổi, cầm cố các cổ phần, v.v..

Để xét xem "chế độ tham dự" trong các ngân hàng lớn ở Nga phát triển đến quy mô nào, thì có thể căn cứ vào những số liệu do Ê. A-gát cung cấp, ông này là một viên chức đã làm việc 15 năm ở Ngân hàng Nga - Trung, và hồi tháng năm 1914 đã xuất bản một tác phẩm mà nhan đề có phần không hoàn toàn chính xác: "Những ngân hàng lớn và thị trường thế giới"\*\*\*. Tác giả chia các ngân hàng lớn ở

\* L. Eschwege. "Tochtergesellschaften", "Die Bank", 1914, I, tr. 545<sup>1)</sup>.

\*\* Kurt Heinig. "Der Weg des Elektrotrusts", "Neue Zeit", 1912, 30. Jahrg., 2, tr. 484<sup>2)</sup>.

\*\*\* E. Agahd, "Grobbanken und Weltmarkt. Die wirtschaftliche und politische Bedeutung der Grobbanken im Weltmarkt unter Berücksich -

<sup>1)</sup> L. E-svê-ghe. "Các công ty con", tạp chí "Ngân hàng".

<sup>2)</sup> Cuốc-tơ Hai-ních. "Con đường của tơ-rốt điện", tạp chí "Thời mới", 1912, năm xuất bản thứ 30.

Nga thành hai nhóm cơ bản: a) những ngân hàng hoạt động theo "chế độ tham dự" và b) những ngân hàng "độc lập" (tuy nhiên tác giả đã tùy tiện hiểu "độc lập" đây là độc lập đối với các ngân hàng nước ngoài); nhóm ngân hàng thứ nhất, tác giả lại chia làm ba nhóm nhỏ: 1) có người Đức tham dự, 2) có người Anh tham dự và 3) có người Pháp tham dự, nghĩa là ý nói có "sự tham dự" và thống trị của các ngân hàng lớn nhất của mỗi nước nói trên. Tác giả chia các tư bản ngân hàng thành tư bản đầu tư để "sản xuất" (đầu tư vào thương mại và công nghiệp) và tư bản để "đầu cơ" (dành cho những hoạt động của sở giao dịch và các hoạt động tài chính), và do quan điểm cải lương - tiểu tư sản vốn có của mình, nên tác giả cho rằng trong điều kiện duy trì chế độ tư bản, có thể tách loại đầu tư thứ nhất khỏi loại thứ hai và có thể thủ tiêu loại thứ hai.

Dưới đây là số liệu của tác giả (xem bảng tr. 444. BT.):

Như vậy, theo những số liệu kể trên, thì trong số gần 4 tỷ rúp tư bản "hoạt động" của các ngân hàng lớn, có hơn  $\frac{3}{4}$  tức là hơn 3 tỷ, thuộc về những ngân hàng thật ra chỉ là những "công ty con" của các ngân hàng nước ngoài, trước tiên là của các ngân hàng ở Pa-ri (thuộc bộ ba nổi tiếng sau đây: "Liên hiệp ngân hàng Pa-ri", "Ngân hàng Pa-ri và Hà-lan", "Tổng công ty") và của các ngân hàng ở Béc-lanh (nhất là "Ngân hàng Đức" và "Công ty chiết khấu"). Hai ngân hàng lớn nhất ở Nga là "Ngân hàng Nga" ("Ngân hàng ngoại thương Nga") và "Ngân hàng quốc tế" ("Ngân hàng thương mại quốc tế ở Xanh Pê-téc-bua"), từ năm 1906 đến 1912, đã

tiung ihres Einflusses auf Runblands Volkswirtschaft nud die deutsh - russischen Beziehungen". Berl., 1914<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Ê. A-gát. "Những ngân hàng lớn và thị trường thế giới. Ý nghĩa kinh tế và chính trị của những ngân hàng lớn trên thị trường thế giới xét về mặt ảnh hưởng của chúng đối với nền kinh tế quốc dân của Nga và quan hệ Đức - Nga". Béc-lanh.

Số có của các ngân hàng (theo các báo cáo tháng Mười - tháng Mười một 1913) tính theo triệu rúp

Các nhóm ngân hàng Nga:	Tư bản đầu tư		
	để sản xuất	để đầu cơ	cộng
a 1) 4 ngân hàng: Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri, Ngân hàng Nga, Ngân hàng quốc tế, Ngân hàng chiết khấu.....	413,7	859,1	1 272,8
a 2) 2 ngân hàng: Ngân hàng công thương nghiệp, Ngân hàng Nga-Anh.....	239,3	169,1	408,4
a 3) 5 ngân hàng: Ngân hàng Nga - Á, Ngân hàng tư nhân ở Xanh Pê-téc-bua, Ngân hàng A-dốp - Đôn, Liên hợp ngân hàng Mát-xcơ-va, Ngân hàng thương mại Nga - Pháp.....	711,8	661,2	1 373,0
(II Ngân hàng) Cộng..... a) =	1 364,8	1 689,4	3 054,2
b) 8 ngân hàng: Ngân hàng thương nhân Mát-xcơ-va, Ngân hàng Vôn-ga - Ca-ma, Ngân hàng Gioong-ke và công ty, Ngân hàng thương mại Xanh Pê-téc-bua (nguyên là Va-ven-béc), Ngân hàng Mát-xcơ-va (nguyên là của Ri-a-bu-sin-xki), Ngân hàng chiết khấu Mát-xcơ-va, Ngân hàng thương mại Mát-xcơ-va và Ngân hàng tư nhân Mát-xcơ-va.....	504,2	391,1	895,3
(19 ngân hàng) Cộng.....	1 869,0	2 080,5	3 949,5

tăng số tư bản lên từ 44 đến 98 triệu rúp, và số tư bản dự trữ lên từ 15 đến 39 triệu, "mà  $\frac{3}{4}$  số tư bản kinh doanh là dùng tư bản của Đức"; ngân hàng thứ nhất thuộc "công xoóc-xi-om" của "Ngân hàng Đức" ở Béc-lanh và ngân hàng thứ hai thuộc "công xoóc-xi-om" của "Công ty chiết khấu" ở Béc-lanh. Ông A-gát hiện lành hết sức phẫn nộ thấy đa số các cổ phần đã bị các ngân hàng Béc-lanh nắm giữ cả, khiến những cổ

đông người Nga bị bắt lượ. Và cố nhiên là nước nào xuất khẩu tư bản thì nước đó kiếm được phần béo bở hơn: ví dụ như "Ngân hàng Đức" ở Béc-lanh, trong khi phát hành ở Béc-lanh những cổ phiếu của Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri, thì nó đã găm các cổ phiếu đó trong túi mình một năm và sau đó mới đem ra bán theo giá 193%, nghĩa là gần gấp đôi; như thế là nó đã "kiếm được" một số lãi gần 6 triệu rúp mà Hin-phéc-đinh gọi là "tiền lời sáng lập".

Tác giả ước lượng toàn bộ "thực lực" của các ngân hàng lớn nhất ở Pê-téc-bua là 8 235 triệu rúp, tức là gần  $8\frac{1}{4}$  tỷ; còn về việc "tham dự", hay nói cho đúng hơn, về sự thống trị của các ngân hàng nước ngoài, thì ông ta phân định theo tỷ lệ như sau: các ngân hàng của Pháp - 55%; của Anh - 10%; của Đức - 35%. Theo sự tính toán của tác giả, trong số 8 235 triệu này, thì 3 687 triệu tư bản hoạt động, tức là gần 40% thuộc về các xanh-đi-ca: Prô-đu-gôn, Prô-đa-mét, xanh-đi-ca dầu lửa, luyện kim và xi-măng. Vậy là nhờ có sự hình thành các công ty tư bản độc quyền, nên sự hợp nhất giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, cả ở Nga cũng đã có những bước tiến lớn<sup>149</sup>.

Tư bản tài chính, tập trung vào một số ít người và thực tế chiếm địa vị độc quyền, đã thu được những món lời rất lớn và ngày càng tăng lên, trong việc sáng lập các công ty, phát hành các chứng khoán, công trái quốc gia, v.v., và đã củng cố sự thống trị của bọn đầu sỏ tài chính và bắt toàn thể xã hội phải nộp cống cho bọn độc quyền. Dưới đây là một trong vô số ví dụ mà Hin-phéc-đinh đã dẫn ra, về lối "kinh doanh" của những tư-rót Mỹ: năm 1887, nhờ việc hợp nhất 15 công ty nhỏ với số tư bản chung là 6 1/2 triệu đô-la, ông Ha-vê-mai-ơ đã sáng lập ra tư-rót đường. Nhờ đã "pha thêm" – đấy là nói theo lối Mỹ – nên số tư bản của tư-rót này được coi là 50 triệu đô-la. "Đưa tư bản lên gấp bội" như thế là người ta đã tính toán trước những khoản lợi nhuận độc quyền trong tương lai, cũng như tư-rót thép – cũng vẫn

ở Mỹ – tính toán trước những khoản lợi nhuận độc quyền trong tương lai cho nên đã mua ngày càng nhiều vùng đất có mỏ sắt. Quả vậy, tư-rót đường đã quy định những giá cả độc quyền làm cho nó có được những khoản thu nhập đủ để có thể trả 10% lợi tức cổ phần cho số tư bản đã "pha thêm" gấp *bảy lần*, tức là *trả gần 70% cho số tư bản thực tế bỏ ra khi sáng lập tư-rót!* Năm 1909, tư bản của tư-rót này đã lên tới 90 triệu đô-la. Trong hai mươi hai năm, tư bản đó đã tăng quá mười lần.

Ở Pháp, sự thống trị của "bọn đầu sỏ tài chính" ("Chống bọn đầu sỏ tài chính ở Pháp" - đó là nhan đề cuốn sách nổi tiếng của Ly-dít, xuất bản lần thứ năm, năm 1908) chỉ mang một hình thức hơi khác thôi. Bốn ngân hàng lớn nhất hưởng "độc quyền" không phải tương đối mà là "tuyệt đối" trong việc phát hành các chứng khoán. Thực tế, đó là một "tư-rót các ngân hàng lớn". Và do có độc quyền mà tư-rót này có được những lợi nhuận độc quyền trong khi phát hành các chứng khoán. Nước đi vay thường không nhận được quá 90% tổng số tiền vay, vì 10% là rơi vào tay các ngân hàng và những trung gian khác. Tiền lãi của các ngân hàng về khoản 400 triệu phrăng công trái Nga - Trung là 8%, về khoản 800 triệu công trái Nga (năm 1904) là 10%, về khoản 62 1/2 triệu phrăng công trái Ma-rốc (năm 1904) là 18 3/4%. Chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu bước phát triển của nó với tư bản cho vay nặng lãi quy mô nhỏ, thì nay nó kết thúc bước phát triển đó với tư bản cho vay nặng lãi quy mô rất lớn. "Người Pháp - Ly-dít nói - là những người cho vay nặng lãi ở châu Âu". Do sự thoái hoá đó của chủ nghĩa tư bản, mà tất cả các điều kiện của đời sống kinh tế đều thay đổi sâu sắc. Ngay cả trong lúc dân số không tăng lên và công nghiệp, thương mại cùng với ngành vận tải đường biển lâm vào tình trạng tiêu điều, thì "nước nhà" vẫn có thể làm giàu bằng lối cho vay nặng lãi. "Năm mươi người, đại biểu cho một số tư bản 8 triệu phrăng có thể chi phối *hai tỷ*

phrăng trong 4 ngân hàng". Chế độ "tham dự", mà chúng ta đã rõ, cũng dẫn đến cùng một kết quả như vậy: "Tổng công ty" (Société Générale), một trong những ngân hàng lớn nhất, phát hành 64 000 trái khoán của "công ty con" tên là "Xưởng sản xuất đường miếng ở Ai - cập". Giá trái khoán lúc phát hành là 150%, tức là cứ một rúp thì ngân hàng kiếm lời được 50 cô-pêch. Sự thật thì số lợi tức cổ phần của công ty ấy là giả mạo, và "công chúng" đã mất từ 90 tới 100 triệu phrăng; "một trong những giám đốc của "Tổng công ty" là uỷ viên ban quản trị của "Xưởng sản xuất đường miếng ở Ai- cập"<sup>1)</sup>. Không có gì đáng ngạc nhiên cả nếu tác giả buộc phải kết luận rằng: "nước cộng hoà Pháp là một nước quân chủ về tài chính"; "bạn đầu sỏ tài chính hoàn toàn thống trị, chúng thống trị cả báo chí, cả chính phủ" \*.

Tính chất sinh lợi đặc biệt của việc phát hành chứng khoán, một trong những hoạt động chủ yếu của tư bản tài chính, đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phát triển và củng cố bạn đầu sỏ tài chính. Tạp chí "Ngân hàng"<sup>2)</sup> Đức viết: "Trong nước không có một công việc kinh doanh nào có thể mang lại được, dù chỉ xấp xỉ thôi, những lợi nhuận cao như việc đứng làm trung gian để phát hành công trái cho nước ngoài".

"Không có một hoạt động ngân hàng nào có thể đem lại những lợi nhuận cao như việc phát hành chứng khoán". Theo số liệu của "Nhà kinh tế học Đức", thì lợi nhuận đã thu

\* Lysis. "Contre l'oligarchie financière en France". 5 éd., P., 1908, pp. II, 12, 26, 39, 40, 48<sup>1)</sup>.

\*\* "Die Bank", 1913, Ng 7, S. 630.

<sup>1)</sup> Li-dít. "Chống bạn đầu sỏ tài chính ở Pháp". Xuất bản lần thứ 5, Pa-ri, 1908, tr. 11, 12, 26, 39, 40, 48.

được trong việc phát hành chứng khoán của các xí nghiệp công nghiệp, tính trung bình hàng năm là:

1895 - 38,6%	1898 - 67,7%
1896 - 36,1%	1899 - 66,9%
1897 - 66,7%	1900 - 55,2%

"Trong mười năm, từ 1891 đến 1900, việc phát hành chứng khoán công nghiệp ở Đức đã làm cho người ta "kiếm được" hơn một tỷ"<sup>2)</sup>.

Nếu trong thời kỳ công nghiệp phồn vinh, tư bản tài chính thu được những món lợi nhuận vô cùng to lớn, thì trong thời kỳ suy sụp, những xí nghiệp nhỏ và những xí nghiệp không vững chắc bị tiêu vong đi, còn các ngân hàng lớn thì "tham dự" vào việc mua các xí nghiệp đó với giá rẻ mạt, hoặc "tham dự" vào những việc "hồi phục" và "cải tổ" có lời. Trong việc "hồi phục" những xí nghiệp thua lỗ, thì "tư bản cổ phần bị giảm xuống, nghĩa là số thu nhập được đem phân phối theo số tư bản ít hơn trước, và về sau, cứ căn cứ vào đó mà tính toán. Hoặc giả, nếu không sinh lợi được nữa, thì người ta lại thu hút tư bản mới; tư bản này, hợp vào tư bản cũ sinh lợi ít hơn, sẽ mang lại một khoản thu nhập khá lớn. Nhân đây cũng nên nói rằng – Hin-phéc-đinh nói thêm – tất cả những việc hồi phục và cải tổ ấy đều có hai ý nghĩa đối với các ngân hàng: thứ nhất, đó là một việc làm có lời và, thứ hai, là một cơ hội thuận lợi để bắt các công ty bị túng quẫn ấy lệ thuộc vào mình" \*\*.

Một ví dụ: công ty mỏ cổ phần "Liên hợp" ở Đóc-mun, sáng lập năm 1872, đã phát hành cổ phiếu cho số tư bản cổ phần gần 40 triệu mác; sau khi đã trả năm đầu 12% lợi tức

\* Stillich, tác phẩm đã dẫn, tr. 143 và W. Sombart. "Die deutsche Volkswirtschaft im 19. Jahrhundert". 2. Aufl., 1909, tr. 526, Anlage 8<sup>1)</sup>.

\*\* "Tư bản tài chính", tr. 172.

<sup>1)</sup> V. Dôm-bác-tơ. "Kinh tế quốc dân của nước Đức vào thế kỷ XIX". Xuất bản lần thứ 2, 1909, tr. 526, Phụ lục 8.

cổ phần, thì giá cổ phần của nó lên đến 170%. Tư bản tài chính thu được phân bét bỏ nhất, kiếm được một khoản nhỏ khoảng 28 triệu mác. Khi thành lập công ty ấy, vai trò chủ yếu thuộc về "Công ty chiết khấu", tức là thuộc về chính cái ngân hàng Đức lớn nhất đã đạt được một cách êm ả thuận lợi số tư bản 300 triệu mác. Rồi sau, số lợi tức cổ phần của công ty "Liên hợp" lại tụt xuống không còn gì cả. Các cổ đông buộc phải đồng ý để cho người ta "trừ bớt" tư bản, nghĩa là chịu mất một phần tư bản để khỏi mất hết cả. Và thế là do một số lần "hồi phục" mà hơn 73 triệu mác, trong vòng 30 năm, đã biến khỏi sổ sách của công ty "Liên hợp". "Hiện giờ, những cổ đông đầu tiên của công ty đó chỉ còn nắm có 5% giá trị danh nghĩa của các cổ phần của họ"\*, song cứ mỗi lần "hồi phục" thì các ngân hàng lại tiếp tục "kiếm chác".

Việc đầu cơ những đất đai xung quanh các thành phố lớn đang phát triển nhanh, cũng là một hoạt động đặc biệt có lời cho tư bản tài chính. Ở đây, độc quyền của các ngân hàng hợp nhất với độc quyền về địa tô và độc quyền về đường giao thông, vì việc giá đất lên cao, khả năng bán có lời từng vùng đất, v.v. đều phụ thuộc nhiều nhất vào những đường giao thông tốt gắn liền với trung tâm thành phố, mà những đường giao thông này lại nằm trong tay các công ty lớn gắn bó cùng với những ngân hàng ấy bằng chế độ tham dự và bằng sự phân phối các ghế giám đốc. Thế là để ra cái mà nhà triết học Đức L. E-svê-ghe, cộng tác viên của tạp chí "Ngân hàng", chuyên nghiên cứu về những việc buôn bán và cầm cố đất đai, v.v., đã gọi là cái "vũng lầy": việc điên cuồng đầu cơ những đất đai ngoại ô thành phố, sự phá sản của các công ty kiến trúc, như công ty "Bô-xvau và Cnau-ơ" ở Béc-lanh, công ty này đã kiếm được 100 triệu mác nhờ có sự trung gian của cái "Ngân hàng Đức" (Deutsche Bank)

\* Stillech, tác phẩm đã dẫn, tr. 138 và Liefmann, tr. 51.

"vũng nhất và lớn nhất", ngân hàng này tất nhiên đã hành động theo chế độ "tham dự", nghĩa là đã hành động bí mật che mắt mọi người, nên đã thoát khỏi bước khó khăn mà "chỉ" mất có 12 triệu mác; rồi sau đó là sự phá sản của các tiểu chủ và của công nhân không được lợi lộc gì ở các công ty kiến trúc hữu danh vô thực; những gian kế xếp đặt với sở cảnh sát "liêm khiết" và các cơ quan hành chính ở Béc-lanh để nắm lấy việc cấp phát các giấy chứng nhận về đất và các giấy phép của Hội đồng thị chính cho xây dựng nhà cửa, v.v. và v.v. \*.

Những "phong tục Mỹ" mà các giáo sư và các nhà tư bản thiện tâm ở châu Âu giả bộ căm phẫn thì đến thời đại tư bản tài chính, đã trở thành phong tục của hết thảy mọi thành phố lớn trong bất cứ một nước nào.

Đầu năm 1914, ở Béc-lanh, người ta đã nói đến việc sẽ tổ chức một "tơ-rốt vận tải", nghĩa là một "cộng đồng lợi ích" giữa ba doanh nghiệp vận tải ở Béc-lanh: đường sắt chạy điện trong thành phố, công ty xe điện và công ty xe ngựa. "Chúng tôi biết có cái ý định đó – tạp chí "Ngân hàng" viết - từ lúc người ta thấy rằng đa số các cổ phần của công ty xe ngựa đều chuyển sang hai công ty vận tải khác.... Người ta có thể hoàn toàn tin lời những người theo đuổi mục đích đó nói rằng họ hy vọng là nhờ sự điều tiết thống nhất đối với ngành vận tải, sẽ có được những món tiết kiệm mà một phần trong đó cuối cùng có thể thuộc về tay công chúng. Nhưng vấn đề trở thành phức tạp do chỗ là đằng sau cái tơ-rốt đang hình thành đó, lại có các ngân hàng có thể – nếu họ muốn – buộc những đường giao thông mà họ giữ độc quyền, phải phục tùng lợi ích của việc buôn bán của họ về đất đai. Để thấy rõ xem giả định ấy là điều tự

\* "Die Bank" 1913, tr. 952, L. Eschwege. "Der Sumpf"<sup>1)</sup>, như trên, 1912, I, tr. 223 và những trang sau.

<sup>1)</sup> "Vũng lầy".

nhiên đến chúng nào, thì chỉ cần nhớ lại rằng ngay từ khi thành lập công ty đường sắt chạy điện trong thành phố, lợi ích của ngân hàng lớn - ngân hàng đã khuyến khích việc lập công ty ấy, - đã xen lẫn trong việc đó rồi. Cụ thể là: lợi ích của doanh nghiệp vận tải này gắn chặt với lợi ích của việc buôn bán đất đai. Sự thể là thế này: đoạn phía Đông của con đường sắt này phải xuyên qua những vùng đất đai mà sau này, khi việc xây dựng con đường đó đã được bảo đảm rồi, ngân hàng đã đem bán lại và thu về một số lợi to lớn cho chính mình và cho vài người tham dự...".\*

Tổ chức độc quyền một khi đã thành hình và thao túng hàng tỷ, thì tuyệt đối nhất thiết là nó phải xâm nhập *hết thảy* các lĩnh vực trong đời sống xã hội bất kể chế độ chính trị và mọi "chi tiết" khác. Các sách báo kinh tế ở Đức thường hay tán dương một cách nô lệ về tinh thần liêm khiết của các viên chức Phổ, và ám chỉ vụ kênh đào Pa-na-ma của Pháp<sup>150</sup> và tình trạng tham nhũng trong chính giới ở Mỹ. Nhưng sự thật là *ngay cả* các sách báo tư sản chuyên về các vấn đề ngân hàng ở Đức, cũng thường xuyên buộc phải vượt ra xa ngoài phạm vi hoạt động có tính chất thuần túy ngân hàng, và phải nói, chẳng hạn, đến tình trạng "hướng về ngân hàng" nhân tình hình ngày càng có nhiều trường hợp các viên chức chuyển sang làm việc cho các ngân hàng: "tinh thần liêm khiết của viên chức nhà nước như thế nào, khi mà trong thâm tâm viên chức đó lại ước ao có một chỗ béo bở nho nhỏ nào đó ở phố Bê-ren?"\*\* tức là phố có trụ sở của "Ngân hàng Đức" ở Béc-lanh. Ông An-phrết Lan-xbước, người xuất bản tạp chí "Ngân hàng" năm 1909, đã viết bài:

\* "Verkehrstrust", "Die Bank", 1914, I, tr. 89<sup>1)</sup>.

\*\* "Der Zug zur Bank", "Die Bank", 1909, I, tr. 79<sup>2)</sup>

1) "Tơ-rót vận tải", tạp chí "Ngân hàng".

2) "Sự hướng về ngân hàng", tạp chí "Ngân hàng".

"Ý nghĩa kinh tế của chủ nghĩa Vi-dăng-tin", cũng là bàn về cuộc hành trình của Vin-hem II đến Pa-le-xtin và "kết quả trực tiếp của cuộc hành trình đó, tức là việc xây dựng con đường sắt Bát-đa, cái "sự nghiệp vĩ đại" và bất hạnh đó "của óc kinh doanh của người Đức" lại là nguyên nhân của tình trạng bị "bao vây", nhiều hơn là tất cả những sai lầm chính trị của chúng ta gộp lại"\* - (người ta hiểu sự bao vây đây là chính sách của Ê-đu-a VII, nhằm cô lập nước Đức bằng vòng vây của khối liên minh các đế quốc chống Đức). Năm 1911, người cộng tác đã nói trên kia của cũng tạp chí đó, ông E-svê-ghe, đã viết một bài nhan đề là: "Bọn tài phiệt và giới viên chức", trong bài này chẳng hạn ông đã lột trần trường hợp của Phuên-cơ, một viên chức Đức nổi tiếng là có nghị lực trong tiểu ban về các các-ten, nhưng sau một thời gian, thì chiếm được một địa vị béo bở trong các-ten lớn nhất là xanh-đi-ca thép. Những trường hợp tương tự như thế - những trường hợp này hoàn toàn không phải ngẫu nhiên, - đã buộc chính nhà trước tác tư sản đó phải thừa nhận rằng "sự tự do kinh tế, được hiến pháp Đức bảo đảm, trong nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế chỉ là một câu nói vô nghĩa", và thừa nhận rằng một khi bọn tài phiệt đã lập được quyền thống trị, thì "ngay cả sự tự do chính trị rộng rãi nhất cũng không thể nào cứu được chúng ta khỏi trở thành một đám người mất tự do" \*\*.

Còn đối với nước Nga, chúng tôi chỉ xin đưa ra một ví dụ: cách đây vài năm, trên khắp các báo chí, đều có đăng tin rằng Đa-vư-đốp, giám đốc cục tín dụng, đã bỏ chức vụ nhà nước của mình để vào làm cho một ngân hàng lớn với một số lương mà theo hợp đồng thì trong vài năm phải lên đến quá 1 triệu rúp. Cục tín dụng là một cơ quan có nhiệm vụ "thống nhất sự hoạt động của tất cả những cơ quan tín

\* "Der Zug zur Bank", "Die Bank", 1909, I, tr. 301.

\*\* Như trên, 1911, 2, tr. 825; 1913, 2, tr. 962.



dụng trong nước", và giúp đỡ tài chính cho các ngân hàng ở thủ đô những khoản từ 800 đến 1 000 triệu rúp\*. ---

Nói chung, đặc tính của chủ nghĩa tư bản là sự tách rời quyền sở hữu tư bản khỏi việc đầu tư tư bản vào sản xuất; sự tách rời tư bản tiền tệ khỏi tư bản công nghiệp hay còn gọi là tư bản sản xuất; sự tách rời người thực lợi, chỉ sống nhờ vào số thu nhập do tư bản tiền tệ mang lại, khỏi nhà kinh doanh và hết thảy những người trực tiếp tham dự việc sử dụng tư bản. Chủ nghĩa đế quốc hay là sự thống trị của tư bản tài chính, là giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản, khi mà sự tách rời ấy đạt tới một quy mô rất lớn. Ưu thế của tư bản tài chính đối với tất cả những hình thức khác của tư bản có nghĩa là bọn thực lợi và bọn đầu sỏ tài chính giữ địa vị thống trị; có nghĩa là một số ít quốc gia "có sức mạnh" tài chính tách khỏi tất cả các quốc gia khác. Người ta có thể biết được quy mô của quá trình đó nhờ số liệu thống kê về việc phát hành chứng khoán, nghĩa là việc phát ra mọi loại chứng khoán.

Trong "Bản tin của Viện thống kê quốc tế". A. Nây-mác-co\*\* đã đăng những số liệu hết sức tỉ mỉ, đầy đủ và có thể so sánh được, về việc phát hành chứng khoán trên toàn thế giới; những số liệu đó sau này có nhiều lần được dẫn ra từng đoạn, trong các sách báo kinh tế<sup>151</sup>. Dưới đây là những con số tổng kết trong 40 năm:

Trong những năm 1870, tổng giá trị các chứng khoán phát hành trên toàn thế giới đã tăng lên, đặc biệt là do các công trái phát hành trong dịp chiến tranh Pháp - Phổ và trong thời kỳ đầu cơ Gruyn-đéc ở Đức tiếp sau cuộc chiến tranh đó.

\* E. Agahd, tr. 202.

\*\* Bulletin de l'institut international de statistique, t. XIX, livr. II. La Haye, 1912<sup>1)</sup>. Những số liệu về những quốc gia nhỏ, cột thứ 2 đại khái theo chỉ tiêu năm 1902, đã được tăng thêm 20%.

<sup>1)</sup> Bản tin của Viện thống kê quốc tế, t. XIX, quyển II, La Hay.

Tổng số chứng khoán phát hành trong từng thời kỳ 10 năm tính theo tỷ phrăng

1871 - 1880.....	76,1
1881 - 1890.....	64,5
1891 - 1900.....	100,4
1901 - 1910.....	197,8

Nói chung, trong khoảng ba mươi năm cuối thế kỷ XIX, việc phát hành chứng khoán tương đối không tăng lên nhanh lắm, và chỉ trong mười năm đầu thế kỷ XX, việc phát hành đó mới tăng lên rất nhiều, trong 10 năm mà tăng gần gấp đôi. Như vậy là thời kỳ đầu của thế kỷ XX là thời kỳ chuyển biến không những về mặt phát triển các tổ chức độc quyền (các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rót) như chúng ta đã nói, mà còn cả về mặt phát triển tư bản tài chính nữa.

Nây-mác-co ước lượng tổng số chứng khoán đã phát hành trên toàn thế giới trong năm 1910 là khoảng 815 tỷ phrăng. Trừ đi một cách phỏng chừng những khoản trùng nhau, ông ta đã giảm tổng số đó xuống 575-600 tỷ. Số tiền này (ta lấy con số 600 tỷ) được phân bổ giữa các nước như sau:

Tổng số chứng khoán năm 1910 (tính theo tỷ phrăng):

Anh.....	142	} 479	Hà - lan.....	12,5
Mỹ.....	132		Bỉ.....	7,5
Pháp.....	110		Tây-ban-nha.....	7,5
Đức.....	95		Thụy-sĩ.....	6,25
Nga.....	31		Đan-mạch.....	3,75
Áo - Hung.....	24		Thụy điển, Na-uy, Ru-	
Ý.....	14		ma-ni, v.v.....	2,5
Nhật.....	12		Tổng cộng.....	600

Căn cứ vào những số liệu đó, người ta thấy ngay rằng bốn nước tư bản chủ nghĩa giàu có nhất nổi bật hẳn lên, mỗi nước này có chừng từ 100 đến 150 tỷ phrăng chứng khoán. Trong bốn nước đó, có hai nước - Anh và Pháp - là những nước tư bản già nhất và, như sau này chúng ta sẽ thấy, là

những nước có nhiều thuộc địa nhất; hai nước khác – Mỹ và Đức – là những nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến xét về mặt phát triển nhanh chóng và về mức độ bành trướng của những tổ chức tư bản độc quyền trong sản xuất. Tính gộp cả lại, 4 nước này có 479 tỷ phrăng, tức là gần 80% số tư bản tài chính trên toàn thế giới. Hầu hết các nước khác trên thế giới đều là, dưới hình thức này hay hình thức khác, con nợ của những nước đó, là kẻ phải nộp cống cho những nước đó, - những chủ ngân hàng quốc tế, bốn "trụ cột" của tư bản tài chính thế giới.

Cần phải đặc biệt xét đến vai trò của việc xuất khẩu tư bản trong việc thành lập ra mạng lưới lệ thuộc và liên hệ quốc tế của tư bản tài chính.

#### IV. XUẤT KHẨU TƯ BẢN

Điểm điển hình của chủ nghĩa tư bản cũ, trong đó sự cạnh tranh tự do còn hoàn toàn thống trị, là việc xuất khẩu *hàng hoá*. Điểm điển hình của chủ nghĩa tư bản mới nhất, trong đó các tổ chức độc quyền thống trị, là việc xuất khẩu *tư bản*.

Chủ nghĩa tư bản là nền sản xuất hàng hoá ở mức độ phát triển cao nhất khi mà chính ngay sức lao động cũng trở thành hàng hoá. Sự phát triển của trao đổi ở trong nước, và đặc biệt là trên quốc tế, là một đặc điểm tiêu biểu của chủ nghĩa tư bản. Sự phát triển không đều và có tính chất nhảy vọt của các doanh nghiệp khác nhau, của các ngành công nghiệp khác nhau và của những nước khác nhau, là điều không tránh khỏi trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Lúc đầu nước Anh trở thành nước tư bản chủ nghĩa đầu tiên và vào giữa thế kỷ XIX trong khi tiến hành tự do buôn bán, nó có tham vọng đóng vai trò "công xưởng của toàn thế giới", người cung cấp các thành phẩm cho hết thảy các nước, còn những nước này, ngược lại, phải cung cấp nguyên liệu cho

nó. Nhưng địa vị độc quyền *ấy* của nước Anh đã bị lung lay trong 25 năm cuối thế kỷ XIX vì nhiều nước khác đã dùng thuế quan "bảo hộ" để tự vệ, đã phát triển thành những nước tư bản độc lập. Bước vào thế kỷ XX, ta thấy hình thành những loại độc quyền khác: thứ nhất, các liên minh độc quyền của bọn tư bản trong tất cả các nước mà chủ nghĩa tư bản phát triển; thứ hai, địa vị độc quyền của một số ít nước giàu nhất, trong đó việc tích lũy tư bản đạt tới những quy mô rất lớn. Tình trạng "tư bản thừa" xuất hiện rất nhiều trong các nước tiên tiến.

Dĩ nhiên, nếu chủ nghĩa tư bản có phát triển được nông nghiệp là lĩnh vực hiện nay, ở mọi nơi, vẫn còn hết sức lạc hậu so với công nghiệp; nếu chủ nghĩa tư bản có thể nâng cao được mức sống của quần chúng nhân dân là những người hiện nay, ở khắp các nước, vẫn còn thiếu ăn và nghèo khổ, mặc dù kỹ thuật tiến bộ rất nhanh, - thì không thể nào có chuyện tư bản thừa được. Và những người đứng trên quan điểm tiểu tư sản để phê phán chủ nghĩa tư bản, thì hầu như lúc nào cũng đưa "lý lẽ" ấy ra. Nhưng như thế thì chủ nghĩa tư bản sẽ không phải là chủ nghĩa tư bản nữa, vì cả tính chất phát triển không đều của nó và mức sống thiếu ăn của quần chúng là những điều kiện và tiền đề căn bản, tất yếu của phương thức sản xuất đó. Chừng nào chủ nghĩa tư bản vẫn còn là chủ nghĩa tư bản, số tư bản thừa vẫn còn được dùng không phải là để nâng cao mức sống của quần chúng trong nước đó, vì như thế thì sẽ đi đến kết quả là làm giảm bớt lợi nhuận của bọn tư bản, - mà là để tăng thêm lợi nhuận bằng cách xuất khẩu tư bản ra nước ngoài, vào những nước lạc hậu. Trong các nước lạc hậu này, lợi nhuận thường cao, vì tư bản hãy còn ít, giá đất đai tương đối thấp, tiền công hạ, nguyên liệu rẻ. Sở dĩ có thể xuất khẩu được tư bản là vì một số nước lạc hậu đã bị lôi cuốn vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản thế giới, những tuyến đường sắt chính đã được xây dựng xong hoặc đã bắt đầu được xây dựng, đã

có những điều kiện tối thiểu để phát triển công nghiệp, v.v.. Sở dĩ cần phải xuất khẩu tư bản là vì trong một số ít nước chủ nghĩa tư bản đã "quá chín", và tư bản thiếu địa bàn đầu tư "có lợi" (trong điều kiện nông nghiệp lạc hậu, quần chúng nghèo khổ).

Sau đây là những số liệu phỏng chừng về số tư bản đầu tư ra nước ngoài của ba nước chủ yếu\*:

Số tư bản đầu tư ở nước ngoài  
(tính theo tỷ phrăng)

N ă m	Anh	Pháp	Đức
1862.....	3,6	—	—
1872.....	15	10 (1869)	—
1882.....	22	15 (1880)	?
1893.....	42	20 (1890)	?
1902.....	62	27 - 37	12,5
1914.....	75 - 100	60	44

\* Hobson. "Imperialism". L., 1902, p. 58; Riesser, tác phẩm đã dẫn, tr. 395 và 404; P. Arndt trong "Weltwirtschaftliches Archiv", Bd. 7, 1916, S. 35<sup>1)</sup> Neymarck trong Bulletin; Hin-phéc-đinh. "Tư bản tài chính", tr. 492; Lloyd George, diễn văn đọc trước hạ nghị viện Anh, ngày 4 tháng Năm 1915, "Daily Telegraph", ngày 5 tháng Năm 1915; B. Harms. "Probleme der Weltwirtschaft". Jena, 1912, S. 235 và các trang sau<sup>2)</sup>; Dr. Siegmund Schiider: "Entwicklungstenden zen der Weltwirtschaft". Berlin, 1912, Bd, I, S. 150<sup>3)</sup>; George Paish. "Great Britain's Capital Investments etc." trong "Journal of the Royal Statistical Society", vol. LXXIV. 1910 - II, tr. 167 và tiếp theo<sup>4)</sup>; Georges Diouritch. "L'Ex-

<sup>1)</sup> P. Ác-nơ-tơ trong "Tư liệu kinh tế thế giới", t. 7, 1916, tr. 35.

<sup>2)</sup> B. Ham-xơ. "Những vấn đề kinh tế thế giới". I-ê-na, 1912 tr. 235 và các trang sau.

<sup>3)</sup> Tiến sĩ Dich-mung Sin - đôn. "Chiều hướng phát triển của kinh tế thế giới". Béc-lanh, 1912, tập I, tr. 150.

<sup>4)</sup> Gioóc-giơ Pây-sơ. "Đầu tư của tư bản Anh v.v." trong "Tạp chí Hội thống kê hoàng gia", t. LXXIV.

Do đó, ta thấy rằng việc xuất khẩu tư bản chỉ đạt tới mức phát triển rất lớn vào hồi đầu thế kỷ XX. Trước chiến tranh số tư bản do ba nước chính đầu tư ở nước ngoài là từ 175 đến 200 tỷ phrăng. Cứ tính lợi suất thấp là 5%, thì số tư bản đó cũng phải mang lại một khoản thu nhập từ 8 đến 10 tỷ phrăng mỗi năm. Đó là cơ sở chắc chắn để cho bọn đế quốc áp bức và bóc lột phần lớn các dân tộc và các nước trên thế giới, cơ sở cho sự ăn bám có tính chất tư bản chủ nghĩa của một nhóm quốc gia hết sức giàu có!

Số tư bản đầu tư ra nước ngoài ấy được phân phối giữa các nước như thế nào? Nó được đầu tư ở đâu? Đối với câu hỏi đó người ta chỉ có thể trả lời phỏng chừng, tuy nhiên câu trả lời này vẫn có thể làm sáng tỏ một số quan hệ và liên hệ chung của chủ nghĩa đế quốc hiện đại:

Tình hình (phỏng chừng) phân phối tư bản  
xuất khẩu trên các lục địa (vào khoảng năm 1910)

	Anh	Pháp	Đức	Tổng cộng
	(tính theo tỷ mác)			
Châu Âu.....	4	23	18	45
Châu Mỹ.....	37	4	10	51
Châu Á, Phi và Úc...	29	8	7	44
Tổng cộng.....	70	35	35	140

Đối với nước Anh, những thuộc địa của nó chiếm vị trí hàng đầu, những thuộc địa này ở châu Mỹ cũng rất lớn (như Ca-na-đa chẳng hạn), đó là chưa nói đến châu Á, v.v.. Ở

pansion des banques allemandes à l'étranger, ses rapports avec le développement économique de l'Allemagne". P., 1909, P. 84<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Gioóc-giơ Điu-rích. "Sự bành trướng của các ngân hàng Đức ở nước ngoài, những quan hệ của nó với sự phát triển kinh tế ở Đức". Pa-ri, 1909, tr. 84.

Anh, số tư bản xuất khẩu rất lớn có quan hệ mật thiết nhất với các thuộc địa rất rộng lớn, mà sau đây chúng ta sẽ còn nói đến ý nghĩa của các thuộc địa đối với chủ nghĩa đế quốc. Về nước Pháp thì lại khác. Số tư bản xuất khẩu của nước này đầu tư chủ yếu ở châu Âu và trước hết ở Nga (ít ra là 10 tỷ phrăng), hơn nữa chủ yếu là tư bản *cho vay*, dưới dạng công trái quốc gia, chứ không phải là tư bản đầu tư vào các xí nghiệp công nghiệp. Khác với chủ nghĩa đế quốc thực dân Anh, chủ nghĩa đế quốc Pháp có thể gọi là chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi. Đức lại là một loại thứ ba: thuộc địa của nó không nhiều lắm và số tư bản của nó đầu tư ở nước ngoài được phân bố một cách đều nhau nhất giữa châu Âu và châu Mỹ.

Việc xuất khẩu tư bản ảnh hưởng đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và thúc đẩy hết sức nhanh sự phát triển đó trong những nước đã được đầu tư. Cho nên, nếu trên một mức độ nào đó việc xuất khẩu có thể gây ra một sự ngừng trệ nào đó trong sự phát triển của các nước xuất khẩu tư bản, thì việc đó lại chỉ làm cho chủ nghĩa tư bản phát triển rộng và sâu thêm trên toàn thế giới mà thôi.

Các nước xuất khẩu tư bản hầu như bao giờ cũng có khả năng thu được một số "khoản lợi", nào đó, và tính chất của những khoản lợi này làm sáng tỏ đặc trưng của thời đại tư bản tài chính và độc quyền. Chẳng hạn, tạp chí "Ngân hàng" ở Béc-lanh, số ra tháng Mười 1913 đã viết như sau:

"Từ ít lâu nay, trên thị trường quốc tế của tư bản đang diễn ra một tấn hài kịch xứng đáng với cây bút của A-ri-xtô-phan. Hàng loạt nước ngoài, từ Tây-ban-nha cho đến Ban-căng, từ Nga cho đến Ác-hen-ti-na, Bra-xin và Trung- quốc, đều đưa ra, một cách công khai hoặc che đậy, tại các thị trường tiền tệ lớn, những yêu cầu vay tiền, đôi khi đó là những yêu cầu hết sức cấp bách. Ngày nay, tình hình thị trường tiền tệ không được sáng sủa lắm, và triển vọng chính trị cũng không phải là lạc quan gì. Tuy thế, không một thị

trường tiền tệ nào lại dám từ chối không nhận cho nước ngoài vay, vì sợ rằng nước láng giềng nhanh chân đến trước lại đồng ý cho vay, và do đó mà sẽ nhận được những sự đền đáp qua lại nào đó. Trong việc ký kết quốc tế như thế, người cho vay hầu như bao giờ cũng kiểm soát được một cái gì: một khoản nhượng bộ trong hiệp ước thương mại, một trạm cung cấp than đá, việc xây dựng hải cảng, một tô nhượng béo bở hay một món đặt mua đại bác" \*.

Tư bản tài chính đã tạo ra thời đại các tổ chức độc quyền. Và bất cứ ở chỗ nào, các tổ chức độc quyền cũng thực hành những nguyên tắc độc quyền: việc dùng những "mối liên hệ" để ký kết có lợi, đã thay thế cho sự cạnh tranh trên thị trường công khai. Tình hình sau đây là hiện tượng thông thường nhất: điều kiện để cho vay là, một phần số tiền cho vay đó phải được dùng để mua sản phẩm của nước cho vay, nhất là mua vũ khí, tàu thủy, v.v.. Hai chục năm gần đây (1890-1910), nước Pháp rất hay dùng thủ đoạn ấy. Việc xuất khẩu tư bản ra nước ngoài trở thành một thủ đoạn kích thích việc xuất khẩu hàng hoá. Trong hoàn cảnh đó, những việc ký kết giữa các doanh nghiệp đặc biệt lớn đều mang một tính chất "gần như là mua chuộc", theo cách nói "nhẹ nhàng" của Sin-đơ \*\*. Krúp ở Đức, Snây-đe ở Pháp, Ác-mơ-xtơ-rông ở Anh đều là những hãng điển hình về phương diện đó, những hãng này có liên hệ chặt chẽ với các ngân hàng khổng lồ và với chính phủ, và khi người ta ký kết vay tiền thì không phải dễ dàng "bỏ qua" được các hãng đó.

Nước Pháp, khi cho nước Nga vay, trong thương ước ngày 16 tháng Chín 1905, đã "bắt ép" nước Nga phải thoả thuận chịu cho Pháp một số nhượng bộ nhất định cho đến năm 1917; nước Pháp cũng làm y như thế trong thương ước ngày 19 tháng Tám 1911 với Nhật-bản. Sở dĩ có cuộc đấu

\* "Die Bank, 1913, 2, 1024 - 1025.

\*\* Schilder, tác phẩm đã dẫn, tr. 346, 350, 371.

tranh thuế quan giữa Áo và Xéc-bi-a – cuộc đấu tranh này, trừ một thời kỳ gián đoạn bảy tháng, đã kéo dài từ 1906 đến 1911 – thì một phần là do sự cạnh tranh giữa Áo và Pháp trong việc cung cấp quân trang cho Xéc-bi-a. Tháng Giêng 1912, Pôn Đê-sa-nen tuyên bố ở nghị viện rằng từ năm 1908 đến năm 1911, các hãng của Pháp đã cung cấp cho Xéc-bi-a 45 triệu phrăng vật liệu chiến tranh.

Bản báo cáo của viên lãnh sự Áo - Hung ở Xan- Pau-lô (Bra-xin) nói rằng: "việc xây dựng đường sắt ở Bra-xin được thực hiện chủ yếu là nhờ có vốn của Pháp, Bỉ, Anh và Đức; trong các hoạt động tài chính có liên quan tới việc xây dựng đường sắt, các nước này đều giành được quyền bán những vật liệu xây dựng đường sắt".

Như thế là ta có thể nói rằng tư bản tài chính bủa lưới của mình - hiểu theo nghĩa thật của danh từ - lên đầu tất cả các nước trên thế giới. Về mặt này, những ngân hàng thành lập trong các thuộc địa và các chi nhánh của chúng đều giữ một vai trò to lớn. Bọn đế quốc Đức nhìn các nước thực dân "cũ" với con mắt ghen tị, vì thấy các nước thực dân này, về mặt đó, đã bảo đảm cho mình một cách đặc biệt "thuận lợi": năm 1904, nước Anh có 50 ngân hàng thuộc địa với 2 279 chi nhánh (đến năm 1910, có 72 ngân hàng thuộc địa với 5 449 chi nhánh); nước Pháp có 20 ngân hàng thuộc địa với 136 chi nhánh; Hà-lan có 16 ngân hàng thuộc địa với 68 chi nhánh, trong khi đó thì Đức chỉ "vẹn vẹn" có tất cả là 13 ngân hàng thuộc địa với 70 chi nhánh\*. Còn bọn tư bản Mỹ thì lại ghen tị với bọn tư bản Anh và Đức: năm 1915 chúng phàn nàn rằng: "ở Nam Mỹ, 5 ngân hàng Đức có 40 chi nhánh, và 5 ngân hàng Anh có 70 chi nhánh... Trong 25 năm gần đây, Anh và Đức đầu tư vào Ác-hen-ti-na,

\* Riesser, tác phẩm đã dẫn, tr. 375, xuất bản lần thứ 4, và Diouritch, tr. 283.

Bra-xin và U-ru-goay chừng 4 tỷ đô-la, thành ra họ nắm 46% toàn bộ nền thương mại của 3 nước ấy"\*.

Nói theo nghĩa bóng thì các nước xuất khẩu tư bản đã chia nhau thế giới. Nhưng tư bản tài chính thì cũng đã dẫn đến chỗ *trực tiếp* phân chia thế giới.

## V. VIỆC PHÂN CHIA THẾ GIỚI GIỮA CÁC LIÊN MINH CỦA BỌN TƯ BẢN

Các liên minh độc quyền của bọn tư bản – các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rốt – chia nhau trước hết thị trường trong nước bằng cách chiếm lấy, ít nhiều hoàn toàn, nền sản xuất trong nước họ. Nhưng, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, thị trường trong nước lại tất nhiên gắn liền với thị trường bên ngoài. Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra thị trường toàn thế giới từ lâu rồi. Do việc xuất khẩu tư bản tăng lên, và những quan hệ với nước ngoài và với các thuộc địa, cũng như những "khu vực ảnh hưởng" của các liên minh độc quyền lớn nhất được hết sức mở rộng, nên "tự nhiên" tình thế đã đưa đến một sự thoả thuận quốc tế giữa các liên minh này, đưa đến sự hình thành những các-ten quốc tế.

Đó là mức độ mới của việc tập trung tư bản và tập trung sản xuất trên toàn thế giới, mức độ đó cao hơn rất nhiều so với những mức độ trước kia. Ta hãy xem hình thức siêu độc quyền đó hình thành như thế nào.

\* The Annals of American Academy of Political and Social Science, vol. LIX, May 1915, P. 301<sup>1)</sup>. Cũng trong tập này, trang 331, chúng ta đọc thấy rằng nhà thống kê trú danh Paish (Pây-sơ) đã ước tính trong tạp chí tài chính "Statist", số gần đây nhất rằng tổng số tư bản do Anh, Đức, Pháp, Bỉ và Hà-lan đã xuất khẩu là 40 tỷ đô-la, tức 200 tỷ phrăng.

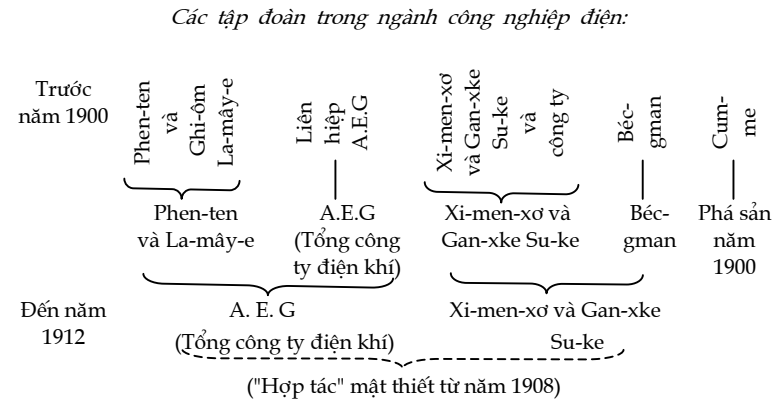
<sup>1)</sup> Niên giám của Viện hàn lâm khoa học chính trị và xã hội Mỹ, tập LIX, tháng Năm 1915, tr. 301.

Công nghiệp điện là ngành tiêu biểu nhất cho những tiến bộ tối tân của kỹ thuật, cho chủ nghĩa tư bản cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Nó đã được phát triển nhất ở hai nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến nhất trong số những nước tư bản chủ nghĩa mới là Mỹ và Đức. Ở Đức, cuộc khủng hoảng năm 1900 có ảnh hưởng đặc biệt mạnh mẽ đến sự tập trung trong ngành ấy. Trong thời gian có cuộc khủng hoảng đó, các ngân hàng, mà hồi đó đã gắn liền khá chặt chẽ với công nghiệp, đã hết sức đẩy nhanh và làm sâu sắc thêm tình trạng tiêu vong của các doanh nghiệp tương đối nhỏ, tình trạng các doanh nghiệp đó bị các doanh nghiệp lớn nuốt mất. I-ây-đen-xơ viết: "Từ chối không giúp đỡ cho chính các doanh nghiệp cần đến sự giúp đỡ đó hơn cả, như thế là các ngân hàng dẫn đến thoát đầu là một sự phát triển mãnh liệt, rồi sau đó là sự phá sản tuyệt đường hy vọng của các công ty không liên hệ mật thiết đầy đủ với những ngân hàng đó"\*.

Kết quả là sau năm 1900, sự tập trung tiến những bước khổng lồ. Trước năm 1900, trong ngành công nghiệp điện có tám hay bảy "tập đoàn", mỗi tập đoàn gồm một số công ty hợp thành (cả thảy 28 công ty) và mỗi tập đoàn đó lại được từ 2 đến 11 ngân hàng nâng đỡ. Đến năm 1908 - 1912, tất cả các tập đoàn này đã hợp nhất lại thành hai tập đoàn hay một tập đoàn. Quá trình đó diễn ra như sau (xem bảng tr. 464. BT):

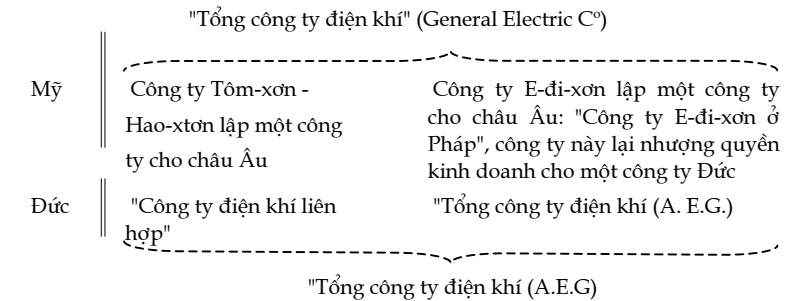
Sau bước phát triển bằng cách đó, công ty A. E. G. (Tổng công ty điện khí) nổi tiếng ấy thống trị từ 175 đến 200 công ty (thông qua chế độ "tham dự") và chi phối một tổng số tư bản chừng 1 1/2 tỷ mác. Chỉ kể số cơ quan đại diện trực tiếp ở nước ngoài của công ty đó thì đã có 34 cơ quan, trong số đó có 12 công ty cổ phần, đặt ở hơn 10 nước. Ngay từ 1904, người ta tính rằng số tư bản mà công nghiệp điện của Đức đầu tư ra nước ngoài, là 233 triệu mác,

\* I-ây-đen-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr. 232.



trong đó có 62 triệu đầu tư ở Nga. Chẳng cần phải nói cũng thấy rõ là "Tổng công ty điện khí" là một doanh nghiệp "liên hợp" hết sức lớn - riêng số các công ty sản xuất của nó đã có đến 16 cái - sản xuất những mặt hàng hết sức khác nhau, từ dây cáp điện và những đồ cách điện cho đến ô-tô và các thiết bị máy bay.

Nhưng sự tập trung ở châu Âu cũng là một bộ phận cấu thành của quá trình tập trung ở Mỹ. Quá trình đó diễn ra như sau:



Như thế đã hình thành hai "cường quốc" về công nghiệp điện. Hai-ních, trong bài "Con đường của tơ-rốt điện", có

viết: "trên trái đất này, không có công ty điện nào khác lại *hoàn toàn* độc lập với hai công ty ấy". Còn nói về khối lượng chu chuyển và quy mô của các doanh nghiệp thuộc hai "tơ-rốt" đó, thì những con số sau đây sẽ cho ta một khái niệm nào đó, tuy hoàn toàn không đầy đủ:

	Khối lượng chu chuyển hàng hoá (tính theo triệu mác)		Số nhân viên	Lợi nhuận ròng (tính theo triệu mác)
Mỹ: "Tổng công ty điện khí" (G.E.C.)	1907:	252	28 000	35,4
	1910:	298	32 000	45,6
Đức: "Tổng công ty điện khí" (A.E.G.) ....	1907:	216	30 700	14,5
	1911:	362	60 800	21,7

Và thế là năm 1907, hai tơ-rốt Mỹ và Đức đã ký kết một hiệp ước phân chia thế giới. Sự cạnh tranh chấm dứt. "Tổng công ty điện khí" (G.E.C) "được" nước Mỹ và Ca-na-đa. "Tổng công ty điện khí" (A.E.G.) "được" các nước Đức, Áo, Nga, Hà-lan, Đan-mạch, Thụy-sĩ, Thổ-nhĩ-kỳ, bán đảo Ban-căng. Người ta cũng đã ký các hiệp ước đặc biệt (cố nhiên là bí mật) về các "công ty con", những công ty này xâm nhập các ngành công nghiệp mới và các nước "mới", những nước mà về mặt chính thức thì vẫn chưa bị chia. Việc trao đổi với nhau về các phát minh và kinh nghiệm cũng được xác lập\*.

Dĩ nhiên là cạnh tranh với tơ-rốt ấy – trên thực tế, đó là tơ-rốt duy nhất và bao trùm cả thế giới – thì khó khăn biết chừng nào; nó chi phối một số tư bản hàng mấy tỷ và có các "chi nhánh", các cơ quan đại diện, đại lý, liên

\* Riesser, tác phẩm đã dẫn; Diouritch, tác phẩm đã dẫn, tr. 239; Kurt Heinig, bài báo đã dẫn.

hệ, v.v. ở khắp mọi nơi trên thế giới. Nhưng trong trường hợp lực lượng so sánh thay đổi do sự phát triển không đều, do chiến tranh, do phá sản v. v., thì việc phân chia thế giới ấy giữa hai tơ-rốt lớn mạnh dĩ nhiên không loại trừ *sự phân chia lại*.

Ngành công nghiệp dầu lửa là một ví dụ bổ ích về mưu toan chia lại thế giới, về cuộc đấu tranh để thực hiện sự phân chia lại đó.

"Thị trường dầu lửa thế giới – I-ây-đen-xơ viết năm 1905 – ngày nay vẫn còn bị phân chia giữa hai tập đoàn tài chính lớn: "Tơ-rốt dầu lửa" (Standard Oil C-y) của Rốc-cơ-phen-lơ ở Mỹ và các ông chủ dầu lửa Nga ở Ba-cu là Rốt-sin-đơ và Nô-ben. Hai tập đoàn này liên hệ chặt chẽ với nhau, nhưng đã mấy năm nay, địa vị độc quyền của chúng đã bị năm kẻ thù đe dọa": 1) nguồn dầu lửa của Mỹ bị cạn; 2) sự cạnh tranh của hãng Ma-ta-sép ở Ba-cu; 3) những nguồn dầu lửa ở Áo và 4) ở Ru-ma-ni; 5) các nguồn dầu lửa ở bên kia đại dương, đặc biệt là trong các thuộc địa của Hà-lan (các hãng cự phú Xa-muy-en và Sen cũng gắn liền với tư bản Anh). Ba tập đoàn doanh nghiệp kể sau có liên hệ với các ngân hàng lớn ở Đức, đứng đầu là "Ngân hàng Đức" lớn nhất. Các ngân hàng này đã phát triển công nghiệp dầu lửa một cách có kế hoạch và độc lập, chẳng hạn ở Ru-ma-ni, để có điểm tựa "riêng của mình". Năm 1907, người ta tính rằng tổng số tư bản nước ngoài đầu tư vào công nghiệp dầu lửa ở Ru-ma-ni là 185 triệu phrăng, trong đó 74 triệu là của Đức\*\*.

Cuộc đấu tranh mà sách báo kinh tế vẫn gọi là cuộc đấu tranh để "phân chia thế giới", đã bắt đầu. Một bên là "Tơ-rốt dầu lửa" của Rốc-cơ-phen-lơ, vì muốn vơ lấy *tất cả*, nên đã thành lập ở *ngay* Hà-lan một "công ty con", mua lại các

\* I-ây-đen-xơ, tr. 192 - 193.

\*\* Diouritch, tr. 245 - 246.

nguồn dầu lửa ở Nam-dương thuộc Hà-lan, nhưng mong bằng cách ấy sẽ giáng một đòn vào kẻ thù chủ yếu của nó là tư-rót "Sen" của Anh - Hà-lan. Phía bên kia là "Ngân hàng Đức" và các ngân hàng khác ở Béc-lanh lại tìm cách "giữ lấy" Ru-ma-ni "cho mình" và liên kết nước này với nước Nga để chống Rốc-cơ-phen-lơ. Công ty Rốc-cơ-phen-lơ có một số tư bản vô cùng lớn hơn và tổ chức rất hoàn bị việc vận tải và cung cấp dầu lửa tới tay người tiêu thụ. Cuộc đấu tranh tất phải kết thúc và đã kết thúc năm 1907 bằng sự thất bại hoàn toàn của "Ngân hàng Đức"; lúc đó ngân hàng này chỉ còn cách là phải chọn lấy một trong hai điều sau đây: hoặc là phải chịu bỏ hết những "quyền lợi về dầu lửa" của mình và sẽ mất hàng triệu bạc, hoặc là phải quy phục. "Ngân hàng Đức" đã chọn con đường thứ hai và đã ký với "Tư-rót dầu lửa" một hợp đồng rất bất lợi cho nó. Theo hợp đồng này, "Ngân hàng Đức" cam kết "không làm gì có hại đến lợi ích của Mỹ", tuy nhiên, vẫn có một điều khoản quy định rằng hợp đồng sẽ mất hiệu lực trong trường hợp nước Đức thông qua đạo luật về chế độ độc quyền nhà nước về dầu lửa.

Lúc đó, bắt đầu xảy ra "tán hài kịch về dầu lửa". Một trong những ông vua tài chính Đức là phôn Gvin-nơ, giám đốc "Ngân hàng Đức", thông qua viên thư ký riêng của mình là Stau-xơ, đã mở một chiến dịch cổ động *cho* việc nhà nước giữ độc quyền về dầu lửa. Toàn bộ bộ máy to lớn của ngân hàng lớn nhất đó ở Béc-lanh cùng với tất cả những "mối liên hệ" rộng rãi của nó, bắt đầu chuyển động, báo chí không ngớt diên cuồng tuôn ra những lời kêu gào "yêu nước" chống lại "ách" của tư-rót Mỹ, và ngày 15 tháng Ba 1911, Quốc hội Đức đã hầu như nhất trí thông qua một nghị quyết yêu cầu chính phủ phải thảo ra một dự luật về chế độ độc quyền dầu lửa. Chính phủ liền nắm lấy cái tư tưởng "đại chúng" ấy, và thế là cái ngón chơi của "Ngân hàng Đức" – muốn lừa tư-rót Mỹ, bên cam kết với mình, và muốn dùng chế độ

độc quyền nhà nước để cải thiện tình hình kinh doanh của mình, – tưởng chừng như đã thắng. Lúc ấy, những ông vua dầu lửa ở Đức đã nhắm trước những món lời khổng lồ không kém gì những món lời của các chủ nhà máy đường Nga... Nhưng, một là, các ngân hàng lớn ở Đức lục đục với nhau về vấn đề chia của ăn cướp được, và "Công ty chiết khấu" đã lột trần những mưu toan vụ lợi của "Ngân hàng Đức"; hai là, chính phủ sợ không dám đấu tranh với Rốc-cơ-phen-lơ, vì rất khó tin được rằng Đức có thể mua được dầu lửa ở chỗ khác nếu không mua của Rốc-cơ-phen-lơ (sản lượng dầu lửa sản xuất ở Ru-ma-ni không nhiều). Ba là, năm 1913 ở Đức, người ta quyết định bỏ ra một tỷ để chi vào việc chuẩn bị chiến tranh. Dự luật về độc quyền bị gác lại. "Tư-rót dầu lửa" của Rốc-cơ-phen-lơ tạm thời là kẻ chiến thắng sau cuộc đấu tranh đó.

Về việc này, tạp chí "Ngân hàng" ở Béc-lanh đã nói rằng nước Đức chỉ có thể độ sức với "Tư-rót dầu lửa" bằng cách thiết lập chế độ độc quyền về điện và biến sức nước thành điện rẻ tiền. Tác giả bài báo ấy lại nói thêm: nhưng "độc quyền về điện sẽ ra đời khi nào những người sản xuất cần đến nó, nghĩa là đúng khi nào công nghiệp điện đứng ở ngưỡng cửa của một thời kỳ phá sản lớn mới, và khi nào các nhà máy điện khổng lồ rất tốn kém – mà hiện nay là do những "công-xoóc-xi-om" công nghiệp điện tư nhân xây dựng lên ở khắp nơi và trong việc xây dựng những nhà máy này thì hiện nay các "công-xoóc-xi-om" đó đã được các thành phố, các nước, v.v., giao cho một số độc quyền nào đó – sẽ không thể hoạt động một cách có lời nữa. Lúc đó, người ta sẽ phải dùng đến sức nước; nhưng người ta không thể dùng tiền của nhà nước để biến sức nước thành điện rẻ tiền được mà vẫn lại phải giao công việc đó cho một "tổ chức độc quyền của tư nhân do nhà nước kiểm soát", vì công nghiệp tư nhân đã ký kết một số giao kèo và đã giành được cho mình những khoản bù đắp lớn... Đối với tổ chức



độc quyền bỏ tạt, thì trước đây là như thế; đối với tổ chức độc quyền dầu lửa, hiện nay cũng như thế; sau này đối với tổ chức độc quyền điện cũng sẽ như thế thôi. Những người theo chủ nghĩa xã hội nhà nước ở nước ta là những người tự để cho những nguyên tắc đẹp đẽ làm cho loá mắt, thì nay đã đến lúc cuối cùng họ phải hiểu rằng ở Đức các tổ chức độc quyền chẳng bao giờ theo đuổi mục đích và đưa đến kết quả là làm lợi cho người tiêu thụ, hay chí ít cũng để cho nhà nước hưởng một phần lợi nhuận của người kinh doanh, mà chỉ dùng ngân quỹ của nhà nước để làm hồi phục công nghiệp tư nhân đã đi tới chỗ gần bị phá sản"\*.

Đó là những lời thú nhận quý báu mà các nhà kinh tế học tư sản Đức buộc phải thốt ra. Ở đây chúng ta thấy rõ rằng tổ chức độc quyền của tư nhân và tổ chức độc quyền nhà nước hoà với nhau làm một trong thời đại tư bản tài chính, và thực tế cả hai đều chỉ là những mắt xích của cuộc đấu tranh đế quốc chủ nghĩa giữa những bọn độc quyền lớn nhất để phân chia thế giới.

Trong ngành hàng hải thương mại, sự phát triển rất lớn của việc tập trung cũng dẫn đến chỗ phân chia thế giới. Ở Đức, người ta thấy nổi bật lên hai công ty lớn nhất: "Công ty Ham-bua-Mỹ" và "Công ty Lô-ít ở Bắc Đức", mỗi công ty có một số tư bản 200 triệu mác "gồm cổ phần và trái khoán) và có những tàu thuỷ trị giá từ 185 đến 189 triệu mác. Mặt khác, ở Mỹ, ngày 1 tháng Giêng 1903, đã thành lập một *tơ-rót* gọi là *tơ-rót Moóc-gan*, tức "Công ty thương mại hàng hải quốc tế", công ty này do 9 công ty tàu thuỷ của Mỹ và Anh hợp lại, và có một số tư bản 120 triệu đô-la (480 triệu mác). Ngay từ 1903, các công ty khổng lồ Đức và *tơ-rót* Anh - Mỹ này đã ký kết với nhau một hiệp ước về việc phân chia thế giới để phân chia lợi nhuận. Các công ty Đức thời không cạnh tranh trong việc vận chuyển giữa nước Anh

\* "Die Bank", 1912, 2, 629, 1036, 1913, 1, 388.

và nước Mỹ nữa. Người ta đã quy định chính xác hải cảng này hoặc hải cảng kia thì "giao" cho ai, một uỷ ban kiểm soát chung đã được thành lập v. v.. Hiệp ước được ký kết trong thời hạn 20 năm, với một điều khoản dè dặt trước là hiệp ước đó sẽ mất hiệu lực trong trường hợp có chiến tranh\*.

Lịch sử thành lập các-ten quốc tế của ngành sản xuất đường ray xe lửa, cũng hết sức bổ ích. Ngay hồi 1884, trong lúc tình hình công nghiệp suy sụp hết sức trầm trọng, thì lần đầu tiên, các nhà máy sản xuất đường ray ở Anh, Bỉ và Đức đã tìm cách lập các-ten ấy. Họ đã đồng ý không cạnh tranh với nhau trên thị trường trong nước của các nước tham gia hiệp ước và đã chia nhau thị trường ngoài nước như sau: Anh - 66%, Đức - 27%, Bỉ - 7%. Thị trường Ấn-độ hoàn toàn giao cho Anh. Để chống lại một hãng Anh không tham gia hiệp ước, họ đã tiến hành một cuộc đấu tranh chung mà tiền phí tổn thì trích một tỷ lệ phần trăm nào đó trong tổng số tiền bán hàng. Nhưng đến năm 1886, khi hai công ty của Anh rút khỏi liên minh này, thì liên minh này liên sụp đổ. Điều đáng chú ý là không thể nào thực hiện được hiệp ước trong những thời kỳ phồn vinh tiếp sau đó của công nghiệp.

Đầu năm 1904, một *xanh-đi-ca thép* được thành lập ở Đức. Tháng Mười một 1904, các-ten quốc tế của ngành đường ray lại được khôi phục theo những định mức như sau: Anh - 53,5%, Đức- 28,83%, Bỉ - 17,67%. Sau đó, Pháp cũng tham gia với những định mức như sau: năm thứ nhất là 4,8% năm thứ hai 5,8% và năm thứ ba 6,4%, ngoài mức 100%, tức là cộng lại thành 104,8%, v.v.. Năm 1905, "*Tơ-rót thép*" của Mỹ ("*Công ty thép*") cũng tham gia các-ten đó, rồi đến Áo và Tây-ban-nha. Năm 1910, *Phô-ghe-n-stanh* viết: "Trong lúc này, việc phân chia thế giới đã xong, và những người tiêu thụ lớn, trước tiên là ngành đường sắt của nhà

\* Rít-xơ, tác phẩm đã dẫn, tr. 125.

nước có thể sống như nhà thi sĩ trên thiên cung của Giuy-pi-te, vì thế giới đã phân chia xong rồi và người ta không đếm xỉa gì đến những lợi ích của họ\*\*.

Ta hãy kể thêm xanh-đi-ca kềm quốc tế, một xanh-đi-ca được thành lập năm 1909 và đã phân phối chính xác khối lượng sản xuất giữa năm nhóm nhà máy: Đức, Bỉ, Pháp, Tây-ban-nha, Anh; rồi đến tơ-rốt quốc tế chế tạo thuốc nổ, mà theo lời Líp-man, thì đó là "một liên minh chặt chẽ hoàn toàn hiện đại giữa tất cả các xưởng thuốc nổ Đức, các xưởng này, sau đó cùng với các xưởng chế tạo đi-na-mít của Pháp và Mỹ cũng được tổ chức theo cách tương tự, đã chia nhau có thể nói là toàn bộ thế giới" \*\*.

Líp-man tính tổng cộng lại, thì năm 1897, nước Đức đã tham dự vào gần 40 các-ten quốc tế, và đến 1910 thì đã tham dự vào gần 100 các-ten.

Một số tác giả tư sản (ngày nay cả C. Cau-xky, là người đã hoàn toàn phản bội lập trường mác-xít mà ông ta đã giữ chẳng hạn vào năm 1909, cũng thuộc vào loại tác giả đó) cho rằng những các-ten quốc tế, một trong những biểu hiện nổi bật nhất của việc quốc tế hoá tư bản, đã cho phép người ta hy vọng rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giữa các dân tộc có thể có hoà bình. Về mặt lý luận, thì ý kiến này hoàn toàn phi lý; trong thực tiễn, đó là một lối nguy hiểm và một lối bênh vực bất chính cho chủ nghĩa cơ hội xấu xa nhất. Những các-ten quốc tế chỉ rõ rằng ngày nay, các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa đã phát triển đến mức độ nào rồi và *cái gì là nguyên nhân* của cuộc đấu tranh giữa các liên minh của bọn tư bản. Điểm sau là điểm quan trọng nhất; chỉ có điểm đó mới giải thích cho ta thấy ý nghĩa lịch sử và kinh tế của các sự kiện đang xảy ra, vì *hình thức* đấu tranh có thể thay đổi và luôn luôn thay đổi tùy thuộc vào những

\* Vogelstein. "Organisationsformen", tr. 100.

\*\* Liefmann. "Kartelle und Trusts", 2. A., tr. 161.

nguyên nhân khác nhau tương đối có tính chất cục bộ và tạm thời, nhưng chừng nào giai cấp còn tồn tại thì *thực chất* của cuộc đấu tranh, *nội dung* giai cấp của cuộc đấu tranh thực sự *không thể nào* thay đổi được. Điều hiển nhiên là che giấu *nội dung* của cuộc đấu tranh kinh tế hiện đại (sự phân chia thế giới), và nhấn mạnh khi thì *hình thức* này, khi thì *hình thức* khác của cuộc đấu tranh đó, như thế là vì lợi ích của giai cấp tư bản Đức chẳng hạn, mà trong những nghị luận của mình, Cau-xky thực chất đã chuyển sang hàng ngũ giai cấp đó (về điểm này chúng tôi sẽ lại bàn đến sau). Cau-xky cũng mắc phải sai lầm đó. Cố nhiên, đây không phải là nói giai cấp tư bản Đức, mà là nói giai cấp tư sản toàn thế giới. Bọn tư sản chia nhau thế giới, không phải do tính độc ác đặc biệt của chúng, mà do sự tập trung đã tới mức độ buộc chúng phải đi vào con đường ấy để kiếm lời; và bọn chúng "căn cứ theo tư bản" và "theo lực lượng" mà chia nhau thế giới, vì trong điều kiện nền sản xuất hàng hoá và trong chế độ tư bản thì không thể có cách phân chia nào khác nữa. Nhưng lực lượng thì thay đổi tùy theo sự phát triển kinh tế và chính trị; muốn hiểu các sự biến, thì phải biết những vấn đề nào là do sự thay đổi về lực lượng quyết định; còn như xem xét những sự thay đổi ấy có phải "thuần túy" mang tính chất kinh tế hay *phi* kinh tế (tính chất quân sự chẳng hạn), thì đó là một vấn đề thứ yếu, không thể làm thay đổi gì những quan điểm cơ bản về thời kỳ mới nhất của chủ nghĩa tư bản. Đem vấn đề hình thức của cuộc đấu tranh và các cuộc thoả thuận (hôm nay thì mang tính chất hoà bình, ngày mai lại không hoà bình, ngày kia lại vẫn không hoà bình nữa) giữa các liên minh của bọn tư bản để thay cho vấn đề *nội dung* của cuộc đấu tranh và các cuộc thoả thuận ấy, như thế là rơi xuống thành kẻ nguy hiểm.

Thời đại chủ nghĩa tư bản hiện đại chỉ cho ta thấy rằng giữa các liên minh của bọn tư bản, những quan hệ nhất định đã được xác lập *trên cơ sở* phân chia thế giới về kinh

tế; song song với tình hình đó và gắn liền với tình hình đó, thì giữa các liên minh chính trị, giữa các nước, những quan hệ nhất định cũng được xác lập trên cơ sở phân chia thế giới về lãnh thổ, tranh giành thuộc địa, "tranh giành lãnh thổ kinh tế".

## VI. VIỆC PHÂN CHIA THẾ GIỚI GIỮA CÁC ĐẠI CƯỜNG QUỐC

Trong cuốn sách bàn về "sự bành trướng lãnh thổ thuộc địa của châu Âu" \*, nhà địa lý học A. Xu-pan có tổng kết vắn tắt sự bành trướng đó hồi cuối thế kỷ XIX như sau:

*Lãnh thổ thuộc các cường quốc thực dân châu Âu  
(kể cả nước Mỹ) tính theo tỷ lệ phân trăm:*

	1876	1900	Tăng giảm
Ở châu Phi.....	10,8%	90,4%	+79,6%
Ở Pô-li-nê-di....	56,8%	98,9%	+42,1%
Ở châu Á.....	51,5%	56,6%	+ 5,1%
Ở châu Úc.....	100,0%	100,0%	-
Ở châu Mỹ.....	27,5%	27,2%	- 0,3%

Ông ta kết luận: "Như vậy, đặc điểm của thời kỳ này là sự phân chia châu Phi và Pô-li-nê-di". Vì ở châu Á và châu Mỹ không còn một lãnh thổ nào là chưa bị chiếm, nghĩa là những lãnh thổ chưa thuộc về một nước nào, nên phải mở rộng câu kết luận của Xu-pan và phải nói rằng đặc điểm của thời kỳ đang nói đến đó, là sự phân chia dứt khoát trái đất, dứt khoát đây không phải hiểu theo ý nghĩa là không thể có một *sự phân chia lại* – ngược lại, vẫn có

\* A. Supan. "Die territoriale Entwicklung der europäischen Kolo-nien". 1906, tr. 254<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> A. Xu-pan. "Sự bành trướng lãnh thổ thuộc địa của châu Âu".

thể có và cũng không thể tránh khỏi những sự phân chia lại – mà là hiểu theo ý nghĩa là chính sách thực dân của các nước tư bản chủ nghĩa *đã làm xong* việc xâm chiếm các lãnh thổ chưa bị chiếm trên hành tinh của chúng ta. Lần đầu tiên, thế giới đã hoàn toàn bị phân chia, khiến cho trong tương lai *chỉ* có thể nói đến việc chia lại mà thôi, nghĩa là việc chuyển từ tay "chủ" này sang tay "chủ" khác, chứ không phải việc chuyển từ chỗ vô chủ sang "có chủ".

Như vậy là chúng ta đang trải qua một thời đại đặc thù của chính sách thực dân toàn thế giới gắn hết sức chặt với "giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", với tư bản tài chính. Vì thế, trước tiên, cần phải xem xét tỉ mỉ hơn các số liệu thực tế, để hiểu thật chính xác hơn chỗ khác nhau giữa thời đại hiện nay với các thời đại trước, và để hiểu thật chính xác hơn tình hình hiện nay. Trước hết, ở đây nảy ra hai vấn đề thực tế; chính trong thời đại tư bản tài chính, chính sách thực dân có được tăng cường thêm không, cuộc đấu tranh để giành thuộc địa có gay gắt thêm không và về phương diện đó thì hiện nay thế giới bị phân chia cụ thể như thế nào?

Trong cuốn sách nói về lịch sử công cuộc di thực\*, tác giả Mỹ Mô-ri-xơ tìm cách so sánh những số liệu về quy mô các thuộc địa của Anh, của Pháp và của Đức trong các thời kỳ khác nhau của thế kỷ XIX<sup>152</sup>. Sau đây là tóm tắt những kết quả ông ta đã đạt được (xem bảng tr. 475. *BT*):

Đối với nước Anh, thời kỳ xâm chiếm thuộc địa hết sức mạnh là từ 1860 đến 1880, và cũng rất mạnh trong hai mươi năm cuối thế kỷ XIX. Đối với Pháp và Đức, thì thời kỳ xâm chiếm thuộc địa hết sức mạnh chính là vào hai mươi năm

\* Henry C. Morris. "The History of Colonization". N. Y, 1900, vol, II, pp. 88; I, 419; II, 304<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Hen-ry C. Mô-ri-xơ. "Lịch sử công cuộc di thực" Niu-oóc, 1900, t. II, tr. 88; I, 419, II, 304.

Quy mô các thuộc địa của

N ă m	Anh		Pháp		Đức	
	diện tích (tính triệu dặm vuông)	dân số (tính triệu người)	diện tích (tính triệu dặm vuông)	dân số (tính triệu người)	diện tích (tính triệu dặm vuông)	dân số (tính triệu người)
1815 - 1830	?	126,4	0,02	0,5	–	–
1860	2,5	145,1	0,2	3,4	–	–
1880	7,7	267,9	0,7	7,5	–	–
1899	9,3	309,0	3,7	56,4	1,0	14,7

đó. Trên kia, ta đã thấy rằng chủ nghĩa tư bản trước độc quyền – chủ nghĩa tư bản trong đó cạnh tranh tự do chiếm ưu thế – đã phát triển đến tột mức vào thời kỳ từ 1860 đến 1870. Bây giờ chúng ta thấy rằng *chính sau thời kỳ ấy*, những cuộc xâm chiếm thuộc địa bắt đầu "tăng lên" rất mạnh, và cuộc đấu tranh để phân chia lãnh thổ trên thế giới trở nên vô cùng gay gắt. Cho nên, không còn nghi ngờ gì nữa, bước chuyển của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, sang tư bản tài chính, là *gắn liền* với cuộc đấu tranh ngày càng gay gắt nhằm phân chia thế giới.

Trong tác phẩm nói về chủ nghĩa đế quốc, Hốp-xơn nêu bật thời kỳ từ 1884 đến 1900, coi đó là thời kỳ "bành trướng" (mở rộng lãnh thổ) mãnh liệt của các nước chủ yếu ở châu Âu. Theo ông ta tính toán thì nước Anh, trong thời kỳ này, đã chiếm được một lãnh thổ rộng 3,7 triệu dặm vuông với số dân là 57 triệu người; nước Pháp – 3,6 triệu dặm vuông với số dân là 36<sup>1</sup>/<sub>2</sub> triệu người; nước Đức – 1 triệu dặm vuông với số dân là 14,7 triệu người; nước Bỉ – 90 vạn dặm vuông với 30 triệu người; Bồ-đào-nha – 80 vạn dặm vuông với 9 triệu người. Việc săn kiếm thuộc địa do tất cả các nước tư bản chủ nghĩa tiến hành hồi cuối thế kỷ XIX và

đặc biệt sau 1880, là một sự kiện mà mọi người đều biết trong lịch sử ngoại giao và chính sách đối ngoại.

Ở Anh, trong thời kỳ cạnh tranh tự do phần vinh nhất, từ 1840 đến 1860, các nhà lãnh đạo chính trị tư sản trong nước đều *chống lại* chính sách thực dân, họ xem việc giải phóng các thuộc địa, việc tách hẳn những thuộc địa đó ra khỏi nước Anh là một việc không thể tránh được và có ích. Trong một bài báo nói về "chủ nghĩa đế quốc Anh hiện đại" \*, đăng vào năm 1898, M. Be-rơ đã nêu rõ là nhà chính khách Anh Đi-xra-ê-li, một người nói chung là thiên về chủ nghĩa đế quốc, năm 1852 cũng đã tuyên bố rằng: "Các thuộc địa là những cối đá treo vào cổ chúng ta". Nhưng cuối thế kỷ XIX, những nhân vật nổi tiếng đương thời ở Anh là Xê-xin Rốt-xơ và Giô-dép Sem-bóc-lin đều công khai truyền bá chủ nghĩa đế quốc và thực hành chính sách đế quốc chủ nghĩa một cách trắng trợn nhất!

Điều đáng chú ý là ngay lúc bấy giờ, các lãnh tụ chính trị đó của giai cấp tư sản Anh cũng đã thấy rõ mối liên hệ giữa những nguồn gốc có thể nói là thuần túy kinh tế với những nguồn gốc xã hội - chính trị của chủ nghĩa đế quốc hiện đại. Sem-bóc-lin đã tuyên truyền chủ nghĩa đế quốc là một "chính sách chân chính, sáng suốt và tiết kiệm", đặc biệt nêu lên việc các nước Đức, Mỹ và Bỉ bây giờ cạnh tranh với nước Anh trên thị trường thế giới. Muốn thoát khỏi tình trạng đó thì phải có các tổ chức độc quyền, – bọn tư bản nói như vậy và lập ra những các-ten, xanh-đi-ca và tơ-rốt. Muốn thoát khỏi tình trạng đó thì phải có các tổ chức độc quyền, – bọn thủ lĩnh chính trị của giai cấp tư sản cũng lặp lại điều đó và vội vã chiếm đoạt những phần đất chưa bị phân chia trên thế giới. Nhà báo Xtít, người bạn chí thân của Xê-xin Rốt-xơ, kể lại rằng năm 1895, Xê-xin Rốt-xơ đã nói với ông về những tư tưởng đế quốc

\* "Die Neue Zeit", XVI, I, 1898, S. 302.

chủ nghĩa của mình như sau: "Hôm qua, tôi có đến khu Cự Đông Luân-đôn (khu phố công nhân) và đã dự buổi họp của những người thất nghiệp. Ở đó, tôi đã nghe thấy những lời phát biểu cuồng bạo, toàn là những tiếng kêu; bánh mì, bánh mì! Khi trở về, tôi suy nghĩ về tất cả điều đã thấy đó, và tôi càng tin chắc hơn trước vào tính chất quan trọng của chủ nghĩa đế quốc... Tư tưởng thiêng liêng của tôi là giải quyết vấn đề xã hội, cụ thể là: muốn cứu bốn mươi triệu dân Vương quốc Liên hợp thoát khỏi một cuộc nội chiến chém giết lẫn nhau, thì chúng ta, những nhà chính trị thực dân, cần phải chiếm những đất đai mới để cho số dân thừa của chúng ta đến ở và để có những vùng đất mới mà tiêu thụ những hàng hoá sản xuất tại các công xưởng và hầm mỏ của chúng ta. Đế quốc, như tôi vẫn luôn luôn nói, là một vấn đề cơm áo. Nếu không muốn nội chiến, thì phải trở thành những người đế quốc chủ nghĩa" \*.

Năm 1895, Xê-xin Rốt-xơ, nhà triệu phú, vua tài chính, kẻ chủ mưu trong việc gây ra chiến tranh Anh - Bồ-đê, đã nói như thế; thật ra cái lối ông ta bênh vực chủ nghĩa đế quốc chỉ hơi thô lỗ, trắng trợn, chứ về thực chất nó không khác "lý luận" của các ngài Ma-xlốp, Duy-đơ-cum, Pô-tơ-rê-xốp, Đa-vít, của nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác ở Nga, v.v. và v.v.. Xê-xin Rốt-xơ là một phần tử xã hội - sô-vanh có phần thành thật hơn đôi chút...

Để có được một bức tranh thật chính xác hơn về sự phân chia đất đai trên thế giới và về những sự thay đổi đã xảy ra trong vòng mấy chục năm gần đây về mặt đó, thì chúng ta hãy dùng những tài liệu mà Xu-pan đã cung cấp trong tác phẩm nói trên, về vấn đề các thuộc địa của tất cả các cường quốc trên thế giới. Xu-pan xét tình hình những năm 1876 và 1900; chúng ta hãy lấy năm 1876 - là năm đã được chọn rất đạt, vì chính vào thời kỳ này, về toàn bộ mà nói, người ta

\* "Die Neue Zeit", XVI, 1, 1898, S. 304.

có thể coi sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trước độc quyền là đã hoàn thành ở Tây Âu - và lấy năm 1914, rồi dùng những con số mới hơn trong "Bảng thống kê địa lý" của Huýp-nơ mà thay cho những con số của Xu-pan. Xu-pan chỉ nghiên cứu các thuộc địa thôi; để cho bức tranh về việc phân chia thế giới được đầy đủ, chúng tôi tưởng cũng nên thêm vào đó những tài liệu vẫn tất nói cả về các nước không phải là thuộc địa và các nước nửa thuộc địa nữa, trong đó chúng tôi xếp Ba-tư, Trung-quốc và Thổ-nhĩ-kỳ: hiện giờ, Ba-tư gần như hoàn toàn trở thành một thuộc địa; Trung-quốc và Thổ-nhĩ-kỳ thì đang trở thành thuộc địa<sup>153</sup>.

Dưới đây là những kết quả mà chúng tôi đã thu được:

*Thuộc địa của các đại cường quốc:  
(tính theo triệu ki-lô-mét vuông và theo triệu người)*

	Thuộc địa				Chính quốc		Tổng cộng	
	1876		1914		1914		1914	
	ki-lô-mét vuông	người	ki-lô-mét vuông	người	ki-lô-mét vuông	người	ki-lô-mét vuông	người
Anh.....	22,5	251,9	33,5	393,5	0,3	46,5	33,8	440,0
Nga.....	17,0	15,9	17,4	33,2	5,4	136,2	22,8	169,4
Pháp.....	0,9	6,0	10,6	55,5	0,5	39,6	11,1	95,1
Đức.....	-	-	2,9	12,3	0,5	64,9	3,4	77,2
Mỹ.....	-	-	0,3	9,7	9,4	97,0	9,7	106,7
Nhật.....	-	-	0,3	19,2	0,4	53,0	0,7	72,2
<i>Tổng cộng 6 đại cường quốc.....</i>	<i>40,4</i>	<i>273,8</i>	<i>65,0</i>	<i>523,4</i>	<i>16,5</i>	<i>437,2</i>	<i>81,5</i>	<i>960,6</i>
Thuộc địa của các cường quốc khác (Bỉ, Hà-lan, v.v.).....							9,9	45,3
Nửa thuộc địa (Ba-tư, Trung-quốc, Thổ-nhĩ-kỳ).....							14,5	361,2
Các nước khác.....							28,0	289,9

*Toàn bộ trái đất..... 133,9 1 657,0*

Ở đây chúng ta thấy rõ rằng bước vào thế kỷ XX, việc phân chia thế giới đã "kết thúc". Sau năm 1876, các thuộc địa được mở rộng theo những quy mô rất lớn; đối với sáu cường quốc lớn nhất thì diện tích các thuộc địa tăng lên từ 40 đến 65 triệu ki-lô-mét vuông, tức là rộng hơn trước kia quá gấp rưỡi, số tăng thêm là 25 triệu ki-lô-mét vuông, nghĩa là lớn hơn một lần rưỡi diện tích các chính quốc (16 1/2 triệu). Năm 1876, ba cường quốc không có một thuộc địa nào cả, và cường quốc thứ tư là nước Pháp thì gần như không có. Đến năm 1914, bốn cường quốc này có 14,1 triệu ki-lô-mét vuông thuộc địa, tức là một diện tích lớn hơn áng chừng gấp rưỡi diện tích châu Âu, với dân số gần 100 triệu người. Việc bành trướng thuộc địa chênh lệch nhau rất lớn. Nếu so sánh chẳng hạn Pháp, Đức và Nhật, là những nước mà diện tích và dân số không khác nhau lắm, thì ta nhận thấy là trong số các nước này, nước Pháp đã chiếm đoạt thuộc địa (về diện tích) gần gấp ba lần thuộc địa của hai nước kia tính gộp lại. Nhưng tính về khối lượng tư bản tài chính thì nước Pháp hồi đầu thời kỳ nói trên, có lẽ cũng giàu gấp mấy lần các nước Đức và Nhật gộp lại. Ngoài những điều kiện thuận tuý kinh tế ra và trên cơ sở những điều kiện đó, thì những điều kiện địa lý và những điều kiện khác nữa cũng ảnh hưởng đến quy mô thuộc địa. Dưới áp lực của đại công nghiệp, của sự trao đổi và của tư bản tài chính, trong mấy chục năm gần đây, quá trình làm cho các nước tiến lên ngang nhau, làm cho những điều kiện kinh tế và sinh hoạt trong các nước trở thành ngang nhau, dù có diễn ra mạnh mẽ như thế nào nữa, nhưng giữa các nước đó vẫn có những sự chênh lệch không nhỏ, và trong sáu nước kể trên, chúng ta thấy một mặt là những nước tư bản trẻ (Mỹ, Đức, Nhật) tiến bộ hết sức nhanh chóng; mặt khác là những nước tư bản già (Pháp, Anh), trong thời gian gần đây lại phát triển chậm hơn các nước trên nhiều; sau hết là một nước lạc hậu nhất về kinh tế (Nga), trong đó

chủ nghĩa đế quốc tư bản hiện đại có thể nói là bị bao bọc trong một mạng lưới đặc biệt dày đặc những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa.

Bên cạnh các thuộc địa của những đại cường quốc, chúng tôi đã kể cả những thuộc địa nhỏ của những nước nhỏ; các thuộc địa này, có thể nói, là đối tượng số một của "sự phân chia lại" có thể và chắc chắn sẽ xảy ra. Những nước nhỏ này giữ được thuộc địa của mình phần lớn chỉ là nhờ tình trạng giữa các cường quốc lớn có những sự đối lập về quyền lợi, những sự va chạm, v.v. đã cản trở không cho các cường quốc lớn đó thoả thuận với nhau trong việc phân chia của cướp được. Còn về những nước "nửa thuộc địa", thì đó là những ví dụ về những hình thức quá độ mà người ta thấy có trong tất cả các lĩnh vực tự nhiên và xã hội. Tư bản tài chính là một lực lượng hết sức hùng mạnh, có thể nói là có tính chất quyết định trong mọi quan hệ kinh tế và trong mọi quan hệ quốc tế, đến mức nó có khả năng bắt và thực tế đã bắt ngay cả những nước đang độc lập hoàn toàn về chính trị cũng phải phụ thuộc vào nó. Lát nữa, chúng ta sẽ thấy những ví dụ về điều đó. Nhưng cố nhiên, cái làm cho tư bản tài chính có được những "sự thuận tiện" lớn nhất và được lợi nhiều nhất, là sự phụ thuộc *nào* gắn liền với việc những nước, những dân tộc bị phụ thuộc mất quyền độc lập chính trị của mình. Các nước nửa thuộc địa là điển hình của hình thức "lưng chừng" về mặt này. Dĩ nhiên là trong thời đại tư bản tài chính, khi mà bộ phận còn lại của thế giới đã bị phân chia rồi, thì cuộc đấu tranh để giành những nước nửa phụ thuộc đó, đặc biệt phải trở nên gay gắt.

Chính sách thực dân và chủ nghĩa đế quốc đã có ngay từ trước giai đoạn hiện đại của chủ nghĩa tư bản và thậm chí trước cả chủ nghĩa tư bản nữa. La-mã được xây dựng trên cơ sở chế độ nô lệ, đã thực hiện chính sách thực dân và đã thực hành chủ nghĩa đế quốc rồi. Song những nghị luận "chung chung" về chủ nghĩa đế quốc, vì bỏ qua hoặc

xem nhẹ sự khác nhau căn bản giữa những hình thái kinh tế - xã hội, nên không tránh khỏi trở thành những câu tầm thường rỗng tuếch, hay những câu khoác lác, như việc so sánh "Đại La-mã với Đại Anh quốc"\*. Ngay cả chính sách thực dân của chủ nghĩa tư bản, trong các giai đoạn *trước kia* của nó, cũng căn bản khác với chính sách thực dân của tư bản tài chính.

Đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại là sự thống trị của các liên minh độc quyền của bọn kinh doanh lớn nhất. Các tổ chức độc quyền này trở nên vững chắc nhất khi một mình chúng chiếm đoạt được *hết thấy* các nguồn nguyên vật liệu. Ta đã thấy các liên minh tư bản quốc tế hăng hái biết bao để cố gắng tước mọi khả năng cạnh tranh của đối thủ, để mua lại chẳng hạn các vùng có mỏ sắt hay các nguồn dầu lửa, v.v.. Chỉ có việc chiếm được thuộc địa mới hoàn toàn đảm bảo cho các tổ chức độc quyền đối phó có hiệu quả với mọi trường hợp bất trắc trong cuộc đấu tranh với đối thủ của mình, ngay cả gặp trường hợp bất trắc như khi đối thủ muốn tự vệ bằng một đạo luật về chế độ độc quyền nhà nước. Chủ nghĩa tư bản phát triển càng cao, nguyên liệu càng thiếu thốn, sự cạnh tranh càng gay gắt và việc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trên toàn thế giới càng ráo riết, thì cuộc đấu tranh để chiếm thuộc địa càng quyết liệt hơn.

Sin-đơ viết: "Ta có thể đưa ra câu khẳng định này, mà một số người có thể cho là ngược đời, cụ thể là: việc tăng dân cư thành thị và dân cư công nghiệp, trong một tương lai tương đối gần đây, sẽ có thể gặp trở ngại vì thiếu nguyên

\* C. P. Lucas. "Greater Rome and Greater Britain". Oxf, 1912<sup>1)</sup> hay Earl of Cromer. "Ancient and modern Imperialism". L., 1910<sup>2)</sup>.

<sup>1)</sup> S. P. Lu-ca-xơ. "Đại La-mã và Đại Anh quốc. Ốc-xpho, 1912.

<sup>2)</sup> Công tước Crô-mơ. "Chủ nghĩa đế quốc cổ đại và chủ nghĩa đế quốc hiện đại". Luân-đôn, 1910.

liệu công nghiệp nhiều hơn là vì thiếu thực phẩm". Thí dụ như tình trạng thiếu gỗ là thứ mà giá cả không ngừng tăng lên, tình trạng thiếu da, thiếu những nguyên liệu cần thiết cho công nghiệp dệt ngày càng trở nên gay gắt. "Những liên minh các nhà công nghiệp đang tìm cách tạo ra một thế cân bằng giữa nông nghiệp và công nghiệp trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế thế giới; người ta có thể dẫn ra làm ví dụ Liên minh quốc tế của những liên minh các chủ xưởng kéo sợi bông, đã tồn tại từ năm 1904 trong một số nước công nghiệp quan trọng nhất; sau nữa là Liên minh của những liên minh các chủ xưởng kéo sợi lanh châu Âu, thành lập từ năm 1910, theo cùng một kiểu đó"\*

Cố nhiên, bọn cải lương tư sản, và trong số đó thì đặc biệt là phái Cau-xky hiện nay, đang tìm cách làm giảm bớt ý nghĩa của những sự thật đó, bằng cách nói rằng "người ta có thể", kiếm nguyên liệu trên thị trường tự do mà không cần đến chính sách thực dân "tốn kém và nguy hiểm", và "người ta có thể" tăng rất mạnh lượng cung về nguyên liệu, bằng cách "đơn giản" cải thiện những điều kiện của nông nghiệp nói chung. Song những ý kiến nêu lên ấy đã biến thành sự bảo vệ chủ nghĩa đế quốc, tô điểm chủ nghĩa đế quốc, vì những ý kiến nêu lên đó xuất phát từ chỗ bỏ qua đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa tư bản hiện đại là: các tổ chức độc quyền. Thị trường tự do ngày càng lùi vào quá khứ; các xanh-đi-ca và tơ-rót độc quyền ngày càng cắt xén thị trường đó, còn việc "đơn giản" cải thiện những điều kiện của nông nghiệp thì lại dẫn đến chỗ cải thiện tình cảnh của quần chúng, nâng cao tiền công và làm giảm lợi nhuận. Nhưng thử hỏi, ngoài óc tưởng tượng của bọn cải lương nói ngọt như đường ra, thì còn tìm đâu ra được những tơ-rót có thể quan tâm đến tình cảnh của quần chúng, chứ không phải là quan tâm đến việc đi xâm chiếm thuộc địa?

\* Schilder, tác phẩm đã dẫn, tr. 38-42.

Đối với tư bản tài chính, không phải chỉ những nguồn nguyên liệu đã được tìm ra mới có ý nghĩa, mà cả những nguồn nguyên liệu có thể tìm ra được cũng có ý nghĩa, vì hiện nay, kỹ thuật phát triển nhanh chóng không thể tưởng tượng được, và những đất đai hôm nay chưa dùng được thì ngày mai có thể dùng được nếu tìm ra được những phương pháp mới (để đạt mục đích đó, ngân hàng lớn có thể tổ chức một đoàn nghiên cứu đặc biệt gồm kỹ sư, các nhà nông học, v.v.), nếu người ta bỏ vào đó những số tư bản lớn. Đối với những cuộc thăm dò những tài nguyên khoáng sản, đối với những phương pháp mới trong việc chế biến và sử dụng những loại nguyên liệu nào đó v.v., v.v., thì cũng vậy. Do đó, tư bản tài chính không tránh khỏi có xu hướng muốn mở rộng lãnh thổ kinh tế của nó, và thậm chí lãnh thổ nói chung. Nếu các tư-rót đem tư bản hoá tài sản của mình bằng cách đánh giá tài sản đó gấp hai hay ba lần, tính trước những khoản lợi nhuận "có thể thu được" sau này (chứ không phải số lợi nhuận hiện tại) và tính trước những kết quả tương lai của độc quyền, – thì tư bản tài chính nói chung cũng thế, nó có xu hướng muốn chiếm lấy thật nhiều đất, dù đất đai đó như thế nào, dù đất đai đó ở đâu, và bất cứ bằng cách nào, vì nó tính đến những nguồn nguyên liệu có thể có và vì sợ lạc hậu trong cuộc tranh giành điên cuồng để giành lấy những mảnh đất cuối cùng chưa bị phân chia trên thế giới, hoặc chia lại những mảnh đất đã chia rồi.

Bọn tư bản Anh cố gắng dùng đủ mọi cách để phát triển nghề trồng bông ở thuộc địa Ai-cập của chúng, nghề này năm 1904 đã chiếm 0,6 triệu héc-ta trong số 2,3 triệu héc-ta đất trồng trọt, tức là hơn một phần tư. Bọn tư bản Nga cũng làm như vậy trong thuộc địa Tuốc-kê-xtan của chúng. Bởi vì làm như thế cả hai bọn tư bản đó đều có thể thắng được những bọn cạnh tranh nước ngoài một cách dễ dàng hơn, đều có thể dễ dàng đi đến chỗ nắm độc quyền những nguồn nguyên liệu hơn, đi đến chỗ thành lập được

một tư-rót dẹt ít tốn phí hơn, sinh lợi hơn, với cách sản xuất "liên hợp", với sự tập trung *hết thấy* các giai đoạn sản xuất và chế biến bồng vào tay một mình chúng.

Lợi ích của việc xuất khẩu tư bản cũng thúc đẩy sự xâm chiếm thuộc địa, vì trên thị trường thuộc địa mới dễ dàng (và đôi khi chỉ có trên thị trường đó mới có thể) loại trừ được kẻ cạnh tranh bằng những thủ đoạn độc quyền, mới dễ dàng nắm được việc cung cấp hàng hoá, củng cố những "mối liên hệ" thích đáng, v.v..

Kiến trúc thượng tầng phi kinh tế được xây dựng trên cơ sở tư bản tài chính, cũng như chính sách và hệ tư tưởng của tư bản tài chính, đều làm cho xu hướng đi xâm chiếm thuộc địa mạnh thêm. Hin-phéc-đinh nói rất đúng: "Tư bản tài chính không muốn để có tự do, mà muốn thống trị". Và một tác giả tư sản Pháp, như để phát triển và bổ sung những ý kiến nói trên của Xê-xin Rốt-xơ<sup>1)</sup> đã viết rằng ngoài những nguyên nhân kinh tế nên thêm những nguyên nhân xã hội của chính sách thực dân ngày nay: "sự phức tạp trong đời sống ngày càng tăng, những khó khăn ngày càng tăng chẳng những đè nặng lên đồng đảo quần chúng công nhân mà còn đè lên cả những giai cấp trung gian nữa, vì vậy trong hết thảy các nước có nền văn minh cũ, đều đang tích tụ "những sự bất bình, bực tức, căm hờn, là những cái đe dọa nền an ninh xã hội; những lực lượng đã lia khỏi quỹ đạo giai cấp nhất định thì cần được sử dụng, cần để cho lực lượng ấy có một việc làm nào đó ở nước ngoài, nếu như người ta không muốn có sự bùng nổ ở trong nước"\*.

\* Wahl. "La France aux colonies"<sup>2)</sup>, trích dẫn Henri Russier. "Le Partage de l'Océanie". P., 1905, p. 165<sup>3)</sup>.

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 479.

<sup>2)</sup> Van. "Nước Pháp ở thuộc địa".

<sup>3)</sup> Hăng-ri Ruyt-xi-ê. "Sự phân chia châu Đại-dương". Pa-ri, 1905, tr. 165.



Khi nói đến chính sách thực dân trong thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản, thì cần chú ý rằng tư bản tài chính và chính sách quốc tế thích ứng với nó – chính sách này là cuộc đấu tranh của các cường quốc lớn để phân chia thế giới về mặt kinh tế và chính trị – đã tạo nên hàng loạt hình thức lệ thuộc có tính chất quá độ của các nước. Tiêu biểu cho thời đại đó, không những chỉ có hai loại nước chủ yếu: những nước chiếm thuộc địa và những nước thuộc địa, mà còn có nhiều nước phụ thuộc với những hình thức khác nhau, những nước này trên hình thức thì được độc lập về chính trị, nhưng thực tế lại mắc vào cái lưới phụ thuộc về tài chính và ngoại giao. Trước đây, chúng tôi đã nêu ra một trong những hình thức ấy là những nước nửa thuộc địa. Kiểu mẫu của một hình thức khác là Ác-hen-ti-na, chẳng hạn.

Trong tác phẩm nói về chủ nghĩa đế quốc Anh, Sun-txê-Ghê-véc-ni-txơ viết: "Nam Mỹ, và nhất là Ác-hen-ti-na, đang ở vào một tình trạng phụ thuộc Luân-đôn về tài chính, đến nỗi nên gọi nó gần như là một thuộc địa thương mại của Anh vậy"<sup>\*</sup>. Dựa theo những thông cáo của viên lãnh sự Áo - Hung ở Bu-ê-nốt - E-rơ năm 1909, Sin-đơ đã tính rằng số tư bản Anh đầu tư vào Ác-hen-ti-na là  $8\frac{3}{4}$  tỷ phrăng. Chúng ta có thể hình dung một cách dễ dàng rằng việc đó bảo đảm cho tư bản tài chính – và "bạn" trung thành

\* Schulze-Gaevernitz "Britischer Imperialismus und englischer Freihandel zu Beginn des 20 - ten Jahrhunderts". Lpz. 1906, tr. 318<sup>1)</sup>. Sartorius v. Waltershausen cũng nói như vậy. "Das volkswirtschaftliche System der Kapitalanlage im Auslande". Berlin, 1907. S. 46<sup>2)</sup>.

<sup>1)</sup> Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ, "Chủ nghĩa đế quốc Anh và nền thương mại tự do của Anh đầu thế kỷ XX". Lai-pxích, 1906.

<sup>2)</sup> Xác-tô-ri-út phôn Van-tơ-hau-xên. "Hệ thống kinh tế quốc dân trong việc đầu tư tư bản ở nước ngoài". Béc-lan, 1907, tr. 46.

của nó là nền ngoại giao - của nước Anh, có những mối liên hệ vững chắc như thế nào với giai cấp tư sản Ác-hen-ti-na, với các giới lãnh đạo toàn bộ đời sống kinh tế và đời sống chính trị của nước này.

Bồ-đào-nha là một ví dụ về hình thức phụ thuộc tài chính và ngoại giao hơi khác một chút, trong điều kiện có độc lập chính trị. Bồ-đào-nha là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, nhưng thực tế thì từ hơn 200 năm nay, từ khi có cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế Tây-ban-nha (1701 - 1914), Bồ-đào-nha đã bị đặt dưới quyền bảo hộ của Anh rồi. Nước Anh đã bảo vệ Bồ-đào-nha và các thuộc địa của nước này, nhằm mục đích củng cố trận địa riêng của mình trong cuộc đấu tranh chống những đối thủ của mình là Tây-ban-nha và Pháp. Để bù lại, nước Anh đã được hưởng những khoản lợi về thương mại, những điều kiện tốt nhất trong việc xuất khẩu hàng hoá và nhất là trong việc xuất khẩu tư bản sang Bồ-đào-nha và các thuộc địa của nước này, đã được hưởng khả năng sử dụng các bến tàu và các hòn đảo cùng những đường dây điện ngầm của Bồ-đào-nha, v.v., v.v. \*. Những quan hệ như thế đều luôn luôn có giữa những nước lớn và nhỏ, nhưng trong thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản, những quan hệ đó trở thành một hệ thống phổ biến thành một bộ phận trong toàn bộ những quan hệ của "sự phân chia thế giới"; những quan hệ đó biến thành những khâu trong hoạt động của tư bản tài chính thế giới.

Để kết thúc vấn đề phân chia thế giới, chúng ta còn phải chú ý đến điều này nữa. Không phải chỉ riêng sách báo của Mỹ, sau cuộc chiến tranh Tây-ban-nha - Mỹ, và sách báo của Anh sau cuộc chiến tranh Anh - Bồ-e, mới đặt ra hoàn toàn công khai và rõ ràng vấn đề này vào đúng cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, cũng không phải chỉ riêng sách báo Đức, theo dõi "chủ nghĩa đế quốc Anh" một cách hết sức

\* Sin-đơ, tác phẩm dẫn, t. 1, tr. 160-161.

"ghen ghét", mới đánh giá được sự việc ấy một cách có hệ thống. Mà cả trong sách báo tư sản của Pháp nữa, vấn đề này cũng được đề ra một cách khá rõ rệt và rộng rãi, đến một mức độ mà quan điểm tư sản có thể cho phép. Chúng ta hãy dẫn chứng nhà sử học Đri-ô, là người đã viết trong cuốn "Những vấn đề chính trị và xã hội cuối thế kỷ XIX" của ông ta, ở chương nói về "các đại cường quốc và sự phân chia thế giới", như sau: "Trong những năm gần đây, trừ Trung-quốc ra, thì tất cả những nơi còn trống trên trái đất đều bị các cường quốc châu Âu và Bắc Mỹ chiếm cả. Trên cơ sở đó đã xảy ra một vài cuộc xung đột và một vài sự di chuyển phạm vi ảnh hưởng, đó là triệu chứng báo trước những cuộc bùng nổ ghê sợ hơn trong tương lai gần đây. Vì phải làm gấp; nước nào chưa có phần thì có thể chẳng bao giờ có được nữa và có thể không được tham dự vào cuộc bóc lột thế giới theo một quy mô khổng lồ, cuộc bóc lột này sẽ là một trong những sự kiện căn bản nhất của thế kỷ sắp đến (thế kỷ XX). Vì thế toàn thể châu Âu và châu Mỹ gần đây đều điên cuồng đi bành trướng thuộc địa, thực hành "chủ nghĩa đế quốc", chủ nghĩa này là đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ cuối thế kỷ XIX". Tác giả lại nói thêm: "Trong sự phân chia thế giới ấy, trong cuộc chạy đua điên cuồng để giành những kho báu vật và những thị trường rộng lớn trên trái đất, thì lực lượng so sánh của những đế quốc được thành lập trong thế kỷ đó (thế kỷ XIX) hoàn toàn không tương xứng với vị trí mà các dân tộc đã lập nên những đế quốc ấy đang giữ ở châu Âu. Các cường quốc chiếm ưu thế ở châu Âu và nắm vận mệnh của châu Âu, thì lại *không phải* cũng chiếm ưu thế như vậy trên toàn thế giới. Và vì sự hùng mạnh về thuộc địa, sự hy vọng chiếm được những của cải chưa đánh giá được, hiển nhiên sẽ ảnh hưởng trở lại đến lực lượng so sánh của những cường quốc châu Âu, cho nên vấn đề thuộc địa – hay "chủ nghĩa đế quốc", nếu muốn gọi như vậy – trước đây đã làm thay đổi những

điều kiện chính trị của bản thân châu Âu, thì sau này sẽ ngày càng làm thay đổi những điều kiện ấy"\*.

## VII. CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC, GIAI ĐOẠN ĐẶC BIỆT CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Bây giờ, chúng ta phải thử nêu lên những điểm tổng kết nào đó, tổng hợp những điều đã nói ở trên về chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc là sự phát triển và sự kế tục trực tiếp của những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản nói chung. Nhưng chủ nghĩa tư bản chỉ trở thành chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa, khi nó đã đạt tới một trình độ phát triển nhất định, rất cao, khi một số những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu biến thành điều trái ngược với những đặc tính đó, khi những đặc điểm của một thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang một chế độ kinh tế - xã hội cao hơn, đã hình thành và bộc lộ ra hoàn toàn. Về mặt kinh tế, điểm cơ bản trong quá trình này là sự độc quyền tư bản chủ nghĩa đã thay thế cho sự cạnh tranh tự do tư bản chủ nghĩa. Cạnh tranh tự do là đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản và của nền sản xuất hàng hoá nói chung; độc quyền là cái trực tiếp trái ngược với cạnh tranh tự do, nhưng trước mắt chúng ta cạnh tranh tự do biến thành độc quyền và tạo ra nền sản xuất lớn, loại bỏ nền sản xuất nhỏ, thay thế nền sản xuất lớn bằng một nền sản xuất lớn hơn nữa, đưa sự tập trung sản xuất và sự tập trung tư bản đến một mức độ mà sự tập trung này đã và đang làm cho các tổ chức độc quyền xuất hiện: các-ten, xanh-đi-ca, to-rót và tư bản – tư bản này hợp nhất với những tổ chức ấy – của mười ngân hàng thao túng hàng tỷ đồng. Đồng thời, độc

\* J.- E. Driault. "Problèmes politiques et sociaux". P., 1900, tr. 299<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Gi.-E. Đri-ô. "Những vấn đề chính trị và xã hội". Pa-ri.

quyền không thủ tiêu sự cạnh tranh tự do là cái đã sinh ra chúng; chúng tồn tại ở bên trên sự cạnh tranh tự do và cùng với sự cạnh tranh tự do, do đó mà gây ra một số mâu thuẫn, va chạm và xung đột đặc biệt gay gắt và kịch liệt. Độc quyền là bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên một chế độ cao hơn.

Nếu cần định nghĩa chủ nghĩa đế quốc cho thật hết sức vắn tắt thì phải nói rằng chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn độc quyền của chủ nghĩa tư bản. Định nghĩa này có thể bao gồm được cái chủ yếu nhất, vì một mặt thì tư bản tài chính là kết quả của sự hợp nhất giữa tư bản ngân hàng của một số ít ngân hàng độc quyền lớn nhất, với tư bản của những liên minh độc quyền các nhà công nghiệp; mặt khác thì sự phân chia thế giới là bước quá độ từ chính sách thực dân đang lan rộng một cách tự do đến những miền chưa bị một cường quốc tư bản nào chiếm đoạt, sang chính sách thực dân muốn độc chiếm những đất đai đã hoàn toàn chia xong trên thế giới.

Song những định nghĩa vắn tắt quá, mặc dù có tiện lợi vì tóm tắt được cái chủ yếu, nhưng vẫn không đầy đủ, vì từ những định nghĩa đó cần tách riêng ra những đặc điểm rất căn bản của hiện tượng mà ta cần định nghĩa. Cho nên trong khi không quên cái ý nghĩa có tính chất quy ước và tương đối trong tất cả các định nghĩa nói chung – là những định nghĩa không bao giờ có thể bao quát được những mối liên hệ toàn diện của một hiện tượng trong sự phát triển đầy đủ của hiện tượng ấy – thì chúng ta, khi định nghĩa chủ nghĩa đế quốc, phải đưa ra một định nghĩa bao gồm năm dấu hiệu cơ bản của chủ nghĩa đế quốc: 1) sự tập trung sản xuất và tư bản đạt tới một mức độ phát triển cao khiến nó tạo ra những tổ chức độc quyền có một vai trò quyết định trong sinh hoạt kinh tế; 2) sự hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp, và trên cơ sở "tư bản tài chính", đó, xuất hiện một bọn đầu sỏ tài chính; 3) việc xuất khẩu tư bản, khác với việc xuất khẩu hàng hoá, đã có một ý nghĩa quan

trọng đặc biệt; 4) sự hình thành những liên minh độc quyền quốc tế của bọn tư bản chia nhau thế giới, và 5) việc các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã chia nhau xong đất đai trên thế giới. Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản đạt đến một giai đoạn phát triển trong đó sự thống trị của các tổ chức độc quyền và của tư bản tài chính đã được xác lập; việc xuất khẩu tư bản đã có một ý nghĩa nổi bật; sự phân chia thế giới đã bắt đầu được tiến hành giữa các cường quốc và sự phân chia toàn bộ đất đai trên thế giới giữa những nước tư bản lớn nhất, đã kết thúc.

Dưới đây, chúng ta sẽ thấy người ta có thể và phải định nghĩa chủ nghĩa đế quốc một cách khác, nếu như người ta xét không phải chỉ những khái niệm cơ bản mang tính chất thuần túy kinh tế (định nghĩa nói trên chỉ hạn chế trong những khái niệm này thôi), mà còn xét cả vị trí lịch sử của giai đoạn này của chủ nghĩa tư bản đối với chủ nghĩa tư bản nói chung, hay còn xét quan hệ giữa chủ nghĩa đế quốc và hai xu hướng cơ bản trong phong trào công nhân. Điều cần chú ý ngay là chủ nghĩa đế quốc, hiểu theo nghĩa đã nói ở trên, thì rõ ràng là một giai đoạn phát triển đặc biệt của chủ nghĩa tư bản. Để bạn đọc có được một khái niệm thật hết sức có căn cứ về chủ nghĩa đế quốc, chúng tôi cố tìm cách dẫn ra thật nhiều ý kiến của những nhà kinh tế học *tư sản* đã buộc phải thừa nhận những sự thật đã được xác nhận một cách đặc biệt không chối cãi được, rút từ trong nền kinh tế hiện đại của chủ nghĩa tư bản. Chính cũng nhằm mục đích đó, mà chúng tôi đã đưa ra những số liệu thống kê chi tiết cho phép ta thấy rõ được tư bản ngân hàng đã phát triển chính là đến trình độ nào, v.v., sự chuyển biến từ lượng thành chất, bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản phát triển sang chủ nghĩa đế quốc đã biểu hiện chính là ở chỗ nào. Không cần phải nói cũng rõ là trong giới tự nhiên và trong xã hội, dĩ nhiên tất cả mọi ranh giới đều có tính chất quy ước và biến động; và vì thế, nếu cứ tranh luận, chẳng hạn

về vấn đề tìm xem chủ nghĩa đế quốc được xác lập một cách "đứt khoát" vào năm nào hay vào khoảng mười năm nào, thì sẽ thật là phi lý.

Nhưng tranh luận về định nghĩa chủ nghĩa đế quốc, thì phải tranh luận trước hết với C. Cau-xky, nhà lý luận mác-xít chủ yếu của thời đại mà người ta gọi là thời đại Quốc tế II, nghĩa là quãng thời gian 25 năm từ 1889 đến 1914. Năm 1915 và ngay từ tháng Mười một 1914, Cau-xky đã hoàn toàn kiên quyết lên tiếng phản đối những tư tưởng cơ bản thể hiện trong định nghĩa của chúng tôi về chủ nghĩa đế quốc, và tuyên bố rằng phải hiểu chủ nghĩa đế quốc là một chính sách, chính là một chính sách nhất định mà tư bản tài chính "ưa thích" chứ không phải là một "giai đoạn" hoặc một trình độ phát triển của nền kinh tế; rằng người ta không thể "quy làm một" chủ nghĩa đế quốc và "chủ nghĩa tư bản hiện đại" được; rằng, nếu hiểu chủ nghĩa đế quốc là "tất cả những hiện tượng của chủ nghĩa tư bản hiện đại" - các-ten, chế độ bảo hộ thuế quan, sự thống trị của bọn tài chính, chính sách thực dân, - thì như thế, vấn đề tính tất yếu của chủ nghĩa đế quốc đối với chủ nghĩa tư bản rút lại chỉ là "một sự trùng phức tầm thường nhất", vì như thế thì "lẽ tự nhiên, chủ nghĩa đế quốc là một sự tất yếu sống còn đối với chủ nghĩa tư bản" v.v., Chúng tôi sẽ diễn đạt ý kiến của Cau-xky một cách chính xác hơn hết, nếu dẫn ra định nghĩa của ông ta về chủ nghĩa đế quốc, định nghĩa này nhằm trực tiếp chống lại thực chất của những tư tưởng chúng tôi đã trình bày (vì từ lâu Cau-xky đã biết rằng những lời phản đối của phe những người mác-xít Đức đã truyền bá những tư tưởng như thế suốt trong bao nhiêu năm liền, là những lời phản đối của một trào lưu nhất định của chủ nghĩa Mác).

Cau-xky định nghĩa như sau:

"Chủ nghĩa đế quốc là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản công nghiệp phát triển cao. Đó là xu hướng của mỗi dân tộc

tư bản chủ nghĩa công nghiệp muốn sáp nhập hoặc chinh phục tất cả những vùng *nông nghiệp* (do Cau-xky viết ngả) lớn, bất kể dân tộc ở những vùng đó là những dân tộc nào"\*.

Định nghĩa đó hoàn toàn không dùng được vì nó chỉ tách riêng vấn đề dân tộc ra một cách phiến diện, tức là một cách tùy tiện (tuy rằng xét về bản thân vấn đề đó và về mối quan hệ của vấn đề đó đối với chủ nghĩa đế quốc, thì vấn đề đó là một vấn đề cực kỳ quan trọng), gắn liền một cách tùy tiện và *sai lầm* vấn đề ấy *chỉ* với *riêng* tư bản công nghiệp trong những nước đi thôn tính các nước khác, và nêu lên, một cách cũng không kém phần tùy tiện và sai lầm, việc thôn tính những vùng nông nghiệp.

Chủ nghĩa đế quốc là xu hướng đi đến những cuộc thôn tính - phần *chính trị* trong định nghĩa của Cau-xky quy lại là như thế. Phần đó đúng, nhưng hết sức không đầy đủ, vì xét về mặt chính trị, thì chủ nghĩa đế quốc, nói chung, là xu hướng đi đến bạo lực và phản động. Nhưng cái chúng ta quan tâm ở đây, là mặt *kinh tế* của vấn đề, mà *chính* Cau-xky cũng đã đưa vào trong định nghĩa *của ông ta*. Những chỗ sai trong định nghĩa của Cau-xky lộ ra sờ sờ trước mắt. Điểm tiêu biểu của chủ nghĩa đế quốc chính là *không phải là* tư bản công nghiệp, *mà là* tư bản tài chính. Không phải ngẫu nhiên mà ở Pháp chính sự phát triển đặc biệt nhanh chóng của tư bản *tài chính*, trong khi tư bản công nghiệp suy yếu, đã làm cho chính sách thôn tính (chính sách thực dân) từ những năm 80 thế kỷ trước trở nên cực kỳ gay gắt. Điểm tiêu biểu của chủ nghĩa đế quốc chính là ở chỗ nó có xu hướng thôn tính *không những* các vùng nông nghiệp, mà thậm chí cả những vùng có nhiều công nghiệp nhất (nước Đức thêm muốn nước Bỉ, nước Pháp thêm muốn vùng Lo-

\* "Die Neue Zeit", 1914, 2 (t. 32, tr. 909, ngày 11 tháng Chín 1914. Đối chiếu với cũng tạp chí đó: 1915, 2, tr. 107 và các trang sau.

ren), vì, một là, sự phân chia thế giới đã xong rồi, cho nên khi *phân chia lại* người ta buộc phải với tay đến *bất cứ* đất đai nào; hai là, điểm trọng yếu của chủ nghĩa đế quốc là sự cạnh tranh của một số cường quốc lớn muốn chiếm bá quyền, nghĩa là muốn đi xâm chiếm đất đai, chủ yếu không phải nhằm trực tiếp chiếm cho bản thân mình, mà nhằm làm suy yếu đối thủ và đánh đổ bá quyền của *đối thủ* nữa (đối với nước Đức thì nước Bỉ là đặc biệt quan trọng với tính cách là bàn đạp chống lại Anh; đối với nước Anh thì Bát-đa là đặc biệt quan trọng với tính cách là bàn đạp chống lại Đức, v.v. ).

Cau-xky đặc biệt viện dẫn - và nhiều lần viện dẫn - người Anh, tưởng như người Anh đã xác định ý nghĩa thuần túy chính trị cho danh từ chủ nghĩa đế quốc đúng theo ý của Cau-xky. Ta hãy dẫn ra đây tác phẩm của một người Anh là Hốp-xơn, nhan đề "Chủ nghĩa đế quốc", xuất bản năm 1902, trong đó chúng ta đọc thấy như sau:

"Chủ nghĩa đế quốc mới khác với chủ nghĩa đế quốc cũ: một là ở chỗ nó không biểu thị những ước vọng của một đế quốc đang bành trướng, mà biểu thị lý luận và thực hành của nhiều đế quốc cạnh tranh với nhau, những đế quốc này đều bị chi phối bởi cùng những khát vọng như nhau là bành trướng về chính trị và được lợi về thương mại; hai là ở chỗ những lợi ích tài chính hay lợi ích có liên quan đến đầu tư tư bản lại thống trị những lợi ích thương mại".

Chúng ta thấy rằng Cau-xky, trên thực tế, đã hoàn toàn sai khi viện dẫn người Anh nói chung (ông ta chỉ có thể viện dẫn hoạ chăng bọn đế quốc tầm thường Anh hay bọn trực tiếp biếm hộ cho chủ nghĩa đế quốc). Chúng ta thấy rằng Cau-xky tự xưng là vẫn tiếp tục bảo vệ chủ nghĩa Mác, nhưng thật ra lại thụt lùi một bước so với *nhà xã hội - tự do*

\* Hobson. "Imperialism". L., 1902, P. 324.

*chủ nghĩa* Hốp-xơn vì ông này còn biết chú ý một cách *đúng hơn* đến hai đặc điểm "lịch sử - cụ thể" (với định nghĩa của mình, Cau-xky chính là giấu cọt tính lịch sử - cụ thể) của chủ nghĩa đế quốc hiện đại: 1) sự cạnh tranh của *một số* chủ nghĩa đế quốc và 2) ưu thế của nhà tài chính đối với thương nhân. Nhưng, nếu chủ yếu nói đến việc một nước công nghiệp đi thôn tính một nước nông nghiệp thì như thế là nêu bật vai trò hàng đầu của thương nhân.

Định nghĩa của Cau-xky không phải chỉ sai lầm và không mác-xít mà thôi. Nó còn dùng làm cơ sở cho cả một hệ thống quan điểm đoạn tuyệt hoàn toàn với lý luận mác-xít và thực tiễn mác-xít, về điểm này sau đây chúng tôi sẽ còn nói đến. Cuộc tranh luận về danh từ, do Cau-xky khởi xướng, thật là hoàn toàn không quan trọng: ta nên gọi giai đoạn mới nhất của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc hay nên gọi là giai đoạn tư bản tài chính? Muốn gọi thế nào thì gọi, thế nào cũng được. Thực chất vấn đề là ở chỗ Cau-xky tách rời chính sách của chủ nghĩa đế quốc khỏi nền kinh tế của nó; ông ta giải thích rằng những cuộc thôn tính là chính sách "ưa thích" của tư bản tài chính, và ông ta đem đối lập chính sách này với một chính sách tư sản khác tưởng như có thể thực hiện được cũng trên cơ sở tư bản tài chính đó. Thế ra các tổ chức độc quyền trong kinh tế đều có thể tương dung với một phương pháp hành động chính trị không có tính chất độc quyền, không có tính chất bạo lực, không có tính chất xâm lược. Thế ra sự phân chia đất đai trên thế giới, được hoàn thành đúng ngay vào thời kỳ tư bản tài chính và là cơ sở của các hình thức cạnh tranh đặc thù hiện tại giữa những nước tư bản chủ nghĩa lớn nhất, lại có thể tương dung với một chính sách không phải đế quốc chủ nghĩa. Kết quả là, đáng lẽ phải vạch ra tính chất sâu sắc của những mâu thuẫn cơ bản nhất trong giai đoạn hiện đại của chủ nghĩa tư bản, thì lại làm lu mờ và xoa dịu

những mâu thuẫn đó. Kết quả là chủ nghĩa cải lương tư sản chứ không phải là chủ nghĩa Mác.

Cau-xky tranh luận với Cu-nốp, một người Đức đã từng biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc và biện hộ cho những cuộc thôn tính với những lý lẽ vừa trắng tráo vừa thô kệch như sau: chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản hiện đại; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là tất nhiên và tiến bộ; vậy thì chủ nghĩa đế quốc là tiến bộ; cho nên phải suy tôn nó và ca tụng nó! Cái lý lẽ đó cũng na ná như việc bọn dân túy đã biếm hoạ những người mác-xít Nga trong những năm 1894 - 1895, bọn này nói: nếu những người mác-xít xem chủ nghĩa tư bản ở Nga là một hiện tượng tất nhiên và tiến bộ thì họ phải mở quán rượu và du nhập chủ nghĩa tư bản. Cau-xky cãi lại Cu-nốp: không, chủ nghĩa đế quốc không phải là chủ nghĩa tư bản hiện đại; nó chỉ là một trong những hình thức của chính sách của chủ nghĩa tư bản hiện đại; và chúng ta có thể và phải chống lại chính sách đó, chống lại chủ nghĩa đế quốc, chống lại việc thôn tính, v.v..

Câu cãi lại này tưởng như hoàn toàn có lý, nhưng kỳ thật, nó là một lối tuyên truyền tinh vi hơn, nguy trang khéo hơn (và do đó, nguy hiểm hơn) cho sự thoả hiệp với chủ nghĩa đế quốc, vì "đấu tranh" chống chính sách của các tư-rót và các ngân hàng mà không đụng đến cơ sở kinh tế của các tư-rót và các ngân hàng đó, thì chỉ là chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa hoà bình tư sản, chỉ là những lời mong ước tốt lành và vô hại. Đáng lẽ phải lột trần tất cả tính chất sâu sắc của những mâu thuẫn hiện có, thì lại lảng tránh không nói đến những mâu thuẫn ấy, bỏ qua những mâu thuẫn quan trọng nhất trong số những mâu thuẫn ấy, - lý luận của Cau-xky là như thế đó, nó không có một tí gì giống với chủ nghĩa Mác cả. Rõ ràng, một thứ "lý luận" như thế thì chỉ dùng để bảo vệ cho cái tư tưởng muốn thống nhất với bọn Cu-nốp mà thôi!

"Xét về mặt thuần túy kinh tế - Cau-xky viết - không loại trừ khả năng là chủ nghĩa tư bản sẽ còn trải qua một giai đoạn mới nữa, trong đó chính sách các-ten sẽ được ứng dụng vào chính sách đối ngoại, đó là giai đoạn chủ nghĩa đế quốc cực đoan" \*, nghĩa là chủ nghĩa siêu đế quốc, giai đoạn liên hợp các đế quốc trên toàn thế giới, chứ không phải giai đoạn đấu tranh giữa các đế quốc đó với nhau; giai đoạn chấm dứt các cuộc chiến tranh dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giai đoạn "tư bản tài chính thống nhất với nhau trên phạm vi quốc tế để cùng nhau bóc lột thế giới"\*\*\*.

Sau đây, chúng tôi sẽ nói đến cái "thuyết chủ nghĩa đế quốc cực đoan" ấy để chỉ rõ một cách tỉ mỉ rằng cái thuyết này đã đoạn tuyệt, một cách dứt khoát và vĩnh viễn, với chủ nghĩa Mác biết chừng nào. Ở đây, theo dàn bài chung của bản khái luận này, chúng ta cần xem xét những số liệu kinh tế chính xác về vấn đề này. "Xét về mặt thuần túy kinh tế", "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" có thể có được không, hay đó chỉ là một câu chuyện nhằm nhĩ cực đoan?

Nếu chúng ta hiểu quan điểm thuần túy kinh tế là một sự trừu tượng "thuần túy", thì như thế, tất cả những gì có thể nói được đều quy tụ thành một luận điểm sau đây: sự phát triển dẫn đến những tổ chức độc quyền và, do đó, dẫn đến một tổ chức độc quyền toàn thế giới, đến một tư-rót duy nhất toàn thế giới. Đó là điều không thể chối cãi được, nhưng điều đó cũng hoàn toàn không có nội dung, đại loại giống như nói "sự phát triển dẫn đến" việc sản xuất các thực phẩm trong những phòng thí nghiệm. Theo ý nghĩa

\* "Die Neue Zeit", 1914, 1 (t. 32), tr. 921, số ra ngày 11 tháng Chín 1914. Đối chiếu với cũng tạp chí đó: 1915, 2, tr. 107 và các trang sau.

\*\* "Die Neue Zeit", 1915, 1, tr. 144, số ra ngày 30 tháng Tư 1915.

đó, thì "thuyết" chủ nghĩa đế quốc cực đoan cũng vô lý như "thuyết nông nghiệp cực đoan".

Nhưng nếu người ta nói đến những điều kiện "thuần túy kinh tế" của thời đại tư bản tài chính, với tính cách một thời đại lịch sử - cụ thể ở vào đầu thế kỷ XX, thì câu trả lời tốt nhất đối với những khái niệm trừu tượng cứng đờ về "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" (những khái niệm này chỉ phục vụ cho một mục đích phản động nhất; làm cho người ta đừng chú ý đến tính chất sâu sắc của những mâu thuẫn *hiện có*) là đem cái hiện thực kinh tế - cụ thể của nền kinh tế thế giới hiện nay để đối lập lại những khái niệm trừu tượng ấy. Những lời hoàn toàn không có nội dung của Cau-xky nói về chủ nghĩa đế quốc cực đoan, cũng khuyến khích cái tư tưởng hết sức sai lầm và có tính chất tiếp tay cho bọn biện hộ chủ nghĩa đế quốc, là: sự thống trị của tư bản tài chính tuồng như *làm giảm bớt* những sự chênh lệch và những mâu thuẫn trong nền kinh tế thế giới; trong khi đó thì sự thống trị ấy thực tế làm cho những sự chênh lệch và mâu thuẫn đó *tăng thêm*<sup>154</sup>.

Trong tập sách nhỏ nhan đề là "Kinh tế thế giới nhập môn"\*, R. Can-vơ đã thử tổng hợp những số liệu chủ yếu nhất, có tính chất thuần túy kinh tế, cho phép người ta hình dung được một cách cụ thể những quan hệ qua lại ở bên trong nền kinh tế thế giới vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Ông chia toàn bộ thế giới thành 5 "khu vực kinh tế chủ yếu": 1) khu vực Trung Âu (tất cả châu Âu, trừ Nga và Anh); 2) khu vực Anh; 3) khu vực Nga; 4) khu vực Đông Á; và 5) khu vực Mỹ, kể cả các thuộc địa nằm trong "khu vực" các nước có những thuộc địa ấy, đồng thời "gạt sang một bên" một số ít những nước chưa xếp vào các khu vực, chẳng hạn như Ba-tư, Áp-ga-ni-xtan, Ả-rập ở châu Á, Ma-rốc và A-bi-xi-ni ở châu Phi, v.v...

\* R. Calwer. "Einführung in die Weltwirtschaft". Brl., 1906.

Dưới đây là những số liệu kinh tế tóm tắt mà ông ta dẫn ra về những khu vực đó:

Các khu vực kinh tế chủ yếu trên thế giới	Diện tích	Dân số	Đường giao thông	Thương mại	Công nghiệp			
	tính theo triệu ki-lô-mét vuông	(tính theo triệu người)	đường sắt (tính theo nghìn ki-lô-mét)	đội tàu buôn (tính theo triệu tấn)	(gồm cả xuất nhập khẩu tính theo mác)	Khai thác than đá (tính theo triệu tấn)	gang	số cọc sợi trong công nghiệp sợi bông (tính theo triệu cọc)
1) khu vực Trung Âu.....	27,6	388	204	8	41	251	15	26
	*(23,6)	(146)						
2) khu vực Anh..	28,9	398	140	11	25	249	9	51
	*(28,6)	(355)						
3) khu vực Nga...	22	131	63	1	3	16	3	7
4) khu vực Đông Á	12	389	8	1	2	8	0,02	2
5) khu vực Mỹ....	30	148	379	6	14	245	14	19

Ta thấy có ba khu vực, trong đó chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao (đường giao thông, thương mại và công nghiệp đều phát triển mạnh) là: khu vực Trung Âu, khu vực Anh và khu vực Mỹ. Trong các khu vực đó, có ba nước thống trị thế giới: Đức, Anh và Mỹ. Sự cạnh tranh đế quốc chủ nghĩa và cuộc đấu tranh giữa các nước đó trở nên cực kỳ gay gắt vì nước Đức chỉ có một khu vực bé nhỏ không đáng kể và có ít thuộc địa; việc thành lập một "khu Trung Âu" còn là một vấn đề tương lai và đang hình thành trong một cuộc đấu tranh quyết liệt. Giờ đây, đặc điểm của toàn thể châu Âu là tình trạng chia năm xẻ bảy về chính trị. Trái lại, trong các khu vực Anh và Mỹ thì sự tập trung về chính trị

\* Những con số trong dấu ngoặc là chỉ diện tích và dân số ở các thuộc địa.

rất cao, nhưng về số lượng thuộc địa thì giữa hai khu vực đó có sự khác nhau rất lớn: khu vực Anh có những thuộc địa rộng mênh mông, con số thuộc địa của khu vực Mỹ lại rất ít ỏi. Mà ở các thuộc địa thì chủ nghĩa tư bản chỉ mới bắt đầu phát triển. Cuộc đấu tranh giành Nam Mỹ ngày càng gay gắt.

Hai khu vực trong đó chủ nghĩa tư bản ít phát triển, là khu vực Nga và Đông Á. Trong khu vực thứ nhất, mật độ dân số hết sức thấp, trong khu vực thứ hai, lại hết sức cao; trong khu vực thứ nhất, sự tập trung chính trị thì mạnh, còn trong khu vực thứ hai lại không có sự tập trung đó. Việc phân chia Trung-quốc chỉ vừa mới được bắt đầu, và cuộc đấu tranh giữa Nhật và Mỹ, v.v. để chiếm nước này, ngày càng gay gắt thêm.

Hãy đem câu chuyện hoang đường ngu xuẩn của Cau-xky về chủ nghĩa đế quốc cực đoan "hoà bình" đó mà đối chiếu với cái hiện thực nói trên, với những điều kiện kinh tế và chính trị hết sức muôn hình muôn vẻ, với tình trạng hết sức chênh lệch về tốc độ phát triển của các nước, v.v., với cuộc đấu tranh điên cuồng giữa các nước đế quốc chủ nghĩa. Đấy chẳng phải là một mưu toan phản động của một chàng tiểu thị dân khiếp sợ đang tìm cách lẩn trốn cái hiện thực ghê gớm, đó sao? Những các-ten quốc tế, mà Cau-xky cho đó là mầm mống của "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" (cũng như "có thể" gọi việc chế tạo các thuốc viên trong phòng thí nghiệm mầm mống của nông nghiệp cực đoan), há đã chẳng cho ta một ví dụ về việc chia và chia lại thế giới, về bước quá độ chuyển từ sự phân chia hoà bình đến sự phân chia không hoà bình và ngược lại, đó sao! Chẳng phải là tư bản tài chính Mỹ, và tư bản tài chính các nước khác, trước kia đã phân chia toàn bộ thế giới một cách êm ái, có sự tham dự của nước Đức, chẳng hạn, vào xanh-đi-ca quốc tế chế tạo đường ray xe lửa hay vào tơ-rốt hàng hải thương mại quốc tế, thì bây giờ, trên cơ sở những quan hệ so sánh mới về lực lượng, những quan hệ so sánh đang thay

đổi một cách hoàn toàn không hoà bình, nó lại không tiến hành chia lại thế giới hay sao?

Tư bản tài chính và các tơ-rốt đã không làm giảm mà lại còn làm tăng những sự khác nhau về nhịp độ phát triển của các bộ phận khác nhau trong nền kinh tế thế giới. Nhưng một khi quan hệ so sánh về lực lượng đã thay đổi, nếu không giải quyết các mâu thuẫn bằng vũ lực thì còn giải quyết bằng cách nào nữa trong chế độ tư bản chủ nghĩa? Những bản thống kê đường sắt\* cung cấp cho ta những tài liệu hết sức chính xác về những nhịp độ khác nhau trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và của tư bản tài chính trong toàn bộ nền kinh tế thế giới. Sau đây là tình hình thay đổi về chiều dài của hệ thống đường sắt trong suốt mấy chục năm phát triển gần đây của chủ nghĩa đế quốc:

	1890	1913	Đ ư ờ n g s ắ t (tính theo nghìn ki-lô-mét)
Châu Âu.....	224	346	+ 122
Mỹ.....	268	411	+ 143
Tất cả các thuộc địa ....	82	210	+ 128
Các quốc gia độc lập hay nửa độc lập ở châu Á và châu Mỹ.....	43	137	+ 94
	125	347	+222
Tổng cộng .....	617	1104	

Vậy là trong các thuộc địa và các nước độc lập (và nửa độc lập) thuộc châu Á và châu Mỹ, đường sắt được phát

\* Stat. Jahrbuch für das Deutsche Reich, 1915; Archiv für Eisen - bahnwesen, 1892<sup>1)</sup>; đối với năm 1890, chúng ta đành phải xác định một cách ước lượng những điểm chi tiết nhỏ về việc phân chia các đường sắt ở thuộc địa của các nước khác nhau 155.

<sup>1)</sup> Tập thống kê hàng năm của Nhà nước Đức, 1915, Lưu trữ của ngành đường sắt, 1892.



triển nhanh chóng hơn cả. Ở những nơi đó, người ta biết rằng tư bản tài chính của 4 - 5 nước tư bản chủ nghĩa lớn nhất đang hoàn toàn ngự trị và làm chủ. Hai trăm nghìn ki-lô-mét đường sắt mới ở các thuộc địa và các nước khác thuộc châu Á và châu Mỹ, cái đó có nghĩa là hơn 40 tỷ mét tư bản mới được đầu tư trong những điều kiện đặc biệt có lợi, với những bảo đảm đặc biệt về thu nhập, với những món hàng đặt rất lời cho các nhà máy sản xuất thép, v.v. và v.v..

Trong các thuộc địa và trong các nước bên kia đại dương, chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh hơn cả. Những cường quốc đế quốc chủ nghĩa mới (Nhật-bản) đã xuất hiện ở đây. Cuộc đấu tranh giữa các chủ nghĩa đế quốc thế giới ngày càng gay gắt. Số cống nạp mà các doanh nghiệp đặc biệt sinh lợi ở thuộc địa và ở bên kia đại dương phải nộp cho tư bản tài chính, đang tăng lên. Khi phân chia "của ăn cướp được" này, một phần hết sức lớn lại rơi vào tay những nước không phải thường xuyên đứng hàng đầu về tốc độ phát triển lực lượng sản xuất. Toàn bộ chiều dài các đường sắt trong những cường quốc lớn nhất cộng với các thuộc địa của những nước này, là như sau:

	(tính theo nghìn ki-lô-mét)		
	1890	1913	
Mỹ.....	268	413	+ 145
Đế quốc Anh.....	107	208	+ 101
Nga.....	32	78	+ 46
Đức.....	43	68	+ 25
Pháp.....	41	63	+ 22
<i>Tổng cộng 5 cường quốc</i>	491	830	+ 339

Như thế là gần 80% tổng số đường sắt đều tập trung ở 5 cường quốc lớn nhất. Nhưng sự tập trung quyền sở hữu các đường sắt ấy, sự tập trung tư bản tài chính lại còn vô

cùng mạnh mẽ hơn, vì các nhà triệu phú Anh và Pháp, chẳng hạn, đều nắm trong tay một số rất lớn các cổ phiếu và trái khoán trong ngành đường sắt ở Mỹ, Nga và các nước khác.

Nhờ có thuộc địa, nước Anh đã tăng hệ thống đường sắt "của mình" lên 100 nghìn ki-lô-mét, tức là gấp bốn lần nước Đức. Nhưng mọi người đều biết rằng trong thời kỳ đó ở Đức sự phát triển của lực lượng sản xuất và nhất là của việc sản xuất than đá và sắt, đã hết sức nhanh hơn Anh, ấy là chưa nói đến Pháp và Nga. Năm 1892, nước Đức đã sản xuất 4,9 triệu tấn gang, trong khi đó nước Anh sản xuất 6,8 triệu tấn; năm 1912, nước Đức đã sản xuất được 17,6 triệu tấn và nước Anh - 9 triệu tấn, nghĩa là nước Đức đã vượt nước Anh rất nhiều!\* Thử hỏi, trên cơ sở chủ nghĩa tư bản, ngoài chiến tranh ra, còn có phương sách nào khác để khắc phục tình trạng không cân đối giữa một bên là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tích lũy tư bản, và một bên là sự phân chia thuộc địa và các "khu vực ảnh hưởng" cho tư bản tài chính, được chăng?

### VIII. TÍNH ĂN BĂM VÀ SỰ THỐI NÁT CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Bây giờ, chúng ta còn phải xét một mặt rất quan trọng khác của chủ nghĩa đế quốc, mặt mà người ta phần lớn đánh giá không đầy đủ trong đa số trường hợp suy xét vấn đề này. Một trong những khuyết điểm của nhà mác-xít Hin-phéc-

\* Cũng cần đối chiếu bài của Edgar Crammond. "The Economic Relations of the British and German Empires" trong "Journal of the Royal Statistical Society", 1914 July, pp. 777 ss<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Ết-ga Crem-mông. "Quan hệ kinh tế giữa các đế quốc Anh và Đức" trong "Tập chí của Hội thống kê hoàng gia", 1914, tháng Bảy, tr. 777 và những trang sau.

đình là ở chỗ về mặt này ông ta đã thụt lùi một bước so với Hốp-xơn không phải là người mác-xít. Chúng tôi muốn nói về tính ăn bám vốn có của chủ nghĩa đế quốc.

Như chúng ta đã thấy, cơ sở kinh tế sâu xa nhất của chủ nghĩa đế quốc là độc quyền. Đây là độc quyền tư bản chủ nghĩa, tức là phát sinh từ chủ nghĩa tư bản và nằm trong bối cảnh chung của chủ nghĩa tư bản, của nền sản xuất hàng hoá, của cạnh tranh; độc quyền ấy mâu thuẫn thường xuyên, không cách nào giải quyết được, với bối cảnh chung ấy. Tuy nhiên, cũng như mọi độc quyền khác, độc quyền tư bản chủ nghĩa tất nhiên phải để ra một xu thế đình trệ và thối nát. Việc định ra những giá cả độc quyền, dù tạm thời chẳng nữa, cũng làm biến mất, trên một mức độ nào đó, những nguyên nhân kích thích sự tiến bộ kỹ thuật, và, do đó, cũng làm mất những nguyên nhân kích thích mọi sự tiến bộ khác, mọi bước tiến lên; do đó cũng để ra khả năng *kinh tế* làm kìm hãm một cách giả tạo sự tiến bộ kỹ thuật. Một ví dụ: ở Mỹ, có một ông Ô-oen-xơ nào đó phát minh được một cái máy làm chai lọ, điều đó gây ra một cuộc cách mạng trong việc chế tạo chai lọ. Các-ten những nhà chế tạo chai lọ ở Đức liền mua bằng phát minh của Ô-oen-xơ và nhét vào ngăn kéo, trì hoãn việc sử dụng bằng phát minh đó. Dĩ nhiên trong chế độ tư bản chủ nghĩa độc quyền không bao giờ có thể tiêu diệt được một cách hoàn toàn và trong một thời gian rất lâu tình trạng cạnh tranh trên thị trường thế giới (đấy cũng là một trong những lý do chứng tỏ thuyết chủ nghĩa đế quốc cực đoan thật là vô lý). Cố nhiên, khả năng giảm bớt chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận do việc áp dụng những cải tiến kỹ thuật, cũng thúc đẩy những sự cải biến. Nhưng *xu hướng* đình trệ và thối nát, xu hướng vốn có của chế độ độc quyền, cũng vẫn cứ tiếp tục tác động, và trong một số ngành công nghiệp nào đó, trong một số nước nào đó nó lại có thể chiếm được ưu thế trong một thời gian nhất định.

Sự độc chiếm các thuộc địa đặc biệt rộng lớn, giàu có hay có vị trí thuận lợi, cũng tác động theo cùng một chiều hướng đó.

Chúng ta bàn tiếp. Chủ nghĩa đế quốc là một sự tích lũy rất lớn về tư bản tiền tệ trong một số ít nước, số tư bản đó, như ta đã thấy, lên tới 100-150 tỷ phrăng chứng khoán. Do đó, có sự phát triển phi thường của giai cấp, hay nói cho đúng hơn, của tầng lớp những kẻ thực lợi, nghĩa là những kẻ sống bằng lối "cắt phiếu", những kẻ hoàn toàn không tham gia một doanh nghiệp nào cả, những kẻ chuyên nghề ăn không ngồi rồi. Việc xuất khẩu tư bản, một trong số những cơ sở kinh tế căn bản nhất của chủ nghĩa đế quốc, còn làm tăng thêm sự xa rời hoàn toàn của tầng lớp những kẻ thực lợi với sản xuất, in dấu vết ăn bám lên cả một nước sống nhờ vào sự bóc lột lao động của một vài nước và của những thuộc địa ở bên kia đại dương.

Hốp-xơn viết: "Năm 1893, tư bản Anh đầu tư ở nước ngoài đã lên tới khoảng 15% tổng số của cải của Vương quốc Liên hợp Anh". Xin nhắc lại là vào năm 1915, số tư bản đó đã tăng lên chừng gấp 2 $\frac{1}{2}$  lần. Hốp-xơn viết tiếp: "Chủ nghĩa đế quốc xâm lược - cái chủ nghĩa làm cho những người đóng thuế phải đóng góp rất nặng nề và đối với nhà công nghiệp và nhà buôn thì lại có rất ít ý nghĩa... là một nguồn lợi nhuận to lớn cho nhà tư bản tìm nơi đầu tư tư bản của mình"... (trong tiếng Anh, khái niệm trên đây chỉ diễn đạt bằng một danh từ: "investor", tức là "người đầu tư", người thực lợi)... "Tổng thu nhập hàng năm của nước Anh về ngoại thương và thương mại thuộc địa, nhập khẩu và xuất khẩu, và được nhà thống kê Ghíp-phen xác định là 18 triệu li-vơ xtéc-linh (khoảng 170 triệu rúp) trong năm 1899, tính theo 2 $\frac{1}{2}$ % của tổng số chu chuyển là 800 triệu li-vơ

\* Hobsson, tr. 59, 62.

xtéc-ling". Số tiền này, dù lớn như thế nào nữa, vẫn không thể giải thích được tính chất xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Anh. Cái giải thích được tính chất đó là số tiền từ 90 đến 100 triệu li-vơ xtéc-ling, số thu nhập do tư bản được "đầu tư" đem lại, số thu nhập của tầng lớp những người thực lợi.

Số thu nhập của những người thực lợi lớn hơn gấp *năm lần* số thu nhập do ngoại thương đem lại trong một nước "thương mại" phát triển nhất thế giới! Đó là thực chất của chủ nghĩa đế quốc và của tính ăn bám của nó.

Cho nên, khái niệm: "nước thực lợi" (Rentnerstaat) hay là nước cho vay nặng lãi, trở nên thông dụng trong các sách báo kinh tế bàn về chủ nghĩa đế quốc. Thế giới chia thành một số ít những nước cho vay nặng lãi và một số rất lớn những nước đi vay. Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ viết: "Trong số những khoản đầu tư ở nước ngoài, thì chiếm hàng đầu là những khoản đầu tư vào những nước phụ thuộc về chính trị hay liên minh về chính trị: Anh cho Ai-cập, Nhật, Trung-quốc, Nam Mỹ vay. Trong trường hợp cực kỳ cần thiết, hải quân Anh đóng vai mồi toà. Lực lượng chính trị của nước Anh bảo vệ nó chống lại những sự phản nộ của các con nợ". Trong tác phẩm "Hệ thống kinh tế quốc dân trong việc đầu tư tư bản ở nước ngoài", Xác-tô-ri-út phôn Van-tơ-hau-xên lấy Hà-lan làm kiểu mẫu về "nước thực lợi"; ông vạch ra rằng Anh và Pháp hiện đang trở thành những nước như thế \*\*. Sin-đơ cho rằng hiện nay có năm nước công nghiệp đều là những "nước cho vay nợ hết sức rõ rệt": Anh, Pháp, Đức, Bỉ và Thụy-sĩ. Ông không liệt Hà-lan vào loại những nước này, chỉ vì ở Hà-lan "công nghiệp ít phát triển" \*\*\*. Mỹ chỉ là nước chủ nợ đối với châu Mỹ.

\* Schulze - Gaevernitz. "Br. Imp.", tr. 320 và những trang khác.

\*\* Sart. von Waltershausen. "D. Volkswirt. Syst. etc.". B., 1907, Buch IV.

\*\*\* Schilder, tr. 393.

Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ viết: "Nước Anh dần dần biến từ một nước công nghiệp thành một nước cho vay nợ. Mặc dù sản xuất công nghiệp và xuất khẩu công nghiệp có tăng lên một cách tuyệt đối, nhưng đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thì ý nghĩa tương đối của những khoản thu nhập do lợi tức và lợi tức cổ phần, do việc phát hành trái khoán, do việc đứng làm trung gian ăn hoa hồng và do việc đầu cơ đem lại, đều tăng lên. Theo ý tôi, thì chính sự kiện đó là cơ sở kinh tế cho sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nợ gắn bó chặt chẽ với con nợ hơn là kẻ bán với người mua". Nói về nước Đức, A. Lan-xbuốc, người xuất bản tạp chí "Ngân hàng" ở Béc-lanh, trong một bài nhận đề là: "Nước Đức, một nước thực lợi", năm 1911 đã viết: "Ở Đức, người ta ưa thích chế giễu cái xu hướng của người Pháp muốn trở thành những kẻ thực lợi. Song người ta quên rằng, nếu nói về giai cấp tư sản, thì tình hình ở Đức cũng lại ngày càng giống như tình hình ở Pháp" \*\*.

Nước thực lợi là nước của chủ nghĩa tư bản ăn bám, thối nát, và điều đó không thể không ảnh hưởng đến tất cả những điều kiện xã hội và chính trị ở trong nước nói chung, cũng như đến hai trào lưu cơ bản của phong trào công nhân, nói riêng. Để làm cho điều đó thật hết sức rõ hơn, ta hãy nhường lời cho Hốp-xơn, người làm chứng "đáng tin cậy" nhất, vì không thể nào ngờ ông này là thiên vị đối với "học thuyết mác-xít chính thống"; mặt khác, ông ta lại là người Anh, ông rất am hiểu tình hình trong cái nước có nhiều thuộc địa nhất, nhiều tư bản tài chính và kinh nghiệm đế quốc chủ nghĩa nhất ấy.

Với ấn tượng hãy còn mới mẻ về cuộc chiến tranh Anh - Bồ-e, khi nói đến sự liên hệ giữa chủ nghĩa đế quốc với lợi ích của "bọn tài chính", đến những khoản lợi nhuận

\* Schulze - Gaevernitz. "Br. Imp.", tr. 122.

\*\* "Die Bank", 1911, I, tr. 10-11.

ngày càng tăng mà bọn này thu được trong việc nhận thầu, trong việc cung cấp hàng v.v., Hốp-xơn đã viết: "những kẻ điều khiển chính sách rõ ràng mang tính ăn bám đó, là những nhà tư bản; nhưng cũng chính những động cơ ấy đã ảnh hưởng đến cả những tầng lớp đặc biệt trong công nhân. Tại nhiều thành phố, các ngành công nghiệp quan trọng nhất đều lệ thuộc vào những đơn đặt hàng của chính phủ; chủ nghĩa đế quốc ở các trung tâm công nghiệp luyện kim và đóng tàu thủy cũng phụ thuộc vào những khoản đặt hàng đó trên một mức độ không ít". Theo tác giả, thì có hai nguyên nhân làm yếu lực lượng của các đế quốc cũ: 1) "tính ăn bám về mặt kinh tế" và 2) việc lập quân đội gồm người các dân tộc bị lệ thuộc. "Nguyên nhân thứ nhất là thói quen của tính chất ăn bám về mặt kinh tế; theo thói quen đó, nhà nước thống trị sử dụng các tỉnh của nó, các thuộc địa của nó và các nước lệ thuộc để làm giàu cho giai cấp đang cầm quyền của mình và mua chuộc những giai cấp bên dưới trong nước mình nhằm làm cho những giai cấp này nằm yên". Chúng ta nói thêm rằng: đứng về mặt kinh tế mà nói, để có thể mua chuộc được như thế, bất luận mua chuộc dưới hình thức nào, thì phải có những món lợi nhuận độc quyền cao.

Còn về nguyên nhân thứ hai thì Hốp-xơn viết: "Một trong những triệu chứng kỳ lạ nhất của bệnh mù quáng của chủ nghĩa đế quốc là sự thần nhiên của Anh, Pháp và các nước đế quốc chủ nghĩa khác khi bước vào con đường ấy. Nước Anh thì đi xa hơn tất cả. Phần lớn những trận đánh mà nhờ đó chúng ta đã chiếm được đế quốc Ấn-độ của chúng ta, đều do những đội quân của chúng ta gồm những người bản xứ, tiến hành cả; ở Ấn-độ cũng như gần đây ở Ai-cập, những quân đội thường trực lớn đều đặt dưới quyền chỉ huy của người Anh; hầu hết các cuộc chiến tranh của chúng ta nhằm chinh phục châu Phi, trừ miền Nam châu Phi ra, đều do những người bản xứ tiến hành cho chúng ta cả".

Triển vọng của việc phân chia Trung-quốc làm cho Hốp-xơn có sự nhận định về mặt kinh tế như sau: "Lúc đó, một bộ phận lớn của Tây Âu sẽ có thể có bộ mặt và tính chất giống như bộ mặt và tính chất hiện nay của một vài nơi trong những nước đó: miền Nam nước Anh, miền Ri-vi-e-ra, những vùng của Ý và của Thụy-sĩ được các nhà du lịch đến tham quan nhiều nhất và có nhiều người giàu có ở, cụ thể là: một nhóm nhỏ những nhà quý phái giàu sang nhận lợi tức cổ phần và tiền trợ cấp từ phương Đông xa xôi gửi về, với một nhóm hơi đông hơn một chút gồm các nhân viên chuyên môn và nhà buôn, và với một số đông hơn nữa những người tôi tớ và công nhân làm việc trong ngành vận tải và trong công nghiệp hoàn thành chế phẩm. Còn các ngành công nghiệp chủ yếu thì sẽ biến mất và một khối lượng rất lớn những thực phẩm, những nửa thành phẩm sẽ từ châu Á, châu Phi tuôn về với tính cách cống vật". "Đây, những khả năng mà một liên minh rộng rãi hơn của các nước phương Tây, một liên bang châu Âu các cường quốc lớn, đang mở ra cho chúng ta; liên bang này chẳng những sẽ không thúc đẩy nền văn minh thế giới tiến tới mà còn có thể là một mối nguy rất lớn về tính ăn bám của phương Tây: làm cho một nhóm nước công nghiệp tiên tiến đứng tách riêng ra, trong những nước đó các giai cấp bên trên được hưởng một cống vật kếp sù của châu Á và châu Phi, và nhờ có cống vật đó mà nuôi sống một số rất đông nhân viên và tôi tớ thuần dưỡng, những người này không được dùng để sản xuất thật nhiều sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp, mà chỉ làm những việc phục dịch cá nhân hay làm những công việc công nghiệp thứ yếu, dưới sự kiểm soát của bọn quý tộc tài chính mới. Những ai sẵn sàng bác bỏ cái lý luận ấy" (phải nói là: cái triển vọng ấy) "coi nó như là không đáng được xem xét tới, thì hãy ngẫm nghĩ đến những điều kiện kinh tế và xã hội của các khu vực ở miền Nam nước Anh hiện nay, là những khu vực đã rơi vào tình trạng đó rồi. Họ hãy

suy nghĩ xem sự bành trướng mà chế độ ấy có thể có được sẽ to lớn như thế nào, nếu Trung-quốc bị đặt dưới quyền kiểm soát kinh tế của những nhóm tài chính tương tự như thế, của "bọn đầu tư", những viên chức chính trị và những nhân viên công thương nghiệp của chúng, bọn này thu vét lợi nhuận ở kho dự trữ tiềm tàng lớn nhất chưa bao giờ thấy trên thế giới, để đem tiêu dùng số lợi nhuận ấy ở châu Âu. Đương nhiên, tình hình thật quá phức tạp, sự biến động của các lực lượng trên thế giới thật rất khó mà lường trước được, nên không thể coi dự kiến này hay dự kiến khác về tương lai là dự kiến rất chắc chắn theo một chiều hướng duy nhất. Song những ảnh hưởng hiện đang chi phối chủ nghĩa đế quốc Tây Âu, giờ đây đều đi theo chiều hướng ấy, và nếu không gặp sự phản kháng, không bị chuyển theo hướng khác, thì chúng sẽ tác động theo chiều hướng kết thúc quá trình đúng như thế<sup>1\*</sup>.

Tác giả hoàn toàn có lý: nếu lực lượng của chủ nghĩa đế quốc không gặp sức phản kháng nào, thì sẽ đi đến chính cái kết cục ấy. Ở đây, ý nghĩa của "Liên bang châu Âu trong hoàn cảnh hiện nay, hoàn cảnh đế quốc chủ nghĩa, đã được đánh giá một cách đúng đắn. Chỉ nên nói thêm rằng, cả trong nội bộ phong trào công nhân cũng vậy, bọn cơ hội chủ nghĩa hiện nay tạm thời thắng thế trong phần lớn các nước, cũng "hoạt động" một cách có hệ thống và liên tục đúng theo hướng ấy. Chủ nghĩa đế quốc có nghĩa là sự phân chia thế giới và sự bóc lột tất cả các nước chứ chẳng riêng gì Trung-quốc, có nghĩa là đưa lại những lợi nhuận độc quyền cho một nhóm nước giàu có nhất, cho nên tạo ra khả năng kinh tế để mua chuộc những tầng lớp trên trong giai cấp vô sản và nuôi dưỡng chủ nghĩa cơ hội, làm cho nó thành hình và củng cố nó. Nhưng không nên quên những lực lượng chống lại chủ nghĩa đế quốc nói chung, và chống

\* Hobson, tr.103, 205, 144, 335, 386.

chủ nghĩa cơ hội nói riêng, những lực lượng mà Hốp-xơn, một người xã hội - tự do chủ nghĩa, cố nhiên không sao nhìn thấy được.

Tên cơ hội chủ nghĩa Đức Ghéc-hác Hin-đê-brăng, – ngày trước bị đui ra khỏi đảng vì đã bênh vực chủ nghĩa đế quốc và ngày nay có thể trở thành thủ lĩnh của cái gọi là đảng "dân chủ - xã hội" ở Đức, – đã bổ sung rất tốt cho Hốp-xơn khi hắn tuyên truyền việc thành lập "Liên bang châu Âu" (không có Nga tham dự) để hành động "chung"... chống lại người da đen ở châu Phi, chống lại "phong trào Hồi giáo vĩ đại", để duy trì "một đạo quân và một hạm đội mạnh mẽ", chống "khối đồng minh Trung - Nhật" \*, v.v..

Lời Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ mô tả "chủ nghĩa đế quốc Anh" vạch cho ta thấy cũng những nét ăn bám ấy. Từ 1865 đến 1898, số thu nhập quốc dân ở Anh đã tăng gần gấp đôi, còn số thu nhập "từ nước ngoài về", cũng trong thời gian này, đã tăng gấp *chín lần*. Nếu "công lao" của chủ nghĩa đế quốc là "dạy người da đen lao động" (tất nhiên không thể không dùng đến cưỡng bách...), thì mối "nguy" mà chủ nghĩa đế quốc mang lại là ở chỗ "châu Âu sẽ trút lao động chân tay – trước tiên là lao động nông nghiệp và hầm mỏ và sau đến là lao động công nghiệp thô sơ hơn – cho các dân tộc da đen, còn bản thân mình thì nhận lấy vai trò kẻ thực lợi, và có thể là đang chuẩn bị giải phóng về kinh tế, và sau đó về chính trị, cho các chủng tộc da đỏ và da đen".

Ở Anh, ngày càng có nhiều ruộng đất bị loại khỏi việc sản xuất nông nghiệp và được đem dùng vào việc thể thao và vui chơi cho bọn nhà giàu. Về xứ Scot-len - xứ quý phái

\* Gerhard Hildebrand. "Die Erschütterung der Industriegherrschaft und des Industriesozialismus". 1910, tr. 229 và những trang sau<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Ghéc-hác Hin-đê-brăng. "Sự chấn động của sự thống trị của công nghiệp và của chủ nghĩa xã hội công nghiệp".

nhất về mặt sản bản và về các môn thể thao khác – người ta bảo rằng "xứ này sống bằng cái dĩ vãng của nó và nhờ vào ông Các-nê-gi" (một nhà tỷ phú Mỹ). Chỉ riêng dùng vào các cuộc đua ngựa và săn cáo, hàng năm nước Anh đã tiêu mất 14 triệu li-vơ xtéc-ling (gần 130 triệu rúp). Số người thực lợi ở nước này có gần 1 triệu. Tỷ lệ số người sản xuất sụt xuống như sau.

	Dân số nước Anh	Số lượng công nhân trong các ngành công nghiệp chủ yếu	Tỷ lệ so với dân số
	(tính theo triệu người)		
1851.....	17,9	4,1	23%
1901.....	32,5	4,9	15%

Khi nói đến giai cấp công nhân Anh, nhà nghiên cứu tư sản chuyên nghiên cứu về "chủ nghĩa đế quốc Anh hồi đầu thế kỷ XX" buộc phải phân biệt một cách triệt để sự khác nhau giữa "tầng lớp trên" trong công nhân và "tầng lớp dưới thật sự vô sản". Rất nhiều người tham gia hợp tác xã, rất nhiều đoàn viên công đoàn, hội viên các hội thể thao và những người trong các giáo phái, đều thuộc tầng lớp trên. Quyền bầu cử đã được quy định cho hợp với tầng lớp đó, quyền bầu cử này ở Anh "vẫn còn bị hạn chế đủ để gạt tầng lớp dưới thật sự vô sản ra ngoài"! Để tỏ điểm cho tình cảnh của giai cấp công nhân Anh, người ta thường chỉ nói đến tầng lớp trên ấy, một tầng lớp chỉ chiếm *thiểu số* trong giai cấp vô sản: chẳng hạn như nói "vấn đề thất nghiệp chủ yếu là vấn đề có liên quan đến thành phố Luân-đôn và tầng lớp vô sản bên dưới, là tầng lớp mà các nhà chính trị ít đếm xỉa đến..."\*. Lẽ ra phải nói thế này: mà các nhà hoạt đầu chính trị tư sản và bọn cơ hội "xã hội chủ nghĩa" ít đếm xỉa đến.

\* Schulze - Gaevernitz. "Br. Imp.", 301.

Trong số những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc, những đặc điểm gắn liền với những hiện tượng nói trên, ta phải kể đến tình trạng giảm sút trong sự di cư từ các nước đế quốc chủ nghĩa và tình trạng công nhân và dân chúng các nước lạc hậu hơn, là nơi tiền công hạ hơn, di cư ngày càng đông vào các nước đế quốc chủ nghĩa đó. Hốp-xơn nhận xét rằng con số di cư từ Anh đi bắt đầu sụt xuống từ 1884: năm đó số người di cư đi là 242 nghìn người, đến năm 1900 – là 169 nghìn người. Việc di cư từ Đức đi đã lên đến mức cao nhất trong 10 năm 1881 - 1890: 1 453 nghìn người; trong hai chục năm sau đó, số người di cư từ Đức đi tụt xuống còn 544 nghìn và 341 nghìn. Trái lại, số công nhân từ Áo, Ý, Nga, v.v., đến Đức lại tăng lên. Theo điều tra dân số, năm 1907 ở Đức có 1 342 294 người nước ngoài, trong số đó có 440 800 là công nhân công nghiệp và 257 329 là công nhân nông nghiệp\*. Ở Pháp "một bộ phận lớn" công nhân trong công nghiệp hầm mỏ là người nước ngoài: người Ba-lan, Ý, Tây-ban-nha\*\*. Ở Mỹ, những người từ miền Đông và Nam châu Âu di cư đến, đều làm những việc hạ công nhất, còn công nhân Mỹ chiếm tỷ lệ đông hơn cả trong số cai và công nhân làm những công việc được trả công hậu nhất\*\*\*.

Chủ nghĩa đế quốc có xu hướng tạo ra ngay cả trong công nhân, những hạng người được hưởng đặc lợi, và có xu hướng tách những hạng người này ra khỏi quảng đại quần chúng vô sản.

Cần vạch ra rằng ở Anh, xu hướng của chủ nghĩa đế quốc muốn chia rẽ công nhân, muốn tăng cường chủ nghĩa cơ hội

\* Statistik des Deutschen Reichs, Bd. 211<sup>1)</sup>.

\*\* Henger. "Die Kapitalsanlage der Franzosen". St. 1913<sup>2)</sup>.

\*\*\* Hourwich. "Immigration and Labour". N.Y., 1913<sup>3)</sup>.

<sup>1)</sup> Thống kê của Nhà nước Đức, t. 211.

<sup>2)</sup> Hen-gơ. "Sự đầu tư tư bản của Pháp". Stút-ga, 1913.

<sup>3)</sup> Guốc-vích. "Di cư đến và lao động". Niu-oóc, 1913.

trong công nhân, muốn gây ra tình trạng thối nát nhất thời trong phong trào công nhân, đã xuất hiện từ lâu trước cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Vì hai đặc điểm lớn của chủ nghĩa đế quốc – việc chiếm hữu những thuộc địa rộng lớn và địa vị độc quyền trên thị trường toàn thế giới – đều đã biểu hiện ở Anh ngay từ giữa thế kỷ XIX. Trong hàng mấy chục năm, Mác và Ăng-ghe-n đã theo dõi có hệ thống sự liên hệ đó giữa chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân với những đặc điểm đế quốc chủ nghĩa của chủ nghĩa tư bản Anh. Thí dụ, ngày 7 tháng Mười 1858, Ăng-ghe-n đã viết cho Mác: "Thực tế thì giai cấp vô sản Anh ngày càng tư sản hoá, và như vậy chắc là dân tộc Anh, một dân tộc có tính chất tư sản hơn tất cả các dân tộc khác, cuối cùng muốn đi đến chỗ có ở *bên cạnh* giai cấp tư sản của nó một tầng lớp quý tộc tư sản và một giai cấp vô sản tư sản hoá. Dĩ nhiên là đối với một dân tộc đi bóc lột toàn thế giới, thì điều đó là hợp lý trong một chừng mực nào đó"<sup>156</sup>. Sau đó gần một phần tư thế kỷ, trong một bức thư viết ngày 11 tháng Tám 1881, Ăng-ghe-n nói đến "các công liên xấu xa nhất ở Anh đã cam tâm chịu sự lãnh đạo của bọn người bị giai cấp tư sản mua chuộc hay ít nhất được giai cấp đó trả tiền"<sup>157</sup>.

Trong bức thư gửi Cau-xky ngày 12 tháng Chín 1882, Ăng-ghe-n viết: "Anh hỏi tôi rằng công nhân Anh nghĩ gì về chính sách thực dân? Cũng như họ nghĩ về chính trị nói chung thôi. Ở đây chẳng có đảng công nhân nào đâu, chỉ có đảng bảo thủ và đảng cấp tiến - tự do, còn công nhân thì họ hết sức thản nhiên cùng với hai đảng này hưởng địa vị độc quyền của nước Anh về thuộc địa và độc quyền của nước này trên thị trường thế giới"\*.

\* Briefwechsel von Marx und Engels, Bd.II, S. 290; IV, 433<sup>1)</sup> – K. Kautsky. "Sozialismus und Kolonialpolitik". Brl., 1907, tr.79<sup>2)</sup>; cuốn

<sup>1)</sup> Thư trao đổi giữa Mác và Ăng-ghe-n, t. II, tr.290.

<sup>2)</sup> C. Cau-xky. "Chủ nghĩa xã hội và chính sách thực dân". Béc-lanh, 1907.

này trong bài tựa cuốn "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh", in lần thứ 2, năm 1892<sup>158</sup>.)

Ở đây các nguyên nhân và hậu quả đã được vạch ra một cách rõ ràng. Nguyên nhân là: 1) nước Anh bóc lột toàn thế giới; 2) nước Anh giữ địa vị độc quyền trên thị trường thế giới; 3) nước Anh giữ độc quyền về thuộc địa. Hậu quả là: 1) một bộ phận trong giai cấp vô sản Anh bị tư sản hoá; 2) một bộ phận trong giai cấp vô sản đó cam tâm chịu sự lãnh đạo của bọn người bị giai cấp tư sản mua chuộc hay ít nhất cũng được giai cấp đó trả tiền. Chủ nghĩa đế quốc hồi đầu thế kỷ XX đã chia xong thế giới cho một nhóm nước, mỗi nước trong số đó hiện nay đều bóc lột (theo ý nghĩa thu được siêu lợi nhuận) một bộ phận của "toàn thế giới", bộ phận này nhỏ hơn bộ phận mà nước Anh bóc lột hồi 1858 đôi chút; mỗi nước đều giữ – nhờ có các tơ-rốt, các-ten, tư bản tài chính và những quan hệ chủ nợ đối với con nợ – địa vị độc quyền trên thị trường thế giới; mỗi nước đều nắm giữ địa vị độc quyền về thuộc địa trên một mức độ nào đó (chúng ta đã thấy rằng trong số 75 triệu ki-lô-mét vuông diện tích của *tất cả* các thuộc địa trên thế giới, thì 65 triệu, tức là 86%, tập trung vào tay sáu cường quốc; 61 triệu ki-lô-mét vuông, tức 81%, thì do 3 cường quốc chiếm giữ).

Đặc điểm của tình hình hiện nay là đã có những điều kiện kinh tế và chính trị không thể không tăng thêm tính chất không điều hoà giữa chủ nghĩa cơ hội với lợi ích chung và căn bản của phong trào công nhân: từ trạng thái phôi thai chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thống trị; các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa đã chiếm địa vị hàng đầu trong nền kinh tế quốc dân và trong chính trị; việc phân chia thế giới đã hoàn thành rồi; nhưng mặt khác, không

sách này, Cau-xky viết vào một thời kỳ hết sức xa xôi, lúc ông ta còn là một nhà mác-xít.

phải là sự độc quyền không chia xẻ của nước Anh nữa, mà ta thấy hiện nay một số nhỏ những cường quốc đế quốc chủ nghĩa đang đấu tranh đòi tham gia sự độc quyền, cuộc đấu tranh đó là đặc điểm của suốt cả thời kỳ đầu thế kỷ XX. Ngày nay, trong phong trào công nhân của một nước, chủ nghĩa cơ hội không thể hoàn toàn thắng lợi được trong một thời gian dài hàng mấy chục năm, như nó đã từng thắng ở Anh trong nửa cuối thế kỷ XIX, nhưng trong nhiều nước, nó đã hoàn toàn chín muồi, đã quá chín rồi, đã thối nát, và đã hoàn toàn hợp nhất với chính sách tư sản, thành chủ nghĩa xã hội - sô-vanh\*.

## IX. PHÊ PHÁN CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

Chúng ta hiểu sự phê phán chủ nghĩa đế quốc theo ý nghĩa rộng, tức là thái độ của các giai cấp khác nhau trong xã hội đối với chính sách của chủ nghĩa đế quốc, xét theo hệ tư tưởng chung của các giai cấp ấy.

Một mặt, những khối lượng khổng lồ tư bản tài chính được tập trung vào tay một số ít người và tạo ra một mạng lưới rộng lớn và dày đặc lạ thường những quan hệ và liên hệ mạng lưới mà nhờ đó tư bản tài chính chi phối chẳng những đồng đảo các nhà tư bản và chủ hạng vừa và hạng nhỏ, mà cả các nhà tư bản và chủ hạng cực nhỏ nữa; và mặt khác, cuộc đấu tranh gay gắt chống lại các tập đoàn tư bản tài chính thuộc các nước và các dân tộc khác để phân chia thế giới và thống trị các nước khác, – tất cả những cái đó làm cho hết thảy các giai cấp hữu sản nhất loạt chuyển

\* Chủ nghĩa xã hội - sô-vanh Nga của các ngài Pô-tơ-rê-xốp, Tơ - khên-kê-li, Ma-xlốp, v.v., dưới hình thức công khai cũng như dưới hình thức che đậy (các ngài Tơ-khê-ít-dê, Xcô-bê-lép, Ác-xen-rôt, Mác-tốp, v.v. ), cũng được đẻ ra từ chủ nghĩa cơ hội kiểu Nga, cụ thể từ chủ nghĩa thủ tiêu.

sang phía chủ nghĩa đế quốc. Sự say mê "phổ biến" đối với tiền đồ của chủ nghĩa đế quốc, việc điên cuồng bảo vệ chủ nghĩa đế quốc, việc tô điểm cho chủ nghĩa đó bằng đủ mọi cách, – đó là dấu hiệu của thời đại. Hệ tư tưởng đế quốc chủ nghĩa cũng thâm nhập cả vào giai cấp công nhân. Không có bức vạ lý tưởng thành nào ngăn cách giai cấp đó với các giai cấp khác. Nếu các thủ lĩnh của cái đảng hiện nay mệnh danh là đảng "dân chủ - xã hội" Đức bị người ta gọi một cách đích đáng là "những người đế quốc chủ nghĩa - xã hội", nghĩa là xã hội chủ nghĩa trên đầu lưỡi và đế quốc chủ nghĩa trong việc làm, – thì ngay từ 1902, Hốp-xơn đã cho biết là ở Anh có "bọn đế quốc chủ nghĩa Pha-biêng" thuộc "Hội Pha-biêng" cơ hội chủ nghĩa.

Các học giả và các nhà chính luận tư sản vẫn bênh vực chủ nghĩa đế quốc bằng một hình thức thường được che đậy đôi chút; họ che giấu sự thống trị hoàn toàn và những gốc rễ sâu xa của chủ nghĩa đế quốc; họ cố sức đưa những điểm bộ phận, những chi tiết thứ yếu lên hàng đầu, cố làm cho người ta không chú ý đến điểm căn bản, bằng cách đưa ra những dự án "cải cách" hoàn toàn viển vông, như việc lấy cơ quan cảnh sát để giám sát các tư-rót và các ngân hàng, v.v.. Còn bọn đế quốc chủ nghĩa công khai, trắng trợn, thì ít phát biểu hơn, chúng mạnh bạo thừa nhận rằng tư tưởng muốn cải cách những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa đế quốc, là phi lý.

Xin dẫn ra một ví dụ. Trong tập "Tư liệu kinh tế thế giới", bọn đế quốc Đức cố gắng theo dõi các phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa, và dĩ nhiên là đặc biệt ở những thuộc địa không phải của Đức. Chúng nêu ra sự bất bình và những cuộc phản kháng đã xảy ra ở Ấn-độ, phong trào ở Na-tan (Nam Phi), ở Nam-dương thuộc Hà-lan, v.v.. Khi bình luận một bài báo Anh tường thuật hội nghị các dân tộc và chủng tộc bị lệ thuộc, họp từ ngày 28 đến 30 tháng Sáu 1910 và gồm những đại biểu của các dân tộc Á, Phi, Âu bị



nước ngoài thống trị, một người trong bọn đế quốc Đức đã nhận định những bài diễn văn đọc trong hội nghị đó như sau: "Người ta nói với chúng ta là phải chống chủ nghĩa đế quốc; các nước thống trị phải thừa nhận quyền độc lập của các dân tộc bị lệ thuộc; toà án quốc tế phải giám sát việc thi hành các hiệp ước đã ký kết giữa các cường quốc lớn với các dân tộc nhược tiểu. Hội nghị không đi xa hơn việc nêu ra những nguyện vọng vô tội ấy. Chúng ta không thấy dấu vết gì tỏ rõ sự hiểu biết cái chân lý sau đây: chủ nghĩa đế quốc gắn chặt với chủ nghĩa tư bản dưới hình thức hiện nay của nó, và do đó (!!) cuộc đấu tranh trực tiếp chống chủ nghĩa đế quốc là điều vô hy vọng, họa chăng thì người ta cũng chỉ đóng khung trong việc chống lại một số hiện tượng thái quá, đặc biệt ghê tởm"\*. Vì việc sửa lại những cơ sở của chủ nghĩa đế quốc bằng phương pháp cải lương là một trò bịp bợm, một "nguyện vọng vô tội"; vì những đại biểu tư sản của các dân tộc bị áp bức không tiến được "xa hơn", cho nên đại biểu tư sản của dân tộc đi áp bức *tự lùi* "xa hơn", lùi đến chỗ bài phục chủ nghĩa đế quốc, một sự bài phục được che đậy bằng một sự mệnh danh "khoa học". Thế mà cũng là "lô-gích" đấy!

Có thể dùng cải cách mà thay đổi những cơ sở của chủ nghĩa đế quốc được chăng? Có nên tiến lên, làm cho những mâu thuẫn mà chủ nghĩa đế quốc sản sinh ra, trở thành gay gắt thêm và sâu sắc thêm, hay thụt lùi, làm dịu những mâu thuẫn ấy? Đó là những vấn đề cơ bản trong sự phê phán chủ nghĩa đế quốc. Vì đặc điểm chính trị của chủ nghĩa đế quốc là sự phản động toàn diện và sự tăng cường ách áp bức dân tộc do có ách thống trị của bọn đầu sỏ tài chính và do có sự gạt bỏ cạnh tranh tự do, cho nên vào hồi đầu thế kỷ XX,

\* Weltwirtschaftliches Archiv, Bd II. tr. 193<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Tư liệu kinh tế thế giới, t.II.

chủ nghĩa đế quốc đã vấp phải sự chống đối của phái dân chủ tiểu tư sản ở hầu hết các nước đế quốc chủ nghĩa. Việc Cau-xky và trào lưu quốc tế rộng lớn theo Cau-xky đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác, thể hiện chính là ở chỗ Cau-xky đã không những không muốn và không biết chống lại phái đối lập tiểu tư sản, cải lương, căn bản là phản động về mặt kinh tế, mà trái lại trên thực tiễn Cau-xky lại hợp nhất với nó.

Ở nước Mỹ, cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa năm 1898 chống Tây-ban-nha đã gây ra sự chống đối của "Những người chống chủ nghĩa đế quốc", tức những người mô-hi-can cuối cùng của nền dân chủ tư sản, họ gọi cuộc chiến tranh đó là một cuộc chiến tranh "tội lỗi", coi việc thôn tính đất đai nước khác là vi phạm hiến pháp, tuyên bố hành vi đối với A-ghi-nan-đô, thủ lĩnh của những người dân bản xứ ở Phi-li-pin, là "sự lừa đảo của bọn sô-vanh" (Mỹ đã hứa với ông này là để cho nước ông được tự do, nhưng rồi sau đó đem quân đội Mỹ đổ bộ và thôn tính Phi-li-pin), và dẫn ra những lời của Lin-côn: "khi người da trắng tự cai quản mình, thì đó là chế độ tự trị; khi họ tự cai quản mình và đồng thời cai quản cả những người khác, thì đó không còn là chế độ tự trị nữa, mà là chế độ chuyên chế"\*. Nhưng chùng nào mà toàn bộ sự phê phán ấy còn sợ không dám thừa nhận mối liên hệ khăng khít giữa chủ nghĩa đế quốc với các tở-rốt, nghĩa là với những cơ sở của chủ nghĩa tư bản, chùng nào mà sự phê phán đó còn sợ không dám kết hợp với các lực lượng do chủ nghĩa tư bản lớn và sự phát triển của nó sản sinh ra, – thì sự phê phán ấy vẫn chỉ là một "nguyện vọng vô tội" mà thôi.

Đó cũng là lập trường cơ bản của Hốp-xơn trong khi ông

\* J. Patouillet. "L'impérialisme américain". Dijon, 1904, tr.272<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Gi. Pa-tui-ê. "Chủ nghĩa đế quốc Mỹ". Di-giông.

phê phán chủ nghĩa đế quốc. Hốp-xơn đã đi trước Cau-xky, khi ông ta phản đối thuyết "tính tất yếu của chủ nghĩa đế quốc" và viện đến sự cần thiết phải "nâng cao khả năng tiêu dùng" của nhân dân (trong chế độ tư bản chủ nghĩa!). Đứng trên quan điểm tiểu tư sản khi phê phán chủ nghĩa đế quốc, phê phán tính vụn vặt của ngân hàng, của bọn đầu sỏ tài chính, v.v. thì có những tác giả mà chúng ta đã nhiều lần dẫn ra, như: A-gát, A.Lan-xbuốc, L. E-svê-ghê; còn trong số những nhà viết sách ở Pháp thì có Vích-to Bê-ra, tác giả một cuốn sách nông cạn nhan đề "Nước Anh và chủ nghĩa đế quốc", xuất bản năm 1900. Tất cả các tác giả đó không hề tự xưng là mác-xít, nhưng đều đem cạnh tranh tự do và chế độ dân chủ đối lập với chủ nghĩa đế quốc, bài xích chủ trương làm đường sắt Bát-đa, một chủ trương dẫn đến những cuộc xung đột và chiến tranh, và nêu lên những "nguyện vọng vô tội", về hoà bình, v.v.; cho đến cả nhà thống kê việc phát hành các chứng khoán quốc tế là A. Nây-mác-cơ, khi tính toán hàng trăm tỷ phrăng những chứng khoán "quốc tế", năm 1912, cũng đã kêu lên rằng: "liệu có thể cho rằng hoà bình có thể bị phá được chăng? ... trước những con số đồ sộ ấy, liệu người ta có thể liều lĩnh gây ra chiến tranh được chăng?"\*.

Sự ngây thơ như thế của các nhà kinh tế học tư sản là điều không lạ lùng; vả lại, giả bộ hết sức ngây thơ và nói "một cách nghiêm chỉnh" đến hoà bình trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, là việc *có lợi* cho họ. Nhưng trong những năm 1914, 1915 và 1916, lúc Cau-xky đã đứng trên cùng một quan điểm cải lương tư sản đó và quả quyết rằng "mọi người đều tán thành" (bọn đế quốc, bọn giả danh xã hội chủ nghĩa và bọn hoà bình - xã hội) hoà bình, thì ở ông ta còn có gì là mác-xít nữa? Đáng lẽ phải phân tích và vạch rõ tính

\* Bulletin de l'institut international de statistique. T. XIX, livr. II, p. 225.

chất sâu sắc của những mâu thuẫn đế quốc chủ nghĩa, thì chúng ta lại chỉ thấy có cái "nguyện vọng vô tội" có tính chất cải lương là muốn lẩn tránh không nói đến những mâu thuẫn ấy.

Dưới đây là kiểu mẫu về sự phê phán, về mặt kinh tế, của Cau-xky đối với chủ nghĩa đế quốc. Ông ta xem xét những số liệu năm 1872 và năm 1912 về xuất khẩu và nhập khẩu của Anh ở Ai-cập; kết quả người ta thấy là số xuất nhập khẩu đó đều phát triển ít hơn toàn bộ xuất nhập khẩu của Anh. Thế là Cau-xky kết luận: "chúng ta không có một lý do nào để cho rằng, không dùng đến quân sự để chiếm đóng Ai-cập mà chỉ nhờ tác dụng đơn thuần của các nhân tố kinh tế, thì thương mại giữa Anh với Ai-cập tăng ít hơn". "Xu hướng bành trướng của tư bản" "có thể được thực hiện thuận lợi nhất thông qua chế độ dân chủ hoà bình, chứ không phải thông qua những phương pháp bạo lực của chủ nghĩa đế quốc"\*

Lý lẽ đó của Cau-xky – đã được ông Xpêch-ta-to, kẻ tụy tùng của Cau-xky ở Nga (và cũng là một kẻ che chở cho bọn xã hội - sô-vanh ở Nga), lấp lại bằng đủ mọi cách – là cơ sở của sự phê phán của Cau-xky đối với chủ nghĩa đế quốc, và do đó phải xem xét nó một cách tỉ mỉ hơn. Ta hãy bắt đầu từ việc viện dẫn Hin-phéc-đinh là người đã đưa ra những kết luận mà Cau-xky đã nhiều lần, kể cả hồi tháng Tư 1915, tuyên bố là những kết luận được "tất cả những nhà lý luận xã hội chủ nghĩa nhất trí thừa nhận".

"Công việc của giai cấp vô sản - Hin-phéc-đinh viết –

\* Kautsky. "Nationalstaat, imperialistischer Staat und Staatenbund". Nürnberg, 1915, tr. 72 và 70<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> Cau-xky. "Quốc gia dân tộc, quốc gia đế quốc chủ nghĩa và liên minh các quốc gia". Nuyn - béc.

không phải là đem chính sách đã lỗi thời của thời đại buôn bán tự do và thái độ thù địch đối với nhà nước, để đối lập với chính sách tư bản chủ nghĩa có tính chất tiến bộ hơn. Đối với chính sách kinh tế của tư bản tài chính, đối với chủ nghĩa đế quốc, giai cấp vô sản không thể đáp lại bằng chế độ buôn bán tự do, mà chỉ bằng chủ nghĩa xã hội. "Mục đích của chính sách vô sản ngày nay không phải là lý tưởng khôi phục lại sự cạnh tranh tự do, – giờ đây lý tưởng này đã thành một lý tưởng phản động – mà chỉ là hoàn toàn xoá bỏ cạnh tranh bằng cách thủ tiêu chủ nghĩa tư bản".\*

Cau-xky bênh vực "lý tưởng phản động", "chế độ dân chủ hoà bình", "tác dụng đơn thuần của các nhân tố kinh tế" đối với thời đại tư bản tài chính, như thế là ông ta đã đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác, vì *khách quan* mà nói thì lý tưởng đó kéo người ta thụt lùi từ chủ nghĩa tư bản độc quyền trở về chủ nghĩa tư bản không độc quyền, đó là một trò bịp bợm cải lương chủ nghĩa.

*Không có* sự chiếm đóng quân sự, không có chủ nghĩa đế quốc, không có tư bản tài chính, thì việc buôn bán với Ai-cập (hay với thuộc địa hoặc nửa thuộc địa khác) "đã tăng" nhiều hơn. Như thế nghĩa là gì? Có phải nghĩa là, nếu cạnh tranh tự do không bị hạn chế bởi sự độc quyền nói chung, bởi những "mối liên hệ" hay sự áp bức (nghĩa là cũng bởi độc quyền) của tư bản tài chính, cũng như bởi việc một số nước nào đó độc chiếm thuộc địa, thì có lẽ chủ nghĩa tư bản sẽ phát triển nhanh hơn chẳng?

Những lý lẽ của Cau-xky không thể có một ý nghĩa nào khác thế được; nhưng "ý nghĩa" đó lại là vô nghĩa. Chúng ta hãy cứ cho là *đúng* đi, nghĩa là cạnh tranh tự do, nếu không có một sự độc quyền nào, sẽ *c ó t h ể* phát triển chủ nghĩa tư bản và thương mại được nhanh hơn. Nhưng thương

\* "Tư bản tài chính", tr.567.

mại và chủ nghĩa tư bản phát triển càng nhanh bao nhiêu, thì sự tập trung sản xuất và tập trung tư bản, cái *đẻ ra* độc quyền, lại càng mạnh bấy nhiêu. Và độc quyền *đã* ra đời rồi, – và chính lại là *từ* cạnh tranh tự do *mà ra*! Ngày nay, nếu thậm chí độc quyền có kìm hãm sự phát triển, thì điều đó cũng không thể là một lý lẽ để bênh vực cho cạnh tranh tự do, là cái không thể tồn tại được sau khi nó đã đẻ ra độc quyền.

Dù có lật đi lật lại những lập luận của Cau-xky như thế nào đi nữa, người ta cũng sẽ không thấy gì khác ngoài tư tưởng phản động và chủ nghĩa cải lương tư sản.

Nếu người ta sửa lại lập luận ấy và nếu người ta nói, như Xpéché-ta-to đã nói, rằng: việc buôn bán giữa các thuộc địa của Anh với Anh ngày nay phát triển chậm hơn so với các nước khác, thì điều đó cũng chẳng cứu vãn được Cau-xky đâu. Vì kẻ đánh vào nước Anh *c ũ n g v ấ n* là độc quyền, *c ũ n g v ấ n* là chủ nghĩa đế quốc, nhưng là chủ nghĩa đế quốc của các nước khác (Mỹ, Đức). Ai cũng biết là những các-ten đã đưa đến những chế độ thuế quan bảo hộ theo một kiểu mới và độc đáo: (Ăng-ghe-n đã nêu lên điều đó ngay trong tập III của bộ "Tư bản"<sup>159</sup>) cái người ta bảo hộ chính là những sản phẩm có thể xuất khẩu được. Người ta lại cũng biết cái chế độ cố hữu của những các-ten và tư bản tài chính là "xuất khẩu với giá rẻ mạt", mà người Anh gọi là "bán phá giá"; ở trong nước thì các-ten bán sản phẩm của mình theo giá độc quyền cao, mà bán ra nước ngoài thì rẻ gấp ba lần để đánh quỵ kẻ cạnh tranh với mình, để mở rộng đến mức tối đa việc sản xuất của mình, v.v.. Nếu nước Đức phát triển việc buôn bán của nó với các thuộc địa của Anh nhanh hơn chính nước Anh, thì cái đó chỉ chứng tỏ một điều là chủ nghĩa đế quốc Đức trẻ hơn, khỏe hơn, có tổ chức hơn, phát triển cao hơn chủ nghĩa đế quốc Anh; nhưng cái đó tuyệt nhiên không chứng minh "ưu thế" của chế độ buôn bán tự do, vì cuộc đấu tranh này không phải

là giữa chế độ buôn bán tự do với chế độ thuế quan bảo hộ, với tình trạng lệ thuộc của các thuộc địa, mà là giữa hai chủ nghĩa đế quốc, hai tổ chức độc quyền, hai tập đoàn tư bản tài chính với nhau. Ưu thế của chủ nghĩa đế quốc Đức đối với chủ nghĩa đế quốc Anh thì mạnh hơn bức thành những biên giới thuộc địa hay những biểu thuế quan bảo hộ: lấy đó làm "lý lẽ" để *bệnh vực* chế độ buôn bán tự do và "chế độ dân chủ hoà bình", thì thật là tầm thường, là quên mất những đặc điểm và những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa đế quốc, là đem chủ nghĩa cải lương tiểu thị dân thay cho chủ nghĩa Mác.

Điều đáng chú ý là ngay cả nhà kinh tế học tư sản A. Lan-xbuốc, tuy sự phê phán của ông ta về chủ nghĩa đế quốc cũng mang tính chất tiểu thị dân như sự phê phán của Cau-xky, song ông ta đã nghiên cứu những tài liệu thống kê thương mại một cách khoa học hơn Cau-xky. Ông ta không phải chỉ ngẫu nhiên lấy một nước nào đó và chỉ lấy riêng một thuộc địa để so sánh với các nước khác; ông ta đã so sánh việc xuất khẩu của một nước đế quốc: 1) sang những nước phụ thuộc về mặt tài chính vào nước đế quốc đó, vay tiền nước đế quốc đó và 2) sang những nước độc lập về mặt tài chính. Và đây là kết quả sự so sánh ấy:

		Xuất khẩu của nước Đức (tính theo triệu mác)		
		1889	1908	Số tăng tính theo%
Sang những nước phụ thuộc về mặt tài chính vào Đức:	Ru-ma-ni.....	48,2	70,8	+ 47%
	Bô-đào-nha....	19,0	32,8	+ 73%
	Ác-hen-ti-na...	60,7	147,0	+ 143 %
	Bra-xin.....	48,7	84,5	+ 73%
	Chi-lê.....	28,3	52,4	+ 85%
	Thổ-nhĩ-kỳ.....	29,9	64,0	+ 114%
<i>Tổng cộng</i>		<i>234,8</i>	<i>451,5</i>	<i>+ 92%</i>

	1889	1908	Số tăng tính theo%
Anh.....	651,8	997,4	+ 53%
Pháp.....	210,2	437,9	+ 108%
Bỉ	137,2	322,8	+ 135%
Thụy-sĩ.....	177,4	401,1	+ 127%
Úc.....	21,2	64,5	+ 205%
Nam-dương thuộc Hà-lan.....	8,8	40,7	+ 363%
<i>Tổng cộng</i>	<i>1 206,6</i>	<i>2 264,4</i>	<i>+ 87%</i>

Lan-xbuốc đã không *tổng kết* và do đó thật lạ lùng là ông ta đã không nhận thấy rằng *nếu* những con số trên có chứng tỏ một cái gì chẳng nữa, thì cái đó chỉ *bác bỏ* ông ta mà thôi, vì việc xuất khẩu sang những nước phụ thuộc về mặt tài chính vào Đức, *dù sao cũng* đã phát triển *nhANH hơn*, tuy là không nhiều lắm, so với việc xuất khẩu sang các nước độc lập về mặt tài chính (chúng tôi nhấn mạnh chữ "nếu" vì bản thống kê của Lan-xbuốc rất không đầy đủ).

Khi nghiên cứu sự liên hệ giữa xuất khẩu và các khoản tiền vay, Lan-xbuốc viết:

"Năm 1890 - 1891, việc cấp một khoản tiền vay cho Ru-ma-ni được ký kết với sự môi giới của các ngân hàng Đức, là những ngân hàng ngay trong những năm trước đây, đã từng ứng trước khoản tiền vay đó. Khoản tiền vay này chủ yếu là để mua ở Đức những vật liệu đường sắt. Năm 1891, xuất khẩu của Đức sang Ru-ma-ni trị giá là 55 triệu mác. Năm sau, con số đó tụt xuống còn 39,4 triệu và rồi cứ ngắt từng quãng mà tụt xuống còn 25,4 triệu vào năm 1900. Mãi mấy năm gần đây nhất, việc xuất khẩu đó mới đạt được mức năm 1891, nhờ có hai khoản tiền vay mới.

Nhờ có những khoản tiền vay vào năm 1888 - 1889, khối lượng xuất khẩu của Đức sang Bô-đào-nha đã tăng lên đến 21,1 triệu (1890), rồi hai năm sau lại tụt xuống tới 16,2

triệu và 7,4 triệu mác; mãi đến 1903, khối lượng xuất khẩu đó mới đạt được mức cũ của nó.

Những số liệu về thương mại của Đức với Ác-hen-ti-na lại còn rõ rệt hơn nữa. Nhờ những khoản tiền vay các năm 1888 và 1890, khối lượng xuất khẩu của Đức sang Ác-hen-ti-na năm 1889 đã đạt tới 60,7 triệu mác. Hai năm sau, khối lượng xuất khẩu này chỉ còn có 18,6 triệu mác, tức là chưa bằng một phần ba mức trước đó. Chỉ mãi đến năm 1901 khối lượng xuất khẩu này mới đạt và vượt mức năm 1889, nhờ có các khoản tiền vay mới cấp cho nhà nước và cho các thành phố, nhờ việc xuất tiền để xây dựng các nhà máy điện và nhờ có những hoạt động tín dụng khác.

Do khoản tiền vay năm 1889, khối lượng xuất khẩu sang Chi-lê đã lên đến 45,2 triệu (1892); một năm sau, lại tụt xuống 22,5 triệu. Sau khi đã ký kết một khoản tiền vay mới năm 1906 do các ngân hàng Đức làm trung gian, khối lượng xuất khẩu lại lên đến 84,7 triệu (1907), rồi năm 1908, lại tụt xuống 52,4 triệu".

Qua những sự việc đó, Lan-xbuốc rút ra một câu đạo đức tiểu thị dân thật là tức cười: xuất khẩu mà gắn liền với các khoản vay thì không vững chắc và không đều đặn; nếu không dùng tư bản để phát triển công nghiệp nước mình "một cách tự nhiên" và "nhịp nhàng" mà lại đem xuất khẩu tư bản ra nước ngoài thì thật là không hay; đem hàng triệu bạc đút lót trong dịp cấp các khoản tiền vay cho nước ngoài thì thật là "tốn kém" cho Krúp, v.v.. Song sự việc đã nói lên một cách rõ ràng: khối lượng xuất khẩu mà tăng lên, thì *chính là* do những mảnh khoé bịp bợm của tư bản tài chính, là kẻ không quan tâm đến đạo đức tư sản và bóc lột người ta nhiều tầng: trước hết là lời về khoản tiền vay; sau đó là lời do chính *cũng* khoản tiền vay *đó* mang lại khi nó được

\* "Die Bank", 1909, 2, tr.819 và các trang tiếp theo.

đem dùng để mua sản phẩm của hãng Krúp hoặc mua vật liệu đường sắt của xanh-đi-ca thép, v.v..

Chúng tôi xin nhắc lại rằng chúng tôi hoàn toàn không coi bản thống kê của Lan-xbuốc là hoàn thiện, nhưng nhất thiết phải dẫn nó ra, vì nó khoa học hơn các thống kê của Cau-xky và Xpéch-ta-to, vì Lan-xbuốc đưa ra cách nghiên cứu vấn đề đúng. Muốn bàn đến ý nghĩa của tư bản tài chính trong lĩnh vực xuất khẩu, v.v. thì phải biết tách riêng ra mối liên hệ giữa xuất khẩu với chỉ riêng những mảnh khoé của bọn tư bản tài chính, với chỉ riêng việc tiêu thụ sản phẩm của các-ten, v.v.. Còn như chỉ đơn thuần so sánh thuộc địa nói chung với các nước không phải thuộc địa, so sánh chủ nghĩa đế quốc này với chủ nghĩa đế quốc kia, một nước nửa thuộc địa hay một thuộc địa (Ai-cập) với tất cả các nước khác, thì như thế là lẩn tránh và làm lu mờ chính *thực chất* của vấn đề.

Sở dĩ sự phê phán, trên phương diện lý luận, của Cau-xky về chủ nghĩa đế quốc chẳng có gì là giống chủ nghĩa Mác cả, sở dĩ nó chỉ có thể dùng để tuyên truyền cho sự hoà bình và thống nhất với bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xã hội - sô-vanh, là vì nó lẩn tránh và làm lu mờ chính những mâu thuẫn sâu xa nhất và căn bản nhất của chủ nghĩa đế quốc: mâu thuẫn giữa độc quyền với cạnh tranh tự do là cái tồn tại bên cạnh độc quyền; mâu thuẫn giữa những "hoạt động" quy mô rất lớn (và những lợi nhuận rất lớn) của tư bản tài chính với việc buôn bán "ngay thật" trên thị trường tự do, mâu thuẫn giữa một bên là các-ten và tở-rớt với một bên là công nghiệp không các-ten hoá, v.v..

Thuyết "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" nổi tiếng do Cau-xky nghĩ ra, mang tính chất cũng hoàn toàn phản động như thế. Ta hãy so sánh lập luận mà ông ta đã nêu ra năm 1915 về vấn đề đó, với lập luận của Hốp-xơn năm 1902:

Cau-xky: "... Chính sách đế quốc chủ nghĩa hiện tại phải chẳng sẽ có thể được thay thế bằng một chính sách mới,

chính sách đế quốc chủ nghĩa cực đoan, một chính sách sẽ đem việc tư bản tài chính liên hợp trên phạm vi quốc tế để cùng nhau bóc lột thế giới, thay cho cuộc đấu tranh giữa các tập đoàn tư bản tài chính các nước? Vô luận thế nào thì giai đoạn mới đó của chủ nghĩa tư bản cũng vẫn là điều có thể có được. Nó có thể được thực hiện hay không? Hiện nay vẫn chưa có những tiền đề đầy đủ để giải quyết vấn đề đó".\*

Hố-p-xơn: "Đạo Cơ-đốc – đã được củng cố trong một số ít đế quốc liên bang lớn, trong đó mỗi đế quốc lại có một số thuộc địa chưa được khai hoá và những nước phụ thuộc, – đã được nhiều người coi là sự phát triển hợp quy luật nhất của các xu hướng hiện nay, hơn nữa lại là sự phát triển mang lại hy vọng nhiều nhất về một nền hoà bình lâu dài trên cơ sở vững chắc là chủ nghĩa liên - đế quốc".

Cái mà Cau-xky gọi là chủ nghĩa đế quốc cực đoan hay là chủ nghĩa siêu đế quốc, thì trước ông ta 13 năm, Hố-p-xơn đã gọi là chủ nghĩa liên - đế quốc hay là chủ nghĩa đế quốc phối hợp. Ngoài việc đặt ra một danh từ mới, thậm ư uyên bác, bằng cách lấy một phụ ngữ la-tinh này thay cho một phụ ngữ la-tinh khác, thì sự tiến bộ của tư tưởng "khoa học" của Cau-xky rút lại chỉ là cái tham vọng muốn làm cho người ta nhận là chủ nghĩa Mác, cái mà thực ra Hố-p-xơn đã mô tả, mà những điều mô tả đó thực ra là tính giả nhân giả nghĩa của bầy giáo sĩ Anh. Sau cuộc chiến tranh Anh - Bô-e, điều hoàn toàn tự nhiên là cái đẳng cấp hết sức đáng kính ấy đã hướng những sự cố gắng chủ yếu của mình vào việc *an ủi* tầng lớp tiểu thị dân và những công nhân Anh đã bị chết nhiều trong các trận chiến đấu ở Nam Phi và phải đóng thêm thuế để bảo đảm lợi nhuận cao hơn nữa cho bọn tư bản tài chính Anh. Làm cho người ta tin rằng chủ nghĩa đế quốc không đến nỗi

\* "Neue Zeit", 30 tháng Tư 1915, tr.144.

xấu xa đến như thế, rằng nó đã gần thành chủ nghĩa liên - đế quốc (hay đế quốc cực đoan), có thể bảo đảm được một nền hoà bình vĩnh cửu, – thử hỏi, còn có sự an ủi nào tốt thế nữa không? Dù cho bầy giáo sĩ Anh, hay con người ủy mị Cau-xky có thiện ý đến thế nào chăng nữa, thì ý nghĩa khách quan, tức là ý nghĩa xã hội thật sự của "lý luận" của Cau-xky vẫn là một và chỉ là một thôi: đó là an ủi quần chúng một cách cực kỳ phản động bằng cái hy vọng là có thể có hoà bình vĩnh cửu trong chế độ tư bản, làm cho quần chúng không chú ý đến những mâu thuẫn gay gắt và những vấn đề gay gắt hiện tại và hướng cho quần chúng chú ý đến những tiền đồ hư ảo của cái "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" tương lai nào đó mà người ta gọi là mới. Chỉ lừa bịp quần chúng thôi, chứ ngoài ra thì tuyệt đối không có gì khác trong cái lý luận "mác-xít" đó của Cau-xky.

Quả vậy, chỉ cần đối chiếu cho thật rõ ràng những sự thật mà ai cũng biết và không thể chối cãi được, cũng đủ để thấy rõ rằng những viễn cảnh mà Cau-xky cố sức làm cho công nhân Đức (và công nhân tất cả các nước) tin, là hư ảo đến chừng nào. Ta hãy xét Ấn-độ, Đông-dương và Trung-quốc. Người ta biết rằng ba xứ thuộc địa và nửa thuộc địa đó, mà tổng số dân cư có từ 6 đến 7 trăm triệu người, đều bị tư bản tài chính của vài cường quốc đế quốc chủ nghĩa: Anh, Pháp, Nhật, Mỹ, v.v., bóc lột. Cứ cho là các nước đế quốc chủ nghĩa này thành lập những liên minh chống lại nhau để bảo vệ hoặc mở rộng những thuộc địa của mình, những lợi ích và "khu vực ảnh hưởng" của mình trong các nước châu Á kể trên. Đó sẽ là những liên minh "liên - đế quốc chủ nghĩa" hay "đế quốc chủ nghĩa cực đoan". Cứ cho là *tất cả* các cường quốc đế quốc chủ nghĩa thành lập một liên minh để phân chia "một cách hoà bình" các nước châu Á kể trên, – đó sẽ là một thứ "tư bản tài chính liên hợp trên phạm vi quốc tế". Trong lịch

sử thế kỷ XX có những ví dụ thực tế về kiểu liên minh như thế, chẳng hạn, trong quan hệ giữa các cường quốc với Trung-quốc<sup>160</sup>. Thử hỏi, liệu "có thể" cho rằng, trong điều kiện duy trì chế độ tư bản (chính điều kiện đó đã được Cau-xky đưa ra để làm tiền đề), những liên minh ấy không tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi, rằng những liên minh ấy trừ bỏ được những cuộc va chạm, xung đột và đấu tranh dưới mọi hình thức và dưới tất cả các hình thức có thể có, – liệu "có thể" như thế được chăng?

Chỉ cần đặt vấn đề một cách thật rõ ràng cũng đủ thấy rằng chỉ có thể trả lời là không. Vì, trong chế độ tư bản, người ta *không* thể nào có được một cơ sở nào khác để phân chia những khu vực ảnh hưởng, những quyền lợi, những thuộc địa, v.v., ngoài sự so sánh *lực lượng* của các nước tham dự việc phân chia ấy, lực lượng về kinh tế chung, về tài chính, về quân sự, v. v.. Mà lực lượng của các nước tham dự việc phân chia ấy lại thay đổi một cách không đều nhau, vì dưới chế độ tư bản, không thể có sự phát triển *đều nhau* giữa các xí nghiệp, các cơ-rốt, các ngành công nghiệp, các nước được. Trước đây nửa thế kỷ, nếu người ta so sánh lực lượng tư bản của nước Đức với lực lượng tư bản của nước Anh hồi đó, thì nước Đức chỉ là một con số không đáng kể thảm hại; cả Nhật so với Nga, cũng vậy. Nhưng sau mười hoặc hai mươi năm, liệu "có thể" cho rằng quan hệ so sánh lực lượng giữa các cường quốc đế quốc chủ nghĩa vẫn *không* thay đổi, được chăng? Tuyệt đối không thể được.

Cho nên, trong hiện thực của chủ nghĩa tư bản, chứ không phải trong trí tưởng tượng tiểu thị dân tầm thường của các giáo sĩ Anh hay của "nhà mác-xít" Đức Cau-xky, thì các liên minh "liên – đế quốc chủ nghĩa" hoặc "đế quốc chủ nghĩa cực đoan", – dù dưới hình thức nào chăng nữa, dù dưới hình thức là một đồng minh đế quốc chủ nghĩa chống lại một đồng minh đế quốc chủ nghĩa khác, hay là

một tổng liên minh *tất cả* các cường quốc đế quốc chẳng nữa, – đều *không* tránh khỏi chỉ là những "cuộc ngừng bắn" giữa các cuộc chiến tranh mà thôi. Các liên minh hoà bình chuẩn bị cho chiến tranh, và chính các liên minh đó cũng lại do chiến tranh mà sinh ra; các liên minh hoà bình và các cuộc chiến tranh ấy là điều kiện của nhau, gây nên cái tình trạng là hết hình thức đấu tranh hoà bình lại đến hình thức đấu tranh không hoà bình, tình trạng này nảy sinh ra trên *cùng một* mảnh đất là những mối liên hệ và quan hệ qua lại mang tính chất đế quốc chủ nghĩa trong nền kinh tế và chính trị thế giới. Thế mà, để làm yên lòng công nhân và hoà giải họ với bọn xã hội - sô-vanh là những kẻ đã chạy sang phía giai cấp tư sản, Cau-xky, con người rất mực sáng suốt ấy, lại *tách rời* hai mắt xích trong cùng một dây xích thống nhất; tách rời sự liên minh hoà bình (và đế quốc chủ nghĩa cực đoan, thậm chí đế quốc chủ nghĩa cực cực đoan nữa) hiện nay của *tất cả* các cường quốc đế "bình định" Trung-quốc (xin hãy nhớ lại vụ đàn áp cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hoà đoàn<sup>161</sup>) khởi sự xung đột không hoà bình ngày mai, cuộc xung đột ấy sẽ chuẩn bị cho một cuộc tổng liên minh "hoà bình" ngày kia, nhằm phân chia nước Thổ-nhĩ-kỳ chẳng hạn, v.v. và v.v.. Đáng lẽ phải nêu rõ mối liên hệ sinh động giữa các thời kỳ hoà bình đế quốc chủ nghĩa với những thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, thì Cau-xky lại đưa ra cho công nhân một thứ trừu tượng không có sinh khí, để hoà giải họ với những lãnh tụ không còn sinh khí của họ.

Trong lời tựa cuốn "Lịch sử ngoại giao trong sự phát triển quốc tế của châu Âu", Hin-lơ, một người Mỹ, chia lịch sử hiện đại của nền ngoại giao ra thành những thời kỳ sau đây: 1) kỷ nguyên cách mạng; 2) phong trào lập hiến; 3) kỷ nguyên "chủ nghĩa đế quốc thương mại"\* hiện

\* David Jayne Hill. "A History of the Diplomacy in the international development of Europe", vol. I, p. X.

nay. Một tác giả khác chia lịch sử "chính sách thế giới" của nước Anh từ 1870 đến nay ra làm 4 thời kỳ: 1) thời kỳ Á châu thứ nhất (đấu tranh chống sự tiến triển của Nga ở miền Trung Á hướng về phía Ấn-độ); 2) thời kỳ Phi châu (khoảng từ 1885 đến 1902) – đấu tranh chống Pháp để phân chia châu Phi (vụ "Pha-sô-đa" năm 1898, xuýt nữa xảy ra chiến tranh với Pháp); 3) thời kỳ Á châu thứ hai (hiệp ước ký với Nhật để chống lại Nga) và 4) thời kỳ "Âu châu", chủ yếu là nhằm chống Đức\*. "Những cuộc xô xát chính trị của các đội tiên phong đều xảy ra trên miếng đất tài chính", – Rít-xơ, một "nhà hoạt động" ngân hàng, đã viết như thế ngay từ 1905; ông ta đã vạch rõ rằng tư bản tài chính Pháp, trong khi hoạt động ở Ý, đã chuẩn bị liên minh chính trị giữa hai nước ấy như thế nào; cuộc đấu tranh giữa Đức và Anh để chiếm Ba-tư, cũng như cuộc đấu tranh của tất cả bọn tư bản châu Âu tranh nhau cho Trung-quốc vay, đã diễn ra như thế nào, v. v.. Đây, cái hiện thực sinh động của các liên minh hoà bình "đế quốc chủ nghĩa cực đoan" trong sự liên hệ mật thiết của chúng với những cuộc xung đột thuần túy đế quốc chủ nghĩa, là như thế đó.

Việc Cau-xky làm lu mờ các mâu thuẫn sâu sắc nhất của chủ nghĩa đế quốc – làm lu mờ như thế tất nhiên dẫn đến chỗ tô điểm cho chủ nghĩa đế quốc – không thể không ảnh hưởng cả đến việc tác giả này phê phán những đặc tính chính trị của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc là thời đại tư bản tài chính và thời đại các tổ chức độc quyền, ở khắp nơi những tổ chức này đều có xu hướng thống trị, chứ không phải xu hướng tự do. Sự phản động toàn diện dưới bất kỳ chế độ chính trị nào, tình trạng mâu thuẫn gay gắt đến cực độ cũng trong lĩnh vực ấy – đó là kết quả của những xu hướng nói trên. Sự áp bức dân tộc và xu hướng đi thôn tính, nghĩa là vi phạm quyền độc lập

\* Schilder, tác phẩm đã dẫn, tr.178.

dân tộc (vì thôn tính chẳng có nghĩa gì khác hơn là vi phạm quyền dân tộc tự quyết), cũng đặc biệt tăng lên. Hin-phéc-đinh đã vạch ra một cách đúng đắn mối liên hệ giữa chủ nghĩa đế quốc với sự tăng cường áp bức dân tộc. "Đối với những nước vừa mới được tìm ra – Hin-phéc-đinh viết – thì tư bản nhập khẩu làm cho những mâu thuẫn mạnh lên và gây ra sự phản kháng thường xuyên tăng lên của các dân tộc đang thức tỉnh về ý thức dân tộc và chống lại ngoại xâm; sự phản kháng đó có thể dễ dàng biến thành những biện pháp nguy hiểm nhằm chống lại tư bản nước ngoài. Những quan hệ xã hội cũ đều được cách mạng hoá một cách căn bản; tình trạng biệt lập nông nghiệp hàng ngàn năm nay của các "dân tộc đứng ngoài rìa lịch sử" bị phá tan; các dân tộc này cũng bị lôi cuốn vào cơn lốc tư bản chủ nghĩa. Bản thân chủ nghĩa tư bản dần dần tạo cho các dân tộc bị chinh phục những phương tiện và phương pháp để tự giải phóng. Và mục đích tối cao trước kia của các dân tộc châu Âu là thành lập quốc gia dân tộc thống nhất làm công cụ thực hiện tự do kinh tế và tự do văn hoá, thì nay cũng trở thành mục đích của các dân tộc bị chinh phục đó. Phong trào đòi độc lập ấy đe dọa tư bản châu Âu trong những lĩnh vực khai thác quý giá nhất của nó, những lĩnh vực hứa hẹn những triển vọng xán lạn nhất, và tư bản châu Âu chỉ có thể duy trì được quyền thống trị bằng cách thường xuyên tăng thêm lực lượng quân sự của nó" \*.

Ta phải nói thêm là không phải chỉ trong các nước mới được tìm ra, mà cả ở những nước cũ nữa, chủ nghĩa đế quốc cũng dẫn đến những cuộc thôn tính, đến việc tăng cường áp bức dân tộc và, do đó, cũng dẫn đến tăng cường sự phản kháng. Trong khi lên tiếng phản đối việc chủ nghĩa đế quốc làm cho sự phản động chính trị tăng thêm, Cau-xky

\* "Tư bản tài chính", tr. 487.



lại bỏ qua một vấn đề đã trở nên đặc biệt cấp thiết, tức là vấn đề không thể nào thực hiện được sự thống nhất với bọn cơ hội chủ nghĩa trong thời đại chủ nghĩa đế quốc. Trong lúc phản đối những cuộc thôn tính, ông ta trình bày những lời phản đối của mình dưới một hình thức hiền từ nhất và có thể dễ dàng tiếp thu nhất đối với bọn cơ hội chủ nghĩa. Ông ta trực tiếp nói với các thính giả Đức, nhưng chính cái quan trọng nhất và nóng hổi nhất, chẳng hạn như vụ An-da-xơ - Lo-ren là vụ nước Đức đi thôn tính, thì lại bị ông ta làm lu mờ đi. Để có thể đánh giá "khuyên hướng tư tưởng" đó của Cau-xky, ta hãy lấy một ví dụ. Giả sử có một người Nhật lên án người Mỹ thôn tính Phi-li-pin. Thử hỏi liệu có mấy ai tin được rằng người Nhật đó lên án như thế là vì căm ghét những cuộc thôn tính nói chung, chứ không phải vì chính mình có ý muốn thôn tính Phi-li-pin? Và người ta há lại không phải thừa nhận rằng, chỉ trong trường hợp người Nhật đó chống lại việc nước Nhật thôn tính Triều-tiên và đòi cho Triều-tiên được tự do phân lập với Nhật-bản, thì mới có thể coi sự "đấu tranh" của người Nhật đó chống các cuộc thôn tính là thành thật và trung thực về mặt chính trị hay sao?

Sự phân tích về lý luận, cũng như sự phê phán trên phương diện kinh tế và chính trị của Cau-xky về chủ nghĩa đế quốc, đều *hoàn toàn* tiếm nhiệm cái tinh thần tuyệt đối không thể dung hoà được với chủ nghĩa Mác, tức là làm lu mờ và giảm nhẹ những mâu thuẫn căn bản nhất, và cái ý đồ bảo vệ cho bằng được sự thống nhất, đang suy sụp, với chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân châu Âu.

## X. VỊ TRÍ CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC TRONG LỊCH SỬ

Chúng ta đã thấy rằng chủ nghĩa đế quốc, xét theo bản chất kinh tế của nó, là chủ nghĩa tư bản độc quyền. Chỉ

riêng điều đó cũng đủ xác định được vị trí của chủ nghĩa đế quốc trong lịch sử, vì độc quyền, xuất hiện trên cơ sở cạnh tranh tự do và chính là từ cạnh tranh tự do, là bước quá độ từ chế độ tư bản lên một chế độ kinh tế - xã hội cao hơn. Phải đặc biệt nói đến bốn loại độc quyền chủ yếu hay bốn biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền, đó là những điểm tiêu biểu cho thời đại mà chúng ta đang nghiên cứu.

Một là, tổ chức độc quyền được đẻ ra từ sự tập trung sản xuất đã đạt đến một trình độ phát triển rất cao. Đó là những liên minh độc quyền của bọn tư bản, các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rốt. Chúng ta đã thấy vai trò rất to lớn của những liên minh đó trong đời sống kinh tế hiện đại. Đến đầu thế kỷ XX, các tổ chức đó đã chiếm ưu thế hoàn toàn trong các nước tiên tiến, và nếu các nước có suất thuế quan bảo hộ cao (Đức, Mỹ) đã vượt qua những bước đầu trên con đường các-ten hoá được sớm hơn, thì chỉ ít lâu sau đó, nước Anh, với chế độ buôn bán tự do của nó, cũng đã chỉ ra cho ta thấy cũng một sự thật cơ bản như vậy: các tổ chức độc quyền đều được đẻ ra từ sự tập trung sản xuất.

Hai là, độc quyền đã dẫn đến việc tăng cường chiếm đoạt những nguồn nguyên liệu quan trọng nhất, nhất là cho ngành công nghiệp cơ bản, đã được các-ten hoá nhiều nhất trong xã hội tư bản chủ nghĩa: ngành công nghiệp than đá và luyện thép. Sự độc quyền chiếm hữu các nguồn nguyên liệu quan trọng nhất đã làm cho quyền lực của đại tư bản tăng lên hết sức lớn và làm cho mâu thuẫn giữa công nghiệp đã các-ten hoá với công nghiệp không các-ten hoá trở nên hết sức gay gắt.

Ba là, độc quyền là do ngân hàng đẻ ra. Ngân hàng từ chỗ là những doanh nghiệp môi giới khiếm tốn ngày nay đã trở thành các tổ chức độc quyền tư bản tài chính. Chỉ vèn vẹn có ba đến năm ngân hàng lớn nhất của bất cứ một

nước tư bản chủ nghĩa nào tiên tiến nhất, thế mà đã thực hiện được sự "liên minh về người" giữa tư bản công nghiệp với tư bản ngân hàng, và tập trung vào tay mình việc chi phối hàng tỷ và hàng tỷ, tức là phần lớn tư bản và thu nhập bằng tiền của cả một nước. Bọn đầu sỏ tài chính dùng một màng lưới dày đặc những quan hệ lệ thuộc để bao trùm lên hết thảy các thiết chế kinh tế và chính trị, không trừ một ngoại lệ nào, của xã hội tư sản ngày nay – đó là biểu hiện rõ rệt nhất của sự độc quyền ấy.

Bốn là, độc quyền là do chính sách thực dân đẻ ra. Ngoài nhiều động cơ "cũ" của chính sách thực dân, tư bản tài chính lại thêm vào động cơ đấu tranh để giành các nguồn nguyên liệu, để xuất khẩu tư bản, để giành những "khu vực ảnh hưởng", – nghĩa là các khu vực giao dịch có lợi, các tô nhượng có lợi, lợi nhuận độc quyền, v.v., – sau cùng là để có lãnh thổ kinh tế nói chung. Ví dụ, khi các thuộc địa của các cường quốc châu Âu mới chỉ là một phần mười châu Phi, như tình hình năm 1876, thì chính sách thực dân có thể phát triển một cách không có tính chất độc quyền, mà theo kiểu có thể nói là "tự do chiếm lĩnh" đất đai. Nhưng khi 9/10 châu Phi đã bị chiếm (đến năm 1900) và khi toàn thế giới đã bị phân chia, thì tất nhiên kỷ nguyên độc quyền chiếm thuộc địa đã đến và do đó, cũng bắt đầu kỷ nguyên đấu tranh đặc biệt gay gắt để chia và chia lại thế giới.

Mọi người đều biết chủ nghĩa tư bản độc quyền đã làm cho hết thảy các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản gay gắt đến chừng nào. Chỉ cần nêu lên tình trạng giá cả đắt đỏ và sự áp bức của các-ten, cũng đủ rõ. Tình trạng các mâu thuẫn trở nên gay gắt là động lực mạnh nhất của thời kỳ lịch sử quá độ, thời kỳ này bắt đầu từ lúc tư bản tài chính thế giới đạt được thắng lợi hoàn toàn.

Tổ chức độc quyền, bọn đầu sỏ tài chính, xu hướng đi đến thống trị, chứ không phải đi đến tự do, việc một nhóm

nhỏ những dân tộc giàu có nhất hoặc hùng mạnh nhất đi bóc lột một số ngày càng đông những dân tộc nhỏ bé hay yếu – tất cả những cái đó đã tạo ra những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc buộc người ta phải gọi chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám và thối nát. Càng ngày người ta càng thấy nổi bật một trong số các xu hướng của chủ nghĩa đế quốc là: thiết lập "nước thực lợi", nước cho vay nặng lãi, giai cấp tư sản nước này ngày càng sống nhờ vào việc xuất khẩu tư bản và bằng lối "cắt phiếu". Nhưng nếu cho rằng xu hướng đi đến thối nát đó loại trừ sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản, thì như thế là sai lầm; không, trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, một số ngành công nghiệp nào đó, một số tầng lớp nào đó trong giai cấp tư sản, một số nước nào đó, đều biểu hiện, hoặc ít hoặc nhiều, khi thì xu hướng này, khi thì xu hướng kia. Xét toàn bộ, chủ nghĩa tư bản phát triển vô cùng nhanh hơn trước, nhưng nói chung thì sự phát triển đó không những trở thành không đồng đều hơn trước, mà sự phát triển không đồng đều này nói riêng biểu hiện cả ở sự thối nát của các nước có nhiều tư bản nhất (nước Anh).

Bàn về tốc độ phát triển kinh tế của Đức, Rít-xơ, tác giả một cuốn sách nghiên cứu các ngân hàng lớn ở Đức, đã viết: "Sự tiến bộ không phải quá chậm chạp của thời đại trước (1848 - 1870) đem so với tốc độ phát triển của toàn bộ nền kinh tế của Đức và nói riêng của các ngân hàng ở Đức vào thời đại này (1870 - 1905) thì cũng gần như tốc độ của một chiếc xe thư do ngựa kéo thời xưa so với tốc độ của chiếc xe hơi hiện đại, chiếc xe hơi này phóng nhanh đến nỗi trở thành mối nguy cho khách bộ hành vô tâm và cho cả bản thân những người ngồi trên xe nữa". Về phía mình, tư bản tài chính đã lớn lên nhanh chóng phi thường đó cũng muốn – chính là vì nó lớn nhanh như thế – chiếm một cách "yên ổn" những thuộc địa mà nó phải chiếm của

các nước giàu có hơn, chiếm bằng những thủ đoạn không phải chỉ là thủ đoạn hoà bình. Còn ở Mỹ, thì trong mấy chục năm gần đây, kinh tế phát triển còn nhanh hơn ở Đức, và chính vì thế mà những tính chất ăn bám của chủ nghĩa tư bản Mỹ hiện đại lại biểu hiện ra một cách đặc biệt rõ. Mặt khác, nếu đem so sánh chẳng hạn giai cấp tư sản cộng hoà Mỹ với giai cấp tư sản quân chủ của Nhật hay Đức, thì thấy rõ rằng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, sự khác nhau lớn nhất về chính trị giữa chúng với nhau lại hết sức giảm bớt đi, không phải vì sự khác nhau đó là không quan trọng nói chung, mà vì trong tất cả những trường hợp kể trên, điều chúng ta nói đến là giai cấp tư sản mang những tính chất ăn bám rõ rệt.

Những khoản lợi nhuận độc quyền cao, mà bọn tư bản thuộc một trong nhiều ngành công nghiệp, ở một trong nhiều nước v.v., thu được, đã tạo ra cho chúng khả năng kinh tế để mua chuộc một số tầng lớp công nhân nào đó, và tạm thời mua chuộc được cả một thiểu số công nhân đáng kể, lôi kéo họ đi theo giai cấp tư sản trong một ngành công nghiệp, trong một nước nào đó để chống lại tất cả các ngành và các nước khác. Và sự đối kháng ngày càng tăng lên giữa các nước đế quốc chủ nghĩa do việc phân chia thế giới, làm cho xu hướng đó mạnh thêm. Như thế là tạo ra mối liên hệ giữa chủ nghĩa đế quốc với chủ nghĩa cơ hội, mối liên hệ đó được biểu lộ ở Anh sớm hơn và rõ rệt hơn ở tất cả mọi nơi khác do chỗ một số tính chất đế quốc chủ nghĩa trong sự phát triển ở đây đã xuất hiện sớm hơn nhiều so với ở các nước khác. Một số tác giả, chẳng hạn như L. Mác-tốp, thích lảng tránh không nói đến một sự thật là mối liên hệ giữa chủ nghĩa đế quốc với chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân – sự thật này ngày nay đã đập vào mắt đặc biệt mạnh – bằng những câu nghị luận "lạc quan phương" (theo kiểu Cau-xky và Huy-xman) như thế này: sự nghiệp của những người thù địch

với chủ nghĩa tư bản sẽ là vô hy vọng, nếu chính chủ nghĩa tư bản tiên tiến dẫn đến chỗ tăng cường chủ nghĩa cơ hội, hay nếu chính những công nhân được trả lương cao nhất thiên về chủ nghĩa cơ hội, v.v.. Không nên có ảo tưởng về ý nghĩa của sự "lạc quan" ấy: đó là lạc quan về chủ nghĩa cơ hội, một sự lạc quan dùng để che đậy chủ nghĩa cơ hội. Thật ra, sự phát triển đặc biệt nhanh chóng và tính chất đặc biệt ghê tởm của sự phát triển của chủ nghĩa cơ hội không mấy may bảo đảm cho nó thắng lợi vững chắc, cũng như một cái nhọt trong một cơ thể lành mạnh mà sưng lên nhanh chóng thì chỉ làm cho cái nhọt đó chóng vỡ và làm cho cơ thể mau thoát khỏi nó mà thôi. Về mặt này, nguy hiểm nhất là những kẻ không muốn hiểu rằng cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, nếu không gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, thì chỉ là một câu nói rỗng tuếch và dối trá.

Qua tất cả những điều đã nói ở trên về bản chất kinh tế của chủ nghĩa đế quốc, ta thấy rằng phải coi chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản quá độ, hay nói cho đúng hơn, chủ nghĩa tư bản đang hấp hối. Về mặt này, điều đặc biệt bổ ích là việc những nhà kinh tế học tư sản, khi mô tả chủ nghĩa tư bản hiện đại, hay đưa ra những danh từ như: "quyện chặt với nhau", "không biệt lập" v. v.; theo họ, các ngân hàng là những "doanh nghiệp mà xét về nhiệm vụ và sự phát triển của nó, thì không mang tính chất thuần túy kinh tế - tư nhân và ngày càng vượt ra khỏi phạm vi sự điều tiết mang tính chất thuần túy kinh tế - tư nhân". Và cũng chính ông Rít-xơ đó, người đã nói lên những lời vừa dẫn trên đây, đã tuyên bố một cách hết sức nghiêm túc rằng "lời tiên đoán" của các nhà mác-xít về sự "xã hội hoá", đã "không được thực hiện"!

Vậy danh từ "quyện chặt với nhau" đó có nghĩa là gì? Nó chỉ bao hàm nét nổi bật nhất của quá trình đang diễn ra trước mắt chúng ta thôi. Nó chứng tỏ rằng nhà quan

sát chỉ thấy cây mà không thấy rừng. Nó sao chép lại một cách nô lệ cái bên ngoài, cái ngẫu nhiên và hỗn độn. Nó vạch rõ rằng nhà quan sát đó là một người đang bị ngợp trong đồng tài liệu sống sượng, và hoàn toàn không hiểu được nội dung và ý nghĩa của tài liệu đó. Việc nắm giữ các cổ phiếu, những quan hệ giữa những người tư hữu "quyện chặt với nhau một cách ngẫu nhiên". Nhưng cái nằm ở bên trong sự quyện chặt với nhau ấy, cái dùng làm cơ sở cho sự quyện chặt ấy, chính là những quan hệ sản xuất xã hội đang thay đổi. Khi một xí nghiệp lớn trở thành khổng lồ và khi mà, nhờ vào việc tính toán một cách chính xác rất nhiều số liệu, xí nghiệp đó tổ chức một cách có kế hoạch việc cung cấp  $\frac{2}{3}$  hoặc  $\frac{3}{4}$  tất cả những nguyên liệu cần thiết cho hàng chục triệu người; khi xí nghiệp đó tổ chức được một cách có hệ thống việc vận chuyển các nguyên liệu ấy đến những nơi sản xuất tiện lợi nhất, có khi ở cách xa nhau hàng trăm và hàng nghìn véc-xta; khi từ một trung tâm người ta chỉ huy được tất cả các giai đoạn kế tiếp nhau trong việc chế biến nguyên liệu, cho tận đến khi chế biến thành một loạt các loại thành phẩm; khi các sản phẩm này được phân phối theo một kế hoạch cho hàng chục và hàng trăm triệu người tiêu dùng (như việc bán dầu lửa ở Mỹ, cũng như ở Đức, đều do "Tơ-rốt dầu lửa" của Mỹ đảm nhiệm); – thì như thế hiển nhiên là đã có sự xã hội hoá sản xuất rồi, chứ tuyệt nhiên không phải là một sự "quyện chặt với nhau" đơn giản nữa; những quan hệ kinh tế - tư nhân và những quan hệ tư hữu là một cái vỏ, không còn phù hợp với nội dung của nó nữa; cái vỏ đó, dù cho người ta có dùng cách giả tạo để làm cho nó chậm bị tiêu diệt, thì nó cũng không tránh khỏi thối nát; cái vỏ đó có thể ở trạng thái thối nát tương đối lâu (trong trường hợp xấu, nghĩa là nếu cái nhọt cơ hội chủ nghĩa phải lâu ngày mới chữa được), nhưng nó sẽ không tránh khỏi bị tiêu diệt.

Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ, một kẻ nhiệt liệt sùng bái chủ nghĩa đế quốc Đức, la lên rằng:

"Nếu rốt cuộc, việc lãnh đạo các ngân hàng Đức lại được phó thác cho mười, mười hai người, thì đối với phúc lợi quốc dân, hoạt động của những người đó ngay từ bây giờ đã quan trọng hơn là hoạt động của đa số các vị bộ trưởng" (ở đây, điều có lợi hơn là lãng quên sự "quyện chặt với nhau" giữa các nhà hoạt động ngân hàng, các bộ trưởng, các nhà công nghiệp, những người thực lợi...) "... Nếu xét đến cùng sự phát triển của những xu hướng ta đã thấy thì kết quả là: tư bản tiền tệ trong nước tập trung vào các ngân hàng; các ngân hàng lại gắn bó với nhau thành một các-ten; tư bản cần được đầu tư của cả nước được mang hình thức những chứng khoán. Lúc đó những lời thiên tài của Xanh - Xi-mông sẽ được thực hiện: "Tình trạng vô chính phủ hiện nay trong sản xuất – tình trạng này phù hợp với tình hình những quan hệ kinh tế phát triển không có sự điều tiết thống nhất – phải nhường chỗ cho sự tổ chức trong sản xuất. Sản xuất sẽ không còn chịu sự chỉ huy của các nhà kinh doanh biệt lập, độc lập đối với nhau và không hề biết đến những nhu cầu kinh tế của mọi người, mà việc chỉ huy đó sẽ do một cơ quan xã hội nắm lấy. Ban quản lý trung ương, có điều kiện quan sát một khu vực kinh tế xã hội rộng lớn từ trên một giác độ cao hơn, sẽ điều tiết nền kinh tế này một cách có lợi cho toàn thể xã hội, sẽ giao tư liệu sản xuất vào tay những người xứng đáng, và đặc biệt sẽ quan tâm làm cho sản xuất và tiêu dùng luôn luôn nhịp nhàng với nhau. Hiện đã có những tổ chức coi một trong những nhiệm vụ của mình là việc tổ chức, trên một mức độ nào đó, lao động sản xuất: đó là các ngân hàng". Còn lâu chúng ta mới thực hiện được những lời này của Xanh - Xi-mông, nhưng chúng ta hiện đã ở trên con đường tiến tới thực hiện những lời ấy: đó là chủ nghĩa Mác, một chủ nghĩa Mác khác với thứ

---

chủ nghĩa Mác mà Mác đã hình dung, nhưng chỉ khác về hình thức thôi"\*

Thật quá rõ ràng: lối "bác bỏ" Mác như thế quả thật là hay, đó là một bước thụt lùi từ sự phân tích chính xác, khoa học của Mác, lùi lại lời tiên đoán của Xanh - Xi-mông, lời tiên đoán tuy là thiên tài thật, nhưng dù sao cũng chỉ là tiên đoán.

---

---

\* "Grundriß der Sozialökonomik", tr.146.

CÁC TÀI LIỆU CHUẨN BỊ

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO  
TẠI HỘI NGHỊ NHỮNG NGƯỜI  
DÂN CHỦ - XÃ HỘI CẢNH TẢ**<sup>162</sup>

**Những luận điểm:**

1. Sự kiện chiến tranh và những hậu quả. Bức tranh tổng quát.
2. Tính chất đế quốc chủ nghĩa
  - 1) cướp bóc thuộc địa
  - 2) áp bức các dân tộc
  - 3) phân chia thế giới.
3. Làm rõ mục đích.
4. Việc xuyên tạc tính chất của chiến tranh
  - a) sự giải phóng các dân tộc – áp bức
  - b) nền dân chủ – chế độ chuyên chế (phản động?)
  - c) nền văn hoá – sự dã man của chiến tranh
  - d) phúc lợi – những cải cách xã hội
  - đ) những thu nhập của bọn tư bản – giá sinh hoạt đắt đỏ!
5. Chủ nghĩa tư bản (Tơ-rốt-xki).  
(Sự tan rã của thế giới tư sản)...
6. Giữa lúc chủ nghĩa tư bản lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất, *nó* (cuộc khủng hoảng) khiến cho giai cấp vô sản phải chịu những hy sinh lớn nhất, thì người ta lại kêu gọi giai cấp vô sản bảo vệ chủ nghĩa tư bản, đòi hoà bình trong nước.
7. Cuộc đấu tranh chống chiến tranh...

8. Những nghị quyết của các đại hội...
9. Các đảng chính thức – chống lại những nghị quyết ấy
 

}	biểu quyết các kinh phí tham gia nội các tán thành lập khối	}	<i>Chủ trương bảo vệ tổ quốc.</i>
---	---	---	-----------------------------------
10. Cuộc đấu tranh của những thiểu số (và các đảng) chống chiến tranh.
11. Giai cấp công nhân quay về với nhiệm vụ của họ.
12. Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa.
13. Hội nghị ở Béc-ơ<sup>163</sup>. (Thiết lập **sự liên lạc**.)
14. Ngọn cờ đấu tranh giai cấp.
15.
  - a) hoạt động của các nước tham chiến...
  - b) " " " " " " trung lập...
16. Quy mô quốc tế.
17. Những điều kiện của hoà bình.
18. Lời kêu gọi.

*Viết khoảng từ ngày 19 đến  
23 tháng Tám (từ ngày 1  
đến 5 tháng Chín) 1915*

*In lần đầu, theo đúng  
bản thảo  
Dịch từ tiếng Pháp và  
tiếng Đức*

## DÀN BÀI BÀI NÓI TẠI HỘI NGHỊ XIM-MÉC-VAN

- 1) *Chủ nghĩa đế quốc* và sự cướp bóc
- 2) việc làm xao lãng sự chú ý của giai cấp vô sản cách mạng và làm suy yếu phong trào của giai cấp đó...
- 3) vạch trần sự nguy hiểm của giai cấp tư sản, – một nhóm này – nhóm khác
- 4) *devoir socialiste*...<sup>1)</sup>

5)	lời trích dẫn	dưới lên 5. tr.5 trên xuống <span style="border: 1px solid black; padding: 0 2px;">I</span> 7. tr.5 trên xuống <span style="border: 1px solid black; padding: 0 2px;">I</span>
6)	những người dân chủ - xã hội Đức không thể viện dẫn cuộc đấu tranh chống chế độ Nga hoàng	
7)	báo chí của chúng ta trách cứ chúng ta về hành vi của những lãnh tụ Đức	
8)	trích dẫn, tr. 8, kết thúc từ chữ Mème	<span style="border: 1px solid black; padding: 0 2px;">1/2 tr.</span>
9)	Đảng dân chủ - xã hội Nga bằng cách biểu quyết và bằng một bản tuyên bố	

<sup>1)</sup> – nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa ...

- b ấ t h ợ p p h á p = rempli  
son devoir <sup>1)</sup>
- 10) che giấu sự phá sản của Quốc tế II là có hại, đặc biệt nguy hại là "phái giữa"
  - 11) sự phá sản này là sự phá sản của chủ nghĩa cơ hội tr. II I
  - 12) chủ nghĩa sô-vanh ở Nga lan đến tận một bộ phận của Đảng dân chủ - xã hội
  - 13) điều tệ hại nhỏ nhất – làm cho chế độ Nga hoàng bại trận
  - 14) tổ chức bất hợp pháp và sự tuyên truyền cổ động trích dẫn (cuối 15 và 16) I

*Viết khoảng từ ngày 23 đến  
26 tháng Tám ( 5-8 tháng  
Chín) 1915*

*In lần đầu, theo đúng  
bản thảo*

<sup>1)</sup> – đã làm tròn nghĩa vụ của mình



**NHỮNG ĐIỂM BỔ SUNG  
VÀO BẢN TUYÊN BỐ  
CỦA PHÁI TẢ XIM-MÉC-VAN** <sup>164</sup>

- N<sub>o</sub> 1. noch die wichtigste Frage des Opportunismus berührt, noch die besonders schädliche Rolle des s.-d. Zentrums aufdeckt <sup>1)</sup>.
- N<sub>o</sub> 2. Sở dĩ chúng tôi biểu quyết tán thành, đặc biệt là vì hai đồng chí người Pháp đã đưa ra một ý kiến quan trọng. Chính là hai đồng chí đó đã vạch ra tình cảnh của công nhân ở Pháp bị áp bức hết sức nặng nề, tình trạng công nhân bị hủ hoá đến cực độ bằng những lời lẽ cách mạng suông, vạch ra tính chất tất yếu phải chuyển dần dần và thận trọng sang sách lược kiên quyết. Tuy nhiên, ở châu Âu nói chung kẻ thù của phong trào công nhân vẫn chính là chủ nghĩa cơ hội.

*Viết ngày 26 tháng Tám  
(8 tháng Chín) 1915*

*In lần đầu năm 1930 trong Văn tập  
Lê-nin, t. XIV*

*Theo đúng bản thảo*

<sup>1)</sup> – không đụng chạm đến vấn đề hết sức quan trọng là vấn đề chủ nghĩa cơ hội, cũng không vạch ra vai trò đặc biệt có hại của phái giữa dân chủ - xã hội.

**NHỮNG TÀI LIỆU  
ĐỂ VIẾT BÀI THUYẾT TRÌNH  
"CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VÀ  
QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT" <sup>165</sup>**

1

**TRÍCH CUỐN "HOFKALENDER"**

*Về vấn đề dân tộc*

**Các dân tộc đại cường quốc  
("Hofkalender"<sup>1)</sup>, 1914)**

*năm 1910*

người Đức có 12 triệu ở Áo - Hung

60 " ở Đức

= (?) (trong số 67)

$\Sigma = 72$  (?)

người Anh (?) 45 ở Anh (trong số 46) và trong những thuộc địa của Anh

— (?) 80 ở Hợp chủng quốc  
125 (?)

người Anh – 125

người Đại Nga – 73

người Đức – 72

người Pháp – 38

$\Sigma = 308$  triệu

<sup>1)</sup> – "Lịch hoàng cung"

Các thuộc địa (tính bằng triệu)	người Nhật	- 50	
1914	1876	người Ý	- 35
570	314	?	<u>393</u>
+ 81% trong 38 năm	người Hung-ga-ri	<u>- 10</u>	
		$\Sigma = 403$ triệu	

2

PHÁC THẢO VẤN TẮT

Đề tài: Chủ nghĩa đế quốc và *sự tự quyết* của các dân tộc.

không phải "vấn đề dân tộc"

Phản đối  $\frac{2}{3}$  cái cương lĩnh dân tộc (chỉ trừ phần *sự tự quyết*).

+ Những cải cách dân chủ trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc?

+ Na-uy năm 1905. "Một ngoại lệ"?

+ Ai-rơ-len 1869. "Một sự không tương"?

+ Các phong trào dân tộc của châu Á và các nước thuộc địa... và của châu Phi (Ai-cập)...

+ Vì sao lại có *sự phân chia* theo dân tộc khi chủ nghĩa đế quốc là thời đại *liên kết* các dân tộc?

"Vì sao" lại có các phong trào dân tộc ở U-cra-i-na, Trung-quốc, Ba-tư, Ấn-độ, Ai-cập v.v., "nếu như" (khi) các nước tiên tiến đã đạt tới giai đoạn *chủ nghĩa đế quốc* là cái làm cho các dân tộc liên hiệp lại? nếu chủ nghĩa tư bản (= chủ nghĩa đế quốc) tại các nước tiên tiến đã *vượt quá* khuôn khổ các quốc gia dân tộc? Phải Pru-đông và Marx trong những năm 60 của thế kỷ XIX. ("Các dân tộc khác phải ngồi yên há miệng ch... và chờ đợi đến khi nước Pháp hoàn thành cuộc cách mạng xã hội").

Marx năm 1848 trong "Báo sông Ranh mới"<sup>166</sup>. Ăng-ghe-nh năm 1866 và Marx năm 1869: chính vì lợi ích của giai cấp công nhân thuộc các dân tộc *đi áp bức* mà cần phải đòi quyền tự do phân lập cho các dân tộc *bị áp bức*.

Chủ nghĩa đế quốc là sự áp bức các dân tộc trên một cơ sở lịch sử *mới*... Đó là một  $1/2$ .

$1/2$  (nhiệm vụ) khác = thức tỉnh *các phong trào dân tộc ở miền Đông châu Âu* (U-cra-i-na sau năm 1905), ở châu Á và châu Phi (Trung-quốc, Ấn-độ, Ai-cập) – trong các *thuộc địa* (trong số 1000 triệu dân của địa cầu  $570 + 360 = 930$ )...

300 - 400 triệu trong số 1600 là những người đi áp bức

Biến quyền dân tộc tự quyết [một khẩu hiệu dân chủ - tư sản "cũ rích, đã quá nhàm tai", (schäbig) ((mới đối với 1000 triệu người trên trái đất!))], từ chỗ là một sự lừa dối trở thành một chân lý.

Sự lừa dối đối với nước Anh, nước Pháp, – và cả với nước Đức.  
Hai hình thức lừa dối: Plê-kha-nốp  
contra Parvus "schäbigste" Losung<sup>2)</sup>.

Chỉ có nguyên tắc dân chủ - tư sản thôi ư?  
Còn **TÌNH HỮU ÁI** của công nhân thì sao?  
Không, và cả nguyên tắc xã hội chủ nghĩa nữa.

<sup>1)</sup> – Có lẽ đây là dẫn theo những trang của bản thảo nào đó của V.I. Lê-nin.

<sup>2)</sup> – chống lại cái khẩu hiệu "đã quá nhàm" của Pác-vu-xơ

tr. I:  
– 2 – 3<sup>1)</sup>  
(rút gọn  
và  
thay đổi

tr. 4 - 5  
vứt bỏ

tr. 6  
(sửa lại)

Khi chúng ta đưa ra khẩu hiệu: quyền tự do tự quyết, *có nghĩa là* tự do phân lập, thì bằng *tất cả* sự tuyên truyền cổ động chúng ta đòi những kẻ đi áp bức: hãy ra sức duy trì bằng những điều có lợi, bằng văn hoá, *chứ không phải* bằng bạo lực. Khi chúng ta không thừa nhận và không đề lên hàng đầu quyền tự do phân lập, thì *trên thực tế* chúng ta để ngõ cánh cửa cho bọn tôi tớ của bạo lực.

Nur so treffen wir den Nagel auf den Kopf<sup>1)</sup> – chúng ta giáo dục công nhân: hãy tống cổ tất cả những kẻ nào không thừa nhận một cách **chân tình và trung thực** nguyên tắc dân chủ và xã hội chủ nghĩa.

<sup>1)</sup> nghĩa đen: chỉ như vậy thì chúng ta va vào đầu đinh (vào đúng điểm)

3

## NHỮNG LUẬN ĐIỂM

?

Bốn luận điểm Năm luận điểm: 1) Những người dân chủ - xã hội thuộc dân tộc đi áp bức, đặc biệt thuộc *khá hơn* cái gọi là cường quốc lớn, thì cần phải đòi quyền tự quyết = quyền phân lập cho các dân tộc bị áp bức bằng cách bảo vệ quyền đó chẳng những trên báo chí hợp pháp, mà đặc biệt là cả trên báo chí bất hợp pháp, nhất là trong thời chiến. – 2) Những người dân chủ - xã hội thuộc các dân tộc bị áp bức cần phải đòi hỏi sự hợp nhất thật đầy đủ, cả về mặt tổ chức, *công nhân* thuộc dân tộc bị áp bức với *công nhân* thuộc dân tộc đi áp bức, chứ không phải chỉ đòi sự xích lại gần nhau mà thôi. – 3) Trên cơ sở những nguyên tắc đó những người dân chủ - xã hội thuộc tất cả các nước tiên tiến trong thế kỷ XX, và nhất là thuộc các cường quốc lớn, cần phải đưa cái nguyên tắc: "công nhân không có tổ quốc" thành một điểm đặc biệt quan trọng trong chính sách dân tộc của mình, trong khi vẫn không hề phủ nhận tầm quan trọng có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc lạc hậu ở Đông Âu và ở các thuộc địa ở châu Á và châu Phi. – 4) Cái mà những người dân chủ - xã hội thuộc tất cả các nước phải bênh vực, *không phải* là nguyên tắc liên bang, *không phải* là việc lập ra những quốc gia nhỏ, coi đó là một lý tưởng, mà là sự xích lại gần nhau bằng mọi cách có thể được giữa các dân tộc, bênh

vực quan điểm cho rằng bất kỳ sự phân lập dân tộc nào đều có hại, chủ trương tự trị dân tộc về văn hoá là có hại, bênh vực cái lợi của chế độ tập trung **dân chủ**, cái lợi của việc thành lập những quốc gia hết sức lớn và những liên minh các quốc gia.

*Luận điểm thứ năm*: Do tính chất sơ đẳng nhất của luận điểm thứ nhất, do toàn bộ phong trào dân chủ và Mác + Ăng-ghen (1848 - 1876) đã thừa nhận luận điểm đó, do nó được kinh nghiệm của cuộc chiến tranh khắng định, nên nhất thiết phải coi khinh những người dân chủ - xã hội nào không thừa nhận luận điểm đó, coi họ là kẻ thù của giai cấp vô sản, là những kẻ lừa dối tồi tệ nhất, và cần phải khai trừ họ ra khỏi đảng.

Thừa nhận cuộc đấu tranh chống lại *mọi* sự áp bức dân tộc, chống lại *mọi* sự bất bình đẳng dân tộc vẫn chưa đủ:

- (α) "sự bất bình đẳng" có bao hàm quyền xây dựng nhà nước, hay là không?
- (β) – có bao hàm quyền phân lập, hay là không?
- (γ) tính chất của công tác tuyên truyền cổ động hàng ngày: hướng vào vấn đề chính yếu.

Sự thống nhất của công nhân, sự thống nhất cuộc đấu tranh giai cấp có tính chất quốc tế của giai cấp vô sản là vô cùng quan trọng hơn so với vấn đề biên giới quốc gia, vấn đề mà trong thời đại chủ nghĩa đế quốc đặc biệt thường sẽ được giải quyết *lại* cũng chính là bằng các cuộc chiến tranh.

4

## CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT (GHI VẤN TẮT)

28. X. 1915

### *Mở đầu*

- (1) Tính chất bức thiết của vấn đề. Mọi người đều nói đến hoặc nghe nói. Vì sao? (α) Chiến tranh thổi bùng lên lòng hằn thù dân tộc và gây nên nguy cơ áp bức dân tộc.
- (β) Chủ nghĩa đế quốc là thời đại của sự áp bức dân tộc trên một cơ sở lịch sử mới.
- (2) Nhiệm vụ của Z. L. ("phái tả Xim-méc-van") là đoàn kết lại và trên cơ sở đó cũng phải đập tan chủ nghĩa xã hội - sô-vanh; làm cho giai cấp công nhân có ý thức rõ ràng.

### *I. Quan điểm kinh tế*

- (3) "Tư bản đã vượt khỏi khuôn khổ dân tộc. Sự thống nhất các dân tộc (trong một quốc gia) là điều tất yếu và có tính chất tiến bộ". Đúng! Nhưng chủ nghĩa Mác không phải = chủ nghĩa Xtơ-ru-vê<sup>167</sup>, không phải là sự biện hộ và bênh vực bạo lực đối với các dân tộc, mà là cuộc đấu tranh cách mạng để thực hiện chủ nghĩa xã hội, là *sự đoàn kết* công nhân các dân tộc khác nhau, là *tình hữu ái anh em* giữa những công nhân đó.

- (4) Chống bạo lực *nhằm thực hiện* sự thống nhất các dân tộc trên cơ sở dân chủ. "Quyền tự do phân lập" là biểu hiện *cao nhất* của *chế độ dân chủ*.
- (5) Sự thống nhất về kinh tế sẽ *được lợi* nhờ chế độ dân chủ, nhờ quyền tự do phân lập (Na-uy và Thụy-điển; Mỹ vs<sup>1)</sup> Đức).

### *II. Quan điểm lịch sử*

- (6) "Quyền tự quyết của các dân tộc là một khẩu hiệu quá nhàm của cái thời đại đã qua của các cuộc cách mạng dân chủ - tư sản và các phong trào dân chủ - tư sản".
- Chủ nghĩa đế quốc tạo ra sự áp bức các dân tộc trên một cơ sở mới. Chủ nghĩa đế quốc phục hồi lại cái khẩu hiệu cũ ấy.
- (7) Phương Đông và *các thuộc địa* (> 1000 triệu người của trái đất). Các phong trào dân tộc dân chủ - tư sản "mới".

Các thuộc địa 1876 – 314 triệu  
1914 – 570 " + 81%.

### *III. Quan điểm chính trị*

- (8) Chúng ta không loại bỏ những khẩu hiệu dân chủ - tư sản, mà thực hiện *cái dân chủ* trong những khẩu hiệu đó một cách triệt để hơn, đầy đủ hơn, kiên quyết hơn.
- (9) Không phải là lợi ích của các *dân tộc*, mà là lợi ích của tình đoàn kết anh em, của sự đoàn kết *công nhân* các dân tộc khác nhau.

### *IV. Quan điểm về biên giới quốc gia*

- (10) Chúng ta không bảo vệ những biên giới *hiện nay* của các quốc gia.

<sup>1)</sup> – versus – đối lập với

- (11) Chúng ta không tán thành sự không tương về những quốc gia nhỏ, không phải bất cứ ở đâu và lúc nào chúng ta cũng đòi phải có "sự độc lập của các quốc gia dân tộc"...
- (12) Chúng ta đưa lên hàng đầu những lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân khi có bất cứ *n h ữ n g s ự b i ế n đ ối* nào có thể có về biên giới quốc gia.
- (13) "Sự tan rã" của nước Nga (nước Anh, Áo?) = Hợp chủng quốc.

*V. Quan điểm về đấu tranh giai cấp có tính chất quốc tế của giai cấp vô sản*

- (14) Nguy cơ (và sự tất yếu dưới chế độ tư bản chủ nghĩa) của sự hằn thù và lòng nghi kỵ dân tộc (à la Axelrod? Không!)
- (15) Điểm mấu chốt: thái độ của các dân tộc *đi áp bức* đối với các dân tộc **bị áp bức**.
- (16) Không thể có sự đoàn kết giai cấp của công nhân thuộc các dân tộc khác nhau nếu không thừa nhận quyền phân lập.

*VI. "Khả năng thực hiện thực tế"*

- (17) "Điều không tưởng"! Na-uy vs Thụy-điển.
- (18) "Điều ngoại lệ"! ("Miền hẻo lánh").  
Đúng thế, cũng như *tấ t c ả* những cuộc cải cách và cải tạo dân chủ.
- (19) "Trên thực tế = con số không".  
Không = (α) tự do tuyên truyền cho sự phân lập  
(β) Giải quyết vấn đề phân lập bằng sự trưng cầu ý dân (2 SS của hiến pháp).
- (20) "Đâu là sự bảo đảm? Chỉ có chiến tranh mới giải quyết được!"  
(Những bảo đảm của chúng ta là sự giáo dục quần

chúng công nhân theo tinh thần đoàn kết anh em giữa các dân tộc.)

*VII. Quan điểm về chiến tranh*

- (21) "Quyền tự quyết của các dân tộc = sự biện hộ cho việc tham gia vào cuộc chiến tranh".  
Chiến tranh cũng có nhiều loại khác nhau. Chúng ta không "phủ nhận" các cuộc chiến tranh dân tộc. Ngay cả hiện nay những cuộc chiến tranh ấy vẫn có thể có.
- (22) "Nếu có quyền tự quyết, thì Hà-lan, Thụy-điển etc. có quyền tự bảo vệ". *L à m t h ế n à o* có thể tự bảo vệ trong cuộc chiến tranh *đ ể q u ố c ch ủ n g h ì a*?

*VIII. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội - sô-vanh*

- (23) Cũng giống như điện tín vô tuyến, chủ nghĩa xã hội - sô-vanh là sản phẩm tất yếu của chủ nghĩa đế quốc. Đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội - sô-vanh = thực chất hiện nay.
- (24) Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh của dân tộc *m ì n h*.
- (25) Cái chủ yếu là chủ nghĩa sô-vanh *n ư ớ c l ớ n*.
- (26) "Thừa nhận quyền bình đẳng" = sự lảng tránh vấn đề về xây dựng *n h à n ư ớ c*, về *p h â n l ậ p*, về những trường hợp *chiến tranh* để quốc chủ nghĩa.
- (27) Wir treffen den Nagel auf den Kopf *chỉ* do tư thế chúng ta. Chỉ có công thức đó mới *đánh tan và cắt được chủ nghĩa xã hội - sô-vanh* quốc tế.

*IX. So sánh với sự ly hôn<sup>1)</sup>*

- (28) Rô-da Lú-c-xăm-bua nói về sự ly hôn (vs sự tự trị).
- (29) Sự phản đối của Xem-cốp-xki.
- (30) Sự sai trái của sự phản đối ấy.

<sup>1)</sup> Xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 30, tr. 125 - 128.

*X. Trường hợp Vai-lơ*

- (31) Phái xã hội - sô-vanh khai trừ Vai-lơ, sự phản bội những nguyên tắc của chúng.
- (32) Việc tham gia chiến tranh xuất phát từ quan điểm của *chúng ta không phải* là tội lỗi. Còn đối với việc tuyên truyền cổ động trong quân đội thì sao? đối với việc biến chiến tranh thành nội chiến thì sao?
- (33) Sự lựa chọn của dân tộc. (Trong đội quân nào?)

*XI. Thái độ của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa*

- (34) Ở *nước Nga*: chúng tôi (phái dân chủ - lập hiến) tán thành sự bình đẳng, nhưng không bao giờ đứng ra bênh vực quyền phân lập khỏi nhà nước Nga.
- (35) Các-lơ Cau-xky nói về *quyền tự quyết* về chính trị (theo y thì "quyền tự quyết về văn hoá và sự tự trị quá đủ rồi")...

*XII. Kinh nghiệm của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga*

- (36) Cách đặt vấn đề tại đại hội năm 1903.
- (37) Việc P.S.D. rút ra và lại tham gia năm 1906.<sup>168</sup>
- (38) Chưa một lần nào chính thức đòi hỏi huỷ bỏ § 9.<sup>169</sup>
- (39) "Liên minh" giữa phái cơ hội chủ nghĩa với Rô-da năm 1914 (những phần tử thủ tiêu Xem-cốp-xki; Líp-man; I-ua-kê-vích; A-lếch-xin-xki).

*XIII. Tấm gương của Mác và Ăng-ghen*

- (40) Năm 1848 nước Đức vs các dân tộc bị áp bức ("Nachlaß", III, S. 109, 113 und 114)<sup>1)</sup>.
- Năm 1866 Ăng-ghen và *Quốc tế*(Marx) nói về Ba-lan và Đức.
- Năm 1869 Marx nói về *Ai-rơ-len*.

<sup>1)</sup> – ("Di sản", III, tr.109, 113 và 114).

- (41) Quan điểm về lợi ích của **công nhân** thuộc dân tộc **đi áp bức**.

NB

Marx tán thành *Liên bang* với Ai-rơ-len (NB)

*XIV. "Công thức" của "phái tả Xim-méc-van"*

- (42) "**Không** ủng hộ sự thống trị của một dân tộc này đối với dân tộc khác"...

vấn đề: có bao gồm quyền tự do phân lập không?  
Hay là không.  
Không thừa nhận quyền tự do phân lập cũng có nghĩa là "ủng hộ sự thống trị".

Công thức này = "Bước đầu tiên tới sự xích lại gần"...<sup>1)</sup>

Viết trước ngày 15 (28)  
tháng Mười 1915

In lần đầu năm 1937 trong  
Văn tập Lê-nin, t. XXX

Theo đúng bản thảo

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 46 - 54.

## ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI ĐỨC VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT<sup>170</sup>

Đảng dân chủ - xã hội Đức đã từng là một đảng mạnh nhất và có ảnh hưởng nhất trong Quốc tế II. Bởi vậy Đảng dân chủ - xã hội Đức, một mặt, phải chịu trách nhiệm nhiều hơn hết về sự phá sản của Quốc tế II, nhưng mặt khác, tấm gương đảng đó, kinh nghiệm của nó có tầm quan trọng hơn cả đối với việc nghiên cứu những nguyên nhân của sự phá sản đó và đối với việc phân tích các biện pháp, các phương tiện, các con đường đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội là cái đã bóp chết đảng đó.

Cái chủ nghĩa cơ hội đã bóp chết Đảng dân chủ - xã hội Đức, đã biến đảng này thành một đảng công nhân tự do chủ nghĩa - dân tộc, thì nay đã mang hình thức chủ nghĩa xã hội - sô-vanh trong thời kỳ chiến tranh những năm 1914 - 1915.

Viết năm 1915

In lần đầu năm 1937 trong  
Văn tập Lê-nin, t. XXX

Theo đúng bản thảo

## NHỮNG ĐIỂM SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG VÀO LỜI KÊU GỌI "GỬI TẤT CẢ CÁC ĐẢNG VÀ CÁC NHÓM ĐỒNG TÌNH", ĐÃ ĐƯỢC HỘI NGHỊ CỦA ỦY BAN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ MỞ RỘNG THÔNG QUA

*Änderungsvorschläge*<sup>1)</sup>:

1. Cần chỉ ra một cách chính xác hơn và dứt khoát hơn, đầu là ý nghĩa giai cấp chính trị và sự sai lầm về nguyên tắc của sách lược của các "đảng chính thức" và của "Quốc tế II"...

- (a) chủ trương bảo vệ tổ quốc = bảo vệ giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, bảo vệ sự cướp bóc và áp bức của giai cấp đó đối với các dân tộc
- (b) mối quan hệ với chủ nghĩa cơ hội
- (c) sự liên minh với giai cấp tư sản nước mình chống lại giai cấp vô sản quốc tế.

2. Xác định "Bruch des Burgfriedens"<sup>2)</sup>.

Việc không tham gia tất cả các cơ quan trực tiếp hoặc gián tiếp ủng hộ cuộc chiến tranh.

$\alpha\beta$  + Unterjochung der Nationen<sup>3)</sup>.  
Bỏ đoạn cuối nói về "In der Aera" ...<sup>4)</sup>

+ Những lời chào mừng gửi Liép-nếch và Ruy-lê.

<sup>1)</sup> – Những đề nghị về những điều sửa đổi.

<sup>2)</sup> – "Sự sụp đổ của chủ trương hoà bình trong nước".

<sup>3)</sup> – Sự nô dịch các dân tộc.

<sup>4)</sup> – "Suốt cả kỷ nguyên"...



3. Nicht nur "geeignete", sondern illegale Literatur, das heißt *freie*, nicht der Zensur unterordnete<sup>1)</sup>.

g) ohne zu sagen, daß die Niederwerfung dieser Regierung dazu nötig<sup>2)</sup>

+

4. Những cuộc bãi công (kinh tế và chính trị) và những cuộc tuần hành.

5. + bis zur Revolution<sup>3)</sup>.

6. + Không những trích dẫn nghị quyết Hội nghị ở Stút-ga, mà còn trích cả nghị quyết Hội nghị ở Ba-lơ: bản giết là tội ác, Công xã, năm 1905.

Viết khoảng từ 23 đến  
27 tháng Giêng (5 -  
9 tháng Hai) 1916

In lần đầu, theo  
đúng bản thảo

<sup>1)</sup> – Không chỉ có sách báo đã được "thích nghi", mà cả sách báo bất hợp pháp nữa, nghĩa là *tự do*, không chịu sự kiểm duyệt.

<sup>2)</sup> – không nói rằng muốn như vậy thì cần phải lật đổ chính phủ đó

<sup>3)</sup> – cho đến cả cách mạng

## DÀN BÀI BÀI THUYẾT

### 2 Quốc tế

nhắc lại.

1. Chủ đề: không phải là sự đánh giá cuộc chiến tranh (> 1 năm trước đây và đã cũ), mà là (hai) *đường lối cơ bản* trong sự phát triển của phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội.

*A l i a s* <sup>1)</sup>: không phải là sự *đánh giá* cuộc chiến tranh và *n h ữ n g n g u y ê n t ấ c* sách lược, mà là sự đánh giá sự phát triển trong quá trình phát triển của phong trào công nhân.

Bởi vậy điều chủ yếu là: những sự kiện thực tế (với quy mô rộng lớn) của phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội và sự *so sánh* các nước khác nhau.

2. *Mở đầu*. Huysmans ở Arnheim và ở Rốt-téc-đam vs Wijnkoop et *Henriette Roland-Holst* trong tờ "*B e r n e r T a g w a c h t*"<sup>172</sup>.

?+ tham khảo báo "*A v a n t i!*" (12. II. 1916)?<sup>173</sup>

báo "*Vorwärts*"<sup>172)</sup>

<sup>1)</sup> – Hoặc là

<sup>2)</sup> Chữ "*Vorwärts*", V. I. Lê-nin viết bằng bút chì, có lẽ về sau mới viết thêm vào.

## TRÌNH "HAI QUỐC TẾ" 171

### Chủ đề

Có thể nói là lý luận đang được kiểm tra bằng kinh nghiệm của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa quốc tế.

NB:

**Ở BAN TỔ CHỨC CÓ:** (1) trút lên đầu công nhân;  
(2) lãng quên mối quan hệ với phái thủ tiêu.

2a *Etwa*<sup>1)</sup>:

1. Nước Nga: Những người yêu nước (Plê-kha-nốp & đồng bọn) – Ban Tổ chức và Tơ-rốt-xki ("Lời nói của chúng ta")
2. Nước Đức: Đa số – C. Cau-xky & đồng bọn –
3. Nước Pháp: Đa số – Longuet & đồng bọn –
4. Nước Anh: Đa số (Fabian Society, Labour Party, Hyndmann)
5. Nước Ý: Thiếu số (Bít-xô-la-ti) –
6. *Nước Áo*: Đa số (Pernerstorfer)
7. Nước Mỹ: Russel – (Hillquit)
8. Úc: Đa số (đảng cầm quyền)

3. *Nước Nga*. Bầu cử vào các uỷ ban *công nghiệp chiến tranh*.

Cuộc bầu cử *đầu tiên* vào Ban chấp hành trung ương (+ dao động) + *khởi vậ quốc* (La-rin). Sự phẫn nộ của giai cấp tư sản và của chính phủ. Sự tố cáo của Gvô-dơ-đép. Cuộc bầu cử *lần thứ hai*.

Thắng lợi của phái sô-vanh.

"Sự nghiệp của chúng ta" + "Tiếng nói của chúng ta" + "Buổi sáng công nhân" Ban tổ chức

Tơ-rốt-xki và tờ "*Lời nói của chúng ta*" (Đảng đoàn Tơ-khê-ít-dê?) Ban chấp hành trung ương

Sự tiến triển của Mác-tốp: từ chỗ tờ "*Vorwärts*" đã chết" và "chúng ta không tham gia Quốc tế" – *đến* chỗ bệnh vực sự liên minh với tờ "*Sự nghiệp của chúng ta*" (Bô-rê-tơ-ki).

<sup>1)</sup> Chẳng hạn như

– Ban chấp hành trung ương.  
 – thiếu số. "I. S. D."<sup>1)</sup> – (*Rühle*) – Winnig  
 – Bức-đơ-rông & đồng bọn. || Nghị quyết của Bức-đơ-rông || *Những bài của thông tin viên trên tờ "Labour Leader"*<sup>174</sup>  
 – Askew (?)<sup>2)</sup> – "Forward"<sup>175</sup>.  
 "Glasgow Socialist"<sup>177</sup> || NB: "Merthyr"<sup>176</sup> NB  
 { Oóc-nát-xki trong tờ "Lời nói của chúng ta" } (Cắt đứt với Labour Party) { *Những bức thư trên tờ "Labour Leader"* }

Đảng chính thức ở Ý. ("Avanti!" 12. II. 1916)

– Adler – thiếu số. (tin của thông tin viên trong tờ "Berner Tagwacht"<sup>178</sup>)  
 – — — Debs (các bài của Debs<sup>179</sup>) ( "bom và" )  
 ~~~~~ (đô-la" )  
 – ? — — những người xã hội chủ nghĩa.

"... Không phải để vệ quốc, mà là để tổ chức..."

Sự chế giễu của bọn xã hội - sô-vanh đối với Mác-tốp (Bô-rê-tơ-ki trong tờ "Lời nói của chúng ta").

<sup>1)</sup> – "Internationale Sozialisten Deutschlands" – "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức"

<sup>2)</sup> – (Hội Pha-biêng, Công đảng, Hen-đman) – A-xki-u (?)

Có thể đây là "mảnh khoé" tuyệt vời, nhưng ở đây **k h ô n g c ó c h ú t g ì** là *chủ nghĩa xã hội cá.*

Kết luận: có hai đường lối trong phong trào công nhân Nga.  
 Chỉ có hai thôi (còn những cái khác đều tiêu vong).

*Cơ sở giai cấp* của hai đường lối đó:

(α) liên minh với giai cấp tư sản trong nước =

(β) liên minh với giai cấp vô sản quốc tế =

*Tư tưởng* của hai đường lối đó: chủ trương "vệ quốc" ("bảo vệ tổ quốc"); ("phái vệ quốc"); chống lại "việc bảo vệ tổ quốc"...(đối chiếu Tuyên ngôn Xim-méc-van)<sup>1)</sup>

4. *Nước Đức.*

Đấu tranh trong nội bộ đảng đoàn: Liebknecht und

*Rühle*

2 và 20 (tính không triệt để của họ)<sup>182</sup>.

Borchardt và tạp chí "*Lichtstrahlen*"<sup>183</sup>.

*Winnig.*

*Rühle* và sự trả lời của báo "*Vorwärts*" (Phân tích)<sup>184</sup>.

{ (α) Việc phổ biến sách báo bất hợp pháp và tổ chức bất hợp pháp.  
 (β) Giúp đỡ chính phủ. }

5. *Nước Pháp.*

(I) Vaillant trong báo "*L'Humanité*" (những bức thư?)<sup>186</sup>

("bị tai bằng bông thấm máu",

"những nhà lý luận suông" etc. etc.)

<sup>1)</sup> Các điểm 2 và 3 trong bản thảo được xoá đi bằng bút chì.

Xtô-lư-pin

NB:

"Đảng công nhân Kh vô-xtố p"<sup>180</sup>

nhằm củng cố giai cấp tư sản "trong nước" (= *t á n t h à n h*  
= chiến tranh)

= nhằm thực hiện cuộc cách mạng quốc tế vô sản.

┌ "Europa und die Revolution"<sup>181</sup>  
├ +  
└ ở chỗ này chăng?

{ Cuốn sách nhỏ "Fall Liebknecht"<sup>1)</sup> }  
"sự phục hồi"  
"đảng tự do chủ nghĩa dân tộc".

Cuộc biểu tình tuần hành ở Bra-un-svây-gơ<sup>185</sup>.

(Bài công ở Han-nô-vơ.)

tờ truyền đơn của *Sau moneau*<sup>187</sup>.

<sup>1)</sup> – "Vụ án Liép-nếch"

{ (2) Những lời phát biểu của Merrheim tại Xim-méc-van:  
"le parti, le gouvernement et les Jouhaux ne sont que trois  
têtes sous un bonnet"<sup>1)</sup>. }

(3) Bản nghị quyết của Bước-đơ-rông ((phân tích văn bản  
của nghị quyết đó)).

(4) Tin trong báo "*Labour Leader*" **nói về phân liệt**.

6. *Nước Anh*.

Đa số (việc tham gia nội các)  
vệ quốc.

Tạp chí "*The New Statesman*"<sup>188</sup> (và thái độ của nó)  
(Labour Party + Fabian Society).

contra *B. S. P.*, trong đó <sup>3</sup>/<sub>7</sub> là những người quốc  
tế chủ nghĩa

"Glasgow Socialist" ((bản tuyên bố ở Xim-méc-van<sup>189</sup>)).

**Những thư từ trong báo "*Labour Leader*".**

Bài báo nói về *sự phân bố*.

*Merthyr*.

7. *Nước Ý*.

Bít-xô-la-ti – đảng

(Treves và bài phát biểu của y<sup>191</sup>)

{ Ý: Bít-xô-la-ti và đảng công nhân  
*Bun-ga-ri*: te-xni-ác<sup>192</sup> và phái "rộng"  
*Thụy-điển*: Bran-tinh và Hơ-glung  
*Hà-lan*: Tơ-run-xtơ-ra và báo "*Tribune*"<sup>193</sup> }<sup>2)</sup>

8. *Áo*.

*Péc-néc-xtóoc-phơ* trong tạp chí "*Neue Zeit*"<sup>194</sup>

– V. Adler – **những người theo chủ**

<sup>1)</sup> – "đảng, chính phủ và Giu-ô chẳng qua chỉ là ba kẻ cùng một giuộc"

<sup>2)</sup> Điểm 7 trong bản thảo được xoá đi bằng bút chì.

(Brizon & đồng bọn ở Ki-en-tan) <sup>1)</sup>.

*Lloyd George ở Glasgow* và sự trả lời của công nhân

Đảng xã hội chủ nghĩa Anh

(việc Hen-đman bỏ hội nghị ra về <sup>190</sup>)<sup>2)</sup>.

<sup>1)</sup> Đoạn từ chữ ""sự phục hồi"" đến chữ "(Brizon & đồng bọn ở Ki-en-tan)" V.I. Lê-nin viết bằng bút chì, có lẽ về sau mới viết thêm vào.

<sup>2)</sup> Đoạn này V. I. Lê-nin viết bằng bút chì, có lẽ về sau mới viết thêm vào.

### ng h i a q u o c t e ...

{ i d e m: nghị quyết  
V. Át-lơ và "15" <sup>1)</sup>.

9. *Hợp chủng quốc Bắc Mỹ*. ("Chúng tôi sẽ lùi xa và chờ xem"...)

Russel (V. Berger & C<sup>0</sup>) tán thành "preparedness".

"Jingo" Hillquit = nhà ngoại giao <sup>2)</sup>

*Debs* và những bài của y.

10. *Úc*.

Tin của thông tin viên trong báo "**Berner Tagwacht**" <sup>195</sup>.

Bài báo trong báo "New Statesman"

(I. K. <sup>196</sup>)<sup>3)</sup>.

11. *Tổng kết*.

{ { C. Cau-xky trong thư gửi Búc-vô-ết... { { "Không có hai" } }  
{ id. <sup>4)</sup> nhiều lần trong tờ "Neue Zeit". { { trào lưu" } }

Xuyên tạc và đối trá.

C. Cau-xky trong bài báo của Brai-tơ ("hoặc là Quốc tế cũ hoặc là nửa tá").

Hai và chỉ có hai thôi.

Trên toàn thế giới.

"Phái núi" và phái Gi-rông-đanh (Plê-kha-nốp trong báo "Tia lửa", số 2, năm 1901, bài "Trên ngưỡng cửa của thế kỷ XX").

"Những chàng trai có 2 \$" và có "brain"<sup>5)</sup> tư bản chủ nghĩa trong báo "Appeal to Reason".

<sup>1)</sup> Đoạn này V. I. Lê-nin viết bằng bút chì, có lẽ về sau mới viết thêm vào.

<sup>2)</sup> Đoạn trong bản thảo từ chữ ""Jingo"" đến chữ "nhà ngoại giao" đã bị xoá đi bằng bút chì.

<sup>3)</sup> Đoạn từ chữ "Bài báo" đến chữ "(I.K.)" V. I. Lê-nin viết bằng bút chì, có lẽ về sau mới viết thêm vào.

<sup>4)</sup> – idem – như trên

<sup>5)</sup> – đầu óc

**Mánh khoé ngoại giao – sự giả nhân giả nghĩa –  
những sự dao động – sự tự dối mình?**

Thực chất không phải ở lời nói.

|   |                                    |        |   |                     |
|---|------------------------------------|--------|---|---------------------|
| { | Axelrod và Mác-tốp                 | ở Nga  | } | cùng một<br>giuộc } |
|   | C. Cau-xky và Haase                | " Đức  |   |                     |
|   | <i>Longuet et</i>                  | ở Pháp |   |                     |
|   | <i>Pressman</i>                    |        |   |                     |
|   | Hillquit ở Mỹ                      |        |   |                     |
|   | Askew và những người khác<br>ở Anh |        |   |                     |

Σ Σ = Huy-xman <sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> V. I. Lê-nin đã dùng bút chì xoá đi từ chữ "Mánh khoé ngoại giao" đến chữ "Huy-xman".

Không phải là sự che giấu có tính chất ngoại giao ("Vùng  
lầy Xanh Pê-téc-bua" – Vaut mieux dire<sup>1)</sup> của Cau-xky), mà  
là việc giải thích cho quần chúng.

Tính tất yếu của sự phân liệt.

**Cách mạng** [ đối chiếu *L'information* ]<sup>2)</sup>  
+ *Europa und die Revolution*

"Tia lửa", số 2 (1901): Phái núi và phái Gi-rông-đanh.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội

|   |                                                  |
|---|--------------------------------------------------|
| } | Béc -stanh.                                      |
|   | Chủ nghĩa Min-lơ-răng và<br>chủ nghĩa Giô-re-xơ. |
|   | Chính sách công nhân tự do<br>chủ nghĩa ở Anh.   |
|   | Sự phân liệt trong một số<br>nước.               |

Chiến tranh đã đẩy nhanh  
sự phát triển – – của  
sự đổ sụp theo hai phía.  
Quid est Kienthal ?<sup>3)</sup>

Viết khoảng từ ngày 30 tháng  
Giêng đến 4 tháng Hai (từ ngày  
12 đến 17 tháng Hai) 1916

In lần đầu, theo đúng  
bản thảo

<sup>1)</sup> – Nói ra thì hơn.

<sup>2)</sup> – V.I. Lê-nin đã dùng bút chì xoá đi từ chữ "Những chàng trai" đến chữ "Revolution".

<sup>3)</sup> – Ki-en-tan là cái gì? Đoạn văn từ chữ ""Tia lửa", số 2" đến hết, có lẽ là về sau này V. I. Lê-nin mới viết bằng bút chì.

**NHẬN XÉT VỀ ĐỀ CƯƠNG  
"CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT"**

Có một sự giống nhau nào đó giữa việc loài người sẽ phải đi như thế nào tới chỗ xoá bỏ các giai cấp với việc loài người sẽ phải đi như thế nào tới chỗ hợp nhất các dân tộc tiếp sau đó. Cụ thể là: chỉ có giai đoạn chuyên chính của giai cấp bị áp bức, một giai đoạn quá độ mới dẫn tới việc xoá bỏ các giai cấp. Chỉ có việc giải phóng các dân tộc bị áp bức, thật sự thủ tiêu sự áp bức dân tộc mới dẫn tới sự hợp nhất các dân tộc, và tiêu chuẩn của thực tiễn đó về mặt chính trị là quyền tự do phân lập. Quyền tự do phân lập là phương tiện *chính trị* duy nhất và tốt nhất để chống lại cái phương pháp ngu xuẩn là lập ra các nhà nước nhỏ và biệt lập dân tộc mà thật may mắn cho loài người là sự biệt lập dân tộc đó đã bị toàn bộ quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản phá vỡ không gì cưỡng lại được.

*Viết vào tháng Giêng -  
tháng Hai 1916*

*In lần đầu năm 1937 trong  
Văn tập Lê-nin, t. XXX*

*Theo đúng bản thảo  
Dịch từ tiếng Đức*

**BẢN TRÌNH BÀY  
ĐẦU TIÊN ĐỀ ÁN  
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ  
HỘI NGA TẠI HỘI NGHỊ XÃ  
HỘI CHỦ NGHĨA LẦN THỨ HAI**

Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai do I. S. K. Triệu tập (tại Béc-nơ)<sup>1)</sup>

(đề cương về những điểm 5, 6, 7a và 7b và 8 trong  
chương trình nghị sự)

Khi tuyên bố triệu tập Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai, I. S. K. đã công bố những điểm hết sức quan trọng sau đây trong chương trình nghị sự.

- |                                          |    |
|------------------------------------------|----|
| 5. "đấu tranh nhằm chấm dứt chiến tranh" |    |
| 6. "những vấn đề hoà bình"               |    |
| 7a. "hành động" ở nghị trường            | }  |
| 7b. " " của quần chúng                   |    |
| 8. Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa.         | }} |
- "cổ động và  
tuyên truyền"

I. S. K. đề nghị các tổ chức tham gia thảo luận các vấn đề đó và gửi về uỷ ban đề án của họ. Đây là bản phúc đáp của Ban chấp hành trung ương đảng chúng tôi về lời đề nghị đó:

I. Cũng như mọi cuộc chiến tranh chỉ là sự tiếp tục bằng bạo lực cái chính sách mà các cường quốc tham chiến

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 362 - 376.

và các giai cấp thống trị trong các nước đó đã thi hành từ nhiều năm, từ hàng chục năm rông, trước khi nổ ra chiến tranh, nên hoà bình kết thúc mọi cuộc chiến tranh cũng chỉ có thể là một sự kết toán và ghi lại những thay đổi thực tế về lực lượng đã đạt được do kết quả của cuộc chiến tranh đó.

2. Bởi vậy mọi sự bàn luận về việc đánh giá cuộc chiến tranh này trên cơ sở những khái niệm "giản đơn" về tự vệ và tấn công và về việc đánh giá nền hoà bình tương lai trên cơ sở những ước nguyện mê tín "giản đơn" về một nền hoà bình bền vững, dân chủ, trong danh dự v.v., xét về mặt lý luận, về mặt học thuyết về chủ nghĩa xã hội cũng đều là điều vô cùng phi lý và ngu xuẩn, và xét về mặt thực tiễn là một sự lừa dối vô cùng lớn đối với giai cấp công nhân.

3. Cuộc chiến tranh hiện nay là một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, nghĩa là một cuộc chiến tranh sinh ra bởi những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao, độc quyền, và đã chín muồi để chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Cuộc chiến tranh này được tiến hành là để giành quyền bá chủ thế giới, nghĩa là để thiết lập sự áp bức mới đối với các dân tộc nhỏ yếu, để phân chia lại thế giới, phân chia các thuộc địa, phạm vi ảnh hưởng v.v. – một sự phân chia mà nếu thực hiện được thì các cường quốc ăn cướp già là Anh, Pháp, Nga phải nhượng một phần của cướp được của mình cho một cường quốc ăn cướp còn trẻ và mạnh hơn, là nước Đức.

4. Vì vậy, nếu cuộc cách mạng của giai cấp vô sản không đánh đổ được những chính phủ hiện nay và các giai cấp thống trị hiện nay của những "đại" cường quốc đang tham chiến, thì *t u y ệ t đ ối i không thể nào có được* một nền hoà bình *n à o k h á c*, ngoài sự ngừng bắn tương đối ngắn ngủi giữa các cường quốc đế quốc chủ nghĩa, một nền hoà bình đối với *sự tăng cường* thế lực phản

động trong các nước, *sự tăng cường* áp bức dân tộc và nô dịch các dân tộc nhỏ yếu, *sự tăng thêm* chất cháy chuẩn bị cho những cuộc chiến tranh mới v. v. và v. v.. Bởi vì nội dung khách quan của cái chính sách do toàn bộ thời đại chủ nghĩa đế quốc đẻ ra và được giai cấp tư sản ở *tất cả* các "đại" cường quốc tham chiến thi hành trước cuộc chiến tranh *này* cũng như *trong thời gian chiến tranh*, tất yếu đẻ ra nền hoà bình trên cơ sở sự áp bức mới vô cùng tồi tệ đối với các dân tộc v. v..

5. Khởi dậy trong quần chúng nhân dân những suy nghĩ hoặc hy vọng về khả năng có một nền hoà bình bền vững hoặc dân chủ v. v. giữa những chính phủ hiện nay và những giai cấp thống trị hiện nay (nghĩa là giai cấp tư sản liên minh với bọn địa chủ), như đa số các đảng xã hội chủ nghĩa chính thức đang làm, như vậy có nghĩa là chẳng những lừa dối nhân dân một cách vô liêm sỉ, mà còn ru ngủ họ, làm cho họ xao lãng cuộc đấu tranh cách mạng mà trên thực tế cuộc đấu tranh này đã bắt đầu dưới hình thức phong trào bãi công và biểu tình.

6. "Cương lĩnh hoà bình", cái cương lĩnh mà giờ đây kể cả Huy-xman, – đại diện chính thức của Quốc tế II tại đại hội Sozialdemokratische Arbeiter Partei của Hà-lan họp tại Arnhem lẫn Cau-xky, nhà lý luận có ảnh hưởng lớn nhất của Quốc tế II, người bảo vệ có uy tín nhất cho phái xã hội - ái quốc và phái xã hội - sô-vanh ở tất cả các nước, "nhất trí" đưa ra – chính là cái có tính chất như vậy, nghĩa là tính chất lừa dối nhân dân làm cho giai cấp vô sản xao lãng cuộc đấu tranh cách mạng. Cương lĩnh của chúng là thừa nhận trên đầu lưỡi và giả nhân giả nghĩa một vài ý nguyện có tính chất dân chủ như: bác bỏ những sự thôn tính và bồi thường chiến tranh, thừa nhận quyền dân tộc tự quyết, dân chủ hoá chính sách đối ngoại, lập toà án trọng tài để phân xử những sự xung đột giữa



các nước, giải trừ quân bị, lập Liên bang châu Âu v. v. và v. v..

7. Điều khẳng định hết sức rõ ràng rằng cái "cương lĩnh hoà bình" đó là hoàn toàn giả nhân giả nghĩa, là: một mặt, hàng loạt phần tử hoà bình chủ nghĩa tư sản và các bộ trưởng mị dân thuộc các nước đang tham chiến thừa nhận trên đầu lưỡi "bản cương lĩnh hoà bình", mặt khác, bọn sô-vanh nổi tiếng (notorisch) lập lại cương lĩnh đó tại các cuộc hội nghị của những "người xã hội chủ nghĩa" thuộc một nhóm các cường quốc đang tham chiến này họp ở Luân-đôn (II. 1915) và nhóm khác họp ở Viên (IV. 1915). Chính những "người xã hội chủ nghĩa" tham gia những nội các tư sản đang tiến hành cuộc chiến tranh ăn cướp, đã biểu quyết thông qua ngân sách quân sự, đã giúp cho cuộc chiến tranh bằng cách tham gia các tổ chức và cơ quan khác nhau v. v. chính là họ, những kẻ *trên thực tế* đang thi hành chính sách bảo vệ những sự thôn tính cũ và mới, sự áp bức thuộc địa v. v., lại công bố trước toàn thế giới cái "cương lĩnh hoà bình" của mình, cái cương lĩnh bác bỏ những sự thôn tính v. v..

8. Nếu Cau-xky, người có uy tín lớn nhất của Quốc tế II đã tuyên bố trước toàn thế giới vào ngày 21 tháng Năm 1915 (báo "Neue Zeit") rằng sự đồng tâm nhất trí và sự "nhất trí" này của những "người xã hội chủ nghĩa" họp ở Luân-đôn <sup>1)</sup> và ở Viên về nguyên tắc "độc lập" hay quyền dân tộc tự quyết chứng tỏ "sự nhất trí" và "sức sống" của Quốc tế II trong "cương lĩnh hoà bình", thì sự bênh vực và tán thành sự giả nhân giả nghĩa và sự lừa dối công nhân bỉ ổi nhất, trơ tráo nhất quyết không phải là một sự ngẫu nhiên, mà là một chính sách có hệ thống, một chính sách mà ở một loạt nước đang được thi hành bởi những kẻ trên đầu lưỡi tự nhận là "những người quốc tế chủ nghĩa", nhưng

<sup>1)</sup> Trong bản thảo viết nhầm là: "ở Cô-pen-ha-gơ".

trong thực tế lại tô điểm cho cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa bằng cách gán cho nó cái tư tưởng "bảo vệ tổ quốc" và củng cố sự thống trị của bọn xã hội - sô-vanh - những kẻ đã phản bội chủ nghĩa xã hội - đối với phong trào công nhân bằng cách tuyên truyền cho "sự thống nhất" với bọn chúng. Kê thi hành chính sách đó, một chính sách có hại và nguy hiểm hơn cả đối với giai cấp công nhân, là Cau-xky, Ha-dơ và những kẻ khác ở Đức, là Lông-ghe, Prét-xơ-man và những kẻ khác ở Pháp, là đa số lãnh tụ ở Anh, là Ác-xen-rốt, Mác-tốp và Tơ-khê-ít-dê cùng đồng bọn ở Nga, là Tơ-rê-ve-xơ và những kẻ khác ở Ý (xem lời đe dọa của báo "*Avanti!*", cơ quan ngôn luận trung ương của đảng Ý ngày 5. III. 1916 dọa vạch mặt Tơ-rê-ve-xơ và những phần tử "cải lương thuộc phái khả năng" khác là "đã do mọi thủ đoạn hòng ngăn cản hoạt động của ban lãnh đạo của đảng và của Ô-đi-nô Moóc-ga-ri nhằm đi tới Liên hiệp Xim-méc-van và nhằm đi tới Quốc tế mới nhất"). Có thể đặt cho cái chính sách toàn thế giới đó - một chính sách nguy hiểm hơn cả cho giai cấp công nhân - cái tên là chính sách của *phái Cau-xky*, theo tên của kẻ đại diện có uy tín nhất cho chính sách đó.

9. Những người xã hội chủ nghĩa không thể khước từ cuộc đấu tranh để thực hiện những cải cách. Cùng với những việc làm khác, ngay trong nghị viện họ phải biểu quyết tán thành những sự cải thiện tình cảnh của quần chúng, dù những sự cải thiện đó không đáng là bao, chẳng hạn như, tán thành tăng thêm trợ cấp cho dân cư những vùng bị tàn phá, tán thành giảm nhẹ ách thống trị dân tộc v. v.. Nhưng rõ ràng rằng trên cơ sở cuộc chiến tranh này và nền hoà bình xuất phát từ *cuộc chiến tranh đó*, hoạt động có tính chất cải lương như vậy nhằm cải thiện tình cảnh của quần chúng chỉ có thể thực hiện được trong khuôn khổ vô cùng nhỏ bé mà thôi. Thật là một sự lừa dối bỉ ổi đối với quần chúng nếu gieo rắc cho họ, một cách trực tiếp hay

gián tiếp, ý nghĩ là có khả năng giải quyết bằng con đường cải lương những vấn đề do cuộc chiến tranh *này* đặt ra. Bởi vì cuộc chiến tranh *đó* đã tạo ra tình thế cách mạng ở châu Âu, khi nó đưa những vấn đề *căn bản nhất* của chủ nghĩa đế quốc lên thành những vấn đề cấp bách, những vấn đề này không thể nào giải quyết được theo kiểu đế quốc chủ nghĩa, trừ trường hợp lật đổ bằng cách mạng những chính phủ hiện nay và các giai cấp thống trị ở châu Âu. Bởi vậy nhiệm vụ chủ yếu và cơ bản của những người xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh cho một nền hoà bình bền vững và dân chủ phải là: thứ nhất, giải thích cho quần chúng thấy rõ tính chất tất yếu của *cuộc đấu tranh cách mạng có tính chất quần chúng*, tuyên truyền có hệ thống cho cuộc đấu tranh *đó* và xây dựng tổ chức thích hợp; thứ hai, vạch trần *sự giả nhân giả nghĩa* và *sự dối trá* trong những lời hoa mỹ của bọn hoà bình chủ nghĩa tư sản cũng như của những người xã hội chủ nghĩa, nhất là của phái Cau-xky nói về hoà bình và sự "nhất trí" của Quốc tế II trong vấn đề "cương lĩnh hoà bình". Những lời hoa mỹ như thế của "những người xã hội chủ nghĩa" theo đuổi giai cấp tư sản mà phủ nhận khả năng biến cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa này thành nội chiến giành chủ nghĩa xã hội và chống lại bất cứ hoạt động cách mạng nào theo hướng ấy, lại càng giả nhân giả nghĩa gấp bội.

10. Điểm trung tâm của sự giả nhân giả nghĩa đang thống trị hiện nay chung quanh "cương lĩnh hoà bình" là việc tựa hồ như nhất trí thừa nhận cuộc đấu tranh chống những *sự t h ô n t í n h c ù* và *mối*. Nhưng đại bộ phận những kẻ nói đến những cuộc thôn tính và nói đến cuộc đấu tranh chống lại sự thôn tính, không biết hay không muốn suy nghĩ xem *thế nào là sự thôn tính*. Rõ ràng rằng không thể gọi bất cứ sự sáp nhập lãnh thổ "ngoài" nào là thôn tính, bởi vì những người xã hội chủ nghĩa nói chung, đồng tình với

việc xoá bỏ biên giới giữa các dân tộc, với sự xích lại gần nhau và sự hợp nhất giữa các dân tộc, với việc thành lập những nhà nước lớn hơn. Rõ ràng rằng không thể coi đều mọi sự vi phạm status quo là sự thôn tính được: nếu coi như vậy là hết sức phản động và là sự chế giễu những khái niệm cơ bản nhất của khoa học lịch sử. Rõ ràng rằng không thể coi bất kỳ sự sáp nhập nào có tính chất cưỡng bức, bằng quân sự là sự thôn tính, bởi vì những người xã hội chủ nghĩa không thể phản đối bạo lực, nếu bạo lực *đó* được áp dụng vì lợi ích của quần chúng nhân dân và vì lợi ích của sự tiến bộ của loài người. Rõ ràng rằng chỉ có thể và chỉ được coi là thôn tính việc sáp nhập lãnh thổ *trái với ý chí* của dân chúng nơi *đó*. Nói một cách khác, khái niệm thôn tính gắn chặt với khái niệm *quyền tự quyết của các dân tộc*.

II. Chính trên cơ sở cuộc chiến tranh *này*, vì xét về phía *cá hai* nhóm "đại" cường quốc tham chiến, cuộc chiến tranh *đó* là một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa nên tất phải xuất hiện và đã xuất hiện một hiện tượng là giai cấp tư sản và bọn xã hội -sô-vanh đang tăng cường "*đấu tranh*" chống lại những "sự thôn tính", *nếu như* những sự thôn tính *đó* do một nước *thù địch* đã thực hiện hoặc đang thực hiện. Duy-đơ-cum và những bạn bè và những kẻ bệnh vực y ở Áo và ở Đức, cho đến cả Ha-dơ và Cau-xky đều lờ đi không nói đến sự thôn tính do nước Đức tiến hành đối với vùng An-da-xơ - Lo-ren, đối với nước Đan-mạch, Ba-lan, v. v., nhưng lại rất thường hay "đấu tranh chống lại những sự thôn tính" do nước Nga tiến hành đối với Phần-lan, Ba-lan, U-cra-i-na, Cáp-ca-dơ, v. v., do nước Anh tiến hành đối với Ấn-độ, v. v.. Mặt khác, bọn Duy-đơ-cum ở Anh, Pháp, Ý và Nga, nghĩa là Hen-đman, Ghe-đơ, Van-đéc-ven-đơ, Rơ-nô-đen, Tô-rê-ve-xơ, Plê-kha-nốp, Ác-xen-rốt, Tơ-khê-ít-dê và đồng bọn đều lờ đi không nói đến những sự thôn tính của Anh đối với Ấn độ, của Pháp đối với Ni-xơ hay

Ma-rốc, của Ý đối với Tơ-ri-pô-li hay An-ba-ni, của Nga đối với Ba-lan, U-cra-i-na v.v., nhưng trái lại *đạ i b ô p h ậ n* là "đấu tranh chống những sự thôn tính" do Đức tiến hành.

Rõ ràng rằng "cuộc đấu tranh chống thôn tính" như vậy của phái xã hội - sô-vanh và phái Cau-xky, có tính chất hoàn toàn giả nhân giả nghĩa, và cuộc đấu tranh như vậy được giai cấp tư sản giúp đỡ trực tiếp, bằng cách chi hàng triệu đồng cho hoạt động tuyên truyền sô-vanh, cũng như gián tiếp, bằng cách chỉ dành cho bọn xã hội - sô-vanh và phái Cau-xky sự độc quyền hoạt động hợp pháp.

Rõ ràng rằng cả "những người xã hội chủ nghĩa" Pháp – những người đang biện hộ cho cuộc chiến tranh để chiếm xứ An-da-xo - Lo-ren lẫn những người xã hội chủ nghĩa Đức – những người không hề đòi cho xứ An-da-xo - Lo-ren được quyền tự do tách khỏi nước Đức, – đều là những kẻ theo chủ nghĩa thôn tính, dù cho họ có thể thốt ngược lại đến đâu đi nữa thì cũng thế thôi. Rõ ràng rằng "những người xã hội chủ nghĩa" Nga đang phát biểu hay viết bài chống lại "sự sụp đổ của nước Nga" hoặc hiện nay đang biện hộ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, cho cuộc chiến tranh để xem ai sẽ nô dịch được Ba-lan, vì khẩu hiệu "hoà bình không có thôn tính", họ cũng đều là những kẻ theo chủ nghĩa thôn tính như thế cả v. v., v. v..

12. Để khỏi biến "cuộc đấu tranh chống thôn tính" thành câu nói suông hay thành sự giả nhân giả nghĩa ghê tởm, những người xã hội chủ nghĩa cần phải: *t h ứ n h ấ t*, giải thích cho quần chúng thấy rõ sự cần thiết phải tiến hành đấu tranh cách mạng để giành lấy chính quyền về tay giai cấp vô sản và thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, một cuộc cách mạng nảy sinh từ tất cả những điều kiện của thời đại đế quốc chủ nghĩa và của cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa hiện nay, cuộc cách mạng mà chỉ duy có nó mới có khả năng bảo đảm một cách vững chắc và khắp

mọi nơi, sự tự quyết của các dân tộc, nghĩa là giải phóng các dân tộc bị áp bức và thực hiện sự xích lại gần nhau và hợp nhất các dân tộc không phải trên cơ sở bạo lực, mà trên cơ sở bình đẳng và sự nhất trí của giai cấp vô sản và quần chúng lao động thuộc mọi dân tộc; – *h a i l à*, cần phải nhanh chóng xúc tiến công tác tuyên truyền và cổ động sâu rộng nhất chống lại chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa thôn tính dẫu mặt của các đảng xã hội chủ nghĩa chính thức, đặc biệt là trong các cường quốc "lớn". Những người xã hội chủ nghĩa phải giải thích cho quần chúng hiểu rõ rằng người xã hội chủ nghĩa nào ở Anh mà không đấu tranh ngay bây giờ cho quyền tự do phân lập của Ai-rơ-len, Ấn độ v. v., rằng người xã hội chủ nghĩa nào ở Pháp mà không đấu tranh cho tự do của các thuộc địa của Pháp, đấu tranh chống cuộc chiến tranh nhằm sáp nhập An-da-xơ và Lo-ren v. v., – rằng người xã hội chủ nghĩa nào ở Đức không đấu tranh cho quyền tự do phân lập của An-da-xơ - Lo-ren, của người Đan-mạch, người Ba-lan, người Bỉ, người Xéc-bi-a v. v., – rằng người xã hội chủ nghĩa nào ở Nga không đấu tranh cho quyền tự do phân lập của U-cra-i-na, của Phần-lan v. v., chống cuộc chiến tranh nhằm chiếm Ba-lan, – rằng người xã hội chủ nghĩa nào ở Ý không đấu tranh cho quyền tự do phân lập của Tơ-ri-pô-li, An-ba-ni v. v., – rằng người xã hội chủ nghĩa nào ở Hà-lan không đấu tranh cho quyền tự do phân lập và nền độc lập của Nam-dương, – rằng người xã hội chủ nghĩa nào ở Ba-lan không đấu tranh cho quyền tự do hoàn toàn và quyền bình đẳng cho những người Do-thái và người U-cra-i-na bị người Ba-lan áp bức v. v., – thì đều là những người xã hội chủ nghĩa và quốc tế chủ nghĩa trên đầu lưỡi, còn trong thực tế lại là những kẻ sô-vanh và kẻ theo chủ nghĩa thôn tính.

13. Từ Tuyên ngôn Xim-méc-van và từ thông tri của I. S. K. ngày 10. II. 1916 (Bản tin số 3) tất nhiên phải

suy ra rằng bất kỳ cuộc "chiến tranh chống chiến tranh" nào và bất kỳ cuộc "đấu tranh cho hoà bình" nào cũng đều là *sự giả nhân giả nghĩa* cả, nếu nó không gắn chặt với *cuộc đấu tranh cách mạng* ngay tức khắc của quần chúng, với sự tuyên truyền và sự chuẩn bị cho cuộc đấu tranh như vậy. Nhưng kết luận này cần được trình bày một cách công khai và dứt khoát. Trước tiên, phải giải thích cho quần chúng rõ sự phát triển của cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng trong hoàn cảnh cuộc chiến tranh châu Âu có thể và *ắt phải* (muß) dẫn đến đâu. Sự phát triển đó tất yếu dẫn đến việc biến cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến giành chủ nghĩa xã hội. Tất cả những bài diễn văn nói rằng công nhân thà hy sinh cho sự nghiệp của mình, còn hơn, chứ không hy sinh cho sự nghiệp của người khác, đều *ám chỉ* điều đó. Nhưng chỉ có ám chỉ thôi thì chưa đủ. Cần phải đặt ra một cách rõ ràng trước quần chúng mục tiêu vĩ đại, mặc dù, có thể là, chưa phải là mục tiêu trước mắt. Cần phải biết đi tới đâu và để làm gì. Hai là, nếu chúng ta kêu gọi quần chúng đấu tranh chống chính phủ của họ "không kể đến tình hình quân sự của nước đó như thế nào", thì bằng cách đó không những chúng ta bác bỏ trên nguyên tắc khả năng cho phép "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh này, mà còn thừa nhận *điều nên làm* là làm cho mọi chính phủ *tư sản* thất bại để biến sự thất bại đó thành cách mạng. Và cũng cần nói thẳng ra cả điều này nữa: cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng không thể trở thành cuộc đấu tranh có tính chất quốc tế được nếu những đại biểu giác ngộ của cuộc đấu tranh đó không đoàn kết một cách thẳng thắn với nhau để làm thất bại và đánh đổ *tất cả* các chính phủ tư sản. Ba là, – và đây là điều chủ yếu nhất – *không thể* tiến hành được cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, nếu chưa thành lập được ở khắp mọi nơi, chứ không riêng gì ở cấp trên, mà cả trong quần chúng, một tổ chức bất hợp pháp để tuyên

truyền vận động, chuẩn bị, thảo luận tiến trình và những điều kiện của cuộc đấu tranh. Nếu ở Đức đã có những cuộc tuần hành ngoài đường phố, nếu ở Pháp đã có hàng loạt bức thư từ mặt trận gửi về kêu gọi *đừng* mua công trái chiến tranh, nếu như ở Anh, chứ chưa nói đến nước Nga, đã có những cuộc bãi công quần chúng, thì để giúp đỡ cho cuộc đấu tranh này, để đoàn kết quốc tế với cuộc đấu tranh đó, điều tuyệt đối cần thiết là phải làm sáng tỏ qua sách báo *tự do, nghĩa là* sách báo *bất hợp pháp, từng* bước tiến trên con đường đó, phải kiểm tra những thắng lợi, cân nhắc những điều kiện thắng lợi, đoàn kết và phát triển cuộc đấu tranh. Không có tổ chức bất hợp pháp và không có báo chí bất hợp pháp thì việc thừa nhận "hoạt động quần chúng" sẽ còn là (như việc này đang diễn ra ở Thụy-sĩ) lời sáo rỗng mà thôi<sup>1)</sup>.

14. Về vấn đề đấu tranh (Aktion) nghị trường của những người xã hội chủ nghĩa, không nên quên rằng nghị quyết Hội nghị Xim-méc-van không những biểu lộ sự đồng tình với năm nghị sĩ dân chủ - xã hội thuộc đảng ta trong Đu-ma nhà nước và đã bị kết án đầy đi Xi-bi-ri, mà còn *đồng tình* với sách lược của họ nữa. Không thể thừa nhận cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng mà đồng thời lại tán thành chủ trương những người xã hội chủ nghĩa *hoàn toàn chỉ* hoạt động hợp pháp, *hoàn toàn chỉ* hoạt động cải lương trong các nghị trường được; điều đó chỉ dẫn tới sự bất bình chính đáng của công nhân và dẫn tới chỗ làm cho họ rời bỏ Đảng dân chủ - xã hội để đi theo chủ nghĩa vô chính phủ chống nghị viện hoặc theo chủ nghĩa công đoàn. Cần phải lớn tiếng tuyên bố một cách rõ ràng rằng những nghị sĩ dân chủ - xã hội phải lợi dụng địa vị của mình *chẳng những* để phát biểu trong các nghị viện, mà còn để hỗ trợ về mọi mặt, *ngoài nghị viện*, cho tổ chức bí mật và cho cuộc đấu

<sup>1)</sup> Các điểm 12 và 13 trong bản thảo đã được xoá đi.

tranh cách mạng của công nhân, rằng *quần chúng* tự mình phải thông qua tổ chức bất hợp pháp của mình để *kiểm tra* hoạt động đó của những lãnh tụ của mình.

15. Vấn đề triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã được đặt ra trong chương trình nghị sự của Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai đang được triệu tập, tất phải làm nảy sinh một vấn đề cơ bản hơn và có tính chất nguyên tắc hơn, đó là vấn đề: liệu có thể thực hiện được sự thống nhất các đảng cũ và Quốc tế II không? Những sự đồng tình với Liên hiệp Xim-méc-van càng phát triển sâu rộng trong quần chúng bao nhiêu thì điều càng trở nên không thể hiểu được đối với quần chúng và càng có hại hơn cho sự phát triển cuộc đấu tranh của họ là tính không triệt để và thái độ nhút nhát trong các lập trường mà về thực chất coi các đảng cũ và Quốc tế II giống như chính sách tư sản trong phong trào công nhân (xem Tuyên ngôn Xim-méc-van và bản thông tri của I. S. K. ngày 10. II. 1916), và mặt khác, lập trường đó lại sợ sự phân liệt với các đảng cũ và Quốc tế II và hứa giải thể I. S. K. ngay khi Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cũ vừa nhóm họp.

Lời hứa hẹn đó *đã không hề* được biểu quyết và không được thảo luận ngay cả ở Xim-méc-van.

Nửa năm sau Hội nghị Xim-méc-van người ta càng thấy rõ ràng hơn rằng phân liệt là điều không tránh khỏi, rằng không nên tiến hành – trong sự thống nhất với các đảng cũ – hoạt động do Tuyên ngôn Xim-méc-van đề xướng, rằng tâm lý lo sợ phân liệt đang làm kìm hãm mọi bước tiến trên con đường đó. Ở Đức chẳng những nhóm I. S. D. lên án tâm lý lo sợ phân liệt và công khai chống lại sự giả nhân giả nghĩa của những kẻ tuyên truyền cho sự thống nhất, mà cả Otto Rühle, *một thành viên của Reichstags - fraktion* <sup>1)</sup>, người đồng chí thân cận của C. Liép-néch

<sup>1)</sup> – đảng đoàn Quốc hội Đức

cũng công khai lên tiếng tán thành phân liệt. Và để chống lại Ruy-lê, báo "Vorwärts" không hề đưa ra được một lý lẽ nghiêm túc, một lý lẽ trung thực nào cả. Ở Pháp, Bức-đơ-rông, đảng viên đảng xã hội chủ nghĩa, trên lời nói thì chống lại phân liệt, còn trong thực tế lại đề nghị với hội nghị một nghị quyết công khai không thừa nhận "désapprouve C. A. P. (Comité Administratif Permanent = Ban chấp hành trung ương đảng) và G. P." (Groupe Parlementaire = đảng đoàn nghị viện). Rõ ràng rằng nếu thông qua nghị quyết này có nghĩa là đảng phân liệt ngay tức khắc và không tránh khỏi. Ở Anh, ngay cả trên những trang của tờ "Labour Leader", một tờ báo ôn hoà, T. Russel Williams đã nhiều lần công khai chủ trương rằng phân liệt là không thể tránh khỏi và ông được nhiều đảng viên của đảng ủng hộ. Ở Mỹ, trong tình hình có sự thống nhất hình thức của đảng xã hội chủ nghĩa, một số đảng viên của đảng lên tiếng ủng hộ chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh (cái gọi là preparedness<sup>1)</sup>) một số khác, trong đó có E. Debs, nguyên ứng cử viên của đảng xã hội chủ nghĩa ra tranh cử tổng thống, công khai tuyên truyền cho nội chiến để giành chủ nghĩa xã hội *nhân lúc* có cuộc chiến tranh đang đe dọa bùng nổ.

Trên toàn thế giới, thực tế đã có sự phân liệt rồi, và nhắm mắt trước việc đó thì chỉ làm hại phái Xim-méc-van thôi, làm cho phái đó trở thành trò cười trước mắt quần chúng, những người biết rõ rằng mỗi bước đi trong *hoạt động của họ* theo tinh thần Xim-méc-van có nghĩa là tiếp tục và khơi sâu thêm sự phân liệt.

Cần phải có dũng khí để thẳng thắn thừa nhận cái điều không thể tránh khỏi và điều đã xảy ra, để từ bỏ những ảo tưởng có hại về việc có khả năng thống nhất với phái "bảo

<sup>1)</sup> – sự sẵn sàng

vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh này, để giúp đỡ quần chúng thoát khỏi ảnh hưởng của những lãnh tụ đang "đẫn quần chúng vào chỗ đường lâm lạc" (xem thông tri của I. S. K. ngày 10. II. 1916) hoặc đang chuẩn bị "âm mưu" (Pakt) chống chủ nghĩa xã hội bằng sự "ân xá".

Đó là bản đề án của chúng tôi chung quanh vấn đề chương trình nghị sự về triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa họp ở La-hay.

\* \*  
\*

Những câu nói văn hoa của phái cải lương là thủ đoạn chủ yếu để lừa dối nhân dân trong thời kỳ mà tình hình khách quan đã đưa cuộc khủng hoảng lớn nhất trên toàn thế giới lên thành một vấn đề trước mắt có ý nghĩa lịch sử; không kể là ý chí của các đảng như thế nào, cuộc khủng hoảng này chỉ có thể hoặc được đẩy lùi và trì hoãn cho tới khi nổ ra cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa sau, hoặc được giải quyết bằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Không phải là sự ngẫu nhiên, cũng không phải là ý muốn độc ác của một số chính phủ hay của bọn tư bản của một nước riêng rẽ, mà là toàn bộ quá trình phát triển của quan hệ tư sản đã dẫn tới chủ nghĩa đế quốc và dẫn tới cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa này. Cũng giống như vậy, không phải sự ngẫu nhiên cũng không phải kết quả của sự mị dân hay sự cổ động nào đó, mà là những điều kiện khách quan của cuộc khủng hoảng do chiến tranh tạo nên và của việc các mâu thuẫn giai cấp trở nên sâu sắc, hiện nay đang làm xuất hiện trong hàng loạt nước tham chiến những cuộc bãi công, biểu tình và những biểu hiện khác của cuộc đấu tranh cách mạng có tính chất quần chúng.

Vấn đề được đặt ra một cách khách quan như thế này và

chỉ như thế này thôi: giúp đỡ hay không giúp đỡ cho sự bất bình và phong trào quần chúng đó, – cái sự bất bình và phong trào quần chúng tuy hiện nay còn yếu ớt, nhưng bên trong thì hùng mạnh, sâu sắc và có khả năng phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. *Hay là* thi hành chính sách giúp đỡ các chính phủ tư sản (Durchhaltspolitik, po - litique jusqu'aboutiste)<sup>1)</sup>. Ý nghĩa hiện thực của những lời đường mật về một nền hoà bình dân chủ hoàn toàn chỉ là ở chỗ *giúp đỡ* các chính phủ bằng lối loè bịp giả nhân giả nghĩa và mê hoặc quần chúng.

\* \*  
\*

Cuộc chiến tranh này đã đưa những vấn đề căn bản của chủ nghĩa đế quốc, nghĩa là những vấn đề về chính bản thân sự tồn tại của xã hội tư bản chủ nghĩa lên thành những vấn đề trước mắt, và quả thật là bịp bợm nếu gieo rắc cho nhân dân, trực tiếp hay gián tiếp, tư tưởng cho rằng có thể giải quyết được những vấn đề đó bằng con đường cải lương. Bởi vì, vấn đề đặt ra ở đây là sự phân chia lại thế giới phù hợp với so sánh lực lượng mới giữa các nước tư bản chủ nghĩa, những nước này trong mấy chục năm gần đây đã phát triển không những cực kỳ nhanh chóng, mà còn – điều này đặc biệt quan trọng – phát triển cực kỳ không đều. Trên cơ sở những quan hệ xã hội tư bản chủ nghĩa, sự phân chia lại thế giới lần này không thể nào diễn ra theo cách nào khác, ngoài con đường chiến tranh và bạo lực. Tình thế khách quan loại trừ cách giải quyết những mâu thuẫn đã chín muồi theo lối cải lương, loại trừ bất cứ lối thoát nào khác ngoài một loạt cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa hay cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản, cuộc cách mạng mà chính thời đại này của chủ

<sup>1)</sup> – (chính sách tiếp tục cuộc chiến tranh đến thắng lợi cuối cùng)

nghĩa đế quốc đã tạo ra những điều kiện để giành thắng lợi cho nó. Hoạt động chính trị thực tế trong những điều kiện đó chỉ có thể là một trong hai: hoặc là giúp đỡ giai cấp tư sản dân tộc "mình" cướp bóc các nước khác, hoặc là giúp đỡ... vừa bắt đầu...<sup>1)</sup>

*Viết cuối tháng Hai -  
tháng Ba 1916*

*In lần đầu ngày 6-7 tháng  
Mười một 1927, trên báo  
"Sự thật", số 255*

*Theo đúng bản thảo*

---

<sup>1)</sup> Bản thảo đến đây thì dừng lại.

---

---

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM  
CHƯA TÌM THẤY  
CỦA V. I. LÊ-NIN

—  
CHÚ THÍCH

—  
CÁC BẢN CHỈ DẪN

—  
THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA  
V. I. LÊ-NIN



## DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM CỦA V. I. LÊ-NIN

### ĐẾN NAY CHƯA TÌM THẤY

(Tháng Tám 1915 - tháng Sáu 1916)

1915

#### THƯ GỬI M. M. LÍT-VI-NỐP

Bức thư (bưu thiếp) này do Lê-nin viết ngày 8 (21) tháng Tám 1915. Trong thư gửi V. I. Lê-nin đề ngày 19 tháng Tám (1 tháng Chín), gửi từ Luân-đôn, M. M. Lít-vi-nốp có nói tới bức thư đó như sau: "Bạn thân mến, hôm qua tôi đã nhận được bưu thiếp của anh gửi, tức là 11 ngày sau" (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

#### THƯ GỬI N. I. BU-KHA-RIN

Bức thư này được viết trước ngày 26 tháng Tám (8 tháng Chín) 1915: trong thư, có lẽ nói về việc N.I. Bu-kha-rin gửi ít bài từ nước Nga cho báo "Người dân chủ - xã hội". Ta biết được bức thư này qua thư của Bu-kha-rin, đề ngày 26 tháng Tám (8 tháng Chín) gửi Lê-nin: "Tôi vừa nhận được một lá thư khá bực bội của Anh" (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

#### THƯ GỬI E. I. RI-VLI-NA

V.I. Lê-nin có nhắc đến lá thư này trong thư gửi E. I. Ri-vli-na, mà Người viết vào nửa cuối tháng Tám 1915: "Vừa mới đây tôi đã viết thư cho đồng chí về Gô-lây-rôi" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49. tr. 175).

#### THƯ GỬI A. I. U-LI-A-NÔ-VA-Ê-LI-DA-RÔ-VA

Bức thư này viết vào mùa thu năm 1915 và đề cập đến việc xuất bản cuốn sách của V. I. Lê-nin "Những tài liệu mới về những quy

luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tập I. Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp ở Hợp chúng quốc Mỹ", là cuốn sách mà Lê-nin đã viết vào thời gian đó. Qua thư của Lê-nin, gửi từ thành phố Béc-nơ đề ngày 24 tháng Chín (7 tháng Mười) cho mẹ, là bà M. A. U-li-a-nô-va, ta biết được bức thư này: "Chúng con rất, rất và rất cảm ơn chị A-ni-u-ta đã gửi cho chúng con sách và tuyển tập giáo dục rất hay, và cả bức thư nữa. Về việc tìm người xuất bản, con đã gửi thư cho chị A-ni-u-ta rồi và đang chờ thư trả lời" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55 tr. 452).

#### THƯ GỬI R. GRIM

Bức thư được viết vào cuối tháng Chín hay trong tháng Mười 1915 nhân việc gửi bản báo cáo về hoạt động của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong những năm chiến tranh để đăng trong "Bản tin" của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế. Trong thư của R. Grim gửi V. I. Lê-nin, đề ngày 22 tháng Mười, có nói tới bức thư này (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

#### THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ NGƯỜI LÁT-VI-A

Trong thư gửi G. L. Sơ-lốp-xki, viết trước ngày 27 tháng Mười (9 tháng Mười một) 1915, Lê-nin đề nghị: "Nhờ Anh chuyển bức thư kèm theo đây cho người Lát-vi-a nọ (người này đã ở chỗ Anh vào khoảng 5-8. IX để lấy địa chỉ của tôi và người này đã đến chỗ tôi ở Sörenberg vào ngày 10 hay 11. XI. 1915)" (Văn tập Lê-nin, tiếng Nga, t. XI, tr. 195). Có lẽ, đây muốn nói đến I-a. Béc-din (Đi-ê-mê-li-xơ), người đã dự Hội nghị Xim-méc-van với tư cách đại diện cho Đảng dân chủ - xã hội xứ Lát-vi-a và đã tham gia phái tả Xim-méc-van.

#### THƯ GỬI X. G. SAU-MI-AN

Trong thư gửi V. I. Lê-nin và N. C. Crúp-xcai-a, đề ngày 1 (14) tháng Mười một 1915, X. G. Sau-mi-an có nhắc đến lá thư này: "Rất sung sướng tiếp nhận những luận điểm trong thư của Anh" (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

THƯ GỬI A. DI-PHEN-TƠ

Bức thư được viết vào đầu tháng Mười một 1915 và đề cập đến việc dịch ra tiếng Ý "Internationale Flugblätter" ("Các báo truyền tay quốc tế"), số 1. Qua thư của A. Di-phen-tơ gửi Lê-nin, đề ngày 24 tháng Mười một 1915, ta biết được bức thư này (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

THƯ GỬI L. B. CA-MÊ-NÉP

Ta biết được bức thư này là qua thư của L.B.Ca-mê-nép gửi từ E-ni-xây-xơ cho V.I.Lê-nin, đề ngày 8 (21) tháng Chạp 1915: "Mãi tới hôm nay tôi mới nhận được lá thư đầu tiên của Anh đề ngày 24 tháng Mười một" (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

1915 - 1916

NHỮNG BỨC THƯ GỬI A. M. CÔN-LÔN-TAI

Ta biết được về những bức thư của V.L. Lê-nin gửi sang Mỹ cho A.M. Côn-lôn-tai, chính là qua lá thư của Người đề ngày 6 (19) tháng Ba 1916 gửi cho bà: "Tôi hết sức bức tức về việc nước Pháp "cao cả" *đã tịch thu* (đó là sự thực!) một loạt thư bảo đảm của tôi gửi sang Mỹ cho Đồng chí" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49. tr. 269). Nội dung những bức thư đó có thể xác định được gần đúng căn cứ vào những bức thư khác của Lê-nin (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49. tr. 217 - 218, 221 - 223, 227).

1916

THƯ GỬI M. M. KHA-RI-TÔ-NỚP

Thư này viết vào tháng Giêng 1916 và có nói đến yêu cầu gửi báo đến; về lá thư này, M. M. Kha-ri-tô-nốp có nhắc đến trong thư ông trả lời V. I. Lê-nin gửi đi từ Xuy-rich (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

NHỮNG BỨC THƯ GỬI A. G. SLI-ÁP-NI-CỐP

Những bức thư trả lời của Sli-áp-ni-cốp đề ngày 7 (20) và 10 (23) tháng Giêng, có nói tới những bức thư của V. L. Lê-nin gửi A. G. Sli-áp-ni-cốp viết trong tháng Giêng 1916. Trong thư gửi V. I. Lê-nin và N. C. Crúp-xcai-a, đề ngày 4 (17) tháng Ba, Sli-áp-ni-cốp có nói tới bức thư của V. I. Lê-nin đề ngày 27 tháng Hai (11 tháng Ba).

Trong thư của Sli-áp-ni-cốp gửi từ Khri-xti-a-ni-a cho Lê-nin, đề ngày 12 (25) tháng Năm có nói về bức thư viết hồi tháng Năm (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

THƯ GỬI A. I U-LI-A-NÔ-VA-Ê-LI-DA-RÔ-VA

Bức thư viết vào đầu năm 1916, chậm nhất là ngày 12 (25) tháng Ba, và đề cập đến những vấn đề thu xếp việc vận chuyển, chuyển sách báo về nước Nga. Trong thư gửi Lê-nin, đề ngày 12 (25) tháng Ba, A. I. U-li-a-nô-va-Ê-li-da-rô-va có nhắc đến lá thư của Lê-nin gửi (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

THƯ GỬI A. I. U-LI-A-NÔ-VA-Ê-LI-DA-RÔ-VA

Bức thư viết ngày 28 tháng Năm (10 tháng Sáu) 1916. Trong lá thư gửi từ Pê-tơ-rô-grát cho V. I. Lê-nin, đề ngày 7 (20) tháng Sáu, A. I. U-li-a-nô-va-Ê-li-da-rô-va có nhắc đến bức thư này (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

THƯ GỬI N. I. BU-KHA-RIN

Thư này viết vào mùa xuân 1916 và có đề cập đến một vấn đề khiến cảnh sát Xtốc-khôn đã chú ý theo dõi V.I.Lê-nin. Trong thư của Bu-kha-rin gửi V. I. Lê-nin có nói về bức thư đó (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

DANH MỤC CÁC XUẤT BẢN PHẨM  
VÀ CÁC VĂN KIỆN  
MÀ V. I. LÊ-NIN ĐÃ THAM GIA HIỆU ĐỈNH

BÁO "NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI"

|            |   |                             |
|------------|---|-----------------------------|
| Số 44      | – | ngày 23 tháng Tám 1915      |
| Số 45 - 46 | – | ngày 11 tháng Mười 1915     |
| Số 47      | – | ngày 13 tháng Mười 1915     |
| Số 48      | – | ngày 20 tháng Mười một 1915 |
| Số 49      | – | ngày 21 tháng Chạp 1915     |
| Số 50      | – | ngày 18 tháng Hai 1916      |
| Số 51      | – | ngày 29 tháng Hai 1916      |
| Số 52      | – | ngày 25 tháng Ba 1916       |
| Số 53      | – | ngày 13 tháng Tư 1916       |
| Số 54 - 55 | – | ngày 10 tháng Sáu 1916      |

TẠP CHÍ "NGƯỜI CỘNG SẢN"

Số 1-2 – tháng Chín 1915

TẠP CHÍ "VORBOTE"

Số 1 – tháng Giêng 1916

A. C. "AI CẦN ĐẾN CHIẾN TRANH?"

Giơ-ne-ơ. Nhà xuất bản của Ban  
chấp hành trung ương Đảng công  
nhân dân chủ-xã hội Nga, 1916

Những chỗ hiệu đỉnh và nhận xét của Lê-nin về bản thảo cuốn sách nhỏ của A. M. Côn-lôn-tai (A. C) "Ai cần đến chiến tranh"? còn lưu lại được dưới hình thức hai tờ bản thảo (xem Văn tập Lê-nin, tiếng Nga, t. XVII, tr. 324 - 330).

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT "CUỘC CHIẾN TRANH THẾ  
GIỚI VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI"  
VÀ DỰ THẢO BẢN TUYÊN NGÔN DO BỘ PHẬN  
CÁNH TẢ CỦA HỘI NGHỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC  
TẾ HỢP TẠI XIM-MÉC-VAN ĐƯA RA

Về việc V. I. Lê-nin tham gia hiệu đỉnh, mà cũng rất có thể tham gia soạn thảo, bản dự thảo nghị quyết "Cuộc chiến tranh thế giới và những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội", và bản dự thảo tuyên ngôn, đã được đưa ra tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất họp tại Xim-méc-van trong những ngày 5-8 tháng Chín 1915, có thể phán đoán được trên cơ sở những thư từ Người trao đổi với A. M. Côn-lôn-tai và C. Ra-đếch (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49. tr. 126-129 và tr. 156-160).

Ngoài ra, sau hội nghị, các bản dự thảo nghị quyết và tuyên ngôn đã được in trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 45-46 - Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga do Lê-nin biên tập, với lời chú thích - của ban biên tập - chỉ rõ rằng những văn kiện này đã được Lê-nin và các đại diện của những người dân chủ - xã hội cánh tả của nhiều nước khác, ký tên.

HAI BẢN TUYÊN NGÔN CỦA NHỮNG NGƯỜI QUỐC TẾ  
CHỦ NGHĨA PHÁI TẢ TẠI HỘI NGHỊ XÃ HỘI CHỦ  
NGHĨA QUỐC TẾ HỢP Ở XIM-MÉC-VAN

Tại Hội nghị Xim-méc-van, họp trong những ngày 5-8 tháng Chín 1915, những người quốc tế chủ nghĩa phái tả đã đưa ra hai bản tuyên bố. Cả hai bản tuyên bố đều được công bố vào ngày 13 tháng Mười 1915, trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 47. Về bản tuyên bố thứ nhất trong đó bày tỏ sự không tán thành của phái tả Xim-méc-van đối với bản tuyên ngôn đã được hội nghị thông qua do chỗ bản tuyên ngôn không có tính chất triệt để và mang tính chất rụt rè, Lê-nin đã viết trong bài "Bước đầu", như sau: "Những ý kiến bất đồng của chúng ta - tôi không những chỉ nói đến ý kiến bất đồng của Ban chấp hành trung ương mà cả của toàn bộ phái tả, quốc tế, mác-xít - cách mạng của hội nghị - đã được công khai ghi trong một nghị quyết đặc biệt, trong một bản dự thảo đặc biệt của bản tuyên ngôn, trong một bản tuyên bố đặc biệt về vấn đề biểu quyết bản tuyên ngôn có tính chất thoả hiệp" (tập này, tr. 51-52). Trong Cục lưu trữ trung ương của Đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô vẫn còn giữ được văn bản tuyên bố thứ hai của phái

tả tại Hội nghị Xim-méc-van chuẩn bị để cho đăng trên số 47 báo Người dân chủ - xã hội", văn bản này do chính tay V. I. Lê-nin viết. Vì vậy có lý do để kết luận rằng cả bản tuyên bố thứ nhất lẫn bản tuyên bố thứ hai nếu không do chính tay V. I. Lê-nin viết thì cũng có sự tham gia và hiệu đính của Người.

BẢN TUYÊN BỐ THAY MẶT BAN CHẤP HÀNH TRUNG  
ƯƠNG ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA VÀ  
ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI VƯƠNG QUỐC BA-LAN VÀ  
LÍT-VA TẠI HỘI NGHỊ CỦA ỦY BAN XÃ HỘI CHỦ  
NGHĨA QUỐC TẾ MỞ RỘNG

Trong cuốn sách của F. Tych. PPS-lewica w latach wojny 1914 - 1918. Warszawa, 1960, s. 90 (Ph. Tư-khơ. Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan phái tả trong những năm chiến tranh 1914 - 1918. Vác-sa-va, 1960, tr. 90) có nói tới việc Lê-nin đọc bản tuyên bố thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va tại Hội nghị của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng họp tại Béc-nơ ngày 5-9 tháng Hai 1916. Ph. Tư-khơ viện dẫn tư liệu của R. Grim, những biên bản của Hội nghị của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng họp trong những ngày 5-9 tháng Hai, những biên bản này hiện vẫn còn lưu tại Viện quốc tế về lịch sử xã hội ở Am-xtéc-đam. Bản tuyên bố này phản đối việc mời C. Cau-xky, H. Ha-dơ và E. Béc-stanh, là những phần tử xã hội - sô-vanh, tham dự Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai. Có thể cho rằng Lê-nin đã tham gia hiệu đính, mà cũng có thể đã tham gia soạn thảo bản tuyên bố đó.

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT "ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI VÀ  
VẤN ĐỀ HOÀ BÌNH" CỦA PHÁI TẢ XIM-MÉC-VAN  
TẠI HỘI NGHỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ LẦN  
THỨ HAI HỌP TẠI KI-EN-TAN

Bản dự thảo nghị quyết này do Lê-nin và những người khác ký tên đã được đăng trên báo "Người dân chủ - xã hội", Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga do Người chủ biên, số 54 - 55 ra ngày 10 tháng Sáu 1916. Ngoài ra, trong bức thư gửi cho G. E. Di-nô-vi-ép, viết ngay trước khi Hội nghị Ki-en-tan họp, Lê-nin viết: "Tình hình cũng như trước khi có Hội nghị Xim-méc-van là: chúng ta có những bản "nghị quyết" riêng của mình, nhưng không hề cự tuyệt *khôỉ liên minh của phái tả*" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà

xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49. tr. 296). Vì vậy có lý do để cho rằng Lê-nin có thể đã tham gia hiệu đính, hoặc có thể đã tham gia soạn thảo bản dự thảo nghị quyết.

TUYÊN BỐ CỦA PHÁI TẢ XIM-MÉC-VAN TẠI HỘI  
NGHỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ LẦN THỨ HAI  
HỌP Ở KI-EN-TAN

Tuyên bố của phái tả Xim-méc-van về vấn đề những người xã hội chủ nghĩa Pháp bỏ phiếu thông qua ngân sách quân sự, đã được đăng trên báo "Người dân chủ - xã hội" cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, số 54 - 55, ra ngày 10 tháng Sáu 1916, có chữ ký của V. I. Lê-nin và những người khác. Lê-nin, người tổ chức và lãnh đạo phái tả Xim-méc-van, đã thay mặt phái tả này đưa ra Hội nghị Ki-en-tan bản tuyên bố đó, thì không thể không tham gia hiệu đính bản tuyên bố.

## CHÚ THÍCH

<sup>1</sup> Các thành viên đảng đoàn công nhân dân chủ - xã hội Nga trong Đu-ma nhà nước IV, những người bôn-sê-vích A. E. Ba-đa-ép, M. C. Mu-ranốp, G. I. Pê-tơ-rốp-xki, Ph. N. Xa-môi-lốp, N. R. Sa-gốp, ngay từ khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) vừa bắt đầu đã kiên quyết bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân. Thực hiện đường lối của đảng, họ đã từ chối không biểu quyết ngân sách quân sự cho chính phủ Nga hoàng, đã lên tiếng vạch trần tính chất đế quốc chủ nghĩa, phản nhân dân của cuộc chiến tranh, đã giải thích cho công nhân rõ sự thật về cuộc chiến tranh, phát động họ đứng lên đấu tranh chống chế độ Nga hoàng, giai cấp tư sản và địa chủ.

Các nghị sĩ bôn-sê-vích trong Đu-ma nhà nước IV đã bị bắt trong đêm 5 rạng ngày 6 (19) tháng Mười một 1914. Lý do trực tiếp của việc bắt bớ là những nghị sĩ này tham dự cuộc hội nghị do họ triệu tập họp tại làng Ô-de-rơ-ki gần Pê-tơ-rô-grát. Việc xét xử những nghị sĩ bôn-sê-vích trong Đu-ma nhà nước IV và những người dân chủ - xã hội khác đã tham gia cuộc hội nghị đảng bất hợp pháp ở làng Ô-de-rơ-ki, được tiến hành ngày 10 (23) tháng Hai 1915 tại một Toà án đặc biệt của viện tư pháp Pê-tơ-rô-grát. Người ta đưa ra lời buộc tội theo điều 102 (tham gia một tổ chức đã đề ra nhiệm vụ lật đổ chế độ nhà nước hiện hành). Tài liệu chủ yếu để buộc tội những nghị sĩ bôn-sê-vích là những tài liệu mà người ta tước được của các nghị sĩ đó khi khám xét, như bản luận cương của Lê-nin "Những nhiệm vụ của phong trào dân chủ - xã hội cách mạng trong cuộc chiến tranh châu Âu" và bản tuyên ngôn của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "Chiến tranh và phong trào dân chủ - xã hội Nga" đã được in trên báo "Người dân chủ - xã hội" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26. tr. 1-8, và 15 - 26).

Tất cả năm nghị sĩ - bôn-sê-vích đều bị kết án đầy biệt xứ chung thân tại vùng Tu-ru-khan-xcơ (miền Đông Xi-bi-ri). Để tổng kết phiên toà xử những nghị sĩ bôn-sê-vích, Lê-nin đã dành riêng một bài "Vụ án xử đảng đoàn công nhân dân chủ - xã hội Nga chứng tỏ điều gì?", bài này in trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 40 ngày 29 tháng Ba 1915 (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26. tr. 206-216). — 2.

<sup>2</sup> Bài "*Tiếng nói chân thật của một người xã hội chủ nghĩa Pháp*" được in trên tạp chí "Người cộng sản", số 1 - 2, tháng Chín 1915.

Tạp chí "*Người cộng sản*" do Lê-nin tổ chức và do ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội" xuất bản cùng với G. L. Pi-a-ta-cốp và E. B. Bô-sơ, là những người cấp tiền cho việc xuất bản tạp chí. Cả N. I. Bu-kha-rin cũng tham gia ban biên tập tạp chí. Chỉ ra được một số (kép). Ngoài bài "*Tiếng nói chân thật của một người xã hội chủ nghĩa Pháp*", trong tạp chí này còn đăng hai bài của Lê-nin: "Sự phá sản của Quốc tế II" và "Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội ở Ý".

Kế hoạch xuất bản tạp chí đã được Lê-nin soạn thảo ra vào mùa xuân năm 1915. Hội nghị tổ chức của ban biên tập tạp chí đã được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Lê-nin. Lê-nin dự định làm cho tạp chí "Người cộng sản" trở thành cơ quan ngôn luận quốc tế của những người dân chủ - xã hội cánh tả. Nhưng chẳng bao lâu sau người ta đã thấy bộc lộ những sự bất đồng nghiêm trọng giữa ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội" với Bu-kha-rin, Pi-a-ta-cốp và Bô-sơ, những sự bất đồng này trở nên sâu sắc thêm sau khi số 1 - 2 của tạp chí được phát hành. Nhóm Bu-kha-rin — Pi-a-ta-cốp và Bô-sơ đã giữ một lập trường không đúng đắn trong một loạt vấn đề có tính chất nguyên tắc về cương lĩnh và sách lược của đảng — về quyền dân tộc tự quyết, về vai trò của những yêu sách dân chủ và của cương lĩnh tối thiểu nói chung v. v. — và nhóm này ra sức lợi dụng tạp chí để phục vụ những mục đích bè phái của mình. Trong nội bộ ban biên tập tạp chí Lê-nin đã tiến hành đấu tranh chống nhóm Bu-kha-rin — Pi-a-ta-cốp và Bô-sơ, vạch trần những quan điểm chống bôn-sê-vích và những hành động bè phái của họ, phê phán gay gắt lập trường có tính chất điều hoà của G. E. Di-nô-vi-ép và A. G. Sli-áp-ni-cốp đối với nhóm này.

Do hành vi chống đảng của nhóm này, ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội" theo đề nghị của Lê-nin đã tuyên bố rằng ban biên tập cho rằng không thể tiếp tục ra tạp chí được nữa. Lê-nin đã viết "Dự thảo nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng

công nhân dân chủ - xã hội Nga về việc đình bản tạp chí "Người cộng sản" (xem tập này, tr. 359 - 361). Bộ phận ở trong nước của Ban chấp hành trung ương, sau khi nghe thông báo về những sự bất đồng trong nội bộ ban biên tập tạp chí "Người cộng sản", đã ra tuyên bố rằng Bộ phận ở trong nước của Ban chấp hành trung ương hoàn toàn nhất trí với ban biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương là báo "Người dân chủ - xã hội" và bày tỏ lòng mong muốn rằng "mọi xuất bản phẩm của Ban chấp hành trung ương phải được biên tập theo phương hướng hết sức nhất quán, hoàn toàn phù hợp với đường lối mà Ban chấp hành trung ương thi hành từ khi chiến tranh bắt đầu". Từ tháng Mười 1916 ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội" đã bắt đầu xuất bản "Văn tập "Người dân chủ - xã hội" — 5.

<sup>3</sup> *Nghị quyết ở Stút-ga* — nghị quyết về vấn đề "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế", đã được Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế họp tại Stút-ga (Đại hội VII của Quốc tế II) từ ngày 18 đến hết ngày 24 tháng Tám 1907, thông qua. Theo đề nghị của Lê-nin luận điểm có tính nguyên tắc sau đây đã được đưa vào nghị quyết này. "Trong trường hợp chiến tranh vẫn cứ sẽ nổ ra thì họ (giai cấp công nhân các nước khác nhau và những đại diện của họ trong các nghị viện. B. T) phải... cố gắng bằng mọi cách nhằm lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị do chiến tranh gây nên để thúc tỉnh quần chúng nhân dân và đẩy nhanh sự sụp đổ nền thống trị giai cấp tư bản chủ nghĩa" ("Người vô sản", số 17, ngày 20 tháng Mười 1907, tr. 6). Về đại hội xem bài của V. I. Lê-nin "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 83-91, 97-109).

*Nghị quyết ở Ba-lơ* — bản tuyên ngôn về chiến tranh do Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế bất thường họp ở Ba-lơ trong những ngày 24-25 tháng Mười một 1912, thông qua. Bản tuyên ngôn báo trước cho các dân tộc phải đề phòng nguy cơ của cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới đang tới gần, vạch trần những mục đích ăn cướp của cuộc chiến tranh đó và kêu gọi công nhân tất cả các nước tiến hành cuộc đấu tranh kiên quyết vì hoà bình, chống nguy cơ chiến tranh, "lấy sức mạnh của sự đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản để chống lại chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa". Trong trường hợp nổ ra chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, bản tuyên ngôn khuyến những người xã hội chủ nghĩa lợi dụng sự khủng hoảng kinh tế và chính trị do cuộc chiến tranh gây nên để tiến hành cuộc đấu tranh nhằm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. — 6.

<sup>4</sup> "*Die Neue Zeit*" ("Thời mới") — tạp chí lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức; xuất bản ở Stút-ga từ năm 1883 đến năm 1923. Trước tháng Mười 1917, tạp chí do C. Cau-xky biên tập, sau đó do H. Cu-nốp biên tập. Một số tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã được đăng lần đầu tiên trên tạp chí "*Die Neue Zeit*". Ăng-ghe-n đưa ra những lời khuyên răn giúp đỡ ban biên tập tạp chí và nhiều lần phê bình ban biên tập vì những lệch lạc xa rời chủ nghĩa Mác mà tạp chí phạm phải. Từ nửa cuối những năm 90, sau khi Ph. Ăng-ghe-n từ trần, tạp chí đã bắt đầu đăng một cách có hệ thống những bài của bọn xét lại, trong đó có cả loạt bài của E. Béc-stanh nhan đề "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội", loạt bài này đã mở đầu một chiến dịch của bọn xét lại chống chủ nghĩa Mác. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tạp chí này giữ lập trường phái giữa, trên thực tế là ủng hộ bọn xã hội - sô-vanh. — 12.

<sup>5</sup> *Đảng xã hội chủ nghĩa* Ý thành lập năm 1892. Ngay từ khi mới thành lập, trong nội bộ đảng này đã diễn ra cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt giữa hai trào lưu - cơ hội chủ nghĩa và cách mạng —, bất đồng với nhau trên các vấn đề chính sách và sách lược của đảng. Năm 1912, tại đại hội đảng họp ở Rét-gi-ô - Ê-mi-li, do sức ép của phái tả, những phần tử cải lương trắng trợn nhất — những kẻ ủng hộ chiến tranh và sự hợp tác với chính phủ và giai cấp tư sản (như Bô-nô-min, Bít-xô-la-ti và những kẻ khác) đã bị khai trừ ra khỏi đảng. Từ khi cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới bắt đầu (trước khi Ý tham gia chiến tranh), Đảng xã hội chủ nghĩa Ý lên tiếng phản đối chiến tranh, và đã đưa ra khẩu hiệu: "Phản đối chiến tranh, tán thành trung lập!" Tháng Chạp năm 1914, đảng này đã khai trừ khỏi hàng ngũ của mình một nhóm phản bội (Mút-xô-li-ni và những kẻ khác), bọn này ủng hộ chính sách đế quốc chủ nghĩa của giai cấp tư sản và lên tiếng ủng hộ chiến tranh. Những người xã hội chủ nghĩa Ý đã cùng với những người xã hội chủ nghĩa Thụy-sĩ họp hội nghị ở Lu-ga-nô (1914), và đã tham gia tích cực vào các cuộc hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-méc-van (1915) và ở Ki-en-tan (1916), tại các cuộc hội nghị này họ ngả về đa số phái giữa. Tháng Năm 1915, khi Ý tham gia chiến tranh về bên phía khối Đồng minh, thì Đảng xã hội chủ nghĩa Ý liền từ bỏ cuộc đấu tranh chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và đưa ra khẩu hiệu: "Không tham gia chiến tranh, nhưng đồng thời không tấy chạy chiến tranh", trên thực tế khẩu hiệu này có nghĩa là ủng hộ chiến tranh. — 23.

<sup>6</sup> "Khởi *Đồng minh tay ba* (khởi Đồng minh) — khởi liên minh đế quốc chủ nghĩa giữa Anh, Pháp và nước Nga Nga hoàng, liên minh hình thành xong xuôi vào năm 1907 nhằm đối phó với Liên minh tay ba, một liên minh đế quốc chủ nghĩa giữa Đức, Áo-Hung và Ý. Tiền thân của việc thành lập khối Đồng minh là việc ký kết liên minh Pháp - Nga trong những năm 1891 - 1893 và hiệp định Anh - Pháp năm 1904. Việc ký kết hiệp định Anh - Nga năm 1907 đã hoàn thành việc thành lập khối Đồng minh. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất có thêm Mỹ, Nhật, Ý và một số nước khác tham gia khối liên minh quân sự - chính trị Anh, Pháp và Nga. — 23.

<sup>7</sup> "*Bình minh của chúng ta*" — tạp chí hợp pháp ra hàng tháng của phái men-sê-vích theo chủ nghĩa thủ tiêu; xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Giêng 1910 đến tháng Chín 1914. Lãnh đạo tạp chí là A. N. Pô-rơ-rê-xốp, cộng tác với tạp chí có Ph. I. Đan, X. O. Txê-đéc-bau-mơ và một số người khác. Xung quanh tạp chí "Bình minh của chúng ta" đã hình thành trung tâm của phái thủ tiêu ở nước Nga. Từ đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tạp chí này đã đứng trên lập trường của bọn xã hội - sô-vanh. — 25

8. *Ban tổ chức* — trung tâm lãnh đạo của phái men-sê-vích, được thành lập năm 1912 tại Hội nghị tháng Tám của phái thủ tiêu. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Ban tổ chức đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh, biện hộ cho cuộc chiến tranh của chế độ Nga hoàng, truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa sô-vanh. Ban tổ chức xuất bản tạp chí "Bình minh của chúng ta", và sau khi tạp chí này bị đóng cửa thì xuất bản các tạp chí "Sự nghiệp của chúng ta", "Sự nghiệp" và báo "Buổi sáng công nhân", rồi sau đó báo "Buổi sáng". Ban tổ chức hoạt động cho tới khi bầu cử ra Ban chấp hành trung ương đảng men-sê-vích vào tháng Tám 1917. Ngoài Ban tổ chức hoạt động ở trong nước ra, còn có Ban thư ký ở nước ngoài của Ban tổ chức, với thành phần gồm năm uỷ viên thư ký (P. B. Ác-xen-rốt, A-xtơ-rốp (I. X. Pô-vét), I-u. Ô. Mác-tốp, A. X. Mác-tư-nốp, X. I-u. Xem-cốp-xki), ban này giữ lập trường gần với chủ nghĩa phái giữa và tuy nấp dưới những lời lẽ quốc tế chủ nghĩa nhưng trên thực tế lại ủng hộ bọn xã hội - sô-vanh trong nước Nga. Ban thư ký ở nước ngoài của Ban tổ chức xuất bản một tờ báo riêng của mình - tờ "Tin tức của Ban thư ký ở nước ngoài của Ban tổ chức Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", tờ báo này được xuất bản từ tháng Hai 1915 đến hết tháng Ba năm 1917. — 25.

<sup>9</sup> *Đảng đoàn Tso-khê-ít-dê* — đảng đoàn men-sê-vích trong Đu-ma nhà nước IV do N. X. Tso-khê-ít-dê cầm đầu. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đảng đoàn men-sê-vích trong Đu-ma tuy giữ lập trường phái giữa nhưng trên thực tế thì hoàn toàn ủng hộ chính sách của bọn xã hội - sô-vanh Nga. Trong bài "Ban tổ chức và đảng đoàn Tso-khê-ít-dê có đường lối của mình không?" (xem tập này, tr. 306 - 314) và trong những tác phẩm khác, V. I. Lê-nin đã phê phán đường lối cơ hội chủ nghĩa của đảng đoàn Tso-khê-ít-dê. — 25.

<sup>10</sup> "*Bản tin của Tổ chức ở nước ngoài của phái Bun*" xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ tháng Sáu 1911 đến tháng Sáu 1916. Ra cả thảy được 11 số. Kế tục "Bản tin" là "Bản tin của Ban chấp hành Tổng hội Bun ở nước ngoài". — 29.

<sup>11</sup> Ngày 30 tháng Tám (12 tháng Chín) 1915 Nga hoàng Ni-cô-lai II đã ban bố đạo dụ giải tán Đu-ma nhà nước IV kể từ ngày 3 (16) tháng Chín 1915. Thời hạn Đu-ma hoạt động trở lại đã được quy định chậm nhất là vào tháng Mười một 1915, tùy thuộc vào những hoàn cảnh đặc biệt.

Đu-ma nhà nước IV (tháng Mười một 1912 - tháng Hai 1917) đã tán thành việc nước Nga tham gia chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Tại phiên họp của Đu-ma ngày 26 tháng Bảy (8 tháng Tám) 1914, những đại diện của tất cả các đảng đoàn tư sản - địa chủ đều tuyên bố là họ đoàn kết xung quanh chính phủ để "bảo vệ tổ quốc"; ít lâu sau cả những đảng đoàn men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng cũng đứng trên lập trường vệ quốc. Chỉ có đảng đoàn môn-sê-vích là kiên quyết phản đối chiến tranh, đã khước từ việc bỏ phiếu thông qua ngân sách quân sự và đã triển khai công tác tuyên truyền cách mạng quốc tế chủ nghĩa trong quần chúng. Tháng Mười một 1914, những người môn-sê-vích là đại biểu trong Đu-ma nhà nước IV bị bắt giam và bị đưa ra toà vì bị buộc tội là phản quốc.

Những thất bại trên chiến trường vào mùa hè năm 1915 đã khiến cho giai cấp tư sản phải đưa ra cương lĩnh cải lương ôn hoà hòng đàn áp cuộc cách mạng đã chín muồi, duy trì chế độ quân chủ, tiến hành chiến tranh "đến thắng lợi cuối cùng". Tháng Tám 1915 các đảng đoàn tư sản - địa chủ trong Đu-ma nhà nước và Hội đồng nhà nước đã lập ra cái gọi là "Khối tiến bộ", cương lĩnh của khối này dự tính thành lập "chính phủ tín nhiệm", mà thành

phần gồm những nhân vật được giai cấp tư sản hoàn toàn ủng hộ. — 31.

<sup>12</sup> *Phái lao động* (Nhóm lao động) — nhóm dân chủ tiểu tư sản trong các Đu-ma nhà nước, thành phần bao gồm nông dân và trí thức theo khuynh hướng dân túy. Đoàn nghị sĩ lao động hình thành vào tháng Tư 1906, gồm các đại biểu nông dân trong Đu-ma nhà nước I. Trong Đu-ma phái lao động ngả nghiêng giữa phái dân chủ - lập hiến và phái dân chủ - xã hội cách mạng. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất đa số thành viên phái lao động đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh.

*Phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng* — một đảng tiểu tư sản ở Nga; đảng này xuất hiện vào cuối năm 1901 — đầu năm 1902 nhờ có sự thống nhất các nhóm dân túy và các tiểu tổ dân túy khác nhau ("Liên minh những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng", Đảng của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và những đảng khác). Quan điểm của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng là một thứ quan điểm chiết trung hổ lốn giữa các tư tưởng dân túy và các tư tưởng xét lại; theo cách nói của Lê-nin, bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng tìm cách vá "những chỗ rách của chủ nghĩa dân túy" bằng "những mảnh vá "phê phán" hợp thời trang cơ hội chủ nghĩa đối với chủ nghĩa Mác" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr. 357 - 358). Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đa số đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. — 34.

<sup>13</sup> *Những người xã hội chủ nghĩa nhân dân* — đảng viên của Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, một đảng tiểu tư sản hình thành từ cánh hữu Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng vào năm 1906. Những người xã hội chủ nghĩa nhân dân chủ trương liên kết với những người dân chủ - lập hiến. Lê-nin gọi họ là bọn "dân chủ - lập hiến - xã hội", "bọn cơ hội chủ nghĩa tiểu thị dân", "bọn men-sê-vích xã hội chủ nghĩa - cách mạng", là bọn ngả nghiêng giữa bọn dân chủ - lập hiến và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng; đồng thời Người nhấn mạnh rằng đảng này "không khác mấy so với Đảng dân chủ - lập hiến, bởi vì nó gạt bỏ khỏi cương lĩnh cả chế độ cộng hoà lẫn yêu sách về toàn bộ ruộng đất" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 14, tr. 30). Đứng đầu đảng này có A. V. Pê-sê-khôn-ốp, N. Ph. An-nen-xki, V. A. Mí-a-cô-tin và những phần tử khác. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, bọn xã hội chủ nghĩa nhân dân đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh. — 35.

<sup>14</sup> *Những người dân chủ - lập hiến* — những đảng viên của Đảng dân chủ - lập hiến, đảng chủ chốt của giai cấp tư sản quân chủ - tự do chủ nghĩa ở Nga. Đảng dân chủ - lập hiến được thành lập hồi tháng Mười 1905; thành phần đảng này gồm các đại biểu của giai cấp tư sản, các nhà hoạt động trong các hội đồng địa phương xuất thân là địa chủ và các trí thức tư sản. Những nhà hoạt động nổi tiếng của đảng này là P. N. Mi-li-u-cốp, X. A. Mu-rôm-txép, V. A. Ma-cla-cốp, A. I. Sin-ga-rép, P. B. Xơ-ru-vê, Ph. I. Rô-đi-txép và những người khác. Những người dân chủ - lập hiến đã đóng vai trò tích cực trong việc chuẩn bị cho nước Nga tham gia chiến tranh. Bằng cách ủng hộ vô điều kiện các kế hoạch xâm lược của chính phủ Nga hoàng, Đảng dân chủ - lập hiến hy vọng củng cố được địa vị của giai cấp tư sản và đề bẹp được phong trào cách mạng ở trong nước. Từ khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất vừa bắt đầu, Đảng dân chủ - lập hiến đã đưa ra khẩu hiệu; "Chiến tranh cho đến thắng lợi cuối cùng!". Năm 1915, khi quân đội của chính phủ Nga hoàng thất bại ngoài mặt trận và ở trong nước cuộc khủng hoảng cách mạng đã trào dâng thì những đại biểu của Đảng dân chủ - lập hiến trong Đu-ma nhà nước do P. N. Mi-li-u-cốp cầm đầu đã cùng với những đại biểu khác của giai cấp tư sản và địa chủ lập ra cái gọi là "Khối tiến bộ", mục đích của khối này là không để cho cách mạng nổ ra, duy trì chế độ quân chủ và tiến hành chiến tranh "đến thắng lợi cuối cùng". — 35.

<sup>15</sup> *Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế* (I. S. K.) ở thành phố Béc-nơ — cơ quan chấp hành của Liên hiệp Xim-méc-van, được lập ra tại Hội nghị Xim-méc-van họp trong những ngày 5 - 8 tháng Chín 1915. Thành phần I. S. K. gồm những người phái giữa là R. Grim, O. Moóc-ga-ri, S. Ne-nơ, và A. Ba-la-ba-nô-va với tư cách là một người phiên dịch. Trong một bản báo cáo chính thức về hội nghị đăng trong "Bản tin" của I. S. K., số 1, ngày 21 tháng Chín 1915 đã có nói: "Ban thường vụ này bất luận như thế nào cũng không được thay thế Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đang tồn tại hiện nay, mà phải được giải thể ngay khi Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa trở nên hoàn toàn thích hợp với nhiệm vụ của mình". Trong một bản in báo cáo đó hiện còn lưu tại Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, đoạn nói trên đã được Lê-nin gạch dưới và bên lề có ghi: "Kein Beschluß darüber" ("Không hề có nghị quyết về việc này"), như vậy có nghĩa là quyết định đó



không phải do Liên hiệp Xim-méc-van thông qua, mà do I. S. K. thông qua sau hội nghị. — 38.

<sup>16</sup> Ở đây có ý nói đến *Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất ở Xim-méc-van*, họp trong những ngày 5-8 tháng Chín 1915. Hội nghị được triệu tập theo sáng kiến của những người xã hội chủ nghĩa Ý và Thụy-sĩ.

Lê-nin gọi Hội nghị Xim-méc-van là một bước đầu trong việc phát triển phong trào quốc tế chống chiến tranh. Tham dự hội nghị có 38 đại biểu thuộc 11 nước châu Âu; Đức, Pháp, Ý, Nga, Ba-lan, Ru-ma-ni, B-un-ga-ri, Thụy-điển, Na-uy, Hà-lan, Thụy-sĩ. Những đảng lớn nhất của Quốc tế II là Đảng dân chủ - xã hội Đức và Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp đã chính thức không cử đại biểu đến dự hội nghị; 10 đại biểu thay mặt cho ba sắc thái khác nhau của phái đối lập trong Đảng dân chủ - xã hội Đức; còn ở Pháp thì có những phần tử đối lập trong phong trào công đoàn đã đến dự hội nghị. Liên đoàn những người xã hội chủ nghĩa vùng Ban-căng, phe đối lập của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-điển và Liên đoàn thanh niên Na-uy, những người xã hội chủ nghĩa cánh tả Hà-lan, Ban lãnh đạo xứ của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va cũng đã cử đại biểu đến dự hội nghị. Đa số đại biểu đứng trên lập trường phái giữa.

Đại diện cho Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại hội nghị là V. I. Lê-nin và G. E. Di-nô-vi-ép. P. B. Ác-xen-rốt và L. Mác-tốp (đại diện Ban tổ chức men-sê-vích của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga), cả V. M. Tséc-nốp và M. A. Na-tan-xôn (đại diện Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng) cũng đến dự hội nghị.

Hội nghị thảo luận các vấn đề: 1) các bản báo cáo của đại diện từng nước; 2) tuyên bố chung của các đại biểu Đức và Pháp; 3) đề nghị của phái tả Xim-méc-van về việc thông qua một nghị quyết có tính nguyên tắc; 4) thông qua bản tuyên ngôn; 5) bầu cử Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế (I. S. K.), 6) thông qua nghị quyết đồng tình với những nạn nhân chiến tranh và những người bị truy nã.

Tại hội nghị đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người quốc tế chủ nghĩa cách mạng đứng đầu là Lê-nin với phái đa số theo Cau-xky tại hội nghị đứng đầu là G. Lê-đê-bua, một người dân chủ - xã hội Đức. Hội nghị thông qua bản tuyên ngôn — lời kêu gọi "Gửi vô sản châu Âu" — do uỷ ban thảo ra. Đa số trong hội nghị đã gác lại bản dự thảo nghị quyết về chiến tranh và về

nhệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội và dự thảo tuyên ngôn do phái tả đưa ra. Tuy nhiên, nhờ thái độ kiên trì của Lê-nin, người ta đã đưa được vào bản tuyên ngôn mà hội nghị đã thông qua một số nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác cách mạng. Ngoài ra hội nghị đã thông qua bản tuyên bố chung của hai đoàn đại biểu Đức và Pháp, thông qua nghị quyết đồng tình với những nạn nhân chiến tranh và những chiến sĩ đang bị truy nã vì hoạt động chính trị, và hội nghị đã bầu ra Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế (I. S. K.).

Lê-nin đã tích cực tham gia các hoạt động của hội nghị; Người đã đọc diễn văn, trao đổi thư từ với các đại biểu trong thời gian các phiên họp, nói chuyện với các đại biểu trong giờ nghỉ họp, để thuyết phục cho họ thấy sự cần thiết phải tiến hành cuộc đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Ngay từ trước hội nghị, vào tháng Tám 1915, để cho những người quốc tế chủ nghĩa phái tả thực sự — mà lúc bấy giờ đã tách riêng ra trong các đảng xã hội chủ nghĩa —, được có đại diện càng đầy đủ hơn càng tốt tại hội nghị, Lê-nin đã tiến hành công tác chuẩn bị lớn lao và đã đến dự hội nghị với bản cương lĩnh đoàn kết phái tả chống chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và chủ nghĩa phái giữa; bản cương lĩnh này Người đã soạn ra từ trước. Trong những thư gửi những người quốc tế chủ nghĩa phái tả ở châu Âu (Đ. Bla-gô-ép, Đ. Vành-cốp và những người khác), Lê-nin đã trình bày những nguyên tắc cơ bản trong bản tuyên bố chung của phái tả là: lên án chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và chủ nghĩa phái giữa, kiên quyết bác bỏ khẩu hiệu "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và khẩu hiệu "hoà bình trong nước", tuyên truyền cho những hoạt động cách mạng.

Ngay trước ngày khai mạc Hội nghị Xim-méc-van (khoảng từ ngày 2 đến ngày 4 tháng Chín) đã có cuộc họp giữa các đại biểu Nga và Ba-lan, cuộc họp này đã thảo luận bản "Dự thảo nghị quyết của phái tả Xim-méc-van" do Lê-nin soạn thảo và dự thảo nghị quyết do C. Ra-đếch đề nghị và đã được Lê-nin góp ý kiến phê phán trước khi đưa ra cuộc họp. Sau khi thảo luận, cuộc họp đã quyết định đưa ra Hội nghị Xim-méc-van bản dự thảo của C. Ra-đếch đã được sửa đổi trên cơ sở sự phê phán của Lê-nin. Ngày 4 tháng Chín 1915, tại cuộc họp riêng của những đại biểu phái tả tại Hội nghị Xim-méc-van, Lê-nin đã đọc bản báo cáo về tính chất của cuộc chiến tranh thế giới và về sách lược của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế. Những nguyên lý cơ bản — mà những người quốc tế chủ nghĩa cánh tả trong phong trào cách mạng quốc tế đã đoàn kết chung quanh đó —, là những nguyên lý do đảng bôn-sê-vích vạch ra về các vấn đề chiến tranh, hoà bình và cách mạng và trước hết

là bản tuyên ngôn Lê-nin-nít của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về chiến tranh và bản nghị quyết của Hội nghị Béc-nơ các chi bộ hải ngoại của những người bôn-sê-vích, những văn kiện này vào thời kỳ đó đã được dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài.

Tại hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất, phái tả Xim-méc-van gồm 8 người: (đại diện của những tổ chức và các cá nhân): Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga do Lê-nin đứng đầu, Ban lãnh đạo xứ của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va, Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - xã hội xứ Lát-vi-a, D. Hơ-glung (đại diện cho phái đối lập Thụy-điển), T. Néc-man (đại diện cho phái đối lập Na-uy), Ph. Plát-ten (đại diện của Thụy-sĩ), I-u. Bóc-khác-tơ- đại biểu của nhóm "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức". Trong thời gian hội nghị làm việc, Ban thường vụ phái tả Xim-méc-van do V. I. Lê-nin đứng đầu đã được thành lập. Những người bôn-sê-vích đứng đầu là Lê-nin đã giữ một lập trường duy nhất đúng đắn, triệt để trong nhóm tả Xim-méc-van. Trong nội bộ phái tả Xim-méc-van Lê-nin đã phải tiến hành một công tác to lớn và phải đấu tranh chống C. Ra-đếch, kẻ đã mưu toan làm phân liệt phong trào Xim-méc-van phái tả.

Phái tả Xim-méc-van đã làm một công tác lớn lao nhằm tổ chức những phần tử quốc tế chủ nghĩa trong các nước ở châu Âu và châu Mỹ. Ít lâu sau Hội nghị Xim-méc-van, tập sách nhỏ viết bằng tiếng Đức nhan đề "Internationale Flugblätter" ("Báo truyền tay quốc tế"), số 1 đã được phát hành, trong đó có in những văn kiện do phái tả tại Hội nghị Xim-méc-van đưa ra. Cuốn sách nhỏ này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng khác. Tháng Giêng 1916, phái tả Xim-méc-van bắt đầu xuất bản tạp chí lý luận của mình "Vorbote" ("Người tiên khu").

Trong các bài "Bước đầu" và "Những người mác-xít cách mạng tại hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế họp ngày 5-8 tháng chín 1915", Lê-nin đã đánh giá Hội nghị Xim-méc-van và sách lược của những người bôn-sê-vích tại hội nghị này (xem tập này, tr. 46-54 và 55-60). — 38.

<sup>17</sup> "*Berner Tagwacht*" ("Người lính canh thành Béc-nơ") — tờ báo, cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ; xuất bản tại Béc-nơ từ năm 1893. Trong những năm 1909 - 1918, biên tập viên tờ báo là R. Grim. Trong thời kỳ đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tờ báo này đã đăng những bài của

C. Liép-néch, Ph. Mê-rinh và những người dân chủ - xã hội cánh tả khác. Từ năm 1917, tờ báo bắt đầu công khai ủng hộ bọn xã hội - sô-vanh. Hiện nay, lập trường của tờ báo này trên các vấn đề cơ bản của chính sách đối nội và đối ngoại ăn khớp với lập trường của các tờ báo tư sản. — 42.

<sup>18</sup> "*La Sentinelle*" ("Người lính canh") — tờ báo, cơ quan ngôn luận của tổ chức dân chủ - xã hội Thụy-sĩ bang Nép-sa-ten (vùng nói tiếng Pháp ở Thụy-sĩ); được thành lập ở Sô-đơ-phông năm 1890. Đình bản từ năm 1906 đến năm 1910. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tờ báo giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa. Ngày 13 tháng Mười một 1914, số 265 của báo này đã lược đăng bản tuyên ngôn của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "Chiến tranh và phong trào dân chủ - xã hội Nga". Hiện nay tờ báo vẫn còn được xuất bản. — 42.

<sup>19</sup> V. I. Lê-nin có ý nói đến bức thư của C. Liép-néch đề ngày 2 tháng Chín 1915, lá thư gửi Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế họp ở Xim-méc-van và không được đăng vào đạo đó. C. Liép-néch đã không thể đích thân tham dự cuộc hội nghị này, bởi vì đầu năm 1915 ông bị động viên vào làm binh nhì trong quân đội Đức. Trong thư, C. Liép-néch kêu gọi các đại biểu của hội nghị thực hiện nội chiến chứ không phải "hoà bình trong nước", hãy thực hiện sự đoàn kết quốc tế của những người xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước tham chiến, hãy đấu tranh chống cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và đoạn tuyệt với bọn xã hội - sô-vanh. Đa số đại biểu dự hội nghị đã nồng nhiệt đón nhận thư của C. Liép-néch. — 42.

<sup>20</sup> "*Lời nói của chúng ta*" — tờ báo của phái men-sê-vích — Tơ-rốt-xki; xuất bản tại Pa-ri từ tháng Giêng 1915 đến tháng Chín 1916, thay cho tờ "Tiếng nói". — 43.

<sup>21</sup> B. S. P. — British Socialist Party (Đảng xã hội chủ nghĩa Anh) được thành lập năm 1911 tại Man-se-xtơ do sự hợp nhất Đảng dân chủ - xã hội với các nhóm xã hội chủ nghĩa khác. B. S. P. đã tiến hành công tác tuyên truyền cổ động theo tinh thần tư tưởng của chủ nghĩa Mác và là một đảng "không phải là một đảng cơ hội chủ nghĩa, thật sự độc lập đối với phái tự do" (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 23, tr. 434). Tuy nhiên, số lượng đảng viên ít ỏi và mối quan hệ yếu ớt giữa đảng với quần chúng đã làm cho đảng có tính chất đôi chút biệt

phái. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, trong đảng đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa phái quốc tế chủ nghĩa (U. Gan-la-xơ, A. In-cpin, Đ. Ma-clin, Ph. Rốt-stanh và những người khác) với phái xã hội - số-vanh do H. Hen-đman cầm đầu. Trong nội bộ phái quốc tế chủ nghĩa lại có những phân tử không triệt để, họ giữ lập trường phái giữa trên nhiều vấn đề. Tháng Hai 1916 một nhóm nhà hoạt động của B. S. P. lập ra tờ báo "The Call" ("Lời kêu gọi"), tờ báo này đóng một vai trò quan trọng trong việc đoàn kết những người quốc tế chủ nghĩa. Hội nghị hàng năm của B. S. P. họp ở Xôn-phoóc tháng Tư 1916 đã lên án lập trường xã hội - số-vanh của Hen-đman và những người thuộc phái của y và bọn chúng đã rút ra khỏi đảng.

Đảng xã hội chủ nghĩa Anh đã chào mừng cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. Các đảng viên B. S. P. đã đóng vai trò to lớn trong phong trào nhân dân lao động Anh bảo vệ nước Nga xô-viết chống sự can thiệp của nước ngoài. Năm 1919 đa số các tổ chức địa phương của đảng (98 phiếu thuận, 4 phiếu phản đối) đã tán thành gia nhập Quốc tế cộng sản. Đảng xã hội chủ nghĩa Anh cùng với Nhóm cộng sản thống nhất đã đóng vai trò chủ yếu trong việc thành lập Đảng cộng sản Anh. Tại Đại hội I, đại hội thống nhất, họp vào năm 1920, tuyệt đại bộ phận các tổ chức địa phương của B. S. P. đã gia nhập Đảng cộng sản. — 43.

<sup>22</sup> I. L. P. Independent Labour Party (Đảng công nhân độc lập Anh) — một tổ chức cải lương chủ nghĩa do những người lãnh đạo "công liên mới" thành lập năm 1893 trong điều kiện cuộc đấu tranh bãi công diễn ra sôi nổi và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Anh để độc lập với các đảng của giai cấp tư sản dâng lên mạnh. Tham gia I. L. P. có những thành viên của "công liên mới" và của một số công đoàn cũ, những đại diện của tầng lớp trí thức và của giai cấp tiểu tư sản, những người này chịu ảnh hưởng của phái Pha-biêng. Đứng đầu đảng là Kê-rơ Hác-đi. Ngay từ khi mới thành lập I. L. P. đã giữ lập trường tư sản - cải lương, nó chủ yếu chú ý đến hình thức đấu tranh nghị trường và những sự câu kết tại nghị trường với đảng tự do. Khi nhận xét về Đảng công nhân độc lập, Lê-nin viết rằng đây "trên thực tế lại là một đảng cơ hội, luôn luôn phụ thuộc vào giai cấp tư sản" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 39. tr. 103).

Trong thời gian đầu chiến tranh thế giới lần thứ nhất, I. L. P. có ra tuyên ngôn phản đối chiến tranh, nhưng ít lâu sau đảng này đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội - số-vanh. — 43.

<sup>23</sup> Lê-nin có ý nói đến "Bản tin của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Béc-nơ" ("Bulletin. Internationale Sozialistische Kommission zu Bern") — bản tin này là của cơ quan chấp hành của Liên hiệp Xim-méc-van. "Bản tin" được xuất bản từ tháng Chín 1915 đến tháng Giêng 1917 bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, và tiếng Đức. Ra cả thảy được 6 số. Số 3 của "Bản tin" ra ngày 29 tháng Hai 1916 có đăng một phần văn kiện "Gửi hội nghị ngày 24 tháng Tư 1916. Đề nghị của đoàn đại biểu" và số 4 ra ngày 22 tháng Tư có đăng "Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai" do V. I. Lê-nin viết. — 44.

<sup>24</sup> "Người dân chủ - xã hội" — tờ báo bất hợp pháp, Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; xuất bản từ tháng Hai 1908 đến tháng Giêng 1917. Sau những cố gắng không thành trong việc ra số 1 của tờ báo tại nước Nga, việc xuất bản tờ báo phải chuyển ra ngoài nước; các số từ 2 đến 32 (tháng Hai 1909 - tháng Chạp 1913) đã được xuất bản tại Pa-ri, các số 33 đến 58 (tháng Mười một 1914 - tháng Giêng 1917) được xuất bản ở Giơ-ne-vơ. Tất cả ra được 58 số, trong đó 5 số có phụ trương. Từ tháng Chạp 1911, báo "Người dân chủ - xã hội" do V. I. Lê-nin chủ biên. Báo này đã đăng hơn 80 bài và bút ký của Lê-nin.

Trong những năm đen tối của các thế lực phản động thống trị và trong thời kỳ có cao trào mới của phong trào cách mạng, báo "Người dân chủ - xã hội" đã đóng vai trò to lớn trong cuộc đấu tranh của những người bôn-sê-vích chống bọn thủ tiêu, bọn Tơ-rốt-xki, bọn triêu hồi nhằm bảo vệ đảng mác-xít bất hợp pháp, củng cố sự thống nhất của đảng, tăng cường mối liên hệ của đảng với quần chúng.

Sau khi ra số 32, ngày 15 (28) tháng Chạp 1913, báo "Người dân chủ - xã hội", tạm thời đình bản và báo đã được tục bản trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Ngay sau khi đến Thụy-sĩ vào tháng Chín 1914, V. I. Lê-nin đã triển khai công tác lớn lao nhằm xuất bản lại báo "Người dân chủ - xã hội", Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng. Ngày 1 tháng Mười một 1914, số tiếp theo, số 33 của tờ báo đã được xuất bản. Tuy gặp những khó khăn của thời chiến, báo "Người dân chủ - xã hội" vẫn ra đều đặn. Lê-nin lãnh đạo toàn bộ công việc xuất bản tờ báo, xác định nội dung các số báo, biên tập tài liệu, lo liệu những vấn đề trình bày và in tờ báo. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, báo "Người dân chủ - xã hội" đã

đóng vai trò xuất sắc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội quốc tế, chủ nghĩa dân tộc, và chủ nghĩa sô-vanh, trong việc tuyên truyền các khẩu hiệu bốn-sê-vích, trong việc thức tỉnh giai cấp công nhân và quần chúng lao động đứng lên đấu tranh chống lại cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và những kẻ cổ động cho cuộc chiến tranh đó, chống chế độ chuyên chế và chủ nghĩa tư bản. Báo "Người dân chủ - xã hội" đã làm sáng tỏ mọi vấn đề quan trọng nhất của phong trào công nhân cách mạng, vạch rõ những mục tiêu đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến tranh, vạch trần những lời hoa mỹ giả nhân giả nghĩa và những hành động cơ hội chủ nghĩa của bọn xã hội - sô-vanh và bọn phái giữa, chỉ ra những con đường duy nhất đúng đắn cho cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản trong điều kiện chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Báo "Người dân chủ - xã hội" đã đăng bài của V. I. Lê-nin "Bàn về khẩu hiệu Liên bang châu Âu; trong bài này lần đầu tiên Người trình bày kết luận về khả năng chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi thoạt tiên ở một nước. Việc phổ biến báo "Người dân chủ - xã hội" ở Nga, việc các báo bốn-sê-vích ở các địa phương in lại những bài quan trọng nhất trong báo đó đã góp phần vào công tác giáo dục chính trị vào việc bồi dưỡng chủ nghĩa quốc tế cho giai cấp vô sản Nga, và vào việc chuẩn bị cho quần chúng đứng lên làm cách mạng.

Báo "Người dân chủ - xã hội" đã đóng vai trò lớn lao trong sự nghiệp đoàn kết những phần tử quốc tế chủ nghĩa trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế. Vượt qua mọi trở ngại do tình hình chiến tranh gây nên, báo "Người dân chủ - xã hội" đã thâm nhập vào được nhiều nước. Bằng chứng nói lên mức độ phổ cập và ảnh hưởng của báo "Người dân chủ - xã hội" là những cuộc quyên góp tiền và các buổi dạ hội kỷ niệm nhân dịp tờ báo ra số năm mươi, những lời chào mừng từ Pa-ri, Luân-đôn, Ly-ông, Xuy-rích, Giơ-ne-vơ, Lô-da-nơ, Béc-nơ, Sô-đơ-phông, Cô-pen-ha-gơ, Si-ca-gô, Tu-lu-da, Giê-nơ, Niu-oóc, Khri-xti-a-ni-a (Ô-xlô), Xtóc-khôn, Glát-gô và từ nhiều thành phố khác gửi đến ban biên tập của tờ báo.

Đánh giá cao những công lao của báo "Người dân chủ - xã hội" trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, V. I. Lê-nin về sau viết rằng: "không một công nhân giác ngộ muốn hiểu được quá trình phát triển của những tư tưởng về cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế và thắng lợi đầu tiên của cuộc cách mạng đó, thắng lợi ngày 25 tháng Mười 1917" không thể không tìm hiểu những bài ấy (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 36, tr. 155-156). — 46.

<sup>25</sup> *Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Cô-pen-ha-gơ* (Đại hội VIII của Quốc tế II) họp từ ngày 28 tháng Tám đến hết ngày 3 tháng Chín 1910. Trong nghị quyết "Những toà án trọng tài và việc giải trừ quân bị", đại hội đã khẳng định nghị quyết của Đại hội Stút-ga (1907) "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế", nghị quyết này đòi hỏi những người xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước phải lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị do chiến tranh gây ra để lật đổ giai cấp tư sản. Nghị quyết của Đại hội Cô-pen-ha-gơ cũng đặt trách nhiệm cho các đảng xã hội chủ nghĩa và những đại diện của các đảng đó ở các nghị viện phải đòi chính phủ nước mình giảm bớt vũ trang, giải quyết những sự xung đột giữa các nước bằng toà án trọng tài, nghị quyết kêu gọi công nhân tất cả các nước tổ chức những sự phản kháng chống nguy cơ chiến tranh. — 49.

<sup>26</sup> *Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa* — cơ quan thông tin — chấp hành thường trực của Quốc tế II. Quyết định về việc thành lập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã được thông qua tại Đại hội Quốc tế II họp ở Pa-ri (1900). Trụ sở của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa được đặt tại thành phố Bruy-xen. Mỗi đảng của một nước cử 2 đại biểu tham gia Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa phải họp mỗi năm bốn lần, còn giữa hai kỳ họp thì việc lãnh đạo hoạt động của Cục được giao cho Ban chấp hành Đảng công nhân Bỉ. Chủ tịch Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa là E. Van-đéc-ven-đơ, thư ký là C. Huy-xman. Từ năm 1905 V. I. Lê-nin tham gia Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa với tư cách đại diện của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Năm 1912, Hội nghị đại biểu đảng toàn Nga VI (Hội nghị Pra-ha) lại bầu V. I. Lê-nin làm đại diện cho Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Về sau, theo đề nghị của V. I. Lê-nin, M. M. Lít-vi-nốp được cử làm đại diện của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Từ những ngày đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã biến thành công cụ ngoan ngoãn của bọn xã hội - sô-vanh. — 49.

<sup>27</sup> Tại Hội nghị Xim-méc-van những lời tuyên bố sau đây của cánh tả Xim-méc-van đã được đưa ra đọc:

"Những người ký tên dưới đây tuyên bố:

Bản tuyên ngôn mà hội nghị đã thông qua, không làm cho chúng tôi hoàn toàn thoả mãn. Bản tuyên ngôn đó không có sự nhận định về chủ nghĩa cơ hội trắng trợn cũng như chủ nghĩa cơ hội

được che đậy bằng những lời hoa mỹ cấp tiến – cái chủ nghĩa cơ hội chẳng những là thủ phạm chính trong việc gây ra sự phá sản của Quốc tế, mà còn muốn duy trì mãi mãi sự phá sản đó. Bản tuyên ngôn không có nhận định rõ ràng về các biện pháp đấu tranh chống chiến tranh.

Cũng như từ trước tới nay, trên báo chí xã hội chủ nghĩa và tại các cuộc hội nghị của Quốc tế, chúng tôi sẽ bảo vệ lập trường mác-xít kiên định đối với những nhiệm vụ mà thời đại chủ nghĩa đế quốc đã đặt ra trước giai cấp vô sản.

Chúng tôi biểu quyết tán thành bản tuyên ngôn bởi vì chúng tôi coi tuyên ngôn là lời hiệu triệu đấu tranh, và trong cuộc đấu tranh này chúng tôi muốn kể vai sát cánh với các bộ phận khác của Quốc tế.

Chúng tôi yêu cầu đính kèm theo lời tuyên bố này vào bản báo cáo chính thức".

Bản tuyên bố thứ hai viết:

"Vì việc thông qua điểm bổ sung của chúng tôi vào bản tuyên ngôn (đòi phải biểu quyết chống ngân sách chiến tranh) trong chừng mực nào đó có thể đặt thành vấn đề nghi ngờ kết quả của hội nghị, nên chúng tôi, mặc dù phản đối, nhưng vẫn rút lui đề nghị của mình và bằng lòng với lời tuyên bố của Lê-đê-bua ở trong uỷ ban nói rằng trong bản tuyên ngôn cũng đã có nói cái điều mà đề nghị của chúng tôi muốn nói đến".

Bản tuyên ngôn thứ nhất có chữ của Lê-nin cùng với những thành viên khác của nhóm cánh tả; văn bản của tuyên bố thứ hai do chính tay Lê-nin viết, đã được Người chuẩn bị, có lẽ để in trong số 47 của báo "Người dân chủ - xã hội". Điều chắc chắn hơn cả là Lê-nin đã tham gia soạn thảo những văn kiện này, mà cũng có thể là tác giả những văn kiện ấy. — 52.

<sup>28</sup> *Hội nghị những người xã hội chủ nghĩa nhân dân và những người xã hội - cách mạng ở Nga* họp trong tháng Bảy 1915 ở Pê-tơ-rô-grát, đã thông qua bản nghị quyết kêu gọi quần chúng tích cực tham gia vào việc "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. — 52.

<sup>29</sup> *Hội nghị phụ nữ xã hội chủ nghĩa quốc tế* họp ở Béc-nơ trong những ngày 26-28 tháng Ba 1915. Hội nghị được triệu tập theo sáng kiến của tổ chức ngoài nước của tạp chí "Nữ công nhân" với sự tham gia trực tiếp của Cla-ra Txéc-kin, hội đó là chủ tịch Cục quốc tế phụ nữ xã hội chủ nghĩa. Toàn bộ công tác chuẩn bị

triệu tập hội nghị do I. Ph. Ác-măng, N. C. Crúp-xcai-a và những người khác tiến hành dưới sự lãnh đạo của V. I. Lê-nin. "Với tất cả tấm lòng tha thiết, I-lích đã quên mình dốc sức tập hợp lực lượng để tiến hành cuộc đấu tranh trên mặt trận quốc tế. Có lần Lê-nin nói: "Số lượng chúng ta còn ít, điều đó không sao — rồi sẽ có hàng triệu người đi với chúng ta". Người cũng soạn cả bản nghị quyết của chúng tôi để đưa ra Hội nghị phụ nữ ở Béc-nơ, theo dõi toàn bộ công việc của hội nghị" (N. C. Crúp-xcai-a. Hồi ký về Lê-nin. Tiếng Nga, 1957, tr. 244). Các nhà đương cục tìm đủ mọi cách gây trở ngại cho các nữ đại biểu đi dự hội nghị ở Thụy-sĩ, họ không muốn cấp hộ chiếu thị thực xuất cảnh cho các nữ đại biểu, các nhà lãnh đạo cơ hội chủ nghĩa của các đảng xã hội chủ nghĩa cũng tìm đủ mọi cách gây trở ngại cho các nữ đại biểu, họ dọa khai trừ các nữ đại biểu ra khỏi đảng. Dự hội nghị có 29 nữ đại biểu của các tổ chức phụ nữ của Anh, Đức, Hà-lan, Pháp, Ba-lan, Nga, Thụy-sĩ. Đoàn đại biểu Nga có 7 người; 4 người của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (Ác-măng, Crúp-xcai-a và những người khác) và 3 người của Ban tổ chức.

Phần lớn nữ đại biểu dự hội nghị chịu ảnh hưởng của phái giữa và vì thế mà lẽ ra phải thảo luận những nhiệm vụ chung xã hội chủ nghĩa do có chiến tranh, hội nghị lại hạn chế hoạt động của mình trong việc thảo luận bản báo cáo của C. Txét-kin "Về những hoạt động quốc tế có lợi cho hoà bình của những phụ nữ xã hội chủ nghĩa". Nghị quyết về vấn đề này do C. Txét-kin thảo ra với sự tham gia của những nữ đại biểu Anh và Hà-lan, và mang tính chất phái giữa. Những nữ đại biểu của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại hội nghị đã đưa ra một dự thảo nghị quyết do Lê-nin viết, dự thảo nghị quyết chỉ ra cho phụ nữ xã hội chủ nghĩa con đường đấu tranh cách mạng chống chiến tranh và chống chủ nghĩa cơ hội quốc tế. Tại hội nghị, I. Ph. Ác-măng đã phát biểu ý kiến bênh vực bản dự thảo. Hội nghị đã thông qua bản nghị quyết do C. Txét-kin thảo ra.

V. I. Lê-nin đánh giá hội nghị là một cố gắng nhằm khôi phục lại những mối liên lạc quốc tế và Người ra sức lợi dụng cuộc hội nghị này để đoàn kết những phân tử quốc tế chủ nghĩa trên cơ sở lập trường cách mạng. Song, như về sau Lê-nin đã chỉ rõ, cuộc hội nghị quốc tế này cũng như những cuộc hội nghị quốc tế khác của những người quốc tế chủ nghĩa diễn ra vào thời kỳ đó, mặc dầu có ý nguyện tốt đẹp, nhưng "không định ra đường lối chiến đấu của những người quốc tế chủ nghĩa", "nhiều lắm cũng chỉ lập

lại những nghị quyết đã cũ" và "nhiều lắm thì các cuộc hội nghị ấy cũng chỉ là *giãam chân tại chỗ*" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 36. tr. 425).

Những tài liệu về Hội nghị phụ nữ xã hội chủ nghĩa quốc tế đã được in trong phụ trương của báo "Người dân chủ - xã hội", số 42, ngày 1 tháng Sáu 1915. — 53.

<sup>30</sup> "*Tia lửa*" cũ — tờ báo mác-xít bất hợp pháp toàn Nga đầu tiên do V. I. Lê-nin sáng lập năm 1900 và đã đóng vai trò quyết định trong việc thành lập đảng mác-xít cách mạng của giai cấp công nhân nước Nga. Số đầu tiên của tờ "Tia lửa" Lê-nin-nít có ghi thời gian xuất bản là tháng Chạp 1900, đã được xuất bản ở Lai-pxích; những số tiếp theo được xuất bản ở Muyn-khen, từ tháng Bảy 1902 được xuất bản ở Luân-đôn và từ mùa xuân 1903 thì được xuất bản ở Giơ-ne-vơ. Theo sáng kiến của Lê-nin và với sự tham gia trực tiếp của Người, ban biên tập báo "Tia lửa" đã soạn ra dự thảo cương lĩnh của đảng (in trên báo "Tia lửa", số 21) và đã chuẩn bị Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, là đại hội đã đặt nền móng cho một đảng mác-xít cách mạng ở nước Nga.

Ít lâu sau Đại hội II của đảng, bọn men-sê-vích được sự giúp đỡ của Plê-kha-nốp đã chiếm đoạt tờ "Tia lửa" vào tay chúng. Từ số 52 trở đi báo "Tia lửa" không còn là cơ quan ngôn luận của chủ nghĩa Mác cách mạng nữa. — 56.

<sup>31</sup> *Tổng liên đoàn lao động ở Pháp* (Tổng liên đoàn lao động) — tổ chức thống nhất các công đoàn toàn nước Pháp, hình thành năm 1895. Tổng liên đoàn chịu ảnh hưởng của những người theo phái vô chính phủ - công đoàn và của phái cải lương, những thủ lĩnh của Tổng liên đoàn chỉ thừa nhận những hình thức đấu tranh kinh tế, phủ nhận sự lãnh đạo của đảng của giai cấp vô sản đối với phong trào công đoàn. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất những người lãnh đạo Tổng liên đoàn đã đứng về phía giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa. — 58.

<sup>32</sup> Đầu tháng Mười 1915 Lê-nin đã nhận được những tờ truyền đơn và những tài liệu khác về công tác của những người bôn-sê-vích ở Pê-téc-bua, những truyền đơn và tài liệu này được gửi từ nước Nga sang cho Người theo sự uỷ nhiệm của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Ngày 23 tháng Chín (6 tháng Mười), Người viết cho

V. A. Các-pin-xki như sau: "Nhận được những tin tức rất quan trọng (và phấn khởi) từ nước Nga. Chúng tôi muốn cho ra liền một số báo trung ương nữa (hai trang) để làm sao cho số đó có thể *thực sự* ra ngay được" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49. tr. 216). Số 47 của báo "Người dân chủ - xã hội", Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ra ngày 13 tháng Mười 1915 và in tại nhà in Ben-tê-li (Bun-phli-tơ gần Béc-nơ), đã dành toàn bộ tờ báo nói về hoạt động của những người bôn-sê-vích ở Pê-téc-bua.

Lê-nin đã lập bản liệt kê những truyền đơn nhận được từ Pê-téc-bua, ghi số thứ tự, ngày tháng phát hành, chữ ký, cách in. Những khẩu hiệu trong truyền đơn được ghi thành một cột riêng. Cột cuối cùng dành để ghi "Nội dung và những điểm chính trong cách lập luận"; trên nhiều tờ truyền đơn vẫn còn giữ lại được những bút tích của Lê-nin. Lê-nin đã viết ở một tờ giấy riêng những ý kiến nhận xét về một số tờ truyền đơn.

Lê-nin cũng đã hiệu đính bài viết của N. C. Crúp-xcai-a "Những tờ báo khổ nhỏ của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong thời gian chiến tranh", bài báo này đã được đăng trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 47. Tại Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô hiện vẫn còn giữ lại bản viết đầu tiên của bài báo này với những chỗ hiệu đính của Lê-nin. — 61.

<sup>33</sup> Lê-nin viện dẫn tờ truyền đơn số 9 mà N. C. Crúp-xcai-a có trích dẫn trong bài báo "Những tờ báo khổ nhỏ của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong thời gian chiến tranh", bài báo này đã được đăng trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 47. Trong bản liệt kê do Lê-nin lập có ghi rõ những khẩu hiệu của tờ truyền đơn này là: "Đả đảo chiến tranh! Cuộc cách mạng thứ hai muốn năm! Ba điểm chốt + sự đoàn kết quốc tế của công nhân và chủ nghĩa xã hội". — 61.

<sup>34</sup> *Các uỷ ban công nghiệp - chiến tranh* do giai cấp đại tư sản đế quốc chủ nghĩa lập ra ở nước Nga vào tháng Năm 1915 để giúp chế độ Nga hoàng tiến hành chiến tranh. Chủ tịch Uỷ ban công nghiệp - chiến tranh trung ương là tên đại tư bản A. I. Gu-tơ-cốp, thủ lĩnh phái tháng Mười; thành phần uỷ ban gồm có A. I. Cô-nô-va-lốp, một phần tử thuộc phái tiến bộ, M. I. Tê-rê-sen-cô, chủ ngân hàng và chủ nhà máy đường và những tên trùm tư bản khác.

Để làm cho công nhân phải phục tùng ảnh hưởng của mình và tiêm nhiễm vào công nhân tư tưởng bảo vệ tổ quốc, giai cấp tư sản đã quyết định thành lập các "nhóm công nhân" bên cạnh những uỷ ban đó và qua đó chứng tỏ rằng ở nước Nga đã có "hoà bình giai cấp" giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản. Những người bôn-sê-vích tuyên bố tẩy chay các uỷ ban công nghiệp - chiến tranh và đã thực hiện thắng lợi sự tẩy chay đó với sự ủng hộ của đa số công nhân.

Tại hội nghị của những đại biểu của công nhân Pê-tơ-rô-grát ngày 27 tháng Chín (10 tháng Mười) 1915 có 95 người bỏ phiếu tán thành bản nghị quyết bôn-sê-vích kêu gọi tẩy chay các uỷ ban công nghiệp - chiến tranh và rút khỏi cuộc chiến tranh bằng con đường cách mạng, và 81 người bỏ phiếu tán thành nghị quyết của phái men-sê-vích. Mãi đến hội nghị lần thứ hai, do những công nhân ủng hộ phái bôn-sê-vích rời khỏi hội nghị, phái men-sê-vích do tên xã hội - sô-vanh C. A. Gvô-dơ-đép cầm đầu mới bắt được 10 người vào "nhóm công nhân".

Do kết quả của công tác giải thích mà những người bôn-sê-vích đã tiến hành, nên trong tổng số 239 uỷ ban công nghiệp - chiến tranh khu và địa phương, việc bầu cử các "nhóm công nhân" chỉ tiến hành được trong 70 uỷ ban, và người ta chỉ bầu ra được các đại biểu công nhân trong 36 uỷ ban mà thôi. — 62.

<sup>35</sup> "*Dân quyền*" ("Volksrecht") — tờ báo hàng ngày, cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ; xuất bản tại Xuy-rich từ năm 1898 cho đến ngày nay. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất tờ báo có đăng các bài báo của những người dân chủ - xã hội cánh tả. Tờ báo có đăng những bài của Lê-nin "Mười hai luận điểm sơ yếu về việc G. Grây-lich bệnh vực chủ trương bảo vệ tổ quốc", "Về nhiệm vụ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong cuộc cách mạng Nga", "Mưu kế của những người sô-vanh - cộng hoà" và các bài khác. Hiện nay tờ báo giữ lập trường chống chủ nghĩa cộng sản và chống dân chủ. — 66.

<sup>36</sup> "*Sự nghiệp của chúng ta*" — cơ quan ngôn luận ra hàng tháng của phái men-sê-vích - thủ tiêu; bắt đầu xuất bản từ tháng Giêng 1915 thay cho tạp chí "Bình minh của chúng ta" bị đóng cửa hồi tháng Mười 1914. Tờ "Sự nghiệp của chúng ta" là cơ quan ngôn luận chủ yếu của bọn xã hội - sô-vanh ở Nga. Cộng tác với tạp chí này có E. Ma-ép-xki, P. P. Ma-xlốp, A. N. Pô-tơ-rê-xốp, N. Tsê-rê-va-nin và những người khác. Ra cả thảy được 6 số. — 73.

<sup>37</sup> Bài "*Giai cấp vô sản cách mạng và quyền dân tộc tự quyết*" do Lê-nin viết sau ngày 16 (29) tháng Mười 1915 bằng tiếng Đức. Ngoài bản thảo viết bằng tiếng Đức, hiện cũng còn giữ được bản dịch bài ấy ra tiếng Nga do N. C. Crúp-xcai-a dịch với những chỗ do V. I. Lê-nin sửa vào bản dịch. Trong lần xuất bản này, cũng như trong lần xuất bản trước, bài được in theo đúng bản dịch đó. Một đoạn trích dài của bài đó và một vài trang của bản viết bản đầu tiếng Nga đã được in năm 1937 trong Văn tập Lê-nin tiếng Nga, t. XXX. — 77.

<sup>38</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 178, 179, 227-229, 230-231; C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXIII, 1932. tr. 464. — 81.

<sup>39</sup> Thư "*Gửi đồng chí bí thư 'Liên minh tuyên truyền xã hội chủ nghĩa'*" là bản trả lời tờ báo khổ nhỏ của "Liên minh tuyên truyền xã hội chủ nghĩa" ở Mỹ mà V. I. Lê-nin nhận được ngày 13 tháng Mười một 1915, liên minh này đã được lập ra trong nội bộ Đảng xã hội chủ nghĩa ở Bôn-xtơn năm 1915 với tư cách là một nhóm độc lập có thể hội viên riêng của mình và đảng phí riêng. Liên minh tuyên truyền xã hội chủ nghĩa đứng trên lập trường của phái tả Xim-méc-van; những phần tử cách mạng trong Đảng xã hội chủ nghĩa bắt đầu tập hợp chung quanh liên minh.

Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Liên minh tuyên truyền xã hội chủ nghĩa lập ra Ban thông tin bôn-sê-vích, ban này đã vạch trần sự dối trá và sự vu khống của báo chí tư sản và cải lương đối với nước Cộng hoà xô-viết; trong thời kỳ có cuộc can thiệp vũ trang của nước ngoài, liên minh hoạt động với khẩu hiệu "Không được đụng đến nước Nga xô-viết!". — 88

<sup>40</sup> *Đảng xã hội chủ nghĩa Mỹ* được thành lập vào tháng Bảy 1901 tại đại hội ở In-đi-a-nô-pô-li-xơ, do kết quả của sự thống nhất các nhóm đã tách khỏi Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa và Đảng dân chủ - xã hội Mỹ, mà một trong những người thành lập ở Ô-giê-n Đép-xơ, một nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Mỹ. Đép-xơ cũng là một trong số những người sáng lập ra đảng mới. Thành phần xã hội của đảng không thuần nhất; gia nhập đảng có một bộ phận công nhân người Mỹ, những công nhân nhập cư và có cả những phéc-mi-ê nhỏ và những người xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản. Ban lãnh đạo theo phái giữa và cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh của đảng (V.L. Bóc-giơ, Mô-rít Hin-quýt và những

người khác) phủ nhận sự cần thiết của chuyên chính vô sản, từ bỏ những phương pháp đấu tranh cách mạng đồng thời thu hẹp hoạt động của đảng lại chủ yếu chỉ còn là tham gia các cuộc vận động bầu cử. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, trong Đảng xã hội chủ nghĩa đã hình thành ba phái; phái xã hội - sô-vanh ủng hộ chính sách đế quốc chủ nghĩa của chính phủ; phái giữa chỉ phản đối cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa trên lời nói mà thôi; thiếu số cách mạng đứng trên lập trường quốc tế chủ nghĩa và đấu tranh chống chiến tranh.

Dựa vào những phần tử vô sản, cánh tả của Đảng xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Sác-lơ Ru-ten-béc-gơ, Uy-li-am Phoóc-xơ, Uy-li-am Hây-vút và những người khác đã tiến hành cuộc đấu tranh chống lại ban lãnh đạo cơ hội chủ nghĩa của đảng nhằm tiến hành các hoạt động chính trị độc lập của giai cấp vô sản, thành lập các công đoàn sản xuất, trên cơ sở những nguyên tắc đấu tranh giai cấp. Năm 1919, trong Đảng xã hội chủ nghĩa đã xảy ra phân liệt. Cánh tả sau khi rút ra khỏi Đảng xã hội chủ nghĩa đã trở thành người khởi xướng việc thành lập Đảng cộng sản Mỹ và là hạt nhân chủ yếu của đảng này.

Hiện nay Đảng xã hội chủ nghĩa là một tổ chức biệt phái có số lượng đảng viên rất ít ỏi.

*Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Mỹ* được thành lập vào năm 1876 tại đại hội thống nhất họp tại Phi-la-đen-phi-a, do kết quả của việc hợp nhất các chi bộ của Quốc tế I ở Mỹ với những tổ chức xã hội chủ nghĩa khác. Đại hội được tiến hành với sự tham gia lãnh đạo của Ph. A. Doóc-gê, bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-nen. Chiếm tuyệt đại đa số trong đảng là những người nhập cư ít có quan hệ với công nhân bản địa người Mỹ. Trong những năm đầu, phái Lát-xan, những kẻ đã phạm sai lầm biệt phái- giáo điều, chiếm địa vị lãnh đạo trong đảng. Một bộ phận các nhà lãnh đạo đảng này coi nhiệm vụ chủ yếu của đảng là hoạt động nghị trường và đánh giá thấp tầm quan trọng của sự lãnh đạo cuộc đấu tranh kinh tế của quần chúng, còn một số khác thì sa vào chủ nghĩa công liên và chủ nghĩa vô chính phủ. Những sự dao động về tư tưởng và về sách lược của ban lãnh đạo đảng đã dẫn tới việc làm suy yếu đảng và làm cho nhiều nhóm rời bỏ đảng. Mác và Ăng-ghe-nen đã kịch liệt phê phán sách lược biệt phái của những người xã hội chủ nghĩa Mỹ.

Vào những năm 90, cánh tả do Đ. đơ Lê-ôn đứng đầu, đã nắm được quyền lãnh đạo của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa, nhưng phái này đã phạm sai lầm có tính chất công đoàn chủ nghĩa -

vô chính phủ. Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa đã từ bỏ cuộc đấu tranh nhằm thực hiện những yêu sách từng phần của giai cấp công nhân, từ bỏ công tác trong các công đoàn theo chủ nghĩa cải lương và ngày càng để mất những mối liên hệ vốn đã yếu ớt với phong trào công nhân có tính chất quần chúng. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa ngã theo chủ nghĩa quốc tế. Do ảnh hưởng của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, bộ phận cách mạng nhất của đảng đã tham gia tích cực vào việc thành lập Đảng cộng sản Mỹ. Hiện nay, Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa là một tổ chức có ít người, không có ảnh hưởng đến phong trào công nhân Mỹ. — 93.

<sup>41</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 399 - 401, 414 - 416; Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVIII, 1940, tr. 177 - 179. — 94.

<sup>42</sup> "*Lời kêu gọi*" — tờ báo ra hàng tuần, cơ quan ngôn luận của phái men-sê-vích và của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng; xuất bản tại Pa-ri từ tháng Mười 1915 đến tháng Ba 1917. Bài báo của Plê-kha-nốp "Hai đường lối cách mạng" mà Lê-nin phê phán, đã được đăng trên báo này ngày 17 tháng Mười 1915. — 96.

<sup>43</sup> *Phái tháng Mười* — những đảng viên của đảng "Liên minh ngày 17 tháng Mười" thành lập ở nước Nga sau ngày Nga hoàng công bố đạo dụ ngày 17 tháng Mười 1905. Đó là một đảng phản cách mạng, đại diện và bảo vệ các quyền lợi của giai cấp đại tư sản và của bọn địa chủ kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa; cầm đầu đảng này là A. I. Gu-tơ-cốp, một nhà công nghiệp có tiếng tăm và là chủ nhà đất ở Mát-xcơ-va và tên đại địa chủ M. V. Rốt-di-an-cô. Phái tháng Mười hoàn toàn ủng hộ chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ Nga hoàng. — 96.

<sup>44</sup> Xem C. Mác. "Dự luật về việc bãi bỏ những đảm phụ phong kiến", "Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850" và "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 5, tr. 299. t. 7, tr. 22 và t. 8, tr. 141 - 142). — 97.

<sup>45</sup> Có ý nói đến Hội nghị đại biểu VI toàn Nga (Hội nghị Pra-ha) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp trong những ngày 5 - 17 (18 - 30 tháng Giêng 1912 ở Pra-ha. Hội nghị Pra-ha trên



thực tế đã đóng vai trò một đại hội. V. I. Lê-nin đã lãnh đạo hội nghị. Người đã đọc các bản báo cáo về tình hình hiện nay và những nhiệm vụ của đảng, về công tác của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, và cũng đã phát biểu về những vấn đề khác. Lê-nin là tác giả những dự án nghị quyết về tất cả các vấn đề quan trọng nhất trong chương trình nghị sự của hội nghị. Hội nghị Pra-ha của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã đóng vai trò xuất sắc trong việc xây dựng đảng bôn-sê-vích, đảng kiểu mới, trong việc củng cố sự thống nhất của đảng. Chi tiết hơn về Hội nghị Pra-ha, xem trong V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 21, tr. 157 - 201.

Khi nói về "ba điểm chốt", Lê-nin có ý nói đến những khẩu hiệu của đảng bôn-sê-vích: 1) thành lập chế độ cộng hoà dân chủ, 2) thực hiện ngày làm tám giờ, 3) tịch thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ, — 100.

- <sup>46</sup> Đây có ý nói đến Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, họp tại Xtốc-khôn trong những ngày 10 - 25 tháng Tư (23 tháng Tư - 8 tháng Năm) 1906. Lê-nin đã phân tích các công tác của đại hội trong cuốn sách nhỏ "Báo cáo về Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (Thư gửi công nhân Pê-téc-bua)" "Toàn tập, tiếng Việt Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 1-85). Yêu cầu về một tổ chức riêng của giai cấp vô sản nông thôn mà Lê-nin nói đến, đã được đưa vào nghị quyết sách lược của đại hội về vấn đề ruộng đất, trong đoạn trình bày sau đây: "Đồng thời, dù trong trường hợp nào đi nữa, và bất luận là những cuộc cải cách ruộng đất có tính chất dân chủ ở vào tình trạng như thế nào, đảng vẫn đặt ra cho mình nhiệm vụ không ngừng cố gắng đạt tới một tổ chức giai cấp độc lập của giai cấp vô sản nông thôn. Giải thích cho họ rõ tính đối lập không điều hoà được giữa những quyền lợi của họ với quyền lợi của giai cấp tư sản nông thôn, phòng trước cho họ tránh khỏi sự quyến rũ của hệ thống kinh tế tiểu nông, mà khi sản xuất hàng hoá còn tồn tại thì hệ thống kinh tế này không bao giờ có thể thủ tiêu được sự bần cùng của quần chúng và cuối cùng, chỉ ra cho họ thấy rõ cần thiết phải thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa triệt để là biện pháp duy nhất để xoá bỏ mọi sự bần cùng và mọi sự bóc lột" ("Đảng công sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", tiếng Nga, phần I, 1954, tr. 125). — 102.

- <sup>47</sup> "*Die Glocke*" ("Cái chuông") — tạp chí do Pác-vu-xơ (A. L. Ghen-phan-đơ), đảng viên Đảng dân chủ - xã hội Đức, một phần tử xã hội - sô-vanh xuất bản ở Muyn-khen, và sau đó là ở Béc-ling trong những năm 1915 - 1925. — 104.

- <sup>48</sup> "*Tiếng nói của nhân dân*" ("Volksstimme") — tờ báo, cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức, xuất bản ở Hem-ni-tơ từ năm 1891. — 105.

- <sup>49</sup> "*Buổi sáng công nhân*" — tờ báo hợp pháp của phái men-sê-vích; xuất bản ở Pê-tơ-rô-grát trong thời gian tháng Mười - tháng Chạp 1915. Báo "Buổi sáng công nhân" là tờ báo kế tục báo "Buổi sáng" xuất bản trong tháng Tám 1915. Tờ báo này đã che đậy chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và chủ trương vệ quốc bằng những lời hoa mỹ có tính chất quốc tế chủ nghĩa. — 108.

- <sup>50</sup> *Kẻ nặc danh ở Cô-pen-ha-gơ* là L. Đ. Tơ-rốt-xki, y được người ta đặt cho biệt danh ấy từ thời gian Hội nghị Cô-pen-ha-gơ (1910), khi y viết trên tờ "Vorwärts" cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức ngày 28 tháng Tám 1910 một bài vu khống nặc danh nói về tình hình trong nội bộ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Do bài báo ấy của Tơ-rốt-xki, được đăng trên báo "Vorwärts" nên các thành viên của đoàn đại biểu Nga đang dự Hội nghị Cô-pen-ha-gơ là V. I. Lê-nin, G. V. Plê-kha-nốp và A. Vác-xki (A. X. Vác-sáp-xki), đại diện Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan đã gửi thư phản kháng đến Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - xã hội Đức.

Trong trường hợp này, V. I. Lê-nin có ý nói đến những bài không ký tên đăng trên tờ "Volksrecht" ("Dân quyền") ngày 18 tháng Chạp 1915, là bài "Chủ nghĩa dân tộc Nga và giai cấp công nhân" và đăng trên tờ báo "Lời nói của chúng ta" ngày 19 tháng Chạp, là bài "Những sự kiện và kết luận (Lại nói về những cuộc bầu cử ở Pê-tơ-rô-grát)". Báo "Lời nói của chúng ta" lúc ấy do Tơ-rốt-xki làm tổng biên tập. — 109.

- <sup>51</sup> *Rê-pê-ti-lốp* — nhân vật trong hài kịch của A. X. Gri-bô-ê-đốp "Khổ vì khôn". — III.

- <sup>52</sup> *Hội nghị Luân-đôn của những người xã hội chủ nghĩa các nước thuộc phe "Đông minh tay ba"* họp ngày 14 tháng Hai 1915. Tham dự hội nghị có các đại biểu của phái xã hội - sô-vanh và các nhóm

hoà bình chủ nghĩa của Anh, Pháp, Bỉ và Nga: Đảng công nhân độc lập, Đảng xã hội chủ nghĩa Anh, Công đảng, Hội Pha - biêng, Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, Tổng liên đoàn lao động, Đảng xã hội chủ nghĩa Bỉ, Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, phái men-sê-vích. Chương trình nghị sự của hội nghị có những vấn đề: 1) các quyền của các dân tộc; 2) các thuộc địa; 3) những bảo đảm cho nền hoà bình tương lai.

Những người bôn-sê-vích không được mời đến dự hội nghị. Tuy vậy, theo sự uỷ nhiệm của V. I. Lê-nin, M. M. Lit-vi-nốp đã đến hội nghị để đọc bản tuyên bố của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Bản dự thảo do V. I. Lê-nin viết đã được lấy làm cơ sở cho bản tuyên bố. Bản tuyên bố nêu lên những đòi hỏi: những người xã hội chủ nghĩa phải rút ra khỏi các chính phủ tư sản, đoạn tuyệt hoàn toàn với bọn đế quốc, từ chối việc hợp tác với bọn đế quốc, đấu tranh kiên quyết chống lại các chính phủ đế quốc chủ nghĩa và lên án việc biểu quyết thông qua ngân sách quân sự. Trong khi Lit-vi-nốp đọc bản tuyên bố, người ta đã ngắt lời ông và cắt không cho ông nói, và sau khi chuyển cho đoàn chủ tịch văn bản bản tuyên bố, Lit-vi-nốp bỏ hội nghị ra về. Về hội nghị Luân-đôn, xem các bài của V. I. Lê-nin "Về Hội nghị Luân-đôn" và "Nhân Hội nghị Luân-đôn" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 194-196 và 217 - 220). — 112.

<sup>53</sup> *Khối tháng Tám* — một khối chống đảng gồm phái thủ tiêu, phái Tơ-rốt-xki và những phần tử cơ hội chủ nghĩa khác, nhằm chống những người bôn-sê-vích. Kế tổ chức ra khối này là Tơ-rốt-xki. Khối này được thành lập tại hội nghị các đại biểu của các nhóm và các phái chống đảng, họp tại Viên tháng Tám 1912. Tuyệt đại đa số đại biểu là những người sống ở nước ngoài và không có liên hệ với giai cấp công nhân ở nước Nga, không có quan hệ trực tiếp với công tác đảng ở địa phương. Hội nghị đã thông qua những nghị quyết có tính chất thủ tiêu, chống đảng trên tất cả mọi vấn đề về sách lược dân chủ - xã hội và phản đối sự tồn tại của đảng bất hợp pháp. Về sự tan rã của khối tháng Tám, xem những bài viết của V. I. Lê-nin "Sự tan rã của khối "tháng Tám"", "Khối "tháng Tám" giả tạo bị bóc trần" và "Về việc phá hoại sự thống nhất, che đậy bằng những lời kêu gào thống nhất" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 25, tr. 1-5, 32-36 và 211-239). — 114.

<sup>54</sup> Có ý nói đến cuốn sách nhỏ của C. Cau-xky "Der Weg zur Macht" ("Con đường giành chính quyền") xuất bản ở Hăm-bua và Béc-lanh năm 1909. — 123.

<sup>55</sup> Bài "*Chủ nghĩa cơ hội và sự phá sản của Quốc tế II*" được viết vào cuối năm 1915 bằng tiếng Nga, có lẽ là sớm hơn đôi chút so với bài cùng tên viết bằng tiếng Đức và đăng vào tháng Giêng 1916 trong số đầu của tạp chí "Vorbote" ("Người tiên khu"), cơ quan lý luận của phái tả Xim-méc-van (xem tập này, tr. 149 - 166). Bài này khác chút ít so với bài đăng trong tạp chí "Vorbote". Bản thảo của bài viết bằng tiếng Nga giữ lại được không trọn vẹn; bản thảo gồm mười trang giấy khổ vở học sinh viết bằng nét chữ rõ ràng, nhỏ li ti và được đánh số trang, và nửa trang không có đánh số. Bài này được in lần đầu tiên vào năm 1924 trên tạp chí "Cách mạng vô sản", số 5. — 127.

<sup>56</sup> "*Sozialistische Monatshefte*" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa") — tạp chí, cơ quan ngôn luận chủ yếu của những người cơ hội chủ nghĩa ở Đức, và là một trong những cơ quan ngôn luận của chủ nghĩa xét lại quốc tế. Xuất bản ở Béc-lanh từ năm 1897 đến năm 1933. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất tạp chí này đã giữ lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. — 134.

<sup>57</sup> *Phái Pha-biêng* — những thành viên của Hội Pha-biêng, một tổ chức theo chủ nghĩa cải lương ở Anh được thành lập vào năm 1884; hội lấy tên theo tên của thống soái La-mã thế kỷ thứ III trước công nguyên là Pha-biêng Mác-xim, người được mệnh danh "Cun-cta-to" ("Người chờ thời") vì chiến thuật chờ thời của ông, do ông tránh những trận quyết chiến trong cuộc chiến tranh với Han-ni-ban. Hội viên của Hội Pha-biêng phần đông là những người đại diện cho tầng lớp trí thức tư sản — những nhà khoa học, nhà văn, nhà hoạt động chính trị (chẳng hạn như X. và B. Ve-ơ, B. Sô, R. Mác-đô-nan và những người khác); họ phủ nhận tính tất yếu của đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và của cách mạng xã hội chủ nghĩa và khẳng định rằng sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thực hiện được bằng những cuộc cải cách nhỏ và những cải tạo xã hội dần từng bước. V. I. Lê-nin nhận định phong trào Pha-biêng "là một khuynh hướng của *chủ nghĩa cơ hội cực đoan*" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 428). Năm 1900 Hội Pha-biêng gia nhập Công đảng. "Chủ nghĩa xã hội Pha-biêng" là một trong những nguồn gốc của hệ tư tưởng của Công đảng.

Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phái Pha-biêng giữ lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Xem nhận định về phái Pha-biêng trong bài của V. I. Lê-nin "Chủ nghĩa hoà bình Anh và sự không ưa lý luận ở Anh" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 331 - 339). — 134.

<sup>58</sup> *Công đảng* (Labour Party) Anh được thành lập năm 1900 như là sự hợp nhất các công đoàn - các công liên, các tổ chức và các nhóm xã hội chủ nghĩa nhằm mục đích đưa những đại biểu công nhân vào nghị viện ("Ủy ban đại diện công nhân"). Năm 1906 uỷ ban này đổi tên thành Công đảng. Các hội viên công liên mặc nhiên trở thành đảng viên của đảng với điều kiện đóng đảng phí. Đứng đầu Công đảng là Ban chấp hành, Ban chấp hành này cùng với Tổng hội công liên và Ban chấp hành Đảng hợp tác xã, lập thành cái gọi là Hội đồng lao động toàn quốc. Liên kết chặt chẽ với Công đảng có Đảng hợp tác xã - đảng này tham gia Công đảng với tư cách một thành viên tập thể - và Đảng công nhân độc lập.

Công đảng tuy lúc mới hình thành - xét về mặt thành phần mà nói - là một đảng công nhân (về sau, một số khá lớn phần tử tiểu tư sản đã gia nhập đảng), nhưng đứng về hệ tư tưởng và sách lược của nó mà xét, nó lại là một tổ chức cơ hội chủ nghĩa. Từ khi đảng này thành lập, những người lãnh đạo của nó thường thi hành chính sách hợp tác giai cấp với giai cấp tư sản. "Công đảng là đảng có tính chất thực sự tư sản, vì dù nó bao gồm công nhân, nhưng lại bị lãnh đạo bởi những tên phản động, những tên phản động tệ hại nhất, hành động hoàn toàn theo tinh thần của giai cấp tư sản..." (V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 41, tr. 313). Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất, những người lãnh đạo Công đảng giữ lập trường xã hội - sô-vanh.

Những đảng viên Công đảng đã nhiều lần đứng ra lập chính phủ (trong các năm 1924, 1929, 1945 và 1950), những chính phủ này đều thi hành chính sách của chủ nghĩa đế quốc Anh. Việc những người lao động Anh bất bình với chính sách phản động của ban lãnh đạo Công đảng đã dẫn tới việc thành lập phái tả trong đảng nhằm chống lại chính sách chính thức của ban lãnh đạo đảng. — 134.

<sup>59</sup> Những người xã hội chủ nghĩa phái "rộng" ở Bun-ga-ri (còn được gọi là những người thuộc phái "Sự nghiệp chung") là một phái cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ - xã hội Bun-ga-ri, từ năm 1900,

phái này đã ra một tạp chí lấy tên là "Sự nghiệp chung". Sau khi xảy ra sự phân liệt tại Đại hội X của Đảng dân chủ - xã hội hợp tại thành phố Ru-xơ năm 1903, họ lập ra Đảng dân chủ - xã hội Bun-ga-ri cải lương (của những người xã hội chủ nghĩa phái "rộng"). Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất phái "Sự nghiệp chung" giữ lập trường sô-vanh.

Năm 1942, cánh tả của Đảng dân chủ - xã hội Bun-ga-ri gia nhập Mặt trận tổ quốc, mặt trận này được thành lập dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Sau khi loại trừ ra khỏi hàng ngũ của mình những phần tử đối địch, tháng Tám 1948, cánh tả Đảng dân chủ - xã hội hợp nhất với Đảng cộng sản trên nền tảng tư tưởng và những nguyên tắc tổ chức của chủ nghĩa Mác - Lê-nin; Đảng cộng sản Bun-ga-ri bắt đầu được gọi là Đảng công nhân (cộng sản) Bun-ga-ri. — 134.

<sup>60</sup> "*PreuBische Jahrbücher*" ("Niên giám Phổ") — một nguyệt san theo khuynh hướng bảo thủ ở Đức viết về các vấn đề chính trị, lịch sử và văn học; xuất bản tại Béc-ling từ năm 1858 đến năm 1935. — 136.

<sup>61</sup> *Các công liên* — những nghiệp đoàn ở Anh. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, đa số những người lãnh đạo công liên giữ lập trường xã hội chủ nghĩa - sô-vanh. Những nhà tư tưởng của các công liên phủ nhận sự cần thiết phải thành lập đảng cách mạng của giai cấp vô sản, trên thực tế họ thu hẹp vai trò của đảng công nhân lại chỉ còn là một cơ quan đại diện cho các công liên tại nghị viện. — 137.

<sup>62</sup> *Phái Giô-re-xơ* — những người đi theo Gi. Giô-re-xơ, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp và quốc tế. Bên cạnh những cống hiến to lớn (Gi. Giô-re-xơ đấu tranh không mệt mỏi cho chế độ dân chủ, cho những quyền tự do của nhân dân, cho hoà bình, chống ách áp bức đế quốc chủ nghĩa và các cuộc chiến tranh ăn cướp), Giô-re-xơ và những người thuộc phái ông ta lên tiếng xét lại những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác. Phái Giô-re-xơ cho rằng chủ nghĩa xã hội sẽ thắng không phải bằng con đường đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, mà do kết quả của "sự phát triển rực rỡ của tư tưởng dân chủ". Phái Giô-re-xơ tuyên truyền cho hoà bình giai cấp giữa những kẻ đi áp bức với những người bị áp bức, tán thành những ảo tưởng của phái Pru-đông về sự hợp tác, cho rằng việc phát triển sự hợp tác đó trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đương như sẽ thúc

đẩy sự quá độ dần dần sang chủ nghĩa xã hội. Năm 1902 phái Giô-re-xơ thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, một đảng đứng trên lập trường cải lương chủ nghĩa. Năm 1905 đảng này hợp nhất với Đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp của Ghe-đơ thành một đảng là Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm cải lương chủ nghĩa của Giô-re-xơ và của phái Giô-re-xơ. Việc Giô-re-xơ đấu tranh cho hoà bình, chống nguy cơ của cuộc chiến tranh đang tới gần đã làm cho giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa căm thù ông. Ngay trước khi nổ ra chiến tranh thế giới thứ nhất, Giô-re-xơ bị bọn tay chân của thế lực phản động giết hại.

Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, phái Giô-re-xơ — phái chiếm ưu thế trong ban lãnh đạo Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp — đã công khai lên tiếng ủng hộ cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và giữ lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. — 137.

<sup>63</sup> Xem Ph. Ăng-ghe-n. "Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh dân chủ - xã hội năm 1891" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 109). — 138.

<sup>64</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 459. — 141.

<sup>65</sup> Xem. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXIX, 1946, tr. 265. — 141.

<sup>66</sup> Bài "Chủ nghĩa cơ hội và sự phá sản của Quốc tế II" được in trên tạp chí "Vorbote" ("Người tiên khu") số 1, tháng Giêng 1916.

"Vorbote" — tạp chí, cơ quan lý luận của phái tả Xim-méc-van; xuất bản bằng tiếng Đức ở Béc-nơ. Ra được hai số; số 1 - tháng Giêng và số 2 - tháng Tư 1916. Những người chính thức xuất bản tạp chí là G. Rô-lăng-Hôn-tơ và A. Pan-nê-cúc. Lê-nin đã hăng hái tham gia thành lập tạp chí, và sau khi số 1 của tạp chí được xuất bản, Người đã tích cực tham gia tổ chức dịch tạp chí ra tiếng Pháp để phổ biến rộng rãi hơn nữa. Trên các trang của tạp chí, những người theo phái tả Xim-méc-van đã tiến hành cuộc tranh luận về vấn đề quyền dân tộc tự quyết và về khẩu hiệu "giải trừ quân bị". Ngoài bài "Chủ nghĩa cơ hội và sự phá sản của Quốc tế II", tạp chí này còn đăng bài của Lê-nin "Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết (Đề cương)". — 149.

<sup>67</sup> Xem Ph. Ăng-ghe-n. "Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh dân chủ - xã hội năm 1891" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 109). — 158.

<sup>68</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 459. — 160.

<sup>69</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXIX, 1946, tr. 265. — 160.

<sup>70</sup> "The Labour Leader" ("Người lãnh tụ công nhân") — tờ báo ra hàng tuần. Xuất bản từ năm 1891 cho đến ngày nay. Từ năm 1893 là cơ quan ngôn luận của Đảng công nhân độc lập Anh. Từ năm 1922, tờ báo được xuất bản dưới tên gọi "New Leader" ("Lãnh tụ mới"); từ năm 1946 tờ báo mang tên "Socialist Leader" ("Lãnh tụ xã hội chủ nghĩa"). — 165.

<sup>71</sup> Lê-nin trực tiếp bắt tay vào việc viết cuốn sách "Những tài liệu mới về những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tập I. Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp ở Hợp chúng quốc Mỹ" vào đầu năm 1915. Trước đó Lê-nin đã bắt tay vào việc nghiên cứu số liệu thống kê nông nghiệp Hợp chúng quốc Mỹ. Trong bức thư gửi sang nước Mỹ cho nhà kinh tế học I. A. Guốc - vích, đề ngày 14 (27) tháng Hai 1914, Lê-nin viết: "Ở Pa-ri tôi có nghiên cứu thống kê nông nghiệp Mỹ (vol. V. Agriculture - census of 1900) — tôi tìm thấy rất nhiều điều thú vị... Tôi rất cần cuốn Agriculture - vol. V. census of 1900 - và cũng cần cuốn census of 1910 (nếu chưa được xuất bản thì những bản tin sơ bộ)" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 48, tr. 265). Trong thư đề ngày 5 (18) tháng Năm 1914 gửi đi Niu-ôóc cho N. N. Na-cô-ri-a-cốp, Lê-nin cảm ơn về việc ông ta đã gửi cho Người những bản tin của lần điều tra thứ 13 và tập năm của lần điều tra thứ 12 (1900) và Người hỏi ông ta về tập V Agriculture, của lần điều tra thứ 13 năm 1910 (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 48, tr. 287).

Sau khi viết xong cuốn sách vào cuối năm 1915, Lê-nin gửi bản thảo về Pê-tơ-rô-grát cho A. M. Goóc-ki để đưa nhà xuất bản "Cánh buồm". Trong bức thư gửi cùng một lúc với bản thảo Người viết: "Tôi đã cố gắng trình bày một cách thật phổ cập những tài liệu mới về nước Mỹ, những tài liệu mà tôi tin chắc là đặc biệt hữu ích cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác và chứng minh chủ nghĩa Mác bằng những sự thật... Tôi muốn viết tiếp và sau đó cho xuất bản tập II nữa - nói về nước Đức" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49, tr. 231). Ngày 7 tháng Tám 1914, khi lục soát nhà Lê-nin ở Pô-rô-nin, bọn hiến binh đã tịch

thu được ba cuốn vở ghi những con số thống kê liên quan đến chế độ ruộng đất ở Đức, Áo, Hung; việc đó nói lên rằng Lê-nin có ý định viết những tập tiếp theo nói về nước Đức và nước Áo và đã bắt tay vào việc viết những tập sách đó. Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô hiện còn giữ được một phần tài liệu chuẩn bị cho những tập sách tiếp theo nói về nước Đức. Cũng xem bài của V. I. Lê-nin "Chế độ tư bản chủ nghĩa trong nền nông nghiệp hiện đại" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 19, tr. 415 - 446).

Những tài liệu chuẩn bị cho cuốn sách "Những tài liệu mới về những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tập I": những bản phác thảo dàn bài cuốn sách và những ghi chép rút ra từ những báo cáo thống kê của hai cuộc điều tra ở nước Mỹ (1900 và 1910) đã được đăng trong Văn tập Lê-nin, tập XIX năm 1932. — 167.

<sup>72</sup> "*Lời giáo huấn*" — tạp chí văn hoá — chính trị ra hàng tháng theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa - cách mạng; xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Tư 1912 đến tháng Bảy 1914. — 172.

<sup>73</sup> Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 627. — 178

<sup>74</sup> Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 627 - 652. — 231.

<sup>75</sup> *Cây khoai nước* - một loại cây sống nhiều năm ở vùng nhiệt đới; củ của nó dùng làm thức ăn. — 250.

<sup>76</sup> "*Dự thảo nghị quyết về việc triệu tập Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai*" được viết trong thời gian Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng (I. S. K., Internationale Sozialistische Kommission) — cơ quan chấp hành của Liên hiệp Xim-méc-van - họp hội nghị. Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng có các đoàn đại diện thường trực của các đảng xã hội chủ nghĩa tham gia, đã được thành lập ít lâu sau Hội nghị Xim-méc-van, vào tháng Chín 1915. Tham gia uỷ ban này có V. I. Lê-nin, I. Ph. Ác-măng, G. E. Di-nô-vi-ép, đại diện cho Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Hội nghị Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng họp ở Béc-nơ từ ngày 5 đến hết ngày 9 tháng Hai 1916. Tham dự hội nghị có 22 đại biểu thay mặt những người quốc tế chủ nghĩa ở nhiều nước, trong đó có Đức, Nga, Ý, Na-uy, Áo, Ba-lan, Thụy-sĩ,

Bun-ga-rin, Ru-ma-ni. Thành phần tham dự hội nghị là bằng chứng nói lên rằng so sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho phái tả, tuy nhiên phần đông những người dự hội nghị này cũng như tại Hội nghị Xim-méc-van, là phái giữa.

Lê-nin tham gia tích cực vào công tác của hội nghị: Người soạn thảo "Dự thảo nghị quyết về việc triệu tập Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai" và đề nghị của đoàn đại biểu về điều kiện đại diện tại hội nghị (xem tập này, tr. 293). Tại hội nghị, Lê-nin đã phê phán chủ nghĩa quốc tế giả hiệu của bọn men-sê-vích, phát biểu ý kiến về cách thảo luận bản dự thảo lời kêu gọi của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế "Gửi tất cả các đảng và các nhóm đồng tình", đưa ra những điểm sửa đổi bản dự thảo lời kêu gọi; thay mặt những người bên-sê-vích và ban lãnh đạo xứ của đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va, Người đọc lời tuyên bố phản đối việc mời Cau-xky, Ha-dơ và Béc-stanh tham dự hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai. Văn bản lời tuyên bố đó có đoạn viết: "Hoạt động của những người này trong những năm cuối cùng trước khi nổ ra chiến tranh, việc họ đấu tranh chống lại những hoạt động cách mạng của quần chúng nhân dân, quan điểm xã hội - yêu nước chủ nghĩa và xã hội hoà bình chủ nghĩa không hề cho ta một cơ sở nào để cho rằng trên thực tế, chứ không phải chỉ trên lời nói, họ có thể đứng trên lập trường của phong trào Xim-méc-van".

Hội nghị đã thông qua lời kêu gọi "Gửi tất cả các đảng và các nhóm đồng tình" ("Rundschreiben an alle angeschlossenen Parteien und Gruppen"), trong đó dưới sức ép của những người bên-sê-vích và những người dân chủ - xã hội cánh tả, người ta đã ghi vào những điểm sửa đổi theo tinh thần của phái tả Xim-méc-van. Lời kêu gọi lên án việc những người xã hội chủ nghĩa tham gia các chính phủ tư sản, lên án khẩu hiệu "bảo vệ tổ quốc" trong cuộc chiến tranh đế quốc và bỏ phiếu thông qua ngân sách quân sự, lời kêu gọi cũng chỉ rõ sự cần thiết phải ủng hộ phong trào công nhân và chuẩn bị các hoạt động cách mạng có tính chất quần chúng chống lại cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Tuy nhiên lời kêu gọi có thiếu sót là không triệt để, do chỗ trong lời kêu gọi không nêu lên yêu cầu đòi đoạn tuyệt với chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và chủ nghĩa cơ hội. Không phải tất cả mọi điểm sửa đổi mà V. I. Lê-nin đưa ra để bổ sung vào lời kêu gọi đều được hội nghị thông qua. Khi biểu quyết thông qua văn bản lời kêu gọi, những đại diện phái tả Xim-méc-van tuyên bố tại hội nghị rằng mặc dù không phải tất cả mọi điểm trong lời kêu gọi đều là thoả đáng, nhưng họ vẫn biểu quyết tán thành lời kêu gọi, vì trong đó họ nhận thấy có

một bước tiến bộ so với những nghị quyết của Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất họp ở Xim-méc-van.

"Dự thảo nghị quyết về việc triệu tập Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai" do Lê-nin đưa ra, đã được thảo luận tại hội nghị của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng; nhiều điểm trong bản dự thảo nghị quyết đã được chấp nhận. Hội nghị đã ấn định thời gian triệu tập Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai. Sau hội nghị ít lâu, Lê-nin đã gửi đến các chi bộ bên-sê-vích ở ngoài nước bản thông báo về thời gian họp kèm theo chỉ thị phải chuẩn bị ngay cho Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai sắp họp. — 291.

<sup>77</sup> Đề án này của Lê-nin đã được chấp nhận. Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế kêu gọi tất cả các đảng, các tổ chức và các nhóm đồng tình hãy đưa ra những đề án về các điểm trong chương trình nghị sự của Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai. Những đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về tất cả các điểm chủ yếu của chương trình nghị sự của hội nghị đều do Lê-nin soạn thảo. Xem bản sơ thảo, và bản trình bày cuối cùng các đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong tập này, tr. 362 - 376 và 578 - 593. — 292.

<sup>78</sup> Đề án này do Lê-nin viết trong thời gian hội nghị Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng họp ở Béc-nơ. Đề án được hội nghị thảo luận và thông qua. — 293.

<sup>79</sup> Cuộc mít-tinh quốc tế được cử hành tại hội trường của Cung nhân dân ở Béc-nơ trong những ngày Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng họp hội nghị. Phát biểu tại cuộc mít - tinh, ngoài V.I.Lê-nin ra, còn có G. Mô-đi-li-a-ni (Ý), Kh. Ra-cốp-xki (Ru-ma-ni) và R. Grim (Thụy-sĩ). — 295.

<sup>80</sup> "*Appeal to Reason*" ("Kêu gọi theo lẽ phải") — tờ báo của những người xã hội chủ nghĩa Mỹ; thành lập năm 1895 tại thành phố Gi-rắc-đơ, bang Can-da-xơ (Mỹ). Tuy không có liên hệ chính thức với Đảng xã hội chủ nghĩa Mỹ, nhưng tờ báo đã tiến hành tuyên truyền những tư tưởng xã hội chủ nghĩa và được công nhân rất yêu chuộng. Nhà xã hội chủ nghĩa Mỹ Ô. Đép-xơ đã cộng tác với tờ báo này. — 298.

<sup>81</sup> "*La Bataille*" ("Chiến đấu") — tờ báo, cơ quan ngôn luận của phái vô chính phủ - công đoàn chủ nghĩa ở Pháp; xuất bản ở Pa-ri từ

năm 1915 đến năm 1920 thay cho tờ báo "La Bataille Syndicaliste" bị đóng cửa vào tháng Chín 1915; trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tờ báo giữ lập trường sô-vanh. — 300.

<sup>82</sup> "*Vorwärts*" ("Tiến lên") — tờ báo hàng ngày, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức; xuất bản tại Béc-lanh từ năm 1891, dưới tên gọi (Vorwärts. Berliner Volksblatt" ("Tiến lên. Báo nhân dân Béc-lanh") theo quyết định của Đại hội của đảng họp ở Han-ơ, coi đó là tiếp tục tờ báo "Berliner Volksblatt" ("Báo nhân dân Béc-lanh") xuất bản từ năm 1884. Trên các trang báo này, Ph. Ăng-ghe-n đã đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội. Từ nửa cuối những năm 90, sau khi Ăng-ghe-n qua đời, ban biên tập tờ "Vorwärts" đã lọt vào tay cánh hữu trong đảng và đã đăng một cách có hệ thống những bài báo của bọn cơ hội chủ nghĩa. Bằng cách trình bày một cách có dụng ý cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tờ "Vorwärts" đã ủng hộ "phái kinh tế", rồi tiếp đó, sau khi đảng bị phân liệt, đã ủng hộ bọn men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị, tờ "Vorwärts" đã đăng nhiều bài có tính chất vu khống của Tơ-rốt-xki, mà không để cho Lê-nin và phái bên-sê-vích phát biểu ý kiến bác lại và đánh giá một cách khách quan tình hình trong đảng.

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, báo "Vorwärts" đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Sau cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, tờ báo tiến hành tuyên truyền chống xô - viết. Báo này được xuất bản ở Béc-lanh cho tới năm 1933. — 301.

<sup>83</sup> Đại hội của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp họp trong những ngày 25-29 tháng Chạp 1915. Bản nghị quyết do Bốc-đơ-rông đưa ra đã bị đa số trong đại hội bác bỏ. — 302.

<sup>84</sup> Bức thư này của Lê-nin được in năm 1916 bằng tiếng Pháp dưới hình thức truyền đơn riêng dưới đầu đề: "Sur la tâche de l'opposi - tion en France (Lettre au camarade Safaroff)", Gio-ne-vơ, dưới ký tên N. Lénine. — 305.

<sup>85</sup> Lê-nin có ý nói đến văn tập của phái men-sê-vích "Quốc tế và chiến tranh"; xuất bản vào cuối năm 1915. — 306.

<sup>86</sup> "*Tia sáng*" - tờ báo hợp pháp ra hàng ngày của phái men-sê-vích - thủ tiêu; xuất bản ở Pê-téc-bua từ ngày 16 (29) tháng Chín 1912

đến hết ngày 5 (18) tháng Bảy 1913. Ra được 237 số. Tờ báo tồn tại chủ yếu nhờ tiền đóng góp của phái tự do. Việc lãnh đạo tờ báo về mặt tư tưởng nằm trong tay P. B. Ác-xen-rốt, Ph. I. Đan, L. Mác-tốp, A. X. Mác-tư-nốp. Trên các trang của tờ báo này, phái thủ tiêu đã lên tiếng chống lại sách lược cách mạng của những người bôn-sê-vích, truyền bá cái khẩu hiệu cơ hội chủ nghĩa đòi thành lập cái gọi là "đảng công khai", chống lại những cuộc bãi công cách mạng có tính chất quần chúng của công nhân, mưu toan xét lại những luận điểm quan trọng nhất trong cương lĩnh của đảng. Lê-nin đã viết rằng "báo "Tia sáng" đã bị chính sách của phái tự do biến thành nô lệ" và gọi tờ báo là cơ quan ngôn luận của bọn phản bội. — 307.

<sup>87</sup> *Hội đồng bảo hiểm toàn Nga* — cơ quan cao nhất phụ trách các vấn đề bảo hiểm công nhân, xuất hiện vào cuối năm 1912 khi luật bảo hiểm được thông qua. Thành phần hội đồng bao gồm: bộ trưởng Bộ thương mại và công nghiệp (chủ tịch), 15 quan chức, đại diện Hội đồng địa phương Pê-téc-bua, đại diện Đu-ma thành phố Pê-téc-bua, 5 đại diện của chủ và 5 đại diện của thợ. Những người bôn-sê-vích đã tích cực tham gia cuộc vận động bầu cử vào các cơ quan bảo hiểm cuối năm 1913 và đầu năm 1914. Đây là một trong những hình thức lợi dụng những khả năng hợp pháp để đấu tranh chống chế độ Nga hoàng, để chuẩn bị cho quần chúng đứng lên làm cách mạng. Chung quanh vấn đề bầu cử đã nổ ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa một bên là phái bôn-sê-vích, và bên kia là phái thủ tiêu và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Các báo "Sự thật của giai cấp vô sản", "Con đường sự thật" và trong tạp chí "Vấn đề bảo hiểm xã hội" đã có đảng thư uỷ nhiệm của những người bôn-sê-vích trao cho các đại biểu công nhân trong các cơ quan bảo hiểm. Phái thủ tiêu đã cho đăng trên báo "Báo công nhân mới" thư uỷ nhiệm của chúng, trong đó chúng đòi phải tách những đại diện công nhân thành nhóm độc lập, không phụ thuộc vào đảng. Trong thời gian bầu cử hội đồng bảo hiểm hồi tháng Ba 1914 phái thủ tiêu đã thất bại. Cả 5 ứng cử viên thuộc danh sách phái "Sự thật" đã trúng cử vào Hội đồng bảo hiểm. — 307.

<sup>88</sup> "*Tiếng nói của chúng ta*" — tờ báo men-sê-vích hợp pháp; xuất bản ở Xa-ma-ra trong những năm 1915 - 1916; giữ lập trường xã hội - sô-vanh. — 308

<sup>89</sup> "*Thế giới ngày nay*" — tạp chí văn học, khoa học và chính trị ra hàng tháng; xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Mười 1906 đến năm

1918. Phái men-sê-vích, trong đó có G. V. Plê-kha-nốp đã trực tiếp tham gia tạp chí này. Trong thời kỳ liên minh với phái Plê-kha-nốp và đầu năm 1914, những người bôn-sê-vích đã cộng tác với tạp chí. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tạp chí này đã trở thành cơ quan ngôn luận của phái xã hội - sô-vanh. — 308.

<sup>90</sup> Lê-nin có ý nói đến hình tượng văn học mà I. X. Tước-ghe-nép nêu lên trong bài thơ dưới thể văn xuôi "Phép xử thế". Quy tắc sống cơ bản của nhân vật trong bài thơ là buộc tội kẻ đối địch với mình là mắc thiếu sót hay tật xấu mà y cảm thấy mình mắc phải. — 313.

<sup>91</sup> "*Đảng công nhân của Xtô-lư-pin*" là tên gọi mà người ta dùng để gọi phái men-sê-vích - thủ tiêu, những kẻ thích nghi với chế độ đã được thiết lập trong thời kỳ thế lực phản động Xtô-lư-pin thống trị, sau khi cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất thất bại, bọn này đã thoả hiệp với chế độ đó và cố tìm cách để được chính phủ Nga hoàng cho phép tồn tại như một đảng có vẻ là "công nhân", công khai, hợp pháp bằng cái giá phải trả là từ bỏ cương lĩnh và sách lược của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. — 317.

<sup>92</sup> Lê-nin gọi khẩu hiệu này là khẩu hiệu "có tính chất Đảng tháng Mười", xét theo tính chất của nó thì phù hợp với lập trường phái tháng Mười - một đảng phản cách mạng của giai cấp tư sản công thương nghiệp và của bọn đại địa chủ. — 317.

<sup>93</sup> *Vụ án Drây-phuyt* là vụ án có tính chất khiêu khích do giới quân phiệt phản động quân chủ ở Pháp tổ chức ra năm 1894 để xử Drây-phuyt, một sĩ quan người Do-thái làm việc ở Bộ tổng tham mưu Pháp, bị buộc tội một cách man trá là làm gián điệp và phản quốc. Toà án quân sự xử Drây-phuyt với cái án tù chung thân. Vụ xét xử Drây-phuyt - một vụ án được tiến hành do sự xúi giục của giới quân phiệt phản động - đã bị các giới phản động ở Pháp lợi dụng để thổi bùng ngọn lửa bài Do-thái, tấn công chống chế độ cộng hòa và các quyền tự do dân chủ. Năm 1898, khi những người xã hội chủ nghĩa và những đại biểu tiên tiến của phái dân chủ tư sản (trong đó có Ê.Đô-li-a, Gi. Giô-re-xơ, A. Phran-xơ và những người khác) phát động cuộc vận động đòi xem xét lại vụ án Drây-phuyt, thì vụ án mang tính chất chính trị rõ rệt và đã làm cho nước Pháp chia thành hai phe: một bên là phe cộng hoà và dân chủ, và bên kia

là khối liên minh giữa phái quân chủ, phái tăng lữ, phái bài Do-thái và phái dân tộc chủ nghĩa. Năm 1899 do áp lực của dư luận xã hội, Đrây-phuyt được ân xá và được tự do; nhưng mãi đến năm 1906 với quyết định của toà phúc thẩm, Đrây-phuyt mới được thừa nhận là vô tội và được trở lại quân đội. — 326.

<sup>94</sup> Vụ rối ren ở Xa-béc-nơ xảy ra tại thành phố Xa-béc-nơ (An-da-xơ) tháng Mười một 1913. Lý do khiến vụ này xảy ra là việc một sĩ quan Phổ xúc phạm thô bạo người dân An-da-xơ. Việc đó đã khiến cho dân địa phương, phần đông là người Pháp, bùng lên lòng căm phẫn đối với ách thống trị của giới quân phiệt Phổ. Về vụ rối ren Xa-béc-nơ, xem bài của Lê-nin: "Xa-béc-nơ" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 24, tr. 233-235). — 326.

<sup>95</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, 1932, t. XXIII, tr. 464, 480. — 328.

<sup>96</sup> Về sự phê phán những tư tưởng phản động của C. Ren-ơ và Ô. Bau-ơ về cái gọi là "quyền tự trị dân tộc về văn hoá", xem các tác phẩm của V. I. Lê-nin "Ý kiến phê phán về vấn đề dân tộc" và "Bản về "quyền tự trị dân tộc về văn hoá"" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 24, tr. 145-190 và 220 - 225). — 328.

<sup>97</sup> Xem C. Mác. "Thông báo mật" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 16, tr. 438). — 332.

<sup>98</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. "Những bài rút trong báo "Neue Rheinische Zeitung"" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 5, tr. 84). Luận điểm mà Lê-nin dẫn ra, nằm trong bài của Ph. Ăng-ghen "Cuộc khởi nghĩa Pra-ha". Lê-nin đã sử dụng cuốn sách "Aus dem literarischen Nachlab von Karl marx, Friedrich Engels und Ferdinand Lassalle", hrsg. von Franz Mehring. Stuttgat, 1902, Bd. III, S. 108 - 114, cuốn sách này không ghi rõ tác giả bài báo đó. — 332.

<sup>99</sup> V. I. Lê-nin có ý nói đến những luận điểm của C. Mác về vấn đề Ai-rơ-len mà Mác viết trong những bức thư gửi L. Cu-ghen-man, ngày 29 tháng Mười một và gửi Ph. Ăng-ghen, ngày 10 tháng Chạp 1869 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 227 - 229 và 230 - 231). V. I. Lê-nin trích dẫn bức

thư của C. Mác gửi Ph. Ăng-ghen ngày 2 tháng Mười một 1867 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, 1932, t. XXIII, tr. 464). — 332.

<sup>100</sup> Xem Ph. Ăng-ghen. "Chủ nghĩa đại Nga dân chủ" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 6, tr. 289 - 306). Lê-nin sử dụng cuốn sách "Aus dem literarischen Nachlab von karl Marx, Friedrich Engels und Ferdinand Lassalle", hrsg. von Franz Mehring. Stuttgart, 1902, Bd. III, S. 246 - 264, cuốn sách này không ghi rõ tác giả của bài đó. — 333.

<sup>101</sup> Lê-nin có ý nói đến bản nghị quyết về vấn đề dân tộc do Người soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga có các cán bộ đảng tham gia họp trong những ngày 23 tháng Chín - 1 tháng Mười (6 - 14 tháng Mười) 1913 tại một địa phương ở Pô-rô-nin (gần Cra-cốp) (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 24, tr. 75 - 78). — 339.

<sup>102</sup> "Hội nghị quốc tế lần thứ hai của "phái Xim-méc-va"" — Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai, họp trong những ngày 24-30 tháng Tư 1916 tại Ki-en-tan (Thụy sĩ).

Tham dự hội nghị có 43 đại biểu của 10 nước: Nga, Đức, Pháp, Ý, Thụy-sĩ, Ba-lan, Na-uy, Áo, Xéc-bi-a, Bồ-đào-nha. Ngoài ra còn có đại biểu của Anh và đại biểu Ban thư ký Quốc tế thanh niên đến dự với tư cách là khách. Các đại biểu của Đảng công nhân độc lập Anh, Mỹ, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, Hy-lạp, Thụy-điển đã không thể lấy được hộ chiếu và vì thế đã vắng mặt; một vài đại biểu của cánh tả đã giao quyền đại biểu của mình cho các đảng khác; Đảng dân chủ - xã hội xứ Lát-vi-a trao quyền đại biểu của mình cho Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; đại diện cánh tả Hà-lan là H. Rô-lăng - Hôn-xtơ trao quyền đại biểu của mình cho Ban lãnh đạo xứ của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va.

Đại diện cho nước Nga tham dự hội nghị, có ba đại biểu của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, do Lê-nin lãnh đạo, hai đại biểu của Ban tổ chức thuộc phái men-sê-vích và ba đại biểu của cánh tả Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Thay mặt cho nước Đức tham dự hội nghị có 7 đại biểu thuộc nhóm phái giữa Ha-dơ - Lê-đê-bua, 2 đại biểu thuộc nhóm "Quốc tế" và một đại biểu thuộc nhóm cấp tiến cánh tả Brê-mơ. Đại diện cho



nước Ý có 7 đại biểu, Pháp — ba người phái giữa và một người theo chủ nghĩa công đoàn (Ghin-bô), Ba-lan — 4 đại biểu, Thụy sĩ — 5 đại biểu.

Hội nghị đã thảo luận những vấn đề sau đây: 1) đấu tranh để chấm dứt chiến tranh, 2) thái độ của giai cấp vô sản đối với các vấn đề hoà bình, 3) công tác cổ động và tuyên truyền, 4) hoạt động nghị trường, 5) đấu tranh có tính chất quần chúng, 6) việc triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin đã tích cực chuẩn bị cho cuộc Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai ngay sau khi hội nghị của Ủy ban quốc tế mở rộng họp ở Béc-nơ (trong những ngày 5-9 tháng Hai 1916) bế mạc. Không chờ thông báo chính thức về việc triệu tập hội nghị, Lê-nin đã gửi cho tất cả các chi bộ bôn-sê-vích ở ngoài nước và những người xã hội chủ nghĩa cánh tả ở các nước bức thư mà Người đã tham gia soạn thảo nói về cuộc hội nghị của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế và về việc triệu tập hội nghị. Trong thư có chỉ rõ rằng cần phải gấp rút bắt tay chuẩn bị ngay cho hội nghị sắp tới và cuộc bầu cử để dự hội nghị. "Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai" do Lê-nin chuẩn bị cũng được gửi đến tất cả các tổ chức bôn-sê-vích và phái dân chủ - xã hội cánh tả ở Pháp, Đức, Anh, Thụy-sĩ, Ý, Hà-lan, Na-uy, Thụy-điển và những nước khác, để thảo luận. Trong một số thư viết vào thời kỳ này Lê-nin đã chỉ rõ rằng Ban thường vụ phái tả Xim-méc-van cần phải chuẩn bị báo cáo và luận cương để đưa ra hội nghị, và cần tiến hành một loạt cuộc họp của phái tả ngay trước hội nghị và trong thời gian hội nghị làm việc.

Do kết quả công tác mà Lê-nin và những người bôn-sê-vích tiến hành trước ngày họp hội nghị, nên tại hội nghị này phái tả tỏ ra mạnh hơn so với trong Hội nghị Xim-méc-van. Tại hội nghị, đại diện nhóm "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức", hai đại diện của nhóm "Quốc tế", người theo chủ nghĩa công đoàn ở Pháp là A. Ghin-bô, đại diện của những người dân chủ - xã hội Xéc-bi-a là Ca-txơ-lê-rô-vích, người xã hội chủ nghĩa Ý là Đ. M. Xé-ra-ti đã gia nhập phái tả Xim-méc-van. Như vậy là phái tả Xim-méc-van tại Hội nghị Ki-en-tan có 12 đại biểu, nhưng về một vài vấn đề đã tập hợp được 12-19 phiếu, nghĩa là gần một nửa. Điều này phản ánh sự thay đổi so sánh lực lượng trong phong trào công nhân quốc tế có lợi cho chủ nghĩa quốc tế. Trong thời gian Hội nghị Ki-en-tan làm việc, Lê-nin đã tiến hành một vài cuộc họp của phái tả để thảo luận "Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công

nhân dân chủ - xã hội Nga tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai". Lê-nin đã đoàn kết được phái tả để cùng nhau tiến hành hoạt động một cách có tổ chức tại hội nghị nhằm chống lại đa số theo phái Cau-xky trong hội nghị. Phái tả Xim-méc-van đã soạn thảo và đưa ra hội nghị bản dự thảo nghị quyết về vấn đề hoà bình, trong đó có thể hiện những luận điểm cơ bản của Lê-nin. Để khỏi tự phơi trần hần bộ mặt của mình, đa số phái hữu tại hội nghị đã buộc phái tả theo phái tả trên một loạt vấn đề, tuy vậy họ vẫn tiếp tục chống lại việc đoàn tuyền với phái xã hội - sô-vanh.

Lê-nin đã tích cực tham gia công tác của hội nghị: Người tham gia uỷ ban về vấn đề triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, nhiều lần phát biểu ý kiến tại hội nghị, nói chuyện với các đại biểu, viết thư trao đổi ý kiến với họ trong các phiên họp.

Xung quanh vấn đề thái độ đối với việc triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt hơn cả; về bản nghị quyết lên án hoạt động của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, nhưng không bác bỏ khả năng triệu tập nó, thì phái tả đã đưa thêm vào được điểm bổ sung nói rằng trong trường hợp triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa thì Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng phải được triệu tập để thảo luận vấn đề về hành động chung của các đại biểu của khối thống nhất Xim-méc-van. Hội nghị đã thông qua nghị quyết về vấn đề đấu tranh cho hoà bình và thông qua lời kêu gọi "Gửi nhân dân các nước bị phá sản và bị đẩy vào chỗ diệt vong".

Do việc thiếu số trong đảng đoàn nghị viện Pháp bỏ phiếu tán thành ngân sách chiến tranh, phái tả Xim-méc-van đưa ra tại hội nghị bản tuyên bố nói rằng hành động như vậy là không thể dung hợp với chủ nghĩa xã hội và với cuộc đấu tranh chống chiến tranh. Mặc dù Hội nghị Ki-en-tan không chấp nhận những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa bôn-sê-vích về việc biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến, về việc làm cho các chính phủ đế quốc chủ nghĩa "nước mình" thất bại trong chiến tranh, về việc thành lập Quốc tế III, nhưng Lê-nin vẫn gọi hoạt động của hội nghị là một bước tiến bộ. Hội nghị Ki-en-tan thúc đẩy những phần tử quốc tế chủ nghĩa tách ra và đoàn kết họ lại trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Về sau, theo sáng kiến của Lê-nin và của những người bôn-sê-vích, những phần tử này đã tạo thành hạt nhân của Quốc tế III, Quốc tế cộng sản. — 343.

<sup>103</sup> Có ý nói đến hội nghị những người xã hội chủ nghĩa Đức và Áo họp trong tháng Tư 1915 tại Viên. Hội nghị này có vẻ như là sự

trả lời lại Hội nghị những người xã hội chủ nghĩa ở các nước thuộc Đồng minh tay ba hợp ở Luân-đôn. Bản nghị quyết mà hội nghị thông qua, đã tán thành khẩu hiệu "bảo vệ tổ quốc" một khẩu hiệu xã hội - số-vanh, trong cuộc chiến tranh để quốc chủ nghĩa. — 343

<sup>104</sup> "*Báo công nhân*" ở Viên (Wiener "Arbeiter-Zeitung") — tờ báo ra hàng ngày; cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Áo, do V. Át-lơ sáng lập năm 1889 ở Viên.

Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tờ báo giữ lập trường xã hội - số-vanh. Lê-nin gọi nó là tờ báo của "bọn phản bội chủ nghĩa xã hội ở Viên" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 38, tr. 474). Năm 1934 tờ báo bị đóng cửa; được xuất bản trở lại năm 1945 với tính chất là cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa Áo. — 349.

<sup>105</sup> Ban chấp hành các tổ chức ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã được bầu ra tại hội nghị các nhóm bôn-sê-vích ở ngoài nước họp tại Pa-ri tháng Chạp 1911. Hội nghị này quyết định thành lập tổ chức ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "trên cơ sở từ bỏ mọi sự thoả thuận trực tiếp hay gián tiếp, với bọn thủ tiêu thuộc phái "Tiếng nói"", "trên cơ sở thực hiện đường lối của đảng thực sự". Bản nghị quyết của hội nghị chỉ rõ: "Trong khi lập ra Tổ chức ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và bầu ra Ban chấp hành của tổ chức đó, hội nghị quyết định: ở khắp các địa phương phải tổ chức chi nhánh của Tổ chức ở nước ngoài và cho rằng cần phải thu hút vào những chi nhánh này hết thảy những người ủng hộ đảng tán thành ủng hộ Ban tổ chức ở Nga, Cơ quan ngôn luận trung ương và "Báo công nhân" ("Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", tiếng Nga, ph. I, 1954, tr. 262-263). Ban chấp hành các Tổ chức ở nước ngoài do hội nghị bầu ra gồm có N. A. Xê-ma-scô, M. Ph. Vla-đi-mia-xki, I. Ph. Ác-măng và những người khác. Hoạt động của Ban chấp hành các tổ chức ở nước ngoài được tiến hành dưới sự chỉ đạo của V. I. Lê-nin.

Hội nghị đại biểu VI toàn Nga (Hội nghị Pra-ha) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong khi chuẩn y Ban chấp hành các tổ chức ở nước ngoài đã lên án hoạt động của tất cả các nhóm chống đảng ở nước ngoài và thừa nhận việc tồn tại ở nước ngoài một tổ chức đảng duy nhất để tiến hành công tác dưới sự kiểm tra và lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương, là tuyệt đối cần thiết.

Ban chấp hành các tổ chức ở nước ngoài đã đóng vai trò quan trọng trong việc đoàn kết các lực lượng ủng hộ đảng, trong cuộc đấu tranh chống phái men-sê-vích - thủ tiêu, chống phái điều hoà, phái Tơ-rốt-xki và những kẻ cơ hội chủ nghĩa khác. Ban chấp hành các tổ chức ở nước ngoài hưởng ứng tất cả mọi sự kiện quan trọng nhất ở Nga và những biện pháp về lãnh đạo công tác đảng và phong trào cách mạng Nga, cũng như đã giúp đỡ Ban chấp hành trung ương in sách báo đảng ở nước ngoài.

Năm 1917, Ban chấp hành các tổ chức ở nước ngoài ngừng hoạt động. — 353.

<sup>106</sup> "*Báo công nhân*" ("Gazeta Robotnicza") — cơ quan ngôn luận bất hợp pháp của Ban chấp hành đảng bộ Vác-sa-va của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và Lit-va; xuất bản trong thời gian tháng Năm - tháng Mười 1906, ra được 14 số, do G. Ca-men-xki làm tổng biên tập, sau đó thì đình bản. Sau khi có sự phân liệt năm 1912, trong Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan xuất hiện hai Ban chấp hành đảng bộ Vác-sa-va và hai cơ quan ngôn luận được xuất bản dưới cái tên "Báo công nhân" — một tờ do phái ủng hộ Ban lãnh đạo trung ương xuất bản ở Vác-sa-va (tháng Bảy 1911 - tháng Bảy 1913), một tờ khác do Ban chấp hành đảng bộ Vác-sa-va đối lập xuất bản ở Cra-cốp (tháng Bảy 1911 - tháng Hai 1916). — 353.

<sup>107</sup> Lê-nin có ý nói đến Hội nghị "thống nhất" họp ở Bruy-xen trong những ngày 16-18 tháng Bảy 1914 do Ban chấp hành Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa triệu tập "để trao đổi ý kiến" về vấn đề khả năng khôi phục sự thống nhất Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Dự hội nghị có các đại biểu của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (bôn-sê-vích), Ban tổ chức (men-sê-vích), nhóm "Thống nhất" của Plê-kha-nốp, nhóm "Tiến lên", phái Bun, Đảng dân chủ - xã hội xứ Lát-vi-a, Đảng dân chủ - xã hội Lit-va, những người dân chủ - xã hội Ba-lan, phái đối lập dân chủ - xã hội Ba-lan, Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan ("Phái tả"). Đại diện cho Ban chấp hành Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đến dự hội nghị có Ê. Van-đéc-ven-đơ, C. Huy-xman, C. Cau-xky, A. Nê-mê-txơ và những người khác. Khá lâu trước ngày hội nghị họp, những người lãnh đạo Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã bí mật thoả thuận với phái thủ tiêu về những hành động chung chống phái bôn-sê-vích.

Lê-nin, những người bôn-sê-vích đã nắm được mục đích thật sự mà những kẻ tổ chức ra hội nghị theo đuổi, tuy vậy vẫn cho

rằng nên tham dự hội nghị, vì nếu từ chối thì công nhân Nga sẽ khó hiểu. Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã cử đoàn đại biểu của mình đến dự hội nghị với thành phần gồm I. Ph. Ác-măng (Pê-to-rô-va), M. Ph. Vla-đi-mia-xki (Cam-xki), I. Ph. Pô-pốp (Pa-vlốp). Lê-nin đã chuẩn bị chu đáo cho đoàn đại biểu đi dự hội nghị; Người viết cho đoàn đại biểu bản báo cáo và những chỉ thị chi tiết, cung cấp cho đoàn những tài liệu, văn kiện và những số liệu thực tế cần thiết vạch trần chủ nghĩa cơ hội của phái men-sê-vich - thủ tiêu và những kẻ đồng minh của nó. Trong khi ở Pô-rô-nin, Lê-nin hàng ngày vẫn lãnh đạo đoàn đại biểu của Ban chấp hành trung ương, đoàn có liên hệ hết sức chặt chẽ với Người và Người đã chỉ thị và khuyên đoàn những điều thiết thực.

Tại hội nghị, I. Ph. Ác-măng đã trình bày bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Những người lãnh đạo Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa không để cho Ác-măng đọc hết toàn văn bản báo cáo, vì vậy Ác-măng đã buộc phải trình bày chỉ một phần của bản báo cáo và nêu rõ những điều kiện thống nhất do những người bên-sê-vich đưa ra. Đối với những điều kiện đó, bọn men-sê-vich và những thủ lĩnh của Quốc tế II đã có thái độ tức tối và hăm dọa những người bên-sê-vich. Thay mặt Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, C. Cau-xky đưa ra một nghị quyết về sự thống nhất Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, trong đó khẳng định rằng trong Đảng dân chủ - xã hội Nga không hề có sự bất đồng ý kiến quan trọng nào gây trở ngại cho việc thống nhất. Các đại biểu của Ban tổ chức và Plê-kha-nốp đã ủng hộ Cau-xky và đã kịch liệt liệt đoàn đại biểu Ban chấp hành trung ương và Lê-nin. Tại hội nghị R. Lút-xăm-bua đã giữ một lập trường sai trái là cùng với Plê-kha-nốp, Van-đéc-ven-đơ, Cau-xky và những người khác đã bênh vực cho việc thống nhất giữa những người bên-sê-vich với những người men-sê-vich. Do việc thông qua nghị quyết đã vượt quá phạm vi quyền hạn của hội nghị, - theo đúng thoả thuận thì hội nghị chỉ nằm trong khuôn khổ trao đổi ý kiến thôi - cho nên những người bên-sê-vich và những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a đã khước từ tham gia bỏ phiếu thông qua nghị quyết. Tuy vậy nghị quyết vẫn được thông qua với đa số phiếu.

Những người bên-sê-vich do Lê-nin lãnh đạo đã từ chối phục tùng những nghị quyết của Hội nghị Bruy-xen và đã bóc trần những mục đích thật của "những kẻ chủ trương thống nhất" trước giai cấp vô sản toàn thế giới. Mưu toan thủ tiêu đảng bên-sê-vich mà bọn thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế II tiến hành, đã phá sản thảm hại. — 353.

<sup>108</sup> Bản nghị quyết của "Báo công nhân" do N. C. Crúp-xcai-a dịch ra. Lê-nin đã bổ sung và sửa chữa vào bản dịch từ tiếng Ba-lan. Trong bản in bức thư này, những chỗ đó được in đậm. — 354.

<sup>109</sup> "*Chủ nghĩa Gvô-dơ-dép*" (gọi theo tên của phần tử men-sê-vich C. A. Gvô-dơ-dép) là chính sách hợp tác với giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa. — 356.

<sup>110</sup> "*Chủ nghĩa Tư-sca* gọi theo tên của I-an Tư-sca (L. I-ô-gi-ghê-xơ), một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan. Về nhận định chủ nghĩa Tư-sca, xem các tác phẩm của V.I. Lê-nin: "Sự chia rẽ trong Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 22, tr. 357 - 363), "Cũng tự nhận là "những người chủ trương thống nhất", "Các nhóm ở ngoài nước và phái thủ tiêu Nga" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 24, tr. 214-217, 226-229) và các trước tác khác. — 357.

<sup>111</sup> Phần tiếp theo của văn kiện là đoạn bổ sung vào "Dự thảo nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về việc đình bản tạp chí "Người cộng sản"", đoạn này đã được gửi cho G. E. Di-nô-vi-ép. — 360.

<sup>112</sup> "*Những người Nhật* là tên mà người ta dùng để gọi G. Pi-a-ta-cốp và E. Bô-sơ do việc họ từ nước Nga sang cư trú ở Thụy-sĩ đi qua nước Nhật. — 361.

<sup>113</sup> "*Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai*" được viết để trả lời bản hiệu triệu của I. S. K. "Gửi tất cả các đảng và các nhóm đồng tình" và đã được đăng trong "Bulletin" của I. S. K., số 3, ngày 29 tháng Hai 1916.

Sau khi viết xong bản luận cương "Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai", Lê-nin tổ chức việc dịch văn kiện này ra tiếng Đức và tiếng Pháp; bản luận cương này đã được gửi cho các chi bộ bên-sê-vich ở ngoài nước và cho những người quốc tế chủ nghĩa cánh tả thuộc các nước (Pháp, Thụy-điển, Anh, v. v.). "Phải làm thế nào, - Lê-nin viết, - để vài tuần lễ trước ngày khai mạc hội nghị, tất cả cánh tả và những người cảm tình xem được và thảo luận" (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên

cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô). "Đề án" đã được đưa ra thảo luận tại cuộc hội nghị cánh tả trong thời gian Hội nghị Ki-en-tan họp.

Bản thảo "Đề án" còn lưu trữ được hai bản trình bày. Trong tập này in cả hai bản trình bày (bản khởi thảo gồm 15 điểm, bản trình bày cuối cùng gồm 8 điểm). — 362.

<sup>114</sup> Đây muốn nói đến bản báo cáo của C. Huy-xman, bí thư Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa tại Đại hội bất thường của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan họp ở Ác-nem ngày 9 tháng Giêng 1916. Trong khi chứng minh rằng Quốc tế II "không chết", Huy-xman đã đưa ra một cương lĩnh "hoà bình dân chủ" có tính chất cải lương. Lê-nin đã phê phán cương lĩnh của Huy-xman trong bản thuyết trình của Người: "Những điều kiện hoà bình" với vấn đề dân tộc" (Xem Văn tập Lê-nin, tiếng Nga, t. XVII, tr. 237). — 367.

<sup>115</sup> Khẩu hiệu "Liên bang châu Âu" đã được đưa ra nhiều lần với nhiều cách trình bày khác nhau từ trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất và đã được phổ biến đặc biệt rộng rãi trong những năm chiến tranh. Cùng với các nhà chính trị tư sản, bọn cơ hội chủ nghĩa thuộc phái Cau-xky, bọn Tơ-rốt-xki hồi đó đã ra sức tuyên truyền cho cái khẩu hiệu đó, họ giải thích về khả năng xoá bỏ sự đối địch và những cuộc xung đột quân sự giữa các cường quốc đế quốc chủ nghĩa, họ bày vẽ ra đủ thứ dự án thống nhất các cường quốc đó lại trên cơ sở hoà bình. Lê-nin và đảng bôn-sê-vích đã vạch trần tính chất phản động của cái khẩu hiệu của phái Cau-xky và phái Tơ-rốt-xki về một liên bang hoà bình gồm các nước đế quốc chủ nghĩa. Bản tuyên ngôn chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "Chiến tranh và phong trào dân chủ - xã hội Nga" công bố ngày 1 tháng Mười một 1914 trên báo "Người dân chủ - xã hội" đã nhấn mạnh rằng khẩu hiệu "Liên bang châu Âu" là vô lý và đối trá "nếu chế độ quân chủ Đức, Áo và Nga không bị cách mạng lật đổ" (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 25).

Trong một bài nổi tiếng nhan đề "Bàn về khẩu hiệu Liên bang châu Âu" in ngày 23 tháng Tám 1915 trên báo "Người dân chủ - xã hội", Lê-nin đã phân tích những điều kiện kinh tế của chủ nghĩa đế quốc và đã chứng minh rằng "dưới chế độ tư sản chủ nghĩa, Liên bang châu Âu hoặc là không thể thực hiện được, hoặc là phản động" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-

va, t. 26, tr. 444); giữa bọn tư bản và các chính phủ của chúng với nhau chỉ có thể có những sự thỏa thuận tạm thời để bảo vệ những thứ đã cướp bóc được, để phân chia các thuộc địa theo sức mạnh, theo tư bản, chỉ có thể có những liên minh phản động để cùng nhau đấu tranh chống lại nền dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Bởi vậy Lê-nin và những người bôn-sê-vích đã đi đến kết luận rằng khẩu hiệu "Liên bang châu Âu" là không đúng (như trên, tr. 448).

Kinh nghiệm lịch sử và thực tế ngày nay hoàn toàn xác nhận rằng nhận định của Lê-nin về khẩu hiệu "Liên bang châu Âu" là đúng đắn. Hiện nay bọn đế quốc và những kẻ tôi tớ của chúng - bọn xã hội chủ nghĩa phái hữu đang ra sức đưa ra cái khẩu hiệu đó. Chúng mạo nhận những tổ chức và khối cộng đồng Tây Âu đủ các loại như kiểu "Hội đồng châu Âu", "Cộng đồng than và thép châu Âu", v. v. là "Liên bang châu Âu"; những tổ chức và khối cộng đồng này do giai cấp tư sản lập ra để cùng nhau cướp bóc các thuộc địa, để tăng cường bóc lột những người lao động, để đấu tranh chống lại nền dân chủ và chủ nghĩa xã hội. — 367.

<sup>116</sup> "Avanti !" ("Tiến lên!") — tờ báo hàng ngày, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa Ý, được thành lập vào tháng Chạp 1896 ở Rô-ma. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tờ báo giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa không triệt để, và không cắt đứt quan hệ với bọn theo chủ nghĩa cải lương. Năm 1926 tờ báo bị chính phủ phát-xít Mút-xô-li-ni đóng cửa, nhưng vẫn tiếp tục xuất bản (không được đều đặn) ở ngoài nước; từ năm 1943 được xuất bản trở lại ở Ý. — 369.

<sup>117</sup> Thông tư của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế là lời kêu gọi của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế "Gửi tất cả các đảng và các nhóm đồng tình" đã được nhất trí thông qua tại cuộc họp Hội nghị Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng ở Béc-nơ trong những ngày 5-9 tháng Hai 1916. Đoàn đại biểu của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga do Lê-nin làm trưởng đoàn đã đưa ra hội nghị đó bản tuyên bố nói rằng đoàn cho rằng lời kêu gọi là một bước tiến bộ so với những nghị quyết của Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất họp ở Xim-méc-va, nhưng không phải tất cả mọi điểm trong lời kêu gọi đều là thoả đáng. Lời kêu gọi đã được công bố trên "Bản tin", số 3 của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế, ngày 29 tháng Hai 1916 và trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 52, ngày 25 tháng Ba 1916. — 374.

<sup>118</sup> Lê-nin có ý nói đến bản tuyên bố chính thức của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế, đề ngày 29 tháng Chín 1915 và công bố trên "Bản tin" của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế, số 2, ngày 27 tháng Mười một 1915. Trái với những nghị quyết của Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất, trong bản tuyên bố ấy, Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế thông báo rằng ngay khi Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa ở La-hay khôi phục lại hoạt động của mình thì Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế tự coi là giải thể. Hành động như vậy, Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế đã đi vào con đường xúc tiến việc phục hồi Quốc tế II. — 374.

<sup>119</sup> "*Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức*" ("I. S. D.", "Internationale Sozialisten Deutschlands") – nhóm những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức xuất hiện trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất; cơ quan ngôn luận của nhóm này là tạp chí "Lichtstrahlen" ("Tia sáng"), xuất bản ở Béc-ling từ năm 1913 đến năm 1921. "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức" công khai chống chiến tranh và chủ nghĩa cơ hội, và ở Đức, họ giữ lập trường triệt để hơn cả trong vấn đề phân ranh giới với chủ nghĩa xã hội - số-vanh và chủ nghĩa phái giữa. Tại Hội nghị Xim-méc-van, I-u. Boóc-khác-tơ, đại diện nhóm "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức" là người duy nhất trong 10 đại biểu Đức đã ký tên vào bản dự thảo nghị quyết và dự thảo tuyên ngôn của phái tả Xim-méc-van. Sau hội nghị ít lâu, Ban thường vụ phái tả Xim-méc-van nhận được tin cho biết rằng nhóm "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức" đã gia nhập phái tả Xim-méc-van; bản thông báo về việc này được đăng trên tờ "Internationale Flugblätter" ("Báo truyền tay quốc tế"), số I. Nhóm này không có những quan hệ rộng rãi với quần chúng và ít lâu sau thì tan rã. — 377.

<sup>120</sup> Bài "*Bản về chủ nghĩa số-vanh Đức và chủ nghĩa số-vanh không phái Đức*" in lần đầu trên tạp chí "Vấn đề bảo hiểm xã hội", số 5 (54), 1916.

"*Vấn đề bảo hiểm xã hội*" là tạp chí bên-sê-vích hợp pháp; xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Mười 1913 đến tháng Ba 1918, có gián đoạn mấy lần. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất là xuất bản phẩm bên-sê-vích hợp pháp duy nhất ở Pê-téc-bua. Tạp chí đã tiến hành cuộc đấu tranh không những để thực hiện việc bảo hiểm công nhân, mà còn để thực hiện những "khẩu hiệu không bị cắt xén" của phái bên-sê-vích là: ngày làm việc tám giờ, tịch thu

ruộng đất của địa chủ và thành lập chế độ cộng hoà dân chủ. Tham gia tạp chí có những người bên-sê-vích A. N. Vi-nô-cu-rốp, N. A. Xcơ-rúp-ních, P. I. Xtư-tơ-ca, N. M. Svéc-ních, những nghị sĩ bên-sê-vích trong Đu-ma nhà nước IV, những đại diện các quỹ bảo hiểm đau ốm, những công nhân bình thường. — 379.

<sup>121</sup> Xem Ph. Ăng-ghe-n. "Vai trò của bạo lực trong lịch sử" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 21, tr. 445). — 381.

<sup>122</sup> "*Lá cờ Nga*" — tờ báo của bọn Trăm đen, cơ quan ngôn luận của "Liên minh nhân dân Nga"; xuất bản tại Pê-téc-bua từ năm 1905 đến năm 1917. — 382.

<sup>123</sup> Cuốn sách "*Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản*" đã được viết trong thời gian tháng Giêng — tháng Sáu 1916 tại Xuy-rich.

Khá lâu trước chiến tranh thế giới thứ nhất, Lê-nin đã vạch ra những hiện tượng mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Trong một loạt bài viết trong những năm 1895 - 1913 ("*Dự thảo và thuyết minh về cương lĩnh của đảng dân chủ - xã hội*" (1895 - 1896), "*Cuộc chiến tranh Trung-quốc*" (1900), "*Những bài học của cuộc khủng hoảng*" (1901), "*Điểm qua tình hình trong nước*" (1901), "*Sự tập trung sản xuất ở Nga*" (1912), "*Sự giàu có của chủ nghĩa tư bản tăng lên*" (1913), "*Châu Âu lạc hậu và châu Á tiên tiến*" (1913), "*Vận mệnh lịch sử của học thuyết của Các Mác*" (1913), "*Về vấn đề một số lời phát biểu của các nghị sĩ công nhân*" (1912) và những bài khác), Lê-nin đã vạch ra và phân tích từng điểm riêng biệt, đặc trưng cho thời đại chủ nghĩa đế quốc như: tập trung sản xuất và sự phát triển của các tổ chức độc quyền, sự xuất khẩu tư bản, đấu tranh nhằm xâm chiếm thị trường và phạm vi ảnh hưởng mới, việc quốc tế hoá các quan hệ kinh tế, sự ăn bám và sự thối nát của chủ nghĩa tư bản, mâu thuẫn giữa lao động và tư bản tăng lên và đấu tranh giai cấp ngày càng trở nên gay gắt hơn, việc tạo ra những tiền đề vật chất để quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lê-nin đặc biệt chú ý đến việc vạch trần chính sách thuộc địa ăn cướp, đến cuộc đấu tranh nhằm phân chia và phân chia lại thế giới, đến quá trình chuẩn bị những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa xâm lược. Trong bài "*Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại*" viết năm 1908, trong khi đấu tranh chống việc xét lại chủ nghĩa Mác và việc phá hoại chủ nghĩa Mác từ trong ra dưới hình thức sửa đổi và xét lại học thuyết của

Mác, đặc biệt là lý luận của Mác về các cuộc khủng hoảng. Lê-nin đã viết: "Hình thức, sự kế tục, bộ mặt của một số cuộc khủng hoảng, đã thay đổi, nhưng khủng hoảng vẫn là bộ phận cấu thành không thể tránh khỏi của chế độ tư bản chủ nghĩa. Trong khi thống nhất sự sản xuất thì những cácten và tơ-rót cũng đồng thời làm cho tính chất vô chính phủ trong sản xuất, tình trạng đời sống không đảm bảo của giai cấp vô sản và ách áp bức của tư bản ngày càng trầm trọng thêm một cách rõ rệt, do đó, làm cho những mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức độ chưa từng thấy. Chính những tơ-rót khổng lồ hiện đại đã chứng minh một cách đặc biệt rõ rệt và trên quy mô đặc biệt rộng lớn, rằng chủ nghĩa tư bản đang đi đến phá sản, cả về mặt các cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị riêng biệt lẫn về mặt suy sụp hoàn toàn của toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 17, tr. 25).

Lê-nin chăm chú theo dõi những sách báo mới nhất viết về chủ nghĩa tư bản và nghiên cứu những sách báo đó. Việc người viết bài bình luận cuốn sách của Đ. A. Hốp-xơn "Sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại", đã chứng tỏ điều đó (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 194-198). Tháng Tám 1904, Lê-nin bắt đầu dịch cuốn sách của Hốp-xơn "Chủ nghĩa đế quốc" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55, tr. 237). Bản thảo bản dịch đó của Lê-nin hiện vẫn chưa tìm thấy.

Từ khi cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất bắt đầu, Lê-nin đã nghiên cứu một cách toàn diện giai đoạn độc quyền trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Lợi ích của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân ở Nga và ở các nước tư bản chủ nghĩa khác đã đòi hỏi làm việc đó. Muốn lãnh đạo đúng đắn phong trào cách mạng và muốn đấu tranh có kết quả chống hệ tư tưởng của thế lực phản động đế quốc chủ nghĩa, chống chính sách cải lương thỏa hiệp với bọn đế quốc thì điều cần thiết là phải "hiểu biết một vấn đề kinh tế cơ bản mà nếu không nghiên cứu thì sẽ không hiểu được tí gì về sự đánh giá cuộc chiến tranh hiện nay và chính trị hiện nay, cụ thể là vấn đề thực chất kinh tế của chủ nghĩa đế quốc" (tập này, tr. 386).

Lê-nin trực tiếp bắt tay vào việc nghiên cứu sách báo nói về chủ nghĩa đế quốc, có lẽ từ giữa năm 1915, lúc Người ở Béc-nơ (Thuỵ-sĩ); lúc ấy Người bắt đầu soạn những bản chỉ dẫn sách báo, vạch ra các dàn bài, ghi chép ra và đánh dấu nhận xét, viết các bản ghi tóm tắt. Những tài liệu chuẩn bị cho cuốn sách "Chủ nghĩa đế

quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" ("Bút ký về chủ nghĩa đế quốc") gồm khoảng 50 tờ in. Những tài liệu này gồm những đoạn ghi trích trong 148 cuốn sách (trong đó có 106 cuốn sách Đức, 23 cuốn sách Pháp, 17 cuốn sách Anh và 2 cuốn sách dịch ra tiếng Nga) và trích trong 232 bài báo (trong số đó có 206 bài báo bằng tiếng Đức, 13 bài bằng tiếng Pháp và 13 bài bằng tiếng Anh) in trong 49 xuất bản phẩm định kỳ khác nhau (34 xuất bản phẩm định kỳ bằng tiếng Đức, 7 - bằng tiếng Pháp, 8 - bằng tiếng Anh).

Đầu tháng Giêng 1916, Lê-nin nhận lời đề nghị viết cuốn sách về chủ nghĩa đế quốc cho nhà xuất bản hợp pháp "Cánh buồm", được thành lập tháng Chạp 1915 tại Pê-tơ-rô-grát. Trong bức thư gửi A. M. Goóc-ki, đề ngày 29 tháng Chạp 1915 (11 tháng Giêng 1916), Lê-nin có viết: "Tôi đang bắt đầu viết cuốn sách về chủ nghĩa đế quốc" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49, tr. 231). Vào nửa đầu tháng Hai 1916, Lê-nin từ Béc-nơ chuyển về ở Xuy-rich, tại đây Người tiếp tục thu thập và xử lý những tài liệu về chủ nghĩa đế quốc. Khi viết tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" tại thư viện bang Xuy-rich, Lê-nin cũng đã đăng ký mượn sách từ những thành phố khác gửi tới.

Ngày 19 tháng Sáu (2 tháng Bảy) 1916, Lê-nin viết cho M. N. Pô-crốp-xki sống ở Pháp và biên tập một loạt sách do nhà xuất bản "Cánh buồm" xuất bản nói về các quốc gia Tây Âu trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, như sau: "Hôm nay tôi gửi bản thảo quyển sách cho đồng chí bằng bưu kiện bảo đảm" (như trên, tr. 347). Bản thảo đã được gửi đi cùng một lúc với thư, nhưng không đến được Pô-crốp-xki, và lại phải gửi đi lần thứ hai. Ngoài ra, nhà xuất bản đề nghị rút ngắn bản thảo đã hoàn chỉnh, từ năm tờ in xuống còn ba tờ in; song Lê-nin đã không lược bớt cuốn sách, vì theo như lời Người nói "thu gọn hơn nữa thành 3 tờ thôi, thì hoàn toàn không thể được" (như trên).

Sau khi cuốn sách đến tay nhà xuất bản thì những phần tử men-sê-vích, hồi đó còn lãnh đạo nhà xuất bản, đã loại bỏ những đoạn phê phán gay gắt Cau-xky và Mác-tốp, chúng đã thêm vào bản thảo những đoạn sửa chữa chẳng những làm mất đi văn phong độc đáo của Lê-nin, mà còn xuyên tạc cả ý của Người. Những từ của Lê-nin dùng như "chuyển biến thành" (chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa đế quốc) bị họ thay bằng từ "biến thành", "tính chất phản động" (của lý luận "chủ nghĩa siêu đế quốc") bị thay bằng những từ "tính chất lạc hậu", v. v.. Giữa năm 1917 cuốn sách đã được in

ra dưới nhan đề "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn mới nhất của chủ nghĩa tư bản (Khái luận phổ thông)", với lời tựa của Lê-nin đề ngày 26 tháng Tư 1917. — 383.

<sup>124</sup> Lời tựa này được in lần đầu vào tháng Mười 1921 dưới nhan đề "Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản", trên tạp chí "Quốc tế cộng sản", số 18. Khi Lê-nin còn sống, cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" đã xuất bản bằng tiếng Đức năm 1921 và bằng tiếng Pháp, tiếng Anh (không trọn vẹn) năm 1923. — 387.

<sup>125</sup> *Hòa ước Brét - Li-tốp-xơ* giữa nước Nga xô-viết với các nước khối Đức (Đức, Áo - Hung, Bun-ga-ri và Thổ-nhĩ-kỳ) đã được ký kết tại Brét - Li-tốp-xơ ngày 3 tháng Ba 1918 và đã được Đại hội IV bất thường các Xô-viết toàn Nga phê chuẩn ngày 15 tháng Ba. Sau khi cuộc cách mạng lật đổ chế độ quân chủ giành được thắng lợi ở Đức, ngày 13 tháng Mười một 1918, Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga tuyên bố huỷ bỏ bản hoà ước ăn cướp bất bình đẳng Brét - Li-tốp-xơ. — 390.

<sup>126</sup> *Hoà ước Véc-xây* là bản hiệp ước có tính chất đế quốc chủ nghĩa mà khối Đồng minh đã buộc nước Đức bại trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918 phải chấp nhận; bản hiệp ước này được ký ngày 28 tháng Sáu 1919 tại thành phố Véc-xây (Pháp). — 390.

<sup>127</sup> "*Chủ nghĩa Uyn-xơn*" — gọi theo tên V. Uyn-xơn, tổng thống Mỹ trong những năm 1913 - 1921. Trong năm đầu làm tổng thống, Uyn-xơn đã thi hành một loạt đạo luật (về thuế lũy tiến đánh vào thu nhập, luật chống tư-rót và những đạo luật khác), ông ta gọi một cách mỉa mai những đạo luật này là kỷ nguyên "của nền tự do mới". Lê-nin đã viết rằng Uyn-xơn là thân tượng của tầng lớp tiểu thị dân và những kẻ hoà bình chủ nghĩa, những kẻ hy vọng rằng ông ta "sẽ cứu vãn "hoà bình xã hội", điều hoà những kẻ bóc lột với những người bị bóc lột và thực hiện những cuộc cải cách xã hội" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 41, tr. 269). Uyn-xơn và những kẻ ủng hộ ông ta che đậy chính sách đối ngoại ăn cướp của chủ nghĩa đế quốc Mỹ bằng những khẩu hiệu mỉa mai giả nhân giả nghĩa và những lời hoa mỹ về "dân chủ" và về "liên minh các dân tộc". Lê-nin viết rằng "trên thực tế, chế độ cộng hoà dân chủ lý tưởng hoá của Uyn-xơn đã tỏ ra là hình

thức của chủ nghĩa đế quốc cuồng bạo nhất, hình thức áp bức và đè nén vô liêm sỉ nhất đối với các dân tộc nhỏ yếu" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 37, tr. 230). Từ những ngày đầu của Chính quyền xô-viết, Uyn-xơn đã là một trong những kẻ cổ vũ và tổ chức cuộc can thiệp chống nước Nga xô-viết. Để chống lại ảnh hưởng sâu sắc của chính sách hoà bình của Chính phủ xô-viết, đối với quần chúng nhân dân ở tất cả các nước, Uyn-xơn đã đưa ra "cương lĩnh hòa bình" có tính chất mỉa mai do ông ta soạn ra gồm "14 điểm", để nguy trang cho chính sách xâm lược của Mỹ. Cơ quan tuyên truyền Mỹ và báo chí tư sản châu Âu đã tạo cho Uyn-xơn vầng hào quang giả tạo của một chiến sĩ đấu tranh cho hoà bình. Tuy nhiên sự giả nhân giả nghĩa của những lời hoa mỹ tiểu tư sản của Uyn-xơn và của "phái Uyn-xơn" rất nhanh chóng bị cái chính sách phản động chống công nhân ở trong nước và chính sách đối ngoại xâm lược của nước Mỹ vạch trần. — 390.

<sup>128</sup> V. I. Lê-nin có ý nói đến Quốc tế II (Béc-nơ) do những thủ lĩnh của các đảng xã hội chủ nghĩa Tây Âu lập ra tại Hội nghị các đảng xã hội chủ nghĩa họp ở Béc-nơ tháng Hai 1919 để thay thế cho Quốc tế II không còn tồn tại từ khi chiến tranh thế giới thứ nhất bắt đầu. Quốc tế Béc-nơ trên thực tế đã đóng vai trò tồi tệ của giai cấp tư sản quốc tế. "Đó thật sự là một Quốc tế vàng thực sự". V. I. Lê-nin đã nhận định về cái Quốc tế đó như vậy (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 38, tr. 369). — 392.

<sup>129</sup> "*Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức*" — một đảng theo phái giữa được thành lập tại đại hội thành lập họp ở Gô-ta tháng Tư 1917. Trong tình hình có cao trào cách mạng mà cuộc cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai ở Nga đã có ảnh hưởng rất nhiều đến việc làm cho cao trào này dâng lên mạnh — ban lãnh đạo cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội Đức ngày càng mất tín nhiệm trước những đảng viên thường. Để xoa dịu sự bất bình của quần chúng, để làm cho quần chúng xao lãng cuộc đấu tranh cách mạng và ngăn ngừa việc thành lập đảng cách mạng của giai cấp công nhân, các thủ lĩnh của phái giữa đã mưu toan lập ra một cái đảng để dựa vào nó mà kim giữ quần chúng trong vòng ảnh hưởng của mình. "Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức" phải là cái đảng như thế. Bằng cách nguy trang bằng những lời hoa mỹ của phái giữa, "phái độc lập" đã tuyên truyền cho sự "thống nhất" với bọn xã hội - sô-vanh

và sa vào chỗ từ bỏ đấu tranh giai cấp. Bộ phận chủ yếu của đảng này là tổ chức "Cộng đồng lao động" thuộc phái Cau-xky.

Có một thời gian nhóm "Xpác-ta-cút" đã gia nhập đảng này nhưng vẫn giữ độc lập về tổ chức và chính trị, vẫn tiếp tục hoạt động bất hợp pháp và đấu tranh nhằm giải phóng quần chúng khỏi ảnh hưởng của những thủ lĩnh phái giữa. Năm 1918 "Liên minh Xpác-ta-cút" rút ra khỏi "Đảng dân chủ - xã hội độc lập" và trên cơ sở của "Liên minh", Đảng cộng sản Đức đã được thành lập.

Tháng Mười 1920, tại đại hội của "Đảng dân chủ - xã hội độc lập" họp ở Han-lơ đã xảy ra sự phân liệt. Tháng Chạp 1920, một bộ phận lớn của đảng đã thống nhất với Đảng cộng sản Đức. Các phần tử cánh hữu lập ra đảng riêng và lấy lại tên gọi cũ là "Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức"; đảng này tồn tại đến năm 1922. — 392.

<sup>130</sup> *Phái Xpác-ta-cút* — tổ chức cách mạng của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức; được thành lập vào tháng Giêng 1916, đứng đầu là C. Liép-néch, R. Lúc-xăm-bua, Ph. Mê-rinh, C. Txét-kin, I-u. Mác-klép-xki, L. I-ô-gi-khe-xơ (Tư-sca), V. Pích. Tháng Tư 1915, R. Lúc-xăm-bua và Ph. Mê-rinh thành lập tạp chí "Die Internationale" và nhóm chủ chốt của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức đã tập hợp xung quanh tạp chí này. Ngoài những truyền đơn chính trị xuất bản năm 1915, từ năm 1916, nhóm "Quốc tế" đã bắt đầu xuất bản và phổ biến một cách bất hợp pháp "Những bức thư chính trị" ký tên "Xpác-ta-cút" (xuất bản đều đặn cho đến tháng Mười 1918) và nhóm "Quốc tế" bắt đầu được gọi là nhóm "Xpác-ta-cút". Phái Xpác-ta-cút tiến hành tuyên truyền cách mạng trong quần chúng, tổ chức những hoạt động có tính chất quần chúng rộng rãi chống chiến tranh, lãnh đạo các cuộc bãi công, vạch trần tính chất đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến tranh thế giới và sự phản bội của bọn thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội. Tuy vậy phái Xpác-ta-cút đã mắc những sai lầm nghiêm trọng trong các vấn đề lý luận và chính trị: phủ nhận khả năng có thể có những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, không giữ lập trường triệt để trong vấn đề khẩu hiệu biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến, không đánh giá hết vai trò của đảng vô sản với tư cách là đội tiên phong của giai cấp công nhân, không đánh giá đúng mức nông dân với tư cách là bạn đồng minh của giai cấp vô sản, sợ không dám đoạn tuyệt hẳn với phái cơ hội chủ nghĩa. Lê-nin đã nhiều lần phê

phán những sai lầm ấy của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức (xem "Bản về cuốn sách nhỏ của Giu-ni-út", "Về một sự biếm họa chủ nghĩa Mác và về "chủ nghĩa kinh tế đế quốc" và những bài khác).

Tháng Tư 1917 phái Xpác-ta-cút gia nhập "Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức", một đảng theo chủ nghĩa phái giữa, song vẫn giữ độc lập về mặt tổ chức ở trong đảng. Tháng Mười một 1918, trong quá trình tiến triển của cách mạng ở Đức, phái Xpác-ta-cút trở thành "Liên minh Xpác-ta-cút" và sau khi công bố cương lĩnh của mình vào ngày 14 tháng Chạp 1918, phái Xpác-ta-cút đoạn tuyệt với "phái độc lập". Ngày 30 tháng Chạp 1918 - 1 tháng Giêng 1919, phái Xpác-ta-cút đã thành lập Đảng cộng sản Đức. — 393.

<sup>131</sup> *Phái Véc-xây* - những kẻ thù độc ác nhất của Công xã Pa-ri năm 1871, những kẻ ủng hộ chính phủ tư sản phản cách mạng Pháp do A. Chi-e cầm đầu, chính phủ này được lập ra tại thành phố Véc-xây sau khi Công xã thắng lợi. Khi đàn áp Công xã Pa-ri, phái Véc-xây đã đàn áp những chiến sĩ Công xã một cách tàn bạo chưa từng thấy. Sau năm 1871 những từ "phái Véc-xây" đã trở thành đồng nghĩa với thế lực phản cách mạng điên cuồng. — 394.

<sup>132</sup> Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 381 - 414) Lê-nin đã phân tích tỉ mỉ và tóm tắt cuốn sách của Gi. A. Hốp-xơn "Imperialism. A Study" ("Chủ nghĩa đế quốc. Khảo cứu") (Luân-đôn, 1902). Năm 1904 Lê-nin đã dịch cuốn sách của Hốp-xơn ra tiếng Nga (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55, tr. 291-292); đến nay vẫn chưa tìm thấy bản thảo bản dịch của Lê-nin. Về cuốn sách của Hốp-xơn, Lê-nin viết rằng cuốn sách đó "nói chung là bổ ích, nhưng nó đặc biệt bổ ích vì nó giúp vạch trần sự dối trá cơ bản của chủ nghĩa Cau-xky trong vấn đề này" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 91). Trong khi sử dụng tài liệu thực tế phong phú trong cuốn sách của Hốp-xơn, Lê-nin đồng thời cũng phê phán những kết luận có tính chất cải lương của ông ta và những ý đồ của ông ta nhằm bênh vực kín đáo cho chủ nghĩa đế quốc. — 395.

<sup>133</sup> Trong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" và trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" Lê-nin nhiều lần viện dẫn cuốn sách của R. Hin-phéc-đinh "Tư bản tài chính". Trong khi sử dụng những tài liệu thực tế của nguồn tài liệu này



để nhận xét từng mặt riêng của chủ nghĩa tư bản độc quyền, Lê-nin đồng thời cũng phê phán tác giả về những luận điểm và những kết luận không mác-xít trong những vấn đề quan trọng nhất của chủ nghĩa đế quốc. Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin gọi Hin-phéc-đinh — một trong những thủ lĩnh của Quốc tế II, — là một người theo chủ nghĩa Can-tơ và một người theo chủ nghĩa Cau-xky, một phần tử cải lương và "kẻ dụ dỗ giai cấp tư sản để quốc chủ nghĩa" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 592). Trong khi tách rời chính trị với kinh tế, Hin-phéc-đinh đã đưa ra trong cuốn sách của mình một định nghĩa không đúng về chủ nghĩa đế quốc và tư bản tài chính, ông ta làm lu mờ vai trò quyết định của các tổ chức độc quyền trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc và tình trạng tất cả các mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc đều trở nên gay gắt; ông ta coi thường những đặc điểm quan trọng của chủ nghĩa đế quốc như sự phân chia thế giới và đấu tranh nhằm phân chia lại thế giới, sự ăn bám và sự thoái nát của chủ nghĩa tư bản. Mặc dù có những sai lầm nghiêm trọng, nhưng cuốn sách của Hin-phéc-đinh đã đóng vai trò tích cực nhất định trong việc nghiên cứu giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. — 395.

<sup>134</sup> Có ý nói đến nghị quyết của Đại hội Hem-ni-tơ của Đảng dân chủ - xã hội Đức về vấn đề chủ nghĩa đế quốc và thái độ của những người xã hội chủ nghĩa đối với chiến tranh, bản nghị quyết này đã được thông qua ngày 20 tháng Chín 1912. Bản nghị quyết này lên án chính sách đế quốc chủ nghĩa và nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc đấu tranh vì hoà bình: "Đại hội đảng tuyên bố quyết tâm làm mọi việc để xác lập sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc và gìn giữ hoà bình. Đại hội đảng yêu cầu phải thông qua những sự thoả thuận quốc tế để chấm dứt việc chạy đua vũ trang điên cuồng, một cuộc chạy đua đang đe dọa nền hoà bình và nhanh chóng đưa loài người đến thảm hoạ hết sức khủng khiếp... Đại hội đảng mong rằng các đảng viên của đảng sẽ không ngừng đem hết sức mình ra... đấu tranh mãnh liệt hơn nữa chống chủ nghĩa đế quốc cho đến khi nó bị lật nhào" ("Handbuch der sozialdemokratischen Parteitage von 1910 bis 1913", München, 1917, S. 243-244). — 396.

<sup>135</sup> Trong thời gian kể từ sau khi Lê-nin phân tích trở đi, sự tập trung sản xuất ở Mỹ đã đạt đến một trình độ cao hơn nữa. Do tập trung được vào tay mình phần lớn năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của những ngành chủ chốt của nền kinh tế quốc dân, các tổ chức

độc quyền đóng vai trò quyết định trong nền kinh tế và chính trị của nước Mỹ. Năm 1954, trong 43 ngành công nghiệp của nước Mỹ thì 4 công ty đã tập trung vào tay chúng 75% sản phẩm và nhiều hơn thế nữa; trong 102 ngành — từ 50 đến 74%, và trong 162 ngành — thì từ 25 đến 49%. Năm 1958 ở Mỹ có tới 373 nghìn công ty công nghiệp; 343 công ty thuộc loại mỗi công ty trong năm 1958 có số vốn chu chuyển vượt quá 100 triệu đô-la. 50% người làm công (không kể nông nghiệp và viên chức nhà nước) lệ thuộc vào 200 công ty lớn nhất. Trong số những công ty công nghiệp kech sù có mấy chục công ty khổng lồ, trong số đó có 36 công ty có vốn chu chuyển trên 1 tỷ đô-la và 22 công ty có tài sản bằng 1 tỷ đô-la hay hơn 1 tỷ đô-la. 36 công ty đó thu được 37% tổng lợi nhuận, trong khi 500 tổ chức độc quyền công nghiệp kech sù thu được 76% tổng lợi nhuận của các công ty công nghiệp. — 398.

<sup>136</sup> "Die Bank" ("Ngân hàng") - tạp chí của các nhà tài chính Đức xuất bản ở Béc-lanh từ năm 1908 đến năm 1943. Trong những công trình chuẩn bị cho cuốn sách "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", Lê-nin nhiều lần phân tích những bài báo và tài liệu đăng trong tạp chí này (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 51-67, 150 - 172, 469 - 470 và nhiều trang khác nữa). — 412.

<sup>137</sup> Trong cuốn "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin đã phân tích tỉ mỉ cuốn sách của Ô. I-ây-đen-xơ "Das Verhältnis der deutschen Groß - banken zur Industrie mit besonderer Berücksichtigung der Eisenindustrie" (Lai-pxích, 1905) ("Quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở Đức với công nghiệp, đặc biệt với công nghiệp luyện kim") (Xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 134-149). — 413.

<sup>138</sup> Trong cuốn "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin đã phân tích phê phán cuốn sách của G. Sun-txê - Ghê-véc-ni-tơ "Die deutsche Kreditbank" ("Ngân hàng tín dụng ở Đức") (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 30 - 44). Lê-nin viết về tác giả: "Khắp nơi (passim), mọi chỗ, cái giọng lưỡi của Sun-txê - Ghê-véc-ni-tơ đều là giọng lưỡi của chủ nghĩa đế quốc Đức đặc ý, của một con lợn đực thắng!!!!". Khi phân tích phê phán một cuốn sách khác của Sun-txê - Ghê-véc-ni-tơ: "Britischer Imperialismus und englischer Freihandel zu Beginn des zwanzigsten Jahrhunderts" ("Chủ nghĩa đế quốc Anh và nền thương mại tự do của nước Anh đầu thế kỷ XX") Lê-nin đã nhận định về tác giả như sau: "Hèn hạ

vào bạc nhất, đề tiện, người theo chủ nghĩa Can-tơ, bênh vực tôn giáo, sô-vanh, ông ta đã thu thập được một vài sự kiện rất đáng chú ý về chủ nghĩa đế quốc Anh và viết được một cuốn sách sinh động, không làm người ta ngán. Ông ta đã đi khắp nước Anh, thu thập được nhiều tài liệu và đã quan sát nhiều. Các ngài người Anh, các ngài cướp bóc nhiều rồi, hãy để cho chúng tôi cướp bóc bằng cách đem Can-tơ, Chúa trời, chủ nghĩa yêu nước, khoa học ra "thần thánh hoá" sự cướp bóc = đó là thực chất lập trường của cái "nhà bác học" này!!" (như trên, tr. 424). — 417.

<sup>139</sup> Trong cuốn "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin đã phân tích phê phán cuốn sách của R. Líp-man "Beteiligungs — und Finanzierungs — gesellschaften. Eine Studie über den modernen Kapitalismus - und das Effektenwesen" (I-ê-na, 1909) ("Các công ty tham dự và cung cấp tài chính. Nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện đại và về bản chất các chứng khoán") (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 349 - 357). Lê-nin viết về R. Líp-man như sau: "Tác giả là một tên đại ngốc, lúng túng trong các định nghĩa - hết sức ngu xuẩn — tất cả những định nghĩa này chỉ xoay quanh chữ "thay thế". Những tài liệu thực tế quý báu phần lớn là những tài liệu hoàn toàn chưa được chỉnh lý. Kẻ thù của học thuyết giá trị là do lao động tạo ra, etc. etc." — 418.

<sup>140</sup> Lê-nin sử dụng cuốn sách của I-a. Rít-xơ "Die deutschen Grobpan-ken und ihre Konzentration im Zusammenhang mit der Entwick - lung der Gesamtwirtschaft in Deutschland" ("Các ngân hàng lớn ở Đức và sự tập trung các ngân hàng đó do sự phát triển chung của nền kinh tế Đức"), qua hai bản xuất bản ở I-ê-na năm 1910 và 1912. Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" Lê-nin phân tích một cách tỉ mỉ tài liệu thực tế về nhiều năm khác nhau trong cuốn sách đó (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 318 - 348). — 418.

<sup>141</sup> Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 620. — 424.

<sup>142</sup> *Sự phá sản của sở giao dịch* bùng lên trong nửa đầu năm 1873 thoát tiên ở Áo - Hung, sau đó ở Đức và các nước khác. Vào đầu những năm 70, sự bành trướng của tín dụng, hoạt động đầu cơ gruyn-đéc (từ này bắt nguồn từ tiếng Đức "Gründer", có nghĩa là người thành lập), sự đầu cơ ở sở giao dịch đã đạt tới quy mô mà trước đây chưa từng thấy. Sự đầu cơ ở sở giao dịch tiếp tục tăng lên trong thời kỳ mà cả công nghiệp lẫn thương nghiệp đều có những dấu hiệu rõ rệt của cuộc khủng hoảng kinh tế có tính chất thế giới đang phát triển. Tai hoạ đã xảy ra ngày 9 tháng Năm 1873

tại sở giao dịch ở Viên ; trong 24 giờ cổ phiếu mất giá đến hàng trăm triệu; số vụ phá sản rất nhiều. Tai hoạ ở sở giao dịch đã lan sang nước Đức. "Những gì đã xảy ra ở Pa-ri năm 1867, - Ăng-ghe viết, - những gì thường xảy ra ở Luân-đôn và Niu-oóc, đã xảy ra ngay ở Béc-lanh năm 1873: sự đầu cơ quá đáng đã kết thúc bằng sự phá sản rộng khắp. Số công ty phá sản có đến hàng trăm. Những công ty còn đứng vững được thì không thể nào bán được cổ phiếu. Về mọi mặt, đã có sự đổ vỡ hoàn toàn" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe .Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 19, tr. 178). — 426.

<sup>143</sup> *Những vụ đầu cơ gruyn-đéc* xảy ra trong thời kỳ mà việc thành lập các công ty cổ phần phát triển mạnh trong thời gian đầu của những năm 70 của thế kỷ trước ở nước Đức. Sự phát triển của hoạt động đầu cơ gruyn-đéc đi liền với sự đầu cơ đất đai và chứng khoán một cách điên cuồng tại sở giao dịch, với thủ đoạn gian lận của những tay kinh doanh tư sản đang phát tài. — 426.

<sup>144</sup> Năm 1955 nhóm độc quyền tài chính Rốc-cơ-phen-lơ đã kiểm soát những số vốn gồm 61,4 tỷ đô-la, còn nhóm Moóc-gan thì kiểm soát 65,3 tỷ đô-la. Dòng họ Moóc-gan khống chế tới 70 ngân hàng và công ty Mỹ, trong số đó có 12 ngân hàng và công ty nằm dưới sự kiểm soát hoàn toàn của dòng họ Moóc-gan. Trong số những công ty công nghiệp do dòng họ Moóc-gan kiểm soát, có những tổ chức độc quyền lớn nhất ở Mỹ như: "I-u-nai-tét-xây-tơ-tin", "Đgiê-nê-ran ê-léch-tơ-rích", "Đgiê-nê-ran mô-tơ-rơ-xơ" và nhiều công ty khác trong các ngành than, thực phẩm, hoá chất, dệt và nhiều ngành công nghiệp khác, cũng như các công ty thuộc ngành luyện kim màu, vận tải, công ty bưu điện và công trình công cộng. Trong công nghiệp khai thác mỏ và chế biến, dòng họ Rốc-cơ-phen-lơ kiểm soát các xí nghiệp với tổng tài sản trên 17 tỷ đô-la; cơ sở sức mạnh của nhóm này là việc họ kiểm soát công nghiệp dầu lửa; nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dòng họ Rốc-cơ-phen-lơ có 6 tổ chức độc quyền dầu lửa lớn nhất ở Mỹ, trong đó có công ty "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ và các công ty (Ni-u Giéc-xi)", "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ ô-phơ In-đi-a-na" và nhiều công ty khác. Dòng họ Rốc-cơ-phen-lơ nắm số cổ phiếu khống chế của nhiều xí nghiệp thuộc ngành hàng không, nguyên tử và nhiều ngành công nghiệp khác.

Hai nhóm Rốc-cơ-phen-lơ và Moóc-gan có ảnh hưởng to lớn đến đời sống chính trị của nước Mỹ. Nhiều tổng thống và bộ trưởng Mỹ là tay chân của dòng họ Moóc-gan; dòng họ Rốc-cơ-phen-lơ cùng với nhiều tên trùm tư bản khác cấp tiền cho Đảng cộng hoà

Mỹ và tìm cách đưa những nhân vật có lợi cho họ vào giữ những chức vụ nhà nước. Các tổ chức độc quyền nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dòng họ Moóc-gan và dòng họ Rốc-cơ-phen-lơ đang thu được những lợi nhuận lớn về các khoản đặt hàng quân sự và về các khoản cung cấp cho chính phủ. — 428.

<sup>145</sup> "*Frankfurter Zeitung*" ("Báo Phran-pho") - tờ báo hàng ngày, cơ quan ngôn luận của các nhà kinh doanh chứng khoán kéch sù ở Đức; xuất bản tại Phran-pho trên sông Manh từ năm 1856 đến năm 1943. Bắt đầu xuất bản trở lại năm 1949 dưới tên "Báo toàn Phran-pho" ("*Frankfurter Allgemeine Zeitung*"); tờ báo này là cái loa của bọn độc quyền Tây Đức. — 428.

<sup>146</sup> Trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" và trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin đã vạch trần tính chất tán dương giai cấp tư sản và tính phản khoa học của thuyết "chủ nghĩa tư bản có tổ chức". Thuyết này miêu tả chủ nghĩa đế quốc tựa như là một thứ chủ nghĩa tư bản đặc thù, đã được cải tạo, trong đó sự cạnh tranh và tình trạng sản xuất vô chính phủ, các cuộc khủng hoảng kinh tế dường như đã bị thủ tiêu, sự phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân dường như đang được thực hiện. Thuyết "chủ nghĩa tư bản có tổ chức" do các nhà tư tưởng của chủ nghĩa tư bản độc quyền — như Dôm-bác-tơ, Líp-man và những người khác đề xướng — đã được những người theo chủ nghĩa cải lương — như Cau-xky, Hin-phéc-đinh và các nhà lý luận khác của Quốc tế II, — chộp lấy ngay. Những kẻ hiện nay đang bênh vực chủ nghĩa đế quốc đã nặn ra vô số kiểu khác nhau của cái thuyết về chủ nghĩa tư bản "có tổ chức" và "có kế hoạch" nhằm lừa bịp quần chúng nhân dân, tô điểm cho chủ nghĩa tư bản độc quyền. Cuộc sống đã chứng minh hùng hồn rằng nhận định của Lê-nin về chủ nghĩa đế quốc là đúng đắn; sự thống trị của các tổ chức độc quyền không thủ tiêu được mà còn làm sâu sắc thêm tình trạng sản xuất vô chính phủ, không cứu được nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thoát khỏi những cuộc khủng hoảng. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, trong nước chủ chốt của chủ nghĩa tư bản hiện đại là Hợp chúng quốc Mỹ, chỉ trong thời kỳ từ năm 1948 đến năm 1961 đã xảy ra bốn lần sản xuất suy giảm do khủng hoảng (trong các năm 1948 - 1949, 1953 - 1954, 1957 - 1958 và 1960 - 1961). — 436.

<sup>147</sup> Thực tế ngày nay hoàn toàn chứng thực những ý kiến của Lê-nin phê phán những lý thuyết tư sản - cải lương về "dân chủ hoá tư

bản", mà người ta nặn ra nhằm tô điểm cho chủ nghĩa đế quốc và làm lu mờ sự thống trị của các tổ chức độc quyền. Bọn trùm tư bản đang lợi dụng việc lưu hành rộng rãi những cổ phiếu nhỏ để tăng cường bóc lột và lừa bịp nhân dân, để làm giàu cho chúng. Trái với những lời tuyên bố của bộ máy tuyên truyền tư sản nói rằng trong các nước đế quốc chủ nghĩa hiện nay, những cổ phiếu nhỏ ("nhân dân"), đang được lưu hành rộng rãi, trong thực tế chỉ có một số ít công nhân lành nghề — những đại diện của cái gọi là tầng lớp công nhân quý tộc mới có thể mua được cổ phiếu. Chẳng hạn như ở Hợp chúng quốc Mỹ năm 1958 có khoảng nửa triệu gia đình công nhân có cổ phiếu, nhưng giá trị của những cổ phiếu đó chỉ chiếm 0,2% tổng giá trị của toàn bộ cổ phiếu có trong nước. Trong lúc đó chỉ riêng một gia đình Duy-pông đã có số cổ phiếu nhiều gấp 10 lần so với số cổ phiếu của toàn thể công nhân Mỹ cộng lại. Như vậy, thực tế đang đánh đổ những lý thuyết có tính chất tán dương về việc biến công nhân thành những người sở hữu (người cùng sở hữu) các xí nghiệp, về việc "làm cho" thu nhập của các nhà tư bản "đồng đều" với thu nhập của công nhân. Chủ nghĩa tư bản hiện đại có đặc điểm là cái hố sâu ngăn cách giữa lao động và tư bản, giữa nhân dân và các tổ chức độc quyền ngày càng sâu sắc thêm. — 439.

<sup>148</sup> Lê-nin có ý nói đến G. V. Plê-kha-nốp. Những ý kiến của G. V. Plê-kha-nốp chung quanh vấn đề chủ nghĩa đế quốc được viện dẫn trong văn tập những bài viết của ông nhan đề "Về chiến tranh", văn tập này được xuất bản tại Pê-tơ-rô-grát trong những năm chiến tranh. — 440.

<sup>149</sup> Trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", cuốn sách được viết để xuất bản hợp pháp ở Nga, Lê-nin đã buộc phải hạn chế việc phân tích chủ nghĩa đế quốc Nga ở chỗ chỉ nêu ra những nhận xét và kết luận ngắn gọn. Trong cuốn "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", ngoài cuốn sách của Ê. A-gát bằng tiếng Đức nhan đề "Những ngân hàng lớn và thị trường thế giới. Ý nghĩa kinh tế và chính trị của những ngân hàng lớn trên thị trường thế giới xét về mặt ảnh hưởng của chúng đối với nền kinh tế quốc dân của Nga và quan hệ Đức - Nga" (Béc-lanh, 1914) ra, Lê-nin còn sử dụng những tài liệu trong cuốn sách của A. N. Đắc "Người Đức và tư bản Đức trong nền công nghiệp Nga", và trong cuốn sách của B. I-tsi-kha-ni-an nhan đề "Những yếu tố nước ngoài trong nền kinh tế quốc dân Nga" (xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Nga, xuất

bản lần thứ 5, t. 28, tr. 92-111, 225-226, 246) và những tài liệu khác. Ngoài ra, cuốn "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" còn ghi nhiều tài liệu nói lên đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền ở Nga, cũng như nhận định của Lê-nin về nhiều mặt khác nhau của chủ nghĩa đế quốc Nga (xem tr. 121, 125, 178, 229, 236-237, 238, 264, 265, 269, 276, 278, 281, 283, 305-306, 363, 384, 442-443, 444, 447, 448, 451, 452, 453, 458, 460, 463, 465, 472, 474-475, 479-480, 483-484, 505-507, 508, 513-516, 518, 537-538, 576, 655-662, 701-703). — 445.

<sup>150</sup> *Vụ kênh đào Pa-na-ma của Pháp* — từ ngữ này xuất hiện do ở Pháp trong những năm 1892-1893 đã có cuộc vạch trần sự lộng quyền, tham nhũng lớn của các nhà hoạt động nhà nước và chính trị, công chức và báo chí, những kẻ đã bị công ty Pháp xây dựng kênh đào Pa-na-ma mua chuộc. — 451.

<sup>151</sup> Những tài liệu chuẩn bị cho cuốn sách "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" ghi trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", phản ánh công việc to lớn mà Lê-nin đã tiến hành để nghiên cứu, kiểm tra và phân tích khoa học những tài liệu thực tế rộng lớn, để tổng hợp và phân loại các tài liệu thống kê. Chẳng hạn như những số liệu về việc phát hành chứng khoán trên toàn thế giới và sự phân bố chứng khoán ở các nước do A. Nây-mác-cơ dẫn ra trong "Bulletin de l'institut international de statistique", t. XIX, livr. II. La Haye, 1912 ("Bản tin của Viện thống kê quốc tế", t. XIX, quyển II, La Hay) đã được Lê-nin so sánh và đối chiếu với những số liệu do V. Txôn-lin-gơ dẫn ra trong tác phẩm "Die Bilanz der inter - nationalen Wertübertragungen", 1914 ("Cân đối những sự di chuyển giá trị trên trường quốc tế") và làm những con tính riêng của mình (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 121-125, 363). — 453.

<sup>152</sup> Về cuốn sách của H. C. Mô-ri-xơ "The History of Colonization from the Earliest Times to the Present Day" (Niu-oóc, 1900) ("Lịch sử công cuộc di thực từ thời cổ đại đến ngày nay") Lê-nin đã viết như sau trong cuốn "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc": "Những bảng thống kê đáng lưu ý... Có cảm tưởng là bản thân "lịch sử" là một bản liệt kê khô khan các sự kiện". Trên cơ sở những số liệu của nguồn tài liệu này, Lê-nin làm những con tính nói lên tình hình phân bố các thuộc địa giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 228 - 233). — 474

<sup>153</sup> Trong cuốn "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin đã phân tích tỉ mỉ những tài liệu của A. Xu-pan và những bảng thống kê địa lý của Ô. Huýp-nơ (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 270-282). — 478.

<sup>154</sup> Về sự phân tích phê phán tỉ mỉ bài của C. Cau-xky nhan đề "Der Imperialismus" đăng trên tạp chí "Die Neue Zeit", 1914, Jg. 32, Bd. 2, № 21, xem trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" của Lê-nin. Cuốn sách đó cũng phân tích toàn diện những bài của C. Cau-xky và của phái Cau-xky về chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin chỉ rõ rằng những quan điểm của phái Cau-xky về chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa cải lương tiểu tư sản nguy trang bằng chủ nghĩa Mác, rằng những quan điểm đó "vì một thứ chủ nghĩa tư bản sạch sẽ, trau chuốt, ôn hoà, và lịch sự" (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 91, 171-172, 241-246 và các trang khác). — 497.

<sup>155</sup> Khi chuẩn bị viết cuốn sách về chủ nghĩa đế quốc, Lê-nin đã chú ý nhiều đến thống kê đường sắt. Những tài liệu được nêu trong cuốn "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 462 - 468, 470 - 473) chứng tỏ rằng dựa vào nhiều nguồn khác nhau Lê-nin đã thu thập và xử lý một khối lượng tài liệu rộng lớn về sự phát triển mạng lưới đường sắt thuộc nhiều nước khác nhau (các cường quốc lớn nhất, các quốc gia độc lập và nửa độc lập, các thuộc địa) trong những năm 1890 và 1913. Lê-nin đã khái quát những kết quả của công trình nghiên cứu này trong hai biểu tóm tắt (xem tập này, tr. 500 - 501). — 500

<sup>156</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 105. — 513.

<sup>157</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXIV, 1931, tr. 529, 530. — 513.

<sup>158</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 262-278. — 514.

<sup>159</sup> Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 126. — 522.

<sup>160</sup> V. I. Lê-nin có ý nói đến cái gọi là "nghị định thư cuối cùng" ký ngày 7 tháng Chín 1901 giữa các cường quốc đế quốc chủ nghĩa

(Anh, Áo - Hung, Bỉ, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Nga, Hà-lan, Tây-ban-nha và Mỹ) với Trung-quốc do kết quả của việc đàn áp cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hoà đoàn trong những năm 1899- 1901. Tư bản nước ngoài lại có thêm những khả năng mới để bóc lột và cướp bóc Trung-quốc. — 529.

<sup>161</sup> *Cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hoà đoàn* - cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống đế quốc ở Trung-quốc trong những năm 1899 - 1901 do hội "Nghĩa hoà đoàn" ("Nắm đấm vì chính nghĩa và hoà hợp") khởi xướng, về sau được gọi là Nghĩa hoà đoàn. Cuộc khởi nghĩa đã bị liên quân bình định của các cường quốc đế quốc chủ nghĩa do tên tướng Đức Van-đéc-de cầm đầu, đàn áp tàn khốc. Bọn đế quốc Đức, Nhật, Anh, Mỹ và Nga đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa này. Năm 1901, Trung-quốc buộc phải ký cái gọi là "nghị định thư cuối cùng". Theo nghị định thư này thì Trung-quốc trở thành nước nửa thuộc địa của đế quốc nước ngoài.

Về cuộc đấu tranh của nhân dân Trung-quốc chống ách thống trị của nước ngoài, xin xem bài của V. I. Lê-nin "Cuộc chiến tranh Trung-quốc" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 476-483). — 530.

<sup>162</sup> Văn kiện này là đề cương bản báo cáo về tính chất của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và về sách lược của những người quốc tế chủ nghĩa cách mạng, bản báo cáo này đã được Lê-nin trình bày tại cuộc họp riêng của những người dân chủ - xã hội phái tả, những đại biểu của Hội nghị Xim-méc-van, vào ngày 4 tháng Chín 1915, ngay trước ngày Hội nghị Xim-méc-van khai mạc. Ngoài những đại biểu phái tả, tham dự cuộc họp còn có một vài đại biểu khác của hội nghị. Cuộc họp đã thông qua các bản dự thảo tuyên ngôn và nghị quyết mà phái tả đã trình bày tại Hội nghị Xim-méc-van. — 545

<sup>163</sup> Lê-nin có ý nói đến cuộc họp trù bị (Vorkonferenz) để bàn về vấn đề triệu tập hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế, cuộc họp này được tiến hành ngày 11 tháng Bảy 1915 tại Béc-nơ. Cuộc họp đã được triệu tập theo sáng kiến của những người xã hội chủ nghĩa Ý và Thụy-sĩ. Các đại diện của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, của Ban lãnh đạo xứ của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan, của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan - "cánh tả" và của Ban tổ chức (men-sê-vích) cũng tham dự cuộc họp. Phái giữa chiếm ưu thế tại cuộc họp trù bị này. R. Grim, một người xã hội chủ nghĩa Thụy-sĩ, tổng biên tập báo "Berliner Tagwacht", một trong những

người tổ chức cuộc họp trù bị cũng đã mời Cau-xky, Ha-dơ và Béc-stanh đến tham dự cuộc họp, nhưng bọn họ đã chối từ không tham dự cuộc họp, viện lẽ rằng cuộc họp được triệu tập trái với ý nguyện của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa mà họ là những uỷ viên.

Vấn đề chủ yếu được đem ra thảo luận tại cuộc họp trù bị là vấn đề thành phần tham dự cuộc hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất sắp họp. Đa số trong cuộc họp thuộc phái Cau-xky đã cố ra sức lôi kéo phái giữa do C. Cau-xky cầm đầu và thậm chí cả bọn xã hội - số-vanh lộ mặt là Tơ-run-xtơ-ra và Bran-tinh đến dự hội nghị. Đại diện của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đưa ra đề nghị mời những đại diện của phái tả thực sự trong phong trào công nhân quốc tế đến dự cuộc họp trù bị lần sau; vào lúc bấy giờ trong phần lớn các nước, phái tả thực sự đã tách ra khỏi các đảng chính thức (phái tả Hà-lan, phái "te-xni-ác" Bun-ga-ri, phái đối lập cánh tả trong Đảng dân chủ - xã hội Thụy-điển và Na-uy, nhóm cánh tả Đức, tức "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức", những người dân chủ - xã hội Ba-lan (phái đối lập) và những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a). Nhưng đa số thuộc phái Cau-xky tại cuộc họp đã bác bỏ đề nghị này. Cuộc họp đã thông qua nghị quyết về việc triệu tập cuộc họp trù bị lần thứ hai, cuộc họp thứ hai này phải giải quyết dứt khoát vấn đề về hội nghị. Tuy vậy, cuộc họp trù bị lần thứ hai không triệu tập được, và Hội nghị Xim-méc-van đã được triệu tập ngay. — 546.

<sup>164</sup> "*Những điểm bổ sung*" không được đưa vào văn bản cuối cùng của bản tuyên bố đọc tại hội nghị, trong bản tuyên bố này phái tả Xim-méc-van nói rõ lý do tại sao họ bỏ phiếu thông qua bản tuyên ngôn chính thức. — 549.

<sup>165</sup> Bài thuyết trình này đã được V. I. Lê-nin trình bày ở Giơ-ne-vơ ngày 15 (28) tháng Mười 1915. — 550.

<sup>166</sup> "*Báo sông Ranh mới*" ("Neue Rheinische Zeitung") xuất bản hàng ngày ở Cô-lô-nhơ từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến hết ngày 19 tháng Năm 1849, do C. Mác làm tổng biên tập. Tham gia ban biên tập có Ph. Ăng-ghe-n, V. Vôn-phơ, G. Vê-éc-tơ, Ph. Vôn-phơ, E. Đrôn-ke, Ph. Phrai-li-grát và G. Buyéc-gơ.

Là cơ quan chiến đấu của cánh vô sản của phong trào dân chủ, tờ báo đã đóng vai trò người giáo dục quần chúng nhân dân, phát động quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh chống thế lực

phản cách mạng. Những bài xã luận xác định lập trường của tờ báo về các vấn đề quan trọng nhất của cách mạng Đức và châu Âu, thường là do Mác và Ăng-ghe-n viết.

Lập trường kiên quyết và không điều hoà của "Báo sông Ranh mới", chủ nghĩa quốc tế chiến đấu của tờ báo, việc tờ báo đăng những bài tố giác chính trị nhằm chống chính phủ Phổ và chống các nhà đương cục địa phương ở Cô-lô-nhơ — ngay từ những tháng tồn tại đầu tiên của tờ báo — tất cả những cái đó đã khiến cho tờ báo bị báo chí phong kiến - quân chủ và tự do chủ nghĩa - tư sản hăm hại cũng như bị chính phủ truy nã, sự truy nã này đã tăng lên rất nhiều kể từ sau cuộc đảo chính phản cách mạng ở Phổ.

Bất chấp mọi sự bức hại và mọi sự ngăn trở của cảnh sát "Báo sông Ranh mới" đã dũng cảm bênh vực những lợi ích của phái dân chủ cách mạng, những lợi ích của giai cấp vô sản. Việc Mác bị trục xuất khỏi nước Phổ tháng Năm 1849 và những biên tập viên khác của "Báo sông Ranh mới" bị đàn áp là nguyên nhân khiến tờ báo phải đình bản. Số báo cuối cùng, số 301, in màu đỏ, ra ngày 19 tháng Năm 1849. Trong lời từ biệt gửi anh em công nhân, các biên tập viên của báo đã tuyên bố rằng "mãi mãi và ở khắp mọi nơi sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân sẽ là tiếng nói cuối cùng của họ!". — 553.

<sup>167</sup> "*Chủ nghĩa Xtơ-ru-vê*", "chủ nghĩa Mác hợp pháp" là sự xuyên tạc của giai cấp tư sản - tự do chủ nghĩa đối với chủ nghĩa Mác. P. B. Xtơ-ru-vê và "những nhà mác-xít hợp pháp" khác đã mưu toan lợi dụng ngọn cờ chủ nghĩa Mác và lợi dụng phong trào công nhân để phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản. Trong các tác phẩm của mình, Lê-nin đã vạch rõ rằng trong chủ nghĩa Xtơ-ru-vê có mầm mống của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại quốc tế mà về sau mang hình thức chủ nghĩa Béc-stanh và chủ nghĩa Cau-xky; Lê-nin đã chỉ rõ sự tiến triển hợp luật của chủ nghĩa Xtơ-ru-vê thành chủ nghĩa tự do - dân tộc tư sản. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, Xtơ-ru-vê là một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc Nga; trong khi tự che đậy mình bằng những lời hoa mỹ có tính chất mác-xít, y đã bênh vực chủ nghĩa xã hội - sô-vanh, biện hộ cho cuộc chiến tranh ăn cướp, những sự thôn tính và ách áp bức dân tộc dưới cái chiêu bài giả dối là "thắng lợi của nước tôi sẽ đẩy mạnh sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nước tôi và do đó làm cho chủ nghĩa xã hội mau xuất hiện" (V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 279 và các trang khác). — 557.

<sup>168</sup> Khi thảo luận cương lĩnh của đảng tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (tháng Bảy - tháng Tám 1903) các đại diện của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va là A. Vác-xki và I-a. X. Ga-nê-txơ-ki đã phản đối điểm nói về quyền dân tộc tự quyết và đề nghị đưa vào bản cương lĩnh yêu sách đòi lập ra những thể chế bảo đảm cho tất cả mọi dân tộc nằm trong quốc gia, có đầy đủ quyền tự do phát triển văn hoá, nghĩa là "*đáng lẽ* phải là quyền tự quyết, thì thực ra họ lại đề nghị chẳng qua chỉ là một cái tên khác của "quyền tự trị dân tộc về văn hoá" khét tiếng mà thôi" (V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 25, tr. 363). Tiểu ban cương lĩnh của Đại hội II đã bác bỏ những đề nghị của những người dân chủ - xã hội Ba-lan. Khi biết chắc rằng không thể nào bảo vệ được những đề nghị đó tại đại hội, họ bỏ đại hội ra về và để lại một bản tuyên bố nói rõ quan điểm của họ.

Tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga năm 1906, Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va được kết nạp vào Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; tại đại hội cũng như sau đại hội, những đại diện của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va không hề đưa ra những đề nghị về sửa đổi điều 9 của cương lĩnh đảng. — 561.

<sup>169</sup> Điều 9 của phần chính trị chung trong cương lĩnh của đảng đã được thông qua tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp tháng Bảy - tháng Tám 1903, có nêu lên đòi hỏi: "Quyền tự quyết cho tất cả mọi dân tộc nằm trong quốc gia" ("Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp trung ương", tiếng Nga, Ph. I, 1954, tr. 40). — 561.

<sup>170</sup> Văn kiện này có lẽ là phần đầu của một bài báo chưa viết xong. — 563.

<sup>171</sup> Bản thuyết trình về đề tài "Hai Quốc tế" V. I. Lê-nin đã trình bày tại Xuy-rích ngày 4 (17) tháng Hai 1916. Bản thuyết trình này với cái tên có thay đổi đôi chút: "Hai trào lưu trong phong trào công nhân quốc tế" cũng đã được Lê-nin trình bày tại Lô-da-nơ trong khoảng từ 19 đến 21 tháng Năm (từ 1 đến 3 tháng Sáu) và tại Giơ-ne-vơ ngày 20 tháng Năm (2 tháng Sáu).

Bản thảo dàn bài của bản thuyết trình hiện còn giữ được ở Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa

Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô cũng cho thấy công việc chuẩn bị mà Lê-nin đã tiến hành cho cuộc thuyết trình thứ hai tại Lô-da-nơ và Giơ-ne-vơ. Sau Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai họp ở Ki-en-tan, vì có thêm tài liệu mới nên dàn bài bản thuyết trình đã có thêm những bổ sung, một đôi điểm đã được Lê-nin gạch xoá đi, số thứ tự các điểm được sửa lại. Tất cả những điểm mà Lê-nin sửa thêm vào dàn bài bản thuyết trình đã được nói rõ trong những chú thích ở cuối trang. — 567.

- <sup>172</sup> V. I. Lê-nin có ý nói đến bài báo của H. Rô-lăng - Hôn-xtơ trong "Beilage zur "Berliner Tagwacht"" ("Phụ trương của báo "Người lính canh thành Béc-nơ"), số 18, ngày 22 tháng Giêng 1916, nói về bài phát biểu của bí thư Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa C. Huy-xman tại đại hội bất thường của Đảng dân chủ - xã hội Hà-lan ngày 8-9 tháng Giêng; Huy-xman cũng đã phát biểu tại Rốt-téc-đam ngày 2 tháng Hai. Phát biểu ý kiến chống lại Huy-xman là Đ. Vanh-cốp, một người quốc tế chủ nghĩa cánh tả, Vanh-cốp đã tuyên bố rằng sau khi C. Huy-xman bỏ phiếu thông qua ngân sách quân sự, những người xã hội chủ nghĩa không thể coi ông ta là bí thư Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa nữa. "Chúng tôi sẽ lập ra Quốc tế khác", — Đ. Vanh-cốp nói như vậy.

Tại Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, người ta còn giữ được mảnh báo cắt từ tờ "Beilage zur "Berliner Tagwacht"", số 18, ngày 22 tháng Giêng 1916 với những bút tích của V. I. Lê-nin; về bài phát biểu của C. Huy-xman tại Rốt-téc-đam thì Lê-nin trích ghi từ báo "L'Humanité" ("Nhân đạo") ngày 9 tháng Hai 1916. Cả hai văn kiện đều được in vào năm 1931 trong Văn tập Lê-nin, t. XVII. — 566.

- <sup>173</sup> Lê-nin có ý nói đến bài xã luận báo "Avanti!", số 43, ngày 12 tháng Hai 1916, nhan đề: "Intorno all'organizzazione socialista internazionale - le" ("Xung quanh Quốc tế xã hội chủ nghĩa"). Ở Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô hiện còn giữ được những đoạn V. I. Lê-nin trích ghi bài báo đó với những chú thích của Người. — 566.
- <sup>174</sup> Có lẽ ở đây muốn nói đến những tin tức từ Pa-ri gửi về nói đến đại hội Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp họp trong những ngày 25 - 29

tháng Chạp 1915, đăng trong báo "The Labour Leader", số 52, ngày 30 tháng Chạp 1915 và các số 2 và 4, ngày 13 và 27 tháng Giêng 1916. — 569.

- <sup>175</sup> "Forward" ("Tiến lên") - tờ báo, xuất bản ở Glát-gô (Anh) từ năm 1906; trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, tờ báo này ủng hộ chính sách của Đảng công nhân độc lập Anh. Báo này đã bị nhà cầm quyền đóng cửa vì đã đăng bài tường thuật về cái gọi là "những sự biến trong ngày giáng sinh" năm 1915 ở Glát-gô (trung tâm của khu Clai-đơ và là trung tâm của phong trào đại biểu công xưởng - nhà máy), khi Lô-ít Gioóc-giơ - hồi đó là bộ trưởng bộ quân nhu - đến thăm Glát-gô và đã bị công nhân la ó xua đuổi, những công nhân này sau đó đã tổ chức ở trung tâm thành phố một cuộc tuần hành rầm rộ dưới những khẩu hiệu chống chiến tranh và chống chính phủ.

Để đáp lại việc cấm ra tờ báo, công nhân đã dọa tổ chức bãi công, do đó lệnh cấm đã bị huỷ bỏ. — 569.

- <sup>176</sup> Merthyr (Méc-tia) là một khu ở Nam Oen-xơ. Lê-nin có lẽ muốn nói đến cuộc bầu cử bổ sung ở khu này, khi đại diện của Đảng xã hội chủ nghĩa Anh liên minh với phái tự do và phái bảo thủ để chống lại ứng cử viên của Đảng công nhân độc lập. Báo "The Labour Leader", số 46, ra ngày 18 tháng Mười một 1915 đã có đăng tin về cuộc đấu tranh trước ngày bầu cử ở Méc-tia. — 569.

- <sup>177</sup> Có lẽ đây muốn nói đến tờ báo "The Socialist" ("Người xã hội chủ nghĩa") — cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Anh, xuất bản ở Glát-gô trong những năm 1904, 1909 - 1910, 1916, 1918 - 1923. — 569.

- <sup>178</sup> Đây có lẽ muốn nói đến bài báo — lời kêu gọi: "Die Internationalen in Oesterreich an die Internationalen aller Länder" ("Những người quốc tế chủ nghĩa ở Áo gửi tất cả những người quốc tế chủ nghĩa ở các nước"), bài này đăng ở "Beilage zur "Berliner Tagwacht"", các số 283 và 284, ra ngày 3 và 4 tháng Chạp 1915. — 569. le"

- <sup>179</sup> Lê-nin có ý nói đến các bài của I-u. Đép-xơ "When I shall Fight" ("Khi tôi sẽ chiến đấu"), "Preparedness" ("Sự sẵn sàng" mà tôi thích"), "The Only War I will Fight in" ("Cuộc chiến tranh duy nhất mà trong đó tôi muốn chiến đấu"), "Never be a Soldier" ("Không bao giờ làm người lính"), in trên báo "Appeal to Reason" ("Kêu gọi

theo lẽ phải"), ra ngày 25 tháng Tám, 11 tháng Chín, 11 và 25 tháng Chạp 1915 (các số 1032, 1045 và 1047).

Tại Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô hiện còn giữ được những mảnh báo cắt ra từ tờ "Appeal to Reason" trong đó có ghi những ghi chú của V. I. Lê-nin. — 569.

<sup>180</sup> "*Đảng công nhân Khvô-xtốp*" gọi theo tên của A. N. Khvô-xtốp, người mà trong những năm 1915 và 1916 làm bộ trưởng Bộ nội vụ và tư lệnh một đội hiến binh riêng. Trong bản thảo, ở trên chữ "Khvô-xtốp", Lê-nin viết chữ "Xtô-lư-pin". — 571.

<sup>181</sup> "*Europa ung Revolution*" ("Châu Âu và cách mạng") – nhan đề một bài báo của ban biên tập đảng trên báo "Volksrecht", số 35 ngày 11 tháng Hai 1916 bình luận bài viết ký tên I. S. đăng trên báo "Va -terland" ("Tổ quốc"), một tờ báo sô-vanh xuất bản ở Lu-txét-nơ, trong bài đó tác giả viết rằng cứ tiếp tục chiến tranh thì có thể sẽ làm bùng nổ cách mạng, điều đó còn nguy hiểm cho "ngai vàng và giáo đường" hơn là chiến tranh. Tại Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô hiện còn giữ được đoạn Lê-nin trích từ báo "Volksrech" trong đó có ghi những nhận xét của Người. — 571.

<sup>182</sup> Ở đây Lê-nin so sánh việc hai mươi nghị sĩ dân chủ - xã hội trong Quốc hội Đức biểu quyết chống ngân sách quân sự ngày 21 tháng Chạp 1915 với lần biểu quyết ngày 20 tháng Ba 1915, khi mà chỉ có hai người (C. Liép-nêch và Ô. Ruy-lê) bỏ phiếu chống ngân sách quân sự mà thôi. Việc hai chục nghị sĩ bỏ phiếu chống ngân sách quân sự là bằng chứng nói lên rằng sức ép của quần chúng đối với ban lãnh đạo của Đảng dân chủ - xã hội Đức và đảng đoàn dân chủ - xã hội Đức trong quốc hội đã tăng lên. Tuy vậy, đa số trong Ban chấp hành trung ương (Vorstand) và đảng đoàn dân chủ - xã hội Đức trong quốc hội đã lên án lần biểu quyết ngày 21 tháng Chạp là sự vi phạm kỷ luật của đảng.

Khi nói đến tính chất không triệt để của hai chục người, Lê-nin có ý nói đến bản tuyên bố do Ph. Gây-ơ đưa ra thay mặt cho các thành viên trong đảng đoàn dân chủ - xã hội ngày 21 tháng Chạp đã bỏ phiếu chống ngân sách quân sự; bản tuyên bố này không nêu lên nhận định cuộc chiến tranh này là chiến tranh đế

quốc chủ nghĩa, không hề nói đến chủ nghĩa quốc tế vô sản, lại có ý cho rằng mãi gần đây những kế hoạch xâm chiếm của Đức mới xuất hiện. — 570.

<sup>183</sup> "*Lichtstrahlen*" ("Tia sáng") - tạp chí hàng tháng, cơ quan ngôn luận của nhóm dân chủ - xã hội cánh tả Đức ("Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức") do I-u. Boóc-khác-tơ chủ biên. Tạp chí này xuất bản không thường kỳ từ năm 1913 đến năm 1921 tại Béc-lanh. Tham gia tạp chí có A. Pan-nê-cúc, A. Ba-la-ba-nô-va và những người khác. — 570.

<sup>184</sup> Báo "Vorwärts", số 11 ngày 12 tháng Giêng 1916 đã đăng tuyên bố của Ô. Ruy-lê "Zur Parteispaltung" ("Về sự phân liệt của đảng"), trong đó ông ta viết rằng sự phân liệt trong Đảng dân chủ - xã hội Đức là điều không tránh khỏi. Kèm theo tuyên bố của Ruy-lê, ban biên tập báo "Vorwärts" đã đăng bài của ban biên tập nói rằng mặc dầu bài của Ruy-lê đã được đăng y nguyên từng chữ, nhưng ban biên tập cho rằng những vấn đề tranh luận được nêu lên trong bài báo chẳng những là quá sớm mà còn là hoàn toàn vu vơ. — 570.

<sup>185</sup> Có ý nói đến cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm, và sau đó là cuộc bãi công của những công nhân trẻ ở Bra-un-svây-gơ vào đầu tháng Năm 1916. Cuộc bãi công nổ ra là để phản đối việc chính phủ trích một phần tiền công của công nhân trẻ để mua công trái chiến tranh. Cuộc bãi công và tuần hành ở Bra-un-svây-gơ có tới hơn 1 500 người tham gia. Sau cuộc đấu tranh quyết liệt ngày 5 tháng Năm 1916, chính phủ đã buộc phải huỷ bỏ lệnh về việc trích tiền. — 571.

<sup>186</sup> Đây muốn nói đến bài xã luận của E. Va-li-ăng "Formalistes doctrinaires" ("Những người hình thức chủ nghĩa cố chấp") in trên báo "L' Humanité", № 3827, ngày 9 tháng Mười 1914, trong bài xã luận đó, Va-li-ăng — một người đã chuyển sang lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh ngay từ đầu cuộc chiến tranh — đã buộc phải thừa nhận rằng y nhận được nhiều thư của những người xã hội chủ nghĩa Pháp phản đối chính sách của những người lãnh đạo Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Về đoạn Lê-nin trích từ bài của Va-li-ăng, xem trong Văn tập của Lê-nin, tiếng Nga, t. XIV, tr. 97. — 570.

<sup>187</sup> Lê-nin có ý nói đến lời kêu gọi "Gửi phụ nữ vô sản!", ký tên Lu-i-da Xô-mô-nô, đại diện Ủy an hành động của phụ nữ xã



hội chủ nghĩa Pháp, kêu gọi đấu tranh cho hoà bình, chống chủ nghĩa sô-vanh. Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô hiện còn giữ được một bản in lời kêu gọi có bút tích của V. I. Lê-nin. — 571.

<sup>188</sup> "The New Statesman" ("Nhà chính trị mới") - tạp chí ra hàng tuần của Hội Pha-biêng, thành lập năm 1913 ở Luân-đôn. Từ năm 1931, tạp chí xuất bản dưới tên gọi "The New Statesman and Nation" ("Nhà chính trị mới và dân tộc"). Hiện nay tạp chí thể hiện những quan điểm của cánh tả trong Công đảng. — 572.

<sup>189</sup> Đây có lẽ Lê-nin có ý nói đến việc Ban chấp hành Đảng xã hội chủ nghĩa Anh tán thành Tuyên ngôn Xim-méc-van. Cuối năm 1915, Ban chấp hành Đảng xã hội chủ nghĩa Anh đã quyết định trưng cầu ý kiến của các tổ chức địa phương về việc gia nhập phái Xim-méc-van. Tuyệt đại đa số tổ chức cơ sở của đảng tán thành việc gia nhập. "Bản tin" của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế, *NQ* 3, ngày 29 tháng Hai 1916 đã đăng báo cáo về cuộc trưng cầu ý kiến đó. — 572.

<sup>190</sup> Có ý nói đến việc H. Hen-đman và những người ủng hộ ông ta đã rời bỏ cuộc hội nghị hàng năm của Đảng xã hội chủ nghĩa Anh họp ở Xôn-phoóc ngày 23 và 24 tháng Tư 1916. Tại hội nghị này, Đảng xã hội chủ nghĩa Anh đã hoàn toàn đoạn tuyệt với phái xã hội - sô-vanh. Hội nghị đã thông qua một số nghị quyết có tính chất dân chủ chung, chống chiến tranh và một nghị quyết kêu gọi dùng toàn bộ ảnh hưởng của đảng để chấm dứt chiến tranh. Với tuyệt đại đa số phiếu, hội nghị đã thông qua nghị quyết nói rằng những người xã hội chủ nghĩa chỉ thừa nhận chiến tranh giai cấp mà thôi. Sau khi rời bỏ hội nghị ở Xôn-phoóc, đầu tháng Sáu 1916, Hen-đman đã lập ra "Đảng xã hội chủ nghĩa dân tộc", từ năm 1918 đảng này được gọi là Liên đoàn dân chủ - xã hội. — 573.

<sup>191</sup> Lê-nin có ý nói đến bài diễn văn của C. Tô-rê-ve-xơ tại hạ nghị viện Ý ngày 2 tháng Chạp 1915. Báo "Avanti!", *NQ* 335, ngày 3 tháng Chạp 1915 đã đăng bài tường thuật về bài diễn văn này. — 572.

<sup>192</sup> "Te-xni-ác" — phái cách mạng trong Đảng dân chủ - xã hội Bun-ga-ri, năm 1903 trở thành một đảng độc lập là Đảng công nhân dân chủ - xã hội Bun-ga-ri. Người sáng lập và lãnh tụ của "te-xni-ác" là

Đ. Bla-gô-ép, và về sau, đứng đầu "te-xni-ác" là những học trò của Bla-gô-ép như G. Đi-mi-tơ rôp, V. Cô-la-rốp và những người khác. Trong những năm 1914 - 1918 "te-xni-ác" đã hoạt động chống cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Năm 1919 phái này tham gia Quốc tế cộng sản và lập ra Đảng cộng sản Bun-ga-ri. — 572.

<sup>193</sup> "Tribune", "De Tribune" ("Diễn đàn") — tờ báo do cánh tả của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan (Pan-nê-cúc, Goóc-tơ, Vành-cốp, Hăng-ri-ét-ta Rô-lăng - Hôn-xơ) thành lập năm 1907. Từ năm 1909, sau khi cánh tả bị khai trừ ra khỏi đảng và lập ra Đảng dân chủ - xã hội Hà-lan, tờ báo này trở thành cơ quan ngôn luận của đảng đó; từ năm 1918, là cơ quan ngôn luận của Đảng cộng sản Hà-lan; xuất bản với tên "Tribune" cho đến năm 1937. — 572.

<sup>194</sup> Có lẽ Lê-nin có ý nói đến những bài bình luận ngắn của E. Péc-néc-xtoóc-phơ "Rußland und wir" ("Nước Nga và chúng tôi") và "Nochmals Rußland und wir" ("Lại một lần nữa nước Nga và chúng tôi") in trên tạp chí "Die Neue Zeit", các số 13 và 20, ra ngày 24 tháng Chạp 1915 và ngày 11 tháng Hai 1916. — 572.

<sup>195</sup> Có ý nói đến bài báo "Die Stellung der Sozialdemokraten Australiens zum Krieg" ("Thái độ của những người dân chủ - xã hội Úc đối với chiến tranh") ký tên J. K. in trên tờ "Beilage zur "Berliner Tag - wacht"", các số 32 và 34, ra ngày 8 và 10 tháng Hai 1916. — 574.

<sup>196</sup> "I. K.", "Internationale Korrespondenz" ("Thư tín quốc tế") — tạp chí ra hàng tuần của phái xã hội - sô-vanh Đức viết về các vấn đề chính trị quốc tế và phong trào công nhân; xuất bản từ cuối tháng Chín 1914 đến ngày 1 tháng Mười 1918 ở Béc-lanh. Có lẽ đây muốn nói đến bài "Hughes und die australischen Gewerkschaften" ("Huy-ghét và những công đoàn Úc") in trên Internationale Korrespondenz "Thư tín quốc tế", số 15 ngày 23 tháng Năm 1916. Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô hiện còn giữ được số tạp chí đó với những bút tích của Lê-nin ghi trên bài của Huy-ghét. — 574.

**BẢN CHỈ DẪN**  
**CÁC SÁCH BÁO VÀ TÀI LIỆU GỐC MÀ**  
**V. I. LÊ-NIN**  
**ĐÃ TRÍCH DẪN VÀ NÓI ĐẾN**

- A. M. - A. M. — xem Mác-tư-nớt, A.  
A-xtơ-rốp, Nước Nga và chiến tranh — Астров. Россия и война. — В кн.: Интернационал и война. № 1. [Цюрих], изд. Загр. секретариата Орг. К-та РСДРП, 1915, стр. 23-33. [РСДРП]. — 113.  
[Ác-xen-rốt, P.B] Qua cuộc tọa đàm với P.B. Ác-xen-rốt — [Аксельрод, П. Б.] Из беседы с П. Б. Аксельродом. О наших разногласиях. II — «Наше Слово», Париж, 1915, № 90, 16 мая, стр. 2. — 113.  
Áng-ghen, Ph. Chủ nghĩa đại Xia-vơ dân chủ. — Энгельс, Ф. Демократический панславизм. 14-15 февраля 1849 г. — 332-333.  
— Cuộc khởi nghĩa Pra-ha. — Пражское восстание. 17 июня 1848 г. — 332.  
— Giải cấp công nhân cần gì đến Ba-lan? — Какое дело рабочему классу до Польши? Конец января — 6 апреля 1866 г. — 553, 561.  
— Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh dân chủ - xã hội năm 1891. — К критике проекта социал-демократической программы 1891 г. Конец июня 1891 г. — 138, 158.  
— Sách báo của những người lưu vong. — Эмигрантская литература. Май 1874 — апрель 1875 гг. — 332.  
— Thư gửi H. Sluy-tơ. — Письмо Г. Шлютеру. 11 января 1890 г. — 94.  
— Thư gửi Ph. Ken-li - Vít-snê-vết-xcai-a. — Письмо Ф. Келли-Вишневецкой. 28 декабря 1886 г. — 94.  
— Thư gửi Ph. A. Doóc-ghê. — Письмо Ф. А. Зорге. 7 декабря 1889 г. — 94.

- Áng-ghen, Ph. Vai trò của bạo lực trong lịch sử. — Энгельс, Ф. Роль насилия в истории. Конец декабря 1887 г. — март 1888 г. — 381.  
"Ban ngày", Pê-tơ-rô-grát. — «День», Пг., 1915, № 280 [1078], 11 октября, стр. 4. — 114.  
"Bản in lẻ của số 9 "Bản tin". — Отдельный оттиск из № 9 «Информационного Листка» [Женева, 1915], стр. 3. — 310.  
"Bản tin của tổ chức ở nước ngoài của phái Bунд". — «Информационный Листок Заграничной Организации Бунда», [Женева], 1915, № 7, январь, стр. 3-7. — 30.  
\* — 1915, № 8, май, стр. 2-6, 11-12. — 29, 30.  
"Báo công nhân mới, Xanh Pê-téc-bua. — «Новая Рабочая Газета», Спб, 1913, № 69, 29 октября, стр. 1; № 71, 31 октября, стр. 2. — 316-317, 561.  
Báo khổ nhỏ của Liên minh tuyên truyền xã hội chủ nghĩa. — Листок Лиги социалистической пропаганды — xem Socialist Propaganda League.  
"Bình minh của chúng ta, Xanh Pê-téc-bua. — «Наша Заря», Спб. — 25, 35, 51-52, 63-64, 114, 134, 156, 306-307.  
Bô-rê-txơ-ki, M. — Борецкий, М. — xem U-ri-txơ-ki, M. X.  
"Buổi sáng", Pê-tơ-rô-grát. — «Утро», Пг. — 307.  
"Buổi sáng công nhân", Pê-tơ-rô-grát. — «Рабочее Утро», Пг. — 109, 116, 117, 119, 307, 312, 314, 382, 568.  
\* — 1915, № 1, 15 октября, стр. 2-3. — 315-316.  
— 1915, № 2, 22 октября. 4 стр — 108, 109, 112, 113, 312, 315-316.  
Cau-xky, C. [Thư gửi Đ.B. Rí-a-da-nốp. Ngày 9 tháng Hai 1951]. — Каутский, К. [Письмо Д. Б. Рязанову. 9 февраля 1915 г.] — «Наше слово», Париж, 1916, № 34 [421], 10 февраля, стр. 1-2, в ст.: [Рязанов, Д. Б.] Буквезд. Роль Каутского в заседании фракции 3 августа 1914 г. — 574.

\* Một hoa thị chỉ những sách báo, bài viết và tài liệu trong đó có bút tích của V.I. Lê-nin. Những sách báo này được lưu tại Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

- \**Chiến tranh*. — *Воїна*. Сборник статей. При участии: И. Аксельрод и др. [Paris, "Ideal", 1915]. 107 стр. — 163, 165, 320.
- Chiến tranh thế giới và những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội*. — *Всемирная война и задачи социал-демократии*. (Проект резолюции, внесенный левой частью [Международной социалистической] конференции [в Циммервальде. 1915 г.]). — «Социал.-Демократ», Женева, 1915, № 45 - 46, 11 октября, стр. 3 - 4. — 47, 48 - 49, 51 - 52, 56, 57 - 60, 94.
- \**Cô-xốp-xki, V. Khôi phục lại Quốc tế như thế nào*. — *Косовский, В. Как восстановить Интернационал*. — «Информационный Листок Заграничной Организации Бунда», [Женева], 1915, № 8, май, стр. 2 - 6. — 29.
- \* — *Truyền thuyết giải phóng*. — *Освободительная легенда*. — «Информационный Листок Заграничной Организации Бунда», [Женева], 1915, № 7, январь, стр. 3 - 7. — 30.
- [*Crúp-xcai-a, N. C.*] *Bảo khổ nhỏ của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong thời kỳ chiến tranh*. — [Крупская, Н. К.] *Листки Петербургского комитета РСДРП за время войны*. — «Социал-Демократ», Женева, 1915, № 47, 13 октября, стр. 1 - 2. — 61.
- Cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, được thông qua tại Đại hội II của Đảng*. — *Программа Российской соц.-дем. рабочей партии, принятая на Втором съезде партии*. — В кн.: Второй очередной съезд Росс. соц.-дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Genève, Тип. партии, [1904], стр. 1 - 6. (РСДРП). — 338, 561.
- *Dự thảo Tuyên ngôn của nhóm đại biểu phái tả (Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, phái đối lập của Ba-lan, Đảng dân chủ - xã hội xứ Lát-vi-a, một đại biểu Thụy-điển và một đại biểu Na-uy, một đại biểu Đức và một đại biểu Thụy-sĩ) đưa ra tại [Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-méc-van]*. — *Проект манифеста, внесенный на [Международной социалистической конференции в Циммервальде] левой группой делегатов (ЦК РСДРП, польская оппозиция, с.-д. Лат. края, швед и норвежец, 1 немецкий делегат и 1 швейцарец)*. — «Социал.-Демократ», Женева, 1915, № 45-46, 11 октября, стр. 4. — 47 - 48, 51 - 52, 56, 94, 303.
- \* *D-ki, B. Kiểu dân Ba-lan*. — *Д-кий, Б. Польская эмиграция*. — «Рабочее Утро», Пг., 1915, № 1, 15 октября, стр. 2. — 317.

- Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga*. — *Российская социал.-демократическая рабочая партия*. [Прокламация Организационного комитета]. — В кн.: Интернационал и война. № 1. [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915, стр. 143-145. (РСДРП). Подпись: Организационный комитет РСДРП. — 308-309.
- Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga*. — *Российская социал.-демократическая рабочая партия*. [Прокламация Организационного комитета]. Отдельный оттиск из № 9 «Информационного Листка». [Женева, 1915], стр. 3. Подпись: Организационный комитет РСДРП. — 310.
- Ghim-me, N. N.* — *Гиммер, Н. Н.* — *Xét Xu-kha-nốp, N.*
- "Giải phóng", Pa-ri*. — «Освобождение», Париж, 1905, № 63, 20 [7] января, стр. 221-222. — 319.
- Gô-gon, N. V.* *Những linh hồn chết*. — *Гоголь, Н. В. Мертвые души*. — 108.
- Gri-bô-ê-đốp, A. X.* *Khổ vì khôn*. — *Грибоедов, А. С. Горе от ума*. — 111.
- Gửi vô sản châu Âu!* — *Пролетариу Европы!* [Манифест, принятый на Международной социалистической конференции в Циммервальде. 1915 г.]. — «Социал-Демократ», Женева, 1915, № 45 - 46, 11 октября, стр. 1. — 46-51, 52, 53.
- \* *Hin-phéc-đinh, R.* *Tư bản tài chính*. — *Гильфердинг, Р. Финансовый капитал*. Новейшая фаза в развитии капитализма. Авторизов. Пер. с нем. И вступит. Статья И. Степанова, М., Знаменский, 1912. XXIX, 576, 3 стр. — 395-396, 399, 437, 445, 448, 457, 484, 502-503, 520, 532.
- I-ô-nốp.* *Về sự kế thừa về mặt sách lược và tổ chức*. — *Ионов. О тактической и организационной преемственности*. (К позиции «Нашего Слова»). — В кн.: Интернационал и война. № 1. [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915, стр. 62-76. [РСДРП]. — 113-114.
- "Lá cờ Nga", Pê-tơ-rô-grát*. — «Русское Знамя», Пг. — 382.
- Lê-nin, V. I.* *Chiến tranh và phong trào dân chủ - xã hội Nga*. — *Ленин, В. И. Война и российская социал.-демократия*, «Социал-Демократ», Женева, 1914, № 33, 1 ноября, стр. 1. Подпись: Центральный Комитет Российской с.-д. рабочей партии. — 46, 53, 145-146, 148, 163, 377.

- *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn mới nhất của chủ nghĩa tư bản.* — *Империализм, как новейший этап капитализма.* (Популярный очерк). Пг. [«Парус»], 1917. 130 стр. Перед загл. кн. авт.: Н. Ленин (Вл. Ильин). — 385-386, 387.
- *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản.* — *Империализм, как высшая стадия капитализма.* Популярный очерк. Январь – июнь 1916 г. — 385-386, 388, 390-391, 392-393.
- *Chủ nghĩa hòa bình và khẩu hiệu hòa bình.* — *Пацифизм и лозунг мира.* [Резолюция, принятая на конференции заграничных секций РСДРП. 1915 г.]. — В кн.: [Ленин, В. И. и Зиновьев, Г. Е.] Социализм и война. (Отношение РСДРП к войне). Изд. Ред. «Социал-Демократа». Женева, Chaulmontet 1915, стр. 44 - 45. (РСДРП). Перед загл. кн.: авт.: Г. Зиновьев и Н. Ленин. — 315-316.
- *Chủ nghĩa hòa bình và khẩu hiệu hòa bình.* — *Пацифизм и лозунг мира.* [Резолюция, принятая на конференции заграничных секций РСДРП. 1915 г.]. — «Социал-Демократ». Женева, 1915, № 40, 29 марта, стр. 2. Под общим загл.: Конференция заграничных секций РСДРП. — 315-316.
- *Chủ nghĩa số-vanh đã chết và chủ nghĩa xã hội đang sống.* — *Мертвый шовинизм и живой социализм.* (Как восстанавливать Интернационал?). — «Социал-Демократ». Женева, 1914, № 35, 12 декабря, стр. 1-2. — 377.
- *Khẩu hiệu của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng.* — *Лозунги революционной социал-демократии.* [Резолюция, принятая на конференции заграничных секций РСДРП. 1915 г.]. — «Социал-Демократ». Женева, 1915, № 40, 29 марта, стр. 2. Под общ. загл.: Конференция заграничных секций РСДРП. — 145-147, 163.
- *Lời tựa.* – *Предисловие.* — В кн.: (Ленин, В. И.) Империализм, как новейший этап капитализма. (Популярный очерк). Пг., «Жизнь и Знание», 1917, стр. 1-2. Перед загл. кн. авт.: Н. Ленин (Вл. Ильин). — 387.
- \* — *Nghị quyết về vấn đề dân tộc, [được thông qua tại hội nghị mùa hè 1913 của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga hợp với các cán bộ đảng].* — *Резолюция по национальному вопросу, [принятая на пленуме 1913 г. совещании ЦК РСДРП с партийными работниками].* — В кн.: Извещение и резолюции летнего 1913 года совещания Центрального Комитета РСДРП с

- партийными работниками. Изд. ЦК. [Париж, декабрь] 1913, стр. 20 - 23. [РСДРП]. — 339, 349.
- Lê-nin, V.I. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga.* — *Ленин, В. И. Развитие капитализма в России.* Процесс образования внутреннего рынка для крупной промышленности. 1896-1899 гг. — 184.
- \* — *Vài luận cương.* — *Несколько тезисов.* От редакции. — «Социал-Демократ». Женева, 1915, № 47, 13 октября, стр. 2. — 116, 117.
- *Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác",* — *Аграрный вопрос и «критики Маркса».* Июнь — сентябрь 1901 г. — осень 1907 г. — 203.
- *Về cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước IV.* — *О выборах в 4-ую Государственную думу.* [Резолюция, принятая на Шестой [Пражской] Всероссийской конференции РСДРП в январе 1912 г.]. — В кн.: Всероссийская конференция Рос. Соц.-дем. раб. партии 1912 года. Изд. ЦК. Paris, кооп. тип. «Идеал», 1912, стр. 18-21. (РСДРП). — 102.
- \* [Lê-nin, V.I. và Di-nô-vi-ép, G.E.] *Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh.* — [Ленин, В. И. и Зиновьев, Г. Е.] Социализм и война. (Отношение РСДРП к войне). Изд. ред. «Социал-Демократа». Женева, Chaulmontet, 1915, 48 стр. [РСДРП]. Перед загл. кн. авт.: Г. Зиновьев и Н. Ленин. — 315.
- Lô-ít Giôóc-giơ, Đ. Diễn văn tại Hạ nghị viện Anh ngày 4 tháng Năm 1915.* — *Ллойд Джордж, Д. Речь в палате общин 4 мая 1915 г.* — xem The Budget.
- Lời ban biên tập.* — *От редакции.* [Послесловие к статье Ионова «О тактической и организационной преемственности. (К позиции «Нашего Слова»)»]. — В кн.: Интернационал и война. № 1. [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915, стр. 77-78. (РСДРП). — 114.
- "Lời giáo huấn, [Xanh Pê-téc-bua].* — *«Заветы», [Спб.], 1913, № 6, стр. 39 - 62 — 172-174, 181, 185 - 186, 187, 191, 200, 207, 214, 227, 277.*
- "Lời kêu gọi", Paris.* — *«Призыв», Paris.* — 105, 314.
- 1915, № 3, 17 октября, стр. 2-4. — 96, 97, 99.
- "Lời nói của chúng ta", Pa-ri.* — *«Наше Слово», Париж.* — 43, 101, 109, 308, 355, 568.

- 1915, № 90, 16 мая, стр. 2. — 112-113.
- 1915, № 217, 17 октября, стр. 2-3. — 101.
- 1915, № 259, 7 декабря, стр. 1. — 379.
- \*— 1915, № 264, 12 декабря, стр. 1-2. — 301-302.
- 1915, № 270, 19 декабря, стр. 1. — 109.
- 1916, № 5 (393), 7 января, стр. 1. — 379, 569.
- 1916, № 15 (402), 19 января, стр. 1. — 379.
- 1916, № 30 (417), 5 февраля, стр. 1-2. — 568, 569.
- 1916, № 34 (421), 10 февраля, стр. 1-2. — 572, 574.
- 1916, № 45 (432), 23 февраля, стр. 1. На газ. Ошибочно указано: № 44 (431). — 379, 569.
- 1916, № 51 (438), 1 марта, стр. 1. — 379, 569.
- Lời tuyên bố của các đại biểu Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và Lit-va.* — *Заявление представителей Социал.-демократии Польши и Литвы.* — В кн.: Второй очередной съезд Росс. соц.-дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Генève, тип. партии, [1904], СТР. 388-390. [РСДРП]. — 338-339.
- [Lời tuyên bố của nhóm đại biểu phái tả tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-méc-va].* — *[Заявление, сделанное левой группой делегатов на Международной социалистической конференции в Циммервальде].* — «Социал.-Демократ». Женева, 1915, № 47, 13 октября, стр. 2. Под общ. загл.: Два заявления на международной конференции. Подписи: Н. Ленин и др. — 52, 549.
- Mác, C. Dự luật về việc bãi bỏ những đảm phụ phong kiến.* — *Маркс, К. Законопроект об отмене феодальных повинностей.* 29 июля 1848 г. — 97.
- *Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850.* — *Классовая борьба во Франции с 1848 по 1850 г.* Январь — 1 ноября 1850 г. — 97.
- *Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Vô-na-rác-tơ.* — *Восемнадцатое брюмера Луи Бонапарта.* Декабрь 1851 г. — март 1852 г. — 96-97.
- *Thông báo mật.* — *Конфиденциальное сообщение.* Около 28 марта 1870 г. — 332.

- Mác, C. Thư gửi L. Cu-ghen-man.* — *Маркс, К. Письмо Л. Кузьману.* 29 ноября 1869 г. — 81, 332.
- *Thư gửi Ph. Ăng-ghen.* — *Письмо Ф. Энгельсу.* 7 июня 1866 г. — 81, 552-553, 561, 562.
- *Thư gửi Ph. Ăng-ghen.* — *Письмо Ф. Энгельсу.* 20 июня 1866 г. — 81, 552-553, 561, 562.
- *Thư gửi Ph. Ăng-ghen.* — *Письмо Ф. Энгельсу.* 2 ноября 1867 г. — 81, 328, 332, 348.
- *Thư gửi Ph. Ăng-ghen.* — *Письмо Ф. Энгельсу.* 10 декабря 1869 г. — 81, 332.
- *Tư bản.* — *Капитал.* Критика политической экономии, т. I-III. 1867-1894 гг. — 401-402.
- *Tư bản.* — *Капитал.* Критика политической экономии, т. III. ч. 1-2. 1894 г. — 178, 230-232, 522.
- *Tư bản.* — *Капитал.* Критика политической экономии. Т. 3, ч. 2. Кн. III. Процесс капиталистического производства, священный в целом. Гл. XXIX-LII. Полный пер. с 2-го, подготовленного Ф. Энгельсом нем. Изд. Под ред. В. Базарова и И. Степанова. Общ. ред. А. Богданова. М., «Московское Книгоиздательство», 1908. VI, 415 стр. — 424.
- Mác, C. và Ăng-ghen, Ph. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.* — *Маркс, К. и Энгель, Ф. Манифест Коммунистической партии.* Декабрь 1847 г. — январь 1848 г. — 56.
- Mác-tốp, L. Chiến tranh và giai cấp vô sản Nga.* — *Мартов, Л. Война и российский пролетариат.* — В кн.: Интернационал и война. № 1 [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915, стр. 102-125. (РСДРП). — 113, 115-118.
- *Từ "quyền dân tộc tự quyết" rút ra cái gì.* — *Что следует из «права на национальное самоопределение».* «Наш Голос», Самара, 1916, № 3 (17), 17 января, стр. 1-2; \* № 4 (18), 24 января, стр. 1. — 350-351.
- *"Vorwärts" đã chết.* — *Умер "Vorwärts"* — «Голос», Париж, 1914, № 23, 9 октября, стр. 1-2. Подпись: Л. М. — 568.

- Mác-tư-nốp, A. Cái mới trong tương lai sẽ là gì?* Мартынов, А. В чем новизна грядущего? — В кн.: Интернационал и война. № 1. [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915, стр. 1-22. (РСДРП). — 113-114.
- *Tổ chức yêu nước "Lời kêu gọi"*. — Патриотическая организация «Призыв». — В кн.: Интернационал и война. № 1. [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915, стр. 146-148. (РСДРП). Подпись: А. М. — 113, 114, 311-312.
- Mấy nét về lịch sử năm 1905.* — Из истории 1905 г. (1905-1915 гг.). — «Рабочее Утро», Пг., 1915, № 2, 22 октября, стр. 2. Подпись: В. Г-ъ. — 109-110.
- Nghị quyết của Đại hội Ba-ơ.* — Резолюция Базельского конгресса — хет manifest der Internationale zur gegenwärtigen Lage.
- Nghị quyết của nhà máy Léc-xne Mới ở Pê-téc-bua.* — Резолюция завода Новый Леснер в Петербурге. — «Социал-Демократ», Женева, 1915, № 47, 13 октября, стр. 2. — 61.
- Nghị quyết được thông qua tại Hội nghị phụ nữ xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Béc-nơ.* — Резолюция, принятая на интернациональной социалистической женской конференции в Берне. — «Социал-Демократ», Женева, 1915, № 42. Приложение к № 42 газеты «Социал-Демократ», 1 июня, стр. 2. Под общ. загл.: Женская международная социалистическая конференция. — 53.
- Nghị quyết Stút-ga* — Штутгартская резолюция — хет Der Militarismus und die internationalen Konflikte.
- Nghị quyết tỏ sự căm tình với các nạn nhân của chiến tranh và với những người bị khủng bố, [được thông qua tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-téc-vaп, 1915].* — Резолюция симпатии жертвам войны и преследуемым, [принятая на Международной социалистической конференции в Циммервальде. 1915 г.]. — «Социал-Демократ», Женева, 1915, № 45 - 46, 11 октября, стр. 1. — 47, 51, 56, 373.
- \* *"Người cộng sản,"* Giơ-ne-ơ. — «Коммунист», Женева, 1915, № 1 - 2. 196 стр. — 359, 360, 378.
- "Người dân chủ - xã hội",* [Vin-nô - Xanh Pê-téc-bua] — Pa-ri - Giơ-ne-ơ. — «Социал-Демократ», [Вильно-Спб.] — Париж-Женева. — 56, 65, 341, 360.

- "Người dân chủ xã hội",* Giơ-ne-ơ. — «Социал-Демократ», Женева, 1914, № 33, 1 ноября, стр. 1. — 46, 53, 146, 148, 163, 377.
- 1914, № 35, 12 декабря, стр. 1-2. — 377.
- 1915, № 40, 29 марта, стр. 2. — 146 - 147, 163, 315.
- 1915, № 42. Приложение к № 42 газеты «Социал-Демократ», 1 июня, стр. 2. — 53.
- 1915, № 45-46, 11 октября, 2 стр. 1, 3-4, — 46 - 52, 53, 56, 58, 59, 94, 303, 373.
- \* — 1915, № 47, 13 октября, 2 стр. — 51 - 52, 61, 116, 117, 549.
- Nhiệm vụ của giai cấp vô sản Nga.* — Задача российского пролетариата (Письмо к товарищам в России) [Genève, Chaulmontet, 1915] 8 стр. (РСДРП). — 35, 72-73.
- Những người dân chủ - xã hội Nga nói về việc bảo vệ đất nước.* — Русские с.-д. о защите страны. — «День», Пг., 1915, № 280 (1078), 11 октября, стр. 4. — 114.
- \* *Những người dân chủ - xã hội nói về việc bảo vệ đất nước.* — Социал-демократы о защите страны. - «Рабочее Утро», Пг., 1915, № 1, 15 октября, стр. 2-3. — 315.
- Những xu hướng nguy hiểm.* — Опасные тенденции. — В кн.: Интернационал и война. № 1 [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915, стр. 126-129. (РСДРП). Подпись: Редакция. — 114-115.
- Oóc-nát-xki - Орнатский* — хет Tsi-tsê-rin, G.V.
- Ô-ran-xki, C. Hai lập trường.* — Оранский, К. Две позиции. — «Рабочее Утро», Пг., 1915, № 2, 22 октября, стр. 1. — 110, 111, 112, 310, 312-313, 315-317.
- Pa-ra-ben-lum* — Парабеллум — хет Radek, K.
- Plê-kha-nốp, G. V. Hai đường lối cách mạng.* — Плеханов, Г. В. Две линии революции. — «Призыв», Pairs, 1915, № 3, 17 октября, стр. 2-4. — 96, 97, 99.
- *Lại bàn về chiến tranh.* — Еще о войне. (Ответ товарищу Н-ву). — В кн.: Война. Сборник статей. При участии: И. Аксельрод и др. [Paris, "Ideal", 1915], стр. 11 - 48. — 164, 320-321.

- \* — *Ở ngưỡng cửa thế kỷ hai mươi*. — *На пороге двадцатого века*. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 2, февраль, стр. 1. — 574.
- \* — *Về các cuộc biểu tình*. — *О демонстрациях*. — «Искра», [Мюнхен], 1902, № 14, 1 января, стр. 1. — 56.
- \* [*Pô-tơ-rê-xốp, A.N.*] *Lúc giao thời của hai thời đại*. — [*Потресов, А. Н.*] *На рубеже двух эпох*. — «Наше Дело», Пг., 1915, № 1, стр. 65-82. Подписи: А. П. — в и А. П. — 22.
- \* *Quốc tế và chiến tranh*. — *Интернационал и война*. № 1. [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915. 11, 148 стр. (РСДРП). — 108, 112-118, 306, 308, 309, 312-314, 339-340.
- [*Rốt-stanh, Ph.*] *Lại bàn về những người xã hội chủ nghĩa Anh*. — [*Ротштейн, Ф.*] *Еще об английских социалистах*. — «Наше Слово», Париж, 1916, № 15 (402), 19 января, стр. 1. Подписи: Ф. Р-н и Ф. Р. — 377-378.
- *Phong trào xã hội chủ nghĩa Anh và chiến tranh*. — *Английский социализм и война*. — «Наше Слово», Париж, 1915, № 259, 7 декабря, стр. 1. Подписи: Ф. Р-н. — 377-378.
- Những sự kiện và kết luận*. — *Факты и выводы*. (Еще о петроградских выборах). — «Наше Слово», Париж, 1915, № 270, 19 декабря, стр. 1. — 108.
- "Sự nghiệp của chúng ta, Pê-tơ-rô-grát"*. — «Наше Дело», Пг. — 73, 100, 101, 113, 115, 134, 156, 306, 307-308, 312, 339, 568.
- \* — 1915, № 1, стр. 65-82. — 22.
- "Thế giới ngày nay"*, Pê-tơ-rô-grát. — «Современный Мир», Пг., 1915, № 5, стр. 125-152. — 308.
- [*Thông báo về việc đặt mua báo "Tiếng nói của chúng ta" năm 1916*. — [*Объявление о подписке на газету «Наш Голос» на 1916 г.*]. — «Наш Голос», Самара, 1916, № 3 (17), 17 января, стр. 1. — 308.
- "Tia lửa"* [cũ, lê-nin-nít]. — «Искра» [старая, ленинская], [Лейпциг — Мюнхен-Лондон-Женева]. — 60.
- "Tia lửa"* [Муун-кхен]. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 2, февраль, стр. 1. — 574.
- \* — 1902, № 14, 1 января, стр. 1. — 56.

- "Tia sáng"*, Xanh Pê-téc-bua. — «Луч», Спб. — 307.
- "Tiếng nói"*, Pa-ri. — «Голос», Париж, 1914, № 23, 9 октября, стр. 1-2. — 568.
- "Tiếng nói của chúng ta"*, Ха-ма-га. — «Наш Голос», Самара. — 568.
- 1916, № 3 (17), 17 января, стр. 1-2. — 308, 350,
- \* — 1916, № 4 (18), 24 января, стр. 1. — 350.
- Tình hình hoạt động của Đảng dân chủ - xã hội ở Pê-téc-bua* — *Состояние с.-д. работы в Петербурге*. — «Социал-Демократ», Женева, 1915, № 47, 13 октября, стр. 1. — 61.
- [*Tơ-rốt-xki, L. Đ.*] *Những vấn đề cơ bản*. — [*Троцкий, Л. Д.*] *Основные вопросы*. — «Наше Слово», Париж, 1915, № 217, 17 октября, стр. 2-3. — Подписи: Н. Троцкий. — 101.
- \* — *Sự hợp tác với những người xã hội - ái quốc*. (Trả lời đồng chí Mác-tốp). — *Сотрудничество с социал-патриотами*. (Ответ т. Мартову). — «Наше Слово», Париж, 1915, № 264, 12 декабря, стр. 1-2. — 301-302.
- [*Tsi-tsê-rin, G.V.*] *Những cuộc tranh luận về việc triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa*. (Bức thư gửi từ nước Anh). — [*Чичерин, Г. В.*] *Споры о созыве Межд. соц. Бюро*. [Письмо из Англии. — «Наше Слово», Париж, 1916, № 51 (438), 1 Марта, стр. 1. Подписи: Орн. — 377-378, 569.
- *Sự tố giác của báo "Justice", "cơ quan của Đảng dân chủ - xã hội"*. (Bức thư gửi từ nước Anh). — *Донос, "Justice", «органа соц-демократии»*. [Письмо из Англии]. — «Наше Слово», Париж, 1916, № 5 (393), 7 января, стр. 1. Подписи: Орн. — 377-378, 569.
- *Sự việc của đồng chí Pê-tơ-rốp và phong trào ở Xcốt-len*. — *Делотов. Петрова и движение в Шотландии*. — «Наше Слово», Париж, 1916, № 45 (432), 23 февраля, стр. 1. Подписи: Орн. На газ. Ошибочно указано: № 44 (431). — 377-378, 569.
- Tso-khên-kê-li, A.I.* *Năm tuần ở Béc-lanh*. — *Чхенкели, А. И. Пять недель в Берлине*. — «Современный Мир», Пг., 1915, № 5, стр. 125-152. — 308.
- Tuốc-ghê-nêp, I.X.* *Ở quý tộc*. — *Тургенев, И. С. Дворянское гнездо*. — 104.

- *Thơ bằng văn xuôi.* — *Стихотворения в прозе.* Житейское правило. — 313.
- Tuyên bố của đảng đoàn dân chủ - xã hội tại kỳ họp cuối cùng của Du-ma nhà nước.* — *Декларация с.-д. фракции в последнюю сессию Государственной думы.* (По стенограф. Отчету заседания 1. 19. VII. 1915 г.). — В кн.: Интернационал и война. № 1. [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915, стр. 141-143. (РСДРП). — 307-308, 312-313.
- \* *Tuyên bố của đoàn đại biểu Ba-lan tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-téc-van.* — *Декларация польской делегации на Международной социалистич. конференции в Циммервальде.* — В кн.: Интернационал и война. № 1. [Цюрих], изд. Загр. Секретариата Орг. к-та РСДРП, 1915, стр. 97-99. (РСДРП). — 339-340.
- Tuyên ngôn của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về chiến tranh, 1 tháng Mười một 1914.* — *Манифест ЦК РСДРП о войне. 1 ноября 1914 г.* — xem Lê-nin, V.I. Chiến tranh và phong trào dân chủ - xã hội Nga.
- Tuyên ngôn thông qua tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-téc-van, 1915.* — *Манифест, принятый на Международной социалистической конференции в Циммервальде. 1915 г.* — xem Gửi vô sản châu Âu! và Proletariat Europas!
- [U-ri-xơ-ki, M. X.] *Qua cuộc tọa đàm với phái xã hội - ái quốc ở Nga.* — [Урицкий, М. С.] *Из бесед с социал-патриотом из России.* — «Наше Слово», Париж, 1916, № 30 (417), 5 февраля, стр. 1-2. Подпись: М. Борецкий. — 568, 569.
- Xem-cốp-xki, X. I-u. Chủ nghĩa Mác tầm thường hoá trong vấn đề dân tộc.* — *Семковский, С. Ю. Упрощенный марксизм в национальном вопросе.* — «Новая Рабочая Газета», Спб., 1913, № 69, 29 октября, стр. 1; № 71, 31 октября, стр. 2. — 317, 560.
- [Xơ-ru-vê, P.B.] *Nhiệm vụ cấp bách của thời đại.* — [Струве, П. Б.] *Насущная задача времени.* — «Освобождение», Париж, 1905, № 63, 20 (7) января, стр. 221-222. Подпись: П. С. — 319.
- [Xu-kha-nốp, N.] *Qua kết quả của cuộc điều tra dân số mới đây ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ.* — [Суханов, Н.] *Из итогов последнего ценза С.-А. Соединенных Штатов.* — «Заветы», [Спб.], 1913, № 6, стр. 39-62. Подпись: Ник. Гиммер. — 172-174, 181-182, 185-186, 187, 191, 200-201, 206-207, 226-227, 277.

- Về thái độ đối với phong trào nông dân.* — *Об отношении к крестьянскому движению.* [Резолюция, принятая на IV (Объединительном) съезде РСДРП]. — В кн.: Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г. М., тип. Иванова, 1907, стр. 413-414. — 102.
- \* *W. Sự buộc tội kỳ cục.* — *W. Курьезное обвинение.* — «Информационный Листок Заграничной Организации Бунда», [Женева], 1915, № 8, май, стр. 11-12. — 30.
- 
- Agahd, E. Großbanken und Weltmarkt.* Die wirtschaftliche und politische Bedeutung der Großbanken im Weltmarkt unter Berücksichtigung ihres Einflusses auf Rußlands Volkswirtschaft und die deutsch-russischen Beziehungen. Berlin, Paschke, 1914. XXIV, 290 S. — 442 - 445, 453.
- [Anmerkung der Redaktion]. — "Berner Tagwacht", 1915, Nr. 250, 26. Oktober, Beilage zur "Berner Tagwacht", S. 1. Dưới đầu đề chung: Eine Entgegnung. — 309.
- "Annalen des Deutschen Reichs für Gesetzgebung, Verwaltung und Volkswirtschaft", München - Berlin, 1911, Nr. 3 - 4, S. 161 - 248. — 307, 404, 505.
- "The Annals of the American Academy of Political and Social Science", Philadelphia, 1915, vol, LIX, No. 148, May, p. 301 - 308, 321 - 332. — 462.
- [Die Antwort der Redaktion des "Vorwärts"]. — "Vorwärts", Berlin, 1916, Nr. 11, 12. Januar, Beilage zu Nr. 11 des "Vorwärts", S. 2 - 3. — 301, 377, 570, 590.
- \* "Appeal to Reason", Girard, Cansas, 1915, No. 1, 030, August 28, p. 1. — 569, 574.
- \* — 1915, No. 1, 032, September 11, p. 1. — 298 - 299, 375, 569, 574, 590.
- \* — 1915, No.1, 045, December 11, p. I. — 569, 574.
- \* — 1915, No, 1, 047, December 25, p.I. — 569, 574.
- Arbeiter-Zeitung", Wien.* — 349.
- Archiv für Eisenbahnwesen*, Berlin, 1892, Hft. 1 - 6. — 500 - 501.



- Arndt, P. *Die Kapitalkraft Frankreichs*. — "Weltwirtschaftliches Archiv", Jena, 1916, Bd. 7, (1916. 1), S. 34 - 52. — 457.
- Aus dem literarischen Nachlaß von K. Marx, F. Engels und F. Lassalle. Hrsg. von F. Mehring. Bd. III. Gesammelte Schriften von K. Marx und F. Engels. Von Mai 1848 bis Oktober 1850. Stuttgart, Dietz, 1902. VI, 491 S. — 561.
- Aus den Handelskammern. — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 811 - 813. — 425.
- Austerlitz, F. *Die nationalen Triebkräfte*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1916, Jg. 34, Bd. 1, Nr. 21, 18. Februar, S. 641 - 648. — 349.
- \* *Aux femmes du prolétariat!* [Tờ truyền đơn, Paris, 1915]. 1. p. (Comité d' Action Féminine Socialiste pour la Paix contre le Chauvinism). Ký tên: Pour le Comité: Louse Saumoneau. — 571.
- Avanti!, Milano, 1916, N.43, 12 febbraio, p. 2. — 566, 569.
- 1916, N. 65, 5 marzo, p. 1. — 369, 582.
- \* Axelrod, P. *Die Krise und die Aufgaben der internationalen Sozialdemokratie*. Zürich, Genossenschaftsdruckerei, 1915. 46 S. — 66 - 74, 117, 143-144, 145, 147, 154, 161-162, 164, 379, 559.
- "Die Bank", Berlin, 1909, I. Semester, S. 79, 115 - 125, 301 - 309. — 412, 451 - 452.
- 1909, II. Semester, S. 819 - 833, 849-857. — 432, 522-526.
- 1910, II. Semester, S. 497 - 508, 1200. — 418, 525.
- 1911, I. Semester, S. 1 - 13. — 506.
- 1911, II. Semester, S. 825- 832. — 452.
- 1912, I. Semester, S. 223-230, 432-438. — 428, 450.
- 1912, II. Semester, S. 629-638, 1032-1047. — 468-469.
- 1913, I. Semester, S. 388-391. — 468-469.
- 1913, II. Semester, S. 623-637, 725-736, 811-813, 952-963, 1022-1024, 1024-1026. — 416, 425-426, 447, 450, 452, 460.

- 1914, I. Semester, S. 89 - 90, 313-321, 415 - 426, 544 - 551. — 422-423, 426, 441, 450-451.
- 1914, II. Semester, S. 713-714. — 425-426.
- Banken und Reichspost*. — "Die Bank", Berlin, 1914, II. Semester, S. 713-714, trong mục: Aus den Handelskammern. — 425-426.
- Die bankgewerbliche Tätigkeit der Sparkassen*. — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 1022-1024, trong mục: Umschau. — 425-426.
- Barboni, T. *Internazionalismo o Nazionalismo di classe?* (il proletariato d'Italia e la guerra europea). Ed. dall' autore. Campione d'Intelvi (Provincia di Como), 1915, 143 p. — 16, 22-28.
- "La Bataille", Paris. — 304.
- 1916, N 87, 28 janvier, p. 2. — 300.
- Bauer, O. *Die Nationalitätenfrage und die Sozialdemokratie*. Wien, Brand, 1907, VIII, 576 S. (Marx - Studien. Blätter zur Theorie und Politik des wissenschaftlichen Sozialismus. Hrsg. von M. Adler und R. Hiltferding. Bd. 2). — 328.
- Beer, M. *Der moderne englische Imperialismus*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1897 - 1898, Jg. XVI, Bd. 1, Nr. 10, S. 300-306. — 476-477, 484.
- Bérard, V. *L'Angleterre et l'impérialisme*. Avec une carte en couleur hors texte, Paris, Colin, 1900. VI, 381 p. — 519.
- "Bernener Tagwacht". — 42, 45, 292.
- \* — 1915, Nr. 218, 18. September, S. I. — 77, 105, 111-112, 295, 296-297, 302-303, 371, 372, 373-374, 570, 586, 589.
- 1915, Nr. 247, 22. Oktober. Beilage zur "Bernener Tagwacht", S. 1. — 309.
- 1915, Nr. 250, 26. Oktober. Beilage zur "Bernener Tagwacht", S. 1. — 309, 311.
- 1915, Nr. 252, 28. Oktober. Beilage zur "Bernener Tagwacht", S. 1; Nr. 253, 29. Oktober. Beilage zur "Bernener Tagwacht", S. 1. — 77-78, 80-86, 552.
- 1915, Nr. 271, 19. November. Beilage zur "Bernener Tagwacht", S. 1. — 148, 164 - 166.

- 1915, Nr. 283, 3. Dezember. I. Beilage zur “Berner Tagwacht”, S. I; Nr. 284, 4. Dezember. Beilage zur “Berner Tagwacht”, S. I. — 569.
- \*— 1916, Nr. 18, 22. Januar. Beilage zur “Berner Tagacht”, S.I. — 566.
- 1916, Nr. 32, 8. Februar. Beilage zur “Berner Tagwacht”, S. I; Nr. 34, 10. Februar, S. 1 - 2 — 574.
- Börsenwoche*. Nachklänge zur Fusion Schaaffhausen — Discontogesellschaft, Schwache Börsentendenz. Zur Lage in der oberschlesischen Montanindustrie. — “Frankfurter Zeitung”, Frankfurt a. M. Abendblatt, 1914, Nr.121, 2. Mai, S. 4-428.
- \* [Bourderon, A.] Projet de Résolution pour le Congrès. — Trên tờ truyền đơn: Aux Fédérations. Aux Sections. Aux Membres du Parti Socialiste. [Paris, 1915], p. 2. — 302 - 303, 374, 378, 569, 572, 590.
- \* *Briefe und Auszüge aus Briefen von Joh. Phil. Becker, Jos. Dietzgen, Friedrich Engels, Karl Marx u. A. an F.A. Sorge u. Andere*. Stuttgart, Dietz, 1906. XII, 422 S. — 141, 160.
- \* *Der Briefwechsel zwischen Friedrich Engels und Karl Marx*. 1844 bis 1883. Hrsg. v. A. Bebel und E. Bernstein. Bd. 2, 4. Stuttgart, Dietz, 1913. 2. Bd.
- \* — Bd. 2. XXIV, 429 S. — 513 - 514.
- \* — Bd. 4. XX, 536 S. — 513 - 514.
- The Budget*. Daily Cost of the War. Enormous borrowing. No new taxes. — “The Daily Telegraph”, London, 1915, May 5, p. 6. — 457.
- Bulletin de l'Institut international de statistique*. T. XIX — 2<sup>e</sup> Livraison. La Haye, Van Stockum, [1912], p. 201 - 225. — 453 - 454, 457, 519.
- Calwer, R. Einführung in die Weltwirtschaft*. Berlin, Simon, 1906. 95 S. (Maier-Rothschild-Bibliothek. Bd. 30). — 498 - 500.
- \* *Census reports*. Twelfth census of the United States, taken in the year 1900. Vol. V. Agriculture. P. I. Farms, live stock, and animal products. Washington, United States Census office, 1902. CCXXXVI, 767 p.; 18 Plates. — 174, 175, 191, 193, 220, 221 - 228, 233 - 237, 240 - 243, 247 - 248, 250 - 260, 261, 267 - 275, 277, 282 - 287, 287 - 290.
- Compromise between pro-and anti-warites*. A. Meaningless Manifesto: Great Dissatisfaction. From a Paris correspondent. — “The Labour Leader”, [Manchester - London], 1916, No. 2, January 13, p. 8. Dưới

- đầu đề chung: The National Congress of the French Socialist Party. — 569.
- Crammond, E. The Economic Relations of the British and German Empires*. — “Journal of the Royal Statistical Society”, London, 1914, vol. LXXVII, part VIII, July, p. 777 - 807. — 502.
- Cromer, E. B. Ancient and Modern Imperialism*. London, Murray, 1910. 143, p. — 481.
- \* *Cunow, H. Parteizusammenbruch? Ein offences wort zum inneren Parteistreit* Berlin, Singer, 1915. 38 S. — 495.
- “*The Daily Telegraph*”, London, 1915, May 5, p. 6. — 457.
- \* *David, E. Die Sozialdemokratie im Weltkrieg*. Berlin, Singer, 1915. 192 S. — 146-147, 148, 163 - 164, 164 - 165.
- *Sozialismus und Landwirtschaft*. Bd. I. Die Betriebsfrage. Berlin, “Sozialistische Monatshefte”, 1903. 703 S. — 237.
- \* *Debs, E. Never be a Soldier*. — “Appeal to Reason”, Girard, Cansas, 1915, No.I, 030, August 28, p. I. — 569, 574.
- \* — *The Only War I Will Fight In*. — “Appeal to Reason”, Girard, Cansas, 1915, No, I, 047, December 25, p. I — 569, 574.
- \* — “*Preparedness" I Favor*. — “Appeal to Reason”, Girard, Cansas, 1915, No.I, 045, December II, p. I. — 569, 574.
- \* — *When I Shall Fight*. — “Appeal to Reason”, Girard, Cansas, 1915, No.I, 032, September II, p. I — 298 - 299, 375, 569, 574, 590.
- Diouritch, G. L'expansion des banques allemandes à l'étranger ses rapports avec le développement économique de l'Allemagne*. Paris — Berlin, Rousseau, Puttkammer u. Mühlbrecht, 1909. 798 S. — 458, 466.
- Driault, E. Les problèmes politiques et sociaux à la fin du XIX<sup>e</sup> siècle*. Paris, Alcan, 1900. 388, 32 p. — 487 - 488.
- Ein-und Auswanderung*. [Nghị quyết được thông qua tại Đại hội quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Stút-ga]. — Trong cuốn: Internationaler Sozialistenkongreß zu Stuttgart. 18. bis 24 August 1907. Berlin, Buchh. “Vorwärts”, 1907, S. 58-59. — 94.

*Eine Entgegnung.* — “Berner Tagwacht”, 1915, Nr. 250, 26. Oktober. Beilage zur “Berner Tagwacht”, S. I. Ký tên: Auswärtiges Sekretariat des Organisationskomitees der sozialdemokratischen Arbeiterpartei Rußlands. — 309, 311.

*Eine Erklärung.* — “Internationale Sozialistische Kommission zu Bern. Bulletin”, Bern, 1915, Nr.2, 27. November, S. 2. Ký tên: Internationale sozialistische Kommission zu Bern. — 374.

*Eine Massendemonstration vor dem Parteivorstandsdomicil.* — Berner Tagwacht”, 1915, Nr. 271, 19. November. Beilage zur “Berner Tagwacht”, S. I. — 148, 164 – 165.

*Engels, F. [Brief an K. Kautsky].* 12. September 1882. — Trong cuốn: **Kautsky, K. Sozialismus und Kolonialpolitik. Eine Auseinandersetzung.** Berlin, “Vorwärts”, 1907, S. 79 – 80, trong mục: **Anhang. Dưới dấu đề: Ein Brief von Friedrich Engels.** — 513.

— *[Brief an K. Marx].* 7. Oktober 1858. — Trong cuốn: Der Briefwechsel zwischen Friedrich Engels und Karl Marx. 1844 bis 1883. Hrsg. v. A. Bebel und E. Bernstein. Bd. 2. Stuttgart, Dietz, 1913, S. 289 – 291. — 513.

— *[Brief an K. Marx].* 11, August 1881. — Ibidem, Bd. 4, S. 432 – 433. — 514.

— *[Brief an F. A. Sorge].* 18. Januar 1893. — Trong cuốn: Briefe und Auszüge aus Briefen von Joh. Phil. Becker, Jos. Dietzgen, Friedrich Engels, Karl Marx u. A. an F. A. Sorge u. Andere. Stuttgart, Dietz, 1906, S. 389 – 391. — 141, 160.

— *[Brief an F. A. Sorge].* 11. November 1893. — Ibidem, S. 400 – 401. — 141, 160.

— *Die Lage der arbeitenden Klasse in England.* Nach eigener Anschauung und authentischen Quellen. 2. durchgesehene Aufl. Stuttgart, Dietz, 1892. XXXII, 300 S. — 514.

— *[Vorwort zu 2. Aufl. der Arbeit: "Die Lage der arbeitenden Klasse in England".* 21. Juli 1892]. — Trong cuốn: **Engels, F. Die Lage der arbeitenden Klasse in England. Nach eigener Anschauung und authentischen Quellen.** 2. durchgesehene Aufl. Stuttgart, Dietz, 1892, S. VII – XXVI. — 514.

*Eschwege, L. Plutokratie und Beamtenchaft.* — “Die Bank”, Berlin, 1911, II. Semester, S. 825 – 832. Ký tên: Ludwig Eschwege – Berlin. — 452.

— *Der Sumpf.* — “Die Bank”, Berlin, 1913, II. Semester, S. 952 – 963. — 450, 452.

— *Tochtergesellschaften.* — “Die Bank”, Berlin, 1914, I. Semester, S. 544 – 551. — 440 - 442.

— *Zement.* Zur Berichterstattung der Syndikate. — “Die Bank”, Berlin, 1909, I. Semester, S. 115 – 125. Ký tên: Ludwig Eschwege — Charlottenburg. — 412.

“*Europa und die Revolution.*” — “Volksrecht”, Zürich, 1916, Nr. 35, II. Februar, S. I. — 571.

*Filene, E. A. Coöperative Pioneering and Guaranteeing in the Foreign Trade.* — “The Annals of the American Academy of Political and Social Science”, Philadelphia, 1915, vol. LIX, No. 148, May, p. 321 – 332. — 462.

“*Forward*”, Glasgow. — 569.

“*Frankfurter Zeitung*”, Frankfurt a. M. Abendblatt, 1914, Nr. 121, 2. Mai, S. 4. — 428.

“*Gazeta Robotnicza*”, [Zürich], 1915, Nr. 24, luty, 8 s. — 353.

— 1916, Nr. 25, styczeń, s. 7 – 8. — 353 - 358.

\* *Gibson, W. [A Letter to the Editor of “The Labour Leader”].* — “The Labour Leader”. [Manchester – London], 1915, No.52, December 30, p. 9. Dưới dấu đề chung: The I L P and the Labour Party, trong mục: The Views of our Readers. — 302, 569.

“*Die Glocke*”, München. — 104, 105, 379.

— Jg. 1915, Nr. Nr. 1 – 6, I. September – 15. November. — 105.

— Jg. 1915, Nr.8, 15. Dezember, S. 465 – 476. — 333.

— Jg. 1915 – 1916, Nr. 9, I. Januar, S. 493 – 500. — 333.

\* *Golay, P. Le socialisme qui meurt et le socialisme qui doit renaitre.* Conférence donnée à la Maison du Peuple de Lausanne, le II mars 1915. Lausanne, imp. de l’université, 1915. 22 p. — 5 - 15.

- Goter, H. *Het Imperialisme, de Wereldoorlog en de Sociaal-Democratie*. Amsterdam, Brochurehandel Sociaal-Democratische Partij, [1914]. 116 bl. — 140, 334, 350.
- Gothaischer Genealogischer Hofkalender nebst diplomatisch-statistischem **Jahrbuche**. Jg. 151. Gotha, Perthes, 1914. XXIV, 1208, 36 S. — 550.
- \**Great Change in French Socialist Opinion*. (From a Paris correspondent). — “The Labour Leader”, [Manchester – London], 1915, No. 52, December 30, p. 3. — 569.
- Grundriß der Sozialökonomik*. Abt. V. Die einzelnen Erwrbsgebiete in der kapitalistischen Wirtschaft und die ökonomische Binnenpolitik im modernen Staate. Teil II. Bankwesen. Bearb. von G. v. Schulze-Gavernitz, E. Jaffé. Buch. III. A II. Tübingen, Mohr [Siebeck], 1915, S. 1-189. — 417, 420, 426 - 427, 428, 436, 440, 539-541.
- Grundriß der Sozialökonomik*. Abt. VI. Industrie, Bergwesen, Bauwesen. Buch III. B I. Tübingen, Mohr [Siebeck], 1914, S. 187 - 246. — 402 - 403.
- “*Le Grutlén*”, Lausanne. — 5.
- Guesde, J. *En garde! Contre les Contrefaçons, les Mirages et la Fausse Monnaie des Réformer bourgeois*. Polémiques. Paris, Rouff, 1911. 477 p. — 59, 132, 153.
- Harms, B. *Volkwirtschaft und Weltwirtschaft*. Versuch der Begründung einer Weltwirtschaftslehre. Mit zwei lithogr. Taf. Jena, Fischer, 1912. XV, 495 S. (Probleme der Weltwirtschaft. Schriften des Instituts für Seeverkehr und Weltwirtschaft an der Universität Kiel. Hrsg. v. B. Harms. VI). — 457.
- Heinig, K. *Der weg des Elektrotrusts*. — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 39, 28. Juni, S. 474 - 485. — 442, 464.
- Henger, H. *Die Kapitalsanlage der Franzosen in Wertpapieren mit besonderer Berücksichtigung der Kapitalsanlage in Handel und Industrie*. Stuttgart – Berlin, Cotta, 1913. 101 S. (Münchener Volkswirtschaftliche Studien hrsg. v. L. Brentano und W. Lotz. 125. Stück). — 512.
- Heymann, H. G. *Die gemischten Weke im deutschen Großeisengewerbe*. Ein Beitrag zur Frage der Konzentration der Industrie. Stuttgart – Berlin, Cotta, 1904. IX, 342 S. (Münchener volkswirtschaftliche Studien hrsg. v. L. Brentano und W. Lotz. 65. Stück). — 400, 439.

- Hildebrand, G. *Die Erschütterung der Industriegherrschaft und des Industrie-sozialismus*. Jena, Fischer, 1910. VI, 244 S. — 510.
- Hilferding, R. *Das Finanzkapital*. Eine Studie über die jüngste Entwicklung des Kapitalismus. Wien, Brand, 1910. XI, 477 S. — 395.
- *Die Sozialdemokratie am Scheidewege*. — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1915, Jg. 33, Bd. 2, Nr. 16, 16. Juli, S. 439 - 499. — 320.
- Hill, D. J. *A History of Diplomacy in the International Development of Europe*. V. I. The Struggle for universal Emprie. With maps and tables. New York – London – Bombay, Longmana. Green, 1905. XXIII, 481 p. — 530.
- Hobson, J. A. *Imperialism*. A Study. London, Nisbet, 1902. VII, 400, (4) p. — 385, 392, 395 - 396, 457, 475, 493 - 494, 503, 504, 506 - 510, 516, 518, 527.
- Hofkalender* — xem Gothaischer Genealogischer Hofkalender nebst diplomatisch-statistischem Jahrbuche.
- Hourwich, I. *Immigration and Labor*. The Economic Aspects of European Immigration to the United States. New York – London, Putnam, 1912. XVII, 544 p. — 512.
- Hübner, O. *Geographisch-statistische Tebellen aller Länder der Erde*. Fortgeführt und ausgestaltet von F. v. Juraschek, 63. umgearb. Ausgabe für das Jahr 1914. Frankfurt a. M., Keller, [1914]. XV, 155 S. — 478.
- *Geographisch-statistische Tabellen aller Länder der Erde*. Fortgeführt und ausgestaltet von F. v. Juraschek. 64. Ausgabe. (Kriegs-Ausgabe). Im Druck vollendet Ende 1915. Frankfurt a. M., Keller, 1916. XV, 158 S. — 478.
- “*L'Humanité*”, Paris, 1914, N 3827, 9 octobre, p. 1. — 570.
- 1916, N 4315, 9 février, p. 3 — 566.
- Der Imperialismus*. [Nghị quyết được thông qua tại Đại hội Hem-ni-tơơ Đảng dân chủ - xã hội Đức. Năm 1912]. — Trong cuốn: **Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands**. Abgehalten in Chemnitz vom 15. bis 21. September 1912. Berlin, Singer, 1912, S. 529-530, trong mục: **Anhang**. — 395 - 396.

- “*Internationale Flugblätter*”, [Zürich], 1915, Nr. I, November, S. 5- 8. — 94.
- “*Internationale Sozialistische Kommission zu Bern. Bulletin*”, Bern, 1915, Nr. I, 21. September. 8 S. Bằng tiếng Đức, Anh và Pháp. — 39, 41, 44, 588.
- \* — 1915, Nr. 2, 27. November. 16 S. — 42, 44, 306, 340, 373.
- 1916, Nr. 3, 29. Februar, S. 1, 2 – 3. — 362, 373 - 374, 375, 578, 586, 588-589, 591.
- *Internationale sozialistische Kommission zu Bern*. [Lời kêu gọi nhân việc triệu tập Hội nghị II xã hội chủ nghĩa quốc tế]. — "Internationale Sozialistische Kommission zu Bern Bulletin", Bern, 1916, Nr.3, 29. Februar, S.1 — 362, 587.
- Internationale sozialistische Konferenz zu Zimmerwald* (Schweiz), **abgehalten vom 5. bis 8. September 1915**. Offizieller Verhandlungsbericht. — “Internationale Sozialistische Kommission zu Bern. Bulletin”, Bern, 1915, Nr. 1, 21. September, S. 4 – 8. — 44.
- Die Internationalen in Österreich an die Internationalen aller Länder!* — “Berner Tagwacht”, 1915, Nr. 283, 3. Dezember. I. Beilage zur “Berner Tagwacht”, S. 1; Nr. 284, 4. Dezember. Beilage zur “Berner Tagwacht”, S. 1. — 569.
- Intorno all'organizzazione socialista internazionale*. — “Avanti!”, Milano, 1916, N. 43, 12 febbraio, p.2. — 566, 569.
- Jeidels, O. Das Verhältnis der deutschen Großbanken zur Industrie mit besonderer Berücksichtigung der Eisenindustrie*. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1905. XII, 271. S. (Staats-und sozialwissenschaftliche Forschungen, hrsg. von G. Schmoller u. M. Sering. 24. Bd. 2. Hft. (Derganzen Reihe 112. Hft.)). — 413, 414, 430, 431-432, 433, 435-436, 463, 466.
- “*Journal of the Royal Statistical Society*”, London, 1911, vol. LXXIV, part II, January, p. 167 – 187. — 457- 458.
- 1914, vol. LXXVII, part VIII, July, p. 777 – 807. — 502.
- Kaufmann, E. Das französische Bankwesen mit besonderer Berücksichtigung der drei Depositengroßbanken*. Tübingen, Mohr, 1911. XII, 372 S. (Archiv für Sozialwissenschaft und Sozialpolitik. Hrsg. v. E. Jaffé. Ergänzungshft I). — 420 - 421.

- *Die Orgnization der französischen Depositengroßbanken*. — “Die Bank”, Berlin, 1909, II. Semester, S. 849 – 857. — 432.
- \* *Kautsky, K. Franktion und Partei*. — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1915, Jg. 34, Bd. I, Nr. 9, 26. November, S. 269 - 276. — 138, 139-140, 158-159, 164, 165-166, 319.
- *Gefährliche Reformisten*. — “Sozialistische Auslandspolitik”, Berlin, 1915, Nr. 27, 10. November. — 574.
- \* — *Der Imperialismus*. — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1914, Jg. 32, Bd. 2, Nr. 21, II. September, S. 908-922. — 491-494, 496-497.
- *Die Internationalität und der Krieg*. — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1914, Jg. 33, Bd. 1, Nr. 8, 27. November, S. 225-250. — 343.
- *Nationalstaat, imperialistischer Staat und Staatenbund*. Nürnberg, Fränkischer Verlagsanstalt, 1915. 80. S. — 519-520, 522.
- *Noch einige Bemerkungen über nationale Triebkräfte*. — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1916, Jg. 34, Bd. 1, Nr. 23, 3. März, S. 705-713. — 341, 349, 561.
- \* — *Nochmals unsere Illusionen. Eine Entgegnung*. — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1915, Jg. 33, Bd. 2, Nr. 8, 21. Mai, S. 230-241; Nr. 9, 28. Mai, S. 264-275. — 83, 154, 336, 343, 367, 581.
- *Sozialismus und Kolonialpolitik*. Eine Auseinandersetzung. Berlin, Buchh. “Vorwärts”, 1907. 80 S. — 513.
- *Der Weg zur Macht*. Politische Betrachtungen über das Hineinwachsen in die Revolution. Berlin, Buchh. “Vorwärts”, 1909. 104 S. — 72, 123, 124, 132, 142.
- \* — *Zwei Schriften zum Umlernen*. — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1915, Jg. 33, Bd. 2, Nr. 2, 9. April, S. 33 - 42; Nr. 3, 16. April, S. 71 – 81; Nr. 4, 23. April, S. 107 - 116; Nr. 5, 30. April, S. 138 - 146. — 83, 123-124, 141, 161, 491-494, 496, 526-530.
- Kestner, F. Der Organisationszwang*. Eine Untersuchung über die Kämpfe zwischen Kartellen und Außenseitern. Berlin, Heymann, 1912. XII, 395 S. — 405, 409-411.
- Kies, W. S. Branch Banks and our Foreign Trade*. — “The Annals of the American Academy of Political and Social Science”, Philadelphia, 1915, vol. LIX, No. 148, May, p. 301-308. — 462.

- \* *Klassenkampf gegen den Krieg!* Material zum "Fall" Liebknecht. Không rõ nơi xuất bản, [1915]. 88 S. [Als Manuskript gedruckt!]. — 139, 159, 571.
- \* *Kolb, W. Die Sozialdemokratie am Scheidewege.* Ein Beitrag zum Thema: Neuorientierung der deutschen Politik. [2. Aufl.]. Karlsruhe, Buchdruckerei Geck, [1915]. 67 S. — 164, 321.
- "Labour Leader", Manchester – London – Glasgow. — 165, 377.
- \*— [Manchester – London], 1915, No. 33, August 19. 12 p. — 165.
- 1915, No. 46, November 18, p. 3. — 569, 572.
- \*— 1915, No. 49, December 9, p. 8; No. 51, December 23, p. 8. — 302, 375, 377, 569, 572, 590.
- \*— 1915, No. 52, December 30, p. 3, 9. — 302, 569.
- 1916, No. 2, January 13, p. 8. — 569.
- 1916, No. 4, January 27, p. 8. — 569.
- Labriola, A. La guerra di Tripoli e l'opinione socialista.* Napoli, Morano, 1912. 142 p. — 18.
- Landwirtschaftliche Betriebsstatistik.* Hrsg. vom kaiserlichen Statistischen Amte. Bd. 212, T. 1 a, 1 b, 2 a. Berlin, Verlag des Statistischen Reichsamts, [1909-1910]. 3. Bd. (Statistik des Deutschen Reichs. Berufs und Betriebszählung vom 12. Juni 1907). — 192, 195, 197, 216, 266.
- Lansburgh, A. Die Bank mit den 300 Millionen.* — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 415 - 426. — 423.
- *Das Beteiligungssystem im deutschen Bankwesen.* — "Die Bank", Berlin, 1910, II. Semester, S. 497-508. — 418.
- *Des deutsche Rentnerstaat.* — "Die Bank", Berlin, 1911, I. Semester, S. 1-13. — 506.
- *Deutsches Kapital im Auslande.* — "Die Bank", Berlin, 1909, II. Semester, S. 819-833. — 523-525.
- *Die Finanzgeschäfte des Fürstentrust.* — "Die Bank", Berlin, 1912, I. Semester, S. 223-230. Ký tên: A. L. — 450.

- *Finanzieller Nationalismus.* — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 313 – 321. — 426.
- *Fünf Jahre deutsches Bankwesen.* — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 725-736. — 416.
- *Der "Money Trust".* — "Die Bank", Berlin, 1912, I. Semester, S. 432-438. Ký tên: A. L. — 428.
- *Der Staat und die Auslandsanleihen.* — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 623-637. — 447.
- *Die wirtschaftliche Bedeutung des Byzantinismus.* — "Die Bank", Berlin, 1909, I. Semester, S. 301 - 309. — 451 - 452.
- \* [Legien, C.] *Warum müssen die Gewerkschaftsfunktionäre sich mehr am inneren Parteileben beteiligen?* (Ein Vortrag von C. Legein in der Versammlung der Gewerkschaftskommission Berlins und Umgegend am 27. Januar 1915). Berlin, 1915. 47 S. — 165.
- [Lénine, V. I.] *L'Impérialisme dernière étape du Capitalisme.* (Essai de vulgarisation). Paris, Librairie du l'Humanité, 1923. 140 p. (Bibliothèque communiste). Trước đầu đề có tên tác giả: N. Lénine. — 387, 391.
- *Der Imperialismus als jüngste Etappe des Kapitalismus.* Hamburg, Hoym, 1921. 136 p. (Bibliothek der Kommunistische Internationale. IX). Trước đầu đề có tên tác giả: N. Lenin. — 387, 391.
- [Lenin, V. I. u. Zinowjew, G. E.] *Sozialismus und Krieg.* (Stellung der S DA P Rußlands zum Kriege). Không rõ nơi xuất bản, 1915. 36 S. (S DA P). Sau đầu đề có tên tác giả: G. Zinowjew und N. Lenin. — 52, 94.
- \* *Lensch, P. Die Selbstbestimmungsflause.* — "Die Glocke", München, Jg. 1915, Nr. 8, 15. Dezember, S. 465-476. — 333.
- *Sozialismus und Annexionen in der Vergangenheit.* — "Die Glocke", München, Jg. 1915-1916, Nr. 9, I. Januar, S. 493-500. — 333.
- Lescure, J. L'Épargne en France.* Paris, Tenin, 1914. VIII, 114 p. — 421.
- Levy, H. Monopole, Kartelle und Trusts in ihren Beziehungen zur Organisation der kapitalistischen Industrie.* Dargest. an der Entwicklung in Großbritannien. Jene, Fischer, 1909. XIV, 322 S. — 401.

- “Lichtstralen”, Berlin. — 570.
- Liefmann, R. *Beteiligungs- und Finanzierungsgesellschaften*. Enie Studie über den modernen Kapitalismus und das Effektenwesen (in Deutschland, den Vereinigten Staaten, England, Frankreich, Belgien und der Schweiz). Jena, Fischer 1909. X, 495 S. — 406, 413-414, 417, 436, 439, 449.
- *Kartelle und Trusts und die Weiterbildung der volkswirtschaftlichen Organisation*. 2-te, stack erweiterte Aufl. Stuttgart, Moritz, 1910. 210 S. — 405, 471.
- Lucas, C. P. *Greater Rome and Greater Briatin*. Oxford, Clarendon Press, 1912. 184 p. — 481.
- Luxemburg, R. *Kwestja narodowościowa i autonomja*. — “Przegląd Socjal-demokratyczny”. [Kraków] 1908, N 6, sierpień, s. 482-515; N7, wrzesień, s. 597-631; N 8-9, październik – listopad, s. 687-710; N 10, grudzień, s. 795-818;\* 1909, N 12, czerwiec, s. 136-163; N 14-15, sierpień – wrzesień, s. 351 – 376. — 560.
- Lysis. *Contre l’Oligarchie financière en France*. Préf. de J. Finot. 5 –me éd. Paris, “La Revue”, 1908. XI, 260 p. — 446-477.
- Manifest der Internationale zur gegenwärtigen Lage, [angenommen auf dem Außerordentlichen Internationalen Sozialistenkongreß zu Basel]* — Trong cuốn: Außerordentlicher Internationaler Sozialistenkongreß zu Basel am 24. und 25. November 1912. Berlin, Buchh. “Vorwärts”, 1912, S. 23-27. — 2, 6, 24, 70, 72, 127-133, 142, 147, 149-154, 156, 160, 163, 166, 296, 390, 395-396, 565.
- Marck, Ch. *Une expulsison*. — “La Bataille”, Paris, 1916, N 87, 28 Janvier, p. 2. — 300.
- Martoff, L. *Internationalisierung der Arbeiterbewegung*. Paul Axelrod. Die Krise und die Aufgaben der internationalen Sozialdemokratie. [Điểm sách]. — “Volksrecht”, Zürich”, 1915, Nr. 236, 9. Oktober, S. 1; Nr. 237, II. Oktober, S. 1-2. — 66, 69.
- Michels, R. *L’imperialismo italiano*. Studi politicodemografici. Milano, Società Editrice Libreria, 1914. XVIII, 187 p. (Studi economico-sociale contemporanei = 8). Trên bìa: Roma – Milano – Napoli. — 16 – 22.
- Der Militarismus und die internationalen Konflikte*. [Nghị quyết được thông qua tại Đại hội quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Stút-ga]. — Trong cuốn: Internationaler Sozialistenkongreß zu Stuttgart. 18. bis 24. August 1907. Berlin, Buchh. “Vorwärts”, 1907, S. 64-66, — 6, 565.

- Monitor. Die Sozialdemokratie und der Weltkrieg*. — “Preußische Jahrbücher”, Berlin, 1915, Bd. 160, Hft. 1, April, S. 30-53. — 136, 158, 159.
- Morris, H. C. *The History of Colonization from the Earliest Times to the Present Day*. In two volumes. V. 1-2. New York – London, Macmillan, 1900. 2 v. — 474.
- Neue Rheinische Zeitung*”, Köln. — 553.
- “*Neue Zeit*”, Stuttgart. — 12.
- 1897 – 1898, Jg. XVI, Bd. 1, Nr. 10, S. 300-306. — 476, 484.
- 1912, Jg. 30. Bd.2, Nr. 39, 28. Juni, S. 474-485. — 442-464.
- 1914, Jg. 32. Bd. 2, Nr. 21, II. September, S. 908 – 922. — 491- 494, 496.
- 1914, Jg. 33, Bd. 1, Nr. 8, 27. November, S. 225 – 250. — 343.
- 1915, Jg. 33, Bd. 2, Nr. 2, 9. April, S. 33 - 42; Nr. 3, 16. April, S. 71-81; Nr. 4, 23. April, S. 107-116; Nr. 5, 30. April, S. 138-146. — 83, 123-124, 142, 161, 491-494, 496, 526-530.
- 1915, Jg. 33, Bd. 2, Nr. 8, 21. Mai, S. 230 – 241; Nr. 9, 28. Mai, S. 264 – 275. — 83, 154, 336, 343, 367, 581.
- 115, Jg. 33, Bd.2, Nr. 16, 16. Juli, S. 489-499. — 320.
- 1915, Jg. 34, Bd. 1, Nr. 9, 26. November, S. 269-276. — 138, 140, 158-159, 164, 166, 319.
- 1915, Jg. 34, Bd. 1, Nr. 13, 24. Dezember, S. 412-414. — 574.
- 116, Jg. 34, Bd.1, Nr. 20, 11. Februar, S. 638 - 640. — 574.
- \*— 1916, Jg. 34, Bd. 1, Nr. 21, 18. Februar, S. 641-648. — 349.
- 1916, Jg. 34, Bd. 1, Nr. 23, 3. März, S. 705-713. — 341, 349, 561.
- Neymarck, A. *La statistique internationale des Valeurs Mobilières*. IX-e Rapport... Première Partie. Exposé général du rapport. — Trong cuốn: Bulletin de l’Institut international de statistique. T. XIX — 2<sup>e</sup> Livraison. La Haye, Van Stockum, [1912], p. 201-225. — 454, 457, 519.
- Nieboer, H. J. [Điểm sách:] *Nationalities and Subject Races*. Report of Conference, held in Caxton Hall, Westminster, June 28-30, 1910.

- Lodon, 1911. P. S. King and Son. XII u. 178 S. — “Weltwirtschaftliches Archiv”, Jena, 1913, Bd. 2, S. 193 – 195. — 516-517.
- Nouvelles déclarations de Camille Huysmans.* — “L’Humanité”, Paris, 1916, N 4315, 9 février, p. 3. Dưới dấu đề chung: **L’Internationale, la Belgique et la guerre.** — 566.
- Österreichische Statistik hrsg. von der K. K. statistischen Zentralkommission.* Bd. LXXXIII, Hft. I. Ergebnisse der landwirtschaftlichen Betriebszählung. Vom 3. Juni 1902 in den im Reichsrat vertretenen Königreichen und Ländern. Hft. I: Analytische Bearbeitung. Summarische Daten für das Reich, die Verwaltungsgebiete und Länder, nebst Anhang, enthaltend Übersichten nach natürlichen Gebieten. Bearb. von dem Bureau der K. K. statistischen Zentralkommission. Wien, 1909. [4], XLV, 65 S. — 192.
- Paish, G. Great Britain’s Capital Investments in Individual Colonial and Foreign Countries.* — “Journal of the Royal Statistical Society”, London, 1911, vol. LXXIV, part II, January, p. 167-187. — 457.
- Patouillet, J. L’impérialisme américain.* Thèse pour le doctorat. (Sciences politiques et économiques). Dijon, “Petit Bourguignon”, 1904. 388 p. (Université di Dijon. – Faculté de droit). — 518.
- Pernerstorfer, E. Nochmals Rußland und wir.* — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1916, Jg. 34, Bd. I, Nr. 20, II. Februar, S. 638-640, trong mục: **Notizen.** — 572.
- *Rußland und wir.* — “Die Neue Zeit”, Stuttgart, 1915, Jg. 34, Bd. I, Nr. 13, 24. Dezember, S. 412-414, trong mục: **Notizen.** — 572.
- Die Petroleum-Komödie.* — “Die Bank”, Berlin, 1913, I. Semester, S. 388-391, trong mục: **Umschau.** — 468-469.
- \* *Pinkstone, G. [A Letter to the Editor of “The Labour Leader”].* — “The Labour Leader”, [Manchester – London], 1915, No. 52, December 30, p. 9. Dưới dấu đề chung: **The ILP and the Labour Party**, trong mục: **The Views of our Readers.** — 302, 569.
- Pinner, F. Herrn v. Gwinners Petroleummonopol.* — “Die Bank”, Berlin, 1912, II. Semester, S. 1032-1047. — 468-469.
- *Petroleum-Strategie.* — “Die Bank”, Berlin, 1912, II. Semester S. 629-638. — 468-469.

- Polemica in casa nostra.* — “Avanti!”, Milano, 1916, N. 65, 5 marzo, p. 1, trong mục: Scampoli. — 369, 582.
- Die politische Aktion.* [Nghị quyết được thông qua tại Đại hội quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Luân-đôn]. — Trong cuốn: **Verhandlungen und Beschlüsse des Internationalen Sozialistischen Arbeiter-und Gewerkschafts-Kongresses zu London vom 27. Juli bis I. August 1896.** Berlin, Expedition der Buchh. “Vorwärts”, 1896, S. 18. — 340 – 341.
- Polling next Thursday.* — “The Labour Leader”, [Manchester – London], 1915, No. 46, November 18, p. 3. Dưới dấu đề chung: **The Situation in Merthyr.** — 569, 572.
- “Preußische Jahrbücher”,* Berlin, 1915, Bd. 160, Hft. I, April, S. 30-53. — 136-137, 158, 159.
- \* *Proletarier Europas!* — “Berner Tagwacht”, 1915, Nr. 218, 18. September, S. 1. Dưới dấu đề chung: **Internationale Sozialistische Konferenz zu Zimmerwald** (Schweiz). — 77, 105, 111, 295, 297, 303, 371, 372, 373, 570, 586, 589.
- Proletarier Europas!* — “Internationale Sozialistische Kommission zu Bern. Bulletin”, Bern, 1915, Nr. 1, 21. September, S. 2-3. — 39-40, 41-42.
- “Przegląd Socjaldemokratyczny”,* [Kraków], 1908, N 6, sierpień, s. 482-515; N 7, wrzesień, s. 597-631; N 8-9, październik — listopad, s. 687-710; N 10, grudzień, s. 795-818; \* 1909, N 12, czerwiec, s. 136-163; N 14-15, sierpień – wrzesień, s. 351-376. — 560.
- [Radek, K.] Annexionen und Sozialdemokratie.* — “Berner Tagwacht”, 1915, Nr. 252, 28. Oktober. Beilage zur “Berner Tagwacht”, S. 1; Nr. 253, 29. Oktober. Beilage zur “Berner Tagwacht”, S. 1. Ký tên: Parabellum. — 77-78, 82-85, 552.
- *Eine notwendige Widerlegung einer angeblichen Widerlegung.* — “Berner Tagwacht”, 1915, Nr. 247, 22. Oktober. Beilage zur “Berner Tag-wacht”, S. 1. Ký tên: Parabellum. — 309.
- [Renner, K.] Springer, R. Der Kampf der Österreichischen Nationen um den Staat.* T. 1: Das nationale Problem als Verfassungs- und Verwaltungsfrage. Leipzig – Wien, Deuticke, 1902. IV, 252 S. — 328.
- Report of the Commissioner of Corporations on the Tobacco Industry.* Part I. Position of the Tobacco combination in the Industry. Washington, Government printing office, 1909. XXIII, 489 p. — 407.



- Rezolucja narady kolegijum redakcyjnego, odbytej 1 - 2 czerwca 1915 r.* — "Gazeta Robotnicza", [Zürich], 1916, Nr. 25, styczeń, s. 7-8. — 353-358.
- Riesser, J. Die deutschen Großbanken und ihre Konzentration im Zusammenhang mit der Entwicklung der Gesamtwirtschaft in Deutschland.* 4. verb. und verm. Aufl. Jena, Fischer, 1912. XIII, 768 S. I Karte. — 405, 408, 418, 421, 422, 427, 430, 461, 465, 470, 531, 536, 538.
- \* [Roland-Holst, H.] *Huysmans Rede auf dem Parteitag der SDAP.* — "Berner Tagwacht", 1916, N. 18, 22. Januar. Beilage zur "Berner Tagwacht", S. 1. Ký tên: H R. H. — 566.
- \* *Rühle, O. Zur Pateispaltung.* — "Vorwärts", Berlin, 1916, Nr. 11, 12. Januar, Beilage zu Nr. 11 des "Vorwärts", S. 2. — 300-301, 374, 377, 570, 589-590.
- Rundschreiben an alle angeschlossenen Parteien und Gruppen.* — "Internationale Sozialistische Kommission zu Bern. Bulletin", Bern, 1916, Nr. 3, 29. Februar, S. 2-3. Ký tên: Im Namen der Zimmerwalder Konferenz: Die ISK zu Bern. — 373-374, 375, 586, 589, 591.
- Russier, H. Le Partage de L'Océanie.* Paris, Vuibert et Nony, 1905. XI, 370 p. — 484.
- Der russische Nationalismus und die Arbeiterschaft.* — "Volksrecht", Zürich, 1915, Nr. 296, 18. Dezember, S. 1. — 109.
- Sartorius von Waltershausen, A. Das volkswirtschaftliche System der Kapitalanlage im Auslande.* Berlin, Reimer, 1907. 442 S. — 485, 505.
- Schilder, S. Entwicklungstendenzen der Weltwirtschaft. Bd. I. Planmäßige Einwirkungen auf die Weltwirtschaft.* Berlin, Siemenroth, 1912. VIII, 393 S. — 457, 460, 482, 486, 505, 531.
- Schulze-Gaevernitz, G. Britischer Imperialismus und englischer Freihandel zu Beginn des zwanzigsten Jahrhunderts.* Leipzig, Duncker. Humblot, 1906. 477 S. — 485, 505, 510-511.
- *Die deutsche Kredibank.* — Trong cuốn: **Grundriss der Sozialökonomik. Abt. V. Die einzelnen Erwerbsgebiete in der kapitalistischen Wirtschaft und die ökonomische Binnenpolitik im modernen Staate Teil II. Bankwesen.** Bearb. v. G. v. Schulze-Gaevernitz, E. Jaffé. Buch III. A II. Tübingen, Mohr (Siebeck), 1915, S. 1-189. — 417, 420, 426-428, 436, 440, 540.
- "*La Sentinelle*", La Chaux-de-Fonds. — 42, 45.

- \* *Smith, B. [A Letter to the Editor of "The Labour Leader"].* — "The Labour Leader". [Manchester - London], 1915, No. 52, December 30, p. 9. Dưới đầu đề chung: **The ILP and the Labour Party**, trong mục: The Views of our Readers. — 302, 569.
- "*The Socialist*", Glasgow. — 569, 572.
- \* *Socialist Propaganda League.* To the Members of the Socialist Party. Oct. 9, 1915. [Tờ truyền đơn. Boston, 1915]. 4 p. Ký những tên: [18 thành viên của Liên minh], Committee. — 88, 93, 94.
- Sombart, W. Die deutsche Volkswirtschaft im neunzehnten Jahrhundert.* 2. durchges. Aulf. Sechstes, siebentes und achtes Tausend. Berlin, Bondi, 1919. XVI, 611 S. — 448.
- "*Sozialistische Auslandspolitik*", Berlin, 1915, Nr. 27, 10. November. — 573-574.
- "*Sozialistische Monatshefte*", Berlin. — 134, 156.
- Statistical Abstract of the United States.* 1911. No. 34. Prepared by the Bureau of statistics, under the direction of the secretary of commerce and labor. Washington, 1912. 803 p. (Department of commerce and labor). — 398, 405.
- Statistik der Depositen- und Spargelder.* — "Die Bank", Berlin, 1910, II. Semester, S. 1200, trong mục: Umschau. — 425.
- Statistik des deutschen Reichs.* Hrsg. Vom kaiserlichen statistischen Amte. 211. Bd. Berufs- und Betriebszählung vom 12. Juni 1907. Berufsstatistik. Abt. X. Die berufliche und soziale Gliederung des deutschen Volkes. Berlin, 1913. 325, 270 S. — 511.
- Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich.* Hrsg. Vom kaiserlichen statistischen Amte. Jg. 36. 1915. Berlin, Puttkammer u. Mühlbrecht, 1915. XXXVI, 480, 114 S. — 500.
- Die Stellung der Sozialdemokraten Australiens zum Krieg.* — "Berner Tagwacht", 1916, Nr. 32, 8. Februar. Beilage zur "Berner Tagwacht", S. 1; Nr. 34, 10. Februar, S. 1 - 2. Ký tên: I. K. — 574.
- Stillich, O. Geld- und Bankwesen.* Ein Lehr- und Lesebuch. Berlin, Curtius, 1907. 267 S. — 426, 433-434, 448, 449.
- Supan, A. Die territoriale Entwicklung der Europäischen Kolonien.* Mit einem kolonialgeschichtlichen Atlas von 12 Karten und 40 Kärtchen im Text. Gotha, Perthes, 1906. XI, 344 S. — 473, 477-478.

- Sympathieerklärung*. [Nghị quyết của Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế tại Xim-méc-van]. — "Internationale Sozialistische Kommission zu Bern. Bulletin", Bern, 1915, Nr. 1, 21. September, S. 8. — 39-40. 588.
- Tafel, P. Die Nordamerikanischen Trusts und ihre Wirkungen auf den Fortschritt der Technik*. Stuttgart, Wittwer, 1913. 74 S. — 407.
- Tätigkeitsbericht des Organisationskomitees der SDAP Rußlands*. — "Internationale Sozialistische Kommission zu Bern. Bulletin", Bern, 1915, Nr. 2, 27. November, S. 6-7. — 306.
- Thirteenth census of the United States, taken in the year 1910*. Vol. IV - V. Washington, Government printing office, 1913-1914. 2 v. (Department of commerce. Bureau of the census).
- \* — Vol. IV. Population 1910. Occupation Statistics. 1914. 615 p. — 196.
- \* — Vol. V. Agriculture. 1909 and 1910. General report and analysis. 1913. 927 p. — 173-234, 248, 256, 261-262, 267-289.
- "*De Tribune*", Amsterdam. — 572.
- Tschierschky, S. Kartell und Trust*. Vergleichende Untersuchungen über deren Wesen und Bedeutung. Göttingen, Vandenhoeck und Ruprecht, 1903. 129 S. — 406, 423.
- Vaillant, E. Formalistes doctrinaires*. — "L'Humanité", Paris, 1914, N 3827, 9 octobre, p. I. — 570.
- Verkehrstrust*. — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 89-90, trong mục: **Bank und Börse**. — 450-451.
- Verslag van het buitengewoon congres der SDAP, gehouden op 8 en 9 Januari 1916, te Arnhem*. Amsterdam, "Ontwikkeling", [1916]. 36 bl. — 345, 367, 369, 566, 580.
- Vogelstein, Th. Die finanzielle Organisation der kapitalistischen Industrie und die Monopolbildungen*. — Trong cuốn: **Grundriß der Sozialökonomik. Abt. VI. Industrie, Bergwesen, Bauwesen**. Buch III. B I. Tübingen, Mohr (Siebeck), 1914, S. 187 - 246. — 402-403.
- *Kapitalistische Organisationsformen in der modernen Großindustrie*. Bd 1. Organisationsformen der Eisenindustrie und Textilindustrie in England und Amerika. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1910. XV, 277 S. — 403-404, 406, 471.

- "*Volksrecht*", Zürich, 1915, Nr. 236, 9. Oktober, S. 1; Nr. 237, II. Oktober, S. 1 - 2. — 66, 70.
- 1915, Nr. 296, 18. Dezember, S. 1. — 108.
- 1916, Nr. 35, II. Februar, S. 1. — 571.
- "*Volkssstimme*", Chemnitz. — 105.
- Vorschlag der Resolution über: Weltkrieg und die Aufgaben der Sozialdemokratie*. — "Internationale Flugblätter", [Zürich], 1915, Nr. 1, No-vember, S. 5 - 7. Dưới đầu đề chung: Die Zimmerwalder Linke über die Aufgaben der Arbeiterklasse. — 94.
- Vorschlag des Manifestes*. — "Internationale Flugblätter", [Zürich], 1915, Nr. 1, November, S. 7 - 8. Dưới đầu đề chung: Die Zimmerwalder Linke über die Aufgaben der Arbeiterklasse. — 94.
- "*Vorwärts*", Berlin. — 301.
- \* — 1916, Nr. 11, 12. Januar. Beilage zu Nr. 11 des "Vorwärts", S. 2 - 3. — 300 - 301, 374, 377, 570, 589-590.
- Wahl, M. La France aux colonies*. Paris, May et Motteroz, không rõ năm xuất bản, 304 p. (Bibliothèque d'histoire illustrée). — 484.
- Der Weltkrieg und die Aufgaben der Sozialdemokratie*. [Dự thảo nghị quyết do bộ phận phái tả tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-méc-van đưa ra]. — "Internationale Sozialistische Kommission zu Bern. Bulletin", Bern, 1915, Nr. 2, 27. November, S. 14. Dưới đầu đề chung: Nachträgliches von der Zimmerwalder Konferenz. Der Resolutionsentwurf. — 42, 44.
- "*Weltwirtschaftliches Archiv*", Jena. — 516.
- 1913, Bd. 2, S. 193-195. — 516-517.
- 1916, Bd. 7, (1916. I), S. 34-52. — 457.
- Der Wettbewerb um die Auslandsanleihen*. — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 1024-1026, trong mục: Umschau. — 460.
- What happened at the French Socialist Congress*. (From a Paris Correspondent). — "The Labour Leader", [Manchester - London], 1916, No. 4, January 27, p. 8. — 569.
- \* *Williams, T. R. The ILP and the Labour Party*. — "The Labour Leader", [Manchester - London], 1915, No. 49, December 9, p. 8;

---

No. 51, December 23, p. 8, trong mục: The Views of our Readers. — 302, 375, 377, 569, 572, 590.

*Zahn, F. Deutschlands wirtschaftliche Entwicklung unter besonderer Berücksichtigung der Volkszählung 1905 sowie der Berufs- und Betriebszählung 1907.* — “Annalen des Deutschen Reichs für Gesetzgebung, Verwaltung und Volkswirtschaft”, München – Berlin, 1911, Nr. 3-4, S. 161 – 248. — 397, 404-405.

*Der Zug zur Bank.* — “Die Bank”, Berlin, 1909, I. Semester, S. 79, trong mục: Bank und Börse. — 452.

\* *Zur Polenfrage.* — “Internationale Sozialistische Kommission zu Bern. Bulletin”, Bern, 1915, Nr. 2, 27. November, S. 15. — 339 – 340.

---

## BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

### A Ẻ

*A. M.* – xem Mác-tư-nớp, A.

*A-gát* (Agahd), *Ê.* - nhà kinh tế học tiểu tư sản người Đức. Làm việc suốt 15 năm ở Ngân hàng Nga – Trung-quốc. – 442, 444, 519.

*A-ghi-nan-đô* (Aguinaldo), *Ê-mi-li-ô* (sinh năm 1869) – nhà hoạt động chính trị của Phi-li-pin. Năm 1896 ông tham gia cuộc khởi nghĩa của nhân dân Phi-li-pin chống ách thống trị của Tây-ban-nha; là người đại diện cho lợi ích của bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Sau vụ ông ta tổ chức giết lãnh tụ khởi nghĩa A. Bô-ni-pha-txi-ô vào năm 1897, A-ghi-nan-đô trở thành người cầm đầu phong trào. Năm 1899 ông ta trở thành tổng thống của nước Cộng hoà Phi-li-pin vừa mới được thành lập. Sau khi Mỹ thay chân Tây-ban-nha ở Phi-li-pin, A-ghi-nan-đô đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của người Phi-li-pin chống lại bọn xâm lược Mỹ. Tháng Ba năm 1901 ông ta bị Mỹ bắt làm tù binh. Về sau A-ghi-nan-đô thực hành chính sách của Mỹ ở Phi-li-pin. – 518.

*A-la-đin*, *A. Ph.* (sinh năm 1873) – một trong những thủ lĩnh của Nhóm lao động, một nhóm tiểu tư sản trong Đu-ma nhà nước I; sau khi Đu-ma bị giải tán A-la-đin sống ở nước ngoài cho đến năm 1917. – 33.

*A-léch-xan-đơ* – xem Sli-áp-ni-cốp, A. G.

*A-léch-xin-xki*, *G. A.* (sinh năm 1879) – khi bắt đầu hoạt động chính trị là một người dân chủ - xã hội. Trong thời kỳ cách mạng Nga lần thứ nhất, đã tham gia đảng bôn-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị, là một phần tử theo phái triệu hồi, một trong những kẻ tổ chức ra nhóm chống đảng "Tiến lên". Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một tên xã hội - sô-vanh, cộng tác viên của nhiều tờ báo tư sản. Năm

1917, đã gia nhập nhóm "Thống nhất" của Plê-kha-nốp và đứng trên lập trường phản cách mạng. Tháng Bảy 1917, đã cùng với cơ quan phản gián quân sự dựng ra những tài liệu giả, vu khống V. I. Lê-nin và các đảng viên bôn-sê-vích. Tháng Tư 1918, đã chạy trốn ra nước ngoài. Trong khi sống lưu vong, đã gia nhập phe phản động cực đoan. – 33, 308, 350, 561.

*A-xki-u* (Askew), *Giôn B.* - một người xã hội chủ nghĩa Anh. – 569, 575.

*A-xtơ-rốp* (*Pô-vét, I. X.\**) (chết năm 1922) – một người men-sê-vích – quốc tế chủ nghĩa. – 113.

*Au-xtéc-lít* (Austerlitz), *Phri-đrich* (1862 - 1931) – một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Áo, tổng biên tập tờ "Arbeiter-Zeitung" ("Báo công nhân"), cơ quan trung ương của đảng đó; đại biểu của thủ đô Viên trong nghị viện. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, giữ lập trường xã hội - sô-vanh. – 314, 349.

*Ác-măng, I. Ph.* (*Pê-tơ-rô-va*) (1874 - 1920) – nữ đảng viên đảng bôn-sê-vích từ 1904, một nhà cách mạng chuyên nghiệp, nhà hoạt động của phong trào phụ nữ công nhân và phong trào cộng sản quốc tế. Đã đảm nhiệm công tác đảng ở Mát-xcô-va, Pê-téc-bua và ở ngoài nước. Đã tích cực tham gia cuộc cách mạng năm 1905 - 1907. Đã nhiều lần bị bắt và bị đày. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, dưới sự lãnh đạo của V. I. Lê-nin, bà đã làm việc rất nhiều để chuẩn bị cho Hội nghị phụ nữ xã hội chủ nghĩa quốc tế (1915); tại hội nghị, bà đã tích cực tham gia và đã bảo vệ những khẩu hiệu bôn-sê-vích về các vấn đề chiến tranh, hoà bình và cách mạng, I. Ph. Ác-măng đại diện những người bôn-sê-vích tại Hội nghị thanh niên quốc tế (1915), và đã tham gia các Hội nghị Xim-méc-van và Ki-en-tan của những người quốc tế chủ nghĩa. Được Lê-nin uỷ nhiệm, đầu năm 1916 bà hoạt động tại Pa-ri, trong hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa và những người theo chủ nghĩa công đoàn ở Pháp theo lập trường chủ nghĩa quốc tế, hoạt động trong tầng lớp thanh niên Pháp và trong các công đoàn để truyền bá những quan điểm bôn-sê-vích. Bà tích cực tham gia cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là uỷ viên tỉnh uỷ Mát-xcô-va, uỷ viên

\* Những chữ in ngả trong ngoặc đơn là họ tên thật.

Ban chấp hành Xô-viết tỉnh Mát-xcơ-va và là chủ tịch Hội đồng kinh tế quốc dân tỉnh Mát-xcơ-va. Từ năm 1918 là trưởng Ban phụ vận trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga. Đã tham dự Đại hội II Quốc tế cộng sản. – 38.

*Ác-xen-rốt, P.B.* (1850- 1928) – một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Năm 1883, Ác-xen-rốt đã tham gia thành lập nhóm "Giải phóng lao động". Từ năm 1900 là uỷ viên ban biên tập báo "Tia lửa". Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là một phần tử men-sê-vích tích cực. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới là một trong những người lãnh đạo phái thủ tiêu, tham gia ban biên tập báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" một tờ báo chủ phái men-sê-vích – thủ tiêu. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội sô-vanh. – 25, 26, 66- 74, 113, 117-118, 142-144, 145, 154, 161, 162-163, 164, 308, 309, 344, 368, 379, 515, 559, 575, 582, 584.

*Át-lơ (Adler), Vích-to* (1852 - 1918) – một trong những người tổ chức và lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Áo. Khi bắt đầu hoạt động chính trị, ông là một người cấp tiến tư sản; từ giữa những năm 80 ông tham gia phong trào công nhân. Năm 1886 Át-lơ lập ra báo "Gleichheit" ("Bình đẳng"). Từ 1889 là biên tập viên của tờ "Arbeiter-Zeitung" ("Báo công nhân"), cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Áo. Trong những năm 80-90, V. Át-lơ có quan hệ với Ph. Ăng-ghen, nhưng sau khi Ăng-ghen mất được ít lâu thì ông sa vào chủ nghĩa cải lương và đã trở thành một trong những lãnh tụ của chủ nghĩa cơ hội. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Át-lơ đứng trên lập trường phái giữa, tuyên truyền thuyết "hòa bình giai cấp" và đấu tranh chống những hoạt động cách mạng của giai cấp công nhân. Năm 1918, sau khi chính thể cộng hoà tư sản được thiết lập ở Áo, ông giữ chức bộ trưởng Bộ ngoại giao trong một thời gian ngắn. – 569, 572.

*Ăng-ghen (Engels), Phri-đrích* (1820 - 1895) – một trong những người sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản thế giới, là người bạn thân và bạn chiến đấu của C. Mác (xem bài của V. L. Lê-nin: "Phri-đrích Ăng-ghen". Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.2 tr. XV - 14). – 56, 88, 94, 104, 137, 141, 158, 159 - 160, 381, 513, 522, 553, 556, 561.

## B

*Ba-đa-ép A. E.* (1883 - 1951) – đảng viên bên-sê-vích, là thợ nguội, về sau là nhà hoạt động của đảng và của Nhà nước xô-viết. Gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga năm 1904, làm công tác đảng ở Pê-téc-bua. Là đại biểu của công nhân tỉnh Pê-téc-bua tại Đu-ma nhà nước IV, tham gia đảng đoàn bên-sê-vích tại Đu-ma; song song với hoạt động trong Đu-ma ông đã đảm nhiệm một công tác cách mạng to lớn bên ngoài Đu-ma, là cộng tác viên của tờ báo bên-sê-vích "Sự thật". Tháng Mười một 1914, vì hoạt động cách mạng chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, Ba-đa-ép cùng với những đại biểu bên-sê-vích khác đã bị bắt và đến năm 1915, thì bị đày biệt xứ ở miền Tu-ru-khan-xcơ. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 ông hăng hái tham gia công tác của tổ chức bên-sê-vích ở Pê-tơ-rô-grát. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, làm công tác lãnh đạo đảng, xô-viết và công tác lãnh đạo kinh tế. Từ 1925, là uỷ viên Ban chấp hành trung ương. Trong những năm 1938 - 1943 là chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao nước Cộng hoà liên bang xã hội chủ nghĩa Xô-viết Nga và là phó chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên-xô. – 2, 297.

*Bau-ơ (Bauer), Ốt-tô* (1882 - 1938) – một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Áo và của Quốc tế II, là nhà tư tưởng của cái gọi là "chủ nghĩa Mác của Áo", thứ chủ nghĩa đã dùng những lời hoa mỹ có tính chất mác-xít để che đậy sự từ bỏ chủ nghĩa Mác cách mạng, từ bỏ cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Bau-ơ là một trong những tác giả của cái thuyết tư sản - dân tộc chủ nghĩa về "tự trị dân tộc về văn hoá". Có thái độ tiêu cực đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Trong những năm 1918 - 1919, là bộ trưởng Bộ ngoại giao nước Cộng hoà tư sản Áo. Trong những năm 1919, 1927 và 1934 Bau-ơ đã tích cực tham gia vào việc đàn áp những hoạt động cách mạng của giai cấp công nhân Áo. Trong những hành động chống cộng sản của mình, Bau-ơ đã câu kết với chủ nghĩa phát-xít, ủng hộ việc tuyên truyền chủ nghĩa đại Đức. - 328, 391.

*Bác-bô-ni (Barboni), T.* – một người xã hội - sô-vanh Ý. – 16, 22 - 28.

*Be-rơ (Beer) Mác-xơ* (sinh năm 1864) – nhà sử học người Đức nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội. – 476.

*Béc-stanh* (Bernstein), *E-đư-a* (1880 - 1932) – thủ lĩnh cánh cơ hội chủ nghĩa cực đoan của Đảng dân chủ - xã hội Đức và của Quốc tế II, nhà lý luận của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cải lương. Tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ giữa những năm 70 của thế kỷ XIX. Từ 1881 đến 1889 là biên tập viên của báo "Der Sozialdemokrat" ("Người dân chủ - xã hội"), cơ quan trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Trong những năm 1896-1898, đã đăng trên tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới") một loạt bài nhan đề "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội", những bài này sau đó được in thành sách lẻ dưới nhan đề "Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội"; trong những bài này, y công khai xét lại các nguyên lý triết học, kinh tế và chính trị của chủ nghĩa Mác cách mạng. Béc-stanh đã tuyên bố rằng nhiệm vụ cơ bản của phong trào công nhân là đấu tranh cho những cải cách nhằm cải thiện hoàn cảnh kinh tế của công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa; đưa ra công thức cơ hội chủ nghĩa: "phong trào là tất cả, còn mục đích cuối cùng chẳng là gì cả". Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Béc-stanh đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Trong những năm về sau, y tiếp tục ủng hộ chính sách tư sản đế quốc chủ nghĩa, chống lại Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và Nhà nước xô- viết. – 391, 576.

*Bê-ben* (Bebel), *Au-gu-xtơ* (1840-1913) – một trong những nhà hoạt động nổi tiếng nhất của Đảng dân chủ - xã hội Đức và của phong trào công nhân quốc tế. Bê-ben bắt đầu hoạt động chính trị trong nửa đầu những năm 60; là thành viên của Quốc tế I. Năm 1869 Bê-ben cùng với V.Liép-nêch sáng lập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức ("Phái Ai-xơ-nách"); đã nhiều lần được bầu làm đại biểu Quốc hội Đức. Trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ 1870-1871 tại Quốc hội Đức, ông đã bỏ phiếu phản đối ngân sách quân sự. Vào những năm 1890 và đầu những năm 1900, ông đã chống lại chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại trong hàng ngũ Đảng dân chủ - xã hội Đức. V.I. Lênin đã coi những bài diễn văn của ông chống lại phái Béc-stanh là "mẫu mực về việc bảo vệ những quan điểm mác-xít và đấu tranh cho tính chất thật sự xã hội chủ nghĩa của đảng công nhân" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.23, tr.463). Cuối đời hoạt động của mình, Bê-ben mắc một số sai lầm mang tính chất phái giữa. – 298.

*Bê-ra* (Bérard), *Vích-to* (1864-1931) – nhà kinh tế học tiểu tư sản Pháp, nhà chính luận và nhà ngôn ngữ học – 519.

*Bít-xô-la-ti* (Bissolati), *Lê-ô-ni-đà* (1857-1920) – một trong những người sáng lập ra Đảng xã hội chủ nghĩa Ý và là một trong số những thủ lĩnh của cánh cải lương cực hữu của đảng này. Trong những năm 1896-1904 và 1908-1910 Bít-xô-la-ti là biên tập viên tờ "Avan - ti!" ("Tiến lên!"), cơ quan trung ương của đảng xã hội chủ nghĩa. Từ 1897 là nghị sĩ. Năm 1912, y bị khai trừ khỏi Đảng xã hội chủ nghĩa Ý và y thành lập "Đảng xã hội - cải lương". Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, y là một tên xã hội - sô-vanh, một kẻ ủng hộ việc nước Ý tham gia chiến tranh đứng về phe Đồng minh. Trong những năm 1916-1918 y tham gia chính phủ với chức bộ trưởng không bộ. – 21, 25, 134-135, 156, 568, 572.

*Boóc-khác-tơ* (Borchardt), *I-u-li-an* (1868-1932) – một người dân chủ - xã hội Đức, nhà kinh tế học và nhà chính luận. Từ năm 1900 đến 1906 là biên tập viên của các cơ quan ngôn luận dân chủ - xã hội "Volksblatt" ("Báo nhân dân nhỏ") và "Volkszeitung" ("Báo nhân dân"). Trong những năm 1911-1913 là đại biểu nghị viện Phổ. Trong những năm 1913-1916 và 1918-1921 là biên tập viên tạp chí dân chủ - xã hội cánh tả "Lichtstrahlen" ("Tia sáng"). Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Boóc-khác-tơ cầm đầu nhóm "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức", một nhóm dân chủ - xã hội cánh tả hình thành chung quanh tạp chí đó, ông tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa; đã tham gia Hội nghị Xim-méc-van, gia nhập phái tả Xim-méc-van. Tuy nhiên Boóc-khác-tơ và nhóm của ông đã không hiểu được sự cần thiết phải hoàn toàn đoạn tuyệt với bọn xã hội - sô-vanh và phải lập ra một chính đảng độc lập của giai cấp công nhân và đến cuối cuộc chiến tranh thì chuyển sang lập trường công đoàn chủ nghĩa. Sau chiến tranh Boóc-khác-tơ đã thôi tích cực hoạt động chính trị. – 570.

*Bô-rê-txơ-ki* – xem U-ri-txơ-ki, M. X.

*Bô-sơ*, *E. B.* (1879-1925) – nữ đảng viên đảng bôn-sê-vích từ năm 1901, làm công tác đảng ở Ki-ép và ở nước ngoài. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, đã tán thành những quan điểm phản lê-nin-nít của Bu-kha-rin và Pi-a-ta-cốp về các vấn đề dân tộc. Sau cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là chủ tịch đảng uỷ khu ở Ki-ép; tháng Mười 1917 là uỷ viên Uỷ ban quân sự - cách mạng Ki-ép. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, tham gia Chính phủ xô- viết đầu tiên ở U-cra-i-na, chống

lại việc ký hoà ước Brét. Năm 1923 đã tham gia nhóm đối lập của Tơ-rốt-xki. Bà đã từng đảm nhiệm công tác quan trọng của đảng và nhà nước. – 361.

*Bóc-giơ* (Berger) *Vích-to Lu-i* (1860-1929) – một người xã hội chủ nghĩa Mỹ, một trong những người ở tổ chức Đảng xã hội chủ nghĩa Mỹ. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới Bóc-giơ, giữ lập trường hoà bình chủ nghĩa. – 574.

*Bran-tinh* (Branting), *Các-lơ I-an-ma* (1860-1925) – thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-điển, một trong những nhà lãnh đạo của Quốc tế II; trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một người xã hội - sô-vanh – 134, 156, 572.

*Bri-ăng* (Briand), *A-ri-xti-đơ* (1862-1932) – nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Pháp. Có một thời gian Bri-ăng gia nhập cánh tả trong hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa. Năm 1902, đã trúng cử vào nghị viện và trở thành một chính khách tư sản phản động công khai thù địch với giai cấp công nhân. – 137, 143, 161.

*Bri-dông* (Brizon), *Pi-e* (1878-1923) – một người xã hội chủ nghĩa Pháp, về nghề nghiệp là luật sư. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, đứng trên lập trường quốc tế chủ nghĩa ôn hoà, đã tham gia Hội nghị Ki-en-tan. – 573.

*Brôn-stanh*, *X. I-u.* – xem Xem -cốp-xki, X.

*Bu-kha-rin*, *N.I.* (1888-1938) – nhà chính luận và nhà kinh tế học, tham gia đảng từ năm 1906, là cán bộ tuyên truyền ở nhiều khu của Mát-xcơ-va. Năm 1911, chạy ra nước ngoài. Năm 1915 cộng tác với tạp chí "Người cộng sản"; đứng trên lập trường chống Lê-nin trong những vấn đề về nhà nước, về chuyên chính vô sản, về quyền dân tộc tự quyết, vv... Ngay trước ngày Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười nổ ra, Bu-kha-rin lên tiếng bảo vệ lý luận tơ-rốt-xkít - men-sê-vích cho rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa không có khả năng thắng lợi ở nước Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là uỷ viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương, biên tập viên báo "Sự thật", uỷ viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Đã nhiều lần đấu tranh chống lại đường lối Lê-nin-nít của đảng; năm 1918 hấn đứng đầu nhóm "những người cộng sản cánh tả"; một nhóm chống đảng khi thảo luận về hoà ước Brét; trong thời gian có cuộc tranh luận trong đảng về công đoàn (1920-1921), đầu tiên hấn đứng trên lập trường "đệm", sau đó lại

ngả về nhóm chống Lê-nin của Tơ-rốt-xki; từ năm 1928 hấn đứng đầu nhóm đối lập thuộc phái hữu trong đảng. Năm 1929 hấn bị đưa ra khỏi Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương và đoàn chủ tịch Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Năm 1937 Bu-kha-rin bị Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên-xô (25 tháng Hai - 5 tháng Ba) khai trừ ra khỏi hàng ngũ đảng, vì hấn hoạt động chống đảng. – 119 - 126, 361, 433.

*Bu-na-cốp*, *I. (Phun-đa-min-xki, I. I.)* (1879 - 1942) – một trong những thủ lĩnh của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử vệ quốc, tích cực tham gia tờ báo "Lời kêu gọi" ở Pa-ri, một tờ báo xã hội - sô-vanh. – 105.

*Bun-kin* (*Xê-mê-nốp*), *Ph. A.* (sinh năm 1888) – một người dân chủ - xã hội, một đảng viên men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới – theo phái thủ tiêu. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới làm việc ở trong các uỷ ban công nghiệp chiến tranh của Nốp-gô-rôt, Xa-ma-ra và Pê-téc-bua. – 381.

*Buốc-đơ-rông* (Bourderon) *An-be* (sinh năm 1858) – một người xã hội chủ nghĩa Pháp, một trong số các thủ lĩnh của cánh tả trong phong trào công đoàn, thư ký của công đoàn thợ đóng thùng. Năm 1915 đã tham gia Hội nghị Xim-méc-van, trong hội nghị này đã giữ lập trường phái giữa. Năm 1916 tán thành việc phục hồi Quốc tế II. Tại Đại hội Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp họp vào tháng Chạp 1916, Buốc-đơ-rông ủng hộ bản nghị quyết có tính chất phái giữa; bản nghị quyết này biện hộ cho việc những người xã hội chủ nghĩa tham gia chính phủ tư sản; đã đoạn tuyệt hấn với phái Xim-méc-van và rơi vào hàng ngũ những kẻ thù của phong trào công nhân cách mạng. – 43, 300, 302 - 303, 374, 378, 569, 572, 590.

*Búc-vô-ết* – xem Ri-a-da-nốp, Đ. B.

## C

*Các-nê-gi* (Carnegie), *En-đri-u* (1835 - 1919) – nhà ty phú Mỹ, người gốc Scot-len. Năm 1848 y di cư sang Mỹ. Trong thời gian nội chiến, bằng con đường đầu cơ y kiếm chác được rất nhiều của cải, năm 1873 y bỏ vốn vào ngành công nghiệp thép và năm 1889 y lập ra công ty thép Các-nê-gi. Năm 1901 Các-nê-gi hợp nhất các xí nghiệp của mình với tơ-rốt thép P. Moóc-gan. – 511.

*Can-vơ* (Calwer), *Ri-sa* (1868 - 1927) – nhà kinh tế học nổi tiếng Đức, đại biểu của chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại trong Đảng dân chủ - xã hội Đức. Năm 1909, ra khỏi Đảng dân chủ - xã hội. Trong những năm 1908 - 1913, phụ trách những bài điểm tình hình kinh tế và những tờ thông tin của Tổng công đoàn Đức. – 497.

*Cau-xky* (Kautsky), *Các-lơ* (1854 - 1938) – một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Đức và của Quốc tế II, lúc đầu là một người mác-xít, sau phản bội chủ nghĩa Mác, trở thành nhà tư tưởng của một biến tướng nguy hiểm và độc hại nhất của chủ nghĩa cơ hội, đó là chủ nghĩa phái giữa (chủ nghĩa Cau-xky). Là chủ biên tạp chí lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức "Die Neue Zeit" ("Thời mới").

Cau-xky bắt đầu tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa từ năm 1874. Quan điểm của y thời ấy là một sự pha trộn giữa chủ nghĩa Lát-xan, chủ nghĩa Man-tuyt mới và chủ nghĩa vô chính phủ. Năm 1881 y làm quen với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen nhờ ảnh hưởng của hai ông y chuyển sang chủ nghĩa Mác, song ngay trong thời kỳ này y đã bộc lộ sự dao động thiên về chủ nghĩa cơ hội, do đó C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen đã kịch liệt phê phán y. Vào những năm 80 và 90 thế kỷ XIX, y viết một loạt tác phẩm về những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác: "Học thuyết kinh tế của Các Mác", "Vấn đề ruộng đất" v.v., những cuốn sách này tuy có sai lầm, nhưng đã đóng một vai trò tích cực trong việc truyền chủ nghĩa Mác. Về sau, trong những năm 1910 - 1911 y chuyển từ chủ nghĩa Mác sang chủ nghĩa cơ hội. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Cau-xky đứng trên lập trường phái giữa, tức chủ nghĩa xã hội - số-vanh che đậy bằng những lời nói sáo rỗng về chủ nghĩa quốc tế. Cau-xky là người đề xướng thuyết phản động "chủ nghĩa siêu đế quốc". Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y công khai chống lại cách mạng vô sản và nền chuyên chính của giai cấp công nhân, chống lại Chính quyền xô-viết.

Trong các tác phẩm "Sự phá sản của Quốc tế II", "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản", "Nhà nước và cách mạng", "Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky" và nhiều tác phẩm khác, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán chủ nghĩa Cau-xky. – 9, 11 - 12, 13, 18, 23, 24, 25, 27, 49, 50, 56 - 57, 60, 66 - 74, 80, 83 - 84, 116, 122, 123, 124 - 125, 127, 132, 135, 138 - 139, 140, 141 - 142, 143, 144, 149 - 150, 152, 153 - 154, 158 - 160, 161, 162 - 163, 164, 165 - 166, 301, 303, 308, 319, 320 - 321, 322, 336, 341 - 342, 343, 344 - 345, 347, 348 - 349, 350, 351, 367, 368, 379,

382, 391, 392, 395, 411, 471 - 472, 491 - 496, 497, 499, 513, 518, 519, 520, 521, 522 - 523, 526 - 528, 529, 530, 531, 532 - 533, 537, 561, 568, 574, 575, 580 - 581, 582, 584 - 585.

*Clê-măng-xô* (Clemenceau), *Gioóc-giơ Băng-gia-manh* (1841 - 1929) – một nhà hoạt động chính trị và hoạt động nhà nước của Pháp, nhiều năm làm thủ lĩnh của đảng cấp tiến. Từ năm 1876 là nghị sĩ. Từ 1906 đến 1909 đứng đầu chính phủ Pháp. Clê-măng-xô bảo vệ quyền lợi của bọn đại tư bản, thi hành chính sách đàn áp khốc liệt đối với giai cấp công nhân. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới y là một tên số-vanh cuồng nhiệt. Từ tháng Mười một 1917, Clê-măng-xô lại đứng đầu chính phủ Pháp, thi hành chế độ chuyên chính quân sự ở trong nước. Y là một trong số những kẻ tổ chức và cổ vũ cuộc can thiệp vũ trang chống nước Nga xô-viết, ra sức thực hiện việc "bao vây kinh tế" và bóp nghẹt nước Cộng hoà xô-viết. Năm 1920 y bị thất bại trong cuộc bầu cử tổng thống và sau đó rời bỏ hoạt động chính trị. – 117.

*Coóc-nê-lít-xen* (Cornelissen), *Cri-xti-an* – một tên vô chính phủ chủ nghĩa Hà-lan. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một tên số-vanh; cộng tác với báo "La Bataille Syndicaliste" ("Cuộc đấu tranh công đoàn"), tờ báo xuất bản ở Pa-ri. – 304.

*Cô-ra-đi-ni* (Corradini), *En-ri-cô* (1865 - 1931) – một người dân tộc chủ nghĩa, nhà chính luận Ý. Năm 1910 đứng đầu đảng dân tộc chủ nghĩa Ý. Sau chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới y theo bọn phát-xít. – 19.

*Cô-xốp-xki*, *V. (Lê-vin-xôn, M. I-a.)* (1870 - 1941) – một trong những người sáng lập và thủ lĩnh của phái Bun, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của phái này. Là tổng biên tập cơ quan ngôn luận trung ương của phái Bun - báo "Die Arbeiter Stimme" ("Tiếng nói công nhân"). Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - số-vanh, giữ lập trường thân Đức. Có thái độ thù địch với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, đã chạy ra nước ngoài sống lưu vong; đã hoạt động trong các tổ chức của phái Bun ở Ba-lan. Năm 1939 sang Mỹ. – 25, 29 - 30, 114.

*Côi-ghe-n*, *Ph. M.* – xem I-ô-nốp.

*Côn-bơ* (Kolb), *Vin-hem* (1870 - 1918) – một người dân chủ - xã hội Đức, một phần tử cơ hội chủ nghĩa và xét lại cực đoan, biên tập viên của báo "Volksfreund" ("Người bạn dân"). Trong những năm



chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Côn-bơ là một tên xã hội - sô-vanh. – 105, 127, 141, 144, 148, 162, 164.

*Côn-lôn-tai, A. M.* (1872 - 1952) – nhà cách mạng chuyên nghiệp, tham gia phong trào cách mạng từ những năm 90; tham gia cuộc cách mạng những năm 1905 - 1907. Trong những năm 1906 - 1915, ngã theo phái men-sê-vích; đảng viên bôn-sê-vích từ năm 1915. Từ đầu cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới đã giữ lập trường cách mạng - quốc tế chủ nghĩa. Theo sự uỷ nhiệm của V. I. Lê-nin, đã tham gia việc tập hợp những phần tử phái tả quốc tế chủ nghĩa trong phong trào dân chủ - xã hội tại các nước Xcăng-đi-na-vơ và ở Mỹ. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 bà trở về Nga và được đưa vào Ban chấp hành Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, đã hoạt động trong hàng ngũ lính thủy của Hạm đội Ban-tích và trong binh lính của các đơn vị bảo vệ Pê-tơ-rô-grát. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, bà là bộ trưởng Bộ dân uỷ cứu tế nhà nước; năm 1920, bà phụ trách Ban phụ vận của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga. Trong thời gian có cuộc thảo luận về công đoàn (những năm 1920 - 1921) bà tham gia tích cực nhóm "đối lập công nhân", một nhóm chống đảng. Năm 1921 - 1922 Côn-lôn-tai làm thư ký Ban thư ký phụ nữ quốc tế thuộc Quốc tế cộng sản. Từ năm 1923, bà đảm nhiệm công tác ngoại giao trọng yếu. – 43, 361.

*Côn-tsắc, A. V.* (1873 - 1920) – đô đốc hạm đội Nga hoàng, theo phái quân chủ, trong những năm 1918 - 1919 là một trong những người lãnh đạo chính của bọn phản cách mạng Nga, tay sai của khối Đồng minh. Năm 1917 - tư lệnh Hạm đội Hắc-hải. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, được sự giúp đỡ của bọn đế quốc Mỹ và của khối Đồng minh, Côn-tsắc tự xưng là người cầm quyền tối cao của nước Nga và cầm đầu chế độ chuyên chính quân sự của tư sản - địa chủ ở U-ran, ở Xi-bi-ri và ở Viễn Đông. Những trận tấn công của Hồng quân và sự lớn mạnh của phong trào du kích cách mạng đã đẩy bọn Côn-tsắc tới chỗ diệt vong; Côn-tsắc bị bắt làm tù binh và ngày 7 tháng Hai 1920 bị xử bắn theo quyết định của Uỷ ban cách mạng Léc-cút-xơ. – 393.

*Cri-tsep-xki, B. N.* (1866 - 1919) – một người dân chủ - xã hội, một trong những thủ lĩnh của "chủ nghĩa kinh tế", đầu những năm 90 lưu vong ra nước ngoài. Cuối những năm 90, ông trở thành một trong những người lãnh đạo của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài", năm 1899, là biên tập viên của

tạp chí "Sự nghiệp công nhân", cơ quan ngôn luận của "Hội liên hiệp"; trong tạp chí đó ông đã tuyên truyền các quan điểm của chủ nghĩa Béc-stanh. Ít lâu sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông rời bỏ phong trào dân chủ - xã hội. – 71, 162.

*Crô-pốt-kin, P. A.* (1842- 1921) – một trong những nhân vật chủ chốt và nhà lý luận của chủ nghĩa vô chính phủ. Năm 1872 ở nước ngoài gia nhập nhóm Ba-cu-nin. Khi về nước Nga ông ta tham gia phong trào dân túy với tư cách một phần tử vô chính phủ chủ nghĩa, vì thế năm 1874 đã bị bắt và bị giam ở pháo đài Pê-tơ-rô-páp-lốp-xcai-a. Năm 1876 Crô-pốt-kin vượt ngục ra nước ngoài, tại đó ông ta đã đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa Mác. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Crô-pốt-kin là một phần tử sô-vanh. Năm 1917 về nước và vẫn giữ lập trường tư sản, song đến năm 1920 ông ta gửi thư cho công nhân châu Âu, trong đó công nhận ý nghĩa lịch sử của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và kêu gọi công nhân ngăn chặn cuộc can thiệp vũ trang chống nước Nga xô-viết. Crô-pốt-kin là tác giả nhiều tác phẩm khoa học về địa lý và địa chất. – 24, 25, 304.

*Cu-nốp (Cunow), Hen-ri-ích* (1862 - 1936) – một người dân chủ - xã hội cánh hữu Đức, nhà sử học, nhà xã hội học và dân tộc học, giáo sư. Từ 1917 đến 1923 làm chủ bút tờ "Die Neue Zeit", ("Thời mới"), cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Lúc đầu đi theo chủ nghĩa Mác, về sau trở thành một tên xét lại và một kẻ xuyên tạc chủ nghĩa Mác. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Cu-nốp là nhà lý luận của chủ nghĩa đế quốc - xã hội. – 27, 70, 82, 335, 495.

*Cu-tsin, G. D.* – xem Ô-ran-xki, C.

## D

*Di-nô-vi-ép (Ra-đô-mưn-xki), G. E.* (1883 - 1936) – đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga từ năm 1901. Từ năm 1908 đến tháng Tư 1917, ông cư trú ở nước ngoài, tham gia ban biên tập tờ báo "Người dân chủ - xã hội" - Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng và ban biên tập tờ báo bôn-sê-vích "Người vô sản". Trong những năm thế lực phản động thống trị, có thái độ điều hoà với phái thủ tiêu, phái triệu hồi và phái Tư-rốt-xki. Trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Di-nô-vi-ép tỏ ra dao động, tháng Mười 1917 đã cùng với Ca-mê-nép công bố trên tờ báo nửa men-sê-vích "Đời sống mới" lời tuyên bố

không tán thành nghị quyết của Ban chấp hành trung ương về khởi nghĩa vũ trang, do đó tiết lộ cho Chính phủ lâm thời tư sản biết các kế hoạch của đảng. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là chủ tịch Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, là uỷ viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương, chủ tịch Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Đã nhiều lần chống lại đường lối lê-nin-nít của đảng: tháng Mười một 1917, ủng hộ chủ trương thành lập một chính phủ liên hiệp có sự tham gia của bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng; năm 1925, là một trong những người tổ chức ra "phái đối lập mới" ; năm 1926, là một trong những thủ lĩnh của khối chống đảng Tô-rốt-xki - Di-nô-vi-ép. Tháng Mười một 1927, bị khai trừ ra khỏi đảng vì hoạt động bè phái. Năm 1928, được phục hồi đảng tịch; đến năm 1932 lại bị khai trừ khỏi đảng; đến năm 1933 lại được phục hồi đảng tịch. Năm 1934, do hoạt động chống đảng nên bị khai trừ khỏi đảng lần thứ ba. – 38.

*Doóc-ghê* (Sorge), *Phri-đrich A-đôn-phơ* (1828 - 1906) – một người xã hội chủ nghĩa Đức, một nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa quốc tế, là bạn thân và bạn chiến đấu của C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức. Sau khi cách mạng thất bại, đã sang cư trú ở Thụy-sĩ, rồi sang Mỹ. Là người tổ chức ra những phân ban của Quốc tế I ở Mỹ, là bí thư Hội đồng trung ương của Quốc tế I (1872 - 1874). Tham gia tích cực vào việc thành lập Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Mỹ và Liên đoàn công nhân quốc tế. Doóc-ghê là người đã chuẩn bị để cho xuất bản tập thư từ trao đổi với C. Mác, Ph.Ăng-ghen và các nhân vật khác. Lê-nin đánh giá cao hoạt động của Doóc-ghê, coi Doóc-ghê là bậc lão thành của Quốc tế I. – 94, 160.

*Duy-đơ-cum* (Südekum), *An-béc* (1871 - 1944) – một trong những thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội Đức, một phần tử xét lại. Từ năm 1900 đến năm 1918 là đại biểu Quốc hội Đức. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - sô-vanh cuồng nhiệt. Đã tuyên truyền những quan điểm đế quốc chủ nghĩa về vấn đề thuộc địa, chống lại phong trào cách mạng của giai cấp công nhân. Trong những năm 1918 - 1920 là bộ trưởng tài chính của Phổ. Trong nhiều tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã chống lại Duy-đơ-cum một cách quyết liệt, Người đã gọi y và những kẻ ủng hộ y là đám "tôi tớ đê tiện của hoàng đế Đức và của giai cấp tư sản". Cái từ "Duy-đơ-cum" trở thành một từ có ý nghĩa chung, chỉ loại người cơ hội chủ nghĩa cực đoan và

xã hội - sô-vanh. – 139, 140, 143, 144, 162, 314, 319, 343, 344, 347, 348, 349, 381, 477, 584.

## Đ

*Đa-vít* (David), *Ê-đư-a* (1863 - 1930) – một trong những thủ lĩnh cánh hữu của Đảng dân chủ - xã hội Đức, một người theo chủ nghĩa xét lại, về nghề nghiệp là nhà kinh tế học. Ông là một trong những người sáng lập ra tạp chí của phái cơ hội chủ nghĩa Đức "Sozialistische Monatshefte" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa"). Năm 1903 Đa-vít đã xuất bản cuốn "Chủ nghĩa xã hội và nền kinh tế nông nghiệp" mà V. I. Lê-nin gọi là "tác phẩm chính của chủ nghĩa xét lại về vấn đề ruộng đất". Từ năm 1903 là đại biểu Quốc hội Đức. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - sô-vanh. Trong cuốn "Phong trào dân chủ - xã hội trong chiến tranh thế giới" (1915), Đa-vít lên tiếng bênh vực lập trường cơ hội chủ nghĩa của cánh hữu Đảng dân chủ - xã hội Đức trong cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Năm 1919 Đa-vít tham gia chính phủ liên hiệp đầu tiên của nước Cộng hoà Đức, trong các năm 1919 - 1920 là bộ trưởng Bộ nội vụ, trong những năm 1922 - 1927 là đại diện của chính phủ ở Ghét-xen; Đa-vít ủng hộ tham vọng phục thù của chủ nghĩa đế quốc Đức, có thái độ thù địch đối với Liên-xô. – 139, 146 - 148, 156, 161, 162, 163, 164 - 165, 237, 314, 477.

*Đa-vư-đốp*, *L. Ph.* – giám đốc văn phòng tín dụng ở Xanh Pê-téc-bua, nhà kinh doanh ngân hàng. – 452.

*Đép-xơ* (Debs), *Ép-ghê-ni Vích-to* (1855 - 1926) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Mỹ. Năm 1893, Đép-xơ tổ chức ra Liên đoàn công nhân đường sắt Mỹ, ông là chủ tịch liên đoàn này tới năm 1897. Đép-xơ là một trong những người tổ chức ra Đảng dân chủ - xã hội, hạt nhân cơ bản của Đảng xã hội chủ nghĩa hình thành trong những năm 1900 - 1901. Năm 1905, ông tham gia vào việc lập ra tổ chức công đoàn Công nhân công nghiệp thế giới. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa, kịch liệt lên án sự phản bội của bọn xã hội - sô-vanh, chống lại việc nước Mỹ tham chiến. Đép-xơ đã hoan nghênh thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Năm 1918 vì tuyên truyền chống đế quốc, đã bị kết án 10 năm tù, nhưng đến năm 1921 đã được ân xá. – 298, 302, 375, 378, 569, 574, 590.

*Đê-ni-kin, A. I.* (1872 - 1947) – tướng của Nga hoàng; trong thời gian nội chiến, là một trong những tên cầm đầu phong trào bạch vệ. Sau khi tướng Coóc-ni-lốp chết, y giữ chức tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang chống xô-viết ở miền Nam nước Nga. Sau khi quân đội của y bị quân đội xô-viết đánh tan (tháng Ba 1920), y đã lưu vong ra nước ngoài. – 393.

*Đê-sa-nen* (Deschanel), *Pôn* (1855 - 1922) – nhà hoạt động nhà nước Pháp, nhà chính luận. Từ năm 1889 đến năm 1919 là nghị sĩ, nhiều lần làm chủ tịch nghị viện. – 461.

*Đi-xra-ê-li* (Disraeli), *Ben-gia-min, bá tước Bê-côn-xơ-phim* (1804 - 1881) – nhà hoạt động nhà nước phản động Anh, lãnh tụ đảng bảo thủ, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa đã ra đời. Nhiều lần tham gia chính phủ và giữ chức thủ tướng. Cũng là một nhà văn nổi tiếng, tác giả của những cuốn tiểu thuyết "Vi-vi-an Grây", "Xi-bin-la", v. v.. – 476.

*Đrây-phuyt* (Dreyfus), *An-phrết* (1859 - 1935) – một sĩ quan của Bộ tổng tham mưu Pháp, người Do-thái; năm 1894 đã bị kết án khổ sai chung thân một cách oan ức, vì bị người ta cố tình buộc tội oan là phản quốc. Nhờ có phong trào bảo vệ Đrây-phuyt của giai cấp công nhân và của giới trí thức có tinh thần tiến bộ, năm 1899 ông được ân xá và đến năm 1906 thì được phục hồi chức vụ. – 326.

*Đri-ô* (Driault), *Gi.* – *E-đu-a* - nhà sử học tư sản, người Pháp. – 487 - 488.

## E Ê

*E-svê-ghê* (Eschwege), *Lút-vích* – nhà kinh tế học tiểu tư sản Đức. Cộng tác viên của tạp chí kinh tế Đức "Die Bank" ("Ngân hàng"), trong tạp chí này ông đã cho đăng những bài của mình viết về các vấn đề tư bản tài chính. – 449, 452, 519.

*Ê-đu-a VII* (1841 - 1910) – vua nước Anh (1901 - 1910). – 452.

## G

*Ga-ri-ban-đi* (Garibaldi), *Gi-u-xép-pơ* (1807 - 1882) – anh hùng dân tộc nước Ý, một trong những lãnh tụ lớn nhất của phái dân chủ cách mạng Ý, một vị tướng lỗi lạc. Trong những năm 1848 - 1867 Ga-ri-ban-đi đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Ý chống ách

nô dịch của nước ngoài nhằm thống nhất nước Ý. Năm 1870 cùng với các con trai của mình, Ga-ri-ban-đi đã chiến đấu ở Pháp chống quân Phổ xâm chiếm nước Pháp. Ga-ri-ban-đi hoan nghênh Công xã Pa-ri năm 1871, ông được bầu vắng mặt vào Ban chấp hành trung ương của Cận vệ quốc gia. C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n và V. I. Lê-nin đã đánh giá cao Ga-ri-ban-đi, coi ông như một chiến sĩ lỗi lạc đấu tranh cho tự do. – 17, 331.

*Gam-bét-ta* (Gambetta), *Lê-ông Mi-sen* (1838 - 1882) – nhà hoạt động chính trị Pháp, là luật sư. Tháng Chín 1870, sau khi Na-pô-lê-ông III bị hạ bệ, Gam-bét-ta tham gia "chính phủ phòng thủ quốc gia" với tư cách bộ trưởng Bộ nội vụ. Trong mười năm đầu của nền Cộng hòa thứ ba, ông là thủ lĩnh của phái cộng hòa tư sản. Sau khi phái cộng hòa tư sản lên cầm quyền (1879) Gam-bét-ta từ bỏ hoàn toàn cương lĩnh cải cách xã hội và dân chủ trước đây của mình, kêu gọi đẩy mạnh hơn nữa việc xâm chiếm các thuộc địa. Trong những năm 1879 - 1881 Gam-bét-ta làm chủ tịch hạ nghị viện, và trong những năm 1881 - 1882 làm thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ ngoại giao. – 116.

*Ghe-đơ* (Guesde), *Giuy-lơ (Ba-di-lơ, Ma-ti-ơ)*, (1845 - 1922) – một trong những nhà tổ chức và lãnh đạo của phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp và của Quốc tế II. Từ đầu cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Ghe-đơ đã đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh và tham gia chính phủ tư sản Pháp. – 25, 49, 50, 59, 132, 153, 154, 584.

*Ghen-phan-đơ, A. L.* – xem Pác-vu-xơ.

*Ghéc-sơ, P. M.* – xem Líp-man, Ph.

*Ghim-me, N. N.* – xem Xu-kha-nốp, N.

*Giô-lit-ti* (Giolitti), *Giô-van-ni* (1842 - 1928) – nhà hoạt động nhà nước Ý, thủ lĩnh đảng tự do. Từ năm 1882 là nghị sĩ, trong những năm 1892 - 1921 nhiều lần làm thủ tướng. Đại biểu cho quyền lợi của bọn đại tư bản Ý, y đã đặt cơ sở cho khối liên minh giữa giai cấp tư sản Ý và bọn tầng lớp; y muốn dùng những cải cách nhỏ và sự cộng tác với bọn thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của đảng xã hội chủ nghĩa để ngăn cho phong trào công nhân khỏi bước vào những hành động cách mạng. – 21.

*Giô-ô* (Jouhaux), *Lê-ông* (1879 - 1954) – một phần tử cải lương chủ nghĩa thuộc phong trào công đoàn Pháp và quốc tế; là một trong

những thủ lĩnh hữu khuynh của Quốc tế công đoàn Am-xtéc-đam. V. I. Lê-nin gọi Giu-ô là "một trong những tên xã hội - phản bội đê hèn nhất" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 40, tr. 148). - 58, 303.

*Goóc-tơ* (Górter), *Héc-man* (1864 - 1927) - một người dân chủ - xã hội thuộc cánh tả ở Hà-lan, một nhà thơ và nhà chính luận. Năm 1897 đã gia nhập phái dân chủ - xã hội. Năm 1907 Goóc-tơ là một trong những người sáng lập ra báo "De Tribune". ("Diễn đàn") - cơ quan ngôn luận của cánh tả Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, ông là một người quốc tế chủ nghĩa ủng hộ phái tả Xim-méc-van. Trong những năm 1918 - 1921, ông là đảng viên Đảng cộng sản Hà-lan và tham gia hoạt động Quốc tế cộng sản; giữ lập trường cực tả, biệt phái. Năm 1921 Goóc-tơ rút ra khỏi Đảng cộng sản và sau đó thôi không tích cực hoạt động chính trị. - 140, 334, 350.

*Gô-lây* (Golay), *Pôn* - một người dân chủ - xã hội Thụy-sĩ, thành viên của tổ chức dân chủ - xã hội miền Tây (nói tiếng Pháp) Thụy-sĩ, nhà chính luận. Là tổng biên tập tờ báo xã hội chủ nghĩa "Le Grutléen" ("Hội viên Gruýt-li") ở Lô-da-nơ. Trong thời gian đầu cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, đã chống lại chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xã hội - số-vanh trong Quốc tế II. Tuy nhiên, ngay từ bấy giờ đã tỏ thái độ điều hoà đối với bọn cơ hội. Gô-lây không tham gia Hội nghị Xim-méc-van như V. I. Lê-nin đã khuyên Gô-lây nên đến dự, và chẳng bao lâu sau đã chuyển sang lập trường phái giữa hoà bình chủ nghĩa. - 5 - 15.

*Gôm-póc-xơ* (Gompers), *Xa-mu-en* (1850 - 1924) - nhà hoạt động trong phong trào công đoàn Mỹ. Là một trong những người sáng lập ra Liên đoàn lao động Mỹ, từ năm 1895 là chủ tịch vĩnh viễn của Liên đoàn đó. Đã thi hành đường lối hợp tác giai cấp với bọn tư bản, chống lại cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - số-vanh. Có thái độ thù địch đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và Nhà nước xô-viết. - 92, 391.

*Gôn-đen-đác*, *D. B.* - xem Ri-a-da-nốp, D. B.

*Gra-vơ* (Grave), *Giăng* (1854 - 1939) - một người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa vô chính phủ. Là biên tập viên những cơ quan ngôn luận của chủ nghĩa vô

chính phủ "Le Révolte" (Người nổi loạn") và "La Révolte" ("Cuộc nổi loạn"); tác giả nhiều tác phẩm có tính chất cương lĩnh về chủ nghĩa vô chính phủ. Đầu thế kỷ XX đứng trên lập trường chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - số-vanh, cộng tác viên của tờ báo "La Bataille Syndicaliste" ("Cuộc đấu tranh công đoàn"). - 304.

*Grây-lích* (Greulich), *Héc-man* (1842 - 1925) - một trong những người sáng lập Đảng dân chủ - xã hội - Thụy-sĩ, thủ lĩnh cánh hữu của đảng này, một nhà chính luận. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - số-vanh. - 134, 156.

*Grim* (Grimm), *Rô-béc* (1881 - 1958) - một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ. Trong những năm 1909 - 1918 là tổng biên tập báo "Bernier Tagwacht" ("Người lính canh thành Béc-nơ") và là bí thư của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử phái giữa, chủ tịch các Hội nghị Xim-méc-van và Ki-en-tan, chủ tịch Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế. - 60, 361.

*Grun-van* (Grunwald), *M.* - một người dân chủ - xã hội Áo, một phần tử cơ hội chủ nghĩa, - 105, 379 - 380.

*Gu-tso-cốp*, *A. I.* (1862 - 1936) - nhà đại tư bản, người tổ chức và thủ lĩnh Đảng tháng Mười của giai cấp tư sản. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là chủ tịch Ủy ban công nghiệp chiến tranh trung ương và uỷ viên Hội nghị quốc phòng đặc biệt. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, Gu-tso-cốp là bộ trưởng Bộ chiến tranh và hàng hải trong cơ cấu đầu tiên của chính phủ lâm thời tư sản. Tháng Tám 1917 tham gia vào việc tổ chức vụ phiến loạn của Coóc-ni-lốp. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Gu-tso-cốp đã đấu tranh quyết liệt chống Chính quyền xô-viết, là tên bạch vệ lưu vong. - 69.

*Gvin-nơ* (Gwinner), *Ác-tuya* (1856 - 1931) - nhà tài chính Đức kéch xù. Từ năm 1894 đến năm 1919 là giám đốc "Ngân hàng Đức", về sau làm phó chủ tịch Hội đồng quan sát của liên hiệp ngân hàng "Ngân hàng Đức" và "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ". - 467.

*Gvô-dơ-đép*, *C. A.* (sinh năm 1883) - một phần tử men-sê-vích - thủ tiêu. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một tên xã hội - số-vanh, là chủ tịch nhóm công nhân trong

Ủy ban công nghiệp chiến tranh trung ương. Chủ trì phiên họp đầu tiên của các đại biểu cử tri bầu vào các uỷ ban công nghiệp chiến tranh; sau khi phái vệ quốc thất bại trong phiên họp này, Gvô-dơ-đép cùng với A. I. Gu-tso-cốp chuẩn bị cuộc bầu cử lần thứ hai. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, Gvô-dơ-đép là uỷ viên Ban chấp hành Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, là thứ trưởng, sau đó là bộ trưởng Bộ lao động trong Chính phủ lâm thời tư sản. – 109, 350, 356, 568.

## H

*Ha-dơ* (Haase), *Hu-gô* (1863 - 1919) – một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Đức, một phần tử thuộc phái giữa. Từ năm 1912, Ha-dơ là chủ tịch đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Quốc hội Đức. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, theo lập trường phái giữa. Năm 1917, cùng với Cau-xky đã thành lập "Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức". Lê-nin gọi Ha-dơ và những thủ lĩnh khác của đảng này là "bọn tôi tớ, bọn thuyết lý suông, bọn hèn nhát, bọn tòng phạm nhu nhược của giai cấp tư sản và bọn cải lương chủ nghĩa" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 39, tr. 186). Trong thời gian Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức, Ha-dơ đã tham gia cái gọi là Hội đồng dân biểu toàn quyền, một tổ chức thi hành chính sách đàn áp phong trào cách mạng. – 140, 575, 582, 584.

*Ha-vê-mai-ơ* (Havemeyer), *Giôn C.* (1833 - 1922) – nhà công nghiệp Mỹ, chủ một tơ-rốt đường rất lớn, người có cổ phần trong các công ty đường sắt và nhiều công ty khác. – 445.

*Hai-man* (Heymann), *Han-xơ Hi-đê-ôn* – nhà kinh tế học tư sản Đức. – 399, 439.

*Hai-ních* (Heinig), *Cuốc-tơ* (1886 - 1956) – một người dân chủ - xã hội Đức, nhà kinh tế học và nhà chính luận. – 464.

*Hai-nơ* (Heine), *Vôn-phơ-gang* (1861 - 1944) – một nhà hoạt động chính trị Đức, một người dân chủ - xã hội phái hữu, về nghề nghiệp là luật sư. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức, Hai-nơ trở thành bộ trưởng Bộ tư pháp, và trong những năm 1919 - 1920 là bộ trưởng Bộ nội vụ trong chính phủ Phổ. Từ năm 1920 thôi hoạt động chính trị. – 127, 140, 144.

*Hen-đéc-xơn* (Henderson), *Ác-tuya* (1863 - 1935) – một trong những thủ lĩnh của Công đảng Anh và của phong trào công đoàn Anh. Những năm 1908 - 1910 và 1914 - 1917 là chủ tịch đoàn nghị sĩ thuộc Công đảng. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - sô-vanh, tham gia chính phủ liên hợp của A-xquít, rồi sau đó tham gia nội các chiến tranh của Lô-ít Gioóc-giơ. Trong những năm về sau, Hen-đéc-xơn nhiều lần tham gia các chính phủ tư sản Anh. – 140.

*Hen-đman* (Hyndman), *Hen-ri May-ơ* (1842 - 1921) – một người xã hội chủ nghĩa và một phần tử cải lương Anh. Năm 1881 thành lập Liên đoàn dân chủ; đến năm 1884 liên đoàn này được cải tổ thành Liên đoàn dân chủ - xã hội. Hen-đman là một trong những người lãnh đạo Đảng xã hội chủ nghĩa Anh và đến năm 1916 ra khỏi đảng này sau khi Hội nghị đại biểu của đảng ở Xôn-phoóc lên án lập trường xã hội - sô-vanh của hắn. – 49, 82, 140, 143, 156, 163, 303, 389, 569, 573, 584.

*Hê-ni-sơ* (Haenisch), *Côn-rát* (1876 - 1925) – một người dân chủ - xã hội Đức, nhà chính luận. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới ông là một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh Đức; từ tháng Mười 1915 là biên tập viên của tạp chí "Die Glocke" ("Cái chuông"), cơ quan ngôn luận của phái xã hội - sô-vanh. Trong những năm 1918 - 1921 là bộ trưởng Bộ tôn giáo và giáo dục Phổ. – 105, 379 - 380.

*Hin-đen-buốc* (Hindenburg), *Pôn* (1847 - 1934) – một nhân vật hoạt động nhà nước và quân sự Đức, thống soái, đại biểu cho các phần tử phản động và sô-vanh của chủ nghĩa đế quốc Đức. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Hin-đen-buốc là tư lệnh quân Đức tại mặt trận phía Đông, sau đó làm tổng tham mưu trưởng. Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là một trong những kẻ tích cực tổ chức cuộc can thiệp vũ trang chống lại nước Nga-xô-viết. Y đã tham gia đàn áp cuộc Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức. Trong những năm 1925 - 1934 Hin-đen-buốc là tổng thống của nền Cộng hoà Vây-ma. Năm 1933 y trao cho Hít-le thành lập chính phủ và như vậy chuyển giao chính thức toàn bộ chính quyền vào tay bọn phát xít. – 105, 318, 342, 349.

*Hin-đê-brăng* (Hildebrand), *Ghéc-hác* – nhà kinh tế học, nhà chính luận Đức, đã từng là đảng viên Đảng dân chủ - xã hội Đức; năm 1912 bị khai trừ ra khỏi đảng vì theo chủ nghĩa cơ hội. – 510.

*Hin-lo* (Hill), *Đa-vít Giên-nơ* (1850 - 1932) – nhà sử học và nhà ngoại giao Mỹ, tác giả của công trình nghiên cứu gồm 3 tập "A History of Diplomacy in the International Development of Europe" ("Lịch sử ngoại giao trong sự phát triển quốc tế của châu Âu"). – 530.

*Hin-phéc-đinh* (Hilferding), *Ru-đôn-phơ* (1877 - 1941) – một trong những thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội Đức và của Quốc tế II; là nhà lý luận của cái gọi là "chủ nghĩa Mác của Áo". Từ năm 1907 đến năm 1915 Hin-phéc-đinh là biên tập viên báo "Vorwärts" ("Tiến lên") - cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Năm 1910, Hin-phéc-đinh cho xuất bản tác phẩm "Tư bản tài chính", tác phẩm đó đã đóng một vai trò tích cực nhất định trong việc nghiên cứu chủ nghĩa tư bản độc quyền, đồng thời cuốn sách đó cũng mắc phải những sai lầm nghiêm trọng về lý luận và chứa đựng những luận điểm cơ hội chủ nghĩa. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là người theo phái giữa, bên vực sự thống nhất với phái xã hội - đế quốc chủ nghĩa. Sau chiến tranh, Hin-phéc-đinh là tác giả của thuyết "chủ nghĩa tư bản có tổ chức", là kẻ ca tụng chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước. Từ năm 1917, Hin-phéc-đinh là thủ lĩnh "Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức", là kẻ thù công khai của Chính quyền xô-viết và chuyên chính vô sản. Đã nhiều lần tham gia chính phủ tư sản của Cộng hoà Vây-ma. Sau khi chủ nghĩa phát-xít nắm chính quyền, Hin-phéc-đinh sống lưu vong ở Pháp. – 320, 392, 395, 399, 437, 445, 448, 484, 502 - 503, 520, 532.

*Hin-quýt* (Hillquit), *Mô-rít* (1869 - 1933) – một người xã hội chủ nghĩa Mỹ, lúc đầu theo chủ nghĩa Mác, về sau rơi vào chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cơ hội; về nghề nghiệp là luật sư. Là một trong những người sáng lập ra Đảng xã hội chủ nghĩa Mỹ (1901), một đảng cải lương; từ năm 1904 là uỷ viên Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, đã tham gia các đại hội của Quốc tế II. Là tác giả của nhiều cuốn sách cải lương chủ nghĩa nói về lịch sử chủ nghĩa xã hội. – 568, 574, 575.

*Hốp-xơn* (Hobson), *Giôn Át-kin-xơn* (1858 - 1940) – nhà kinh tế học Anh, đại biểu điển hình của chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa hoà bình tư sản, là tác giả của một số quyển sách, trong đó những quyển nổi tiếng nhất là: "Những vấn đề nghèo khổ" (1891), "Sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại" (1894), "Chủ nghĩa đế quốc" (1902). Cuối đời, Hốp-xơn chuyển sang công khai ca tụng chủ nghĩa

đế quốc và tuyên truyền "học thuyết nhà nước thế giới" – 385, 392, 395, 475, 493, 503, 504, 506, 508, 509, 512, 516, 518, 527.

*Hơ-glun* (Höglund), *Các-lơ Txét Côn-xtan-tin* (1884 - 1956) – một người dân chủ - xã hội Thụy điển, thủ lĩnh cánh tả của phong trào dân chủ - xã hội, cũng như của phong trào thanh niên xã hội chủ nghĩa ở Thụy điển. Trong những năm 1908 - 1918 là tổng biên tập báo "Stormklockan" ("Tiếng chuông báo động"). Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một người quốc tế chủ nghĩa, tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa Xim-méc-van đã đứng về phía tả Xim-méc-van. Năm 1916 vì tuyên truyền chống chiến tranh nên đã bị truy tố. Trong những năm 1917 - 1924 là một trong những người lãnh đạo Đảng cộng sản Thụy điển. Năm 1924 bị khai trừ ra khỏi Đảng cộng sản vì mắc phải chủ nghĩa cơ hội và vì công khai chống lại những nghị quyết của Đại hội V Quốc tế cộng sản. Năm 1926 đã trở về với Đảng dân chủ - xã hội. – 572.

*Huy-xman* (Huysmans), *Ca-min* (1871-1968) – một trong những nhà hoạt động lão thành của phong trào công nhân Bỉ, giáo sư ngữ văn, một nhà báo. Trong những năm 1904-1919 là bí thư Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa của Quốc tế II, đã giữ lập trường phái giữa. Đã nhiều lần tham gia chính phủ Bỉ, trong những năm 1946-1947 là thủ tướng chính phủ này. Từ 1910 là nghị sĩ; trong các năm 1936-1939, 1954-1959 là chủ tịch nghị viện. Trong những năm cuối đời, đã tán thành việc thiết lập quan hệ giữa các đảng xã hội chủ nghĩa với Đảng cộng sản Liên-xô, khôi phục sự thống nhất của phong trào công nhân quốc tế. – 303, 345, 367, 369, 537, 566, 575, 580.

*Huýp-nơ* (Hübner), *Ốt-tô* – người biên soạn và xuất bản niên giám địa lý thống kê "Geographisch-statistische Tabellen aller Länder der Erde", – 478.

## I

*I-ây-đen-xơ* (Jeidels), *Ốt-tô* – nhà kinh tế học Đức, – 413, 414 - 415, 429, 430, 433, 435, 436, 463, 466.

*I-lin*, V. – xem Lênin, V.I.

*I-ô-ghi-khe-xơ*, *Lê-ô* – xem Tư-sca, I-an.

*I-ô-nốp* (*Côi-ghen*, Ph. M.) (1870 - 1923) – một người dân chủ - xã hội, một trong những thủ lĩnh của phái Bun. Trong thời gian chiến

tranh để quốc chủ nghĩa thế giới đã tham gia cánh quốc tế chủ nghĩa của phái Bun. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, gia nhập Đảng cộng sản (b) Nga, làm việc ở tỉnh uỷ Vốt-xcơ, – 113-114.

*I-ua-kê-vích, L.* (1885-1918) – một người dân tộc chủ nghĩa tư sản U-cra-i-na, một phần tử cơ hội chủ nghĩa. Là uỷ viên Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội U-cra-i-na. Trong những năm 1913-1914, tích cực tham gia tạp chí dân tộc chủ nghĩa tư sản "Cái chuông". Trong những năm chiến tranh để quốc chủ nghĩa thế giới, I-ua-kê-vích cho xuất bản ở Lô-da-nơ tờ báo ra hàng tháng "Bô-rốt-ba" ("Đấu tranh"); trong tờ báo này, dưới chiêu bài của chủ nghĩa Mác, I-ua-kê-vích đã lên tiếng đòi tách công nhân U-cra-i-na ra, lập thành đảng dân chủ - xã hội riêng, cũng như đã tiến hành đấu tranh chống lại quyền dân tộc tự quyết. Lê-nin đã phê phán kịch liệt I-ua-kê-vích và gọi y là phần tử tiểu tư sản dân tộc chủ nghĩa, đại biểu cho "chủ nghĩa dân tộc tối mật, thiên cận và phản động nhất" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.24, tr. 162). – 335, 561.

## K

*Kê-ren-xki, A. Ph.* (1881-1970) – một phần tử xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đại biểu Đu-ma nhà nước IV, có một thời gian ngả theo nhóm lao động và là chủ tịch nhóm này. Trong những năm chiến tranh để quốc chủ nghĩa thế giới, là một tên vệ quốc cuồng nhiệt. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 y là bộ trưởng, sau đó là thủ tướng Chính phủ lâm thời và tổng tư lệnh quân đội. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười y ráo riết đấu tranh chống Chính quyền xô-viết, năm 1918 chạy ra nước ngoài. Trong thời kỳ lưu vong, y đã tuyên truyền chống Liên-xô. – 115.

*Kê-xtơ-nơ* (Kestner), *Phri-xtơ* - nhà kinh tế học Đức. – 409 - 411.

*Khru-xta-lép- Nô-xác, G. X.* (1877-1918) – trợ lý luật sư, một phần tử men-sê-vích. Năm 1905, là chủ tịch Xô-viết đại biểu công nhân Pê-téc-bua, xô-viết này nằm trong tay bọn men-sê-vích. Năm 1906, bị đưa ra toà án về vụ án Xô-viết đại biểu công nhân Pê-téc-bua; bị đày đi Xi-bi-ri, nhưng ở đó đã trốn ra nước ngoài, tham dự Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đã ủng hộ chủ trương cơ hội chủ nghĩa về triệu tập "đại hội công nhân". Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, là người theo phái thủ tiêu, cộng

tác với báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" của phái men-sê-vích. Năm 1909, ra khỏi đảng, chuyên hoạt động tài chính mờ ám. Trong những năm chiến tranh để quốc chủ nghĩa thế giới, trở về Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ráo riết tiến hành hoạt động phản cách mạng ở U-cra-i-na, ủng hộ ghét-man, Xcô-rô-pát-xki và Pết-li-u-ra. Năm 1918, bị xử bắn. – 33.

*Khvô-xtốp, A. N.* (1872 - 1918) – đại địa chủ. Khvô-xtốp nổi tiếng khắp nơi về những hành động Trăm đen. Là đại biểu của Đu-ma nhà nước IV, tại Đu-ma là một trong những thủ lĩnh của đảng đoàn phái hữu. Trong những năm 1915 - 1916, là bộ trưởng Bộ nội vụ và người cầm đầu đội hiến binh. – 99, 103, 105, 112, 317.

*Krúp* (Krupp) – họ những nhà công nghiệp đứng đầu công-xoóc-xi-om quân sự - luyện kim ở Đức, một trong số những kho vũ khí chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc Đức. Công-xoóc-xi-om này đã ra đời trên cơ sở một hãng nhỏ do Phri-đrich Krúp (1787 - 1826) thành lập năm 1811. Những người lãnh đạo công xoóc-xi-om đã ráo riết tham gia chuẩn bị những cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai, nhờ vậy mà họ đã thu được những món lãi khổng lồ. Theo các quyết nghị I-an-ta và Pốt-xđam năm 1945, những nhà máy quân sự của công-xoóc-xi-om phải bị thủ tiêu. Ở Tây Đức những quyết nghị đó không được thực hiện và những nhà máy của họ Krúp vẫn tiếp tục sản xuất vũ khí cho quân đội phục thù Cộng hoà Liên bang Đức. – 430, 525.

## L

*La-bri-ô-la* (Labriola), *Ác-tu-rơ* (sinh năm 1873) – nhà hoạt động chính trị, nhà luật học và là nhà kinh tế học Ý; một trong những thủ lĩnh của phong trào công đoàn ở Ý. Là tác giả của nhiều cuốn sách về lý luận của chủ nghĩa công đoàn, trong những cuốn sách đó ông mưu toan làm cho cái cương lĩnh được gọi là "chủ nghĩa công đoàn cách mạng" của mình thích ứng với chủ nghĩa Mác, bằng cách "sửa đổi" chủ nghĩa Mác. Trong thời kỳ chiến tranh để quốc chủ nghĩa thế giới, đứng trên lập trường chủ nghĩa sô-vanh. Trong những năm 1920 - 1921, làm bộ trưởng Bộ lao động trong chính phủ Giô-lit-ti. Trong những năm 1926 - 1939, sống ở nước ngoài; phản đối chủ nghĩa phát-xít. Trong những năm 1948 - 1953, là thượng nghị sĩ. Năm 1949 sau khi chính phủ Ý ký hiệp ước xâm lược Đại-tây-dương, La-bri-ô-la tham gia phong trào bảo vệ hoà bình. Năm 1950 được bầu vào Hội đồng hoà bình thế giới. – 18, 21.

*La-rin, I-u (Lu-ri-ê, M. A.)* (1882 - 1932) – một người dân chủ - xã hội, một người men-sê-vích. Trong thời kỳ thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, La-rin là một trong những thủ lĩnh của phái thủ tiêu. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, ông gia nhập phái giữa. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, ông cầm đầu nhóm men-sê-vích quốc tế chủ nghĩa, nhóm này đã xuất bản tạp chí "Quốc tế". Tháng Tám 1917, La-rin được kết nạp vào đảng bên-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ông làm việc tại các cơ quan xô-viết và cơ quan kinh tế. – 568.

*Lan-xbuốc (Lansburgh), An-phrết* (sinh năm 1872) – nhà kinh tế học tư sản Đức, người xuất bản tạp chí "Die Bank" (1908 - 1935), đã cho in các tác phẩm của mình về vấn đề tư bản tài chính trên tờ tạp chí đó. – 451, 506, 519, 523, 524, 525.

*Lê-ghin (Legien), Các-lơ* (1861 - 1920) – một người dân chủ - xã hội cánh hữu Đức, một trong những thủ lĩnh của các công đoàn Đức, một phần tử xét lại. Từ năm 1890 là chủ tịch Tổng công đoàn Đức. Từ năm 1903 là thư ký, và từ năm 1913 là chủ tịch Ban thư ký công đoàn thế giới. Từ năm 1893 đến năm 1920 (có những thời gian gián đoạn) là đại biểu của Đảng dân chủ - xã hội Đức trong quốc hội. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - sô-vanh cực đoan. – 92, 138, 140, 143, 144, 156, 158, 161, 163, 165, 314.

*Lê-nin, N.* – xem Lê-nin, V.I.

*Lê-nin, V. I. (U-li-a-nốp, V. I., I-lin, V., Lê-nin, N.)* (1870 - 1924) – tài liệu về tiểu sử. – 38, 46, 52, 67, 116, 117, 163, 184, 203, 300, 315, 360 - 361, 377, 385 - 386, 387, 391, 560, 562, 578.

*Lê-vi-txơ-ki, V. (Txê-đéc-bau-mơ, V. Ô.)* (sinh năm 1883) – một người dân chủ - xã hội, một người men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới là một trong những thủ lĩnh của phái thủ tiêu, làm chủ biên tạp chí "Bình minh của chúng ta", cộng tác với tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", "Phục hưng" và với các báo chí đều kỳ khác của phái men-sê-vích - thủ tiêu. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử xã hội - sô-vanh, ủng hộ nhóm cực hữu trong phái vệ quốc. – 26, 101, 379, 381, 382.

*Lê-vin-xôn, M. I-a.* – xem Cô-xốp-xki, V.

*Lê-vy (Levy), Héc-man* (sinh năm 1881) – nhà kinh tế học tư sản Đức, giáo sư Trường đại học tổng hợp Hây-đen-béc, từ 1921 là giáo sư Trường cao đẳng kỹ thuật ở Béc-lanh. Tác giả của nhiều tác phẩm về các vấn đề tư bản tài chính. – 401.

*Lên-xơ (Lensch), Pôn* (1873 - 1926) – một người dân chủ - xã hội Đức. Trong những năm 1905 - 1913, Lên-xơ làm biên tập viên của tờ "Leipziger Volkszeitung" ("Báo nhân dân Lai-pxích") - cơ quan ngôn luận của cánh tả Đảng dân chủ - xã hội Đức. Từ đầu chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, y chuyển sang lập trường xã hội - sô-vanh. – 105, 333, 379 - 380, 382.

*Liếp-nếch (Liebknecht), Các-lơ* (1871 - 1919) – nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức và quốc tế; con trai của Vin-hem Liếp-nếch, về nghề nghiệp là luật sư.

Ông bắt đầu tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa trong những năm còn là sinh viên, ông đã tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa quân phiệt. Trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907 ở Nga, ông kêu gọi công nhân Đức noi gương nước Nga. Năm 1912 ông được bầu làm đại biểu Quốc hội Đức. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới ông kiên quyết phản đối việc ủng hộ chính phủ "nước của mình" trong cuộc chiến tranh ăn cướp. Ngày 2 tháng Chạp 1914, trong quốc hội, một mình ông đã bỏ phiếu chống ngân sách quân sự. Ông là một trong những người tổ chức và lãnh đạo của "Liên minh Xpác-ta-cút" cách mạng. Năm 1916, ông bị kết án khổ sai. Trong thời gian Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức, đã cùng với R. Lút-xăm-bua đứng đầu đội tiên phong cách mạng của công nhân Đức. Chủ biên tờ báo "Die Rote Fahne" ("Cờ đỏ"). Là một trong những người sáng lập Đảng cộng sản Đức và là một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tháng Giêng 1919 của công nhân Béc-lanh. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Liếp-nếch đã bị bè lũ Nô-xkê giết hại một cách dã man. Đánh giá hoạt động của C. Liếp-nếch, Lê-nin viết rằng "tên tuổi đó là tượng trưng cho lòng trung thành của một lãnh tụ đối với lợi ích của giai cấp vô sản, cho lòng trung thành đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa... Tên tuổi của con người đó là tượng trưng cho cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa đế quốc không phải trên lời nói mà là trong việc làm" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.37, tr. 560 - 561). – 24, 303, 306, 321, 371, 374, 377, 564, 570, 589.



*Lin-côn* (Lincoln), *A-vra-êm* (1809 - 1865) – một nhà hoạt động nhà nước xuất sắc Mỹ, một trong những thủ lĩnh của đảng cộng hoà, tổng thống nước Hợp chủng quốc Mỹ (1861 - 1865); trong thời kỳ nội chiến ở Mỹ, do tác động của quần chúng nhân dân đã thực hiện một số cải cách dân chủ - tư sản quan trọng, đánh dấu sự chuyển hướng sang những phương pháp cách mạng trong việc tiến hành chiến tranh; tháng Tư 1865 ông đã bị tay sai của bọn chủ nô giết chết. – 518.

*Líp-kin*, Ph. A. – xem Tsê-rê-va-nin, N.

*Líp-man*, Ph. (*Ghéc-sơ*, P. M.) (Sinh năm 1882) – một người nổi tiếng thuộc phái Bun, năm 1911 tham gia Ban chấp hành trung ương của phái Bun; ngã về phái thủ tiêu. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, ủng hộ chính sách thôn tính của chế độ Nga hoàng; sống ở Thụy-sĩ, – 82, 335, 561.

*Líp-man* (Liefmann), *Rô-béc* (1874 - 1941) – nhà kinh tế học tư sản Đức, giáo sư. Tác giả của nhiều công trình nghiên cứu về các vấn đề kinh tế và xã hội – 413, 417, 436, 438, 471.

*Lô-ít Gioóc-giơ* (Lloyd George), *Đa-vít* (1863 - 1945) – nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Anh, thủ lĩnh của đảng tự do. Từ năm 1890 là nghị sĩ Quốc hội Anh. Trong những năm 1905 - 1908, là bộ trưởng Bộ thương mại; trong những năm 1908 - 1915, là bộ trưởng Bộ tài chính. Lô-ít Gioóc-giơ là người đóng vai trò quan trọng trong việc xác định đường lối chính trị của chính phủ Anh, nhằm chuẩn bị cho cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới. Bằng cách phỉ bình, lừa gạt và hứa hẹn với công nhân, y đã mưu toan trì hoãn hoặc ngăn ngừa việc thành lập ở Anh một đảng cách mạng của giai cấp công nhân. V. I. Lê-nin đã viết: "Lô-ít-Gioóc-giơ phục vụ một cách tuyệt diệu cho giai cấp tư sản; và phục vụ cho giai cấp tư sản ở chính ngay trong công nhân, hẳn truyền ảnh hưởng của giai cấp tư sản vào chính trong giai cấp vô sản là nơi mà việc chinh phục quần chúng về mặt tinh thần là cần thiết nhất và khó khăn nhất". (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 30, tr. 176). Trong những năm 1916 - 1922, Lô-ít Gioóc-giơ là thủ tướng, y đã ra sức củng cố địa vị của chủ nghĩa đế quốc Anh ở Trung và Cận Đông, ở vùng Ban-căng, đã đàn áp tàn bạo phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và các nước phụ thuộc. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười ở Nga, y là một trong những người cổ vũ và tổ chức cuộc can thiệp vũ trang và

phong toả chống Nhà nước xô-viết. Năm 1922, sau nhiều thất bại về chính trị, y đã xin từ chức, song cho đến cuối đời, y vẫn còn giữ được một ảnh hưởng chính trị nhất định. – 69, 140, 143, 158, 167, 573.

*Lông-ghe* (Longuet), *Giăng* (1876 - 1938) – đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp và thành viên của Quốc tế II, nhà chính luận; là con trai của Sác-lơ Lông-ghe và Giên-ni Mác. Tích cực cộng tác với các báo xã hội chủ nghĩa ở Pháp và các báo xã hội chủ nghĩa quốc tế. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới ông đứng đầu nhóm thiểu số phái giữa hoà bình chủ nghĩa trong Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Lông-ghe là một trong những người sáng lập (1916) và biên tập tờ báo xã hội chủ nghĩa "Le Populaire" ("Báo nhân dân"). Ông đã lên án cuộc can thiệp vũ trang của nước ngoài chống nước Nga xô-viết. Từ 1920, ông là một trong những thủ lĩnh của phái giữa trong Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Trong những năm 30, Lông-ghe ủng hộ sự thống nhất hành động giữa những người xã hội chủ nghĩa và những người cộng sản chống lại chủ nghĩa phát-xít, ông đã tham gia các tổ chức quốc tế đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít và chiến tranh. – 301, 303, 344, 368, 568, 575, 582.

*Lơ-roa Bô-li-ơ* (Leroy-Beaulieu), *Pi-e Pôn* (1843 - 1916) – nhà kinh tế học và nhà xã hội học Pháp thuộc phái tự do, tác giả của nhiều công trình nghiên cứu nhằm chống lại chủ nghĩa xã hội khoa học, – 69.

*Lơ-tay-ơ*, Ô. – Xem Ly-dít.

*Lu-ri-ê*, M. A. – xem La-rin, I-u.

*Lúc-xăm-bua* (Luxemburg), *Rô-da* (1871 - 1919) – một nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân quốc tế, một trong những lãnh tụ của cánh tả trong Quốc tế II. Bà bắt đầu hoạt động cách mạng vào nửa cuối những năm 80, là một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan, đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc trong hàng ngũ phong trào công nhân Ba-lan. Từ năm 1897, bà tích cực tham gia phong trào dân chủ - xã hội Đức, tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa Béc-stanh và chủ nghĩa Mìn-lơ-răng. R. Lúc-xăm-bua là người tham gia cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất (ở Vác-sa-va). Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, bà có thái độ điều hoà đối với phái thủ tiêu.

Ngay từ đầu cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, bà đã giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa. Bà là một trong những người có sáng kiến thành lập ở Đức nhóm "Quốc tế", mà về sau gọi là nhóm "Xpác-ta-cút" rồi "Liên minh Xpác-ta-cút". Sau Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức, bà tham gia lãnh đạo Đại hội thành lập của Đảng cộng sản Đức. Tháng Giêng 1919 bà bị bắt và bị giết theo lệnh của chính phủ Sai-đê-man. Lê-nin đánh giá cao R. Lúc-xăm-bua, nhưng cũng nhiều lần phê phán những sai lầm của bà và bằng cách đó giúp bà giữ lập trường đúng đắn. – 560.

*Ly-dít* (Lysis) [*Lo-tay-ơ* (Letailleur), *Ô-giê-ni*] – một nhà kinh tế học tư sản Pháp, tác giả một số tác phẩm về các vấn đề tài chính và chính trị. – 446.

## M

*Ma-xlốp*, *P. P.* (1867 - 1946) – nhà kinh tế học, một người dân chủ - xã hội, tác giả một số tác phẩm về vấn đề ruộng đất, trong đó Ma-xlốp mưu toan xét lại chủ nghĩa Mác. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, gia nhập phái men-sê-vích; đưa ra cương lĩnh men-sê-vích về địa phương công hữu hoá ruộng đất. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Ma-xlốp là người thuộc phái thủ tiêu, trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - số-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ông từ bỏ hoạt động chính trị, làm công tác sư phạm và khoa học. Từ năm 1929 là viện sĩ. – 100, 477, 515.

*Man-cốp*, *I. N.* (sinh năm 1881) – một người men-sê-vích theo phái thủ tiêu, đại biểu của tỉnh Iéc-cút-xơ trong Đu-ma nhà nước IV, nghề nghiệp là nhân viên văn phòng. Tham gia đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử xã hội - số-vanh; năm 1915 bất chấp nghị quyết của đảng đoàn, trong Đu-ma y đã bỏ phiếu tán thành ngân sách quân sự, vì thế y đã bị khai trừ khỏi đảng đoàn. – 114.

*Mác* (Marx), *Các* (1818 - 1883) – người sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, nhà tư tưởng thiên tài, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản quốc tế (xem bài của V. I. Lê-nin: "Các Mác (Sơ lược tiểu sử, có trình bày chủ nghĩa Mác)", Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 51 - 111). – 56, 59, 81, 86, 88, 94,

96 - 97, 104, 160, 178, 230, 231, 328, 331, 332, 333, 336, 348, 401 - 402, 424, 513, 540 - 541, 552 - 553, 556, 561, 562.

*Mác-cốp*, *N. E.* (sinh năm 1876) – một tên đại địa chủ, một chính khách phản động của nước Nga Nga hoàng, là một trong những kẻ lãnh đạo các tổ chức Trăm đen chuyên đi tàn sát là "Liên minh nhân dân Nga" và "Hội Mi-kha-in Ác-khan-ghen". Mác-cốp là đại biểu của tỉnh Cuộc-xơ trong Đu-ma nhà nước III và IV. Mác-cốp là một trong những lãnh tụ của phái cực hữu tại Đu-ma. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y là một tên bạch vệ lưu vong. – 63, 103, 184.

*Mác - Đô-nan* (MacDonald) *Giêm-xơ Ram-xây* (1866 - 1937) – nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những người sáng lập và thủ lĩnh của Đảng công nhân độc lập và Công đảng. Đã thi hành một đường lối cơ hội chủ nghĩa cực đoan, tuyên truyền thuyết về hợp tác giai cấp và về sự chuyển dần từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ đầu cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới Mác - Đô-nan đứng trên lập trường hoà bình chủ nghĩa, về sau bước sang con đường công khai ủng hộ giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa. Trong những năm 1918 - 1920, y mưu toan cản trở cuộc đấu tranh của công nhân Anh phản đối cuộc can thiệp chống Xô-viết; y đã tiến hành chính sách chia rẽ giai cấp công nhân. Năm 1924 và trong những năm 1929 - 1931 Mác Đô-nan là thủ tướng. Chính phủ Công đảng của Mác Đô-nan đã đàn áp phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa của Anh và thi hành chính sách chống công nhân. Trong những năm 1931 - 1935 Mác - Đô-nan cầm đầu cái gọi là "Chính phủ dân tộc", một chính phủ mà đường lối chính trị là do bọn bảo thủ quyết định. – 391.

*Mác-tốp*, *L.* (*Txê-đéc-bau-mơ*, *I-u, Ô.*) (1873 - 1923) – một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Mác-tốp là người thuộc phái thủ tiêu, là biên tập viên tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", tham gia Hội nghị tháng Tám chống đảng (1912). Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Mác-tốp giữ lập trường phái giữa. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, cầm đầu nhóm men-sê-vích - quốc tế chủ nghĩa. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y chống lại Chính quyền xô-viết. Năm 1920 lưu vong sang Đức; ở Béc-ling, Mác-tốp xuất bản tờ báo "Truyền tin xã hội chủ nghĩa" của phái men-sê-vích phản cách mạng. – 66-

74, 113, 115, 116, 117, 118, 301, 309, 313, 344, 350, 351, 368, 515, 537, 568, 569, 575, 582.

*Mác-tư-nớp*, A. (*Pi-ke*, A. X., A. M.) (1865 - 1935) – một trong những thủ lĩnh của "phái kinh tế", một phần tử men-sê-vích nổi tiếng; về sau là đảng viên của Đảng cộng sản. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, ông là người thuộc phái thủ tiêu, tham gia ban biên tập báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" - cơ quan ngôn luận của phái thủ tiêu. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, ông giữ lập trường phái giữa; sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, ông là một người men-sê-vích quốc tế chủ nghĩa. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ông từ bỏ phái men-sê-vích. Năm 1923, tại Đại hội XII Đảng cộng sản (b) Nga, ông được kết nạp vào đảng và công tác tại Viện C. Mác và Ph. Ăng-ghen; từ năm 1924 là uỷ viên ban biên tập tạp chí "Quốc tế cộng sản". – 71, 113, 114, 162.

*Méc-hem* (Merrheim), *An-phông-xơ* (1881 - 1925) – nhà hoạt động công đoàn Pháp, người theo chủ nghĩa công đoàn; từ năm 1905 là một trong những thủ lĩnh của Liên đoàn công nhân kim khí và của Tổng liên đoàn lao động Pháp. Đầu chiến tranh thế giới thứ nhất, là một trong những người lãnh đạo cánh tả của phong trào công đoàn ở Pháp, phản đối chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và chiến tranh đế quốc chủ nghĩa; tham dự Hội nghị Xim-méc-van, sau đó gia nhập phái hữu Xim-méc-van. Sự ngả nghiêng từ hồi đó của Méc-hem và nỗi sợ phải đoạn tuyệt hoàn toàn với bọn xã hội - sô-vanh đã dẫn ông đến lập trường phái giữa - hoà bình chủ nghĩa vào cuối năm 1916, thế rồi đầu năm 1918 thái độ đó lại dẫn ông đến lập trường xã hội - sô-vanh công khai và cải lương chủ nghĩa. – 44, 58, 300, 302-303, 572.

*Mi-li-u-cốp*, P. N. (1859 - 1943) – lãnh tụ của Đảng dân chủ - lập hiến, là nhà tư tưởng nổi tiếng của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa Nga, nhà sử học và nhà chính luận. Tháng Mười 1905, Mi-li-u-cốp là một trong những kẻ lập ra Đảng dân chủ - lập hiến, sau đó là chủ tịch Ban chấp hành trung ương của đảng này và là biên tập viên báo "Ngôn luận" - cơ quan ngôn luận trung ương của đảng ấy. Mi-li-u-cốp là đại biểu trong Đu-ma nhà nước III và IV. Năm 1917 y là bộ trưởng Bộ ngoại giao trong nội các thứ nhất của Chính phủ lâm thời tư sản; Mi-li-u-cốp thi hành chính sách tiếp tục cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa "đến thắng lợi cuối cùng". Sau

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y là một trong những kẻ tổ chức cuộc can thiệp vũ trang của nước ngoài chống nước Nga xô-viết; là một phần tử hoạt động tích cực của bọn bạch vệ lưu vong. – 69, 120, 161, 317.

*Mi-sen* (Michels), *Rô-béc-tô* (1876 - 1936) – nhà kinh tế học tư sản Ý, nhà xã hội học, giáo sư, tác giả của nhiều tác phẩm về lịch sử kinh tế - chính trị và xã hội học. – 16, 17, 21.

*Min-lo-răng* (Millerand), *A-lếch-xan-đơ Ê-chiê*n (1859 - 1943) – một nhà hoạt động chính trị Pháp; trong những năm 80, ông là người thuộc phái cấp tiến tiểu tư sản; trong những năm 90 thế kỷ XIX đứng về phe những người xã hội chủ nghĩa, cầm đầu trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp. Năm 1899 Min-lo-răng tham gia chính phủ tư sản phản động Van-đếch - Rút-xô, trong đó y cộng tác với tướng Ga-líp-phê, tên đao phủ đã đàn áp Công xã Pa-ri. V. I. Lê-nin đã vạch trần chủ nghĩa Min-lo-răng, coi đó là sự phản bội quyền lợi của giai cấp vô sản, là biểu hiện trên thực tiễn của chủ nghĩa xét lại, và bóc trần gốc rễ xã hội của chủ nghĩa đó. Trong những năm 1909 - 1910, 1912 - 1913, 1914 - 1915, Min-lo-răng giữ nhiều chức vụ bộ trưởng khác nhau, – 59, 137, 391.

*Moóc-gan* (Morgan), *Giôn Piéc-pôn* (1867 - 1943) – nhà triệu phú Mỹ người cầm đầu ngân hàng lớn nhất ở nước Mỹ, ngân hàng này được thành lập từ giữa thế kỷ XIX. Ngân hàng Moóc-gan cầm đầu giới tư bản tài chính Mỹ phản động và hiếu chiến nhất, bọn này quyết định chính sách đế quốc chủ nghĩa của Mỹ. – 428.

*Mô-ni-tô* (Monitor) – biệt danh của một người dân chủ - xã hội Đức, một phần tử cơ hội chủ nghĩa, tháng Tư năm 1915 đã cho đăng một bài trong "PreuBische Jahrbücher" ("Niên giám Phổ"), một xuất bản phẩm của bọn bảo thủ. Tác giả bài này đã công khai ca ngợi và đề nghị rằng nên tiếp tục duy trì tính chất phái giữa - điều này có lợi cho bọn cơ hội chủ nghĩa và giai cấp tư sản - của các đảng dân chủ - xã hội, tính chất này tạo điều kiện cho bọn cơ hội chủ nghĩa có thể dùng những câu "tả" để che đậy chính sách hợp tác giai cấp với giai cấp tư sản. – 136 - 137, 139, 140, 158, 160.

*Mô-ri-xơ* (Morris), *Hen-ri-ích C.* (sinh năm 1868) – nhà sử học người Mỹ, về học vấn là luật gia, tác giả của nhiều công trình nghiên cứu về sử học và kinh tế. – 474.

*Mu-ra-nốp, M. C.* (1873 - 1959) – đảng viên bôn-sê-vích, về nghề nghiệp là công nhân tiện. Đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga từ năm 1904; làm công tác đảng ở Khắc-cốp. Là đại biểu công nhân tỉnh Khắc-cốp trong Đu-ma nhà nước IV, tham gia đảng đoàn bôn-sê-vích trong Đu-ma; ngoài công tác trong Đu-ma, ông còn tiến hành một công tác cách mạng lớn lao ở ngoài Đu-ma, đã cộng tác với tờ báo bôn-sê-vích "Sự thật". Tháng Mười một 1914, vì hoạt động cách mạng chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, Mu-ra-nốp đã bị bắt cùng với những đại biểu bôn-sê-vích khác, và năm 1915 ông bị đưa đi đày ở xứ Tu-ru-khan-xcơ. Trong những năm 1917 - 1923, ông công tác trong bộ máy của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga; tại các Đại hội VI, VIII và IX của đảng, ông được bầu vào Ban chấp hành trung ương. Từ 1922 đến 1934 ông được bầu làm uỷ viên Ban kiểm tra trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. – 2, 297.

## N

*Na-khim-xôn, M. I.* (Xpéc-ta-to) (1880 - 1938) – nhà kinh tế và nhà chính luận. Từ năm 1899 đến năm 1921, là người thuộc phái Bun. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử phái giữa. Năm 1935, công tác ở Mát-xcơ-va trong Viện nông nghiệp quốc tế và Viện hàn lâm cộng sản chủ nghĩa. Ông là tác giả của nhiều tác phẩm về những vấn đề kinh tế thế giới. – 520, 522, 526.

*Na-pô-lê-ông III (Bô-na-pác-tơ, Lu-i)* (1808 - 1873) – hoàng đế nước Pháp từ 1852 đến 1870, là cháu của Na-pô-lê-ông I. Sau thất bại của cuộc cách mạng 1848, Na-pô-lê-ông III được bầu làm tổng thống của nước Cộng hoà Pháp; đêm 1 rạng ngày 2 tháng Chạp 1851 Na-pô-lê-ông tiến hành một cuộc đảo chính. C. Mác đã nhận xét về Na-pô-lê-ông III trong tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 8, tr. 115 - 217). – 97, 346, 347.

*Nau-man* (Naumann), *Phri-đrích* (1860 - 1919) – nhà hoạt động chính trị phản động Đức, nhà chính luận, một trong những người xây dựng thuyết "chủ nghĩa xã hội dân tộc"; tuyên truyền những tư tưởng điều hoà giữa những người lao động với chế độ hiện tồn, là người ủng hộ chủ trương có một chính quyền nhà vua mạnh. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất, giữ lập trường đế quốc chủ

nghĩa, đề xuất ý kiến xây dựng "Trung Âu" dưới quyền bảo hộ của nước Đức, thực tế là tuyên truyền chính sách xâm lược các nước Trung Âu. – 69, 143, 161.

*Nây-mác-cơ* (Neymarck), *An-phrết* – nhà kinh tế - thống kê tư sản Pháp. – 453, 454, 519.

*Ni-cô-lai II (Rô-ma-nốp)* (1868 - 1918) – hoàng đế cuối cùng của nước Nga, trị vì từ năm 1894 đến Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917. Ngày 17 tháng Bảy 1918, đã bị xử bắn tại Ê-ca-tê-rin-bua (nay là Xvéc-đlốp-xcơ) theo quyết định của Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ tỉnh U-ran. – 103, 316-317, 318.

*Nô-xkê* (Noske), *Gu-xta-vo* (1868 - 1946) – một trong những thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Rất lâu trước ngày nổ ra cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Nô-xkê đã lên tiếng bênh vực chủ nghĩa quân phiệt. Trong thời gian chiến tranh, Nô-xkê là một phần tử xã hội - sô-vanh. Năm 1918, trong thời gian diễn ra cuộc Cách mạng tháng Mười một ở Đức, là một trong những người lãnh đạo vụ đàn áp phong trào cách mạng của lính thủy ở Ki-en. Năm 1919 - 1920 là bộ trưởng Bộ chiến tranh, là người tổ chức vụ đàn áp công nhân Béc-lanh và vụ giết C. Liép-nếch và R. Lút-xăm-bua, vì vậy đã có biệt hiệu "con chó khát máu". Sau này, là chủ tịch tỉnh Han-nô-vơ thuộc Phổ. Trong những năm dưới nền độc tài phát-xít, được hưởng trợ cấp quốc gia của chính phủ Hít-le.

V.I.Lê-nin đã gọi Nô-xkê là "tên xã hội - phản bội", là một trong "những tên đao phủ ghê tởm nhất xuất thân từ công nhân và đã chạy sang phục vụ cho chế độ quân chủ và cho giai cấp tư sản phản cách mạng" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 38, tr. 366). – 393.

## O

*Oóc-nát-xki* – xem Tsi-tsê-rin, G. V.

## Ô

*Ô-oen-xơ* (Owens), *Mi-kha-in Giô-đép* (1859 - 1923) – nhà sáng chế người Mỹ, đã chế tạo ra máy đúc chai lọ, về sau là nhà công nghiệp trong lĩnh vực này. – 503.

*Ô-ran-xki, C. (Cu-tsin, G. Đ.)* – một phần tử men-sê-vích - thủ tiêu, cộng tác với các tạp chí của phái thủ tiêu "Sự nghiệp cuộc sống", "Bình minh của chúng ta" v. v.. – 110.

## P

*Pa-ra-ben-lum* – xem Ra-đếch, C. B.

*Pan-nê-cúc (Pannekoek), An-tô-ni (1873 - 1960)* – một người dân chủ - xã hội Hà-lan. Năm 1907 là một trong những người sáng lập tờ báo "De Tribune" ("Diễn đàn") – cơ quan ngôn luận của cánh tả trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, ông là một người quốc tế chủ nghĩa, tham gia xuất bản tạp chí "Vorbote" ("Người tiên khu"), cơ quan lý luận của phái tả Xim-méc-van. Trong những năm 1918 - 1921, gia nhập Đảng cộng sản Hà-lan và tham gia công tác của Quốc tế cộng sản. Ông giữ lập trường cực tả và biệt phái. Trong tác phẩm "Bệnh ấu trĩ "tả khuynh" trong phong trào cộng sản", V. I. Lê-nin kịch liệt phê phán các quan điểm của Pan-nê-cúc và những "người cực tả" khác. Năm 1921 Pan-nê-cúc ra khỏi Đảng cộng sản và ít lâu sau từ bỏ hoạt động chính trị tích cực, – 140.

*Pác-vu-xơ (Ghen-phan-đơ, A. L.) (1869 - 1924)* – một người men-sê-vích, cuối những năm 1890 và đầu những năm 1900, hoạt động trong hàng ngũ Đảng dân chủ - xã hội Đức, gia nhập cánh tả của đảng này. Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, y gia nhập phái men-sê-vích. Pác-vu-xơ đưa ra "thuyết cách mạng thường trực" phản mác-xít mà sau này đã được Tô-rốt-xki biến thành vũ khí đấu tranh chống chủ nghĩa Lê-nin. Sau đó, Pác-vu-xơ rời bỏ hàng ngũ dân chủ - xã hội; trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, y là một phần tử sô-vanh, một tên gián điệp của chủ nghĩa đế quốc Đức. Pác-vu-xơ là một kẻ đầu cơ lớn vớ được những món lời lớn trong việc cung cấp các vật dụng quân sự. Từ năm 1915 Pác-vu-xơ xuất bản tạp chí "Die Glocke" ("Cái chuông"). – 82, 104, 105, 335, 379 - 380, 553.

*Pây-sơ (Paish), Gióc-giơ (1867 - 1957)* – nhà kinh tế học tư sản Anh, nhà thống kê, một người hoà bình chủ nghĩa. Là cộng tác viên ban biên tập (1881 - 1900) và là một trong những biên tập viên (1900 - 1916) tờ báo bảo thủ Anh "The Statist" ("Nhà thống kê"). Trong những năm 1914 - 1916 ông là cố vấn ngân khố Anh (Bộ tài chính) về các

vấn đề tài chính và kinh tế. Ông là chủ tịch và hội viên của nhiều hội khoa học thống kê và kinh tế. Là tác giả của nhiều cuốn sách viết về các vấn đề kinh tế và chính trị thế giới. – 462.

*Péc-néc-xtoóc-phơ (Pernerstorfer), En-ghen-béc (1850 - 1918)* – một người dân chủ - xã hội Áo, về nghề nghiệp là giáo viên. Năm 1896 ông gia nhập cánh hữu cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ - xã hội, từ năm 1897, ông là uỷ viên Ban chấp hành trung ương đảng. Ông tham gia hầu hết các đại hội của Quốc tế II. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, giữ lập trường sô-vanh cực đoan. – 568, 572.

*Pê-tơ-rô-va* – xem Ác-măng, I. Ph.

*Pê-tơ-rốp-xki, G. I. (1878 - 1958)* – một trong những người tham gia lâu năm nhất phong trào công nhân cách mạng, một người bôn-sê-vích, về sau là nhà hoạt động nổi tiếng của đảng và Nhà nước Xô-viết. Ông là đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga từ năm 1897. Trong thời kỳ cách mạng Nga lần thứ nhất, ông là một trong những người lãnh đạo phong trào công nhân Ê-ca-tê-ri-nô-xláp (nay gọi là Dnê-prô-pê-tơ-rốp-xơ). Pê-tơ-rốp-xki là đại biểu của công nhân tỉnh Ê-ca-tê-ri-nô-xláp trong Đu-ma nhà nước IV, ông tham gia đảng đoàn bôn-sê-vích trong Đu-ma. Tháng Mười một 1914, vì hoạt động cách mạng chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, ông cùng các đại biểu bôn-sê-vích khác đã bị bắt và đến năm 1915 thì bị đày đến khu Tu-ru-khan-xơ. Ông là người tham gia tích cực cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Trong những năm 1917 - 1919, là bộ trưởng Bộ dân uỷ nội vụ của nước Cộng hoà liên bang xã hội chủ nghĩa Xô-viết Nga; từ năm 1919 đến năm 1938, là chủ tịch Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn U-cra-i-na, sau khi thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết, ông là một trong các chủ tịch Ban chấp hành trung ương các Xô-viết Liên-xô; trong những năm 1938 - 1940 là phó chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên-xô. Trong những năm 1926 - 1939, là uỷ viên dự khuyết Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. Từ năm 1940, là phó giám đốc Viện bảo tàng cách mạng Liên-xô. – 2, 297.

*Phô-ghen-stanh (Vogelstein), Tê-ô-đo* - nhà kinh tế học Đức. Tác giả của nhiều cuốn sách như: "Tổ chức tài chính của nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa và việc thành lập các công ty độc quyền", "Những hình thức tổ chức tư bản chủ nghĩa trong đại công nghiệp hiện nay", v. v.. – 471.

*Phuên-cơ* (Völker) – một quan chức chính phủ Đức, về sau là một người lãnh đạo liên hiệp xí nghiệp công nghiệp thép của nước Đức. – 452.

*Phri-đô-lin, V. I-u.* (Va-rin) (1879 - 1942) – gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga từ năm 1904. Trong những năm thế lực phản động thống trị, thôi hoạt động chính trị. Trong những năm 1910 - 1917 sống ở nước ngoài. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, cộng tác với tờ báo men-sê-vích - tơ-rốt-kít "Lời nói của chúng ta". Từ năm 1918 làm công tác khoa học và công tác giáo dục ở Lê-nin-grát. – 360.

*Phun-đa-min-xki, I. I.* – xem Bu-na-cốp, I.

*Pi-a-ta-cốp, G. L.* (1890 - 1937) – gia nhập đảng bôn-sê-vích từ năm 1910. Làm công tác đảng ở U-cra-i-na và ở nước ngoài. Trong những năm 1915 - 1917, Pi-a-ta-cốp phản đối V. I. Lê-nin trong vấn đề quyền dân tộc tự quyết. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, ông là chủ tịch Ban chấp hành Ki-ép của Đảng công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga ông đã chống lại đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và Luận cương tháng Tư của V. I. Lê-nin. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ông cầm đầu "những người cộng sản cánh tả" ở U-cra-i-na, tham gia Chính phủ xô-viết của U-cra-i-na. Từ năm 1920 ông đảm nhiệm các công tác kinh tế và công tác xô-viết: phó chủ tịch Ủy ban kế hoạch nhà nước và Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao, đại diện thương mại ở pháp, chủ tịch Ban giám đốc Ngân hàng nhà nước Liên-xô, thứ trưởng Bộ dân uỷ công nghiệp nặng. Vào thời kỳ có cuộc tranh luận về công đoàn trong những năm 1920 - 1921, ông là người ủng hộ cương lĩnh của Tơ-rốt-xki. Năm 1927, Đại hội XV của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã khai trừ Pi-a-ta-cốp ra khỏi đảng vì ông là người hoạt động tích cực cho phái đối lập Tơ-rốt-xki. Năm 1928, ông được phục hồi, rồi lại bị khai trừ khỏi đảng vào năm 1936, vì hoạt động chống đảng. – 360.

*Pi-ke, A. X.* – xem Mác-tư-nốp, A.

*Plát-ten* (Platten), *Pri-đrích* (*Phri-txo*) (1883 - 1942) – đảng viên Đảng cộng sản Thụy-sĩ, một nhà cách mạng chuyên nghiệp, một trong những người tổ chức ra Đảng cộng sản Thụy-sĩ. Ông tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ 1904. Trong những năm 1906 - 1907, ông hoạt động cách mạng ở Ri-ga. Từ 1908 ông là thư ký quỹ của những kiều dân Nga ở Thụy-sĩ; trong những năm 1912 - 1918,

Plát-ten là bí thư Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, đã tham gia các Hội nghị Xim-méc-van và Ki-en-tan; ông là một người thuộc phái tả Xim-méc-van. Tháng Tư 1917 ông là người chủ yếu tổ chức chuyển đưa V. I. Lê-nin từ Thụy-sĩ về Nga. Năm 1919 ông tham gia vào việc thành lập Quốc tế III, Quốc tế cộng sản; là uỷ viên Đoàn chủ tịch của Đại hội I và là uỷ viên Ban thường vụ Quốc tế cộng sản. Plát-ten đã cộng tác với tạp chí "Quốc tế cộng sản". Trong những năm 1921 - 1923 ông là bí thư Đảng cộng sản Thụy-sĩ. Năm 1923, ông sang Liên-xô, tại đây ông lãnh đạo một công xã nông nghiệp của những công nhân Thụy-sĩ, sau đó ông làm việc ở viện nông nghiệp quốc tế và ở Trường đại học sư phạm ngoại ngữ Mát-xcơ-va. – 45.

*Plê-kha-nốp, G. V.* (1856 - 1918) – nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Nga và quốc tế, người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga. Năm 1883 ông đã thành lập ở Giơ-ne-vơ tổ chức mác-xít đầu tiên của Nga - nhóm "Giải phóng lao động". Plê-kha-nốp đã đấu tranh chống chủ nghĩa dân túy, phản đối chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân quốc tế. Vào những năm đầu thế kỷ XX, Plê-kha-nốp đã tham gia ban biên tập báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh".

Từ năm 1883 đến năm 1903 Plê-kha-nốp đã viết hàng loạt tác phẩm - những tác phẩm này đã đóng góp một vai trò to lớn trong việc bảo vệ và truyền bá thế giới quan duy vật - như: "Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị", "Những sự bất đồng giữa chúng ta", "Bàn về sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử", "Khái luận về lịch sử của chủ nghĩa duy vật", "Bàn về vai trò của cá nhân trong lịch sử" và các tác phẩm khác. Tuy vậy, ngay trong thời gian đó ông đã mắc những sai lầm nghiêm trọng, mầm mống của những quan điểm men-sê-vích của ông về sau này.

Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Plê-kha-nốp theo lập trường điều hoà với chủ nghĩa cơ hội, và sau đó tham gia phái men-sê-vích. Trong thời kỳ cách mạng Nga lần thứ nhất, về tất cả các vấn đề cơ bản ông đều đứng trên lập trường men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, ông đã chống lại việc xét lại chủ nghĩa Mác theo quan điểm của Ma-khơ và chống lại chủ nghĩa thủ tiêu, và ông đã đứng đầu nhóm những người men-sê-vích ủng hộ đảng. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Plê-kha-nốp đã chuyển sang lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 ông trở về nước Nga,

đứng đầu nhóm "Thống nhất", một nhóm men-sê-vích - vệ quốc cực hữu, ráo riết chống lại những người bôn-sê-vích, chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho rằng nước Nga chưa tới lúc chín muồi để chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Ông không tán thành Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, nhưng không tham gia đấu tranh chống lại Chính quyền xô-viết.

Lê-nin đánh giá cao những tác phẩm triết học của Plê-kha-nốp và vai trò của ông trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác ở Nga; đồng thời Người phê phán kịch liệt Plê-kha-nốp về việc đi chệch khỏi chủ nghĩa Mác và về những sai lầm lớn trong hoạt động chính trị – 11, 13, 18-19, 21, 24, 25 - 26, 49, 50, 56 - 57, 64, 83, 84, 96, 97, 99, 100, 105, 112 - 113, 116, 120, 132, 147, 153, 156, 164, 303, 308, 321, 339, 345, 347 - 348, 350, 553, 568, 574, 584.

*Pô-tơ-rê-xốp, A. N.* (1869 - 1934) – một trong những lãnh tụ của phái men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Pô-tơ-rê-xốp là nhà tư tưởng của chủ nghĩa thủ tiêu, đã giữ vai trò lãnh đạo trong các tạp chí men-sê-vích "Phục hưng", "Bình minh của chúng ta" và các báo chí khác của phái men-sê-vích - thủ tiêu. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, y là một phần tử xã hội - số-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Pô-tơ-rê-xốp sống lưu vong, ở nước ngoài Pô-tơ-rê-xốp cộng tác với tờ tuần báo "Những ngày" của Kê-ren-xki, y công kích nước Nga xô-viết. – 22, 26, 100, 350, 379, 381, 382, 477, 515.

*Pô-ve-xơ, I. X.* – xem A-xtơ-rốp.

*Prét-xơ-man* (Pressemanne) *A-đri-en* (sinh năm 1879) – một người xã hội chủ nghĩa Pháp. Năm 1912 ông là đại diện thường trực của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp trong Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới ông giữ lập trường phái giữa. – 344, 368, 575, 582.

*Pu-ri-skê-vích, V. M.* (1870 - 1920) – một địa chủ lớn, một phần tử phản động Trăm đen cuồng nhiệt, thuộc phái bảo hoàng. Pu-ri-skê-vích là một trong những người đề xướng ra việc thành lập "Liên minh nhân dân Nga", một tổ chức Trăm đen; năm 1907, y ra khỏi liên minh này và thành lập một tổ chức bảo hoàng phản cách mạng mới "Hội Mí-kha-in Ác-khan-ghen". Là nghị sĩ trong các Đuma nhà nước II, III và IV, y nổi tiếng vì những bài phát biểu chống Do-thái sắc mùi giết người trong Đuma. Sau Cách mạng xã hội chủ

nghĩa tháng Mười. Pu-ri-skê-vích đấu tranh quyết liệt chống Chính quyền xô-viết. – 20, 120.

## R

*Ra-đếch, C. B.* (Pa-ra-ben-lum) (1885 - 1939) – ngay từ đầu những năm 1900 đã tham gia phong trào dân chủ - xã hội ở Gai-li-xi-a, Ba-lan và Đức; tham gia các cơ quan ngôn luận của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, ông đứng trên lập trường chủ nghĩa quốc tế, tuy nhiên vẫn biểu lộ những sự dao động nghiêng về phái giữa; giữ lập trường sai lầm về vấn đề quyền dân tộc tự quyết. Năm 1917, ông gia nhập đảng bôn-sê-vích. Trong thời gian thảo luận về hoà ước Brét, là một người thuộc phái "cộng sản cánh tả". Từ năm 1923 là một người hoạt động tích cực trong nhóm đối lập của Tô-rôt-xki, vì vậy năm 1927 bị Đại hội XV của Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) toàn Liên-xô khai trừ khỏi đảng. Năm 1930 được phục hồi đảng tịch, năm 1936 vì hoạt động chống đảng nên lại bị khai trừ khỏi đảng. – 77, 78, 82 - 85, 353, 361.

*Rát-xen* (Russel) *Sác-lơ É-t-va* (1860 - 1941) - một người xã hội chủ nghĩa Mỹ, nhà báo và nhà chính luận, một trong những biên tập viên văn học của tạp chí "New York American". Ông tán thành việc nước Mỹ tham gia cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa năm 1914 - 1918. – 378, 568, 574.

*Ren-nơ* (Renner), *Các-lơ* (1870 - 1950) - nhà hoạt động chính trị Áo, thủ lĩnh và nhà lý luận của những người dân chủ - xã hội phái hữu Áo. Là một trong những nhà tư tưởng của cái gọi là "chủ nghĩa Mác của Áo" và là một trong những tác giả của cái thuyết tư sản - dân tộc chủ nghĩa "tự trị dân tộc về văn hoá". Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một tên xã hội - số-vanh. Trong những năm 1919 - 1920, là thủ tướng Áo, trong những năm 1945 - 1950, là tổng thống nước Áo. – 328.

*Ri-a-da-nốp, Đ. B.* (*Gôn-đen-đác, Đ. B., Búc-vô-ét*) (1870 - 1938) – tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ những năm 90. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Ri-a-da-nốp là người thuộc phái giữa, cộng tác với nhiều tờ báo men-sê-vích "Tiếng nói" và "Lời nói của chúng ta". Tại Đại hội VI của đảng (1917), Ri-a-da-nốp được kết nạp vào Đảng công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Ri-a-da-nốp công tác trong các công đoàn, ông là một trong những người tổ chức ra

Viện C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n và làm giám đốc viện cho đến năm 1931. Đầu năm 1918, Ri-a-da-nốp tạm thời ra khỏi đảng vì không đồng ý về vấn đề hoà ước Brét; trong thời gian có cuộc thảo luận về công đoàn (1920 - 1921), Ri-a-da-nốp đứng trên lập trường chống đảng và đã bị đưa ra khỏi công tác công đoàn. Tháng Hai 1931, Ri-a-da-nốp bị khai trừ ra khỏi Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô vì đã giúp đỡ bọn men-sê-vích hoạt động phản cách mạng. – 574.

*Rít-xơ* (Riesser), *Gia-cốp* (1853 - 1932) – nhà kinh tế học và nhà hoạt động ngân hàng Đức. Trong những năm 1888 - 1905 ông làm giám đốc ngân hàng Đác-mơ-sơ-tát. Năm 1901 ông lập ra "Hội liên hiệp trung ương các ngân hàng và ngành ngân hàng Đức", năm 1909 - lập ra "Liên minh Han-xơ" và làm chủ tịch những hội này trong một thời gian dài. Từ năm 1905 ông xuất bản tạp chí "Bank-Ar-chiv". Trong những năm 1916 - 1928 ông là nghị sĩ Quốc hội Đức. Là tác giả của nhiều cuốn sách, trong đó Rít-xơ tán dương chủ nghĩa đế quốc và tư bản tài chính. – 418, 419, 421, 427, 438, 531, 536, 538.

*Rô-lăng* - *Hôn-xơ* (Roland Holst), *Hăng-ri-ét-ta* (1869 - 1952) – một nữ đảng viên xã hội chủ nghĩa Hà-lan, nữ văn sĩ. Đã tham gia tổ chức các hiệp hội phụ nữ, thuộc cánh tả trong hàng ngũ dân chủ - xã hội Hà-lan, cánh này từ năm 1907 đã tập hợp chung quanh tờ báo "De Tribune" ("Diễn đàn"). Trong thời kỳ đầu cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới đã giữ lập trường phái giữa, về sau gia nhập phái quốc tế chủ nghĩa, đã tham gia xuất bản tạp chí "Vorbote" ("Người tiên khu") - cơ quan ngôn luận lý luận của phái tả Xim-méc-van. Trong những năm 1918 - 1927 là đảng viên Đảng cộng sản Hà-lan và đã tham gia hoạt động trong Quốc tế cộng sản. Năm 1927 đã rút khỏi Đảng cộng sản và về sau đã rơi vào lập trường của chủ nghĩa xã hội Thiên chúa giáo. – 566.

*Rốc-cơ-phen-lơ* (Rockefeller), *Giôn Đê-vi-xơn* (1839 - 1937) – người sáng lập ra triều đại vua tài chính, là vua dầu lửa Mỹ. Năm 1870 y lập ra một to-rốt dầu lửa cực lớn là to-rốt "Xtan-đa-rơ-đơ Ôi-lơ". Dòng họ Rốc-cơ-phen-lơ là những người chủ của một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất ở nước Mỹ là "Tsê-dơ-nê-sân-nen ben-cơ"; ngoài ra đại diện của gia đình Rốc-cơ-phen-lơ là một trong những người lãnh đạo của một ngân hàng khác lớn vào bậc nhất ở Mỹ là "Nê-sân-nen xi-ty ben-cơ ốp Ni-u-ôc". Gia đình Rốc-cơ-phen-lơ đóng một vai trò to lớn trong việc định ra chính sách đối ngoại và đối nội của nước Mỹ. – 428.

*Rốt-stanh*, *Ph. A.* (1871 - 1953) – một người dân chủ - xã hội về sau là nhà ngoại giao xô-viết, nhà sử học. Năm 1890 đã buộc phải rời khỏi Nga ra nước ngoài lưu vong. Sau khi sang cư trú ở Anh, đã gia nhập Liên đoàn dân chủ - xã hội Anh, thuộc cánh tả của đảng này. Năm 1901 đã gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đã cộng tác với các tờ báo xã hội chủ nghĩa ở Nga và ở nước ngoài. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới đã có một thời gian giữ lập trường phái giữa trong vấn đề phân liệt với bọn xã hội - sô-vanh. Trong những năm 1918 - 1920 ông là một trong những nhà lãnh đạo phong trào quần chúng đấu tranh dưới khẩu hiệu "Không được đưng đến nước Nga!" ở Anh, ông đã tham gia thành lập Đảng cộng sản Anh. Năm 1920 trở về nước Nga. Trong những năm 1921 - 1922 ông làm đại diện toàn quyền ở I-ran, trong những năm 1923 - 1930 là uỷ viên ban lãnh đạo của Bộ dân uỷ ngoại giao. Ông tham gia tích cực vào việc xây dựng trường cao đẳng xô-viết và vào việc phát triển nền khoa học xô-viết, ông từng làm giám đốc Viện kinh tế và chính trị thế giới. Từ năm 1939 ông là viện sĩ Viện hàn lâm. Là tác giả của nhiều cuốn sách viết về các vấn đề lịch sử chủ nghĩa đế quốc. – 378.

*Rốt-xơ* (Rhodes), *Xê-xin Giôn* (1853 - 1902) – nhà hoạt động nhà nước và chính khách phản động Anh, tích cực thực hiện chính sách thuộc địa của nước Anh và tuyên truyền cho sự bành trướng của chủ nghĩa đế quốc; y là kẻ chủ mưu chính làm bùng nổ cuộc chiến tranh Anh - Bô-e. Trong những năm 1890 - 1896, y là thủ tướng thuộc địa Cáp; là kẻ tổ chức cuộc xâm lược của người Anh chiếm một vùng lãnh thổ rộng lớn ở miền Nam châu Phi. – 476, 477, 484.

*Rơ-nô-đen* (Renaudel), *Pi-e* (1871 - 1935) – một trong những thủ lĩnh Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Là tổng biên tập của các báo: "Le Peuple" ("Nhân dân") (1902 - 1914); "L'Humanité" ("Nhân đạo") (1914 - 1920); là nghị sĩ (1914 - 1919, 1924). Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - sô-vanh, che đậy chủ nghĩa sô-vanh của mình bằng những câu nói hoà bình chủ nghĩa. Năm 1927 thôi không ở trong bộ phận lãnh đạo của đảng xã hội chủ nghĩa, năm 1933 bị khai trừ khỏi đảng; sau đó hấn thành lập một nhóm xã hội chủ nghĩa mới. – 127, 140, 158, 305, 336, 584.

*Ru-ba-nô-vích*, *I. A.* (1860 - 1920) – một trong những thủ lĩnh của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Là đại diện của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng tại các đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Am-xtéc-đam (1904) và Stút-ga (1907). Uỷ viên Cục quốc tế xã hội chủ



nghĩa. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử xã hội - số-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là kẻ thù của Chính quyền xô-viết. – 52, 339.

*Ruy-lê* (Rühle), *Ốt-tô* (sinh năm 1874) – một người dân chủ - xã hội cánh tả Đức, một nhà chính luận và một nhà sư phạm. Từ năm 1912 là đại biểu Quốc hội Đức. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới đã giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa; trong Quốc hội Đức đã bỏ phiếu chống ngân sách quân sự. Năm 1919 đã gia nhập Đảng cộng sản Đức trong đó đã đi theo các thủ lĩnh của nhóm đối lập tả khuynh. Sau khi có sự phân liệt trong hàng ngũ những người cộng sản Đức, đến đầu năm 1920 đã tham gia thành lập Đảng công nhân cộng sản Đức. Về sau đã bị khai trừ ra khỏi Đảng công nhân cộng sản Đức và lại quay trở về Đảng dân chủ - xã hội, nhưng không còn ảnh hưởng chính trị trong đảng này như trước kia. – 301, 303, 304, 374, 377, 564, 569, 570, 589.

## S

*Sa-gốp*, *N. R.* (1882 - 1918) – một người tham gia tích cực phong trào cách mạng, một người bên-sê-vích, đại biểu của tỉnh Cô-xơ-rô-ma trong Đu-ma nhà nước IV, về nghề nghiệp là công nhân dệt. Trong Đu-ma, có chân trong nhóm 6 đại biểu bên-sê-vích của đảng đoàn dân chủ - xã hội, sau đó tham gia đảng đoàn bên-sê-vích. Tham gia các hội nghị Cra-cốp và Pô-rô-nin của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga có các cán bộ đảng tham gia. Tháng Mười một 1914, ông bị bắt vì hoạt động cách mạng chống lại cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và đến 1915, bị đày đi xứ Tu-ru-khan-xơ, tới năm 1917 ông mới được trở về. – 2, 297.

*Sai-đê-man* (Scheidemann), *Phi-líp* (1865 - 1939) – một trong những thủ lĩnh của cánh cơ hội chủ nghĩa cực hữu trong Đảng dân chủ - xã hội Đức. Từ năm 1903 tham gia đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Quốc hội Đức. Từ năm 1911 là uỷ viên Ban lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Đức. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, y là một phần tử xã hội - số-vanh cuồng nhiệt. Trong thời gian cuộc Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức, y tham gia Hội đồng đại biểu nhân dân, một tổ chức phản cách mạng, là kẻ cổ vũ cuộc tuyên truyền tàn sát những người Xpác-ta-cút. Từ tháng Hai đến tháng Sáu 1919 đứng đầu chính phủ liên hiệp của nền cộng hoà Vây-ma, là một trong những

kẻ tổ chức cuộc đàn áp đẫm máu phong trào công nhân Đức những năm 1918 - 1921. Về sau hẩn rời bỏ hoạt động chính trị tích cực. – 72, 73, 83, 381.

*Sem-bóc-lin* (Chamberlain), *Giô-đép* (1836 - 1914) – nhà hoạt động chính trị Anh. Trong những năm 1880 - 1885 ông làm bộ trưởng Bộ thương mại, năm 1886 - làm bộ trưởng Bộ nội vụ; trong những năm 1895 - 1903 - làm bộ trưởng Bộ thuộc địa; Sem-bóc-lin hăng hái thi hành chính sách xâm chiếm thuộc địa, là một trong những kẻ chủ yếu gây ra cuộc chiến tranh Anh - Bô-e trong những năm 1899 - 1902. – 476.

*Sin-đơ* (Schilder), *Dich-mung* (chết năm 1932) – nhà kinh tế học người Đức, đã từng làm thư ký của viện bảo tàng thương mại. Là tác giả của nhiều cuốn sách như "Chiều hướng phát triển của kinh tế thế giới", "Những tiền đề của cuộc chiến tranh thế giới trong nền kinh tế thế giới", v. v.. – 460, 481, 485, 505.

*Sli-áp-ni-cốp*, *A. G.* (A-lếch-xan-đơ) (1885 - 1937) – gia nhập đảng bên-sê-vích từ năm 1901. Ông đã làm công tác đảng ở Xoóc-mô-vô, Mu-rôm, Pê-téc-bua, Mát-xơ-va. Năm 1914, theo sự uỷ nhiệm của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông ở lại Xtóc-khôn để đặt liên lạc giữa Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương với Bộ phận ở trong nước của Ban chấp hành trung ương và Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 ông là uỷ viên Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga, là uỷ viên Ban chấp hành Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ Pê-tơ-rô-grát và là chủ tịch Công đoàn công nhân kim khí Pê-tơ-rô-grát. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười làm công tác kinh tế và công đoàn. Trong những năm 1920 - 1922 Sli-áp-ni-cốp là người tổ chức và cầm đầu nhóm "đối lập công nhân", một nhóm chống đảng. Năm 1933, trong cuộc vận động làm trong sạch đội ngũ của đảng, Sli-áp-ni-cốp bị khai trừ ra khỏi hàng ngũ Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô. – 361.

*Smit* (Schmiedt), *Rô-béc* (1864 - 1943) – một người dân chủ - xã hội Đức, nghị sĩ Quốc hội Đức từ năm 1898 đến 1930, có những thời kỳ gián đoạn. Trong những năm 1893 - 1903 ông là biên tập viên báo "Vorwärts" ("Tiến lên") – cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Từ năm 1903 ông là một trong những thủ lĩnh của các công đoàn Đức. Trong những năm 1919 - 1930 ông làm bộ trưởng (lương thực, kinh tế, khôi phục). – 9.

*Stau-xơ* (Staub), *Ê-mi-lơ* Gioóc-giơ (sinh năm 1877) – một nhà tài chính Đức, chủ ngân hàng. Từ năm 1898 ông bắt đầu phục vụ trong "Ngân hàng Đức"; từ năm 1906 cho đến cuối cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới ông lãnh đạo Công ty ngân hàng dầu lửa. Từ năm 1915 ông là uỷ viên ban quản trị và là uỷ viên hội quan sát của "Ngân hàng Đức" và "Đi-xcôn-tô-ghe-den-sáp-phtơ" ("Công ty chiết khấu"). – 467.

*Sun-txê* - *Ghê-véc-ni-txơ* (Schulze - Gaevernitz). *Ghéc-hác* (1864 - 1943) – nhà kinh tế học tư sản Đức, giáo sư kinh tế chính trị học của Trường đại học tổng hợp Phrây-bua. Trong các tác phẩm của mình, Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ mưu toan luận chứng cho khả năng thiết lập một nền hoà bình xã hội và "sự hài hoà xã hội" trong xã hội tư bản chủ nghĩa nhằm mục đích cải thiện tình cảnh của tất cả các giai cấp: tư bản, công nhân và nông dân.

P. B. Xơ-ru-vê là người tuyên truyền những tư tưởng của Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ ở nước Nga. – 417, 420, 427, 428, 436, 438, 485, 505, 506, 510, 540.

## T

*Tô-ma* (Thomas), *Anbe* (1878 - 1932) – một nhà hoạt động chính trị Pháp, một phần tử xã hội - cải lương chủ nghĩa. Từ năm 1910, ông là một trong những thủ lĩnh của đảng đoàn Đảng xã hội chủ nghĩa ở nghị viện. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - số-vanh. Đã tham gia chính phủ tư sản ở Pháp với chức bộ trưởng Bộ các vấn đề vũ trang. Trong những năm 1919 - 1932, đứng đầu Ban lao động quốc tế trực thuộc Hội quốc liên. – 391.

*Tơ-rê-ve-xơ* (Treves), *Clau-đi-ô* (1868 - 1933) – một trong những thủ lĩnh cải lương chủ nghĩa của Đảng xã hội chủ nghĩa Ý, V. I. Lê-nin đánh giá hoạt động của *Tơ-rê-ve-xơ* "cả một mớ những hành động xã hội - phản bội" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 41, tr. 121). Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử phái giữa. Có thái độ thù địch với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Sau khi bọn cải lương bị khai trừ khỏi Đảng xã hội chủ nghĩa (1922), *Tơ-rê-ve-xơ* trở thành một trong những thủ lĩnh của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất, một đảng do bọn cải lương thành lập, – 344, 369, 572, 582, 584.

*Tơ-rốt-xki* (*Brôn-stanh*), *L. Đ.* (1879 - 1940) – kẻ thù độc ác nhất của chủ nghĩa Lê-nin. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, y nấp dưới chiêu bài "không bè phái", nhưng thực tế y đã đứng trên lập trường của phái thủ tiêu. Năm 1912 y là người tổ chức ra khối tháng Tám chống đảng. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới y giữ lập trường phái giữa, tiến hành đấu tranh chống V.I.Lê-nin về vấn đề chiến tranh, hoà bình và cách mạng. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 y đã từ nơi sống lưu vong trở về nước, gia nhập nhóm "liên khu" và tại Đại hội VI của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, y đã cùng với nhóm này được kết nạp vào đảng bốn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười y giữ nhiều chức vụ của nhà nước. Năm 1918 y phản đối hoà ước Brét, trong những năm 1920 - 1921 y cầm đầu phái đối lập trong cuộc tranh luận về công đoàn, từ năm 1923 y tiến hành một cuộc đấu tranh bè phái điên cuồng chống lại đường lối chung của Đảng, chống lại cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội của Lê-nin, tuyên truyền thuyết chủ nghĩa xã hội không thể thắng lợi ở Liên-xô. Đảng cộng sản, sau khi đã vạch trần chủ nghĩa *Tơ-rốt-xki* là một thiên hướng tiểu tư sản trong đảng, đã đập tan nó về mặt tư tưởng và tổ chức. Năm 1927 *Tơ-rốt-xki* bị khai trừ ra khỏi đảng, năm 1929 y bị trục xuất ra khỏi Liên-xô vì hoạt động chống Liên-xô và năm 1932 bị tước quốc tịch Liên-xô. Trong khi ở nước ngoài y vẫn tiếp tục đấu tranh chống Nhà nước xô-viết và Đảng cộng sản, chống phong trào cộng sản quốc tế. – 101 - 102, 103, 301 - 302, 308, 313, 351, 545, 568.

*Tơ-run-xơ-ra* (Troelstra), *Pi-te I-en-lét* (1860 - 1930) – nhà hoạt động của phong trào công nhân Hà-lan; một người xã hội chủ nghĩa hữu khuynh. Là một trong những người thành lập (1894) và một trong những thủ lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan. Đầu thế kỷ XX, *Tơ-run-xơ-ra* từ bỏ lập trường quốc tế chủ nghĩa và chuyển sang lập trường chủ nghĩa cơ hội cực đoan. Y đã đấu tranh chống cánh tả của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan, là cánh từ năm 1907 đã tập hợp xung quanh tờ báo "De -Tribune" ("Diễn đàn"). Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử xã hội - số-vanh theo khuynh hướng thân Đức. V. I. Lê-nin đã nhiều lần phê phán gay gắt chính sách cơ hội chủ nghĩa của *Tơ-run-xơ-ra*, đã gọi *Tơ-run-xơ-ra* là kiểu mẫu về một "lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa bán mình, phục vụ cho giai cấp tư sản và lừa bịp công nhân" (Toàn tập, tiếng Việt,

Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 39, tr. 221). – 134, 156, 572.

*Triều đại Hô-hen-tô-léc* – triều đại các hoàng đế nước Đức (1871 - 1918). – 340.

*Tsen-nô-cốp, M. V.* (sinh năm 1863) – nhà đại công nghiệp và chủ nhà ở, một trong những người sáng lập Đảng dân chủ - lập hiến. Là đại biểu tỉnh Mát-xcơ-va trong Đu-ma nhà nước II và III và đại biểu thành phố Mát-xcơ-va trong Đu-ma IV. Trong những năm 1914 - 1917, là thị trưởng Mát-xcơ-va, tổng đại diện của Liên minh các thành phố, một trong những chủ tịch của Liên đoàn hội đồng địa phương toàn Nga, là người sốt sắng ủng hộ cuộc chiến tranh "đến thắng lợi cuối cùng". Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Tsen-nô-cốp tiến hành hoạt động phản cách mạng ở miền Nam nước Nga, về sau chạy ra nước ngoài. – 317.

*Tsê-rê-va-nin, N. (Líp-kin, Ph. A.)* (1868 - 1938) – một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích, một phần tử cực đoan thuộc phái thủ tiêu. Sau Hội nghị tháng Tám năm 1912, một hội nghị chống đảng, Tsê-rê-va-nin là uỷ viên của trung tâm lãnh đạo men-sê-vích (Ban tổ chức). Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử xã hội - só-vanh. Năm 1917, là một trong những biên tập viên của tờ "Báo công nhân" - cơ quan ngôn luận trung ương của phái men-sê-vích và là uỷ viên Ban chấp hành trung ương men-sê-vích. Tsê-rê-va-nin có thái độ thù địch đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. – 26, 100.

*Tsi-tse-rin, G. V. (Óc-nát-xki)* (1872 - 1936) – đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga từ năm 1905. Từ 1905 đến 1917, ông ở nước ngoài. Trong thời kỳ thế lực phản động thống trị là người ủng hộ phái men-sê-vích, trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một người quốc tế chủ nghĩa, cuối năm 1917 đã chuyển sang lập trường chủ nghĩa bốn-sê-vích và đến năm 1918 thì gia nhập Đảng cộng sản (b) Nga. Ông đã đảm nhiệm nhiều trọng trách trong công tác xô-viết và công tác ngoại giao: từ năm 1918 đến năm 1930, là bộ trưởng Bộ dân uỷ ngoại giao, trưởng đoàn các phái đoàn xô-viết tại các hội nghị quốc tế ở Giê-nơ và Lô-da-nơ. Ông là uỷ viên Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga và là uỷ viên Ban chấp hành trung ương các Xô-viết Liên-xô. Tại Đại hội XIV và XV của đảng, ông được bầu vào Ban chấp hành trung ương. – 377, 569.

*Tsiéc-sky (Tschierschky), Dich-phrít* (sinh năm 1872) – nhà kinh tế học tư sản Đức, làm công tác thực tiễn trong các tơ-rôt và xanh-đi-ca. Tác giả của công trình nghiên cứu "Các-ten và tơ-rôt"; xuất bản tạp chí "Kartell-Rundschau" ("Điểm tình hình các-ten"). – 423.

*Tso-khê-kê-li, A. I.* (sinh năm 1874) – một người dân chủ - xã hội, một phần tử men-sê-vích, về nghề nghiệp là luật gia. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, là một phần tử thuộc phái thủ tiêu. Là đại biểu trong Đu-ma nhà nước IV. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử phái giữa. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là đại diện Chính phủ lâm thời tư sản tại Da-cáp-ca-dơ. Trong những năm 1918 - 1921 là bộ trưởng Bộ ngoại giao của chính phủ men-sê-vích ở Gru-di-a, sau đó là một tên bạch vệ lưu vong. – 308, 515.

*Tso-khê-ít-dê, N. X.* (1864 - 1926) – một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Là đại biểu của Đu-ma nhà nước III và IV, cầm đầu đảng đoàn men-sê-vích trong Đu-ma IV. Lê-nin đã gọi Tso-khê-ít-dê là "người dân chủ - xã hội gân đảng", trong Đu-ma đã tỏ ra "có tài bao che cho bọn cơ hội và phục vụ chúng". Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, tuy giữ lập trường phái giữa, nhưng trên thực tế đã ủng hộ chính sách của bọn xã hội - só-vanh Nga. Trong thời gian Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là uỷ viên Ban chấp hành lâm thời của Đu-ma nhà nước, là một phần tử thuộc phái vệ quốc. Tso-khê-ít-dê là chủ tịch Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ Pê-tơ-rô-grát, chủ tịch Ban chấp hành trung ương các Xô-viết khoa I, đã tích cực ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là chủ tịch Quốc hội lập hiến Gru-di-a - chính phủ men-sê-vích phản cách mạng. Năm 1921, sau khi Chính quyền xô-viết được thiết lập ở Gru-di-a, Tso-khê-ít-dê lưu vong sang Pháp. – 25, 26, 52, 64, 73, 100, 116, 118, 156, 302, 306, - 314, 344, 357, 368 - 369, 515, 568, 582, 584.

*Tư-sca (Tyszka), I-an (I-ô-ghi-khê-xơ, Lê-ô)* (1867 - 1919) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Ba-lan và Đức. Là một trong những người sáng lập Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và là uỷ viên Ban lãnh đạo trung ương của đảng này. Ông chống chủ nghĩa dân tộc, kiên trì chủ trương cho rằng cần thiết phải có sự đấu tranh chung giữa giai cấp vô sản Ba-lan với giai cấp vô sản Nga. Ông tích cực tham gia cuộc cách mạng 1905 - 1907.

Ông đã tham gia Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và tại đại hội này ông được bầu vào Ban chấp hành trung ương. Trong những năm thế lực phản động thống trị, Tư-sca tuy lên án phái thủ tiêu, nhưng trong một số trường hợp lại giữ lập trường điều hoà đối với phái đó. Năm 1912, ông chống lại các nghị quyết của Hội nghị Pra-ha. V. I. Lê-nin đã nghiêm khắc phê phán hoạt động của Tư-sca trong thời gian đó. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Tư-sca đang ở Đức, ông tham gia công tác của Đảng dân chủ - xã hội Đức, theo lập trường quốc tế chủ nghĩa; ông là một trong những người tổ chức ra "Liên minh Xpác-ta-cút". Trong những năm 1916 - 1918, ông bị tù. Sau khi được cuộc Cách mạng tháng Mười một 1918 giải phóng, ông tham gia thành lập Đảng cộng sản Đức và được bầu làm bí thư Ban chấp hành trung ương đảng đó. Tháng Ba 1919 ông bị bắt và sau đó bị giết tại nhà tù ở Béc-lanh. – 357.

*Txét-kin* (Zetkin), *Clara* (1857 - 1933) – nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức và quốc tế, một trong những người sáng lập Đảng cộng sản Đức, một nữ văn sĩ có tài, một diễn giả đầy nhiệt tình. Thuộc cánh tả Đảng dân chủ - xã hội Đức, Txét-kin đã cùng với R. Lú-xăm-bua, Ph. Mê-rinh và C. Liếp-nếch tích cực tham gia đấu tranh chống Béc-stanh và những người cơ hội chủ nghĩa khác. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, bà đứng trên lập trường chủ nghĩa quốc tế cách mạng, chống lại chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Năm 1916 bà gia nhập nhóm "Quốc tế", và sau đó gia nhập "Liên minh Xpác-ta-cút". Từ năm 1919 bà là đảng viên Đảng cộng sản Đức; được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng. Tại Đại hội III Quốc tế cộng sản, bà được bầu vào Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Bà là người lãnh đạo Ban thư ký phụ nữ quốc tế thuộc Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Từ năm 1924, bà là chủ tịch vĩnh viễn của Ban chấp hành Tổ chức quốc tế cứu trợ các chiến sĩ cách mạng. – 3

*Txê-đéc-bau-mơ, I-u Ô.* – xem Mác-tốp, L.

*Txê-đéc-bau-mơ, V. Ô.* – xem Lê-vi-txơ-ki, V.

## U

*U-ri-txơ-ki, M. X.* (Bô-rê-txơ-ki) (1873 - 1918) – một người tham gia tích cực phong trào cách mạng ở Nga. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông là người men-sê-vích. Năm

1905, ông hoạt động cách mạng ở Pê-téc-bua. Nhiều lần bị bắt và bị đi đày. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới ông giữ lập trường phái giữa. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, ông gia nhập phái "liên khu" và cùng với họ được kết nạp vào đảng bôn-sê-vích. Tại Đại hội VI Đảng công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga ông được bầu làm uỷ viên Ban chấp hành trung ương, tháng Mười năm 1917, ông được bầu vào Trung tâm quân sự - cách mạng của đảng. Về vấn đề hoà ước Brét, ông giữ lập trường của nhóm "cộng sản cánh tả". Tại Đại hội VII Đảng công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga, ông được bầu làm uỷ viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương. Năm 1918 ông được bổ nhiệm làm chủ tịch Uỷ ban đặc biệt Pê-tơ-rô-grát. Ông bị một tên xã hội chủ nghĩa - cách mạng ám hại. – 568, 569.

*Uy-li-am* (Williams), *T. Rốt-xen* – một người xã hội chủ nghĩa Anh, đảng viên Đảng công nhân độc lập Anh. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, ông giữ lập trường chống chủ nghĩa quân phiệt; lên tiếng phê phán chính sách của các lãnh tụ Quốc tế II. – 302, 375, 377, 590.

## V

*Va-li-ăng* (Vay-ăng) (Vaillant), *E-đu-a Ma-ri* (1840 - 1915) – một người xã hội chủ nghĩa Pháp, một trong những người lãnh đạo Quốc tế II. Trước là uỷ viên Hội đồng trung ương Quốc tế I, Va-li-ăng đã tham gia Ban chấp hành Công xã Pa-ri. Là một trong những người đề xướng ra việc thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp (1901). Năm 1905, sau khi Đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp thống nhất với Đảng xã hội chủ nghĩa cải lương Pháp, Va-li-ăng đã giữ lập trường cơ hội chủ nghĩa về những vấn đề quan trọng nhất. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội sô-vanh. – 134, 570.

*Va-rin* – xem Pri-đô-lin, V. I-u.

*Vai-lơ* (Weill), *Gioóc-giơ* (sinh năm 1882) – một người dân chủ - xã hội Đức, một phần tử xét lại, người xứ An-da-xơ. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới Vai-lơ chạy sang phía người Pháp, tình nguyện gia nhập quân đội Pháp; vì thế mà Vai-lơ bị khai trừ khỏi Đảng dân chủ - xã hội Đức, bị tước quyền nghị sĩ và bị coi là kẻ đào ngũ. – 561.

*Van-đéc-ven-đơ* (Vandervelde) *Ê-mi-lơ* (1866 - 1938) – thủ lĩnh Đảng công nhân Bỉ, chủ tịch Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa thuộc Quốc tế II, giữ lập trường cơ hội chủ nghĩa cực đoan. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới y là một phần tử xã hội - sô-vanh; y tham gia chính phủ tư sản, giữ nhiều chức vụ bộ trưởng. Van-đéc-ven-đơ là tác giả của nhiều cuốn sách và tập sách nhỏ. Như V. I. Lê-nin đã chỉ rõ, trong các tác phẩm của Van-đéc-ven-đơ "chủ nghĩa chiết trung tiểu thị dân chống lại chủ nghĩa Mác, thuật nguy biện chống lại phép biện chứng, chủ nghĩa cải lương phi-li-xtanh chống lại cách mạng vô sản" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 416). – 49, 127, 140, 143, 149, 163, 303, 336, 584.

*Vanh-cốp* (Wijnkoop), *Đa-vít* (1877 - 1941) – một người dân chủ - xã hội Hà-lan, về sau là đảng viên cộng sản. Năm 1907 là một trong những người lập ra tờ "De Tribune" ("Diễn đàn") - cơ quan ngôn luận của cánh tả Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan; về sau là tổng biên tập của báo này. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, Vanh-cốp là một người quốc tế chủ nghĩa, cộng tác với tạp chí "Vorbote" ("Người tiên khu") - cơ quan lý luận của phái tả Xim-méc-van. Là một trong những người sáng lập ra Đảng dân chủ - xã hội; năm 1918 đảng này lấy tên là Đảng cộng sản Hà-lan và đến năm 1919 thì gia nhập Quốc tế cộng sản. – 566.

*Ve-bơ* (Webb), *Bê-a-tơ-ri-xa* (1858 - 1943) – một nhà hoạt động xã hội nổi tiếng người Anh. – 161.

*Ve-bơ* (Webb), *Xít-nây* (1859 - 1947) – nhà hoạt động xã hội nổi tiếng người Anh, một phần tử cải lương. Cùng với vợ là Bê-a-tơ-ri-xa, Ve-bơ đã viết một số tác phẩm về lịch sử và lý luận của phong trào công nhân Anh. Là nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản và quý tộc công nhân, trong những tác phẩm của mình Xít-nây Ve-bơ đã thể hiện tư tưởng giải quyết hoà bình vấn đề công nhân trong khuôn khổ xã hội tư bản chủ nghĩa. Là một trong những người sáng lập ra Hội Pha-biêng cải lương chủ nghĩa. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới giữ lập trường xã hội - sô-vanh. Đã tham gia các chính phủ công đảng lần thứ nhất (1924) và lần thứ hai (1929 - 1931). Có cảm tình với Liên-xô. – 156, 161.

*Vin-hem II* (*Hô-hen-txô-léc*) (1859 - 1941) – hoàng đế Đức và là vua nước Phổ (1888 - 1918). – 160, 318, 342, 452.

*Vin-ních* (Winnig), *Au-gu-xtơ* (1878 - 1956) – một người dân chủ - xã hội Đức, nhà chính luận, trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là một phần tử xã hội sô-vanh. – 569, 570.

*Vuốc-mơ* (Wurm), *Em-ma-nu-in* (1857 - 1920) – một người dân chủ - xã hội Đức, về nghề nghiệp là nhà hoá học. Từ năm 1890 là đại biểu Quốc hội Đức. Trong những năm 1902 - 1917 ông là một trong những biên tập viên của tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới"). Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới ông là người thuộc phái giữa. Sau Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức, ông là bộ trưởng Bộ lương thực. – 139, 159.

## X

*Xa-lan-đra* (Salandra), *An-tô-ni-ô* (1853 - 1931) – nhà hoạt động nhà nước người Ý, là một trong những thủ lĩnh của cánh cực hữu thuộc "khối tự do" của các nhà độc quyền công nghiệp và đại địa chủ ở Ý. Từ năm 1886 ông là nghị sĩ của nghị viện Ý. Từ năm 1914 đến năm 1916 là chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Ý, một trong những người khởi xướng việc Ý tham gia cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới bên phía Đồng minh. Sau khi bọn phát-xít lên nắm chính quyền trong những năm 1922 - 1924 Xa-lan-đra đã cộng tác với chính phủ Mút-xô-li-ni. – 27.

*Xa-môi-lốp*, *Ph. N.* (1882 - 1952) – đảng viên bôn-sê-vích, về nghề nghiệp là công nhân dệt. Đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga từ năm 1903, tham gia tích cực cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, làm công tác đảng ở I-va-nô-vô - Vô-dơ-nê-xen-xơ. Là đại biểu của công nhân tỉnh Vla-đi-mia trong Đu-ma nhà nước IV, Xa-môi-lốp đã tham gia đảng đoàn bôn-sê-vích tại Đu-ma. Tháng Mười một 1914 vì hoạt động cách mạng chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa nên đã bị bắt và đến năm 1915 thì bị đày biệt xứ đến khu Tu-ru-kha-xơ. Sau cuộc Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 làm công tác đảng và chính quyền ở I-va-nô-vô - Vô-dơ-nê-xen-xơ. Sau cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ông công tác ở U-cra-i-na và ở Mát-xcơ-va. Từ năm 1921 là uỷ viên Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga, từ 1922 công tác trong Ban kiểm tra trung ương Đảng cộng sản (b) Nga và trong Ban sưu tầm nghiên cứu và xuất bản tài liệu lịch sử đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga; là phó chủ tịch Hội những người bôn-sê-vích lão thành toàn

Liên-xô; trong những năm 1937 - 1941 là giám đốc Viện bảo tàng cách mạng Liên-xô. – 2, 297.

*Xa-pha-rốp, G. I.* (1891 - 1942) – gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga từ năm 1908. Làm công tác đảng ở Pê-téc-bua và ở nước ngoài. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là uỷ viên Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười làm công tác đảng và công tác xô-viết. Trong thời kỳ có cuộc thảo luận về hoà ước Brét, là một người thuộc nhóm "cộng sản cánh tả". Tại Đại hội XIV của Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô đã đứng về phía "phái đối lập mới", về sau tham gia khối liên minh Tơ-rốt-xki - Di-nô-vi-ép. Năm 1927 đã bị Đại hội XV Đảng cộng sản (b) toàn Liên-xô khai trừ ra khỏi đảng vì đã tích cực hoạt động trong phái đối lập của Tơ-rốt-xki. Năm 1928 được khôi phục đảng tịch, đến năm 1934 vì hoạt động chống đảng lại bị khai trừ khỏi đảng. – 300, 361.

*Xam-ba* (Sembat), *Mác-xen* (1862 - 1922) – một trong những thủ lĩnh cải lương chủ nghĩa của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, một nhà báo. Từ năm 1893 là nghị sĩ. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử xã hội - sô-vanh; từ tháng Tám 1914 đến tháng Chín 1917 là bộ trưởng Bộ công chính trong "chính phủ phòng thủ quốc gia", một chính phủ đế quốc chủ nghĩa ở Pháp. – 140, 158, 303.

*Xanh - Xi-mông* (Saint-Simon), *Hăng-ri Clô-đơ* (1760 - 1825) – nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp; ông đã phê phán chế độ tư bản chủ nghĩa, nêu ra cương lĩnh thay thế chế độ đó bằng một xã hội xây dựng trên nguyên tắc liên hiệp. Xanh - Xi-mông cho rằng trong xã hội mới mọi người đều phải lao động và vai trò của con người cần phải tương xứng với kết quả lao động của họ; đã nêu ra tư tưởng về kết hợp công nghiệp với khoa học, về nền sản xuất tập trung và có kế hoạch. Nhưng ở Xanh - Xi-mông, – như Ăng-ghe-n đã viết, – "bên cạnh xu hướng vô sản, vẫn còn giữ những ảnh hưởng nào đó của xu hướng tư sản" ("Chống Duy-rinh", tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1959, tr. 30). Ông chủ trương giữ nguyên chế độ tư hữu và lợi tức cho tư bản; ông phủ nhận đấu tranh chính trị và cách mạng; do không hiểu được sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản, ông cho rằng những cải cách của chính phủ và giáo

dục đạo đức của xã hội theo tinh thần tôn giáo mới có thể thủ tiêu được các mâu thuẫn giai cấp.

Những tác phẩm chủ yếu của Xanh - Xi-mông là: "Thư của một người ở Giơ-ne-vơ gửi những người cùng thời", "Giới thiệu những công trình khoa học của thế kỷ XIX", "Cuốn chỉ nam của các nhà công nghiệp", "Đạo Cơ-đốc mới". – 540.

*Xác-tô-ri-út phôn Van-tơ-hau-xên* (Sartorius von Waltershausen), *Au-gu-xtơ* (sinh năm 1852) – nhà kinh tế học tư sản Đức. Trong những năm 1888 - 1918 - làm giáo sư Trường đại học tổng hợp Xtơ-ra-xbua; tác giả của nhiều cuốn sách viết về các vấn đề kinh tế và chính trị thế giới. – 505.

*Xcô-bê-lép, M. I.* (1885 - 1939) – tham gia phong trào dân chủ - xã hội trong hàng ngũ phái men-sê-vích từ năm 1903, về nghề nghiệp là kỹ sư. Năm 1906, ra nước ngoài, cộng tác với các báo chí men-sê-vích, tham gia ban biên tập báo "Sự thật" của Tơ-rốt-xki. Là đại biểu của đoàn tuyển cử Nga ở Da-cáp-ca-dơ trong Đu-ma nhà nước IV. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, là người theo phái giữa. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là phó chủ tịch Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, phó chủ tịch Ban chấp hành trung ương các Xô-viết khoa I; từ tháng Năm đến tháng Tám 1917 là bộ trưởng Bộ lao động của Chính phủ lâm thời. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng mười, ông rút ra khỏi phái men-sê-vích, làm việc trong hệ thống hợp tác xã, sau đó làm việc ở Bộ dân uỷ ngoại thương. Từ năm 1922 ông là đảng viên Đảng cộng sản (b) Nga, từng giữ trọng trách trong công tác kinh tế; trong những năm 1936 - 1937 ông làm việc tại Uỷ ban vô tuyến điện Liên-xô. – 515.

*Xem-cốp-xki, X. (Brôn-stanh, X. I-u)*, (sinh năm 1882) – một người dân chủ - xã hội, một phần tử men-sê-vích. Tham gia ban biên tập tờ "Sự thật" ở Viên của Tơ-rốt-xki, đã cộng tác với các cơ quan ngôn luận của phái men-sê-vích - thủ tiêu và với báo chí dân chủ - xã hội nước ngoài. Trong nhiều tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã phê phán gay gắt lập trường của Xem-cốp-xki về các vấn đề dân tộc và các vấn đề khác. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới là một phần tử phái giữa. Năm 1917 đã trở về Nga sau những năm lưu vong và làm uỷ viên Ban chấp hành trung ương men-sê-vích. Năm 1920 đã đoạn tuyệt với phái men-sê-vích. Về sau, làm giáo sư trong các trường cao đẳng U-cra-i-na, làm công tác khoa học và viết sách báo. – 82, 317, 335, 350, 560.

*Xê-mê-nốp*, Ph. A. – xem Bun-kin, Ph. A.

*Xi-men-xơ* (Siemens), *Gioóc-giơ* (1839 - 1901) – một trong những nhà đại công nghiệp và vua tài chính ở Đức. Năm 1870 thành lập "Ngân hàng Đức" và là giám đốc ngân hàng này. Là nghị sĩ của nghị viện Phổ và là nghị sĩ Quốc hội Đức. – 440.

*Xô-mô-nô* (Saumoneua), *Lu-i-da* (sinh năm 1875) – một nữ đảng viên xã hội chủ nghĩa Pháp. Trong thời gian chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa, chống chiến tranh. Tháng Ba 1915 đã tham gia Hội nghị phụ nữ xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Béc-nơ. Có một thời gian cộng tác với cơ quan ngôn luận của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản là tạp chí "Quốc tế cộng sản". – 571.

*Xpếch-ta-to* – xem Na-khim-xôn, M. I.

*Xtít* (Stead), *Uy-li-am Tô-mát* (1849 - 1912) – nhà báo Anh. – 476.

*Xto-ru-vê*, P. B. (1870 - 1944) – nhà kinh tế học và nhà chính luận tư sản, một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến. Trong những năm 90, là đại diện nổi tiếng nhất của "chủ nghĩa Mác hợp pháp", đã đưa ra những điểm "bổ sung" và "phê phán" học thuyết kinh tế và triết học của C. Mác, ra sức làm cho chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân thích nghi với lợi ích của giai cấp tư sản. Từ khi Đảng dân chủ - lập hiến được thành lập vào năm 1905, là uỷ viên Ban chấp hành trung ương của đảng này. Là một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là kẻ điên cuồng chống lại Chính quyền xô-viết, là thành viên của chính phủ phản cách mạng Vran-ghen, là một tên bạch vệ lưu vong. – 69, 70, 97, 319.

*Xu-kha-nốp*, N. (*Ghim-me*, N. N.) (sinh năm 1882) – nhà kinh tế học và nhà chính luận thuộc xu hướng tiểu tư sản. Lúc đầu Xu-kha-nốp là một phần tử dân tuý, sau đó gia nhập phái men-sê-vích, mưu toan kết hợp chủ nghĩa dân tuý với chủ nghĩa Mác. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, tự nhận là một người quốc tế chủ nghĩa. Năm 1917, được bầu làm uỷ viên Ban chấp hành trung ương Xô-viết Pê-tơ-rô-grát; là cộng tác viên của báo "Đời sống mới", tích cực ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản. Trước năm 1920, gia nhập nhóm men-sê-vích của L. Mác-tốp; làm việc trong các cơ quan và các tổ chức kinh tế xô-viết. Năm 1931, Xu-kha-nốp bị kết án là kẻ lãnh đạo tổ chức men-sê-vích bí mật.

Trong các tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán các quan điểm men-sê-vích của Xu-kha-nốp. – 172, 173, 181, 186, 187, 190 - 191, 200 - 201, 207, 214, 227, 279, 361.

*Xu-pan* (Supan), *A-lếch-xan-đrơ* (1847 - 1920) – nhà địa lý học Đức, giáo sư Trường đại học tổng hợp Gô-ta và Bre-xlau. – 473, 477 - 478.

---

## A

*Adler*, V. – xem Át-lơ, Vích-to.

*Askew* – xem A-xki-u, Giôn B.

*Axelrod* – xem Ác-xen-rốt, P. B.

## B

*Berger*, V. – xem Bóc-giơ, Vích-to Lu-i

*Borchardt* – xem Boóc-khác-tơ, I-u-li-an.

*Bourderon* – xem Buốc-đơ-rông, An-be.

*Brizon* – xem Bri-dông, Pi-e

## C

*Cornelissen* – xem Coóc-nê-lít-xen, Cri-xti-an.

## D

*David* – xem Đa-vít, E-đu-a.

*Debs* – xem Đép-xơ, Ép-ghê-ni.

## G

*Grave* – xem Gra-vơ, Giảng.

## H

*Haase* – xem Ha-dơ, Hu-gô

*Henriette Roland Holst* – xem Rô-lăng - Hôn-xơ, Hăng-ri-ét-ta.

*Hillquit* – xem Hin-quýt, Mô-rít.

*Huysmans* – xem Huy-xman, Ca-min  
*Hyndmann* – xem Hen-đman, Hen-ri, May-ơ

**J**

*Jouhaux* – xem Giu-ô, Lê-ông.

**K**

*Kautsky* – xem Cau-xky, Các-lơ.  
*Kolb* – xem Côn-bơ, Vin-hem.

**L**

*Liebkecht* – xem Liép-néch, Các-lơ.  
*Lloyd George* – xem Lô-ít Gioóc-giơ, Đa-vít.  
*Longuet* – xem Lông-ghê, Giảng.

**M**

*Marx* – xem Mác, Các.  
*Merrheim* – xem Méc-hem, An-phông-xơ.  
*Monitor* – xem Mô-ni-to.

**O**

*Otto Rühle* – xem Ruy-lê, Ốt-tô.

**P**

*Parvus* – xem Pác-vu-xơ (Ghen-phan-đơ, A. L.).  
*Pernerstorfer* – xem Péc-néc-xtoóc-phơ, En-ghen-béc.  
*Plechanoff* – xem Plê-kha-nốp, G. V.  
*Pressman* – xem Prét-xơ-man, A-đri-en.

**R**

*Russel* – xem Rát-xen, Sác-lơ Ết-va.  
*Russel Williams* – xem Uy-li-am, T. Rốt-xen.

**S**

*Saumoneau* – xem Xô-mô-nô, Lu-i-da.

**T**

*Treves* – xem Tơ-rê-ve-xơ, Clau-đi-ô.

**V**

*Vaillant* – xem Va-li-ăng, (Vay-ăng), E-đu-a Ma-ri.

**W**

W. – 30.

*Wijnkoop* – xem Vành-cốp, Đa-vít.  
*Winnig* – xem Vin-ních, Au-gu-xơ.  
*Wurm* – xem Vuốc-mơ, Em-ma-nu-in.



## THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA V. I. LÊ-NIN

(Tháng Tám 1915 - tháng Sáu 1916)

1915

Tháng Tám 1915 -  
tháng Sáu 1916:

Lê-nin sống ở Thụy-sĩ (Béc-nơ, Xuy-rích và ở Giô-ren-béc là một làng nhỏ vùng núi, gần Béc-nơ). Người trao đổi thư từ với các tổ chức đảng ở Nga và với một số đảng viên bên-sê-vích, hướng dẫn hoạt động của họ; biên tập báo "Người dân chủ - xã hội", Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; tham gia việc biên tập tạp chí "Người cộng sản" và tạp chí "Vorbote" ("Người tiên khu") - cơ quan ngôn luận của phái tả Xim-méc-van; triển khai hoạt động rộng lớn nhằm đoàn kết những người xã hội chủ nghĩa - quốc tế chủ nghĩa cánh tả trong phong trào công nhân quốc tế.

Lê-nin trao đổi thư từ với đại diện Ban chấp hành trung ương và Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Xtốc-khôn là A. G. Sli-áp-ni-cốp về các vấn đề công tác đảng ở Nga.

Lê-nin trao đổi thư từ với V. A. Các-pin-xki và X. N. Ra-vích chung quanh vấn đề xuất bản báo "Người dân chủ - xã hội", Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Lê-nin trao đổi thư từ với G. E. Di-nô-vi-ép về vấn đề chuẩn bị Hội nghị Xim-méc-van, biên tập báo "Người dân chủ - xã hội", tạp chí "Người cộng sản", và về những vấn đề khác.

Tháng Tám.

Lê-nin tiến hành công tác chuẩn bị cho Hội nghị quốc tế lần thứ nhất của những người xã hội chủ nghĩa - quốc tế chủ nghĩa (công việc chuẩn bị này đã được Người bắt đầu ngay từ tháng Sáu); trao đổi thư từ với những người xã hội chủ nghĩa - quốc tế chủ nghĩa cánh tả thuộc nhiều nước khác nhau, ra sức đoàn kết họ lại, thảo ra một bản tuyên bố chung để đưa ra hội nghị sắp tới, trao đổi thư từ với các chi bộ bên-sê-vích ở ngoài nước - ở Luân-đôn, Pa-ri, Giơ-ne-vơ, Lô-da-nơ, Xuy-rích và ở nhiều thành phố khác, giao cho các chi bộ đó nhiệm vụ thiết lập những giấy liên lạc với những người quốc tế chủ nghĩa; tổ chức dịch và xuất bản những văn kiện chủ yếu của đảng bên-sê-vích trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất để giới thiệu những văn kiện đó với những người quốc tế chủ nghĩa ở các nước.

6 (19) tháng Tám.

Lê-nin gửi cho C. Ra-đếch những nhận xét về dự thảo bản tuyên bố của những người quốc tế chủ nghĩa phái tả mà Ra-đếch soạn thảo để đưa ra Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất, phê bình gay gắt bản dự thảo này: "Không có lấy một lời về chủ nghĩa xã hội - số-vanh (= chủ nghĩa cơ hội) và về cuộc đấu tranh chống lại chúng!! Tại sao lại đi tô điểm như thế cho mối họa và che giấu không cho quần chúng công nhân thấy kẻ thù chính của họ trong các đảng dân chủ - xã hội?"; Người yêu cầu gửi cho Người bản dịch tiếng Đức bản dự thảo tuyên bố của mình và bản dịch Nghị quyết về vấn đề dân tộc của cuộc Hội nghị Ban chấp hành trung ương họp có các cán bộ đảng tham gia ở Pô-rô-nin (năm 1913).

Trong thư gửi V. M. Ca-xpa-rốp, Lê-nin cho biết rằng Hội nghị quốc tế của phái tả sẽ họp vào ngày 5 tháng Chín và yêu cầu

Sau ngày 6 (19)  
tháng Tám.

thi hành một số biện pháp để đẩy nhanh việc dịch cuốn sách "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh" sang tiếng Đức sao cho cuốn sách này được xuất bản trước ngày hội nghị khai mạc.

Trong thư gửi A. M. Côn-lôn-tai, Lê-nin cho biết đã nhận được bản tuyên bố của phái tả Na-uy; Người nhấn mạnh tầm quan trọng của hoạt động chung của phái tả quốc tế; giải thích sự cần thiết phải phân biệt các loại chiến tranh và phải ủng hộ các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Trong thư gửi Đ. Vanh-cốp, một người dân chủ - xã hội cánh tả Hà-lan, một trong những người tổ chức và biên tập báo "Die Tribune", một người quốc tế chủ nghĩa, Lê-nin cho biết rằng Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế sẽ họp vào ngày 5 tháng Chín; Người nói về những thiếu sót trong bản dự thảo tuyên bố của phái tả quốc tế do C. Ra-đếch soạn thảo, và Người yêu cầu Vanh-cốp và Ban lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Hà-lan cho biết ý kiến về vấn đề đó; yêu cầu liên hệ với phái thiểu số trong Đảng xã hội chủ nghĩa Anh và với những người xã hội chủ nghĩa - quốc tế chủ nghĩa ở Bỉ, và thỏa thuận với họ về việc tham dự hội nghị.

Trước ngày 7  
(20) tháng Tám.

Trong thư gửi Đ. Vanh-cốp, Lê-nin cho biết rằng đã gửi bản tuyên bố mà Người nhận được của Đoàn thanh niên Na-uy, rằng "te-xni-ác" Bunge-ri cũng đã phát biểu ý kiến với tinh thần như thế tại cuộc hội nghị Ban-căng II họp vào tháng Bảy 1915. "Do đó, - Người nhận xét, - có thể có được một bản tuyên bố quốc tế của phái tả về các nguyên tắc".

7 (20) tháng Tám.

Lê-nin nhận được thư uỷ nhiệm của Đảng dân chủ - xã hội xứ Lát-vi-a cử đi dự Hội nghị xã hội chủ nghĩa Xim-méc-van. Trong

Trước ngày 10 (23)  
tháng Tám.

10 (23) tháng Tám.

thư gửi sang Luân-đôn cho I-a. A. Béc-din, Người yêu cầu gửi gấp cho Người bản sao thư uỷ nhiệm bằng tiếng Đức hoặc bằng tiếng Pháp, có đóng dấu đúng thể thức và cũng yêu cầu chuyển cho M. M. Lít-vi-nốp bản dự thảo nghị quyết của phái tả Xim-méc-van để giới thiệu với Lít-vi-nốp bản nghị quyết đó và để dịch nó ra tiếng Anh.

Lê-nin viết thư cho G. E. Di-nô-vi-ép nói về thành phần đoàn đại biểu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đi dự Hội nghị Xim-méc-van, về thời gian Người đi đến Béc-nơ.

Bài báo của Lê-nin "Bàn về khẩu hiệu Liên bang châu Âu" được đăng trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 44.

Trong thư gửi A. G. Sli-áp-ni-cốp, Lê-nin cho chỉ thị nhân dịp Sli-áp-ni-cốp về nước Nga; Người viết rằng thật hữu ích khi một người am hiểu và tự chủ đi khắp 2 - 3 trung tâm ở nước Nga, bắt liên lạc rồi trở lại Thụy-điển để chuyển cho Ban chấp hành trung ương những mối liên lạc đó. Người vạch rõ tầm quan trọng của việc đoàn kết các nhóm lãnh đạo trong các trung tâm công nhân, khôi phục bộ phận Ban chấp hành trung ương ở trong nước và chính ngay Ban chấp hành trung ương. Lê-nin hài lòng nhận thấy rằng những sự biến ở nước Nga đã khẳng định tính chất đúng đắn trong lập trường của những người bôn-sê-vích và của khẩu hiệu "làm cho chính phủ nước mình thất bại trong chiến tranh", rằng những thất bại quân sự đang giúp vào việc làm lung lay chế độ Nga hoàng và làm dễ dàng cho sự liên minh giữa các công nhân cách mạng ở Nga và ở các nước khác; vạch ra sách lược của đảng trong trường hợp chiến thắng chế độ Nga hoàng.

*Sau ngày 10 (23) tháng Tám.*

Trong thư gửi cho V. A. Các-pin-xki, Lê-nin yêu cầu là ngay sau khi cuốn sách nhỏ "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh" được xuất bản thì lập tức gửi đến Béc-nơ 10 - 20 cuốn theo địa chỉ của G. L. Sco-lốp-xki.

*15 (28) tháng Tám.*

Lê-nin viết thư cho P. Gô-lây, đại diện của phong trào xã hội chủ nghĩa cánh tả trong khu vực Thụy-sĩ nói tiếng Pháp, khuyên ông ta đến dự Hội nghị Xim-méc-van.

*Nửa cuối tháng Tám.*

Lê-nin viết thư cho E. I. Ri-vli-na, bí thư chi bộ bên-sê-vích ở Lô-da-nơ, cho biết rằng hội nghị quốc tế của cánh tả đã được ấn định họp vào ngày 5 tháng Chín và yêu cầu bà tiếp xúc với các đại diện của phong trào xã hội chủ nghĩa cánh tả trong khu vực Thụy-sĩ nói tiếng Pháp là P. Gô-lây và S. Ne-nơ và làm sáng tỏ những quan điểm của họ về cuộc hội nghị sắp tới.

Trong thư gửi A. M. Côn-lôn-tai, Lê-nin cho biết rằng hội nghị định họp vào ngày 5 tháng Chín; yêu cầu thúc giục các đại diện của những người xã hội chủ nghĩa cánh tả Thụy-điển và Na-uy lên đường để họ kịp đến Thụy-sĩ chậm nhất là ngày 3 tháng Chín; nhấn mạnh rằng mấu chốt của cuộc đấu tranh sẽ là có tuyên bố đấu tranh không khoan nhượng, đến mức phân liệt, với chủ nghĩa xã hội - sô-vanh hay không.

*17 (30) tháng Tám.*

Lê-nin gạch dưới vào bản lời kêu gọi của Ủy ban hành động của phụ nữ xã hội chủ nghĩa Pháp vì hoà bình chống chủ nghĩa sô-vanh; Người sử dụng tài liệu này trong bản thuyết trình "Hai Quốc tế".

*20 - 22 tháng Tám (2 - 4 tháng Chín).*

Lê-nin đi đến Xim-méc-van để tham gia Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế.

Lê-nin dự cuộc họp các đại biểu Nga và Balan, dự Hội nghị Xim-méc-van; cuộc họp này

đã thảo luận sơ bộ những văn kiện mà những đại biểu cánh tả phải đưa ra hội nghị.

Lê-nin viết đề cương báo cáo trình bày tại cuộc họp trừ bị của những người dân chủ - xã hội cánh tả, những đại biểu của Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Xim-méc-van.

Lê-nin lãnh đạo cuộc họp riêng của những người dân chủ - xã hội cánh tả - đại biểu của Hội nghị Xim-méc-van, trình bày bản báo cáo về tính chất của cuộc chiến tranh thế giới và về sách lược của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế.

Lê-nin đưa ra những điểm sửa đổi để đưa vào dự thảo nghị quyết của phái tả Xim-méc-van "Chiến tranh thế giới và những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội".

Lê-nin viết lời tựa cho cuốn sách nhỏ "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh" xuất bản lần thứ nhất (ở ngoài nước).

Lê-nin tham gia Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất họp ở Xim-méc-van, Người tổ chức và đoàn kết cánh tả của hội nghị.

Lê-nin ghi chép các cuộc thảo luận tại Hội nghị Xim-méc-van; soạn đề cương bài phát biểu đáp lại những lời phát biểu của Gi.M. Xe-ra-ri.

Lê-nin soạn đề cương bài phát biểu tại Hội nghị Xim-méc-van.

Lê-nin trao đổi ý kiến với các đại biểu dự Hội nghị Xim-méc-van, thuyết phục họ tin rằng cần phải có những hành động quyết liệt trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Tại một phiên họp của hội nghị, khi đáp lại lời phản bác của đại biểu Đức là G. Lê-đê-bua nói rằng từ nước ngoài Lê-nin rất dễ dàng ném vào quần chúng những khẩu

*22 tháng Tám (4 tháng Chín).*

*Trước ngày 23 tháng Tám (15 tháng Chín).*

*23 - 26 tháng Tám (5 - 8 tháng Chín).*

hiệu cách mạng, Lê-nin tuyên bố rằng Người đã từng nghe những lời buộc tội như thế từ cửa miệng của tên uỷ viên công tố của Nga hoàng, còn ở một người xã hội chủ nghĩa thì Người chờ đợi những luận chứng khác. Tại một phiên họp của Hội nghị Xim-méc-van, Người viết cho V. Cô-la-rốp mấy dòng: "Anh nghĩ sao, liệu có thể hoạt động trong quân đội, trong chiến hào được không?"

Lê-nin viết nhận xét về đề cương tuyên ngôn của hội nghị, ghi chép thành phần các đoàn đại biểu và tính số người đã tham gia biểu quyết tán thành bản dự thảo nghị quyết của phái tả Xim-méc-van.

Tại Hội nghị Xim-méc-van, Lê-nin đưa ra những điểm bổ sung vào bản tuyên bố của phái tả Xim-méc-van.

Lê-nin được bầu vào Ban thường trực phái tả Xim-méc-van.

*Khoảng từ 23 đến 26 tháng Tám (từ 5 đến 8 tháng Chín).*

Cuốn sách nhỏ "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh (Thái độ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đối với chiến tranh)" được xuất bản bằng tiếng Đức; cuốn sách đã được phân phát cho các đại biểu dự Hội nghị Xim-méc-van.

*26 hoặc 27 tháng Tám (8 hoặc 9 tháng Chín).*

Lê-nin từ Xim-méc-van trở về Giô-ren-béc.

*Khoảng từ 26 đến 31 tháng Tám (từ 8 đến 13 tháng Chín).*

Nhân có dự kiến A. M. Côn-lôn-tai sẽ sang Mỹ, Lê-nin viết thư cho bà nói rõ sự cần thiết phải đoàn kết những người quốc tế chủ nghĩa ở Mỹ; yêu cầu tổ chức việc xuất bản bằng tiếng Anh cuốn sách "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh".

*Sau ngày 26 tháng Tám (8 tháng Chín).*

Lê-nin viết dàn bài của bài viết về Hội nghị Xim-méc-van.

*28 hoặc 29 tháng Tám (10 hoặc 11 tháng Chín).*

Lê-nin nói chuyện với một người dân chủ - xã hội Lát-vi-a đến thăm Người ở Giô-ren-béc.

*29 hoặc 30 tháng Tám (11 hoặc 12 tháng Chín).*

Tạp chí "Người cộng sản" số 1 - 2 được xuất bản; số tạp chí này có những bài của Lê-nin "Sự phá sản của Quốc tế II", "Tiếng nói chân thật của một người xã hội chủ nghĩa Pháp", "Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội ở Ý (Bình luận ngắn)".

*Khoảng từ 31 tháng Tám đến 6 tháng Chín (từ 13 đến 19 tháng Chín).*

Trong thư gửi G. E. Di-nô-vi-ép, Lê-nin phê phán bản báo cáo của C. Ra-đếch về Hội nghị Xim-méc-van; gửi đề cương những truyền đơn chống chiến tranh do Người soạn thảo để gửi về Nga.

*Nửa cuối tháng Tám.*

Nhân A. G. Sli-áp-ni-cốp về nước Nga, trong một lá thư Lê-nin chỉ thị cho Sli-áp-ni-cốp về việc thiết lập những mối liên lạc và về những vấn đề khác của công tác đảng: "Cần phải thành lập những nhóm ở Nga (trong số những công nhân già tán thành tờ "Sự thật", những công nhân có kinh nghiệm, thông minh, nắm vững hoàn toàn vấn đề chiến tranh), và đưa những người ưu tú nhất trong số này (2 - 3) vào Ban chấp hành trung ương".

*Tháng Tám.*

Khi ở Giô-ren-béc, Lê-nin nghiên cứu tài liệu về các vấn đề chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh đế quốc chủ nghĩa mà Người nhận được từ các thư viện ở Béc-nơ và Xuy-rích gửi tới.

Lê-nin viết bài "Lời kêu gọi nhân cuộc chiến tranh".

*Mùa hè.  
Sau ngày 5 (18) tháng Chín.  
6 (19) tháng Chín.*

Lê-nin viết bài: "Cảm ơn về sự thắng trận".

Lê-nin viết bài: "Thất bại của nước Nga và cuộc khủng hoảng cách mạng".

Trong thư gửi A. G. Sli-áp-ni-cốp, Lê-nin viết rằng Người nhận được rất ít tin tức từ

nước Nga, rằng việc trao đổi thư từ tổ chức chưa tốt, rằng việc bức thiết nhất là tập hợp các mối liên lạc, thiết lập những mối liên hệ đều đặn: "hiện giờ máu chốt của toàn bộ công tác là ở đó, không có cái đó thì không thể nghĩ đến sau này được".

Trong thư gửi đi Xuy-rích cho M. M. Kha-ri-tô-nốp, Lê-nin cho biết là Người muốn rằng vào khoảng giữa tháng Mười sẽ thuyết trình tại Xuy-rích về "Hội nghị quốc tế 5 - 8 tháng Chín 1915".

Trong thư gửi C. Ra-đếch, Lê-nin vạch trần hành vi không trung thực của R. Grim đối với những người Xim-méc-van phái tả; viết về những điểm không chính xác trong bài tường thuật về Hội nghị Xim-méc-van đăng trên báo "Bernern Tagwacht", về việc Grim lờ đi không nói đến số lượng đại biểu biểu quyết tán thành dự thảo nghị quyết của phái tả Xim-méc-van.

Trong thư gửi V. A. Các-pin-xki, Lê-nin nói là Người có ý định sẽ thuyết trình tại Giơ-ne-vơ vào giữa tháng Mười về đề tài: "Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế 5 - 8 tháng Chín 1915".

*Khoảng từ 6 đến 28 tháng Chín (từ 19 tháng Chín đến 11 tháng Mười).*

Lê-nin viết thư cho G. L. Scơ-lốp-xki yêu cầu nói C. Ra-đếch gửi đến cho Người những bản sao các văn kiện của phái tả Xim-méc-van cần thiết cho Cơ quan ngôn luận trung ương - báo "Người dân chủ - xã hội", những văn kiện mà Ra-đếch còn đang giữ lại.

*Sau ngày 6 (19) tháng Chín.*

Lê-nin đánh dấu và ghi nhận xét vào trong cuốn sách nhỏ của P. Ác-xen-rốt "Cuộc khủng hoảng và nhiệm vụ của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế" (P. Axelrod. "Die Krise und die Aufgaben der internationalen Sozialdemokratie", Zürich, 1915); Người đã sử dụng

*7 (20) và sau ngày 8 (21) tháng Chín.*

Lê-nin viết hai bức thư gửi C. Ra-đếch, yêu cầu gửi ngay những bản sao các văn kiện của phái tả Xim-méc-van mà Người cần đến; về Grim, Người nói rằng "lòng trung thành" của ông ta chỉ là câu nói suông.

*Sau ngày 11 (24) tháng Chín.*

Lê-nin đánh dấu vào trong bài báo ở Ô. Đép-xơ "Khi tôi sẽ chiến đấu"; Lê-nin đã sử dụng bài này trong bài diễn văn của mình đọc tại cuộc mít-tinh quốc tế ở Béc-nơ ngày 8 tháng Hai 1916.

*Sau ngày 12 (25) tháng Chín.*

Lê-nin viết thư "Gửi Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế (I. S. K)".

*Khoảng từ 18 đến 23 tháng Chín (từ 1 đến 6 tháng Mười).*

Lê-nin từ Giơ-ren-béc trở lại Béc-nơ.

*Trước ngày 20 tháng Chín, (3 tháng Mười)*

Lê-nin báo cho V. A. Các-pin-xki biết về ngày tháng Người sẽ thuyết trình tại Xuy-rích và Giơ-ne-vơ.

*23 và 24 tháng Chín (6 và 7 tháng Mười).*

Trong những bức thư gửi V. A. Các-pin-xki, Lê-nin cho biết rằng Người nhận được từ nước Nga những tin tức quan trọng và tốt đẹp, rằng số báo sắp tới (số 47) của tờ "Người dân chủ - xã hội" với những tài liệu từ nước Nga sẽ được xuất bản ở Bi-um-pli-txơ (gần Béc-nơ) tại nhà in Ben-tê-li.

*Trước ngày 23 tháng Chín, (6 tháng Mười).*

Lê-nin viết các bài báo "Bước đầu" và "Những người mác-xít cách mạng tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế 5 - 8 tháng Chín 1915". Những bài báo này được đăng trong báo "Người dân chủ - xã hội", số 45 - 46, ngày 11 tháng Mười.

*Khoảng từ 23 đến 26 tháng*

Lê-nin liệt kê những tờ báo khổ nhỏ xuất bản ở Pê-tơ-rô-grát trong thời gian chiến tranh;

*Chín (từ 6 đến 9 tháng Mười).*

đánh dấu vào những tờ báo đó.

*Khoảng từ 23 đến 30 tháng Chín (từ 6 đến 13 tháng Mười).*

Lê-nin viết bài "Vài luận cương. Lời ban biên tập". Bài này được in trong báo "Người dân chủ - xã hội", số 47, ra ngày 13 tháng Mười.

Lê-nin hiệu đính bài của N. C. Crúp-xcai-a "Báo khổ nhỏ của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong thời kỳ chiến tranh" viết cho báo "Người dân chủ - xã hội", số 47.

*24 tháng Chín (7 tháng Mười).*

Trong thư gửi cho mẹ là bà M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo tin về việc Người và N. C. Crúp-xcai-a chuyển đến Béc-nơ, Người hỏi về bản danh mục ghi những số sách Người cần dùng mà Người đã gửi đến cho chị gái là A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va.

*27 tháng Chín (10 tháng Mười).*

Trong thư gửi A. G. Sli-áp-ni-cốp, Lê-nin báo tin về việc phát hành hai số báo "Người dân chủ - xã hội", số 45 - 46 và số 47; Người nhắc nhở rằng điều quan trọng nhất trong tình hình hiện nay là lập cho được những đường dây liên lạc với nước Nga và làm cho những đường dây liên lạc này hoạt động đều đặn.

*Sớm nhất là ngày 28 tháng Chín (11 tháng Mười).*

Lê-nin viết bài: "Những người quốc tế chủ nghĩa chính cống: Cau-xky, Ác-xen-rốt, Mác-tốp".

*Cuối tháng Chín*

Lê-nin hiệu đính cuối sách nhỏ của A. M. Côn-lôn-tai "Ai cần đến chiến tranh?".

*Cuối tháng Chín - tháng Mười.*

Lê-nin viết thư cho R. Grim ở Béc-nơ, trong thư Người cho biết là đã gửi báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong những năm chiến tranh để đăng trong "Bản tin" của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế.

*Sau tháng Chín.*

Lê-nin viết dự thảo bức thư gửi R. Grim nói về việc Ban chấp hành trung ương Đảng công

*Khoảng từ 4 (17) tháng Mười đến 7 (20) tháng Mười một 5 hoặc 6 (18 hoặc 19) tháng Mười.*

Lê-nin viết bài "Về hai đường lối cách mạng". Bài này được in trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 48, ngày 20 tháng Mười một.

Lê-nin thuyết trình tại Lô-da-nơ đề tài "Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế 5 - 8 tháng Chín 1915".

*7 hoặc 9 (20 hoặc 22) tháng Mười.*

Lê-nin thuyết trình tại Giơ-ne-vơ đề tài "Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế 5 - 8 tháng Chín 1915".

*10 (23) tháng Mười.*

Lê-nin thuyết trình tại Xuy-rích đề tài "Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế 5 - 8 tháng Chín 1915".

*Trước ngày 15 (28) tháng Mười.*

Lê-nin viết bản phác thảo, vắn tắt đề cương, và ghi vắn tắt bài thuyết trình "Chủ nghĩa đế quốc và quyền dân tộc tự quyết".

*15 (28) tháng Mười.*

Lê-nin thuyết trình tại Giơ-ne-vơ về "Chủ nghĩa đế quốc và quyền dân tộc tự quyết".

*Sau ngày 16 (29) tháng Mười.*

Lê-nin gạch dưới vào bài của C. Ra-đếch (Parabellum) nhan đề: "Annexionen und Sozialdemokratie" ("Những sự thôn tính và Đảng dân chủ - xã hội"), đăng trên báo "Berliner Tagwacht", số 252 và số 253, ngày 28 và 29 tháng Mười 1915. Lê-nin đã viết bài "Giai cấp vô sản cách mạng và quyền dân tộc tự quyết" để phân tích phê phán bài này.

Lê-nin viết bài "Giai cấp vô sản cách mạng và quyền dân tộc tự quyết".

*Trước ngày 27 tháng Mười (9 tháng Mười một).*

Qua G. L. Sơ-lốp-xki, Lê-nin gửi sang Mỹ 500 bản của cuốn sách "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh" cho A. M. Côn-lôn-tai.

27 tháng Mười  
(9 tháng Mười một).

Trong thư gửi đi Niu-ôóc cho A. M. Côn-lôn-tai, Lê-nin cho biết là trong những ngày sắp tới ở Béc-nơ sẽ xuất bản bằng tiếng Đức và tiếng Pháp cuốn sách nhỏ "Internationale Flugblätter" ("Các báo truyền tay quốc tế"), tập I; yêu cầu xuất bản cuốn sách này bằng tiếng Anh ở Mỹ.

Khoảng từ 31 tháng  
Mười đến 9 tháng  
Mười một (từ 13 đến  
22 tháng Mười một).

Lê-nin viết bức thư "Gửi đồng chí bí thư "Liên minh tuyên truyền xã hội chủ nghĩa".

Đầu tháng Mười một

Lê-nin viết thư gửi A. Di-phen-tơ hỏi về khả năng dịch ra tiếng Ý cuốn sách "Internationale Flugblätter", tập I.

2 (15) tháng Mười  
một.

Lê-nin nhận được lời mời đến dự phiên họp của Ban lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ, cuộc họp này được ấn định vào ngày 20 tháng Mười một 1915.

Khoảng từ 2 đến 7  
(từ 5 đến 20) tháng  
Mười một.

Lê-nin viết bài "Đến tột điểm". Bài này được in trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 48, ngày 20 tháng Mười một.

Sau ngày 7 (20) tháng  
Mười một.

Lê-nin gửi cho V. A. Các-pin-xki và X. N. Ra-vích cuốn sách nhỏ "Internationale Flugblätter", tập I; Người yêu cầu giới thiệu cuốn sách này với Ghin-bô và những người quốc tế chủ nghĩa Pháp khác.

9 (22) tháng Mười  
một.

Lê-nin viết hai lá thư gửi đi Niu-ôóc cho A. M. Côn-lôn-tai nói về tờ báo khổ nhỏ của "Liên minh tuyên truyền xã hội chủ nghĩa" ở Mỹ. Người yêu cầu hết sức cố gắng để lấy những thành viên của Liên minh mà lập ra một trong những điểm tựa của phái tả Xim-méc-van ở Mỹ.

Sau ngày 10 (23) tháng  
Mười một.

Lê-nin hiệu đính bản dịch ra tiếng Ý Tuyên ngôn của phái tả Xim-méc-van để đăng trong "Internationale Flugblätter", tập I.

Trước ngày 14 (27)  
tháng Mười một.

Trong thư gửi G. E. Di-nô-vi-ép, Lê-nin đề nghị in toàn văn, thành truyền đơn riêng, bản báo cáo về hoạt động của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong những năm chiến tranh, vì do khi chuẩn bị cho in bản báo cáo này trong "Bản tin" của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế, R. Grim đã sửa chữa văn kiện đó.

Khoảng từ 17 (30)  
tháng Mười một đến  
8 (21) tháng Chạp.

Lê-nin đánh dấu và ghi nhận xét vào văn tập "Quốc tế và chiến tranh", số I (1915) của Ban thư ký ở nước ngoài của Ủy ban tổ chức, những nhận xét này Lê-nin đã sử dụng trong bài "Chính sách xã hội - sô-vanh che đậy bằng những câu quốc tế chủ nghĩa".

Lê-nin viết bài "Chính sách xã hội - sô-vanh che đậy bằng những câu quốc tế chủ nghĩa". Bài này đã được in trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 49, ngày 21 tháng Chạp.

Mùa thu.

Lê-nin viết thư cho A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va yêu cầu tìm người xuất bản cuốn sách "Những tài liệu mới về những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tập I. Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp ở Hợp chủng quốc Mỹ".

Trước ngày 3 (16)  
tháng Chạp.

Lê-nin viết thư cho X. N. Ra-vích đánh giá cuộc bầu cử vào các uỷ ban công nghiệp chiến tranh ở Pê-tơ-rô-grát và đánh giá nghị quyết của chi bộ bôn-sê-vích ở Giơ-ne-vơ nói về cuộc bầu cử đó.

Sau ngày 14 (27)  
tháng Chạp.

Trong phần viết thêm vào thư của N. C. Crúp-xcai-a gửi chi bộ Pa-ri của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Lê-nin chỉ rõ là cần phải thu hút những người Pháp đứng trên lập trường của phái tả Xim-méc-van để họ tham gia tạp chí "Vorbote" ("Người tiên khu").

Giữa tháng Chạp.

Lê-nin tiến hành cuộc họp những người dân chủ - xã hội quốc tế chủ nghĩa để bàn về

- vấn đề chuẩn bị cuộc Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai.
- 29 tháng Chạp  
(11 tháng Giêng 1916).* Lê-nin gửi cho A. M. Goóc-ki bản thảo cuốn sách "Những tài liệu mới về những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tập I. Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp ở Hợp chúng quốc Mỹ", viết xong năm 1915, để Nhà xuất bản "Cánh buồm" xuất bản ở Pê-tơ-rô-grát.
- 31 tháng Chạp  
(13 tháng Giêng 1916).* Trong thư gửi đến Pa-ri cho I. Ph. Ác-măng, Lê-nin báo tin: "Chúng tôi có một vài tin tức hay từ Tổ quốc...".
- Tháng Chạp.* Lê-nin viết lời nói đầu cho cuốn sách của N. Bukha-rin "Kinh tế thế giới và chủ nghĩa đế quốc".
- Cuối năm 1915.* Lê-nin viết bài "Chủ nghĩa cơ hội và sự phá sản của Quốc tế II".
- Năm 1915.* Tại các thư viện ở Béc-nơ, Xuy-rích và Giơ-ne-vơ, Lê-nin tiếp tục nghiên cứu những sách báo về triết học - công việc này Người bắt đầu từ năm 1914 - với ý định viết một cuốn sách chuyên khảo về phép biện chứng; ghi tóm tắt những cuốn sách của Hê-ghen, A-ri-xtốt, Phơ-bách và những người khác; viết những nhận xét về các bài báo và sách có tính chất triết học và khoa học tự nhiên; viết đoạn "Về vấn đề phép biện chứng", trong đó Người khái quát mọi cái chủ yếu tạo thành bản chất của phép biện chứng duy vật.
- Lê-nin nghiên cứu những tài liệu về vấn đề dân tộc.
- 1916*
- Tháng Giêng -  
19 tháng Sáu  
(2 tháng Bảy).* Lê-nin viết cuốn sách "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" tại thư viện ở Béc-nơ, rồi sau đó tại thư viện ở Xuy-rích.

- 2 (15) tháng Giêng* Lê-nin lãnh đạo cuộc họp Ban thường trực phái tả Xim-méc-van, cuộc họp này đã thảo luận vấn đề về quyền đại diện của những người dân chủ - xã hội cánh tả Hà-lan trong Ban thường trực và về việc xuất bản tạp chí "Vorbote"- cơ quan ngôn luận của nhóm tả Xim-méc-van.
- Trong thư gửi đi Pa-ri cho I. Ph. Ác-măng, Lê-nin cho biết là ngày 2 tháng Giêng 1916 những người dân chủ - xã hội cánh tả Hà-lan đã nhất trí gia nhập phái tả Xim-méc-van và về những sự bất hoà với Ra-đếch.
- 3 (16) Tháng Giêng.* Trong đoạn viết thêm vào lá thư của N. C. Crúp-xcai-a gửi X. N. Ra-vích (Ôn-ga), Lê-nin cho biết rằng tạp chí "Vorbote" đã được tổ chức xong, rằng H. Rô-lăng - Hôn-xtơ và những người dân chủ - xã hội cánh tả Hà-lan khác đã gia nhập phái tả Xim-méc-van.
- 6 (19) tháng Giêng.* Trong thư gửi cho I. Ph. Ác-măng ở Pa-ri, Lê-nin cho biết là đã bắt đầu chuẩn bị cho in tạp chí "Vorbote".
- Trước ngày 8 (21)  
tháng Giêng.* Lê-nin viết thư cho H. Rô-lăng - Hôn-xtơ nói về vấn đề Ban thường trực phái tả Xim-mec-van tham gia tạp chí "Vorbote".
- 12 (25) tháng Giêng.* Lê-nin lãnh đạo cuộc họp của Ban thường trực phái tả Xim-méc-van, cuộc họp này đã thảo luận những biện pháp có quan hệ đến việc xuất bản số đầu tiên của tạp chí "Vorbote" trong thời gian sắp tới.
- Sau ngày 12 (25) tháng  
Giêng.* Bài báo của Lê-nin "Chủ nghĩa cơ hội và sự phá sản của Quốc tế II" được in trong số 1 của tạp chí "Vorbote".
- 14 (27) tháng Giêng.* Trong thư gửi M. M. Kha-ri-tô-nốp, Lê-nin hỏi về những điều kiện sống ở Xuy-rích và về khả năng có thể thuyết trình ở đây một vài buổi hay không.



- Giữa tháng Giêng.* Lê-nin tổ chức việc dịch số 1 tạp chí "Vorbote" từ tiếng Đức ra tiếng Pháp.
- 16 (29) tháng Giêng.* Trong thư gửi M. M. Kha-ri-tô-nốp, Lê-nin cho biết là Người sẽ tới Xuy-rích ngày 22 tháng Giêng (4 tháng Hai) và yêu cầu Kha-ri-tô-nốp tìm cho Người và N. C. Crúp-xcai-a một căn phòng giá thuê rẻ một chút, "tốt hơn hết là trong một gia đình công nhân **bình thường**" với hình thức trả tiền thuê từng tuần.
- 17 (30) tháng Giêng.* Lê-nin viết thư cho chi bộ bôn-sê-vích ở Xuy-rích nói về công tác trong thanh niên nhân dịp Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa của các tổ chức thanh niên sắp được triệu tập trong thời gian tới.
- Khoảng từ 17 (30) tháng Giêng đến 5 (18) tháng Hai.* Lê-nin viết bài "Ban tổ chức và đảng đoàn Tso-khê-ít-dê có đường lối của mình không?". Bài này được in trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 50, ngày 18 tháng Hai.
- 23 - 27 tháng Giêng (5 - 9 tháng Hai).* Lê-nin tham gia Hội nghị Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng họp ở Béc-nơ.  
Lê-nin ghi chép chương trình nghị sự và thành phần tham dự Hội nghị của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng.  
Tại Hội nghị Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng, Lê-nin đề nghị đưa ra thảo luận bản dự thảo của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế. "Rundschreiben an alle angeschlossenen Parteien und Gruppen" ("Lời kêu gọi gửi tất cả các đảng và các nhóm đồng tình") do R. Grim đưa ra.  
Lê-nin đưa ra những điểm sửa chữa và bổ sung vào bản dự thảo lời kêu gọi của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế.  
Tại Hội nghị Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng, Lê-nin thay mặt những người

- bôn-sê-vích và Ban lãnh đạo xứ của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va đọc lời tuyên bố phản đối việc mời C. Cau-xky. G. Ha-dơ và E. Béc-stanh đến dự Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai.
- Lê-nin viết "Dự thảo nghị quyết về việc triệu tập Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai".
- Lê-nin viết đề án của đoàn đại biểu Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "Gửi hội nghị 24 tháng Tư 1916" về quyền đại diện tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai. Bản đề án này đã được đưa ra Hội nghị Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng.
- Trước ngày 26 tháng Giêng (8 tháng Hai)* Lê-nin báo cho A. M. Goóc-ki biết là Người đã gửi cho ông bằng bưu kiện có bảo đảm cuốn sách nhỏ của N. C. Crúp-xcai-a "giáo dục quốc dân và dân chủ".
- 26 Tháng Giêng (8 tháng Hai).* Tại cuộc mít tinh quốc tế ở Béc-nơ, Lê-nin đã đọc diễn văn nói về cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và những nhiệm vụ của giai cấp vô sản.
- 28 tháng Giêng (10 tháng Hai)* Lê-nin viết bức thư "Về những nhiệm vụ của phái đối lập ở Pháp (Thư gửi đồng chí Xa-pha-rốp)". Bức thư này đã được in thành truyền đơn riêng bằng tiếng Pháp tại Giơ-ne-vơ, năm 1916.
- 28 hoặc 29 tháng Giêng (19 hoặc 11 tháng hai).* Lê-nin rời Béc-nơ đến sống ở Xuy-rích.
- Khoảng từ 30 tháng Giêng đến 4 tháng Hai (từ 12 đến 17 tháng Hai).* Lê-nin chuẩn bị bản thuyết trình "Hai Quốc tế"; trích ghi các báo chí; viết dàn bài báo cáo.
- 31 tháng Giêng (13 tháng Hai).* Trong thư gửi cho X. N. Ra-vích, Lê-nin báo tin: "Thứ năm (17. 11.) tôi sẽ trình bày

tại đây bản thuyết trình đầu tiên ("Hai Quốc tế"), rồi ít bữa nữa sẽ trình bày bản thuyết trình thứ hai ("Những điều kiện hoà bình và vấn đề dân tộc" hoặc một vấn đề nào đại loại thế)". Người yêu cầu báo tin cho biết "khi nào có thể trình bày bản thuyết trình "thứ nhất hay là cả hai?" ở Giơ-ne-vơ".

*Tháng Giêng.*

Lê-nin tiến hành cuộc họp các đại biểu của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội" - Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga - có các đại diện Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ và Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va tham gia để bàn về vấn đề xem xét lại cương lĩnh ruộng đất của đảng đã được thông qua tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp tại Xtóc-khôm năm 1906. Trong báo cáo đọc tại cuộc họp, Lê-nin luận chứng cho cương lĩnh quốc hữu hoá ruộng đất trong điều kiện dân chủ hoá đầy đủ chế độ nhà nước ở Nga.

*Tháng Giêng - tháng Hai.*

Lê-nin viết luận cương "Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết". Luận cương này đã được in trên tạp chí "Vorbote", số 2, tháng Tư năm 1916.

Lê-nin viết bình luận ngắn về luận cương "Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết".

*3 (16) tháng Hai.*

Lê-nin gửi cho các chi bộ bên-sê-vích ở ngoài nước bản thông báo về cuộc Hội nghị của Uỷ ban xã hội chủ nghĩa quốc tế mở rộng họp trong những ngày 23 - 27 tháng Giêng (5 - 9 tháng Hai); Người đề nghị chuẩn bị ngay cho cuộc Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai sắp họp, động

*4 (17) tháng Hai.*

Tại Xuy-rích, Lê-nin thuyết trình về đề tài: "Hai Quốc tế".

Trong thư gửi X. N. Ra-vích, Lê-nin yêu cầu ấn định ngày thuyết trình ở Giơ-ne-vơ hoặc là trước ngày 25, hoặc là sau ngày 26 tháng Hai, cũng như biên thư cho biết ngày thuyết trình ở Lô-da-nơ.

*Trước ngày 13 (26) tháng Hai.*

Lê-nin chuẩn bị các bản thuyết trình ở Xuy-rích và Giơ-ne-vơ về đề tài ""Những điều kiện hoà bình" trong mối quan hệ với vấn đề dân tộc"; trích ghi các báo và tạp chí; viết dàn bài đề cương vắn tắt của bản thuyết trình.

*13 (26) tháng Hai.*

Lê-nin thuyết trình tại Xuy-rích về đề tài ""Những điều kiện hòa bình" trong mối quan hệ với vấn đề dân tộc".

Trong thư gửi I. Ph. Ác-măng, Lê-nin nhận xét rằng trong Đảng dân chủ - xã hội Đức, Ô. Ruy-lê và "Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức" tán thành phân liệt; nhóm "quốc tế" dao động; Người yêu cầu viết về vấn đề này gửi về Pê-tơ-rô-grát.

*14 (27) tháng Hai.*

Trong thư gửi X. N. Ra-vích, Lê-nin thoả thuận về đề tài thuyết trình tại Giơ-ne-vơ.

*Trước ngày 16 (29) tháng Hai.*

Lê-nin ghi những đoạn trích, nhận xét và ghi chú vào cuốn sách nhỏ của V. Côn-bơ "Die Sozialdemokratie am Scheidewege" ("Đảng dân chủ - xã hội ở ngã ba đường"), những đoạn trích, những nhận xét và ghi chú này Người đã sử dụng trong bài báo của mình "Vin-hem Côn-bơ và Giê-oóc-gi Plê-kha-nốp".

*16 (29) tháng Hai.*

Những bài của Lê-nin "Khẩu hiệu ngày nay ở Nga: hoà bình không có thôn tính và độc lập của Ba-lan", "Vin-hem Côn-bơ và Giê-

- oóc-gi Plê-kha-nốp" được đăng trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 51.
- 17 tháng Hai (1 tháng Ba).* Lê-nin thuyết trình tại Giơ-ne-vơ về đề tài ""Những điều kiện hòa bình" trong mối quan hệ với vấn đề dân tộc". Hơn 200 người đã đến dự buổi thuyết trình.
- Khoảng từ 19 tháng Hai đến 7 tháng Ba (từ 3 đến 20 tháng Ba).* Lê-nin viết bài "Về cương lĩnh hoà bình". Bài này đã được in trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 52, ngày 25 tháng Ba.
- 27 tháng Hai (11 tháng Ba).* Trong thư gửi A. G. Sli-áp-ni-cốp, Lê-nin yêu cầu nhất thiết phải đình bản tạp chí "Người cộng sản", vì nhóm Bu-kha-rin - Pi-a-ta-cốp và Bô-sơ có lập trường chống đảng trong vấn đề dân tộc; Người đề nghị thay thế tạp chí này bằng "Văn tập "Người dân chủ - xã hội"" do ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội" chủ biên).
- 28 tháng Hai (12 tháng Ba).* Trong thư gửi M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin cho biết là Người chuyển đến ở Xuy-rích để làm việc tại các thư viện Xuy-rích.
- 29 tháng Hai (13 tháng Ba).* Lê-nin từ chối không tham gia văn tập mà người ta xuất bản để phê phán chủ trương bảo vệ tổ quốc và luận chứng cho cương lĩnh Xim-méc-van, và dự định sẽ xuất bản hợp pháp ở Nga, bởi lẽ các điều kiện đã nói trước là các bài trong văn tập phải không được công kích lẫn nhau.
- Cuối tháng Hai - tháng Ba.* Lê-nin viết "Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai" (luận cương); Người tổ chức việc dịch luận cương ra tiếng Đức và tiếng Pháp và gửi cho các chi bộ bôn-sê-vích ở ngoài nước và những người quốc tế chủ nghĩa cánh tả ở các nước. Luận cương này được đăng trong số 4 "Bản tin" của Ủy ban xã hội chủ nghĩa quốc tế, ra ngày 22 tháng Tư ở Béc-nơ.

- Tháng Hai.* Lê-nin viết thư cho chi bộ bôn-sê-vích ở Pa-ri nói rằng những người cánh tả ở Pháp cần phải hình thành về mặt tổ chức trên cơ sở cương lĩnh của phái tả Xim-méc-van.
- Tháng Hai - tháng Ba.* Lê-nin viết "Thư của Ban chấp hành tổ chức ở nước ngoài gửi các chi bộ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", trong đó Người phê phán chủ nghĩa cơ hội trong Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan.
- Tháng Hai - tháng Tư. 6 (19) tháng Ba.* Lê-nin viết bài: "Phân liệt hay thối nát?". Trong thư gửi A. M. Côn-lôn-tai, Lê-nin chỉ thị dịch ra tiếng Anh và xuất bản ở Na-uy cuốn "Internationale Flugblätter", tập 1, trong đó có in dự thảo nghị quyết và Tuyên ngôn của phái tả Xim-méc-van, và Người chỉ thị phải áp dụng những biện pháp để phổ biến cuốn đó ở Mỹ, Anh, Thụy-điển, Na-uy. Người gửi luận cương "Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết" để giới thiệu với những người dân chủ - xã hội Thụy-điển và Na-uy.
- Sau ngày 6 (19) tháng Ba.* Trong thư gửi A. M. Côn-lôn-tai, Lê-nin nói về quyền đại diện của phái tả Na-uy tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai sắp họp.
- Trước ngày 12 (25) tháng Ba.* Lê-nin viết thư cho A. I. U-li-a-nô-va Ê-li-da-rô-va nói về việc tổ chức việc vận chuyển và gửi sách báo về Nga.
- Trong thư gửi G. E. Di-nô-vi-ép, Lê-nin chỉ rõ rằng Ban thường trực phái tả Xim-méc-van cần phải chuẩn bị báo cáo và đề cương để trình bày tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai.
- Sau ngày 28 tháng Ba (10 tháng Tư)* Lê-nin viết "Dự thảo nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về việc đình bản tạp chí "Người cộng sản"" do có những sự bất đồng

- Tháng Ba.* ý kiến giữa các uỷ viên ban biên tập về vấn đề quyền dân tộc tự quyết.
- Tháng Ba - tháng Sáu.* Lê-nin báo tin cho G. Pi-a-ta-cốp, E. Bô-sơ, N. Bu-kha-rin biết là Người không thể cộng tác với họ trong tạp chí "Người cộng sản", vì họ đi chệch khỏi lập trường của đảng.
- Trước ngày 5 (18) tháng Tư.* Trong các bức thư gửi những người bôn-sê-vích ở ngoài nước, Lê-nin vạch trần những quan điểm chống đảng của nhóm Bu-kha-rin-Pi-a-ta-cốp về vấn đề dân tộc và hành động có tính chất âm mưu của họ trong thái độ đối với trung ương đảng. Trong những thư gửi cho Di-nô-vi-ép, Lê-nin phê phán những sự dao động của ông ta trong thái độ đối với nhóm Bu-kha-rin - Pi-a-ta-cốp.
- 5 (18) tháng Tư.* Lê-nin viết thư cho G. E. Di-nô-vi-ép nói về sự cần thiết phải tiến hành một loạt cuộc họp của cánh tả ngay trước Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai.
- Lê-nin trình bày báo cáo "Về những nhiệm vụ trước mắt của Đảng dân chủ - xã hội ở Nga" tại cuộc họp chung giữa chi bộ bôn-sê-vích ở Xuy-rích với những người dân chủ - xã hội - quốc tế chủ nghĩa Ba-lan và Lát-vi-a.
- Lê-nin viết đơn gửi Sở cảnh sát Xuy-rích yêu cầu cấp cho Người giấy phép cư trú tại thành phố vì lý do phải đọc sách ở các thư viện Xuy-rích.
- Lê-nin dùng mọi cách để trước ngày Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai khai mạc, in cho được bản luận cương "Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết" thành nhiều bản hơn nữa để phát cho những người tham dự hội nghị.
- Sau ngày 5 (18) tháng Tư.* Trong thư gửi cho G. L. Ско-лốp-xki, Lê-nin yêu cầu gửi về chỗ Ph. Plát-ten ở Xuy-rích 30 bản tạp chí "Vorbote", số 1.

*Khoảng từ 5 đến 11 (từ 18 đến 24) tháng Tư.*

Lê-nin giao nhiệm vụ cho G. E. Di-nô-vi-ép, đại diện của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Béc-nơ, tiến hành họp bàn với C. Ra-đếch và nói rõ lập trường của mình đối với Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai: "Sự việc diễn ra cũng giống như trước ngày Hội nghị Xim-méc-van họp; chúng ta có những "nghị quyết" riêng của mình, nhưng tuyệt nhiên không khước từ việc *lập khối cánh tả*".

*Khoảng từ 6 đến 24 tháng Tư (từ 19 tháng Tư đến 7 tháng Năm).*

Trong thư gửi A. M. Côn-lôn-tai, Lê-nin tỏ ý mong muốn là tại Hội nghị những người xã hội chủ nghĩa thuộc các nước trung lập mà C. Huy-xman ấn định họp vào ngày 26 tháng Sáu 1916, sẽ có những đại diện của những người quốc tế chủ nghĩa cánh tả tham gia.

*11 - 17 (24 - 30) tháng Tư.*

Lê-nin tham gia Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai họp ở Ki-en-tan; Người tiến hành một loạt cuộc họp của phái tả Xim-méc-van tổ chức và đoàn kết cánh tả của hội nghị.

Lê-nin tham gia tiểu ban soạn thảo nghị quyết về một trong những vấn đề quan trọng nhất của hội nghị - về thái độ đối với Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin trao đổi ý kiến với các đại biểu hội nghị - đại diện của những người xã hội chủ nghĩa các nước về tâm trạng của công nhân, về cuộc đấu tranh của công nhân chống chiến tranh.

Tại các phiên họp của hội nghị, Lê-nin viết thư trao đổi với I. Ph. Ác-măng, P. Bri-dông, Ê. Gra-be và những người khác.

Lê-nin trích ghi các dự thảo nghị quyết của R. Su-béc và S. Ne-nơ, những nghị quyết này đã được đưa ra trong tiểu ban về vấn

đề Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, vạch kế hoạch kết hợp và chỉnh lý lại những nghị quyết đó.

Lê-nin viết phác thảo bài phát biểu của mình tại hội nghị nhằm trả lời L.Mác-tốp và E. Mô-đi-li-a-ni, hai người này đã phát biểu trước Người.

Lê-nin ghi chép các bài phát biểu của những người dự hội nghị.

Lê-nin sửa chữa, đánh dấu và ghi nhận xét vào các bản dự thảo nghị quyết về vấn đề Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa và về cương lĩnh hoà bình, những văn kiện này đã được đưa ra hội nghị.

Lê-nin phát biểu tại hội nghị về vấn đề triệu tập cuộc họp Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa và về vấn đề thủ tục biểu quyết nghị quyết của tiểu ban về việc triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin ghi chép những kết quả bỏ phiếu nghị quyết về vấn đề triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa do phái tả Xim-méc-van đưa ra hội nghị thảo luận.

Lê-nin ghi những nhận xét vào dự thảo luận cương của Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai họp ở Ki-en-tan "Die Stellung des Proletariats zu den Friedensfrage, Vorschlag für Thesen" ("Thái độ của giai cấp vô sản đối với vấn đề hoà bình. Đề án luận cương").

Lê-nin viết bài bình luận "Chống chủ nghĩa hoà bình. Những lập luận chống lại khẩu hiệu một nền hoà bình dân chủ hay bền vững" nói về dự thảo nghị quyết "Thái độ của giai cấp vô sản đối với vấn đề hoà bình" đã được đưa ra hội nghị.

*Sớm nhất là ngày 17  
(30) tháng Tư.*

*Khoảng từ 17 (30)  
tháng Tư đến 20  
tháng Năm (2 tháng  
Sáu).*

*Khoảng từ 18 đến  
30 tháng Tư (từ 1  
đến 13 tháng Năm).*

*Tháng Tư - tháng Bảy.*

*Đầu tháng Năm.*

*2 (15) tháng Năm.*

*4 (17) tháng Năm.*

*Sau ngày 15 (28)  
tháng Năm.*

*19 hoặc 21 tháng  
Năm (1 hoặc 3  
tháng Sáu).*

*20 tháng Năm  
(2 tháng Sáu)*

Lê-nin viết dàn bài bản báo cáo về những kết quả của Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ hai họp trong những ngày 11 - 17 tháng Tư 1916 tại Ki-en-tan.

Lê-nin viết thư cho G. E. Di-nô-vi-ép nói về sự cần thiết phải chuẩn bị thư báo cáo về Hội nghị Ki-en-tan để gửi cho các tổ chức đảng ở Nga và các chi bộ Bôn-sê-vích ở ngoài nước.

Trong thư gửi A. G. Sli-áp-ni-cốp, Lê-nin nhận xét là tại Hội nghị Ki-en-tan "người ta đã thông qua bản tuyên ngôn - một bước tiến... lần này phải tả đã mạnh hơn".

Lê-nin ghi tóm tắt "Luận cương về chủ nghĩa đế quốc và sự áp bức dân tộc của "Báo công nhân".

Lê-nin cắt đứt hẳn với ban biên tập tạp chí "Người cộng sản".

Lê-nin đọc bản báo cáo về Hội nghị Ki-en-tan tại cuộc họp của chi bộ Bôn-sê-vích ở Xuy-rích.

Trong thư gửi V. A. Các-pin-xki, Lê-nin cho biết là Người dự định đến Giơ-ne-vơ và Lô-da-nơ để thuyết trình về đề tài "Hai trào lưu trong phong trào công nhân quốc tế".

Lê-nin viết thư cho A. M Côn-lôn-tai nói về vấn đề cuộc Hội nghị những người xã hội chủ nghĩa thuộc các nước trung lập định họp vào ngày 26 tháng Sáu 1916.

Lê-nin thuyết trình ở Lô-da-nơ về đề tài "Hai trào lưu trong phong trào công nhân quốc tế".

Lê-nin đọc báo cáo về Hội nghị Ki-en-tan tại cuộc họp của chi bộ Bôn-sê-vích ở Giơ-ne-vơ.

26 tháng Năm  
(8 tháng Sáu).

Lê-nin thuyết trình ở Giơ-ne-vơ về đề tài "Hai trào lưu trong phong trào công nhân quốc tế".

Lê-nin báo cho M. N. Pô-crốp-xki biết là do tính chất phức tạp của tài liệu và do bị ốm nên Người không thể viết cuốn sách "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" xong đúng kỳ hạn đã định và hy vọng rằng ban biên tập của Nhà xuất bản "Cánh buồm" sẽ gia hạn thêm cho Người một thời gian ngắn.

31 tháng Năm  
(13 tháng Sáu).

Bài của Lê-nin "Bàn về chủ nghĩa sô-vanh Đức và chủ nghĩa sô-vanh không phải Đức" được đăng trên tạp chí "Vấn đề bảo hiểm xã hội", số 5 (54).

Sau ngày 17 (30)  
tháng Sáu.

Lê-nin viết bình luận về phái đối lập cánh tả trong các đảng dân chủ - xã hội.

19 tháng Sáu  
(2 tháng Bảy).

Lê-nin viết xong cuốn sách "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" và gửi bản thảo đến Nhà xuất bản "Cánh buồm".

Lê-nin trình bày bản báo cáo về chủ nghĩa đế quốc tại một tổ tự học của công nhân ở Xuy-rích.

## MỤC LỤC

|                                                                                                         |          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| Lời Nhà xuất bản                                                                                        |          |
| Lời tựa.....                                                                                            | VII      |
| 1915                                                                                                    |          |
| * LỜI KÊU GỌI NHÂN CUỘC CHIẾN TRANH.....                                                                | 1 - 4    |
| TIẾNG NÓI CHÂN THẬT CỦA MỘT NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA PHÁP.....                                            | 5 - 15   |
| CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở Ý ( <i>Bình luận ngắn</i> ).....                                | 16 - 28. |
| CẢM ƠN VỀ SỰ THẮNG THẦN.....                                                                            | 29 - 30  |
| THẤT BẠI CỦA NƯỚC NGA VÀ CUỘC KHỦNG HOẢNG CÁCH MẠNG.....                                                | 31 - 37  |
| GỬI ỦY BAN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ (I. S. K.).....                                                     | 38 - 45  |
| BƯỚC ĐẦU.....                                                                                           | 46 - 54  |
| NHỮNG NGƯỜI MÁC-XÍT CÁCH MẠNG TẠI HỘI NGHỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ HỌP NGÀY 5 - 8 THÁNG CHÍN 1915..... | 55 - 60  |
| VÀI LUẬN CƯƠNG. <i>Của ban biên tập</i> .....                                                           | 61 - 65  |
| NHỮNG NGƯỜI QUỐC TẾ CHỦ NGHĨA CHÍNH CỐNG: CAU-XKY, ÁC-XEN-RỐT, MÁC-TỐP.....                             | 66 - 74  |

\* Dấu hoa thị chỉ những đầu đề do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô đặt ra...

|                                                                                                                                                                 |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| GIẢI CẤP VÔ SẢN CÁCH MẠNG VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT.....                                                                                                        | 77 - 87   |
| GỬI ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ "LIÊN MINH TUYẾN TRUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA" .....                                                                                             | 88 - 95   |
| VỀ HAI ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG.....                                                                                                                                 | 96 - 103  |
| ĐẾN TỐT ĐIỂM.....                                                                                                                                               | 104 - 106 |
| CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - SỎ-VANH CHE ĐẬY BẰNG NHỮNG CÂU QUỐC TẾ CHỦ NGHĨA.....                                                                                       | 107 - 118 |
| * LỜI TỰA VIẾT CHO CUỐN SÁCH CỦA N. BU-KHA-RIN "NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC".....                                                                 | 119 - 126 |
| CHỦ NGHĨA CƠ HỘI VÀ SỰ PHÁ SẢN CỦA QUỐC TẾ II .....                                                                                                             | 127 - 148 |
| CHỦ NGHĨA CƠ HỘI VÀ SỰ PHÁ SẢN CỦA QUỐC TẾ II.....                                                                                                              | 149 - 166 |
| I.....                                                                                                                                                          | 149       |
| II .....                                                                                                                                                        | 154       |
| III .....                                                                                                                                                       | 157       |
| NHỮNG TÀI LIỆU MỚI VỀ NHỮNG QUY LUẬT PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRONG NÔNG NGHIỆP. <i>Tập I. Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp ở Hợp chúng quốc Mỹ</i> ..... | 167 - 290 |
| I. Đặc điểm chung của ba miền chủ yếu. Miền Tây đang được khẩn thực và những hôm-xtét.....                                                                      | 174       |
| 2. Miền Bắc công nghiệp.....                                                                                                                                    | 179       |
| 3. Miền Nam trước kia là của chủ nô.....                                                                                                                        | 181       |
| 4. Quy mô trung bình của các ấp trại. Sự "tan rã của chủ nghĩa tư bản" ở miền Nam.....                                                                          | 185       |
| 5. Tính chất tư bản chủ nghĩa của nông nghiệp.....                                                                                                              | 192       |

|                                                                                                                              |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 6. Những khu có nền nông nghiệp thâm canh nhất                                                                               | 199 |
| 7. Máy móc và lao động làm thuê trong nông nghiệp                                                                            | 208 |
| 8. Những trang trại lớn loại trừ những trang trại nhỏ. Số lượng ruộng đất trồng trọt.....                                    | 215 |
| 9. Tiếp theo. Tài liệu về giá trị các ấp trại.....                                                                           | 224 |
| 10. Những thiếu sót của những phương pháp thường dùng để nghiên cứu kinh tế. Mắc nói về những đặc trưng của nông nghiệp..... | 229 |
| 11. Một sự so sánh chính xác hơn giữa những ấp trại nhỏ với những ấp trại lớn.....                                           | 239 |
| 12. Các loại doanh nghiệp trong nông nghiệp.....                                                                             | 249 |
| 13. Người ta đã hạ thấp đi như thế nào hiện tượng nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ trong nông nghiệp .....         | 257 |
| 14. Sự tước đoạt những người tiểu nông.....                                                                                  | 266 |
| 15. Tình hình so sánh giữa sự phát triển của công nghiệp và sự phát triển của nông nghiệp.....                               | 277 |
| 16. Tổng kết và kết luận.....                                                                                                | 287 |

## 1916

|                                                                                       |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| *DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC TRIỆU TẬP HỘI NGHỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LẦN THỨ HAI .....     | 291 - 292 |
| GỬI HỘI NGHỊ NGÀY 24 THÁNG TƯ 1916. <i>Đề án của đoàn đại biểu</i> .....              | 293 - 294 |
| DIỄN VĂN ĐỌC TẠI CUỘC MÍT-TINH QUỐC TẾ Ở BÉC-NƠ NGÀY 8 THÁNG HAI 1916.....            | 295 - 299 |
| VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA PHÁI ĐỐI LẬP Ở PHÁP ( <i>Thư gửi đồng chí Xa-pha-rốp</i> )..... | 300 - 305 |
| BAN TỔ CHỨC VÀ ĐẢNG ĐOÀN TSO-KHÊ-ÍT-ĐÊ CÓ ĐƯỜNG LỐI CỦA MÌNH KHÔNG?.....              | 306 - 314 |
| KHẨU HIỆU NGÀY NAY Ở NGA: HOÀ BÌNH KHÔNG CÓ THÓN TÍNH VÀ NỀN ĐỘC LẬP CỦA BA-LAN.....  | 315 - 319 |

|                                                                                                                                |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| VIN-HEM CÔN-BƠ VÀ GIÊ-OỐC-GI PLÊ-KHA-NỐP.....                                                                                  | 320 - 322 |
| CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT ( <i>Đề cương</i> ).....                                                  | 323 342   |
| 1. Chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xã hội và việc giải phóng các dân tộc bị áp bức.....                                           | 323       |
| 2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và cuộc đấu tranh vì dân chủ.....                                                                | 324       |
| 3. Ý nghĩa của quyền tự quyết và quan hệ của nó với chế độ liên bang.....                                                      | 327       |
| 4. Giai cấp vô sản cách mạng phải đặt vấn đề quyền dân tộc tự quyết như thế nào.....                                           | 328       |
| 5. Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Pru-đông trong vấn đề dân tộc.....                                                               | 331       |
| 6. Thái độ của ba loại nước đối với quyền dân tộc tự quyết.....                                                                | 333       |
| 7. Chủ nghĩa xã hội - sô-vanh và quyền dân tộc tự quyết.....                                                                   | 335       |
| 8. Nhiệm vụ cụ thể của giai cấp vô sản trong tương lai gần nhất.....                                                           | 337       |
| 9. Thái độ của Đảng dân chủ - xã hội Nga và Ba-lan và của Quốc tế II đối với quyền tự quyết.....                               | 338       |
| VỀ "CƯƠNG LĨNH HOÀ BÌNH".....                                                                                                  | 343 - 352 |
| THƯ CỦA BAN CHẤP HÀNH CÁC TỔ CHỨC Ở NƯỚC NGOÀI GỬI CÁC CHI BỘ ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA.....                         | 353 - 358 |
| *DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA VỀ VIỆC ĐÌNH BẢN TẠP CHÍ "NGƯỜI CỘNG SẢN" | 359 - 361 |
| ĐỀ ÁN CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA TẠI HỘI NGHỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LẦN THỨ HAI.....          | 362 - 376 |
| PHÂN LIỆT HAY THỐI NÁT?.....                                                                                                   | 377 - 378 |

|                                                                                                |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| BÀN VỀ CHỦ NGHĨA SÔ-VANH ĐỨC VÀ CHỦ NGHĨA SÔ-VANH KHÔNG PHẢI ĐỨC .....                         | 379 - 382 |
| CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC, GIAI ĐOẠN TỐT CÙNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ( <i>Khái luận phổ thông</i> )..... | 383 - 541 |
| Lời tựa.....                                                                                   | 385       |
| Lời tựa viết cho các bản tiếng Pháp và tiếng Đức.....                                          | 387       |
| I .....                                                                                        | 387       |
| II .....                                                                                       | 388       |
| III .....                                                                                      | 390       |
| IV.....                                                                                        | 391       |
| V.....                                                                                         | 392       |
| I. Sự tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền                                              | 396       |
| II. Các ngân hàng và vai trò mới của chúng.....                                                | 415       |
| III. Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính.....                                             | 437       |
| IV. Xuất khẩu tư bản.....                                                                      | 455       |
| V. Việc phân chia thế giới giữa các liên minh của bọn tư bản .....                             | 462       |
| VI. Việc phân chia thế giới giữa các đại cường quốc                                            | 473       |
| VII. Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn đặc biệt của chủ nghĩa tư bản .....                          | 488       |
| VIII. Tính ăn bám và sự thối nát của chủ nghĩa tư bản .....                                    | 502       |
| IX. Phê phán chủ nghĩa đế quốc.....                                                            | 515       |
| X. Vị trí của chủ nghĩa đế quốc.....                                                           | 533       |

## CÁC TÀI LIỆU CHUẨN BỊ

|                                                                           |           |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| * ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI CÁNH TẢ..... | 545 - 546 |
| * DÀN BÀI NÓI TẠI HỘI NGHỊ XIM-MÉC-VAN.....                               | 547 - 548 |
| * NHỮNG ĐIỂM BỔ SUNG VÀO BẢN TUYÊN BỐ CỦA PHÁI TẢ XIM-MÉC-VAN.....        | 549       |



|                                                                                                                                                                          |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| * NHỮNG TÀI LIỆU ĐỂ VIẾT BÀI THUYẾT TRÌNH "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT".....                                                                             | 550 - 562 |
| * 1. TRÍCH CUỐN "HOFKALENDER".....                                                                                                                                       | 550       |
| * 2. PHÁC THẢO VẤN TẮT.....                                                                                                                                              | 552       |
| * 3. NHỮNG LUẬN ĐIỂM.....                                                                                                                                                | 555       |
| 4. CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT ( <i>Ghi vấn tắt</i> ).....                                                                                               | 557       |
| Mở đầu.....                                                                                                                                                              | 557       |
| I. Quan điểm kinh tế.....                                                                                                                                                | 557       |
| II. Quan điểm lịch sử.....                                                                                                                                               | 558       |
| III. Quan điểm chính trị.....                                                                                                                                            | 558       |
| IV. Quan điểm về biên giới quốc gia.....                                                                                                                                 | 558       |
| V. Quan điểm về đấu tranh giai cấp có tính chất quốc tế của giai cấp vô sản.....                                                                                         | 559       |
| VI. "Khả năng thực hiện thực tế".....                                                                                                                                    | 559       |
| VII. Quan điểm về chiến tranh.....                                                                                                                                       | 560       |
| VIII. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội - sô-vanh.....                                                                                                               | 560       |
| IX. So sánh với sự ly hôn.....                                                                                                                                           | 560       |
| X. Trường hợp Vai-lơ.....                                                                                                                                                | 561       |
| XI. Thái độ của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa.....                                                                                                                     | 561       |
| XII. Kinh nghiệm của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.....                                                                                                            | 561       |
| XIII. Tám gương của Mác và Ăng-ghen.....                                                                                                                                 | 561       |
| XIV. "Công thức" của "phái tả Xim-méc-van".....                                                                                                                          | 562       |
| ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI ĐỨC VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT.....                                                                                                                 | 563       |
| * NHỮNG ĐIỂM SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG VÀO LỜI KÊU GỌI "GỬI TẤT CẢ CÁC ĐẢNG VÀ CÁC NHÓM ĐỒNG TÌNH", ĐÃ ĐƯỢC HỘI NGHỊ CỦA ỦY BAN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ MỞ RỘNG THÔNG QUA..... | 564 - 565 |
| * DÀN BÀI BÀI THUYẾT TRÌNH "HAI QUỐC TẾ".....                                                                                                                            | 566 - 576 |

|                                                                                                                                                |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| * NHẬN XÉT VỀ ĐỀ CƯƠNG "CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT".....                                                             | 577       |
| * BẢN TRÌNH BÀY ĐẦU TIÊN ĐỀ ÁN CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA TẠI HỘI NGHỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LẦN THỨ HAI..... | 578 - 593 |
| —————                                                                                                                                          |           |
| Danh mục các tác phẩm của V. I. Lê-nin cho đến nay chưa tìm thấy ( <i>Tháng Tám 1915 - tháng Sáu 1916</i> ).....                               | 597 - 600 |
| Danh mục các xuất bản phẩm và các văn kiện mà V. I. Lê-nin đã tham gia hiệu đính.....                                                          | 601 - 604 |
| Chú thích.....                                                                                                                                 | 605 - 678 |
| Bản chỉ dẫn các sách báo và tài liệu gốc mà V. I. Lê-nin đã trích dẫn và nói đến.....                                                          | 679 - 713 |
| Bản chỉ dẫn tên người.....                                                                                                                     | 714 - 771 |
| Thân thế và sự nghiệp của V. I. Lê-nin.....                                                                                                    | 772 - 798 |

## PHỤ BẢN

|                                                                                                                                                                                                        |     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin "Giai cấp vô sản cách mạng và quyền dân tộc tự quyết". - 1915                                                                                                      | 75  |
| Trang đầu bức thư của V. I. Lê-nin "Gửi đồng chí bí thư "Liên minh tuyên truyền xã hội chủ nghĩa". - Tháng Mười một 1915.....                                                                          | 89  |
| Bìa ngoài cuốn sách của V. I. Lê-nin "Những tài liệu mới về những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tập I. Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp ở Hợp chúng quốc Mỹ". - 1917..... | 169 |

|                                                                                                                                                                             |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin "Đề án của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa lần thứ hai" – Tháng Ba 1916..... | 363       |
| Bìa ngoài cuốn sách của V. I. Lê-nin "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản". – 1917.....                                                              | 384 - 385 |
| Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản". – 1916.....                                                               | 394 - 395 |

Chịu trách nhiệm xuất bản  
TRỊNH THỨC HUỶNH  
Chịu trách nhiệm nội dung  
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: TS. TRỊNH ĐÌNH BẢY  
BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO  
Biên tập kỹ, mỹ thuật: ĐƯỜNG HỒNG MAI  
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG  
Chế bản vi tính: PHẠM PHƯƠNG NHUNG  
Sửa bản in: BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO  
Đọc sách mẫu: BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO

---

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty In và Văn hoá phẩm.  
Giấy phép xuất bản số: 10-429/CXB-QLXB, cấp ngày 30-3-2005.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9-2005.